Hình minh họa	Tìm kiếm theo hình minh họa	
Sử dụng xe an toàn	Hãy đọc hết các thông tin này (Chuyên mục chính: Ghế cho trẻ em, Hệ thống chống trộm)	1
Thông tin về trạng thái xe và các đèn chỉ báo	Đọc thông tin liên quan đến lái xe (Chuyên mục chính: Đồng hồ, màn hình đa thông tin)	2
Trước khi lái xe	Mở và đóng các cửa và cửa sổ, điều chỉnh trước khi lái xe (Chuyên mục chính: Chìa khóa, cửa, ghế, cửa sổ điện)	3
Lái xe	Hướng dẫn lái xe và những lời khuyên hữu ích khi lái xe (Chuyên mục chính: Khởi động động cơ, nạp nhiên liệu)	4
Trang bị nội thất	Sử dụng các trang bị nội thất (Chuyên mục chính: Điều hòa không khí, các ngăn đựng đồ)	5
Bảo dưỡng và chăm sóc xe	Quy trình chăm sóc và bảo dưỡng xe (Chuyên mục chính: Các chi tiết nội và ngoại thất, các đèn	6
Khi phát sinh sự cố	Phải làm gì trong trường hợp khẩn cấp hoặc xe có sự cố (Chuyên mục chính: Ắc quy hết điện, Lốp bị xịt hơi)	7
Thông số kỹ thuật	Thông số kỹ thuật, tính năng tùy chọn cá nhân (Chuyên mục chính: Nhiên liệu, dầu, áp suất lốp)	8
Mục lục	Tìm kiếm theo triệu chứng hư hỏng	
	Tìm kiếm theo thứ tự bảng chữ cái	

Thông tin dành cho người đọc.....6
Đọc cuốn Hướng dẫn sử dụng này 14
Cách tìm kiếm 15
Hình minh họa 16

1 Sử dụng xe an toàn

1-1. Để lái xe an toàn
Trước khi lái xe.....28
Để lái xe an toàn.....29
Đai an toàn.....31
Túi khí 36
Các lưu ý với khí xả.....43

1-2. An toàn cho trẻ em
Hệ thống bật-tắt túi khí bằng tay 44
Lái xe khi có trẻ em ở trên xe 45
Hệ thống ghế cho trẻ em....46

1-3. Hỗ trợ khẩn cấp
eCall.....69
Dịch vụ kết nối của Toyota .72
Cuộc gọi khẩn cấp.....75

1-4. Hệ thống chống trộm
Hệ thống mã hoá khóa động cơ 78
Hệ thống khóa kép.....79
Hệ thống báo động 80

2 Thông tin về trạng thái xe và các đèn chỉ báo

2-1. Đồng hồ táp lô
Đèn cảnh báo và đèn chỉ báo 86
Đồng hồ báo và đồng hồ đo (không có màn hình đa thông tin).....94
Các đồng hồ báo và đồng hồ đo (với màn hình đa thông tin 7 inch).....97
Đồng hồ báo và đồng hồ đo (với màn hình thông tin đa dạng 12.3-inch).....101
Màn hình đa thông tin (màn hình 7-inch).....106
Màn hình đa thông tin (màn hình 12.3-inch).....116
Thông tin tiêu hao nhiên liệu 127

3 Trước khi lái xe

3-1. Thông tin về chìa khóa
Chìa khóa 130

3-2. Mở, đóng và khóa cửa xe
Cửa bên.....136
Các cửa trượt (chỉ với xe có cabin thông minh).....143
Cửa sau thùng xe 143
Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh.....146

3-3. Điều chỉnh ghế
Ghế trước.....151
Ghế sau.....153
Tựa đầu 155

3-4. Điều chỉnh vô lăng và gương
Vô lăng 158
Gương chiếu hậu bên trong xe 159
Gương chiếu hậu bên ngoài xe.....160

3-5. Mở và đóng các cửa sổ

Cửa sổ điện.....162

Cửa kính tai xe sau (chỉ với xe có cabin thông minh).....165

Kính cửa hậu (kiểu trượt) ..166

3-6. Cài đặt ưa thích

Cài đặt của tôi.....167

4 Lái xe

4-1. Trước khi lái xe

Lái xe 173

Hành lý và hàng hóa.....182

Kéo rơ moóc (xe không có móc kéo).....183

4-2. Hướng dẫn lái xe

Công tắc động cơ (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh).....184

Công tắc động cơ (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) 186

Hộp số tự động 191

Hộp số thường 194

Công tắc xi nhan.....198

Phanh đỗ (loại cần).....199

Phanh đỗ (loại công tắc)...200

Chức năng giữ phanh.....204

4-3. Sử dụng đèn và cần gạt nước

Công tắc đèn pha.....207

AHB (Chiếu xa tự động) 210

Công tắc đèn sương mù....213

Cần gạt nước và phun nước rửa kính chắn gió 215

4-4. Nạp nhiên liệu

Mở nắp bình nhiên liệu.....217

4-5. Sử dụng các hệ thống hỗ trợ lái xe

Hệ thống cảm nhận an toàn Toyota.....220

PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm).....227

LTA (Hỗ trợ bám làn đường) 236

LDA (Hệ thống cảnh báo lệch làn).....241

RSA (Hỗ trợ nhận diện biển báo) 246

Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa 248

Điều khiển chạy tự động (xe có hệ thống cảm nhận an toàn Toyota).....259

Điều khiển chạy tự động (xe không có hệ thống cảm nhận an toàn Toyota).....263

Hệ thống Dừng và Khởi động 267

Hệ thống BSM (Theo dõi điểm mù) 274

Hỗ trợ xuống xe an toàn...279

Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota 283

Chức năng cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau (RCTA) 290

Hệ thống RCD (Phát hiện bằng camera phía sau) 295

PKSB (Phanh hỗ trợ đỗ xe) 299

Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (vật thể cố định ở phía trước và phía sau của xe)..... 303
Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (xe đang di chuyển ở phía sau xe bạn) 306
Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (người đi bộ ở phía sau xe bạn)..... 307
Theo dõi đa địa hình..... 309
Công tắc chọn chế độ lái xe 374
Hệ thống bốn bánh chủ động 377
Hệ thống khóa vi sai sau... 385
Hệ thống chọn chế độ đa địa hình 387
Hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc 390
AUTO LSD 392
Hệ thống DPF (Hệ thống lọc bụi khí xả diesel) 394
Các hệ thống hỗ trợ lái xe 398

4-6. Lời khuyên khi lái xe

Lời khuyên khi lái xe trong mùa đông..... 405
Lời khuyên khi lái xe ở chế độ Eco..... 408

5 Trang bị nội thất

5-1. Sử dụng hệ thống điều hòa không khí và bộ sấy

Hệ thống điều hoà không khí thường 412
Hệ thống điều hòa không khí tự động..... 417
Bộ sưởi vô lăng/bộ sưởi ghế/bộ thông gió cho ghế 425

5-2. Sử dụng các đèn chiếu sáng bên trong xe

Danh sách các đèn trong xe 427

5-3. Sử dụng các ngăn đựng đồ

Danh sách các ngăn đựng đồ 429
Tính năng khoang để hành lý 436

5-4. Sử dụng các trang bị nội thất khác

Các trang bị nội thất khác. 437

6 Bảo dưỡng và chăm sóc xe

6-1. Bảo dưỡng và chăm sóc xe

Vệ sinh và bảo vệ bên ngoài xe..... 454
Vệ sinh và bảo vệ bên trong xe..... 457

6-2. Bảo dưỡng

Các yêu cầu bảo dưỡng ... 460
Lịch bảo dưỡng..... 462

6-3. Tự bảo dưỡng

Các lưu ý khi tự bảo dưỡng 471
Nắp capô..... 473
Khoang động cơ 475
Lốp xe..... 496
Áp suất lốp 508
Vành xe 509
Bộ lọc điều hòa 511

Pin điều khiển từ xa/chìa khóa điện tử 513
Kiểm tra và thay cầu chì ...515
Bóng đèn.....518

7 Khi phát sinh sự cố

7-1. Những thông tin thiết yếu

Đèn nháy khẩn cấp.....526
Nếu phải dừng xe trong trường hợp khẩn cấp 526
Nếu xe bị ngập nước hoặc nước trên đường đang dâng lên.....528

7-2. Các bước xử lý khi gặp trường hợp khẩn cấp

Nếu xe cần được kéo.....529
Nếu có điều gì đó bất thường 533
Hệ thống cắt bơm nhiên liệu (chỉ động cơ xăng) 534
Nếu đèn cảnh báo sáng hoặc chuông báo kêu 535
Nếu một thông điệp cảnh báo được hiển thị 550
Nếu xe bị xịt lốp 557
Nếu động cơ không khởi động được.....568
Nếu bạn đánh mất chìa khóa 570
Nếu chìa khóa điện tử không hoạt động chính xác (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh).....570
Nếu ắc quy bị hết điện.....573
Nếu xe quá nhiệt.....579
Nếu xe bị hết nhiên liệu và động cơ ngừng hoạt động (chỉ với động cơ diesel)... 582
Nếu xe bị sa lầy..... 583

8 Thông số kỹ thuật

8-1. Thông số kỹ thuật

Dữ liệu bảo dưỡng (mức nhiên liệu, mức dầu…)..... 586
Thông tin về nhiên liệu..... 607

8-2. Tùy chọn

Tính năng tùy chọn cá nhân 609

8-3. Khởi tạo

Các hạng mục cần khởi tạo 624

Mục lục

Phải làm gì nếu… (Cách xử lý) 626
Bảng danh mục theo thứ tự bảng chữ cái 629

Thông tin dành cho người đọc

⚠ CẢNH BÁO

n **Những chú ý chung khi lái xe**

Lái xe trong tình trạng không tỉnh táo: Không bao giờ lái xe trong tình trạng thiếu tỉnh táo do ảnh hưởng của rượu hoặc thuốc ngủ, do khi đó khả năng điều khiển xe của bạn sẽ bị suy giảm. Rượu và một số loại thuốc ngủ sẽ làm giảm khả năng phán đoán và giảm tốc độ phản xạ của bạn, có thể gây ra tai nạn dẫn tới tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

Lái xe một cách thận trọng: Luôn lái xe thật cẩn thận. Hãy luôn cảnh giác với những sai sót mà các lái xe khác hoặc người đi bộ có thể gây ra và hãy luôn sẵn sàng để phòng tránh các tai nạn có thể xảy ra.

Sự sao nhãng trong khi đang lái xe: Hãy luôn luôn tập trung tối đa vào việc lái xe. Bất kỳ việc gì có thể làm cho người lái bị sao nhãng như điều chỉnh các thiết bị, nói chuyện điện thoại hoặc đọc tin nhắn đều có thể dẫn tới tai nạn gây ra chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong cho bản thân bạn, hành khách trên xe hoặc những người khác.

n **Lưu ý chung liên quan đến an toàn cho trẻ em**

Không để trẻ ở trong xe mà không có người trông coi, và không cho trẻ cầm hoặc nghịch chìa khóa xe.

Trẻ nhỏ có thể sẽ khởi động xe hoặc chuyển cần số về vị trí trung gian. Đồng thời trẻ cũng có thể sẽ bị chấn thương nếu trẻ nghịch các cửa sổ hoặc những thiết bị khác trên xe. Ngoài ra, nhiệt độ trong xe có thể lên rất cao hoặc xuống cực lạnh và trẻ sẽ gặp nguy hiểm.

Sách Hướng dẫn sử dụng

Xin hãy lưu ý rằng cuốn sách Hướng Dẫn Sử Dụng này được viết cho tất cả các kiểu xe và giải thích tất cả các thiết bị, bao gồm cả những thiết bị lắp đặt theo yêu cầu. Chính vì vậy, bạn có thể nhận thấy một vài giải thích cho các thiết bị không được lắp trên xe của bạn.

Ngoài ra, đối với những xe được lắp đặt và được sửa đổi, những thông tin kỹ thuật có thể thay đổi do xe được lắp đặt và được sửa đổi không được được trình bày trong Hướng dẫn sử dụng này.

Tất cả những thông số kỹ thuật được cung cấp trong cuốn hướng dẫn sử dụng này là mới nhất tại thời điểm ấn hành. Tuy nhiên, do chính sách cải tiến sản phẩm liên tục của Toyota, chúng tôi giữ quyền thay đổi vào bất cứ lúc nào mà không cần thông báo trước.

Tùy thuộc vào thông số kỹ thuật, hình minh họa chỉ dùng để giải thích và có thể sẽ không giống với xe của bạn.

Phụ kiện, phụ tùng và sự sửa đổi trên xe Toyota của bạn

Hiện nay có rất nhiều phụ kiện và phụ tùng không chính hiệu dùng cho các loại xe Toyota đang được bán trên thị trường. Việc sử dụng các phụ kiện và phụ tùng thay thế không phải là sản phẩm chính hiệu Toyota có thể

gây ảnh hưởng xấu đến an toàn của xe, ngay cả khi các phụ tùng này đã được các cơ quan có thẩm quyền phê chuẩn. Vì vậy, Toyota không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào và không bảo đảm cho các trang bị phụ, phụ tùng không phải là sản phẩm chính hiệu của Toyota, cũng như không nhận thay thế hoặc lắp đặt các phụ tùng này.

Không nên sửa đổi xe bằng những sản phẩm không chính hiệu của Toyota. Việc sửa đổi bằng các sản phẩm đó có thể gây ảnh hưởng xấu đến tính năng, độ an toàn, độ bền của xe và thậm chí có thể vi phạm các quy định của nhà nước. Thêm vào đó, những hư hỏng hay trục trặc trong quá trình hoạt động của xe do việc sửa đổi này gây ra có thể không nằm trong phạm vi bảo hành của công ty Toyota.

Ngoài ra, việc sửa đổi như vậy sẽ ảnh hưởng đến các thiết bị an toàn tiên tiến như hệ thống cảm nhận an toàn Toyota và có nguy cơ những thiết bị này sẽ hoạt động không chính xác hoặc không hoạt động.

Rủi ro tấn công mạng

Việc lắp thêm các thiết bị điện tử và rađiô làm tăng rủi ro tấn công mạng qua các chi tiết được lắp đặt, điều này có thể dẫn đến bị tai nạn bất ngờ và rò rỉ thông tin cá nhân. Toyota sẽ không có bất kỳ đảm bảo nào cho các vấn đề gây ra do việc lắp các sản phẩm không chính hiệu của Toyota.

Lắp đặt hệ thống truyền phát tín hiệu RF

Nếu lắp đặt hệ thống truyền phát tín hiệu RF trên xe, nó có thể ảnh hưởng tới các hệ thống điện tử như:

- Hệ thống phun nhiên liệu đa điểm/hệ thống phun nhiên liệu đa điểm tuần tự
- Hệ thống cảm nhận an toàn Toyota
- Hệ thống điều khiển chạy tự động
- Hệ thống chống bó cứng phanh
- Hệ thống túi khí
- Hệ thống căng đai khẩn cấp

Hãy liên hệ với đại lý Toyota để biết các lưu ý hoặc các chỉ dẫn đặc biệt liên quan tới việc lắp đặt hệ thống truyền phát tín hiệu RF.

Hãy hỏi đại lý Toyota để biết thêm chi tiết về tần số phát sóng, công suất phát sóng, vị trí của ăng ten và các thông tin khác liên quan tới hệ thống truyền phát tín hiệu RF.

Ghi dữ liệu xe (xe không có hệ thống cảm nhận an toàn Toyota)

Xe được trang bị một số máy vi tính để ghi lại những thông tin về hoạt động của xe như:

• Tốc độ động cơ /Tốc độ của

môtơ điện (tốc độ mô tơ kéo)
- Tình trạng ga
- Tình trạng phanh
- Tốc độ xe
- Trạng thái hoạt động của các hệ thống hỗ trợ lái xe
- Hình ảnh từ các camera

Xe được trang bị camera. Hãy liên hệ với đại lý Toyota để biết thêm thông tin về vị trí camera ghi.

Tùy thuộc vào kiểu xe, tùy chọn và thị trường và các trang bị trên xe mà dữ liệu được ghi lại sẽ khác nhau.

Những máy vi tính này không ghi những cuộc hội thoại hoặc âm thanh trong xe, và chỉ ghi những hình ảnh bên ngoài xe trong một số tình huống nhất định.

● Sử dụng dữ liệu

Toyota có thể sử dụng các dữ liệu được ghi trong bộ xử lý để phát hiện lỗi, tiến hành nghiên cứu và phát triển và nâng cao chất lượng.

Toyota sẽ không tiết lộ những dữ liệu được ghi với bên thứ ba ngoại trừ các trường hợp sau:

- Khi có sự đồng ý của chủ sở hữu xe hoặc người thuê xe nếu là xe thuê
- Khi có yêu cầu chính thức của công an, tòa án hay chính phủ
- Khi Toyota cần sử dụng các dữ liệu này trong trường hợp giải quyết kiện tụng
- Khi sử dụng cho các mục đích nghiên cứu với các dữ liệu không liên quan đến xe hoặc người sở hữu xe cụ thể

● Có thể xóa thông tin hình ảnh đã ghi tại đại lý Toyota.

Chức năng ghi hình ảnh có thể vô hiệu hóa được. Tuy nhiên, nếu chức năng bị vô hiệu hóa, dữ liệu được ghi khi hệ thống đang hoạt động sẽ không khả dụng.

Ghi dữ liệu xe (xe có hệ thống cảm nhận an toàn Toyota)

Xe được trang bị các máy vi tính để ghi lại một số dữ liệu nhất định liên quan đến các hoạt động và chức năng điều khiển xe.

n Các dữ liệu được các máy vi tính lưu lại

Một số dữ liệu nhất định, chẳng hạn như các dữ liệu sau, sẽ được ghi lại tùy thuộc vào thời điểm hoạt động và trạng thái của từng chức năng trên xe.

- Tốc độ động cơ /Tốc độ của môtơ điện (tốc độ mô tơ kéo)
- Tình trạng ga
- Tình trạng phanh
- Tốc độ xe
- Trạng thái hoạt động của các hệ thống hỗ trợ lái xe
- Hình ảnh từ camera
  Xe được trang bị camera. Hãy liên hệ với đại lý Toyota để biết thêm thông tin về vị trí camera ghi.

Tùy thuộc vào kiểu xe, tùy chọn và thị trường và các trang bị trên xe mà dữ liệu được ghi lại sẽ khác nhau.

Những máy vi tính này không ghi những cuộc hội thoại hoặc âm thanh trong xe, và chỉ ghi những hình ảnh bên ngoài xe trong một số tình huống nhất định.

n **Sử dụng dữ liệu**

Toyota có thể sử dụng các dữ liệu được ghi trong bộ xử lý để phát hiện lỗi, tiến hành nghiên cứu và phát triển và nâng cao chất lượng.

Toyota sẽ không tiết lộ những dữ liệu được ghi với bên thứ ba ngoại trừ các trường hợp sau:

- Khi có sự đồng ý của chủ sở hữu xe hoặc người thuê xe nếu là xe thuê
- Khi có yêu cầu chính thức của công an, tòa án hay chính phủ
- Khi Toyota cần sử dụng các dữ liệu này trong trường hợp giải quyết kiện tụng
- Khi sử dụng cho các mục đích nghiên cứu với các dữ liệu không liên quan đến xe hoặc người sở hữu xe cụ thể

Có thể xóa các thông tin hình ảnh được ghi lại bởi chiếc xe tại Đại lý Toyota của bạn.

Có thể tắt chức năng ghi hình của xe. Tuy nhiên, nếu chức năng này bị vô hiệu hóa, dữ liệu từ khi hệ thống hoạt động sẽ không khả dụng.

Nếu bạn muốn dừng quá trình thu thập dữ liệu của hệ thống an toàn Toyota bởi các máy chủ của Toyota cho mục đích nghiên cứu phát triển và phục vụ cho các dịch vụ cá nhân bạn, hãy liên hệ với Đại lý Toyota của bạn.

Sử dụng dữ liệu được thu thập qua Dịch vụ kết nối của Toyota (nếu có)

Nếu Toyota khu vực của bạn có Dịch vụ kết nối của Toyota và nếu bạn đã đăng ký cho những dịch vụ kết nối, hãy tham khảo “Hợp đồng sử dụng Dịch vụ kết nối của Toyota” để biết thông tin về dữ liệu được thu thập kết nối và sử dụng nó.

Để biết thêm thông tin, hãy truy cập trang web https://www.toyotabharat.com/toyota-i-connect/

Chức năng ghi dữ liệu sự kiện

Xe của bạn được trang bị chức năng ghi dữ liệu sự kiện (EDR). Nhiệm vụ chính của chức năng này là ghi lại các dữ liệu trong các trường hợp xe bị va chạm hoặc gần xảy ra va chạm nhất định, chẳng hạn như khi túi khí nổ hoặc xe va phải vật thể trên đường, những dữ liệu này sẽ giúp bạn xác định tình trạng hoạt động của các hệ thống trên xe. Chức năng ghi dữ liệu sự kiện được thiết kế để ghi các dữ liệu liên quan đến động lực học của xe và hệ thống an toàn trong một khoảng thời gian ngắn, tầm 30 giây trở lại. Tuy nhiên, tùy theo mức độ và kiểu va chạm mà dữ liệu có thể sẽ không được lưu lại.

EDR trên xe này được thiết kế để ghi những dữ liệu như:

- Các hệ thống trên xe đã hoạt động như thế nào;
- Mức độ đạp ga và/hoặc đạp phanh của người lái; và,
- Tốc độ của xe trong hành trình.

Những dữ liệu này sẽ giúp xác định được tình huống khi xảy ra va chạm và chấn thương dễ dàng hơn.

CHÚ Ý: Dữ liệu của chức năng này chỉ được ghi lại khi xe bị va chạm mạnh; trong điều kiện lái xe thông thường, các dữ liệu của chức năng

này và các dữ liệu cá nhân (như tên, giới tính, tuổi, vị trí va chạm) sẽ không được lưu lại. Tuy nhiên, với những người dùng khác như cơ quan điều tra, có thể kết hợp các dữ liệu EDR với các dữ liệu cá nhân thu thập được trong suốt quá trình điều tra tai nạn.

Để đọc các dữ liệu đã được ghi lại nhờ chức năng EDR, bạn cần phải sử dụng các thiết bị truy cập thông tin trên xe hoặc thiết bị đọc EDR. Ngoài nhà sản xuất, các đơn vị khác như cơ quan điều tra có thể đọc được các thông tin nếu họ có thể truy cập vào hệ thống thông tin trên xe hoặc chức năng EDR bằng các thiết bị đặc biệt.

- Về việc tiết lộ các dữ liệu EDR

Chúng tôi sẽ không tiết lộ những dữ liệu đã được ghi lại bởi EDR với bên thứ ba, ngoại trừ các trường hợp sau:

- Khi có sự đồng ý của chủ sở hữu xe (hoặc người thuê xe)
- Khi có yêu cầu chính thức của công an, tòa án hay chính phủ
- Khi Toyota cần sử dụng các dữ liệu này trong trường hợp giải quyết kiện tụng

Tuy nhiên, nếu cần thiết, chúng tôi có thể sẽ:

- Sử dụng các dữ liệu để nghiên cứu về tính năng an toàn của xe
- Tiết lộ các dữ liệu cho bên thứ ba để nhằm mục đích nghiên cứu mà không làm rò rỉ thông tin cụ thể về xe hoặc người sở hữu xe

Thải xe Toyota

Hệ thống túi khí và hệ thống căng đai khẩn cấp trên xe có chứa các hóa chất gây nổ. Nếu xe bị thải vẫn còn nguyên các túi khí và đai an toàn có bộ căng đai khẩn cấp thì có thể gây ra các sự cố như hỏa hoạn. Hãy yêu cầu một trạm dịch vụ có đủ năng lực hoặc đại lý Toyota tháo bỏ và tiêu hủy hệ thống túi khí và hệ thống đai an toàn có bộ căng đai khẩn cấp trước khi thải xe.

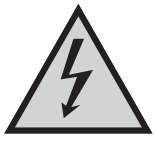
"Mã QR"

“QR Code” là nhãn hiệu đã được đăng ký của DENSO WAVE INCORPORATED ở Nhật bản và các quốc gia khác.

Các ký hiệu cảnh báo gắn vào các bộ phận điện áp cao

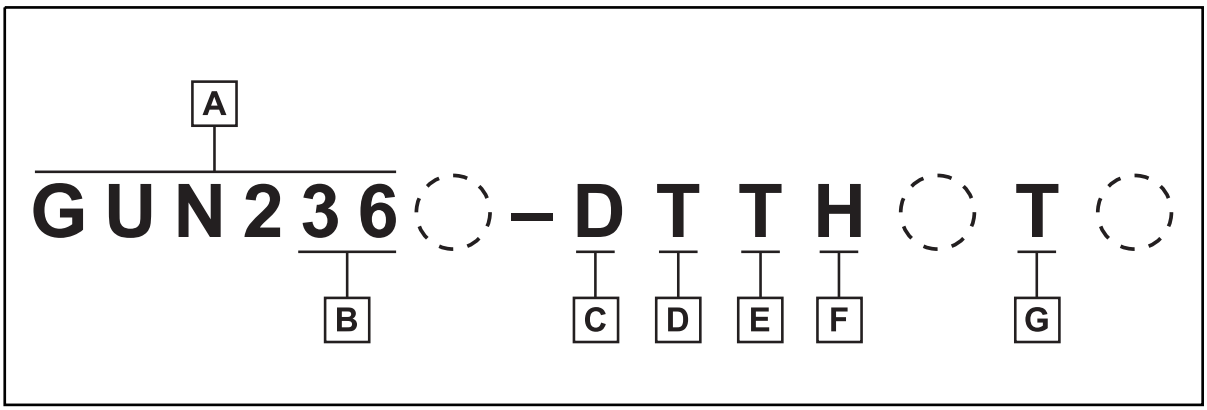
Các bộ phận cao áp, chẳng hạn như bộ điều khiển năng lượng, có thể có nhãn đính kèm chỉ ra yêu cầu cần cẩn thận.

Mỗi ký hiệu cảnh báo chỉ ra những điều sau:

Biểu tượng	Ý nghĩa
	Chỉ ra nguy hiểm
	Chỉ báo bộ phận cao áp
	Cho biết không được chạm vào
	Chỉ báo phần nhiệt độ cao

Kiểm tra kiểu xe

Hãy kiểm tra mã kiểu xe để biết kiểu xe của bạn.



A Mã cơ bản

GGN2*5: Xe được trang bị động cơ 1GR-FE

TGN2*6: Xe được trang bị động cơ 2TR-FE

GUN2*6: Xe được trang bị động cơ 1GD-FTV

B Hệ thống truyền độ, Chiều dài cơ sở

25,26: Xe 4WD, Chiều dài cơ sở dài

36: Pre Runner (Gầm cao), Chiều dài cơ sở dài

C Kiểu cabin

B: Cabin đơn

C: Cabin thông minh

D: Kiểu xe có cabin kép

D Nước sản xuất

B: Sản xuất tại Myanmar

C: Sản xuất tại Cambodia

J: Sản xuất tại Kenya

K: Sản xuất tại Ghana

N: Sản xuất tại Nam Phi

T: Sản xuất tại Thái Lan

X: Sản xuất tại Ấn Độ

E Kiểu hộp số

T: Hộp số tự động 6 cấp tốc độ

M: Hộp số thường 5 cấp tốc độ

F: Hộp số thường 6 cấp tốc độ

F Cấp độ

P: CAO CẤP

H: CAO

M: TRUNG BÌNH

L: THẤP

X: THẤP NHẤT

G Thị trường tiêu thụ

D: Xe cho thị trường Inđônêsia

J: Xe cho thị trường Kenya

K: Xe cho thị trường Ghana

M: Xe cho thị trường Philippines

N: Xe cho thị trường các nước Châu Phi

T: Các kiểu xe cho Thái Lan

U: Kiểu xe cho Việt Nam

V: Xe cho thị trường các nước Trung Đông...

X: Kiểu xe cho Ấn Độ

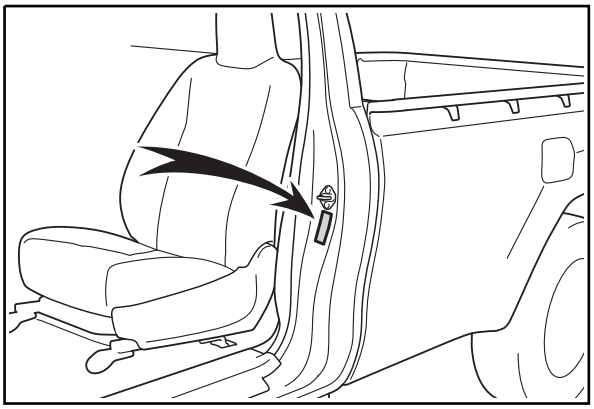
Để trống: Xe cho thị trường chung...

Mã kiểu xe được ghi trên nhãn của nhà sản xuất, hoặc nhãn chứng nhận với phần tiêu đề "MODEL".

Nhãn sản phẩm được dán tại vị trí như trên hình minh họa.

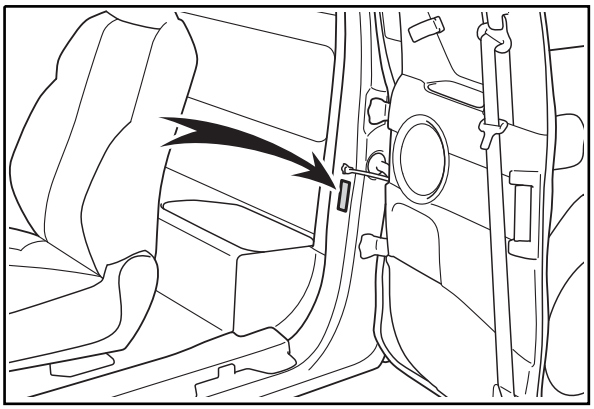
▶ Kiểu A

Nhãn của nhà sản xuất hoặc nhãn Chứng nhận được dập ở trụ xe bên trái.



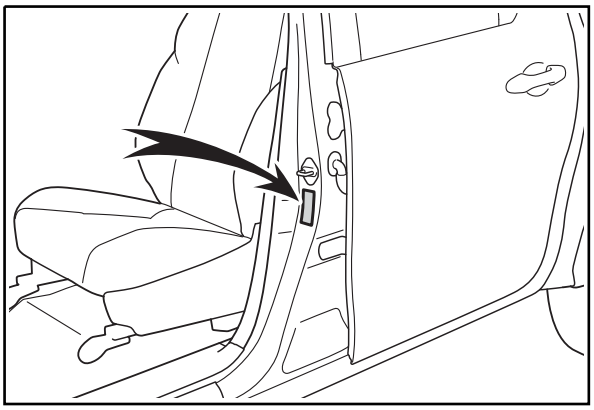
▶ Kiểu B

Nhãn của nhà sản xuất được gắn trên trụ xe bên trái.



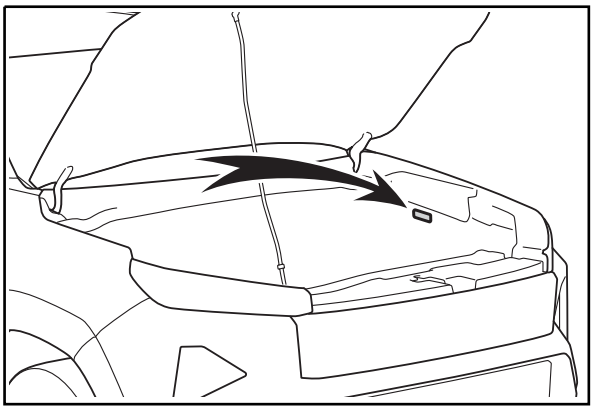
▶ Kiểu C

Nhãn của nhà sản xuất hoặc nhãn Chứng nhận được dập ở trụ xe bên trái.



▶ Kiểu D

Nhãn của nhà sản xuất được dập ở phía bên của khoang động cơ.



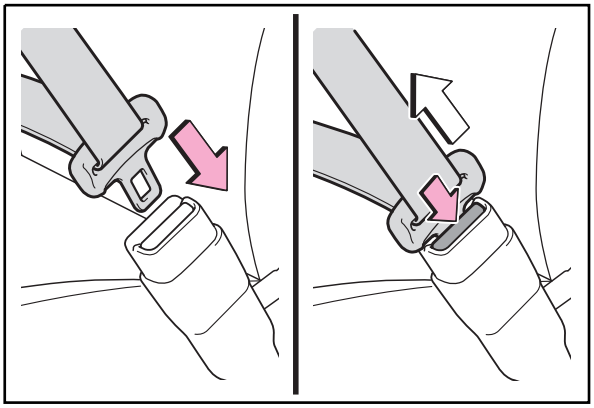
Đọc cuốn Hướng dẫn sử dụng này

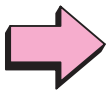
Ý nghĩa của các biểu tượng được sử dụng trong cuốn sách này

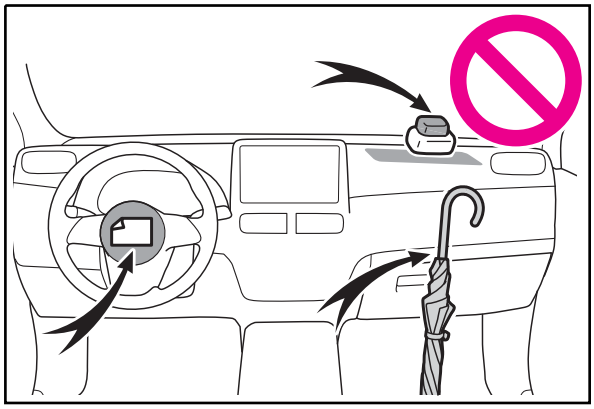
Các biểu tượng trong cuốn này

Biểu tượng	Ý nghĩa
	CẢNH BÁO: Đây là loại cảnh báo nếu không tuân thủ có thể sẽ gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.
	CHÚ Ý: Đây là loại cảnh báo nếu không tuân thủ có thể gây hư hại cho xe hoặc các thiết bị trên xe.
1 2 3...	Chỉ thao tác hoặc quy trình thực hiện. Hãy thực hiện các bước theo số thứ tự.

Các biểu tượng được sử dụng trong hình minh hoạ



Biểu tượng	Ý nghĩa
	Chỉ hành động (ấn, xoay...) để điều khiển các công tắc hoặc thiết bị khác.
	Chỉ hướng đi ra của một thao tác (Ví dụ: hướng mở ra của nắp ngăn đựng đồ).

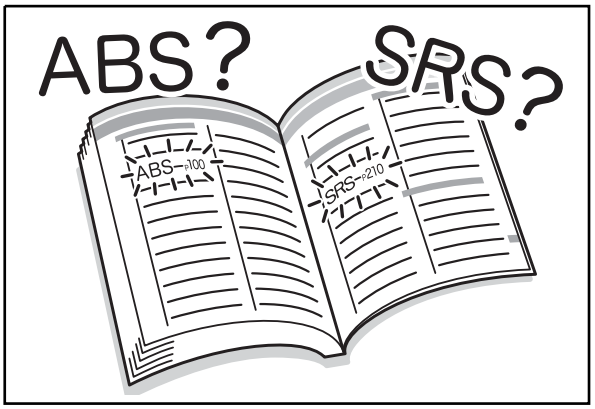


Biểu tượng	Ý nghĩa
	Chỉ thiết bị hoặc vị trí sẽ được giải thích.
	Có nghĩa là **"Không nên"**, **"Không làm điều này"**, hoặc **"Không để điều này xảy ra"**.

Cách tìm kiếm

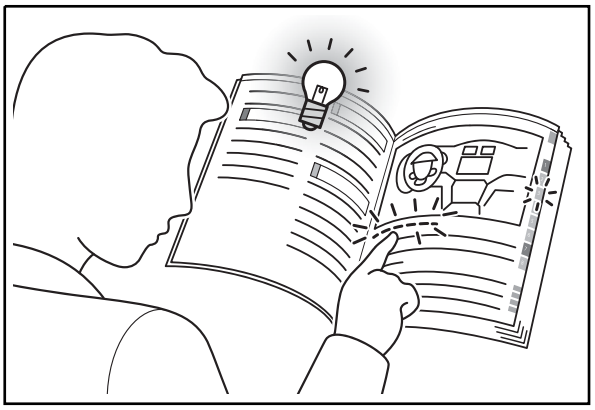
n **Tìm kiếm theo tên**

- Mục lục sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái: →P.629



n **Tìm kiếm theo vị trí lắp**

- Hình minh họa: →P.16



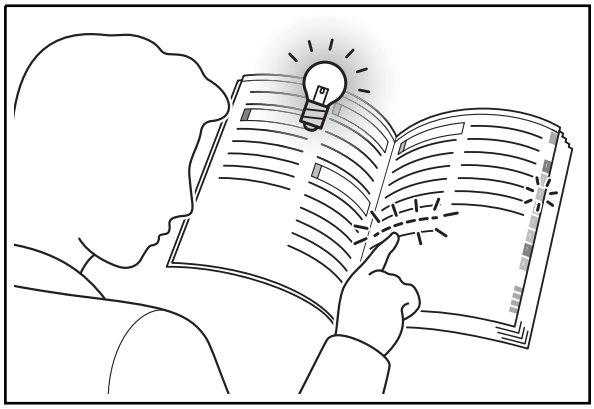
n **Tìm kiếm theo triệu chứng hư hỏng hoặc âm thanh**

- Phải làm gì nếu… (Cách xử lý): →P.626



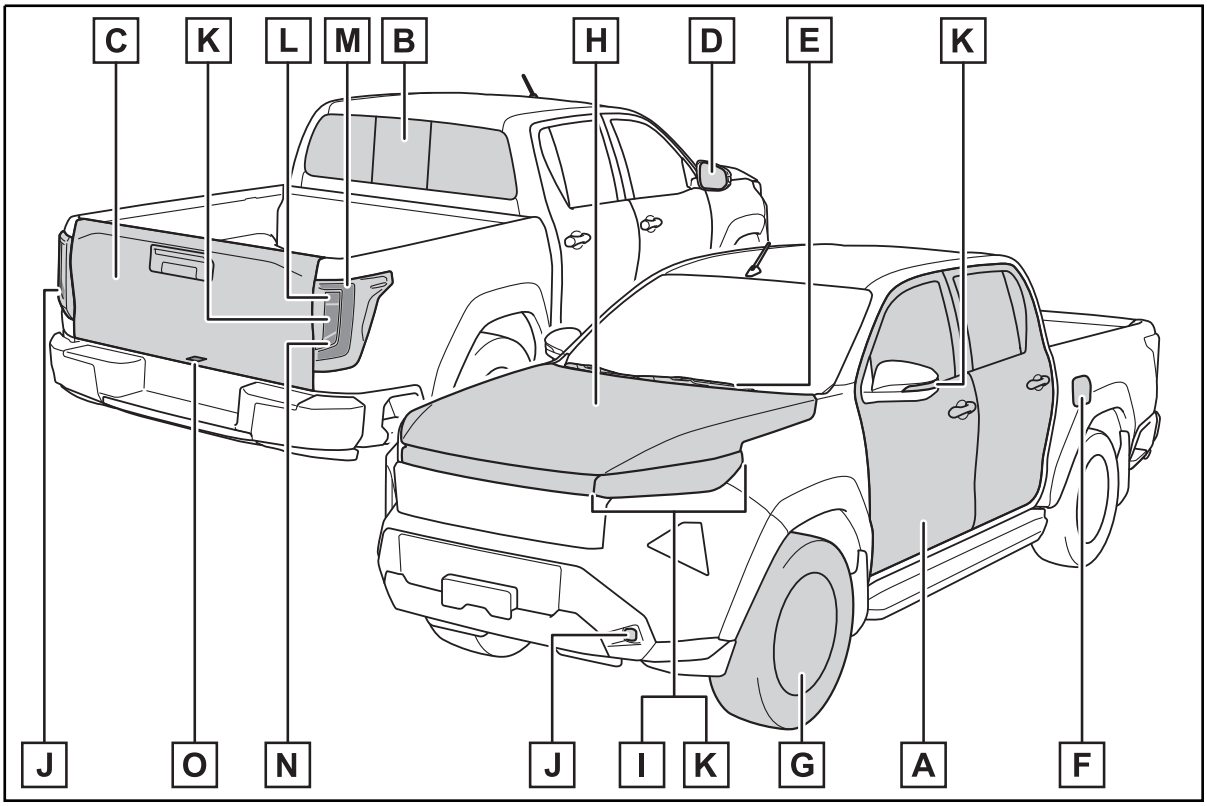
n **Tìm kiếm theo tiêu đề**

- Mục lục: →P.2



Hình minh họa

n Bên ngoài xe



Hình dạng bên ngoài của xe có thể sẽ thay đổi theo cấp độ của xe, vv...

A **Cửa bên P.136**
Các cửa trượt (chỉ với xe có cabin thông minh) P.143
Khóa/mở khóa P.136, 140
Mở/đóng kính cửa bên..... P.162
Mở/đóng kính tai xe sau*1 ..... P.165
Khóa/mở khóa bằng chìa khóa cơ..... P.571
Đèn cảnh báo*1/đèn cảnh báo*1 ..... P.550

B **Kính cửa hậu (kiểu trượt)*1 .....P.166**

C **Cửa sau thùng xe P.143**

D **Gương chiếu hậu bên ngoài xe.....P.160**
Điều chỉnh góc nghiêng của gương..... P.160
Gập gương..... P.161
Sấy gương*1..... P.419

E **Cần gạt nước rửa kính chắn gió P.215**

Các lưu ý khi lái xe trong mùa đông..... P.405

Để tránh đóng băng (bộ chống đóng băng cần gạt kính chắn gió[*1])..... P.419

F **Cửa nạp nhiên liệu.....P.217**

Phương pháp nạp nhiên liệu P.218

Loại nhiên liệu/dung tích bình nhiên liệu P.591

G **Lốp xe P.496**

Cỡ lốp/áp suất lốp P.603

Lốp đi trong mùa đông/xích quấn lốp..... P.405

Hệ thống cảnh báo áp suất lốp/đảo lốp/kiểm tra lốp[*1]..... P.496

Cách xử lý khi lốp bị xịt hơi..... P.557

H **Nắp capô P.473**

Mở P.473

Dầu động cơ..... P.591

Cách xử lý khi xe quá nhiệt..... P.579

Các thông điệp cảnh báo[*1] P.550

Các bóng đèn bên ngoài xe

(Phương pháp thay thế: P.518, Công suất: P.605)

I **Đèn pha/đèn vị trí phía trước/đèn chiếu sáng ban ngày[*1] P.207**

J **Đèn sương mù phía trước[*1]/đèn sương mù phía sau[*1, 2] P.213**

K **Đèn xi nhan P.198**

L **Đèn phanh**

Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng rađa[*1] P.250

Hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc[*1] P.390

M **Đèn hậu P.207**

N **Đèn lùi[*2]**

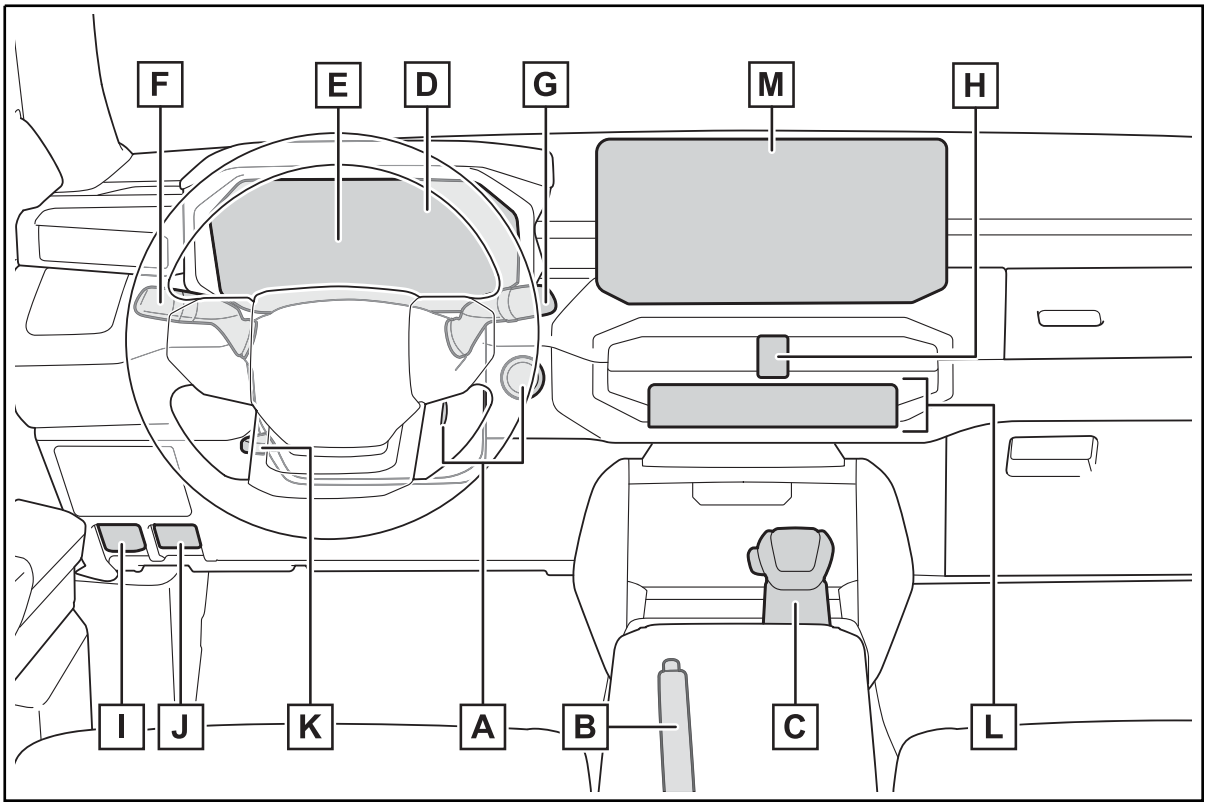
Chuyển cần số đến vị trí R..... P.192, 194

O **Đèn soi biển số.....P.207**

*1: Nếu có

*2: Chi tiết trên thực tế có thể nằm ở vị trí phía đối diện, tùy vào từng thị trường.

n Bảng táp lô



A Công tắc động cơ P.184, 186

Khởi động động cơ/thay đổi vị trí hoặc chuyển các chế độ của công tắc động cơ..... P.184, 186

Tắt động cơ trong trường hợp khẩn cấp..... P.526

Khi động cơ không khởi động được..... P.568

Các thông điệp cảnh báo*1 ..... P.550

B Cần phanh đỗ*1 .....P.199

Gài/nhả phanh đỗ..... P.199

Các lưu ý khi lái xe trong mùa đông..... P.406

Đèn/chuông cảnh báo..... P.535

C Cần chuyển số (Hộp số tự động).....P.191

Thay đổi vị trí chuyển số..... P.192

Các lưu ý khi kéo xe..... P.529

Khi cần số không dịch chuyển được P.192

Cần chuyển số (Hộp số thường).....P.194

Thay đổi vị trí chuyển số..... P.194

Các lưu ý khi kéo xe..... P.529

D **Đồng hồ táp lô P.97, 101**

Đọc các giá trị trên đồng hồ táp lô/điều chỉnh độ sáng bảng táp lô hoặc đèn bảng điều khiển*1 ..... P.97, 101

Đèn cảnh báo/đèn chỉ báo P.86

Khi đèn cảnh báo sáng lên..... P.535

E **Màn hình đa thông tin*1 .....P.106, 116**

Màn hình..... P.106, 116

Khi xuất hiện các thông điệp cảnh báo..... P.550

F **Công tắc xi nhan.....P.198**
Công tắc đèn pha P.207

Đèn pha/đèn vị trí phía trước/đèn hậu/đèn chiếu sáng ban ngày*1 ..... P.207

Đèn sương mù phía trước*1/đèn sương mù phía sau*1 ..... P.213

G **Công tắc gạt nước và phun nước rửa kính chắn gió.....P.215**

Sử dụng..... P.215

Bổ sung nước rửa kính P.488

H **Công tắc đèn nháy khẩn cấp.....P.526**

I **Bộ mở cửa nạp nhiên liệu.....P.218**

J **Lẫy nhả khóa nắp capô.....P.473**

K **Lẫy nhả khóa vô lăng P.158**

Điều chỉnh P.158

L **Hệ thống điều hòa không khí P.412, 417**

Sử dụng..... P.412, 417

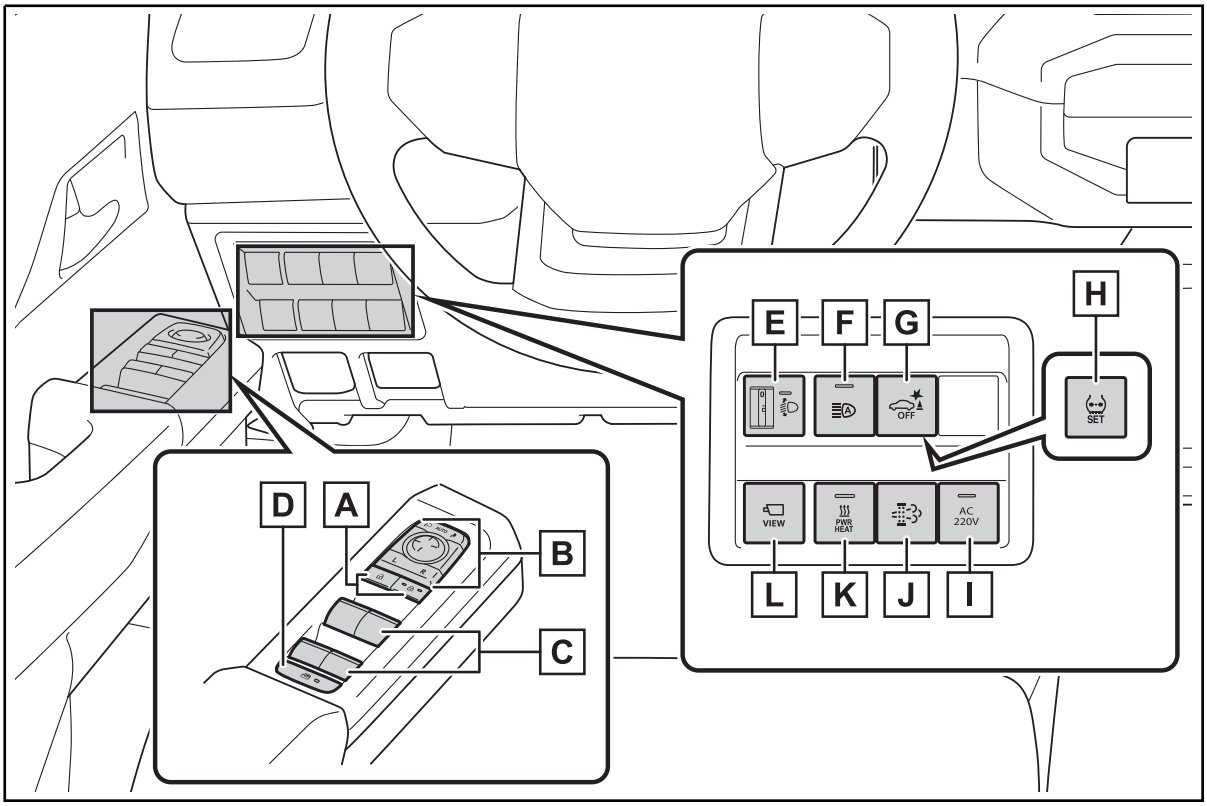
Bộ sấy kính cửa hậu*1 ..... P.414, 419

M **Hệ thống âm thanh*1, 2**

*1: Nếu có

*2: Hãy tham khảo “Hướng dẫn sử dụng hệ thống đa phương tiện”.

n Các công tắc



A Các công tắc khóa cửa.....P.140

B Công tắc điều khiển gương chiếu hậu bên ngoài.....P.160

C Công tắc cửa sổ điện*1.....P.162

D Công tắc khóa cửa sổ.....P.164

E Núm điều chỉnh cân bằng đèn pha loại thường*1.....P.209

F Công tắc đèn pha chiếu xa tự động*1.....P.210

G Công tắc PKSB*1.....P.300

H Công tắc đặt lại cảnh báo áp suất lốp*1.....P.500

I Nút AC 220 V*1.....P.438

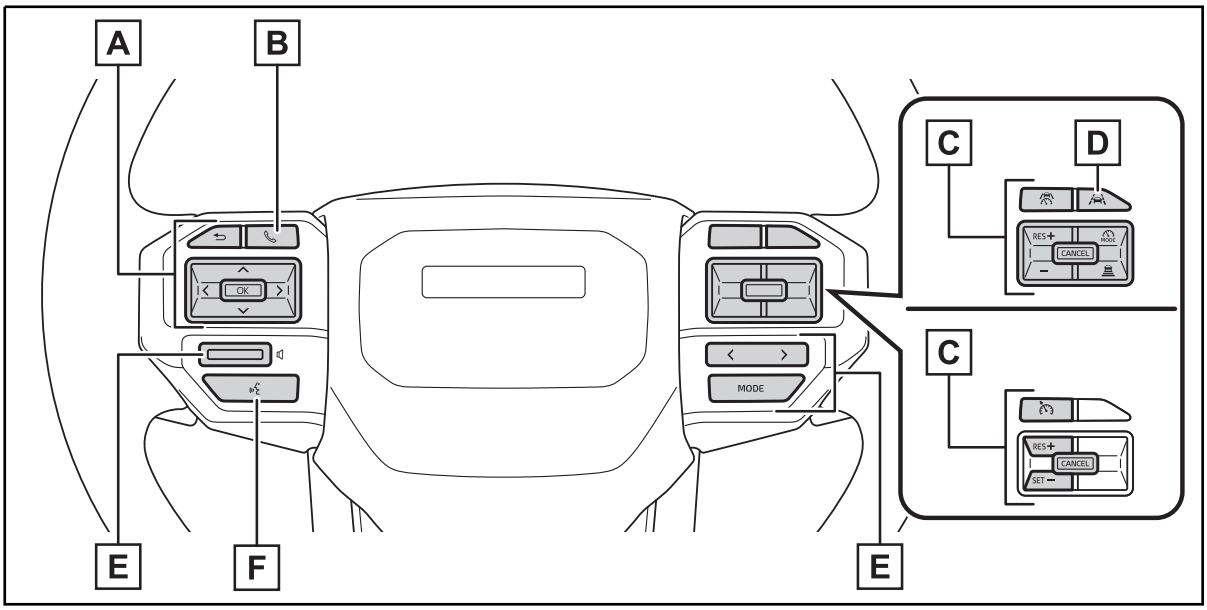
J Công tắc hệ thống DPF*1.....P.395

K Công tắc bộ sấy điện*1.....P.415, 422

L Công tắc Camera*1, 2.....P.314

*1: Nếu có

*2: Các xe có màn hình quan sát toàn cảnh, hãy tham khảo "Hướng dẫn sử dụng đa phương tiện".



A Các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô*1 .....P.107, 117

B Công tắc điện thoại*2..... P.107, 117, 451

C Công tắc điều khiển chạy tự động*1

Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng rađa*1 ..... P.248

Hệ thống điều khiển chạy tự động*1..... P.259, 263

D Công tắc LTA (Hệ thống hỗ trợ bám làn đường)*1 .....P.238

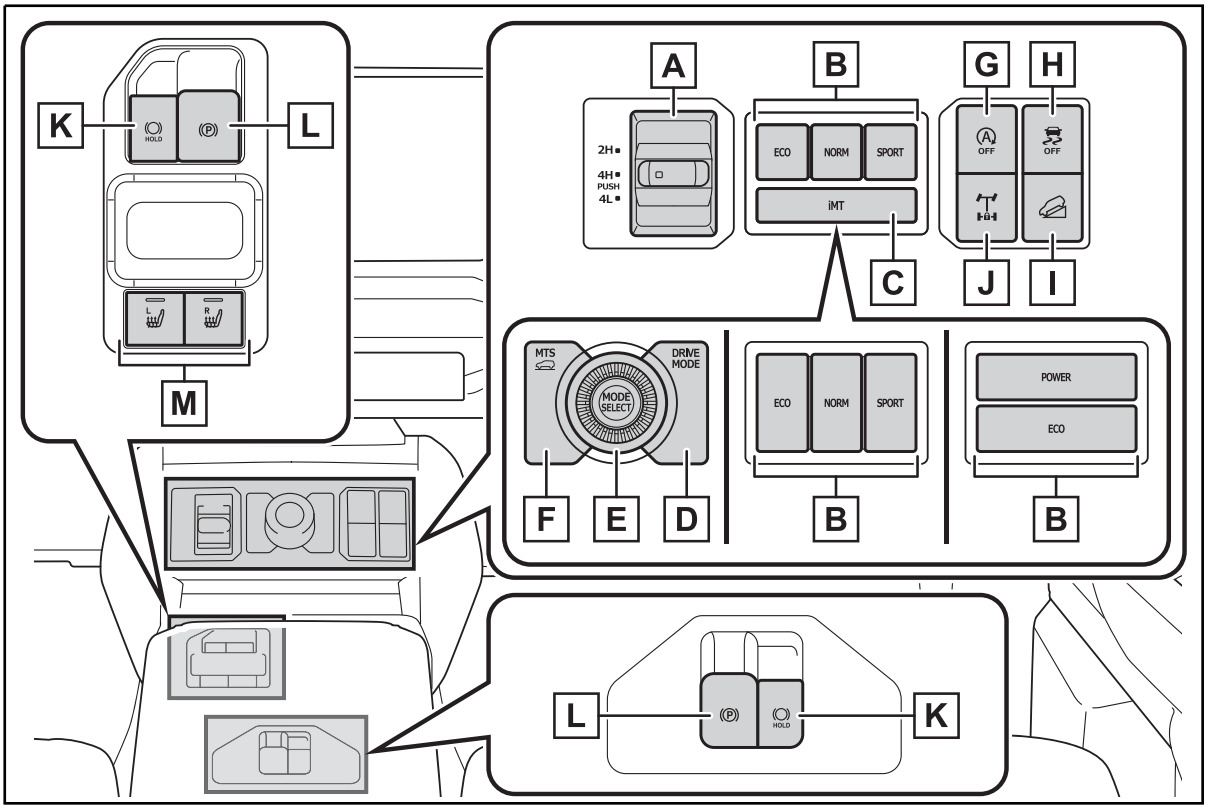
E Các nút điều khiển hệ thống âm thanh trên vô lăng*2 .....P.451

F Nút thoại*2, 3 .....P.451

*1: Nếu có

*2: Hãy tham khảo “Hướng dẫn sử dụng hệ thống đa phương tiện”.

*3: Không thể sử dụng được công tắc tùy vào từng kiểu hệ thống âm thanh hoặc hệ thống định vị.



A **Công tắc điều khiển dẫn động bánh trước*** **P.377**

B **Các công tắc chọn chế độ lái xe*** **P.374**

C **Công tắc "iMT"*** **P.197**

D **Công tắc DRIVE MODE*** **P.374**

E **Công tắc MODE SELECT*** **P.374, 388**

F **Công tắc MTS*** **P.388**

G **Công tắc hủy hệ thống dừng và khởi động*** **P.268**

H **Công tắc VSC OFF** **P.399**

I **Nút DAC*** **P.390**

J **Công tắc khóa vi sai sau*** **P.385**

K **Công tắc giữ phanh*** **P.204**

L **Công tắc phanh đỗ*** **P.200**

Gài/nhả phanh đỗ P.200

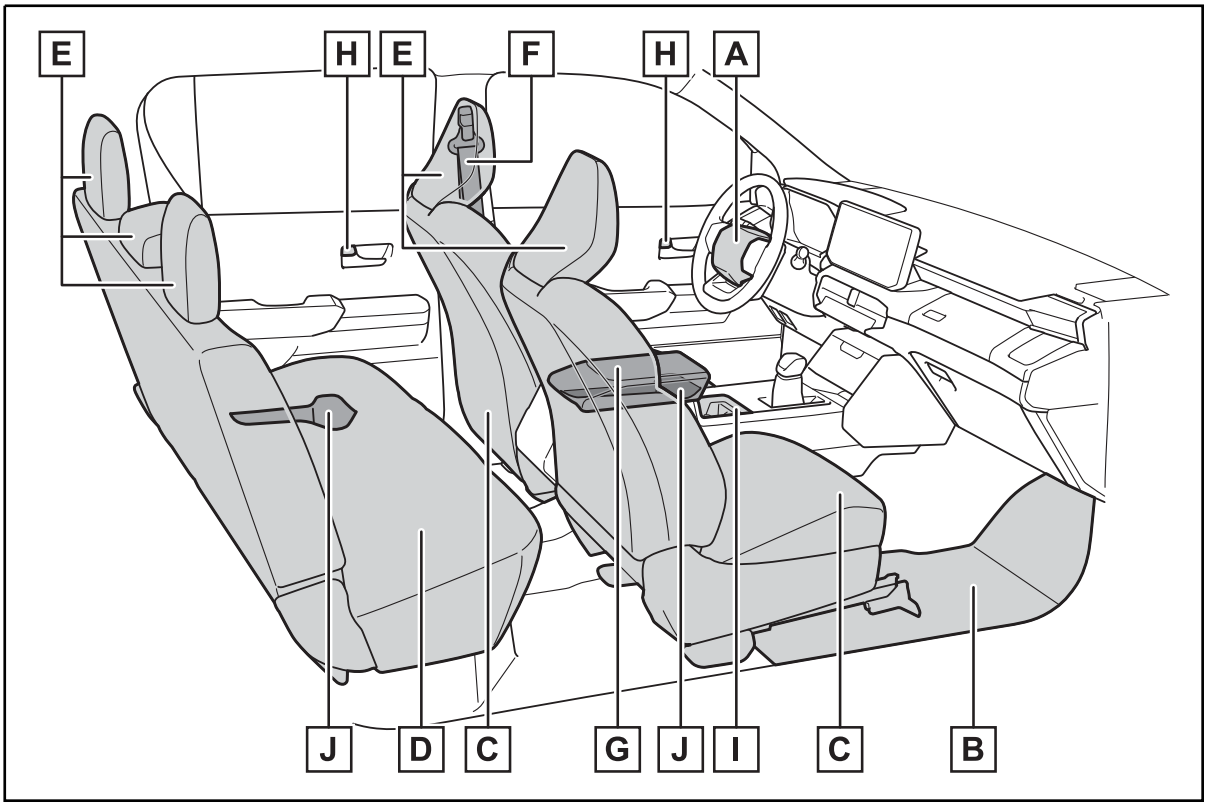
Các lưu ý khi lái xe trong mùa đông P.406

Chuông cảnh báo/thông điệp cảnh báo P.203, 550

M Công tắc bộ sưởi ghế* P.425

*: Nếu có

n Bên trong xe



A Túi khí..... P.36

B Thảm trải sàn xe..... P.28

C Ghế trước.....P.151

D Ghế sau*.....P.153

E Tựa đầu.....P.155

F Đai an toàn..... P.31

G Hộp dầm*.....P.430

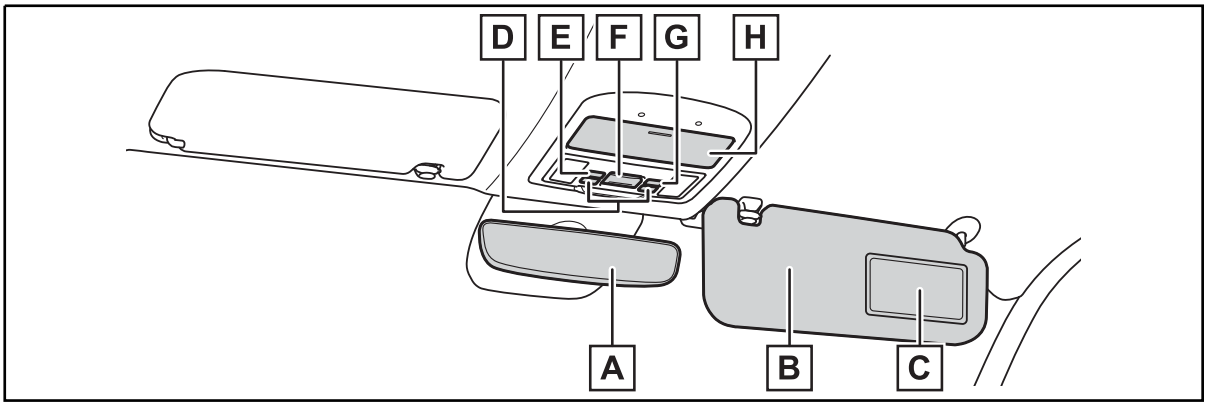
H Nút khóa cửa bên trong xe.....P.140

I Ngăn để cốc P.430
Hộp đựng đồ vặt.....P.432

J Ngăn để chai.....P.432

*: Nếu có

n Trần xe



A **Gương chiếu hậu bên trong xe** **P.159**

B **Tấm chắn nắng**[*2] **P.437**

C **Gương trang điểm**[*1] **P.437**

D **Đèn nội thất** [*1, 3] **P.428**
Đèn cá nhân **P.428**

E **Công tắc vô hiệu hóa cảm biến phát hiện xâm nhập**[*1] **P.82**

F **Nút "SOS"** [*1] **P.72**

G **Công tắc đèn nội thất liên kết với cửa xe** **P.428**

H **Hộp đựng đồ vặt** **P.432**

[*1]: Nếu có

[*2]: KHÔNG BAO GIỜ đặt hệ thống ghế cho trẻ em loại quay về phía sau trên ghế có TÚI KHÍ CHỦ ĐỘNG ở phía trước, nếu không có thể sẽ gây CHẤN THƯƠNG NGHIÊM TRỌNG hoặc TỬ VONG cho TRẺ. (→P.48)



[*3]: Hình minh họa miêu tả ở phía trước, nhưng nó cũng có thể trang bị ở phía sau.

Sử dụng xe an toàn

1

1-1. Để lái xe an toàn

Trước khi lái xe..... 28

Để lái xe an toàn..... 29

Đai an toàn..... 31

Túi khí..... 36

Các lưu ý với khí xả..... 43

1-2. An toàn cho trẻ em

Hệ thống bật-tắt túi khí bằng tay..... 44

Lái xe khi có trẻ em ở trên xe..... 45

Hệ thống ghế cho trẻ em.. 46

1-3. Hỗ trợ khẩn cấp

eCall..... 69

Dịch vụ kết nối của Toyota 72

Cuộc gọi khẩn cấp..... 75

1-4. Hệ thống chống trộm

Hệ thống mã hoá khóa động cơ..... 78

Hệ thống khóa kép..... 79

Hệ thống báo động..... 80

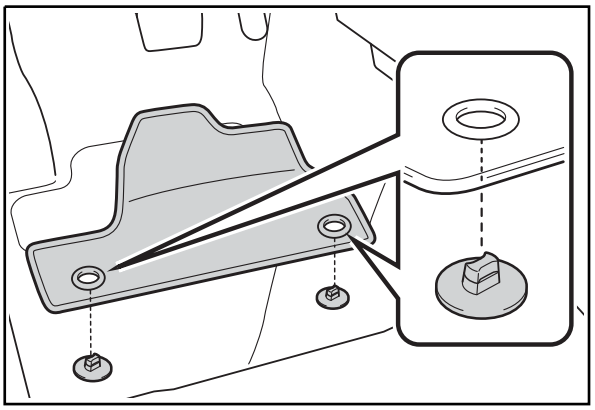
Trước khi lái xe

Tuân theo các lưu ý sau trước khi khởi hành xe để đảm bảo lái xe an toàn.

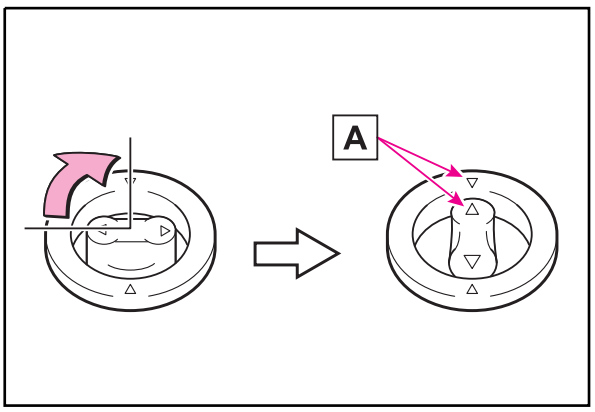
Lắp thảm trải sàn xe

Chỉ sử dụng các thảm trải sàn xe được thiết kế riêng cho cùng kiểu xe và năm sản xuất như xe của bạn. Hãy lắp thảm trải sàn xe chắc chắn vào đúng vị trí trên tấm lót sàn xe.

1 Cắm móc hãm (kẹp hãm) vào lỗ lắp thảm trải sàn xe.



2 Hãy xoay núm phía trên của từng móc hãm (kẹp hãm) để cố định thảm trải sàn xe.



Luôn gióng thẳng các dấu △ ở A .

Hình dạng của các móc hãm (kẹp hãm) trên thực tế có thể sẽ khác với hình minh họa.

⚠ CẢNH BÁO

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không có thể sẽ làm cho thảm trải sàn xe của người lái bị trượt, và vướng vào các bàn đạp trong khi lái xe. Xe có thể bị tăng tốc đột ngột hoặc khó để phanh xe lại. Tình trạng này có thể sẽ gây ra tai nạn và dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Khi lắp thảm trải sàn xe phía người lái**

l Không sử dụng thảm trải sàn xe được thiết kế cho các kiểu xe khác hoặc đời xe khác, kể cả khi đó là thảm trải sàn xe chính hiệu của Toyota.

l Chỉ sử dụng các thảm trải sàn xe được thiết kế cho ghế của người lái.

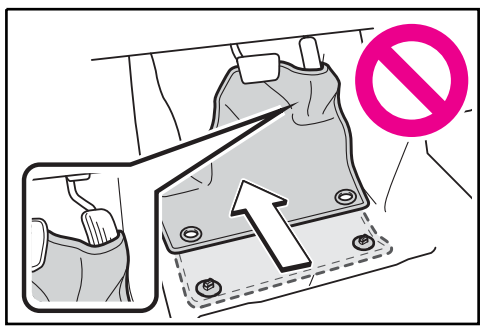
l Luôn cố định thảm trải sàn xe một cách chắc chắn bằng cách dùng các móc hãm (kẹp hãm).

l Không chồng hai hoặc nhiều thảm trải sàn xe lên nhau.

l Không đặt thảm trải sàn xe ngược mặt.

n **Trước khi lái xe**

l Hãy kiểm tra rằng thảm trải sàn xe đã được lắp chắc chắn vào đúng vị trị bằng các móc hãm (kẹp hãm) đi kèm. Hãy đặc biệt chú ý kiểm tra sau khi vệ sinh sàn xe.



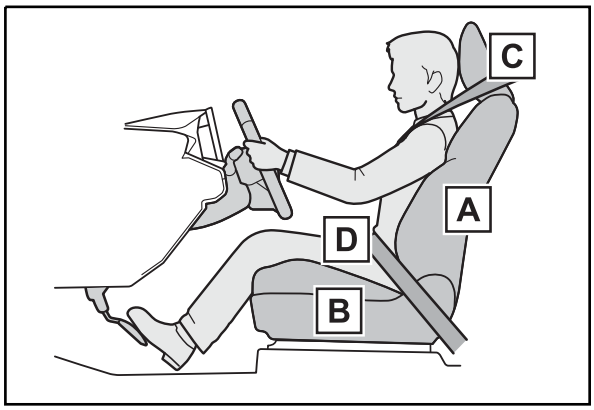
CẢNH BÁO

- Với động cơ đã tắt máy và cần số ở vị trí P (hộp số tự động) hoặc vị trí N (hộp số thường), hãy đạp hết cỡ từng bàn đạp một để đảm bảo rằng chúng không bị vướng vào thảm trải sàn xe.

Để lái xe an toàn

Để đảm bảo lái xe an toàn, hãy điều chỉnh gương và ghế đến vị trí phù hợp trước khi lái xe.

Tư thế lái xe đúng



A Điều chỉnh góc nghiêng lưng ghế để người lái ngồi thẳng và không ngả người về phía trước vô lăng. (→P.151)

B Hãy điều chỉnh ghế sao cho bạn có thể đạp hết cỡ các bàn đạp và khuỷu tay hơi gập xuống khi điều khiển vô lăng. (→P.151)

C Xe có tựa đầu kiểu điều khiển được: Khóa tựa đầu tại vị trí mà tâm của tựa đầu gần với đỉnh tai của bạn nhất. (→P.155)

D Thắt đai an toàn đúng cách. (→P.32)

⚠ CẢNH BÁO

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Không điều chỉnh vị trí ghế của người lái trong khi đang lái xe.
  Nếu không sẽ có thể làm cho người lái không điều khiển được xe.
- Không đặt tấm nệm lót giữa người lái hoặc hành khách với lưng ghế. Tấm nệm lót sẽ có thể sẽ làm ảnh hưởng tới tư thế ngồi đúng, và làm giảm hiệu quả bảo vệ của đai an toàn và tựa đầu.
- Không để bất kỳ đồ vật nào phía dưới các ghế trước.
  Những vật được đặt phía dưới các ghế trước có thể bị kẹt trên các ray trượt ghế và làm cho ghế bị kẹt. Điều này có thể dẫn tới tai nạn và cơ cấu điều chỉnh ghế cũng có thể bị hỏng.
- Luôn tuân theo giới hạn tốc độ cho phép khi lái xe trên đường.
- Khi lái xe đường dài, hãy nghỉ ngơi thường xuyên trước khi bạn cảm thấy mệt mỏi.
  Nếu bạn cảm thấy mệt và buồn ngủ trong khi lái xe, thì đừng cố lái, hãy ngay lập tức dừng xe và nghỉ ngơi một lúc.

Sử dụng đai an toàn đúng cách

Đảm bảo rằng tất cả hành khách đã thắt đai an toàn đúng cách trước khi lái xe. (→P.32)

Hãy sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em phù hợp với trẻ, cho tới khi trẻ đủ lớn để sử dụng được đai an toàn một cách chính xác. (→P.46)

Điều chỉnh các gương

Chắc chắn rằng bạn có thể quan sát rõ phía sau xe bằng cách điều chỉnh gương chiếu hậu bên trong xe và gương chiếu hậu bên ngoài xe một cách chính xác.
(→P.159, 160)

Đai an toàn

Đảm bảo rằng tất cả hành khách đã thắt đai an toàn đúng cách trước khi lái xe.

⚠ CẢNH BÁO

Hãy tuân theo các lưu ý sau để giảm thiểu nguy cơ bị chấn thương trong trường hợp phanh gấp, đánh lái gấp hoặc xe bị tai nạn.
Nếu không có thể dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Thắt đai an toàn**

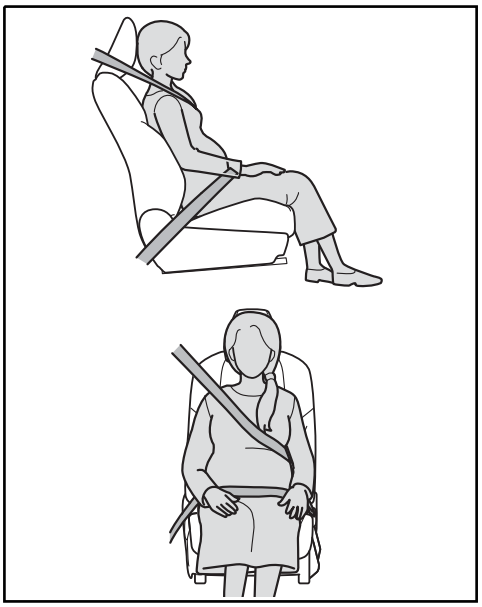
- Hãy đảm bảo rằng mọi hành khách đã thắt đai an toàn đúng cách.
- Luôn thắt đai an toàn đúng cách.
- Mỗi đai an toàn chỉ được dùng cho một người. Không sử dụng một đai an toàn cho nhiều người cùng lúc, kể cả với trẻ em.
- Toyota khuyên bạn nên để trẻ em ngồi ở ghế sau (nếu được trang bị) và luôn sử dụng đai an toàn và/hoặc hệ thống ghế cho trẻ em phù hợp.
- Để đảm bảo tư thế ngồi đúng, không được ngả lưng ghế quá nhiều. Đai an toàn có tác dụng bảo vệ tốt nhất khi người dùng ngồi thẳng và tựa sát lưng vào ghế.
- Không để đai vai nằm dưới cánh tay của bạn.
- Luôn luôn giữ đai căng qua hông của bạn.

n **Phụ nữ có thai**

Hãy tuân theo các chỉ định của bác sỹ và đeo đai an toàn đúng cách. (→P.32)

Cũng như những người dùng khác, phụ nữ có thai cũng nên đặt đai hông ở dưới hông càng thấp càng tốt. Hãy kéo đai vai ra hết cỡ vòng qua vai và tránh để đai tiếp xúc tỳ lên phần nhô lên của bụng.

Nếu thắt đai an toàn không đúng cách, không những phụ nữ có thai mà còn cả thai nhi đều có thể bị chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong trong trường hợp phanh gấp hoặc xe bị va chạm.



n **Người ốm**

Hãy tuân theo các chỉ định của bác sỹ và đeo đai an toàn đúng cách. (→P.32)

n **Khi có trẻ em ở trong xe**

→P.66

n **Đai an toàn bị hỏng và sờn**

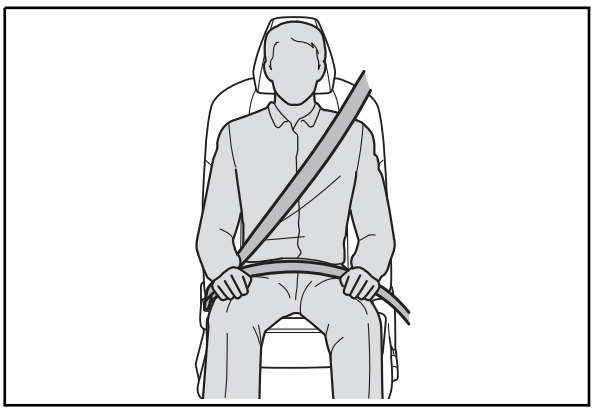
- Không được để đai, móc khóa hay kẹp khóa bị kẹt vào cửa gây ra hỏng hóc.

CẢNH BÁO

- Hãy kiểm tra định kỳ hệ thống đai an toàn. Kiểm tra xem đai có bị đứt, bị sờn hoặc có chi tiết nào bị lỏng không. Không được sử dụng những đai an toàn đã bị hỏng cho tới khi nó được thay thế. Đai an toàn đã bị hỏng sẽ không thể bảo vệ người sử dụng khỏi chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.
- Hãy đảm bảo rằng đai và móc khóa đã được khóa chặt và đai không bị xoắn.
  Nếu đai an toàn hoạt động không chính xác, hãy liên hệ ngay với đại lý Toyota.
- Hãy thay cả cụm ghế, gồm cả đai an toàn nếu xe của bạn đã bị tai nạn nghiêm trọng, kể cả khi không thấy chúng bị hư hỏng gì.
- Không được cố gắng lắp đặt, thay thế, sửa đổi, tháo rời hoặc hủy các đai an toàn. Hãy yêu cầu đại lý Toyota sửa chữa nếu cần thiết. Những tác động không phù hợp có thể làm cho bộ căng đai hoạt động thiếu chính xác, dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

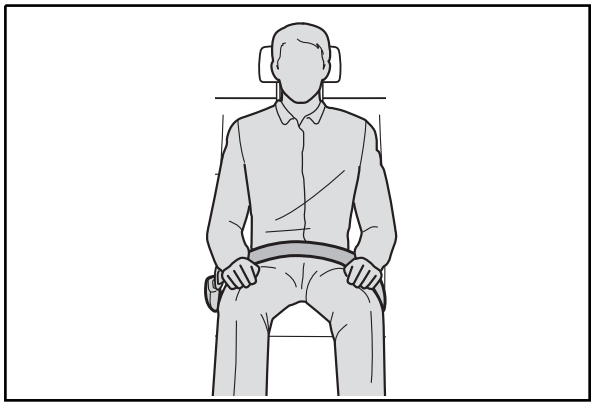
Sử dụng đai an toàn đúng cách

n Đai an toàn kiểu 3 điểm



- Hãy kéo đai vai ra sao cho nó vòng qua vai, nhưng không được để đai thít vào cổ hoặc tuột ra khỏi vai.
- Hãy đặt đai hông qua hông càng thấp càng tốt.
- Điều chỉnh vị trí của lưng ghế.
  Ngồi thẳng và dựa lưng vào ghế.
- Không để đai an toàn bị xoắn.

n Đai an toàn kiểu 2 điểm (nếu có)



- Hãy đặt đai hông càng thấp càng tốt qua hông và kéo đầu dây đai để thắt chặt đai.
- Chỉ cho ghế trước: Điều chỉnh vị trí của lưng ghế.
  Ngồi thẳng và tựa sát vào lưng ghế.
- Không để đai an toàn bị xoắn.

n Sử dụng đai an toàn cho trẻ em

Đai an toàn trên xe của bạn chủ yếu được thiết kế để cho người lớn sử dụng.

- Hãy sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em cho phù hợp với trẻ, cho đến khi trẻ đủ lớn để sử dụng được hệ thống đai an toàn trên xe một cách chính xác. (→P.46)

l Khi trẻ đã đủ lớn để có thể sử dụng đai an toàn trên xe đúng cách, hãy tuân theo hướng dẫn sử dụng đai an toàn. (→P.31)

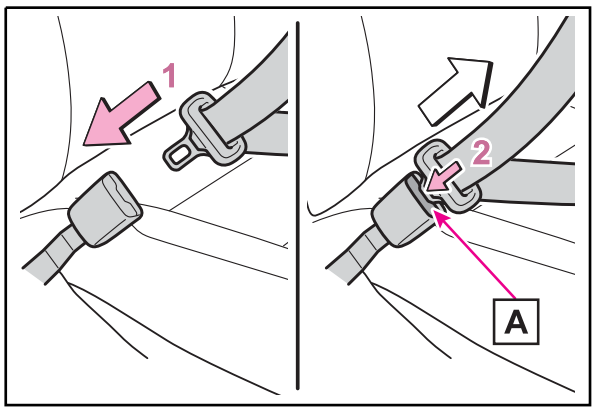
n Quy định về đai an toàn

Nếu như tại quốc gia mà bạn sinh sống có các quy định về đai an toàn, hãy liên hệ với đại lý Toyota để thay thế hoặc lắp đặt đai an toàn.

n Bộ cuốn khóa đai khẩn cấp (ELR) (đai an toàn loại 3 điểm)

Bộ cuốn sẽ khóa chặt đai an toàn lại trong khi phanh gấp hoặc khi xe bị va chạm. Đai an toàn cũng có thể sẽ bị khóa khi bạn ngả người ra phía trước quá nhanh. Hãy di chuyển chậm rãi, khi đó đai có thể kéo dài ra và bạn có thể dịch chuyển ra xung quanh một cách bình thường được.

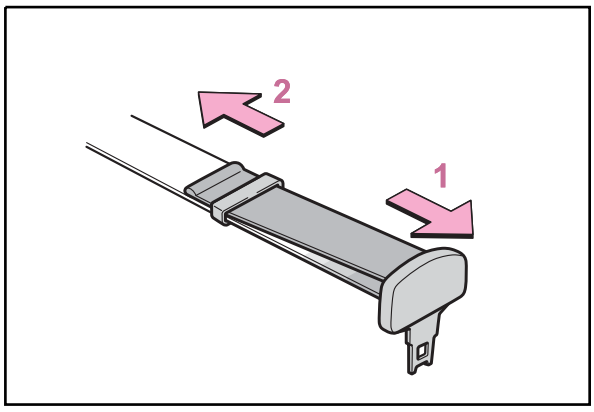
Thắt và tháo đai an toàn



1 Để thắt đai an toàn, hãy cắm và ấn móc khóa vào trong kẹp khóa cho tới khi nghe thấy một tiếng tách.

2 Để nhả đai an toàn, hãy ấn vào nút nhả khoá A.

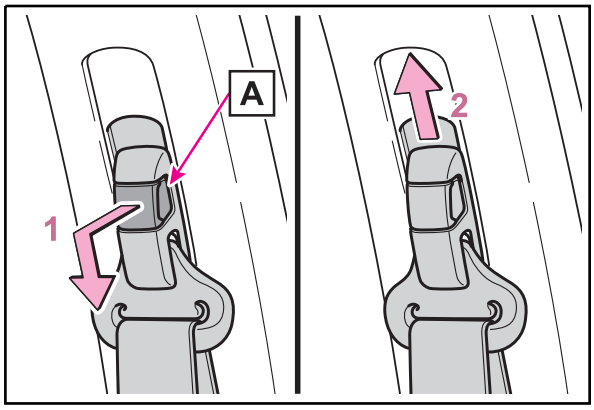
Điều chỉnh chiều dài của đai an toàn (đai an toàn kiểu 2 điểm)



1 Kéo dài đai

2 Thu ngắn đai

Điều chỉnh chiều cao của móc treo đai vai (nếu có trên các ghế trước)



1 Ấn móc đai vai xuống đồng thời kéo núm nhả khóa A.

2 Đẩy móc treo đai vai lên.

Hãy dịch bộ điều chỉnh chiều cao đai lên và xuống cho tới khi nghe thấy một tiếng tách.

CẢNH BÁO

n **Móc treo đai vai có thể điều chỉnh được**

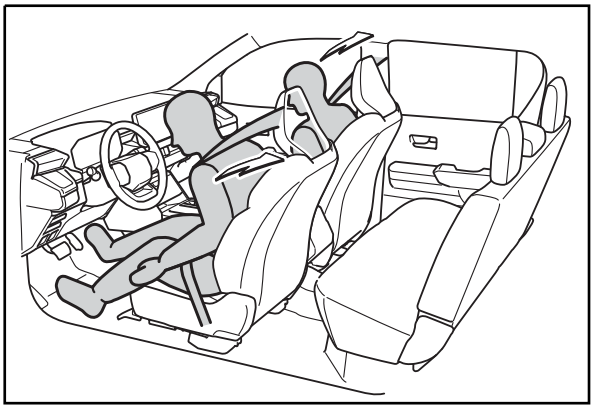
Hãy luôn đảm bảo rằng đai vai phải được đặt chéo qua phần giữa vai bạn. Đai nên được đặt càng xa cổ càng tốt, nhưng không được nằm dưới vai bạn. Nếu không, có thể sẽ làm giảm khả năng bảo vệ khi xe bị tai nạn và gây ra chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong trong trường hợp phanh gấp, đánh lái đột ngột hoặc bị tai nạn.

Bộ căng đai khẩn cấp

▶ Ghế trước (Xe không có túi khí bên và túi khí rèm)

Khi xe bị va chạm mạnh từ phía trước, đai an toàn của các ghế trước sẽ được thắt chặt để giữ cố định người ngồi trên xe.

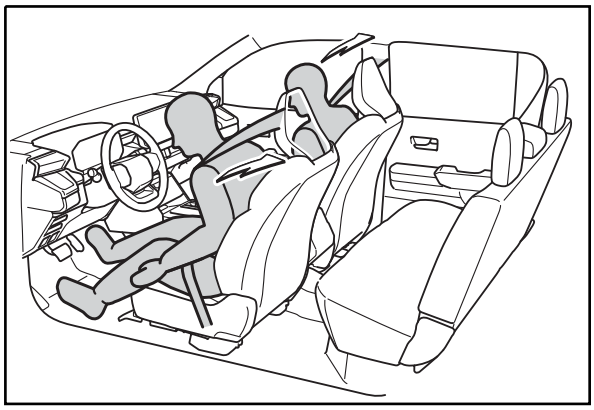
Bộ căng đai khẩn cấp sẽ không hoạt động khi xe bị các va chạm nhỏ từ phía trước, phía bên hay từ phía sau xe hoặc khi bị lật xe.



▶ Ghế trước (Xe có túi khí bên SRS và túi khí rèm)

Khi xe chịu va chạm mạnh từ phía trước hoặc từ phía bên, bộ căng đai khẩn cấp sẽ thắt chặt đai an toàn của các ghế trước để giữ cố định người ngồi trên xe.

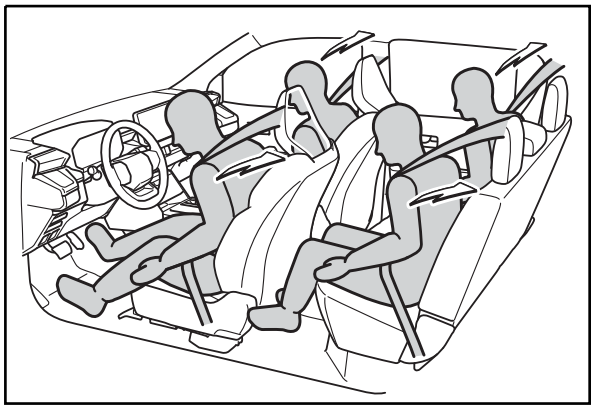
Bộ căng đai khẩn cấp sẽ không hoạt động khi xe bị các va chạm nhỏ từ phía trước hoặc va chạm từ phía bên, từ phía sau hoặc khi bị lật xe.



▶ Các ghế trước và các ghế sau bên ngoài

Khi xe bị va chạm mạnh từ phía trước, bộ căng đai khẩn cấp sẽ thắt chặt đai an toàn của các ghế trước và các ghế ngoài hàng phía sau để giữ cố định người ngồi trên xe.

Bộ căng đai khẩn cấp sẽ không hoạt động khi xe bị các va chạm nhỏ từ phía trước, va chạm từ phía bên hoặc từ phía sau hay khi bị lật xe.



n **Thay đai an toàn sau khi bộ căng đai khẩn cấp đã kích hoạt**

Nếu xe bị va chạm nhiều lần, thì bộ căng đai khẩn cấp sẽ chỉ kích hoạt cho lần va chạm đầu tiên, nhưng

không kích hoạt cho lần va chạm thứ hai hoặc sau đó nữa.

n **Điều khiển kết nối với hệ thống cảnh báo tiền va chạm-PCS (xe có hệ thống cảm nhận an toàn Toyota)**

Nếu PCS (hệ thống cảnh báo tiền va chạm) xác định có thể có va chạm với một xe khác là cao, bộ căng đai khẩn cấp sẽ được chuẩn bị để kích hoạt.

CẢNH BÁO

n **Bộ căng đai khẩn cấp**

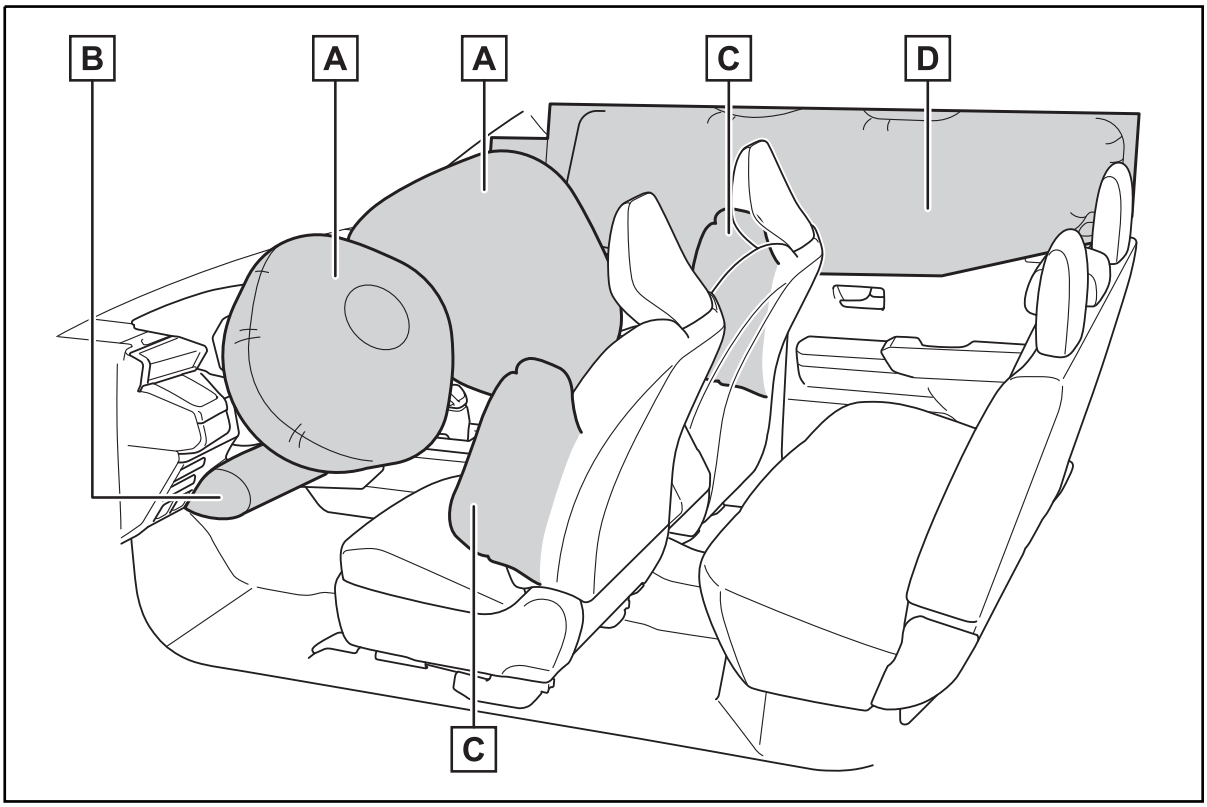
Nếu bộ căng đai an toàn đã hoạt động, đèn cảnh báo túi khí SRS sẽ sáng. Trong trường hợp này, không thể sử dụng lại được đai và cần phải thay thế đai tại Đại lý của Toyota.
Nếu không làm như vậy có thể dẫn đến tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

Túi khí

Các túi khí sẽ được kích hoạt khi xe bị một số kiểu va chạm mạnh nhất định mà có thể gây thương tích đáng kể cho người ngồi trong xe. Các túi khí sẽ hoạt động cùng với đai an toàn để giúp giảm nguy cơ tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng cho người dùng.

Hệ thống túi khí

n **Vị trí của các túi khí**



A Túi khí phía trước SRS (túi khí người lái SRS/túi khí hành khách phía trước SRS)

Giúp giảm tác động lên phần đầu và ngực của người lái và hành khách phía trước

B Túi khí bảo vệ đầu gối

Giúp giảm lực tác động đến người lái

C Túi khí bên SRS (nếu có)

Giúp giảm lực tác động lên phần ngực của những người ngồi ở hàng ghế trước

D Túi khí rèm (nếu có)

Giúp giảm lực tác động lên phần đầu của người ngồi trên các ghế phía ngoài của ghế trước và ghế sau

Các chi tiết chính của hệ thống túi khí đã được giới thiệu ở trên. Hệ thống túi khí được điều khiển bởi cụm cảm biến túi khí. Khi túi khí nổ, một phản ứng hóa học sẽ nhanh chóng bơm căng túi khí bằng khí không độc để hạn chế chuyển động lao về phía trước của hành khách.

n Nếu túi khí nổ

- Các vết trầy xước nhẹ, vết bỏng, bầm tím... có thể sẽ xuất hiện do va chạm với các túi khí khi túi khí nổ ở tốc độ cao bởi khí nóng.
- Khi túi khí nổ sẽ phát ra một tiếng động lớn và có khói trắng thoát ra.
- Các chi tiết của cụm túi khí (mặt vô lăng, nắp che túi khí và bộ làm phồng túi khí) cũng như các chi tiết xung quanh túi khí có thể sẽ bị nóng trong vài phút. Bản thân túi khí cũng có thể sẽ bị nóng.
- Kính chắn gió có thể sẽ bị nứt.
- Tất cả các cửa sẽ được mở khóa. (→P.138)
- Xe có phanh tránh va chạm thứ cấp: Đèn phanh và đèn đỗ sẽ được điều khiển một cách tự động. (→P.399)
- Các đèn trần sẽ bật tự động. (→P.427)
- Các đèn nháy khẩn cấp sẽ tự động được kích hoạt. (→P.526)
- Việc cấp nhiên liệu cho động cơ sẽ bị dừng lại. (động cơ xăng) (→P.534)

n Cuộc gọi khẩn cấp

- Xe có eCall: Nếu xảy ra bất kỳ tình huống nào sau đây, hệ thống sẽ thực hiện cuộc gọi khẩn cấp đến trung tâm phản hồi.
  - Khi một túi khí đã được kích hoạt
  - Khi bộ căng đai khẩn cấp đã hoạt động
  - Khi xe nhận tác động vượt quá một mức nhất định

  Dịch vụ khẩn cấp có thể được điều động ngay cả khi không có phản hồi đối với các cuộc gọi từ Đại lý.
- Xe có Dịch vụ kết nối Toyota: Nếu xảy ra bất kỳ tình huống nào sau đây, hệ thống được thiết kế để gửi cuộc gọi khẩn cấp đến trung tâm ứng cứu.
  - Khi một túi khí đã được kích hoạt
  - Khi bộ căng đai khẩn cấp đã hoạt động
  - Khi xe nhận tác động vượt quá một mức nhất định

  Dịch vụ khẩn cấp có thể được điều động ngay cả khi không có phản hồi đối với các cuộc gọi từ Đại lý.

n Các túi khí sẽ kích hoạt bởi va chạm từ phía trước khi

- Các túi khí sau sẽ kích hoạt trong trường hợp lực va chạm vượt quá ngưỡng giới hạn (lực va chạm tương ứng với một va chạm trực diện ở tốc độ khoảng từ 20 đến 30 km/h với một bức tường cố định không dịch chuyển hoặc biến dạng):
  - Túi khí phía trước
  - Túi khí bảo vệ đầu gối
- Ngưỡng giới hạn mà túi khí SRS sẽ kích hoạt sẽ cao hơn bình thường trong các trường hợp sau:
  - Khi xe va chạm với một vật thể có thể di chuyển hoặc bị biến dạng khi xảy ra va chạm, chẳng hạn như một xe ô tô đang đỗ hoặc biển báo giao thông
  - Nếu xe bị đâm chui vào một vật khác như đầu xe chui vào gầm xe tải
- Tùy thuộc vào kiểu va chạm, mà chỉ những kiểu va chạm sau có thể sẽ làm kích hoạt túi khí:
  - Bộ căng đai khẩn cấp

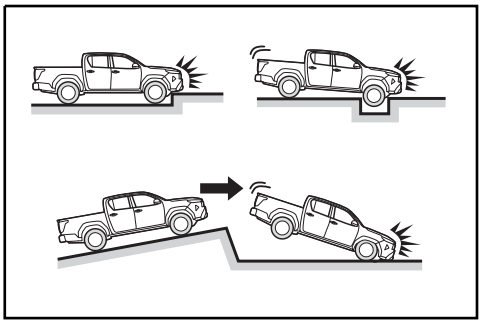
l Xe có túi khí rèm SRS: Trong trường hợp xảy ra va chạm rất mạnh từ phía trước, các túi khí rèm bên trái và bên phải cũng có thể sẽ được kích hoạt.

n **Xe có túi khí rèm: Các túi khí SRS sẽ kích hoạt trong va chạm từ phía bên sườn xe khi**

l Các túi khí sau sẽ kích hoạt trong trường hợp lực va chạm vượt quá ngưỡng giới hạn (tương ứng với một lực va chạm được tạo ra bởi một xe nặng khoảng 1500 kg va chạm vuông góc với khoang hành khách ở tốc độ khoảng từ 20 đến 30 km/h):
- Túi khí bên
- Túi khí rèm

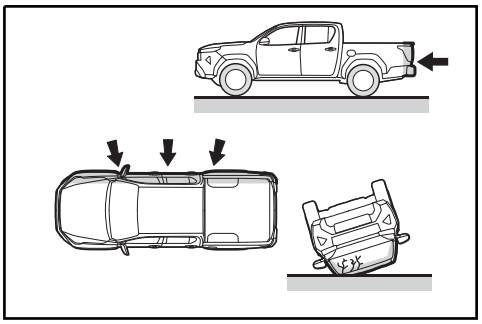
n **Các túi khí kích hoạt trong một va chạm bên dưới gầm xe khi**

l Các túi khí sau có thể sẽ kích hoạt khi phần gầm xe bị va chạm với một vật cứng:
- Túi khí phía trước
- Túi khí bảo vệ đầu gối
- Túi khí bên SRS (nếu có)
- Túi khí rèm (nếu có)

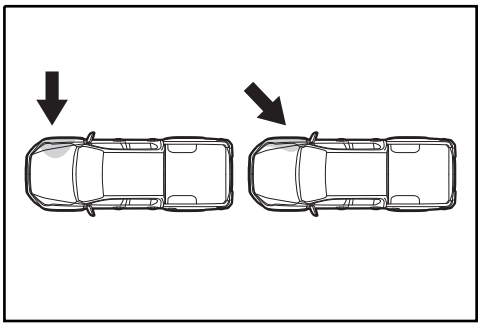


n **Các túi khí SRS sẽ không được kích hoạt khi**

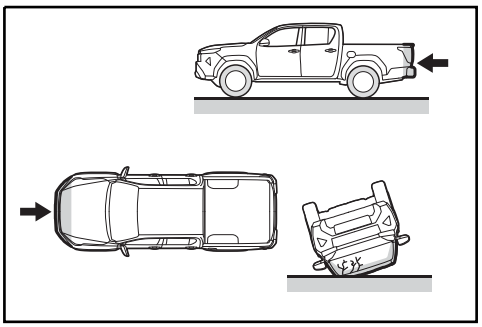
l Các túi khí sau thường sẽ không kích hoạt khi có va chạm từ bên sườn xe hoặc từ phía sau, khi lật xe hoặc va chạm từ phía trước ở tốc độ thấp. Tuy nhiên, nếu vụ va chạm đó gây ra sự giảm tốc đột ngột đủ lớn, thì các túi khí có thể vẫn được kích hoạt.
- Túi khí phía trước
- Túi khí bảo vệ đầu gối



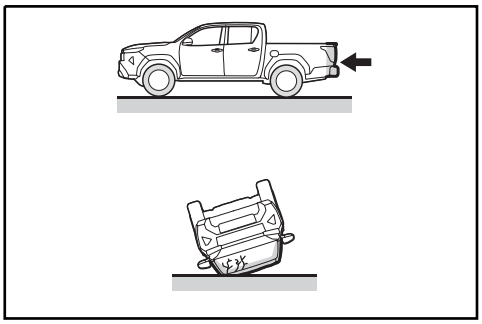
l Xe có túi khí rèm: Các túi khí SRS sau có thể không được bung ra nếu xe bị va chạm ở một góc nhất định hoặc trong va chạm bên ở một khu vực của xe khác với khoang hành khách bị va chạm:
- Túi khí bên
- Túi khí rèm



l Các xe có túi khí bên: Các túi khí sau thường sẽ không được kích hoạt khi có va chạm từ phía trước hoặc phía sau, lật xe, hoặc va chạm từ phía bên ở tốc độ thấp:
- Túi khí bên



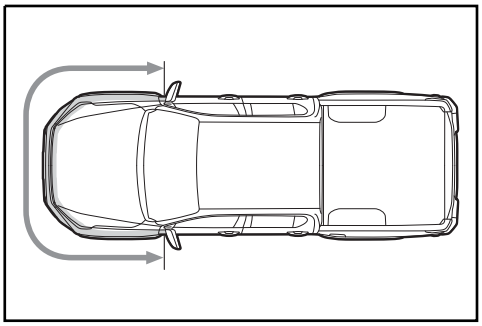
l Các túi khí sau đây thường sẽ không kích hoạt trong va chạm từ phía sau, lật xe hoặc va chạm từ phía trước hoặc hai bên ở tốc độ thấp:
- Túi khí rèm (nếu có)



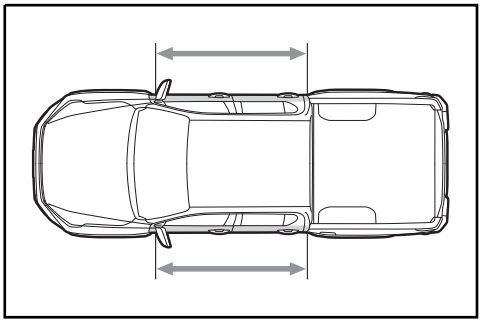
n Những trường hợp cần liên hệ với đại lý Toyota

Trong các trường hợp sau, sẽ cần phải tiến hành kiểm tra và/hoặc sửa chữa xe. Hãy liên hệ với đại lý Toyota của bạn càng sớm càng tốt.

- Khi một túi khí bất kỳ đã bị kích hoạt
- Khi phần đầu xe bị hư hỏng hoặc biến dạng, hoặc đã bị va chạm nhưng không đủ nghiêm trọng để kích hoạt bất kỳ túi khí nào sau đây:
  - Túi khí phía trước
  - Túi khí bảo vệ đầu gối



- Xe có túi khí rèm: Khi một cửa hoặc khu vực xung quanh của nó bị hỏng, biến dạng hoặc bị thủng, hoặc xe bị va chạm nhưng không đủ mạnh để kích hoạt bất kỳ túi khí nào sau đây:
  - Túi khí bên
  - Túi khí rèm



- Khi mặt vô lăng, bảng táp lô gần cụm túi khí của hành khách phía trước hoặc mặt dưới của bảng táp lô bị xước, nứt vỡ hoặc bị các hư hỏng khác.
- Xe có túi khí bên SRS: Khi bề mặt của ghế có túi khí bên SRS bị trầy xước, nứt hoặc bị hỏng khác.
- Xe có túi khí rèm: Khi phần của trụ xe phía trước, trụ xe phía sau hoặc tấm ốp trong dọc trần xe (phần ốp) chứa túi khí rèm SRS bị xước, nứt hoặc hư hỏng.

⚠ CẢNH BÁO

n Các lưu ý với túi khí

Hãy tuân theo các lưu ý sau. Nếu không có thể dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Người lái xe và tất cả hành khách phải thắt đai an toàn đúng cách. Túi khí là thiết bị bổ sung được sử dụng kết hợp với đai an toàn.
- Túi khí người lái SRS sẽ bung ra với một lực đáng kể, và có thể gây tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng, đặc biệt nếu người lái đang ngồi rất gần túi khí.

Do phạm vi rủi ro gây ra bởi túi khí của người lái là trong vòng bán kính từ 50 đến 75 mm, nên việc ngồi cách túi khí người lái 250 mm sẽ giúp tăng mức độ an toàn một cách rõ rệt. Khoảng cách này được đo từ tâm của vô lăng đến xương ngực của bạn. Nếu vị trí lái xe hiện tại của bạn cách túi khí người lái dưới 250 mm, bạn có thể thay đổi vị trí lái xe của mình theo một số cách như sau:

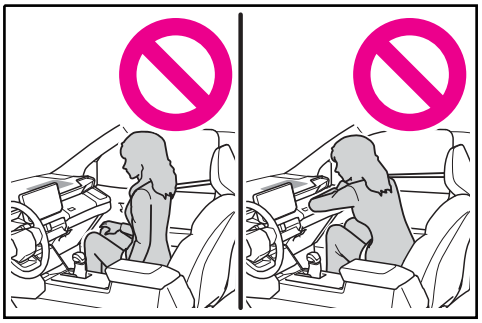
⚠ CẢNH BÁO

- Hãy dịch ghế của bạn về phía sau càng xa càng tốt trong khi vẫn có thể điều khiển các bàn đạp một cách thoải mái.

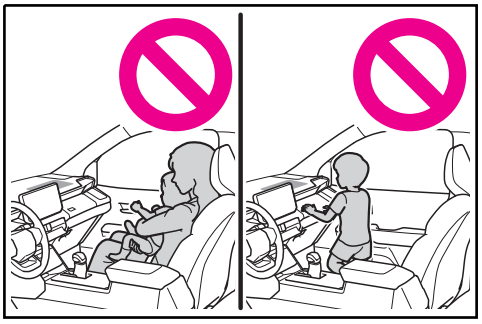
- Hãy hơi ngả lưng ghế. Mặc dù thiết kế của các xe là khác nhau, rất nhiều người lái có thể giữ được khoảng cách 250 mm, ngay cả khi ghế lái được dịch hết về phía trước, chỉ đơn giản bằng cách hơi ngả lưng ghế xuống một chút. Nếu việc ngả lưng ghế khiến bạn khó quan sát đường, hãy nâng người bạn lên bằng cách sử dụng một miếng đệm chắc chắn, không trơn trượt hoặc nâng ghế lên nếu xe của bạn có tính năng này.
- Nếu có thể điều chỉnh được vô lăng, hãy hạ thấp nó xuống. Việc này sẽ hướng túi khí vào ngực thay vì hướng vào đầu và cổ của bạn.

Bạn nên điều chỉnh ghế lái theo hướng dẫn ở trên, đồng thời vẫn phải đảm bảo kiểm soát tốt các bàn đạp, vô lăng và khả năng quan sát bảng táp lô.

- Túi khí hành khách phía trước sẽ bung ra với một lực đáng kể và có thể gây tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng, đặc biệt nếu hành khách phía trước đang ngồi rất gần túi khí. Ghế hành khách phía trước phải được đặt càng xa túi khí càng tốt với lưng ghế được điều chỉnh sao cho hành khách ngồi thẳng lưng.
- Người ngồi không đúng cách và/hoặc trẻ sơ sinh và trẻ em được hạn chế va đập không đúng cách có thể bị chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong nếu túi khí nổ. Với trẻ sơ sinh hoặc trẻ quá nhỏ không thể sử dụng được đai an toàn, bạn nên sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em phù hợp để giữ trẻ. Chúng tôi thành thực khuyên bạn nên để trẻ em và trẻ sơ sinh ở hàng ghế sau và sử dụng các biện pháp hạn chế va đập phù hợp cho trẻ. Hàng ghế sau an toàn hơn dành cho trẻ em và trẻ sơ sinh so với ghế hành khách phía trước. (→P.46)
- Không ngồi lên mép ghế hoặc ngả người vào mặt táp lô.



- Không để trẻ em đứng phía trước túi khí của ghế hành khách phía trước hoặc ngồi trên đùi của hành khách phía trước.



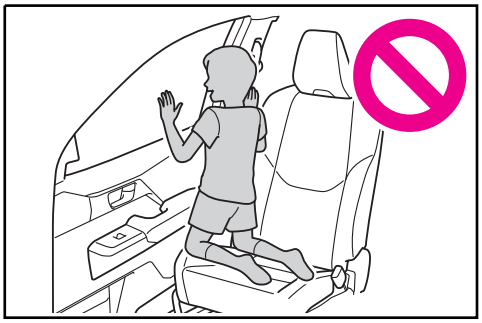
- Những người ngồi ở các ghế trước cũng chú ý không được giữ các đồ vật ở trong lòng.

- Không dựa vào cửa xe, tấm ốp dọc hai bên trần xe, hoặc trụ trước, trụ giữa hoặc trụ sau của xe.

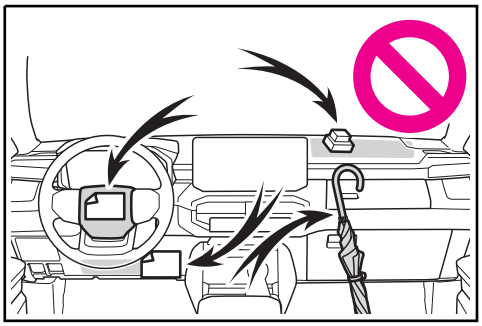


CẢNH BÁO

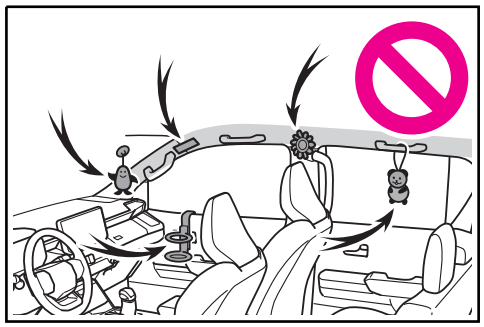
- Không để người nào quỳ trên ghế, hướng về phía cửa xe hoặc thò đầu hoặc tay của họ ra ngoài xe.



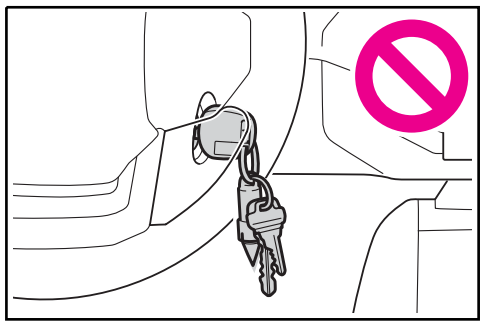
- Không được gắn hoặc đặt các đồ vật trên mặt táp lô, mặt vô lăng và phía dưới của bảng táp lô.



- Không gắn bất cứ thứ gì vào các vị trí như các cửa xe, kính chắn gió, các cửa sổ bên, các trụ trước hoặc trụ sau, mép bên trần xe hoặc tay nắm.



- Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Không gắn bất kỳ vật nặng, sắc nhọn hoặc cứng vào chìa khóa.



- Không treo móc áo khoác hoặc các vật cứng khác lên móc treo áo khoác. Những vật này có thể sẽ bị bắn văng đi nếu túi khí rèm bị kích hoạt, có thể dẫn đến tử vong hoặc bị thương nghiêm trọng.
- Nếu một tấm nhựa vinyl đang được gắn vào vị trí mà túi khí đầu gối sẽ kích hoạt, thì hãy tháo nó ra.

- Xe có túi khí bên SRS: Không sử dụng phụ kiện ghế che phần nơi túi khí SRS bung ra, vì chúng có thể gây cản trở cho quá trình bung túi khí SRS. Những phụ kiện này có thể ngăn chặn túi khí SRS bung ra đúng cách, làm hỏng hệ thống hoặc gây ra việc túi khí SRS bung ra một cách không cố ý, có thể dẫn đến tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.
- Không gõ, đập hoặc tác động lực mạnh lên các chi tiết của hệ thống túi khí, các cửa trước hoặc khu vực xung quanh của chúng. Nếu không có thể khiến hệ thống các túi khí bị trục trặc.
- Không chạm vào các chi tiết của túi khí ngay sau khi túi khí đã được kích hoạt vì chúng có thể đang rất nóng.
- Nếu như bạn cảm thấy khó thở ngay sau khi túi khí nổ, hãy mở cửa hoặc cửa sổ để cho không khí từ bên ngoài có thể vào xe hoặc rời khỏi xe nếu như điều đó là an toàn. Hãy rửa sạch những chất bám trên da để đề phòng bị dị ứng da.
- Nếu một chi tiết chứa túi khí bị hỏng hoặc nứt, hãy yêu cầu đại lý Toyota của bạn thay thế chi tiết đó.

n Thay đổi và hủy các chi tiết của hệ thống túi khí

Không hủy xe của bạn hoặc thực hiện bất kỳ sửa đổi nào sau đây mà không hỏi ý kiến Đại lý Toyota của bạn. Các túi khí có thể sẽ hoạt động không chính xác hoặc bất ngờ bị kích hoạt, có thể dẫn đến tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng.

- Tháo, lắp, tháo rời hoặc sửa chữa các túi khí
- Sửa chữa, tháo hoặc sửa đổi các chi tiết sau hoặc khu vực xung quanh chúng
  - Vô lăng
  - Bảng táp lô
  - Bảng điều khiển
  - Xe có túi khí bên: Ghế
  - Xe có túi khí bên: Nệm ghế
  - Xe có túi khí rèm: Các trụ trước
  - Xe có túi khí rèm: Các trụ bên
  - Xe có túi khí rèm: Các trụ sau
  - Xe có túi khí rèm: Thanh chắn bên trên nóc
- Sửa chữa hoặc sửa đổi các chi tiết sau hoặc khu vực xung quanh chúng
  - Tai xe trước
  - Cản trước
  - Xe có túi khí rèm: Phía bên trong của xe
- Lắp đặt các chi tiết hoặc phụ kiện sau
  - Thanh cản bò hoặc thanh cản kangaroo
  - Thanh cào tuyết
  - Tời
- Sửa đổi hệ thống treo của xe
- Khi lắp các thiết bị điện tử như các đài phát hai chiều di động (bộ truyền phát tín hiệu RF) hoặc đầu đĩa CD

Các lưu ý với khí xả

Trong khí xả có các chất độc hại có thể ảnh hưởng đến sức khỏe khi hít phải.

⚠ CẢNH BÁO

Khí xả của xe có thành phần khí cácbon môônôxít (CO) độc hại không màu và không mùi. Hãy chú ý tuân thủ theo các quy định sau.
Nếu không có thể làm cho khí xả xâm nhập vào xe, dẫn đến tai nạn do bị mất tỉnh táo, dẫn tới tử vong hoặc gây tổn hại nghiêm trọng tới sức khỏe.

n **Các điểm cần lưu ý khi lái xe**

l Nếu có mùi khí xả trong xe, hãy mở các cửa sổ và kiểm tra xe tại Đại lý Toyota càng sớm càng tốt.

n **Khi đỗ xe**

l Nếu đỗ xe ở khu vực thông khí kém hoặc khu vực kín như trong gara, hãy tắt máy.

l Không rời khỏi xe quá lâu trong khi động cơ đang làm việc.
Nếu trong tình huống bất khả kháng, hãy đỗ xe tại một địa điểm thông thoáng và kiểm tra để đảm bảo rằng khí xả không bị lọt vào trong xe.

l Không để động cơ hoạt động ở vị trí có tuyết rơi hoặc bị đọng tuyết. Nếu băng tuyết bám xung quanh xe trong khi động cơ vẫn làm việc thì khí xả có thể sẽ tích tụ lại và xâm nhập vào trong xe.

n **Ống xả**

Bạn nên kiểm tra hệ thống khí xả theo định kỳ. Nếu như xuất hiện lỗ thủng hay vết nứt trên ống xả do bị ăn mòn, các đoạn nối bị hư hỏng hoặc có tiếng khí xả khác thường thì hãy mang xe tới kiểm tra và sửa chữa tại đại lý Toyota.

Hệ thống bật-tắt túi khí bằng tay*

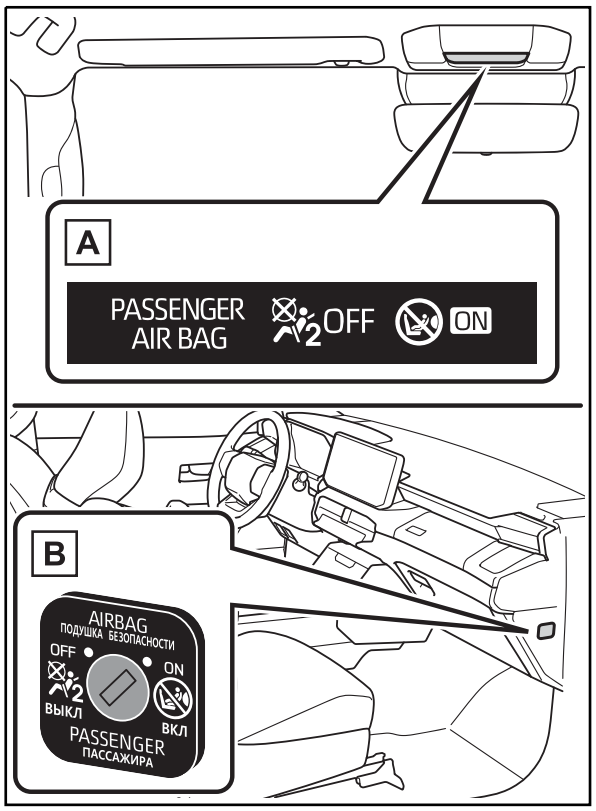
*: Nếu có

Hệ thống này sẽ vô hiệu hóa túi khí SRS sau:

- Túi khí hành khách phía trước

Chỉ vô hiệu hóa các túi khí khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em trên ghế hành khách phía trước.

Các chi tiết của hệ thống



A Các đèn chỉ báo "PASSENGER AIR BAG"

Các đèn chỉ báo "PASSENGER AIR BAG" và "ON" sẽ bật sáng khi hệ thống túi khí được bật, và đèn này sẽ sáng khoảng 60 giây sau đó tắt (chỉ khi công tắc động cơ đang ở chế độ ON).

B Công tắc bật-tắt túi khí bằng tay

Vô hiệu hóa các túi khí hành khách phía trước



▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh:

Cắm chìa khóa cơ vào ổ khóa và xoay tới vị trí "OFF".

Đèn chỉ báo “OFF” sẽ bật sáng (chỉ khi công tắc động cơ ở ON).

▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh:

Cắm chìa khóa vào ổ khóa và vặn chìa sang vị trí "OFF".

Đèn chỉ báo “OFF” sẽ bật sáng (chỉ khi công tắc động cơ ở ON).

n Thông tin đèn chỉ báo "PASSENGER AIR BAG"

Nếu xuất hiện một trong những lỗi sau, có thể đã có trục trặc trong hệ thống này. Hãy mang xe đến kiểm tra tại đại lý Toyota.

- Đèn chỉ báo "OFF" không sáng lên khi công tắc bật-tắt túi khí bằng tay được đặt ở "OFF".
- Đèn chỉ báo không thay đổi khi công tắc bật-tắt túi khí bằng tay được chuyển đến "ON" hoặc "OFF".

⚠ CẢNH BÁO

n **Khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em**

Để đảm bảo an toàn, luôn lắp hệ thống ghế cho trẻ em trên ghế sau. Trong trường hợp không thể sử dụng hàng ghế sau được, bạn có thể sử dụng ghế trước để lắp hệ thống ghế cho trẻ em miễn là hệ thống bật-tắt túi khí bằng tay được đặt ở "OFF".
Nếu hệ thống bật-tắt túi khí bằng tay được đặt ở chế độ "ON", thì lực bung mạnh của túi khí khi nổ có thể sẽ gây ra chấn thương nghiêm trọng hoặc thậm chí gây tử vong.

n **Khi không lắp hệ thống ghế cho trẻ em trên ghế hành khách phía trước**

Hãy đảm bảo đặt công tắc bật-tắt túi bằng tay khí ở vị trí "ON".
Nếu vẫn để ở "OFF", thì túi khí có thể sẽ không kích hoạt khi xảy ra tai nạn, và có thể dẫn tới tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

Lái xe khi có trẻ em ở trên xe

Hãy tuân theo các lưu ý sau khi có trẻ em ở trong xe.
Hãy sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em cho phù hợp với trẻ, cho đến khi trẻ đủ lớn để sử dụng được hệ thống đai an toàn trên xe một cách chính xác.

- Bạn nên để trẻ em ngồi trên ghế sau (nếu có) để tránh vô tình chạm vào cần số, công tắc gạt nước ….
- Sử dụng khóa bảo vệ trẻ em trên cửa sau (chỉ cho xe có cabin kép) hoặc công tắc khóa cửa sổ để tránh cho trẻ em mở cửa trong khi lái xe hoặc vô tình điều khiển cửa sổ điện. (→P.141, 164)
- Không để trẻ nhỏ vận hành thiết bị có thể gây kẹp hoặc kẹt cơ thể trẻ, như cửa sổ điện, nắp capô, cửa sau thùng xe (nếu có), ghế ngồi, v.v.

⚠ CẢNH BÁO

n **Khi có trẻ em ở trong xe**

Không để trẻ ở trong xe mà không có người trông coi, và không cho trẻ cầm hoặc nghịch chìa khóa xe.

Trẻ có thể khởi động xe hoặc chuyển cần số đến vị trí trung gian. Đồng thời trẻ cũng có thể sẽ bị chấn thương nếu trẻ nghịch các kính cửa sổ bên, hoặc những thiết bị khác của xe. Ngoài ra, nhiệt độ trong xe rất cao hoặc xuống rất thấp bên trong xe và trẻ sẽ gặp nguy hiểm.

Hệ thống ghế cho trẻ em

Trước khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em lên xe, có một số lưu ý mà bạn cần đọc trong cuốn sách này như các kiểu hệ thống ghế cho trẻ em, cách lắp chúng…

Hãy sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em khi lái xe có trẻ nhỏ không thể sử dụng chính xác đai an toàn. Để đảm bảo an toàn cho trẻ em, lắp hệ thống ghế cho trẻ em trên ghế sau (nếu được trang bị). Chắc chắn phải tuân theo phương pháp lắp trong hướng dẫn sử dụng đi kèm với hệ thống ghế cho trẻ em.

Mục lục

Các điểm cần ghi nhớ: P.47

Khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em: P.48

Các vị trí ghế tương thích với hệ thống ghế cho trẻ em:

Phương pháp lắp đặt hệ thống ghế cho trẻ em: P.63

- Cố định bằng đai an toàn: P.64
- Lắp bằng móc cứng cố định ISOFIX phía dưới (nếu có): P.66
- Dùng móc chằng phía trên (nếu có): P.67

Các điểm cần ghi nhớ

- Nếu nhà nước có các quy định về hệ thống ghế cho trẻ em trên xe, hãy liên hệ với đại lý Toyota để lắp đặt hệ thống ghế cho trẻ em.
- Hãy sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em cho đến khi trẻ đủ lớn để thắt đai an toàn một cách chính xác.
- Lựa chọn hệ thống ghế cho trẻ em phù hợp với tuổi và kích thước của trẻ.
- Xin hãy lưu ý rằng không phải tất cả các hệ thống ghế cho trẻ em đều lắp vừa với mọi loại xe. Trước khi sử dụng hoặc mua hệ thống ghế cho trẻ em, hãy kiểm tra khả năng tương thích của hệ thống ghế cho trẻ với các vị trí ghế trên xe.

⚠ CẢNH BÁO

n **Khi lái xe có trẻ em trên xe**

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

l Để đảm bảo hiệu quả bảo vệ khi xe bị tai nạn hoặc phanh gấp, trẻ phải được bảo vệ đúng cách bằng cách dùng đai an toàn hoặc hệ thống ghế cho trẻ em đã được lắp đặt chính xác. Để biết thông tin chi tiết về cách lắp đặt, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng đi kèm theo hệ thống ghế cho trẻ em. Những thông tin chung về việc lắp đặt cũng được giới thiệu trong cuốn sách hướng dẫn này.

l Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em phù hợp với trọng lượng và kích cỡ cơ thể của trẻ, và nên lắp hệ thống ghế cho trẻ em trên hàng ghế sau. Theo thống kê, trẻ ngồi ở ghế sau sẽ an toàn hơn ở ghế trước.

l Giữ trẻ trong lòng bạn không phải là một biện pháp bảo vệ trẻ thích hợp. Khi xảy ra tai nạn, trẻ có thể bị va vào kính chắn gió hoặc bị kẹp giữa bạn và các thiết bị nội thất xe.

n **Thao tác với hệ thống ghế cho trẻ em**

Nếu hệ thống ghế cho trẻ em không được cố định đúng vị trí, trẻ hoặc các hành khách khác có thể bị chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong trong trường hợp phanh gấp, đánh lái gấp hoặc tai nạn.

l Nếu xe bị va chạm mạnh do tai nạn… hệ thống ghế cho trẻ em có thể hư hỏng mà không nhận biết bằng mắt thường được. Trong trường hợp này, không sử dụng lại hệ thống ghế cho trẻ em.

l Tùy vào hệ thống ghế cho trẻ em, việc lắp đặt có thể sẽ khó khăn hoặc không thể thực hiện được. Trong trường hợp này, hãy kiểm tra xem hệ thống ghế cho trẻ em có phù hợp để lắp trên xe không. Hãy đảm bảo tuân thủ theo các hướng dẫn lắp đặt và sử dụng sau khi đọc kỹ hướng dẫn lắp đặt hệ thống ghế cho trẻ em trong cuốn sách hướng dẫn sử dụng này, cũng như sách hướng dẫn sử dụng đi kèm theo hệ thống ghế cho trẻ em.

l Hãy cố định chắc chắn hệ thống ghế cho trẻ em trên ghế kể cả khi không sử dụng tới. Không để hệ thống ghế cho trẻ em không được cố định trong khoang hành khách.

l Nếu cần phải tháo hệ thống ghế cho trẻ em, hãy tháo nó ra khỏi xe.

Khi sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em

n Khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em lên ghế hành khách phía trước

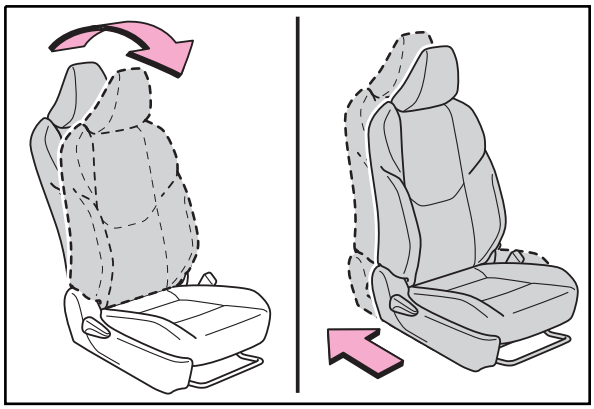
Để đảm bảo an toàn cho trẻ em, lắp đặt hệ thống ghế cho trẻ em lên ghế sau (nếu có trang bị). Khi việc lắp đặt hệ thống ghế cho trẻ em lên ghế hành khách phía trước là không thể tránh khỏi, hãy điều chỉnh ghế như sau và lắp đặt hệ thống ghế cho trẻ em.

- Điều chỉnh lưng ghế đến vị trí thẳng đứng.

Xe không có công tắc bật-tắt túi khí bằng tay: Nếu có khe hở giữa ghế cho trẻ em và lưng ghế, hãy điều chỉnh góc của lưng ghế cho đến khi nó tiếp xúc với ghế cho trẻ em.

Xe có công tắc bật-tắt túi khí bằng tay: Khi lắp ghế cho trẻ em hướng về phía trước, nếu có khe hở giữa ghế cho trẻ em và lưng ghế, hãy điều chỉnh góc của lưng ghế cho đến khi nó tiếp xúc với ghế cho trẻ em.

- Xe không có ghế trước kiểu ghế liền: Đẩy ghế trước về hết phía sau. Nếu có thể điều chỉnh được độ cao của ghế hành khách, hãy đặt ghế ở vị trí cao nhất.



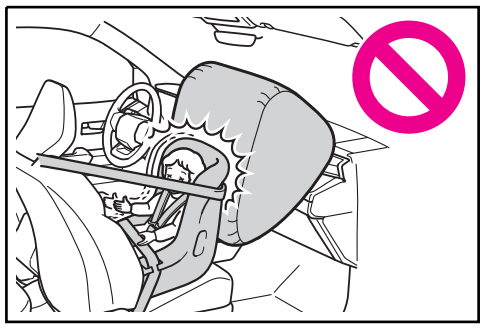
- Nếu tựa đầu bị vướng vào hệ thống ghế cho trẻ em, và tựa đầu có thể tháo ra được, hãy tháo tựa đầu ra. Nếu không, hãy chỉnh tựa đầu đến vị trí cao nhất.

⚠ CẢNH BÁO

n Khi sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em

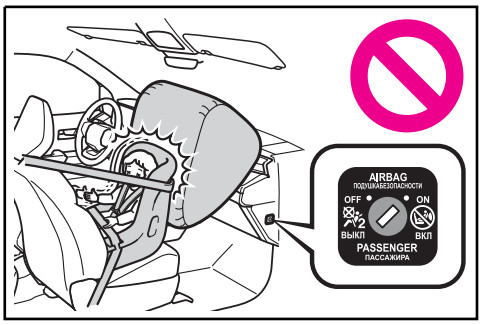
Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

l Xe không có công tắc bật-tắt túi khí bằng tay: Không sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em kiểu lắp quay về phía sau trên ghế hành khách phía trước.
Lực bung mạnh của túi khí hành khách phía trước có thể gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong cho trẻ trong trường hợp xe bị tai nạn.

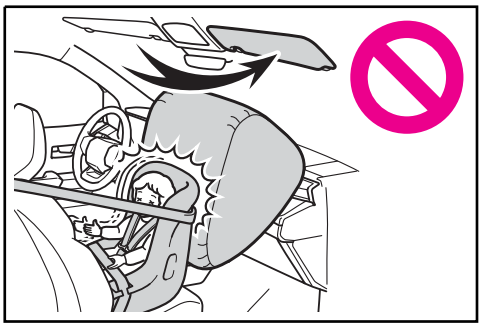


CẢNH BÁO

- Xe có công tắc bật-tắt túi khí bằng tay: Không bao giờ sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em loại quay về phía sau trên ghế hành khách phía trước khi công tắc bật-tắt túi khí bằng tay đang bật. (→P.44)
  Lực bung mạnh của túi khí hành khách phía trước có thể gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong cho trẻ trong trường hợp xe bị tai nạn.



- (Các) nhãn cảnh báo được gắn trên tấm chắn nắng phía hành khách để nhắc nhở bạn không được lắp đặt hệ thống ghế cho trẻ em ở vị trí quay về phía sau trên ghế hành khách phía trước.
  Thông tin chi tiết về nhãn được thể hiện trong hình minh họa dưới đây.

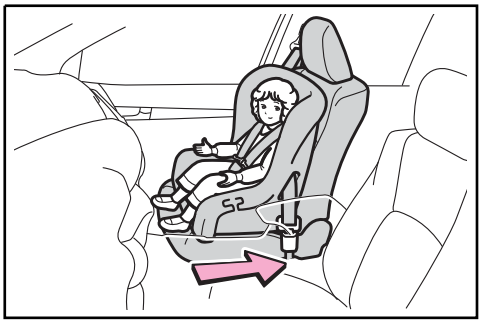


CẢNH BÁO

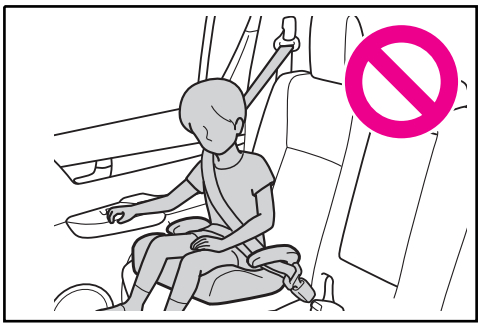


CẢNH BÁO

- Chỉ lắp hệ thống ghế cho trẻ em kiểu quay về phía trước trên ghế trước trong trường hợp bất khả kháng. Khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em kiểu quay về phía trước trên ghế hành khách phía trước, hãy lùi ghế về phía sau càng nhiều càng tốt. Nếu không khi túi khí nổ có thể sẽ gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong cho trẻ.



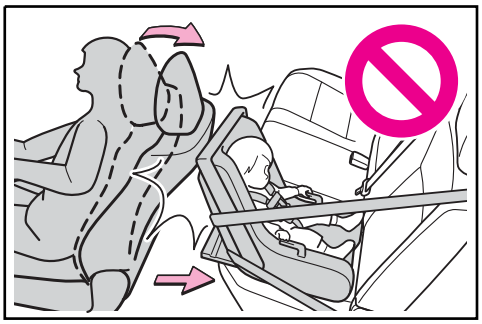
- Xe có túi khí bên và túi khí rèm: Không để trẻ ngả đầu hoặc người vào cửa xe hoặc các khu vực xung quanh ghế, trụ trước hoặc trụ sau của xe hoặc tấm ốp bên dọc trần xe, do các túi khí bên hoặc túi khí rèm có thể kích nổ, ngay cả khi trẻ đã ngồi trong hệ thống ghế cho trẻ em. Sẽ rất nguy hiểm nếu túi khí bên hoặc túi khí rèm nổ, vì lực bung mạnh của túi khí có thể làm cho trẻ bị tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.



- Khi lắp đặt ghế cho trẻ lớn, hãy đảm bảo rằng đai vai được đặt chéo qua giữa vai của trẻ. Hãy giữ đai cách xa cổ của trẻ, nhưng không được để đai tuột khỏi vai của trẻ.

CẢNH BÁO

- Sử dụng ghế cho trẻ em cho phù hợp với lứa tuổi và cỡ người của trẻ và lắp chúng trên ghế sau.
- Kiểu xe có cabin kép: Nếu ghế người lái chạm vào hệ thống ghế cho trẻ em và ảnh hưởng đến khả năng lắp chính xác hệ thống ghế cho trẻ em, hãy lắp ghế cho trẻ em lên ghế sau bên phải.



- Kiểu xe có cabin kép: Điều chỉnh ghế hành khách phía trước sao cho nó không chạm vào hệ thống ghế cho trẻ em.

Các vị trí ghế tương thích với hệ thống ghế cho trẻ em

n Các vị trí ghế tương thích với hệ thống ghế cho trẻ em

Tương thích của từng vị trí ghế đối với các ghế cho trẻ em (→P.52) chỉ ra loại ghế cho trẻ em có thể sử dụng được và vị trí ghế có thể lắp bằng các biểu tượng. Ngoài ra, có thể lựa chọn ghế cho trẻ em phù hợp với trẻ em.

Nếu không, hãy kiểm tra [Bảng lựa chọn hệ thống ghế cho trẻ em] để biết được loại ghế cho trẻ em khuyến nghị. (→P.62)

Kiểm tra ghế cho trẻ em đã chọn như sau [trước khi xác định tính tương thích của từng vị trí ghế đối với các ghế cho trẻ em].

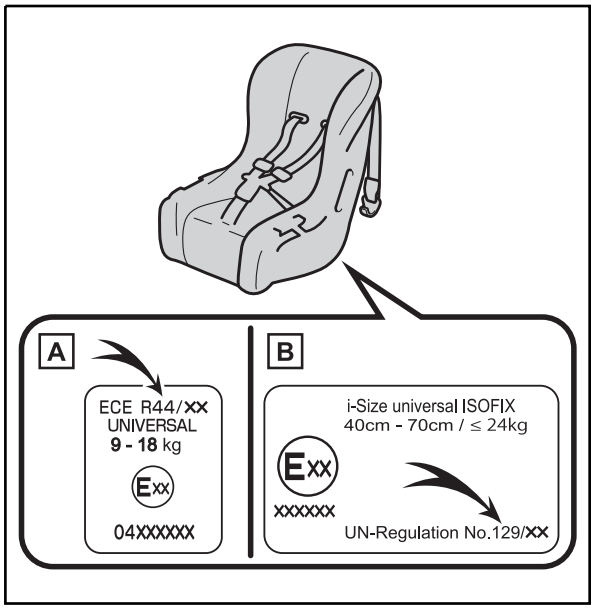
n Trước khi xác định tính tương thích của từng vị trí ghế với các ghế cho trẻ em

1 Kiểm tra các tiêu chuẩn của hệ thống ghế cho trẻ em.

Sử dụng ghế cho trẻ em phù hợp với tiêu chuẩn UN(ECE) R44[*1] hoặc UN(ECE) R129[*1, 2].

Dấu chứng nhận sau được gắn trên hệ thống ghế cho trẻ phù hợp tiêu chuẩn.

Hãy kiểm tra dấu chứng nhận được gắn trên hệ thống ghế cho trẻ em.



Ví dụ minh họa về số chứng nhận

A Dấu chứng nhận UN(ECE) R44[*3]

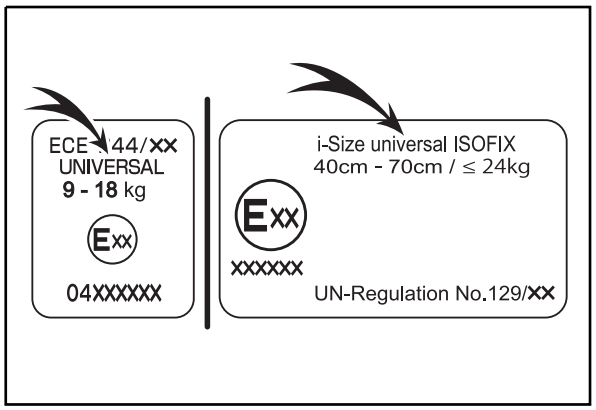
Dải trọng lượng của trẻ em được áp dụng trong dấu chứng nhận của UN(ECE) R44.

B Dấu chứng nhận UN(ECE) R129*3

Dải chiều cao và trọng lượng của trẻ được áp dụng trong dấu chứng nhận của UN(ECE) R129.

2 Kiểm tra chủng loại của hệ thống ghế cho trẻ em.
Kiểm tra dấu chứng nhận của ghế dành cho trẻ em xem loại nào trong số những loại ghế sau đây là phù hợp.
Ngoài ra, nếu chưa chắc chắn, hãy kiểm tra tài liệu hướng dẫn đi kèm với hệ thống ghế cho trẻ em hoặc liên hệ với nhà cung cấp.

- "phổ thông"
- "bán phổ thông"
- "bị hạn chế"
- "đặc biệt"



*1: (UN)ECE R44 và (UN)ECE R129 là quy định của Liên hợp quốc về hệ thống ghế cho trẻ em.

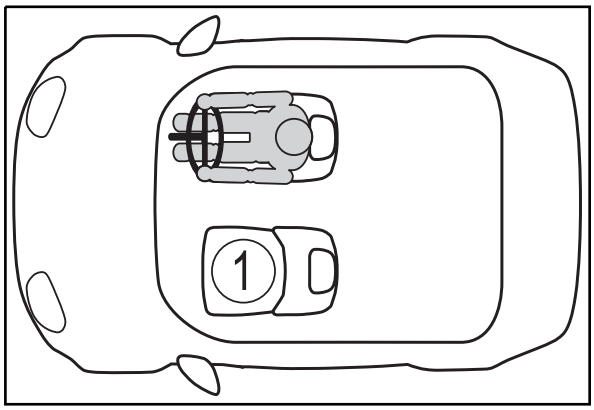
*2: Hệ thống ghế cho trẻ em trong bảng trên có thể không được sử dụng ở bên ngoài khu vực Châu Âu.

*3: Các dấu hiệu này có thể khác nhau tùy theo từng sản phẩm.

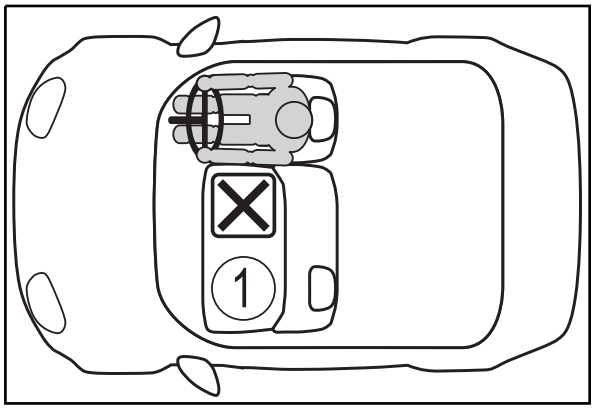
n Tính tương thích của từng vị trí ghế đối với các hệ thống ghế cho trẻ em

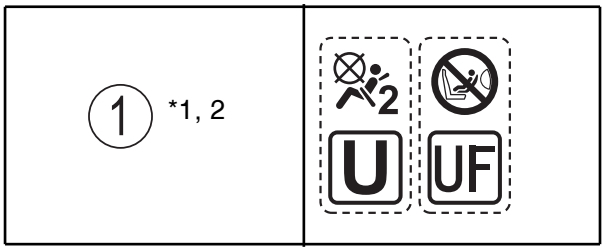
▶ Mẫu xe cabin đơn có công tắc bật-tắt túi khí bằng tay

Ghế trước loại kiểu rời:



Ghế trước kiểu liền:





U Phù hợp với hệ thống ghế cho trẻ em theo loại "phổ thông" được lắp bằng đai an toàn.

UF Thích hợp cho hệ thống ghế cho trẻ em kiểu “phổ thông” được lắp hướng về phía trước và được cố định bằng đai an toàn.

Không phù hợp với hệ thống ghế cho trẻ em.

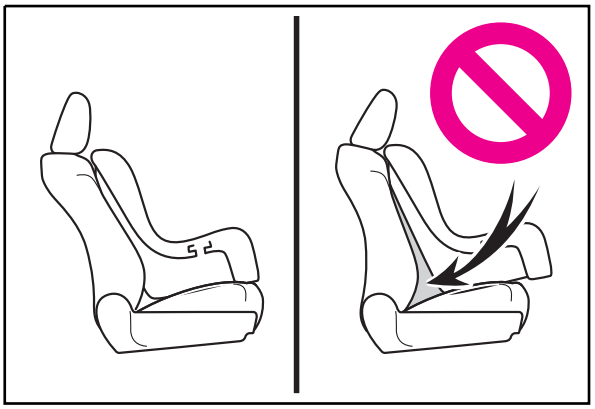
Vô hiệu hóa túi khí hành khách phía trước.

Kích hoạt túi khí hành khách phía trước.

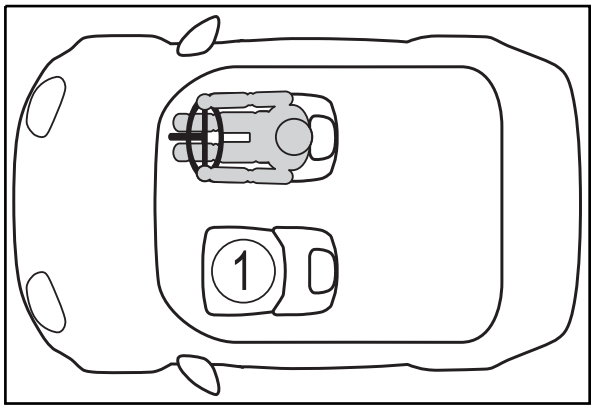
Không bao giờ sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế hành khách trước khi bật công tắc bật-tắt túi khí thủ công.

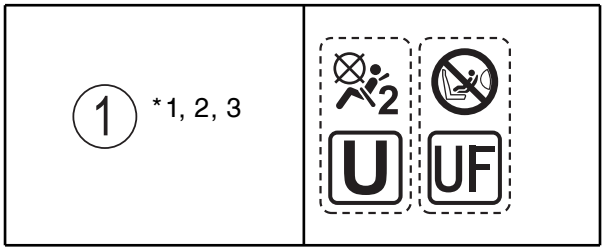
*1: Xe không có ghế trước kiểu ghế liền: Đẩy ghế trước về hết phía sau. Nếu có thể điều chỉnh được độ cao của ghế hành khách, hãy đặt ghế ở vị trí cao nhất.

*2: Điều chỉnh lưng ghế đến vị trí thẳng đứng.
Khi lắp ghế cho trẻ em hướng về phía trước, nếu có khe hở giữa ghế cho trẻ em và lưng ghế, hãy điều chỉnh lưng ghế cho đến khi nó tiếp xúc với ghế cho trẻ em.



▶ Các mẫu Smart-cab có công tắc bật-tắt túi khí bằng tay





U Phù hợp với hệ thống ghế cho trẻ em theo loại "phổ thông" được lắp bằng đai an toàn.

UF Thích hợp cho hệ thống ghế cho trẻ em kiểu “phổ thông” được lắp hướng về phía trước và được cố định bằng đai an toàn.

Vô hiệu hóa túi khí hành khách phía trước.

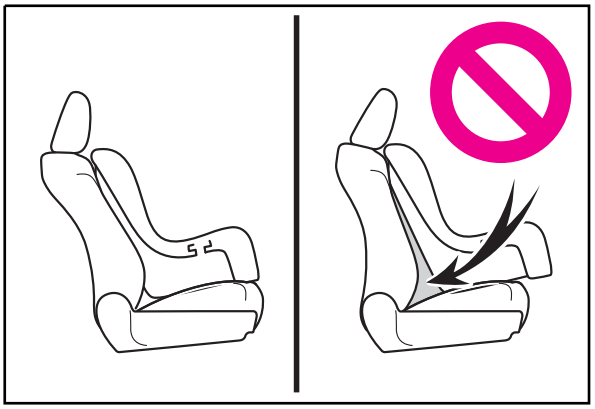
Kích hoạt túi khí hành khách phía trước.

Không bao giờ sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế hành khách trước khi bật công tắc bật-tắt túi khí thủ công.

*1: Đẩy ghế trước hết cỡ về phía sau. Nếu có thể điều chỉnh được chiều cao ghế hành khách, hãy điều chỉnh ghế đến vị trí cao nhất.

*2: Điều chỉnh lưng ghế đến vị trí thẳng đứng.

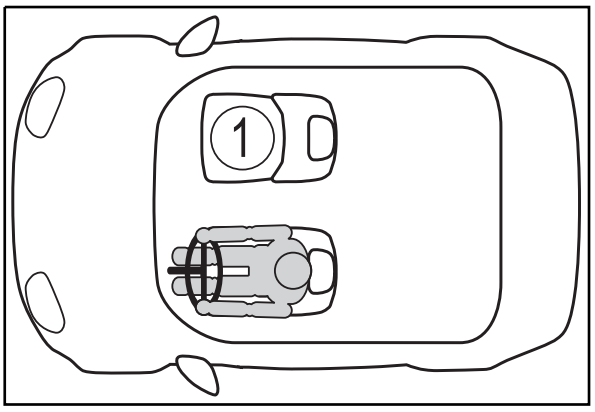
Khi lắp ghế cho trẻ em hướng về phía trước, nếu có khe hở giữa ghế cho trẻ em và lưng ghế, hãy điều chỉnh lưng ghế cho đến khi nó tiếp xúc với ghế cho trẻ em.



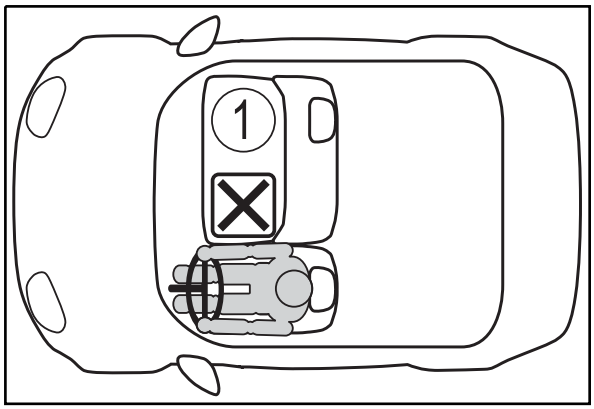
*3: Nếu tựa đầu bị vướng vào hệ thống ghế cho trẻ em, và tựa đầu có thể tháo ra được, hãy tháo tựa đầu ra. Nếu không, hãy chỉnh tựa đầu đến vị trí cao nhất.

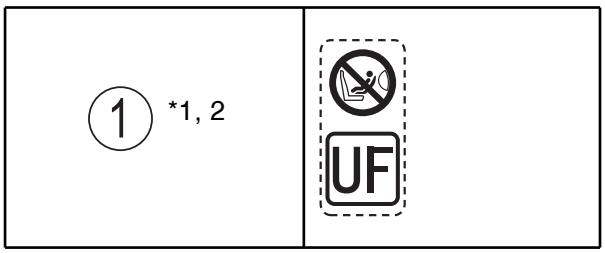
▶ Mẫu xe cabin đơn không có công tắc bật-tắt túi khí bằng tay

Ghế trước loại kiểu rời:



Ghế trước kiểu liền:





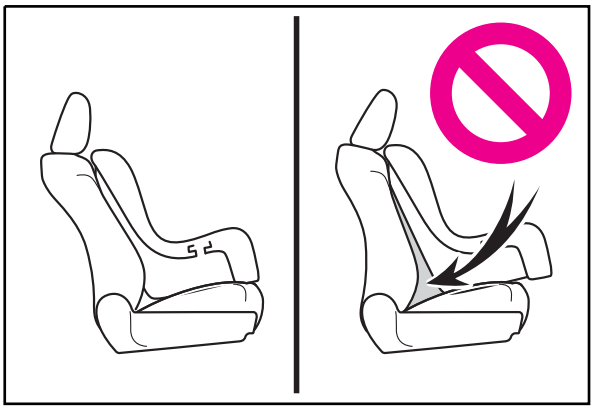
UF Thích hợp cho hệ thống ghế cho trẻ em kiểu “phổ thông” được lắp hướng về phía trước và được cố định bằng đai an toàn.

Không phù hợp với hệ thống ghế cho trẻ em.

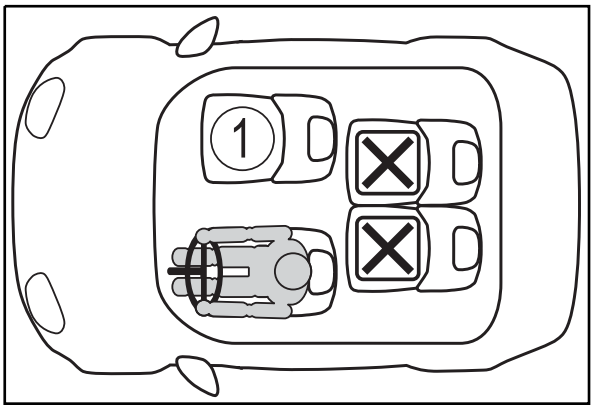
Kích hoạt túi khí cho hành khách phía trước.
Không bao giờ được lắp hệ thống ghế trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế hành khách phía trước.

*1: Xe không có ghế trước kiểu ghế liền: Đẩy ghế trước về hết phía sau. Nếu có thể điều chỉnh được độ cao của ghế hành khách, hãy đặt ghế ở vị trí cao nhất.

*2: Điều chỉnh lưng ghế đến vị trí thẳng đứng. Khi lắp ghế cho trẻ em hướng về phía trước, nếu có khe hở giữa ghế cho trẻ em và lưng ghế, hãy điều chỉnh sao cho lưng ghế và ghế cho trẻ em tiếp xúc với nhau.



▶ Mẫu Smart-cab không có công tắc bật-tắt túi khí bằng tay



1 *1, 2, 3	UF

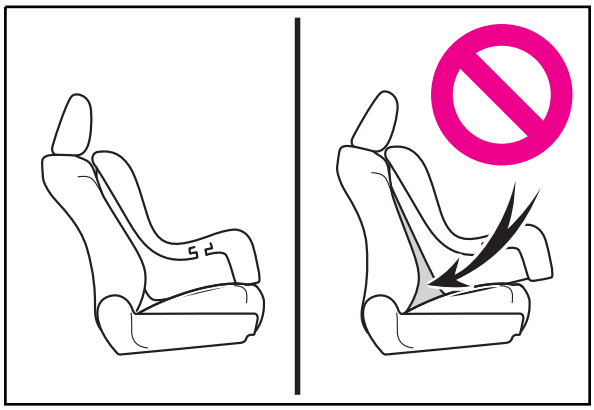
UF Thích hợp cho hệ thống ghế cho trẻ em kiểu "phổ thông" được lắp hướng về phía trước và được cố định bằng đai an toàn.

Không phù hợp với hệ thống ghế cho trẻ em.

Kích hoạt của túi khí phía trước cho hành khách phía trước.
Không bao giờ được lắp hệ thống ghế cho trẻ em về phía sau trên ghế hành khách trước.

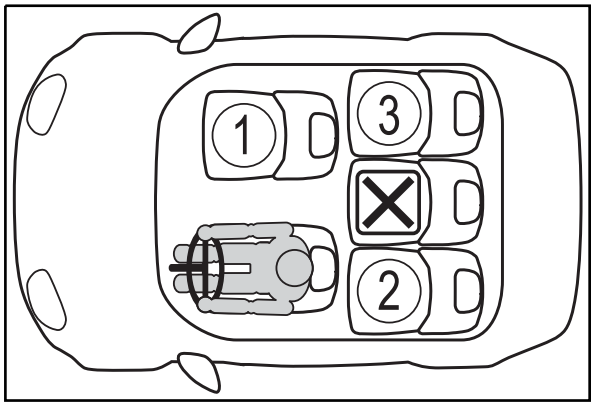
*1: Đẩy ghế trước hết cỡ về phía sau.
Nếu có thể điều chỉnh được chiều cao ghế hành khách, hãy điều chỉnh ghế đến vị trí cao nhất.

*2: Điều chỉnh lưng ghế đến vị trí thẳng đứng.
Khi lắp ghế cho trẻ em hướng về phía trước, nếu có khe hở giữa ghế cho trẻ em và lưng ghế, hãy điều chỉnh lưng ghế cho đến khi nó tiếp xúc với ghế cho trẻ em.



*3: Nếu tựa đầu bị vướng vào hệ thống ghế cho trẻ em, và tựa đầu có thể tháo ra được, hãy tháo tựa đầu ra. Nếu không, hãy chỉnh tựa đầu đến vị trí cao nhất.

▶ Các mẫu xe cabin đôi có công tắc bật-tắt túi khí bằng tay



1 *1, 2, 3	
2 *3	
3 *3	


Phù hợp với hệ thống ghế cho trẻ em theo loại "phổ thông" được lắp bằng đai an toàn.


Thích hợp cho hệ thống ghế cho trẻ em kiểu “phổ thông” được lắp hướng về phía trước và được cố định bằng đai an toàn.


Phù hợp với hệ thống ghế cho trẻ em được liệt kê trong mục Bảng tương thích và các hệ thống ghế cho trẻ em được khuyến nghị (→P.62).


Phù hợp với hệ thống ghế cho trẻ em i-size và ISOFIX


Bao gồm móc bắt phía trên.

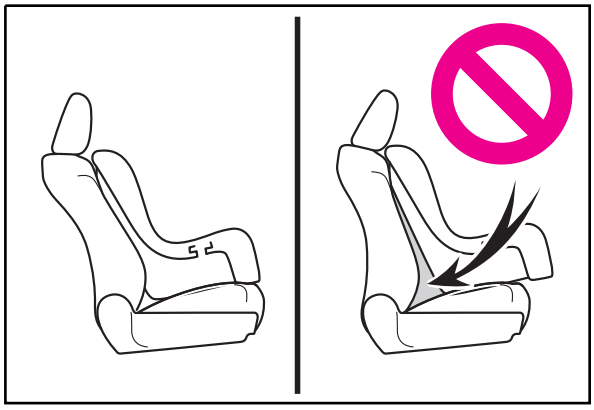

Không phù hợp với hệ thống ghế cho trẻ em.


Vô hiệu hóa túi khí hành khách phía trước.


Kích hoạt túi khí hành khách phía trước.
Không bao giờ sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em quay mặt về phía sau trên ghế hành khách trước khi bật công tắc bật-tắt túi khí thủ công.

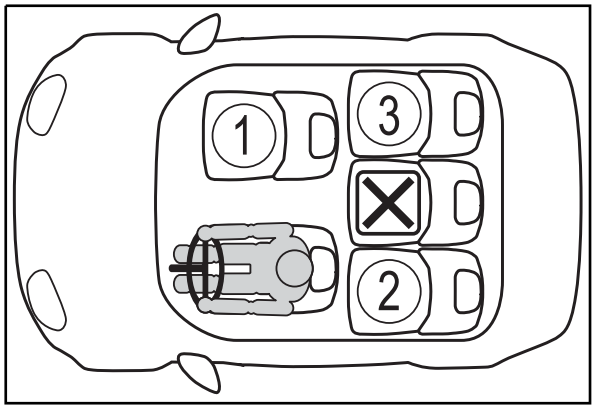
*1: Đẩy ghế trước hết cỡ về phía sau. Nếu có thể điều chỉnh được chiều cao ghế hành khách, hãy điều chỉnh ghế đến vị trí cao nhất.

*2: Điều chỉnh lưng ghế đến vị trí thẳng đứng.
Khi lắp ghế cho trẻ em hướng về phía trước, nếu có khe hở giữa ghế cho trẻ em và lưng ghế, hãy điều chỉnh lưng ghế cho đến khi nó tiếp xúc với ghế cho trẻ em.



*3: Nếu tựa đầu bị vướng vào hệ thống ghế cho trẻ em, và tựa đầu có thể tháo ra được, hãy tháo tựa đầu ra.
Nếu không, hãy đặt tựa đầu ở vị trí cao nhất.

▶ Mẫu xe cabin đôi không có công tắc bật-tắt túi khí bằng tay



1 *1, 2, 3	UF
2 *3	U L
3 *3	U L

U Phù hợp với hệ thống ghế cho trẻ em theo loại "phổ thông" được lắp bằng đai an toàn.

UF Thích hợp cho hệ thống ghế cho trẻ em kiểu “phổ thông” được lắp hướng về phía trước và được cố định bằng đai an toàn.

L Phù hợp với hệ thống ghế cho trẻ em được liệt kê trong mục Bảng tương thích và các hệ thống ghế cho trẻ em được khuyến nghị (→P.62).

Phù hợp với hệ thống ghế cho trẻ em i-size và ISOFIX

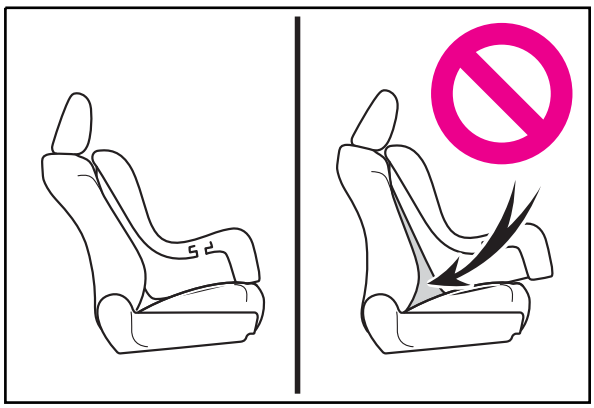
Bao gồm móc bắt phía trên.

Không phù hợp với hệ thống ghế cho trẻ em.

Kích hoạt của túi khí phía trước cho hành khách phía trước.
Không bao giờ được lắp hệ thống ghế cho trẻ em về phía sau trên ghế hành khách trước.

*1: Đẩy ghế trước hết cỡ về phía sau. Nếu có thể điều chỉnh được chiều cao ghế hành khách, hãy điều chỉnh ghế đến vị trí cao nhất.

*2: Điều chỉnh lưng ghế đến vị trí thẳng đứng.
Khi lắp ghế cho trẻ em hướng về phía trước, nếu có khe hở giữa ghế cho trẻ em và lưng ghế, hãy điều chỉnh lưng ghế cho đến khi nó tiếp xúc với ghế cho trẻ em.



*3: Nếu tựa đầu bị vướng vào hệ thống ghế cho trẻ em, và tựa đầu có thể tháo ra được, hãy tháo tựa

đầu ra. cao nhất.
Nếu không, hãy đặt tựa đầu ở vị trí

n Thông tin chi tiết để lắp hệ thống ghế cho trẻ em

▶ Cabin đơn và cabin thông minh

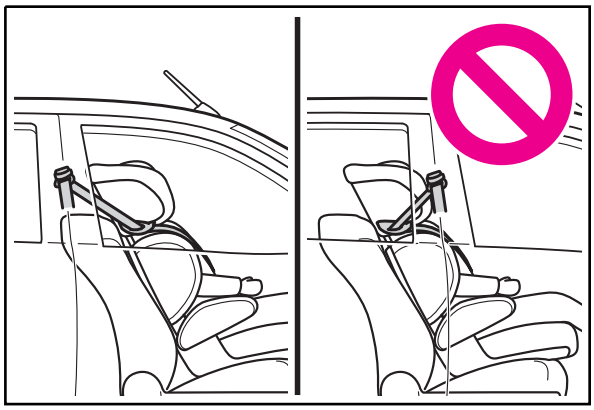
Vị trí ghế			
Số vị trí ghế	①		
	Xe không có công tắc bật-tắt túi khí bằng tay	Xe có công tắc bật-tắt túi khí bằng tay	
		Công tắc bật-tắt túi khí bằng tay	
		BẬT	TẮT
Vị trí phù hợp để sử dụng với đai an toàn loại phổ thông (Có/không)	Có Chỉ cho trường hợp quay về phía trước	Có Chỉ cho trường hợp quay về phía trước	Có
Vị trí i-Size (Có/Không)	Không	Không	Không
Vị trí phù hợp để cố định bên (L1/L2/Không)	Không	Không	Không
Vị trí phù hợp để lắp hướng về phía sau (R1/R2X/R2/R3/Không)	Không	Không	Không
Vị trí phù hợp để lắp hướng về phía trước (F2X/F2/F3/không)	Không	Không	Không
Vị trí phù hợp để lắp ghế cho trẻ lớn (B2/B3/Không)	Không	Không	Không

Hệ thống ghế cho trẻ em bằng móc kiểu ISOFIX được chia thành các loại “kiểu có móc” khác nhau. Hệ thống ghế cho trẻ em có thể sử dụng trong các vị trí ghế tương ứng “kiểu có móc” với bảng trên đây. Đối với “kiểu có móc”, hãy tham khảo bảng sau đây.

Nếu hệ thống ghế cho trẻ em không thuộc loại “kiểu có móc” (hoặc nếu bạn không tìm thấy thông tin trong bảng dưới đây), hãy tham khảo “danh sách xe” để biết thông tin về khả năng tương thích của hệ thống với xe hoặc hỏi thông tin từ nhà sản xuất ghế cho trẻ em.

Kiểu móc	Mô tả
F3	Hệ thống ghế cho trẻ em kiểu lắp quay về phía trước có chiều cao ghế chuẩn
F2	Hệ thống ghế cho trẻ em kiểu lắp quay về phía trước có chiều cao ghế nhỏ hơn
F2X	Hệ thống ghế cho trẻ em kiểu lắp quay về phía trước có chiều cao ghế nhỏ hơn
R3	Ghế cho trẻ em kích cỡ chuẩn và quay về phía sau
R2	Ghế cho trẻ em kích cỡ nhỏ và quay về phía sau
R2X	Ghế cho trẻ em kích cỡ nhỏ và quay về phía sau
R1	Ghế cho trẻ sơ sinh kiểu lắp quay về phía sau
L1	Ghế cho trẻ sơ sinh kiểu lắp quay về phía bên trái
L2	Ghế cho trẻ sơ sinh kiểu lắp quay về phía bên phải
B2	Ghế cho trẻ lớn
B3	Ghế cho trẻ lớn

- Khi lắp ghế cho trẻ em có giá đỡ, nếu hệ thống ghế cho trẻ em vướng vào lưng ghế khi gài ghế cho trẻ em vào giá đỡ, hãy điều chỉnh lưng ghế ngả về phía sau cho đến khi không chạm vào hệ thống ghế cho trẻ em nữa.
- Xe không có ghế trước kiểu ghế liền: Nếu móc treo đai vai cách xa dẫn hướng đai an toàn, hãy dịch nệm ghế về phía trước.



- Khi lắp ghế cho trẻ đã lớn, nếu có trẻ em ngồi trên ghế cho trẻ em ở vị trí thẳng đứng, hãy điều chỉnh lưng ghế đến vị trí thoải mái nhất.
  Xe không có ghế trước kiểu ghế liền: Nếu móc treo đai vai cách xa dẫn hướng đai an toàn, hãy dịch nệm ghế về phía trước.

▶ Kiểu xe có cabin kép

Vị trí ghế					
Số vị trí ghế	①			②	③
	Xe không có công tắc bật-tắt túi khí bằng tay	Xe có công tắc bật-tắt túi khí bằng tay			
		Công tắc bật-tắt túi khí bằng tay			
		BẬT	TẮT		
Vị trí phù hợp để sử dụng với đai an toàn loại phổ thông (Có/không)	Có Chỉ cho trường hợp quay về phía trước	Có Chỉ cho trường hợp quay về phía trước	Có	Có	Có
Vị trí i-Size (Có/Không)	Không	Không	Không	Có	Có
Vị trí phù hợp để cố định bên (L1/L2/Không)	Không	Không	Không	Không	Không
Vị trí phù hợp để lắp ghế quay về phía sau (R1/R2X/R2/R3/Không)	Không	Không	Không	R1, R2X, R2, R3	R1, R2X, R2, R3
Vị trí phù hợp để lắp hướng về phía trước (F2X/F2/F3/không)	Không	Không	Không	F2X, F2, F3	F2X, F2, F3
Vị trí phù hợp để lắp ghế cho trẻ lớn (B2/B3/Không)	Không	Không	Không	B2, B3	B2, B3

Hệ thống ghế cho trẻ em bằng móc kiểu ISOFIX được chia thành các loại “kiểu có móc” khác nhau. Hệ thống ghế cho trẻ em có thể sử dụng trong các vị trí ghế tương ứng “kiểu có móc” với bảng trên đây. Đối với “kiểu có móc”, hãy tham khảo bảng sau đây.

Nếu hệ thống ghế cho trẻ em không thuộc loại “kiểu có móc” (hoặc nếu bạn không tìm thấy thông tin trong bảng dưới đây), hãy tham khảo “danh sách xe” để biết thông tin về khả năng tương thích của hệ thống với xe hoặc hỏi thông tin từ nhà sản xuất ghế cho trẻ em.

Kiểu móc	Mô tả
F3	Hệ thống ghế cho trẻ em kiểu lắp quay về phía trước có chiều cao ghế chuẩn
F2	Hệ thống ghế cho trẻ em kiểu lắp quay về phía trước có chiều cao ghế nhỏ hơn
F2X	Hệ thống ghế cho trẻ em kiểu lắp quay về phía trước có chiều cao ghế nhỏ hơn
R3	Ghế cho trẻ em kích cỡ chuẩn và quay về phía sau
R2	Ghế cho trẻ em kích cỡ nhỏ và quay về phía sau
R2X	Ghế cho trẻ em kích cỡ nhỏ và quay về phía sau
R1	Ghế cho trẻ sơ sinh kiểu lắp quay về phía sau
L1	Ghế cho trẻ sơ sinh kiểu lắp quay về phía bên trái
L2	Ghế cho trẻ sơ sinh kiểu lắp quay về phía bên phải
B2	Ghế cho trẻ lớn
B3	Ghế cho trẻ lớn

n Bảng tương thích và bảng lựa chọn hệ thống ghế cho trẻ em (chỉ áp dụng cho dòng xe cabin đôi)

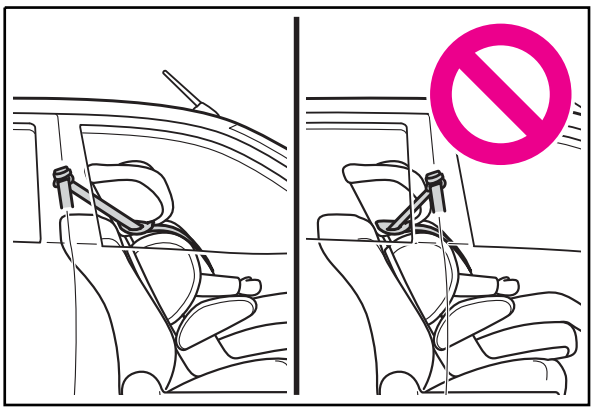
Hệ thống ghế cho trẻ em khuyến nghị	Dải kích thước	Hiển thị hướng đi.	Vị trí ghế				
			①			②	③
			Xe không có công tắc bật-tắt túi khí bằng tay	Xe có công tắc bật-tắt túi khí bằng tay			
				Công tắc bật-tắt túi khí bằng tay			
				BẬT	TẮT		
Nuna Todl Next + Nuna Base Next (Có/Không)	40 đến 105 cm (lên đến 18 kg)	Quay về phía sau	Không	Không	Không	Có	Có
	>15 tháng & 76 đến 105 cm (lên đến 18 kg)	Lắp quay về phía trước					
TOYOTA KIDFIX i-SIZE (Yes/No)	100 đến 150 cm (15 đến 36 kg)	Chỉ sử dụng hướng về phía trước	Không	Không	Không	Có	Có

Hệ thống ghế cho trẻ em được đề cập trong bảng trên có thể không được trang bị bên ngoài khu vực ASEAN.

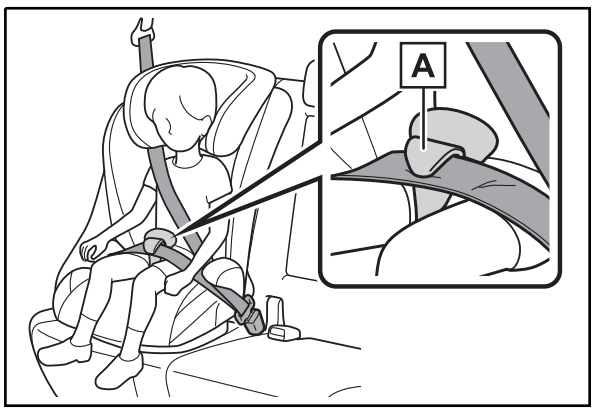
Khi cố định một số kiểu hệ thống ghế cho trẻ em trên ghế sau, bạn có thể sẽ không thể sử dụng đai an toàn ở những vị trí ghế cạnh hệ thống ghế cho trẻ em một cách chính xác mà không bị vướng hoặc ảnh hưởng đến hoạt động của đai được. Hãy đảm bảo lắp khít đai qua vai và dưới hông của bạn. Nếu đai lắp không được chặt hoặc nếu đai bị vướng vào ghế cho trẻ em, hãy chuyển sang ngồi ở vị trí khác.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Khi lắp ghế cho trẻ em lên ghế sau, hãy điều chỉnh ghế trước để ghế không vướng vào trẻ hoặc hệ thống ghế cho trẻ em.

- Khi lắp ghế cho trẻ em có bệ đỡ trên ghế trước, nếu ghế cho trẻ chạm vào lưng ghế khi gài ghế cho trẻ sơ sinh vào giá đỡ, hãy điều chỉnh lưng ghế ngả về phía sau sao cho không bị vướng.
- Nếu móc treo đai vai nằm ở phía trước móc dẫn hướng đai an toàn, hãy dịch nệm ghế về phía trước.

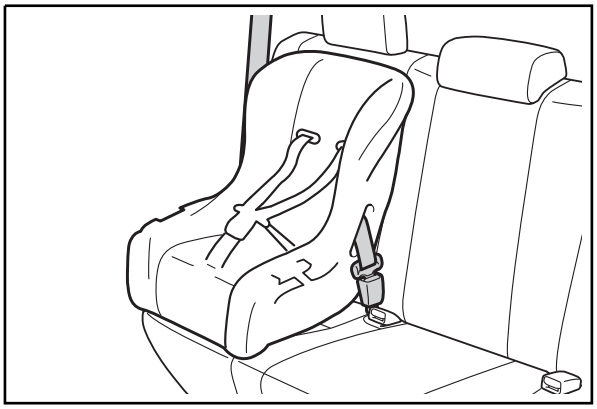
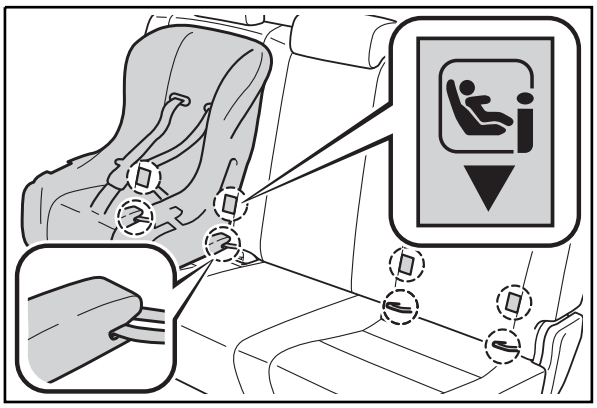
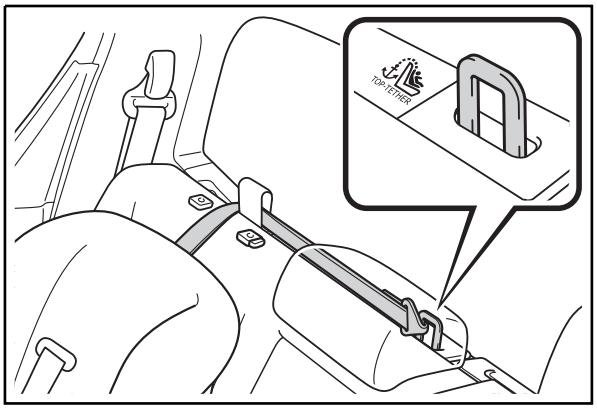


- Khi lắp ghế cho trẻ đã lớn ở ghế trước, nếu trẻ đang ngồi trong ghế ở tư thế quá thẳng đứng, hãy điều chỉnh góc nghiêng lưng ghế đến vị trí thoải mái nhất. Và nếu móc treo đai vai nằm ở phía trước móc dẫn hướng đai an toàn, hãy dịch nệm ghế về phía trước.
- Khi sử dụng hệ thống ghế cho trẻ em với cơ cấu bảo vệ, chắc chắn phải luồn đai vào cơ cấu bảo vệ A như được chỉ ra trên hình vẽ.



Phương pháp lắp đặt hệ thống ghế cho trẻ em

Hãy xác nhận phương pháp lắp đặt hệ thống ghế cho trẻ em theo sách hướng dẫn sử dụng đi kèm theo hệ thống ghế cho trẻ em.

Phương pháp lắp		Trang
Lắp bằng đai an toàn		P.64
Lắp bằng móc bắt phía dưới ISOFIX		P.66
Lắp bằng móc bắt phía trên		P.67

Cố định hệ thống ghế cho trẻ em bằng đai an toàn

n Lắp đặt hệ thống ghế cho trẻ em bằng đai an toàn

Lắp hệ thống ghế cho trẻ em theo như hướng dẫn đi kèm với hệ thống ghế cho trẻ em.

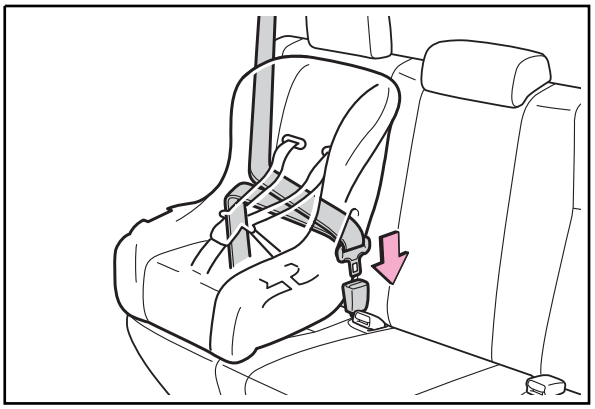
Nếu hệ thống ghế cho trẻ em đang có không thuộc loại “phổ thông” (hoặc những thông tin cần thiết không có trong bảng), hãy tham khảo “Danh sách xe” do nhà sản xuất ghế cung cấp để biết các vị trí lắp, hoặc kiểm tra độ tương thích của hệ thống ghế bằng cách hỏi thông tin từ nhà sản xuất ghế.

1 Nếu bắt buộc phải lắp hệ thống ghế cho trẻ em trên ghế

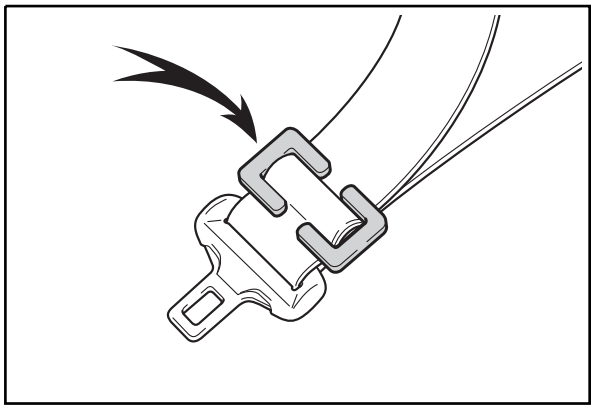
hành khách phía trước, hãy tham khảo P.48 để điều chỉnh ghế hành khách phía trước.

2 Kiểu xe có cabin kép: Nếu tựa đầu chạm vào ghế cho trẻ em, và tựa đầu là loại có thể tháo ra, hãy tháo tựa đầu. Nếu không, hãy để tựa đầu ở vị trí cao nhất. (→P.155)

3 Luồn đai an toàn qua hệ thống ghế cho trẻ em và cắm móc khóa vào trong kẹp khóa. Hãy đảm bảo rằng đai an toàn không bị xoắn. Lắp đai an toàn vào ghế cho trẻ em theo hướng dẫn đi kèm với hệ thống ghế cho trẻ em.



4 Nếu hệ thống ghế cho trẻ em không được trang bị kẹp khóa (tính năng khóa đai an toàn), hãy cố định hệ thống ghế cho trẻ em bằng kẹp hãm.



5 Sau khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em, hãy lắc ghế về phía trước và phía sau để đảm bảo rằng hệ thống đã được lắp một cách chắc chắn. (→P.66)

n Tháo hệ thống ghế cho trẻ em được lắp bằng đai an toàn

Hãy ấn nút nhả khóa và thu hết đai an toàn lại.

Khi nhả kẹp khóa đai an toàn, hệ thống ghế trẻ em có thể bị bật lên do tác động của nệm ghế. Hãy nhả kẹp khóa đai trong khi ấn giữ hệ thống ghế trẻ em xuống.

Do đai an toàn sẽ tự động thu lại, hãy thu đai lại từ từ về vị trí cất gọn.

---

n Khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em

Bạn có thể cần một kẹp hãm để lắp hệ thống ghế cho trẻ em. Hãy tuân thủ theo các hướng dẫn lắp đặt của nhà sản xuất. Nếu hệ thống ghế cho trẻ em của bạn không có kẹp hãm, thì bạn có thể mua nó tại đại lý Toyota:
Kẹp hãm hệ thống ghế cho trẻ em
(Mã phụ tùng: 73119-22010)

n Khi tháo tựa đầu để lắp hệ thống ghế cho trẻ em

Sau khi tháo hệ thống ghế cho trẻ em, hãy đảm bảo lắp lại tựa đầu.

⚠ CẢNH BÁO

n **Khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em**

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Không để trẻ nghịch đai an toàn. Nếu đai quấn quanh cổ của trẻ, bạn sẽ không thể kéo đai ra và trẻ sẽ bị ngạt thở hoặc các tổn thương nghiêm trọng khác, có thể dẫn đến tử vong cho trẻ. Nếu tình trạng này xảy ra và bạn không thể nhả đai an toàn ra được, hãy sử dụng kéo để cắt đứt đai an toàn.
- Hãy đảm bảo rằng đai an toàn và móc khóa đã được khóa chặt và đai không bị xoắn.
- Hãy lắc hệ thống ghế cho trẻ em sang trái và phải, lên và xuống để đảm bảo rằng nó đã được lắp đặt một cách chắc chắn.
- Sau khi cố định hệ thống ghế cho trẻ em, không bao giờ được điều chỉnh ghế.
- Khi lắp đặt ghế cho trẻ lớn, hãy đảm bảo rằng đai vai được đặt chéo qua giữa vai của trẻ. Hãy giữ đai cách xa cổ của trẻ, nhưng không được để đai tuột khỏi vai của trẻ.
- Hãy tuân theo tất cả các hướng dẫn lắp đặt do nhà sản xuất hệ thống ghế cho trẻ em cung cấp.

Hệ thống ghế cho trẻ em bằng móc phía dưới kiểu ISOFIX (nếu có)

n **Móc phía dưới ISOFIX (hệ thống ghế cho trẻ em theo tiêu chuẩn ISOFIX)**

Các móc phía dưới được trang bị cho các ghế sau phía ngoài. (Các dấu chỉ vị trí của móc được đính vào các ghế.)



n **Lắp ghế cho trẻ em bằng móc phía dưới ISOFIX (hệ thống ghế cho trẻ em theo tiêu chuẩn ISOFIX)**

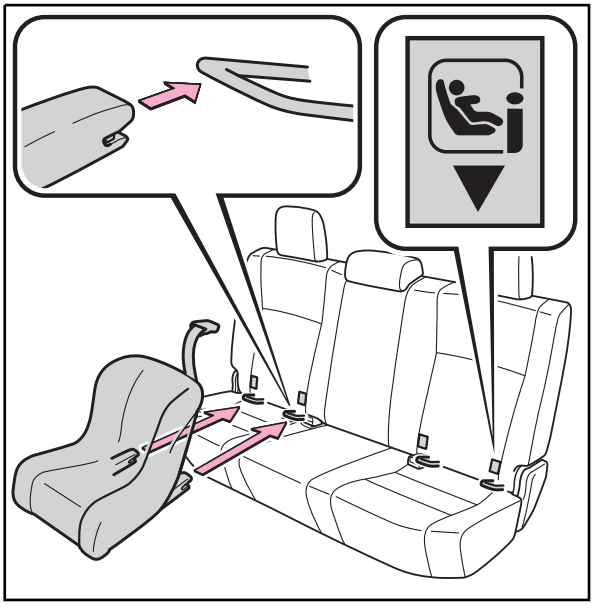
Lắp hệ thống ghế cho trẻ em theo như hướng dẫn đi kèm với hệ thống ghế cho trẻ em.

Nếu hệ thống ghế cho trẻ em đang có không thuộc loại “phổ thông” (hoặc những thông tin cần thiết không có trong bảng), hãy tham khảo “Danh sách xe” do nhà sản xuất ghế cung cấp để biết các vị trí lắp, hoặc kiểm tra độ tương thích của hệ thống ghế bằng cách hỏi thông tin từ nhà sản xuất ghế.

1 Nếu tựa đầu chạm vào ghế cho trẻ em, và tựa đầu có thể tháo ra, hãy tháo tựa đầu. Nếu không, hãy để tựa đầu vào vị trí cao nhất. (→P.155)

2 Hãy kiểm tra vị trí của các thanh cố định ghế và lắp hệ thống ghế cho trẻ em lên ghế.

Các thanh lắp này được bố trí ở khe hở giữa nệm ghế và lưng ghế.



3 Sau khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em, hãy lắc ghế về phía trước và phía sau để đảm bảo rằng hệ thống đã được lắp một cách chắc chắn. (→P.66)

n Khi tháo tựa đầu để lắp hệ thống ghế cho trẻ em

Sau khi tháo hệ thống ghế cho trẻ em, hãy đảm bảo lắp lại tựa đầu.

CẢNH BÁO

n Khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em

Hãy tuân theo các chú ý sau. Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

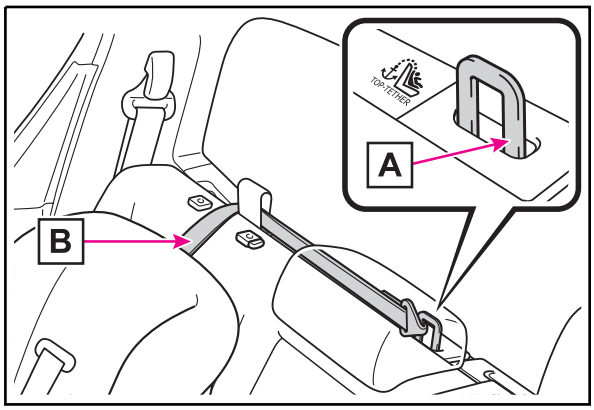
- Sau khi cố định hệ thống ghế cho trẻ em, không bao giờ được điều chỉnh ghế.
- Khi sử dụng các móc phía dưới, hãy đảm bảo rằng không có vật gì ở xung quanh móc và đai an toàn không bị kẹt sau hệ thống ghế cho trẻ em.
- Hãy tuân theo tất cả các hướng dẫn lắp đặt do nhà sản xuất hệ thống ghế cho trẻ em cung cấp.

Dùng móc chằng phía trên (nếu có)

n Móc bắt phía trên

Các móc bắt phía trên được trang bị cho các ghế sau bên ngoài.

Sử dụng các móc phía trên để cố định đai buộc phía trên.



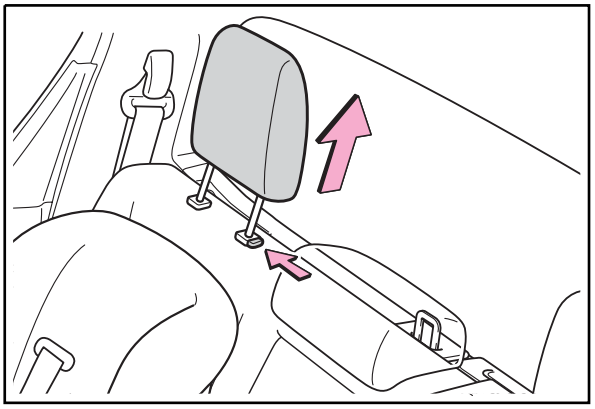
A Móc bắt phía trên

B Đai buộc phía trên

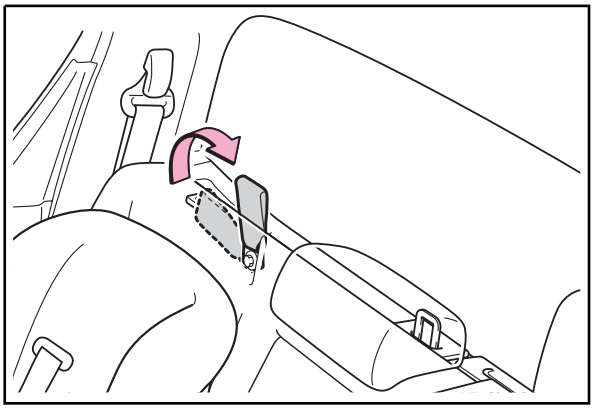
n Lắp đai buộc phía trên vào móc bắt phía trên.

Lắp hệ thống ghế cho trẻ em theo như hướng dẫn đi kèm với hệ thống ghế cho trẻ em.

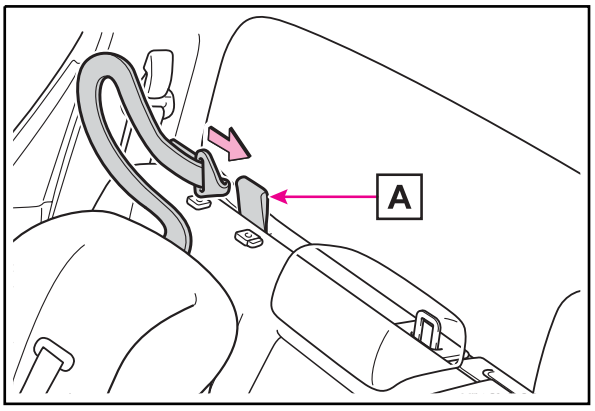
1 Tháo tựa đầu.



2 Kéo đầu dẫn hướng của đai buộc lên.



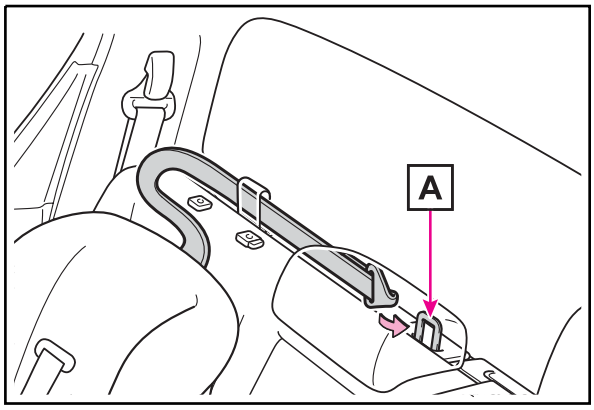
3 Luồn đai buộc qua đầu dẫn hướng của đai buộc như trong hình minh họa.



A Đầu dẫn hướng của đai buộc lên

4 Cài móc vào giá bắt móc phía trên và thít chặt đai buộc phía trên.

Hãy đảm bảo rằng đai buộc phía trên đã được thít chắc chắn. (→P.66)



A Móc bắt phía trên

n **Khi tháo tựa đầu để lắp hệ thống ghế cho trẻ em**

Sau khi tháo hệ thống ghế cho trẻ em, hãy đảm bảo lắp lại tựa đầu.

CẢNH BÁO

n **Khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em**

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Cố định đai buộc phía trên.
- Không được nhét bất kỳ thứ gì khác ngoài đai buộc phía trên vào móc bắt phía trên.
- Sau khi cố định hệ thống ghế cho trẻ em, không bao giờ được điều chỉnh ghế.
- Hãy tuân theo tất cả các hướng dẫn lắp đặt do nhà sản xuất hệ thống ghế cho trẻ em cung cấp.
- Không lắp tựa đầu khi lắp hệ thống ghế cho trẻ em.

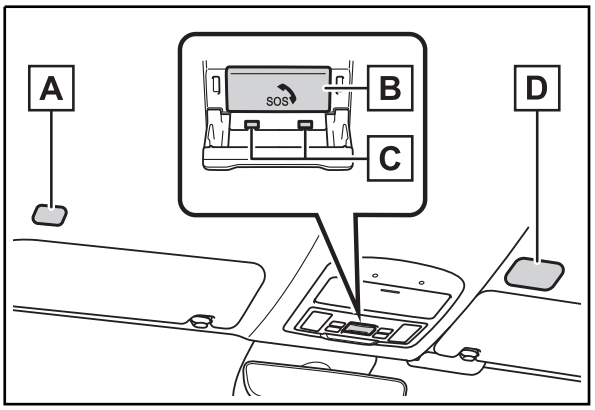
eCall*1, 2

*1: Nếu có

*2: Hoạt động trong phạm vi của eCall.

eCall là một dịch vụ viễn thông sử dụng dữ liệu của hệ thống vệ tinh dẫn đường toàn cầu (GNSS) và công nghệ nhúng trên điện thoại di động để cho phép thực hiện các cuộc gọi cứu hộ sau: Tự động gọi cứu hộ (Tự động thông báo va chạm) và Gọi cứu hộ bằng thao tác thủ công (bằng cách ấn nút "SOS"). Dịch vụ này được yêu cầu bởi luật của Tiểu vương quốc Arập thống nhất

Các chi tiết của hệ thống



A Micrô

B Nút "SOS"*

C Đèn chỉ báo

D Loa

*: Nút này được dùng nhằm kết nối với người điều hành hệ thống eCall.

Những nút SOS khác trên các hệ thống khác của xe ô tô không liên quan với các thiết bị này và không thể kết nối với người điều hành hệ thống eCall.

Dịch vụ thông báo khẩn cấp

n Gọi khẩn cấp tự động

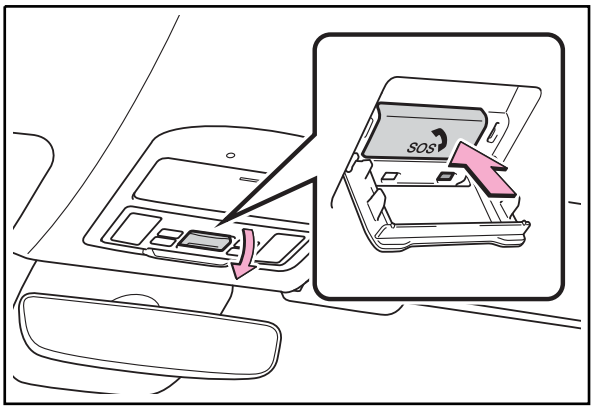
Khi có bất kỳ túi khí nào bị bung ra, hệ thống được thiết kế để tự động gọi trung tâm điều khiển eCall.* Người điều hành nhận được vị trí của xe, thời gian xảy ra sự cố và số VIN của xe, họ sẽ cố gắng gọi cho hành khách trên xe để nắm được tình trạng. Nếu người trên xe không thể giao tiếp được, người điều hành tự động xử lý như cuộc gọi khẩn cấp để liên hệ với trung tâm dịch vụ khẩn cấp gần nhất (hệ thống 112…) để mô tả tình huống và yêu cầu hỗ trợ cho vị trí bị tai nạn.

*: Trong một số trường hợp, không thể thực hiện cuộc gọi khẩn. (→P.70)

n Gọi khẩn cấp bằng thao tác thủ công

Trong trường hợp khẩn cấp, hãy ấn nút "SOS" để gọi trung tâm điều khiển eCall.* Cơ quan điều hành sẽ xác định vị trí của xe, đánh giá tình huống và truyền những yêu cầu hỗ trợ cần thiết.

Chắc chắn đã mở nắp che trước khi ấn nút "SOS".



Nếu vô tình ấn nút "SOS", hãy báo cho cơ quan điều hành biết rằng bạn không gặp trường hợp khẩn cấp.

*: Trong một số trường hợp, không thể thực hiện cuộc gọi khẩn. (→P.70)

Đèn chỉ báo

Khi bật công tắc động cơ đến chế độ ON, đèn chỉ báo màu đỏ sẽ sáng lên trong 10 giây và sau đó đèn chỉ báo màu xanh lá cây sẽ sáng lên, cho biết rằng hệ thống đã được bật. Đèn chỉ báo cho biết các tình trạng sau:

- Nếu đèn chỉ báo màu xanh lá sáng và sáng liên tục, hệ thống đã được bật.
- Nếu đèn chỉ báo màu xanh lá nháy 2 lần trong một giây, cuộc gọi khẩn cấp tự động/thủ công đang được thực hiện.
- Nếu đèn chỉ báo màu đỏ sáng lên trừ trường hợp ngay sau khi bật công tắc động cơ đến chế độ IGNITION ON, hệ thống có thể đã bị lỗi hoặc pin dự phòng đã bị hết điện.
- Nếu đèn chỉ báo màu đỏ nhấp nháy trong thời gian xấp xỉ 30 giây trong suốt cuộc gọi khẩn cấp, cuộc gọi đã bị ngắt hoặc tín hiệu của mạng điện thoại bị yếu.

Thời gian hoạt động của pin dự phòng không quá 3 năm.

n Thông tin phần mềm nguồn mở/phần mềm tự do

Sản phẩm này có sử dụng phần mềm miễn phí/mã nguồn mở (FOSS) cho dịch vụ DCM.

Thông tin giấy phép và/hoặc mã nguồn của FOSS có thể tìm thấy trong đường dẫn sau.

https://opensource.lge.com/osSch/list?types=ALL&search=TL21BNU

⚠ CẢNH BÁO

n Khi không thể thực hiện cuộc gọi khẩn cấp

l Không thể thực hiện các cuộc Gọi khẩn cấp trong các tình huống sau đây. Trong những trường hợp này, hãy báo cho cơ quan dịch vụ khẩn cấp (hệ thống 999 ...) bằng các phương pháp khác ví dụ như điện thoại công cộng ở gần đó.

- Kể cả khi xe đang ở trong khu vực phủ sóng của điện thoại di động, có thể khó kết nối với trung tâm điều khiển eCall nếu tín hiệu sóng kém hoặc đường dây đang bận. Trong trường hợp này, ngay cả khi cố gắng kết nối với trung tâm điều khiển eCall, có thể không kết nối được trung tâm eCall để thực hiện được cuộc Gọi khẩn cấp và liên hệ để yêu cầu cứu hộ.
- Khi xe ở những khu vực không phủ sóng của điện thoại di động, không thể thực hiện được cuộc Gọi khẩn cấp.

CẢNH BÁO

- Khi có bất kỳ thiết bị liên quan nào (như nút "SOS", đèn chỉ báo, micrô, loa, DCM, ăng ten hoặc các dây nối với thiết bị) đang bị lỗi, hư hỏng hoặc vỡ, thì không thể thực hiện được cuộc Gọi khẩn cấp.
- Khi Gọi khẩn cấp, hệ thống sẽ cố gắng lặp lại việc kết nối với trung tâm điều khiển eCall. Tuy nhiên, nếu nó không thể kết nối được với trung tâm điều khiển eCall do việc tiếp sóng rađiô yếu, hệ thống không thể nối với mạng điện thoại di động và có thể chấm dứt cuộc gọi do không kết nối được. Đèn chỉ báo màu đỏ sẽ nhấp nháy trong khoảng 30 giây để thông báo việc ngắt kết nối.

l Nếu điện áp của ắc quy giảm xuống hoặc bị ngắt kết nối, hệ thống có thể không nối được với trung tâm điều khiển eCall.

n **Khi thay mới hệ thống gọi khẩn cấp**

Hệ thống Gọi khẩn cấp nên được đăng ký để sử dụng. Hãy liên hệ với đại lý Toyota.

n **Để đảm bảo an toàn**

l Hãy lái xe an toàn.
Chức năng của hệ thống sẽ hỗ trợ thực hiện cuộc gọi khẩn cấp trong trường hợp bị tai nạn như tai nạn giao thông hoặc cần cấp cứu bất ngờ, nó không thể bảo vệ cho người trên xe hoặc hành khách trên xe trong mọi tình huống. Hãy lái xe cẩn thận và luôn thắt chặt đai an toàn để đảm bảo an toàn.

l Trong trường hợp khẩn cấp, cứu người là ưu tiên hàng đầu.

l Nếu bạn ngửi thấy bất kỳ mùi cháy hoặc mùi bất thường nào, hãy ra khỏi xe và đến khu vực an toàn ngay lập tức.

l Nếu túi khí nổ khi hệ thống đang hoạt động bình thường, hệ thống sẽ thực hiện cuộc gọi khẩn cấp. Hệ thống cũng thực hiện cuộc gọi khẩn cấp khi xe bị đâm từ phía sau hoặc xe bị lật, ngay cả khi túi khí không nổ.

l Vì an toàn, không thực hiện cuộc gọi khẩn cấp khi đang lái xe.
Việc thực hiện các cuộc gọi trong khi lái xe có thể làm mất kiểm soát tay lái, mà có thể dẫn đến những tai nạn bất ngờ.
Hãy dừng xe và đảm bảo được xung quanh bạn, trước khi thực hiện cuộc Gọi khẩn cấp.

l Khi thay thế cầu chì, hãy sử dụng cầu chì chuyên dụng. Sử dụng các cầu chì khác loại sẽ gây chập cháy trong mạch và dẫn đến hỏa hoạn.

l Sử dụng hệ thống trong khi có khói hoặc mùi bất thường có thể gây ra hỏa hoạn. Hãy ngừng sử dụng hệ thống ngay lập tức và gọi tư vấn của Đại lý Toyota.

CHÚ Ý

n **Để tránh làm hư hỏng**

Không được đổ bất kỳ chất lỏng nào lên nút "SOS" và không được tác dụng lực lên nó.

n **Nếu có trục trặc với nút "SOS", loa hoặc micrô trong khi Gọi khẩn cấp tự động hoặc khi kiểm tra bảo dưỡng hệ thống bằng thao tác thủ công**

Không thể thực hiện được cuộc Gọi khẩn cấp, hãy kiểm tra tình trạng của hệ thống hoặc liên hệ với người điều hành của trung tâm điều khiển eCall. Nếu có bất kỳ thiết bị nào nói trên bị hỏng, hãy gọi xin tư vấn của Đại lý Toyota.

Dịch vụ kết nối của Toyota*1, 2

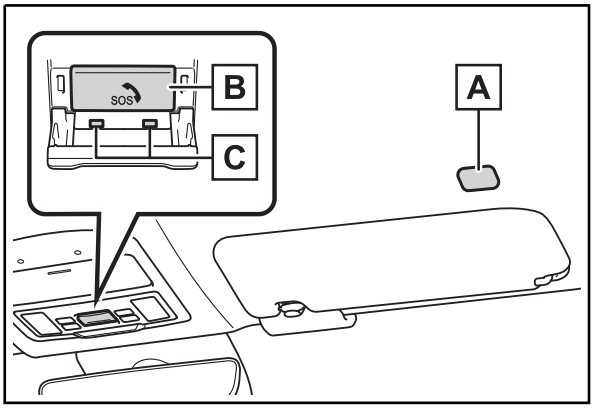
*1: Nếu có

*2: Hoạt động trong phạm vi của Dịch vụ kết nối Toyota.

Các dịch vụ kết nối Toyota là các dịch vụ viễn thông sử dụng dữ liệu hệ thống định vị toàn cầu (GPS) và công nghệ di động nhúng để cho phép thực hiện các cuộc gọi khẩn cấp sau đây: ACN (Thông báo va chạm tự động) và cuộc gọi khẩn cấp SOS (Thông báo dịch vụ khẩn cấp thủ công) (bằng cách nhấn nút "SOS").

Để biết thêm thông tin về các dịch vụ kết nối Toyota, vui lòng truy cập: https://www.toyotabharat.com/toyota-i-connect/

Các chi tiết của hệ thống



A Micrô

B Nút "SOS"*

C Đèn chỉ báo

*: Nút này được chủ ý để liên lạc với trung tâm cuộc gọi khẩn cấp.
Các nút SOS khác có sẵn trong các hệ thống khác của xe không liên quan đến thiết bị và không dùng để liên lạc với trung tâm cuộc gọi khẩn cấp.

Dịch vụ kết nối của Toyota

n ACN (Thông báo va chạm tự động)

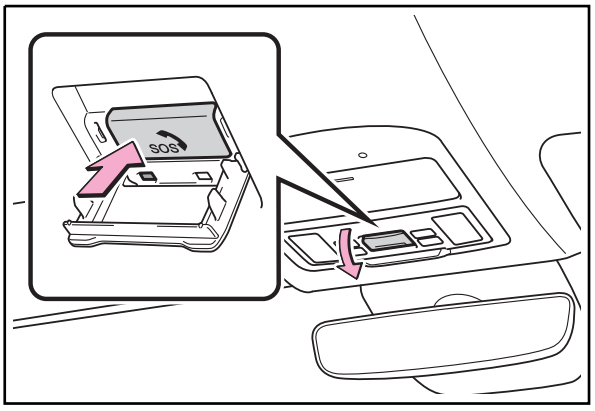
Nếu bất kỳ túi khí nào nổ, hệ thống được thiết kế để tự động gọi trung tâm cuộc gọi khẩn cấp.* Nhân viên trung tâm cuộc gọi sẽ tự động xác định vị trí của xe, thời gian xảy ra sự cố và số VIN của xe, và cố gắng liên lạc với hành khách trên xe để tiếp cận tình huống. Nếu hành khách trên xe người không thể giao tiếp, nhân viên trung tâm cuộc gọi sẽ tự động coi cuộc gọi là một trường hợp khẩn cấp và liên hệ với các dịch vụ khẩn cấp để mô tả tình huống và yêu cầu hỗ trợ gửi đến địa điểm.

*: Trong một số trường hợp, không thể thực hiện cuộc gọi khẩn. (→P.73)

n Cuộc gọi khẩn cấp của SOS (Thông báo dịch vụ khẩn cấp thủ công)

Trong trường hợp khẩn cấp, nhấn nút "SOS" để gọi cho Trung tâm cuộc gọi khẩn cấp.* Nhân viên xử lý khẩn cấp sẽ xác định vị trí của bạn, đánh giá tình huống, và hỗ trợ khi cần thiết.

Chắc chắn đã mở nắp che trước khi ấn nút “SOS”.



Nếu bạn vô tình nhấn nút "SOS", hãy nói với nhân viên trung tâm cuộc gọi rằng bạn không gặp trường hợp khẩn cấp.

*: Trong một số trường hợp, không thể thực hiện cuộc gọi khẩn. (→P.73)

Đèn chỉ báo

Khi chuyển công tắc động cơ đến ON, đèn chỉ báo màu đỏ/màu xanh lá cây sẽ nháy không liên tục, sau đó đèn báo màu xanh lá cây sẽ vẫn bật, cho thấy hệ thống được bật. Đèn chỉ báo cho biết như sau:

- Nếu đèn chỉ báo màu xanh lá sáng và sáng liên tục, hệ thống đã được bật.
- Nếu đèn chỉ báo màu xanh lá cây nháy một lần trên giây, dịch vụ ACN/SOS đang được thực hiện.
- Nếu đèn chỉ báo màu đỏ chiếu sáng bất cứ lúc nào khác ngoài ngay sau khi bật công tắc động cơ ON, hệ thống có thể bị trục trặc hoặc pin dự phòng có thể bị hết điện. Hãy liên hệ với đại lý Toyota của bạn.

n Thông tin phần mềm nguồn mở/phần mềm tự do

Sản phẩm này bao gồm cả phần mềm mã nguồn mở/phần mềm miễn phí (FOSS). Thông tin bản quyền và/hoặc mã nguồn của FOSS có thể tìm thấy trong đường dẫn sau.
https://www.denso.com/global/en/opensource/dcm/toyota/

CẢNH BÁO

n Khi ACN/SOS có thể không được thực hiện

l Có thể không thể tạo ACN/SOS trong bất kỳ tình huống sau đây. Trong những trường hợp như vậy, hãy báo cáo cho nhà cung cấp dịch vụ khẩn cấp (hệ thống 000, v.v.) bằng các phương tiện khác như điện thoại công cộng gần đó.

- Ngay cả khi chiếc xe nằm trong khu vực dịch vụ điện thoại di động, có thể khó kết nối với trung tâm cuộc gọi khẩn cấp nếu tiếp sóng kém hoặc đường dây đang bận. Trong những trường hợp như vậy, bạn có thể không thể kết nối với trung tâm cuộc gọi khẩn cấp.
- Khi chiếc xe ra khỏi khu vực dịch vụ điện thoại di động, không thể thực hiện được ACN/SOS.
- Khi bất kỳ thiết bị liên quan nào (chẳng hạn như bảng nút "SOS", đèn chỉ báo, micrô, DCM, ăngten hoặc bất kỳ thiết bị nối có dây nào) bị trục trặc, bị hỏng hoặc hư hại, không thể tạo ra ACN/SOS.

⚠ CẢNH BÁO

- Cho phép các phương tiện Toyota thu thập và truyền dữ liệu của xe để cung cấp các dịch vụ được kết nối. SOS và thông báo va chạm tự động có thể bị vô hiệu hóa nếu đèn LED màu xanh lá cây dưới nút SOS không được chiếu sáng. Để biết thêm thông tin bao gồm kích hoạt lại, hãy truy cập https://www.toyotabharat.com/toyota-i-connect/
- Trong một dịch vụ ACN/SOS, hệ thống thực hiện các nỗ lực lặp đi lặp lại để kết nối với trung tâm cuộc gọi khẩn cấp. Tuy nhiên, nếu không thể kết nối với trung tâm cuộc gọi khẩn cấp do tiếp nhận sóng vô tuyến kém, hệ thống có thể không thể kết nối với mạng di động và cuộc gọi có thể kết thúc mà không cần kết nối. Thông báo nhắc nhở bằng giọng nói sẽ phát từ loa xe để chỉ ra sự ngắt kết nối cuộc gọi.

l Nếu điện áp ắc quy giảm hoặc có sự ngắt kết nối, hệ thống có thể không thể kết nối được với trung tâm cuộc gọi khẩn cấp.

l Hệ thống ACN/SOS có thể không hoạt động bên ngoài khu vực Ấn Độ, tùy thuộc vào cơ sở hạ tầng có sẵn tại quốc gia.

n **Khi hệ thống ACN/SOS được thay thế bằng hệ thống mới**

Hệ thống ACN/SOS nên được đăng ký. Liên hệ với đại lý Toyota của bạn.

n **Để đảm bảo an toàn**

l Hãy lái xe an toàn.
Chức năng của hệ thống này là hỗ trợ bạn liên hệ với các dịch vụ khẩn cấp phù hợp trong trường hợp tai nạn như tai nạn giao thông hoặc các trường hợp khẩn cấp y tế đột ngột và nó không bảo vệ người lái xe hoặc hành khách theo bất kỳ cách nào. Vui lòng lái xe an toàn và luôn thắt đai an toàn vì sự an toàn của bạn.

l Trong trường hợp khẩn cấp, bảo toàn tính mạng con người là ưu tiên trên hết.

l Nếu bạn ngửi thấy bất kỳ mùi cháy hoặc mùi bất thường nào, hãy ra khỏi xe và đến khu vực an toàn ngay lập tức.

l Nếu túi khí nổ khi hệ thống đang hoạt động bình thường, hệ thống sẽ thực hiện cuộc gọi khẩn cấp. Hệ thống cũng thực hiện cuộc gọi khẩn cấp khi xe bị đâm từ phía sau hoặc xe bị lật, ngay cả khi túi khí không nổ.

l Để an toàn, không nhấn nút SOS trong khi lái xe.
Thực hiện các cuộc gọi trong khi lái xe có thể gây ra vận hành sai vô lăng, điều này có thể dẫn đến tai nạn bất ngờ.
Dừng xe và xác nhận sự an toàn của môi trường xung quanh bạn trước khi nhấn nút SOS.

l Khi thay thế cầu chì, hãy sử dụng cầu chì chuyên dụng. Sử dụng các cầu chì khác loại sẽ gây chập cháy trong mạch và dẫn đến hỏa hoạn.

l Sử dụng hệ thống trong khi có khói hoặc mùi bất thường có thể gây ra hỏa hoạn. Hãy ngừng sử dụng hệ thống ngay lập tức và gọi tư vấn của Đại lý Toyota.

CHÚ Ý

n **Để tránh làm hư hỏng**

Không được đổ bất kỳ chất lỏng nào lên nút "SOS" và không được tác dụng lực lên nó.

n **Nếu bảng điều khiển nút "SOS", loa hoặc micrô bị trục trặc khi sử dụng dịch vụ ACN/SOS**

Có thể không thể thực hiện được ACN/SOS, hãy xác nhận trạng thái của hệ thống hoặc giao tiếp với nhân viên trung tâm cuộc gọi. Nếu bất kỳ thiết bị nào ở trên bị hỏng, vui lòng hỏi ý kiến Đại lý Toyota của bạn.

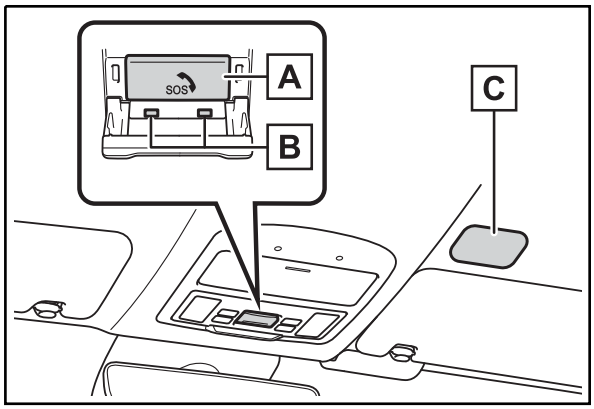
Cuộc gọi khẩn cấp*

*: Nếu có

Cuộc gọi khẩn cấp là một dịch vụ telematics sử dụng dữ liệu từ Hệ thống Vệ tinh Định vị Toàn cầu (GNSS) và công nghệ di động được nhúng để cho phép thực hiện các cuộc gọi khẩn cấp sau:

Cuộc gọi khẩn cấp tự động (Thông báo va chạm tự động) và cuộc gọi khẩn cấp thủ công (bằng cách nhấn nút "SOS").

Các chi tiết của hệ thống



A Nút "SOS"

B Đèn chỉ báo LED

C Loa

Dịch vụ

- Thông báo va chạm tự động*

Giúp lái xe nhận được phản hồi cần thiết từ các nhà cung cấp dịch vụ khẩn cấp. (→P.76)

- Nút Hỗ trợ Khẩn cấp ("SOS")

Kết nối người lái với hỗ trợ từ các trung tâm phản hồi. (→P.77)

n **Thông tin Dịch vụ gọi điện khẩn cấp**

l Cuộc gọi điện thoại sử dụng công nghệ Bluetooth® của xe sẽ không thể thực hiện khi cuộc gọi Khẩn cấp đang hoạt động.

Bluetooth® là một thương hiệu đã được đăng ký của Bluetooth SIG. Inc.

l Tính năng gọi khẩn cấp có sẵn trên một số mẫu xe Toyota nhất định. Trạng thái liên lạc với trung tâm phản hồi của cuộc gọi khẩn cấp sẽ phụ thuộc vào trạng thái hoạt động của thiết bị viễn thông, mức độ khả dụng của kết nối di động và trạng thái nhận tín hiệu vệ tinh GPS, các điều kiện này có thể sẽ hạn chế khả năng kết nối hoặc nhận hỗ trợ dịch vụ khẩn cấp từ trung tâm phản hồi. Cần có thỏa thuận đăng ký và thỏa thuận dịch vụ thuê bao viễn thông. Người dùng có thể lựa chọn các điều khoản đăng ký với mức phí khác nhau tùy thuộc vào gói đăng ký và vị trí được chọn.

n **Khi liên hệ với trung tâm phản hồi**

Bạn có thể không liên lạc được với trung tâm phản hồi nếu mạng bận.

n **Thông tin phần mềm nguồn mở/phần mềm tự do**

Sản phẩm này bao gồm cả phần mềm mã nguồn mở/phần mềm miễn phí (FOSS). Thông tin bản quyền và/hoặc mã nguồn của FOSS có thể tìm thấy trong đường dẫn sau.

https://opensource.lge.com/osSch/list?types=ALL&search=TL24I

Các đèn chỉ báo LED cuộc gọi khẩn cấp

Khi chuyển công tắc động cơ đến ON, đèn chỉ báo màu đỏ/màu xanh lá cây sẽ nháy không liên tục, sau đó đèn báo màu xanh lá cây sẽ vẫn bật, cho thấy hệ thống được bật. Đèn chỉ báo cho biết như sau:

- Đèn chỉ báo màu xanh lá cây bật sáng = Dịch vụ đang ở chế độ kích hoạt
- Đèn chỉ báo màu xanh nhấp nháy = Đang thực hiện cuộc gọi khẩn cấp
- Đèn chỉ báo màu đỏ (trừ khi khởi động xe) = Hệ thống bị hư hỏng (liên hệ với Đại lý Toyota)
- Không có đèn chỉ báo (tắt) = Dịch vụ cuộc gọi khẩn cấp không hoạt động

Dịch vụ gọi điện khẩn cấp

n **Thông báo va chạm tự động**

Trong trường hợp nổ túi khí hoặc va chạm mạnh từ phía sau, hệ thống được thiết kế để tự động thông báo cho trung tâm phản hồi. Nhân viên phản hồi sẽ nhận vị trí của xe và cố gắng liên lạc với người tại số điện thoại đã đăng ký để đánh giá mức độ khẩn cấp. Nếu hành khách không thể giao tiếp, nhân viên sẽ tự động coi cuộc gọi là một trường hợp khẩn cấp, liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ khẩn cấp gần nhất để mô tả tình huống và yêu cầu hỗ trợ được gửi đến địa điểm.

n Nút Hỗ trợ Khẩn cấp ("SOS")

Trong trường hợp khẩn cấp trên đường, nhấn nút "SOS" để kết nối với trung tâm phản hồi cuộc gọi khẩn cấp. Nhân viên trực sẽ xác định vị trí của xe, đánh giá tình huống khẩn cấp, và điều phối hỗ trợ cần thiết.

Nếu bạn vô tình nhấn nút "SOS", hãy nói với nhân viên trung tâm phản hồi rằng bạn không gặp trường hợp khẩn cấp.

Hệ thống mã hoá khóa động cơ

Các chìa khóa của xe có tích hợp các con chíp thu phát tín hiệu để ngăn không cho động cơ khởi động nếu như trước đó chìa khóa này chưa được đăng ký với máy tính trên xe.

Không để các chìa khóa ở trong xe khi bạn rời khỏi xe.

Hệ thống này được thiết kế để tránh trộm xe, nhưng nó không thể đảm bảo tuyệt đối việc tránh mất trộm xe.

Vận hành hệ thống

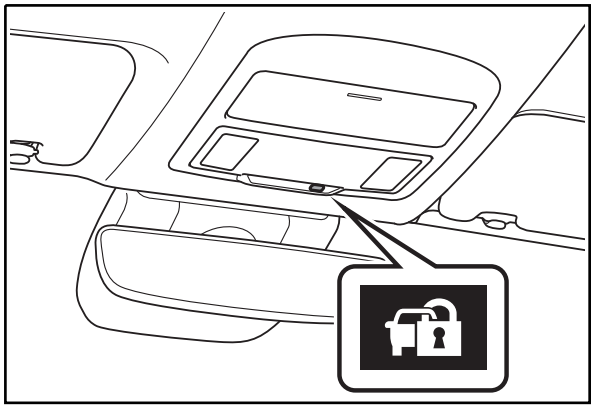
Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh:

Đèn chỉ báo sẽ nháy sau khi rút chìa ra khỏi công tắc động cơ để báo rằng hệ thống mã hoá khóa động cơ đang hoạt động.

Đèn chỉ báo sẽ dừng nháy sau khi cắm chìa khóa đã được đăng ký vào công tắc động cơ, để chỉ ra rằng hệ thống đã được hủy.

Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh:

Đèn chỉ báo sẽ nháy sau khi tắt công tắc động cơ để chỉ ra rằng hệ thống đang hoạt động.
Đèn chỉ báo sẽ ngừng nháy sau khi bật khóa điện tới vị trí ACC hoặc ON để chỉ ra rằng hệ thống đã được hủy.



n **Bảo dưỡng hệ thống**

Hệ thống mã hóa khóa động cơ được trang bị trên xe là hệ thống không cần bảo dưỡng.

n **Các tình trạng có thể sẽ làm cho hệ thống bị trục trặc**

- Nếu phần cán chìa tiếp xúc với các đồ vật bằng kim loại
- Khi để chìa khóa quá gần hoặc chạm vào hệ thống an ninh (chìa khóa có tích hợp chíp thu phát tín hiệu) của xe khác

CHÚ Ý

n **Để đảm bảo cho hệ thống hoạt động chính xác**

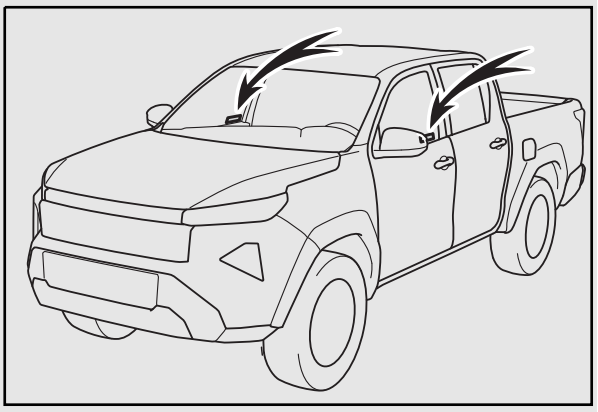
Không được sửa đổi hay tháo rời hệ thống. Nếu không, hệ thống có thể không đảm bảo hoạt động chính xác được.

Hệ thống khóa kép*

*: Nếu có

Có tác dụng vô hiệu hóa chức năng mở khóa cửa xe từ cả bên trong và bên ngoài xe để tránh trường hợp xe bị xâm nhập trái phép.

Những xe được trang bị hệ thống này sẽ có các nhãn chỉ báo được dán trên kính cửa sổ ở hai cửa trước.



Cài đặt/hủy hệ thống khóa kép

n **Cài đặt**

Tắt công tắc động cơ, đưa tất cả các hành khách ra khỏi xe và đảm bảo rằng tất cả các cửa đã đóng lại.

Sử dụng điều khiển từ xa: Ấn nút hai lần trong vòng 5 giây.

n **Hủy**

Sử dụng chức năng vào xe (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh): Mở khóa các cửa bằng cách ấn nút khóa/mở khóa trên tay nắm bên ngoài cửa.

Sử dụng điều khiển từ xa: Hãy ấn nút .

CẢNH BÁO

n **Các lưu ý đối với hệ thống khóa kép**

Không bao giờ kích hoạt hệ thống khóa kép khi có người ở trong xe bởi tất cả các cửa sẽ không thể mở ra từ bên trong xe được.

Hệ thống báo động*

*: Nếu có

Hệ thống báo động sử dụng đèn và còi để cảnh báo khi phát hiện có sự xâm nhập. Hệ thống báo động sẽ được kích hoạt trong các tình huống sau đây khi đã đặt hệ thống:

- Một cửa đang khóa được mở khóa hoặc mở theo một cách nào đó mà không phải sử dụng chức năng vào xe (đối với xe có hệ thống smart entry & start), điều khiển từ xa hoặc chìa khóa cơ. (Các cửa xe sẽ tự động được khóa lại.)
- Khi nắp capô bị mở ra.
- Cảm biến xâm nhập phát hiện thấy có ai đó đang di chuyển bên trong xe. (Ví dụ: kẻ đột nhập làm vỡ kính cửa sổ và vào bên trong xe.) (nếu có)

Cài đặt/hủy/dừng hệ thống báo động

n Các hạng mục cần kiểm tra trước khi khóa xe

Để tránh vô tình làm kích hoạt hệ thống báo động và tránh bị trộm xe, hãy chú ý đến những điểm sau:

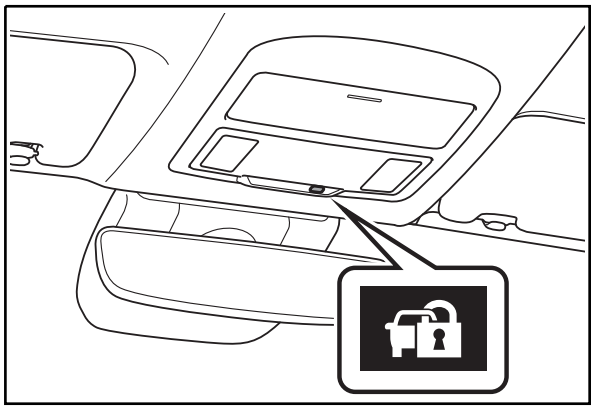
- Không có người nào ở trong xe.
- Cửa sổ đã được đóng lại trước khi cài đặt hệ thống báo động.
- Không để đồ đạc có giá trị hoặc đồ cá nhân khác ở trong xe.

n Cài đặt

Đóng các cửa và nắp capô, và khóa tất cả các cửa.

Hệ thống sẽ tự động đặt sau 30 giây.

Đèn chỉ báo sẽ chuyển từ trạng thái sáng sang nhấp nháy khi hệ thống được cài đặt.



n Hủy kích hoạt hoặc dừng

Hãy làm theo một trong những cách sau để hủy kích hoạt hoặc dừng hệ thống báo động:

- Mở khóa cửa xe.
- Bật công tắc động cơ tới vị trí ACC hoặc ON, hoặc khởi động động cơ. (Hệ thống báo động sẽ bị hủy kích hoạt hoặc ngừng báo động sau vài giây.)

---

n Cài đặt báo động

Có thể đặt hệ thống báo động nếu tất cả các cửa xe đã đóng chặt ngay cả khi nắp ca pô đang ở trạng thái mở.

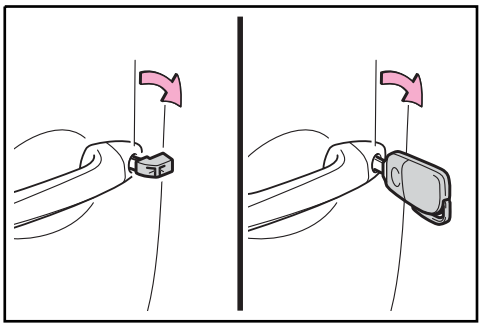
n Bảo dưỡng hệ thống

Hệ thống báo động trên xe là hệ thống không cần bảo dưỡng.

n Kích hoạt hệ thống báo động

Hệ thống báo động có thể sẽ bị kích hoạt trong một số trường hợp sau:
(Hệ thống báo động sẽ bị vô hiệu hóa khi tắt báo động.)

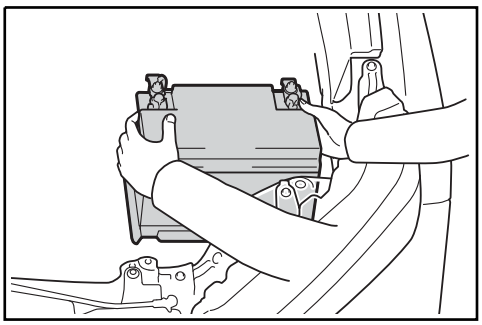
- Khi mở khóa cửa xe bằng chìa khóa.



- Có người ở trong xe mở cửa xe hoặc nắp capô hoặc mở khóa xe.



- Ắc quy được nạp điện hoặc thay thế khi xe đang bị khóa. (→P.573)
- Các xe có còi báo động tự cấp nguồn: Khi ắc quy được ngắt kết nối.



n Chức năng khóa cửa khi có báo động

Trong các trường hợp sau, tùy vào từng tình huống, cửa xe có thể sẽ tự động khóa lại để ngăn đột nhập vào xe:

- Khi có người đang ở trong xe mở khóa các cửa và chuông báo được kích hoạt.
- Trong khi chuông báo được kích hoạt, có người ở trong xe mở khóa cửa.
- Khi nạp hoặc thay ắc quy.

> ⚠ CHÚ Ý
>
> **n Để đảm bảo cho hệ thống hoạt động chính xác**
>
> Không được sửa đổi hay tháo rời hệ thống. Nếu không, hệ thống có thể không đảm bảo hoạt động chính xác được.

Chức năng tiền báo động

Nếu một cửa xe được mở khóa bằng chìa khóa cơ trong khi hệ thống báo động đang được đặt, thì hệ thống tiền báo động sẽ kêu trong 10 giây.

Nếu cửa xe được khóa lại hoặc chức năng tiền báo động dừng hoạt động trong vòng 10 giây đó, thì hệ thống báo động sẽ kêu.

Hãy thực hiện một trong các thao tác sau đây để hủy kích hoạt hoặc dừng chức năng tiền báo động:

- Đóng cửa và khóa tất cả các cửa xe bằng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh (nếu được trang bị) hoặc điều khiển từ xa.
- Chuyển công tắc động cơ đến ACC hoặc ON, hoặc khởi động động cơ. (Báo động sẽ bị vô

hiệu hóa và dừng hoạt động sau vài giây.)

Cảm biến xâm nhập (nếu có)

n Hoạt động của cảm biến phát hiện xâm nhập

Cảm biến xâm nhập phát hiện thấy có người đột nhập hoặc di chuyển trong xe.

Hệ thống này được thiết kế nhằm phát hiện và chống trộm nhưng nó cũng không thể đảm bảo ngăn ngừa mọi sự xâm nhập một cách tuyệt đối được.

n Cài đặt cảm biến phát hiện xâm nhập

Cảm biến phát hiện xâm nhập sẽ tự động được đặt khi cài đặt hệ thống báo động. (→P.80)

n Hủy cảm biến phát hiện xâm nhập

Khi bạn để vật nuôi hoặc những vật thể di chuyển trong xe, hãy đảm bảo rằng bạn đã tắt cảm biến xâm nhập trước khi đặt hệ thống báo động, vì các cảm biến sẽ phản ứng với những chuyển động trong xe.

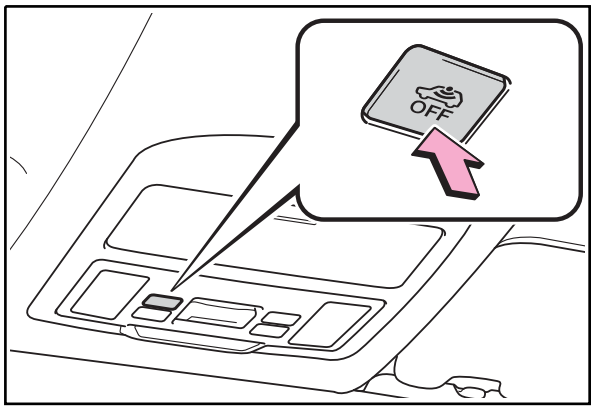
1 Tắt công tắc động cơ.

2 Ấn vào công tắc hủy cảm biến phát hiện xâm nhập.

Ấn nút này lần nữa để kích hoạt lại cảm biến phát hiện xâm nhập.

Một thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin của đồng hồ táp lô.

Cảm biến xâm nhập sẽ kích hoạt mỗi khi bật công tắc động cơ được bật ON.



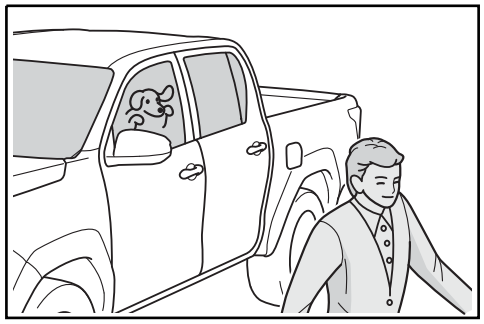
n Hủy và tự động kích hoạt lại chức năng của cảm biến xâm nhập

- Hệ thống báo động vẫn sẽ được đặt ngay cả khi bạn đã hủy cảm biến xâm nhập.
- Sau khi hủy chức năng của cảm biến xâm nhập, việc ấn công tắc động cơ hoặc mở khóa các cửa bằng cách sử dụng chức năng vào xe (xe có hệ thống vào xe & khởi động thông minh) hoặc điều khiển từ xa sẽ kích hoạt lại cảm biến xâm nhập.
- Cảm biến xâm nhập sẽ tự động được phục hồi khi vô hiệu hóa hệ thống báo động.

n Các trường hợp cần cân nhắc khi sử dụng cảm biến xâm nhập

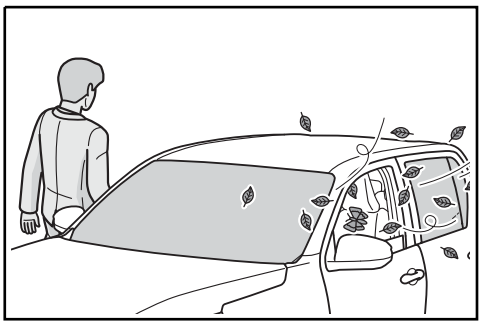
Cảm biến có thể sẽ kích hoạt báo động trong các trường hợp sau:

- Khi có người hoặc vật nuôi ở trong xe.



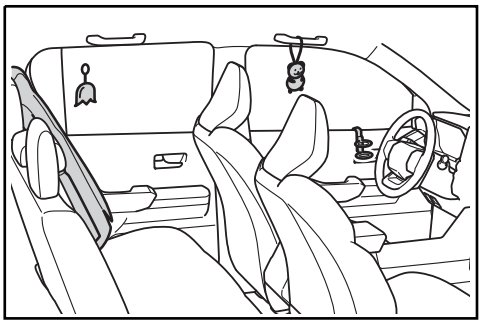
- Khi cửa sổ để mở.
  Trong trường hợp này, cảm biến có thể bị nhầm lẫn:
  • Khi có gió hoặc chuyển động các

vật như của lá cây hay côn trùng trong xe
- Khi có sóng siêu âm phát ra từ các thiết bị như cảm biến phát hiện xâm nhập của xe khác
- Khi có chuyển động của người ở bên ngoài xe

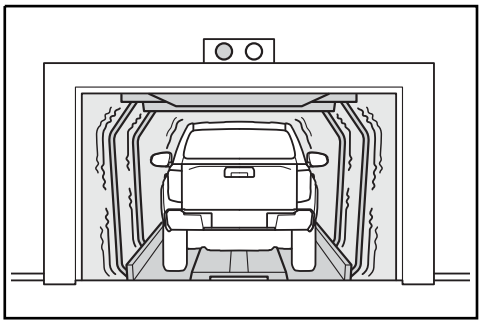


l Những côn trùng nhỏ như bướm hoặc ruồi đang ở trong xe.

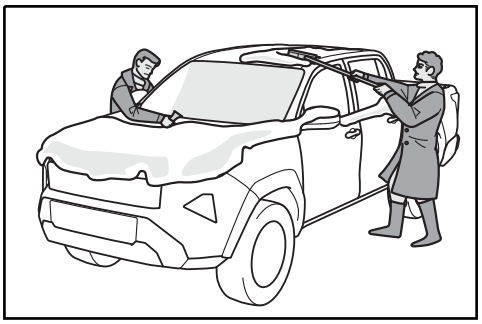
l Các đồ vật không cố định ở trong xe như các phụ kiện hoặc áo khoác đang được treo trên móc áo bên trong xe.



l Đỗ xe ở vị trí bị rung động mạnh hoặc tiếng ồn lớn, như trong nhà để xe.



l Khi dọn tuyết hoặc băng giá ra khỏi xe, làm cho xe bị các va chạm hoặc rung động lặp đi lặp lại.



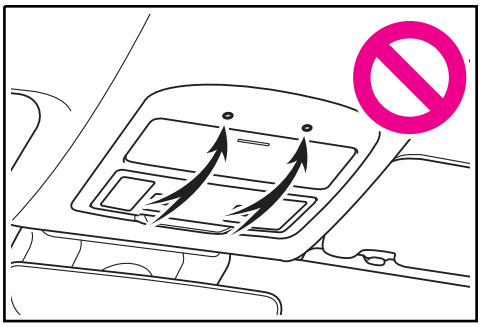
l Khi đưa xe vào trong trạm rửa xe tự động hoặc trạm rửa xe có áp suất cao.

l Khi xe bị va chạm, như khi gặp mưa đá, sét đánh, hay các va chạm lặp đi lặp lại khác hoặc rung động.

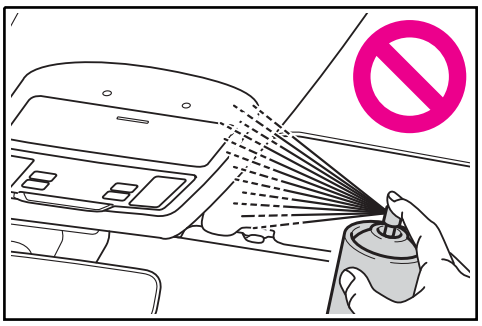
CHÚ Ý

n **Để đảm bảo cho cảm biến xâm nhập hoạt động chính xác**

l Để đảm bảo cho các cảm biến hoạt động chính xác, không chạm vào hoặc che phủ các cảm biến.



l Không thổi khí nén hoặc các chất khác trực tiếp vào các lỗ của cảm biến.



- Không lắp các phụ kiện không phải là sản phẩm chính hiệu của Toyota hoặc để các đồ vật vào giữa ghế của người lái và ghế hành khách phía trước, do chúng có thể sẽ làm giảm tính năng phát hiện của cảm biến.

Thông tin về trạng thái xe và các đèn chỉ báo

2

2-1. Đồng hồ táp lô

Đèn cảnh báo và đèn chỉ báo 86

Đồng hồ báo và đồng hồ đo (không có màn hình đa thông tin) 94

Các đồng hồ báo và đồng hồ đo (với màn hình đa thông tin 7 inch) 97

Đồng hồ báo và đồng hồ đo (với màn hình thông tin đa dạng 12.3-inch) 101

Màn hình đa thông tin (màn hình 7-inch) 106

Màn hình đa thông tin (màn hình 12.3-inch) 116

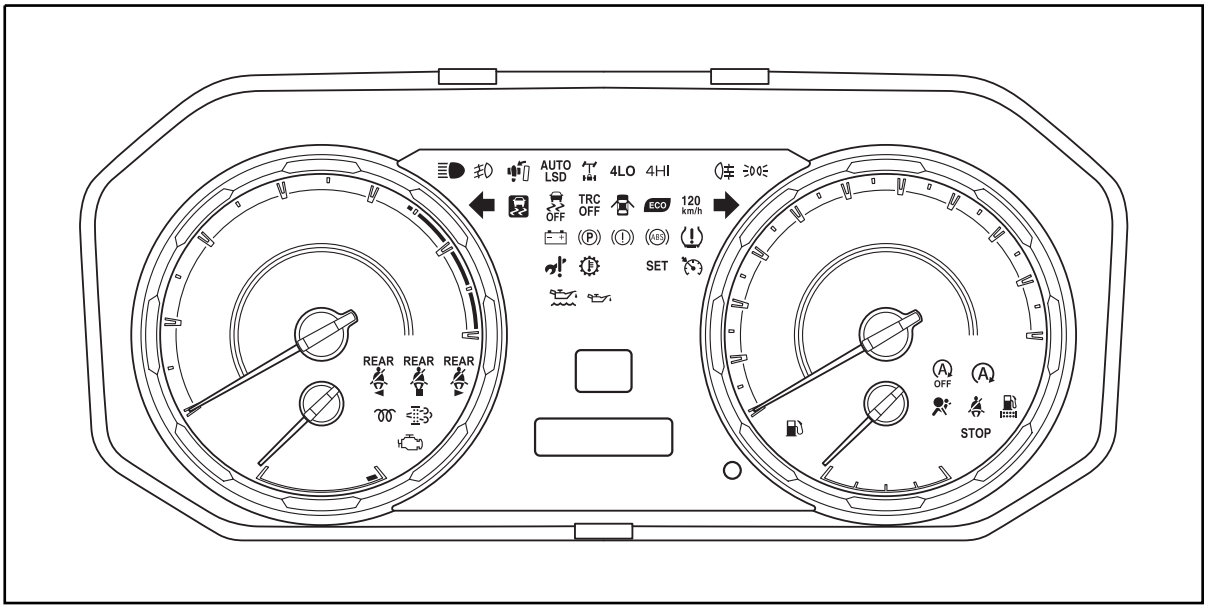
Thông tin tiêu hao nhiên liệu 127

Đèn cảnh báo và đèn chỉ báo

Các đèn cảnh báo và chỉ báo trên bảng đồng hồ táp lô, bảng điều khiển trần xe và gương chiếu hậu bên ngoài sẽ thông báo cho người lái về tình trạng của các hệ thống trên xe.

Các đèn cảnh báo và đèn chỉ báo được hiển thị trên đồng hồ táp lô

n **Không có màn hình đa thông tin**



Các đơn vị sử dụng trên đồng hồ táp lô và một số đèn chỉ báo có thể khác nhau tùy vào từng thị trường.

Hình ảnh có thể khác so với điều kiện thực tế.

n Màn hình 7-inch



Các đơn vị sử dụng trên đồng hồ táp lô và một số đèn chỉ báo có thể khác nhau tùy vào từng thị trường.

Hình ảnh có thể khác so với điều kiện thực tế.

n Màn hình 12.3-inch

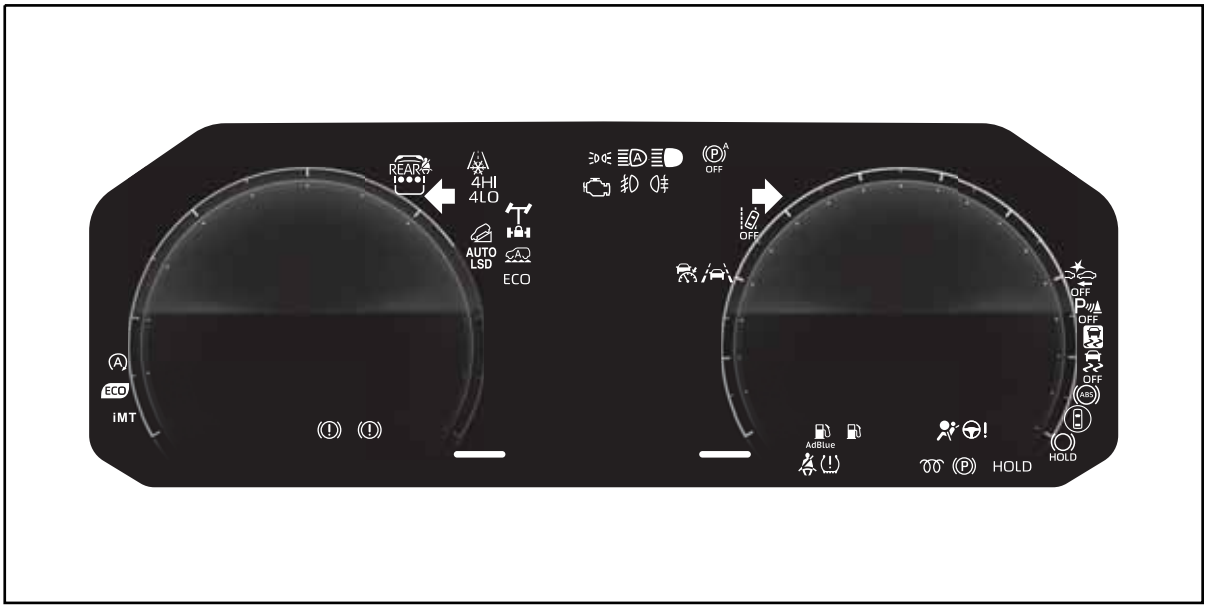
▶ Kiểu 1



Vị trí của các đèn cảnh báo và đèn chỉ báo có thể khác nhau tùy vào thị trường sử dụng.

Hình ảnh có thể khác so với điều kiện thực tế.

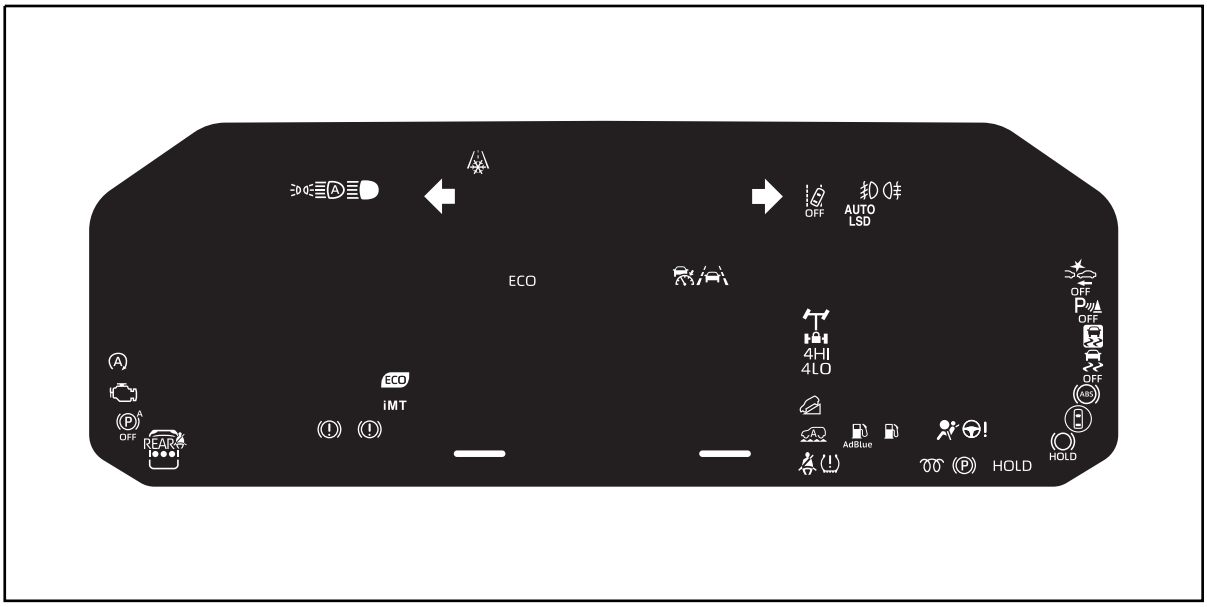
▶ Kiểu 2



Vị trí của các đèn cảnh báo và đèn chỉ báo có thể khác nhau tùy vào thị trường sử dụng.

Hình ảnh có thể khác so với điều kiện thực tế.

▶ Kiểu 3



Vị trí của các đèn cảnh báo và đèn chỉ báo có thể khác nhau tùy vào thị trường sử dụng.

Hình ảnh có thể khác so với điều kiện thực tế.

Các đèn cảnh báo

Các đèn cảnh báo sẽ cảnh báo cho người lái các lỗi liên quan đến các hệ thống trên xe.


(Màu đỏ)

Đèn cảnh báo hệ thống phanh*1 (→P.535)


(Màu vàng)

Đèn cảnh báo hệ thống phanh*1 (→P.535)



Đèn cảnh báo hệ thống nạp*2 (→P.535)



Đèn cảnh báo áp suất dầu động cơ thấp*2 (→P.536)



Đèn cảnh báo nhiệt độ nước làm mát cao*2 (nếu được trang bị) (→P.536)



Đèn chỉ báo lỗi*1 (→P.536)



Đèn cảnh báo túi khí*1 (→P.536)



Đèn cảnh báo ABS*1 (→P.537)


(Màu đỏ)

Đèn cảnh báo hệ thống lái trợ lực điện*1 (nếu có) (→P.537)


(Màu vàng)

Đèn cảnh báo hệ thống lái trợ lực điện*1 (nếu có) (→P.537)



Đèn cảnh báo PCS*1 (nếu có) (→P.537)


(Màu vàng)

Đèn chỉ báo LTA (nếu có) (→P.537)


(Màu vàng)

Đèn chỉ báo LDA (nếu có) (→P.538)


(Màu vàng)

Đèn chỉ báo điều khiển chạy tự động (nếu có) (→P.538)


(Màu vàng)

Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa (nếu có) (→P.538)



Chỉ báo thông tin hỗ trợ lái xe*1 (nếu có) (→P.539)



Đèn chỉ báo OFF cảm biến hỗ trợ đỗ xe của Toyota*1 (nếu có) (→P.539)


(Nhấp nháy hoặc sáng)

Đèn cảnh báo hệ thống nhiên liệu*2 (nếu có) (→P.540)


(Nháy)

Đèn cảnh báo hệ thống DPF*2 (nếu có) (→P.540)



Đèn cảnh báo thao tác bàn đạp không phù hợp*1, 2 (→P.541, 541)



(Nháy)

Đèn chỉ báo tắt hệ thống Dừng và Khởi động*1 (nếu có) (→P.542)



Đèn chỉ báo trượt*1 (→P.542)



(Màu vàng)

Chỉ báo hệ thống dẫn động bốn bánh tốc độ cao (nếu được trang bị) (→P.542)



(Nháy)

Đèn chỉ báo bốn bánh chủ động tốc độ thấp (nếu có) (→P.542)


(Nháy)

Đèn chỉ báo khóa vi sai sau (nếu có) (→P.543)


(Nhấp nháy hoặc sáng)

Đèn cảnh báo nhiệt độ dầu hộp số tự động*2 (nếu được trang bị) (→P.543)


(Nháy)

Đèn chỉ báo phanh đỗ (→P.543)


(Nháy)

Đèn chỉ báo hoạt động của chức năng giữ phanh*1 (nếu có) (→P.544)



Đèn cảnh báo tốc độ*2 (nếu có) (→P.544)


(Nháy)

Đèn cảnh báo 'STOP'*1 (nếu có) (→P.544)



Đèn cảnh báo đến kỳ bảo dưỡng*2 (nếu có) (→P.544)



Đèn cảnh báo mức nhiên liệu thấp (→P.545)



Đèn cảnh báo mức dung dịch AdBlue™ thấp (nếu có) (→P.545)



Đèn cảnh báo mức dầu động cơ thấp*2 (nếu có) (→P.545)



Đèn cảnh báo áp suất lốp*1 (nếu có) (→P.545)


(Nháy)

Chỉ báo "AUTO LSD"*1 (nếu có) (→P.546)



Đèn cảnh báo mở cửa*2 (nếu có) (→P.546)



Đèn nhắc nhở người lái và hành khách phía trước thắt đai an toàn (→P.546)



hoặc


Đèn nhắc thắt đai an toàn trên ghế hành khách sau (nếu có) (→P.547)

*1: Những đèn này sẽ sáng khi công tắc động cơ được bật ON để chỉ ra rằng hệ thống đang thực hiện kiểm tra. Các đèn này sẽ tắt đi sau khi khởi động động cơ, hoặc sau một vài giây. Nếu đèn chỉ báo không sáng lên hoặc tắt thì có thể hệ thống đã bị trục trặc. Hãy cho kiểm tra xe tại đại lý Toyota.

*2: Xe có màn hình đa thông tin: Đèn này sẽ sáng lên trên màn hình đa thông tin kèm theo một thông báo.

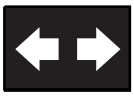
⚠ CẢNH BÁO

n **Nếu đèn cảnh báo của hệ thống an toàn không sáng lên**

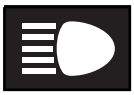
Khi đèn cảnh báo của một hệ thống an toàn không sáng như là đèn cảnh báo của hệ thống ABS và hệ thống túi khí SRS, khi khởi động động cơ, điều đó có nghĩa là những hệ thống này không thể giúp bảo vệ bạn khi xảy ra tai nạn, và có thể dẫn tới tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng. Hãy đưa xe tới kiểm tra tại đại lý Toyota ngay nếu thấy xảy ra hiện tượng trên.

Đèn chỉ báo

Các chỉ báo sẽ cảnh báo cho người lái biết về tình trạng hoạt động của các hệ thống trên xe.


Đèn chỉ báo xi nhan (→P.198)


Đèn chỉ báo đèn hậu (→P.207)


Đèn chỉ báo đèn pha chiếu xa (→P.209)


Đèn chỉ báo AHB (nếu có) (→P.210)


Đèn sương mù phía trước (nếu có) (→P.213)


Đèn chỉ báo đèn sương mù phía sau (nếu có) (→P.213)


Đèn cảnh báo PCS*1, 2 (nếu có) (→P.228)


(Màu trắng)
Đèn chỉ báo LTA (nếu có) (→P.240)


(Màu xanh lá)
Đèn chỉ báo LTA (nếu có) (→P.240)


(Màu vàng)
(Nháy)
Đèn chỉ báo LTA (nếu có) (→P.240)


(Màu xanh lá)
Đèn chỉ báo LDA (nếu có) (→P.244)


(Màu vàng)
(Nháy)
Đèn chỉ báo LDA (nếu có) (→P.244)



(Màu vàng)
Đèn chỉ báo LDA OFF*2 (nếu có) (→P.244)


(Màu xanh lá)
Đèn chỉ báo điều khiển chạy tự động (nếu có) (→P.261, 265)


(Màu trắng)
Đèn chỉ báo điều khiển chạy tự động (nếu có) (→P.261, 265)


(Màu xanh lá)
Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa (nếu có) (→P.257)


(Màu trắng)
Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa (nếu có) (→P.257)


Đèn chỉ báo thông tin hệ thống hỗ trợ lái xe (nếu có) *1, 2 (→P.275, 280, 290, 295, 299)


Đèn chỉ báo cho gương chiếu hậu bên ngoài*3 (nếu có) (→P.275, 280, 290)



Đèn chỉ báo OFF cảm biến hỗ trợ đỗ xe của Toyota*1, 2 (nếu có) (→P.284)


Đèn chỉ báo cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota*1 (nếu có trang bị) (→P.283)



Đèn chỉ báo lái tiết kiệm nhiên liệu *1 (nếu có) (→P.108, 119)


Đèn chỉ báo hệ thống dừng và khởi động *1 (nếu có) (→P.267)



Đèn chỉ báo tắt hệ thống Dừng và Khởi động*1, 2 (nếu có) (→P.268)


Đèn chỉ báo sấy động cơ (động cơ diesel) (→P.186)


(Nháy)

Đèn chỉ báo trượt[*1] (→P.399)



Đèn chỉ báo "TRC OFF"[*1, 2] (nếu có) (→P.399)



Đèn chỉ báo VSC OFF[*1, 2] (→P.400)



Đèn chỉ báo hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc[*1] (nếu có) (→P.390)



Chỉ báo hệ thống dẫn động bốn bánh tốc độ cao (nếu có) (→P.377)



Đèn chỉ báo bốn bánh chủ động tốc độ thấp (nếu có) (→P.377)



Đèn chỉ báo khóa vi sai sau (nếu có) (→P.385)



Đèn chỉ báo "iMT" (nếu có) (→P.197)



Đèn chỉ báo phanh đỗ (→P.199, 200)



Đèn chỉ báo EPB OFF tự động[*1, 2] (nếu có) (→P.200)



Đèn chỉ báo chế độ chờ của chức năng giữ phanh[*1] (nếu có) (→P.204)



Đèn chỉ báo hoạt động của chức năng giữ phanh[*1] (nếu có) (→P.204)



Chỉ báo "AUTO LSD"[*1] (nếu có) (→P.392)



Đèn chỉ báo an ninh[*4] (→P.78, 80)



Đèn chỉ báo hệ thống mở khóa và khởi động thông minh[*5] (nếu có) (→P.186)



Đèn chỉ báo nhiệt độ bên ngoài thấp[*6] (nếu có) (→P.98, 104)



Đèn chỉ báo đèn phanh (nếu có) (→P.93)



Đèn chỉ báo lái Eco (nếu có) (→P.374)



Đèn chỉ báo chế độ Power (nếu có) (→P.374)



Đèn chỉ báo chế độ Sport (nếu có) (→P.374)



Đèn chỉ báo chế độ AUTO (nếu có) (→P.387)



Đèn chỉ báo chế độ DIRT (nếu có) (→P.387)



Đèn chỉ báo chế độ SAND (nếu có) (→P.387)



Đèn chỉ báo chế độ MUD (nếu có) (→P.387)



Chỉ báo chế độ DEEP SNOW (nếu có) (→P.387)



Đèn chỉ báo chế độ ROCK (nếu có) (→P.387)



Đèn chỉ báo "PASSENGER AIR BAG"[*1, 4] (nếu có) (→P.44)

[*1]: Những đèn này sẽ sáng khi công tắc động cơ được bật ON để chỉ ra rằng hệ thống đang thực hiện kiểm tra. Các đèn này sẽ tắt đi sau khi khởi động động cơ, hoặc sau một vài giây. Nếu đèn chỉ báo không sáng lên hoặc tắt thì có thể hệ thống đã bị trục trặc. Hãy cho kiểm tra xe tại đại lý Toyota.

[*2]: Đèn này sáng lên khi hệ thống tắt.

[*3]: Đèn sẽ sáng trên gương chiếu hậu phía ngoài.

[*4]: Đèn này sẽ sáng trên bảng điều

khiển trần xe.

*5: Xe có màn hình đa thông tin: Đèn này sẽ sáng lên trên màn hình đa thông tin kèm theo một thông báo.

*6: Khi nhiệt độ bên ngoài xấp xỉ 3°C trở xuống, đèn chỉ báo sẽ nháy trong khoảng 10 giây, sau đó sáng liên tục.

n Đèn chỉ báo OFF của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota

Xe có đèn chỉ báo phát hiện cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota (→P.86, 283): Đèn chỉ báo sẽ tắt khi vị trí số được chuyển sang R bất kể chức năng cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota đang bật hay tắt.

n Đèn chỉ báo đèn phanh

Đèn này sẽ bật sáng khi đèn phanh sáng lên bởi vận hành của bàn đạp phanh hoặc của hệ thống hỗ trợ lái xe.

n Kích hoạt hoặc vô hiệu hóa đèn chỉ báo lái Eco.

Xe không có màn hình đa thông tin:

→P.95

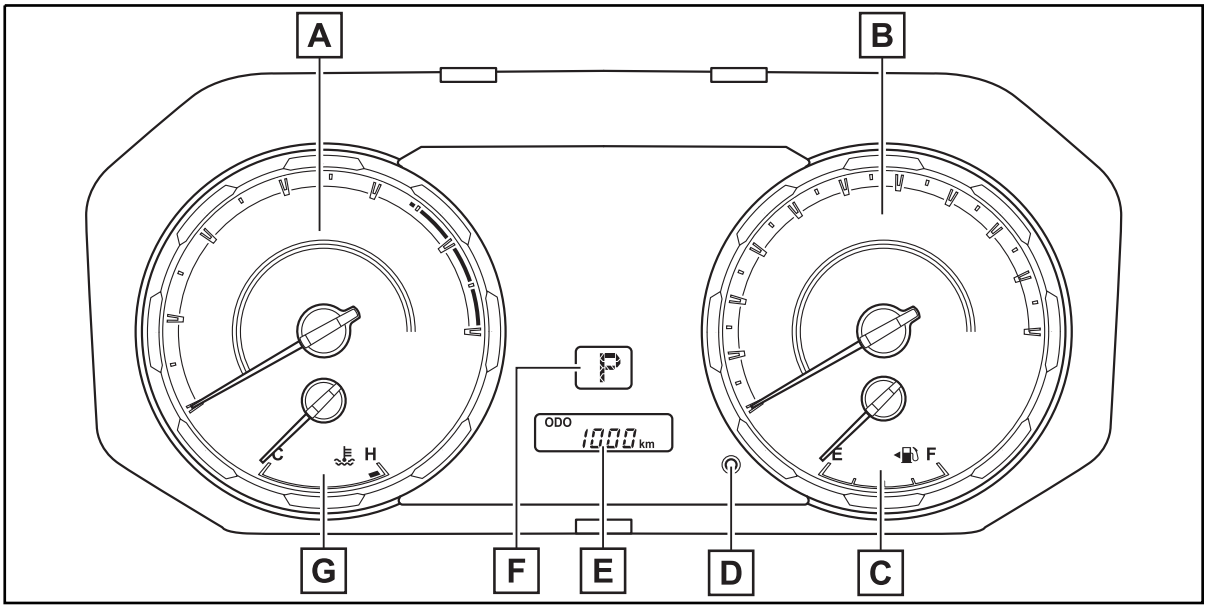
Xe có màn hình đa thông tin:

→P.610, 612

Đồng hồ báo và đồng hồ đo (không có màn hình đa thông tin)

Hiển thị bảng táp lô

n Vị trí của đồng hồ báo và đồng hồ đo



Các đơn vị đo trên đồng hồ táp lô và màn hình có thể sẽ khác nhau tùy vào thị trường của xe.

A Đồng hồ tốc độ động cơ

Hiển thị tốc độ vòng tua động cơ theo đơn vị số vòng/phút

B Đồng hồ tốc độ xe

Hiển thị tốc độ xe

C Đồng hồ đo nhiên liệu

Hiển thị lượng nhiên liệu còn lại trong bình

D Nút thay đổi nội dung hiển thị của đồng hồ công tơ mét/đồng hồ đo hành trình

→P.95

E Đồng hồ công tơ mét và đồng hồ đo hành trình

Đồng hồ công tơ mét:

Hiển thị tổng quãng đường mà xe đã đi được

Đồng hồ đo hành trình:

Thể hiện quãng đường mà xe đã đi được kể từ khi đồng hồ được đặt lại ở lần gần nhất. Đồng hồ đo hành trình A và B có thể được sử dụng để ghi lại và thông báo hai hành trình độc lập.

F Vị trí cần số và dải chọn số (hộp số tự động)

Hiển thị vị trí số đã chọn hoặc dải số đã chọn (→P.191)

G Đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát động cơ

Hiển thị nhiệt độ của nước làm mát động cơ

n **Các đồng hồ đo và màn hình sẽ sáng lên khi**

Công tắc động cơ ở ON.

n **Khi ngắt kết nối và nối lại các điện cực của ắc quy**

Dữ liệu của đồng hồ đo hành trình sẽ được đặt lại.

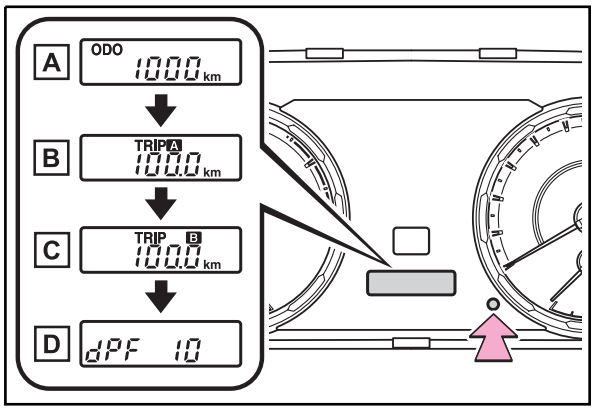
CHÚ Ý

n **Để tránh làm hư hỏng động cơ và các chi tiết của động cơ**

- Không để kim của đồng hồ tốc độ động cơ chỉ đến vùng đỏ, tức là tốc độ động cơ đạt mức tối đa.
- Động cơ có thể bị quá nhiệt nếu như đồng hồ báo nhiệt độ nước làm mát động cơ chỉ tới vùng đỏ (vạch "H"). Trong trường hợp này, hãy dừng xe ngay lập tức tại vị trí an toàn và kiểm tra động cơ sau khi động cơ đã nguội hẳn. (→P.579)

Thay đổi nội dung hiển thị

Ấn nút này sẽ chuyển hiển thị giữa đồng hồ công tơ mét, đồng hồ đo hành trình và tình trạng lắng đọng DPF.



A Đồng hồ công tơ mét

B Đồng hồ đo hành trình A*

C Đồng hồ đo hành trình B*

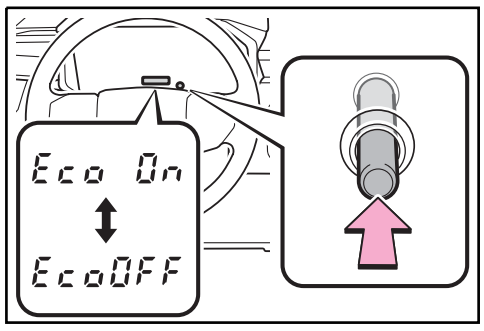
D Trình trạng đóng cặn trong DPF (nếu có) (→P.395)

*: Hãy ấn và giữ nút này để đặt lại đồng hồ đo hành trình.

n **Kích hoạt hoặc vô hiệu hóa đèn chỉ báo lái Eco.**

Xe có hộp số tự động:

Khi đồng hồ công tơ mét được hiển thị, hãy ấn và giữ vào nút thay đổi nội dung hiển thị của đồng hồ công tơ mét/đồng hồ đo hành trình để hiển thị màn hình tùy chọn cá nhân đèn chỉ báo lái Eco.



Ấn và giữ vào nút thay đổi nội dung hiển thị của đồng hồ công tơ

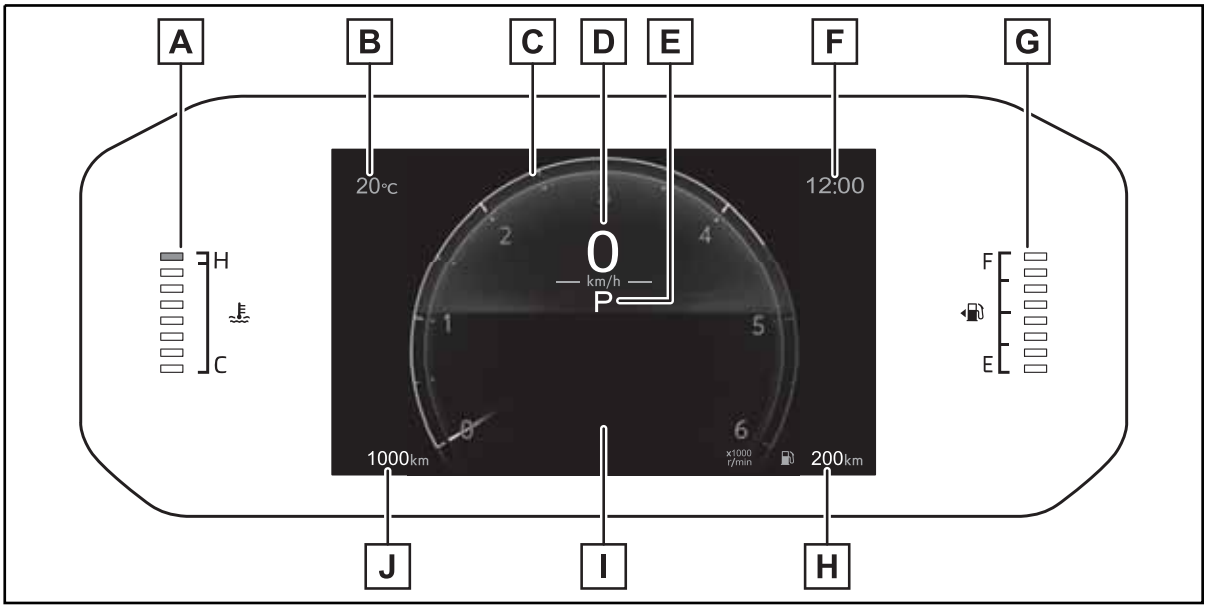
mét/đồng hồ đo hành trình để bật/tắt đèn chỉ báo lái Eco.

Ấn và giữ vào nút thay đổi nội dung hiển thị của đồng hồ công tơ mét/đồng hồ đo hành trình trong hơn 2 giây để hoàn thành quy trình cài đặt.

Các đồng hồ báo và đồng hồ đo (với màn hình đa thông tin 7 inch)

Hiển thị bảng táp lô

n Vị trí của đồng hồ báo và đồng hồ đo



Các đơn vị đo trên đồng hồ táp lô và màn hình có thể sẽ khác nhau tùy vào thị trường của xe.

A Đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát động cơ

Hiển thị nhiệt độ của nước làm mát động cơ

B Nhiệt độ bên ngoài xe (→P.98)

C Đồng hồ tốc độ động cơ/Đồng hồ tốc độ xe kiểu analog

Đồng hồ tốc độ động cơ:

Hiển thị tốc độ vòng tua động cơ theo đơn vị số vòng/phút

Đồng hồ tốc độ xe dạng Analog:

Hiển thị tốc độ xe

D Đồng hồ tốc độ xe kiểu kỹ thuật số

Hiển thị tốc độ xe

E Vị trí cần số và dải chọn số (hộp số tự động)

Hiển thị vị trí số đã chọn hoặc dải số đã chọn (→P.191)

F Đồng hồ (→P.99)

G Đồng hồ đo nhiên liệu

Hiển thị lượng nhiên liệu còn lại trong bình

H Quãng đường xe có thể đi được cho tới khi hết nhiên liệu

Hiển thị quãng đường xe có thể đi được với lượng nhiên liệu còn lại trong bình

I Màn hình đa thông tin

Thông báo cho người lái biết các dữ liệu của xe liên quan tới việc lái xe (→P.106)

Hiển thị cảnh báo nếu xuất hiện trục trặc (→P.550)

J Đồng hồ công tơ mét

Hiển thị tổng quãng đường mà xe đã đi được

---

n **Các đồng hồ đo và màn hình sẽ sáng lên khi**

Công tắc động cơ ở ON.

n **Quãng đường xe có thể đi được cho tới khi hết nhiên liệu**

l Khoảng cách này được tính toán dựa trên mức tiêu hao nhiên liệu trung bình của xe. Do vậy quãng đường thực tế xe có thể chạy được có thể sẽ không giống với giá trị được hiển thị.

l Khi chỉ nạp một lượng nhiên liệu nhỏ vào bình, thì màn hình có thể sẽ không cập nhật thông tin này. Khi nạp nhiên liệu, hãy tắt công tắc động cơ. Nếu nạp nhiên liệu mà không tắt công tắc động cơ, giá trị này có thể sẽ không được cập nhật.

l Khi "Refuel" được hiển thị, lượng nhiên liệu còn lại trong bình là thấp và hệ thống không thể tính được quãng đường mà xe có thể đi được với lượng nhiên liệu còn lại đó. Hãy nạp thêm nhiên liệu ngay lập tức.

n **Màn hình nhiệt độ bên ngoài xe**

l Trong các trường hợp sau, nhiệt độ bên ngoài xe có thể sẽ không được hiển thị chính xác hoặc thời gian trễ của màn hình sẽ lâu hơn bình thường.

- Khi dừng xe, hoặc khi lái xe với tốc độ thấp (thấp hơn 25 km/h [15 mph])
- Khi nhiệt độ bên ngoài xe thay đổi đột ngột (khi đi vào/ra khỏi nhà để xe hoặc đường hầm…)

l Khi "- -" hoặc "E" xuất hiện, hệ thống có thể đang bị hư hỏng. Hãy mang xe đến đại lý Toyota để kiểm tra.

l Hiển thị nhiệt độ bên ngoài đang ở trong khoảng từ -40°C đến 60°C.

l Khi nhiệt độ bên ngoài là từ xấp xỉ 3°C trở xuống, đèn chỉ báo sẽ nháy khoảng 10 giây sau đó sáng.

n **Màn hình tinh thể lỏng**

→P.107

n **Thông tin phần mềm nguồn mở/phần mềm tự do**

Sản phẩm này bao gồm cả phần mềm mã nguồn mở/phần mềm miễn phí (FOSS). Thông tin bản quyền và/hoặc mã nguồn của FOSS có thể tìm thấy trong đường dẫn sau.

https://www.yazaki-group.com/rd-tech/oss/896

CẢNH BÁO

n **Sử dụng màn hình thông tin ở nhiệt độ thấp**

Hãy sưởi ấm bên trong xe trước khi sử dụng màn hình tinh thể lỏng. Ở nhiệt độ cực thấp, những thông tin được hiển thị trên màn hình có thể sẽ phản ứng chậm và hình ảnh thay đổi có thể sẽ bị trễ.

Ví dụ, số của dải số xuất hiện trên màn hình bị trễ so với thao tác chuyển số của người lái. Sự chậm trễ đó dẫn đến việc người lái thực hiện lại thao tác xuống số, làm cho tốc độ động cơ tăng cao và lực phanh động cơ quá lớn và có thể dẫn tới tai nạn, gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

CHÚ Ý

n **Để tránh làm hư hỏng động cơ và các chi tiết của động cơ**

- Không để kim của đồng hồ tốc độ động cơ chỉ đến vùng đỏ, tức là tốc độ động cơ đạt mức tối đa.
- Động cơ có thể bị quá nhiệt nếu như đồng hồ báo nhiệt độ nước làm mát động cơ chỉ tới vùng đỏ (vạch "H"). Trong trường hợp này, hãy dừng xe ngay lập tức tại vị trí an toàn và kiểm tra động cơ sau khi động cơ đã nguội hẳn. (→P.579)

Thay đổi độ sáng bảng táp lô

Độ sáng của đèn chiếu bảng táp lô có thể điều chỉnh được trên màn hình đa thông tin.

1 Ấn nút ∧ hoặc ∨ của công tắc điều khiển đồng hồ táp lô trên vô lăng và chọn ⚙.

2 Ấn nút 〈 hoặc 〉 của công tắc điều khiển đồng hồ táp lô trên vô lăng và chọn .

3 Trên màn hình , ấn và giữ nút OK trên công tắc điều khiển đồng hồ táp lô.

4 Chọn độ sáng bằng cách vận hành 〈 hoặc 〉 của các nút điều khiển đồng hồ.

Khi cài đặt xong, hãy ấn nút ⮌ để trở về màn hình trước đó.

n **Độ sáng của đồng hồ táp lô (chế độ ban ngày và ban đêm)**

Có thể điều chỉnh độc lập được độ sáng của đèn chiếu sáng đồng hồ táp lô.

Trong các tình huống sau, độ sáng của đồng hồ táp lô sẽ đổi khi chuyển giữa chế độ ban ngày và chế độ ban đêm.

- Chế độ ban ngày: Khi đèn hậu tắt hoặc khi các đèn hậu đang bật nhưng khu vực xung quanh sáng
- Chế độ ban đêm: Khi đèn hậu bật và khu vực xung quanh tối

Điều chỉnh giờ của đồng hồ

Có thể điều chỉnh được đồng hồ báo giờ hoặc ở trên màn hình đa thông tin hoặc trên hệ thống đa phương tiện.

▶ Xe không có hệ thống đa phương tiện

Bằng cách bật màn hình ⚙ từ

màn hình ⚙ trên màn hình đa thông tin, bạn có thể thay đổi các cài đặt sau đây liên quan tới đồng hồ báo giờ.

- Đặt lại hiển thị số phút
- Chuyển giữa chế độ hiển thị 12 giờ và 24 giờ.
- Điều chỉnh thời gian

n **Để đặt lại hiển thị số phút**

1 Ấn nút ∧ hoặc ∨ của công tắc điều khiển đồng hồ táp lô trên vô lăng và chọn ⚙.

2 Ấn nút ❮ hoặc ❯ của công tắc điều khiển đồng hồ táp lô trên vô lăng và chọn 🕒⚙.

Bằng cách ấn nút OK trên cụm công tắc điều khiển đồng hồ táp lô trên màn hình 🕒⚙, bạn có thể đặt số "Minutes" về giá trị 00.

- Số phút trong khoảng từ 0 đến 29 phút sẽ được làm tròn xuống.

(Ví dụ, từ 1:00 đến 1:29 sẽ được điều chỉnh thành 1:00)

- Số phút trong khoảng từ 30 đến 59 phút sẽ được làm tròn lên.

(Ví dụ, từ 1:30 đến 1:59 sẽ được điều chỉnh thành 2:00)

n **Chọn để điều chỉnh giờ**

1 Ấn nút ∧ hoặc ∨ của công tắc điều khiển đồng hồ táp lô trên vô lăng và chọn ⚙.

2 Ấn nút ❮ hoặc ❯ của công tắc điều khiển đồng hồ táp lô trên vô lăng và chọn 🕒⚙.

3 Trên màn hình 🕒⚙, ấn và giữ nút OK trên công tắc điều khiển đồng hồ táp lô.

4 Chọn chế độ "12H/24H", "Time" hoặc "Minutes" bằng cách bấm nút ❮ hoặc ❯ của cụm công tắc điều khiển đồng hồ táp lô.

5 Ấn nút ∧ hoặc ∨ của cụm công tắc điều khiển đồng hồ để thay đổi các nội dung được hiển thị.

Khi cài đặt xong, hãy ấn nút ⮌ để trở về màn hình trước đó.

▶ Xe có hệ thống đa phương tiện

Hãy tham khảo “Hướng dẫn sử dụng hệ thống đa phương tiện”.

Đồng hồ báo và đồng hồ đo (với màn hình thông tin đa dạng 12.3-inch)

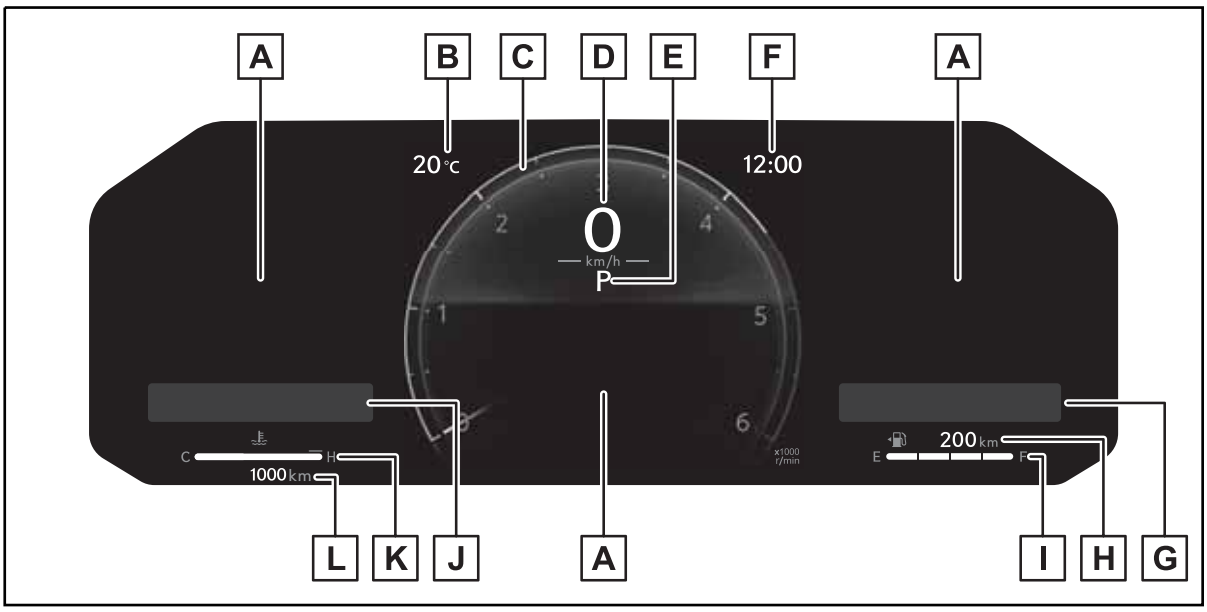
Đồng hồ hiển thị các thông tin lái xe khác nhau.

Hiển thị bảng táp lô

n Vị trí của đồng hồ báo và đồng hồ đo

Có thể thay đổi cài đặt kiểu màn hình đồng hồ (→P.122)

▶ Kiểu 1/Kiểu 3



Vị trí của một vài hạng mục hiển thị và đơn vị đo có thể khác nhau tùy vào thị trường sử dụng xe.

A Màn hình đa thông tin

Thông báo cho người lái biết các dữ liệu của xe liên quan tới việc lái xe (→P.116)

Hiển thị thông điệp cảnh báo nếu có trục trặc xuất hiện (→P.550)

B Nhiệt độ bên ngoài xe (→P.104)

C Đồng hồ kiểu analog (chỉ cho kiểu 1)

Có thể thay đổi được đồng hồ kiểu analog trên các cài đặt. (→P.122)

Đồng hồ tốc độ động cơ:

Hiển thị tốc độ vòng tua động cơ theo đơn vị số vòng/phút

Đồng hồ tốc độ xe dạng Analog:

Hiển thị tốc độ xe

D Đồng hồ tốc độ xe kiểu kỹ thuật số

Hiển thị tốc độ xe

E Vị trí cần số và dải chọn số (hộp số tự động)

Hiển thị vị trí số đã chọn hoặc dải số đã chọn (→P.191)

F Đồng hồ (→P.105)

G Tiện ích Widget (Màn hình liên kết với hệ thống âm thanh)

Hiển thị nguồn âm thanh hoặc bản nhạc đã chọn trên bảng đồng hồ. (→P.120)

Khi danh sách các hạng mục cho vùng hiển thị nội dung (→P.118) được hiển thị, tiện ích widget sẽ không được hiển thị.

H Quãng đường xe có thể đi được cho tới khi hết nhiên liệu

Hiển thị quãng đường xe có thể đi được với lượng nhiên liệu còn lại trong bình (→P.103)

I Đồng hồ đo nhiên liệu

Thông báo lượng nhiên liệu còn lại trong bình nhiên liệu của xe.

J Tiện ích Widget (Tính kinh tế nhiên liệu)

Hiển thị thông tin về tiết kiệm nhiên liệu. (→P.119)

Khi danh sách các hạng mục cho vùng hiển thị nội dung (→P.118) được hiển thị, tiện ích widget sẽ không được hiển thị.

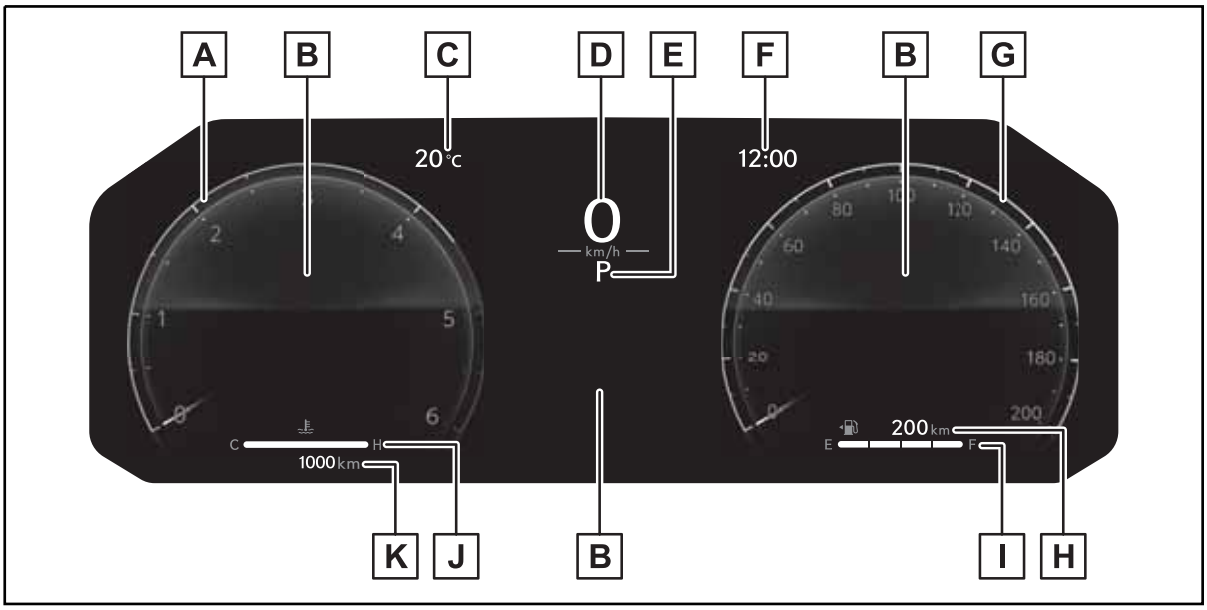
K Đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát động cơ

Hiển thị nhiệt độ của nước làm mát động cơ

L Đồng hồ công tơ mét

Hiển thị tổng quãng đường mà xe đã đi được

▶ Kiểu 2



Vị trí của một vài hạng mục hiển thị và đơn vị đo có thể khác nhau tùy vào thị trường sử dụng xe.

A Đồng hồ tốc độ động cơ

Hiển thị tốc độ vòng tua động cơ theo đơn vị số vòng/phút

B Màn hình đa thông tin

Thông báo cho người lái biết các dữ liệu của xe. (→P.116)

Hiển thị cảnh báo nếu xuất hiện trục trặc (→P.550)

C Nhiệt độ bên ngoài xe (→P.104)

D Đồng hồ tốc độ xe kiểu kỹ thuật số

Hiển thị tốc độ xe

E Vị trí cần số và dải chọn số (hộp số tự động)

Hiển thị vị trí số đã chọn hoặc dải số đã chọn (→P.191)

F Đồng hồ (→P.105)

G Đồng hồ tốc độ xe dạng Analog

Hiển thị tốc độ xe

H Quãng đường xe có thể đi được cho tới khi hết nhiên liệu

Hiển thị quãng đường xe có thể đi được với lượng nhiên liệu còn lại trong bình (→P.103)

I Đồng hồ đo nhiên liệu

Thông báo lượng nhiên liệu còn lại trong bình nhiên liệu của xe.

J Đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát động cơ

Hiển thị nhiệt độ của nước làm mát động cơ

K Đồng hồ công tơ mét

Hiển thị tổng quãng đường mà xe đã đi được

---

n **Các đồng hồ đo và màn hình sẽ sáng lên khi**

Công tắc động cơ ở ON.

n **Quãng đường xe có thể đi được cho tới khi hết nhiên liệu**

- Khoảng cách này được tính toán dựa trên mức tiêu hao nhiên liệu trung bình của xe. Do vậy quãng đường thực tế xe có thể chạy được có thể sẽ không giống với giá trị được hiển thị.
- Khi chỉ nạp một lượng nhiên liệu nhỏ vào bình, thì màn hình có thể sẽ không cập nhật thông tin này. Khi nạp nhiên liệu, hãy tắt công tắc động cơ. Nếu nạp nhiên liệu mà không tắt công tắc động cơ, giá trị này có thể sẽ không được cập nhật.
- Khi “Refuel” được hiển thị, lượng nhiên liệu còn lại trong bình là thấp và hệ thống không thể tính được quãng đường mà xe có thể đi được với lượng nhiên liệu còn lại đó. Hãy

nạp thêm nhiên liệu ngay lập tức.

n **Màn hình nhiệt độ bên ngoài xe**

l Trong một số trường hợp sau, nhiệt độ chính xác bên ngoài xe có thể sẽ không được hiển thị hoặc thời gian hiển thị sẽ lâu hơn bình thường:

- Khi dừng xe, hoặc khi lái xe với tốc độ thấp (thấp hơn 25 km/h [15 mph])
- Khi nhiệt độ bên ngoài xe thay đổi đột ngột (khi đi vào/ra khỏi nhà để xe hoặc đường hầm…)

l Khi "- -" hoặc "E" xuất hiện, hệ thống có thể đang bị hư hỏng. Hãy mang xe đến đại lý Toyota để kiểm tra.

l Hiển thị nhiệt độ bên ngoài đang ở trong khoảng từ -40°C đến 60°C

l Khi nhiệt độ bên ngoài là từ xấp xỉ 3°C trở xuống, đèn chỉ báo sẽ nháy khoảng 10 giây sau đó sáng.

n **Màn hình tinh thể lỏng**

→P.117

n **Thông tin phần mềm nguồn mở/phần mềm tự do**

Sản phẩm này bao gồm cả phần mềm mã nguồn mở/phần mềm miễn phí (FOSS). Thông tin bản quyền và/hoặc mã nguồn của FOSS có thể tìm thấy trong đường dẫn sau.

https://www.yazaki-group.com/rd-tech/oss/903

n **Tùy chọn**

Có thể đặt tùy chọn cho đồng hồ đo và đồng hồ báo trên của màn hình đa thông tin. (→P.122)

CẢNH BÁO

n **Sử dụng màn hình thông tin ở nhiệt độ thấp**

Hãy sưởi ấm bên trong xe trước khi sử dụng màn hình tinh thể lỏng. Ở nhiệt độ cực thấp, những thông tin xuất hiện trên màn hình có thể sẽ phản hồi chậm, và hình ảnh thay đổi sẽ bị trễ.

Ví dụ, số của dải số xuất hiện trên màn hình bị trễ so với thao tác chuyển số của người lái. Sự chậm trễ đó dẫn đến việc người lái thực hiện lại thao tác xuống số, làm cho tốc độ động cơ tăng cao và lực phanh động cơ quá lớn và có thể dẫn tới tai nạn, gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

CHÚ Ý

n **Để tránh làm hư hỏng động cơ và các chi tiết của động cơ**

l Không để kim của đồng hồ tốc độ động cơ chỉ đến vùng đỏ, tức là tốc độ động cơ đạt mức tối đa.

l Động cơ có thể bị quá nhiệt nếu như đồng hồ báo nhiệt độ nước làm mát động cơ chỉ tới vùng đỏ "H". Trong trường hợp này, hãy dừng xe ngay lập tức tại vị trí an toàn và kiểm tra động cơ sau khi động cơ đã nguội hẳn. (→P.579)

Thay đổi độ sáng bảng táp lô

Độ sáng của đèn chiếu bảng táp lô có thể điều chỉnh được trên màn hình đa thông tin.

1 Ấn nút ^ hoặc v của công tắc điều khiển đồng hồ táp lô trên vô lăng và chọn .

2 Ấn nút ❮ hoặc ❯ của công tắc điều khiển đồng hồ táp lô trên vô lăng và chọn .

3 Trên màn hình , ấn và giữ nút OK trên công tắc điều khiển đồng hồ táp lô.

4 Chọn độ sáng bằng cách vận hành ❮ hoặc ❯ của các nút điều khiển đồng hồ.

Khi cài đặt xong, hãy ấn nút ⮌ để trở về màn hình trước đó.

n **Độ sáng của đồng hồ táp lô (chế độ ban ngày và ban đêm)**

Có thể điều chỉnh độc lập được độ sáng của đèn chiếu sáng đồng hồ táp lô.

Trong các tình huống sau, độ sáng của đồng hồ táp lô sẽ đổi khi chuyển giữa chế độ ban ngày và chế độ ban đêm.

- Chế độ ban ngày: Khi đèn hậu tắt hoặc khi các đèn hậu đang bật nhưng khu vực xung quanh sáng
- Chế độ ban đêm: Khi đèn hậu bật và khu vực xung quanh tối

Điều chỉnh giờ của đồng hồ

Có thể điều chỉnh được đồng hồ báo giờ hoặc trên màn hình đa thông tin hoặc trên hệ thống đa phương tiện.

▶ Xe không có hệ thống đa phương tiện

Bằng cách hiển thị màn hình "⚙ Clock Setting" từ màn hình ⚙ trên màn hình đa thông tin, bạn có thể thay đổi các cài đặt sau đây liên quan tới đồng hồ.

- Đặt lại hiển thị số phút
- Chuyển giữa chế độ hiển thị 12 giờ và 24 giờ.
- Điều chỉnh thời gian

n **Để đặt lại hiển thị số phút**

1 Ấn và giữ OK để hiển thị con trỏ trên vùng hiển thị nội dung (ở giữa).

2 Ấn nút ^ hoặc ⌄ của công tắc điều khiển đồng hồ táp lô trên vô lăng và chọn ⚙.

3 Ấn nút ^ hoặc ⌄ của các công tắc điều khiển đồng hồ trên vô lăng và chọn "⚙ Clock Setting".

Bằng cách nhấn OK của các công tắc điều khiển đồng hồ trên màn hình "⚙ Clock Setting", bạn có thể đặt "Minutes" về giá trị 00.

- Số phút trong khoảng từ 0 đến 29 phút sẽ được làm tròn xuống.

(Ví dụ, từ 1:00 đến 1:29 sẽ được điều chỉnh thành 1:00)

- Số phút trong khoảng từ 30 đến 59 phút sẽ được làm tròn lên.

(Ví dụ, từ 1:30 đến 1:59 sẽ được điều chỉnh thành 2:00)

n **Chọn để điều chỉnh giờ**

1 Ấn và giữ OK để hiển thị con trỏ trên vùng hiển thị nội dung (ở giữa).

2 Ấn nút ∧ hoặc ∨ của công tắc điều khiển đồng hồ táp lô trên vô lăng và chọn ⚙.

3 Ấn nút ∧ hoặc ∨ của các công tắc điều khiển đồng hồ trên vô lăng và chọn "Clock Setting".

4 Trên màn hình "Cài đặt đồng hồ", nhấn và giữ nút OK của các công tắc điều khiển đồng hồ.

5 Chọn chế độ "12H"/"24H", "Thời gian" hoặc "Phút" bằng cách vận hành ‹ hoặc › của các công tắc điều khiển đồng hồ đo.

6 Ấn nút ∧ hoặc ∨ của cụm công tắc điều khiển đồng hồ để thay đổi các nội dung được hiển thị.

Khi cài đặt xong, hãy ấn nút ⮌ để trở về màn hình trước đó.

▶ Xe có hệ thống đa phương tiện

Hãy tham khảo “Hướng dẫn sử dụng hệ thống đa phương tiện”.

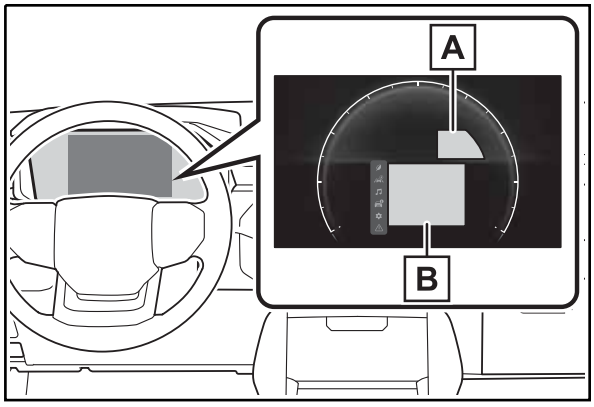
Màn hình đa thông tin (màn hình 7-inch)*

*: Nếu có

Sử dụng màn hình đa thông tin để hiển thị thông tin liên quan đến hiệu suất nhiên liệu và các loại thông tin liên quan đến lái xe khác nhau. Màn hình đa thông tin cũng có thể được sử dụng để thay đổi các cài đặt hiển thị và các cài đặt khác.

Nội dung hiển thị

Tuân theo các thông tin trên màn hình đa thông tin.



A Thông tin hệ thống hỗ trợ lái xe (→P.109)

B Khu vực hiển thị thông tin

Bạn có thể cho hiển thị nhiều thông tin khác nhau bằng cách chọn một biểu tượng của menu.

Ngoài ra , trong một số trường hợp sẽ xuất hiện một màn hình pop-up để đưa ra các hướng dẫn/khuyến nghị.

n **Màn hình đa thông tin được hiển thị khi**

Công tắc động cơ ở ON.

n **Khi thay đổi chế độ lái**

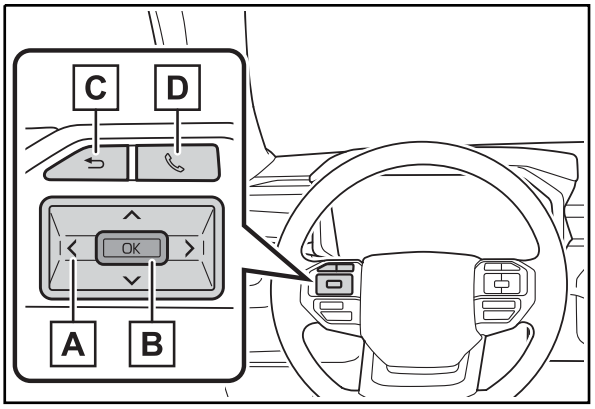
Có thể thay đổi màu nền của màn hình đa thông tin bằng cách tuân theo chế độ lái đã chọn hoặc chế độ chọn đa địa hình. (→P.374, 387)

n **Màn hình tinh thể lỏng**

Những đốm nhỏ hoặc đốm sáng có thể sẽ xuất hiện trên màn hình. Hiện tượng này là đặc tính thông thường của màn hình tinh thể lỏng, vì vậy bạn có thể yên tâm tiếp tục sử dụng màn hình.

Thay đổi nội dung hiển thị

Người lái có thể điều khiển màn hình đa thông tin bằng các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô.



A ∧/∨: Chọn biểu tượng menu, cuộn màn hình và di chuyển con trỏ

〈/〉: Thay đổi nội dung hiển thị, cuộn màn hình và di chuyển con trỏ

B Ấn nút: Nhập/Đặt
Ấn và giữ nút: Đặt lại

C Trở về màn hình trước đó

D Màn hình gọi điện /nhận cuộc gọi và lịch sử cuộc gọi (nếu có)

Liên kết với hệ thống rảnh tay, sẽ hiển thị được cuộc gọi đi hoặc cuộc gọi đến. Để biết thêm chi tiết về hệ thống rảnh tay, hãy tham khảo sách "Hướng dẫn sử dụng hệ thống đa phương tiện".

⚠ CẢNH BÁO

n **Lưu ý sử dụng trong khi lái xe**

Để đảm bảo an toàn, hãy hạn chế sử dụng các công tắc điều khiển đồng hồ trong khi lái xe càng nhiều càng tốt, không nhìn liên tục vào màn hình đa thông tin trong khi lái xe. Hãy dừng xe và sử dụng các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô khi cần thiết. Nếu không có thể dẫn đến thao tác sai với vô lăng, dẫn đến tai nạn.

Các biểu tượng của Menu

Thông tin liên quan đến từng biểu tượng sẽ được hiển thị bằng cách chọn biểu tượng bằng các công tắc điều khiển trên đồng hồ táp lô.

Một số thông tin có thể được hiển thị tự động tùy vào từng trường hợp.

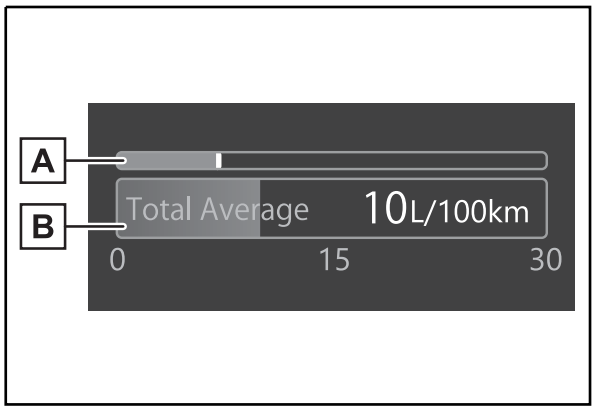
Biểu tượng	Màn hình
	Hiển thị thông tin lái (→P.108)
	Hiển thị thông tin hệ thống hỗ trợ lái xe (nếu có) (→P.109)

Biểu tượng	Màn hình
♪	Hiển thị liên kết với hệ thống âm thanh (nếu có) (→P.109)
	Hiển thị thông tin xe (→P.109)
⚙	Màn hình cài đặt (→P.111)
⚠	Màn hình thông điệp cảnh báo (→P.115)

Hiển thị thông tin lái

Chọn để hiển thị dữ liệu tiêu hao nhiên liệu ở các dạng khác nhau.

n Tiết kiệm nhiên liệu



A Mức tiêu hao nhiên liệu hiện tại

Hiển thị mức tiết kiệm nhiên liệu tức thời.

B Mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình (sau khi khởi động)

Hiển thị mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình từ khi chức năng được đặt lại hoặc mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình sau khi khởi động.*1, 2, 3

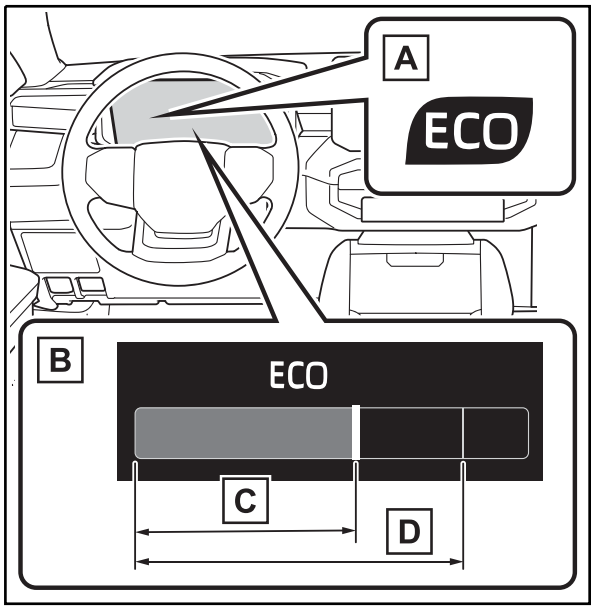
Mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình được chọn bởi "Tiêu thụ" trên ⚙ sẽ được xuất hiện.

*1: Chỉ sử dụng mức tiêu hao nhiên liệu để tham khảo.

*2: Mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình sau khi khởi động sẽ được đặt lại mỗi lần động cơ dừng.

*3: Có thể đặt lại mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình của xe bằng cách ấn và giữ vào nút OK.

n Đèn chỉ báo lái Eco tiết kiệm nhiên liệu (xe có hộp số tự động)



A Đèn chỉ báo lái Eco

Trong khi tăng tốc xe trong chế độ tiết kiệm nhiên liệu (lái Eco), đèn chỉ báo lái Eco sẽ bật sáng. Khi tăng ga vượt quá vùng lái Eco hoặc khi xe đang đỗ lại, đèn ECO sẽ tắt.

B Hiển thị vùng chỉ báo lái Eco

Gợi ý vùng lái Eco với tỷ lệ lái Eco hiện tại dựa trên quá trình tăng tốc.

C Tỷ lệ lái Eco dựa trên quá trình tăng tốc

Khi tăng tốc vượt quá vùng lái Eco, phía bên phải của màn hình vùng lái Eco sẽ sáng.

Tại thời điểm này, đèn chỉ báo lái Eco sẽ tắt.

D Vùng lái Eco

n **Đèn chỉ báo lái xe ECO sẽ không hoạt động khi**

Đèn chỉ báo lái tiết kiệm nhiên liệu sẽ không hoạt động trong các điều kiện sau:

- Khi cần chuyển số không ở vị trí D.
- Không chọn chế độ bình thường hoặc chế độ lái Eco. (các xe có công tắc chọn chế độ lái)
- Hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc đang hoạt động. (nếu có) (→P.390)
- Khi công tắc điều khiển dẫn động bánh trước ở vị trí 4L. (nếu có) (→P.377)
- Khi tốc độ xe đạt xấp xỉ từ 130 km/h trở lên.

Hiển thị thông tin hệ thống hỗ trợ lái xe (nếu có)

n **Hiển thị thông tin hệ thống hỗ trợ lái xe**

Có thể hiển thị trạng thái hoạt động của những hệ thống sau:

- LTA (Hỗ trợ bám làn đường) (nếu có) (→P.236)
- LDA (Hệ thống cảnh báo lệch làn) (nếu có) (→P.241)
- Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng rađa (nếu có) (→P.248)
- Hệ thống điều khiển chạy tự động (→P.259, 263)

Hiển thị liên kết với hệ thống âm thanh (nếu có)

Các điều kiện hoạt động của hệ thống âm thanh có thể được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

Hiển thị thông tin xe

n **Thông tin lái**

Có thể hiển thị theo chiều dọc 2 hạng mục đã chọn bằng việc cài đặt “Drive Info. Items” (tốc độ trung bình và quãng đường).

Chỉ sử dụng các giá trị hiển thị với mục đích tham khảo.

- Tốc độ trung bình của xe: Hiển thị tốc độ trung bình của xe từ khi khởi động động cơ*
- Quãng đường: Hiển thị quãng đường đã đi được kể từ khi khởi động động cơ*
- Thời gian đã qua: Hiển thị thời gian kể từ khi khởi động động cơ*

*: Những hạng mục sau đây sẽ được cài đặt lại mỗi lần động cơ dừng.

n **Thông tin hành trình**

Có thể hiển thị theo chiều dọc 2 hạng mục đã chọn bằng cách sử dụng cài đặt "Mục thông tin chuyến đi A" hoặc "Mục thông tin chuyến đi B" (tốc độ trung bình và quãng đường).

Chỉ sử dụng các giá trị hiển thị với mục đích tham khảo.

- Tốc độ trung bình của xe: Hiển

thị tốc độ xe trung bình của xe kể từ khi màn hình được đặt lại*

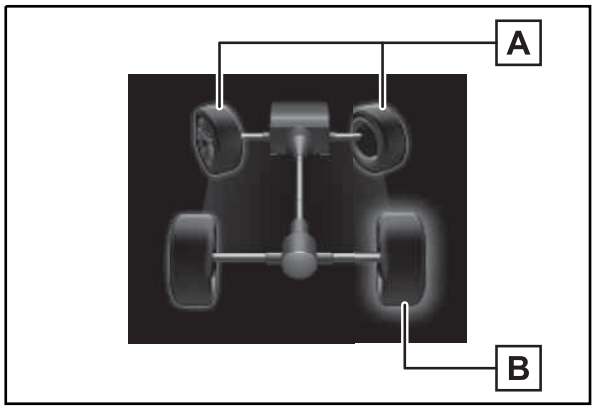
- Quãng đường: Hiển thị khoảng cách lái xe kể từ khi thông số này được đặt lại*
- Thời gian đã qua: Hiển thị thời gian đã trôi qua kể từ khi màn hình được đặt lại*

*: Để đặt lại, hãy hiển thị hạng mục cần đặt, sau đó ấn và giữ nút ⚙.

n **Áp suất lốp (nếu có)**

Hiển thị áp suất lốp của từng lốp. (→P.498)

n **Màn hình điều khiển lực kéo**



A Hiển thị hướng của lốp trước

Hiển thị mức độ hoạt động và chiều của vô lăng thông qua sự thay đổi của các lốp trước trên màn hình

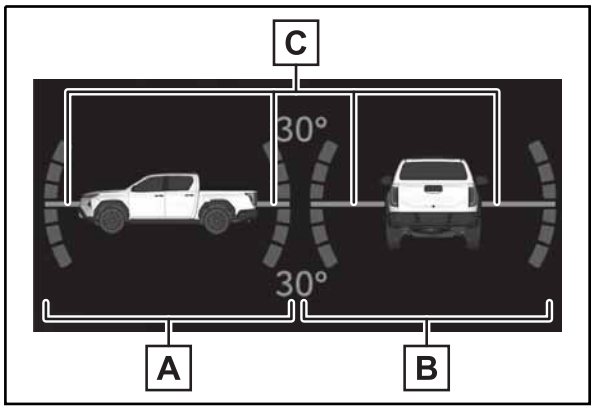
B Hiển thị bánh xe quay trơn*

Khi một lốp xe đang quay trơn, biểu tượng của nó trên màn hình sẽ thay đổi màu sắc và nhấp nháy.

*: Mục này chỉ hiển thị khi chế độ lái xe được đặt ở chế độ sport (thể thao).

Hiển thị góc nghiêng và lật (Hiển thị đồng hồ đo độ nghiêng)

Hiển thị góc nghiêng so với phương thẳng đứng và phương ngang của xe.



A Đánh dấu độ nghiêng về phía trước và phía sau của xe

Cho biết độ nghiêng của xe về phía trước và phía sau.

B Đánh dấu độ nghiêng sang trái và sang phải

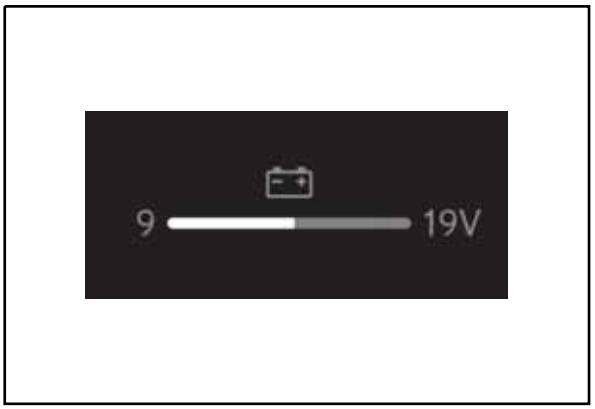
Cho biết độ nghiêng của xe về phía bên trái và bên phải.

C Điểm cân bằng

Cho biết độ nghiêng của xe so với đường song song.

Đồng hồ đo điện áp

Hiển thị tình trạng nạp.



Màn hình này được dùng với mục đích chỉ dẫn. Tùy thuộc vào các yếu tố khác như điều kiện mặt đường, nhiệt độ và tốc độ của xe mà màn hình này có thể sẽ không thể hiện đúng tình trạng thực tế của xe.

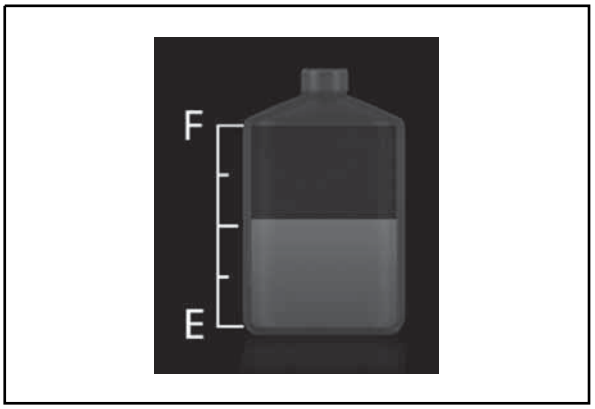
CHÚ Ý

n **Đồng hồ đo điện áp**

Khi đồng hồ đo điện áp chỉ mức điện áp từ 19 V trở lên hoặc từ 9 V trở xuống trong khi động cơ đang chạy, thì ắc quy hoặc hệ thống nạp có thể đã bị trục trặc. Hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

Đồng hồ đo AdBlue™ (nếu có)

Hiển thị lượng dung dịch AdBlue™ còn lại trong bình nhiên liệu. (→P.491)



Màn hình cài đặt

Có thể thay đổi các đặt xe và nội dung được hiển thị trên màn hình bằng các nút của điều khiển đồng hồ táp lô.

n **Quy trình cài đặt**

1 Ấn nút ^ hoặc v của công tắc điều khiển đồng hồ táp lô và chọn ⚙.

2 Ấn nút < hoặc nút > của cụm công tắc điều khiển đồng hồ táp lô và chọn mục cần điều khiển.

- Nếu bật và tắt một chức năng hoặc điều chỉnh âm lượng… trên màn hình cài đặt, thì cài đặt đó sẽ thay đổi mỗi khi ấn nút OK .
- Đối với các chức năng cho phép các nội dung hoạt động, nội dung hiển thị, v.v.. của chức năng đã chọn, màn hình cài đặt sẽ được hiển thị bằng cách ấn và giữ OK. Khi màn hình cài đặt được hiển thị, bạn có thể chọn một cài đặt hoặc một giá trị mong muốn (thời gian…) bằng cách bấm nút OK.

3 Sau khi thay đổi các cài đặt, hãy ấn nút ⮌ trên cụm nút điều khiển đồng hồ táp lô.

n Cài đặt đồng hồ (nếu có) (→P.99)

Chọn để cài đặt đồng hồ.

n LDA (Cảnh báo lệch làn) (nếu có) (→P.241)

Chọn để cài đặt các mục sau.

- Bật/tắt Cảnh báo đi lệch làn đường

Chọn để bật/tắt hệ thống cảnh báo lệch làn.

- "Các lựa chọn cảnh báo"

Chọn để thiết lập kiểu cảnh báo.

- "Thời gian cảnh báo"

Chọn để thiết lập thời gian cảnh báo.

n BSM (Theo dõi điểm mù) (nếu có) (→P.274)

Chọn để cài đặt các mục sau.

- Bật/tắt BSM (theo dõi điểm mù)

Chọn để kích hoạt/vô hiệu hóa hệ thống BSM

- "Độ nhạy"

Chọn để thay đổi thời điểm cảnh báo có xe đang đến gần.

- "Độ sáng"

Chọn để thay đổi độ sáng của các đèn chỉ báo của gương chiếu hậu bên ngoài. (→P.275)

- Chuông cảnh báo

Chọn để bật/tắt cảnh báo chuông reo khi hệ thống BSM hoạt động.

n Hệ thống cảnh báo tiền va chạm (PCS) (nếu có) (→P.227)

Chọn để cài đặt các mục sau.

- Bật/tắt PCS

Chọn để kích hoạt/vô hiệu hóa hệ thống cảnh báo tiền va chạm

- "Thời gian cảnh báo"

Chọn để thay đổi thời điểm cảnh báo va chạm.

n Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota (nếu có) (→P.283)

Các cài đặt sau có thể thay đổi được.

- Bật/tắt cảm biến hỗ trợ đỗ xe của Toyota

Chọn để kích hoạt/vô hiệu hóa cảm biến hỗ trợ đỗ xe của Toyota.

Xe có đèn chỉ báo phát hiện cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota (→P.86, 283): Chức năng cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota không thể bật hoặc tắt khi vị trí số là R.

- “Âm lượng”

Âm lượng chuông báo của hệ thống cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota, hệ thống RCTA (nếu có) và RCD (nếu có) được điều chỉnh đồng thời.

n RCTA (cảnh báo có phương tiện chạy cắt ngang phía sau) (nếu có) (→P.290)

- Bật/tắt hệ thống RCTA (cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau)

Chọn để kích hoạt/vô hiệu hóa hệ thống RCTA.

● “Âm lượng”

Chọn để cài đặt âm lượng của chuông báo khi RCTA, RCD (nếu có) và cảm biến hỗ trợ đỗ xe của Toyota hoạt động.

n **RCD (Phát hiện bằng camera phía sau) (nếu có) (→P.295)**

Chọn để bật/tắt chức năng phát hiện camera phía sau.

n **PKSB (Hệ thống phanh hỗ trợ đỗ xe) (nếu có) (→P.299)**

Chọn để kích hoạt/vô hiệu hóa chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe.

n **SEA (Hỗ trợ xuống xe an toàn) (nếu có) (→P.279)**

Chọn để cài đặt các mục sau.

● Chức năng hỗ trợ xuống xe an toàn bật/tắt

Chọn để bật/tắt hệ thống hỗ trợ xuống xe an toàn.

● "Độ nhạy"

Chọn để thay đổi thời điểm cảnh báo cho xe ô tô hoặc xe đạp.

● Đèn chỉ báo bật/tắt gương

Chọn để bật/tắt hiển thị gương chiếu hậu bên ngoài.

n **Các đặt xe**

● Gợi ý tài xế nghỉ (nếu có)

Chọn để kích hoạt/vô hiệu hóa Gợi ý nghỉ lái. (→P.244)

● "Cài đặt TPWS" (Hệ thống cảnh báo áp suất lốp) (nếu có) (→P.498)

• "Chuyển Bộ Lốp"

Chọn để thay đổi bộ mã ID cảnh báo áp suất lốp của hệ thống cảnh báo áp suất lốp. Để kích hoạt chức năng này, một bộ mã ID cảnh báo áp suất lốp của hệ thống cảnh báo áp suất lốp thứ hai phải được đăng ký bởi đại lý Toyota. Để biết thông tin về việc thay đổi bộ mã ID đã đăng ký, vui lòng liên hệ với đại lý Toyota của bạn.

• "Quay vòng lốp"

Đăng ký vị trí của mỗi bánh xe. (→P.502)

• "Cài đặt áp suất lốp"

Chọn để cài đặt áp suất bơm lốp cụ thể. (→P.503)

• "Cài đặt đơn vị áp suất"

Chọn để thay đổi hiển thị đơn vị đo.

● Cài đặt của tôi (→P.167)

• “Cài đặt”

Chọn để cài đặt Cài đặt của tôi.

• Bật/tắt Cài đặt của tôi

Chọn để kích hoạt/vô hiệu hóa chức năng Cài đặt của tôi

● Ⓐ Hệ thống Dừng & Khởi động (→P.267)

Chọn để cài đặt thời gian hoạt động của hệ thống Dừng và Khởi động khi bật hệ thống điều hòa.

● Nhắc nhở ghế sau (→P.139)

Chọn để kích hoạt/vô hiệu hóa chức năng nhắc nhở ghế sau.

● Đèn chỉ báo đèn phanh

Chọn để bật/tắt đèn chỉ báo đèn phanh. (→P.93)

n **Cài đặt**

● "Ngôn ngữ"

Chọn để thay đổi ngôn ngữ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

● “Đơn vị”

Chọn để thay đổi đơn vị đo mức tiêu hao nhiên liệu.

● Kiểu đồng hồ

Chọn để thay đổi kiểu đồng hồ.

● Kiểu mặt đồng hồ

Chọn để thay đổi kiểu mặt đồng hồ. (→P.101)

● (Các cài đặt của màn hình thông tin xe)

Chọn để cài đặt các mục sau.

• "Tiết kiệm nhiên liệu"

Chọn để thay đổi hiển thị trên Mức Tiết Kiệm Nhiên Liệu. (→P.108)

● (Cài đặt âm thanh)

Chọn để bật/tắt màn hình .

● (Các cài đặt màn hình thông tin xe)

• "Nội dung hiển thị"

Chọn để hiển thị các hạng mục sau đây.

• “Kiểu thông tin lái”

Chọn để thay đổi hiển thị kiểu thông tin lái xe giữa hành trình và tổng quãng đường. (→P.109)

• Hạng mục thông tin lái xe

Chọn để đặt các hạng mục ở phía trên và phía dưới của màn hình thông tin lái xe từ ba hạng mục, tốc độ trung bình, quãng đường và thời gian tổng.

● Màn hình Pop-Up

Chọn để kích hoạt/vô hiệu hóa các màn hình pop-up, màn hình có thể xuất hiện trong một số trường hợp.

● “MID TẮT”

Hiển thị màn hình trống

● “Cài đặt mặc định”

Hãy chọn mục này để đặt lại các cài đặt màn hình đồng hồ táp lô.

---

n **Tình trạng treo của màn hình cài đặt**

l Có một vài hạng mục không thể thay đổi cài đặt trong khi lái xe. Hãy dừng xe tại một địa điểm an toàn khi thay đổi các cài đặt.

l Nếu xuất hiện một thông điệp báo lỗi, hoạt động của màn hình cài đặt sẽ bị treo.

l Các cài đặt của những chức năng không được trang bị trên xe sẽ không được hiển thị.

l Khi tắt một chức năng, thì sẽ không thể chọn được các cài đặt liên quan chức năng đó.

CẢNH BÁO

n **Lưu ý khi cài đặt màn hình**

Vì động cơ cần phải được để nổ máy trong khi cài đặt màn hình, do vậy hãy đảm bảo rằng xe đã được đỗ ở vị trí thông gió tốt. Trong khu vực kín, như ở gara, khí xả có chứa khí CO (cácbon môônxít) độc hại có thể ngưng tụ và xâm nhập vào trong xe. Tình trạng này có thể gây tổn hại nghiêm trọng tới sức khỏe hoặc tử vong.

CHÚ Ý

n **Trong khi cài đặt màn hình**

Để tránh làm hết điện của ắc quy, hãy đảm bảo rằng động cơ đang chạy trong khi tiến hành cài đặt các tính năng hiển thị.

Màn hình thông điệp cảnh báo

Chọn để hiển thị các thông điệp cảnh báo và biện pháp khi phát hiện được lỗi. (→P.550)

Chức năng gợi ý

Hiển thị gợi ý cho người lái trong các tình huống sau. Để lựa chọn phản hồi cho gợi ý được hiển thị, hãy sử dụng các nút điều khiển trên đồng hồ táp lô.

n Gợi ý để tắt các đèn pha

Nếu đèn pha vẫn đang bật trong một thời gian nhất định sau khi tắt công tắc động cơ, một thông báo gợi ý sẽ xuất hiện.

n Gợi ý đóng cửa sổ điện (liên kết với điều khiển cần gạt nước kính chắn gió)

Nếu người lái điều khiển gạt nước kính chắn gió với cửa sổ điện đang mở, một lời gợi ý sẽ xuất hiện để hỏi bạn có muốn đóng cửa sổ điện không. Để đóng tất cả các cửa sổ điện, hãy chọn "Có".

n Gợi ý đóng cửa các sổ điện (Lái xe ở tốc độ cao)

Nếu tốc độ xe vượt quá một tốc độ đặt trước khi cửa sổ đang mở, một thông báo gợi ý sẽ xuất hiện để hỏi bạn việc đóng cửa sổ. Để đóng tất cả các cửa sổ, chọn nút “Có”.

n Tùy chọn

Bạn có thể bật hoặc tắt chức năng gợi ý. (Tính năng tùy chọn cá nhân: →P.609)

Màn hình pop-up hiển thị thông tin của hệ thống Dừng và Khởi động

Màn hình pop-up hiển thị khoảng thời gian dừng nghỉ động cơ do hoạt động của hệ thống Dừng và Khởi động hoặc trạng thái của hệ thống Dừng và Khởi động tùy vào từng tình huống. (→P.271)

Màn hình pop-up

Các màn hình pop-up cho các hệ thống sau đây sẽ được hiển thị khi cần thiết.

n Các hệ thống hỗ trợ lái xe

Hiển thị thông điệp cảnh báo/khuyến nghị/gợi ý hoặc tình trạng hoạt động của một hệ thống liên quan.

- LTA (Cảnh báo bám làn đường) (nếu có) (→P.236)
- LDA (Hệ thống cảnh báo lệch làn) (nếu có) (→P.241)
- Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng rađa (nếu có) (→P.248)
- PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm) (nếu có) (→P.227)
- RSA (Hỗ trợ nhận diện biển báo) (nếu có) (→P.246)
- Hỗ trợ rời xuống xe an toàn

(nếu có) (→P.279)

Để biết chi tiết, tham khảo phần giải thích của từng hệ thống.

n **Thông điệp cảnh báo**

Một vài thông điệp cảnh báo được hiển thị khi cần tùy theo các điều kiện nhất định.

n **Trạng thái của hệ thống rảnh tay (nếu có)**

Hiển thị khi hệ thống điện đàm rảnh tay đang hoạt động.

n **Khi màn hình pop-up được hiển thị**

Khi màn hình pop-up được hiển thị, màn hình hiện tại có thể không được hiển thị. Trong trường hợp này, màn hình hiển thị trở lại sau khi màn hình pop-up không hiển thị nữa.

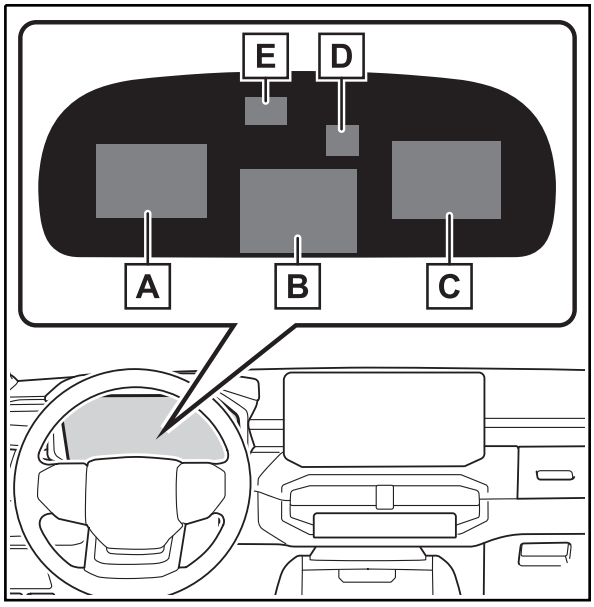
Màn hình đa thông tin (màn hình 12.3-inch)*

*: Nếu có

Sử dụng màn hình đa thông tin để hiển thị những thông tin liên quan đến hiệu suất nhiên liệu và các kiểu thông tin liên quan đến lái xe khác nhau. Tương tự, có thể thay đổi các cài đặt hiển thị và các cài đặt khác trên màn hình đa thông tin.

Nội dung hiển thị

Tuân theo các thông tin trên màn hình đa thông tin.



A Vùng hiển thị nội dung (bên trái)

B Vùng hiển thị nội dung (ở giữa)

C Vùng hiển thị nội dung (bên phải)

D Vùng hiển thị thông tin hệ thống hỗ trợ lái xe

Khi hệ thống thông tin hỗ trợ lái xe được hiển thị trên vùng hiển thị nội dung, tình trạng hoạt động của hệ thống sẽ không được hiển thị trong vùng này.

E Vùng hiển thị RSA (Hỗ trợ nhận diện biển báo) (nếu có) (→P.246)

n **Vùng hiển thị nội dung (ở giữa)**

- Để trống (→P.122)
- Hiển thị thông tin hệ thống hỗ trợ lái xe (→P.120)
- Màn hình cài đặt (→P.122)
- Màn hình thông điệp cảnh báo

n **Vùng hiển thị nội dung (trái/phải)**

- Để trống (→P.122)
- Tiết kiệm nhiên liệu (→P.119)
- Đèn chỉ báo lái Eco (nếu có) (→P.119)
- Hiển thị thông tin hệ thống hỗ trợ lái xe (→P.120)
- Màn hình liên kết với hệ thống âm thanh (→P.120)
- Hiển thị thông tin lái (→P.120)
- Áp suất lốp (→P.121)
- Điều khiển lực kéo (→P.121)
- Hiển thị góc nghiêng và lật (Hiển thị đồng hồ đo độ nghiêng) (→P.121)
- Đồng hồ đo điện áp (→P.121)
- Màn hình AdBlue™ (→P.122)

n **Khi thay đổi chế độ lái**

Có thể thay đổi màu nền của màn hình đa thông tin bằng cách tuân theo chế độ lái đã chọn hoặc chế độ chọn đa địa hình. (→P.374, 387)

n **Màn hình tinh thể lỏng**

Những đốm nhỏ hoặc đốm sáng có thể sẽ xuất hiện trên màn hình. Hiện tượng này là đặc tính thông thường của màn hình tinh thể lỏng, vì vậy bạn có thể yên tâm tiếp tục sử dụng màn hình.

CẢNH BÁO

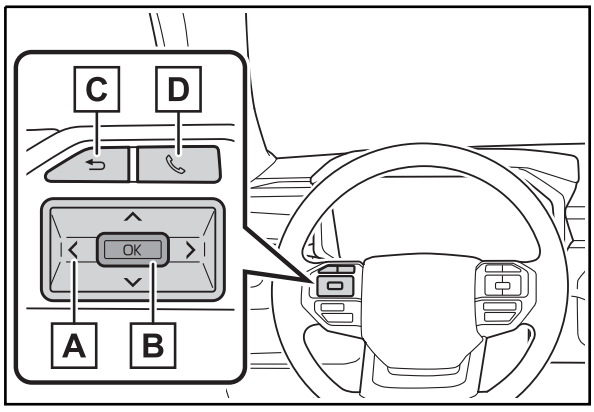
n **Lưu ý sử dụng trong khi lái xe**

- Khi sử dụng màn hình đa thông tin khi đang lái xe, hãy để ý kỹ đến an toàn xung quanh xe.
- Không được nhìn liên tục màn hình đa thông tin trong khi lái xe bởi bạn có thể khó quan sát người đi bộ, vật thể trên đường … ở phía trước xe bạn.

n **Sử dụng màn hình thông tin ở nhiệt độ thấp**

→P.104

Các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô



A 〈 / 〉: Thay đổi màn hình và di chuyển con trỏ lên/xuống

∧/∨: Thay đổi nội dung

hiển thị và cuộn lên/xuống màn hình

B Ấn: Đi đến/Đặt
Ấn và giữ: Đặt lại

C Trở về màn hình trước đó

D Màn hình cuộc gọi đi/cuộc gọi đến và màn hình lịch sử

Liên kết với hệ thống rảnh tay, sẽ hiển thị được cuộc gọi đi hoặc cuộc gọi đến. Để biết thêm chi tiết về hệ thống rảnh tay, hãy tham khảo sách "Hướng dẫn sử dụng hệ thống đa phương tiện".

Thay đổi nội dung hiển thị

Người lái có thể điều khiển màn hình đa thông tin bằng các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô.

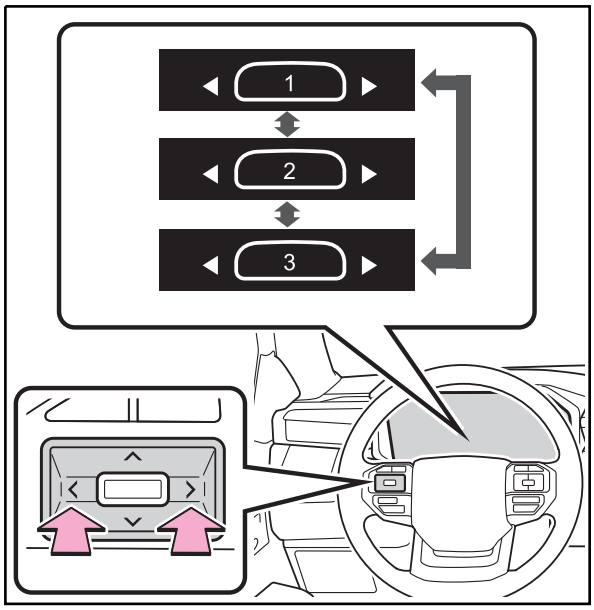
n Thay đổi cài đặt kiểu hiển thị đồng hồ

Cài đặt kiểu đồng hồ táp lô có thể được thay đổi trên ⚙. (→P.122)

n Thay đổi màn hình

Chọn các hạng mục từ tổ hợp 3 màn hình để hiển thị trên mỗi vùng hiển thị nội dung.

Nhấn 〈 hoặc 〉 của công tắc điều khiển đồng hồ để cuộn màn hình.



n Thay đổi nội dung hiển thị

Chuyển các hạng mục hiển thị trên mỗi vùng hiển thị nội dung (bên trái/ở giữa/bên phải).

1 Ấn và giữ OK để hiển thị con trỏ trên vùng hiển thị nội dung (ở giữa).

2 Ấn 〈 hoặc 〉 để dịch chuyển con trỏ và chọn vùng hiển thị nội dung.

3 Ấn ∧ hoặc ∨ để chọn các hạng mục.

n Các hạng mục được hiển thị trong vùng hiển thị nội dung

Chọn để bật/tắt các hạng mục trên vùng hiển thị nội dung (trái/phải).

1 Ấn và giữ OK để hiển thị con trỏ trên vùng hiển thị nội dung (ở giữa).

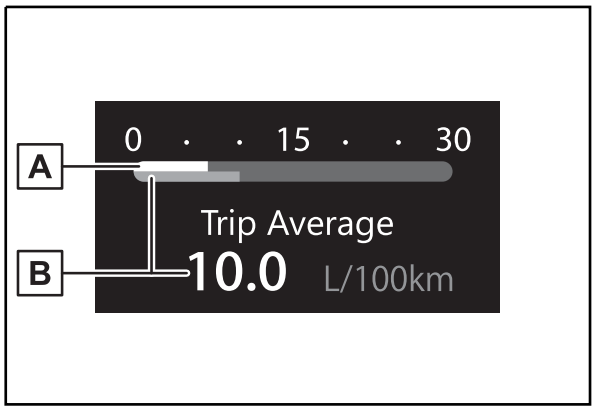
2 Ấn 〈 hoặc 〉 để dịch chuyển con trỏ và chọn vùng hiển thị nội dung.

3 Khu vực hiển thị nội dung (bên trái): Nhấn ❮ để hiển thị danh sách nội dung.
Khu vực hiển thị nội dung (bên phải): Nhấn ❯ để hiển thị danh sách nội dung.

4 Ấn ^ hoặc v để chọn các hạng mục.

5 Ấn OK để chọn các hạng mục bật/tắt.

Tiết kiệm nhiên liệu



A Mức tiết kiệm nhiên liệu hiện tại

Hiển thị quãng đường xe có thể đi được với lượng nhiên liệu còn lại.

B Mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình

Hiển thị mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình từ khi chức năng được đặt lại hoặc mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình sau khi khởi động hoặc nạp nhiên liệu.*1, 2, 3

Mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình được chọn bởi "Tiết kiệm nhiên liệu" trên màn hình ⚙ sẽ được hiển thị.

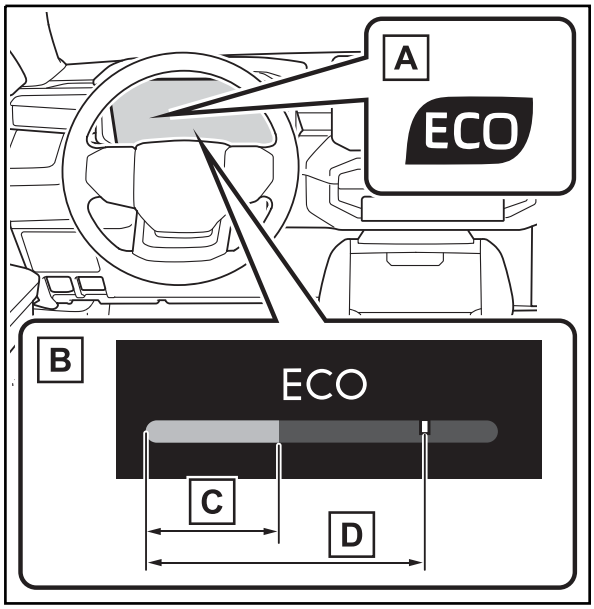
*1: Chỉ sử dụng mức tiêu hao nhiên liệu để tham khảo.

*2: Mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình sau khi khởi động sẽ được đặt lại mỗi lần động cơ dừng.

*3: Có thể đặt lại mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình của xe bằng cách ấn và giữ vào nút OK.

Đèn chỉ báo lái Eco

n Đèn chỉ báo lái Eco tiết kiệm nhiên liệu (xe có hộp số tự động)



A Đèn chỉ báo lái Eco

Trong khi tăng tốc xe trong chế độ tiết kiệm nhiên liệu (lái Eco), đèn chỉ báo lái Eco sẽ bật sáng. Khi tăng ga vượt quá vùng lái Eco hoặc khi xe đang đỗ lại, đèn ECO sẽ tắt.

B Hiển thị vùng chỉ báo lái Eco

Gợi ý vùng lái Eco với tỷ lệ lái Eco hiện tại dựa trên quá trình tăng tốc.

C Tỷ lệ lái Eco dựa trên quá trình tăng tốc

Nếu tăng ga vượt quá vùng lái Eco,

phía bên phải của màn hình vùng chỉ báo lái Eco sẽ sáng. Tại thời điểm này, đèn chỉ báo lái Eco sẽ tắt.

D Vùng lái Eco

n **Đèn chỉ báo lái xe ECO sẽ không hoạt động khi**

Đèn chỉ báo lái tiết kiệm nhiên liệu sẽ không hoạt động trong các điều kiện sau:

- Khi cần chuyển số không ở vị trí D.
- Không chọn chế độ bình thường hoặc chế độ lái Eco. (các xe có công tắc chọn chế độ lái)
- Hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc đang hoạt động. (nếu có) (→P.390)
- Khi công tắc điều khiển dẫn động bánh trước ở vị trí 4L. (nếu có) (→P.377)
- Khi tốc độ xe đạt xấp xỉ từ 130 km/h trở lên.

Hiển thị thông tin hệ thống hỗ trợ lái xe

Có thể hiển thị trạng thái hoạt động của những hệ thống sau:

- LTA (Hỗ trợ bám làn đường) (nếu có) (→P.236)
- LDA (Hệ thống cảnh báo lệch làn) (nếu có) (→P.241)
- Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng rađa (nếu có) (→P.248)
- Điều khiển chạy tự động (nếu có) (→P.259, 263)

Hiển thị liên kết với hệ thống âm thanh (nếu có)

Các điều kiện hoạt động của hệ thống âm thanh có thể được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

Hiển thị thông tin lái

n **Thông tin lái**

Có thể hiển thị theo chiều dọc 2 hạng mục đã chọn bằng việc cài đặt “Drive Info. Items” (tốc độ trung bình và quãng đường).

Chỉ sử dụng các giá trị hiển thị với mục đích tham khảo.

- “Average Speed”: Hiển thị tốc độ trung bình của xe từ khi khởi động động cơ*
- "Quãng đường": Hiển thị quãng đường đã đi được kể từ khi khởi động động cơ*
- “Total Time”: Hiển thị thời gian đã trôi qua kể từ khi khởi động động cơ*

*: Những hạng mục sau đây sẽ được cài đặt lại mỗi lần động cơ dừng.

n **Thông tin hành trình**

Có thể hiển thị theo chiều dọc 2 hạng mục đã chọn bằng cách sử dụng cài đặt "Mục thông tin chuyến đi A" hoặc "Mục thông tin chuyến đi B" (tốc độ trung bình và quãng đường).

Chỉ sử dụng các giá trị hiển thị với mục đích tham khảo.

- "Tốc độ trung bình": Hiển thị tốc độ trung bình của xe kể từ

khi màn hình được đặt lại*

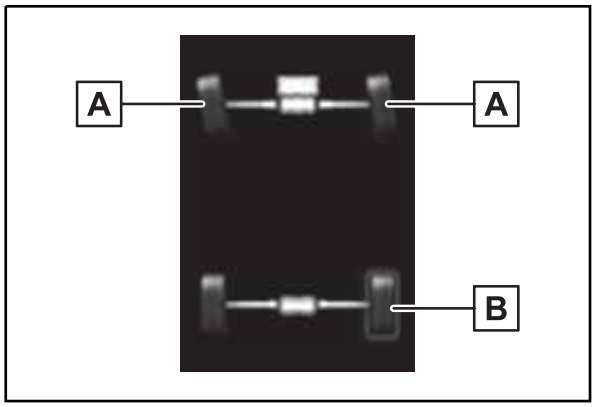
- "Distance": Hiển thị quãng đường đã đi được kể từ khi màn hình được đặt lại*
- "Tổng thời gian": Hiển thị thời gian trôi qua kể từ khi màn hình được đặt lại*

*: Để đặt lại, hãy hiển thị hạng mục cần đặt, sau đó ấn và giữ nút OK.

Áp suất lốp

→P.498

Điều khiển lực kéo



A Hiển thị hướng của lốp trước

Hiển thị mức độ hoạt động và chiều của vô lăng thông qua sự thay đổi của các lốp trước trên màn hình

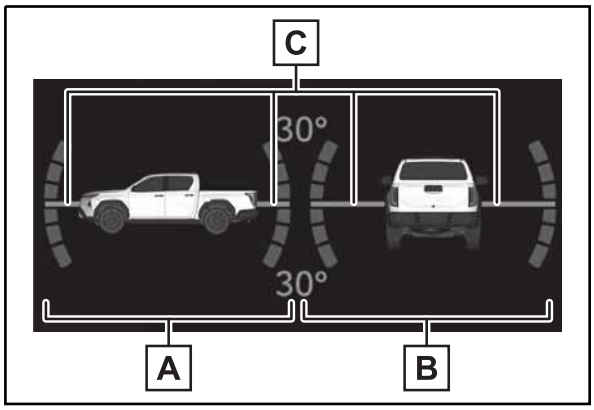
B Hiển thị bánh xe quay trơn*

Khi một lốp xe đang quay trơn, biểu tượng của nó trên màn hình sẽ thay đổi màu sắc và nhấp nháy.

*: Mục này chỉ hiển thị khi chế độ lái xe được đặt ở chế độ sport (thể thao).

Hiển thị góc nghiêng và lật (Hiển thị đồng hồ đo độ nghiêng)

Hiển thị góc nghiêng so với phương thẳng đứng và phương ngang của xe.



A Đánh dấu độ nghiêng về phía trước và phía sau của xe

Cho biết độ nghiêng của xe về phía trước và phía sau.

B Đánh dấu độ nghiêng sang trái và sang phải

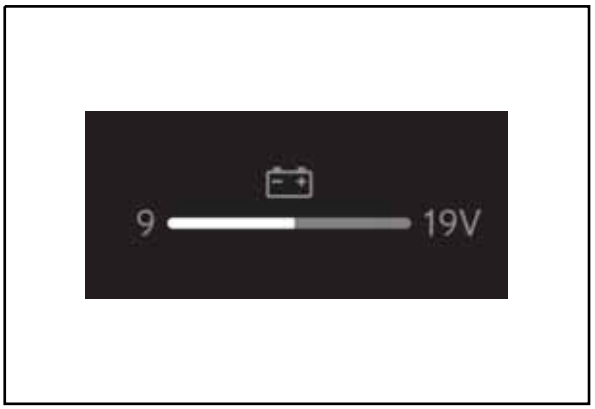
Cho biết độ nghiêng của xe về phía bên trái và bên phải.

C Điểm cân bằng

Cho biết độ nghiêng của xe so với đường song song.

Đồng hồ đo điện áp

Hiển thị tình trạng nạp.



Màn hình này được dùng với mục đích chỉ dẫn. Tùy thuộc vào các yếu tố khác như điều kiện mặt đường, nhiệt độ và tốc độ của xe mà màn hình này có thể sẽ không thể hiện đúng tình trạng thực tế của xe.

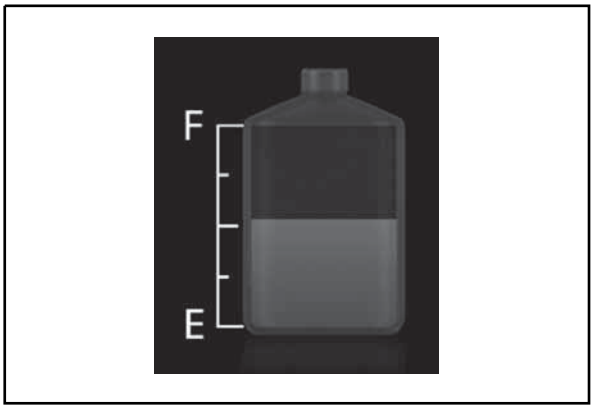
CHÚ Ý

n **Đồng hồ đo điện áp**

Khi đồng hồ đo điện áp chỉ mức điện áp từ 19 V trở lên hoặc từ 9 V trở xuống trong khi động cơ đang chạy, thì ắc quy hoặc hệ thống nạp có thể đã bị trục trặc. Hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

Đồng hồ đo AdBlue™ (nếu có)

Hiển thị lượng dung dịch AdBlue™ còn lại trong bình nhiên liệu. (→P.491)



Trống (Không có hạng mục nào)

Không hiển thị các thông tin lái xe trên màn hình đa thông tin.

Màn hình cài đặt

Có thể thay đổi các đặt xe và nội dung được hiển thị trên màn hình bằng các nút của điều khiển đồng hồ táp lô.

n **Quy trình cài đặt**

1 Ấn OK để hiển thị con trỏ trên vùng hiển thị nội dung (ở giữa).

2 Ấn ^ hoặc v với con trỏ trên vùng hiển thị nội dung (ở trung tâm), sau đó chọn ⚙.

3 Ấn nút ^ hoặc v trên công tắc điều khiển đồng hồ táp lô và di chuyển con trỏ để chọn hạng mục cần thay đổi cài đặt.

Nếu chức năng được bật và tắt hoặc âm lượng, v.v., được thay đổi trên màn hình cài đặt, thì cài đặt sẽ thay đổi mỗi lần nút OK.

Đối với các chức năng cho phép các nội dung hoạt động, nội dung hiển thị, v.v.. của chức năng đã chọn, màn hình cài đặt sẽ được hiển thị bằng cách ấn và giữ OK. Khi màn hình cài đặt được hiển thị, bạn có thể chọn một cài đặt hoặc một giá trị mong muốn (thời gian…) bằng cách bấm nút OK.

4 Sau khi thay đổi các cài đặt, hãy ấn nút ⮌ trên cụm nút điều khiển đồng hồ táp lô.

n Đồng hồ (nếu có)

Chọn để cài đặt đồng hồ.

n LDA (Cảnh báo lệch làn) (nếu có) (→P.241)

Chọn để cài đặt các mục sau.

- Bật/tắt Cảnh báo đi lệch làn đường

Chọn để bật/tắt hệ thống cảnh báo lệch làn.

- "Alert Options"

Chọn để thiết lập kiểu cảnh báo.

- "T.gian C.báo"

Chọn để cài đặt độ nhạy của cảnh báo.

n BSM (Theo dõi điểm mù) (nếu có) (→P.274)

Chọn để cài đặt các mục sau.

- Bật/tắt BSM (theo dõi điểm mù)

Chọn để kích hoạt/vô hiệu hóa hệ thống BSM

- "Sensitivity"

Chọn để thay đổi thời điểm cảnh báo có xe đang đến gần.

- "Độ sáng"

Chọn để thay đổi độ sáng của các đèn chỉ báo của gương chiếu hậu bên ngoài. (→P.275)

- Chuông cảnh báo

Chọn để kích hoạt/vô hiệu hóa cảnh báo chuông khi hệ thống BSM hoạt động.

n Hệ thống cảnh báo tiền va chạm (PCS) (nếu có) (→P.227)

Chọn để cài đặt các mục sau.

- Bật/tắt PCS

Chọn để kích hoạt/vô hiệu hóa hệ thống cảnh báo tiền va chạm

- "Warning timing"

Chọn để thay đổi thời điểm cảnh báo va chạm.

n Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota (nếu có) (→P.283)

Các cài đặt sau có thể thay đổi được.

- Bật/tắt cảm biến hỗ trợ đỗ xe của Toyota

Chọn để kích hoạt/vô hiệu hóa cảm biến hỗ trợ đỗ xe của Toyota.

Xe có đèn chỉ báo phát hiện cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota (→P.86, 283): Chức năng cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota không thể bật hoặc tắt khi vị trí số là R.

- “Âm lượng”

Âm lượng chuông báo của hệ thống cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota, hệ thống RCTA (nếu có) và RCD (nếu có) được điều chỉnh đồng thời.

n RCTA (cảnh báo có phương tiện chạy cắt ngang phía sau) (nếu có) (→P.290)

Chọn để cài đặt các mục sau.

- Bật/tắt hệ thống RCTA (cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau)

Chọn để kích hoạt/vô hiệu hóa hệ

thống RCTA.

● “Âm lượng”

Chọn để cài đặt âm lượng của chuông báo khi RCTA, RCD (nếu có) và cảm biến hỗ trợ đỗ xe của Toyota hoạt động.

n **RCD (Phát hiện bằng camera phía sau) (nếu có) (→P.295)**

Chọn để bật/tắt chức năng phát hiện camera phía sau.

n **Hệ thống PKSB (Hệ thống phanh hỗ trợ đỗ xe) (→P.299)**

Chọn để kích hoạt/vô hiệu hóa chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe.

n **SEA (Hỗ trợ xuống xe an toàn) (nếu có) (→P.279)**

Chọn để cài đặt các mục sau.

● Chức năng hỗ trợ xuống xe an toàn bật/tắt

Chọn để bật/tắt hệ thống hỗ trợ xuống xe an toàn.

● "Độ nhạy"

Chọn để thay đổi thời điểm cảnh báo cho xe ô tô hoặc xe đạp.

● Đèn chỉ báo bật/tắt gương

Chọn để bật/tắt hiển thị gương chiếu hậu bên ngoài.

n **RSA (Hỗ trợ nhận diện biển báo) (nếu có) (→P.246)**

● Bật/tắt chức năng hỗ trợ nhận diện biển báo

Chọn để bật/tắt chức năng RSA (Hỗ trợ Nhận Diện Biển Báo).

● “Phương pháp thông báo”

Chọn để thay đổi từng phương pháp thông báo được sử dụng để thông báo cho người lái khi hệ thống phát hiện được vượt quá tốc độ.

● “Mức độ thông báo”

Chọn để thay đổi mỗi mức độ thông báo được sử dụng để cảnh báo cho người lái biết khi hệ thống phát hiện được biển hạn chế tốc độ.

n **Các đặt xe**

● Gợi ý tài xế nghỉ (nếu có) (→P.244)

Chọn để kích hoạt/vô hiệu hóa Gợi ý nghỉ lái.

● DRCC (→P.256)

Chọn để cài đặt các mục sau.

• DRCC(RSA)

Chọn để bật/tắt chức năng điều khiển chạy tự động theo dõi ra đa động với chức năng hỗ trợ nhận diện biển báo.

• "Dung sai của giới hạn tốc độ"

Chọn để thay đổi tốc độ xe được đặt khi phát hiện biển hạn chế tốc độ.

• "Gia tốc"

Chọn để thay đổi cài đặt cho khi xe tăng tốc đến khi đạt tốc độ đã thiết lập.

● "Cài đặt TPWS" (Hệ thống cảnh báo áp suất lốp) (→P.498)

• "Chuyển Bộ Lốp"

Chọn để thay đổi bộ mã ID cảnh báo áp suất lốp của hệ thống cảnh báo áp suất lốp. Để kích hoạt chức năng này, một bộ mã ID cảnh báo áp suất lốp của hệ thống cảnh báo áp suất

lốp thứ hai phải được đăng ký bởi đại lý Toyota. Để biết thông tin về việc thay đổi bộ mã ID đã đăng ký, vui lòng liên hệ với đại lý Toyota của bạn.

• "Quay vòng lốp"

Đăng ký vị trí của mỗi bánh xe. (→P.502)

• "Cài đặt áp suất lốp"

Chọn để cài đặt áp suất bơm lốp cụ thể. (→P.503)

• "Cài đặt đơn vị áp suất"

Chọn để thay đổi hiển thị đơn vị đo.

● Cài đặt của tôi (nếu có) (→P.167)

• Cài đặt

Chọn để thay đổi cài đặt cho hệ thống Cài đặt của tôi.

• Bật/tắt Cài đặt của tôi

Chọn để kích hoạt/vô hiệu hóa hệ thống Cài đặt của tôi.

● Ⓐ Hệ thống Dừng & Khởi động (→P.267)

Chọn để cài đặt thời gian hoạt động của hệ thống Dừng và Khởi động khi bật hệ thống điều hòa.

● Nhắc nhở ghế sau (→P.139)

Chọn để kích hoạt/vô hiệu hóa chức năng nhắc nhở ghế sau.

● Đèn chỉ báo đèn phanh

Chọn để bật/tắt đèn chỉ báo đèn phanh. (→P.93)

n Cài đặt

● Ngôn ngữ

Chọn để thay đổi ngôn ngữ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

● Đơn vị đo

Chọn để thay đổi đơn vị đo mức tiêu hao nhiên liệu.

● Kiểu hiển thị đồng hồ

Chọn để thay đổi cài đặt kiểu đồng hồ.

● Kiểu đồng hồ

Chọn để thay đổi kiểu đồng hồ.

● Kiểu mặt đồng hồ

Chọn để thay đổi kiểu mặt đồng hồ. (→P.101)

● Tiết kiệm nhiên liệu

Chọn để thay đổi hiển thị trên Mức Tiết Kiệm Nhiên Liệu. (→P.119)

● Thông tin lái xe

Chọn để thay đổi các mục hiển thị trên màn hình thông tin lái. (→P.120)

● Màn hình Pop-Up

Chọn để kích hoạt/vô hiệu hóa các màn hình pop-up, màn hình có thể xuất hiện trong một số trường hợp.

● Cài đặt mặc định

Hãy chọn mục này để đặt lại các cài đặt màn hình đồng hồ táp lô.

---

n Tình trạng treo của màn hình cài đặt

- Có một vài hạng mục không thể thay đổi cài đặt trong khi lái xe. Hãy dừng xe tại một địa điểm an toàn khi thay đổi các cài đặt.
- Nếu xuất hiện một thông điệp báo lỗi, hoạt động của màn hình cài đặt sẽ bị treo.

CẢNH BÁO

n **Lưu ý khi cài đặt màn hình**

Vì động cơ cần phải được để nổ máy trong khi cài đặt màn hình, do vậy hãy đảm bảo rằng xe đã được đỗ ở vị trí thông gió tốt. Trong khu vực kín, như ở gara, khí xả có chứa khí CO (cácbon mômôxít) độc hại có thể ngưng tụ và xâm nhập vào trong xe. Tình trạng này có thể gây tổn hại nghiêm trọng tới sức khỏe hoặc tử vong.

CHÚ Ý

n **Trong khi cài đặt màn hình**

Để tránh làm hết điện của ắc quy, hãy đảm bảo rằng động cơ đang chạy trong khi tiến hành cài đặt các tính năng hiển thị.

Chức năng gợi ý

Hiển thị gợi ý cho người lái trong các tình huống sau. Để lựa chọn phản hồi cho gợi ý được hiển thị, hãy sử dụng các nút điều khiển trên đồng hồ táp lô.

n **Gợi ý để tắt các đèn pha**

Nếu đèn pha vẫn đang bật trong một thời gian nhất định sau khi tắt công tắc động cơ, một thông báo gợi ý sẽ xuất hiện.

n **Gợi ý đóng cửa sổ điện (liên kết với điều khiển cần gạt nước kính chắn gió)**

Nếu người lái điều khiển gạt nước kính chắn gió với cửa sổ điện đang mở, một lời gợi ý sẽ xuất hiện để hỏi bạn có muốn đóng cửa sổ điện không. Để đóng tất cả các cửa sổ điện, hãy chọn "Có".

n **Gợi ý đóng cửa các sổ điện (Lái xe ở tốc độ cao)**

Nếu tốc độ xe vượt quá một tốc độ đặt trước khi cửa sổ đang mở, một thông báo gợi ý sẽ xuất hiện để hỏi bạn việc đóng cửa sổ. Để đóng tất cả các cửa sổ, chọn nút “Có”.

n **Tùy chọn**

Có thể tùy chọn một số chức năng. (→P.609)

Màn hình pop-up hiển thị thông tin của hệ thống Dừng và Khởi động

Màn hình pop-up hiển thị khoảng thời gian dừng nghỉ động cơ do hoạt động của hệ thống Dừng và Khởi động hoặc trạng thái của hệ thống Dừng và Khởi động tùy vào từng tình huống. (→P.271)

Màn hình pop-up

Các màn hình pop-up cho các hệ thống sau đây sẽ được hiển thị khi cần thiết.

n **Các hệ thống hỗ trợ lái xe**

Hiển thị thông điệp cảnh báo/khuyến nghị/gợi ý hoặc tình trạng hoạt động của một hệ thống liên quan.

- LTA (Cảnh báo bám làn đường) (nếu có) (→P.236)

- LDA (Hệ thống cảnh báo lệch làn) (nếu có) (→P.241)
- Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng rađa (nếu có) (→P.248)
- PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm) (nếu có) (→P.227)
- RSA (Hỗ trợ nhận diện biển báo) (nếu có) (→P.246)
- Hỗ trợ rời xuống xe an toàn (nếu có) (→P.279)

Để biết chi tiết, tham khảo phần giải thích của từng hệ thống.

n Thông điệp cảnh báo

Một vài thông điệp cảnh báo được hiển thị khi cần tùy theo các điều kiện nhất định.

n Trạng thái của hệ thống rảnh tay (nếu có)

Hiển thị khi hệ thống điện đàm rảnh tay đang hoạt động.

---

n Khi màn hình pop-up được hiển thị

Khi màn hình pop-up được hiển thị, màn hình hiện tại có thể không được hiển thị. Trong trường hợp này, màn hình hiển thị trở lại sau khi màn hình pop-up không hiển thị nữa.

Thông tin tiêu hao nhiên liệu*

*: Nếu có

Có thể hiển thị thông tin tiêu hao nhiên liệu ở màn hình hệ thống đa phương tiện.

Quy trình hiển thị

Nhấn trên menu chính, sau đó nhấn "Trip info" trên menu phụ.

Để biết thông tin chi tiết về Màn hình Đa phương tiện, tham khảo "Hướng dẫn sử dụng hệ thống Đa phương tiện".

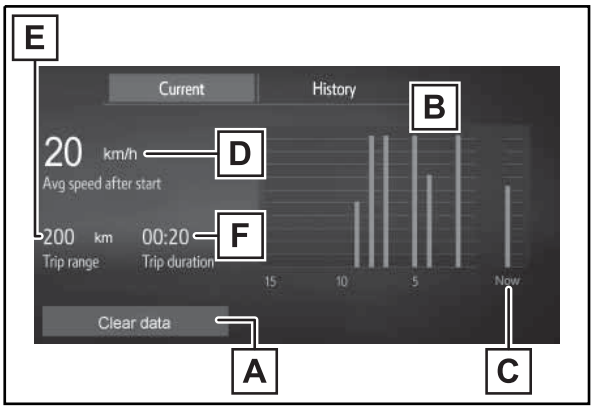
n Màn hình mức tiêu thụ nhiên liệu hiện tại

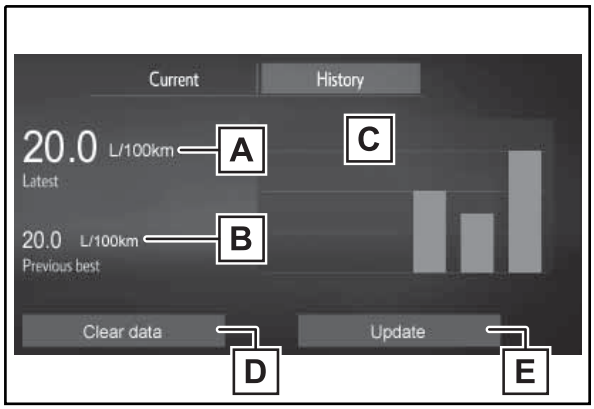
Nếu màn hình hiển thị khác màn hình tiêu thụ nhiên liệu hiện tại, nhấn "Hiện tại".

Chỉ số về mức tiêu hao nhiên liệu trung bình này chỉ có giá trị tham khảo.

Một số màn hình có thể thay đổi tùy thuộc vào loại màn hình đa phương tiện.

Hình ảnh chỉ là ví dụ, và có thể khác so với điều kiện thực tế.





A Đặt lại các dữ liệu mức tiêu hao nhiên liệu

B Mức tiết kiệm nhiên liệu trong 15 phút trước đó

C Mức tiêu hao nhiên liệu hiện tại

D Tốc độ trung bình của xe kể từ khi khởi động động cơ.

E Quãng đường xe có thể chạy được

F Thời gian trôi qua kể từ khi khởi động động cơ.

n Màn hình lịch sử

Nếu một màn hình khác màn hình lịch sử được hiển thị, nhấn "Lịch sử".

Chỉ số về mức tiêu hao nhiên liệu trung bình này chỉ có giá trị tham khảo.

Một số màn hình có thể thay đổi tùy thuộc vào loại màn hình đa phương tiện.

Hình ảnh chỉ là ví dụ, và có thể khác so với điều kiện thực tế.

A Mức tiêu hao nhiên liệu gần nhất

B Mức tiêu hao nhiên liệu tối ưu được ghi lại

C Dữ liệu mức tiêu hao nhiên liệu trước đó

D Đặt lại các dữ liệu mức tiêu hao nhiên liệu

E Cập nhật dữ liệu tiêu hao nhiên liệu gần nhất

n Cập nhật dữ liệu ghi trong quá khứ

Cập nhật tiêu hao nhiên liệu mới nhất bằng cách nhấn "Cập nhật" để đo lường lại lượng tiêu hao nhiên liệu hiện tại.

n Đặt lại các dữ liệu

Dữ liệu tiêu hao nhiên liệu có thể được xóa bằng cách nhấn "Xóa dữ liệu".

n Quãng đường xe có thể chạy được

Hiển thị khoảng cách tối đa ước tính mà xe có thể đi được với lượng nhiên liệu còn lại trong bình.

Khoảng cách này được tính toán dựa trên mức tiêu hao nhiên liệu trung bình của xe. Do vậy quãng đường thực tế xe có thể chạy được có thể sẽ không giống với giá trị được hiển thị.

Trước khi lái xe 3

3-1. Thông tin về chìa khóa

Chìa khóa.....130

3-2. Mở, đóng và khóa cửa xe

Cửa bên 136

Các cửa trượt (chỉ với xe có cabin thông minh) 143

Cửa sau thùng xe.....143

Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh 146

3-3. Điều chỉnh ghế

Ghế trước 151

Ghế sau 153

Tựa đầu.....155

3-4. Điều chỉnh vô lăng và gương

Vô lăng.....158

Gương chiếu hậu bên trong xe 159

Gương chiếu hậu bên ngoài xe 160

3-5. Mở và đóng các cửa sổ

Cửa sổ điện.....162

Cửa kính tai xe sau (chỉ với xe có cabin thông minh) 165

Kính cửa hậu (kiểu trượt) 166

3-6. Cài đặt ưa thích

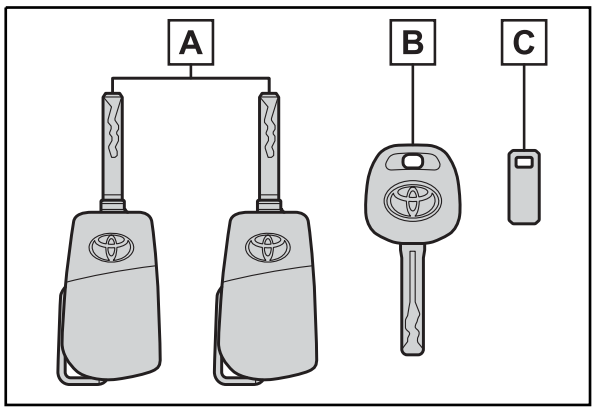
Cài đặt của tôi.....167

Chìa khóa

Các loại chìa khóa

Những loại chìa khóa sau được cung cấp cùng với xe.

▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh



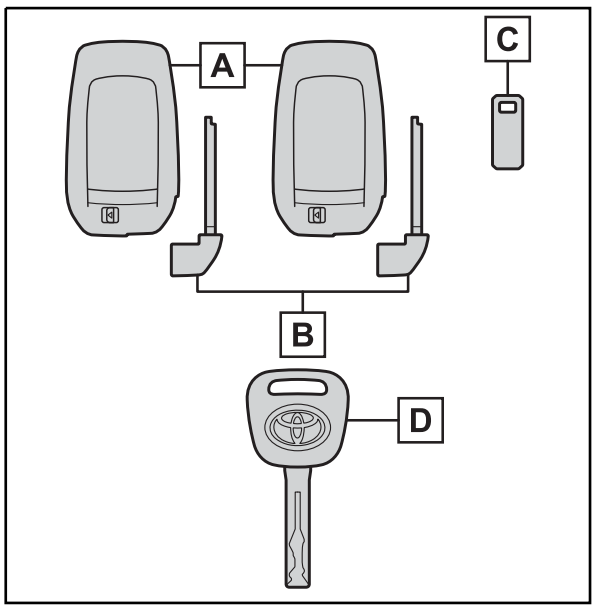
A Chìa khóa chính

Sử dụng chức năng điều khiển từ xa (→P.132)

B Chìa khóa phụ

C Tấm ghi số hiệu chìa

▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh



A Chìa khóa điện tử

- Sử dụng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh (→P.146)
- Sử dụng chức năng điều khiển từ xa (→P.132)

B Chìa khóa cơ

C Tấm ghi số hiệu chìa

D Chìa khóa cơ (chìa khóa bổ sung) (nếu được trang bị)

Khóa và mở khóa cửa sau thùng xe (→P.143)

n Khi lên máy bay

Khi mang theo chìa khóa điều khiển từ xa lên máy bay, hãy chắc chắn rằng bạn sẽ không ấn lên bất cứ nút nào trên chìa khóa khi đang ở trong máy bay. Nếu bạn để chìa điều khiển từ xa trong túi... phải đảm bảo rằng các nút của nó không bị ấn phải một cách tình cờ. Việc ấn nút sẽ làm cho chìa điều khiển từ xa phát ra sóng radiô và làm ảnh hưởng đến hoạt động của máy bay.

n Chìa khóa điện tử bị hết pin

▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

l Tuổi thọ tiêu chuẩn của pin là từ 1 đến 2 năm.

l Pin của chìa khóa không dây sẽ dần bị hết điện ngay cả khi không sử dụng. Những dấu hiệu sau chứng tỏ pin của chìa khóa không dây có thể đã bị hết điện. Thay pin khi cần thiết. (→P.513)

- Chức năng điều khiển từ xa không hoạt động.
- Phạm vi phát hiện chìa bị thu hẹp hơn.

▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

l Tuổi thọ tiêu chuẩn của pin là từ 1 đến 2 năm.

l Nếu pin bị yếu điện, chuông cảnh

báo trong cabin sẽ kêu khi tắt động cơ.

- Để giảm sự tiêu hao pin chìa khóa khi chìa không được sử dụng trong thời gian dài, hãy chuyển chìa về chế độ tiết kiệm pin. (→P.147)
- Do chìa khóa điện tử luôn thu sóng rađiô, pin sẽ bị hết điện ngay cả khi không sử dụng chìa khóa điện tử. Những dấu hiệu sau chứng tỏ chìa khóa điện tử đã hết pin. Hãy thay pin nếu cần thiết. (→P.513)
  - Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh hoặc điều khiển từ xa không hoạt động.
  - Phạm vi phát hiện chìa bị thu hẹp hơn.
  - Đèn chỉ báo LED trên mặt chìa khóa không sáng.
- Bạn có thể tự thay pin chìa khóa (→P.513). Tuy nhiên, để tránh làm hỏng chìa khóa, chúng tôi khuyên bạn nên thay pin chìa khóa tại Đại lý Toyota.
- Để tránh cho pin hết điện nhanh, không được để chìa khóa điện tử ở trong khoảng cách 1 m so với các thiết bị có thể tạo ra từ trường như sau:
  - Ti vi
  - Máy tính cá nhân
  - Điện thoại di động, điện thoại không dây và bộ sạc pin
  - Khi đang sạc điện thoại di động hoặc điện thoại không dây
  - Đèn bàn
  - Bếp từ
- Nếu để chìa điện tử ở gần xe hơn mức cần thiết, kể cả khi không sử dụng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh, thì pin của chìa khóa vẫn có thể hết điện nhanh hơn bình thường. Khi không sử dụng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh, chúng tôi khuyến nghị bạn không được để chìa khóa điện tử ở gần xe với thời gian dài nhiều hơn mức cần thiết.

n Nếu thông báo liên quan đến trạng thái của chìa khóa điện tử hoặc chế độ của công tắc động cơ, v.v. được hiển thị (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

Nhằm tránh việc khóa chìa bên trong xe, rời khỏi xe mang theo chìa khóa theo người mà không tắt công tắc động cơ (OFF) hoặc hành khách khác vô tình cầm chìa khóa ra khỏi xe, vv..., thì một thông báo sẽ xuất hiện để báo cho người sử dụng biết tình trạng của chìa khóa điện tử hoặc chế độ công tắc động cơ trên màn hình đa thông tin. Trong trường hợp này, ngay lập tức hãy tuân theo các hướng dẫn trên màn hình.

n Nếu thông điệp "Pin chìa yếu Thay pin chìa" được hiển thị trên màn hình đa thông tin (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

Chìa khóa điện tử có pin yếu. Hãy thay pin của chìa khóa điện tử. (→P.513)

n Thay pin chìa khóa

→P.513

n Kiểm tra số chìa đã được đăng ký

Có thể xác nhận số lượng chìa khóa đã được đăng ký với xe. Để biết thêm thông tin chi tiết, hãy liên hệ với đại lý Toyota.

n Nếu thông điệp "Chìa khóa mới đã được đăng ký Hãy liên hệ với đại lý" hiển thị trên màn hình đa thông tin (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

Thông báo này sẽ xuất hiện mỗi khi mở cửa người lái và các cửa được mở khóa từ bên ngoài xe trong khoảng 10 ngày sau khi chìa khóa mới đã được đăng ký.

Nếu thông báo này xuất hiện nhưng không có chìa điện tử mới nào đã đăng ký, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xem có chìa điện tử nào khác (ngoài chìa thuộc sở hữu của bạn) đã được đăng ký hay không.

CHÚ Ý

n **Để tránh làm hỏng chìa khóa**

l Không đánh rơi chìa khóa, tránh tác dụng lực mạnh lên chìa khóa hoặc bẻ cong chìa khóa.

l Không để chìa ở nơi có nhiệt độ cao trong một thời gian dài.

l Không để chìa ở nơi ẩm ướt hoặc nhúng chìa vào máy có sóng siêu âm…

l Không gắn kim loại hoặc các vật liệu từ tính vào chìa khóa hoặc đặt chìa gần những vật liệu như vậy.

l Không tháo rời chìa khóa.

l Không gắn miếng dán hoặc bất cứ thứ gì lên bề mặt chìa khóa điện tử.

l Không để chìa khóa gần các đồ vật có từ trường, như ti vi, hệ thống âm thanh, bếp từ.

l Không để các chìa gần thiết bị điện tử y khoa như thiết bị trị liệu tần số thấp hoặc thiết bị sóng ngắn trị liệu và không khám bệnh khi mang chìa khóa theo người.

n **Hãy mang theo chìa khóa điện tử theo người (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)**

Hãy để khoảng cách từ chìa khóa điện tử với các thiết bị điện tử đang hoạt động là 10 cm trở lên. Sóng radiô từ các thiết bị điện có thể làm chìa khóa hoạt động không chính xác khi các thiết bị này cách chìa trong khoảng 10 cm.

n **Trong trường hợp hệ thống mở khóa và khởi động thông minh bị lỗi hoặc lỗi liên quan tới chìa khóa (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)**

→P.571

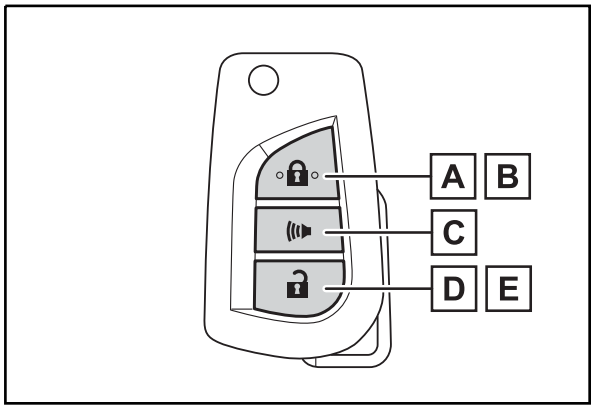
n **Khi mất chìa khóa điện tử (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)**

→P.570

Điều khiển từ xa

Chìa khóa điện tử được trang bị các chức năng điều khiển từ xa như sau:

▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh



A Khóa các cửa (→P.136)

B Đóng các cửa sổ*1 (→P.136)

C Kích hoạt báo động*2 (→P.133)

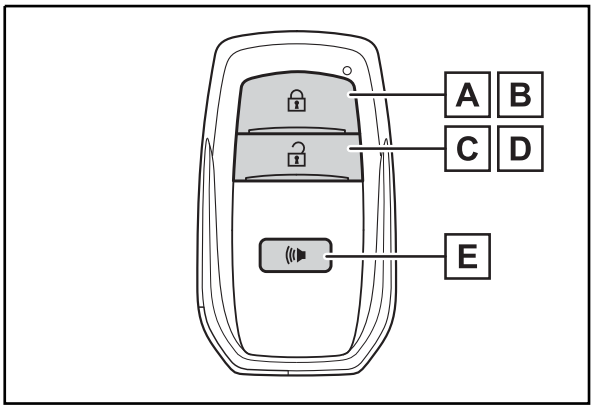
D Mở khóa các cửa (→P.136)

E Mở các cửa sổ*1 (→P.136)

*1: Chỉ có thể thực hiện được những chức năng tùy chọn này tại đại lý Toyota.

*2: Nếu có

▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh



A Khóa các cửa (→P.136)

B Đóng các cửa sổ*1 (→P.136)

C Mở khóa các cửa (→P.136)

D Mở các cửa sổ*1 (→P.136)

E Kích hoạt báo động*2 (→P.133)

*1: Chỉ có thể thực hiện được những chức năng tùy chọn này tại đại lý Toyota.

*2: Nếu có

n **Chế độ báo động (nếu có)**

Khi ấn và giữ nút trong hơn một giây, chuông báo động sẽ kêu gián đoạn và các đèn sẽ nháy để ngăn chặn bất cứ ai đang cố gắng đột nhập hoặc phá hoại xe.

Để ngừng báo động, hãy ấn một nút bất kỳ trên chìa khóa điện tử.

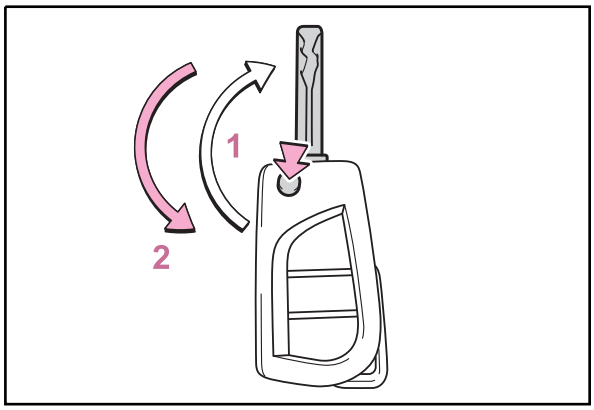
▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh



▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh



Sử dụng chìa khóa chính (Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)



1 Nhả chìa

Để nhả chìa, hãy ấn nút này.

2 Cất chìa

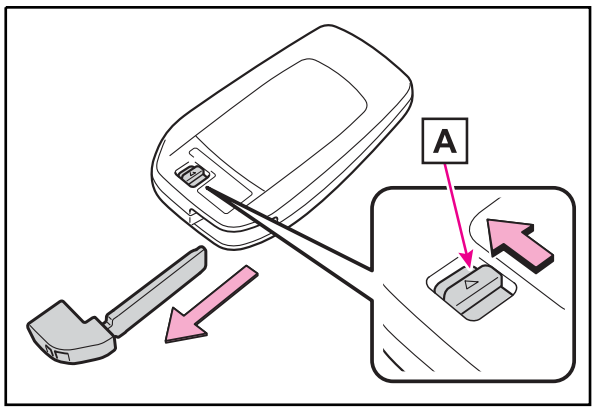
Để cất chìa vào vỏ chìa, hãy ấn chìa về vị trí thu gọn trong khi ấn nút này.

Sử dụng chìa khóa cơ (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

Để lấy chìa khóa cơ ra, hãy trượt lẫy nhả khóa A và lấy chìa ra.

Chìa khóa cơ chỉ có thể cắm vào ổ khóa theo một chiều, bởi các rãnh trên chìa được bố trí về một phía. Nếu bạn không thể cắm được chìa vào ổ khóa, hãy xoay chìa lại và thử lại.

Sau khi sử dụng chìa khóa cơ, hãy cất nó vào trong chìa khóa điện tử. Luôn mang chìa khóa cơ cùng với chìa khóa điện tử. Nếu chìa khóa điện tử bị hết pin hoặc chức năng vào xe không hoạt động chính xác, thì bạn sẽ cần dùng đến chìa khóa cơ. (→P.570)



n Các điều kiện ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống

▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Chức năng điều khiển từ xa có thể hoạt động không bình thường trong các tình huống sau.

- Khi pin chìa khóa điều khiển từ xa bị hết điện
- Khi gần đài phát sóng vô tuyến, trạm điện, trạm xăng, trạm phát sóng radiô, màn hình lớn, sân bay hay những thiết bị có thể phát ra sóng radiô mạnh hoặc nhiễu điện
- Khi mang theo radiô di động, điện thoại di động, bộ đàm hoặc các thiết bị liên lạc không dây khác
- Khi để nhiều chìa khóa điện tử nằm cạnh nhau
- Khi điều khiển từ xa tiếp xúc hoặc bị che bởi vật thể bằng kim loại
- Khi chìa điều khiển từ xa khác (có phát ra sóng radiô) đang được dùng ở gần đó
- Khi chìa khóa điều khiển từ xa đang ở gần các thiết bị điện tử như máy tính cá nhân
- Khi cửa sổ của xe được dán phim kim loại hoặc có các vật bằng kim loại được gắn lên kính cửa hậu của xe

▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

→P.147

n Khi cần đưa chìa khóa cho người trông xe

Hãy khóa ngăn đựng găng tay lại trong trường hợp cần. (→P.430)

▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Hãy giữ lại chìa khóa chính và đưa chìa khóa phụ cho người phục vụ.

▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Hãy tháo và giữ lại chìa khoá cơ để bạn sử dụng và chỉ đưa cho người trông xe chìa khoá điện tử. Nếu có chìa khóa bổ sung, hãy mang theo chìa khóa để sử dụng cùng với chìa khóa cơ.

n Nếu bạn đánh mất chìa khóa

→P.570

n Nếu sử dụng chìa khóa không phải của xe (xe có hệ thống khóa kép)

Ổ khóa sẽ quay trơn để tách biệt với

cơ cấu bên trong.

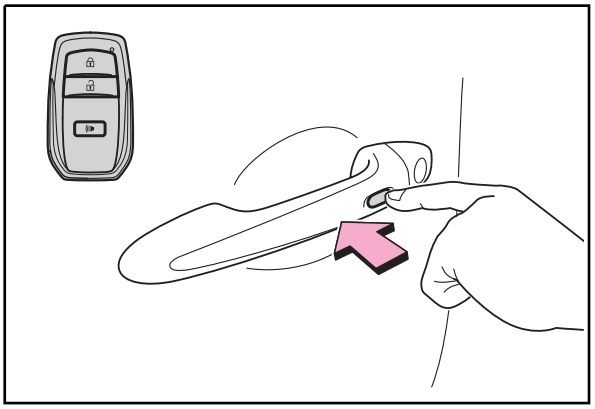
Cửa bên

Xe có thể khóa và mở khóa bằng chức năng vào xe, điều khiển từ xa không dây, chìa khóa, các công tắc khóa cửa hoặc nút khóa bên trong.

Mở khóa và khóa các cửa từ bên ngoài xe

n Sử dụng chức năng vào xe (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

Hãy mang theo chìa khóa điện tử để kích hoạt chức năng này.

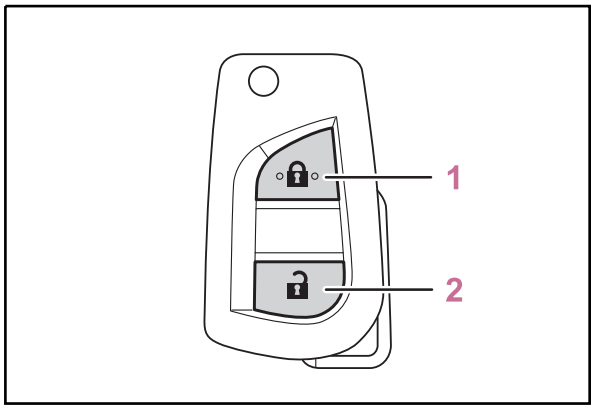


Khi mang theo chìa điện tử, hãy ấn nút này để khóa và mở khóa cửa.

Sau khi khóa, hãy xác nhận rằng cửa đã được khóa chắc.

n Sử dụng điều khiển từ xa

▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh



1 Khóa tất cả các cửa

Hãy xác nhận rằng cửa xe đã được khóa chắc.

Ấn và giữ để đóng các cửa bên.*

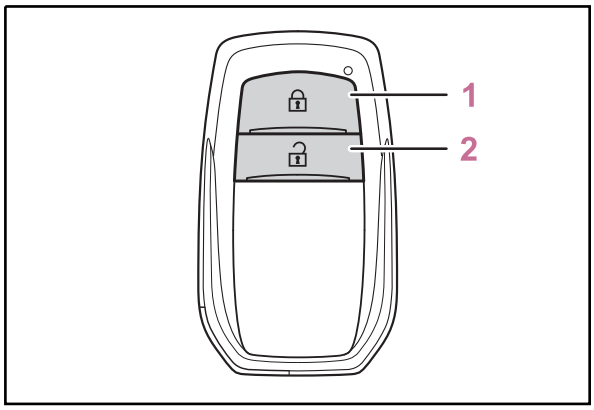
2 Mở khóa tất cả các cửa

Ấn và giữ để mở các cửa bên.*

Xe có hệ thống khóa kép: Ấn nút này để mở khóa cửa người lái. Ấn nút này thêm một lần nữa trong vòng 3 giây để mở khóa các cửa còn lại.

*: Chỉ có thể thực hiện được những chức năng tùy chọn này tại đại lý Toyota.

▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh



1 Khóa tất cả các cửa

Hãy xác nhận rằng cửa xe đã được khóa chắc.

Ấn và giữ để đóng các cửa bên.*

2 Mở khóa tất cả các cửa

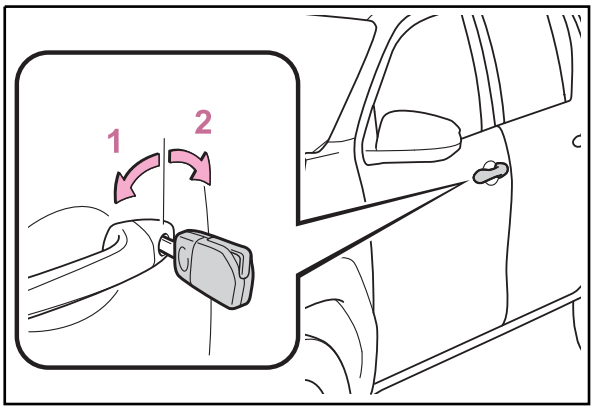
Ấn và giữ để mở các cửa bên.*

Xe có hệ thống khóa kép: Ấn nút này để mở khóa cửa người lái. Ấn nút này thêm một lần nữa trong vòng 3 giây để mở khóa các cửa còn lại.

*: Chỉ có thể thực hiện được những chức năng tùy chọn này tại đại lý Toyota.

n Sử dụng chìa khóa

▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh



1 Khóa tất cả các cửa

Xoay và giữ để đóng cửa sổ bên.*

2 Mở khóa tất cả các cửa

Xoay và giữ để mở cửa sổ bên.*

Xe có hệ thống khóa kép: Xoay chìa khóa về phía sau để mở khóa cửa người lái. Xoay chìa khóa một lần nữa trong vòng 3 giây sẽ mở khóa các cửa khác.

*: Chỉ có thể thực hiện được những chức năng tùy chọn này tại đại lý Toyota.

▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Có thể khóa và mở khóa các cửa xe bằng chìa khóa cơ. (→P.571)

n Chuyển đổi chức năng mở cửa (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

Có thể cài đặt các cửa mà tính năng mở khóa vào xe sử dụng điều khiển từ xa. Thực hiện thao tác chuyển đổi trong xe hoặc trong khoảng cách xấp xỉ 1 m so với xe.

1 Tắt công tắc động cơ.

2 Xe có cảm biến phát hiện xâm nhập: Hủy chức năng cảm biến phát hiện xâm nhập của hệ thống báo động để tránh kích hoạt báo động không mong muốn trong khi thay đổi cài đặt. (→P.82)

3 Khi đèn chỉ báo trên mặt chìa không sáng, hãy ấn và giữ  hoặc  (nếu có) khoảng 5 giây khi ấn và giữ  .

Trạng thái cài đặt sẽ thay đổi mỗi khi bạn thực hiện quy trình trên, như trong bảng dưới đây. (Khi thay đổi cài đặt liên tục, hãy nhả nút, chờ ít nhất 5 giây và làm lại bước số 3.)

Màn hình đa thông tin/Tiếng bíp	Chức năng mở khóa
 *1 *2 *1 Bên ngoài xe: Kêu bíp ba lần	Giữ tay nắm cửa phía người lái để mở khóa chỉ riêng cửa người lái.
	Tất cả các cửa sẽ được mở khóa khi giữ vào tay nắm cửa hành khách phía trước.
 *1 *2 Bên ngoài xe: Kêu bíp hai lần	Giữ tay nắm cửa trước để mở khóa tất cả các cửa.

*1: Xe có màn hình 7-inch

*2: Xe có màn hình 12.3-inch

Xe có hệ thống báo động: Để tránh vô tình kích hoạt báo động, hãy mở khóa các cửa xe bằng điều khiển từ xa và mở rồi đóng một cửa sau khi đã thay đổi cài đặt. (Nếu một cửa không được mở trong vòng 30 giây sau khi ấn , thì các cửa sẽ tự động khóa lại và hệ thống báo động sẽ được cài đặt.)

Trong trường hợp hệ thống báo động bị kích hoạt, hãy tắt báo động ngay lập tức. (→P.80)

n Hệ thống mở khóa cửa khi phát hiện có va chạm

Trong trường hợp xe bị va chạm mạnh, tất cả các cửa xe sẽ được mở khóa. Tuy nhiên, tùy theo lực va chạm hay kiểu va chạm mà hệ thống có thể sẽ không hoạt động.

n Các tín hiệu hoạt động

Cửa xe: Một chuông báo (nếu có) sẽ kêu và đèn cảnh báo khẩn cấp sẽ nhấp nháy để chỉ ra rằng cửa đã được khóa/mở khóa bằng chức năng vào hoặc điều khiển từ xa. (Khóa: Một lần; Mở khóa: Hai lần)

Cửa sổ bên: Chuông báo kêu để chỉ ra rằng các cửa sổ bên đang hoạt động bằng điều khiển từ xa.

n Tính năng an ninh

▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Nếu không cửa nào được mở ra trong khoảng 30 giây sau khi mở khóa cửa bằng điều khiển từ xa, tính năng an ninh của xe sẽ tự động khóa xe lại.

▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Nếu không có cửa nào được mở ra trong khoảng 30 giây sau khi xe được mở khóa bằng chức năng vào xe hoặc điều khiển từ xa, tính năng an ninh của xe sẽ tự động khóa cửa xe lại. (Tuy nhiên, tùy thuộc vào vị trí của chìa khoá điện tử, có thể phát hiện chìa khóa đang ở trong xe. Trong trường hợp này, xe có thể được mở khóa.)

n Chuông báo khóa cửa

▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Nếu cố gắng khóa cửa xe bằng điều khiển từ xa khi vẫn có cửa chưa được đóng chặt, chuông báo sẽ kêu liên tục trong 10 giây. Hãy đóng cửa hoàn toàn để tắt chuông báo và khóa lại xe một lần nữa.

▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Nếu cố gắng khóa cửa xe bằng điều khiển từ xa hoặc chức năng vào xe khi vẫn có cửa chưa được đóng chặt, chuông báo sẽ kêu liên tục trong 5

giây. Hãy đóng cửa hoàn toàn để tắt chuông báo và khóa lại xe một lần nữa.

n Cài đặt báo động (nếu có)

Hệ thống báo động sẽ được cài đặt khi khóa các cửa. (→P.80)

n Nếu trên màn hình đa thông tin xuất hiện biểu tượng một hoặc nhiều cửa đang mở (nếu có)

Một hoặc nhiều cửa chưa được đóng chặt lại. Hệ thống cũng sẽ chỉ báo cửa nào chưa được đóng lại hoàn toàn. Nếu tốc độ xe đạt tới 5 km/h, đèn cảnh báo chính sẽ nháy và chuông báo sẽ kêu để chỉ ra rằng (các) cửa chưa được đóng chặt.

Hãy chắc chắn rằng tất cả các cửa đã được đóng chặt.

n Điều kiện ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống mở khóa và khởi động thông minh hoặc điều khiển từ xa

▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

→P.134

▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

→P.147

n Nếu hệ thống mở khóa và khởi động thông minh hoặc điều khiển từ xa không hoạt động chính xác

- Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Hãy sử dụng chìa khóa để khóa và mở khóa các cửa. (→P.137)
- Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Hãy sử dụng chìa khóa cơ để khóa và mở khóa các cửa. (→P.571)
- Hãy thay pin mới nếu pin chìa khóa hết điện. (→P.513)

n Nếu ắc quy bị hết điện

Cửa không thể khóa và mở khóa được bằng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh (nếu có) hoặc điều khiển từ xa. Hãy khóa hoặc mở khóa cửa bằng chìa khóa (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc chìa khóa cơ (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh). (→P.137, 571)

n Chức năng nhắc nhở ghế sau

- Để nhắc nhở hành khách lần thứ nhất không bỏ quên hành lý... ở hàng ghế sau, khi người lái tắt công tắc động cơ sau khi đã thỏa mãn một trong điều kiện nào sau đây, thì chuông báo sẽ kêu và một thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin trong khoảng 6 giây.

Thông điệp hỏi bạn có muốn tắt cảnh báo tạm thời sẽ được hiển thị. Để tắt cảnh báo, ấn và giữ [OK].

Ngoài ra, như lời nhắc thứ 2, khi các cửa xe được khóa lại, thì chuông báo (nếu được trang bị) sẽ kêu và đèn nháy khẩn cấp sẽ nhấp nháy trong vài giây và một thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

- Khởi động động cơ trong vòng 15 phút sau khi mở và đóng một cửa sau.
- Mở một cửa sau và sau đó đóng lại sau khi khởi động động cơ.

Lời nhắc thứ hai sẽ không được kích hoạt nếu một cửa sau được mở ra trước khi cửa xe được khóa. Tuy nhiên, nếu một cửa sau được mở ra và sau đó đóng lại trong vòng xấp xỉ 2 giây, chức năng nhắc nhở ghế sau có thể không hoạt động.

- Chức năng nhắc nhở ghế sau xác định rằng hành lý, vv đã được đặt lên trên ghế sau dựa vào việc mở và đóng một cửa sau. Vì vậy, tùy thuộc vào tình huống, chức năng nhắc nhở ghế sau có thể không hoạt động và bạn vẫn có thể để quên hành lý, vv trên ghế sau, hoặc nó có thể hoạt động khi không cần thiết.
- Bạn có thể kích hoạt hoặc vô hiệu hóa chức năng nhắc nhở trên ghế

sau. (→P.609)

n **Tùy chọn**

Có thể thay đổi được các cài đặt (như chức năng mở khóa bằng chìa khóa). (Tính năng tùy chọn cá nhân: →P.609)

CẢNH BÁO

n **Để tránh xảy ra tai nạn**

Hãy tuân thủ theo những lưu ý sau khi lái xe.
Nếu không, có thể làm cửa mở ra và hành khách trên xe có thể bị văng ra ngoài, dẫn đến tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

- Hãy đảm bảo rằng tất cả các cửa xe đã được đóng và khóa lại đúng cách.
- Không được kéo tay nắm bên trong của các cửa khi đang lái xe. Hãy đặc biệt chú ý đến cửa của người lái và cửa của hành khách phía trước (chỉ cho một vài kiểu xe), do cửa vẫn có thể mở được ngay cả khi nút khóa cửa bên trong xe đang ở vị trí khóa.
- Hãy đặt các lẫy khóa bảo vệ trẻ em ở cửa sau khi có trẻ nhỏ ngồi ở hàng ghế sau.

n **Khi mở hoặc đóng một cửa**

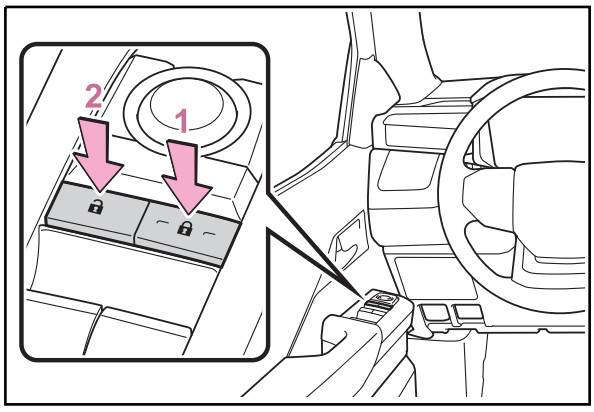
Kiểm tra xung quanh xe chẳng hạn như khi xe đang trên dốc nghiêng, hay xe có đủ không gian để mở cửa hay không hoặc gió thổi có mạnh không. Khi mở hoặc đóng cửa, hãy cầm chắc vào tay nắm cửa để chuẩn bị cho bất cứ tình huống dịch chuyển bất ngờ nào.

n **Khi sử dụng điều khiển từ xa, chìa khóa hoặc chìa khóa cơ và vận hành các cửa sổ điện**

Vận hành cửa sổ điện sau khi kiểm tra để xác nhận rằng không có khả năng hành khách nào bị kẹp phần cơ thể nào tại kính cửa sổ bên. Ngoài ra, không được cho trẻ em sử dụng điều khiển từ xa, chìa khóa hoặc chìa khóa cơ. Nếu không, trẻ em và các hành khách khác có thể bị kẹp bởi kính cửa sổ bên.

Mở khóa và khóa các cửa từ bên trong xe

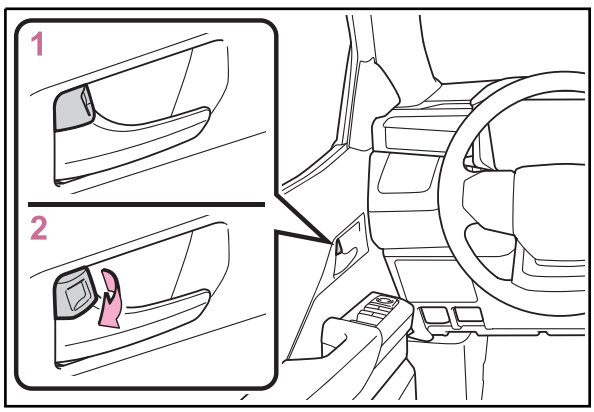
n **Sử dụng công tắc khóa cửa**



1 Khóa tất cả các cửa

2 Mở khóa tất cả các cửa

n **Sử dụng các nút khóa cửa bên trong xe**



1 Khóa cửa

2 Mở khóa cửa

Có thể mở cửa người lái và cửa hành khách phía trước (chỉ với một số kiểu xe) bằng cách kéo tay nắm cửa bên trong ngay cả khi nút khóa cửa bên trong xe đang ở vị trí khóa.

n Khóa các cửa trước từ bên ngoài mà không dùng chìa

1 Chuyển nút khóa cửa bên trong xe sang vị trí khóa.
2 Đóng cửa trong khi kéo tay nắm cửa.

▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Cửa của người lái không thể khóa lại được nếu một trong hai cửa đang mở và chìa khóa đang nằm trong ổ khóa điện.

▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Các cửa xe sẽ không thể khóa lại nếu công tắc động cơ đang ở vị trí ACC hoặc ON, hoặc chìa khóa điện đang ở trong xe.

Tuy nhiên, hệ thống có thể sẽ không phát hiện được chính xác chìa khóa và cửa xe có thể bị khóa lại.

n Chuông cảnh báo cửa mở

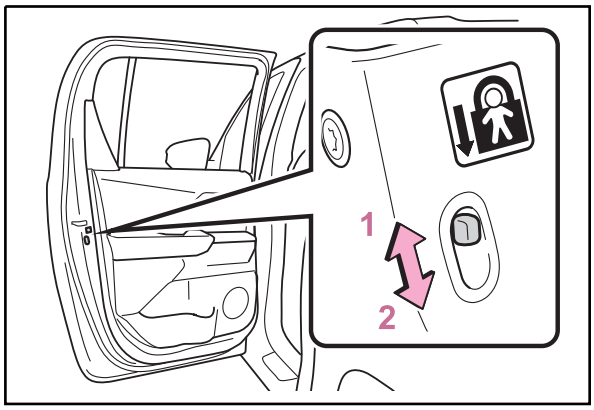
Nếu xe đạt đến tốc độ 5 km/h, chuông báo sẽ kêu để chỉ ra rằng các cửa hoặc nắp capô chưa được đóng lại hoàn toàn.
Cửa hoặc nắp capô đang mở sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

n Khi tất cả các cửa được khóa lại bằng chức năng vào xe (nếu có), điều khiển từ xa hoặc chìa khóa.

- Không thể mở khóa các cửa bằng công tắc khóa cửa.
- Các công tắc khóa cửa có thể được cài đặt lại bằng cách mở khóa tất cả các cửa xe bằng chức năng vào xe (nếu được trang bị), điều khiển từ xa hoặc chìa khóa.

Khóa bảo vệ trẻ em trên cửa sau (chỉ cho kiểu xe cabin kép)

Bạn sẽ không thể mở cửa từ phía trong xe khi đã gài cơ cấu khóa này.



1 Mở khóa
2 Khóa

Bạn có thể gài cơ cấu khóa này để tránh trẻ em mở các cửa sau. Hãy đẩy công tắc cửa sau xuống để khóa cả hai cửa sau.

Hệ thống khoá và mở khoá cửa tự động

Bạn có thể đặt hoặc hủy các chức năng sau:

Chức năng	Hoạt động
Chức năng khóa cửa liên kết với tốc độ	Tất cả các cửa sẽ được khóa lại khi tốc độ xe đạt xấp xỉ từ 20 km/h trở lên.
Chức năng khóa cửa liên kết với vị trí chuyển số	Tất cả các cửa sẽ được tự động khóa lại khi chuyển cần số đến vị trí khác P.

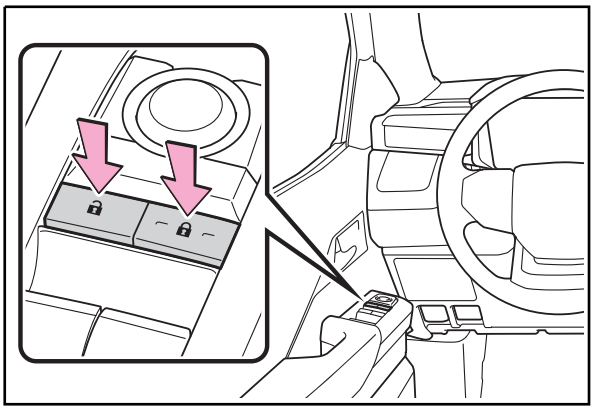
Chức năng	Hoạt động
Chức năng mở khóa cửa liên kết với vị trí chuyển số	Tất cả các cửa sẽ được tự động mở khóa khi chuyển cần số đến vị trí P.
Chức năng mở khóa cửa liên kết với cửa người lái	Tất cả các cửa sẽ mở khóa khi mở cửa người lái trong khoảng 45 giây sau khi chuyển công tắc động cơ sang tắt.

n Cài đặt và hủy các chức năng

Để chuyển giữa trạng thái đặt và hủy, hãy làm theo các bước sau.

1 Đóng tất cả các cửa và bật công tắc động cơ tới vị trí ON. (Hãy thực hiện bước 2 trong vòng 20 giây.)

2 Chuyển cần số đến vị trí P hoặc N, rồi ấn và giữ công tắc khóa cửa người lái (hoặc) trong khoảng 5 giây và sau đó nhả ra.



Vị trí của công tắc tương ứng với các chức năng sẽ được cài đặt như trong bảng sau.

Hãy sử dụng quy trình tương tự để hủy chức năng này.

● Cần số ở vị trí P

Chức năng	Vị trí công tắc khoá cửa người lái
Chức năng khóa cửa liên kết với vị trí chuyển số	
Chức năng mở khóa cửa liên kết với vị trí chuyển số	

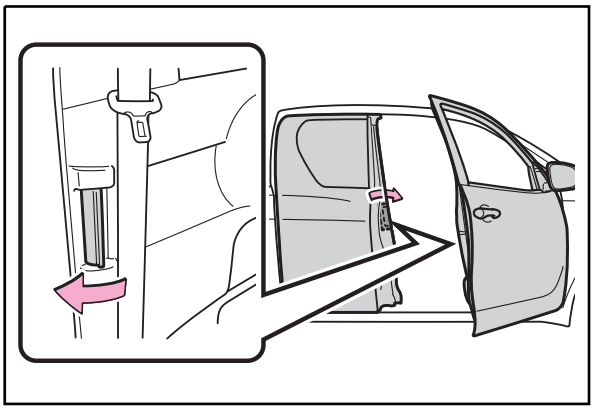
● Cần số ở vị trí N

Chức năng	Vị trí công tắc khoá cửa người lái
Chức năng khóa cửa liên kết với tốc độ	
Chức năng mở khóa cửa liên kết với cửa người lái	

Khi thao tác cài đặt hoặc hủy bỏ được hoàn tất, tất cả các cửa sẽ bị khóa lại, sau đó được mở khóa.

Các cửa trượt (chỉ với xe có cabin thông minh)

Các cửa trượt (cửa sau) có thể mở ra được từ tay nắm bên trong.



1 Hãy mở rộng cửa trước.

2 Hãy kéo (từ bên ngoài) hoặc đẩy (từ bên trong) tay nắm bên trong của cửa trượt.

3 Mở các cửa trượt.

Bạn có thể mở hoặc đóng các cửa trượt chỉ khi cửa trước được mở rộng hết cỡ.

CHÚ Ý

n **Khi đóng hoặc mở cửa trước và các cửa trượt**

Cửa trước và các cửa trượt có thể bị hư hỏng nếu chúng va vào nhau khi mở ra hoặc đóng lại.

Cửa sau thùng xe

Có thể khóa/mở khóa và mở cửa sau thùng xe và mở ra bằng các quy trình sau đây.

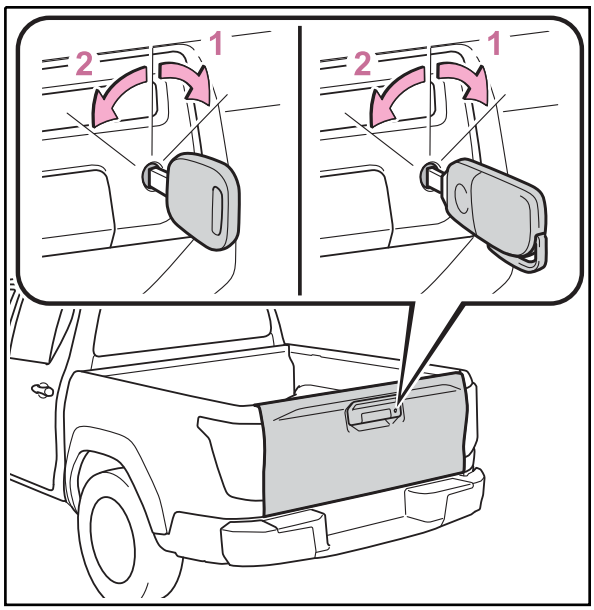
CẢNH BÁO

n **Chú ý khi lái xe**

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Không được lái xe với cửa thùng xe đang mở.
- Không được trèo lên bậc của cản sau hoặc bậc bên sàn xe.

Khóa và mở khóa cửa sau thùng xe (xe có ổ khóa trên cửa sau thùng xe)



1 Khóa bằng chìa khóa chính hoặc chìa khóa cơ.

2 Mở khóa bằng chìa khóa chính hoặc chìa khóa cơ.

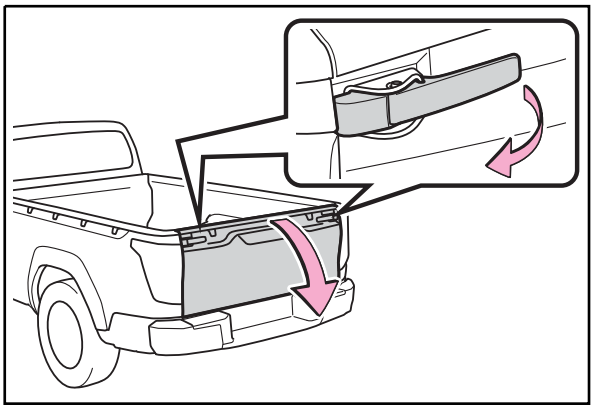
Mở cửa sau thùng xe

▶ Kiểu A

Mở khóa chốt cài và mở từ từ cửa sau thùng xe.

Các dây cáp đỡ sẽ giữ cho cửa sau thùng xe nằm ngang.

Sau khi đóng cửa sau thùng xe, thử kéo nó về phía bạn để chắc chắn cửa đã được khóa.

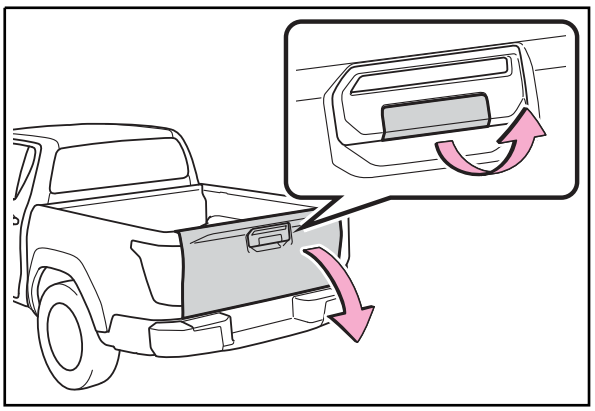


▶ Kiểu B

Kéo tay nắm và mở từ từ cửa sau thùng xe.

Các dây cáp đỡ sẽ giữ cho cửa sau thùng xe nằm ngang.

Sau khi đóng cửa sau thùng xe, thử kéo nó về phía bạn để chắc chắn cửa đã được khóa.



⚠ CẢNH BÁO

n **Khi mở hoặc đóng cửa sau thùng xe**

- Kiểm tra an toàn các khu vực xung quanh và lưu ý không được để kẹt ngón tay vào cửa sau thùng xe.
- Không được cho trẻ em mở hoặc đóng cửa sau thùng xe. Nếu không, trẻ có thể bị kẹp tay, đầu, cánh tay hoặc cổ vào cửa sau thùng xe, dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.
- Trên đường nghiêng, việc đóng hoặc mở cửa sau thùng xe có thể khó hơn trên đường bằng.
  Ngoài ra, cửa sau thùng xe sẽ bất ngờ mở ra hoặc đóng lại. Cẩn thận không được để các ngón tay bị kẹp bởi cửa sau thùng xe.
- Khi kéo tay nắm hoặc nhả các dây hỗ trợ, hãy cầm và vận hành một cách chính xác. Nếu không, tay hoặc quần áo có thể bị kẹt, gây chấn thương nghiêm trọng hoặc gặp tai nạn bất ngờ.
- Lưu ý khi mở hoặc đóng cửa sau thùng xe khi có gió vì chúng có thể sẽ bất ngờ di chuyển khi gió thổi mạnh.
- Sau khi đóng cửa sau thùng xe, đảm bảo rằng cửa đã được khóa chắc chắn.

⚠ CHÚ Ý

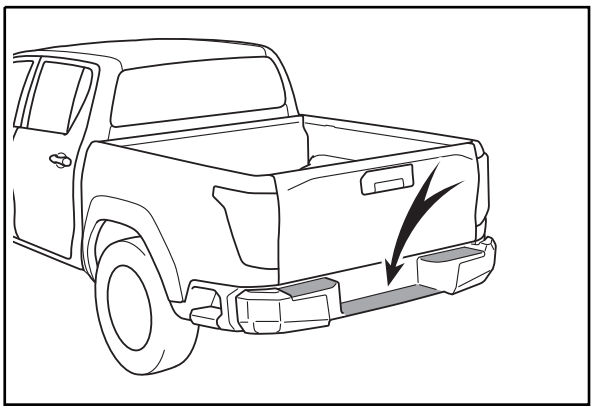
n **Sử dụng cửa hậu**

Nếu các dây cáp hỗ trợ đã được tháo ra, cửa sau thùng xe sẽ chạm vào cản xe phía sau và có thể gây ra hư hỏng.

Cản sau loại có bậc lên xuống

Cản sau kiểu có bậc lên xuống có tác dụng bảo vệ phần phía sau xe và để dễ chất hàng hơn.

Để sử dụng bậc lên xuống, hãy bước lên khu vực được tô bóng trong hình minh họa.



CHÚ Ý

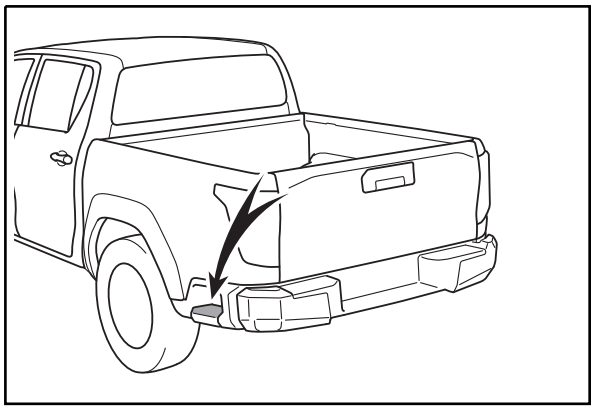
n **Để tránh làm hư hỏng bậc trên cản phía xe sau**

Không cho phép nhiều hơn một người đứng lên bậc của cản xe phía sau.

Bậc lên xuống bên hông (nếu có)

Dễ dàng chất hàng lên từ bên hông xe.

Để sử dụng bậc lên xuống, hãy bước lên khu vực được tô bóng trong hình minh họa.



CHÚ Ý

n **Để tránh làm hư hỏng tới bậc bên sàn**

Không cho phép nhiều hơn một người bước lên bậc bên hông của sàn xe cùng một lúc.

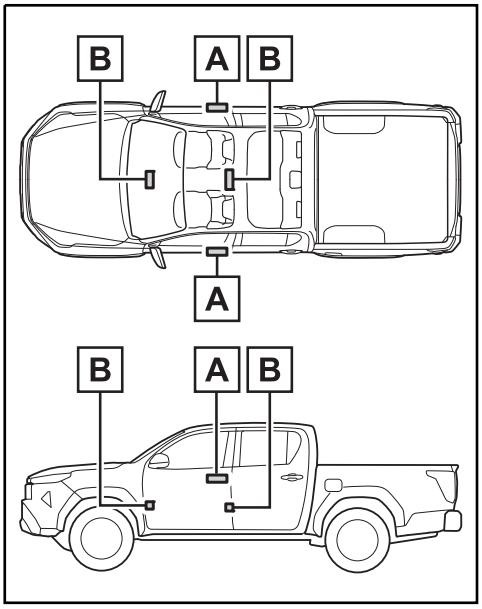
Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh*

*: Nếu có

Các thao tác sau có thể thực hiện được chỉ đơn giản bằng cách mang theo chìa khóa điện tử, như để trong túi của bạn. Người lái nên luôn mang theo chìa khóa điện tử.

- Khóa và mở khóa các cửa (→P.136)
- Khởi động động cơ (→P.186)

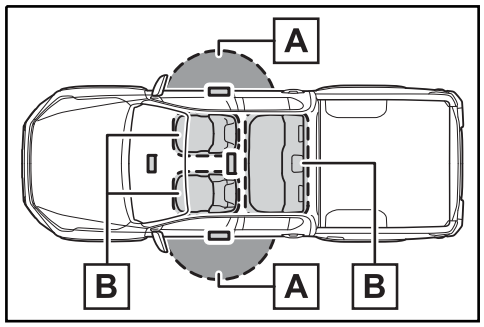
n Vị trí đặt ăng ten



A Ăng ten bên ngoài xe

B Ăng ten bên trong xe

n Phạm vi hiệu quả (các khu vực có thể phát hiện chìa khóa điện tử)



A Khi khóa hoặc mở khóa các cửa

Hệ thống có thể hoạt động khi chìa khóa điện tử nằm cách khoảng 0.7 m (2.3 ft.) tính từ các tay nắm cửa trước. (Chỉ những cửa phát hiện được chìa khóa mới có thể hoạt động.)

B Khi khởi động động cơ hoặc thay đổi các chế độ hoạt động của công tắc động cơ

Hệ thống có thể hoạt động được khi chìa khóa điện tử ở trong xe.

n Nếu báo động kêu hoặc thông điệp cảnh báo được hiển thị

Chuông báo kêu và thông điệp cảnh báo hiển thị trên màn hình đa thông tin được sử dụng để hạn chế tối đa nguy cơ bị trộm xe và tai nạn do thao tác không chính xác. Nếu một thông điệp cảnh báo được hiển thị, hãy thực hiện các biện pháp phù hợp dựa trên thông điệp đã hiển thị.

Chỉ khi chuông cảnh báo kêu, dưới đây là bảng mô tả các tình huống và quy trình hiệu chỉnh.

l Khi chuông báo ngoài xe kêu một lần khoảng 5 giây

Tình huống	Biện pháp xử lý
Cố khóa cửa xe trong khi cửa xe vẫn mở.	Đóng tất cả các cửa xe và khóa cửa lại.

l Khi chuông báo trong xe kêu ping liên tục

Tình huống	Biện pháp xử lý
Bật công tắc động cơ tới vị trí ACC trong khi cửa lái đang ở trạng thái mở (hoặc mở cửa lái trong khi công tắc động cơ đang ở vị trí ACC).	Tắt công tắc động cơ và đóng cửa người lái.

n Chức năng tiết kiệm điện

Chức năng tiết kiệm điện sẽ được kích hoạt để tránh làm cho chìa khóa điện tử bị hết pin và ắc quy của xe không bị xả hết điện khi không sử dụng xe trong một thời gian dài.

l Trong các tình huống sau, hệ thống mở khóa và khởi động thông minh có thể mất một khoảng thời gian để mở khóa cửa. Ngoài ra, hệ thống chiếu sáng khi vào xe có thể sẽ không hoạt động chính xác.

- Chìa khóa điện tử đã bị bỏ lại gần xe trong một khoảng thời gian nhất định.
- Khi không sử dụng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh trong 5 ngày trở lên.

l Nếu không sử dụng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh từ 14 ngày trở lên, các cửa sẽ không thể mở khóa tại bất kỳ cửa nào ngoài cửa người lái. Trong trường hợp này, nhấn nút khóa/mở khóa trên tay nắm cửa người lái, hoặc sử dụng điều khiển từ xa hoặc chìa khóa cơ để mở khóa các cửa.

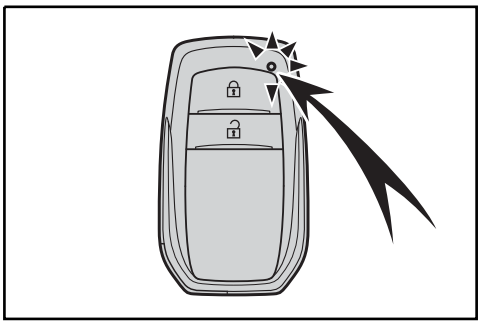
n Chìa khóa điện tử đang ở chế độ tiết kiệm pin

l Khi đặt chế độ tiết kiệm pin, mức tiêu hao pin sẽ được giảm thiểu bằng cách ngừng tiếp nhận sóng radiô của chìa khóa điện tử.

Hãy ấn nút hai lần trong khi ấn và giữ nút .

Hãy xác nhận rằng đèn chỉ báo trên chìa khóa điện tử nháy 4 lần.

Khi chế độ tiết kiệm pin đã được thiết lập, hệ thống mở khóa và khởi động thông minh sẽ không hoạt động. Để hủy chức năng này, hãy ấn một nút bất kỳ trên chìa khóa điện tử.



l Nếu có kế hoạch không sử dụng chìa khóa điện tử trong thời gian dài, hãy chuyển sang chế độ tiết kiệm pin.

n Khi chìa khóa điện tử ngừng hoạt động

Nếu vị trí của chìa khóa điện tử không thay đổi trong một khoảng thời gian nhất định, chẳng hạn khi chìa khóa điện tử bị bỏ lại ở nơi nào đó, chức năng của chìa khóa điện tử sẽ dừng lại để giảm tiêu hao điện của pin. Trong trường hợp này, chức năng có thể được khôi phục tự động bằng cách di chuyển vị trí của chìa khóa, chẳng hạn như nhấc nó lên.

n Các điều kiện ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống

Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh sử dụng sóng radiô yếu để điều khiển. Trong những trường hợp sau, liên lạc giữa chìa khóa điện tử và xe có thể bị ảnh hưởng, làm cho hệ thống mở khóa và khởi động thông minh, điều khiển khóa cửa từ xa và hệ thống mã hóa khóa động cơ hoạt động không chính xác.

l Khi chìa khóa điện tử bị hết điện

l Khi gần đài phát sóng vô tuyến, trạm điện, trạm xăng, trạm phát

sóng radiô, màn hình lớn, sân bay hay những thiết bị có thể phát ra sóng radiô mạnh hoặc nhiễu điện

- Khi chìa khóa điện tử chạm vào hoặc bị che bởi những đồ vật bằng kim loại sau
  - Các loại thẻ nhôm
  - Gói thuốc lá có nhôm bên trong
  - Ví hoặc túi bằng kim loại
  - Tiền xu
  - Bộ sưởi tay làm bằng kim loại
  - Các thiết bị giải trí như đĩa CD và DVD
- Khi chìa điều khiển từ xa khác (có phát ra sóng radiô) đang được dùng ở gần đó
- Khi bạn mang chìa khóa điện tử cùng với các thiết bị có khả năng phát ra sóng radiô như sau
  - Khi mang theo đài di động, điện thoại di động, bộ đàm hoặc một thiết bị liên lạc không dây khác
  - Chìa khóa điện tử khác hoặc chìa điều khiển từ xa của xe đang phát sóng radiô
  - Máy tính cá nhân hoặc các thiết bị kỹ thuật số hỗ trợ cá nhân (PDA)
  - Máy nghe nhạc kỹ thuật số
  - Hệ thống trò chơi di động
- Khi cửa sổ của xe được dán phim kim loại hoặc có các vật bằng kim loại được gắn lên kính cửa hậu của xe
- Khi đặt chìa khóa điện tử gần bộ sạc pin hoặc các thiết bị điện tử
- Khi xe được đỗ tại trạm thu phí có đài phát sóng radiô.

Nếu không thể khóa/mở khóa được các cửa bằng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh, hãy khóa/mở khóa các cửa bằng cách thực hiện bất kỳ thao tác nào sau đây.

- Mang chìa khóa điện tử đến gần một trong hai tay nắm cửa và vận hành chức năng vào xe.
- Vận hành điều khiển từ xa.

Nếu không thể khóa/mở khóa được theo các cách nói trên, hãy sử dụng chìa khóa cơ. (→P.134)

Nếu không thể khởi động được động cơ bằng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh, hãy tham khảo P.571.

n Lưu ý với chức năng vào xe

- Ngay cả khi chìa khóa điện tử nằm trong phạm vi hiệu quả (khu vực có thể dò được chìa khóa), hệ thống vẫn có thể không làm việc chính xác trong các trường hợp sau:
  - Khi để chìa khóa điện tử quá gần cửa sổ hoặc tay nắm bên ngoài cửa, gần mặt đất hoặc ở trên cao khi khóa hoặc mở khóa các cửa xe.
  - Chìa khóa điện tử nằm trên bảng táp lô hoặc trên sàn xe, hoặc trong hốc cửa hoặc ngăn đựng găng tay khi khởi động động cơ hoặc thay đổi chế độ của công tắc động cơ.
- Không để chìa khóa điện tử trên bảng táp lô hoặc gần các hốc để đồ trên cửa xe khi ra khỏi xe. Tùy vào điều kiện thu sóng radiô mà ăng ten bên ngoài xe có thể sẽ thu được sóng của chìa khóa điện tử, và bạn có thể khóa được xe từ bên ngoài trong khi chìa khóa điện tử vẫn ở trong xe.
- Khi chìa khóa điện tử nằm trong phạm vi phát hiện của hệ thống, bất kỳ người nào cũng có thể khóa hoặc mở khóa cửa. Tuy nhiên, chỉ các cửa phát hiện được chìa khóa điện tử mới có thể sử dụng để mở khóa xe được.
- Ngay cả khi chìa khóa điện tử không ở trong xe, động cơ vẫn có thể khởi động được nếu chìa khóa điện tử nằm ở gần cửa sổ.
- Nếu sử dụng điều khiển từ xa để khóa các cửa xe trong khi chìa khóa điện tử để ở gần xe, thì có thể sẽ không mở khóa cửa bằng chức năng vào xe được. (Hãy sử dụng điều khiển từ xa để mở khóa các cửa.)
- Khi thực hiện thao tác khóa bằng

cách sử dụng nút khóa/mở khóa, tín hiệu ghi nhận sẽ xuất hiện hai lần liên tiếp. Sau đó, sẽ không có bất kỳ tín hiệu ghi nhận nào xuất hiện nữa.

- Kéo tay nắm cửa bên ngoài khi ấn nút khóa/mở khóa trên tay nắm có thể tránh cho các cửa khỏi bị mở khóa. Trong các trường hợp này, sau khi trả tay nắm cửa về vị trí ban đầu, hãy ấn nút Khóa/Mở khóa lần nữa và kiểm tra xem các cửa có mở khóa trước khi kéo tay nắm cửa không.
- Nếu có chìa khóa điện tử khác ở trong vùng phát hiện, thì có thể mất ít thời gian hơn để mở khóa cửa.

n Khi không lái xe trong một khoảng thời gian dài

- Để đề phòng bị mất trộm xe, không được để chìa khóa điện tử ở gần xe trong khoảng cách 2m.
- Có thể vô hiệu hóa hệ thống mở khóa và khởi động thông minh trước đó. (→P.615)
- Chế độ tiết kiệm pin có thể làm giảm mức tiêu thụ pin của chìa khóa điện tử. (→P.147)

n Để vận hành hệ thống đúng cách

Hãy mang theo chìa khóa điện tử khi bạn vận hành hệ thống. Không để chìa khóa điện tử quá gần xe khi vận hành hệ thống từ bên ngoài xe.

Tùy thuộc vào vị trí và cách bạn giữ chìa điện tử mà hệ thống có thể sẽ không phát hiện được chìa khóa một cách chính xác và hệ thống sẽ có thể không làm việc chính xác. (Chuông có thể vô tình tắt, hoặc chức năng đề phòng khóa cửa có thể sẽ không hoạt động.)

n Nếu hệ thống mở khóa và khởi động thông minh không hoạt động chính xác

- Khóa và mở khóa các cửa: Hãy sử dụng chìa khóa cơ. (→P.571)
- Khởi động động cơ: →P.571

n Tùy chọn

Bạn có thể thay đổi các cài đặt (ví dụ: hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)
(Tính năng tùy chọn cá nhân: →P.615)

Nếu hệ thống mở khóa và khởi động thông minh đã bị vô hiệu hóa bởi chức năng tùy chọn, hãy tham khảo những hướng dẫn cho những hoạt động sau.

- Khóa và mở khóa các cửa:
  Sử dụng chìa khóa cơ hoặc điều khiển từ xa. (→P.136, 571)
- Khởi động động cơ và thay đổi các chế độ của công tắc động cơ: →P.571
- Tắt động cơ: →P.188

⚠ CẢNH BÁO

n Lưu ý liên quan đến hoạt động của các thiết bị điện tử

- Những hành khách phải sử dụng máy điều hòa nhịp tim hoặc máy khử rung tim phải giữ khoảng cách thích hợp với các ăng ten của hệ thống mở khóa và khởi động thông minh. (→P.146)
  Sóng radiô có thể sẽ làm ảnh hưởng tới hoạt động của các thiết bị trên. Nếu cần, bạn có thể vô hiệu hóa chức năng vào xe. Hãy hỏi ý kiến đại lý Toyota để có thêm thông tin chi tiết, như tần số của sóng radiô và thời điểm phát ra sóng radiô. Sau đó, hỏi ý kiến của bác sỹ xem liệu bạn có nên vô hiệu hóa chức năng vào xe không.

- Khi sử dụng các thiết bị điện tử y khoa khác (ngoài máy điều hòa nhịp tim và máy khử rung tim), bạn nên tham khảo ý kiến của nhà sản xuất về những thông tin liên quan đến khả năng hoạt động của thiết bị dưới ảnh hưởng của sóng rađiô.
  Sóng rađiô có thể gây ra những tác động không mong muốn tới hoạt động của các thiết bị y khoa nói trên.

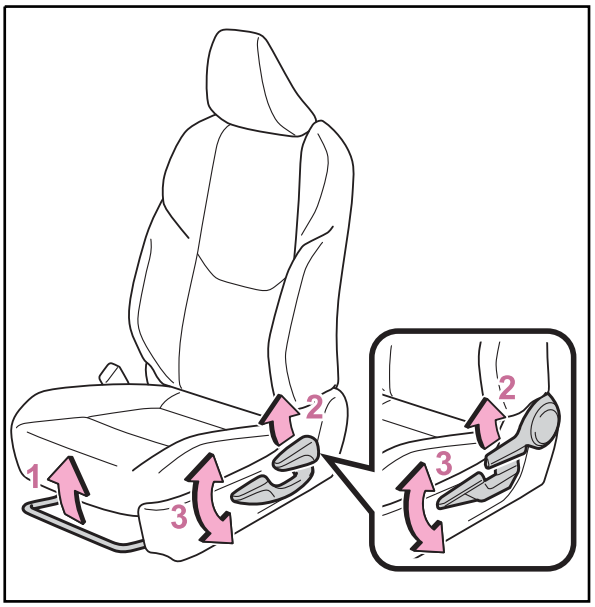
Hãy hỏi ý kiến Đại lý Toyota để biết thêm những thông tin chi tiết về việc vô hiệu hóa chức năng vào xe.

Ghế trước

Có thể điều chỉnh các ghế (theo phương nằm ngang, thẳng đứng,...). Điều chỉnh ghế để đảm bảo tư thế lái xe đúng.

Quy trình điều chỉnh

▶ Ghế thường (kiểu ghế rời)

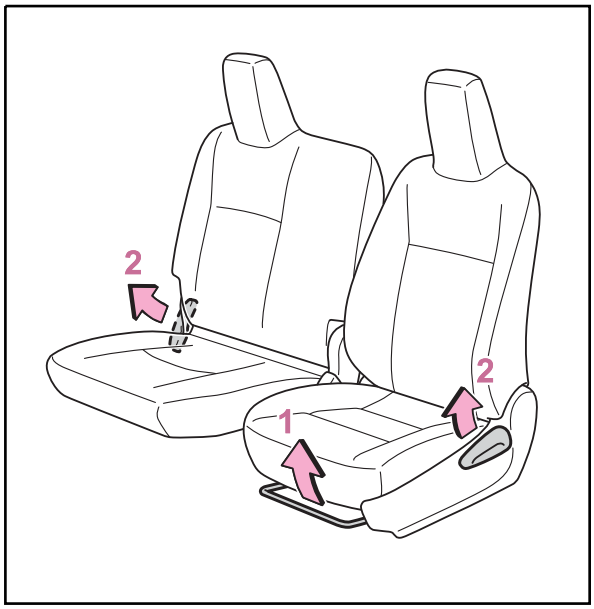


1 Cần điều chỉnh vị trí ghế

2 Cần điều chỉnh ngả lưng ghế

3 Cần điều chỉnh độ cao của ghế (nếu có) (chỉ cho ghế người lái)

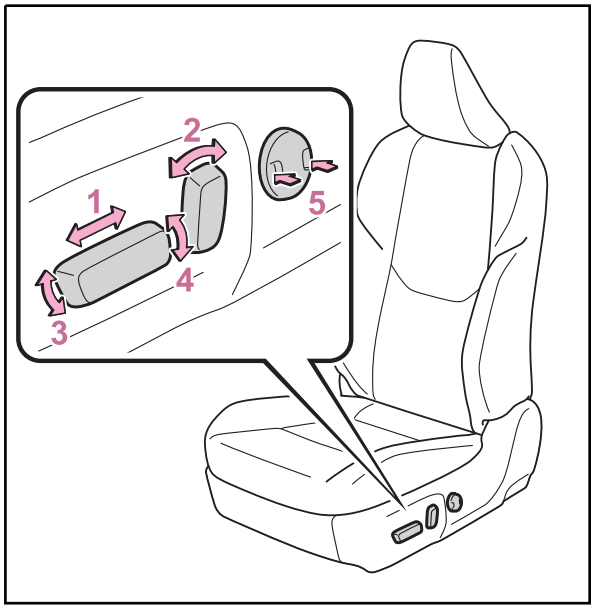
▶ Ghế thường điều khiển thủ công (kiểu ghế liền)



1 Cần điều chỉnh vị trí ghế (chỉ cho ghế của người lái)

2 Cần điều chỉnh ngả lưng ghế

▶ Ghế điều khiển điện (chỉ cho ghế người lái)



1 Công tắc điều chỉnh vị trí của ghế

2 Công tắc điều chỉnh ngả lưng ghế

3 Công tắc điều chỉnh góc

nghiêng của nệm ghế (trước)

4 Công tắc điều chỉnh chiều cao ghế

5 Công tắc điều chỉnh đỡ ngang lưng ghế

n **Khi điều chỉnh ghế**

l Chắc chắn rằng không có bất kỳ hành khách hoặc vật thể xung quanh nào tiếp xúc với ghế.

l Hãy thận trọng khi điều chỉnh ghế để tựa đầu không chạm vào trần xe.

CẢNH BÁO

n **Khi điều chỉnh vị trí ghế**

l Hãy cẩn thận khi điều chỉnh vị trí ghế để đảm bảo không gây chấn thương cho các hành khách khác trong khi dịch chuyển ghế.

l Không để tay dưới ghế hoặc gần các chi tiết chuyển động để tránh bị chấn thương.
Do ngón tay hoặc bàn tay có thể sẽ bị kẹp bởi hệ thống cơ khí của ghế.

l Hãy đảm bảo để đủ khoảng trống xung quanh chân sao cho chân không bị kẹt.

n **Điều chỉnh ghế**

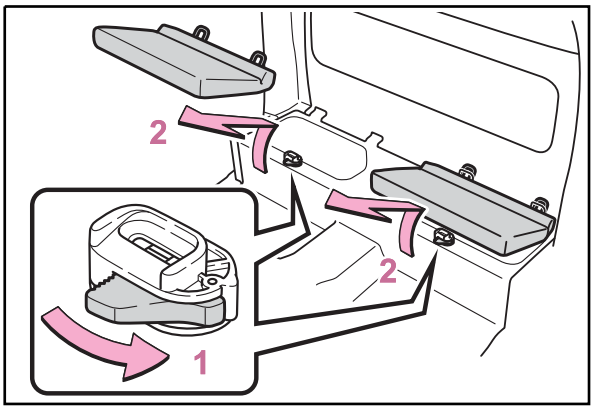
l Để tránh cho cơ thể khỏi bị trượt dưới đai hông trong khi va chạm, không ngả lưng ghế quá nhiều.
Nếu ngả ghế quá nhiều, trong khi bị va chạm, đai an toàn có thể sẽ trượt qua hông và tác dụng lực trực tiếp lên bụng của bạn hoặc đai vai có thể sẽ thít vào cổ của bạn làm tăng khả năng bị chấn thương nghiêm trọng hoặc bị tử vong.
Không nên điều chỉnh ghế trong khi lái xe, nếu không ghế có thể sẽ bị dịch chuyển bất ngờ và gây mất lái.

l Chỉ áp dụng với ghế thường: Sau khi điều chỉnh ghế, hãy đảm bảo rằng ghế đã được khóa chắc chắn tại vị trí đó.

Các ghế sau*

*: Nếu có

Tháo các nệm ghế sau (nếu có) (cho xe cabin kiểu gọn)



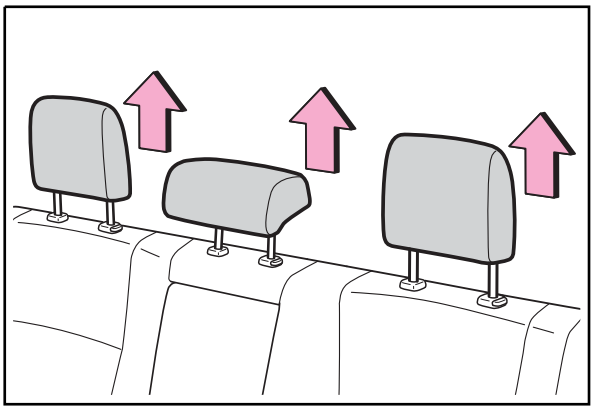
1 Mở khóa cần nhả khóa.

2 Kéo nệm ghế lên và sau đó kéo về phía trước xe.

Có thể tháo rời các nệm ghế ra.

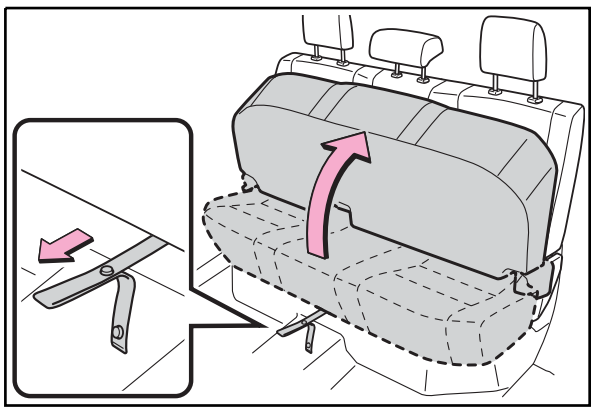
Nâng nệm ghế dưới lên (kiểu xe có cabin kép với ghế sau kiểu liền)

1 Kéo tựa đầu lên.



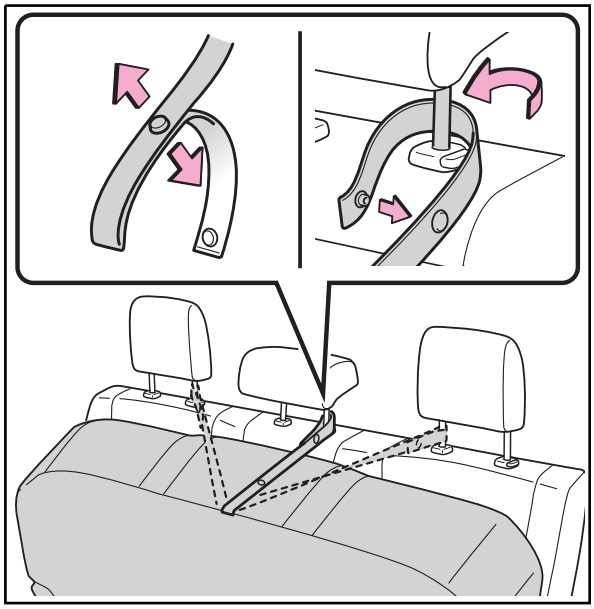
2 Kéo vào dây buộc và nâng nệm ghế lên.

Chốt ở phía dưới nệm ghế sẽ nhả ra, cho phép ghế tự nâng lên được.



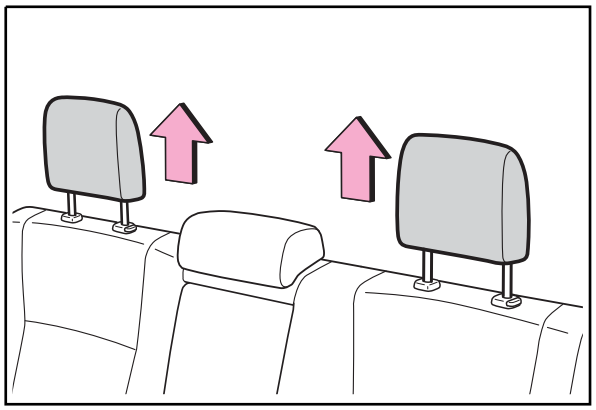
3 Gắn đai buộc vào tựa đầu.

Xe không có tựa đầu trên ghế sau ở giữa: Móc đai buộc vào tựa đầu trên ghế ngoài phía sau.



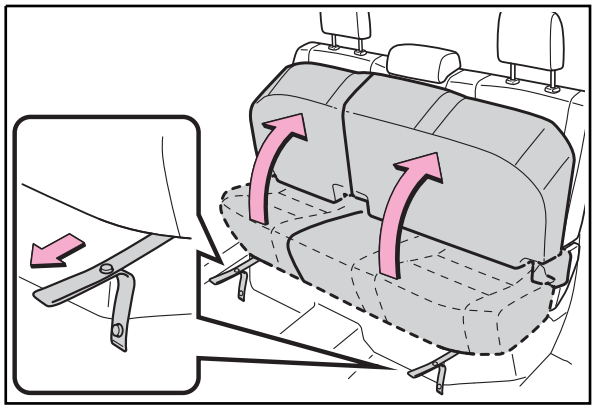
Nâng nệm ghế dưới lên (kiểu xe có cabin kép với ghế sau kiểu rời)

1 Kéo tựa đầu lên.

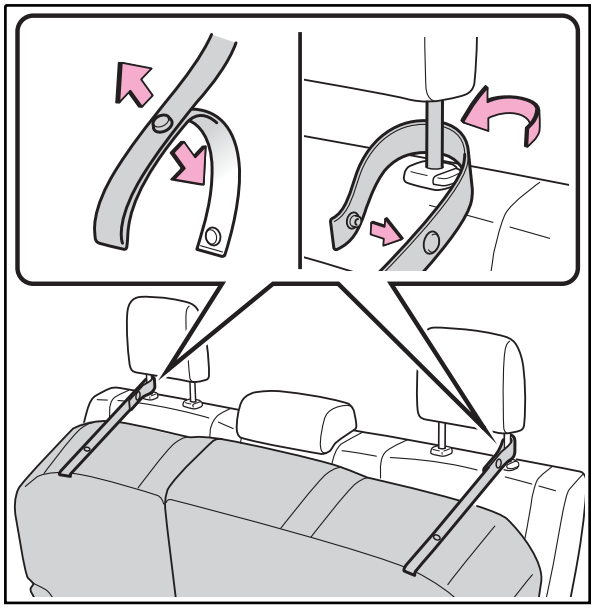


2 Kéo đai nhả khóa nệm ghế và nâng các nệm ghế lên.

Chốt ở phía dưới nệm ghế sẽ nhả ra, cho phép ghế tự nâng lên được.



3 Gắn các đai buộc vào tựa đầu.



CẢNH BÁO

n **Khi tháo các nệm ghế sau hoặc nâng nệm phía dưới lên**

Hãy tuân theo các lưu ý sau. Nếu không có thể dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

l Không được điều chỉnh nệm ghế sau hoặc nệm phía dưới khi xe đang chuyển động.

l Dừng xe trên bề mặt cứng bằng phẳng, gài chắc phanh đỗ và chuyển cần số đến P (hộp số tự động) hoặc N (hộp số thường).

n **Khi tháo các nệm ghế sau**

l Cẩn thận không để nệm ghế tháo ra va vào người khác hoặc rơi vào bạn.

n **Khi lắp lại các nệm ghế sau hoặc trả nệm dưới về vị trí ban đầu của chúng**

l Hãy cẩn thận không để tay hoặc chân bạn bị kẹp vào ghế.

l Chắc chắn không có vật cản nào ở dưới ghế mà làm ngăn cản việc khóa ghế đúng vị trí.

- Hãy đảm bảo rằng các nệm ghế sau và nệm dưới đã được khóa chắn chắn bằng cách đẩy vai ghế về phía trước và phía sau.
- Kiểm tra rằng các đai an toàn không bị xoắn hay bị mắc kẹt ở nệm ghế.

Tựa đầu

Tựa đầu được trang bị cho ghế người lái, ghế hành khách phía trước, các ghế phía ngoài hàng ghế sau và ghế giữa hàng ghế sau (nếu có).

CẢNH BÁO

n **Các lưu ý với tựa đầu**

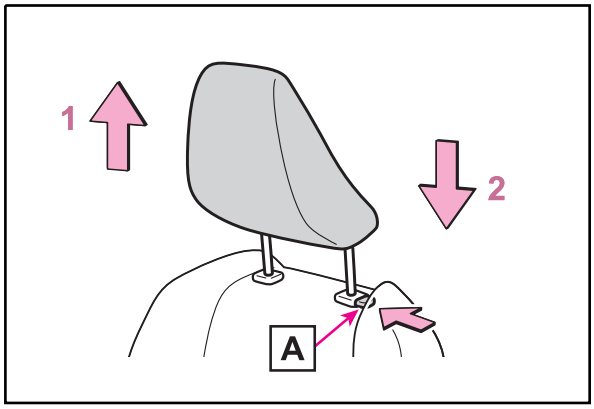
Hãy tuân theo những lưu ý sau liên quan đến tựa đầu.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Sử dụng tựa đầu được thiết kế phù hợp với loại ghế tương ứng.
- Luôn luôn điều chỉnh tựa đầu tới vị trí phù hợp.
- Sau khi điều chỉnh các tựa đầu, hãy ấn tựa đầu xuống để đảm bảo rằng tựa đầu đã được khóa tại vị trí đó.
- Không được lái xe với tựa đầu đã bị tháo ra.

Điều chỉnh chiều cao tựa đầu

n **Ghế trước**

▶ Kiểu điều chỉnh được



1 Nâng lên

Kéo tựa đầu lên.

2 Hạ xuống

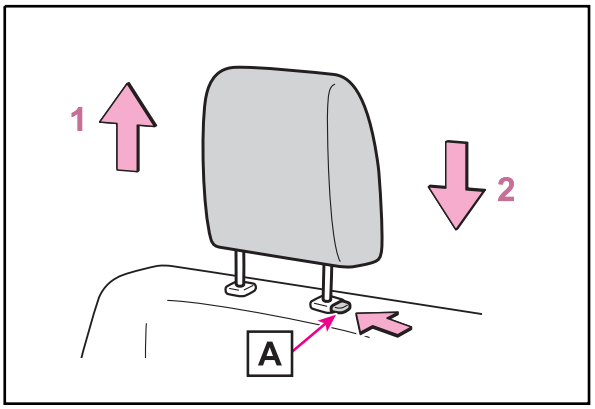
Hãy ấn tựa đầu xuống trong khi ấn vào nút nhả khóa tựa đầu A.

▶ Kiểu tích hợp

Tựa đầu không thể điều chỉnh và tháo ra được.

n Các ghế sau (nếu có)

▶ Kiểu điều chỉnh được



1 Nâng lên

Kéo tựa đầu lên.

2 Hạ xuống

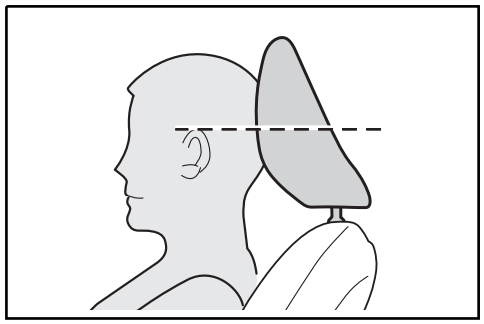
Hãy ấn tựa đầu xuống trong khi ấn vào nút nhả khóa tựa đầu A.

▶ Kiểu tích hợp

Tựa đầu không thể điều chỉnh và tháo ra được.

n Điều chỉnh chiều cao của tựa đầu

Hãy đảm bảo rằng tựa đầu được điều chỉnh sao cho tâm của tựa đầu nằm gần đỉnh tai của bạn nhất.

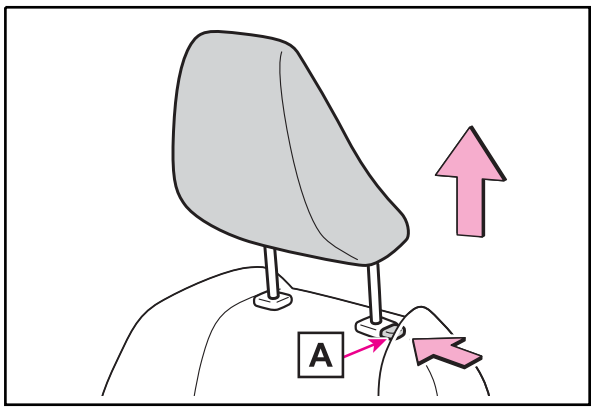


n Điều chỉnh tựa đầu của ghế giữa hàng ghế sau (nếu có)

Khi sử dụng, hãy nâng tựa đầu lên một nấc từ vị trí xếp gọn.

Tháo các tựa đầu

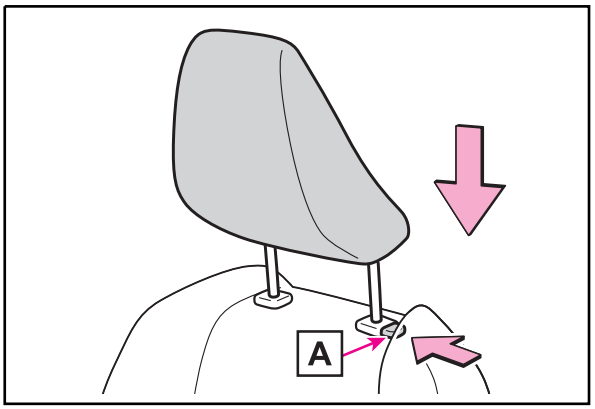
Hãy kéo tựa đầu lên trong khi ấn vào nút nhả khóa tựa đầu A.



Lắp tựa đầu

Gióng thẳng tựa đầu với lỗ lắp tựa đầu và ấn nó xuống tới vị trí khóa.

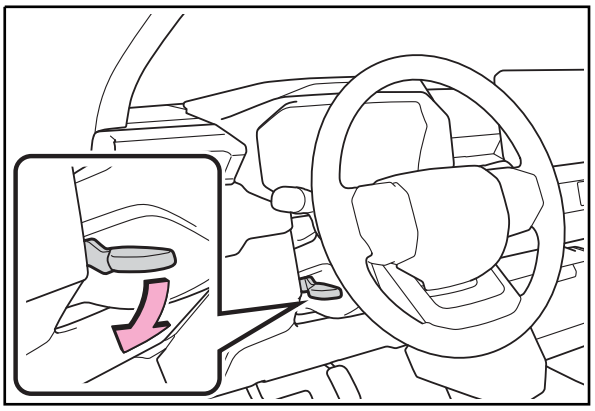
Hãy ấn và giữ nút nhả khóa A khi hạ thấp tựa đầu xuống.


A

Vô lăng

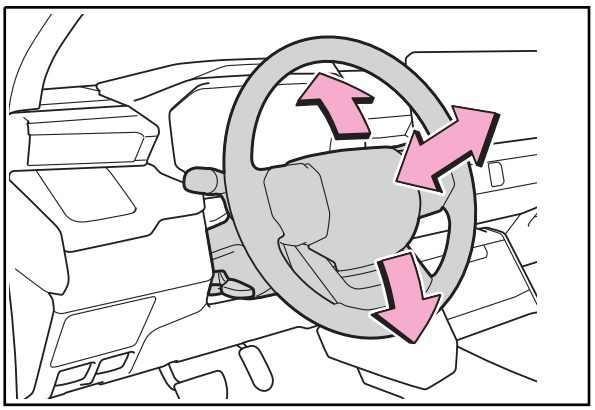
Quy trình điều chỉnh

1 Hãy giữ vô lăng và đẩy lẫy điều chỉnh vô lăng xuống.



2 Hãy điều chỉnh vô lăng đến vị trí mong muốn bằng cách dịch chuyển vô lăng theo phương nằm ngang và thẳng đứng.

Sau khi điều chỉnh, hãy kéo lẫy điều chỉnh lên để cố định vô lăng.



CẢNH BÁO

n **Chú ý khi lái xe**

Không điều chỉnh vô lăng khi đang lái xe.

Nếu không, có thể sẽ làm mất lái và gây ra tai nạn dẫn tới tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

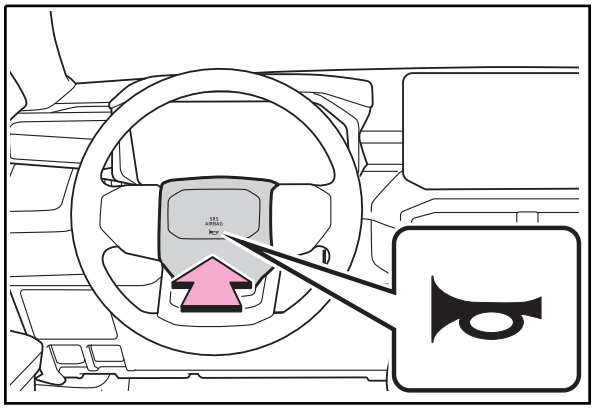
n **Sau khi điều chỉnh vô lăng**

Hãy đảm bảo rằng vô lăng đã được khóa chắc chắn.

Nếu không, vô lăng có thể sẽ bị dịch chuyển bất ngờ và gây ra tai nạn, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong. Đồng thời, còi xe có thể sẽ không kêu nếu vô lăng chưa được khóa chắc.

Còi

Để bấm còi, hãy ấn vào hoặc gần biểu tượng .



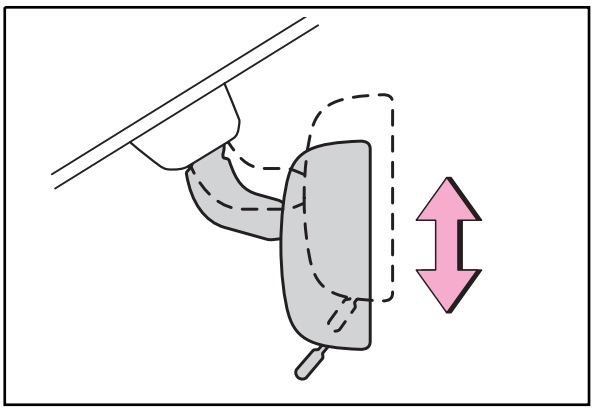
Gương chiếu hậu bên trong xe

Có thể điều chỉnh vị trí của gương chiếu hậu để đảm bảo khả năng quan sát phía sau xe.

Điều chỉnh chiều cao của gương chiếu hậu

Có thể điều chỉnh chiều cao của gương chiếu hậu để phù hợp với tư thế lái xe.

Điều chỉnh chiều cao của gương chiếu hậu bằng cách dịch chuyển gương lên và xuống.



CẢNH BÁO

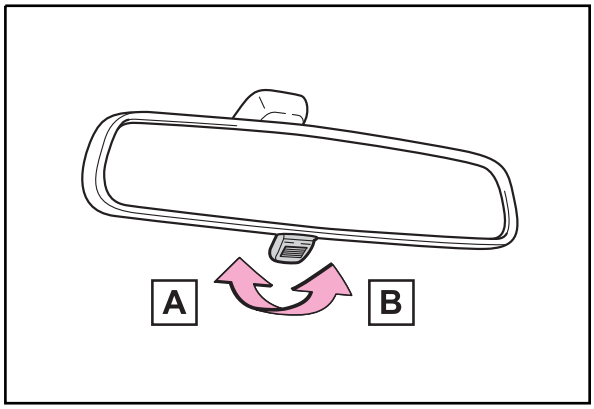
n **Chú ý khi lái xe**

Không điều chỉnh vị trí của gương trong khi lái xe.
Nếu không có thể dẫn đến mất lái và gây ra tai nạn dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

Chức năng chống chói

▶ Gương chiếu hậu bên trong chống chói kiểu thường

Bạn có thể giảm độ chói do ánh sáng phản chiếu từ đèn pha của xe phía sau bằng cách điều chỉnh lẫy như sau.



A Vị trí bình thường

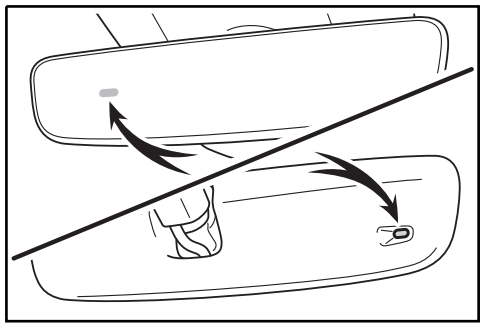
B Vị trí chống chói

▶ Gương chiếu hậu bên trong chống chói kiểu tự động

Tùy vào độ sáng đèn pha của xe chạy sau, ánh sáng phản xạ qua gương sẽ tự động được giảm đi.

n **Để tránh bị lỗi cảm biến (xe có gương chiếu hậu bên trong chống chói kiểu tự động)**

Để đảm bảo cho các cảm biến hoạt động chính xác, không chạm vào hoặc che phủ các cảm biến.



Gương chiếu hậu bên ngoài xe

Có thể điều chỉnh vị trí của gương chiếu hậu để đảm bảo khả năng quan sát phía sau xe.

n Khi sử dụng gương chiếu hậu bên ngoài xe trong thời tiết lạnh

Khi trời lạnh và gương chiếu hậu bên ngoài bị đóng băng, có thể sẽ không gập/mở gương hoặc điều chỉnh mặt gương được.

Loại bỏ đá, tuyết, v.v. đang che phủ các gương chiếu hậu bên ngoài.

⚠ CẢNH BÁO

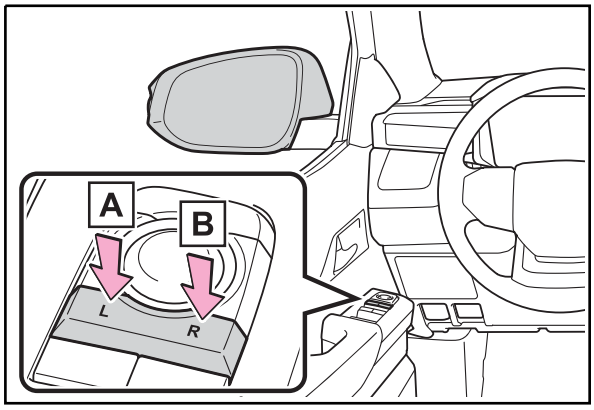
n Các điểm cần lưu ý khi lái xe

Hãy tuân thủ theo những chú ý sau khi lái xe.
Nếu không có thể sẽ dẫn đến mất lái, gây ra tai nạn dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Không điều chỉnh các gương trong khi lái xe.
- Không lái xe với các gương đã gập lại.
- Cả gương chiếu hậu phía người lái và phía hành khách phải được mở ra và điều chỉnh chính xác trước khi lái xe.

Quy trình điều chỉnh

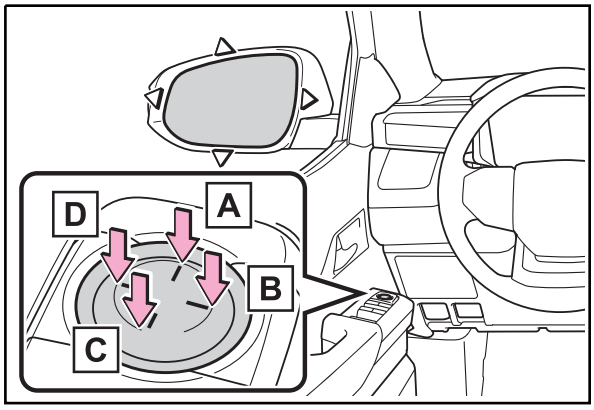
1 Để chọn gương cần điều chỉnh, hãy ấn công tắc chọn gương.



A Sang trái

B Sang phải

2 Để điều chỉnh gương, hãy ấn công tắc.



A Nâng lên

B Sang phải

C Hạ xuống

D Sang trái

n Có thể điều chỉnh góc nghiêng của gương khi

Công tắc động cơ ở ACC hoặc ON.

n Sấy gương (nếu có)

Bạn có thể sử dụng bộ sấy gương để

làm trong gương chiếu hậu bên ngoài. Hãy bật bộ sấy kính cửa hậu để bật bộ sấy gương chiếu hậu bên ngoài. (→P.419)

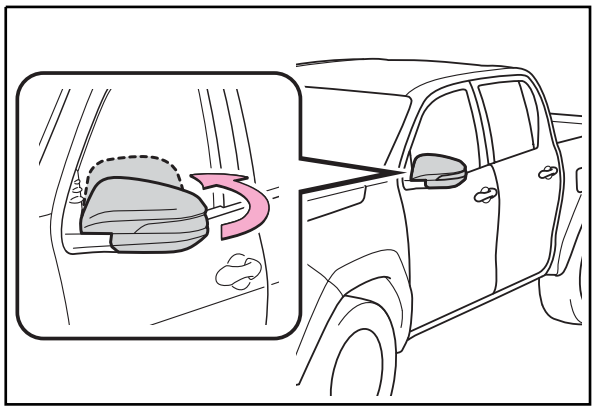
CẢNH BÁO

n **Khi bộ sấy gương đang hoạt động (nếu có)**

Không chạm vào bề mặt gương chiếu hậu, bởi gương có thể đang rất nóng và có thể làm bạn bị bỏng.

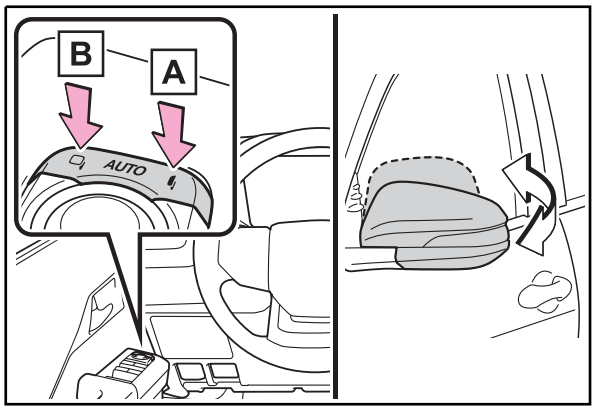
Gập và mở gương chiếu hậu

▶ Kiểu gương gập bằng tay



Hãy đẩy gương về phía sau xe.

▶ Kiểu gương gập điện



A Gập gương

B Kéo dài gương

Khi để công tắc gập gương chiếu hậu bên ngoài ở vị trí trung gian sẽ đặt gương ở chế độ tự động. Chế độ tự động cho phép liên kết hoạt động gập gương hoặc mở gương với thao tác khóa/mở khóa cửa xe.

n **Khi ngắt kết nối và nối lại các điện cực của ắc quy (xe có chế độ tự động)**

Chức năng gập/mở gương tự động sẽ trở về vị trí tắt như mặc định. Để bật chức năng, hãy ấn công tắc một lần nữa.

n **Tùy chọn (xe có chế độ tự động)**

Có thể thay đổi chức năng gập và mở gương tự động. (Tính năng tùy chọn cá nhân: →P.609)

CẢNH BÁO

n **Khi gương đang dịch chuyển**

Để tránh bị thương hoặc làm hỏng gương, hãy cẩn thận để không bị kẹp tay khi gương đang dịch chuyển.

Chức năng tự động chỉnh gương khi lùi xe (nếu có)

Nếu lựa chọn một trong hai phía "L" hoặc "R" của công tắc chọn gương, các gương chiếu hậu bên ngoài sẽ tự động chúi xuống khi lùi xe để giúp nhìn xuống mặt đất tốt hơn.

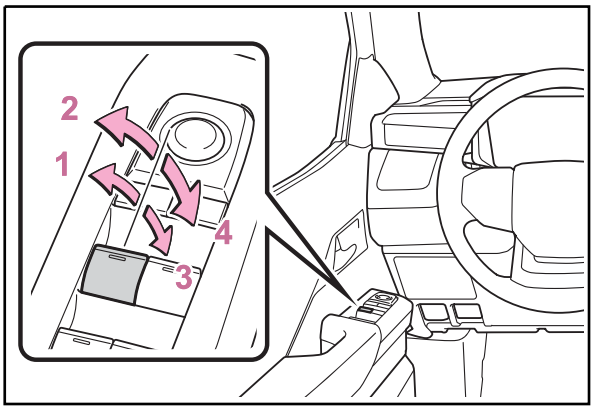
Để hủy chức năng gương, không chọn cả "L" và "R".

Cửa sổ điện

Mở và đóng các cửa sổ điện

Có thể mở và đóng cửa sổ điện bằng cách dùng các công tắc điều khiển.

Cửa sổ sẽ dịch chuyển khi ấn/kéo công tắc điều khiển như sau:



1 Đóng

2 Lên kính tự động*

3 Mở

4 Xuống kính tự động*

*: Để cửa sổ dừng lưng chừng, hãy ấn/kéo công tắc theo hướng ngược lại.

---

n **Các cửa sổ điện có thể hoạt động khi**

Công tắc động cơ ở ON.

n **Điều khiển các cửa sổ điện sau khi tắt động cơ**

Bạn có thể điều khiển các cửa sổ điện trong thời gian khoảng 45 giây sau khi chuyển công tắc động cơ đến ACC hoặc tắt. Tuy nhiên, bạn sẽ không thể điều khiển được cửa sổ điện nếu đã mở một trong hai cửa trước.

n **Chức năng chống kẹt khi lên kính**

Nếu có vật bị kẹt giữa kính cửa sổ và khung cửa sổ trong khi cửa sổ đang đóng lại, cửa sổ sẽ ngừng di chuyển và cửa sổ sẽ hơi mở ra.

n **Chức năng chống kẹt khi xuống kính**

Nếu có vật bị kẹt giữa cửa và cửa sổ trong khi cửa sổ đang mở ra, cửa sổ sẽ ngừng di chuyển.

n **Khi không thể mở hoặc đóng cửa sổ**

Khi chức năng chống kẹt khi lên kính và chống kẹt khi xuống kính hoạt động bất thường và cửa sổ không thể mở ra hoặc đóng lại được, hãy thực hiện các thao tác sau bằng các công tắc cửa sổ điều khiển điện trên cửa đó.

- Dừng xe. Với công tắc động cơ đang ở ON, trong vòng 4 giây sau khi chức năng chống kẹt hoặc chức năng bảo vệ theo kích hoạt, liên tục vận hành công tắc cửa sổ điện theo hướng đóng tự động hoặc hướng mở tự động để cửa sổ có thể mở và đóng lại.
- Nếu cửa sổ không thể mở ra và đóng lại ngay cả khi đã thực hiện các thao tác kể trên, hãy tiến hành quy trình sau để khởi tạo cho chức năng này.

1 Bật công tắc động cơ tới vị trí ON.

2 Kéo và giữ công tắc cửa sổ điều khiển điện ở vị trí lên kính tự động và đóng hẳn cửa sổ điện lại.

3 Nhả công tắc cửa sổ điều khiển điện trong giây lát, sau đó tiếp tục kéo công tắc cửa sổ điều khiển điện ở vị trí lên kính tự động và giữ ở vị trí đó trong khoảng 6 giây trở lên.

4 Ấn và giữ công tắc cửa sổ điều khiển điện ở vị trí xuống kính tự động. Sau khi cửa sổ mở ra hoàn toàn, tiếp tục giữ công tắc ở vị trí này trong khoảng 1 giây trở lên.

5 Nhả công tắc cửa sổ điều khiển điện trong giây lát, sau đó tiếp tục

ấn công tắc cửa sổ điều khiển điện ở vị trí xuống kính tự động và giữ ở vị trí đó trong khoảng 4 giây trở lên.

6 Kéo và giữ công tắc cửa sổ điều khiển điện ở vị trí lên kính tự động một lần nữa. Sau khi cửa sổ đã đóng hẳn lại, hãy tiếp tục giữ công tắc ở vị trí này trong khoảng 1 giây trở lên.

Nếu bạn nhả công tắc trong khi kính cửa đang dịch chuyển, hãy bắt đầu lại từ đầu.
Nếu cửa sổ dịch chuyển ngược lại và không thể đóng chặt hoặc mở hết cỡ được, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

n Hoạt động cửa sổ điện liên kết với khóa cửa

- Có thể mở và đóng cửa sổ điện bằng chìa khóa (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc chìa khóa cơ (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh).* (→P.137, 571)
- Có thể mở và đóng cửa sổ điện bằng điều khiển từ xa.* (→P.136)
- Các xe có hệ thống báo động: Hệ thống báo động có thể được kích hoạt nếu đã cài đặt và kính cửa sổ được đóng lại bởi chức năng khóa cửa liên kết với chức năng hoạt động cửa sổ điện. (→P.80)

*: Chỉ có thể thực hiện được những chức năng tùy chọn này tại đại lý Toyota.

n Chuông cảnh báo mở cửa sổ điện

Chuông kêu và thông điệp cảnh báo được hiển thị trên màn hình đa thông tin khi công tắc động cơ được tắt OFF và cửa của người lái được mở cùng với các cửa sổ điện mở.

n Tùy chọn

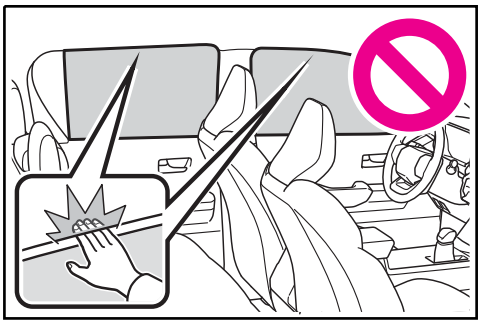
Một vài chức năng có thể đặt tuỳ chọn cá nhân được. (Tính năng tùy chọn cá nhân: →P.609)

⚠ CẢNH BÁO

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n Đóng các cửa sổ

- Người lái chịu trách nhiệm điều khiển các cửa sổ điện, bao gồm cả ở phía cửa hành khách. Để tránh vô tình điều khiển cửa sổ điện, đặc biệt là do trẻ em, không được để trẻ em điều khiển các cửa sổ điện. Do trẻ và các hành khách khác có thể bị cửa sổ điện kẹp vào các bộ phận trên cơ thể. Ngoài ra, khi có trẻ em trên xe, chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng công tắc khóa cửa sổ. (→P.164)
- Hãy kiểm tra để đảm bảo rằng tất cả hành khách trên xe không bị kẹp bất cứ phần nào của cơ thể khi điều khiển cửa sổ.



- Khi sử dụng điều khiển từ xa, chìa khóa hoặc chìa khóa cơ và điều khiển các cửa sổ điện, hãy điều khiển cửa sổ điện sau khi kiểm tra để đảm bảo các hành khách không bị kẹp bởi cửa sổ bên. Ngoài ra, cũng không để trẻ nhỏ điều khiển cửa sổ bằng điều khiển từ xa, chìa khóa hoặc chìa khóa cơ. Nếu không, có thể làm cho trẻ hoặc các hành khách khác bị cửa sổ điện kẹp phải.

l Khi ra khỏi xe, hãy tắt công tắc động cơ, mang theo chìa và ra khỏi xe cùng với trẻ em. Nếu để trẻ ở trong xe, trẻ có thể vô tình kích hoạt một số chức năng, có thể dẫn đến tai nạn.

⚠ CẢNH BÁO

n **Chức năng chống kẹt khi lên kính**

l Không bao giờ sử dụng bất kỳ phần nào của cơ thể bạn để kích hoạt chức năng chống kẹt.

l Chức năng chống kẹt khi lên kính có thể không hoạt động nếu có vật bị kẹt trước khi cửa sổ đóng lại hoàn toàn. Hãy cẩn thận để không làm bất kỳ bộ phận nào của cơ thể bạn bị kẹp bởi cửa sổ.

n **Chức năng chống kẹt khi xuống kính**

l Không bao giờ sử dụng bất kỳ phần nào của cơ thể hoặc quần áo để kích hoạt chức năng chống kẹt.

l Chức năng chống kẹt có thể sẽ không làm việc nếu có vật bị kẹt trước khi kính cửa được mở ra hoàn toàn. Hãy cẩn thận để tránh bị kẹp quần áo hoặc cơ thể vào cửa sổ.

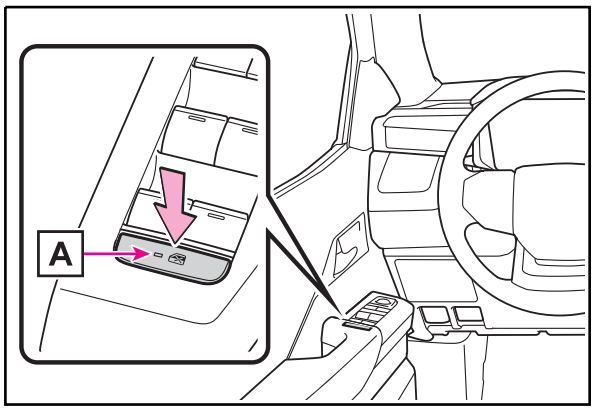
Tránh hoạt động bất ngờ (Công tắc khóa cửa sổ)

Có thể sử dụng chức năng này để ngăn trẻ em vô tình đóng hoặc mở cửa sổ phía hành khách.

Hãy ấn công tắc này.

Đèn chỉ báo A sẽ sáng lên và các cửa sổ của hành khách sẽ bị khóa lại.

Các cửa sổ phía hành khách vẫn tiếp tục mở và đóng bằng các công tắc cửa sổ điều khiển điện bên phía người lái ngay cả khi công tắc khóa đang bật.



n **Có thể sử dụng công tắc khóa cửa sổ khi**

Công tắc động cơ ở ON.

n **Khi ngắt ắc quy**

Công tắc khóa cửa sổ sẽ bị vô hiệu hóa. Nếu cần thiết, hãy ấn công tắc khóa cửa sổ sau khi nối lại ắc quy.

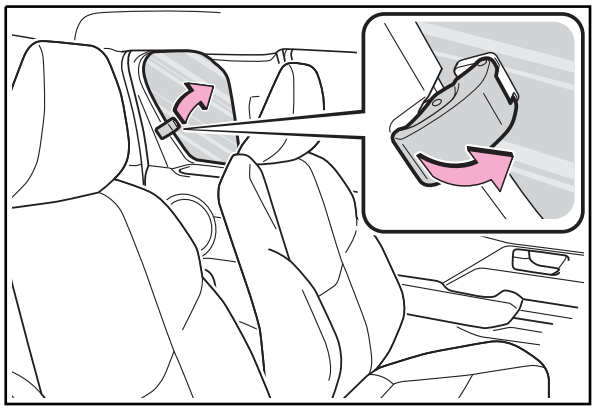
Cửa kính tai xe sau (chỉ với xe có cabin thông minh)

Quy trình mở và đóng cửa sổ điện

Các kính tai xe sau có thể mở và đóng bằng lẫy cài.

Để mở các kính tai xe sau, hãy kéo chốt về phía bạn và xoay nó ra hết cỡ.

Để đóng các kính tai xe sau, thực hiện ngược lại với quy trình mở.



n **Đóng các kính tai xe sau**

Hãy đảm bảo rằng các kính tai xe sau đã được đóng chắc chắn.

CẢNH BÁO

n **Mở hoặc đóng các kính tai xe sau**

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Hãy kiểm tra để đảm bảo rằng tất cả hành khách trên xe không bị kẹp bất cứ phần nào của cơ thể khi điều khiển cửa sổ.
- Không để trẻ nhỏ vận hành các kính tai xe sau.
  Đóng kính tai xe sau kẹp vào người có thể sẽ gây nên chấn thương nghiêm trọng, và trong một vài trường hợp thậm chí gây tử vong.

Kính cửa hậu (kiểu trượt)*

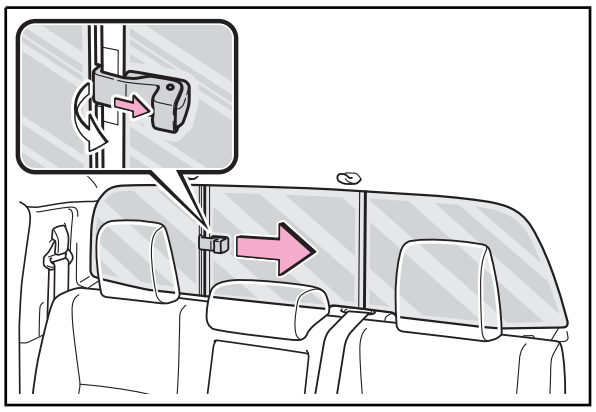
*: Nếu có

Quy trình mở và đóng cửa sổ điện

Kính cửa hậu có thể mở và đóng bằng lẫy cần nhả khóa.

Để mở kính cửa hậu, hãy ấn vào cần nhả khóa và trượt kính cửa hậu ra.

Để đóng cửa hậu, thực hiện ngược lại với quy trình mở.



n **Đóng kính cửa hậu**

Hãy đảm bảo rằng kính cửa hậu đã được khóa chặt sau khi đóng.

CẢNH BÁO

n **Mở hoặc đóng các cửa hậu**

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Kiểm tra để đảm bảo rằng không có hành khách nào để bất kỳ bộ phận nào ở vị trí có thể bị kẹt khi vận hành cửa sổ.
- Không để trẻ nhỏ vận hành kính cửa hậu.
  Nếu kính cửa hậu đóng vào người có thể sẽ gây nên chấn thương nghiêm trọng, và trong một vài trường hợp thậm chí gây tử vong.

Các cài đặt của tôi*

*: Nếu có

Bằng cách nhận diện một cá nhân thông qua một thiết bị, chẳng hạn như chìa khóa không dây, có thể gọi lại cài đặt xe đã lưu lại cho người lái xe đó khi vào trong xe.

Bằng cách gán thiết bị xác thực cho người lái, người lái xe có thể vào xe với các cài đặt ưa thích của họ.

Có thể lưu được các cài đặt cho 3 người lái trong My Setting (Các cài đặt của tôi).

Các kiểu thiết bị xác thực có thể gán

Có thể xác thực được một cá nhân bằng các thiết bị xác thực sau đây.

- Chìa khóa điện tử*

Có thể xác thực được một cá nhân khi hệ thống mở khóa và khởi động thông minh đang phát hiện chìa khóa điện tử của người đó. (→P.146)

- Chìa khóa điều khiển từ xa*

Một cá nhân được nhận diện khi hệ thống khóa cửa không dây phát hiện chìa khóa không dây của họ.

- Thiết bị Bluetooth®*

Có thể nhận diện một cá nhân nếu kết nối một thiết bị Bluetooth® đồng thời được sử dụng làm điện thoại rảnh tay lần cuối cùng khi vào xe với hệ thống đa phương tiện của xe.

Nếu một cá nhân được nhận diện bằng chìa khóa điện tử hoặc chìa khóa không dây, thì sẽ không thực hiện nhận diện bằng thiết bị Bluetooth®.

Bluetooth® là một thương hiệu đã được đăng ký của Bluetooth SIG. Inc.

*: Nếu có

Các chức năng gọi lại

Khi cá nhân được xác thực từ thiết bị xác thực, các cài đặt cho các chức năng sau đây sẽ được gọi lại.

- Màn hình đồng hồ*2

Khi một cá nhân đã được xác thực, các cài đặt màn hình được sử dụng tại thời điểm tắt công tắc động cơ lần gần nhất sẽ được gọi lại.

- Chức năng hỗ trợ lái xe an toàn*1, 2

Khi một cá nhân đã được xác thực, các cài đặt màn hình được sử dụng tại thời điểm công tắc động cơ được tắt ở lần gần nhất sẽ được gọi lại.

- Các cài đặt xe có thể được cài đặt trên màn hình đa thông tin*2

Khi một cá nhân đã được xác thực, các cài đặt màn hình được sử dụng tại thời điểm công tắc động cơ được tắt ở lần gần nhất sẽ được gọi lại.

*1: Nếu có

*2: Một số cài đặt không thực hiện được

Đăng ký/xóa thông tin gán cho chìa khoá điện tử/chìa khoá không dây (xe có màn hình đa thông tin)

Các thông tin gán cho chìa khóa điện tử/chìa khóa không dây được đăng ký hoặc xóa trên màn hình đa thông tin.

Để biết thêm thông tin chi tiết về màn hình hiển thị đa thông tin, hãy tham khảo P.106, 116.

n Đăng ký gán chìa khóa điện tử/chìa khóa không dây (có thể đăng ký từ màn hình "Đã phát hiện khóa mới")

1 Đảm bảo rằng chìa khóa điện tử/chìa khóa không dây để gán và đăng ký là chìa khóa điện tử/chìa khóa không dây duy nhất bên trong xe, sau đó bật công tắc động cơ sang ON.

2 Màn hình "Đã phát hiện khóa mới" được hiển thị trên màn hình đa thông tin. Chọn "Có" và sau đó ấn OK.

Nếu chìa khóa điện tử/chìa khóa không dây đã được chỉ định và đăng ký, thì màn hình "Đã phát hiện khóa mới" sẽ không được hiển thị.

Việc chọn "Do Not Show Again" sẽ ngăn màn hình "New Key Detected" xuất hiện lại. Có thể đăng ký gán chìa khóa điện tử/chìa khóa không dây trên ⚙ của màn hình đa thông tin.

3 Chọn người lái hoặc "(blank)" để đăng ký, và sau đó ấn nút OK.

4 Nếu đã chọn "(blank) ở bước 3, hãy nhập tên của người lái và sau đó ấn nút OK.

Hãy nhập thông tin này bằng cách sử dụng các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô.

Khi đã đăng ký thành công, một thông báo "Key Sync Added" sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

n Đăng ký gán một chìa khóa điện tử/chìa khóa không dây (đăng ký từ màn hình ⚙ của màn hình đa thông tin)

Đăng ký và gán chìa khóa điện tử/chìa khóa không dây cho người lái xe hiện tại.

1 Chọn "My Settings" từ "🚗⚙ Cài đặt xe" trên ⚙ của màn hình đa thông tin.

2 Chọn "Cài đặt" và sau đó ấn OK.

3 Chọn "Key Sync" và sau đó ấn OK.

4 Chọn "Key Addition" và sau đó ấn OK.

5 Đảm bảo rằng chìa khóa điện tử/chìa khóa không dây để gán và đăng ký là chìa khóa điện tử/chìa khóa không dây duy nhất bên trong xe, sau đó

chọn “Phát hiện Khóa Kh.động” và ấn nút OK.

Khi đã đăng ký thành công, một thông báo “Key Sync Added” sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

n **Xóa chìa khóa điện tử/chìa khóa không dây đã gán**

Tất cả các chìa khóa điện tử/chìa khóa không dây đã đăng ký và gán cho người lái xe hiện tại đã bị xóa.

1 Chọn "My Settings" từ " Cài đặt xe" trên của màn hình đa thông tin.

2 Chọn “Cài đặt” và sau đó ấn OK.

3 Chọn “Thay đổi đồng bộ khóa” và sau đó ấn OK.

4 Chọn “Xóa Khóa" và sau đó ấn OK.

5 Chọn “Có” và sau đó ấn OK.

Khi đã xóa thành công, một thông báo “Đã xóa đồng bộ khóa” sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

---

n **Đăng ký chìa khóa điện tử/chìa khóa không dây cho xe**

- Có thể đăng ký và gán một chìa khóa điện tử/khóa không dây riêng chỉ cho một người lái.
- Không thể phát hiện được chìa khóa điện tử/chìa khóa không dây nếu chìa khóa không ở bên trong xe, hoặc có nhiều chìa khóa điện tử/chìa khóa không dây bên trong xe. Khi đăng ký, chắc chắn rằng chỉ có một chìa khóa điện tử/chìa khóa không dây ở bên trong xe.
- Khi xóa đăng ký, tất cả các chìa khóa điện tử/chìa khóa không dây đã đăng ký đều bị xóa. Không thể xóa riêng được chỉ một đăng ký độc lập.

Thay đổi tên người lái (xe với màn hình đa thông tin)

Có thể thay đổi được tên hiển thị người lái trên màn hình đa thông tin.

Để biết thêm thông tin chi tiết về màn hình hiển thị đa thông tin, hãy tham khảo P.106, 116.

1 Chọn "My Settings" từ " Cài đặt xe" trên của màn hình đa thông tin.

2 Chọn “Cài đặt” và sau đó ấn OK.

3 Chọn “Thay đổi tên tài xế” và sau đó ấn OK.

4 Nhập tên của người lái và sau đó ấn nút OK.

Hãy nhập thông tin này bằng cách sử dụng các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô.

Tên đã nhập sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

Khởi tạo các cài đặt đã đăng ký cho người lái (xe có màn hình đa thông tin)

Tất cả các cài đặt đã đăng ký (vị trí lái xe, vv...) cho người lái xe được xóa và trở về chế độ cài đặt mặc định.

Để biết thêm thông tin chi tiết về màn hình hiển thị đa thông tin, hãy tham khảo P.106, 116.

1 Chọn "My Settings" từ " Cài đặt xe" trên ⚙ của màn hình đa thông tin.

2 Chọn “Cài đặt” và sau đó ấn OK.

3 Chọn "Driver Initialisation" “Khởi tạo tài xế” và sau đó ấn OK.

4 Chọn “Có” và sau đó ấn OK.

Khi đã khởi tạo thành công, một thông báo “Đã khởi tạo tài xế” sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

Chuyển đổi người lái bằng thao tác thủ công (xe có màn hình hiển thị đa thông tin)

Khi thay đổi người lái hoặc chìa khóa điện tử/khóa không dây được gán cho một ai đó được mang vào xe, có thể chuyển đổi người lái bằng thao tác thủ công.

Để biết thêm thông tin chi tiết về màn hình hiển thị đa thông tin, hãy tham khảo P.106, 116.

1 Chọn "My Settings" từ " Cài đặt xe" trên ⚙ của màn hình đa thông tin.

2 Chọn “Cài đặt” và sau đó ấn OK.

3 Chọn “Thay đổi tài xế” và sau đó ấn OK.

4 Chọn một người lái mới, và sau đó ấn nút OK.

n Chế độ người dùng “Khách” trong My Settings (Cài đặt Của Tôi)

- Xe được giao không được đăng ký bất kỳ thiết bị xác thực nào. Hệ thống sẽ hoạt động ở chế độ người dùng "Khách" cho đến khi việc đăng ký đã được thực hiện.
- Nếu một cá nhân không nhận diện được bằng thiết bị xác thực, hệ thống sẽ hoạt động ở chế độ người dùng “Khách”.
- Không thể gán và đăng ký chìa khóa điện tử/chìa khóa không dây cho người sử dụng là “Khách”.

n Tùy chọn

Cài đặt (ví dụ: Cài đặt của tôi) có thể được thay đổi. (Tính năng tùy chọn cá nhân: →P.609)

Nếu không tắt được My Settings (Các đặt của tôi), hệ thống sẽ hoạt động ở chế độ người dùng "Khách".

4-1. Trước khi lái xe

Lái xe 173

Hành lý và hàng hóa..... 182

Kéo rơ moóc (xe không có móc kéo) 183

4-2. Hướng dẫn lái xe

Công tắc động cơ (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) .. 184

Công tắc động cơ (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) 186

Hộp số tự động 191

Hộp số thường 194

Công tắc xi nhan 198

Phanh đỗ (loại cần)..... 199

Phanh đỗ (loại công tắc). 200

Chức năng giữ phanh..... 204

4-3. Sử dụng đèn và cần gạt nước

Công tắc đèn pha 207

AHB (Chiếu xa tự động).. 210

Công tắc đèn sương mù.. 213

Cần gạt nước và phun nước rửa kính chắn gió 215

4-4. Nạp nhiên liệu

Mở nắp bình nhiên liệu ... 217

4-5. Sử dụng các hệ thống hỗ trợ lái xe

Hệ thống cảm nhận an toàn Toyota..... 220

PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm)..... 227

LTA (Hỗ trợ bám làn đường) 236

LDA (Hệ thống cảnh báo lệch làn)..... 241

RSA (Hỗ trợ nhận diện biển báo) 246

Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa 248

Điều khiển chạy tự động (xe có hệ thống cảm nhận an toàn Toyota)..... 259

Điều khiển chạy tự động (xe không có hệ thống cảm nhận an toàn Toyota) ... 263

Hệ thống Dừng và Khởi động 267

Hệ thống BSM (Theo dõi điểm mù) 274

Hỗ trợ xuống xe an toàn. 279

Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota 283

Chức năng cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau (RCTA) 290

Hệ thống RCD (Phát hiện bằng camera phía sau). 295

PKSB (Phanh hỗ trợ đỗ xe) 299

Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (vật thể cố định ở phía trước và phía sau của xe) 303
Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (xe đang di chuyển ở phía sau xe bạn) 306
Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (người đi bộ ở phía sau xe bạn) 307
Theo dõi đa địa hình.....309
Công tắc chọn chế độ lái xe 374
Hệ thống bốn bánh chủ động 377
Hệ thống khóa vi sai sau.385
Hệ thống chọn chế độ đa địa hình 387
Hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc 390
AUTO LSD 392
Hệ thống DPF (Hệ thống lọc bụi khí xả diesel) 394
Các hệ thống hỗ trợ lái xe 398

4-6. Lời khuyên khi lái xe

Lời khuyên khi lái xe trong mùa đông 405
Lời khuyên khi lái xe ở chế độ Eco 408

Lái xe

Hãy làm theo các quy trình sau để đảm bảo lái xe an toàn:

Quy trình lái xe

n **Khởi động động cơ**

→P.184, 186

n **Lái xe**

▶ Hộp số tự động

1 Trong khi đạp bàn đạp phanh, hãy chuyển cần số sang vị trí D. (→P.192)

2 Nhả phanh đỗ. (→P.199, 200)

Xe có phanh đỗ (loại công tắc): Nếu phanh đỗ đang ở chế độ tự động, phanh đỗ sẽ được nhả ra một cách tự động. (→P.202)

3 Từ từ nhả bàn đạp phanh và đạp nhẹ bàn đạp ga để tăng tốc xe.

▶ Hộp số thường

1 Trong khi đạp bàn đạp ly hợp, hãy chuyển cần số tới vị trí số 1. (→P.194)

2 Nhả phanh đỗ. (→P.199, 200)

3 Từ từ nhả bàn đạp ly hợp. Đồng thời nhẹ nhàng đạp bàn đạp ga để tăng tốc xe.

n **Dừng xe**

▶ Hộp số tự động

1 Với cần số đang ở vị trí D, hãy đạp bàn đạp phanh.

2 Nếu cần, hãy gài phanh đỗ. (→P.199, 200)

Nếu phải dừng xe trong một thời gian dài, hãy chuyển cần số về vị trí P hoặc N. (→P.192)

▶ Hộp số thường

1 Trong khi đạp bàn đạp ly hợp, hãy đạp bàn đạp phanh.

2 Nếu cần, hãy gài phanh đỗ. (→P.199, 200)

Nếu dừng xe trong một thời gian dài, hãy chuyển cần số đến vị trí N. (→P.194)

n **Đỗ xe**

▶ Hộp số tự động

1 Với cần số đang ở vị trí D, hãy đạp bàn đạp phanh.

2 Gài phanh đỗ (→P.199, 200), và chuyển cần số sang vị trí P (→P.192).

Xe có phanh đỗ (loại công tắc): Chắc chắn rằng đèn chỉ báo phanh đỗ đang bật.

Không được nhấn nút nhả chuyển số sau khi chuyển cần đến P.

3 Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Đưa công tắc động cơ về vị trí OFF để dừng động cơ. Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Nhấn công tắc động cơ để dừng động cơ.

4 Khóa cửa, hãy đảm bảo rằng bạn đã mang chìa khóa theo người.

Nếu đỗ xe trên dốc, hãy chặn các bánh xe khi cần.

▶ Hộp số thường

1 Trong khi đạp bàn đạp ly hợp, hãy đạp bàn đạp phanh.

2 Chuyển cần số sang vị trí N. (→P.194)

Khi đỗ xe trên dốc, hãy chuyển cần số tới vị trí số 1 hoặc R nếu cần thiết.

3 Gài phanh đỗ. (→P.199, 200)

Xe có phanh đỗ (loại công tắc): Nếu phanh đỗ đang ở chế độ tự động, việc tắt công tắc động cơ sẽ tự động gài phanh đỗ. (→P.200)

Xe có phanh đỗ (loại công tắc): Chắc chắn rằng đèn chỉ báo phanh đỗ đang bật.

4 Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Đưa công tắc động cơ về vị trí OFF để dừng động cơ. Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Nhấn công tắc động cơ để dừng động cơ.

5 Khóa cửa, hãy đảm bảo rằng bạn đã mang chìa khóa theo người.

Nếu đỗ xe trên dốc, hãy chặn các bánh xe khi cần.

n Khởi hành khi xe đang trên dốc

▶ Hộp số tự động

1 Hãy đảm bảo rằng phanh đỗ đã được gài và chuyển cần số tới vị trí D.

2 Đạp nhẹ bàn đạp ga.

3 Nhả phanh đỗ.

▶ Hộp số thường

1 Gài chắc phanh đỗ và đạp hết cỡ bàn đạp ly hợp, chuyển cần số sang số 1.

2 Đạp nhẹ bàn đạp ga, đồng thời nhả từ từ bàn đạp ly hợp.

3 Nhả phanh đỗ.

n Khởi hành trên dốc lên

Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc sẽ được kích hoạt. (→P.399)

n Lái xe khi trời mưa

- Hãy lái xe cẩn thận khi trời mưa, bởi khi đó tầm nhìn sẽ bị hạn chế, kính chắn gió có thể bị mờ và đường thì trơn trượt.
- Hãy lái xe hết sức cẩn thận khi trời bắt đầu mưa, do mặt đường lúc này trở nên đặc biệt trơn.
- Hạn chế chạy ở tốc độ cao khi lái xe trên đường cao tốc trong điều kiện trời mưa, bởi lúc này có thể có một lớp nước nằm giữa bánh xe và mặt đường, làm cản trở tới hoạt động của hệ thống phanh và lái.

n Tốc độ động cơ trong khi lái xe (xe có hộp số tự động)

Trong những trường hợp sau, tốc độ động cơ có thể sẽ tăng cao trong khi lái xe. Nguyên nhân là do hệ thống tự động lên số hoặc xuống số để đáp ứng điều kiện lái. Nó không phải là hiện tượng tăng ga đột ngột.

- Khi xe xác định rằng đang lên dốc hoặc xuống dốc
- Khi nhả bàn đạp ga

n Hạn chế công suất động cơ (hệ thống kiểm soát tăng ga ngoài ý muốn)

- Khi đạp cả bàn đạp ga và bàn đạp phanh cùng lúc, công suất động cơ có thể sẽ bị hạn chế.
- Xe không có màn hình đa thông tin: Đèn cảnh báo sẽ sáng lên khi hệ

thống đang hoạt động.

- Xe có màn hình đa thông tin: Một cảnh báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin khi hệ thống đang hoạt động.

n Chạy rà xe mới

Để kéo dài tuổi thọ của xe bạn, hãy tuân theo những lưu ý sau:

- Trong 300 km đầu tiên:
  Tránh phanh gấp.
- Trong 800 km đầu tiên (xe có móc kéo xe)
  Không kéo moóc.
- Trong 1000 km đầu tiên:
  - Không lái xe ở tốc độ quá cao.
  - Tránh tăng ga đột ngột.
  - Không lái xe liên tục ở tay số thấp.
  - Không lái xe ở một tốc độ cố định trong thời gian dài.
  - Không để hộp số thường ở tay số cao khi lái xe với tốc độ chậm.

n Khi đang lái xe ở môi trường thời tiết cực lạnh

Trong thời tiết quá lạnh, hãy để xe chạy không tải hơn 30 giây sau khi khởi động động cơ. Không tăng nhanh tốc độ động cơ khi đang chạy không tải.

n Thời gian chạy không tải trước khi dừng động cơ (động cơ diesel)

Để tránh làm hỏng turbo tăng áp, hãy để động cơ chạy không tải ngay sau khi lái xe ở tốc độ cao.

Điều kiện lái xe	Thời gian để động cơ chạy không tải
Việc lái xe thông thường trong thành phố hoặc lái xe tốc độ cao (ở giới hạn tốc độ trên đường cao tốc hoặc tốc độ được khuyến nghị)	Không cần chạy không tải
Lái xe lên dốc, lái xe liên tục (lái trên đường đua, vvv...), hoặc kéo moóc hay kéo xe khác (bằng tời kéo)	Khoảng 1 phút

n Sử dụng xe ở nước ngoài

Hãy tuân theo các luật lệ, quy định về đăng ký xe và đảm bảo có sẵn nhiên liệu phù hợp cho xe. (→P.591)

n Lái xe ở chế độ tiết kiệm nhiên liệu

→P.93

n Sau khi lái xe trên đường dính bùn trong điều kiện đường xấu (xe có nắp bình chứa AdBlue™)

Kiểm tra các cánh tản nhiệt của khu vực phun và vệ sinh các vật thể lạ hoặc các vật như lá hoặc bùn. Nếu bất kỳ chi tiết nào nói trên quá bẩn hoặc bạn không chắc chắn về tình trạng của chúng, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra giúp bạn.

⚠ CẢNH BÁO

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n Khi khởi động xe

Trên xe được trang bị hộp số tự động, luôn đạp giữ chân phanh trong khi xe đang dừng với động cơ nổ máy. Việc này sẽ giúp cho xe khỏi bị trôi.

n Khi lái xe

l Không cố lái xe nếu như bạn chưa quen với vị trí của bàn đạp phanh và bàn đạp ga để tránh thao tác nhầm.

• Nếu vô tình đạp nhầm bàn đạp ga thay vì bàn đạp phanh sẽ làm xe tăng tốc đột ngột, có thể dẫn đến tai nạn.

• Khi lùi xe, bạn có thể sẽ phải vặn người để quan sát dẫn đến việc khó điều khiển các bàn đạp một cách chính xác. Hãy đảm bảo điều khiển các bàn đạp một cách chính xác.

• Hãy đảm bảo giữ tư thế lái xe chuẩn kể cả khi bạn chỉ muốn dịch chuyển xe một chút. Tư thế lái xe đúng giúp bạn điều khiển bàn đạp phanh và bàn đạp ga một cách chính xác.

• Hãy đạp phanh bằng chân phải của bạn. Nếu sử dụng chân trái để đạp phanh thì có thể sẽ không phản ứng kịp trong trường hợp khẩn cấp, kết quả là gây ra tai nạn.

l Không lái xe phi qua hoặc đỗ gần các vật liệu dễ cháy.
Hệ thống xả và khí xả có thể đang rất nóng. Do vậy, hỏa hoạn có thể xảy ra nếu xe đỗ gần những vật liệu dễ bắt lửa.

l Không tắt động cơ khi đang lái xe bình thường. Nếu tắt động cơ trong khi lái xe thì trợ lực cho hệ thống lái hoặc phanh sẽ bị mất mặc dù chức năng điều khiển phanh và lái vẫn hoạt động bình thường. Khi đó bạn sẽ khó đánh lái và phanh xe hơn, do vậy bạn nên dừng xe lại càng sớm càng tốt khi có thể.
Tuy nhiên, trong trường hợp khẩn cấp, chẳng hạn như khi không thể dừng xe theo cách thông thường: →P.526

l Hãy sử dụng phanh động cơ (xuống số) để duy trì tốc độ an toàn khi xuống dốc đứng.
Rà phanh liên tục có thể làm phanh bị quá nhiệt và mất hiệu quả phanh. (→P.191, 194)

l Không điều chỉnh vị trí của vô lăng, ghế hay gương chiếu hậu bên trong hoặc bên ngoài xe khi đang lái xe.
Nếu không có thể dẫn đến mất lái.

l Luôn đảm bảo rằng tay, đầu hay bất cứ phần cơ thể nào của hành khách không ở bên ngoài xe.

l Trên xe được trang bị hộp số thường, hãy tuân thủ theo các hướng dẫn sau để tránh làm hỏng hệ thống ly hợp.

• Không được rà côn trong thời gian dài khi không cần thiết.

• Không được đạp ly hợp ăn khớp một nửa vời hoặc một phần để điều khiển tốc độ xe, như lái xe ở tốc độ thấp, để dừng xe trên dốc,...

• Không được nhấn bàn đap phanh trong khi đạp ly hợp lưng chừng hoặc ly hợp ăn khớp một phần.

Nếu không, sẽ không những sẽ làm cho hệ thống ly hợp bị mài mòn nhanh chóng, mà còn làm hỏng hệ thống ly hợp hoặc gây ra các tai nạn nguy hiểm như cháy xe.

n Khi lái xe trên đường trơn trượt

l Phanh gấp, tăng tốc đột ngột và đánh lái gấp có thể làm cho lốp bị trượt và giảm khả năng điều khiển xe.

l Khi tăng tốc động cơ đột ngột, phanh động cơ bằng cách lên số cao hơn hoặc thay đổi tốc độ động cơ có thể làm xe bị trượt.

CẢNH BÁO

- Sau khi lái xe qua vũng nước, hãy nhấn nhẹ bàn đạp phanh để đảm bảo rằng phanh làm việc bình thường. Má phanh bị ướt có thể sẽ làm hạn chế hiệu quả làm việc của phanh. Nếu phanh trong điều kiện một bên má phanh bị ướt và không làm việc chính xác, việc điều khiển vô lăng có thể sẽ bị ảnh hưởng.

Khi chuyển cần số

- Trên xe được trang bị hộp số tự động, không để xe bị trôi về phía sau khi cần số đang ở vị trí số tiến, hoặc để xe trôi về phía trước khi cần số đang ở vị trí R.
  Nếu không có thể sẽ làm cho động cơ bị chết máy hoặc làm giảm hiệu quả làm việc của hệ thống phanh và lái, kết quả là gây ra tai nạn hoặc làm hỏng xe.
- Trên xe được trang bị hộp số tự động, không chuyển cần số về vị trí P khi xe đang chuyển động.
  Nếu không có thể sẽ làm hỏng hộp số và có thể dẫn tới mất lái.
- Không chuyển cần số sang vị trí R khi xe đang chạy về phía trước.
  Nếu không có thể sẽ làm hỏng hộp số và có thể dẫn tới mất lái.
- Không chuyển cần số sang vị trí số tiến trong khi xe đang lùi về sau.
  Nếu không có thể sẽ làm hỏng hộp số và có thể dẫn tới mất lái.
- Chuyển cần số tới vị trí N trong khi xe đang chạy sẽ ngắt liên kết giữa động cơ và hộp số. Bạn sẽ không sử dụng phanh động cơ được khi cần số đang ở vị trí N.
- Trên xe có hộp số tự động, hãy chú ý không chuyển cần số khi đang đạp ga.
  Nếu bạn chuyển cần số đến các vị trí khác P hoặc N có thể sẽ làm cho xe tăng tốc đột ngột và có thể gây ra tai nạn.

Nếu bạn nghe thấy tiếng ken két hoặc tiếng rít (bộ báo mòn má phanh)

Hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra và thay thế má phanh càng sớm càng tốt.
Đĩa phanh có thể sẽ bị hỏng nếu không thay các má phanh khi cần thiết.
Sẽ rất nguy hiểm khi lái xe với bộ má phanh và/hoặc đĩa phanh đã bị mòn quá mức.

Khi đang dừng xe

- Không tăng nhanh tốc độ động cơ.
  Nếu cần số đang ở vị trí khác vị trí P (chỉ với xe có hộp số tự động) hoặc N, xe có thể sẽ bị tăng tốc đột ngột, và có thể gây ra tai nạn.
- Trên xe được trang bị hộp số tự động, để tránh xảy ra tai nạn do bị trôi xe, luôn đạp phanh trong khi động cơ đang hoạt động và gài phanh đỗ nếu cần thiết.
- Nếu dừng xe trên đường dốc, để tránh bị tai nạn do xe bị trôi phía trước hoặc phía sau, phải luôn đạp phanh và gài phanh đỗ nếu cần.
- Tránh tăng tốc động cơ lên cao.
  Nếu để động cơ chạy ở tốc độ cao khi xe đang dừng có thể sẽ làm cho hệ thống xả bị quá nhiệt, và gây ra hỏa hoạn nếu có vật liệu dễ cháy ở gần.

⚠ CẢNH BÁO

n **Khi đỗ xe**

l Không để kính mắt, bật lửa, bình xịt hoặc bình nước trong xe khi đỗ xe dưới trời nắng.
Nếu không có thể sẽ gây ra những tình trạng sau:

- Khí ga có thể thoát ra khỏi bật lửa hay bình xịt và có thể gây cháy.
- Nhiệt độ cao trong xe có thể làm mắt kính làm bằng thuỷ tinh hữu cơ và các chi tiết nhựa của kính mắt bị biến dạng hoặc nứt vỡ.
- Các lon nước có ga có thể bị nứt, làm tràn nước ra xe, và có thể gây ra sự cố chập điện trong các thiết bị điện của xe.

l Không để bật lửa ở trong xe. Nếu bạn để bật lửa ở trong xe, như trong ngăn để găng tay hoặc trên sàn xe, nếu chẳng may bị hàng hóa đè phải hoặc ghế va phải bật lửa khi chỉnh ghế có thể sẽ gây cháy xe.

l Không gắn đĩa dính vào kính chắn gió hoặc kính cửa. Không để các bình đựng như lọ nước hoa trên bảng táp lô hoặc mặt táp lô. Các đĩa dính hoặc bình đựng có thể sẽ giống như một thấu kính và có thể gây cháy xe.

l Không để cửa xe hay cửa sổ mở nếu bạn đã dán lên phần kính cong của xe một lớp phim kim loại mỏng như lớp tráng bạc. Do ánh sáng mặt trời phản chiếu qua kính có thể sẽ đóng vai trò như một thấu kính và gây cháy xe.

l Luôn gài phanh đỗ, chuyển cần số đến vị trí P (chỉ cho xe có hộp số tự động), tắt động cơ và khóa cửa xe.
Không rời khỏi xe khi không có ai trông coi xe trong khi động cơ đang hoạt động.
Nếu xe đang đỗ với cần số đã ở vị trí P nhưng phanh đỗ chưa được gài thì xe có thể sẽ bị dịch chuyển, và có thể dẫn tới tai nạn.

l Không chạm vào đường ống xả khi động cơ đang hoạt động hoặc ngay sau khi tắt máy.
Nếu không có thể sẽ bị bỏng.

n **Khi chợp mắt trong xe**

Hãy tắt động cơ. Nếu không, khi chẳng may bạn vô tình chuyển số hoặc đạp phải bàn đạp ga, tai nạn có thể xảy ra tai nạn hoặc gây cháy xe do động cơ bị quá nhiệt. Ngoài ra, nếu xe đang đỗ tại địa điểm có khả năng thông khí kém thì khí xả có thể sẽ xâm nhập vào trong xe và có thể dẫn tới tử vong hoặc gây tổn hại nghiêm trọng tới sức khỏe.

n **Khi phanh xe**

l Khi phanh đang ướt, hãy lái xe thật cẩn thận.
Quãng đường phanh sẽ tăng lên khi phanh bị ướt, và lực phanh ở hai bên sẽ không đều nhau. Đồng thời phanh đỗ cũng có thể sẽ không giữ xe một cách chắc chắn được.

l Nếu chức năng trợ lực phanh không hoạt động, bạn không được lái xe gần với các xe khác phía trước và tránh xuống dốc hoặc cua gấp, do khi đó phải dùng đến phanh.
Trong những trường hợp này, phanh vẫn làm việc nhưng nó đòi hỏi cần phải tác dụng lực vào bàn đạp phanh lớn hơn nhiều so với bình thường. Quãng đường phanh cũng có thể tăng lên. Hãy sửa chữa hệ thống phanh ngay lập tức.

l Không nhồi phanh liên tục nếu động cơ đã chết máy.
Mỗi lần đạp phanh sẽ làm tiêu tốn lượng năng lượng dự trữ của hệ thống trợ lực phanh.

l Hệ thống phanh gồm có 2 hệ thống phanh thủy lực độc lập; nếu có một trong hai hệ thống bị hỏng, thì hệ thống còn lại vẫn có thể hoạt động được. Trong trường hợp này, lực đạp phanh cần thiết sẽ phải lớn hơn so với bình thường và quãng đường phanh cũng sẽ tăng lên. Hãy sửa chữa hệ thống phanh ngay lập tức.

n **Nếu xe bị sa lầy (xe 4WD*)**

Không quay bánh xe quá mức khi một trong các bánh xe tách khỏi đường hoặc khi xe bị sa lầy trong cát, bùn… Việc này có thể làm hỏng tới các thiết bị truyền lực hoặc đẩy xe về phía trước hoặc phía sau, gây ra tai nạn.

*: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P.11)

⚠ CHÚ Ý

n **Khi lái xe**

l Không đạp cả bàn đạp ga và bàn đạp phanh cùng lúc khi đang lái xe, nếu không công suất động cơ có thể sẽ bị hạn chế.

l Trên xe có hộp số tự động, không đạp ga hoặc đạp giữ cả chân ga và chân phanh để giữ xe trên dốc.

l Trên xe có hộp số thường, không được chuyển số khi chưa đạp hết cỡ bàn đạp ly hợp. Sau khi chuyển số, không nhả bàn đạp ly hợp đột ngột. Nếu không có thể sẽ làm hỏng ly hợp, hộp số và các bánh răng.

l Trên xe được trang bị hộp số thường, hãy tuân thủ theo các hướng dẫn sau để tránh làm hỏng hệ thống ly hợp. Nếu không, có thể gây mài mòn nặng hoặc làm hỏng ly hợp, dẫn tới tình trạng khó tăng tốc và khó khởi hành xe. Hãy mang xe đến đại lý Toyota để kiểm tra.

• Không để chân bạn trên bàn đạp ly hợp khi lái xe.

Làm như vậy có thể gây ra sự cố ly hợp.

• Không sử dụng số nào khác ngoài số 1 khi khởi hành và cho xe chạy về phía trước.

Làm như vậy có thể làm hỏng ly hợp.

• Không dùng ly hợp để giữ xe khi dừng xe trên dốc lên.

Làm như vậy có thể làm hỏng ly hợp.

• Không được sử dụng bàn đạp ly hợp để điều chỉnh tốc độ xe.

Làm như vậy có thể làm hỏng ly hợp.

• Khi dừng xe với cần số nằm ngoài vị trí N, hãy đạp hết cỡ ly hợp và dùng chân phanh để dừng xe.

l Trên xe được trang bị hộp số thường, không được chuyển cần số sang vị trí R khi xe vẫn đang chạy. Nếu không có thể sẽ làm hỏng ly hợp, hộp số và các bánh răng.

l Trên xe được trang bị hộp số thường, nếu bạn không thể tăng tốc xe mặc dù đã gài bàn đạp ly hợp và đạp chân ga thì có thể hệ thống ly hợp đang bị trượt và xe không thể chạy được. Hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn càng sớm càng tốt.

⚠ CHÚ Ý

n **Tránh làm hỏng các chi tiết của xe**

l Không đánh lái hết về một phía và giữ vô lăng ở vị trí đó trong thời gian dài.
Nếu không, có thể làm hỏng hệ thống trợ lực lái.

l Khi lái xe qua những chỗ gập ghềnh trên đường, hãy lái càng chậm càng tốt để tránh làm hỏng bánh xe, gầm xe...

l Động cơ Diesel: Chắc chắn phải để động cơ chạy không tải ngay sau khi lái xe với mức tải cao. Chỉ được tắt máy sau khi turbo tăng áp đã nguội. Nếu không, có thể sẽ làm hỏng turbo tăng áp.

l Động cơ Diesel: Trong thời tiết quá lạnh, hãy để xe chạy không tải hơn 30 giây sau khi khởi động động cơ. Không tăng nhanh tốc độ động cơ khi đang chạy không tải.

n **Nếu xe bị xịt lốp trong khi lái xe**

Lốp xe bị xịt hơi hoặc bị hỏng có thể sẽ gây ra những tình trạng sau. Hãy giữ chắc vô lăng và đạp phanh từ từ để giảm tốc độ xe.

l Có thể sẽ khó điều khiển xe.

l Xe phát ra âm thanh hoặc rung động bất thường.

l Xe bị nghiêng bất thường.

Các bước xử lý khi xe bị xịt lốp (→P.557)

n **Khi lái xe qua đường bị ngập nước**

Không lái xe trên đường bị ngập nước sau trận mưa to... Nếu không, có thể gây ra những hư hỏng nghiêm trọng cho xe như sau:

l Động cơ bị chết máy

l Các thiết bị điện trên xe bị ngắn mạch

l Động cơ bị hỏng hóc do ngập nước

l Xe có hộp số thường: Phụ tùng bằng cao su hoặc cơ khí bị hỏng hoặc bị bôi trơn kém do mỡ đã bị rửa trôi, hoặc do mỡ bị lấm bùn hoặc bụi bẩn.

Trong trường hợp bạn lái xe qua đường bị ngập nước và xe đã bị ngập nước, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra những hạng mục sau:

l Chức năng phanh

l Kiểm tra chất lượng và số lượng của dầu động cơ, dầu hộp số, dầu hộp số phụ (xe bốn bánh chủ động*), ly hợp, dầu vi sai...

l Tình trạng bôi trơn của trục các-đăng, càng cắt ly hợp, các vòng bi và khớp nối của hệ thống treo (tại những vị trí có thể kiểm tra) và chức năng của các khớp nối, các vòng bi, vv...

*: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P.11)

n **Khi đỗ xe**

Trên xe có hộp số tự động, luôn luôn gài phanh đỗ và chuyển cần số tới vị trí P. Nếu không, xe có thể sẽ dịch chuyển hoặc tăng tốc đột ngột nếu chẳng may đạp nhầm phải bàn đạp ga.

Kiểm soát hạn chế khởi hành đột ngột (Điều khiển dẫn động - khởi động [DSC]) (xe có hộp số tự động)

Khi tiến hành các thao tác bất thường sau đây với bàn đạp ga đang được nhấn, công suất của động cơ có thể bị hạn chế.

- Khi cần số được chuyển đến vị trí R*.
- Khi chuyển cần số từ vị trí P hoặc R đến vị trí số tiến như số D*.

Xe không có màn hình đa thông tin: Đèn cảnh báo sẽ sáng lên khi hệ thống đang hoạt động.

Xe có màn hình đa thông tin: Khi hệ thống hoạt động, một thông điệp sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin. Hãy đọc thông điệp và làm theo hướng dẫn.

*: Tùy vào tình huống, vị trí cần số có thể không thay đổi.

n **Điều khiển dẫn động - khởi động**

l Khi TRC/A-TRC bị tắt (→P.400), điều khiển hạn chế khởi hành đột ngột cũng không hoạt động. Nếu xe của bạn gặp khó khăn khi thoát khỏi vũng bùn hoặc tuyết do hoạt động kiểm soát hạn chế khởi động đột ngột, hãy hủy kích hoạt TRC/A-TRC (→P.400) để xe có thể thoát khỏi bùn hoặc tuyết.

Ngoài ra, Điều khiển hạn chế khởi hành đột ngột sẽ không hoạt động trong các điều kiện sau:

- Khi hệ thống AUTO LSD được bật (nếu có)
- Khi công tắc điều khiển truyền động bánh trước ở 4L (nếu có)
- Khi chọn chế độ đa địa hình (nếu được trang bị)

Hành lý và hàng hóa

Dưới đây là các thông tin về các lưu ý khi chất hàng hóa, dung tích hàng hóa và mức tải trọng:

CẢNH BÁO

n **Những đồ vật không nên để trong khoang phía sau**

Những đồ vật sau có thể sẽ gây cháy xe nếu để chúng trong khoang phía sau:

l Can đựng xăng

l Các loại bình xịt

n **Các lưu ý khi cất đồ**

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể sẽ làm cản trở tới khả năng điều khiển các bàn đạp của người lái, có thể cản trở tầm nhìn của lái xe hoặc hàng hóa va vào người lái hoặc hành khách và có thể dẫn đến tai nạn.

l Hãy cất gọn tất cả hàng hóa và hành lý trong khoang phía sau.

l Trừ kiểu xe cabin đơn: Không chất hàng hóa ở phía sau ghế trước cao hơn các lưng ghế.

l Không đặt hàng hóa hoặc hành lý trong hoặc trên các vị trí sau.

• Ở chân người lái

• Trên ghế hành khách trước hoặc các ghế sau (nếu có) (khi có để hành lý)

• Trên bảng táp lô

• Trên mặt táp lô

l Hãy cố định tất cả hàng hóa trong khoang hành khách.

CẢNH BÁO

l Không bao giờ được để bất cứ ai ngồi trong khoang phía sau. Vị trí đó không được thiết kế để cho người ngồi. Mọi người nên ngồi trên ghế và thắt đai an toàn đúng cách. Nếu không, họ có thể sẽ bị tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng khi phanh gấp, đánh lái gấp hoặc xe bị tai nạn.

n **Chất tải và phân bố tải trọng**

l Không chất hàng quá mức tải trọng của xe.

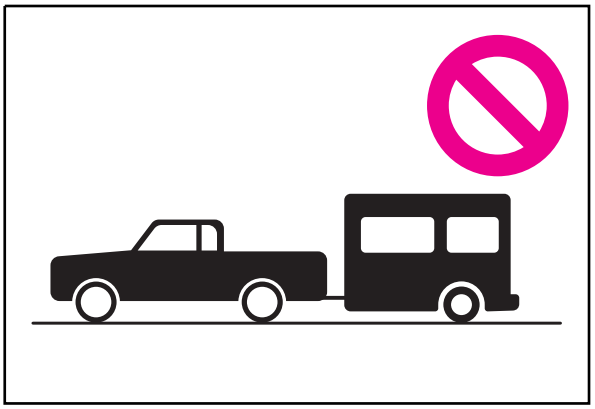
l Không chất tải lệch.

Nếu chất tải hàng hoá không đúng cách có thể sẽ làm cho hệ thống điều khiển lái và điều khiển phanh hoạt động không hiệu quả và có thể dẫn đến tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

Kéo rơ moóc (xe không có móc kéo)*

*: Trừ các kiểu xe có mã xuất xứ M, N, J, K, F và để trắng (trừ các kiểu xe sản xuất tại Myanmar và Campuchia) (Xem "Kiểm tra mã kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc chắn về kiểu xe của mình. [→P.11]).

Toyota khuyến nghị bạn không nên sử dụng xe của bạn để kéo moóc. Toyota cũng khuyến nghị bạn không nên lắp móc kéo hoặc sử dụng giá treo cho xe đẩy, xe scooter, xe đạp… Xe của bạn không được thiết kế để kéo moóc hoặc để gắn giá treo.



Công tắc động cơ (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

Khởi động động cơ

1 Xác nhận rằng phanh đỗ đã được gài.

Xe có phanh đỗ (loại công tắc):

Kéo công tắc phanh đỗ để kiểm tra rằng phanh đỗ đã được gài. (→P.200)

Đèn chỉ báo phanh đỗ sẽ sáng lên.

2 Kiểm tra rằng cần số đang ở vị trí P (hộp số tự động) hoặc N (hộp số thường).

3 Nhấn chắc bàn đạp phanh (hộp số tự động) hoặc bàn đạp phanh và bàn đạp ly hợp (hộp số thường).

▶ Động cơ xăng

4 Bật công tắc động cơ tới vị trí START để khởi động động cơ.

▶ Động cơ diesel

4 Bật công tắc động cơ tới vị trí ON.

Đèn chỉ báo sẽ bật sáng.

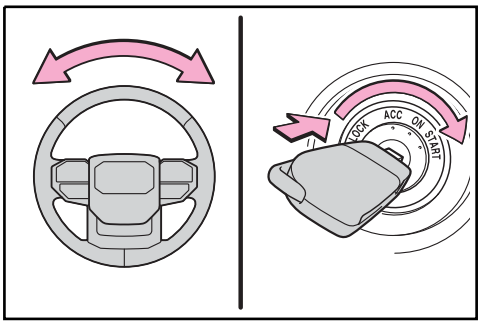
5 Sau khi đèn chỉ báo tắt đi, hãy đặt công tắc động cơ vào vị trí START để khởi động động cơ.

n Nếu động cơ không khởi động được

Hệ thống mã hóa khóa động cơ có thể chưa được vô hiệu hóa. (→P.78) Hãy liên hệ với đại lý Toyota.

n Khi không thể nhả khóa vô lăng được

Khi khởi động động cơ, nếu công tắc động cơ dường như bị kẹt tại vị trí OFF thì bạn hãy vặn chìa khóa trong khi xoay nhẹ vô lăng theo cả hai hướng.



CẢNH BÁO

n Khi khởi động động cơ

Chỉ khởi động động cơ khi bạn đã ngồi vào ghế người lái. Không đạp bàn đạp ga khi khởi động động cơ trong bất kỳ trường hợp nào.

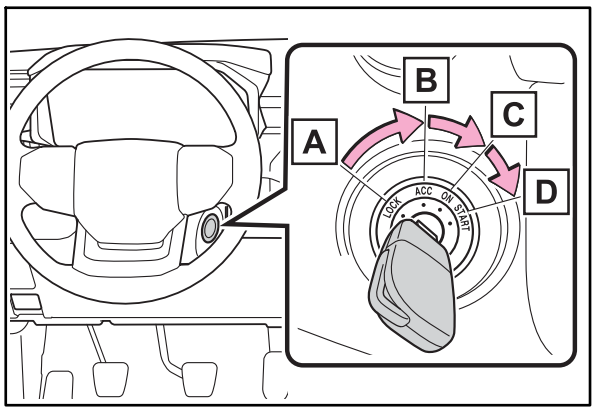
Việc làm này có thể gây ra tai nạn dẫn đến tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

CHÚ Ý

n Khi khởi động động cơ

- Không quay khởi động động cơ liên tục quá 30 giây. Nếu không máy khởi động và hệ thống dây điện có thể sẽ bị quá nhiệt.
- Không rồ ga khi động cơ còn nguội.
- Nếu động cơ trở nên khó khởi động hoặc thường xuyên chết máy, hãy kiểm tra xe ngay lập tức để tìm ra nguyên nhân.

Thay đổi các vị trí của công tắc động cơ



A OFF (Vị trí "LOCK")

Vô lăng sẽ khóa lại và chìa có thể rút ra được. (Xe có hộp số tự động: Chỉ có thể rút chìa ra khi cần số ở vị trí P.)

B ACC (Vị trí "ACC")

Có thể sử dụng một số thiết bị điện như hệ thống âm thanh.

C ON (Vị trí "ON")

Có thể sử dụng tất cả các thiết bị điện trên xe.

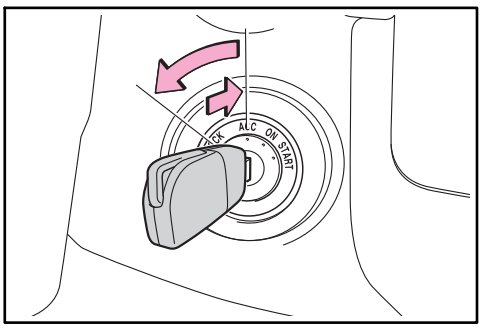
D KHỞI ĐỘNG (vị trí "START")

Để khởi động động cơ.

n Xoay chìa khóa từ vị trí ACC sang vị trí OFF

1 Chuyển cần số tới vị trí P (hộp số tự động) hoặc vị trí N (hộp số thường).

2 Hãy ấn và xoay chìa khóa sang vị trí OFF.



n Chức năng nhắc rút chìa khóa

Chuông sẽ kêu nếu cửa lái được mở ra trong khi công tắc động cơ đang ở vị trí OFF hoặc ACC để nhắc người lái rút chìa khóa.

⚠ CẢNH BÁO

n Chú ý khi lái xe

Không chuyển công tắc động cơ về vị trí OFF trong khi đang lái xe. Trong trường hợp khẩn cấp, cần phải tắt động cơ trong khi xe đang chạy, hãy chuyển công tắc động cơ tới vị trí ACC để dừng động cơ. Hãy hết sức cẩn thận vì tai nạn có thể xảy ra khi tắt động cơ trong khi xe đang chạy. (→P.526)

⚠ CHÚ Ý

n Để tránh làm hết điện của ắc quy

Không để công tắc động cơ ở vị trí ACC hoặc ON trong một thời gian dài khi động cơ không hoạt động.

Công tắc động cơ (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

Hãy thực hiện các thao tác sau khi mang chìa điện tử theo người để khởi động động cơ hoặc thay đổi chế độ của công tắc động cơ.

Khởi động động cơ

1 Xác nhận rằng phanh đỗ đã được gài.

Xe có phanh đỗ (loại công tắc):

Kéo công tắc phanh đỗ để kiểm tra rằng phanh đỗ đã được gài. (→P.200)

Đèn chỉ báo phanh đỗ sẽ sáng lên.

2 Kiểm tra rằng cần số đang ở vị trí P (hộp số tự động) hoặc N (hộp số thường).

3 Nhấn chắc bàn đạp phanh (hộp số tự động) hoặc bàn đạp phanh và bàn đạp ly hợp (hộp số thường).

và một thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

Nếu biểu tượng này không xuất hiện, động cơ sẽ không thể khởi động được.

4 Ấn công tắc động cơ nhanh và dứt khoát.

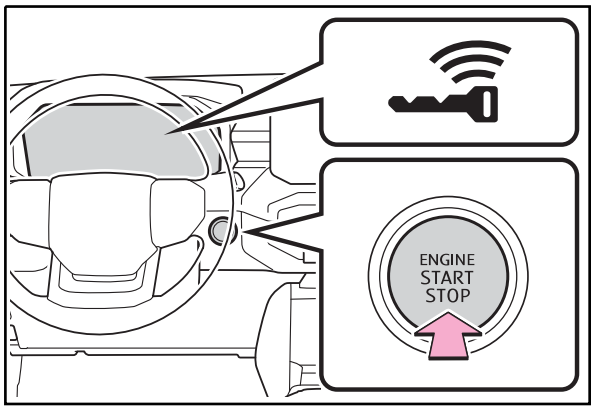
Khi thao tác với công tắc động cơ, hãy ấn nhanh và dứt khoát một lần là đủ. Không cần phải ấn và giữ công tắc này.

Động cơ sẽ quay khởi động cho tới khi nó khởi động được hoặc quay trong khoảng 30 giây tùy theo trường hợp nào tới trước.

Tiếp tục nhấn bàn đạp phanh (hộp số tự động) hoặc bàn đạp phanh và bàn đạp ly hợp (hộp số thường) cho đến khi động cơ đã khởi động xong.

Chỉ cho động cơ diesel: (đèn chỉ báo sấy động cơ) bật. Động cơ sẽ khởi động sau khi đèn chỉ báo này tắt.

Có thể khởi động được động cơ từ bất kỳ chế độ nào của công tắc động cơ.



n Chiếu sáng công tắc động cơ

Theo từng tình huống, đèn chiếu sáng công tắc động cơ hoạt động như sau.

- Khi cửa người lái hoặc cửa của hành khách phía trước đang mở, đèn chỉ báo động cơ sáng.
- Khi tắt công tắc động cơ và nhấn bàn đạp phanh mà có mang theo chìa khóa trong người, đèn công tắc động cơ sẽ nháy.
- Khi công tắc động cơ đang ở chế độ ACC hoặc ON, thì đèn công tắc động cơ sẽ sáng.
- Khi chuyển công tắc động cơ từ chế độ ACC hoặc ON sang OFF, thì đèn công tắc động cơ sẽ sáng một khoảng thời gian. Sau đó, đèn công tắc động cơ tắt.

n Nếu động cơ không khởi động được

- Hệ thống mã hóa khóa động cơ có thể chưa được vô hiệu hóa. (→P.78) Hãy liên hệ với đại lý Toyota.

- Khi thông điệp liên quan đến khởi động được hiển thị trên màn hình đa thông tin, hãy đọc các thông điệp và tuân theo các hướng dẫn.
- Nếu cửa được mở khóa bằng chìa khóa cơ, thì không thể khởi động được động cơ bằng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh. Hãy tham khảo P.571 để khởi động lại động cơ. Tuy nhiên, nếu chìa khóa điện tử được mang vào bên trong xe và các cửa đã được khóa lại (→P.140), thì động cơ có thể khởi động được.

n Nếu ắc quy bị hết điện

Không thể khởi động được động cơ bằng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh. Hãy tham khảo P.573 để khởi động lại động cơ.

n Pin chìa khoá điện tử bị hết điện

→P.130

n Các điều kiện ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống

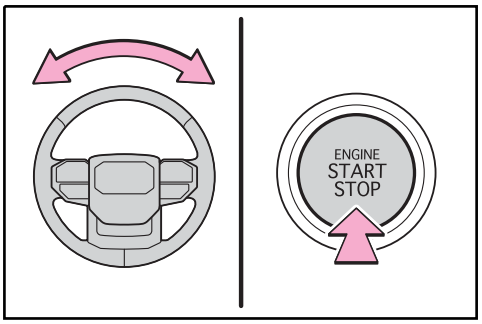
→P.147

n Lưu ý với chức năng vào xe

→P.148

n Chức năng khóa vô lăng (nếu có)

- Sau khi tắt công tắc động cơ và mở rồi đóng các cửa, vô lăng sẽ được khóa lại bằng chức năng khóa vô lăng. Hãy ấn công tắc động cơ một lần nữa để tự động nhả khóa vô lăng.
- Nếu không thể nhả khóa vô lăng, thì thông điệp “Push ENGINE Switch while Turning the Steering Wheel in Either Direction” sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.
  Kiểm tra rằng cần số đã đặt ở N.
  Ấn công tắc động cơ nhanh và chặt trong khi xoay vô lăng sang trái và sang phải.



- Để tránh cho môtơ khóa vô lăng khỏi bị quá nhiệt, mô tơ có thể sẽ tạm ngừng hoạt động nếu liên tục bật và tắt động cơ trong một thời gian ngắn. Trong trường hợp này, hãy hạn chế chạy động cơ. Sau khoảng 10 giây, mô tơ khóa vô lăng sẽ phục hồi chức năng.

n Khi thông điệp "Lỗi hệ thống mở khóa & khởi động thông minh Xem Hướng dẫn sử dụng" xuất hiện trên màn hình đa thông tin

Hệ thống có thể đã bị lỗi. Hãy cho kiểm tra xe ở đại lý Toyota ngay lập tức.

n Pin chìa khóa điện tử

→P.513

n Hoạt động của công tắc động cơ

- Nếu không ấn công tắc động cơ nhanh và dứt khoát, chế độ của công tắc động cơ có thể không thay đổi hoặc động cơ có thể không khởi động được.
- Nếu bạn cố khởi động lại động cơ ngay sau khi tắt công tắc động cơ (OFF), thì trong một số trường hợp động cơ có thể sẽ không khởi động được ngay. Sau khi tắt công tắc động cơ (OFF), hãy đợi khoảng vài giây trước khi khởi động lại động cơ.

n Tùy chọn

Nếu hệ thống mở khóa và khởi động thông minh đã bị vô hiệu hóa bởi chức năng tùy chọn, hãy tham khảo P.571.

CẢNH BÁO

n **Khi khởi động động cơ**

Chỉ khởi động động cơ khi bạn đã ngồi vào ghế người lái. Không đạp bàn đạp ga khi khởi động động cơ trong bất kỳ trường hợp nào.
Nếu không có thể gây ra tai nạn dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Lưu ý khi lái xe (xe có chức năng khóa vô lăng)**

Nếu động cơ bị trục trặc trong khi lái xe, không được khóa hay mở các cửa xe cho đến khi xe đã được dừng lại ở một vị trí an toàn. Việc kích hoạt khóa vô lăng trong trường hợp này có thể dẫn đến tai nạn, gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

CHÚ Ý

n **Khi khởi động động cơ**

l Không rồ ga khi động cơ còn nguội.

l Nếu động cơ trở nên khó khởi động hoặc thường xuyên chết máy, hãy kiểm tra xe ngay lập tức để tìm ra nguyên nhân.

n **Những triệu chứng chỉ báo công tắc động cơ bị lỗi**

Nếu công tắc động cơ có vẻ như đang hoạt động bất thường, chẳng hạn như khi bị dính nhẹ công tắc động cơ, thì có thể nó đang bị lỗi. Hãy liên hệ ngay với đại lý Toyota.

Tắt động cơ

1 Hãy dừng hẳn xe lại.

2 Xác nhận rằng phanh đỗ đã được gài.

Xe có phanh đỗ (loại công tắc):

Nếu phanh đỗ ở trong chế độ bình thường, hãy gài phanh đỗ. (→P.200)

Kiểm tra rằng chỉ báo phanh đỗ sáng lên.

3 Chuyển cần số tới vị trí P (hộp số tự động) hoặc vị trí N (hộp số thường). (→P.192)

Xe có hộp số tự động:

Không được ấn nút nhả chuyển số sau khi chuyển cần đến P.

4 Ấn công tắc động cơ nhanh và dứt khoát.

Động cơ sẽ ngừng hoạt động và màn hình đồng hồ táp lô sẽ tắt đi.

5 Nhả bàn đạp phanh và kiểm tra rằng trên màn hình đa thông tin không xuất hiện chữ "ACCESSORY" hoặc "POWER ON".

CẢNH BÁO

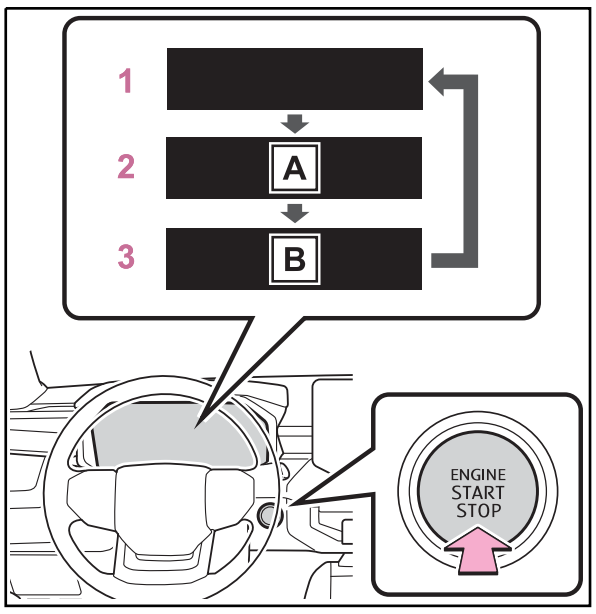
n **Tắt động cơ trong trường hợp khẩn cấp**

l Nếu muốn dừng động cơ trong tình trạng khẩn cấp khi đang lái xe, hãy ấn và giữ công tắc động cơ trong hơn 2 giây, hoặc ấn nhanh liên tiếp 3 lần trở lên. (→P.526)
Tuy nhiên, không chạm vào công tắc động cơ trong khi lái xe, trừ trường hợp khẩn cấp. Việc tắt động cơ trong khi lái xe sẽ gây mất trợ lực cho hệ thống lái hoặc điều khiển phanh. Tuy nhiên, trợ lực cho các hệ thống này có thể bị mất khi đánh lái hoặc phanh trước khi dừng xe và tùy thuộc vào lượng điện năng của ắc quy hoặc các điều kiện sử dụng. Trong tình huống này, bạn nên dừng xe lại càng sớm càng tốt khi có thể ở vị trí an toàn.

- Nếu vận hành công tắc động cơ trong khi xe đang chạy, một thông điệp cảnh báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin và chuông báo sẽ kêu.
- Khi khởi động lại động cơ sau khi đã tắt khẩn cấp, hãy chuyển cần số về vị trí N (hộp số tự động) hoặc đạp bàn đạp ly hợp (hộp số sàn) sau đó ấn dứt khoát vào công tắc động cơ.

Thay đổi các chế độ của công tắc động cơ

Bạn có thể thay đổi chế độ bằng cách ấn vào công tắc động cơ với bàn đạp phanh (hộp số tự động) hoặc bàn đạp phanh và bàn đạp ly hợp (hộp số thường) đã nhả ra. (Chế độ sẽ thay đổi với mỗi lần ấn công tắc động cơ.)



A "ACCESSORY"

B "POWER ON"

1 TẮT*

Đèn nháy khẩn cấp có thể sử dụng được.

Màn hình đa thông tin sẽ không hiển thị.

2 ACC

Có thể sử dụng một số thiết bị điện như hệ thống âm thanh.
Chữ "ACCESSORY" sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

3 BẬT

Có thể sử dụng tất cả các thiết bị điện trên xe.
Chữ "POWER ON" sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

*: Xe có hộp số tự động: Nếu cần số ở vị trí khác P hoặc nút nhả chuyển số được ấn khi tắt động cơ, công tắc động cơ sẽ ở ON, sẽ không tắt (OFF).

n Chức năng tự động tắt nguồn

▶ Xe có hộp số tự động

- Nếu xe vẫn ở chế độ ACC hoặc ON (động cơ không hoạt động) trong thời gian hơn 20 phút với cần số ở P hoặc nút nhả chuyển số không được ấn, công tắc động cơ sẽ tự động tắt OFF.
- Nếu ắc quy yếu khi cần số ở P hoặc nút nhả khóa cần số không được nhấn, và công tắc động cơ ở ACC hoặc ON (động cơ không hoạt động), một tiếng chuông sẽ kêu và một thông điệp sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin. Nếu tình trạng này tiếp tục, công tắc động cơ sẽ tự động chuyển sang OFF.

Tuy nhiên, chức năng này sẽ không thể tránh cho ắc quy khỏi bị hết điện. Không để xe với công tắc động cơ ở ACC hoặc ON trong một thời gian dài khi động cơ không hoạt động.

▶ Xe có hộp số thường

- Nếu để xe ở chế độ ACC hoặc ON (động cơ không hoạt động) trong thời gian hơn 20 phút, công tắc động cơ sẽ tự động chuyển OFF.

l Nếu ắc quy đang ở trạng thái yếu điện và công tắc động cơ ở chế độ ACC hoặc ON (động cơ không hoạt động), một chuông báo và thông điệp sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin. Nếu điều này tiếp tục, công tắc động cơ sẽ tự động chuyển sang trạng thái OFF.

Tuy nhiên, chức năng này sẽ không thể tránh cho ắc quy khỏi bị hết điện. Không để xe với công tắc động cơ ở ACC hoặc ON trong một thời gian dài khi động cơ không hoạt động.

CHÚ Ý

n **Để tránh làm hết điện của ắc quy**

l Không để công tắc động cơ ở vị trí ACC hoặc ON trong một thời gian dài khi động cơ không hoạt động.

l Nếu chữ "ACCESSORY" hoặc "POWER ON" xuất hiện trên màn hình đa thông tin, công tắc động cơ không ở OFF. Chỉ rời khỏi xe sau khi đã tắt công tắc động cơ (OFF).

Khi dừng xe với cần số không ở vị trí P (với xe có hộp số tự động)

Nếu động cơ ngừng hoạt động khi cần số ở vị trí khác P hoặc nút nhả khóa cần số được ấn, công tắc động cơ sẽ không tắt (OFF). Thực hiện theo quy trình sau để tắt công tắc động cơ (OFF):

1 Xác nhận rằng phanh đỗ đã được gài.

2 Chuyển cần số tới vị trí P.

Không được ấn nút nhả chuyển số sau khi chuyển cần đến P.

3 Kiểm tra rằng chữ “POWER ON” xuất hiện trên màn hình đa thông tin và hãy ấn nhanh và dứt khoát vào công tắc động cơ.

4 Kiểm tra rằng chữ "ACCESSORY" hoặc "POWER ON" trên màn hình đa thông tin đã tắt.

CHÚ Ý

n **Để tránh làm hết điện của ắc quy**

Không được tắt động cơ khi cần số ở vị trí khác P hoặc ấn nút nhả chuyển số. Nếu động cơ ngừng hoạt động khi cần số ở vị trí khác P hoặc ấn nút nhả chuyển số, công tắc động cơ sẽ không được chuyển sang OFF mà vẫn ở ON. Nếu để xe ở trạng thái ON, có thể gây ra hết điện ắc quy.

Hộp số tự động*

*: Nếu có

Chọn vị trí số tùy vào mục đích và tình huống lái xe.

Mục đích chuyển số và chức năng

Vị trí cần số	Mục đích hoặc chức năng
P	Đỗ xe/khởi động động cơ
R	Lùi xe
N	Vị trí trung gian (Công suất sẽ không được truyền khi ở vị trí này)
D	Chế độ lái bình thường*1
S*3	Lái xe ở chế độ S*2 (→P.193)

*1: Để giảm lượng nhiên liệu tiêu thụ và giảm tiếng ồn, hãy đặt cần số ở vị trí D khi lái xe bình thường.

*2: Chọn dải chọn số trong chế độ S sẽ hạn chế giới hạn trên có thể của dải số, giúp điều khiển lực phanh động cơ và tránh việc lên số không cần thiết.

*3: Nếu có

n Để bảo vệ hộp số tự động

l Nếu các lốp xe quay trơn liên tục khi xe bị lầy trong bùn hoặc trong tuyết, hoặc nếu nhấn và nhả bàn đạp ga liên tục khi lái xe, thì nhiệt độ của hộp số tự động sẽ lên quá cao và hộp số có thể bị hư hỏng.
Để tránh làm hỏng hộp số tự động, hệ thống có thể tạm thời khóa số.
Nếu nhiệt độ của hộp số tự động giảm xuống, cơ cấu khóa số sẽ hủy và hộp số trở về hoạt động bình thường.

l Xe có màn hình đa thông tin: Nếu nhiệt độ dầu hộp số tự động cao, "Nhiệt độ Dầu Hộp Số Cao Dừng Nơi An Toàn và xem Hướng Dẫn Sử Dụng" sẽ hiển thị trên màn hình đa thông tin.
Ngay lập tức dừng xe ở một nơi an toàn, chuyển cần số đến P và đợi cho đến khi thông điệp cảnh báo biến mất. Nếu thông điệp cảnh báo biến mất, bạn có thể khởi động lại xe. Nếu thông điệp cảnh báo không biến mất, hãy liên hệ với Đại lý Toyota của bạn.

n Khi lái xe với hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng rađa hoặc hệ thống điều khiển chạy tự động đang được kích hoạt (nếu có)

Kể cả khi thực hiện các thao tác sau nhằm sử dụng phanh động cơ, thì phanh động cơ cũng sẽ không hoạt động do chức năng điều khiển chạy tự động hoặc chạy tự động theo dõi bằng ra-đa vẫn chưa được vô hiệu hóa.

l Khi đang lái xe ở chế độ S, hãy chuyển xuống số 5 hoặc số 4. (→P.193)

l Khi chuyển sang chế độ lái power hoặc chế độ thể thao trong khi lái xe ở vị trí D. (→P.374)

n Hạn chế khởi hành đột ngột (Điều khiển khởi động - dẫn động)

→P.181

n AI-SHIFT

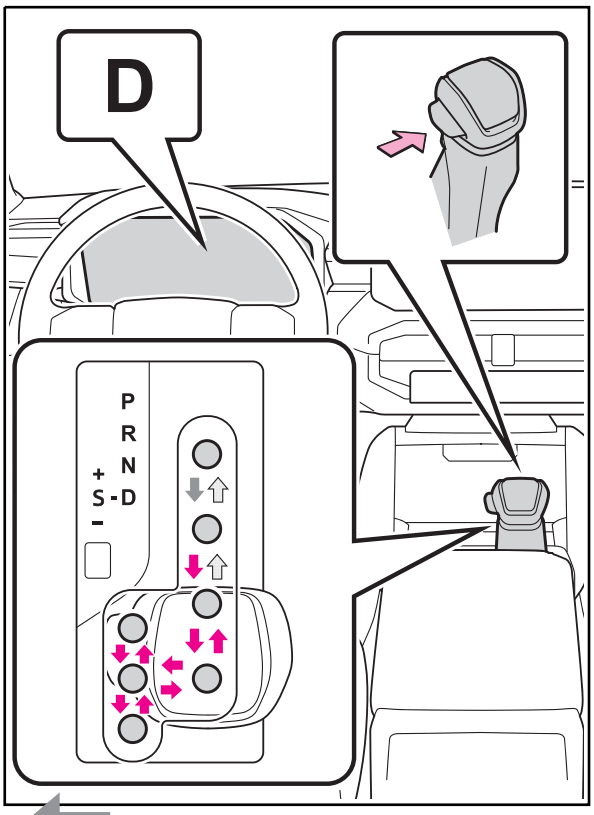
Chức năng chuyển số thông minh AI-SHIFT sẽ tự động lựa chọn một số phù hợp với tính năng lái và điều kiện lái xe.
Chức năng AI-SHIFT sẽ tự động làm việc khi cần số ở vị trí D. (Chuyển cần số đến S sẽ hủy chức năng này.)

CẢNH BÁO

n **Khi lái xe trên đường trơn trượt**

Không tăng tốc hoặc chuyển số đột ngột.
Thay đổi đột ngột lực phanh động cơ có thể sẽ làm cho xe bị trượt hoặc quay tròn, dẫn đến tai nạn.

Chuyển cần số



Trong khi công tắc động cơ đang ở chế độ ON và đạp phanh*, hãy chuyển cần số đồng thời ấn nút nhả khóa cần số trên núm chuyển số.

Chuyển cần số trong khi ấn vào nút nhả khóa chuyển số trên núm chuyển số.

Chuyển cần số bình thường.

Khi chuyển cần số giữa vị trí P và D, hãy đảm bảo rằng xe đã được đỗ hẳn lại.

*: Đối với xe có thể chuyển được từ số P, bàn đạp phanh phải được nhấn trước khi ấn nút nhả khóa số. Nếu ấn nút nhả khóa số trước, thì sẽ không nhả khóa chuyển số được.

n **Chuông cảnh báo lùi**

Khi chuyển cần số tới vị trí R, chuông báo sẽ kêu để thông báo cho người lái rằng cần số đang ở vị trí R.

n **Hệ thống khóa chuyển số**

Hệ thống khóa chuyển số là một hệ thống có tác dụng giúp tránh chuyển nhầm cần số khi khởi động xe.
Người lái chỉ có thể chuyển cần số ra khỏi vị trí P khi công tắc động cơ ở chế độ ON, đạp chân phanh và ấn nút nhả cần số.

n **Nếu không thể chuyển số khỏi vị trí P**

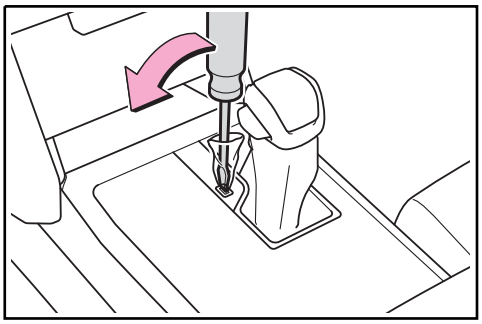
Trước hết, kiểm tra xem chân phanh đã được đạp chưa.
Nếu vẫn không thể chuyển cần số sang số khác được ngay cả khi người lái đã đạp chân phanh và ấn nút nhả khóa cần số, thì có thể hệ thống khóa cần số đã bị trục trặc. Hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn ngay lập tức.
Bạn có thể làm theo các bước sau như một giải pháp tình thế để có thể chuyển được cần số.

Nhả khóa chuyển số:

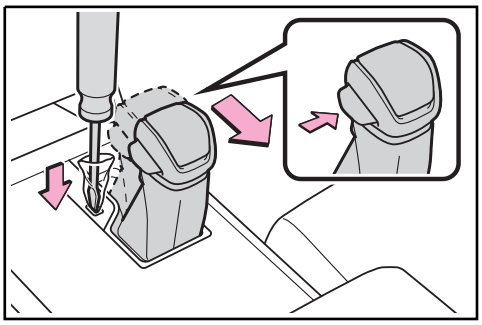
1 Gài phanh đỗ.
2 Tắt công tắc động cơ.
3 Đạp bàn đạp phanh.

▶ Kiểu A

4 Nạy nắp bằng tô vít đầu dẹt hoặc dụng cụ tương đương.
Để tránh làm hỏng nắp, dùng giẻ để bọc vào đầu tô vít.



5 Hãy ấn và giữ nút khóa số, sau đó ấn nút trên núm chuyển số.
Người lái có thể chuyển vị trí của cần số trong khi ấn vào các nút này.

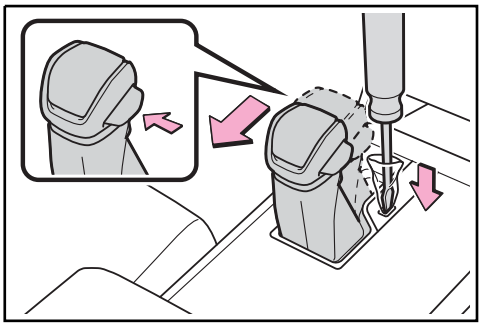


▶ Kiểu B

4 Dùng một tô vít đầu dẹt hoặc dụng cụ tương tự để ấn nút nhả khóa cần số.

Có thể chuyển vị trí của cần số trong khi ấn nút này.

Để tránh làm hỏng xe, hãy bọc giẻ vào đầu của tô vít.



CẢNH BÁO

n **Để tránh xảy ra tai nạn khi nhả khóa chuyển số**

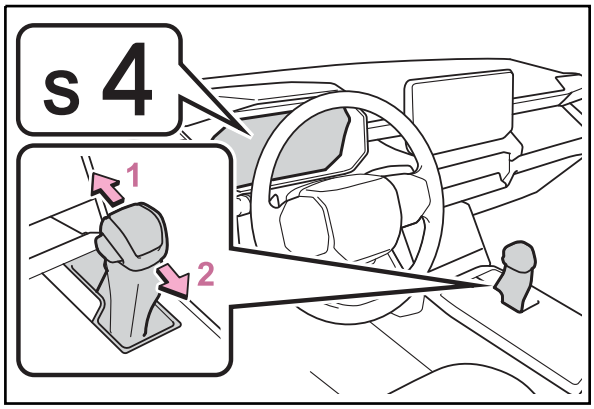
Trước khi ấn nút nhả khóa chuyển số, hãy đảm bảo đã gài phanh đỗ và nhấn bàn đạp phanh.
Nếu đạp nhầm bàn đạp phanh thành bàn đạp ga khi đang ấn nút nhả khóa cần số và cần số nằm ngoài vị trí P, xe có thể sẽ bị tăng tốc đột ngột, dẫn đến tai nạn gây ra tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

Lựa chọn chế độ lái xe (nếu có)

→P.374

Chọn các dải số trong vị trí S

Để cài vào chế độ S, hãy chuyển cần số đến S. Có thể chọn dải chọn số bằng cách sử dụng cần số, cho phép bạn lái xe ở dải chọn số theo ý của bạn.



1 Lên số

2 Xuống số

Dải chuyển số từ số 1 đến 6, sẽ được hiển thị trên đồng hồ táp lô.

Dải chuyển số ban đầu trong chế độ

S được đặt tự động vào số 5 hoặc 4 tùy theo tốc độ xe. Tuy nhiên, dải chuyển số ban đầu có thể sẽ được đặt ở dải số 3 nếu bạn đã chọn chế độ chuyển số thông minh AI-SHIFT khi cần chuyển số đã ở vị trí D. (→P.191)

n Chế độ S

- Bạn có thể chọn 6 cấp độ phanh động cơ khác nhau.
- Dải số thấp hơn sẽ tạo ra lực phanh động cơ lớn hơn so với dải số cao hơn, và tốc độ động cơ cũng sẽ tăng lên.
- Khi dải chọn số từ số 4 trở xuống, giữ cần số hướng về phía "+" sẽ đặt dải số đến số 6.
- Tự động chọn số giữa số 1 và số 6 tùy thuộc vào tốc độ của xe và điều kiện lái. Nhưng số được chọn sẽ bị hạn chế theo dải số đã chọn.

n Chuông cảnh báo hạn chế xuống số

Để giúp tăng tính an toàn và hiệu quả lái xe, đôi khi hộp số sẽ hạn chế xuống số. Trong một số trường hợp, hộp số có thể sẽ không thể xuống số kể cả khi bạn đã chuyển cần số. (Chuông cảnh báo sẽ kêu hai lần)

n Đèn chỉ báo "S" không sáng lên hoặc đèn chỉ báo "D" được hiển thị kể cả khi đã chuyển cần số tới vị trí S

Có thể đã có trục trặc trong hệ thống hộp số. Hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn ngay lập tức. (Trong trường hợp này, xe sẽ hoạt động như khi cần chuyển số ở vị trí D.)

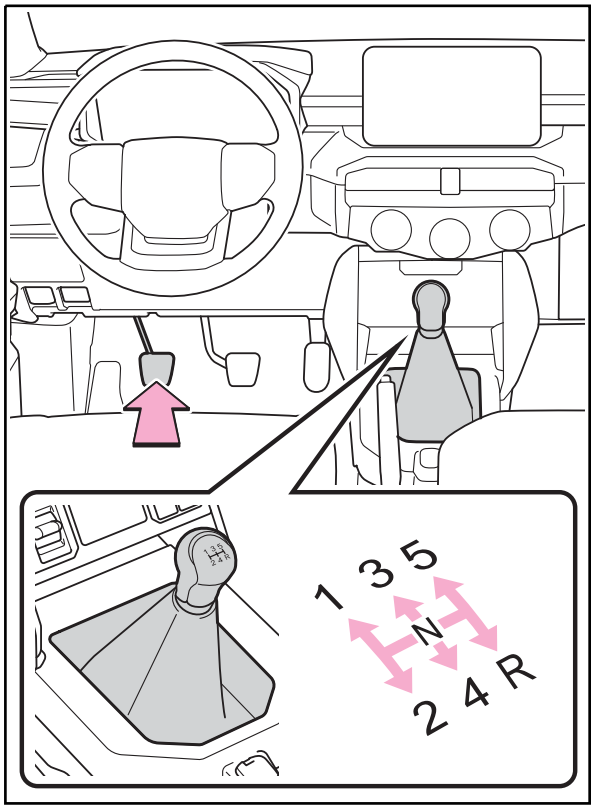
Hộp số thường*

*: Nếu có

Hướng dẫn thao tác

n Chuyển cần số

▶ Hộp số 5 cấp tốc độ



1 Đạp chắc bàn đạp ly hợp.

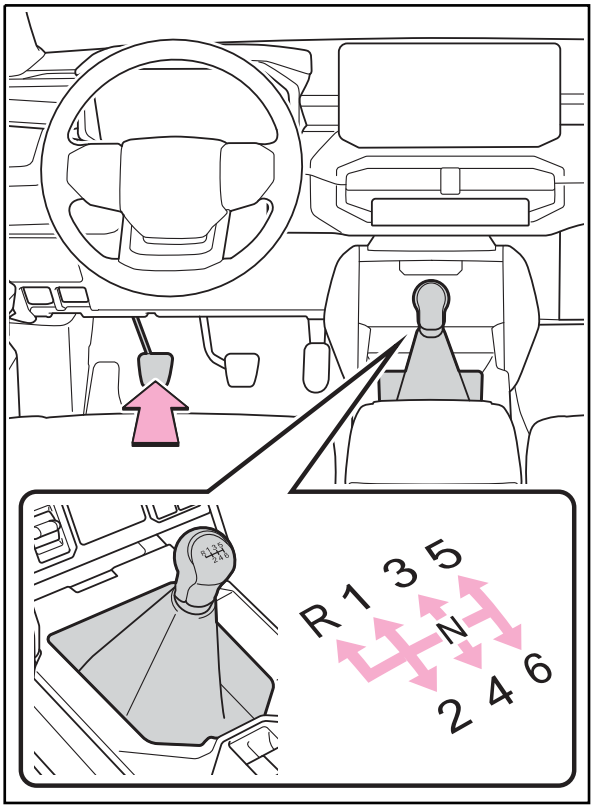
2 Chuyển cần số một cách chậm rãi và dứt khoát.

Hãy đảm bảo chuyển số theo tuần tự.

3 Từ từ nhả bàn đạp ly hợp.

Nếu cảm thấy khó vào số R, hãy chuyển cần số tới vị trí N, nhả bàn đạp ly hợp một lát rồi thử vào số lại.

▶ Hộp số 6 cấp tốc độ



1 Đạp chắc bàn đạp ly hợp.

2 Chuyển cần số một cách chậm rãi và dứt khoát.

Hãy đảm bảo chuyển số theo tuần tự.

3 Từ từ nhả bàn đạp ly hợp.

n Tốc độ tối đa cho phép xuống số

Hãy tuân theo tốc độ giới hạn xuống số trong bảng dưới đây để tránh làm rồ ga động cơ.

▶ Hộp số 5 cấp tốc độ

Kiểu xe 4WD* (Công tắc điều khiển dẫn động bánh trước tới vị trí 2H hoặc 4H):

km/h

		Tốc độ tối đa (Tham khảo)			
Vị trí cần số		1	2	3	4
Động cơ 2TR-FE	Lốp 225/70R17C	35 (22)	70 (43)	115 (71)	165 (103)
	Loại lốp 265/65R17	35 (22)	70 (43)	115 (71)	170 (106)

Kiểu xe 4WD* (Công tắc điều khiển dẫn động bánh trước tới vị trí 4L):

km/h

	Tốc độ tối đa (Tham khảo)			
Vị trí cần số	1	2	3	4
Động cơ 2TR-FE	15 (9)	25 (16)	45 (28)	65 (40)

Xe Pre Runner (Gầm cao)*:

km/h

	Tốc độ tối đa (Tham khảo)			
Vị trí cần số	1	2	3	4
Động cơ 2TR-FE	35 (22)	70 (43)	115 (71)	170 (106)

▶ Hộp số 6 cấp tốc độ

Kiểu xe 4WD* (Công tắc điều khiển dẫn động bánh trước tới vị trí 2H hoặc 4H):

km/h

		Tốc độ tối đa (Tham khảo)				
Vị trí cần số		1	2	3	4	5
Động cơ 1GD-FTV	Lốp 225/70R17C	35 (22)	65 (40)	115 (71)	160 (99)	165 (103)
	Loại lốp 265/65R17	35 (22)	70 (43)	115 (71)	160 (99)	165 (103)
	Loại lốp 265/60R18	35 (22)	70 (43)	115 (71)	160 (99)	165 (103)

Kiểu xe 4WD* (Công tắc điều khiển dẫn động bánh trước tới vị trí 4L):

km/h

		Tốc độ tối đa (Tham khảo)				
Vị trí cần số		1	2	3	4	5
Động cơ 1GD-FTV	Lốp 225/70R17C	10 (6)	25 (16)	45 (28)	65 (40)	75 (47)
	Loại lốp 265/65R17	10 (6)	25 (16)	45 (28)	65 (40)	80 (50)
	Loại lốp 265/60R18	10 (6)	25 (16)	45 (28)	65 (40)	80 (50)

Xe Pre Runner (Gầm cao)*:

km/h

	Tốc độ tối đa (Tham khảo)				
Vị trí cần số	1	2	3	4	5
Động cơ 1GD-FTV	35 (22)	70 (43)	115 (71)	160 (99)	165 (103)

*: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P.11)

n Chuông cảnh báo lùi xe (xe có hộp số 6 cấp tốc độ)

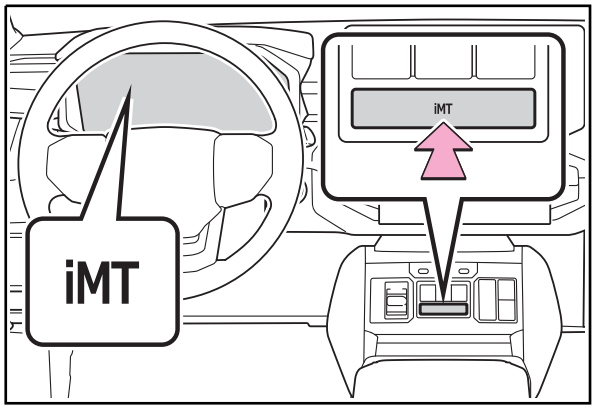
Chuông sẽ kêu để cảnh báo cho người lái khi cần chuyển số được chuyển sang vị trí R.

> ⚠ CHÚ Ý
>
> n **Để tránh làm hỏng hộp số**
>
> l Chỉ chuyển số đến vị trí R khi xe đang dừng.
>
> l Không tì hoặc nắm tay vào cần số khi không chuyển số.
>
> l Tránh làm cho động cơ bị rồ máy, hãy chắc chắn chỉ chuyển số tuần tự.
>
> l Không nhả bàn đạp ly hợp đột ngột, nếu không, có thể sẽ làm hỏng ly hợp hoặc hộp số.

Chức năng iMT - Hộp số thường thông minh (nếu có)

Chức năng iMT sẽ theo dõi thao tác của người lái với bàn đạp ly hợp và cần số. Khi thay đổi vị trí số, chức năng iMT sẽ xác định tốc độ tối ưu của động cơ và tiến hành điều khiển để giúp người lái chuyển số một cách êm ái nhất.

Ấn công tắc "iMT".



Đèn báo "iMT" sẽ sáng lên. Hãy ấn công tắc này một lần nữa để tắt chức năng iMT.

n Hoạt động của chức năng iMT

l Khi người lái đạp bàn đạp ly hợp và chuyển cần số tới một vị trí, hệ thống iMT sẽ điều khiển tốc độ động cơ tối ưu để thay đổi vị trí số. Tuy nhiên, chức năng iMT sẽ ngừng hoạt động trước khi chuyển vị trí số nếu người lái không nhả bàn đạp ly hợp trong một thời gian nhất định và tốc độ động cơ sẽ không kiểm soát được. Để kích hoạt lại chức năng iMT, hãy đạp bàn đạp ly hợp và chuyển cần số.

l Tốc độ động cơ có thể sẽ tăng lên khi đạp bàn đạp ly hợp, tuy nhiên đó là hiện tượng bình thường.

n Chức năng iMT có thể không hoạt động khi

Trong các trường hợp sau, chức năng iMT có thể sẽ không hoạt động.

Tuy nhiên, điều này không phải là lỗi.

l Cần số không được chuyển trong một thời gian dài sau khi đạp bàn đạp ly hợp.

l Khi xe đã dịch chuyển được một đoạn sau khi chuyển cần số tới vị trí N và nhả bàn đạp ly hợp, sau đó ly hợp được nhấn và cần số được chuyển tới một vị trí số.

l Bàn đạp ly hợp chưa được nhả hoàn toàn và nhấn lại.

l Bàn đạp ly hợp không được nhấn hoàn toàn.

n Khi một thông điệp cảnh báo liên quan tới chức năng iMT xuất hiện trên màn hình đa thông tin

Chức năng iMT có thể đã bị lỗi và bị vô hiệu hóa. Hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

CẢNH BÁO

n **Giới hạn của chức năng iMT**

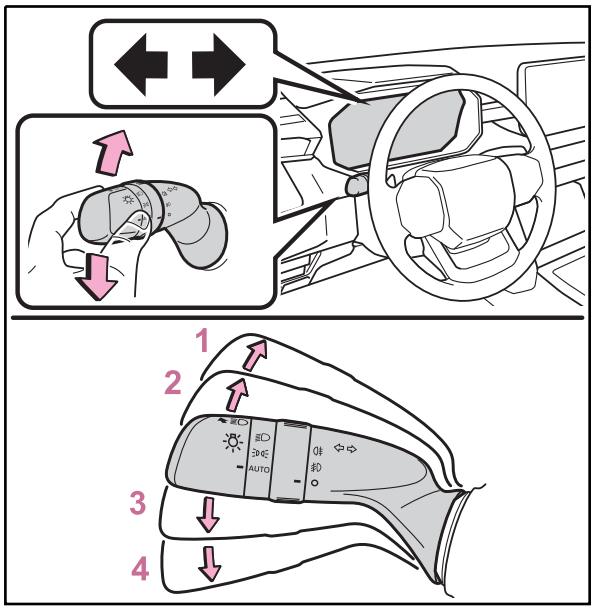
Chức năng iMT không phải là một hệ thống để chống thao tác chuyển số sai hoặc tránh động cơ bị rồ ga.

Tùy thuộc vào tình huống, chức năng iMT có thể sẽ không hoạt động bình thường và vị trí số có thể sẽ không chuyển số êm. Quá lệ thuộc vào chức năng iMT có thể sẽ gây ra tai nạn.

Công tắc xi nhan

Hướng dẫn thao tác

Hãy sử dụng công tắc xi nhan để thông báo ý định của người lái như sau:



1 Rẽ phải

2 Chuyển sang làn bên phải (Chuyển cần điều khiển ở vị trí một nửa hành trình và nhả nó ra)

Đèn xi nhan bên phải sẽ nháy 3 lần.

3 Chuyển sang làn bên trái (Chuyển cần điều khiển ở vị trí một nửa hành trình và nhả nó ra)

Đèn xi nhan bên trái sẽ nháy 3 lần.

4 Rẽ trái

n **Có thể điều khiển đèn xi nhan khi**

Công tắc động cơ ở ON.

n **Nếu đèn chỉ báo nháy nhanh hơn bình thường**

Hãy kiểm tra các bóng đèn xi nhan trước hoặc sau xem có bóng đèn nào

bị cháy không.

n **Nếu đèn xi nhan ngừng nháy trước khi tiến hành chuyển làn**

Hãy gạt cần điều khiển một lần nữa.

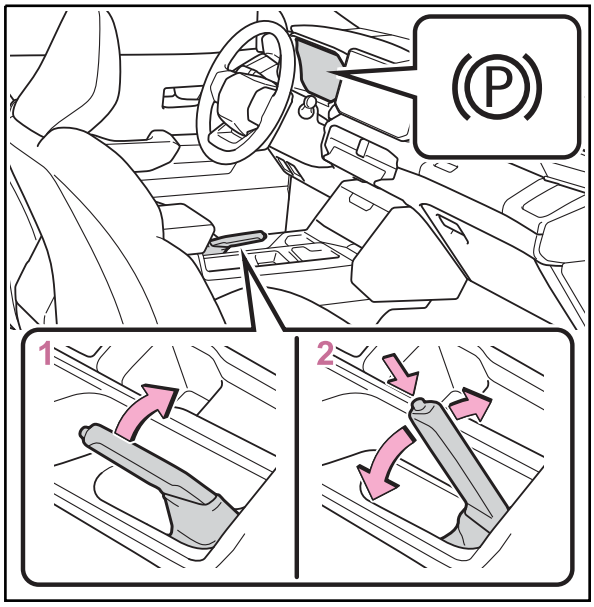
n **Để đèn xi nhan ngừng nháy trong khi chuyển làn**

Hãy gạt cần điều khiển theo hướng ngược lại.

Phanh đỗ (loại cần gạt)*

*: Nếu có

Hướng dẫn thao tác



1 Gài phanh đỗ

Kéo hết cỡ cần phanh đỗ trong khi đạp bàn đạp phanh.

Lúc này, đèn chỉ báo phanh đỗ sẽ sáng lên.

2 Nhả phanh đỗ

Kéo nhẹ cần phanh đỗ lên rồi hạ hẳn cần phanh đỗ xuống trong khi ấn nút nhả.

Lúc này, đèn chỉ báo phanh đỗ sẽ tắt đi.

---

n **Đỗ xe**

→P.173

n **Chuông cảnh báo gài phanh đỗ**

→P.543

n **Sử dụng xe trong mùa đông**

→P.405

CHÚ Ý

n **Trước khi lái xe**

Nhả hoàn toàn phanh đỗ.

Nếu bạn lái xe trong khi vẫn gài phanh đỗ sẽ làm các chi tiết của hệ thống phanh bị quá nhiệt, có thể làm giảm hiệu quả phanh và tăng mức độ mài mòn phanh.

Phanh đỗ (loại công tắc)*

*: Nếu có

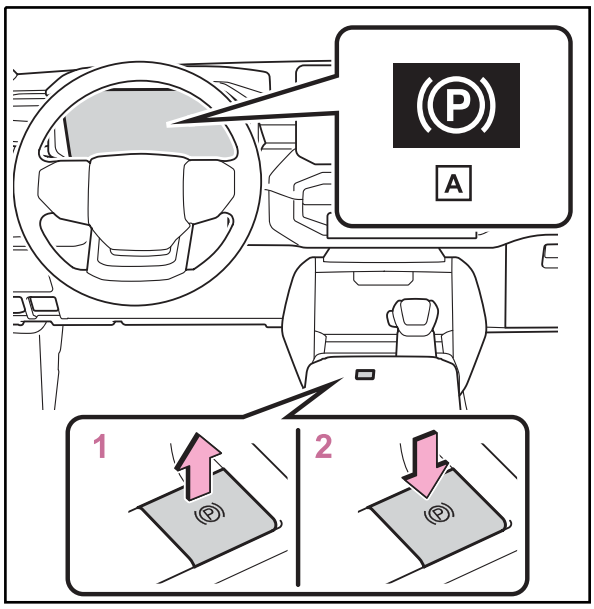
Có thể gài hoặc nhả phanh đỗ một cách tự động hoặc bằng cách thủ công.
Đối với xe có hộp số tự động:
Ở chế độ tự động, phanh đỗ có thể gài và nhả ra một cách tự động theo hoạt động của cần số.
Đối với xe có hộp số sàn:
Ở chế độ tự động, phanh đỗ có thể gài và nhả ra một cách tự động.
Ngoài ra, ngay cả khi đang ở chế độ tự động, phanh đỗ có thể gài và nhả ra được bằng cách thủ công.

Hướng dẫn thao tác

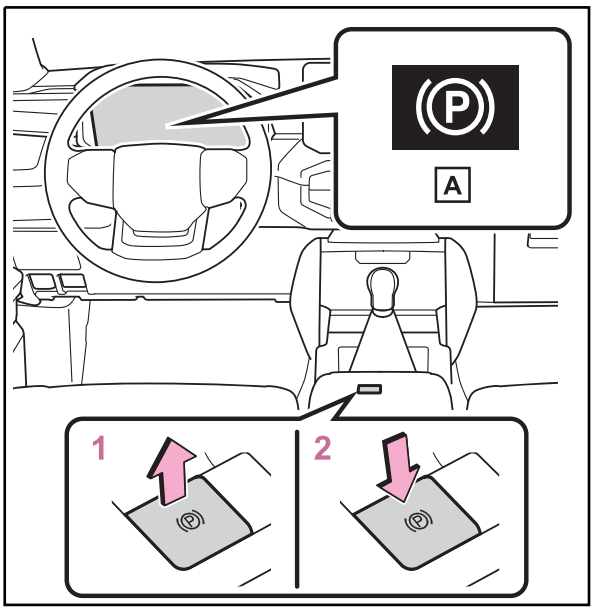
n **Sử dụng chế độ thường**

Có thể gài và nhả phanh đỗ bằng cách thủ công.

▶ Hộp số tự động:



▶ Hộp số thường:



A Đèn chỉ báo phanh đỗ

1 Hãy kéo công tắc để gài phanh đỗ.

Đèn chỉ báo phanh đỗ sẽ sáng lên.

Hãy kéo và giữ công tắc phanh đỗ nếu có trường hợp khẩn cấp và cần vận hành phanh đỗ trong khi lái xe.

2 Ấn công tắc để nhả phanh đỗ.

- Vận hành công tắc phanh đỗ khi nhấn bàn đạp phanh.
- Sử dụng chức năng nhả tự động phanh đỗ, có thể nhả phanh đỗ bằng cách nhấn bàn đạp ga. Khi sử dụng chức năng này, hãy nhấn chậm bàn đạp ga. (→P.202)

Hãy chắc chắn rằng đèn chỉ báo phanh đỗ đã tắt.

Nếu đèn chỉ báo phanh đỗ nháy, hãy vận hành công tắc một lần nữa. (→P.543)

n Bật chế độ tự động

Xe trang bị hộp số tự động: Trong khi xe đang dừng, hãy kéo và giữ công tắc phanh đỗ cho đến khi chuông báo kêu và một thông báo xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

Xe có hộp số tay: Trong khi xe đang dừng, kéo và giữ công tắc phanh đỗ cho đến khi chuông báo kêu và đèn báo HIỂN THỊ chế độ tự động EPB TẮT tắt.

Khi bật chế độ tự động, phanh đỗ sẽ vận hành như sau.

▶ Xe có hộp số tự động:

- Khi cần số được chuyển ra khỏi vị trí P, phanh đỗ sẽ được nhả ra, và đèn chỉ báo phanh đỗ sẽ tắt.
- Khi cần số được chuyển vào vị trí P, phanh đỗ sẽ được gài, và đèn chỉ báo phanh đỗ sẽ bật.

Vận hành cần số khi xe đang đỗ và nhấn bàn đạp phanh.

Chức năng tự động có thể không hoạt động nếu chuyển cần số quá nhanh hoặc đạp không chắc bàn đạp phanh. Trong trường hợp này, hãy gài phanh đỗ bằng cách thủ công. (→P.200)

▶ Xe có hộp số thường:

- Khi động cơ được tắt, phanh đỗ sẽ được gài và đèn chỉ báo phanh đỗ và đèn phanh đỗ sẽ sáng.

n Tắt chế độ tự động

▶ Xe có hộp số tự động:

Trong khi xe đang dừng và đạp giữ bàn đạp phanh, hãy ấn và giữ công tắc phanh đỗ cho đến khi chuông báo kêu và một thông

báo xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

▶ Xe có hộp số thường:

Trong khi xe đang dừng và đạp giữ bàn đạp phanh, hãy ấn và giữ công tắc phanh đỗ cho đến khi chuông báo kêu và đèn báo auto EPB OFF sáng lên.

---

n **Sử dụng phanh đỗ**

l Khi công tắc động cơ không ở chế độ ON, không thể nhả được phanh đỗ bằng công tắc phanh đỗ.

l Khi công tắc động cơ không ở chế độ ON, chế độ tự động (việc đặt và nhả phanh tự động) sẽ không khả dụng.

n **Chức năng nhả tự động phanh đỗ**

Khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau, người lái có thể nhả phanh đỗ bằng cách đạp bàn đạp ga.

l Cửa của người lái được đóng lại

l Người lái đã thắt đai an toàn

l Cần số ở vị trí số tiến hoặc số lùi

l Đèn chỉ báo hư hỏng hoặc đèn cảnh báo hệ thống phanh không sáng.

Khi đạp bàn đạp ga, hãy đạp nó từ từ.

Nếu phanh đỗ không được nhả khi đạp chân ga, hãy nhả phanh đỗ bằng thao tác thủ công.

Đối với xe có hộp số tự động: Khi cần chuyển số từ chế độ P, phanh đỗ sẽ tự động được nhả.

n **Chức năng khóa tự động phanh đỗ**

Phanh đỗ sẽ tự động được đặt dưới các điều kiện sau:

l Không nhấn bàn đạp phanh

l Cửa người lái đang mở

l Không thắt đai an toàn của người lái

l Khi cần số ở vị trí khác P (xe có hộp số tự động).

l Đèn chỉ báo lỗi và đèn cảnh báo hệ thống phanh không sáng

n **Nếu thông báo "Phanh đỗ tạm thời không khả dụng" hiển thị trên màn hình đa thông tin**

Nếu nhấn phanh đỗ lặp đi lặp lại trong một thời gian ngắn, thì hệ thống có thể hạn chế hoạt động để tránh quá nhiệt. Nếu điều này xảy ra, cố gắng không vận hành phanh đỗ. Nó sẽ trở về hoạt động bình thường sau khoảng một phút.

n **Nếu thông báo "Phanh đỗ tạm thời không khả dụng" xuất hiện trên màn hình đa thông tin**

Sử dụng công tắc phanh đỗ. Nếu thông điệp không xuất hiện sau khi vận hành công tắc vài lần, thì hệ thống có thể đang bị trục trặc. Hãy đưa xe tới kiểm tra tại đại lý Toyota.

n **Tiếng kêu vận hành phanh đỗ**

Khi vận hành phanh đỗ, bạn có thể nghe thấy tiếng môtơ chạy (tiếng vù vù). Hiện tượng đó là hoàn toàn bình thường.

n **Đèn chỉ báo phanh đỗ**

l Tùy vào chế độ của công tắc động cơ, đèn chỉ báo phanh đỗ sẽ sáng hoặc sáng không tắt như được mô tả dưới đây:
ON: Sáng lên cho đến khi đã nhả phanh đỗ.
Không ở ON: Sáng lên trong khoảng 15 giây.

l Khi tắt công tắc động cơ với phanh đỗ đã được đặt, đèn chỉ báo phanh đỗ sẽ sáng khoảng 15 giây. Đây không phải là hư hỏng.

n **Khi công tắc phanh đỗ bị trục trặc**

Chế độ tự động (đặt và nhả phanh tự động) sẽ bật tự động.

n **Đỗ xe**

→P.173

n Chuông cảnh báo gài phanh đỗ

Chuông báo sẽ phát ra tiếng kêu nếu xe đang gài phanh đỗ. Thông điệp "Bật phanh đỗ" được hiển thị trên màn hình đa thông tin (nếu tốc độ xe đạt tới 5 km/h).

n Nếu đèn cảnh báo hệ thống phanh sáng

→P.535

n Sử dụng xe trong mùa đông

→P.406

⚠ CẢNH BÁO

n Khi đỗ xe

Không được để trẻ nhỏ trong xe mà không có người trông. Trẻ có thể sử dụng và vô tình nhả phanh đỗ và gây nguy hiểm khi xe đang chạy, có thể dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n Công tắc phanh đỗ

Không đặt bất kỳ đồ vật nào ở gần công tắc phanh đỗ. Nó có thể sẽ vướng vào công tắc và làm cho phanh đỗ hoạt động bất ngờ.

n Chức năng khóa tự động phanh đỗ

Không bao giờ sử dụng chức năng gài phanh đỗ tự động thay cho thao tác gài phanh đỗ thông thường. Chức năng này được thiết kế để giảm nguy cơ va chạm do người lái quên không gài phanh đỗ. Việc phụ thuộc quá nhiều vào chức năng này để đỗ xe có thể sẽ dẫn đến tai nạn gây ra tử vong hoặc bị chấn thương nghiêm trọng.

⚠ CHÚ Ý

n Khi đỗ xe

▶ Xe có hộp số tự động:

Trước khi bạn rời khỏi xe, chuyển cần số đến vị trí P, hãy gài phanh đỗ và chắc chắn rằng xe không bị trôi.

⚠ CHÚ Ý

▶ Xe có hộp số thường:

Trước khi bạn rời khỏi xe, chuyển cần số đến vị trí N, hãy gài phanh đỗ và chắc chắn rằng xe không bị trôi.

n Khi có lỗi trong hệ thống

Hãy dừng xe tại vị trí an toàn và kiểm tra thông điệp cảnh báo.

n Khi ắc quy của xe bị hết điện

Hệ thống phanh đỗ không thể được kích hoạt. (→P.573)

n Nếu không thể nhả được phanh đỗ do có hư hỏng

Nếu bạn lái xe trong khi vẫn gài phanh đỗ sẽ làm các chi tiết của hệ thống phanh bị quá nhiệt, có thể làm giảm hiệu quả phanh và tăng mức độ mài mòn. Hãy đưa xe tới kiểm tra tại đại lý Toyota ngay nếu thấy xảy ra hiện tượng trên.

Chức năng giữ phanh*

*: Nếu có

▶ Xe có hộp số tự động:

Hệ thống giữ phanh duy trì hoạt động gài phanh khi cần số ở vị trí D, S, N hoặc P với hệ thống đang bật và nhấn bàn đạp phanh để dừng xe. Hệ thống sẽ nhả phanh khi nhấn bàn đạp ga với cần số ở vị trí D hoặc S để cho phép xe khởi hành êm.

▶ Xe có hộp số thường:

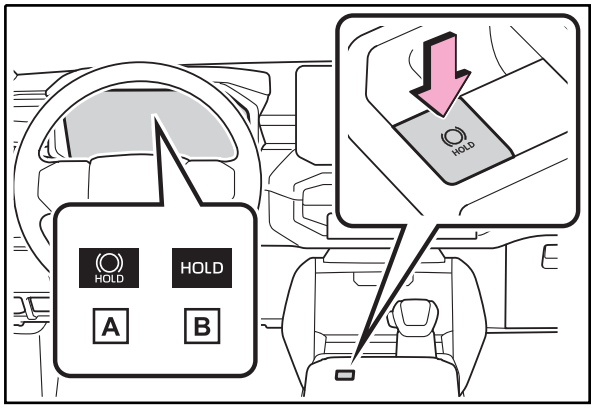
Hệ thống phanh giữ sẽ phanh xe lại khi cần số không ở vị trí R với hệ thống đang ở trạng thái bật và người lái đạp bàn đạp phanh để dừng xe lại. Hệ thống sẽ nhả phanh khi người lái đạp bàn đạp ga với cần số ở vị trí số tiến để cho phép khởi hành xe một cách mượt mà.

Kích hoạt hệ thống

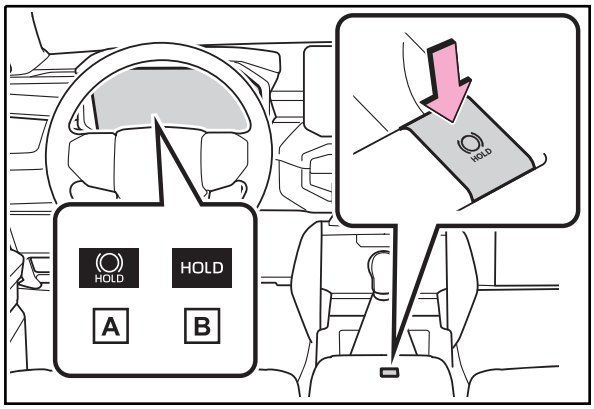
Bật hệ thống giữ phanh

Đèn chỉ báo chờ giữ phanh A (màu xanh) sáng lên. Trong khi hệ thống đang giữ phanh, thì chỉ báo hoạt động giữ phanh B (màu vàng) sáng.

▶ Hộp số tự động:



▶ Hộp số thường:



n **Các điều kiện hoạt động của hệ thống giữ phanh**

Hệ thống giữ phanh có thể sẽ không bật trong các trường hợp sau:

- Cửa của người lái mở.
- Người lái không thắt đai an toàn.
- Thông báo "Phanh đỗ không khả dụng" hoặc "Lỗi phanh đỗ Hỏi ý kiến đại lý" được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

Khi bất kỳ điều kiện nào ở trên được phát hiện khi hệ thống giữ phanh được kích hoạt, hệ thống sẽ tắt, đèn báo chờ giữ phanh sẽ tắt và chức năng giữ phanh có thể không giữ được xe.

Nếu hệ thống phát hiện cửa tài xế chưa được đóng hoặc tài xế không thắt dây an toàn trong khi hệ thống đang giữ phanh, một chuông báo sẽ kêu và một thông báo sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin. Sau đó, phanh đỗ sẽ được kích hoạt tự động.

n Chức năng giữ phanh

l Nếu bàn đạp phanh không được nhấn trong khoảng 3 phút sau khi hệ thống bắt đầu giữ phanh, thì phanh đỗ sẽ được gài tự động. Trong trường hợp này, chuông cảnh báo sẽ kêu và thông điệp cảnh báo sẽ hiển thị trên màn hình đa thông tin.

l Để tắt hệ thống khi hệ thống đang thực hiện giữ phanh, hãy đạp chắc bàn đạp phanh và ấn nút một lần nữa.

l Chức năng giữ phanh có thể không giữ được xe trên đường dốc. Trong tình huống này, người lái cần phải gài phanh. Chuông cảnh báo sẽ kêu và màn hình đa thông tin sẽ thông báo cho người lái tình huống này. Khi thông điệp cảnh báo được hiển thị trên màn hình đa thông tin, hãy đọc các thông điệp và tuân theo các hướng dẫn.

l Khi không muốn hệ thống phanh đỗ tự động hoạt động, hãy ấn và giữ công tắc điều khiển giữ phanh cho đến khi đèn chỉ báo chờ (màu xanh lá cây) tắt, rồi tắt công tắc động cơ.

n Khi phanh đỗ đã được gài tự động trong khi phanh đang được giữ

Thực hiện một trong các thao tác sau đây để nhả phanh đỗ:

l Nhấn bàn đạp ga. (Phanh đỗ sẽ không nhả ra tự động nếu không thắt đai an toàn.)

l Sử dụng công tắc phanh đỗ trong khi đạp bàn đạp phanh.

Hãy chắc chắn rằng đèn chỉ báo phanh đỗ đã tắt. (→P.200)

n Khi cần kiểm tra xe tại Đại lý Toyota

Khi đèn chỉ báo chờ giữ phanh (màu xanh lá) không sáng kể cả khi công tắc giữ phanh được ấn và thỏa mãn điều kiện hoạt động của hệ thống giữ phanh, thì hệ thống có thể bị hư hỏng. Hãy yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

n Nếu thông điệp "Sự cố ở chức năng giữ phanh Đạp phanh để vô hiệu hóa Hãy đến Đại lý" hoặc "Sự cố ở chức năng giữ phanh Hãy đến đại lý" được hiển thị trên màn hình đa thông tin

Hệ thống có thể đã bị trục trặc. Hãy cho kiểm tra xe ngay lập tức tại đại lý Toyota.

n Thông điệp cảnh báo hoặc chuông cảnh báo

Thông điệp cảnh báo và chuông báo được sử dụng để chỉ báo một hệ thống bị lỗi hoặc chỉ ra rằng người lái cần phải thận trọng. Khi thông điệp cảnh báo được hiển thị trên màn hình đa thông tin, hãy đọc các thông điệp và tuân theo các hướng dẫn

n Khi một điều khiển khác kích hoạt cùng với hệ thống giữ phanh (xe có hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc)

Một thông điệp được hiển thị trên màn hình đa thông tin bất kỳ trường hợp nào sau đây.

l "Brake Hold không khả dụng Xem Hướng dẫn sử dụng"
- Ấn công tắc giữ phanh trong khi hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc được kích hoạt.
- Ấn công tắc giữ phanh trong khi công tắc điều khiển hệ dẫn động cầu trước được chuyển đến chế độ 4L.

l "Brake Hold Unavailable Press Brake to Deactivate"
- Khi người lái ấn nút DAC trong khi hệ thống giữ phanh được kích hoạt.
- Khi công tắc điều khiển dẫn động cầu trước được chuyển đến chế độ 4L trong khi hệ thống giữ phanh được kích hoạt.

Hệ thống giữ phanh và hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc hoặc chế độ 4L của hộp số phụ không thể kích hoạt được cùng một thời điểm.

Hãy ấn công tắc giữ phanh và nhấn bàn đạp phanh để tắt hệ thống giữ

phanh.

n **Nếu đèn chỉ báo hoạt động của chức năng giữ phanh nháy**

→P.544

CẢNH BÁO

n **Vui lòng tắt hệ thống giữ phanh trong các tình huống sau đây.**

- Trên dốc
- Trên một con đường trơn trượt
- Khi sử dụng máy rửa xe tự động
- Khi bị kéo bởi một xe khác

CHÚ Ý

n **Khi đỗ xe**

Hệ thống giữ phanh không được thiết kế để đỗ xe quá lâu. Việc tắt công tắc động cơ khi hệ thống đang giữ phanh có thể làm nhả phanh, làm xe chuyển động. Khi ấn công tắc động cơ, hãy đạp bàn đạp phanh, chuyển cần số đến P (xe có hộp số tự động) hoặc N (xe có hộp số sàn), và gài phanh đỗ.

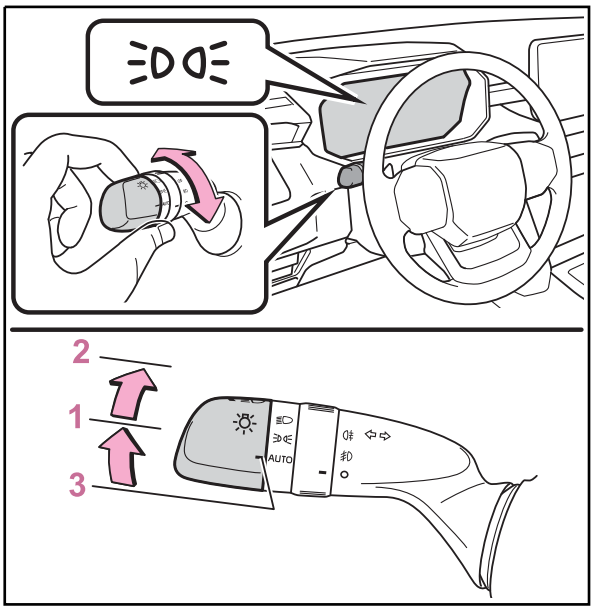
Công tắc đèn pha

Có thể điều khiển đèn pha bằng thao tác thủ công hay tự động.

Bật đèn pha

Sử dụng công tắc để bật các đèn như sau:

▶ Kiểu A

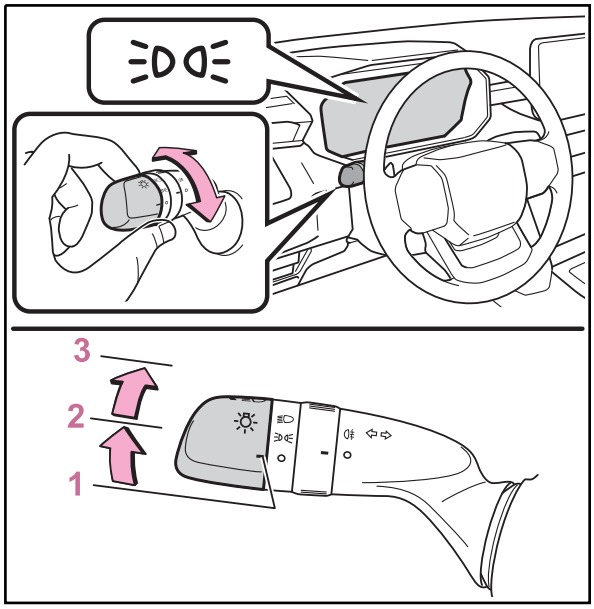


1 Đèn vị trí phía trước, đèn hậu, đèn soi biển số và đèn chiếu sáng bảng táp lô sẽ bật.

2 Đèn pha và tất cả các đèn kể trên sẽ sáng.

3 AUTO Đèn pha, đèn chiếu sáng ban ngày (nếu có) (→P.207) và tất cả những đèn trên sẽ bật và tắt tự động.

▶ Kiểu B



1 O Xe không có hệ thống đèn chiếu sáng ban ngày: Tắt.
Xe có hệ thống đèn chiếu sáng ban ngày: Đèn chiếu sáng ban ngày bật. (→P.207)

2 Đèn vị trí phía trước, đèn hậu, đèn soi biển số và đèn chiếu sáng bảng táp lô sẽ bật.

3 Đèn pha và tất cả các đèn kể trên sẽ sáng.

n **Chế độ AUTO có thể sử dụng được khi**

Công tắc động cơ ở ON.

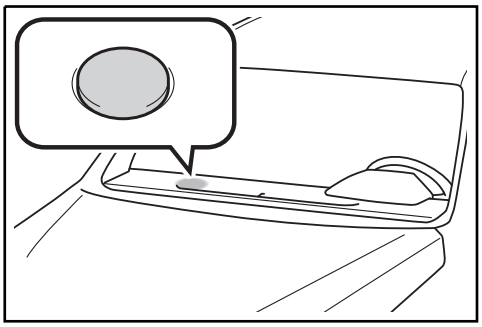
n **Hệ thống đèn chiếu sáng ban ngày (nếu có)**

Để giúp cho các tài xế khác dễ nhận ra xe của bạn khi lái xe vào ban ngày, đèn chiếu sáng ban ngày sẽ tự động bật sáng mỗi khi khởi động động cơ và nhả phanh đỗ với công tắc đèn pha ở vị trí O hoặc vị trí AUTO. (Đèn này sẽ sáng hơn các đèn vị trí phía trước.) Đèn chiếu sáng ban ngày không được thiết kế để chiếu sáng

vào ban đêm.

n Cảm biến điều khiển đèn pha (nếu có)

Cảm biến có thể sẽ không làm việc chính xác nếu có dị vật bám lên cảm biến, hoặc trên kính chắn gió có gắn đồ vật làm che khuất cảm biến. Do những vật này sẽ làm ảnh hưởng đến khả năng cảm nhận ánh sáng bên ngoài của cảm biến và có thể làm cho hệ thống đèn pha tự động bị trục trặc.



n Hệ thống tự động tắt đèn (nếu có)

Các đèn sẽ tắt sau khi công tắc động cơ được chuyển đến chế độ OFF và cửa người lái được mở.

Để bật lại các đèn, bật công tắc động cơ đến ON, hoặc bật công tắc đèn đến vị trí O hoặc AUTO một lần, sau đó quay lại vị trí hoặc .

n Chuông nhắc tắt đèn (nếu có)

▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Chuông sẽ kêu khi công tắc động cơ chuyển sang OFF, rút chìa khóa ra và mở cửa người lái trong khi đèn vẫn đang bật.

▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Chuông báo sẽ kêu khi công tắc động cơ được chuyển sang OFF và cửa người lái được mở ra trong khi các đèn vẫn đang bật.

n Hệ thống cân bằng đèn pha tự động (nếu có)

Góc chiếu của đèn pha được tự động điều chỉnh theo số lượng hành khách và điều kiện tải của xe để đảm bảo rằng đèn pha của xe không làm ảnh hưởng đến những xe khác trên đường.

n Chức năng tiết kiệm điện

Để tránh làm cho ắc quy của xe bị hết điện, nếu các đèn pha và/hoặc các đèn hậu đang bật khi công tắc động cơ đang tắt, chức năng tiết kiệm điện của ắc quy sẽ hoạt động và tự động tắt tất cả các đèn sau khoảng 10 phút. Khi bật công tắc động cơ tới ON, chức năng tiết kiệm điện sẽ bị vô hiệu hóa.

Khi thực hiện một trong các quy trình sau, chức năng tiết kiệm điện sẽ được vô hiệu hóa một lần sau đó kích hoạt lại. Tất cả các đèn sẽ tự động tắt 10 phút sau khi kích hoạt lại chức năng tiết kiệm điện:

- Khi vận hành công tắc đèn pha
- Khi đóng hoặc mở một cửa

n Khi mở khóa các cửa xe (đèn chào mừng) (nếu có)

Các đèn vị trí phía trước sẽ tự động bật lên khi xung quanh xe bị tối và các cửa xe được mở khóa bằng chức năng vào xe hoặc điều khiển từ xa nếu công tắc đèn đặt ở vị trí AUTO.

n Tùy chọn

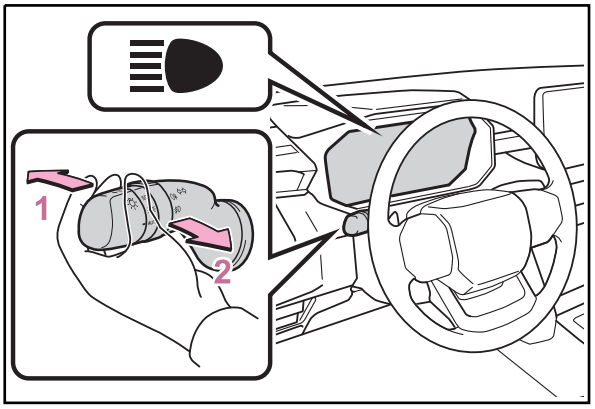
Có thể thay đổi các cài đặt (chẳng hạn như độ nhạy của cảm biến đèn). (Tính năng tùy chọn cá nhân: →P.609)

CHÚ Ý

n Để tránh làm hết điện của ắc quy

Khi động cơ không hoạt động, không bật đèn trong thời gian quá lâu nếu không cần thiết.

Bật đèn pha chiếu xa



1 Với công tắc đèn pha đang được bật, hãy đẩy cần điều khiển ra xa phía bạn để bật chế độ đèn pha chiếu xa.

Kéo cần điều khiển về phía bạn tới vị trí trung gian để tắt chế độ đèn pha chiếu xa.

2 Kéo cần điều khiển về phía bạn và nhả cần ra để nháy đèn pha chiếu xa.

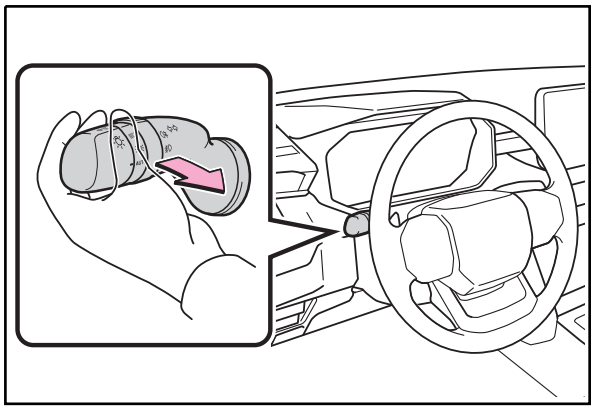
Bạn có thể nháy đèn pha chiếu xa khi đèn pha đang bật hoặc đã tắt.

Hệ thống kéo dài thời gian sáng đèn pha (nếu có)

Hệ thống này cho phép đèn pha sáng được trong 30 giây khi tắt công tắc động cơ.

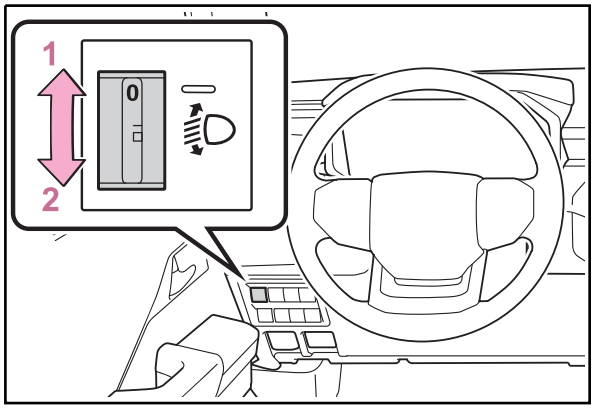
Kéo cần điều khiển về phía bạn và thả cần ra với công tắc đèn ở vị trí AUTO hoặc O sau khi chuyển công tắc động cơ sang OFF.

Kéo cần điều khiển về phía bạn và nhả cần ra để tắt các đèn.



Núm cân bằng đèn pha loại thường (nếu có)

Bạn có thể điều chỉnh góc chiếu của đèn pha theo lượng hành khách và tải trọng của hàng hóa trên xe.



1 Nâng góc chiếu của đèn pha

2 Hạ góc chiếu của đèn pha

n Bảng chỉ dẫn chọn mức cân bằng đèn pha

Điều kiện tải hàng và số lượng hành khách		Vị trí của núm điều chỉnh		
Hành khách	Tải hàng hóa	Xe cabin đơn	Xe cabin thông minh	Kiểu xe có cabin kép
Người lái	Không	0	0	0
Người lái	Đầy tải	3.5*1 4*2	4	4

*1: Trừ các dòng xe có mã thị trường để trắng*3

*2: Cho các dòng xe có mã thị trường Blank*3

*3: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P.11)

AHB (Chiếu xa tự động)*

*: Nếu có

Hệ thống chiếu xa tự động sử dụng một camera phía trước nằm ở phần trên của kính chắn gió để phát hiện độ sáng của đèn của các xe phía trước, đèn đường, vv., và tự động thay đổi đèn pha giữa chế độ chiếu xa và chiếu gần.

⚠ CẢNH BÁO

n **Để lái xe an toàn**

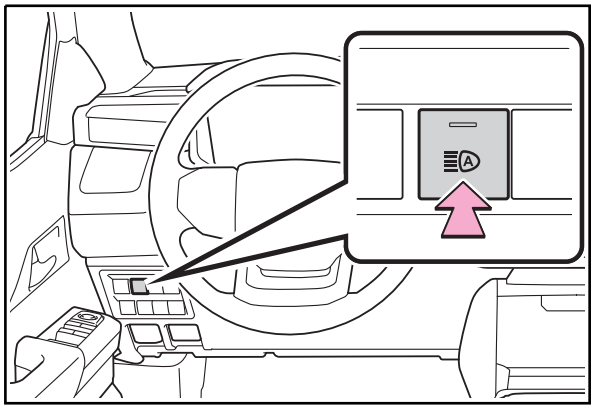
Không được quá tin tưởng vào chức năng chiếu xa tự động. Luôn lái xe an toàn, chú ý quan sát xung quanh và hãy bật/tắt đèn pha bằng tay nếu cần thiết.

n **Để tránh cho hệ thống đèn pha tự động kích hoạt bất ngờ**

l Khi cần vô hiệu hóa hệ thống →P.220

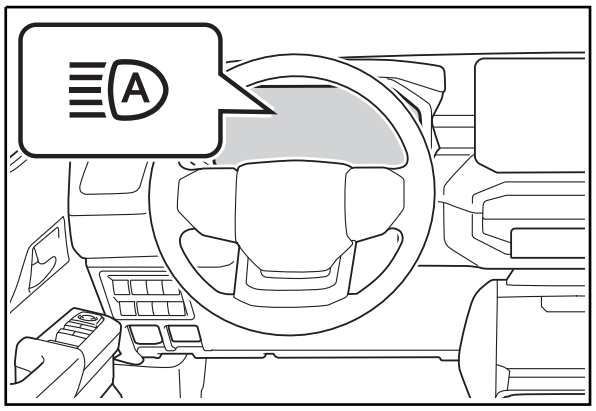
Sử dụng hệ thống chiếu xa tự động

1 Ấn vào công tắc chiếu xa tự động.



2 Bật công tắc đèn pha đến vị trí AUTO hoặc .

Khi cần công tắc đèn pha ở vị trí đèn pha chiếu gần, hệ thống AHB sẽ được kích hoạt và đèn chỉ báo AHB sẽ sáng.



n Các điều kiện hoạt động tự động của hệ thống đèn pha

l Khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau, thì đèn pha sẽ tự động bật sáng:
- Tốc độ xe đạt từ 30 km/h trở lên.
- Khu vực phía trước xe bị tối.
- Không có xe chạy phía trước bật đèn sáng.
- Có ít đèn đường hoặc các đèn khác trên đoạn đường phía trước.

l Nếu thỏa mãn bất kỳ điều kiện nào sau đây, đèn pha sẽ chuyển về chế độ đèn pha chiếu gần:
- Khi tốc độ xe giảm xuống thấp hơn 25 km/h
- Khu vực phía trước xe là không tối.
- Có một xe chạy phía trước bật đèn sáng.
- Có nhiều đèn đường hoặc các đèn khác trên đoạn đường phía trước.

n Phát hiện của camera phía trước

l Trong các trường hợp sau, đèn pha chiếu xa có thể sẽ không tự động chuyển về chế độ đèn pha chiếu gần:
- Khi một xe khác chạy cắt qua đầu xe của bạn
- Khi một xe khác chạy ngang qua đầu xe của bạn
- Khi các xe phía trước liên tục được phát hiện và sau đó lại biến mất do các đoạn đường cua liên tục, các dải phân cách đường hoặc các cây cối ven đường
- Khi một xe chạy phía trước tiến tới gần từ một làn đường xa
- Khi xe phía trước nằm cách xa xe của bạn
- Khi xe phía trước không bật đèn
- Khi đèn của xe phía trước mờ
- Khi xe phía trước phản chiếu ánh sáng mạnh, chẳng hạn như ánh sáng đèn pha của chính xe đó.
- Những tình huống có thể làm cho các cảm biến hoạt động không chính xác: →P.224

l Đèn pha có thể sẽ chuyển sang chế độ đèn pha chiếu gần nếu phát hiện thấy xe phía trước đang sử dụng đèn sương mù mà không bật đèn pha.

l Đèn nhà, đèn đường, đèn tín hiệu giao thông và biển quảng cáo hoặc biển giao thông được chiếu sáng có thể sẽ làm cho đèn pha chuyển sang chế độ đèn pha chiếu gần hoặc liên tục duy trì ở chế độ đèn pha chiếu gần.

l Những yếu tố sau đây có thể sẽ làm thay đổi thời điểm đèn pha chuyển sang chế độ đèn pha chiếu gần:
- Độ sáng của các đèn của xe phía trước
- Chuyển động và hướng chuyển động của xe phía trước
- Khoảng cách giữa xe của bạn và xe phía trước
- Khi xe chạy phía trước chỉ có một bên đèn sáng
- Khi xe phía trước là xe hai bánh
- Tình trạng đường sá (đường dốc, đường cong, điều kiện của mặt đường…)
- Số lượng hành khách và trọng lượng hàng hóa

l Đèn pha có thể bất ngờ chuyển giữa chế độ đèn pha chiếu xa và đèn pha chiếu gần.

l Hệ thống có thể sẽ không phát hiện được xe đạp và các xe nhỏ khác.

l Trong các trường hợp sau, hệ thống có thể sẽ không phát hiện được độ

sáng của môi trường xung quanh một cách chính xác. Điều này có thể sẽ làm cho hệ thống duy trì chế độ đèn pha chiếu gần hoặc đèn pha làm chói hoặc lóa mắt người đi bộ hoặc xe chạy phía trước. Trong các trường hợp đó, hãy chuyển giữa chế độ đèn pha chiếu xa và đèn pha chiếu gần bằng thao tác thủ công.
- Khi có các ánh sáng tương tự như đèn pha hoặc đèn đuôi xe ở khu vực xung quanh
- Đèn pha hoặc đèn hậu của xe phía trước đã tắt, bị bẩn, thay đổi màu hoặc độ chụm bị sai
- Khi đèn pha liên tục chuyển giữa chế độ đèn pha và đèn pha chiếu gần.
- Khi không thích hợp để bật đèn pha (chiếu xa) hoặc khi đèn pha (chiếu xa) có thể làm chói hoặc lóa mắt người đi bộ hoặc những người lái xe khác.
- Khi sử dụng xe ở những vùng mà hướng lái xe ngược với hướng được thiết kế cho vùng đó, ví dụ như khi xe được thiết kế để dùng cho khu vực sử dụng xe tay lái thuận nhưng lại được dùng ở khu vực sử dụng xe tay lái nghịch hoặc ngược lại
- Khi cần vô hiệu hóa hệ thống →P.220
- Những tình huống có thể làm cho các cảm biến hoạt động không chính xác: →P.224

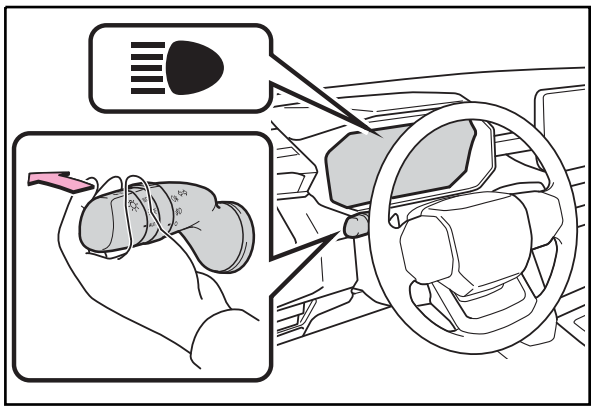
Bật hoặc tắt đèn pha (chiếu xa) bằng cách thủ công

n Chuyển sang chế độ đèn pha chiếu xa

Hãy đẩy cần điều khiển về phía trước.

Đèn chỉ báo AHB sẽ tắt và đèn chỉ báo đèn chiếu xa sẽ sáng.

Hãy kéo cần điều khiển về vị trí ban đầu để kích hoạt lại hệ thống chiếu xa tự động.

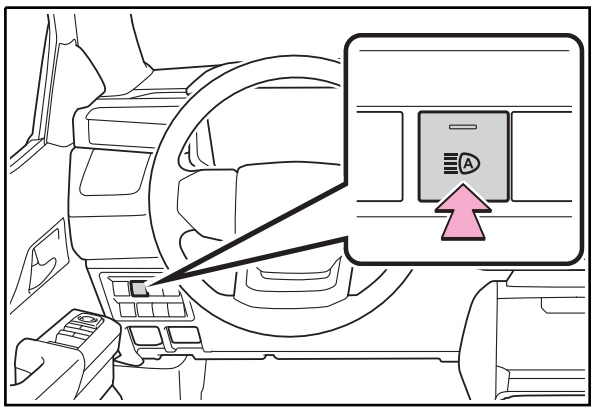


n Chuyển sang chế độ đèn pha chiếu gần

Ấn vào công tắc chiếu xa tự động.

Đèn chỉ báo AHB sẽ tắt.

Hãy ấn công tắc để kích hoạt lại hệ thống chiếu xa tự động.



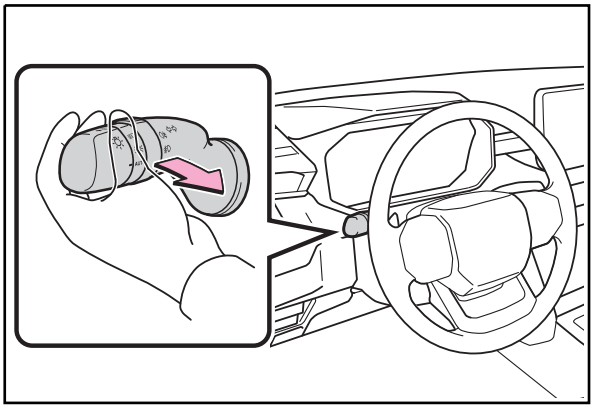
Tạm thời chuyển sang chế độ đèn chiếu gần

Chúng tôi khuyến nghị chuyển sang chế độ chiếu gần khi cho rằng chế độ chiếu xa có để đang gây khó chịu hoặc ảnh hưởng đến xe khác hoặc người đi bộ gần đó.

Kéo cần điều khiển về phía bạn và sau đó trả nó về vị trí ban đầu.

Đèn pha chiếu xa sẽ sáng trong khi

kéo cần về phía bạn, tuy nhiên, sau khi cần điều khiển trở về vị trí ban đầu của nó, đèn pha chiếu gần vẫn sáng trong một thời gian nhất định. Sau đó, hệ thống chiếu xa tự động sẽ hoạt động.



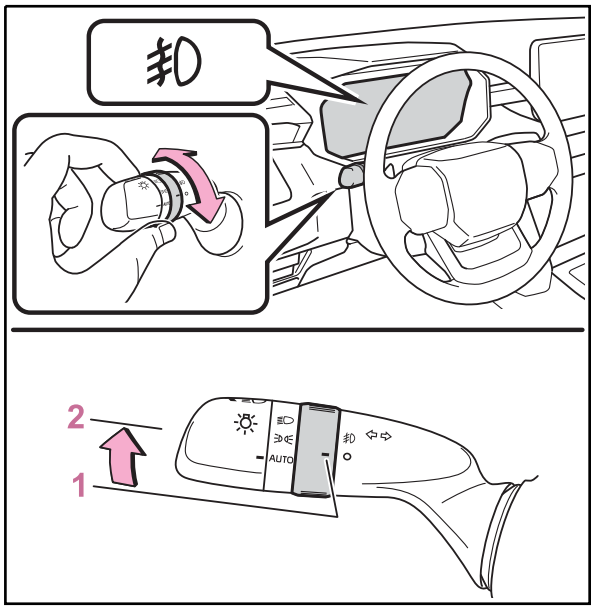
Công tắc đèn sương mù*

*: Nếu có

Các đèn sương mù giúp tăng khả năng quan sát tốt trong điều kiện lái xe khó khăn, như khi mưa hoặc có sương mù.

Quy trình vận hành

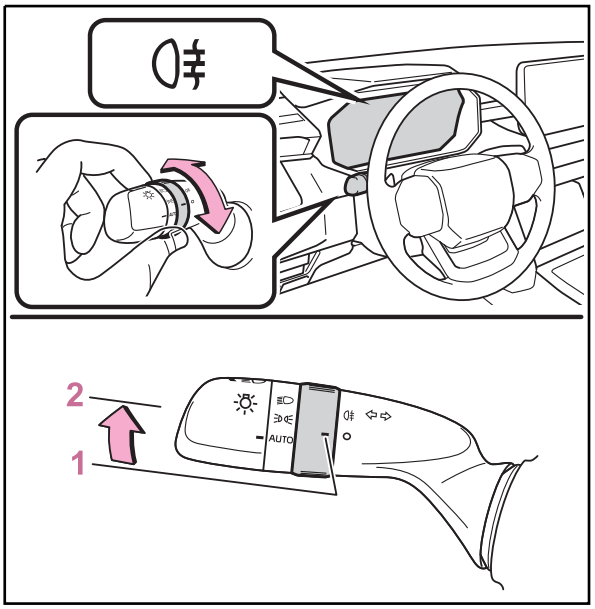
▶ Công tắc đèn sương mù phía trước



1 O Tắt

2 Bật đèn sương mù phía trước

▶ Công tắc đèn sương mù phía sau



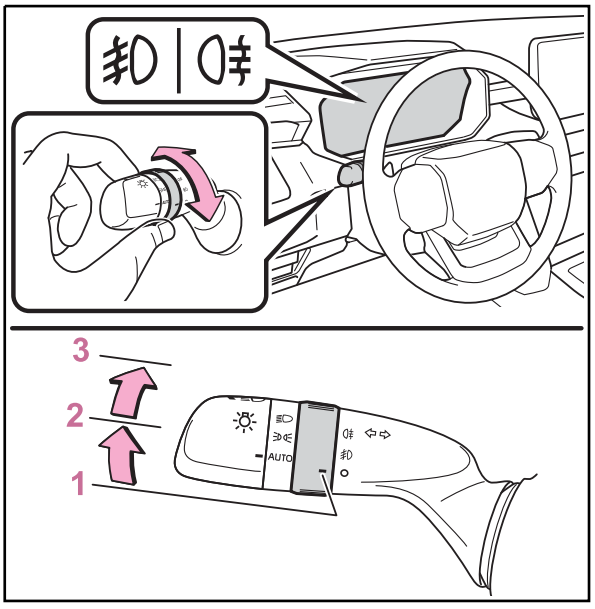
1 Tắt

2 Bật đèn sương mù phía sau

Khi nhả ra, công tắc sẽ trả vòng xoay về vị trí .

Xoay vòng một lần nữa để chỉ tắt đèn sương mù phía sau.

▶ Công tắc đèn sương mù phía trước và phía sau



1 Tắt

2 Bật đèn sương mù phía trước

3 Bật cả đèn sương mù phía trước và phía sau

Khi nhả ra, công tắc sẽ trả vòng xoay về vị trí .

Chỉ có đèn sương mù phía sau tắt đi khi bạn tiếp tục vặn công tắc điều chỉnh.

---

n **Có thể sử dụng đèn sương mù khi**

▶ Xe có đèn sương mù trước

Đèn pha hoặc đèn vị trí phía trước đang bật.

▶ Kiểu xe chỉ có đèn sương mù phía sau

Các đèn pha đang bật.

▶ Xe có các đèn sương mù phía trước và phía sau

Đèn sương mù phía trước: Đã bật đèn pha hoặc đèn vị trí phía trước.

Đèn sương mù phía sau: Đèn sương mù phía trước đang bật.

Cần gạt nước và phun nước rửa kính chắn gió

Có thể sử dụng cần gạt nước và phun nước rửa kính chắn gió bằng cách vận hành cần.

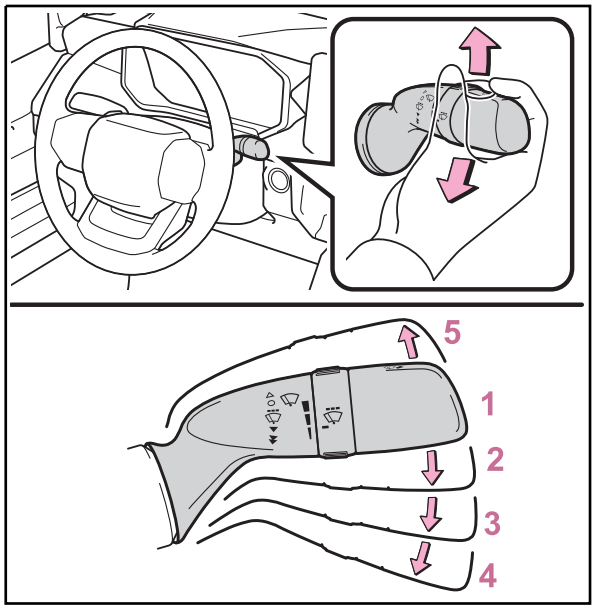
CHÚ Ý

n **Khi kính chắn gió khô**

Không sử dụng cần gạt nước, nếu không có thể sẽ làm hỏng kính chắn gió.

Sử dụng cần gạt nước

Sử dụng cần để vận hành cần gạt nước hoặc phun nước rửa kính như sau:



1 Tắt

2 Gạt gián đoạn

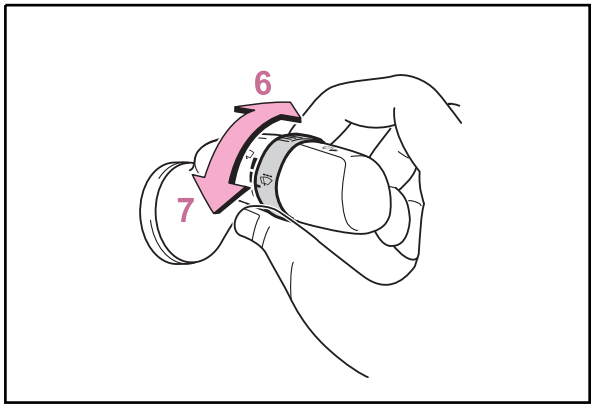
Cần gạt nước kính chắn gió gạt gián đoạn với tần số cao hơn khi tốc độ xe cao hơn.

3 Gạt chậm

4 Gạt nhanh

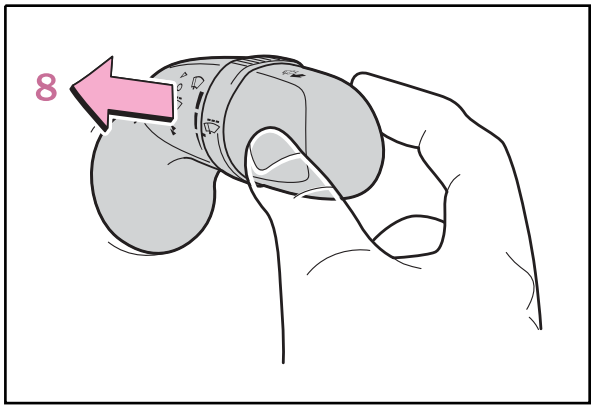
5 Gạt tạm

Khi lựa chọn chế độ gạt ngắt quãng (nếu có), thời gian chờ giữa các lần gạt có thể điều chỉnh được.



6 Tăng thời gian chờ giữa các lần gạt

7 Giảm thời gian chờ giữa các lần gạt



8 Phun nước/gạt nước hai lần

Kéo cần để vận hành cần gạt nước và phun nước rửa kính.

Cần gạt nước sẽ tự động gạt hai lần sau mỗi lần phun nước rửa kính.

n **Có thể vận hành cần gạt nước và phun nước rửa kính chắn gió khi**

Công tắc động cơ ở ON.

n Nếu không có nước rửa kính chắn gió phun lên

Hãy kiểm tra xem vòi phun có bị tắc hay không và có còn nước trong bình chứa nước rửa kính chắn gió không.

⚠ CẢNH BÁO

n Lưu ý liên quan đến việc sử dụng nước rửa kính

Khi trời lạnh, không phun nước rửa kính cho đến khi kính chắn gió đủ ấm. Nếu không, nước rửa kính có thể sẽ đóng băng trên kính chắn gió và gây cản trở tầm nhìn của bạn. Điều này có thể dẫn đến tai nạn, gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

⚠ CHÚ Ý

n Khi không có nước rửa kính phun lên

Nếu bạn kéo cần điều khiển về phía mình và giữ tại vị trí đó liên tục thì có thể sẽ làm hỏng bơm nước rửa kính.

n Khi bình chứa nước rửa kính bị cạn

Không vận hành công tắc điều khiển phun nước liên tục, nếu không bơm nước rửa kính có thể sẽ bị quá nhiệt.

n Khi vòi phun bị tắc

Trong trường hợp này, hãy liên hệ với đại lý Toyota

Không cố thông vòi phun bằng đầu kim hoặc các vật khác. Nếu không, vòi phun có thể sẽ bị hỏng.

n Để tránh làm hết điện của ắc quy

Không để cần gạt nước hoạt động quá lâu khi động cơ đã tắt.

Mở nắp bình nhiên liệu

Hãy thực hiện các bước sau để mở nắp bình nhiên liệu:

Trước khi nạp nhiên liệu cho xe

- Tắt công tắc động cơ và xác nhận rằng tất cả các cửa xe và cửa sổ đã được đóng chặt.
- Xác nhận loại nhiên liệu.

n **Loại nhiên liệu**

→P.591

n **Miệng bình nhiên liệu để nạp xăng không pha chì (động cơ xăng)**

Để tránh nạp nhầm loại nhiên liệu, xe của bạn có lỗ nạp nhiên liệu chỉ thích hợp với vòi đặc biệt của trạm xăng không pha chì.

⚠ CẢNH BÁO

n **Khi nạp nhiên liệu cho xe**

Hãy tuân theo những lưu ý sau khi nạp nhiên liệu. Nếu không có thể sẽ bị tử vong hoặc gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe.

- Sau khi ra khỏi xe và trước khi mở nắp bình nhiên liệu, hãy chạm tay vào một bề mặt không phủ sơn để xả tĩnh điện. Tầm quan trọng để xả tĩnh điện trước khi nạp nhiên liệu vì tia lửa điện sinh ra do tĩnh điện có thể sẽ làm cho hơi nhiên liệu bị bốc cháy.
- Hãy cầm vào phần khía nhám trên nắp bình nhiên liệu và xoay chậm để tháo nắp.
  Bạn có thể nghe thấy một tiếng xịt khẽ khi mở nắp bình nhiên liệu. Hãy đợi cho tới khi không còn nghe thấy tiếng xịt nữa, sau đó mở nắp. Khi trời nóng, nhiên liệu có áp suất cao có thể sẽ phụt ra khỏi nắp bình và gây chấn thương.
- Không để người nào chưa được xả tĩnh điện đến gần bình nhiên liệu đang mở.
- Không hít hơi nhiên liệu.
  Nhiên liệu có chứa rất nhiều chất có hại cho sức khỏe nếu hít phải.
- Không hút thuốc khi đang nạp nhiên liệu.
  Nếu không, nhiên liệu có thể sẽ bị bắt lửa và gây ra hỏa hoạn.
- Không quay trở lại xe hay chạm vào người hay vật bị nhiễm điện. Nếu không có thể sẽ làm tăng lượng tĩnh điện, kết quả làm tăng nguy cơ gây ra hỏa hoạn.

n **Khi nạp nhiên liệu**

Hãy tuân theo các chú ý sau đây để tránh làm nhiên liệu tràn ra khỏi bình:

- Hãy cắm hẳn vòi bơm nhiên liệu vào trong lỗ nạp nhiên liệu.
- Hãy ngừng nạp sau khi vòi bơm tự động ngắt.
- Không bơm nhiên liệu đầy tới miệng bình.

CHÚ Ý

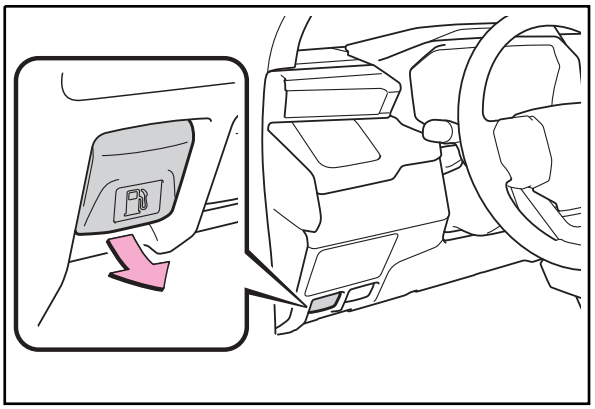
n **Nạp nhiên liệu**

l Trong khi nạp, tránh để tràn nhiên liệu ra xe.
Nếu không có thể sẽ gây ra hư hỏng cho xe, như làm cho hệ thống xả hoạt động bất thường hoặc làm hỏng các chi tiết của hệ thống nhiên liệu hoặc bề mặt sơn xe.

l Xe có hệ thống DPF: Hãy sử dụng loại nhiên liệu phù hợp. Nếu sử dụng nhiên liệu không phù hợp, khói trắng có thể sẽ xuất hiện liên tục ở đường ống xả trong khi tái tạo bộ lọc. (→P.394)

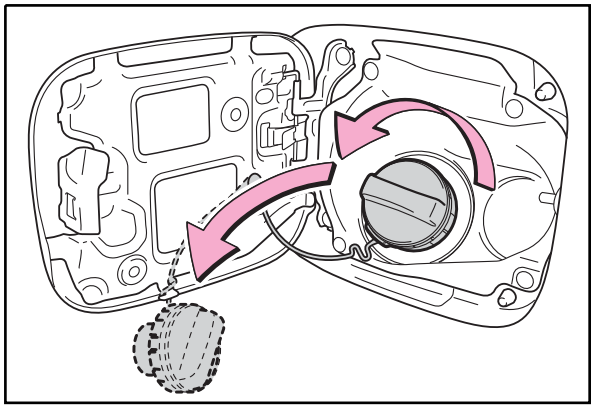
Mở nắp bình nhiên liệu

1 Hãy kéo lẫy lên.

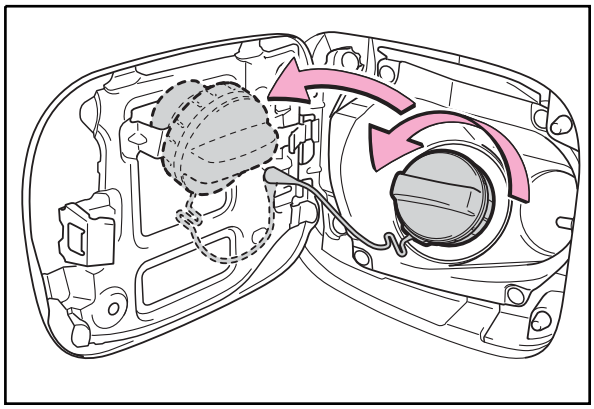


2 Vặn từ từ nắp bình nhiên liệu để mở và treo nắp bình lên mặt trong của cửa nạp nhiên liệu.

▶ Cửa nạp nhiên liệu kiểu A

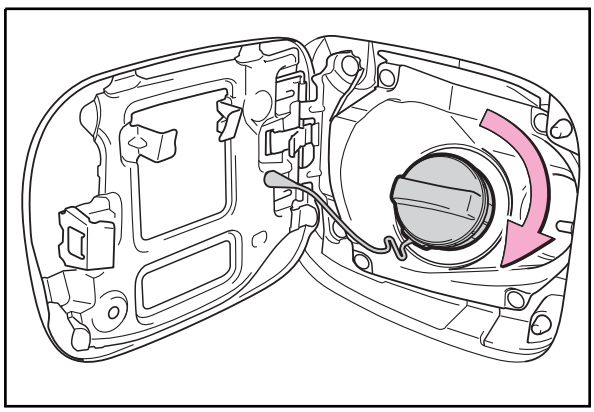


▶ Cửa nạp nhiên liệu kiểu B



Đóng nắp bình nhiên liệu

Sau khi nạp nhiên liệu, hãy vặn nắp bình nhiên liệu cho tới khi bạn nghe thấy một tiếng tách. Khi thả tay ra, nắp bình nhiên liệu sẽ xoay theo hướng ngược lại một chút.



CẢNH BÁO

n **Khi thay nắp bình nhiên liệu**

Chỉ sử dụng nắp bình nhiên liệu chính hiệu Toyota được thiết kế cho xe của bạn. Nếu không có thể gây ra hỏa hoạn hoặc những sự cố khác có thể dẫn tới tử vong hoặc bị thương nghiêm trọng.

Hệ thống cảm nhận an toàn Toyota*

*: Nếu có

Hệ thống cảm nhận an toàn Toyota gồm có các hệ thống hỗ trợ lái xe và góp phần vào trải nghiệm lái xe an toàn và thoải mái:

CẢNH BÁO

n **Hệ thống cảm nhận an toàn Toyota**

Hệ thống cảm nhận an toàn Toyota hoạt động với giả định rằng người lái sẽ lái xe an toàn, và nó được thiết kế để giúp giảm tác động đến người ngồi trong xe khi xảy ra va chạm và hỗ trợ người lái trong các điều kiện lái xe bình thường.

Do khả năng nhận biết chính xác và tính năng điều khiển mà hệ thống này có thể cung cấp là có giới hạn, không được quá tin tưởng vào hệ thống này. Người lái hoàn toàn chịu trách nhiệm chú ý đến môi trường xung quanh xe và lái xe an toàn.

n **Để lái xe an toàn**

- Không được quá tin tưởng vào hệ thống này. Người lái hoàn toàn chịu trách nhiệm chú ý đến môi trường xung quanh xe và lái xe an toàn. Hệ thống này có thể sẽ không hoạt động trong mọi tình huống và sự hỗ trợ của hệ thống cũng chỉ có giới hạn. Việc phụ thuộc quá nhiều vào hệ thống này khi điều khiển xe có thể sẽ dẫn đến tai nạn gây ra tử vong hoặc chấn thương nặng.
- Không thử kiểm tra hoạt động của hệ thống, vì nó có thể sẽ hoạt động không chính xác, và có thể sẽ dẫn đến tai nạn.
- Nếu cần sự chú ý của người lái trong khi thực hiện các thao tác lái xe hoặc khi xảy ra trục trặc trong hệ thống, một cảnh báo sẽ xuất hiện hoặc chuông cảnh báo sẽ kêu. Nếu một cảnh báo xuất hiện màn hình, hãy làm theo các hướng dẫn đã được hiển thị.
- Tùy thuộc vào tiếng ồn bên ngoài, âm lượng của hệ thống âm thanh trên xe... mà bạn có thể sẽ khó nghe thấy tiếng chuông cảnh báo. Ngoài ra, tùy thuộc vào điều kiện đường xá, mà bạn có thể sẽ khó nhận ra hoạt động của hệ thống.

n **Khi cần vô hiệu hóa hệ thống**

Trong các trường hợp sau, hãy vô hiệu hóa hệ thống này.

Nếu không có thể sẽ dẫn đến việc hệ thống hoạt động bất thường, có thể gây ra tai nạn dẫn đến tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

- Khi xe bị nghiêng do chở quá tải hoặc bị xịt lốp
- Khi đang lái xe ở tốc độ cực cao
- Khi đang kéo một xe khác
- Khi xe đang được vận chuyển bằng xe tải, tàu thủy, tàu hỏa...
- Khi xe được nâng lên và lốp xe có thể quay tự do
- Khi kiểm tra xe bằng bệ thử phanh như bệ thử động lực học gầm xe hoặc máy đo tốc độ, hoặc khi sử dụng thiết bị kiểm tra cân bằng bánh xe gắn trên xe
- Khi chạy xe ở chế độ thể thao hoặc trên địa hình phức tạp
- Khi rửa xe trong trạm rửa xe tự động

CẢNH BÁO

- Khi một cảm biến bị lệch hoặc bị biến dạng do có lực tác động mạnh lên cảm biến hoặc khu vực xung quanh cảm biến
- Khi đang lắp tạm các phụ kiện trên xe làm che khuất cảm biến hoặc ánh sáng
- Khi đang lắp lốp dự phòng kiểu nhỏ gọn hoặc xích quấn lốp được lắp vào xe hoặc khi sử dụng bộ dụng cụ vá lốp khẩn cấp để vá lốp xe
- Khi lốp xe đang quá mòn hoặc áp suất lốp xe thấp
- Khi đang lắp lốp xe khác với kích thước tiêu chuẩn của nhà sản xuất
- Khi không thể lái xe một cách ổn định, do va chạm, trục trặc...

Các hệ thống hỗ trợ lái xe

n **AHB (Chiếu xa tự động)**

→P.210

n **PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm)**

→P.227

n **LTA (Hỗ trợ bám làn đường)**

→P.236

n **LDA (Hệ thống cảnh báo lệch làn)**

→P.241

n **RSA (Hỗ trợ nhận diện biển báo)***

→P.246

n **Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa**

→P.248

n **Hệ thống điều khiển chạy tự động**

→P.259

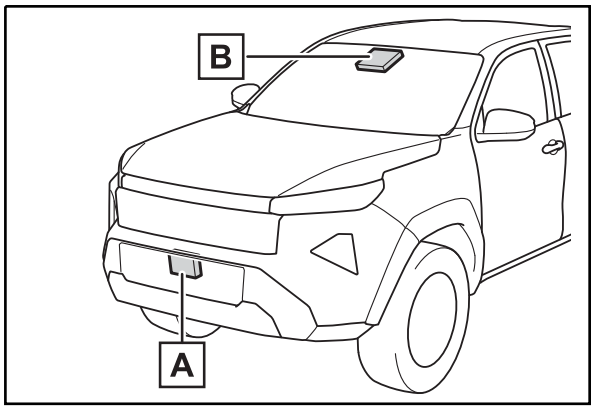
*: Nếu có

Hệ thống cảm nhận an toàn Toyota sử dụng các cảm biến sau

Các cảm biến khác nhau được sử dụng để đạt được những thông tin cần thiết để vận hành hệ thống.

n **Các cảm biến phát hiện các tình trạng xung quanh xe**

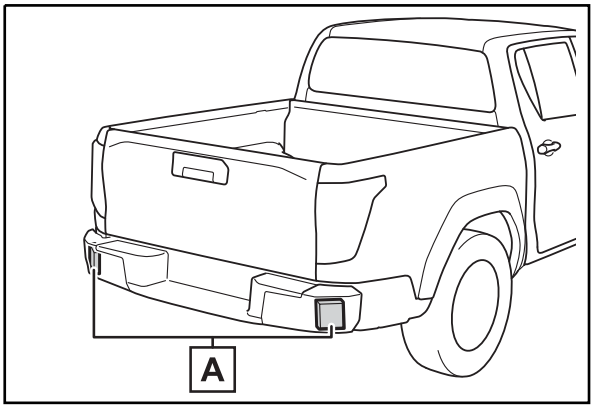
▶ Phía trước



A Cảm biến ra-đa phía trước

B Camera phía trước

▶ Phía sau



A Các cảm biến ra đa phía sau*

*: Nếu có

CẢNH BÁO

n **Để tránh làm hư hỏng các cảm biến rađa**

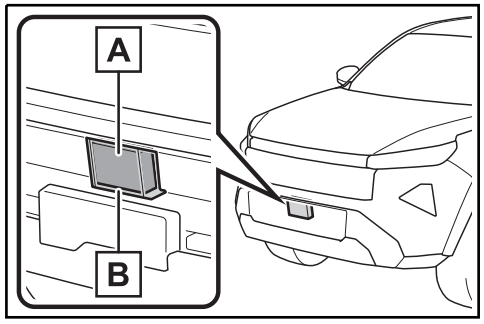
Hãy tuân theo các chú ý sau.

Nếu không có thể sẽ dẫn đến việc cảm biến ra đa hoạt động bất thường, có thể dẫn đến tai nạn gây ra tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

- Hãy giữ cảm biến rađa và nắp che cảm biến rađa luôn được sạch sẽ.

Nếu phía trước của cảm biến ra đa và phía trước hoặc phía sau của nắp che cảm biến rađa bị bẩn hoặc bị nước chảy vào, bị tuyết phủ… hãy lau sạch chúng.

Khi vệ sinh cảm biến ra đa và vỏ cảm biến ra đa, hãy sử dụng khăn mềm để lau sạch bụi bẩn để không làm hỏng chúng.



A Cảm biến ra đa

B Nắp che cảm biến rađa

- Không gắn các phụ kiện, miếng dán (kể cả miếng dán trong suốt), băng dính bằng nhôm, vv.. lên cảm biến ra đa, nắp cảm biến rađa hoặc các khu vực xung quanh.
- Không được để cảm biến ra đa hoặc các khu vực xung quanh nó chịu lực va chạm mạnh.

Nếu cảm biến ra đa, lưới tản nhiệt phía trước hoặc cản xe phía trước đã chịu lực va chạm mạnh, hãy yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

- Không được tháo rời các cảm biến ra-đa.

l Không được sửa đổi hoặc sơn lên các cảm biến ra đa hoặc nắp che cảm biến ra đa, hoặc thay thế chúng bằng bất kỳ các phụ tùng không chính hiệu Toyoya.

l Trong các tình huống sau, sẽ cần phải hiệu chỉnh lại các cảm biến rađa. Để biết thông tin chi tiết, hãy liên hệ với Đại lý Toyota của bạn.

• Khi cảm biến ra đa đã được tháo ra và sau đó lắp lại hoặc được thay thế

• Khi thay thế cản xe phía trước hoặc lưới tản nhiệt phía trước.

n Để tránh làm hỏng camera phía trước

Hãy tuân theo các chú ý sau.

Nếu không có thể sẽ dẫn đến việc camera phía trước hoạt động không chính xác, có thể dẫn đến tai nạn gây tử vong hoặc bị chấn thương nghiêm trọng.

l Luôn giữ cho kính chắn gió được sạch sẽ.

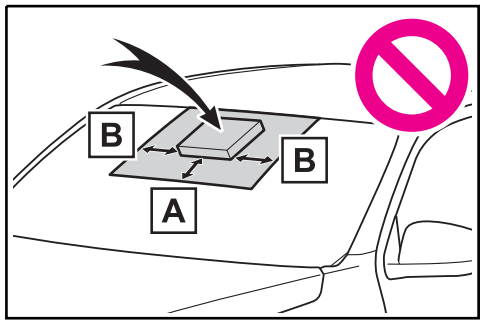
• Nếu kính chắn gió bị bẩn hoặc bị phủ một lớp dầu mỏng, bị đọng nước mưa, bị tuyết bao phủ... hãy vệ sinh kính chắn gió.

• Nếu phun chất phủ kính lên kính chắn gió, nó vẫn cần sử dụng các cần gạt nước kính chắn gió để loại bỏ những giọt nước đọng, v.v... khỏi khu vực kính chắn gió ở phía trước của camera trước.

• Nếu mặt trong của kính chắn gió tại vị trí lắp camera trước bị bẩn, hãy liên hệ với đại lý Toyota.

⚠ CẢNH BÁO

l Không được dán đề can (kể cả đề can trong suốt) hoặc các hạng mục khác lên khu vực kính chắn gió ở phá trước của camera trước (phần in đậm trong hình vẽ).



A Khoảng 4 cm

B Khoảng 4 cm

l Nếu phần kính chắn gió ở phía trước camera bị mờ hoặc bị che khuất bởi hơi nước hoặc băng giá, hãy sử dụng bộ sấy kính chắn gió để loại bỏ hơi nước hoặc băng giá.

l Nếu gạt nước không thể gạt được nước đọng trên kính chắn gió ở vị trí phía trước camera, hãy thay thanh tăng cứng và cao su gạt nước hoặc lưỡi gạt nước.

l Không được gắn bất cứ vật gì kính chắn gió.

l Hãy thay kính chắn gió nếu nó đã bị hỏng hoặc bị nứt.

Nếu đã thay kính chắn gió, thì sẽ phải hiệu chỉnh lại camera phía trước. Để có thêm thông tin, hãy liên hệ với Đại lý Toyota.

l Không được để dung dịch bắn lên camera phía trước.

l Không được để đèn chói chiếu vào camera phía trước.

- Không được làm hỏng các thấu kính của camera phía trước hoặc để cho nó bị bẩn.

Khi lau phần bên trong của kính chắn gió, không được để chất rửa kính tiếp xúc với ống kính của camera phía trước. Không được sờ vào các thấu kính của camera phía trước.

Nếu thấu kính của camera phía trước bị bẩn hoặc bị hỏng, hãy liên hệ với Đại lý Toyota.

- Không để camera phía trước bị va chạm mạnh.
- Không được thay đổi vị trí lắp hoặc hướng lắp của camera phía trước hoặc tháo nó ra.
- Không được tháo rời camera phía trước.
- Không sửa đổi bất kỳ chi tiết nào của xe xung quanh camera phía trước như gương chiếu hậu bên trong xe hoặc trần xe.
- Không gắn phụ kiện mà có thể che khuất camera phía trước như vào nắp ca pô, lưới tản nhiệt phía trước hoặc cản trước. Để có thêm thông tin chi tiết, hãy liên hệ với Đại lý Toyota.
- Nếu bạn đặt ván trượt hoặc các vật dài khác trên nóc xe, hãy đảm bảo rằng vật đó sẽ không che khuất camera phía trước.
- Không sửa đổi hoặc thay đổi đèn pha hoặc các đèn khác của xe.

n Khu vực lắp camera phía trước trên kính chắn gió

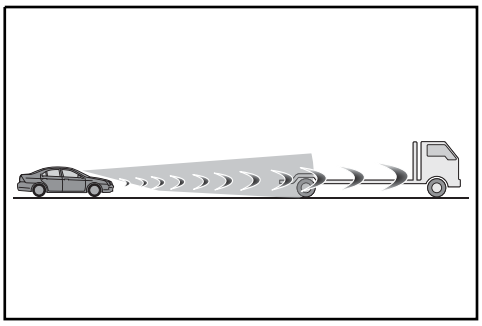
Nếu hệ thống xác định kính chắn gió đã bị mờ, nó sẽ tự động vận hành bộ sưởi để làm trong phần kính chắn gió ở xung quanh camera phía trước. Khi rửa xe, vv.., hãy cẩn thận không chạm vào khu vực xung quanh camera phía trước cho tới khi kính chắn gió đã nó đã đủ nguội, nếu chạm vào nóng có thể làm cho bạn bị bỏng.

n Những tình huống có thể làm cho các cảm biến và hệ thống hoạt động không chính xác

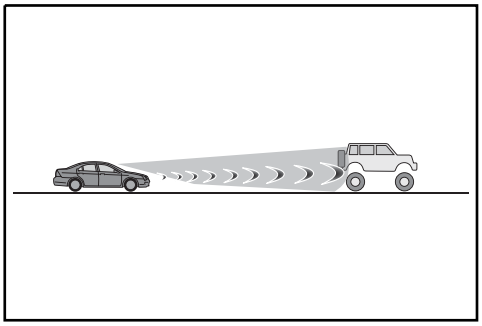
- Khi chiều cao xe hoặc độ nghiêng của xe đã bị thay đổi do sửa đổi
- Khi kính chắn gió bị bẩn, bị mờ, bị nứt hoặc bị hư hỏng
- Khi nhiệt độ môi trường quá cao hoặc quá thấp
- Khi phía trước của cảm biến bị dính bùn, nước, tuyết, côn trùng chết, hoặc vật thể lạ, vv...
- Khi lái xe trong điều kiện khắc nghiệt như mưa lớn, sương mù, tuyết hoặc bão cát
- Khi nước, tuyết, bụi bẩn, vv... bắn vào phía trước của xe, hoặc khi lái xe qua vùng hơi nước hoặc khí
- Đèn pha không được bật sáng trong khi lái xe trong bóng tối, như vào buổi đêm hoặc trong đường hầm
- Khi các kính đèn của đèn pha bị bẩn hoặc độ sáng yếu.
- Khi các đèn pha bị lệch
- Khi đèn pha đang bị hư hỏng
- Khi đèn pha của một xe khác, ánh sáng mặt trời hoặc ánh sáng phản xạ chiếu thẳng vào camera phía trước
- Khi độ sáng của khu vực xung quanh thay đổi đột ngột
- Khi lái xe gần đài phát sóng vô tuyến, trạm phát sóng radiô, các xe

được trang bị ra đa hoặc các vị trí khác có phát ra sóng rađiô mạnh hoặc có nhiễu điện

- Khi lưỡi gạt nước đang che khuất camera phía trước
- Khi ở trong địa điểm hoặc những vật thể ở gần phát ra sóng rađiô mạnh, như những trường hợp sau đây:
  - Đường hầm
  - Cầu giàn
  - Đường rải sỏi
  - Đường phủ đầy tuyết
  - Bức tường
  - Xe tải lớn
  - Nắp cống
  - Giải phân cách
  - Tấm thép
- Khi gần bậc thang hoặc chỗ lồi
- Nếu xe phía trước nhỏ hẹp, như xe di động cá nhân
- Khi xe phía trước có đầu hoặc đuôi xe nhỏ, như xe tải không chất hàng
- Khi xe phía trước có đầu hoặc đuôi xe thấp, như xe kéo moóc sàn phẳng loại thấp



- Khi xe phía trước có khoảng sáng gầm xe quá cao



- Khi xe phía trước chở theo hàng chìa ra khỏi khu vực chở hàng của nó
- Khi xe phía trước có phần kim loại lộ ra như xe được che một phần bằng vải, vv..
- Nếu xe phía trước có hình dạng bất thường, như xe đầu kéo, di động cá nhân, vv...
- Khi khoảng cách giữa xe bạn và xe phía trước là quá ngắn
- Khi xe phía trước có hình dạng góc nhọn
- Khi tuyết, bùn... dính vào một xe khác
- Khi đang lái trên các loại đường như sau:
  - Đường có nhiều đoạn gấp khúc và ngoằn ngoèo
  - Đường có thay đổi về độ cao, chẳng hạn như nghiêng hoặc dốc đột ngột
  - Đường bị nghiêng sang bên trái hoặc bên phải
  - Đường có rãnh sâu
  - Đường gồ ghề và đường xấu
  - Đường nhấp nhô và gập ghềnh
- Khi người lái điều khiển vô lăng thường xuyên và đột ngột
- Khi xe không ở trong cùng một làn xe liên tục
- Khi các chi tiết liên quan đến hệ thống này, các phanh… quá lạnh hoặc quá nóng, bị ướt...
- Khi bánh xe bị lệch
- Khi đang lái xe trên mặt đường trơn trượt, chẳng hạn như khi đường bị bị bao phủ bởi tuyết, sỏi, v.v...
- Khi đường cong dự kiến của xe khác với hình cong của đường
- Khi tốc độ xe quá cao khi vào cua
- Khi vào/ ra khoang đỗ xe, ga ra, hoặc thang máy ô tô, vv...
- Khi đỗ xe trong khoang đỗ xe
- Khi lái xe đi qua các vật có thể chạm vào xe, như đám cỏ dày, các cành cây hoặc các băng rôn, tấm rèm, vv...
- Khi lái xe trong điều kiện gió mạnh

n **Những tình huống sau có thể không phát hiện được làn đường**

l Khi làn đường quá rộng hoặc quá hẹp

l Ngay sau khi chuyển làn hoặc đi qua giao lộ

l Khi lái xe trên làn đường tạm hoặc làn đường hạn chế xe do vướng công trình xây dựng

l Khi có bóng của làn đường tương tự như các vạch làn đường xung quanh

l Khi có nhiều vạch trắng cho một vạch kẻ làn đường

l Khi các vạch làn đường bị mờ hoặc khi lái xe trên mặt đường bị ướt

l Khi vạch phân làn trên đường cong

l Khi lái xe trên đường bị chói, phản chiếu, ví dụ như đường bằng bê tông

n **Các tình huống mà một vài chức năng hoặc tất cả các chức năng của hệ thống không thể hoạt động**

l Khi phát hiện được lỗi trong hệ thống này hoặc hệ thống liên quan, như hệ thống phanh, lái, vv...

l Khi hệ thống VSC, TRC/A-TRC hoặc các hệ thống an toàn liên quan khác đang hoạt động

l Khi hệ thống VSC, TRC/A-TRC hoặc các hệ thống an toàn liên quan khác tắt

n **Sự thay đổi về âm thanh hoạt động hoặc phản hồi của bàn đạp phanh**

l Khi các phanh được vận hành, có thể nghe thấy tiếng kêu hoạt động của phanh và phản hồi của bàn đạp phanh có thể thay đổi, nhưng đó không phải là dấu hiệu của hư hỏng.

l Khi hệ thống đang hoạt động, bàn đạp phanh có thể bị cứng hoặc bị lún phanh. Có thể nhấn được bàn đạp phanh hơn nữa ở một trong hai tình huống này Hãy nhấn bàn đạp phanh thêm khi cần.

PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm)*

*: Nếu có

Hệ thống cảnh báo tiền va chạm sử dụng các cảm biến để phát hiện các vật thể (→P.227) trên đường đi của xe. Khi hệ thống xác định rằng khả năng xảy ra va chạm trực diện với một vật thể có thể phát hiện được là cao, một cảnh báo sẽ được phát ra để thúc giục người lái thao tác kịp thời và áp suất phanh sẽ được tăng lên để giúp người lái xe tránh va chạm. Nếu hệ thống xác định rằng khả năng xảy ra va chạm là rất cao, phanh sẽ tự động được gài để giúp tránh xảy ra va chạm hoặc giúp giảm tác động của lực va chạm.

Có thể bật/tắt hệ thống cảnh báo tiền va chạm và có thể thay đổi thời điểm cảnh báo. (→P.235)

Tùy thuộc vào kiểu xe mà chức năng trên xe sẽ là khác nhau đối với từng quốc gia/khu vực. Để biết thêm chi tiết, hãy kiểm tra các vật thể phát hiện và danh sách các chức năng.

⚠ CẢNH BÁO

n **Để lái xe an toàn**

l Lái xe an toàn hoàn toàn là trách nhiệm của người lái xe. Hãy chú ý đến các điều kiện xung quanh để đảm bảo lái xe an toàn.

Không bao giờ sử dụng hệ thống cảnh báo tiền va chạm thay cho các thao tác phanh thông thường. Hệ thống này không thể giúp tránh hoặc giảm tác động của va chạm trong mọi tình huống. Việc quá phụ thuộc vào hệ thống này để điều khiển xe một cách an toàn có thể dẫn đến tai nạn gây ra tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

l Mặc dù hệ thống cảnh báo tiền va chạm được thiết kế nhằm tránh va chạm hoặc giúp giảm lực va chạm, hiệu quả của nó có thể thay đổi theo các điều kiện khác nhau. Do đó, khó có thể luôn đạt được cùng một mức độ hoạt động giống nhau.

Hãy đọc các thông tin sau một cách cẩn thận. Không được quá phụ thuộc vào hệ thống này và luôn lái xe cẩn thận.

• Để lái xe an toàn: →P.220

n **Khi vô hiệu hóa hệ thống cảnh báo tiền va chạm**

l Khi cần vô hiệu hóa hệ thống →P.220

Các vật thể và các chức năng khả dụng

Hệ thống có thể nhận biết những đối tượng sau đây là những vật thể

được phát hiện. (Các vật thể được phát hiện sẽ khác nhau tùy thuộc vào các chức năng.)

Các phiên bản của hệ thống PCS	Vật có thể phát hiện	Những chức năng có ở trên xe	Khu vực/thị trường
1	• Các xe • Xe đạp*1 • Người đi bộ • Xe gắn máy*1	Cảnh báo tiền va chạm, hỗ trợ phanh tiền va chạm, phanh tiền va chạm	Belize, Costa Rica, Cộng hòa Dominica, Guatemala, Haiti, Honduras, Nicaragua, Panama, Trinidad & Tobago, Bahama, Jamaica, Barbados, Bermuda, Grand Cayman, Antigua, Grenada, Montserrat, St. Lucia, St.Vincent, St.Kitts, Guyana, Aruba, Curacao, Suriname, St.Maarten, Jordan, Yemen, Miến Điện, Campuchia, Lào, Việt Nam, Mông Cổ, Philippines, Indonesia
2	Các xe	Cảnh báo tiền va chạm, hỗ trợ phanh tiền va chạm, phanh tiền va chạm	—

*1: Được phát hiện như một vật thể có thể phát hiện khi nó đang được lái.

Các quốc gia và khu vực cho mỗi khu vực được liệt kê trong bảng tính đến tháng 10 năm 2025. Tuy nhiên, tùy thuộc vào thời điểm bán xe, các quốc gia và khu vực của mỗi khu vực có thể khác nhau. Vui lòng liên hệ với Đại lý Toyota của bạn để biết thêm thông tin chi tiết.

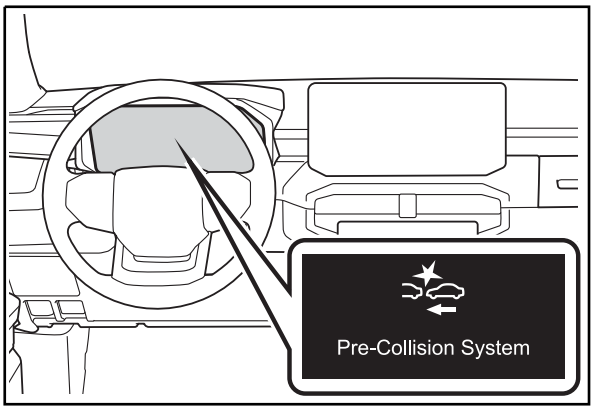
Các chức năng của hệ thống

n Cảnh báo tiền va chạm

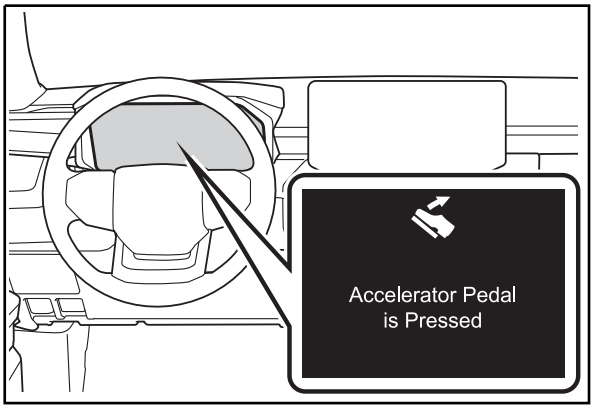
Khi hệ thống xác định rằng khả năng xảy ra va chạm là cao, chuông báo sẽ kêu, một biểu tượng và một cảnh báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin để thúc giục người lái có hành động điều khiển xe để tránh va chạm.

Nếu vật thể được phát hiện là một xe cơ giới, có thể có trường

hợp hệ thống sẽ phanh xe với lực phanh vừa phải và kèm theo cảnh báo. (Chức năng này không có sẵn trong phiên bản PCS 3.)



Nếu hệ thống xác định rằng người lái đang đạp mạnh chân ga, thì một biểu tượng và một thông báo sau sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.



n Hệ thống hỗ trợ phanh tiền va chạm

Nếu hệ thống xác định rằng khả năng xảy ra va chạm là cao và người lái đạp phanh không đủ mạnh, hệ thống sẽ tăng lực phanh lên.

n Điều khiển phanh tiền va chạm

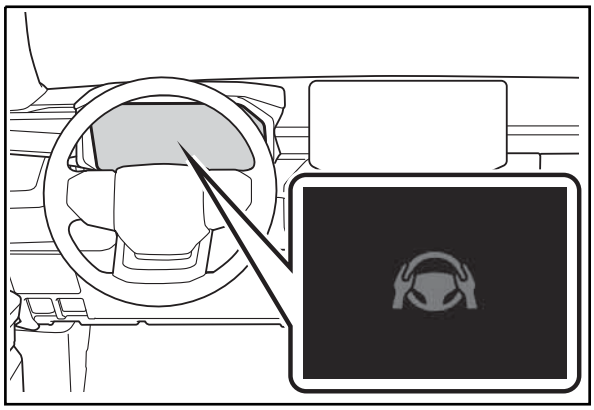
Nếu hệ thống xác định rằng khả năng xảy ra va chạm là rất cao, hệ thống phanh sẽ tự động hoạt động để giúp cho xe tránh bị va chạm hoặc làm giảm lực va chạm.

n Hỗ trợ đánh lái khẩn cấp

Nếu hệ thống xác định rằng các điều kiện sau đã được thỏa mãn, hệ thống sẽ hỗ trợ để giúp tăng cường độ ổn định của xe và tránh cho xe không bị đi lệch làn đường. Trong quá trình hỗ trợ, ngoài cảnh báo tiền va chạm, thì biểu tượng sau sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

- Khả năng xảy ra va chạm là cao
- Có đủ không gian trong làn đường để thực hiện các thao tác đánh lái tránh va chạm
- Người lái xe đang điều khiển vô lăng

Trong quá trình hỗ trợ, hệ thống cảnh báo tiền va chạm sẽ hoạt động và một thông báo sẽ được hiển thị để cảnh báo cho người lái.



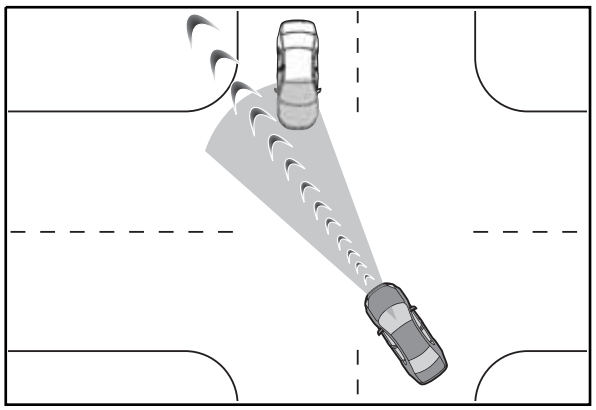
n Hỗ trợ tránh va chạm tại giao lộ (rẽ trái/rẽ phải)

Trong những tình huống như sau, nếu hệ thống xác định rằng khả

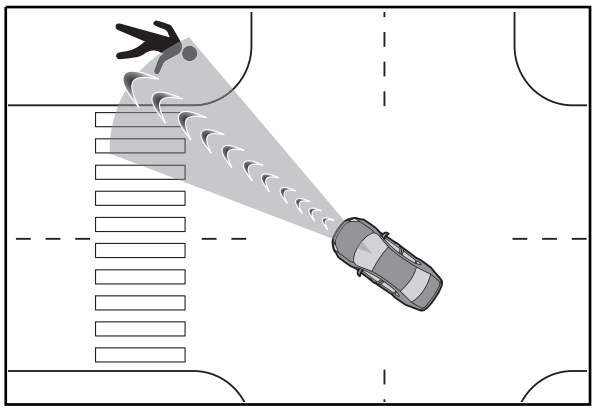
năng xảy ra va chạm là cao, thì chức năng cảnh báo tiền va chạm và chức năng phanh tiền va chạm sẽ hoạt động.

Tùy thuộc vào giao lộ, mà chức năng hỗ trợ có thể sẽ hoạt động không chính xác.

- Khi xe rẽ trái/rẽ phải tại giao lộ và cắt ngang qua lộ trình của xe đang chạy tới/xe máy đang chạy tới



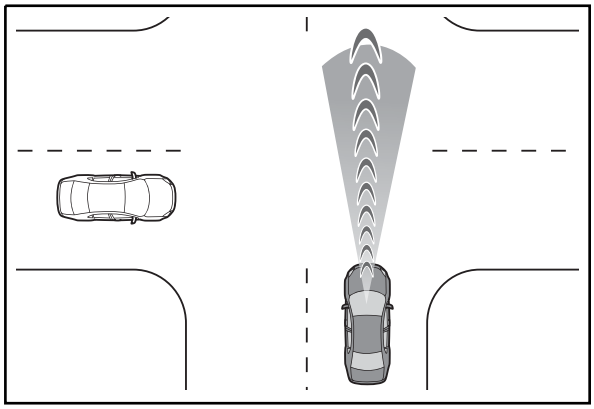
- Khi xe rẽ trái/rẽ phải và phát hiện người đi bộ hoặc xe đạp



n Hỗ trợ tránh va chạm tại giao lộ (vượt các xe khác)

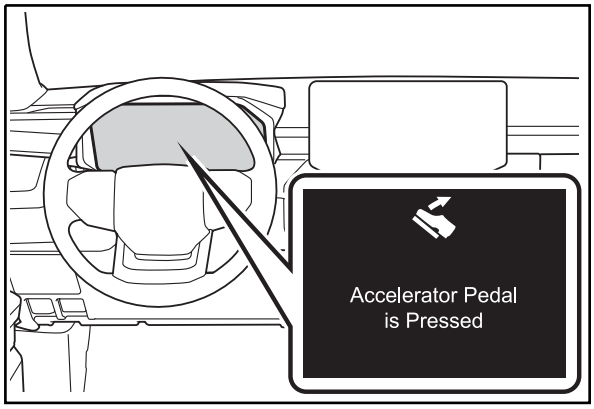
Tại một giao lộ... nếu hệ thống xác định rằng có khả năng xảy ra va chạm với một xe ô tô hoặc xe mô tô đang đến gần, thì cảnh báo tiền va chạm và phanh tiền va chạm sẽ hoạt động.

Tùy thuộc vào giao lộ, mà chức năng hỗ trợ có thể sẽ hoạt động không chính xác.



n Hạn chế tăng tốc ở tốc độ thấp (xe có hộp số tự động)

Khi lái xe ở tốc độ thấp, nếu người lái đạp mạnh chân ga và hệ thống xác định có khả năng xảy ra va chạm, thì công suất đầu ra của động cơ sẽ bị hạn chế hoặc hệ thống phanh sẽ tác dụng nhẹ để hạn chế khả năng tăng tốc của xe. Trong quá trình hoạt động, chuông cảnh báo sẽ kêu, đồng thời một đèn cảnh báo và một thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.



⚠ CẢNH BÁO

n **Phanh tiền va chạm**

l Khi chức năng phanh tiền va chạm đang hoạt động, một lực phanh lớn sẽ được áp dụng.

l Chức năng phanh tiền va chạm không được thiết kế để giữ cho xe dừng. Nếu xe đã dừng lại nhờ hoạt động của phanh tiền va chạm, người lái nên chủ động điều khiển hệ thống phanh xe ngay lập tức khi cần.

l Chức năng phanh tiền va chạm có thể không hoạt động được nếu người lái thực hiện các hoạt động nhất định. Nếu đạp mạnh bàn đạp ga hoặc xoay vô lăng, hệ thống có thể xác định rằng người lái đang có thao tác kịp thời và có thể ngăn chức năng phanh tiền va chạm khỏi hoạt động.

l Nếu người lái đạp phanh, thì hệ thống có thể sẽ xác định rằng người lái đang thực hiện hành động điều khiển để tránh va chạm và có thể sẽ trì hoãn thời điểm hoạt động của hệ thống điều khiển phanh tiền va chạm.

n **Hạn chế tăng tốc ở tốc độ thấp (xe có hộp số tự động)**

Nếu vô lăng được xoay đi, hệ thống có thể sẽ xác định rằng người lái đang thực hiện thao tác điều khiển tránh va chạm và có thể sẽ ngăn hoạt động của chức năng hạn chế tăng tốc ở tốc độ thấp hoặc có thể khiến hoạt động của nó bị hủy.

n **Hỗ trợ đánh lái khẩn cấp**

l Tính năng hỗ trợ đánh lái khẩn cấp sẽ bị hủy bỏ khi hệ thống xác định rằng việc điều khiển ngăn đi lệch làn đường đã được hoàn thành.

l Tùy thuộc vào thao tác điều khiển do người lái thực hiện, mà hệ thống hỗ trợ đánh lái khẩn cấp có thể sẽ không hoạt động hoặc hoạt động có thể sẽ bị hủy bỏ.

- Nếu người lái đạp mạnh chân ga, đánh lái gấp, đạp chân phanh hoặc gạt cần điều khiển xi nhan, thì hệ thống có thể sẽ xác định rằng người lái đang có hành động để tránh va chạm và hệ thống hỗ trợ đánh lái khẩn cấp có thể sẽ không hoạt động.
- Trong khi hỗ trợ đánh lái khẩn cấp đang hoạt động, nếu người lái đạp mạnh chân ga, đánh lái gấp hoặc đạp chân phanh, thì hệ thống có thể sẽ xác định rằng người lái đang có hành động để tránh va chạm và hệ thống hỗ trợ đánh lái khẩn cấp có thể sẽ không hoạt động.
- Trong khi hệ thống hỗ trợ đánh lái khẩn cấp đang hoạt động, nếu người lái giữ vô lăng hoặc đánh lái theo hướng ngược lại với điều khiển của hệ thống, thì hoạt động hỗ trợ đánh lái khẩn cấp sẽ được hủy.

n Điều kiện hoạt động của các chức năng của hệ thống cảnh báo tiền va chạm

Hệ thống cảnh báo tiền va chạm đang bật và hệ thống xác định rằng nguy cơ xảy ra va chạm phía trước với vật thể được phát hiện là cao.

Tuy nhiên, hệ thống sẽ không hoạt động trong các trường hợp sau:

- Khi không lái xe trong một thời gian nhất định sau khi một điện cực của ắc quy đã được tháo ra và nối lại
- Khi cần số đang ở vị trí R

Dưới đây là tốc độ hoạt động và các điều kiện hủy của từng chức năng:

- Cảnh báo tiền va chạm

Các phiên bản của hệ thống PCS	Vật có thể phát hiện	Tốc độ xe	Tốc độ tương đối giữa xe và vật thể
1	Các xe phía trước, các xe đang dừng	Khoảng từ 5 đến 180 km/h	Khoảng từ 5 đến 180 km/h
2	Các xe phía trước, các xe đang dừng	Khoảng từ 10 đến 180 km/h	Khoảng từ 10 đến 180 km/h
1	Xe đạp	Khoảng từ 5 đến 80 km/h	Khoảng từ 5 đến 80 km/h
1	Người đi bộ	Khoảng từ 5 đến 80 km/h	Khoảng từ 5 đến 80 km/h
1	Các xe mô tô phía trước, các xe mô tô đang dừng	Khoảng từ 5 đến 80 km/h	Khoảng từ 5 đến 80 km/h

Trong khi hệ thống cảnh báo tiền va chạm đang hoạt động, nếu người lái đánh lái mạnh hoặc đột ngột, thì chức năng cảnh báo tiền va chạm trước có thể sẽ được hủy.

- Hệ thống hỗ trợ phanh tiền va chạm

Các phiên bản của hệ thống PCS	Vật có thể phát hiện	Tốc độ xe	Tốc độ tương đối giữa xe và vật thể
1/2	Các xe phía trước, các xe đang dừng	Khoảng từ 30 đến 180 km/h	Khoảng từ 10 đến 180 km/h
1	Xe đạp	Khoảng từ 30 đến 80 km/h	Khoảng từ 30 đến 80 km/h
1	Người đi bộ	Khoảng từ 30 đến 80 km/h	Khoảng từ 30 đến 80 km/h
1	Các xe mô tô phía trước, các xe mô tô đang dừng	Khoảng từ 30 đến 80 km/h	Khoảng từ 10 đến 80 km/h

l Phanh tiền va chạm

Các phiên bản của hệ thống PCS	Vật có thể phát hiện	Tốc độ xe	Tốc độ tương đối giữa xe và vật thể
1	Các xe phía trước, các xe đang dừng	Khoảng từ 5 đến 180 km/h	Khoảng từ 5 đến 180 km/h
2	Các xe phía trước, các xe đang dừng	Khoảng từ 10 đến 180 km/h	Khoảng từ 10 đến 180 km/h
1	Xe đạp	Khoảng từ 5 đến 80 km/h	Khoảng từ 5 đến 80 km/h
1	Người đi bộ	Khoảng từ 5 đến 80 km/h	Khoảng từ 5 đến 80 km/h
1	Các xe mô tô phía trước, các xe mô tô đang dừng	Khoảng từ 5 đến 80 km/h	Khoảng từ 5 đến 80 km/h

Nếu một trong những điều sau đây xảy ra khi chức năng phanh tiền va chạm đang hoạt động, nó sẽ bị hủy:

- Người lái đạp mạnh chân ga
- Người lái đánh lái mạnh hoặc đột ngột

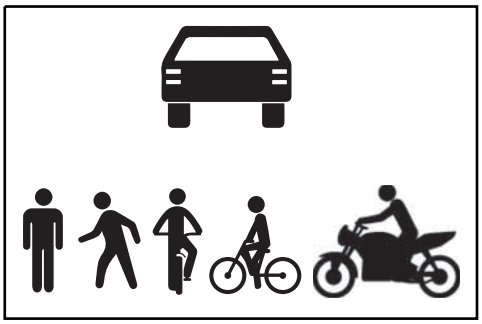
n **Phát hiện các vật thể** Các đối tượng được hệ thống phát

hiện dựa trên kích thước, hình dạng và chuyển động của chúng.

Tùy thuộc vào độ sáng của môi trường xung quanh, chuyển động, tư thế và hướng của đối tượng, mà nó có thể sẽ không được phát hiện và hệ thống có thể sẽ hoạt động không chính xác.

Hệ thống sẽ phát hiện các hình dạng, chẳng hạn như các trường hợp sau, là các vật thể có thể phát hiện.

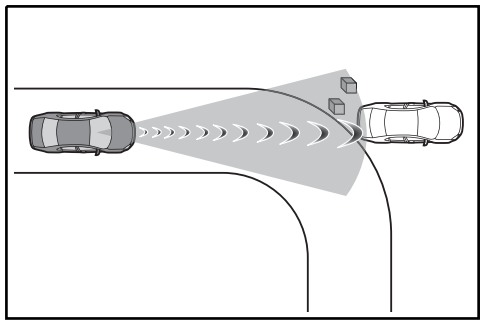
l PCS phiên bản 1



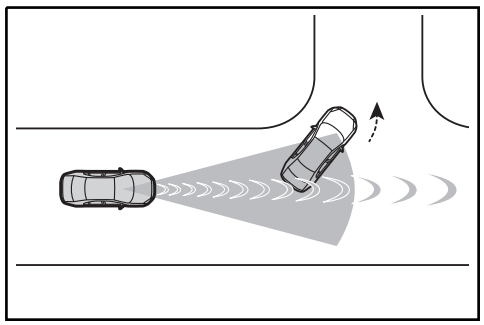
n **Các trường hợp mà hệ thống có thể sẽ hoạt động mặc dù khả năng xảy ra va chạm là không cao**

l Trong một số trường hợp nhất định, chẳng hạn như sau, hệ thống có thể xác định rằng khả năng xảy ra va chạm là cao và hoạt động:

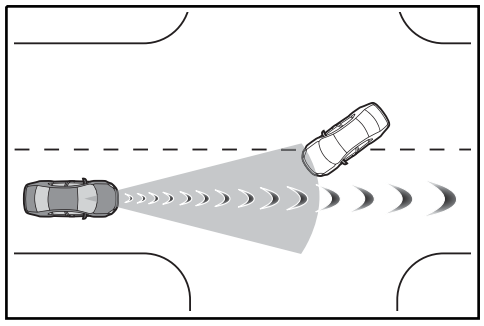
- Khi vượt qua một vật thể mà hệ thống có thể phát hiện được
- Khi chuyển làn đường trong khi đang vượt qua một vật thể mà hệ thống có thể phát hiện được
- Khi đột ngột tiến đến gần một vật thể mà hệ thống có thể phát hiện được
- Khi tiến đến gần một vật thể mà hệ thống có thể phát hiện được hoặc các vật thể khác nằm ở bên đường, chẳng hạn như lan can, cột điện, cây cối, bức tường...
- Khi có vật thể phát hiện được hoặc vật thể khác nằm lề đường chỗ khúc cua



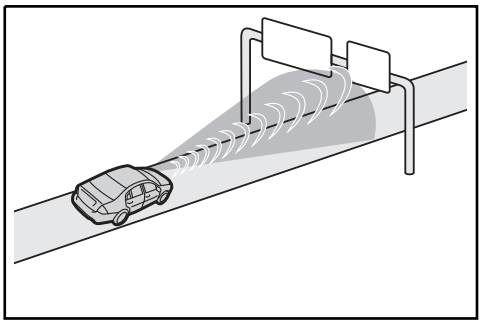
- Khi có các mẫu hoa văn hoặc bức vẽ ở phía trước của xe mà hệ thống có thể bị nhầm với một vật thể có thể phát hiện được
- Khi vượt qua một vật thể phát hiện mà vật thể đó đang chuyển làn hoặc rẽ trái/rẽ phải



- Khi vượt qua một vật thể phát hiện mà vật thể đó đang dừng lại để rẽ trái/rẽ phải



- Khi một vật thể phát hiện dừng lại ngay lập tức trước khi đi vào đường đi của xe
- Khi đi qua vị trí có các công trình nằm ở phía trên cao so với mặt đường (biển báo giao thông, biển quảng cáo...)



- Khi đến gần thanh chắn của trạm thu phí, hàng rào của điểm đỗ xe hoặc các kiểu hàng rào khác đang mở ra và đóng vào

n Những tình huống có thể làm hệ thống hoạt động không chính xác

l Trong một số trường hợp nhất định, như các trường hợp sau, các cảm biến phía trước có thể sẽ không phát hiện được một vật thể và hệ thống có thể sẽ không hoạt động chính xác:

- Khi vật thể được phát hiện đang tiến gần đến xe bạn
- Khi xe của bạn hoặc một vật thể được phát hiện đang di chuyển không ổn định
- Khi một vật thể đang thực hiện một hành động đột ngột (chẳng hạn như đổi hướng đột ngột, tăng tốc hoặc giảm tốc đột ngột)
- Khi đột ngột tiến đến gần một vật thể mà hệ thống có thể phát hiện được
- Khi một vật thể nằm ở gần một bức tường, hàng rào, lan can, nắp cống, tấm thép trên mặt đường hoặc một xe khác
- Khi có một công trình nằm ở phía trên một vật thể
- Khi một phần của vật thể được bị che khuất bởi một vật khác (hành lý lớn, ô che nắng, lan can...)
- Khi nhiều vật thể được nằm chồng lên nhau
- Khi một luồng sáng chói, chẳng hạn như ánh sáng mặt trời, bị phản chiếu từ một vật thể phát hiện
- Khi một vật thể có thể phát hiện được có màu trắng và có độ sáng rất cao
- Khi màu sắc hoặc độ sáng của một vật thể làm cho nó lẫn với môi trường xung quanh
- Khi một vật thể có thể phát hiện được chạy cắt ngang hoặc đột ngột xuất hiện trước đầu xe của bạn
- Khi đang tiến đến gần một xe khác ở một góc chéo
- Nếu một xe đạp là kiểu xe đạp dành cho trẻ em, đang chở theo trọng tải lớn, chở thêm hành khách, chở người ngồi nghiêng về phía trước hoặc có hình dạng khác thường (xe đạp có lắp ghế trẻ em, xe đạp đôi...)
- Nếu người đi bộ hoặc xe đạp có chiều cao nhỏ hơn 1 m hoặc lớn hơn 2 m.
- Khi hình dáng của người đi bộ hoặc xe đạp không rõ ràng (chẳng hạn như khi đang mặc áo mưa, váy dài...)
- Khi người đi bộ cúi người về phía trước hoặc ngồi xổm
- Khi người đi bộ hoặc đi xe đạp đang di chuyển với tốc độ cao
- Khi người đi bộ đang đẩy xe hàng, xe lăn, xe đạp hoặc các kiểu xe khác
- Khi một vật thể bị lẫn với môi trường xung quanh, chẳng hạn như khi trời nhá nhem (lúc bình minh hoặc hoàng hôn) hoặc tối đen (vào ban đêm hoặc trong đường hầm)
- Khi xe không được lái trong một khoảng thời gian nhất định sau khi khởi động động cơ
- Trong khi rẽ trái/rẽ phải hoặc vài giây sau khi rẽ trái/rẽ phải
- Khi đang lái xe quanh khúc cua và vài giây sau khi lái xe quanh khúc cua

Thay đổi cài đặt của hệ thống cảnh báo tiền va chạm

● Có thể bật/tắt hệ thống cảnh báo tiền va chạm thông qua chức năng cài đặt tùy chọn cá nhân. (→P.609)

Hệ thống sẽ được kích hoạt mỗi khi bật công tắc động cơ ON.

- Khi hệ thống bị vô hiệu hóa, đèn cảnh báo PCS sẽ sáng lên và một thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.
- Có thể thay đổi các cài đặt của hệ thống cảnh báo tiền va chạm trên phần cài đặt tùy chọn cá nhân. (→P.609)
- Nếu thời điểm cảnh báo tiền va chạm bị thay đổi, thì thời điểm hỗ trợ lái khẩn cấp cũng thay đổi tương ứng.
  Khi chọn  (Later), thì chức năng hỗ trợ đánh lái khẩn cấp sẽ không hoạt động trong hầu hết các trường hợp.
- Khi chức năng điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa đang hoạt động, thì chức năng cảnh báo tiền va chạm sẽ hoạt động ở thời điểm  (sớm hơn), bất kể cài đặt của người dùng.

LTA (Hỗ trợ bám làn đường)*

*: Nếu có

Chức năng LTA

- Khi lái xe trên đường có vạch làn đường trong suốt với hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa đang hoạt động, các vạch làn đường và các xe phía trước và các xe xung quanh được phát hiện bởi camera phía trước và cảm biến ra đa, và vô lăng được vận hành để duy trì xe ở trong vị trí làn xe.

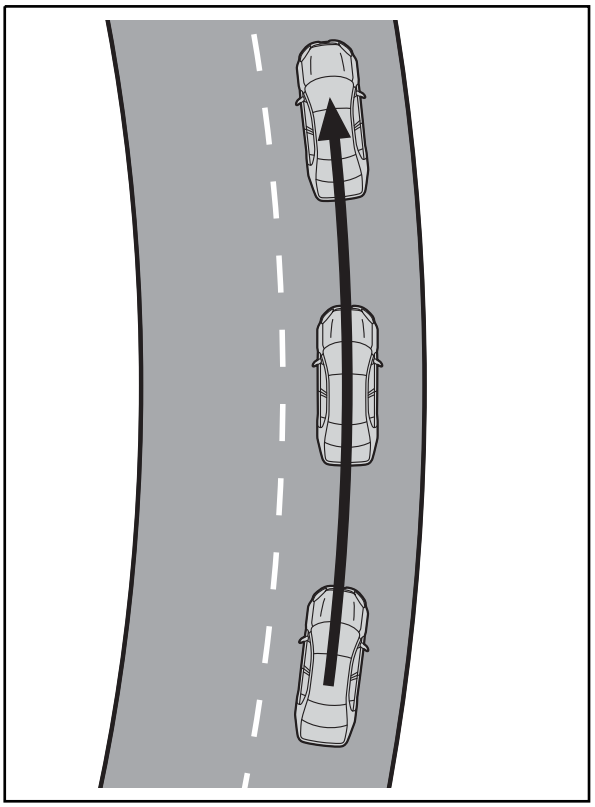
Chỉ sử dụng chức năng này trên đường cao tốc.

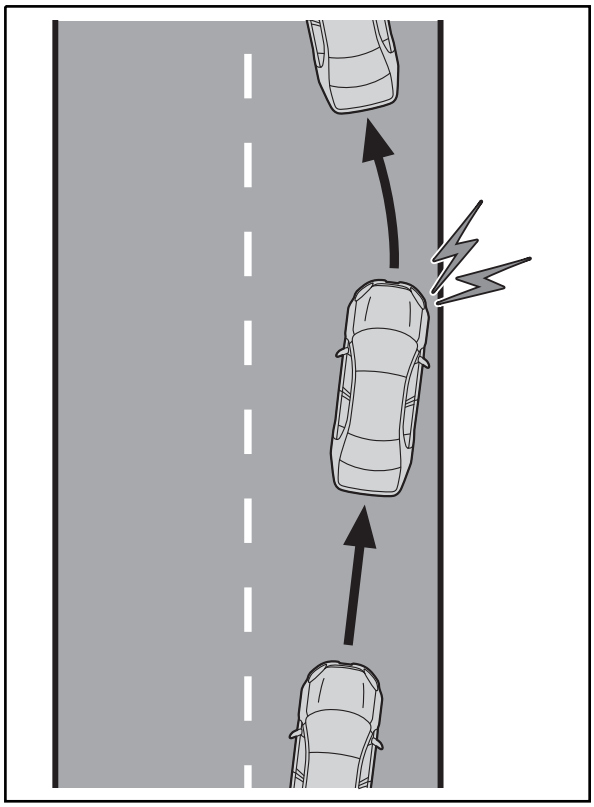
Nếu hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa không hoạt động, chức này cũng sẽ không hoạt động.

Trong những trường hợp khó phát hiện hoặc không tìm thấy các vạch làn đường, như khi bị tắc đường, chức năng này sẽ hoạt động bằng cách sử dụng đường đi của xe phía trước và của xe xung quanh.

Nếu hệ thống xác định rằng người lái đã không điều khiển vô lăng trong một khoảng thời gian nhất định hoặc vô lăng không được nắm chắc, thì hệ thống sẽ cảnh báo người lái và chức năng này sẽ tạm thời bị hủy.

Nếu vô lăng đã được nắm chắc, chức năng này sẽ bắt đầu hoạt động lại.





- Khi chức năng đang hoạt động, nếu xe có khả năng đi ra khỏi làn của nó, người lái xe sẽ được cảnh báo qua màn hình hoặc chuông báo.

Khi chuông báo kêu, hãy kiểm tra các khu vực xung quanh xe và điều khiển vô lăng thật cẩn thận để đưa xe trở lại vị trí giữa làn.

CẢNH BÁO

n **Trước khi sử dụng hệ thống LTA**

l Đừng quá lệ thuộc vào hệ thống LTA. Hệ thống LTA không phải là một hệ thống cung cấp sự hỗ trợ tự động khi lái xe và nó không phải là một hệ thống giúp giảm sự chú ý cần thiết của người lái để lái xe an toàn. Người lái xe hoàn toàn chịu trách nhiệm chú ý đến môi trường xung quanh và điều khiển vô lăng khi cần thiết để đảm bảo lái xe an toàn. Ngoài ra, người lái xe có trách nhiệm nghỉ ngơi đầy đủ khi mệt mỏi, chẳng hạn như khi lái xe trong thời gian dài.

l Nếu không tập trung khi lái xe và thao tác lái xe không chính xác có thể dẫn đến tai nạn.

l Khi không sử dụng hệ thống LTA, hãy tắt nó bằng công tắc LTA.

n Điều kiện hoạt động của chức năng

Chức năng này sẽ hoạt động khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- Hệ thống LTA sẽ phát hiện các vạch làn đường hoặc hành trình của các xe đi phía trước hoặc xe xung quanh.
- Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng rađa đang hoạt động.
- Chiều rộng làn đường từ 3 đến 4 m.
- Không vận hành công tắc xi nhan.
- Xe không đi quanh một khúc cua gấp.
- Xe không tăng ga hoặc giảm ga nhiều hơn mức nhất định.
- Không được đánh lái mạnh.
- Cảnh báo người lái bỏ tay ra khỏi vô lăng (→P.238) không hoạt động.
- Lái xe ở giữa làn đường.

n Hủy bỏ tạm thời các chức năng

- Khi các điều kiện hoạt động không được thỏa mãn, chức năng này có thể tạm thời bị hủy. Tuy nhiên, khi các điều kiện hoạt động lại được thỏa mãn, thì chức năng này sẽ tự động phục hồi lại. (→P.238)
- Nếu các điều kiện hoạt động không được thỏa mãn trong khi chức năng đang hoạt động, chuông báo có thể kêu để chỉ ra rằng chức năng tạm thời bị hủy.
- Hoạt động hỗ trợ lái của chức năng có thể bị lấn át bởi hoạt động đánh lái của người lái.

n Chức năng cảnh báo lệch làn đường khi LTA đang hoạt động.

- Ngay cả khi phương pháp cảnh báo của LDA được chuyển thành rung vô lăng, nếu xe đi lệch ra khỏi làn đường trong khi LTA đang hoạt động, thì chuông cảnh báo sẽ kêu để báo cho người lái.
- Nếu phát hiện được hoạt động đánh lái tương đương với thao tác cần thiết để thay đổi làn đường, hệ thống sẽ đánh giá rằng xe không di chuyển lệch làn đường và sẽ không kích hoạt cảnh báo.

n Hoạt động cảnh báo người lái bỏ tay ra khỏi vô lăng

- Khi hệ thống xác định người lái đang không cầm vào vô lăng, một thông báo nhắc nhở người lái nắm vô lăng và biểu tượng như trong hình minh họa sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin để cảnh báo người lái. Nếu hệ thống phát hiện thấy người lái đã cầm vào vô lăng, thì cảnh báo sẽ tắt đi. Khi sử dụng hệ thống, hãy đảm bảo nắm chắc vô lăng, bất kể chức năng cảnh báo có đang hoạt động hay không.



- Nếu không phát hiện thấy có hoạt động nào được thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định, thì chức năng cảnh báo sẽ hoạt động và chức năng này sẽ tạm thời bị hủy. Cảnh báo này cũng có thể sẽ hoạt động nếu người lái liên tục vận hành vô lăng với lực rất nhỏ.

n Các tình huống mà chức năng cảnh báo người lái bỏ tay ra khỏi vô lăng có thể sẽ hoạt động không chính xác

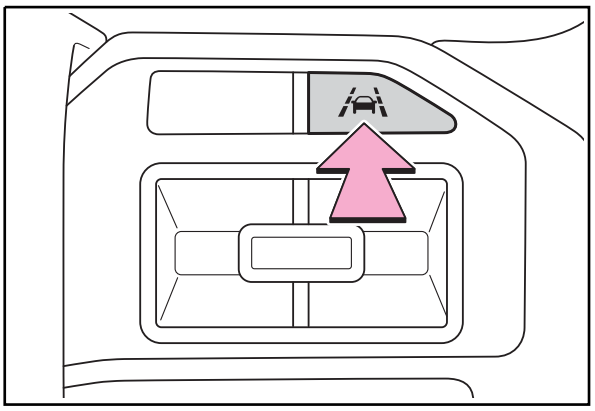
- Tùy thuộc vào tình trạng của xe, tình trạng điều khiển của người lái và điều kiện đường sá, chức năng cảnh báo có thể sẽ không hoạt động.

Kích hoạt/vô hiệu hóa hệ thống

Hệ thống LTA sẽ thay đổi giữa

ON/OFF mỗi khi ấn công tắc LTA.

Khi hệ thống LTA ở ON, thì đèn chỉ báo LTA sẽ sáng lên.

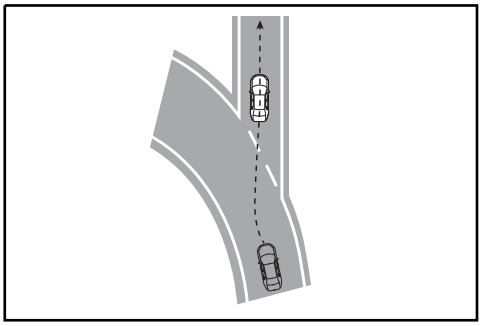


CẢNH BÁO

n **Các trường hợp mà các chức năng có thể sẽ hoạt động bất thường**

Trong các trường hợp sau, các chức năng hỗ trợ có thể sẽ hoạt động bất thường và xe có thể sẽ đi lệch khỏi làn đường của mình. Không được quá tin tưởng vào các chức năng này. Người lái xe phải hoàn toàn chịu trách nhiệm chú ý đến môi trường xung quanh và điều khiển vô lăng khi cần thiết để đảm bảo an toàn.

- Khi xe chạy phía trước hoặc xe xung quanh chuyển làn (Xe của bạn có thể sẽ chạy theo xe chạy phía trước hoặc xe xung quanh cũng chuyển làn theo)



- Khi xe chạy phía trước hoặc xe xung quanh lắc lư (Xe của bạn có thể sẽ lắc lư theo và bị lệch ra khỏi làn đường)
- Khi xe chạy phía trước hoặc xe xung quanh chạy ra khỏi làn đường (Xe của bạn có thể sẽ chạy theo xe chạy phía trước hoặc xe xung quanh cũng chạy ra khỏi làn đường theo)
- Khi xe chạy phía trước hoặc xe đang chạy rất sát với vạch kẻ làn đường bên trái/bên phải (Xe của bạn có thể sẽ chạy theo xe phía trước hoặc xe xung quanh và bị đi lệch ra khỏi làn đường đang chạy)
- Khi có một vật thể hoặc một công trình chuyển động ở xung quanh xe (Tùy thuộc vào vị trí của vật thể hoặc công trình đó so với xe của bạn, mà xe của bạn có thể sẽ bị lắc theo)
- Khi xe bị tạt bởi gió ngang hoặc sự hỗn loạn của các xe khác ở gần
- Những tình huống có thể làm cho các cảm biến hoạt động không chính xác: →P.224
- Các trường hợp mà hệ thống có thể sẽ không phát hiện được làn đường: →P.226
- Khi cần vô hiệu hóa hệ thống →P.220

Hiển thị hoạt động hỗ trợ điều khiển vô lăng

Trạng thái hoạt động của hệ thống LTA được hiển thị.

Đèn chỉ báo	Hiển thị làn đường	Biểu tượng vô lăng	Tình huống
 Trắng	 Ghi xám/Trắng	 Màu xám	Hệ thống LTA đang ở chế độ chờ
 Màu xanh lá	 Màu xanh lá	 Màu xanh lá	Hệ thống LTA đang hoạt động
 Màu vàng Nháy	 Màu vàng Nháy	 Màu xanh lá	Xe đang đi lệch ra khỏi làn đường, về phía đang nhấp nháy của màn hình chỉ báo làn đường

LDA (Hệ thống cảnh báo lệch làn)*

*: Nếu có

Các chức năng cơ bản

Hệ thống LDA sẽ cảnh báo người lái nếu xe có thể đi chệch làn đường hoặc hành trình hiện tại*, đồng thời nó có thể sẽ vận hành nhẹ vô lăng để tránh đi chệch làn đường hoặc hành trình*.

Camera phía trước được sử dụng để phát hiện các vạch kẻ làn đường hoặc hành trình*.

*: Ranh giới giữa đường nhựa và cỏ, đất... hoặc các công trình, chẳng hạn như lề đường, lan can...

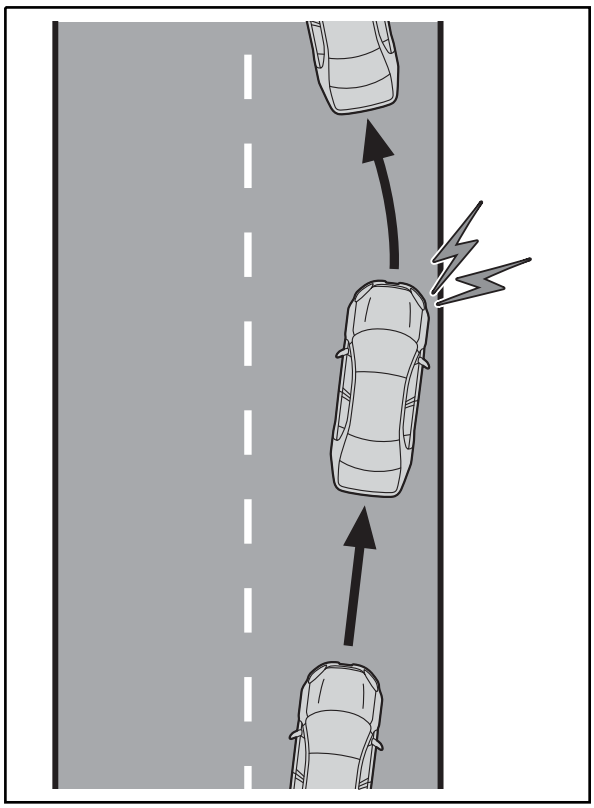
n Chức năng cảnh báo chạy lệch làn đường

Khi hệ thống xác định rằng xe có thể bị lệch khỏi làn đường hoặc hành trình của nó*, thì một cảnh báo sẽ xuất hiện trên màn hình và chuông cảnh báo sẽ kêu hoặc vô lăng rung lên để cảnh báo cho người lái.

Hãy kiểm tra khu vực xung quanh xe của bạn và điều khiển vô lăng thật cẩn thận để đưa xe trở lại chính giữa làn đường hoặc hành trình*.

Xe có hệ thống BSM: Nếu hệ thống xác định rằng xe có thể sẽ va chạm với một xe khác ở làn đường bên cạnh, thì cảnh báo đi lệch làn đường sẽ hoạt động ngay cả khi đèn xi nhan đang hoạt động.

*: Ranh giới giữa đường nhựa và cỏ, đất... hoặc các công trình, chẳng hạn như lề đường, lan can...



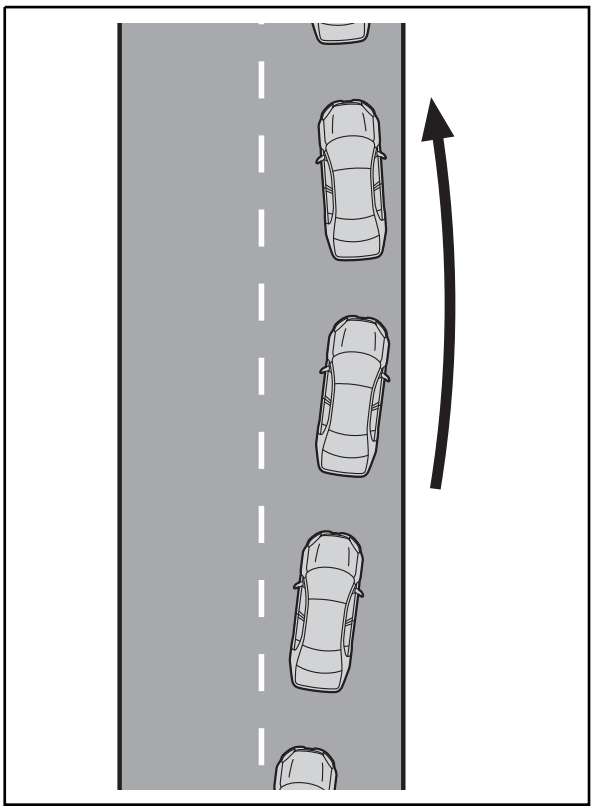
n Chức năng hỗ trợ ngăn đi lệch làn đường

Nếu hệ thống xác định rằng xe có khả năng bị lệch khỏi làn đường hoặc hành trình của nó*, thì hệ thống sẽ hỗ trợ bằng cách vận hành vô lăng để giúp tránh đi chệch làn đường hoặc hành trình.

Nếu hệ thống xác định rằng người lái không điều khiển vô lăng trong một khoảng thời gian nhất định hoặc vô lăng không được nắm chặt, thì một cảnh báo có thể sẽ xuất hiện và chuông cảnh báo có thể sẽ kêu để cảnh báo người lái.

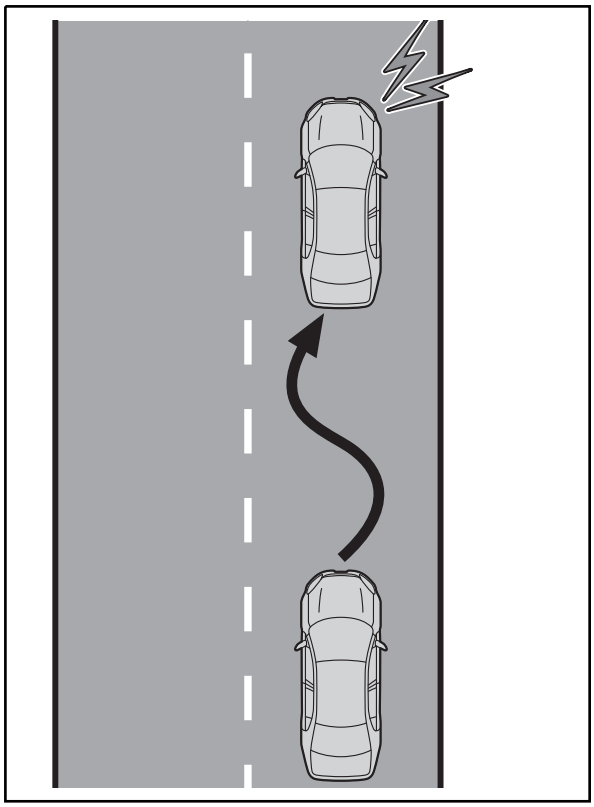
Xe có hệ thống BSM: Nếu hệ thống xác định rằng xe có thể sẽ bị va chạm với một xe ở làn đường bên cạnh, thì chức năng tránh đi lệch làn đường sẽ hoạt động ngay cả khi đèn xi nhan đang hoạt động.

*: Ranh giới giữa đường nhựa và cỏ, đất... hoặc các công trình, chẳng hạn như lề đường, lan can...



n Chức năng gợi ý tài xế nghỉ ngơi

Nếu xe bị lắc, một thông báo sẽ xuất hiện và chuông báo sẽ kêu để nhắc nhở người lái nghỉ ngơi.



⚠ CẢNH BÁO

n **Trước khi sử dụng hệ thống LDA**

l Không được quá phụ thuộc vào hệ thống LDA. Hệ thống LDA không phải là một hệ thống hỗ trợ tự động cho việc lái xe và không phải là một hệ thống giúp làm giảm sự chú ý cần thiết của người lái để lái xe an toàn. Người lái hoàn toàn có trách nhiệm chú ý đến môi trường xung quanh và điều khiển vô lăng khi cần thiết để đảm bảo an toàn. Ngoài ra, người lái có trách nhiệm nghỉ ngơi đầy đủ khi mệt mỏi, chẳng hạn như khi lái xe trong một thời gian dài.

l Nếu không tập trung khi lái xe và thao tác lái xe không chính xác có thể dẫn đến tai nạn.

n Các điều kiện hoạt động của các chức năng

l Chức năng cảnh báo/ngăn đi lệch làn đường

Chức năng này sẽ hoạt động khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- Tốc độ xe đạt khoảng từ 50 km/h trở lên.

Chức năng này có thể hoạt động khi tốc độ xe đạt từ khoảng 40 km/h trở lên nếu phát hiện thấy các xe ôtô, xe máy, xe đạp hoặc người đi bộ ở gần làn đường của xe đang chạy.

- Hệ thống nhận diện làn đường hoặc hành trình*. (Khi chỉ nhận diện được một phía, hệ thống sẽ chỉ hoạt động ở phía được nhận diện.)
- Chiều rộng làn đường khoảng từ 3 m trở lên.
- Không vận hành công tắc xi nhan.

(Xe có BSM: Trừ trường hợp phát hiện có xe theo hướng mà công tắc xi nhan được vận hành.)

- Xe không đi quanh một khúc cua gấp.
- Xe không tăng ga hoặc giảm ga nhiều hơn mức nhất định.
- Vô lăng không được xoay đủ để thực hiện việc chuyển làn.
- Khi chưa tắt hệ thống VSC hoặc hệ thống TRC/A-TRC

*: Ranh giới giữa đường nhựa và cỏ, đất... hoặc các công trình, chẳng hạn như lề đường, lan can...

n Tạm thời hủy các chức năng

Khi các điều kiện hoạt động không được thỏa mãn, chức năng này có thể tạm thời bị hủy. Tuy nhiên, khi các điều kiện hoạt động lại được thỏa mãn, thì chức năng này sẽ tự động phục hồi lại. (→P.242)

n Hoạt động của chức năng cảnh báo đi lệch làn đường/chức năng ngăn đi lệch làn đường

- Tùy thuộc vào tốc độ xe, điều kiện đường xá, góc nghiêng của xe so với làn đường... mà có thể sẽ không cảm nhận được hoạt động của chức năng ngăn đi lệch làn đường hoặc chức năng này có thể sẽ không hoạt động.
- Tùy thuộc vào các điều kiện, mà chuông cảnh báo có thể sẽ hoạt động ngay cả khi đã chọn chế độ cảnh báo bằng cách rung vô lăng thông qua cài đặt tùy chọn cá nhân.
- Nếu hành trình* không rõ ràng hoặc không thẳng, thì chức năng cảnh báo đi lệch làn đường hoặc chức năng ngăn đi lệch làn đường có thể sẽ không hoạt động.
- Chức năng cảnh báo đi lệch làn đường hoặc chức năng ngăn đi lệch làn đường có thể sẽ không hoạt động nếu hệ thống nhận định rằng người lái đang cố ý điều khiển vô lăng để tránh người đi bộ hoặc xe đang đỗ.
- Xe có hệ thống BSM: Hệ thống có thể sẽ không phán đoán được liệu có nguy cơ xảy ra va chạm với xe ở làn bên cạnh hay không.
- Hoạt động hỗ trợ đánh lái của chức năng ngăn đi lệch làn đường có thể sẽ bị lấn át đi bởi thao tác điều khiển vô lăng của người lái.

*: Ranh giới giữa đường nhựa và cỏ, đất... hoặc các công trình, chẳng hạn như lề đường, lan can...

n Hoạt động cảnh báo người lái bỏ tay ra khỏi vô lăng

Trong các trường hợp sau, một cảnh báo nhằm thúc giục người lái điều khiển vô lăng và một biểu tượng sẽ được hiển thị và chuông báo sẽ kêu để cảnh báo cho người lái. Khi sử dụng hệ thống, hãy đảm bảo nắm chắc tay lái, bất kể cảnh báo có đang hoạt động hay không.



- Khi hệ thống xác định rằng người lái không cầm chắc vô lăng hoặc vô

lăng không được điều khiển khi hoạt động hỗ trợ đánh lái của chức năng ngăn đi lệch làn đường đang hoạt động

Thời gian hoạt động của chuông cảnh báo sẽ dài hơn khi tần suất hoạt động của hệ thống hỗ trợ đánh lái tăng lên. Ngay cả khi hệ thống đánh giá rằng người lái đã chủ động điều khiển vô lăng, thì chuông cảnh báo vẫn sẽ kêu trong một khoảng thời gian nhất định.

n **Chức năng gợi ý tài xế nghỉ ngơi**

Chức năng này sẽ hoạt động khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- Tốc độ xe khoảng từ 50 km/h trở lên.
- Chiều rộng làn đường khoảng từ 3 m trở lên.

Tùy thuộc vào tình trạng của xe và mặt đường, chức năng nhắc nhỉ ngơi có thể sẽ không hoạt động.



Thay đổi các cài đặt LDA

- Có thể kích hoạt/vô hiệu hóa hệ thống LDA bằng chức năng cài đặt tùy chọn cá nhân. (→P.609)
- Hệ thống sẽ được kích hoạt mỗi khi bật công tắc động cơ ON.*1
- Có thể thay đổi các cài đặt của hệ thống LDA ở mục các cài đặt cá nhân. (→P.609)

⚠ CẢNH BÁO

n **Những tình huống có thể làm hệ thống hoạt động không chính xác**

Trong các tình huống sau đây, hệ thống có thể không hoạt động chính xác và xe có thể lệch khỏi làn đường. Không được quá tin tưởng vào các chức năng này. Người lái phải có trách nhiệm chủ ý vào các khu vực xung quanh xe và vận hành vô lăng khi cần thiết để đảm bảo an toàn.

- Khi ranh giới giữa đường rải nhựa và đường có cỏ, sỏi, vv... hoặc công trường như đường cong, rào chắn, vv... là không rõ ràng hoặc không thẳng.
- Khi xe bị tạt bởi gió ngang hoặc sự hỗn loạn của các xe khác ở gần
- Các trường hợp mà hệ thống có thể sẽ không phát hiện được làn đường: →P.226
- Những tình huống có thể làm cho các cảm biến hoạt động không chính xác: →P.224
- Các tình huống mà một vài chức năng hoặc tất cả các chức năng của hệ thống không thể hoạt động: →P.226
- Khi cần vô hiệu hóa hệ thống →P.220

Các màn hình và hoạt động của hệ thống

Tình trạng hoạt động của chức năng cảnh báo lệch làn và hoạt động hỗ trợ lái của chức năng ngăn chạy lệch làn được hiển thị.

Đèn chỉ báo	Hiển thị làn đường	Biểu tượng vô lăng	Tình huống
 Màu vàng Sáng	Không sáng	Không sáng	Hệ thống bị vô hiệu hóa
Không sáng	 Màu xám	Không sáng	Hệ thống không phát hiện được các vạch kẻ làn đường
Không sáng	 Trắng	Không sáng	Hệ thống phát hiện được các vạch kẻ làn đường
 Màu vàng Nháy	 Màu vàng Nháy	Không sáng	Chức năng cảnh báo lệch làn đang hoạt động cho bên mà hiển thị làn đường đang nháy
 Màu xanh lá	 Màu xanh lá	 Màu xanh lá	Chức năng ngăn chạy lệch làn đang hoạt động cho bên hiển thị làn đường sáng
 Màu vàng Nháy	 Màu vàng Nháy	 Màu xanh lá	Chức năng cảnh báo lệch làn/chức năng ngăn chạy lệch làn đang hoạt động cho bên hiển thị làn đường đang nháy

RSA (Hỗ trợ nhận diện biển báo)*

*: Nếu có

Hệ thống RSA sẽ phát hiện được các biển báo giao thông tiêu chuẩn bằng cách sử dụng camera phía trước và cảnh báo người lái thông qua màn hình và chuông báo.

⚠ CẢNH BÁO

n **Để lái xe an toàn**

l Lái xe an toàn hoàn toàn là trách nhiệm của người lái xe. Hãy chú ý đến các điều kiện xung quanh để đảm bảo lái xe an toàn.

l Không phụ thuộc vào hệ thống RSA. Hệ thống RSA sẽ hỗ trợ người lái bằng cách cung cấp thông tin về các biển báo giao thông đường bộ, nhưng nó không thể thay thế cho sự quan sát và nhận thức của chính người lái. Lái xe an toàn hoàn toàn là trách nhiệm của người lái. Hãy chú ý đến các điều kiện xung quanh xe để đảm bảo lái xe an toàn.

n **Các trường hợp không nên sử dụng hệ thống RSA**

Khi cần vô hiệu hóa hệ thống →P.220

n **Những tình huống có thể làm hệ thống hoạt động không chính xác**

Những tình huống có thể làm cho các cảm biến hoạt động không chính xác: →P.224

Chức năng hiển thị

● Khi camera phía trước phát hiện một biển báo giao thông, thì biển báo đó sẽ được hiển thị trên màn hình.

n **Các điều kiện hoạt động của chức năng hiển thị biển giao thông**

Các biển báo giao thông sẽ được hiển thị khi thỏa mãn các điều kiện sau:

l Hệ thống đã phát hiện ra một biển báo giao thông

Trong các trường hợp sau, một biển báo giao thông đã được hiển thị có thể sẽ ngừng xuất hiện:

l Khi không phát hiện được biển báo mới ở một khoảng cách nhất định

l Khi hệ thống xác định rằng xe đã chuyển sang đoạn đường khác, chẳng hạn như sau khi xe đã rẽ trái hoặc rẽ phải

n **Các trường hợp mà chức năng hiển thị biển báo giao thông có thể sẽ hoạt động không chính xác**

Trong các tình huống sau, hệ thống RSA có thể sẽ không hoạt động chính xác và có thể sẽ không phát hiện ra các biển báo giao thông hoặc có thể sẽ hiển thị biển báo giao thông không chính xác. Tuy nhiên, đó không phải là lỗi của hệ thống.

l Khi biển báo giao thông bị bẩn, mờ, nghiêng hoặc cong

l Khi biển báo giao thông điện tử có độ tương phản thấp

l Khi tất cả hoặc một phần của biển báo bị che bởi cây cối, cột điện...

l Khi camera phía trước phát hiện một biển báo giao thông trong một khoảng thời gian ngắn

l Khi trạng thái lái xe (rẽ, chuyển làn...) được nhận định một cách không chính xác

l Khi có biển báo giao thông ngay sau giao lộ giữa đường cao tốc hoặc trong làn đường liền kề ngay trước khi nhập làn

l Khi phía sau của xe chạy phía trước có gắn các sticker

- Khi một biển báo giao thông tương tự như một biển báo giao thông tương thích với hệ thống được phát hiện như là một biển báo giao thông tương thích với hệ thống
- Khi biển báo giới hạn tốc độ của đường gom nằm trong phạm vi phát hiện của camera phía trước
- Khi lái xe xung quanh vòng xuyến
- Khi phát hiện một biển báo giao thông dành cho xe tải...
- Khi biển báo có biển phụ bổ sung (điểm kết thúc, ngày trong tuần, thời gian trong ngày, v.v.)
- Khi có biển báo trong khu vực hạn chế giao thông, chẳng hạn như khu vực đang thi công đường

Chức năng thông báo

Trong các trường hợp sau, hệ thống RSA sẽ đưa ra cảnh báo cho người lái.

- Nếu tốc độ của xe đang cao hơn ngưỡng cảnh báo tốc độ của biển báo giới hạn tốc độ được hiển thị trên màn hình, thì màn hình hiển thị biển báo sẽ được làm nổi bật và chuông báo sẽ kêu.

n Các điều kiện hoạt động của các chức năng thông báo

- Chức năng thông báo vượt quá giới hạn tốc độ

Chức năng này sẽ hoạt động khi thỏa mãn điều kiện sau:

- Hệ thống phát hiện ra biển báo giới hạn tốc độ trên đường.

Các kiểu biển báo giao thông được hệ thống hỗ trợ

- Các kiểu biển báo giao thông sau đây có thể được hiển thị.

Tuy nhiên, các biển báo giao thông không theo tiêu chuẩn hoặc các biển mới được áp dụng có thể sẽ không được hiển thị.



Hạn chế tốc độ

Thay đổi các cài đặt của hệ thống RSA

- Có thể thay đổi các cài đặt sau của hệ thống RSA thông qua chức năng cài đặt tùy chọn cá nhân. (→P.609)

Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa*

*: Nếu có

Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa sẽ phát hiện các xe chạy phía trước, xác định khoảng cách với xe phía trước và điều khiển để duy trì khoảng cách phù hợp với xe chạy phía trước. Có thể cài đặt khoảng cách với xe phía trước bằng cách sử dụng công tắc điều chỉnh khoảng cách với xe phía trước.

Chỉ sử dụng hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa trên đường cao tốc.

⚠ CẢNH BÁO

n **Để lái xe an toàn**

l Lái xe an toàn hoàn toàn là trách nhiệm của người lái. Không được quá phụ thuộc vào hệ thống này và hãy chú ý đến các điều kiện xung quanh để đảm bảo lái xe an toàn.

l Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa sẽ hỗ trợ người lái khi lái xe. Tuy nhiên, có một số hạn chế đối với việc hỗ trợ của hệ thống.

Hãy đọc các thông tin sau một cách cẩn thận. Không được quá phụ thuộc vào hệ thống này và luôn lái xe cẩn thận.

Các điều kiện mà hệ thống có thể sẽ hoạt động không chính xác: →P.254

l Hãy cài đặt tốc độ phù hợp theo giới hạn tốc độ, lưu lượng giao thông, điều kiện đường xá, điều kiện thời tiết... Người lái xe phải có trách nhiệm xác nhận tốc độ đã cài đặt.

l Ngay cả khi hệ thống đang hoạt động chính xác, tình trạng của xe phía trước theo nhận định của người lái và phát hiện của hệ thống có thể sẽ khác nhau. Vì vậy, người lái cần chú ý, đánh giá rủi ro và đảm bảo an toàn. Việc phụ thuộc quá nhiều vào hệ thống này để điều khiển xe một cách an toàn có thể sẽ dẫn đến tai nạn gây ra tử vong hoặc chấn thương nặng.

n **Các lưu ý đối với các hệ thống hỗ trợ lái xe**

Hãy tuân thủ các lưu ý sau, do sự hỗ trợ của hệ thống này vẫn có những giới hạn nhất định. Quá phụ thuộc vào hệ thống này có thể dẫn đến tai nạn, gây ra tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng.

l Chi tiết về các hỗ trợ cho khả năng quan sát của người lái

Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa chỉ có tác dụng hỗ trợ người lái giữ khoảng cách giữa xe của họ và xe chạy phía trước. Nó không phải là một hệ thống cho phép người lái có thể lái xe bất cẩn hoặc thiếu chú ý, và không phải là một hệ thống hỗ trợ lái xe trong điều kiện tầm nhìn kém.

Người lái phải chú ý quan sát xung quanh xe, ngay cả khi xe đã dừng lại.

l Chi tiết về các hỗ trợ cho sự phán đoán của người lái

Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa sẽ xác định xem khoảng cách với xe chạy phía trước có nằm trong một phạm vi đã đặt hay không. Nó không có khả năng đưa ra bất kỳ kiểu phán đoán nào khác. Vì vậy, người lái cần hết sức thận trọng và xác định xem có khả năng xảy ra nguy hiểm hay không.

- Chi tiết về các hỗ trợ cho việc điều khiển xe của người lái

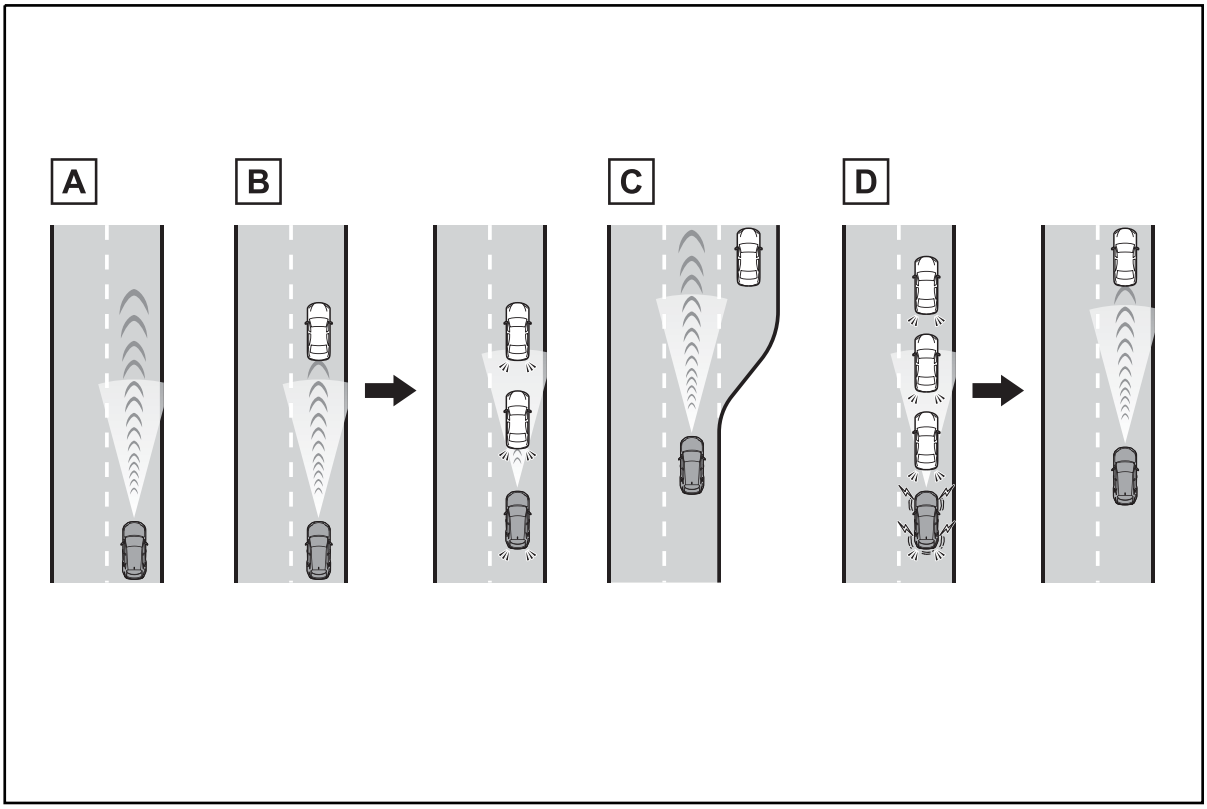
Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa không có các chức năng để ngăn ngừa hoặc tránh xảy ra va chạm với các xe chạy phía trước. Vì vậy, nếu có khả năng xảy ra nguy hiểm, người lái phải điều khiển xe ngay lập tức và trực tiếp điều khiển xe một cách phù hợp để đảm bảo an toàn.

n Các trường hợp không nên sử dụng hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa

Không sử dụng hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa trong các trường hợp sau. Vì hệ thống sẽ không thể cung cấp khả năng điều khiển thích hợp, việc cố sử dụng hệ thống có thể sẽ dẫn đến tai nạn gây ra tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng.

- Khi trên đường có nhiều người đi bộ và người đi xe đạp...
- Khi lái xe trên đường cao tốc hoặc lối vào hoặc lối ra của đường cao tốc
- Khi chuông cảnh báo xe tiến tới gần xe khác kêu thường xuyên
- Những tình huống có thể làm cho các cảm biến hoạt động không chính xác: →P.224
- Khi cần vô hiệu hóa hệ thống →P.220

Các chức năng cơ bản



A Chạy ở tốc độ cố định

Khi không có xe chạy phía trước

Xe đang chạy ở tốc độ được đặt trước bởi người lái

Nếu xe chạy vượt quá tốc độ đặt trước khi đang lái xe xuống đồi dốc, màn hình hiển thị tốc độ đặt sẽ nháy và chuông báo sẽ kêu.

B Giảm tốc và chạy theo sau xe phía trước

Khi phát hiện thấy có xe chạy phía trước đang chạy chậm hơn tốc độ xe đặt trước

Khi phát hiện được xe phía trước, xe tự động giảm tốc và nếu cần giảm tốc độ xe nhiều hơn, thì hệ thống sẽ gài phanh (đèn phanh sẽ sáng lên ở thời điểm này). Xe được điều khiển bởi người lái để duy trì khoảng cách với xe chạy phía trước đã được đặt, theo sự thay đổi tốc độ của xe chạy phía trước. Nếu tốc độ xe được giảm không đủ và xe đến gần xe phía trước, thì chuông cảnh báo xe tiến tới gần xe khác sẽ kêu.

C Tăng tốc

Khi không có xe chạy ở phía trước chạy chậm hơn tốc độ xe đặt trước

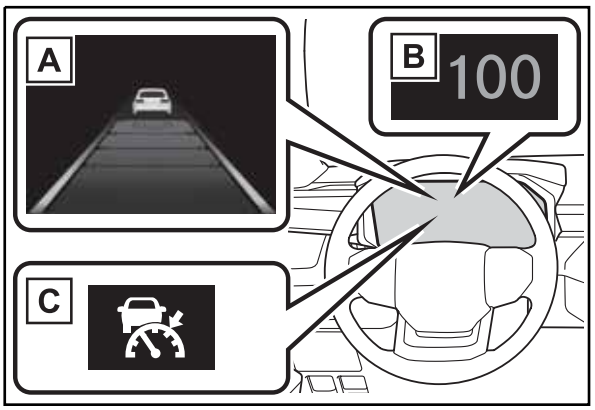
Xe sẽ tăng tốc độ đạt đến tốc độ đặt trước và sau đó phục hồi chạy tự động ở tốc độ cố định.

D Khởi hành (xe với hộp số tự động)

Nếu xe phía trước dừng lại, xe của bạn cũng sẽ dừng lại (điều khiển bởi hệ thống). Sau khi xe chạy phía trước khởi hành, khi ấn công tắc "RES" hoặc đạp bàn đạp ga sẽ làm cho xe tiếp tục chạy ở chế độ bám theo xe phía trước (điều khiển khởi hành). Nếu người lái không thực hiện thao tác khởi hành, hệ thống sẽ tiếp tục giữ xe ở trạng thái dừng.

Các chi tiết của hệ thống

n Hiển thị bảng táp lô

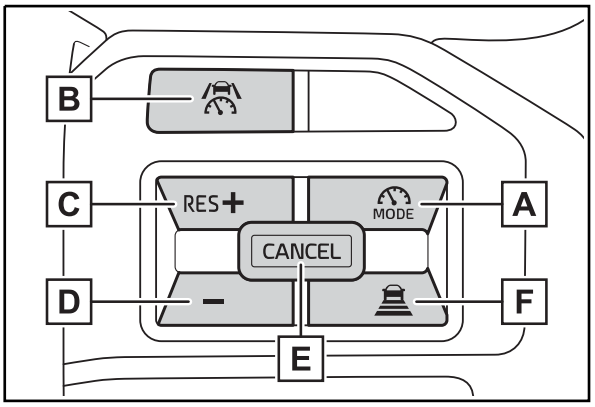


A Màn hình đa thông tin

B Tốc độ đặt trước của xe

C Đèn chỉ báo

n Các công tắc



A Công tắc chọn chế độ hỗ trợ lái xe

B Công tắc hỗ trợ lái xe

C Công tắc "+"/"RES"

D Công tắc "-"

E Công tắc Cancel (hủy)

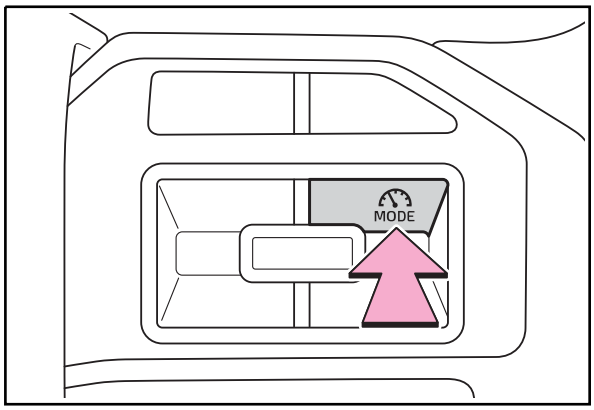
F Công tắc đặt khoảng cách với xe phía trước

Sử dụng hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa

n Cài đặt tốc độ xe

1 Hãy ấn công tắc chọn chế độ hỗ trợ lái để chọn chế độ Adaptive Cruise.

Đèn chỉ báo của hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa sẽ sáng lên.

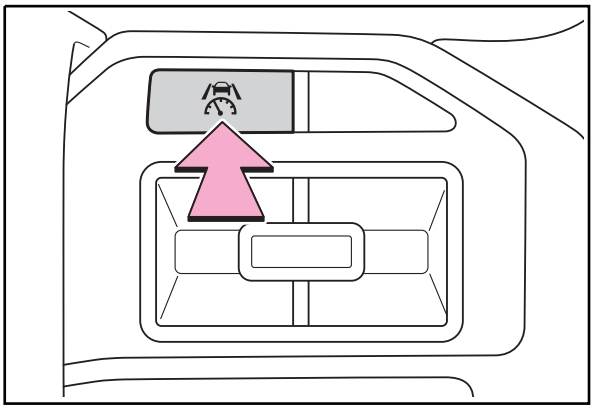


2 Sử dụng bàn đạp ga, hãy tăng hoặc giảm tốc đến tốc độ xe mong muốn (khoảng từ 30 km/h trở lên) và ấn công tắc

hỗ trợ lái xe để đặt tốc độ đặt trước.

Tốc độ xe đặt trước sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

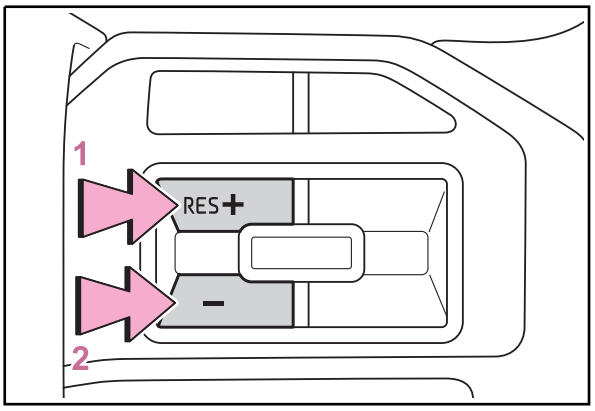
Tốc độ xe tại thời điểm nhả công tắc sẽ là tốc độ thiết lập hoặc tốc độ đặt trước.



n Điều chỉnh tốc độ đặt trước của xe

- Điều chỉnh tốc độ đặt trước của xe bằng các công tắc

Để thay đổi tốc độ xe đặt trước, hãy ấn công tắc "+" hoặc "-" cho đến khi tốc độ mong muốn được hiển thị.



1 Tăng tốc độ đặt trước của xe

2 Giảm tốc độ đặt trước của xe

Điều chỉnh bằng thao tác ấn nhanh: Ấn công tắc

Điều chỉnh bằng thao tác ấn và giữ: Hãy ấn và giữ công tắc điều khiển cho đến khi đạt được tốc độ đặt trước mong muốn.

Tốc độ đặt trước của xe sẽ tăng lên hoặc giảm đi như sau:

Điều chỉnh bằng thao tác ấn nhanh: Tốc độ sẽ thay đổi 1 km/h sau mỗi lần ấn công tắc

Điều chỉnh bằng thao tác ấn và giữ: Tốc độ sẽ tăng hoặc giảm theo mức tăng 5 km/h một cách liên tục trong khi ấn và giữ công tắc điều khiển

Có thể thay đổi điều chỉnh tốc độ đặt trước của xe thông qua chức năng cài đặt tùy chọn cá nhân.

- Tăng tốc độ đặt trước của xe bằng bàn đạp ga

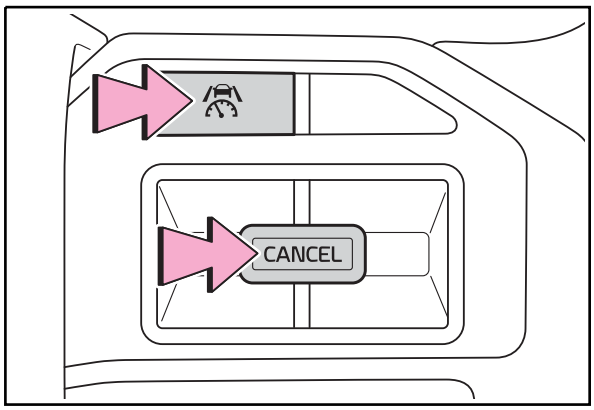
1 Hãy đạp bàn đạp ga để tăng tốc xe đến tốc độ mong muốn.

2 Hãy ấn công tắc "+".

n Hủy/phục hồi điều khiển

1 Ấn công tắc hủy hoặc công tắc hỗ trợ lái để hủy điều khiển.

Chức năng điều khiển cũng sẽ bị hủy nếu đạp bàn đạp phanh.
(Đối với xe có hộp số tự động: Khi xe được dừng lại bằng điều khiển của hệ thống, việc nhấn bàn đạp phanh sẽ không hủy được điều khiển.)

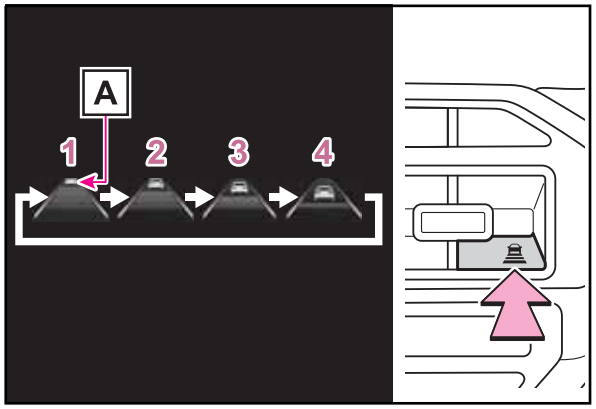


2 Hãy ấn công tắc "RES" để khôi phục điều khiển.

n Thay đổi khoảng cách với xe chạy phía trước

Sau mỗi lần ấn công tắc, khoảng cách cài đặt với xe chạy phía trước sẽ thay đổi như sau:

Nếu phát hiện thấy có xe chạy phía trước, thì dấu hiệu xe chạy phía trước A sẽ được hiển thị.



Số minh họa	Khoảng cách với xe chạy phía trước	Khoảng cách tương đối (Tốc độ xe: 100 km/h)
1	Rất dài	Khoảng 70 m
2	Dài	Khoảng 60 m
3	Trung bình	Khoảng 45 m
4	Ngắn	Xấp xỉ 30 m

Khoảng cách thực tế với xe chạy phía trước thay đổi theo tốc độ của xe.

Xe trang bị hộp số tự động: Ngoài ra, khi xe được dừng lại bởi sự điều khiển của hệ thống, nó sẽ dừng cách xe phía trước một khoảng cách nhất định, tùy thuộc vào từng trường hợp, bất kể đang để ở chế độ cài đặt nào.

n Các điều kiện hoạt động

- Khi cần số ở vị trí D. (xe có hộp số tự động)
- Vị trí cần số ở số 2 hoặc số cao hơn. (xe có hộp số thường)
- Có thể cài đặt được tốc độ đặt trước mong muốn khi xe chuyển động ở tốc độ 30 km/h trở lên.
  - Nếu đặt tốc độ xe trong khi lái xe ở tốc độ dưới khoảng 30 km/h (20 mph), tốc độ đặt trước sẽ là khoảng 30 km/h (20 mph). (xe với hộp số tự động)
  - Nếu đặt tốc độ xe trong khi lái xe ở tốc độ lớn hơn tốc độ giới hạn trên của hệ thống, thì tốc độ xe được đặt sẽ là tốc độ giới hạn trên của hệ thống.

n Tăng tốc sau khi cài đặt tốc độ xe

Vì khi lái xe bình thường, có thể vận hành xe bằng cách nhấn bàn đạp ga. Sau khi tăng tốc, tốc độ xe sẽ trở về tốc độ đặt trước. Tuy nhiên, khi ở chế độ điều khiển khoảng cách với xe chạy phía trước, tốc độ xe có thể giảm xuống dưới tốc độ xe đặt trước để duy trì khoảng cách với xe phía trước.

n Chọn số (xe có hộp số thường)

Chọn vị trí số phù hợp theo tốc độ của xe. Nếu tốc độ động cơ là quá cao hoặc quá thấp, thì việc điều khiển có thể bị hủy một cách tự động.

n Khi xe bị dừng lại bằng điều khiển của hệ thống trong khi đang chạy tự động bám theo xe (xe với hộp số tự động)

- Khi ấn công tắc "RES" trong khi xe đang dừng lại dưới sự điều khiển của hệ thống, nếu xe chạy phía trước khởi hành trong khoảng 3 giây, thì hệ thống sẽ khôi phục chế độ chạy bám theo xe phía trước.
- Nếu xe phía trước khởi hành trong khoảng 3 giây sau khi xe bạn đang dừng lại do điều khiển của hệ thống, chức năng chạy tự động bám theo sẽ được phục hồi.

n Tự động hủy chế độ điều khiển khoảng cách với xe chạy phía trước

Trong các trường hợp sau đây, chế độ điều khiển khoảng cách với xe chạy phía trước sẽ tự động bị hủy:

- Khi tốc độ xe giảm xuống dưới khoảng 30 km/h (20 mph) (xe với hộp số sàn)
- Khi chức năng điều khiển phanh hoặc chức năng điều khiển hạn chế công suất phát ra của hệ thống hỗ trợ lái xe đang hoạt động
  (Ví dụ: Hệ thống cảnh báo tiền va chạm, hệ thống điều khiển dẫn động-khởi động)
- Khi cần số ở vị trí N hoặc nhấn bàn đạp ly hợp trong thời gian dài hơn thời gian nhất định (xe có hộp số thường)
- Khi phanh đỗ đang được vận hành.
- Khi đai an toàn của người lái chưa được thắt trong quá trình lái xe
- Khi hệ thống cảnh báo tiền va chạm bị vô hiệu hóa
- Khi xe được dừng bởi hệ thống kiểm soát trên đường dốc đứng (xe có hộp số tự động)
- Khi phát hiện được bất kỳ một trong các điều kiện sau đây trong khi xe bị dừng bởi điều khiển của hệ thống (xe với hộp số tự động):

• Đai an toàn của người lái chưa được thắt
• Khi cửa người lái được mở ra
• Khoảng 3 phút trôi qua kể từ khi xe dừng.

Phanh đỗ có thể sẽ được kích hoạt một cách tự động.

- Các tình huống mà một vài chức năng hoặc tất cả các chức năng của hệ thống không thể hoạt động: →P.226

n Thông điệp cảnh báo và chuông báo của hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa

Để lái xe an toàn: →P.220

n Những xe phía trước mà cảm biến không phát hiện được chính xác

Trong các tình huống sau đây, tùy vào các điều kiện nếu hệ thống không thể cung cấp đủ sự giảm tốc hoặc tăng tốc cần thiết, hãy vận hành bàn đạp phanh hoặc bàn đạp ga.

Vì cảm biến không thể phát hiện chính xác các kiểu xe này nên chức năng cảnh báo xe tiến tới gần xe khác (→P.254) có thể sẽ không hoạt động.

- Khi có một xe chạy cắt ngang phía trước xe bạn hoặc thay đổi làn đường ra xa khỏi xe bạn với tốc độ quá chậm hoặc quá nhanh.
- Khi thay đổi làn đường
- Khi có một xe phía trước đang chạy ở tốc độ thấp.
- Khi có một xe bị dừng ở cùng làn đường với xe bạn
- Khi có một xe mô tô đang đi cùng làn đường với xe bạn

n Hệ thống có thể không hoạt động chính xác trong những điều kiện sau đây

Trong các trường hợp dưới đây, hãy đạp bàn đạp phanh (hoặc bàn đạp ga, tùy vào từng tình huống) khi cần.

Do cảm biến có thể không phát hiện chính xác xe, hệ thống có thể không hoạt động chính xác.

- Khi một xe phía trước phanh bất ngờ
- Khi chuyển làn ở tốc độ thấp, như khi tắc đường (xe trang bị hộp số tự động)

Cảnh báo xe tiến tới gần xe phía trước

Trong các tình huống khi xe tiến gần tới xe phía trước và hệ thống không thể giảm tốc đủ, chẳng hạn như khi có phương tiện chạy cắt ngang phía trước đầu xe, màn

hình cảnh báo sẽ nhấp nháy và chuông báo sẽ kêu để cảnh báo cho người lái. Hãy đạp bàn đạp phanh để giữ khoảng cách an toàn với xe phía trước.

n **Các cảnh báo có thể sẽ không xuất hiện khi**

Trong các tình huống sau, chức năng cảnh báo có thể sẽ không hoạt động mặc dù khoảng cách với xe phía trước là rất ngắn.

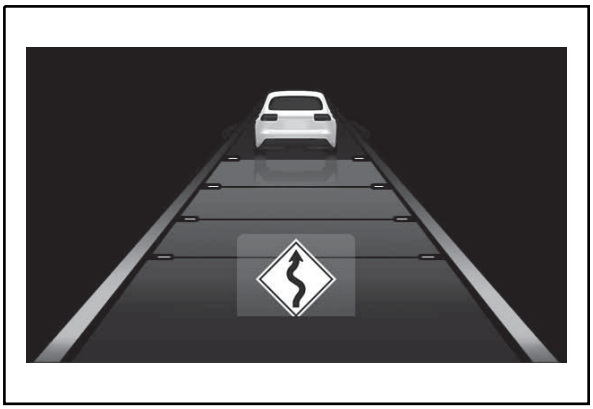
- Khi xe phía trước chạy cùng tốc độ hoặc nhanh hơn xe của bạn
- Khi xe phía trước đang di chuyển với tốc độ cực thấp
- Ngay sau khi đặt tốc độ xe
- Khi người lái nhấn bàn đạp ga

Chức năng giảm tốc độ khi vào cua

Khi phát hiện được khúc cua, tốc độ xe sẽ bắt đầu được giảm xuống. Khi hết khúc cua, việc giảm tốc độ xe sẽ kết thúc.

Tùy vào tình huống, tốc độ xe sẽ trở về tốc độ đặt trước.

Trong tình huống chế độ duy trì khoảng cách với xe chạy phía trước cần hoạt động, như khi có xe phía trước chạy cắt ngang qua phía trước xe bạn, chức năng giảm tốc khi vào cua sẽ bị hủy.



n **Trong tình huống sau đây, chức năng giảm tốc độ khi vào cua có thể không hoạt động.**

Trong tình huống sau, chức năng giảm tốc độ khi vào cua có thể không hoạt động.

- Khi đang lái xe quanh một khúc cua nhẹ
- Khi đang nhấn bàn đạp ga
- Khi đang lái xe quanh khúc cua rất ngắn

Hỗ trợ chuyển làn

Nếu xe của bạn đang chạy ở tốc độ khoảng từ 80 km/h trở lên và thực hiện việc chuyển làn sang làn đường cho vượt, khi người lái điều khiển cần xi nhan và chuyển làn, xe sẽ tăng tốc đến tốc độ đặt trước để hỗ trợ chuyển làn.

Hệ thống dựa vào vị trí của vô lăng trên xe (tay lái thuận/tay lái nghịch) để nhận biết làn đường nào là làn đường cho vượt. Nếu xe được sử dụng ở một khu vực mà có làn đường cho vượt nằm ở phía ngược lại so với thị trường tiêu thụ xe ban đầu, thì xe có thể sẽ tăng tốc khi người lái gạt cần điều khiển xi nhan ngược lại với làn đường cho vượt. (ví dụ: Xe được sản xuất cho thị trường xe tay lái nghịch, nhưng lại đang được lái ở một

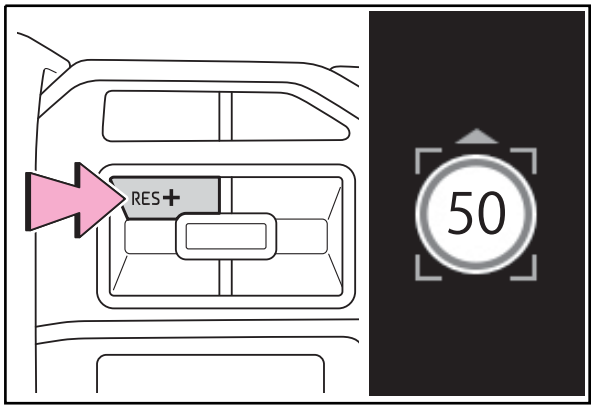
thị trường xe tay lái thuận. Xe có thể sẽ tăng tốc khi người lái vận hành công tắc xi nhan sang bên phải.). Trong trường hợp này, xe có thể sẽ tăng tốc khi người lái vận hành công tắc xi nhan sang bên phải.)

Nếu xe của bạn đang chạy ở tốc độ khoảng từ 80 km/h trở lên và thực hiện việc chuyển sang làn đường tốc độ thấp hơn tốc độ xe của bạn, khi người lái vận hành công tắc xi nhan, xe sẽ giảm tốc từ từ để hỗ trợ chuyển làn.

Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa có hỗ trợ nhận diện biển báo (nếu có)

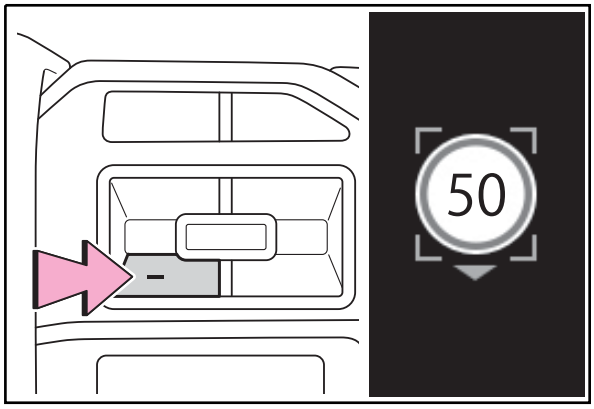
Khi chức năng RSA được kích hoạt và hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa đang hoạt động, nếu hệ thống phát hiện thấy biển giới hạn tốc độ, thì mức giới hạn tốc độ được phát hiện sẽ được hiển thị bởi mũi tên hướng lên trên/xuống dưới. Có thể tăng/giảm tốc độ cài đặt tới mức giới hạn tốc độ đã được phát hiện bằng cách ấn và giữ vào công tắc "+" hoặc công tắc "-".

n Khi tốc độ cài đặt thấp hơn giới hạn tốc độ được phát hiện



Hãy ấn và giữ công tắc "+".

n Khi tốc độ cài đặt cao hơn giới hạn tốc độ được phát hiện



Hãy ấn và giữ công tắc "-".

n Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa với chức năng hỗ trợ nhận diện biển báo có thể không hoạt động chính xác khi

Do hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa với chức năng hỗ trợ nhận diện biển báo giao thông có thể sẽ hoạt động không chính xác trong các tình huống mà hệ thống RSA có thể sẽ không hoạt động hoặc không thể phát hiện các biển báo giao thông một cách chính xác (→P.246), nên khi sử dụng chức năng này, hãy đảm bảo xác nhận giới hạn tốc độ thực tế.

Trong các tình huống sau, tốc độ cài

đặt có thể sẽ không thay đổi thành mức giới hạn tốc độ đã phát hiện bằng cách ấn và giữ công tắc "+" hoặc công tắc "-":

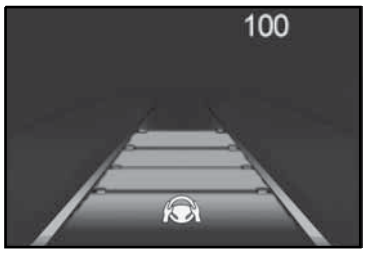
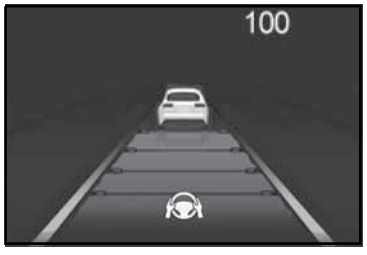
- Khi không có thông tin về giới hạn tốc độ
- Khi giới hạn tốc độ được phát hiện bằng với tốc độ đã đặt
- Khi giới hạn tốc độ được phát hiện nằm ngoài phạm vi tốc độ hoạt động của hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa

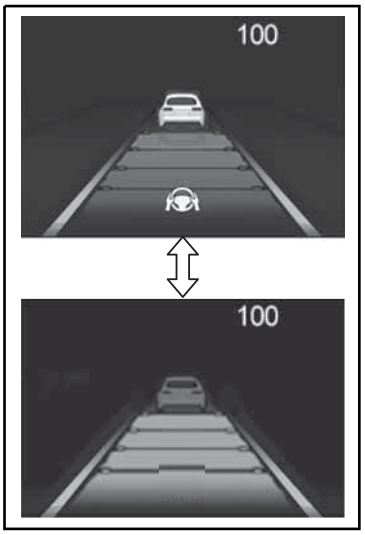
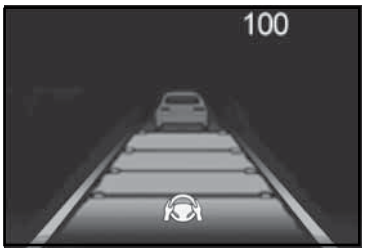
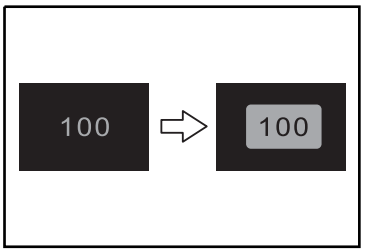
Thay đổi các cài đặt của hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa

Có thể thay đổi cài đặt của hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa thông qua chức năng cài đặt tùy chọn cá nhân. (→P.609)

Hiển thị và trạng thái hoạt động của hệ thống

Hiển thị trạng thái hoạt động của hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa.

Đèn chỉ báo	Màn hình đa thông tin		Tình huống
 Trắng		Cài đặt khoảng cách với xe chạy phía trước: Màu xám	Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa ở OFF
 Màu xanh lá		Cài đặt khoảng cách với xe chạy phía trước: Màu xanh da trời Tốc độ đặt trước của xe: Màu xanh lá	Chạy ở tốc độ cố định
 Màu xanh lá		Cài đặt khoảng cách với xe chạy phía trước: Màu xanh da trời Tốc độ đặt trước của xe: Màu xanh lá Xe phía trước: Màu trắng	Chạy bám theo xe phía trước

Đèn chỉ báo	Màn hình đa thông tin		Tình huống
 Màu xanh lá		Cài đặt khoảng cách với xe chạy phía trước: Nháy màu cam Tốc độ đặt trước của xe: Màu xanh lá Xe chạy phía trước: Nháy màu cam	Cảnh báo xe tiến tới gần xe phía trước
 Màu xanh lá		Cài đặt khoảng cách với xe chạy phía trước: Màu xám Tốc độ đặt trước của xe: Màu trắng Xe chạy phía trước: Màu xám	Tăng tốc bằng bàn đạp ga
 Màu xanh lá		Tốc độ đặt trước của xe: Màu xanh lá cây ở màn hình lùi xe	Tốc độ xe lớn hơn tốc độ đặt trước
 Màu xanh lá		Cài đặt khoảng cách với xe chạy phía trước: Màu xám Tốc độ đặt trước của xe: Màu trắng Xe chạy phía trước: Màu xám	Xe được điều khiển dừng*

*: Xe có hộp số tự động

Điều khiển chạy tự động (xe có hệ thống cảm nhận an toàn Toyota)

Xe có thể chạy ở tốc độ đặt trước ngay cả khi không đạp chân ga.

Chỉ sử dụng hệ thống điều khiển chạy tự động trên đường cao tốc.

⚠ CẢNH BÁO

n **Để lái xe an toàn**

l Lái xe an toàn hoàn toàn là trách nhiệm của người lái. Do đó, không được quá phụ thuộc vào hệ thống này. Người lái xe phải hoàn toàn chịu trách nhiệm chú ý đến môi trường xung quanh xe và lái xe an toàn.

l Hãy cài đặt tốc độ phù hợp theo giới hạn tốc độ, lưu lượng giao thông, điều kiện đường xá, điều kiện thời tiết... Người lái xe phải có trách nhiệm xác nhận tốc độ đã cài đặt.

n **Các trường hợp không nên sử dụng hệ thống điều khiển chạy tự động**

Không sử dụng hệ thống điều khiển chạy tự động trong các trường hợp sau. Do hệ thống sẽ không thể cung cấp khả năng điều khiển thích hợp, nếu sử dụng có thể sẽ dẫn đến tai nạn gây tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng.

l Khi trên đường có nhiều khúc cua gấp

l Khi lái xe trên đường quanh co

l Khi lái xe trên đường trơn trượt, như đường bị ngập nước hay bị băng tuyết bao phủ

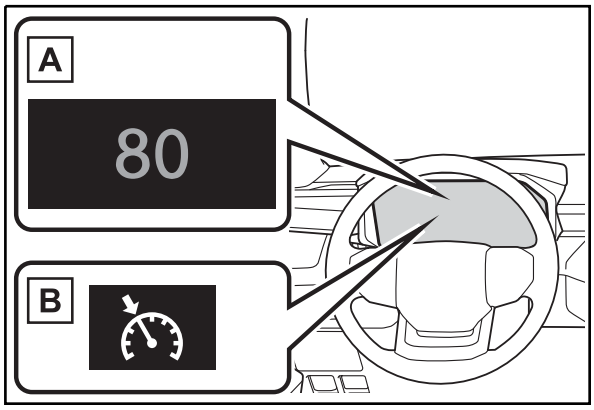
l Khi lái xe trên đường dốc đứng hoặc khi lái xe trên đường có độ dốc thay đổi liên tục

Tốc độ xe có thể vượt quá tốc độ đã được cài đặt trong khi lái xe xuống dốc đứng.

l Khi cần vô hiệu hóa hệ thống →P.220

Các chi tiết của hệ thống

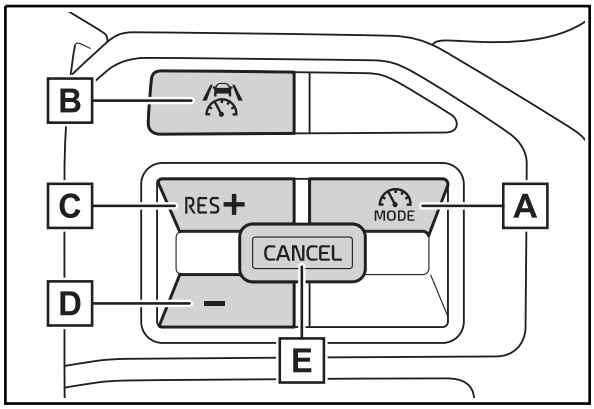
n **Hiển thị bảng táp lô**



A Tốc độ đặt trước của xe

B Đèn chỉ báo điều khiển chạy tự động

n **Các công tắc**



A Công tắc chọn chế độ hỗ trợ lái xe

B Công tắc hỗ trợ lái xe

C Công tắc "+" / Công tắc "RES"

D Công tắc "-"

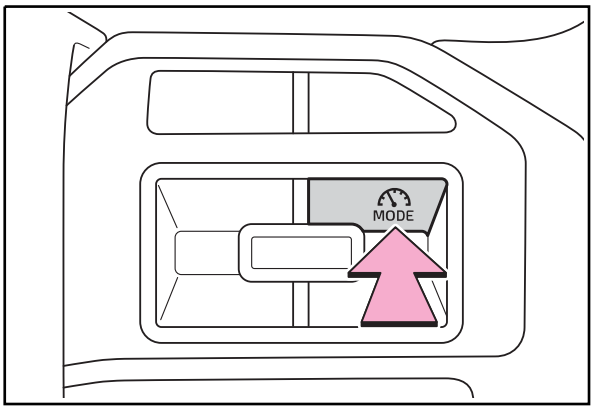
E Công tắc Cancel (hủy)

Sử dụng hệ thống điều khiển chạy tự động

n Cài đặt tốc độ xe

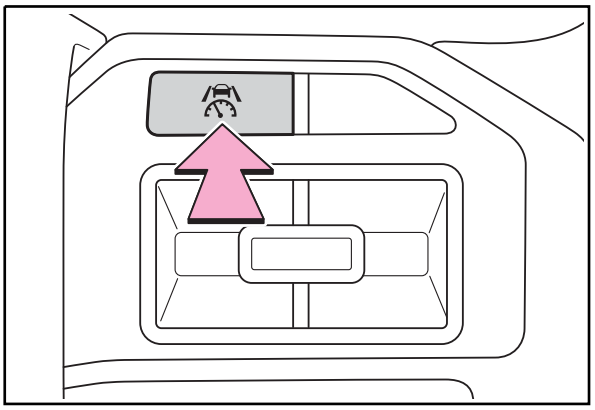
1 Hãy ấn công tắc chọn chế độ hỗ trợ lái để chọn Chế Độ Điều Khiển Chạy Tự Động.

Đèn chỉ báo điều khiển chạy tự động sẽ sáng lên.



2 Sử dụng bàn đạp ga, tăng tốc xe đến tốc độ mong muốn (khoảng từ 30 km/h trở lên) và ấn công tắc hỗ trợ lái xe để đặt tốc độ xe.

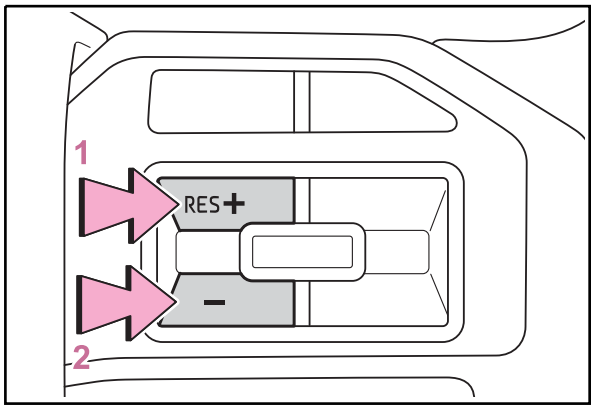
Tốc độ xe tại thời điểm nhả công tắc sẽ là tốc độ thiết lập hoặc tốc độ đặt trước.



n Điều chỉnh tốc độ đặt trước của xe

- Điều chỉnh tốc độ đặt trước của xe bằng các công tắc

Để thay đổi tốc độ cài đặt của xe, hãy ấn công tắc “+” hoặc “-” cho đến khi tốc độ mong muốn được hiển thị.



1 Tăng tốc độ đặt trước của xe

2 Giảm tốc độ đặt trước của xe

Tốc độ đặt trước của xe sẽ tăng lên hoặc giảm đi như sau:

Điều chỉnh nhỏ: Tốc độ đặt sẽ được điều chỉnh 1 km/h mỗi lần ấn công tắc

Điều chỉnh lớn: Tốc độ đặt sẽ được điều chỉnh tăng liên tục trong khi ấn và giữ công tắc

- Tăng tốc độ đặt trước của xe bằng bàn đạp ga

1 Hãy đạp bàn đạp ga để tăng tốc xe đến tốc độ mong muốn.

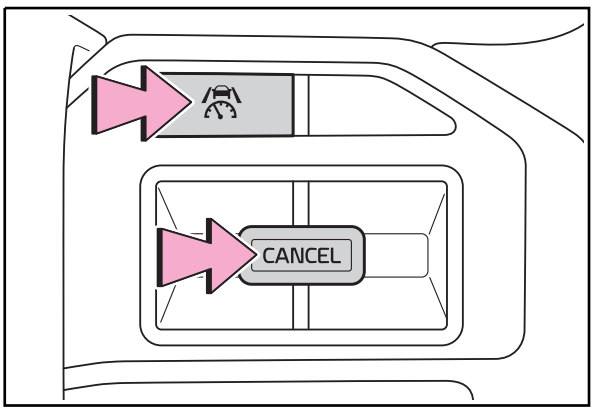
2 Hãy ấn công tắc "+".

n Hủy/phục hồi điều khiển

1 Ấn công tắc hủy hoặc công tắc hỗ trợ lái để hủy điều khiển.

Chức năng điều khiển cũng sẽ bị hủy

nếu bàn đạp phanh được nhấn.



2 Hãy ấn công tắc "RES" để khôi phục điều khiển.

n Tự động hủy chức năng điều khiển chạy tự động

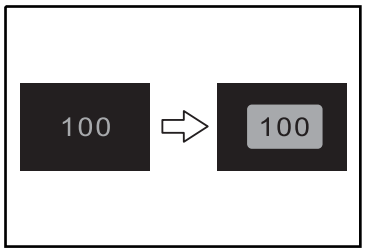
Trong các tình huống sau, chức năng điều khiển chạy tự động sẽ tự động bị hủy:

- Khi tốc độ xe giảm xuống thấp hơn từ 16 km/h trở lên so với tốc độ đặt trước
- Khi tốc độ xe giảm xuống dưới 30 km/h
- Khi chức năng điều khiển phanh hoặc điều khiển hạn chế công suất phát ra của hệ thống hỗ trợ lái xe hoạt động (Ví dụ: Hệ thống PCS, hệ thống điều khiển dẫn động - khởi động)
- Khi cần số ở vị trí N hoặc nhấn bàn đạp ly hợp trong thời gian dài hơn thời gian nhất định (xe có hộp số thường)
- Khi phanh đỗ đang được vận hành.
- Khi đai an toàn của người lái chưa được thắt
- Các tình huống mà một vài chức năng hoặc tất cả các chức năng của hệ thống không thể hoạt động: →P.226

Hiển thị và trạng thái hoạt động của hệ thống

Hiển thị trạng thái hoạt động của hệ thống điều khiển chạy tự động.

Đèn chỉ báo	Màn hình đa thông tin		Tình huống
 Trắng		Để trống	Tắt hệ thống điều khiển chạy tự động

Đèn chỉ báo	Màn hình đa thông tin		Tình huống
 Màu xanh lá		Tốc độ đặt trước của xe: Màu xanh lá	Chạy ở tốc độ cố định
 Màu xanh lá		Tốc độ đặt trước của xe: Màu xanh lá cây ở màn hình lùi xe	Tốc độ xe lớn hơn tốc độ đặt trước

Điều khiển chạy tự động (xe không có hệ thống cảm nhận an toàn Toyota)*

*: Nếu có

Xe có thể chạy ở tốc độ đặt trước ngay cả khi không đạp chân ga.

Chỉ sử dụng hệ thống điều khiển chạy tự động trên đường cao tốc.

CẢNH BÁO

n **Để lái xe an toàn**

l Lái xe an toàn hoàn toàn là trách nhiệm của người lái. Do đó, không được quá phụ thuộc vào hệ thống này. Người lái xe phải hoàn toàn chịu trách nhiệm chú ý đến môi trường xung quanh xe và lái xe an toàn.

l Hãy cài đặt tốc độ phù hợp theo giới hạn tốc độ, lưu lượng giao thông, điều kiện đường xá, điều kiện thời tiết... Người lái xe phải có trách nhiệm xác nhận tốc độ đã cài đặt.

n **Các trường hợp không nên sử dụng hệ thống điều khiển chạy tự động**

Không sử dụng hệ thống điều khiển chạy tự động trong các trường hợp sau. Do hệ thống sẽ không thể cung cấp khả năng điều khiển thích hợp, nếu sử dụng có thể sẽ dẫn đến tai nạn gây tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng.

l Khi trên đường có nhiều khúc cua gấp

l Khi lái xe trên đường quanh co

l Khi lái xe trên đường trơn trượt, như đường bị ngập nước hay bị băng tuyết bao phủ

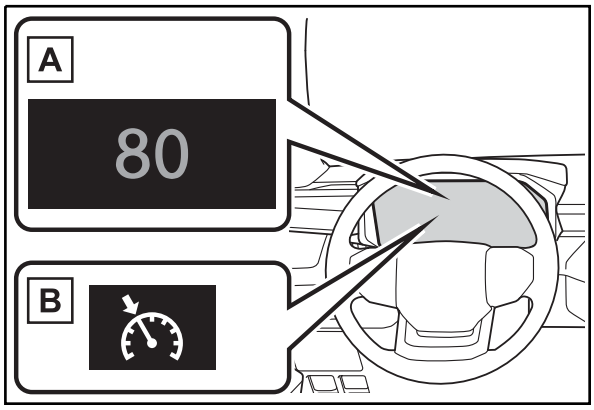
l Khi lái xe trên đường dốc đứng hoặc khi lái xe trên đường có độ dốc thay đổi liên tục

Tốc độ xe có thể vượt quá tốc độ đã được cài đặt trong khi lái xe xuống dốc đứng.

l Khi cần vô hiệu hóa hệ thống →P.220

Các chi tiết của hệ thống

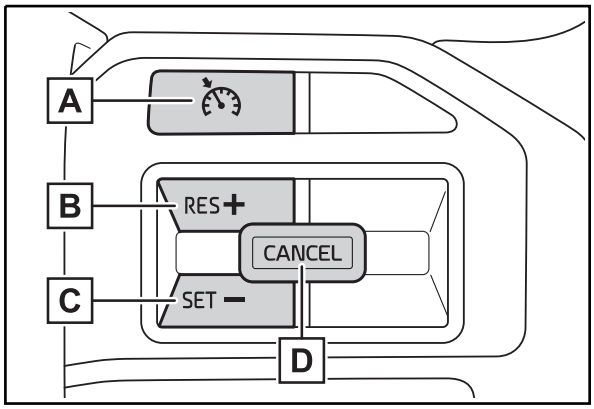
n **Hiển thị bảng táp lô**



A Tốc độ đặt trước của xe

B Đèn chỉ báo điều khiển chạy tự động

n **Các công tắc**



A Công tắc chính điều khiển chạy tự động

B Công tắc "+" / Công tắc "RES"

C Công tắc "-" / Công tắc "SET"

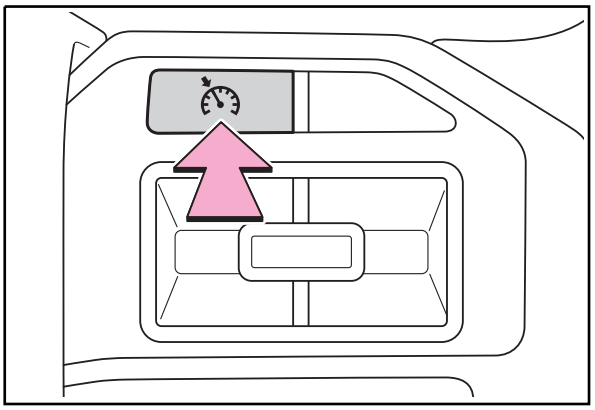
D Công tắc Cancel (hủy)

Sử dụng hệ thống điều khiển chạy tự động

n Cài đặt tốc độ xe

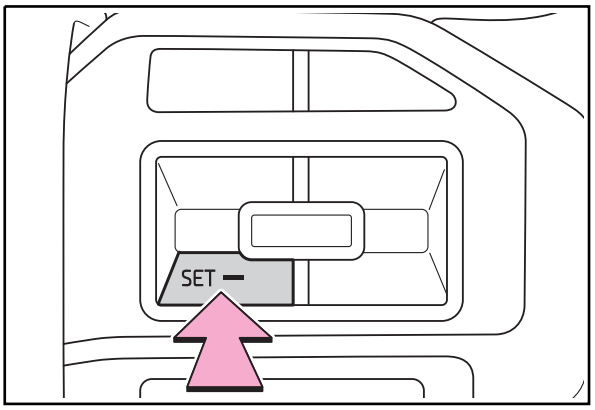
1 Hãy ấn công tắc chính điều khiển chạy tự động để kích hoạt hệ thống.

Đèn chỉ báo điều khiển chạy tự động sẽ sáng lên.



2 Sử dụng bàn đạp ga, tăng ga tới tốc độ cần đặt (bằng hoặc lớn hơn tốc độ xấp xỉ 30 km/h) và ấn công tắc “SET” để để đặt tốc độ.

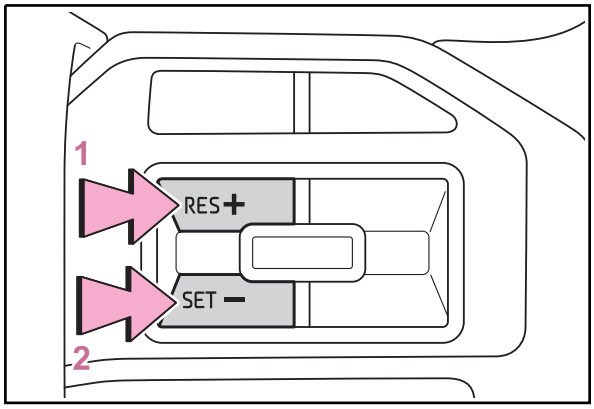
Tốc độ xe tại thời điểm nhả công tắc sẽ là tốc độ thiết lập hoặc tốc độ đặt trước.



n Điều chỉnh tốc độ đặt trước của xe

- Điều chỉnh tốc độ đặt trước của xe bằng các công tắc

Để thay đổi tốc độ cài đặt của xe, hãy ấn công tắc “+” hoặc “-” cho đến khi tốc độ mong muốn được hiển thị.



1 Tăng tốc độ đặt trước của xe

2 Giảm tốc độ đặt trước của xe

Tốc độ đặt trước của xe sẽ tăng lên hoặc giảm đi như sau:

Điều chỉnh nhỏ: Tốc độ đặt sẽ được điều chỉnh 1 km/h mỗi lần ấn công tắc

Điều chỉnh lớn: Tốc độ đặt sẽ được điều chỉnh tăng liên tục trong khi ấn và giữ công tắc

- Tăng tốc độ đặt trước của xe bằng bàn đạp ga

1 Hãy đạp bàn đạp ga để tăng tốc xe đến tốc độ mong muốn.

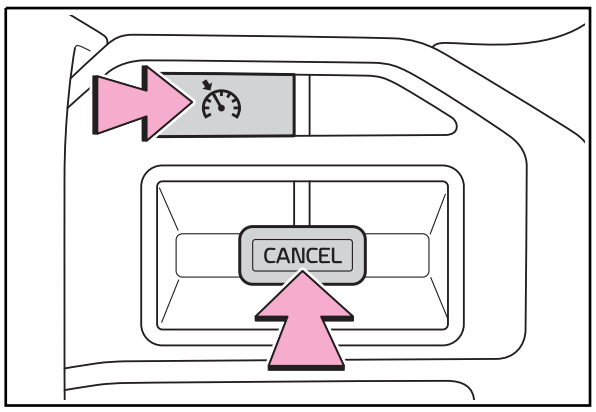
2 Hãy ấn công tắc "+".

n Hủy/phục hồi điều khiển

1 Ấn công tắc hủy hoặc công tắc chính điều khiển tự động để tắt điều khiển tốc độ.

Chức năng điều khiển cũng sẽ bị hủy

nếu bàn đạp phanh được nhấn.



2 Hãy ấn công tắc "RES" để khôi phục điều khiển.

n **Tự động hủy chức năng điều khiển chạy tự động**

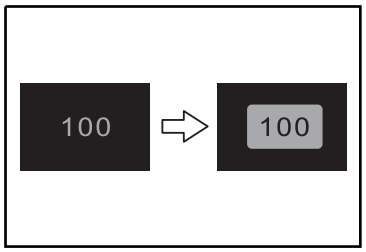
Trong các tình huống sau, chức năng điều khiển chạy tự động sẽ tự động bị hủy:

- Khi tốc độ xe giảm xuống thấp hơn từ 16 km/h trở lên so với tốc độ đặt trước
- Khi tốc độ xe giảm xuống dưới 30 km/h
- Khi hệ thống điều khiển phanh hoặc điều khiển hạn chế công suất đầu ra của hệ thống hỗ trợ lái xe đang hoạt động
- Xe có hộp số thường: Khi cần số ở vị trí N hoặc nhấn bàn đạp ly hợp trong hơn một khoảng thời gian nhất định.
- Khi phanh đỗ đang được vận hành.
- Các tình huống mà một vài chức năng hoặc tất cả các chức năng của hệ thống không thể hoạt động: →P.226

Hiển thị và trạng thái hoạt động của hệ thống

Hiển thị trạng thái hoạt động của hệ thống điều khiển chạy tự động.

Đèn chỉ báo	Màn hình đa thông tin		Tình huống
 Trắng		Để trống	Tắt hệ thống điều khiển chạy tự động

Đèn chỉ báo	Màn hình đa thông tin		Tình huống
 Màu xanh lá		Tốc độ đặt trước của xe: Màu xanh lá	Chạy ở tốc độ cố định
 Màu xanh lá		Tốc độ đặt trước của xe: Màu xanh lá cây ở màn hình lùi xe	Tốc độ xe lớn hơn tốc độ đặt trước

Hệ thống Dừng và Khởi động*

*: Nếu có

Hệ thống sẽ Dừng và Khởi động động cơ sẽ dừng và khởi động lại động cơ theo tình trạng hoạt động của bàn đạp phanh (xe có hộp số tự động) hoặc bàn đạp ly hợp (xe có hộp số thường) hoặc cần chuyển số khi dừng xe, như dừng nơi đèn đỏ, giao lộ,... để cải thiện tính kinh tế nhiên liệu và giảm ô nhiễm tiến ồn gây ra bởi chạy không tải động cơ.

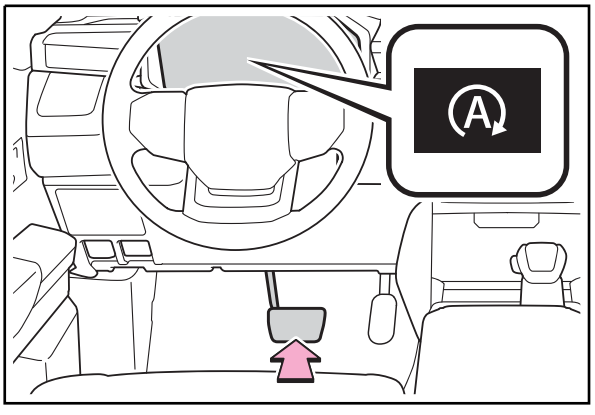
Sử dụng hệ thống dừng và khởi động

n **Tắt động cơ**

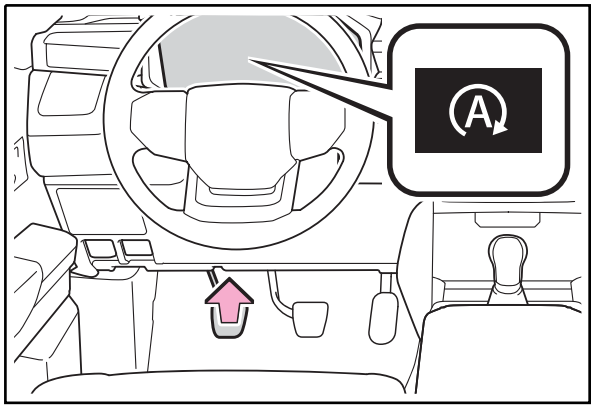
▶ Xe có hộp số tự động

Trong khi lái xe với cần số ở vị trí D, hãy đạp bàn đạp phanh và dừng xe. Động cơ sẽ dừng tự động.

Khi động cơ dừng hoạt động, đèn chỉ báo Dừng và Khởi động sẽ sáng.



▶ Xe có hộp số thường



1 Nhấn hoàn toàn bàn đạp ly hợp và nhấn bàn đạp phanh để dừng xe.

2 Hãy chuyển cần số đến vị trí N và nhả bàn đạp ly hợp. Động cơ sẽ dừng tự động.

Khi động cơ đã tắt máy bằng hệ thống Dừng và Khởi động, đèn chỉ báo hệ thống Dừng và Khởi động sẽ sáng.

n **Khởi động lại động cơ**

▶ Xe có hộp số tự động

Hãy nhả bàn đạp phanh. Động cơ sẽ khởi động tự động.

Khi động cơ khởi động, đèn chỉ báo Dừng và Khởi động sẽ tắt.

▶ Xe có hộp số thường

Với cần số đang ở vị trí N, hãy nhấn bàn đạp ly hợp. Động cơ sẽ khởi động tự động.

Khi động cơ khởi động, đèn chỉ báo Dừng và Khởi động sẽ tắt.

n **Hệ thống giữ phanh (nếu được trang bị) đang hoạt động**

● Khi động cơ tắt máy nhờ hệ thống Dừng và Khởi động, nếu nhả bàn đạp phanh động cơ

vẫn sẽ ngừng hoạt động.
Khi xe dừng tiến hoặc có người đi bộ phía trước và tương tự, động cơ có thể khởi động lại.

- Nếu đạp bàn đạp ga khi động cơ được dừng hoạt động bằng hệ thống Dừng và Khởi động, động cơ sẽ khởi động lại.
- Nếu động cơ ngừng hoạt động nhờ hệ thống Dừng & Khởi động, nếu động cơ khởi động lại, hệ thống giữ phanh sẽ tiếp tục giữ phanh, trừ khi điều kiện hoạt động của hệ thống giữ phanh không được thỏa mãn. (→P.204)

n **Khi hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa (nếu trang bị) đang hoạt động (Xe có hộp số tự động)**

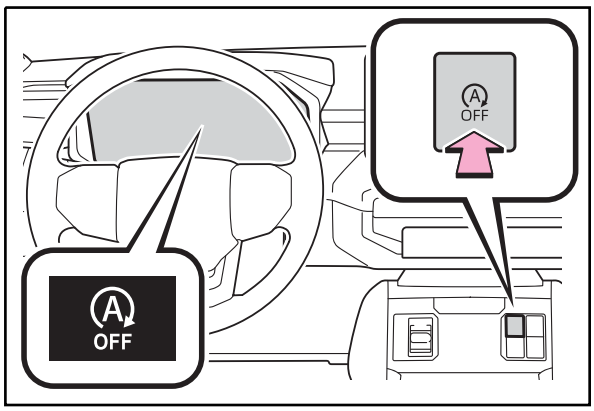
- Khi xe được dừng lại bởi hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa, động cơ sẽ tự động ngừng hoạt động mặc dù người lái không đạp chân phanh.
- Khi xe ở phía trước bắt đầu khởi hành, động cơ cũng sẽ tự động khởi động lại.
- Nếu động cơ được khởi động lại bằng hệ thống Dừng & Khởi động trong khi xe đang dừng lại bởi hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa, thì xe sẽ vẫn sẽ ở trạng thái dừng.

Vô hiệu hóa hệ thống dừng và khởi động

Hãy ấn công tắc hủy hệ thống dừng và khởi động để vô hiệu hóa hệ thống dừng và khởi động động cơ.

Chỉ báo tắt hệ thống Dừng và Khởi động động cơ sẽ sáng lên.

Ấn công tắc lần nữa sẽ bật hệ thống Dừng và Khởi động và chỉ báo hủy Dừng và Khởi động sẽ tắt.



n **Tự động kích hoạt lại hệ thống Dừng và Khởi động**

Nếu hệ thống Dừng và Khởi động bị vô hiệu hóa bằng công tắc hủy hệ thống Dừng và Khởi động, hệ thống này vẫn sẽ tự động được kích hoạt lại ngay sau khi công tắc động cơ được tắt và sau đó khởi động động cơ.

Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc (xe có hộp số tự động)

Khi động cơ đã ngừng hoạt động bởi hệ thống Dừng và Khởi động, xe đang đỗ trên dốc, khi nhả bàn đạp phanh, lực phanh sẽ tạm

thời được duy trì để tránh làm cho xe bị trôi về phía sau cho tới khi động cơ được khởi động lại và tạo ra lực dẫn động. Khi lực dẫn động được tạo ra, lực phanh đã được duy trì sẽ tự động bị hủy.

- Chức năng này hoạt động trên cả bề mặt phẳng và bề mặt dốc nghiêng.
- Bạn có thể nghe thấy tiếng động từ hệ thống phanh, nhưng đó không phải là dấu hiệu của hư hỏng.
- Phản hồi của bàn đạp phanh có thể sẽ thay đổi và gây ra tình trạng rung, nhưng đó không phải là dấu hiệu của hư hỏng.

n Các lưu ý khi sử dụng

l Nếu ấn công tắc động cơ trong khi động cơ đang dừng hoạt động bởi hệ thống Dừng và Khởi động, động cơ sẽ không thể khởi động lại được bởi chức năng tự động khởi động động cơ. Trong trường hợp này, hãy khởi động lại động cơ bằng quy trình khởi động thông thường. (→P.184, 186)

l Khi động cơ được khởi động lại bằng hệ thống Dừng và Khởi động, các ổ điện có thể sẽ tạm thời không sử dụng được, nhưng đó là hiện tượng bình thường.

l Việc tháo và lắp các thiết bị điện hoặc thiết bị không dây có thể ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống Dừng và Khởi động. Hãy liên hệ với đại lý Toyota để biết thêm thông tin chi tiết.

l Khi dừng xe trong thời gian dài, hãy chuyển công tắc động cơ đến OFF để tắt hoàn toàn động cơ.

l Khi động cơ được khởi động lại bằng hệ thống Dừng và Khởi động, điều khiển vô lăng tạm thời có cảm giác nặng.

l Chỉ cho xe 4WD[*1]: Khi lái xe ở chế độ 4L, nên hủy hệ thống Dừng và Khởi động vì hệ thống có thể không hoạt động chính xác.

[*1]: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P.11)

n Các điều kiện hoạt động

l Hệ thống dừng và khởi động động cơ sẽ hoạt động khi tất cả các điều kiện sau được thỏa mãn:

- Xe đã được lái sau một khoảng thời gian nhất định.
- Nhấn chắc chắn bàn đạp phanh. (xe có hộp số tự động)
- Bàn đạp ly hợp không được nhấn. (xe có hộp số thường)
- Khi cần số ở vị trí D. (xe có hộp số tự động)
- Khi cần số ở N. (xe có hộp số thường)
- Khi người lái đã thắt đai an toàn.
- Cửa người lái đã đóng.
- Chế độ lái xe đã chọn là chế độ Normal (bình thường) hoặc chế độ lái Eco. (nếu có)
- Khi bộ vi sai sau không khóa. (nếu có)
- Chế độ đa địa hình không hoạt động. (nếu có)
- Tắt bộ sấy kính chắn gió. (xe không có hệ thống điều hòa không khí loại thường)
- Phục hồi DPF đang không tiến hành (nếu được trang bị)
- Tắt bộ sấy kính chắn gió. (xe không có hệ thống điều hòa không khí loại thường)
- Công tắc sưởi điện được TẮT (chỉ dành cho động cơ diesel)
- Khi không nhấn bàn đạp ga. (xe có hộp số tự động)
- Khi động cơ đã được hâm nóng đủ.
- Nhiệt độ bên ngoài từ -5 ● C trở lên.
- Nắp capô được đóng lại (→P.270)

l Trong những tình huống sau đây,

động cơ có thể không tắt được bằng hệ thống Dừng và Khởi động. Tuy nhiên, đó không phải là dấu hiệu của hư hỏng của hệ thống Dừng và Khởi động.
- Khi đang sử dụng hệ thống điều hòa không khí.
- Đang tiến hành Phục hồi DPF (nếu có)
- Khi ắc quy được nạp điện định kỳ.
- Khi ắc quy không đủ điện trong một số trường hợp như xe được đỗ trong một thời gian dài và khả năng nạp điện của ắc quy bị giảm, tải điện lớn, nhiệt độ của ắc quy quá thấp hoặc ắc quy đã bị biến chất.
- Khi độ chân không của bộ trợ lực phanh là thấp.
- Khi thời gian trôi qua kể từ khi động cơ nổ máy là ngắn.
- Khi xe đang bị dừng thường xuyên, như khi đang đi trên đường bị tắc kẹt.
- Khi nhiệt độ nước làm mát động cơ hoặc nhiệt độ dầu hộp số quá thấp hoặc quá cao.
- Khi xe đang ở đỗ trên đường dốc đứng. (xe có hộp số tự động)
- Khi người lái điều khiển vô lăng. (nếu có)
- Khi xe đang vận hành ở khu vực có độ cao so với mực nước biển.
- Khi nhiệt độ nhiệt độ dung dịch ắc quy quá cao hoặc quá thấp.
- Sau khi ngắt kết nối và nối lại các điện cực của ắc quy.

l Khi động cơ bị dừng hoạt động bằng hệ thống Dừng & Khởi động, động cơ sẽ tự động khởi động lại nếu thỏa mãn bất kỳ một trong các điều kiện sau:
(Có thể cho động cơ ngừng hoạt động bằng hệ thống Dừng & Khởi động, hãy lái xe.)
- Hệ thống điều hòa đang được sử dụng. (xe không có hệ thống điều hòa không khí loại thường)
- Công tắc sưởi điện công suất được bật. (chỉ động cơ diesel)
- Bộ sấy kính chắn gió đang bật. (xe không có hệ thống điều hòa không khí loại thường)
- Khi cần số được chuyển ra khỏi vị trí D hoặc P. (xe có hộp số tự động)
- Cần số được chuyển ra khỏi vị trí P. (Khi động cơ được dừng bởi hệ thống Dừng và Khởi động khi cần số đang ở vị trí P.) (xe có hộp số tự động)
- Khi người lái đang không thắt đai an toàn.
- Khi cửa người lái mở ra.
- Thay đổi chế độ lái từ chế độ Normal hoặc chế độ Eco đến chế độ khác. (nếu có)
- Bộ vi sai sau khóa. (nếu có)
- Chế độ đa địa hình không hoạt động. (nếu có)
- Khi ấn công tắc hủy hệ thống dừng và khởi động động cơ.
- Khi vận hành vô lăng. (nếu được trang bị)
- Nhấn bàn đạp ga. (xe có hộp số tự động)
- Khi xe bắt đầu bị trôi xuống dốc.

l Khi động cơ bị dừng hoạt động bằng hệ thống Dừng & Khởi động, động cơ có thể tự động khởi động lại nếu thỏa mãn các điều kiện sau:
(Có thể cho động cơ ngừng hoạt động bằng hệ thống Dừng & Khởi động, hãy lái xe.)
- Khi nhồi phanh hoặc đạp mạnh phanh.
- Khi đang sử dụng hệ thống điều hòa không khí.
- Khi một công tắc của hệ thống điều hòa được bật (công tắc sấy kính chắn gió,...)
- Nếu dung tích ắc quy thấp.

n **Khi nắp capô bị mở ra**

l Nếu mở nắp capô trong khi động cơ đang tắt bởi hệ thống Dừng và Khởi động, thì động cơ sẽ chết máy và không thể khởi động lại được bằng chức năng tự động khởi động động cơ. Trong trường hợp này, hãy khởi động lại động cơ theo cách thông thường. (→P.184, 186)

l Nếu bạn đóng nắp ca pô sau khi khởi động động cơ với nắp ca pô mở, hệ thống Dừng & Khởi động động cơ sẽ không hoạt động. Hãy

đóng nắp ca pô, tắt công tắc động cơ, đợi khoảng 30 giây trở lên và sau đó khởi động động cơ.

n Hoạt động của hệ thống điều hòa không khí trong khi động cơ dừng hoạt động bởi hệ thống dừng và khởi động động cơ

Xe có hệ thống điều hòa không khí tự động: Khi điều hòa đang ở chế độ tự động và động cơ ngừng hoạt động bởi hệ thống Dừng và Khởi động, quạt điều hòa có thể hoạt động ở tốc độ thấp để tránh cho nhiệt độ trong xe tăng hoặc giảm xuống hoặc quạt có thể ngừng hoạt động.

Để ưu tiên tính năng hoạt động của hệ thống điều hòa khi xe được đỗ lại, hãy vô hiệu hóa hệ thống dừng và khởi động bằng cách ấn công tắc hủy Dừng và Khởi động động cơ.

l Nếu kính chắn gió bị mờ

Hãy bật bộ sấy kính chắn gió. (→P.418)

Nếu kính chắn gió thường xuyên bị bám sương, ấn công tắc hủy hệ thống Dừng và Khởi động để tắt hệ thống Dừng và Khởi động.

l Nếu có mùi lạ phát ra từ hệ thống điều hòa không khí

• Xe có hệ thống điều hòa không khí loại thường

Nếu cài đặt thời gian dừng chạy không tải ở “Extended”, thì thay đổi nó thành “Standard”. Nếu mùi hôi phát ra khi đang để cài đặt thời gian dừng chạy không tải ở “Standard”, ấn nút hủy Dừng và Khởi động để vô hiệu hóa hệ thống Dừng và Khởi động.

• Xe có hệ thống điều hòa không khí tự động:

Hãy ấn công tắc hủy hệ thống dừng và khởi động động cơ để vô hiệu hóa hệ thống dừng và khởi động động cơ.

n Thay đổi thời gian dừng không tải với hệ thống điều hòa không khí đang bật

Có thể thay đổi thời gian hoạt động của hệ thống Dừng & Khởi động bằng nút ⚙ của màn hình đa thông tin (→P.111, 122) khi hệ thống điều hòa đang bật. (Không thể thay đổi thời gian hệ thống Dừng và Khởi động sẽ hoạt động khi hệ thống điều hòa đang tắt.)

n Hiển thị trạng thái của hệ thống dừng và khởi động

→P.115, 126

n Các thông báo trên màn hình đa thông tin

Nếu các tình huống sau, Ⓐ và một thông điệp sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

l Khi hệ thống dừng và khởi động động cơ không thể tắt động cơ được

Ⓐ "Đạp phanh mạnh hơn để kích hoạt" (xe với truyền động tự động)

• Bàn đạp phanh không được nhấn đủ mạnh.

→Nếu nhấn bàn đạp phanh mạnh hơn, thì hệ thống sẽ hoạt động.

Ⓐ “Ắc quy thông thường”

• Ắc quy đang lắp trên xe có thể không phải là loại ắc quy chuyên dụng cho hệ thống Dừng & Khởi động.

→Hãy kiểm tra xe ở Đại lý Toyota.

Ⓐ "Nạp ắc quy"

• Ắc quy đang bị thiếu điện.

→Tạm thời không cho tắt động cơ để ưu tiên nạp điện cho ắc quy. Sau khi động cơ hoạt động được một thời gian, hệ thống sẽ phục hồi.

• Tình trạng nạp ắc quy mới có thể xuất hiện

→Quá trình nạp ắc quy mới sẽ diễn ra

trong khoảng một giờ, sau thời gian này hệ thống có thể hoạt động được.

• Nếu được hiển thị trong thời gian dài (hơn 60 phút)

→Ắc quy có thể hết điện. Hãy liên hệ với đại lý Toyota để biết thêm thông tin chi tiết.

"Hệ thống Dừng & Khởi động không khả dụng"

• Hệ thống Dừng và Khởi động động cơ đã tạm thời tắt đi.

→Cho phép động cơ tiếp tục hoạt động trong một thời gian.

• Động cơ có thể đã được khởi động với nắp ca pô để mở.

→Đóng nắp capô, tắt công tắc động cơ, chờ khoảng 30 giây trở lên, sau đó khởi động lại động cơ.

"Chuẩn bị vận " hoặc "Đang chuẩn bị"

• Khi lái xe ở những khu vực độ cao lớn so với mực nước biển.
• Xe có hộp số tự động: Độ chân không của bộ trợ lực phanh là thấp.

→Khi độ chân không của bộ trợ lực phanh đạt mức định trước, hệ thống sẽ được kích hoạt.

"Để điều khiển điều hòa"

• Sử dụng hệ thống điều hòa không khí khi nhiệt độ môi trường quá cao hay quá thấp.

→Nếu sự khác biệt giữa nhiệt độ đã đặt và nhiệt độ trong khoang xe là nhỏ, thì hệ thống sẽ được kích hoạt.

• Bộ sấy kính chắn gió bật.

Công tắc sưởi điện được bật. (chỉ động cơ diesel)

l Khi động cơ tự động khởi động lại trong khi đang ngừng hoạt động bởi hệ thống dừng và khởi động động cơ

"Chuẩn bị vận hành" hoặc "Trong quá trình" (xe với hộp số tự động)

• Khi nhồi phanh hoặc đạp mạnh bàn đạp phanh.

→Hệ thống sẽ được kích hoạt sau khi động cơ chạy và độ chân không của bộ trợ lực phanh đạt mức định trước.

"Để điều khiển điều hòa"

• Khi đang sử dụng hệ thống điều hòa không khí.
• Bộ sấy kính chắn gió đã được tắt.
• Công tắc bộ sưởi mạnh đã được bật. (chỉ dành cho động cơ diesel)

"Nạp ắc quy"

• Ắc quy đang bị thiếu điện.

→Hệ thống sẽ được kích hoạt sau khi động cơ chạy để nạp đủ điện cho ắc quy.

l Khi động cơ không thể khởi động lại bằng hệ thống Stop & Start (Xe có hộp số sàn)

"Hệ thống Stop & Start đang hoạt động. Chuyển sang số N và nhấn bàn đạp ly hợp để khởi động lại."

→Khi động cơ được dừng bằng hệ thống Dừng và khởi động, cần số đã được chuyển đến vị trí khác N mà không ấn bàn đạp ly hợp.

n Khi chuông báo kêu (xe có hộp số tự động)

Nếu cửa người lái được mở ra trong khi động cơ được ngừng hoạt động bằng hệ thống Dừng & Khởi động với cần số ở vị trí D, thì chuông báo sẽ kêu và đèn chỉ báo Dừng và Khởi động sẽ nháy. Để tắt chuông báo, hãy đóng cửa của người lái.

n Khi chuông báo kêu (xe có hộp số sàn)

Nếu cần số được di chuyển đến vị trí khác ngoài N với bàn đạp ly hợp được thả ra trong khi động cơ được ngừng hoạt động bằng hệ thống Dừng & Khởi động, thì chuông báo sẽ kêu và đèn chỉ báo Dừng & Khởi động sẽ nháy. Để tắt chuông báo, hãy di chuyển cần số đến vị trí N. Nếu bàn đạp ly hợp được nhấn hoàn toàn trong

tình huống này, động cơ sẽ khởi động.

n Chức năng bảo vệ của hệ thống dừng và khởi động động cơ

l Khi âm lượng hệ thống âm thanh quá lớn, thì âm thanh phát ra từ hệ thống âm thanh có thể đột ngột ngắt để giảm tiêu thụ ắc quy. Để tránh cho hệ thống âm thanh khỏi tắt đột ngột, hãy giữ cho âm lượng ở mức vừa phải. Nếu hệ thống âm thanh đã bị cắt, hãy tắt công tắc động cơ, đợi khoảng từ 3 giây trở lên sau đó bật công tắc động cơ sang chế độ ACC hoặc ON để bật lại hệ thống âm thanh.

l Không thể kích hoạt được hệ thống âm thanh nếu đã ngắt và nối lại cực ắc quy. Nếu gặp trường hợp này, hãy tắt công tắc động cơ OFF, sau đó lặp lại hoạt động sau đây 2 lần để bật hệ thống âm thanh như bình thường.

• Bật công tắc động cơ đến chế độ ON và sau đó tắt.

n Thay pin

→P.577

n Khi đèn chỉ báo tắt hệ thống Dừng và Khởi động động cơ nháy liên tục

Hệ thống có thể đã bị trục trặc. Hãy cho kiểm tra xe ngay lập tức tại đại lý Toyota.

n Nếu xuất hiện thông báo "Lỗi hệ thống Dừng và Khởi động Hãy hỏi ý kiến đại lý" trên màn hình đa thông tin

Hệ thống có thể đã bị trục trặc. Hãy cho kiểm tra xe ngay lập tức tại đại lý Toyota.

⚠ CẢNH BÁO

n Khi hệ thống dừng và khởi động động cơ đang hoạt động

Hãy đảm bảo rằng tắt hệ thống Dừng và Khởi động động cơ khi đỗ xe trong khu vực thông gió kém.
Nếu không thể tắt được, động cơ có thể sẽ tự động khởi động lại, làm cho khí xả tích tụ lại và xâm nhập vào trong xe và có thể dẫn đến tử vong hoặc ảnh hưởng nghiêm trọng tới sức khỏe.

l Không rời khỏi xe khi động cơ dừng hoạt động bởi hệ thống Dừng và Khởi động động cơ (khi đèn chỉ báo của hệ thống Dừng và Khởi động đang bật).
Nếu không tai nạn có thể xảy ra bởi chức năng tự động khởi động động cơ.

l Hãy đạp phanh và gài phanh đỗ nếu cần thiết, trong khi động cơ dừng hoạt động bởi hệ thống dừng và khởi động động cơ (trong khi đèn chỉ báo của hệ thống dừng và khởi động động cơ đang bật).

n Các lưu ý khi lái xe trên địa hình phức tạp

Khi lái xe trên địa hình phức tạp, như lái xe qua nước, hãy ấn công tắc hủy hệ thống dừng và khởi động động cơ để vô hiệu hóa hệ thống tự động dừng và khởi động động cơ. Nếu không động cơ có thể sẽ không khởi động lại được.

CHÚ Ý

n **Để đảm bảo cho hệ thống hoạt động chính xác**

Nếu có một trong các tình huống sau xuất hiện, thì hệ thống Dừng và Khởi động có thể không hoạt động chính xác. Hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

l Khi đèn nhắc người lái và hành khách phía trước thắt đai an toàn vẫn nháy mặc dù người lái đã thắt đai an toàn.

l Khi đèn nhắc người lái và hành khách phía trước thắt đai an toàn vẫn tắt mặc dù người lái đang không thắt đai an toàn.

CHÚ Ý

l Mặc dù cửa người lái được đóng, thì đèn cảnh báo cửa mở sáng hoặc đèn trần sáng khi công tắc đèn trần ở vị trí của cửa xe (DOOR).

l Mặc dù cửa người lái được mở ra, đèn cảnh báo cửa mở không sáng hoặc đèn trần không sáng khi công tắc đèn trần ở vị trí DOOR.

n **Nếu động cơ chết máy (xe có hộp số thường)**

Nếu hệ thống Dừng và Khởi động được kích hoạt và bàn đạp ly hợp được nhấn nhanh, động cơ có thể khởi động lại.

Theo dõi điểm mù (BSM)*

*: Nếu có

Hệ thống theo dõi điểm mù là hệ thống sử dụng cảm biến ra-đa bên phía sau được lắp bên trong của cản sau trái và phải để hỗ trợ người lái xác nhận an toàn khi chuyển làn.

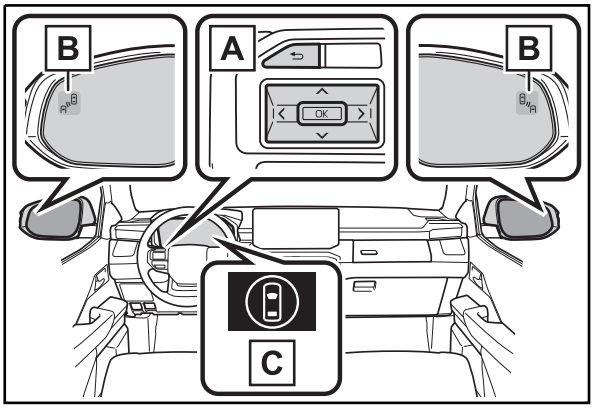
CẢNH BÁO

n **Lưu ý khi sử dụng hệ thống**

l Người lái chịu trách nhiệm đến an toàn khi lái xe. Do đó luôn phải đảm bảo an toàn khi lái xe, hãy quan sát xung quanh xe.

l Hệ thống theo dõi điểm mù là hệ thống bổ sung giúp cảnh báo người lái rằng xe đang trong điểm mù của các gương chiếu hậu bên ngoài hoặc xe đang tiếp cận nhanh từ phía sau của điểm mù. Không quá phụ thuộc nhiều vào hệ thống này. Vì chức năng sẽ không thể phán đoán liệu có an toàn để chuyển làn, do đó việc quá phụ thuộc vào hệ thống có thể gây tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng. Do hệ thống có thể sẽ không hoạt động chính xác trong một số trường hợp, người lái cần phải xác nhận tình trạng thực tế bằng mắt thường để đảm bảo an toàn.

Các chi tiết của hệ thống



A Các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô

Bật/tắt màn hình theo dõi điểm mù.

B Các đèn chỉ báo cho gương chiếu hậu bên ngoài

Khi một xe được phát hiện đang nằm trong khu vực điểm mù của các gương chiếu hậu bên ngoài xe hoặc một xe đang tiếp cận nhanh từ phía sau tới điểm mù của xe, đèn chỉ báo gương chiếu hậu bên ngoài xe (→P.90) ở phía phát hiện sẽ sáng lên. Khi công tắc xi nhan đang gạt về phía được phát hiện, đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu phía ngoài sẽ nháy.

C Chỉ báo thông tin hỗ trợ lái xe

Sáng lên khi tắt hệ thống theo dõi điểm mù của xe. Lúc này, thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

n Khả năng quan sát đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu bên ngoài

Khi dưới ánh nắng chói, sẽ rất khó để quan sát đèn chỉ báo gương chiếu hậu phía ngoài.

n Tùy chọn

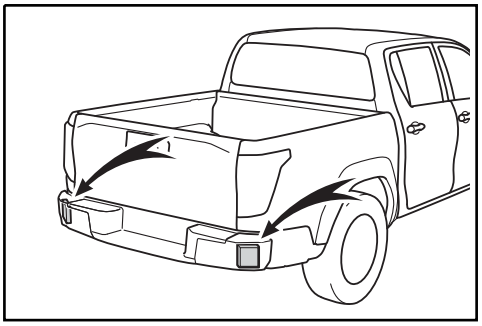
Một vài chức năng có thể đặt tuỳ chọn cá nhân được.
(→P.609)

⚠ CẢNH BÁO

n Để đảm bảo cho hệ thống hoạt động chính xác

Cảm biến theo dõi điểm mù được lắp phía sau bên trái và bên phải của cản sau. Hãy tuân theo các chú ý sau để đảm bảo chức năng theo dõi điểm mù có thể hoạt động chính xác.

- Giữ cho các cảm biến và khu vực xung quanh cản sau luôn được sạch sẽ.
  Nếu một cảm biến hoặc khu vực xung quanh cảm biến trên cản sau bị bẩn hoặc bị bám tuyết, thì hệ thống theo dõi điểm mù có thể sẽ không hoạt động và một thông điệp cảnh báo sẽ xuất hiện. Trong tình huống này, hãy lau sạch bụi bẩn hoặc tuyết và lái xe với các điều kiện thỏa mãn hoạt động của chức năng BSM (→P.278) trong khoảng 10 phút. Nếu thông điệp cảnh báo không biến mất, hãy yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.



- Không gắn bất kỳ các phụ kiện nào hoặc các miếng dán (gồm cả băng dính trong suốt), băng dán nhôm...lên cảm biến hoặc khu vực xung quanh cản sau.

⚠ CẢNH BÁO

- Không để cảm biến hoặc khu vực xung quanh cản sau bị va chạm mạnh.
  Nếu cảm biến bị lệch vị trí dù chỉ một chút, hệ thống có thể bị lỗi và xe không được phát hiện chính xác.
  Trong những trường hợp sau, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.
  - Cảm biến hoặc các khu vực xung quanh cảm biến đã chịu va chạm mạnh.
  - Nếu khu vực xung quanh cảm biến bị xước hoặc bị biến dạng, hoặc một phần của chúng bị rời ra.
- Không tháo rời cảm biến.
- Không sửa đổi cảm biến hoặc khu vực xung quanh trên cản sau của xe.
- Nếu cảm biến hoặc cản sau của xe cần được tháo/lắp hoặc thay thế, hãy yêu cầu đại lý Toyota giúp bạn.
- Chỉ sơn lên cản sau của xe bằng các màu tiêu chuẩn của Toyota.

Bật/tắt màn hình theo dõi điểm mù

Chức năng theo dõi điểm mù có thể được kích hoạt/vô hiệu hóa thông qua cài đặt tùy chọn. (→P.609)

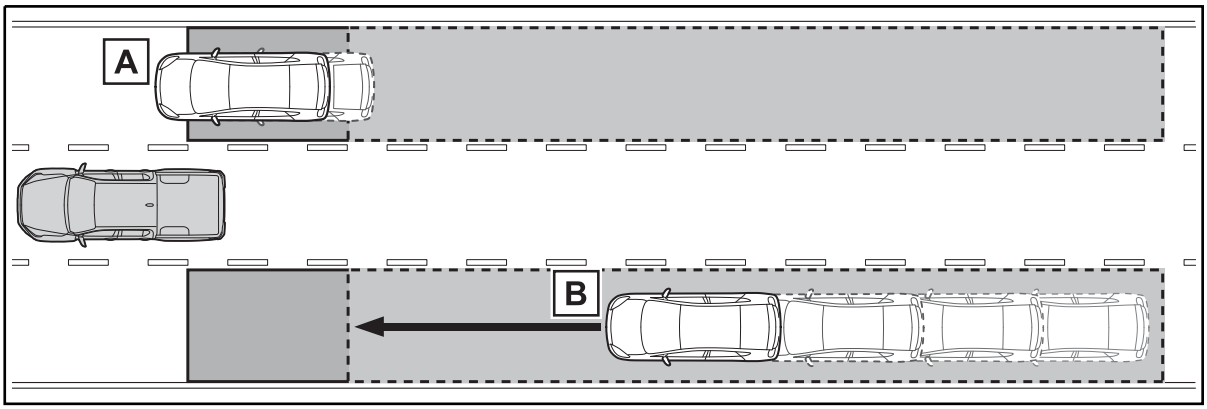
Khi hệ thống theo dõi điểm mù ở trạng thái tắt, thì đèn chỉ báo thông tin hỗ trợ lái xe (→P.90) sẽ sáng lên và thông điệp cảnh báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

Mỗi khi bật công tắc động cơ sang ON, hệ thống theo dõi điểm mù cũng sẽ được bật.

Hoạt động theo dõi điểm mù

n Các vật thể có thể được phát hiện trong khi đang lái xe

Chức năng theo dõi điểm mù sử dụng cảm biến ra-đa phía sau để phát hiện những xe đang đi ở làn liền kề và nhắc cho người lái sự xuất hiện của các xe này thông qua các đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu bên ngoài.

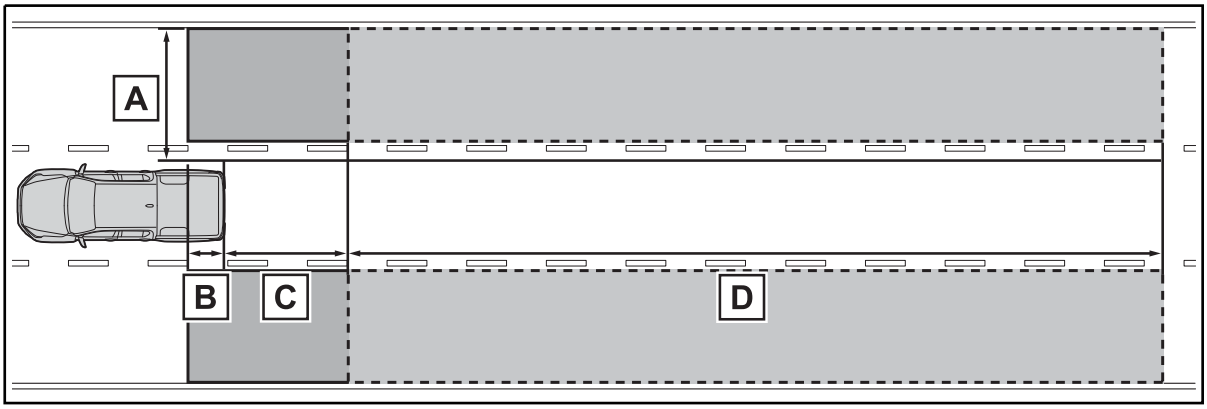


A Những xe đang đi trong khu vực mà không quan sát được trên gương chiếu hậu bên ngoài (các điểm mù)

B Các xe đến nhanh từ khu vực phía sau sẽ không nhìn thấy được trên gương chiếu hậu bên ngoài (các điểm mù)

n Phạm vi phát hiện trong khi lái xe

Các khu vực mà xe có thể phát hiện được như hình dưới đây.



Phạm vi của từng khu vực phát hiện là:

A Khoảng từ 0.5 m đến 3.5 m tính từ hông của xe*[*1]

B Khoảng 1 m về phía trước của cản sau[*2]

C Khoảng 3 m tính từ cản sau

D Cách cản sau khoảng 3 m đến 60 m[*3]

*1: Khu vực giữa hông xe và 0,5 m tính từ hông xe không thể phát hiện.

*2: Trong khi một xe khác chuẩn bị vượt qua xe bạn, hệ thống sẽ phát hiện thấy ở khoảng cách tối đa 3 m về phía trước của cản sau.

*3: Nếu mức độ chênh lệch tốc độ giữa xe của bạn và xe được phát hiện càng cao thì xe được phát hiện càng xa, và làm cho đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu bên ngoài xe sáng lên hoặc nhấp nháy.

n Chức năng liên kết với hệ thống theo dõi điểm mù

Hệ thống LDA (Cảnh báo đi lệch làn đường) (nếu có) có chức năng sử dụng thông tin của các xe được phát hiện đang chạy trên làn đường bên cạnh. Để biết thông tin chi tiết về chức năng và điều kiện hoạt động của hệ thống này, P.241.

---

n Chức năng theo dõi điểm mù sẽ hoạt động khi

Hệ thống theo dõi điểm mù sẽ hoạt động khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Công tắc động cơ ở ON.
- Màn hình theo dõi điểm mù đã bật.
- Khi cần chuyển số không ở vị trí R.
- Tốc độ xe xấp xỉ 10 km/h trở lên.

n Hệ thống theo dõi điểm mù sẽ phát hiện được xe khi

Hệ thống theo dõi điểm mù sẽ phát hiện vị trí của xe trong khu vực phát hiện trong các trường hợp sau:

- Xe ở làn liền kề vượt xe bạn.
- Bạn từ từ vượt qua xe khác ở làn liền kề.
- Xe khác đi vào khu vực phát hiện khi xe đó chuyển làn.

n Những tình huống mà hệ thống theo dõi điểm mù không thể phát hiện được các xe.

Hệ thống theo dõi điểm mù sẽ không thể phát hiện các xe và các vật thể khác như sau:

- Xe đạp, người đi bộ, xe môtô nhỏ…*
- Xe đi ngược chiều
- Dải phân cách, bức tường, biển báo, các xe đang đỗ và các vật đang đứng yên*
- Những xe sau đi cùng làn*
- Những xe đang chạy cách xe bạn 2 làn đường*
- Xe bạn vượt nhanh hoặc tạt đầu xe khác*

*: Tùy vào từng điều kiện, việc phát hiện xe và/hoặc vật thể có thể xảy ra.

n Những điều kiện sau đây, hệ thống có thể hoạt động không chính xác

- Hệ thống theo dõi điểm mù có thể không phát hiện đúng các xe trong các điều kiện sau:
  - Khi cảm biến bị lệch do va chạm mạnh hoặc do khu vực xung quanh.
  - Khi bùn, tuyết, băng, nhãn dính… đang che khuất cảm biến hoặc khu vực xung quanh cản sau
  - Khi lái xe trên bề mặt đường ướt, như trong vũng nước, trong khi thời tiết xấu, như khi trời mưa to, tuyết rơi, sương mù, v.v.
  - Khi có nhiều xe đang tiếp cận với khoảng cách giữa từng xe là nhỏ
  - Khi khoảng cách giữa xe bạn và xe theo sau là ngắn
  - Khi có sự chênh lệch tốc độ đáng kể giữa xe của bạn và xe đi vào vùng phát hiện
  - Khi sự chệnh lệch về tốc độ của xe bạn và xe khác đang thay đổi
  - Khi xe đi vào vùng phát hiện và có cùng tốc độ với xe của bạn
  - Do xe của bạn được khởi hành từ vị trí dừng, xe vẫn nằm trong phạm vi phát hiện
  - Khi lên và xuống dốc đứng liên tục, như đồi, các chỗ lún trên đường…
  - Trên đường có nhiều góc cua gấp hoặc mặt đường gồ ghề
  - Khi làn đường rộng hoặc khi lái xe trên lề đường, và ở làn liền kề đang chạy xa xe bạn.
  - Khi một phụ kiện (như giá đỡ xe đạp) được lắp trên phía sau xe
  - Khi có sự chênh lệch độ cao đáng kể giữa xe của bạn và xe đi vào vùng phát hiện
  - Ngay sau khi hệ thống theo dõi điểm mù được bật
  - Khi đang kéo một xe khác

l Các ví dụ mà chức năng theo dõi điểm mù phát hiện các xe và/hoặc vật thể khi không cần thiết:
- Khi cảm biến bị lệch do va chạm mạnh hoặc do khu vực xung quanh.
- Khi khoảng cách giữa xe với dải phân cách, bức tường là ngắn
- Khi lên và xuống dốc đứng liên tục, như đồi, các chỗ lún trên đường…
- Khi làn đường hẹp, hoặc khi lái xe trên lề đường, và một xe khác chạy trên một làn (ngoài làn liền kề) đi vào trong khu vực phát hiện
- Trên đường có nhiều góc cua gấp hoặc mặt đường gồ ghề
- Khi lốp xe bị trượt hoặc bị quay trơn
- Khi khoảng cách giữa xe bạn và xe theo sau là ngắn
- Khi một phụ kiện (như giá đỡ xe đạp) được lắp trên phía sau xe
- Khi đang kéo một xe khác

Hỗ trợ xuống xe an toàn*

*: Nếu có

Hệ thống hỗ trợ xuống xe an toàn là một hệ thống sử dụng các cảm biến ra đa phía sau được lắp ở phía bên trong của cản sau để giúp người ngồi trên xe đánh giá xem một xe ô tô hoặc xe đạp đang tiến đến gần xe có thể va chạm với cửa xe khi xuống xe, nhằm giảm khả năng xảy ra va chạm.

⚠ CẢNH BÁO

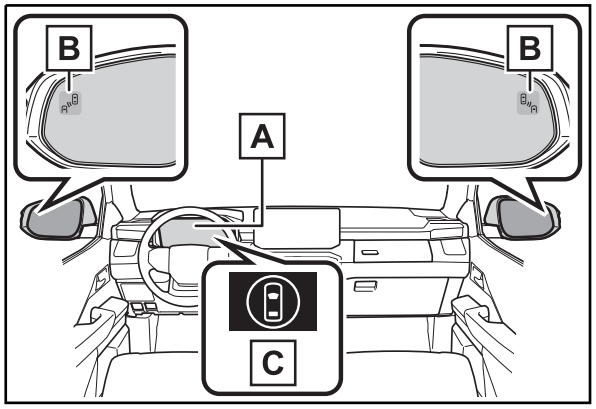
n **Lưu ý khi sử dụng hệ thống**

l Người lái chịu trách nhiệm đến an toàn khi lái xe. Do đó luôn phải đảm bảo an toàn khi lái xe, hãy quan sát xung quanh xe.

l Hệ thống hỗ trợ xuống xe an toàn là một hệ thống hỗ trợ, khi xe dừng lại, sẽ thông báo cho người ngồi trên xe về việc có các xe và xe đạp đang tiến đến gần. Vì hệ thống này không thể được sử dụng độc lập để đánh giá mức độ an toàn, việc phụ thuộc quá mức vào hệ thống này có thể dẫn đến tai nạn gây ra tử vong hoặc thương tích nghiêm trọng.

Trong một số tình huống nhất định, hệ thống này có thể sẽ không hoạt động ở mức hiệu quả tối đa. Vì vậy, người ngồi trên xe cần phải trực tiếp kiểm tra bằng mắt mức độ an toàn và sử dụng các gương để quan sát.

Các chi tiết của hệ thống



A Màn hình đa thông tin

Bật/tắt hệ thống hỗ trợ xuống xe an toàn.

Nếu có khả năng xảy ra va chạm với cửa xe và cửa được mở, cửa đó sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin. Ngoài ra, nếu cửa được mở ra khi đèn chỉ báo gương chiếu hậu bên ngoài xe sáng, chuông sẽ kêu để cảnh báo.

B Các đèn chỉ báo cho gương chiếu hậu bên ngoài

Khi phát hiện một xe hoặc xe đạp có thể va chạm với cửa khi mở cửa, đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu bên ngoài (→P.90) ở phía phát hiện sẽ sáng lên. Nếu cửa bên phía phát hiện được mở ra, đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu bên ngoài sẽ nhấp nháy.

C Chỉ báo thông tin hỗ trợ lái xe

Sáng lên khi tắt hệ thống hỗ trợ xuống xe an toàn. Lúc này, thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

n **Khả năng quan sát đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu bên ngoài**

Khi dưới ánh nắng chói, sẽ rất khó để quan sát đèn chỉ báo gương chiếu hậu phía ngoài.

n **Chuông báo**

Nếu cài đặt âm lượng của hệ thống âm thanh là quá cao hoặc khu vực xung quanh ồn, thì có thể khó nghe được tiếng chuông báo.

n **Tùy chọn**

Có thể tùy chọn một số chức năng. (→P.609)

CẢNH BÁO

n **Để đảm bảo cho hệ thống hoạt động chính xác**

→P.275

ON/OFF hệ thống hỗ trợ xuống xe an toàn

Có thể bật/tắt hệ thống hỗ trợ xuống xe an toàn thông qua chức năng cài đặt tùy chọn. (→P.609)

Khi tính năng hỗ trợ xuống xe an toàn đang tắt, đèn chỉ báo thông tin hỗ trợ lái xe sẽ sáng và một thông điệp sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

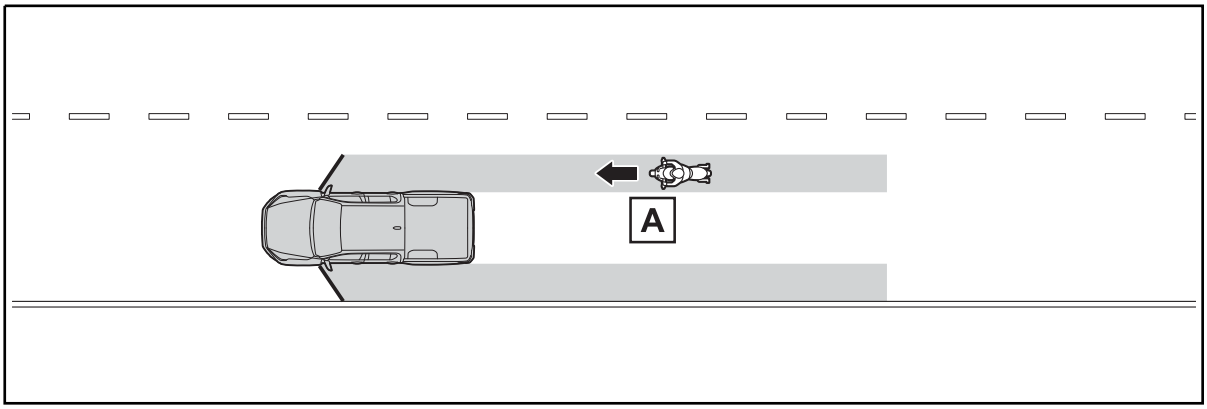
Mỗi khi bật công tắc động cơ sang ON, thì chức năng hỗ trợ xuống xe an toàn sẽ được bật.*

*: Khi công tắc động cơ được tắt và sau đó bật ngay lập tức, chức năng hỗ trợ xuống xe an toàn có thể không được kích hoạt.

Hoạt động hỗ trợ xuống xe an toàn

n Các đối tượng có thể phát hiện của hệ thống hỗ trợ xuống xe an toàn

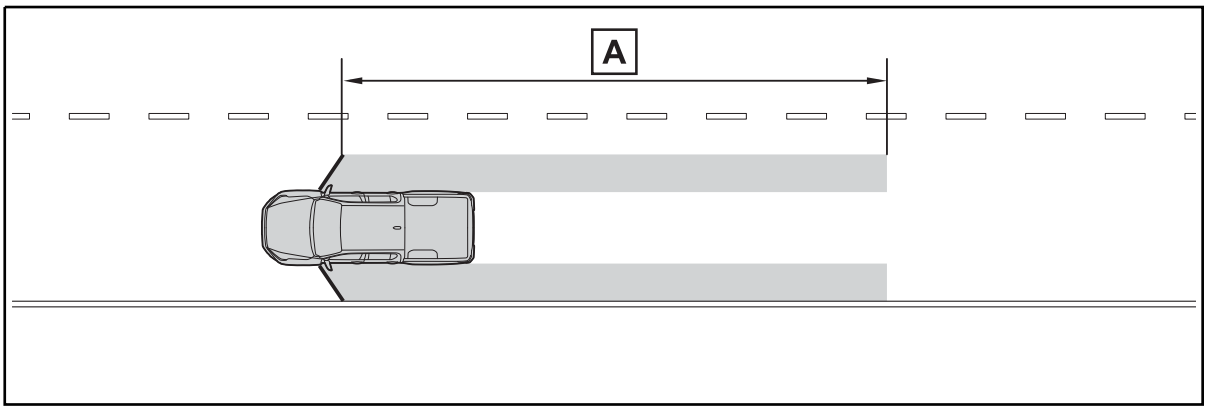
Khi hệ thống hỗ trợ xuống xe an toàn phát hiện thấy các xe ô tô hoặc xe đạp ở phía sau xe của bạn bằng cảm biến ra đa phía sau, những người ngồi trên xe sẽ được thông báo thông qua đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu bên ngoài xe, chuông báo và màn hình đa thông tin.



A Xe ô tô hoặc xe đạp có nhiều khả năng va chạm với cửa xe khi mở cửa.

n Các khu vực phát hiện của hệ thống hỗ trợ xuống xe an toàn

Các khu vực mà xe có thể phát hiện được như hình dưới đây.



A Cách phía sau cửa trước khoảng 45 m*

*: Xe ô tô hoặc xe đạp tiến đến gần càng nhanh, thì khoảng cách mà tại đó đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu bên ngoài xe sẽ sáng hoặc nhấp nháy sẽ càng lớn.

n Hệ thống hỗ trợ xuống xe an toàn sẽ hoạt động khi

Hệ thống hỗ trợ xuống xe an toàn sẽ hoạt động khi thỏa mãn được tất cả các điều kiện sau:

l Khi công tắc động cơ đang ở trạng thái BẬT, ít hơn 3 phút sau khi tắt công tắc động cơ, hoặc ít hơn 3

phút kể từ khi một cửa xe được mở ra và có người bước vào xe (thời gian có thể hoạt động của chức năng này có thể được kéo dài nếu một cửa xe được mở ra và đóng lại)

- Hỗ trợ xuống xe an toàn đang bật
- Khi xe đã dừng lại.
- Khi cần chuyển số không ở vị trí R.

Hệ thống hỗ trợ xuống xe an toàn sẽ phát hiện một xe khi

Hệ thống hỗ trợ xuống xe an toàn sẽ phát hiện được một xe nằm trong khu vực phát hiện của nó trong các tình huống sau:

- Khi xe đang dừng lại và một xe hoặc một xe đạp, đang đi song song với xe, tiếp cận trong khu vực mà một cửa xe đang mở

Hệ thống sẽ không phát hiện được xe trong các điều kiện dưới đây

- Chức năng hỗ trợ xuống xe an toàn sẽ không phát hiện được các vật thể, xe và xe đạp sau:
  - Xe ô tô hoặc xe đạp đang tiến đến gần ở tốc độ chậm*
  - Xe ôtô hoặc xe đạp được xác định có khả năng va chạm với cửa xe khi mở cửa là thấp*
  - Các xe ô tô hoặc xe đạp đang tiến tới gần trực tiếp từ phía sau xe*
  - Các xe hoặc xe đạp đang tiến đến gần từ phía trước xe*
  - Lan can, tường, biển báo, các xe đang đỗ và các chướng ngại vật cố định khác*
  - Người đi bộ, động vật...*

*: Tùy vào từng điều kiện, việc phát hiện xe và/hoặc vật thể có thể xảy ra.

- Trong các tình huống như sau, chức năng hỗ trợ xuống xe an toàn sẽ không hoạt động:
  - 3 phút trở lên sau khi tắt động cơ (thời gian này có thể sẽ được kéo dài hơn nếu một cửa xe được mở ra và đóng lại)
  - Khi xe của bạn không dừng hẳn lại

Những điều kiện sau đây, hệ thống có thể hoạt động không chính xác

- Hệ thống hỗ trợ xuống xe an toàn có thể sẽ không phát hiện được các xe cơ giới một cách chính xác trong các trường hợp sau:
  - Khi cảm biến bị lệch do va chạm mạnh hoặc do khu vực xung quanh.
  - Khi bùn, tuyết, băng, nhãn dính… đang che khuất cảm biến hoặc khu vực xung quanh cản sau
  - Khi xe dừng trên bề mặt đường ướt, chẳng hạn như trong vũng nước, trong khi điều kiện thời tiết bất lợi, như mưa to, tuyết rơi, sương mù, v.v.
  - Khi một xe hoặc một xe đạp đang tiến đến gần từ phía sau một xe đang đậu gần đó
  - Khi một xe hoặc một xe đạp đang tiến đến gần đột ngột chuyển hướng
  - Ngay sau khi một xe hoặc một xe đạp bắt đầu khởi hành
  - Khi cửa sau thùng xe đang mở, bao gồm khi hàng hóa (như gỗ xẻ) được xếp trên cửa sau mở
  - Khi phía sau xe có gắn giá bắt xe đạp, bậc lên xuống hoặc các phụ kiện khác
  - Khi có một xe đang đỗ, một bức tường, một biển báo, một người hoặc một vật thể cố định khác ở phía sau xe của bạn
  - Khi xe đang đỗ nghiêng so với mặt đường
  - Khi một xe đang chạy gần một xe ô tô hoặc xe đạp đang tiến tới gần
  - Khi một xe hoặc một xe đạp đang tiến đến gần đang di chuyển dọc theo một vật thể cố định, như một bức tường hoặc một biển báo
  - Khi một xe hoặc một xe đạp đang tiến tới gần ở tốc độ cao
  - Khi đang kéo một xe khác
  - Khi đang dừng xe trên dốc cao
  - Khi đang dừng xe trên một đoạn đường cong hoặc ở lối ra của một khúc cua
- Hệ thống hỗ trợ xuống xe an toàn có thể phát hiện thấy các xe

và/hoặc các vật thể một cách không cần thiết có thể sẽ tăng lên trong các trường hợp sau:

- Khi cảm biến bị lệch do va chạm mạnh hoặc do khu vực xung quanh.
- Khi xe ôtô hoặc xe đạp đang tiến gần xe bạn trực tiếp từ phía sau ở vị trí không thẳng hàng.
- Khi xe đang đỗ nghiêng so với mặt đường
- Khi một xe hoặc một xe đạp tiến đến gần từ phía sau một xe ô tô đang đỗ ở một góc nghiêng
- Khi có một xe đang đỗ, một bức tường, một biển báo, một người hoặc một vật thể cố định khác ở phía sau xe của bạn
- Khi một xe hoặc một xe đạp đang tiến đến gần đột ngột chuyển hướng
- Khi một xe hoặc một xe đạp đang tiến đến gần đang di chuyển dọc theo một vật thể cố định, như một bức tường hoặc một biển báo
- Khi cửa sau thùng xe đang mở, bao gồm khi hàng hóa (như gỗ xẻ) được xếp trên cửa sau mở
- Khi phía sau xe có gắn giá bắt xe đạp, bậc lên xuống hoặc các phụ kiện khác
- Khi một xe hoặc một xe đạp đang tiến tới gần ở tốc độ cao
- Khi đang kéo một xe khác
- Khi đang dừng xe trên dốc cao
- Khi đang dừng xe trên một đoạn đường cong hoặc ở lối ra của một khúc cua
- Khi xe hoặc xe đạp đang tiến gần từ phía sau một xe đang dừng ở làn đường bên cạnh.

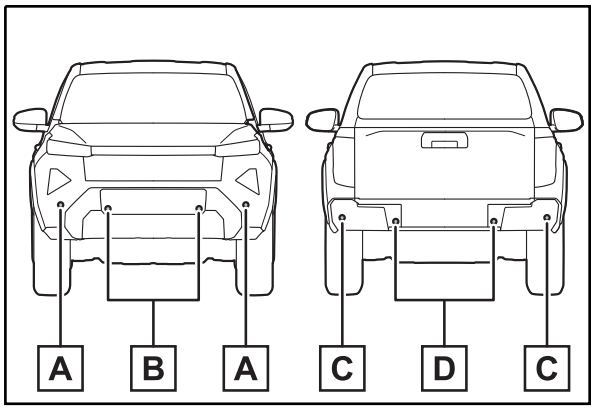
Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota*

*: Nếu có

Chức năng cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota phát hiện khoảng cách xấp xỉ từ xe và một vật thể như bức tường bằng cách sử dụng các cảm biến siêu âm và thông báo cho người lái bằng màn hình đa thông tin trên bảng đồng hồ hoặc bằng hiển thị khoảng cách trên màn hình đa phương tiện và chuông báo.

Các chi tiết của hệ thống

n **Các loại cảm biến**



A Các cảm biến góc phía trước

B Cảm biến giữa phía trước (xe có phanh hỗ trợ đỗ xe)

C Các cảm biến góc phía sau

D Các cảm biến giữa phía sau

n **Màn hình**

Khi các cảm biến phát hiện một vật thể, như một bức tường, một hình minh họa sẽ được hiển thị

trên màn hình đa thông tin hoặc màn hình đa phương tiện tùy thuộc vào vị trí và khoảng cách tới vật thể đó.

Những hình ảnh này chỉ mang tính chất minh họa, và có thể sẽ hơi khác một chút tùy thuộc vào các thông số kỹ thuật.

▶ Màn hình đa thông tin



▶ Màn hình đa phương tiện



n Đèn chỉ báo cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota*

Khi các cảm biến phát hiện một vật thể, chỉ báo phát hiện cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota sẽ sáng.

*: Nếu có

n Cách kiểm tra sự hiện diện của đèn chỉ báo cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota

Trên các xe có đèn chỉ báo phát hiện cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota, đèn chỉ báo OFF của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota (→P.284) sẽ tắt khi vị trí số được chuyển sang R, trong khi cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota đang bị vô hiệu hóa.

Bật/tắt (ON/OFF) cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota

Bạn có thể bật/tắt chức năng cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota qua cài đặt tùy chọn. (→P.609)

Khi chức năng cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota bị vô hiệu hóa, đèn chỉ báo OFF của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota (→P.90) sẽ sáng lên trên màn hình đa thông tin.

Nếu hệ thống chuyển sang OFF (tắt) và cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota ngừng hoạt động, cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota sẽ không được bật lại cho đến khi chọn trở lại ON (bật) từ cài đặt tùy chọn (→P.609). (Nó vẫn giữ ở trạng thái tắt ngay cả khi công tắc động cơ được bật lại sau khi đã tắt.)

Xe có đèn chỉ báo phát hiện cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota: Hệ thống sẽ tự động bật (kích hoạt) và đèn chỉ báo OFF của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota sẽ tắt nếu vị trí số được chuyển sang R.
Khi vị trí số là R, không thể bật hoặc tắt cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota.
Cài đặt của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota sẽ không tự thay đổi.

⚠ CẢNH BÁO

n **Lưu ý khi sử dụng hệ thống**

Do hệ thống có một số hạn chế về độ chính xác của việc phát hiện và tính năng hoạt động, vì vậy không được quá phụ thuộc vào hệ thống. Người lái luôn chịu trách nhiệm lái xe an toàn và chú ý quan sát xung quanh.

n **Để đảm bảo cho hệ thống hoạt động chính xác**

Chắc chắn phải tuân thủ theo các lưu ý sau. Không thể vận hành hệ thống chính xác và dẫn đến các tai nạn bất ngờ. Khi không thể thực hiện được các lưu ý này, thì hệ thống sẽ tắt.

l Không được làm hỏng các cảm biến, luôn nhớ giữ nó sạch sẽ

l Không gắn các miếng dán hoặc lắp đặt thiết bị, như đèn soi biển số (đặc biệt là kiểu đèn huỳnh quang), các đèn sương mù, cột ăng ten hoặc ăng ten không dây gần cảm biến rađa.

l Không được để khu vực xung quanh cảm biến bị va chạm mạnh. Nếu đã bị va chạm, hãy yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn. Nếu cản xe phía trước hoặc phía sau cần được tháo/lắp hoặc thay thế, hãy liên hệ với đại lý Toyota.

l Không được chỉnh sửa hay tháo rời hoặc sơn lên các cảm biến

l Không được bọc đèn soi biển số.

l Hãy giữ lốp luôn ở áp suất chuẩn.

l Không được lắp hệ thống treo loại không chính hiệu.

n **Các lưu ý khi rửa xe**

l Khi sử dụng nước áp lực cao để rửa xe, không được phun nước trực tiếp lên cảm biến, nếu không có thể gây trục trặc cảm biến.

l Khi sử dụng hơi nước để vệ sinh xe, không để vòi xịt hơi nước quá gần cảm biến vì làm như vậy có thể làm hỏng cảm biến.

n **Hệ thống có thể hoạt động khi**

l Công tắc động cơ ở ON.

l Chức năng cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota đã được bật.

l Khi tốc độ xe nhỏ hơn xấp xỉ 10 km/h.

l Các cảm biến góc phía trước:
- Khi cần số ở vị trí khác P (xe có hộp số tự động).
- Phanh đỗ được nhả ra. (xe với hộp số sàn)

l Các cảm biến giữa phía trước (xe có Hệ Thống Phanh Hỗ Trợ Đỗ Xe):
- Vị trí số ở vị trí khác P hoặc R. (xe có hộp số tự động)
- Phanh đỗ đã được nhả ra, và vị trí cần số đang ở vị trí khác R. (xe có hộp số tay)

l Các cảm biến góc phía sau và cảm biến giữa phía sau:
- Cần số đang ở vị trí R.

l Xe có đèn chỉ báo phát hiện cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota: Ngay cả khi cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota được tắt (vô hiệu hóa), nếu vị trí số được chuyển sang R, hệ thống sẽ tự động bật (kích hoạt) và đèn chỉ báo OFF của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota sẽ tắt.
Cài đặt của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota sẽ không tự thay đổi.

n **Thông tin phát hiện của cảm biến**

l Khu vực phát hiện của cảm biến bị hạn chế ở những khu vực quanh các góc phía trước của xe và cản xe sau.

l Một số tình trạng của xe và môi trường xung quanh có thể sẽ ảnh hưởng đến khả năng phát hiện chính xác các đối tượng của cảm biến.

l Các vật thể có thể sẽ không được

phát hiện nếu chúng ở quá gần cảm biến.

- Hình ảnh được hiển thị trên màn hình có thể sẽ đáp ứng trễ một chút so với thực tế. Ngay cả khi tốc độ thấp, có khả năng vật thể sẽ xuất hiện trong phạm vi phát hiện của cảm biến, trước khi màn hình kịp phản ứng và chuông cảnh báo kêu.
- Nếu bạn để âm lượng của hệ thống âm thanh quá cao hoặc tiếng ồn phát ra từ hệ thống điều hòa quá lớn thì có thể bạn sẽ khó nghe được tiếng kêu cảnh báo của hệ thống.
- Có thể khó nghe thấy tiếng chuông của hệ thống do các tiếng chuông báo của hệ thống khác.
- Nếu đồng hồ táp lô bị trục trặc, chuông báo có thể sẽ không kêu được.

n Những vật thể mà hệ thống có thể không phát hiện được chính xác

Hình dạng của một số vật thể sau có thể gây trở ngại cho cảm biến khi xác định chúng. Hãy đặc biệt chú ý tới các loại vật thể sau:

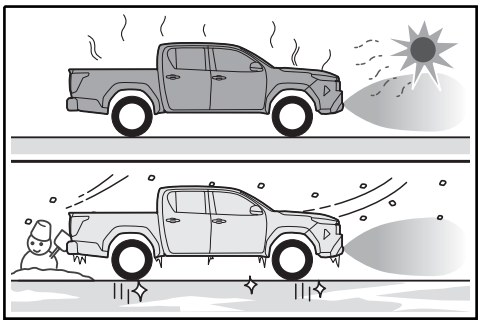
- Dây điện, hàng rào, dây thừng….
- Vải cốt tông, tuyết và các vật liệu khác có khả năng hấp thụ sóng âm thanh
- Những vật có cạnh sắc
- Các vật thể thấp
- Những vật cao có phần phía trên nhô ra bên ngoài về phía xe của bạn

Hệ thống cũng có thể sẽ không xác định được người đi bộ nếu họ mặc một số loại quần áo nhất định.

n Những tình huống có thể làm hệ thống hoạt động không chính xác

Trong một số điều kiện nhất định của xe cũng như môi trường xung quanh có thể ảnh hưởng tới khả năng phát hiện chính xác vật thể của cảm biến. Đặc biệt là trong các trường hợp được liệt kê dưới đây.

- Khi có chất bẩn, băng, nước hay tuyết bám lên cảm biến. (Khi vệ sinh các cảm biến, hệ thống sẽ hoạt động bình thường.)
- Khi cảm biến bị đóng băng. (Cảm biến sẽ lại hoạt động bình thường sau khi băng tan.) Trong điều kiện thời tiết cực lạnh, khi cảm biến bị đóng băng thì màn hình có thể sẽ hiển thị bất thường, hoặc không phát hiện được vật thể như bức tường.
- Khi cảm biến hoặc khu vực xung quanh cảm biến đang rất nóng hoặc rất lạnh.



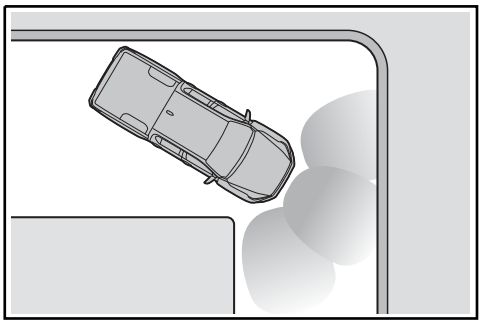
- Khi trên đường đặc biệt gồ ghề hoặc trên đường nghiêng, đường rải sỏi hoặc trên bãi cỏ.
- Khi còi xe, động cơ xe máy, phanh hơi của xe lớn khác, cảm biến của xe khác hoặc các thiết bị khác tạo ra sóng siêu âm ở gần xe.
- Khi cảm biến bị xịt nước vào hoặc bị mưa lớn hắt vào.
- Khi vật thể nằm quá gần cảm biến.
- Khi người đi bộ mặc quần áo hấp thụ sóng siêu âm (ví dụ như váy nhiều tầng).
- Khi các vật thể không vuông góc với mặt đất, vật không vuông góc với hướng di chuyển của xe, vật không bằng phẳng hoặc vật lồi lõm trong phạm vi phát hiện.
- Khi có gió tạt mạnh.
- Khi lái xe trong điều kiện khắc nghiệt như sương mù, tuyết hoặc bão cát.
- Khi không thể phát hiện được vật giữa xe và vật đã được phát hiện.

- Những vật như xe, xe máy, xe đạp hoặc người đi bộ đi cắt ngang phía trước xe hoặc nhảy ra từ hai bên xe.
- Nếu hướng của cảm biến đã bị thay đổi do va chạm hoặc tác động khác.
- Khi lắp thiết bị như móc kéo xe, móc bắt vận chuyển, tấm bảo vệ cản xe, tấm ốp cản xe, giá bắt xe đạp hoặc thiết bị dọn tuyết gần cảm biến.
- Khi phía đầu xe bị nhấc lên hoặc chúi xuống do chất tải trên xe.
- Khi xe không thể lái xe một cách ổn định, như khi xe bị tai nạn hoặc đang bị trục trặc.
- Khi đang sử dụng xích quấn lốp, lốp dự phòng loại nhỏ gọn hoặc bộ vá lốp khẩn cấp.
- Khi đang kéo một xe khác.
- Khi cửa sau thùng xe được mở.

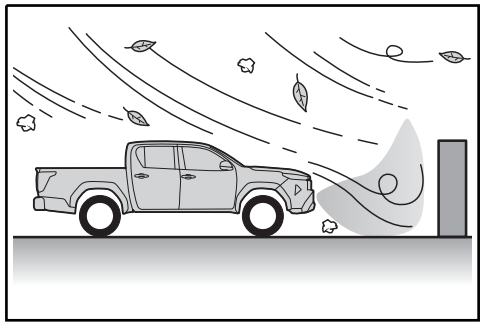
n Những tình huống mà hệ thống có thể hoạt động mặc dù không có nguy cơ bị va chạm

Trong một số tình huống sau đây, hệ thống có thể hoạt động mặc dù không có nguy cơ bị va chạm.

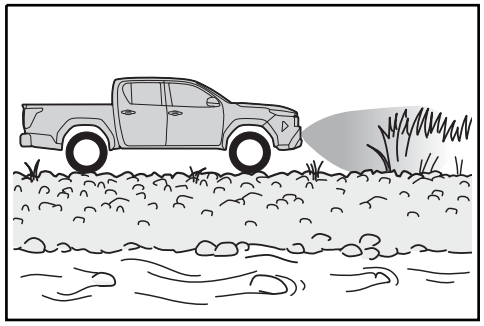
- Khi lái xe trên đường hẹp.



- Khi lái xe hướng đến băng rôn hoặc cờ phướn được treo thấp hoặc rào chắn (rào chắn đường sắt, trạm thu phí hoặc vào khu vực đỗ xe).
- Có ổ gà trên mặt đường.
- Khi lái xe trên một bề mặt tấm kim loại như trên nắp cống thoát nước.
- Khi lái xe lên hoặc xuống dốc.
- Nếu cảm biến bị ướt do một lượng nước lớn tạt vào, như khi lái xe trên đường ngập nước.
- Khi có chất bẩn, băng, nước hay tuyết bám lên cảm biến. (Khi vệ sinh các cảm biến, hệ thống sẽ hoạt động bình thường.)
- Khi cảm biến bị xịt nước vào hoặc bị mưa lớn hắt vào.
- Khi lái xe trong điều kiện khắc nghiệt như sương mù, tuyết hoặc bão cát.
- Khi có gió tạt mạnh.



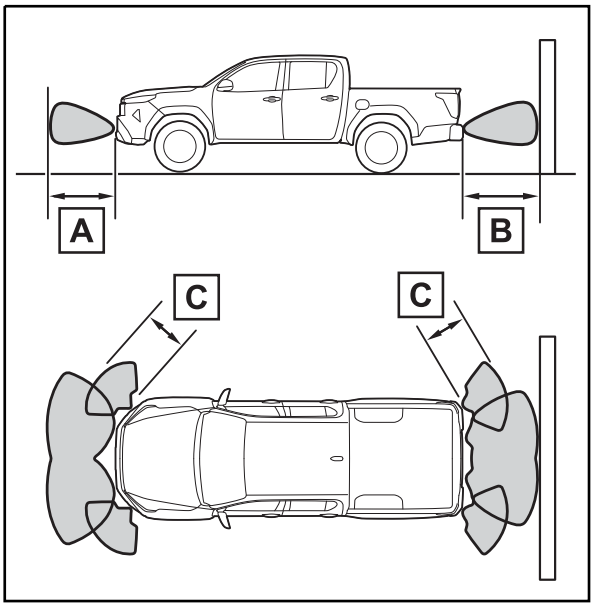
- Khi còi xe, động cơ xe máy, phanh hơi của xe lớn khác, cảm biến của xe khác hoặc các thiết bị khác tạo ra sóng siêu âm ở gần xe.
- Khi phía đầu xe bị nhấc lên hoặc chúi xuống do chất tải trên xe.
- Nếu hướng của cảm biến đã bị thay đổi do va chạm hoặc tác động khác.
- Khi xe tiến gần tới một vật thể cao hoặc lề đường cong.
- Lái xe đến gần các trụ (dầm sắt chữ H, vv...) trong ga ra đỗ xe nhiều tầng, công trường xây dựng, vv...
- Khi xe không thể lái xe một cách ổn định, như khi xe bị tai nạn hoặc đang bị trục trặc.
- Khi trên đường đặc biệt gồ ghề hoặc trên đường nghiêng, đường rải sỏi hoặc trên bãi cỏ.



- Khi đang sử dụng xích quấn lốp, lốp dự phòng loại nhỏ gọn hoặc bộ vá lốp khẩn cấp.
- Khi đang kéo một xe khác.
- Khi cửa sau thùng xe được mở.

Màn hình phát hiện của cảm biến, khoảng cách tới vật thể

n Khoảng cách phát hiện của các cảm biến



A Xấp xỉ 100 cm (3,3 ft) (xe có phanh hỗ trợ đỗ xe)

B Xấp xỉ 150 cm

C Xấp xỉ 60 cm

Hình minh họa sau sẽ mô tả phạm vi phát hiện của cảm biến. Hãy lưu ý rằng các cảm biến không thể phát hiện ra các vật thể quá gần xe.

Khoảng cách phát hiện của các cảm biến có thể sẽ thay đổi theo hình dạng của vật thể...

n Khoảng cách và chuông báo

▶ Xe không có hệ thống phanh hỗ trợ phanh đỗ

Khoảng cách tới vật thể	Chuông báo
Cảm biến giữa phía sau: Xấp xỉ 150 cm đến 60 cm*	Chậm
Xấp xỉ từ 60 cm đến 50 cm*	Trung bình
Khoảng từ 50 cm (1.6 ft.) đến 40 cm (1.3 ft.)*	Nhanh
Gần như dưới 40 cm	Kêu liên tục

*: Chức năng tự động tắt chuông đã bật. (→P.289)

▶ Các phương tiện có Phanh hỗ trợ đỗ xe

Khoảng cách tới vật thể	Chuông báo
Cảm biến giữa phía trước: Xấp xỉ 100 cm đến 60 cm* Cảm biến giữa phía sau: Xấp xỉ 150 cm đến 60 cm*	Chậm
Xấp xỉ từ 60 cm đến 45 cm*	Trung bình
Xấp xỉ từ 45 cm đến 30 cm*	Nhanh
Xấp xỉ dưới 30 cm	Kêu liên tục

*: Chức năng tự động tắt chuông đã bật. (→P.289)

Chuông báo của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota

Chuông báo sẽ kêu khi các cảm biến đang hoạt động.

- Chuông báo sẽ kêu nhanh hơn khi xe tiến đến gần vật cố định.
  Khi xe tiến tới gần tới vật với khoảng cách trong khoảng 40 cm, chuông báo sẽ kêu liên tục. (xe không có phanh hỗ trợ đỗ xe
  Khi xe tiến tới gần tới vật với khoảng cách trong khoảng 30 cm, chuông báo sẽ kêu liên tục. (xe có phanh hỗ trợ đỗ xe)
- Khi đồng thời từ 2 cảm biến trở lên phát hiện được vật tĩnh, chuông báo sẽ kêu cho vật ở gần nhất.
- Sau khi chuông kêu gián đoạn bắt đầu kêu, nếu khoảng cách giữa xe và vật cố định được phát hiện không trở nên ngắn hơn, thì chuông báo sẽ tự động tắt tiếng. (Chức năng tắt tiếng chuông báo tự động)

n Điều chỉnh âm lượng chuông báo

Có thể điều chỉnh đồng thời âm lượng chuông báo của hệ thống cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota, hệ thống RCTA (nếu có) và RCD (nếu có) từ các cài đặt tùy chọn. (→P.609)

n Tắt tiếng chuông báo

Khi công tắc tắt tiếng tạm thời được hiển thị trên màn hình đa thông tin hoặc màn hình đa phương tiện, có thể nhấn công tắc này để tạm thời tắt chuông báo.

Chọn công tắc để tắt tiếng chuông báo của tất cả các hệ thống cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota, hệ thống RCTA (nếu có) và hệ thống RCD (nếu có).

l Chế độ tắt tiếng sẽ được hủy tự động trong các trường hợp sau:

- Khi vị trí số được thay đổi
- Khi tốc độ xe vượt quá một tốc độ nhất định.
- Khi cảm biến bị lỗi hoặc hệ thống tạm thời không khả dụng.
- Khi chức năng hoạt động bị vô hiệu hóa bằng cách thủ công.
- Khi công tắc động cơ được tắt.

Chức năng cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau (RCTA)*

*: Nếu có

Chức năng RCTA sử dụng các cảm biến ra đa phía sau BSM được lắp ở phía sau cản sau. Chức năng này để hỗ trợ cho người lái kiểm tra các khu vực xung quanh không dễ nhìn khi lùi xe.

⚠ CẢNH BÁO

n **Lưu ý khi sử dụng hệ thống**

Người lái chịu trách nhiệm đến an toàn khi lái xe. Do đó luôn phải đảm bảo an toàn khi lái xe, hãy quan sát xung quanh xe.

Chức năng RCTA chỉ là một chức năng hỗ trợ để cảnh báo người lái rằng có một xe khác đang tiến đến gần từ phía sau bên phải hoặc bên trái.

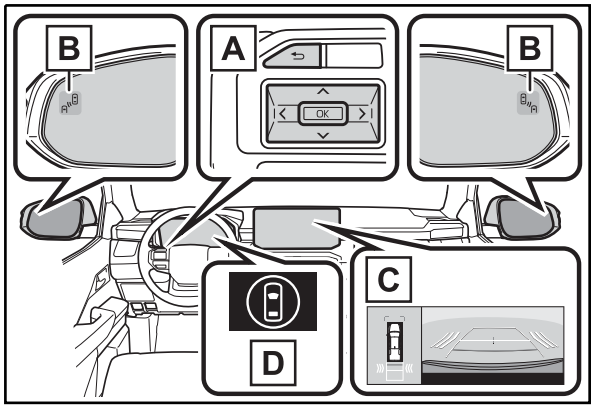
Vì chức năng RCTA có thể không hoạt động chính xác trong một số điều kiện nhất định, việc xác nhận an toàn bằng cách quan sát là rất cần thiết.

Việc quá tin tưởng vào chức năng này có thể dẫn đến tai nạn gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Để đảm bảo cho hệ thống hoạt động chính xác**

→P.275

Các chi tiết của hệ thống



A Các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô

Sử dụng các công tắc điều khiển đồng hồ đa thông tin để kích hoạt/bỏ kích hoạt chức năng RCTA trên màn hình đa thông tin.

B Các đèn chỉ báo cho gương chiếu hậu bên ngoài

Nếu phát hiện thấy có một xe đang tiến đến gần phía sau xe từ bên trái hoặc bên phải, cả hai đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu bên ngoài xe (→P.90) sẽ nhấp nháy và chuông báo sẽ kêu.

C Màn hình đa phương tiện (một số kiểu xe)

Nếu phương tiện tiến đến từ phải hoặc trái phía sau xe được phát hiện, biểu tượng RCTA (→P.291) cho phía được phát hiện sẽ được hiển thị trên màn hình đa phương tiện. Hình minh họa* này cho thấy một ví dụ về một xe đang tiến đến từ cả hai phía của xe.

*: Tùy thuộc vào kiểu xe và các trang bị tùy chọn, màn màn hình thực tế có thể sẽ không giống với hình minh họa này.

D Chỉ báo thông tin hỗ trợ lái xe

Sáng lên khi RCTA ở trạng thái tắt. Tại thời điểm này, thông điệp sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

Bật/ tắt chức năng RCTA

Có thể bật/tắt chức năng RCTA thông qua chức năng cài đặt tùy chọn cá nhân. (→P.609)

Khi chức năng RCTA ở trạng thái tắt, thì đèn chỉ báo thông tin hỗ trợ lái xe (→P.90) sẽ sáng lên và một thông điệp sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin. Mỗi khi bật công tắc động cơ ở ON, chức năng RCTA sẽ được kích hoạt.

n Khả năng quan sát đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu bên ngoài

Khi dưới ánh nắng chói, sẽ rất khó để quan sát đèn chỉ báo gương chiếu hậu phía ngoài.

n Khi nghe chuông báo RCTA

Bạn có thể sẽ khó nghe thấy tiếng chuông báo của chức năng RCTA do tiếng ồn bên ngoài, như khi bật hệ thống âm thanh với mức âm lượng quá lớn.

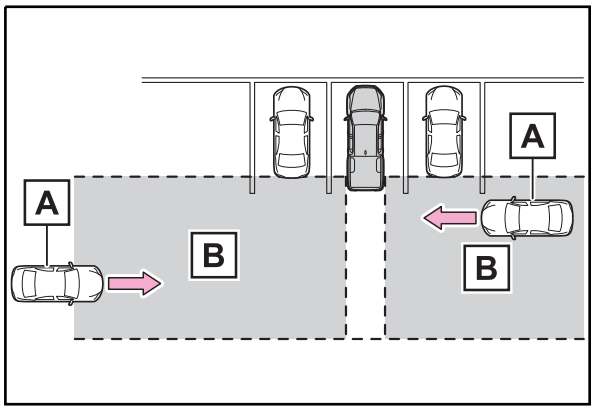
n Các cảm biến ra-đa bên phía sau

→P.275

Chức năng RCTA

n Hoạt động của chức năng RCTA

Chức năng RCTA sử dụng các cảm biến ra đa phía sau để phát hiện các xe đang tiếp cận từ phía sau bên phải và bên trái của xe, và cảnh báo cho người lái biết sự xuất hiện của các xe đó bằng cách nháy các đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu bên ngoài và làm kêu chuông báo.



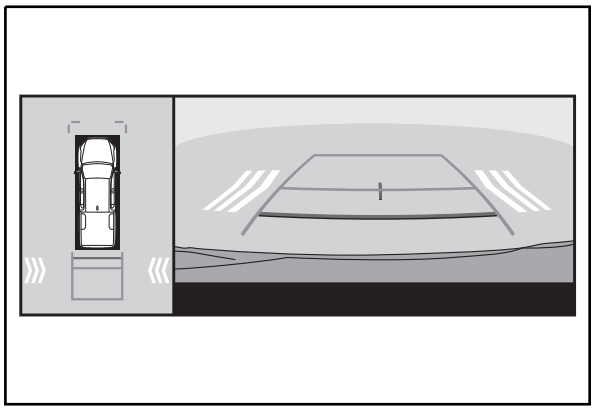
A Các xe đang tiếp cận

B Khu vực phát hiện xe khác đang tiếp cận

n Hiển thị biểu tượng RCTA (một số kiểu xe)

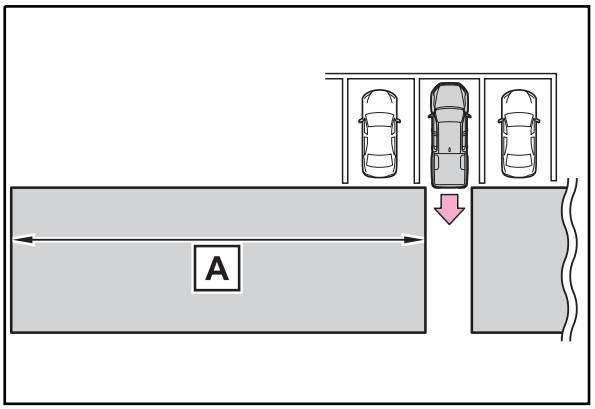
Khi phát hiện xe đang tiến lại gần từ phía bên phải hoặc bên trái ở phía sau xe, các biểu tượng sau sẽ được hiển thị trên màn hình đa phương tiện.

Ví dụ: Các xe đang tiến đến gần từ cả hai phía hông xe



n Phạm vi phát hiện của chức năng RCTA

Các khu vực mà xe có thể phát hiện được như hình dưới đây.



Chuông có thể cảnh báo cho người lái rằng có xe khác chạy nhanh hơn đang tiếp cận từ xa.

Ví dụ:

Tốc độ xe đang tiếp cận	Khoảng cách thông báo phù hợp A
56 km/h (nhanh)	30 m
8 km/h (chậm)	4 m

n Chức năng RCTA sẽ hoạt động khi

Chức năng RCTA sẽ hoạt động khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- Công tắc động cơ ở ON.
- Chức năng RCTA đang bật.
- Cần số đang ở vị trí R.
- Khi tốc độ xe thấp hơn 15 km/h.
- Tốc độ của xe đang đến gần từ 8 km/h đến 56 km/h.

n Cài đặt âm lượng của chuông báo

Âm lượng chuông báo của RCTA, cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota và RCD (nếu có) có thể được điều chỉnh đồng thời thông qua cài đặt tùy chỉnh. (→P.609)

n Tạm thời tắt tiếng chuông báo

Khi phát hiện thấy một vật thể, thì nút tắt tiếng tạm thời được hiển thị trên màn hình đa thông tin hoặc màn hình đa phương tiện.

Chọn công tắc để tắt tiếng chuông báo của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota, RCTA và RCD (nếu có) cùng một lúc.

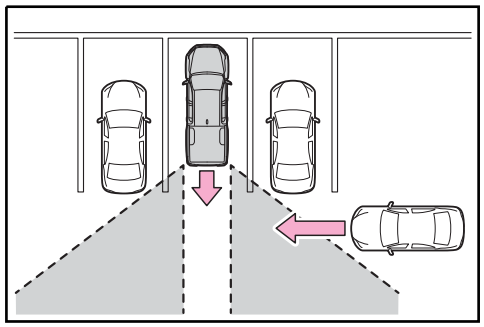
Chế độ tắt tiếng sẽ được hủy tự động trong các trường hợp sau:

- Khi vị trí số được thay đổi
- Khi tốc độ xe vượt quá một tốc độ nhất định.
- Khi cảm biến bị lỗi hoặc hệ thống tạm thời không khả dụng.
- Khi chức năng hoạt động bị vô hiệu hóa bằng cách thủ công.
- Khi công tắc động cơ được tắt.

n Hệ thống sẽ không phát hiện được xe trong các điều kiện dưới đây

Chức năng RCTA này không được thiết kế để nhận diện các loại xe và/hoặc các vật thể sau:

- Các xe đang tiếp cận trực tiếp từ phía sau
- Xe lùi vào vị trí đỗ xe cạnh xe bạn
- Khi các cảm biến không thể phát hiện được các xe do có các chướng ngại vật



- Dải phân cách, bức tường, biển báo, các xe đang đỗ và các vật đang đứng yên*
- Xe đạp, người đi bộ, xe môtô nhỏ…*
- Xe đang chạy cách xa xe bạn
- Xe tiếp cận từ khoang đỗ xe cạnh xe bạn*
- Khoảng cách giữa cảm biến và xe đang tiếp cận là quá gần.

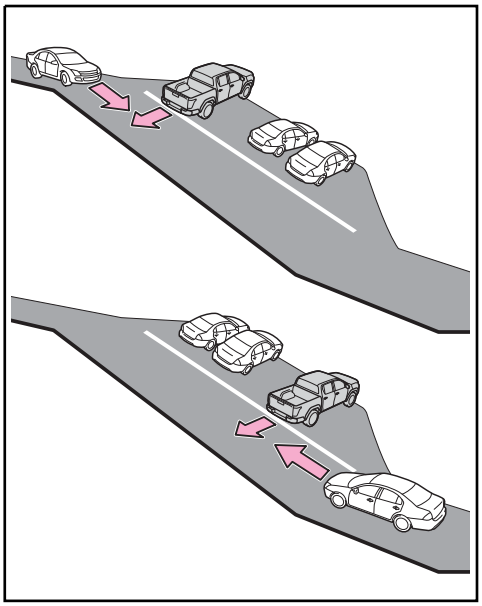
*: Tùy vào từng điều kiện, việc phát hiện xe và/hoặc vật thể có thể xảy

ra.

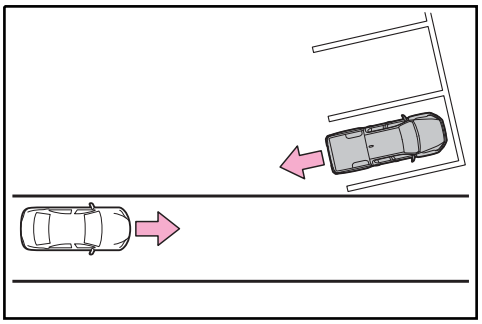
n Những tình huống có thể làm hệ thống hoạt động không chính xác

Chức năng RCTA có thể không phát hiện chính xác xe trong các điều kiện sau:

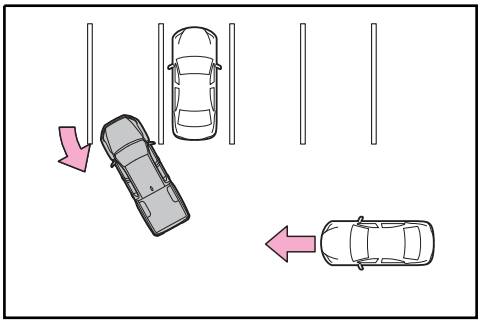
- Khi cảm biến bị lệch do va chạm mạnh hoặc do khu vực xung quanh.
- Khi bùn, tuyết, băng, nhãn dính… đang che khuất cảm biến hoặc khu vực xung quanh cản sau
- Khi lái xe trên bề mặt đường ướt, như trong vũng nước, trong khi thời tiết xấu, như khi trời mưa to, tuyết rơi, sương mù, v.v.
- Khi có nhiều xe đang tiếp cận với khoảng cách giữa từng xe là nhỏ
- Khi có xe đang đến gần ở tốc độ cao
- Khi thiết bị có thể gây cản trở việc lắp cảm biến như móc kéo xe, bảo vệ cản xe (dán thêm), giá treo xe đạp hoặc xẻng xúc tuyết
- Khi lùi xe trên dốc với độ dốc lớn



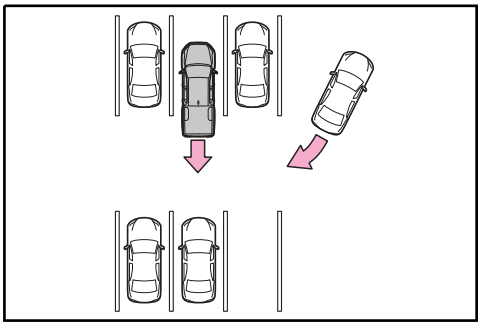
- Khi lùi xe ra khỏi khu vực đỗ có góc nhọn



- Ngay sau khi bật chức năng RCTA
- Ngay sau khi động cơ khởi động với chức năng RCTA hoạt động
- Khi các cảm biến không thể phát hiện ra xe khác do vướng vật cản
- Khi đang kéo một xe khác
- Khi có sự chênh lệch độ cao đáng kể giữa xe của bạn và xe đi vào vùng phát hiện
- Khi cảm biến hoặc khu vực xung quanh cảm biến đang rất nóng hoặc rất lạnh
- Nếu đã chỉnh sửa hệ thống treo hoặc cỡ lốp khác với cỡ tiêu chuẩn
- Khi phía đầu xe bị nhấc lên hoặc chúi xuống do tải trọng trên xe
- Đánh lái rẽ khi đang lùi xe



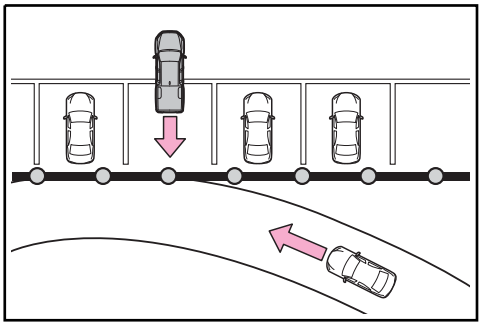
- Khi xe đang rẽ vào vùng phát hiện



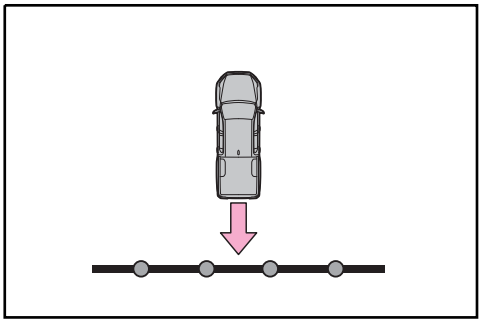
n Những tình huống mà hệ thống có thể hoạt động mặc dù không có nguy cơ bị va chạm

Chức năng RCTA sẽ phát hiện xe hoặc/và vật trong các trường hợp sau khi không cần thiết:

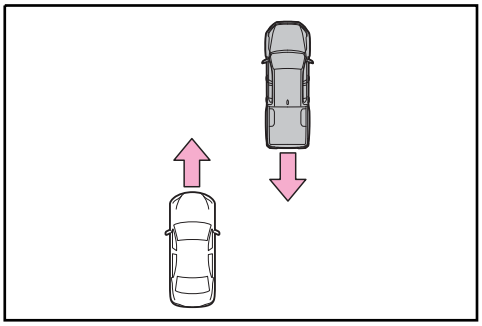
- Khi chỗ đỗ xe hướng ra đường và có các xe đang chạy trên đường



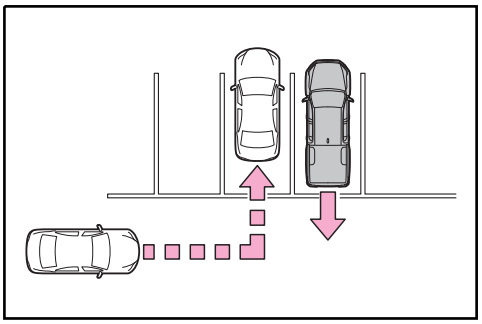
- Khi khoảng cách giữa xe của bạn và các vật thể, như hàng rào, bức tường, biển hiệu hoặc một xe khác đang đỗ… là những vật có thể phản xạ sóng điện từ về phía sau của xe là ngắn



- Khi thiết bị có thể gây cản trở việc lắp cảm biến như móc kéo xe, bảo vệ cản xe (dán thêm), giá treo xe đạp hoặc xẻng xúc tuyết
- Khi có xe khác vượt qua hông xe bạn



- Khi xe được phát hiện rẽ trong khi đang tiếp cận xe bạn



- Khi có những vật đang quay ở gần xe như quạt của điều hòa không khí.
- Khi nước tràn hoặc bắn vào cản sau của xe như vòi phun nước chữa cháy.
- Các vật di đang chuyển (lá cờ, khói của khí xả, giọt nước mưa lớn hoặc bóng tuyết, nước mưa trên mặt đường, vv...)
- Khi khoảng cách giữa xe bạn và lan can, bức tường, vv..., khi đi vào vùng phát hiện là ngắn.
- Lưới và máng
- Khi cảm biến hoặc khu vực xung quanh cảm biến đang rất nóng hoặc rất lạnh
- Nếu đã chỉnh sửa hệ thống treo hoặc cỡ lốp khác với cỡ tiêu chuẩn
- Khi phía đầu xe bị nhấc lên hoặc chúi xuống do tải trọng trên xe
- Khi đang kéo một xe khác

Hệ thống RCD (Phát hiện bằng camera phía sau)*

*: Nếu có

Khi xe đang lùi, chức năng phát hiện camera phía sau có thể phát hiện người đi bộ trong khu vực phía sau xe. Nếu phát hiện thấy người đi bộ, một chuông cảnh báo sẽ kêu và một biểu tượng sẽ xuất hiện trên màn hình đa phương tiện để thông báo cho người lái về sự xuất hiện của người đi bộ.

⚠ CẢNH BÁO

n **Lưu ý khi sử dụng hệ thống**

Khả năng nhận diện và điều khiển cho hệ thống này bị hạn chế.

Người lái luôn hãy lái xe cận thận và an toàn và trách nhiệm không được quá tin tưởng vào hệ thống và nắm được những tình huống xung quanh.

n **Để đảm bảo cho hệ thống hoạt động chính xác**

Hãy tuân theo các lưu ý sau, nếu không sẽ nguy hiểm có thể dẫn đến bị tai nạn.

- Luôn vệ sinh camera và đảm bảo không bị hư hỏng.
- Không lắp đặt các bộ phận từ thị trường (chẳng hạn như biển số có gắn đèn chiếu sáng, đèn sương mù...) gần camera.
- Không để khu vực xung quanh cảm biến camera bị va chạm mạnh. Nếu cảm biến hoặc khu vực xung quanh đã bị va chạm mạnh, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.
- Không được sửa đổi, tháo rời hoặc sơn lên camera.

⚠ CẢNH BÁO

- Không lắp phụ kiện hoặc dán đề can lên camera.
- Không được lắp các phụ tùng bảo vệ trên thị trường (ốp cản xe, vv...) vào cản sau của xe.
- Duy trì áp suất lốp phù hợp.
- Hãy đảm bảo rằng cửa sau thùng xe được đóng hoàn toàn.

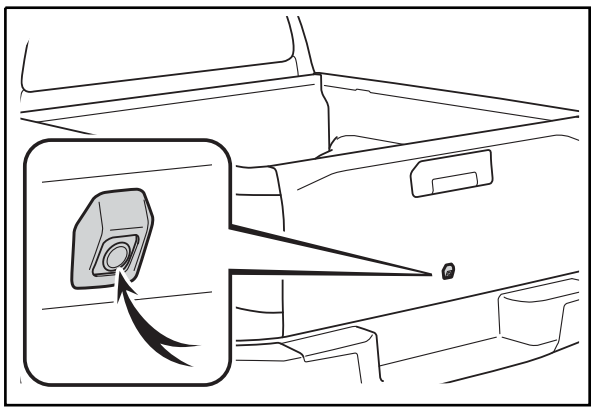
n **Khi nào nên tắt chức năng RCD**

Trong các tình huống sau đây, hãy vô hiệu hóa hệ thống. Chức năng RCD có thể không hoạt động chính xác, có thể dẫn đến tai nạn.

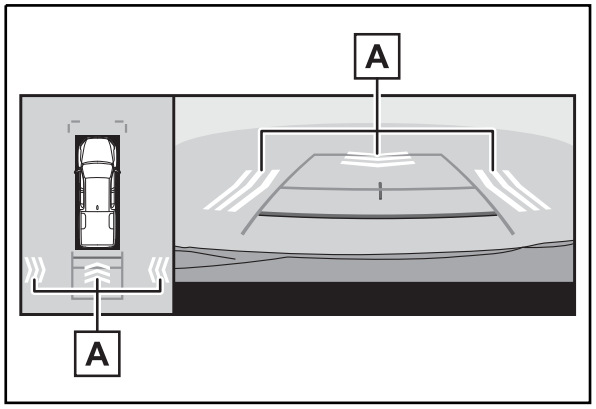
- Không tuân theo các lưu ý trên.
- Lắp các hệ thống treo không chính hãng.

Các thiết bị của hệ thống

Vị trí của camera phía sau



Màn hình RCD



A Biểu tượng phát hiện người đi bộ

Tự động hiển thị khi phát hiện được người đi bộ.

Bật/ tắt chức năng RCD

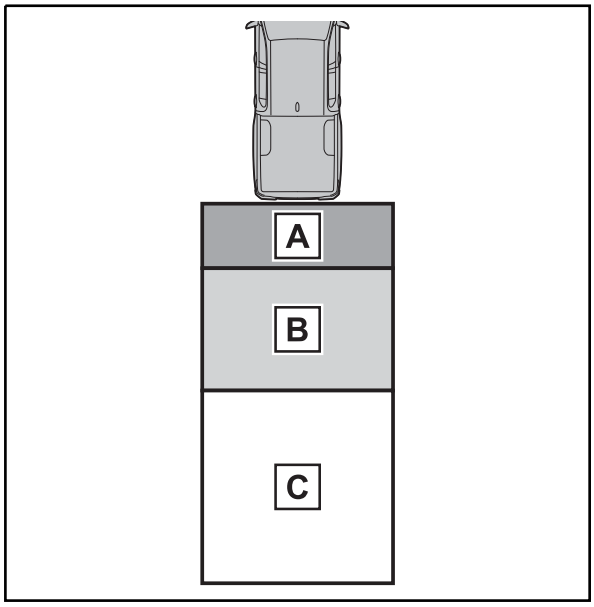
Có thể bật/tắt chức năng RCD thông qua chức năng cài đặt tùy chọn cá nhân. (→P.609)

Khi chức năng RCD bị vô hiệu hóa, đèn chỉ báo thông tin hỗ trợ lái (→P.90) sáng, một thông điệp sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

Mỗi lần công tắc động cơ được tắt sau đó chuyển đến ON, chức năng RCD sẽ được kích hoạt tự động

Khi phát hiện được người đi bộ

Nếu có người đi bộ ở khu vực phía sau xe hoặc nếu camera phía sau phát hiện người đi bộ đang tiếp cận xe từ phía sau, hệ thống sẽ cảnh báo người lái bằng cách kêu chuông và hiển thị việc phát hiện người đi bộ trên màn hình đa phương tiện như sau:



A Nếu phát hiện thấy người đi bộ trong khu vực A
Chuông báo: Kêu lặp lại
Biểu tượng phát hiện người đi bộ: Nhấp nháy

B Nếu phát hiện người đi bộ trong khu vực B
Chuông báo (Khi xe đang đứng im): Kêu 3 lần
Chuông báo (Khi xe đang lùi, khi người đi bộ đến gần phía sau xe): Kêu liên tục
Biểu tượng phát hiện người đi bộ: Nhấp nháy

C Nếu hệ thống xác định rằng xe của bạn có thể va chạm với người đi bộ trong khu vực C
Chuông báo: Kêu lặp lại
Biểu tượng phát hiện người đi bộ: Nhấp nháy

n Chức năng phát hiện bằng camera phía sau đang hoạt động khi

l Công tắc động cơ ở ON.

l Chức năng RCD đang bật.

l Cần số đang ở vị trí R.

n Cài đặt âm lượng của chuông báo

Có thể điều chỉnh đồng thời âm lượng chuông báo của hệ thống cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota, hệ thống RCTA và RCD từ các cài đặt tùy chọn. (→P.609)

n Tạm thời tắt tiếng chuông báo

Khi phát hiện một vật thể, nút tắt âm tạm thời sẽ hiển thị trên màn hình đa phương tiện.

Chọn công tắc để tắt tiếng chuông báo của tất cả các hệ thống cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota, hệ thống RCTA và hệ thống RCD.

Chế độ tắt tiếng sẽ được hủy tự động trong các trường hợp sau:

l Khi vị trí số được thay đổi

l Khi tốc độ xe vượt quá một tốc độ nhất định.

l Khi cảm biến bị lỗi hoặc hệ thống tạm thời không khả dụng.

l Khi chức năng hoạt động bị vô hiệu hóa bằng cách thủ công.

l Khi công tắc động cơ được tắt.

n Những tình huống có thể làm hệ thống hoạt động không chính xác

l Một số người đi bộ sau đây có thể không được phát hiện bởi chức năng phát hiện bằng camera phía sau, ngăn hệ thống hoạt động không chính xác:

- Khi người đi bộ đang cúi người về phía trước hoặc ngồi xổm
- Người đi bộ ngã xuống
- Người đi bộ đang chạy
- Khi một người xuất hiện đột ngột từ phía sau xe hoặc một tòa nhà
- Người đi đang lái xe đạp hoặc ván trượt
- Người đi bộ mặc quần áo rộng như áo mưa, váy…, có thể làm họ có thể bị phát hiện nhầm.
- Một phần cơ thể của người đi bộ có bị che khuất bởi vật thể như xe đẩy hoặc ô
- Người đi bộ đi vào khu vực tối như ban đêm

l Trong một số tình huống sau, chức năng phát hiện bằng camera phía sau không thể phát hiện được đi bộ, hệ thống hoạt động không chính xác:

- Khi lùi xe trong điều kiện thời tiết xấu (như mưa to, sương mù, tuyết …)
- Khi các ống kính bị dính bẩn bởi bùn, hóa chất làm tan tuyết... hoặc camera xước
- Khi có ánh sáng rất mạnh, như mặt trời hoặc ánh sáng đèn pha của xe khác chiếu trực tiếp vào camera phía sau
- Khi lùi xe vào vị trí có cường độ sáng xung quanh xe thay đổi đột ngột, như khi đi vào/ra khỏi ga ra hoặc đỗ xe ở đường hầm
- Khi lùi xe vào khu vực bóng tối như vào khu vực đỗ xe dưới tầng hầm
- Khi vị trí và hướng của camera bị lệch
- Khi đang lắp móc kéo xe
- Khi nước chảy qua ống kính của camera
- Khi chiều cao xe bị thay đổi quá nhiều (mũi xe cao lên, hoặc chúi xuống dưới, vv...)
- Khi đang sử dụng xích quấn lốp hoặc bộ vá lốp khẩn cấp.
- Hệ thống treo được hạ thấp xuống hoặc các lốp có kích cỡ khác với lốp được trang bị ban đầu
- Khi một phần phụ tùng không chính hãng trên thị trường (chẳng hạn như biển số tích hợp đèn chiếu sáng, đèn sương mù, vv...) được lắp ở gần camera phía sau.
- Nếu bộ bảo vệ cản ví dụ như miếng ốp bổ sung được lắp vào cản sau
- Khi đang kéo một xe khác

n **Những tình huống có thể làm hệ thống hoạt động bất ngờ**

l Ngay cả khi không có người đi bộ ở trong khu vực phát hiện, một số vật thể như dưới đây có thể được phát hiện, có thể làm cho chức năng phát hiện bằng camera phía sau hoạt động.

- Khi phát hiện được một vật thể 3 chiều như cột đèn, vòng xuyến, hàng rào hoặc xe đang đỗ
- Khi phát hiện được một vật thể chuyển động như xe ôtô hoặc xe máy
- Khi xe tiến đến một vật thể đang chuyển động như lá cờ hoặc khói hoặc hơi nước, mưa hoặc tuyết
- Đường rải sỏi, đường ray, hoặc đường đang sửa chữa, đường vạch sơn trắng, người đi bộ đi cắt ngang qua đường hoặc lá rơi
- Khi lái xe qua trên một tấm kim loại như trên nắp cống thoát nước
- Khi một vật thể bị phản xạ trong vũng nước hoặc mặt đường bị ướt
- Bóng cây trên đường

l Trong một vài tình huống như dưới đây, chức năng phát hiện bằng camera phía sau có thể hoạt động ngay cả khi không có người đi bộ trong khu vực phát hiện.

- Khi lùi xe tiến đến cạnh lề đường hoặc đường gồ ghề
- Khi lùi xe đến phía đường dốc lên/dốc xuống
- Khi chiều cao xe bị thay đổi quá nhiều (mũi xe cao lên, hoặc chúi xuống dưới, vv...)
- Khi một phần phụ tùng không chính hãng trên thị trường (chẳng hạn như biển số tích hợp đèn chiếu sáng, đèn sương mù, vv...) được lắp ở gần camera phía sau.
- Nếu bộ bảo vệ cản ví dụ như miếng ốp bổ sung được lắp vào cản sau
- Nếu hướng của camera quan sát phía sau đã bị thay đổi do va chạm hoặc tác động khác, hoặc đã tháo ra và lắp lại.
- Khi móc kéo xe được lắp vào phía sau của xe
- Khi nước chảy qua ống kính của camera phía sau
- Khi ống kính bị bám bẩn bởi bùn, hóa chất làm tan tuyết., vv..
- Nếu đèn nháy trong khu vực phát hiện, ví dụ như bộ đèn nháy khẩn cấp của xe khác
- Khi đang sử dụng xích quấn lốp hoặc bộ vá lốp khẩn cấp.
- Khi đang kéo một xe khác

l Những tình huống sau chức năng phát hiện bằng camera phía sau có thể khó thông báo

- Khi khó nghe thấy tiếng chuông nếu khu vực xung quanh bị ồn, âm lượng của hệ thống âm thanh cao.
- Nếu nhiệt độ trong khoang xe quá cao hoặc quá thấp, thì màn hình đa phương tiện có thể không hoạt động đúng cách.

PKSB (Phanh hỗ trợ đỗ xe)*

*: Nếu có

PKSB (phanh hỗ trợ phanh đỗ PKSB) là một hệ thống phát ra các cảnh báo và tự động phanh để giảm hư hỏng do va chạm khi phát hiện được mục tiêu di chuyển ở tốc độ thấp như khi đang đỗ xe.

Hệ thống PKSB (Phanh hỗ trợ đỗ xe)

Hệ thống đã phát hiện các mục tiêu hoạt động như sau. (Các mục tiêu hoạt động thay đổi theo chức năng.)

- Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (vật cố định ở phía trước và phía sau của xe):→P.303
- Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (xe di chuyển ở phía sau xe bạn) (nếu có):→P.306
- Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (người đi bộ ở phía sau xe bạn) (nếu có):→P.307

⚠ CẢNH BÁO

n **Lưu ý khi sử dụng hệ thống**

Không được quá tin tưởng vào hệ thống, nếu không có thể dẫn đến bị tai nạn.

Luôn lái xe cẩn thận và kiểm tra an toàn xung quanh xe.

Tùy thuộc vào tình trạng của xe và đường sá, thời tiết, v.v.. mà hệ thống có thể sẽ không hoạt động.

Khả năng phát hiện của các cảm biến, các rađa bị hạn chế. Luôn lái xe cẩn thận và kiểm tra an toàn xung quanh xe.

l Người lái chịu trách nhiệm đến sự an toàn khi lái xe. Do đó luôn phải đảm bảo an toàn khi lái xe, hãy quan sát xung quanh xe. Hệ thống phanh hỗ trợ đỗ xe được thiết kế để có thể hỗ trợ giảm tai nạn nghiêm trọng. Tuy nhiên, hệ thống có thể không hoạt động trong một vài tình huống.

l Hệ thống phanh hỗ trợ đỗ xe không được thiết kế để dừng xe hoàn toàn. Hơn nữa, ngay cả khi hệ thống đã dừng xe, nhưng vẫn cần nhấn bàn đạp phanh ngay vì điều khiển hỗ trợ đỗ xe bởi phanh sẽ bị hủy sau khoảng 2 giây.

l Đặc biệt nguy hiểm nếu bạn kiểm tra hoạt động của hệ thống bằng cách chủ ý lái xe hướng vào bức tường, vv... Không bao giờ được thử hành động như vậy.

n **Khi vô hiệu hóa phanh hỗ trợ đỗ xe**

Những tình huống sau, vô hiệu hóa phanh hỗ trợ đỗ xe vì hệ thống có thể hoạt động mặc dù không có nguy cơ bị va chạm.

l Khi kiểm tra xe bằng cách sử dụng các con lăn dưới gầm, động lực học hoặc con lăn tự do

- Xe được vận chuyển bằng tàu biển, xe tải hoặc các tàu vận chuyển khác
- Nếu đã chỉnh sửa hệ thống treo hoặc cỡ lốp khác với cỡ tiêu chuẩn
- Khi phía đầu xe bị nhấc lên hoặc chúi xuống do tải trọng trên xe
- Khi lắp đặt các thiết bị như móc kéo xe, móc vận chuyển, bảo vệ cản trước, dải trang trí cản trước, giá đựng xe đạp hoặc thiết bị gỡ tuyết (xẻng xúc tuyết) gần cảm biến.
- Khi sử dụng thiết bị rửa xe tự động
- Khi xe không thể chạy một cách ổn định được, như khi xe bị tai nạn hoặc bị trục trặc
- Khi chạy xe ở chế độ thể thao hoặc trên địa hình phức tạp
- Khi áp suất lốp không phù hợp
- Khi lốp xe bị mòn
- Khi đang sử dụng xích quấn lốp, lốp dự phòng loại nhỏ gọn hoặc bộ vá lốp khẩn cấp.
- Khi đang kéo một xe khác

n Các lưu ý với hệ thống treo của xe

Không sửa đổi hệ thống treo của xe. Nếu độ cao hoặc độ nghiêng của xe bị thay đổi, các cảm biến có thể sẽ không phát hiện được các vật thể và hệ thống có thể sẽ hoạt động không chính xác, dẫn đến tai nạn.

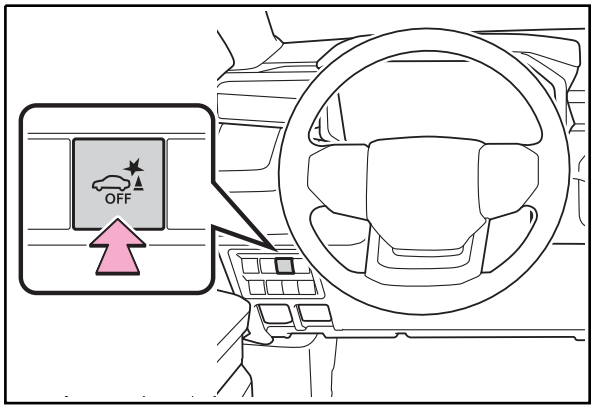
Kích hoạt lại/bỏ kích hoạt phanh hỗ trợ đỗ xe

Chức năng Phanh Hỗ trợ Đỗ xe có thể được kích hoạt/vô hiệu hóa bằng cách ấn nút PKSB.

Khi chức năng PKSB (Phanh hỗ trợ đỗ xe) bị vô hiệu hóa, đèn chỉ báo thông tin hỗ trợ lái xe (→P.90) sẽ sáng lên và một thông báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

Nếu PKSB (Phanh hỗ trợ đỗ xe) được chuyển sang chế độ OFF (vô hiệu hóa), hệ thống sẽ không được kích hoạt lại cho đến khi nó được chuyển sang ON (kích hoạt) lại bằng cách nhấn công tắc PKSB.

(Nó vẫn giữ trạng thái tắt ngay cả khi công tắc động cơ được chuyển về chế độ ON (bật) lại sau khi công tắc động cơ đã được tắt.)



n Khi công tắc điều khiển truyền động bánh trước ở 4L (nếu có)

- Chức năng Phanh Hỗ Trợ Đỗ Xe sẽ tự động tắt.

Màn hình và chuông cho điều khiển hạn chế công suất động cơ và điều khiển phanh

Nếu chức năng điều khiển hạn chế

công suất động cơ hoặc điều khiển phanh hoạt động, một chuông báo sẽ kêu và một thông điệp cho biết gia tốc bị giới hạn hoặc nhắc nhở người lái đạp phanh sẽ được hiển thị trên màn hình đa phương tiện và màn hình đa thông tin để cảnh báo cho người lái.

Tùy thuộc vào tình huống, mà chức năng điều khiển hạn chế công suất phát ra sẽ hoạt động để hạn chế tăng tốc hoặc hạn chế công suất phát ra càng nhiều càng tốt.

- Điều khiển hạn chế công suất động cơ đang hoạt động (điều khiển hạn chế tăng tốc)

Hệ thống sẽ khống chế việc tăng ga quá mức định trước.

Màn hình hệ thống đa phương tiện: Không có cảnh báo xuất hiện

Ví dụ thông báo trên màn hình đa thông tin: "Vật thể bị phát hiện Giảm tốc"

Đèn chỉ báo thông tin hỗ trợ lái xe: Không bật sáng

Chuông báo: Không kêu

- Điều khiển hạn chế công suất động cơ đang hoạt động (hạn chế công suất càng nhiều càng tốt)

Hệ thống xác định cần phải nhấn phanh mạnh hơn bình thường để tránh xảy ra tai nạn.

Ví dụ tin nhắn trên màn hình đa phương tiện (xe có màn hình đa địa hình hoặc màn hình toàn cảnh*): "PHANH!"

Ví dụ thông báo trên màn hình đa thông tin: “BRAKE!"

Đèn chỉ báo thông tin hỗ trợ lái xe: Không bật sáng

Chuông báo: Tiếng bíp ngắn

- Hệ thống điều khiển phanh đang hoạt động

Hệ thống xác định cần phải nhấn phanh khẩn cấp.

Ví dụ tin nhắn trên màn hình đa phương tiện (xe có màn hình đa địa hình hoặc màn hình toàn cảnh*): "PHANH!"

Ví dụ thông báo trên màn hình đa thông tin: “BRAKE!"

Đèn chỉ báo thông tin hỗ trợ lái xe: Không bật sáng

Chuông báo: Tiếng bíp ngắn

- Khi xe được dừng lại bằng hoạt động của hệ thống

Khi xe dừng bởi điều khiển phanh

Ví dụ thông báo trên màn hình đa phương tiện (xe có màn hình đa địa hình hoặc màn hình quan sát toàn cảnh*): "Chuyển sang Phanh"

Ví dụ thông báo trên màn hình đa thông tin: "Accelerator Pedal is Pressed Press Brake Pedal", "Press Brake Pedal"

Đèn chỉ báo thông tin hỗ trợ lái xe: Bật sáng

Chuông báo: Kêu liên tục

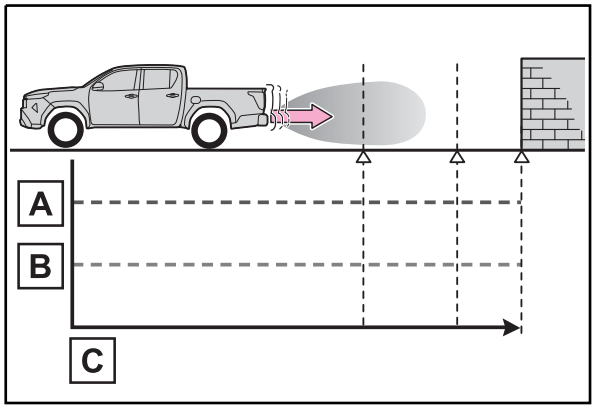
*: Điều này có thể không được hiển thị tùy thuộc vào thông số kỹ thuật của màn hình góc nhìn toàn cảnh.

Tổng quan về hệ thống

Nếu phanh hỗ trợ đỗ xe xác định rằng đã phát hiện được nguy cơ xảy ra va chạm với vật thể hoặc người, công suất động sẽ được

khống chế để không cho tăng tốc độ xe. (Điều khiển hạn chế công suất động cơ: Xem hình vẽ 2 dưới đây.)
Hơn nữa, nếu vẫn tiếp tục nhấn bàn đạp ga, phanh sẽ được nhấn tự động để giảm tốc độ xe. (Điều khiển phanh: Xem hình vẽ 3 dưới đây.)

- Hình 1: Khi PKSB (phanh hỗ trợ đỗ xe) không hoạt động

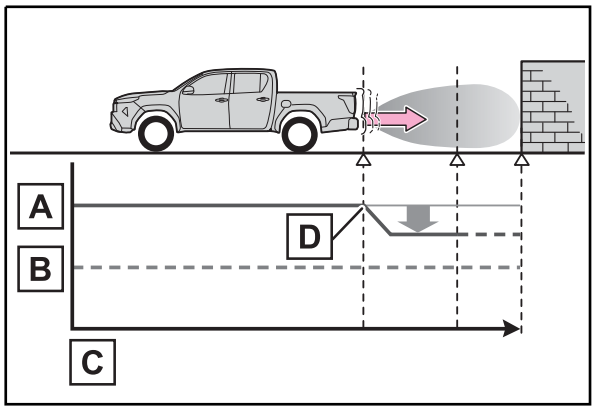


A Công suất của động cơ

B Lực phanh

C Thời gian

- Hình 2: Khi chức năng điều khiển hạn chế công suất động cơ hoạt động



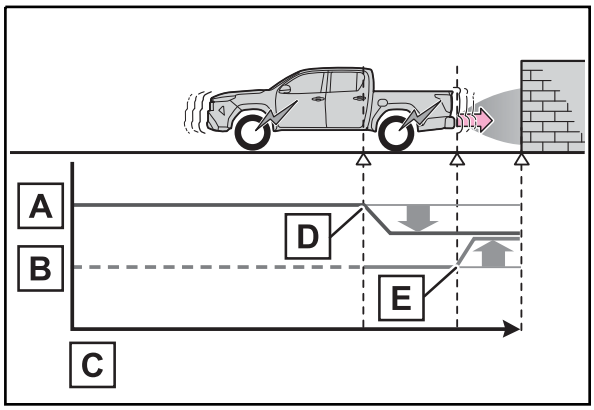
A Công suất của động cơ

B Lực phanh

C Thời gian

D Chức năng điều khiển hạn chế công suất động cơ bắt đầu hoạt động (Hệ thống xác định rằng nguy cơ va chạm với vật thể đã được phát hiện là cao)

- Hình 3: Khi chức năng điều khiển hạn chế công suất động cơ và điều khiển phanh hoạt động



A Công suất của động cơ

B Lực phanh

C Thời gian

D Chức năng điều khiển hạn chế công suất động cơ bắt đầu hoạt động (Hệ thống xác định rằng nguy cơ va chạm với vật thể đã được phát hiện là cao)

E Chức năng điều khiển phanh bắt đầu hoạt động (Hệ thống xác định rằng nguy cơ va chạm với vật thể đã được phát hiện là rất cao)

n Nếu phanh hỗ trợ đỗ xe đã hoạt động

Nếu xe được dừng lại do hoạt động của hệ thống Phanh hỗ trợ đỗ xe, hệ thống Phanh hỗ trợ đỗ xe sẽ bị vô hiệu hóa và đèn chỉ báo thông tin hỗ trợ lái xe sẽ sáng lên. Ngoài ra, ngay cả khi hệ thống PKSB (Phanh hỗ trợ đỗ xe) hoạt động, điều khiển phanh sẽ bị hủy sau khoảng 2 giây để khởi hành. Hơn nữa, điều khiển phanh cũng có thể bị hủy bằng cách đạp bàn đạp phanh. Đạp bàn đạp ga sau đó sẽ cho phép xe khởi hành.

n Kích hoạt lại phanh hỗ trợ đỗ xe

Để kích hoạt lại hệ thống PKSB (phanh hỗ trợ đỗ xe) khi nó bị tắt do hoạt động của hệ thống PKSB (phanh hỗ trợ đỗ xe), hãy bật lại hệ thống hoặc tắt công tắc nguồn rồi bật lại trạng thái ON.

Ngoài ra, nếu thỏa mãn bất kỳ điều kiện nào sau đây, hệ thống sẽ tự động được kích hoạt lại và đèn chỉ báo thông tin hỗ trợ lái xe sẽ tắt đi (→P.90):

- Khi cần số ở vị trí P.
- Lái mà không có chủ đích về hướng di chuyển xe
- Hãy thay đổi hướng di chuyển xe

n Chuông báo

Bất kể chuông báo của hệ thống cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota có đang được bật hay không (→P.284), nếu hệ thống PKSB (Phanh hỗ trợ đỗ xe) được bật (→P.300), thì chuông báo sẽ kêu để thông báo cho người lái xe về khoảng cách xấp xỉ tới vật thể khi hệ thống điều khiển phanh và điều khiển hạn chế công suất động cơ hoạt động.

Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (vật cố định ở phía trước và phía sau của xe)*

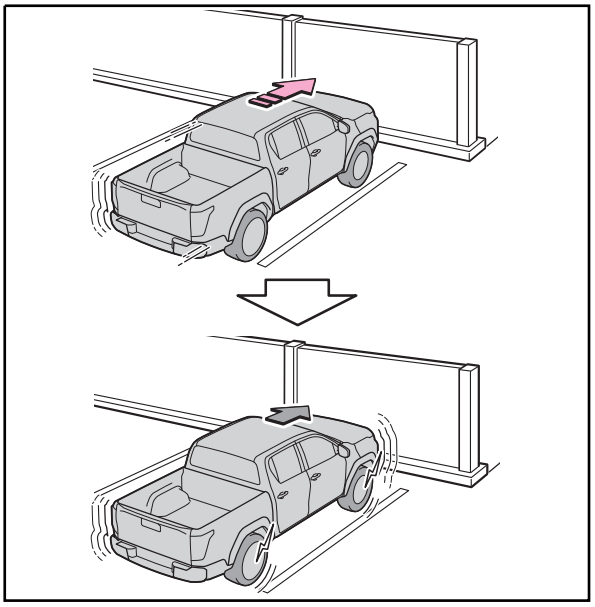
*: Nếu có

Nếu các cảm biến phát hiện được một vật thể cố định như bức tường, theo hướng di chuyển của xe và hệ thống xác định rằng có thể xảy ra va chạm do xe bất ngờ di chuyển về phía trước do vô tình nhấn bàn đạp ga, xe di chuyển không theo hướng chủ định do chuyển nhầm số, hoặc trong khi đang đỗ xe hoặc di chuyển ở tốc độ thấp, hệ thống sẽ vận hành để giảm sự va chạm với vật thể cố định và giảm mức độ hư hỏng.

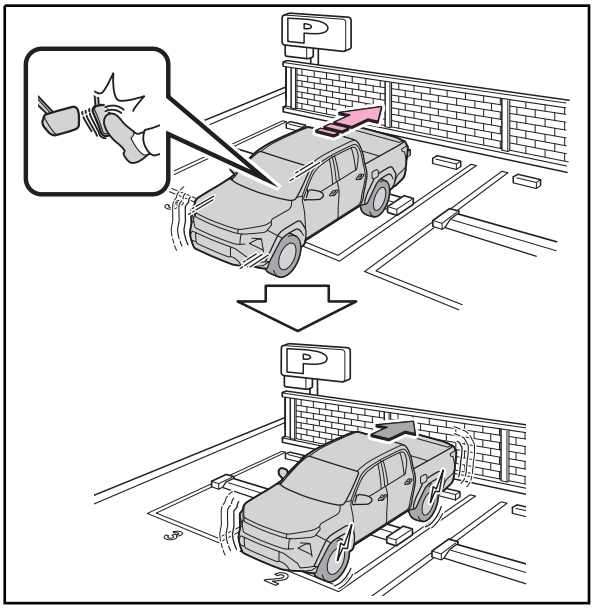
Các ví dụ hoạt động của xe (các vật thể cố định ở phía trước hoặc phía sau)

Chức năng này sẽ hoạt động trong những tình huống sau khi phát hiện được vật thể trong hướng di chuyển của xe.

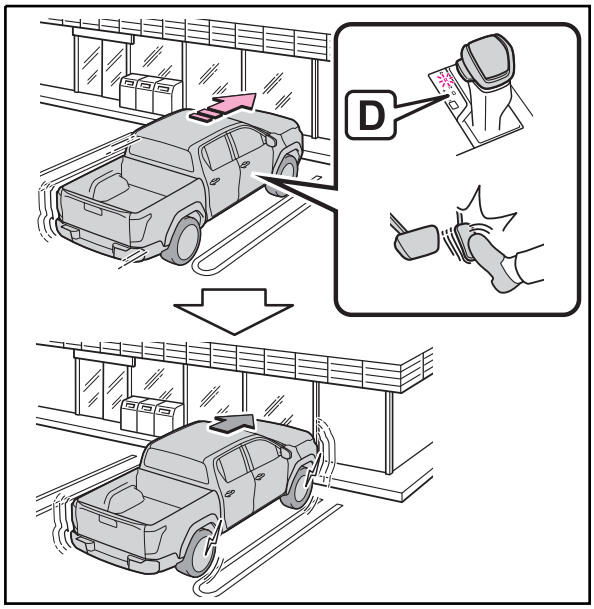
n **Xe được lái ở tốc độ thấp và bàn đạp phanh không được nhấn hoặc nhấn quá muộn**



n **Khi đang nhấn bàn đạp ga quá mạnh**



n **Khi xe di chuyển về phía trước do chuyển nhầm số.**



Các loại cảm biến

→P.283

⚠ CẢNH BÁO

n **Để đảm bảo cho hệ thống hoạt động chính xác**

→P.285

n **Nếu chức năng PKSB (phanh hỗ trợ đỗ xe) hoạt động một cách không cần thiết, chẳng hạn như ở đoạn đường giao cắt với đường sắt**

→P.303

n **Các lưu ý khi rửa xe**

→P.285

n **Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (vật cố định ở phía trước và phía sau của xe) sẽ hoạt động khi**

Chức năng này sẽ hoạt động khi đèn chỉ báo thông tin hỗ trợ lái xe không bật sáng (→P.86) và thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

l Điều khiển hạn chế công suất động cơ

• Nếu phanh hỗ trợ đỗ xe được kích

hoạt.
- Tốc độ xe đạt từ 15 km/h trở xuống.
- Có vật thể cố định theo hướng di chuyển của xe (cách xe từ 2 đến 4 m).
- Phanh hỗ trợ đỗ xe xác định cần phải nhấn phanh mạnh hơn bình thường để tránh xảy ra va chạm.

l Điều khiển phanh
- Điều khiển hạn chế công suất động cơ đang hoạt động.
- Phanh hỗ trợ đỗ xe xác định cần phải nhấn phanh để tránh xảy ra va chạm.

n **Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (vật cố định ở phía trước và phía sau của xe) sẽ dừng hoạt động khi**

Chức năng này sẽ ngừng hoạt động khi thỏa mãn một trong các điều kiện sau đây:

l Điều khiển hạn chế công suất động cơ
- Nếu phanh hỗ trợ đỗ xe bị vô hiệu hóa.
- Hệ thống xác định rằng có thể tránh khỏi va chạm với chỉ hoạt động phanh bình thường.
- Không có vật thể cố định nào cách xe từ khoảng 2 đến 4 m hoặc theo hướng di chuyển của xe.

l Điều khiển phanh
- Nếu phanh hỗ trợ đỗ xe bị vô hiệu hóa.
- Khoảng 2 giây kể từ khi xe được dừng bằng điều khiển phanh.
- Bàn đạp phanh được nhấn sau khi xe được dừng bằng điều khiển phanh.
- Không có vật thể cố định nào cách xe từ khoảng 2 đến 4 m hoặc theo hướng di chuyển của xe.

n **Phạm vi phát hiện của chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (Vật thể cố định ở phía trước và ở phía sau của xe)**

Phạm vi phát hiện của chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (Vật thể cố định ở phía trước và ở phía sau của xe) sẽ khác với phạm vi phát hiện của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota. (→P.288) Vì vậy, kể cả khi cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota đã phát hiện được vật thể và đưa ra cảnh báo, chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (Vật thể cố định ở phía trước và ở phía sau của xe) có thể không bắt đầu hoạt động.

n **Những tình huống có thể làm hệ thống hoạt động không chính xác**

→P.286

n **Những tình huống mà hệ thống có thể hoạt động mặc dù không có nguy cơ bị va chạm**

→P.287

Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (những xe đang di chuyển ở phía sau xe bạn)*

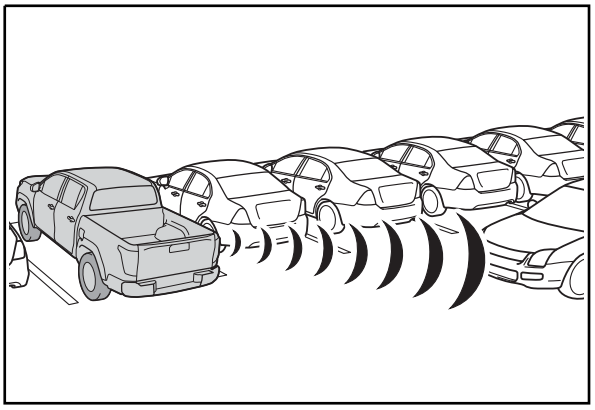
*: Nếu có

Nếu cảm biến ra đa phía sau phát hiện được xe đang tiếp cận từ phía bên trái hoặc bên phải của phía sau xe và hệ thống xác định được nguy cơ gây ra va chạm là cao, chức năng này sẽ thực hiện điều khiển phanh để giảm sự va chạm có thể xảy ra với xe đang tiếp cận.

Ví dụ về hoạt động của chức năng

Chức năng này sẽ hoạt động trong những tình huống sau, khi phát hiện được vật thể trong hướng di chuyển của xe.

n **Khi lùi xe, xe đang tiếp cận và bàn đạp phanh không được nhấn hoặc nhấn quá muộn**



Các loại cảm biến

→P.275

CẢNH BÁO

n **Để đảm bảo cho hệ thống hoạt động chính xác**

→P.275

n **Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (xe đang di chuyển ở phía trước và phía sau của xe) sẽ hoạt động khi**

Chức năng này sẽ hoạt động khi đèn chỉ báo thông tin hỗ trợ lái xe không bật sáng (→P.86) và thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

l Điều khiển hạn chế công suất động cơ
- Nếu phanh hỗ trợ đỗ xe được kích hoạt.
- Tốc độ xe đạt từ 15 km/h trở xuống.
- Các xe đang đến gần từ phía sau bên phải hoặc phía sau bên trái với tốc độ xe xấp xỉ từ 8 km/h trở lên.
- Cần số đang ở vị trí R.
- Phanh hỗ trợ đỗ xe xác định cần phải nhấn phanh mạnh hơn bình thường để tránh xảy ra va chạm với xe đang tiếp cận từ phía sau.

l Điều khiển phanh
- Điều khiển hạn chế công suất động cơ đang hoạt động.
- Phanh hỗ trợ đỗ xe xác định rằng hoạt động phanh khẩn cấp là cần thiết để tránh va chạm với xe đang tiếp cận từ phía sau xe.

n **Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (xe đang di chuyển ở phía sau của xe) sẽ dừng hoạt động khi**

Chức năng này sẽ ngừng hoạt động khi thỏa mãn một trong các điều kiện sau đây:

l Điều khiển hạn chế công suất động cơ
- Nếu phanh hỗ trợ đỗ xe bị vô hiệu hóa.
- Khi có thể tránh được va chạm chỉ

với hoạt động phanh bình thường.
- Không có xe tiếp cận từ phía sau bên phải hoặc bên trái của xe.

l Điều khiển phanh
- Nếu phanh hỗ trợ đỗ xe bị vô hiệu hóa.
- Khoảng 2 giây kể từ khi xe được dừng bằng điều khiển phanh.
- Bàn đạp phanh được nhấn sau khi xe được dừng bằng điều khiển phanh.

n **Những tình huống có thể làm hệ thống hoạt động không chính xác**

→P.293

n **Những tình huống mà hệ thống có thể hoạt động mặc dù không có nguy cơ bị va chạm**

→P.294

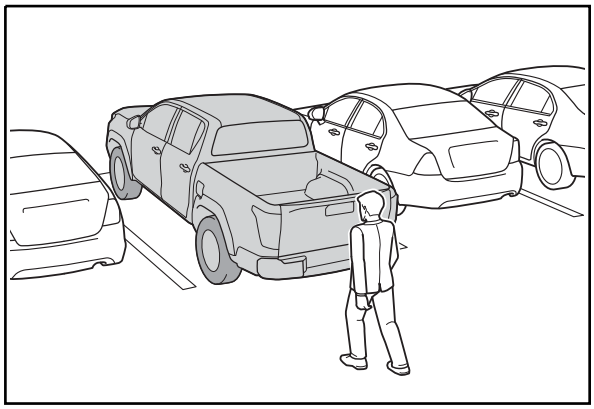
Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (người đi bộ ở phía sau xe bạn)*

*: Nếu có

Nếu cảm biến camera phía sau phát hiện có người đi bộ ở phía sau xe khi xe đang lùi và hệ thống xác định rằng nguy cơ va chạm với người đi bộ là cao, thì chuông báo sẽ kêu. Nếu hệ thống xác định rằng khả năng va chạm với vật thể xác định là rất cao, các phanh sẽ tự động được nhấn để giúp giảm lực tác động va chạm.

Ví dụ về hoạt động của chức năng

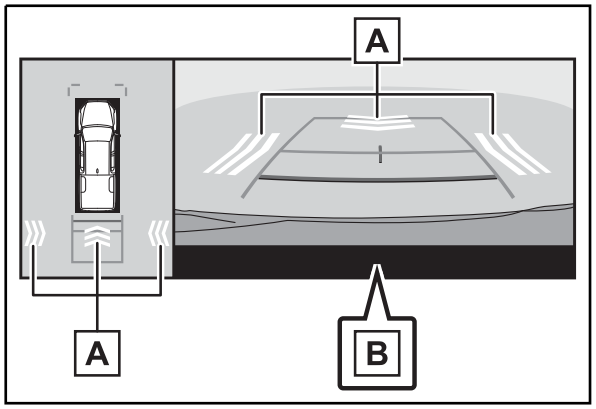
Hệ thống hoạt động khi phát hiện có người đi bộ phía sau xe khi lùi xe, và khi bàn đạp phanh không được nhấn hoặc nhấn muộn.



Hiển thị màn hình có người đi bộ phía sau xe

Hiển thị một thông báo để nhắc

nhở người lái phanh khi phát hiện có người đi bộ trong khu vực phát hiện phía sau xe.



A Biểu tượng phát hiện người đi bộ

B Ví dụ:
"BRAKE!"

⚠ CẢNH BÁO

n **Nếu chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (có người đi bộ ở phía sau xe) hoạt động không cần thiết**

Nhấn bàn đạp phanh ngay sau khi chức năng phanh đỗ hỗ trợ đỗ xe (người đi bộ ở phía sau xe) hoạt động. (Hoạt động của chức năng này được hủy bằng cách nhấn bàn đạp phanh.)

n **Sử dụng chính xác chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (người đi bộ ở phía sau xe)**

→P.295

n **Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (người đi bộ ở phía sau xe) sẽ hoạt động khi**

Chức năng này sẽ hoạt động khi đèn chỉ báo thông tin hỗ trợ lái xe không bật sáng (→P.86) và thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

l Điều khiển hạn chế công suất động cơ
- Nếu phanh hỗ trợ đỗ xe được kích hoạt.
- Tốc độ xe từ 15 km/h trở xuống.
- Cần số đang ở vị trí R.
- Có người đi bộ ở phía sau xe.
- PKSB (Phanh hỗ trợ đỗ xe) xác định cần phải nhấn phanh mạnh hơn bình thường để tránh xảy ra tai nạn.

l Điều khiển phanh
- Điều khiển hạn chế công suất động cơ đang hoạt động.
- Phanh hỗ trợ đỗ xe xác định cần phải thực hiện phanh khẩn cấp để tránh xảy ra tai nạn với người đi bộ.

n **Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (người đi bộ ở phía sau xe) sẽ dừng hoạt động khi**

Chức năng này sẽ ngừng hoạt động khi thỏa mãn một trong các điều kiện sau đây:

l Điều khiển hạn chế công suất động cơ
- Nếu phanh hỗ trợ đỗ xe bị vô hiệu hóa.
- Khi có thể tránh được va chạm chỉ với hoạt động phanh bình thường.
- Không phát hiện thấy có người đi bộ phía sau xe bạn.

l Điều khiển phanh
- Nếu phanh hỗ trợ đỗ xe bị vô hiệu hóa.
- Khoảng 2 giây kể từ khi xe được dừng bằng điều khiển phanh.
- Bàn đạp phanh được nhấn sau khi xe được dừng bằng điều khiển phanh.

n **Kích hoạt lại chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (người đi bộ ở phía sau xe)**

→P.303

n **Phạm vi phát hiện của chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (người đi bộ ở phía sau xe)**

Phạm vi phát hiện của chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (Người đi bộ ở phía sau xe bạn) sẽ khác với phạm vi phát hiện của chức năng RCD (→P.296). Vì vậy, kể cả khi chức năng RCD phát hiện được xe và đưa ra cảnh báo, chức năng phanh hỗ trợ

đỗ xe (người đi bộ ở phía sau xe) có thể không hoạt động.

n **Những tình huống có thể làm hệ thống hoạt động không chính xác**

→P.297

n **Những tình huống có thể làm hệ thống hoạt động bất ngờ**

→P.298

Theo dõi đa địa hình*

*: Nếu có

Hệ thống theo dõi đa địa hình sẽ hỗ trợ người lái kiểm tra xung quanh xe. Nó sẽ hỗ trợ xác định các điều kiện xung quanh người lái trong những trường hợp khác nhau, như phán đoán các điều kiện khi lái xe trên địa hình phức tạp hoặc kiểm tra các vật thể khi đỗ xe.

l Hình minh họa trong cuốn sách này chỉ là ví dụ tham khảo, và nó có thể khác so với hình ảnh thực tế xuất hiện trên màn hình.

⚠ CẢNH BÁO

n **Khi sử dụng hệ thống theo dõi đa địa hình**

Hãy thực hiện các chú ý sau để tránh tai nạn mà có thể dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

l Không quá phụ thuộc vào hệ thống theo dõi đa địa hình. Cũng như với xe không được trang bị hệ thống này, hãy lái xe cẩn thận trong khi quan sát xung quanh và phía sau xe để đảm bảo an toàn. Hãy đặc biệt chú ý tới những xe đang đỗ và các vật thể khác.

l Do đặc tính của ống kính camera, vị trí và khoảng cách thực tế của người và các vật thể khác sẽ khác so với hình ảnh được xuất hiện trên màn hình theo dõi đa địa hình. Hãy quan sát trực tiếp để đảm bảo xung quanh bạn đã an toàn trước khi lái xe.

- Luôn đảm bảo kiểm tra bằng cách quan sát phía sau và môi trường xung quanh xe khi đang lái xe.
- Không được chỉ nhìn chăm chú vào màn hình khi lái xe do hình ảnh trên màn hình sẽ khác biệt so với thực tế. Nếu lái xe trong khi nhìn vào màn hình, bạn có thể sẽ va vào người khác hoặc vật thể và gây ra tai nạn. Khi lái xe hãy kiểm tra kỹ xung quanh xe bằng mắt thường và gương chiếu hậu.
- Vị trí của các đường chỉ dẫn được hiển thị trên màn hình có thể sẽ bị thay đổi do các yếu tố như số lượng hành khách, tải trọng và độ dốc của đường. Luôn đảm bảo kiểm tra bằng cách quan sát phía sau và môi trường xung quanh xe một cách trực quan khi bạn đang lái xe.
- Khi nhiệt độ thấp, màn hình sẽ tối đi hoặc hình ảnh sẽ bị mờ.
  Hình ảnh của các vật di chuyển có thể bị méo hoặc biến mất khỏi màn hình. Do đó, hãy lái xe thật cẩn thận trong khi quan sát trực tiếp xung quanh xe một cách trực quan để đảm bảo an toàn.
- Nếu bạn thay các lốp xe, vị trí của các đường chỉ dẫn được hiển thị trên màn hình có thể sẽ không chính xác.

CHÚ Ý

n **Theo dõi đa địa hình**

Khi camera bị trục trặc, màn hình có thể hiển thị như sau:

- Khi cần số ở bất kỳ vị trí nào khác R, hình ảnh từ camera vẫn tiếp tục được hiển thị.
- Khi cần số ở vị trí R, một phần hoặc toàn bộ màn hình có thể sẽ trông đen
- Khi cần số ở vị trí R, màn hình có thể sẽ không chuyển sang hiển thị hình ảnh từ camera

CHÚ Ý

- Các đường chỉ dẫn không được hiển thị trên hình ảnh camera và các biểu tượng chú ý và cảnh báo xuất hiện

Màn hình theo dõi đa địa hình

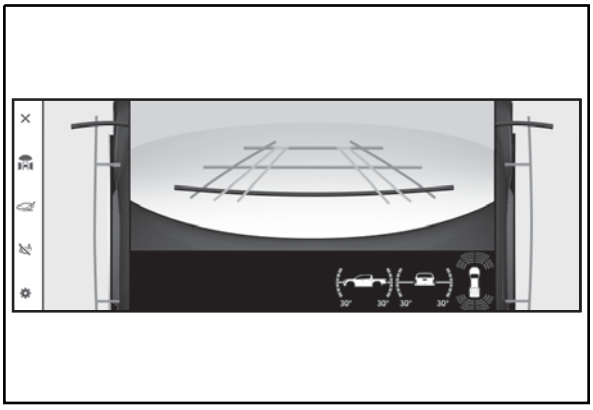
Bạn có thể chọn các kiểu màn hình sau theo các điều kiện lái xe.

- Các màn hình có thể chọn được sẽ khác nhau, tùy thuộc vào các điều kiện như vị trí cần số hoặc tốc độ xe. (→P.314)
- Tùy thuộc vào màn hình hiển thị, có thể chuyển được giữa hiển thị màn hình bình thường sang màn hình đầy đủ.

n **Các màn hình khi chọn công tắc điều khiển dẫn động 2 bánh ở 4L hoặc 4H và chọn đa địa hình bật.**

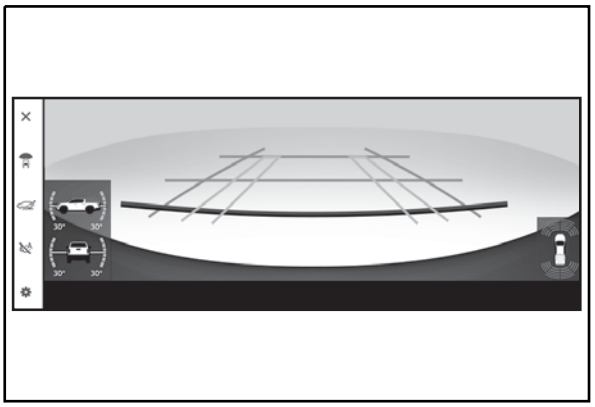
● Khi kiểm tra khu vực phía trước và hai bên xe

▶ Màn hình phía trước và màn hình quan sát hai bên hông xe



→P.319

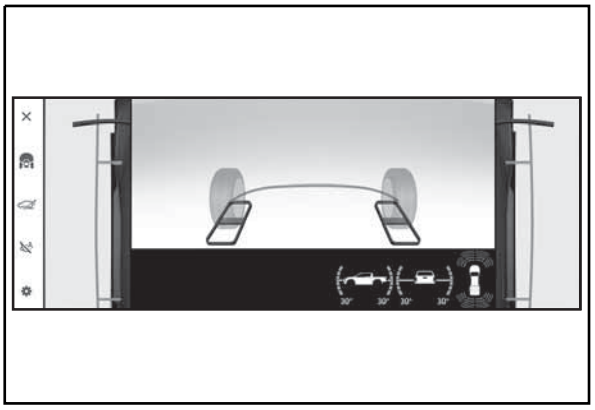
▶ Màn hình phía trước (phóng to)



→P.319

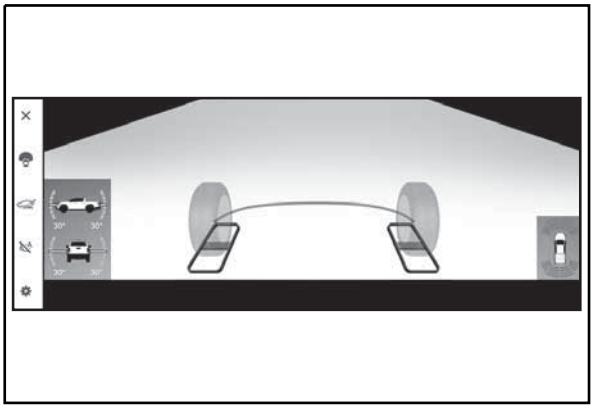
● Khi kiểm tra tình trạng mặt đường bên dưới xe

▶ Màn hình quan sát mặt đường và hai bên hông xe



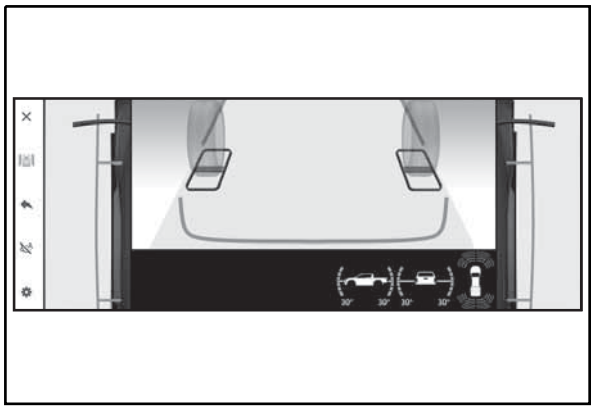
→P.323

▶ Màn hình quan sát mặt đường (phóng to)



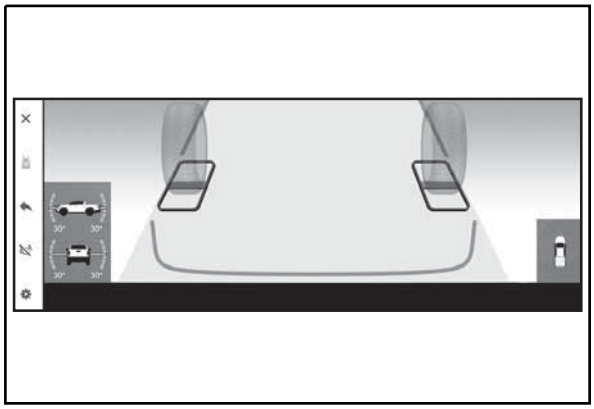
→P.323

▶ Màn hình hai bên hông xe và màn hình quan sát mặt đường (bánh sau):



→P.326

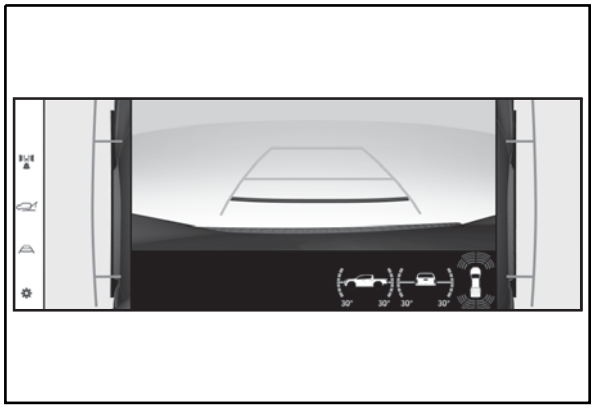
▶ Màn hình quan sát mặt đường (bánh sau) (phóng to)



→P.326

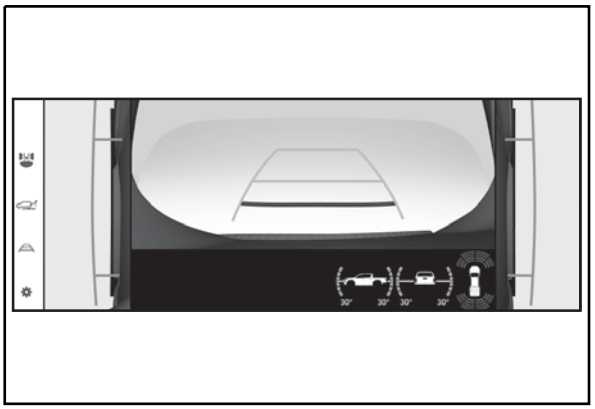
● Khi kiểm tra khu vực phía sau xe

▶ Màn hình góc nhìn phía sau và màn hình quan sát hai bên hông xe



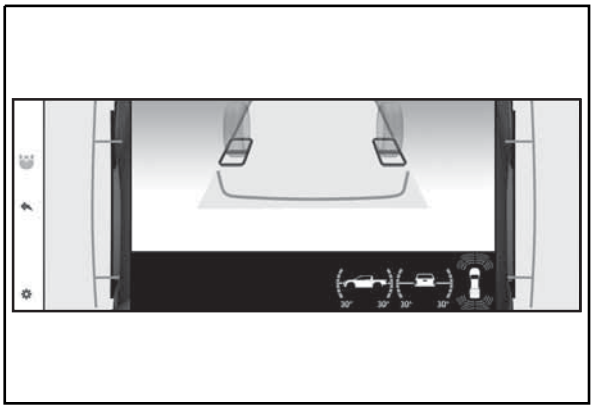
→P.330

▶ Màn hình góc rộng phía sau và màn hình quan sát hai bên hông xe



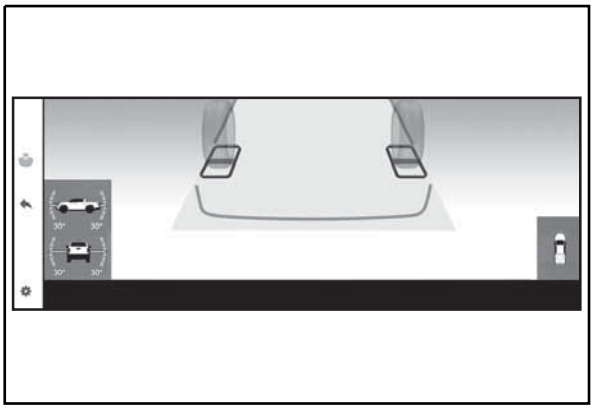
→P.330

▶ Màn hình quan sát mặt đường (phía sau) và hai bên hông xe



→P.333

▶ Màn hình quan sát mặt đường (phía sau)(phóng to)

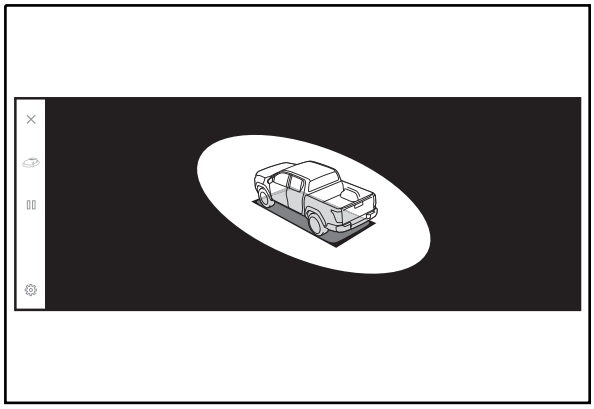


→P.333

n **Các màn hình khi chọn công tắc điều khiển dẫn động cầu trước ở 2H hoặc 4H và hệ thống chọn đa địa hình tắt.**

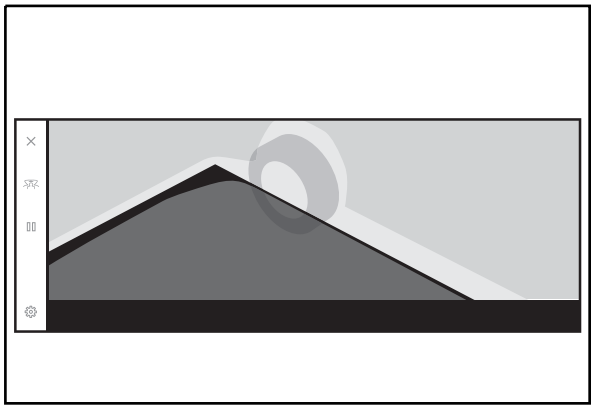
● Khi kiểm tra an toàn xung quanh xe

▶ Màn hình quan sát khi di chuyển của xe



→P.336

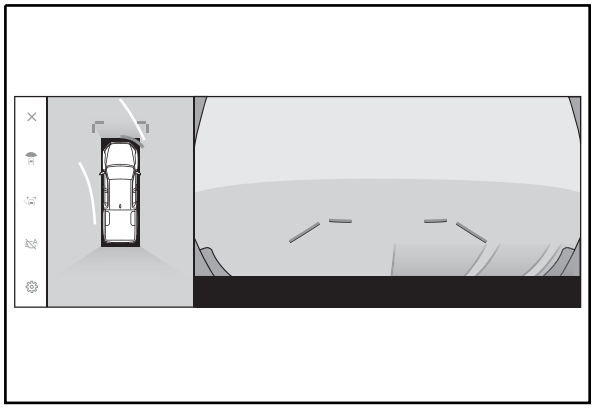
▶ Màn hình góc nhìn xuyên



→P.336

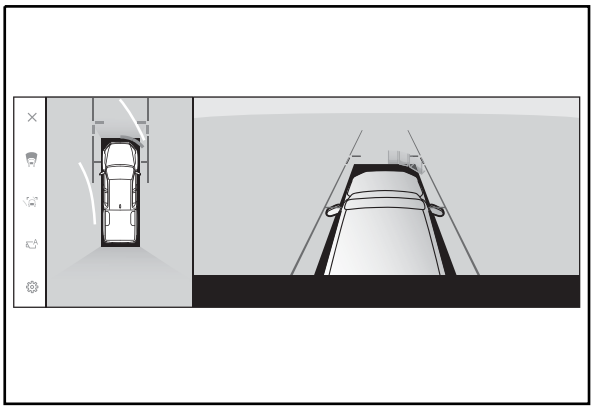
● Khi kiểm tra khu vực phía trước xe

▶ Màn hình góc nhìn toàn cảnh và màn hình góc rộng phía trước



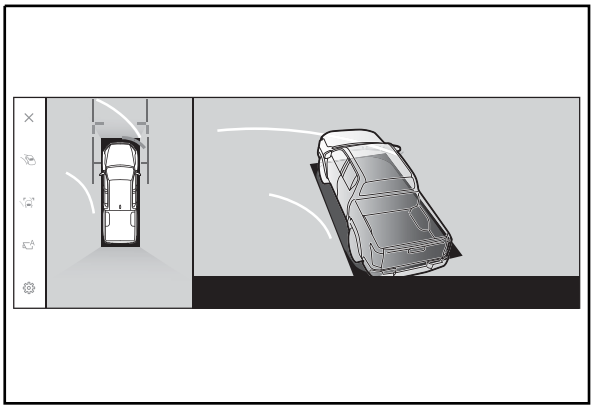
→P.338

▶ Màn hình hai bên hông xe và màn hình toàn cảnh



→P.338

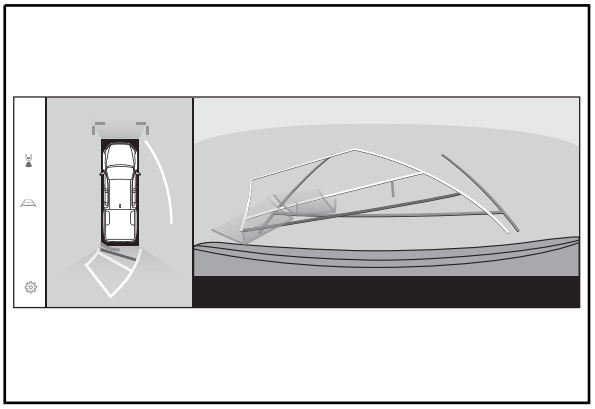
▶ Màn hình khi vào cua và màn hình toàn cảnh



→P.338

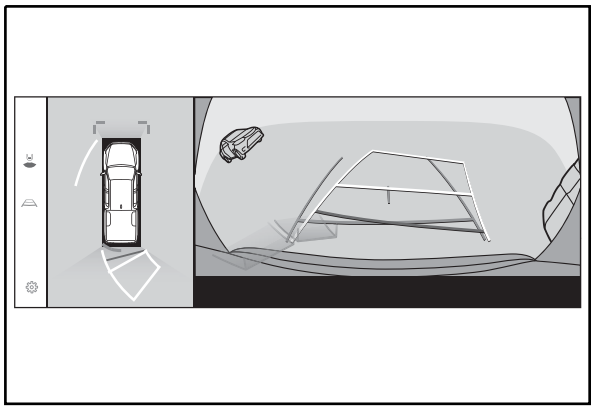
● Khi kiểm tra khu vực phía sau xe

▶ Màn hình góc nhìn phía sau và màn hình toàn cảnh



→P.345

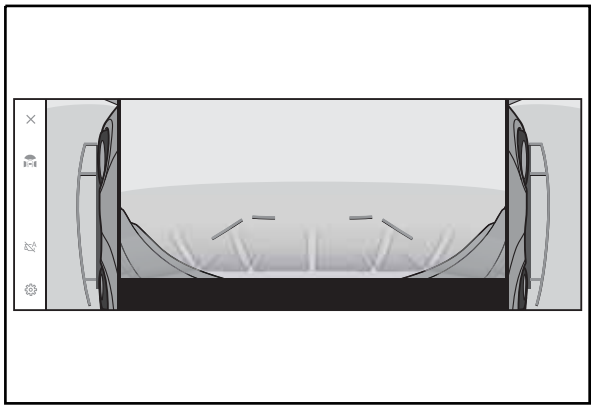
▶ Màn hình góc rộng phía sau và màn hình toàn cảnh



→P.345

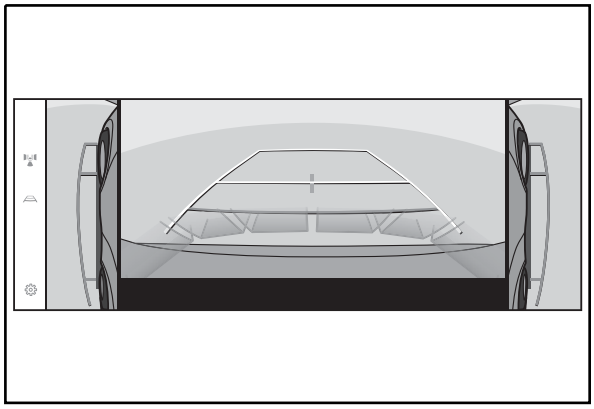
● Khi gập gương chiếu hậu bên ngoài xe

▶ Màn hình góc nhìn bên & Màn hình góc rộng phía trước



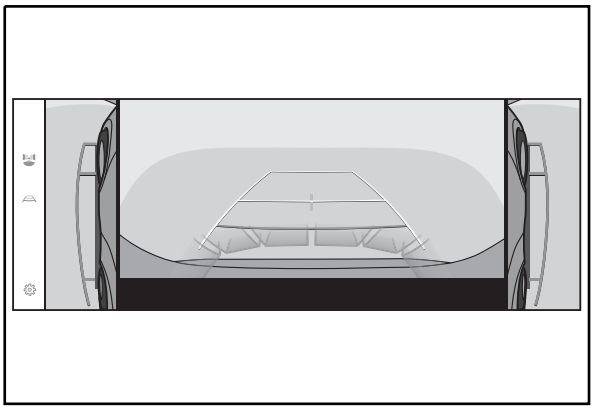
→P.353

▶ Chế độ quan sát hai bên hông xe và góc nhìn phía sau



→P.353

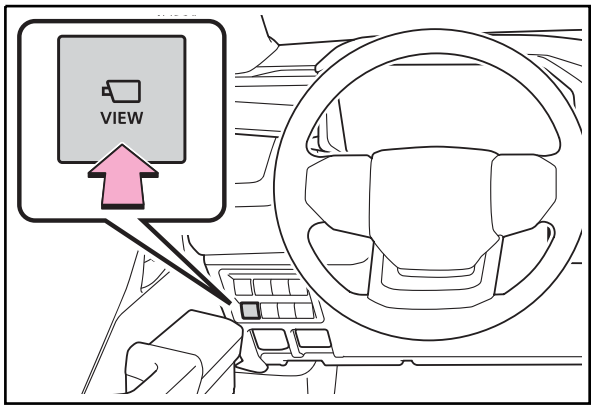
▶ Màn hình góc nhìn bên & góc nhìn ở góc rộng phía sau



→P.353

Công tắc Camera

Công tắc camera có vị trí như chỉ ra trong hình vẽ.

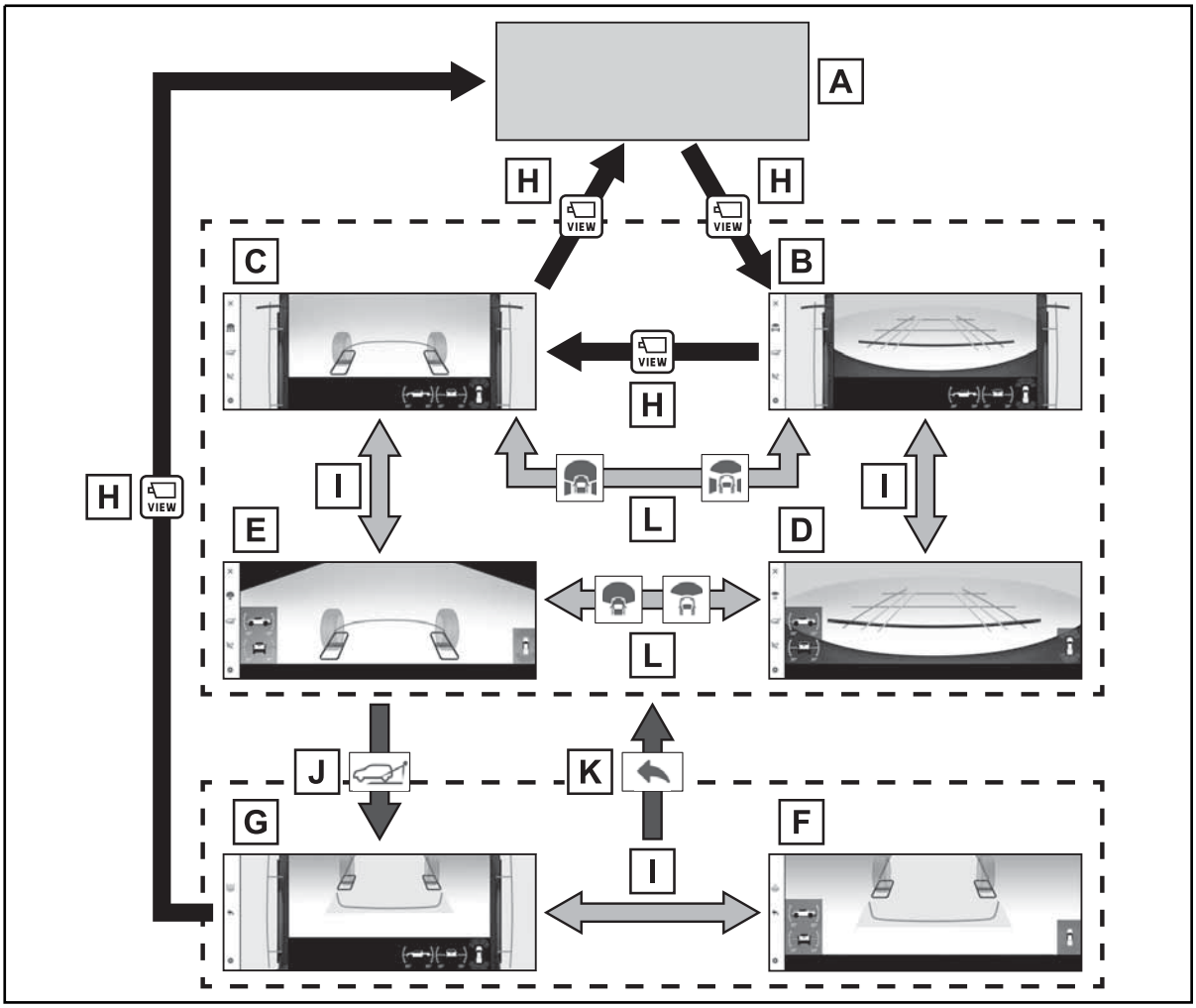


Cách bật màn hình

Khi bạn nhấn nút CAMERA trong khi công tắc động cơ ở chế độ ON, màn hình hiển thị hoạt động.
Màn hình hiển thị các góc nhìn khác nhau về vị trí của xe. (Dưới đây là một ví dụ)

Công tắc điều khiển dẫn động cầu trước ở 4L hoặc 4H và Chọn đa địa hình bật

n Khi cần số ở vị trí P, D hoặc N



A Màn hình của hệ thống dẫn đường, màn hình của hệ thống âm thanh...

B Màn hình phía trước và màn hình quan sát hai bên hông xe

C Màn hình quan sát mặt đường và hai bên hông xe

D Màn hình phía trước (phóng to)

E Màn hình quan sát mặt đường (phóng to)

F Màn hình quan sát mặt đường (bánh sau) (phóng to)

G Màn hình hai bên hông xe và màn hình quan sát mặt đường (bánh sau):

H Ấn công tắc camera

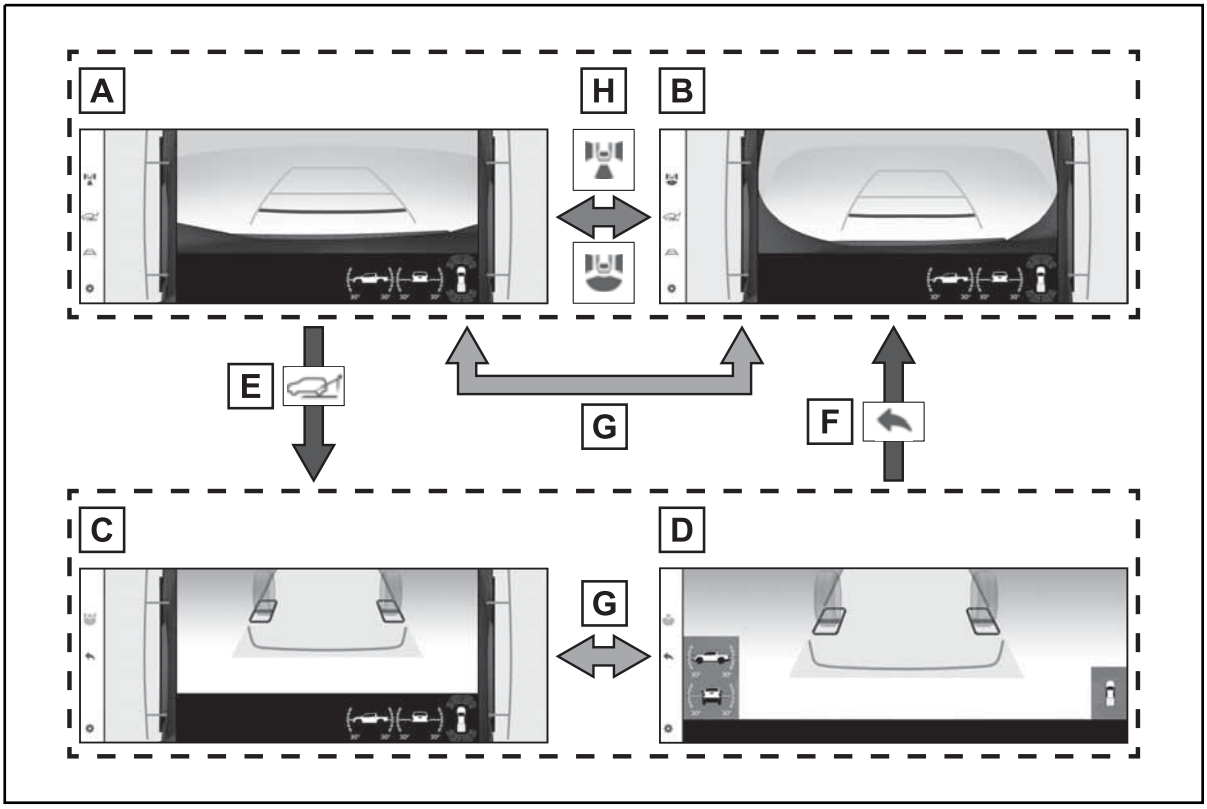
I Chạm vào màn hình theo dõi đa địa hình

J Chạm vào nút màn hình quan sát mặt đường (bánh sau)

K Chạm vào nút quay lại

L Chạm vào nút chuyển chế độ hiển thị

n **Khi cần số ở vị trí R**



A Màn hình góc nhìn phía sau và màn hình quan sát hai bên hông xe

B Màn hình góc rộng phía sau và màn hình quan sát hai bên hông xe

C Màn hình quan sát mặt đường (phía sau) và hai bên hông xe

D Màn hình quan sát mặt đường (phía sau)(phóng to)

E Chạm vào nút màn hình quan sát mặt đường (bánh sau)

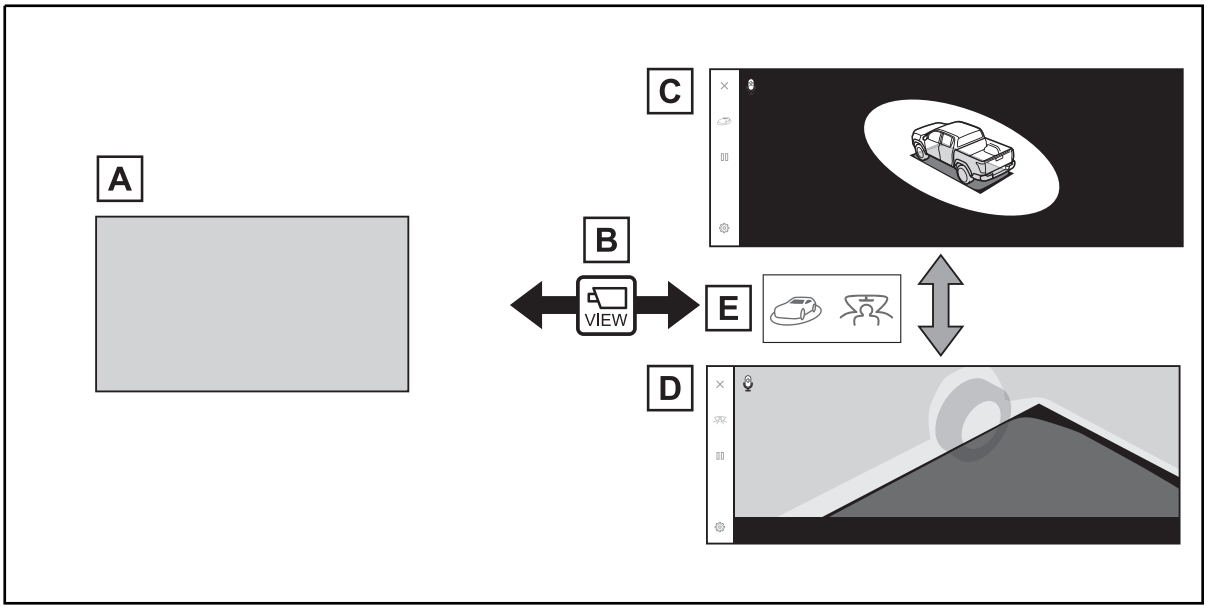
F Chạm vào nút quay lại

G Chạm vào màn hình theo dõi đa địa hình

H Chạm vào nút chuyển chế độ hiển thị

Công tắc điều khiển cầu trước ở 2H hoặc 4H và chọn đa địa hình tắt.

n **Khi cần số ở vị trí P**



A Màn hình của hệ thống dẫn đường, màn hình của hệ thống âm thanh...

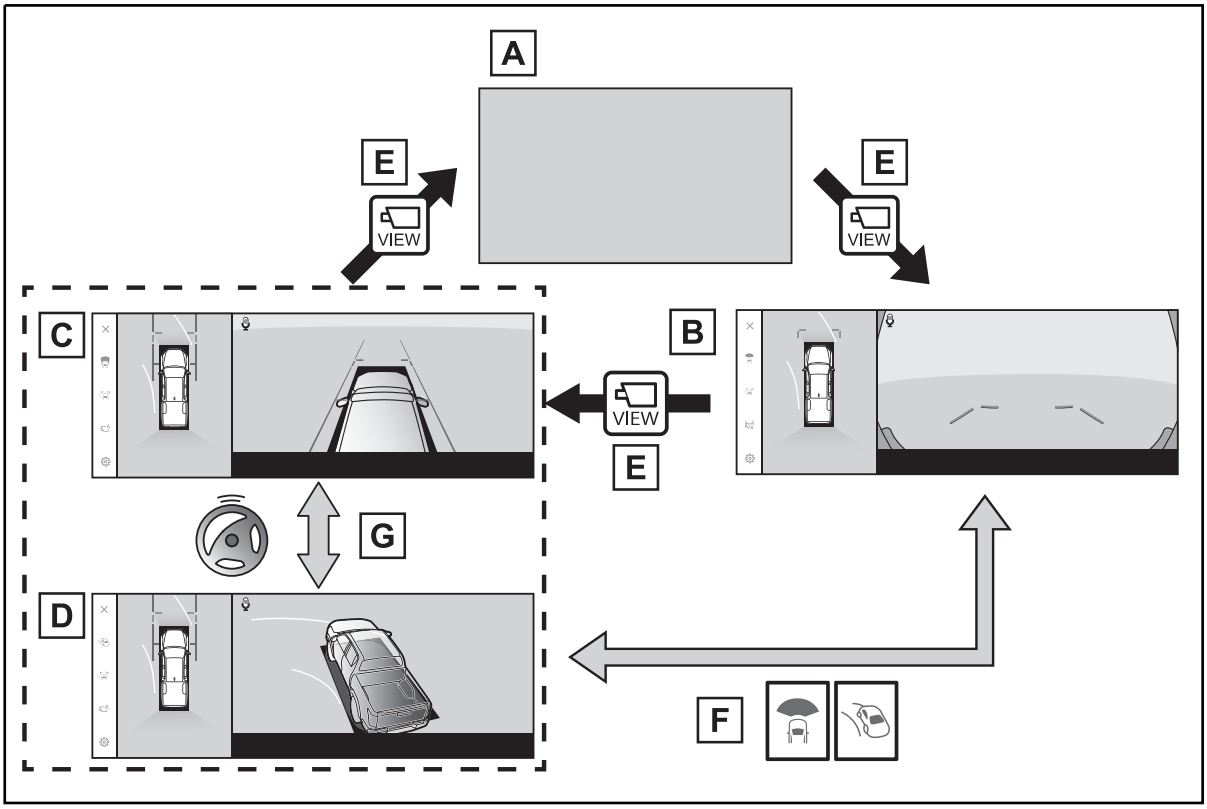
B Ấn công tắc camera

C Màn hình quan sát khi di chuyển của xe

D Màn hình góc nhìn xuyên

E Chạm vào nút chuyển chế độ hiển thị

n Khi cần số ở vị trí D hoặc N



A Màn hình của hệ thống dẫn đường, màn hình của hệ thống âm thanh...

B Màn hình góc nhìn toàn cảnh và màn hình góc rộng phía trước

C Quan sát khoảng cách hai bên hông xe & góc nhìn toàn cảnh

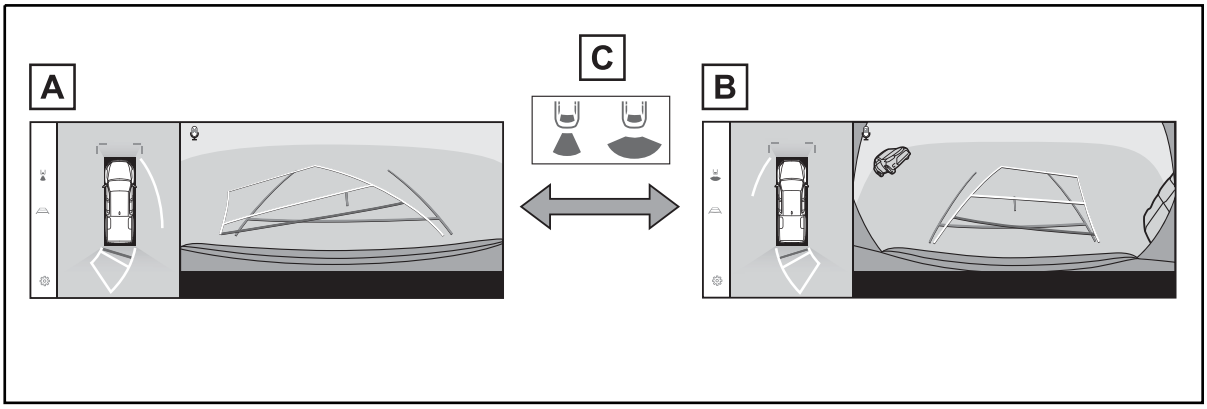
D Chế độ góc nhìn khi vào cua & góc nhìn toàn cảnh

E Ấn công tắc camera

F Chạm vào nút chuyển chế độ hiển thị

G Khi người lái xoay vô lăng một góc từ 180 độ trở lên so với vị trí trung tâm (thẳng lái)

n Khi cần số ở vị trí R



A Màn hình góc nhìn phía sau và màn hình toàn cảnh

B Màn hình góc rộng phía sau và màn hình toàn cảnh

C Chạm vào nút chuyển chế độ hiển thị

n Hiển thị của màn hình theo dõi đa địa hình

- Thời gian màn hình theo dõi đa địa hình được hiển thị sẽ thay đổi như sau tùy vào tốc độ xe tại thời điểm ấn công tắc camera.
- Màn hình theo dõi địa hình sẽ được hiển thị nếu tốc độ xe chỉ từ 20 km/h trở xuống khi ấn công tắc camera.
- Nếu tốc độ xe vượt quá 20 km/h, chức năng theo dõi đa địa hình sẽ bị hủy.
- Có thể lưu chế độ hiển thị các đường chỉ dẫn và các cài đặt hiển thị khác bằng cách đăng ký hồ sơ người dùng.
- Hệ thống điều khiển bằng giọng nói có thể được sử dụng để hiển thị màn hình Multi-terrain Monitor, thay đổi chế độ màn hình và cho các hoạt động khác.*

*: Những chức năng này không khả dụng ở một vài nước hoặc khu vực.

Chức năng và hiển thị màn hình (Công tắc điều khiển dẫn động cầu trước ở 4L hoặc 4H và chọn đa địa hình bật)

Các màn hình khác nhau hiển thị thông tin để hỗ trợ các tình huống lái xe khác nhau, như khi kiểm tra các vận cản khi xe đi tiến hoặc lùi, hoặc khi đánh giá điều kiện mặt đường trong khi lái xe địa hình.

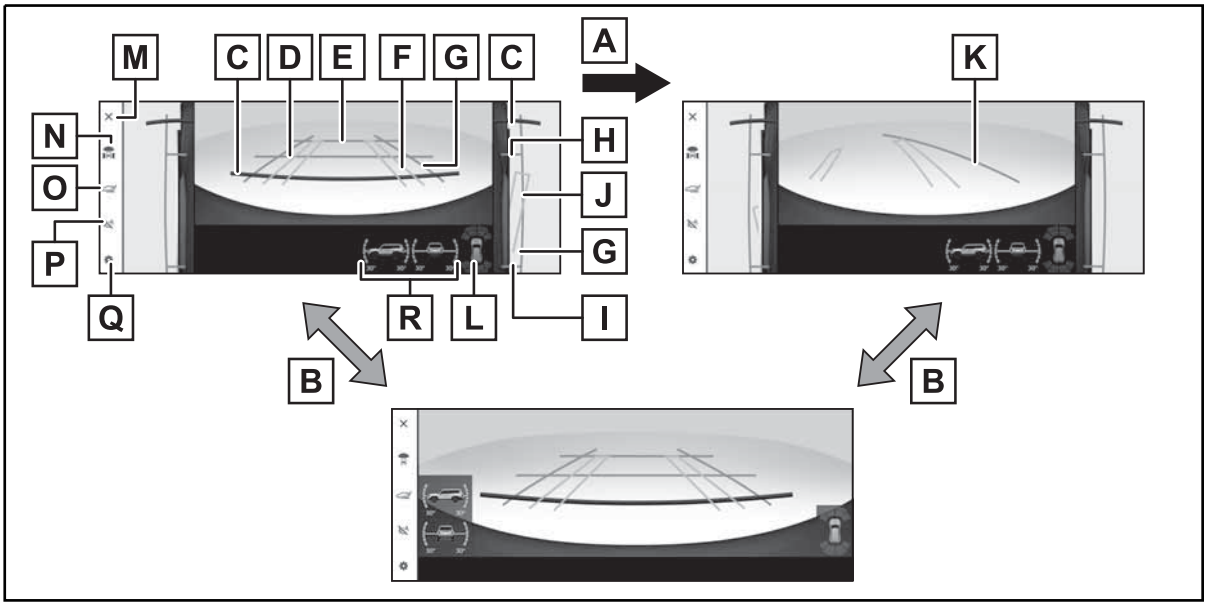
Màn hình phía trước và màn hình quan sát hai bên hông xe

Có thể sử dụng màn hình phía trước & màn hình quan sát hai bên hông xe để kiểm tra khu vực phía trước của xe.

Để hiển thị màn hình, nhấn công tắc CAMERA khi vị trí cần số ở P, D hoặc N.

- Ngoài hình ảnh ở phía trước xe, các đường chỉ dẫn được hiển thị để cung cấp thông tin tham khảo khi ra quyết định hướng dịch chuyển về phía trước của xe.
- Nếu màn hình hiển thị được chạm vào, thì màn hình hiển thị bình thường sẽ chuyển sang màn hình hiển thị phóng to. (Chạm vào màn hình lần nữa sẽ đưa màn hình trở về hiển thị bình thường)
- Nếu xoay vô lăng xoay từ 270° trở lên, các đường chỉ dẫn và các tính năng khác để hỗ trợ đánh lái sẽ tự động hiển thị.

Màn hình hiển thị



A Nếu xoay vô lăng xoay từ 270° trở lên

B Chạm vào màn hình hiển thị

C Đường chỉ dẫn khoảng cách 0.5 m (màu đỏ)

D Đường chỉ dẫn khoảng cách 1 m (màu xanh dương)

E Đường chỉ dẫn khoảng cách 2 m (màu xanh dương)

Các hạng mục từ C đến E thông báo khoảng cách ước tính từ phần phía trước của xe.

F Đường đi của lốp trước (màu vàng)

Cho biết đường đi dự kiến của lốp trước theo vị trí vô lăng.

G Đường xác định bề rộng xe (màu xanh dương)

Chỉ ra bề rộng xe, bao gồm cả gương chiếu hậu bên ngoài.

H Đường tiếp xúc với lốp trước (màu xanh dương)

I Đường tiếp xúc với lốp sau (màu xanh dương)

Hạng mục số H và I chỉ ra vị trí lốp ước tính trên màn hình.

J Đường đi của lốp sau (màu vàng)

Chỉ ra đường đi dự kiến của lốp sau.

K Đường chỉ dẫn chuyển động về phía trước (màu xanh dương)

Chỉ ra đường đi dự kiến của lốp khi vòng quay hẹp nhất có thể.

L Hiển thị cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota

Chỉ báo việc lốp trượt bằng cách thay đổi màu sắc và nhấp nháy hình ảnh lốp. Nếu cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota phát hiện một vật cố định khi hệ thống được kích hoạt, chỉ báo sẽ được hiển thị trên màn hình. (→P.322)

M Nút tắt hiển thị

Thay đổi màn hình về màn hình hiển thị trước đó, như màn hình hệ thống âm thanh.

N Nút chuyển chế độ hiển thị

Chuyển chế độ hiển thị mỗi khi chạm vào nút này.

O Nút chọn màn hình quan sát mặt đường (bánh sau)

Chuyển chế độ màn hình hông xe và màn hình quan sát mặt đường (bánh sau) và màn hình hai bên hông xe (→P.326)

P Nút hiển thị tự động

→P.322

Q Tùy chọn cá nhân nút cài đặt

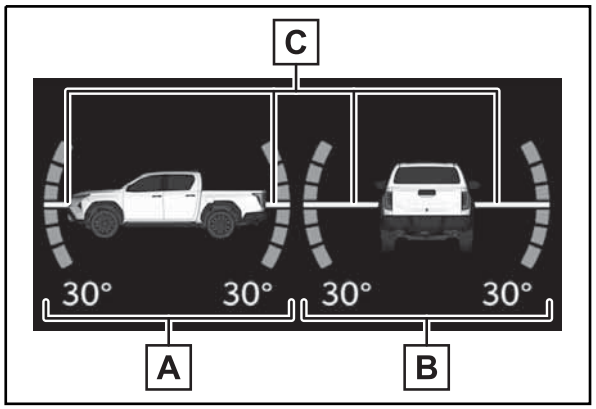
Thay đổi các cài đặt, chẳng hạn như tự động hiển thị chế độ quan sát khi vào cua, màu của thân xe, khoảng cách phát hiện của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota. (→P.357)

R Hiển thị góc nghiêng và lật (Hiển thị đồng hồ đo độ nghiêng)

Hiển thị độ nghiêng dự kiến của xe. (→P.321)

n **Hiển thị góc nghiêng và lật (Hiển thị đồng hồ đo độ nghiêng)**

Hiển thị độ nghiêng xe về phía trước, phía sau, bên trái và bên phải trong phạm vi từ 0° đến khoảng 30°.



A Đánh dấu độ nghiêng về phía trước và phía sau của xe

Cho biết độ nghiêng của xe về phía trước và phía sau.

B Đánh dấu độ nghiêng sang trái và sang phải

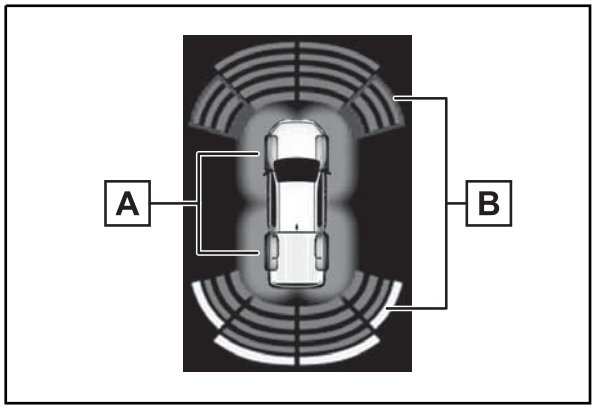
Cho biết độ nghiêng của xe về phía bên trái và bên phải.

C Điểm cân bằng

Cho biết độ nghiêng của xe so với đường song song.

n **Hiển thị cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota**

Chỉ ra lốp đang quay trơn khi phát hiện lốp quay trơn.



A Biểu tượng "Lốp xe"

Lốp đang quay trơn sẽ nhấp nháy màu cam.

B Màn hình pop-up của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota

Hiển thị nếu phát hiện vật cản khi cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota được kích hoạt.

Chế độ hiển thị tự động

Ngoài việc sử dụng công tắc CAMERA để chuyển màn hình, bạn có thể sử dụng chế độ hiển thị tự động. Ở chế độ này, màn hình sẽ tự động được chuyển tương ứng với tốc độ của xe.
Chế độ hiển thị tự động, màn hình sẽ tự động hiển thị các hình ảnh trong các trường hợp sau:

- Khi chạm vào nút hiển thị tự động , chế độ hiển thị tự động sẽ được bật.
- Bật chế độ hiển thị tự động sẽ tự động hiển thị các chế độ quan sát trong các trường hợp sau:
- Khi cần số ở vị trí D hoặc N
- Xe giảm tốc xuống dưới 10 km/h (vị trí số ở ngoài vị trí R)

n **Màn hình phía trước và màn hình quan sát hai bên hông xe**

Màn hình có thể được hiển thị khi vị trí số ở P, D hoặc N.

n **Hiển thị góc nghiêng và lật (Hiển thị đồng hồ đo độ nghiêng)**

- Màn hình này cho biết độ nghiêng của xe tính được hiển thị bằng sự dịch chuyển của điểm cân bằng và độ xoay của hình ảnh xe.
- Màu sắc của các điểm đánh dấu độ nghiêng về phía trước, phía sau, bên trái và bên phải sẽ thay đổi theo độ nghiêng hiện tại của xe.

- Sau khi công tắc động cơ được bật ON, độ nghiêng sẽ không hiển thị cho đến khi thông tin đó được xác định.
- Độ nghiêng xe được hiển thị trên Pitch & Roll (màn hình hiển thị Inclinometer) chỉ là chỉ số tương đối, nó có thể khác so với độ nghiêng đo được trên các thiết bị khác.
- Khi độ nghiêng vượt quá 30°, điểm cân bằng sẽ được hiển thị vượt quá 30°.
- Nếu hệ thống gặp sự cố, hình ảnh và chỉ báo xe không hiển thị. Trong trường hợp này, hãy yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

n Màn hình độ trượt

Nếu hệ thống gặp sự cố, biểu tượng lốp sẽ không được hiển thị. Trong trường hợp này, hãy yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

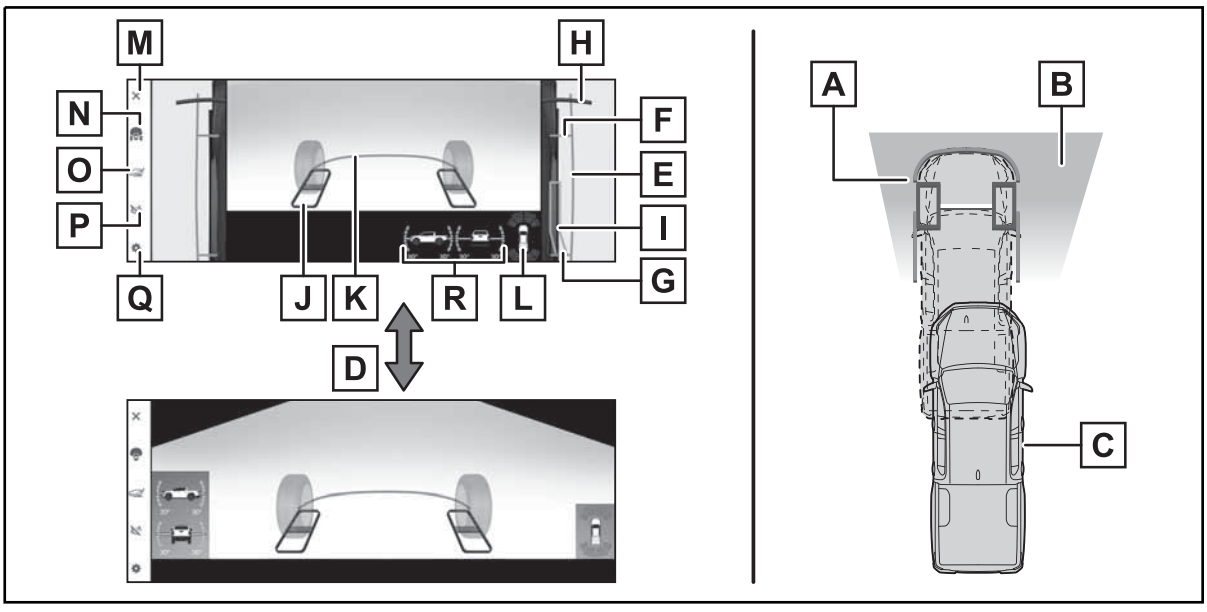
Màn hình quan sát mặt đường và hai bên hông xe

Đường chỉ dẫn chỉ ra vị trí xe và bánh xe hiện tại được hiển thị ở chế độ tổng hợp trên hình ảnh chụp từ phía sau vị trí xe hiện tại và hỗ trợ người lái để kiểm tra tình trạng phía dưới xe hoặc xác định vị trí của các bánh trước.

Để hiển thị màn hình, nhấn công tắc CAMERA khi vị trí cần số ở P, D hoặc N.

- Cần lái xe trong quãng đường nhất định hoặc xa hơn để hình ảnh được hiển thị.
- Nếu màn hình hiển thị được chạm vào, thì màn hình hiển thị bình thường sẽ chuyển sang màn hình hiển thị phóng to. (Chạm vào màn hình lần nữa sẽ đưa màn hình trở về hiển thị bình thường)

Màn hình hiển thị



A Vị trí hiện tại của xe

B Hình ảnh được hiển thị màn hình quan sát mặt đường (hình ảnh được chụp vị trí xe hiện tại)

C Vị trí xe ở thời điểm hình ảnh chụp trước đó (phía sau vị trí hiện tại)

D Chạm vào màn hình hiển thị

E Đường xác định bề rộng xe (màu xanh dương)

Chỉ ra bề rộng xe, bao gồm cả gương chiếu hậu bên ngoài.

F Đường tiếp xúc với lốp trước (màu xanh dương)

G Đường tiếp xúc với lốp sau (màu xanh dương)

Hạng mục số F và G chỉ ra vị trí lốp ước tính trên màn hình.

H Đường chỉ dẫn khoảng cách 0.5 m (màu đỏ, màu đen)

Thông báo khoảng cách ước tính từ phần phía trước của xe.

I Đường đi của lốp sau (màu vàng)

Chỉ ra đường đi dự kiến của lốp sau.

J Các đường chỉ báo vị trí lốp (màu đen, màu trắng)

Chỉ ra vị trí ước tính của lốp trước.

K Đường chỉ báo vị trí xe (màu xanh dương)

Chỉ ra vị trí ước tính của xe.

L Hiển thị cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota

Chỉ báo việc lốp trượt bằng cách thay đổi màu sắc và nhấp nháy hình ảnh lốp. Nếu cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota phát hiện một vật cố định khi hệ thống được kích hoạt, chỉ báo sẽ được hiển thị trên màn hình. (→P.322)

M Nút tắt hiển thị

Thay đổi màn hình về màn hình hiển thị trước đó, như màn hình hệ thống âm thanh.

N Nút chuyển chế độ hiển thị

Chuyển chế độ hiển thị mỗi khi chạm vào nút này.

O Nút chọn màn hình quan sát mặt đường (bánh sau)

Chuyển chế độ màn hình hông xe và màn hình quan sát mặt đường (bánh sau) và màn hình hai bên hông xe (→P.326)

P Nút hiển thị tự động

→P.325

Q Tùy chọn cá nhân nút cài đặt

Thay đổi các cài đặt, chẳng hạn như tự động hiển thị chế độ quan sát khi vào cua, màu của thân xe, khoảng cách phát hiện của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota. (→P.357)

R Hiển thị góc nghiêng và lật (Hiển thị đồng hồ đo độ nghiêng)

Hiển thị độ nghiêng dự kiến của xe. (→P.321)

Chế độ hiển thị tự động

Ngoài việc sử dụng công tắc camera để chuyển màn hình, bạn có thể sử dụng chế độ hiển thị tự động. Ở chế độ này, màn hình sẽ tự động được chuyển tương ứng với tốc độ của xe.

Màn hình sẽ tự động hiển thị các hình ảnh ở chế độ tự động trong các trường hợp sau:

- Khi chạm vào nút hiển thị tự động , chế độ hiển thị tự động sẽ được bật.
- Bật chế độ hiển thị tự động sẽ tự động hiển thị các chế độ quan sát trong các trường hợp sau:

• Khi cần số ở vị trí D hoặc N
• Xe giảm tốc xuống dưới 10 km/h (vị trí số ở ngoài vị trí R)

n Màn hình quan sát mặt đường và hai bên hông xe

l Màn hình có thể được hiển thị khi vị trí số ở P, D hoặc N.

l Trong các tình huống sau dây, màn hình quan sát mặt đường sẽ biến mất.
• Khi xe được lái với vô lăng được xoay hết sang một bên.
• Sau khi động cơ khởi động hoặc hệ thống trở về bình thường, xe chưa chạy quá quãng đường nhất định
• Khi lốp xe bị trượt hoặc bị quay trơn
• Hệ thống ABS được kích hoạt
• Khi hệ thống bị trục trặc

l Nếu các gương chiếu hậu bên ngoài được gập lại trong khi màn hình quan sát mặt đường được hiển thị, hiển thị màn hình rời.

l Nếu xe được lái với vô lăng quay đến một góc nhất định hoặc lớn hơn, thì một phần của màn hình có thể biến mất. Tuy nhiên, đó là hiện tượng bình thường.

l Trong các trường hợp sau, hệ thống sẽ không hoạt động bình thường.
• Khi đường bị phủ tuyết
• Khi có bóng do nguồn ánh sáng như mặt trời hoặc độ sáng
• Khi lái trên đường trơn trượt hoặc bánh xe đang quay
• Khi ống kính camera bị bẩn hoặc bị có dị vật
• Khi có nước ở phía trước xe (sông, nước biển, vũng nước…)
• Khi lắp thiết bị tùy chọn
• Khi camera bị che khuất hoặc có một vật thể cản phạm vi chụp hình
• Khi đã thay lốp
• Khi cửa sau thùng xe đang mở
• Khi đánh lái nhiều hơn góc lái chỉ định
• Trên đường không bằng phẳng, như lên dốc

l Khi tầm nhìn được ghi lại trong quá khứ được hiển thị, màn hình và tình huống thực tế có thể khác nhau trong các trường hợp sau:
• Một chướng ngại vật xuất hiện hoặc

di chuyển sau khi tầm nhìn được ghi lại.
- Cát hoặc tuyết bay ra hoặc di chuyển sau khi tầm nhìn được ghi lại.
- Bùn hoặc vũng nước nằm trong phạm vi hiển thị.
- Khi xe bị trượt.

CẢNH BÁO

n **Các đường chỉ dẫn**

Các đường dẫn chỉ báo vị trí lốp và vị trí xe có thể khác so với vị trí xe thực tế tùy theo số lượng hành khách, hành lý, cấp đường, điều kiện mặt đường, độ sáng của môi trường xung quanh, xe có được trang bị lốp hoặc các chi tiết của hệ thống treo hay không, vv.... Luôn luôn lái xe cẩn thận đồng thời xác nhận an toàn xung quanh xe.

CẢNH BÁO

n **Màn hình quan sát mặt đường**

Hình ảnh được hiển thị được chụp trước đó tại vị trí cách phía sau vị trí hiện tại của xe. Trong trường hợp như khi các vật thể di chuyển sau khi chụp hình ảnh, ảnh được hiển thị trên màn hình có thể khác với tình trạng thực tế. Hơn nữa, khi lái xe dưới trời tối như ban đêm trong một số trường hợp không thể xác nhận được hình ảnh của các vật thể.

Màn hình hai bên hông xe và màn hình quan sát mặt đường (bánh sau):

Đường chỉ dẫn chỉ ra vị trí xe và bánh xe hiện tại được hiển thị ở chế độ tổng hợp trên hình ảnh chụp từ phía sau vị trí xe hiện tại và hỗ trợ cho người lái để kiểm tra tình trạng phía dưới xe hoặc xác định vị trí của các bánh sau.

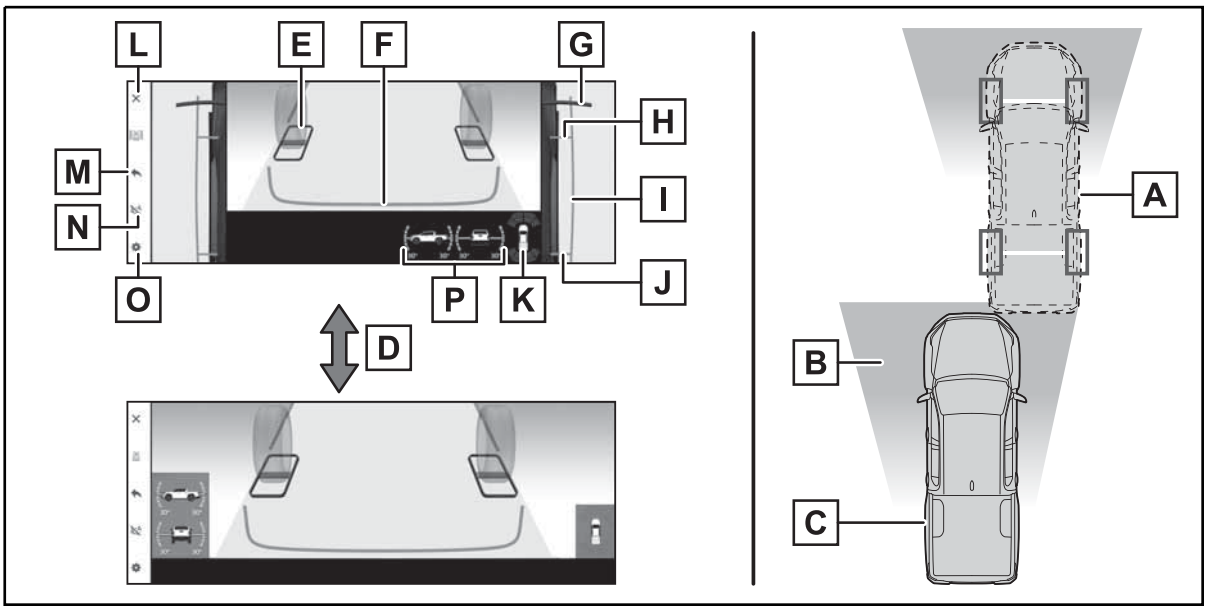
Để hiển thị màn hình, nhấn công tắc CAMERA khi vị trí cần số ở P, D hoặc N, chọn công tắc chọn chế độ quan sát dưới xe (bánh sau).

- Cần lái xe trong quãng đường nhất định hoặc xa hơn để hình ảnh

được hiển thị.

- Nếu màn hình hiển thị được chạm vào, thì màn hình hiển thị bình thường sẽ chuyển sang màn hình hiển thị phóng to. (Chạm vào màn hình lần nữa sẽ đưa màn hình trở về hiển thị bình thường)

Màn hình hiển thị



A Vị trí hiện tại của xe

B Hình ảnh được hiển thị màn hình quan sát mặt đường (bánh sau) (hình ảnh được chụp vị trí xe hiện tại)

C Vị trí xe ở thời điểm hình ảnh chụp trước đó (phía sau vị trí hiện tại)

D Chạm vào màn hình hiển thị

E Các đường chỉ báo vị trí lốp (màu đen, màu trắng)

Chỉ ra vị trí dự kiến của các bánh xe phía sau.

F Đường chỉ báo vị trí xe (màu xanh dương)

Chỉ ra vị trí ước tính của xe.

G Đường chỉ dẫn khoảng cách 0.5 m (màu đỏ, màu đen)

Thông báo khoảng cách ước tính từ phần phía trước của xe.

H Đường tiếp xúc với lốp trước (màu xanh dương)

Chỉ ra vị trí các lốp dự kiến trên hình.

I Đường xác định bề rộng xe (màu xanh dương)

Chỉ ra bề rộng xe, bao gồm cả gương chiếu hậu bên ngoài.

J Đường tiếp xúc với lốp sau (màu xanh dương)

Chỉ ra vị trí các lốp dự kiến trên hình.

K Hiển thị cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota

Chỉ báo việc lốp trượt bằng cách thay đổi màu sắc và nhấp nháy hình ảnh lốp. Nếu cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota phát hiện một vật cố định khi hệ thống được kích hoạt, chỉ báo sẽ được hiển thị trên màn hình. (→P.322)

L Nút tắt hiển thị

Thay đổi màn hình về màn hình hiển thị trước đó, như màn hình hệ thống âm thanh.

M Nút quay lại

Trở về màn hình trước đó

N Nút hiển thị tự động

→P.328

O Tùy chọn cá nhân nút cài đặt

Thay đổi các cài đặt, chẳng hạn như tự động hiển thị chế độ quan sát khi vào cua, màu của thân xe, khoảng cách phát hiện của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota. (→P.357)

P Hiển thị góc nghiêng và lật (Hiển thị đồng hồ đo độ nghiêng)

Hiển thị độ nghiêng dự kiến của xe. (→P.321)

Chế độ hiển thị tự động

Ngoài việc chuyển màn hình bằng cách sử dụng công tắc camera, chế độ hiển thị tự động khả dụng. Ở chế độ này, màn hình sẽ tự động được chuyển tương ứng với tốc độ của xe. Trong chế độ hiển thị tự động, màn hình sẽ tự động hiển thị trong các trường hợp sau:

- Khi chạm vào nút hiển thị tự động , chế độ hiển thị tự động sẽ được bật.
- Bật chế độ hiển thị tự động sẽ tự động hiển thị các chế độ quan sát trong các trường hợp sau:
  - Khi cần số ở vị trí D hoặc N
  - Xe giảm tốc xuống dưới 10 km/h (vị trí số ở ngoài vị trí R)

n Màn hình quan sát mặt đường (bánh sau)

l Màn hình có thể được hiển thị khi vị trí số ở P, D hoặc N.

l Trong các tình huống sau đây, hiển thị của màn hình quan sát mặt đường (bánh sau) kết thúc, nếu tốc độ xe từ xấp xỉ 5 km/h trở lên, màn hình sẽ tự động trở về màn hình hiển thị camera gần nhất. Hơn nữa, công tắc chọn màn hình quan sát mặt đường (bánh sau) không thể hoạt động được cho đến khi hiển thị

được màn hình tiếp theo.
- Khi tốc độ xe đạt xấp xỉ 5 km/h hoặc lớn hơn
- Khi xe được lái với vô lăng được xoay hết sang một bên.
- Khi lốp xe bị trượt hoặc bị quay trơn
- Hệ thống ABS được kích hoạt
- Khi hệ thống bị trục trặc
- Khi đánh lái nhiều hơn góc lái chỉ định

l Nếu các gương chiếu hậu bên ngoài được gập lại trong khi màn hình quan sát mặt đường (bánh sau) được hiển thị, nó sẽ hiển thị màn hình rời.

l Nếu xe được lái với vô lăng quay đến một góc nhất định hoặc lớn hơn, thì một phần của màn hình có thể biến mất. Tuy nhiên, đó là hiện tượng bình thường.

l Trong các tình huống sau đây, hệ thống không thể hoạt động bình thường hoặc không thể chuyển sang được màn hình quan sát mặt đường (bánh sau). Hơn nữa, công tắc chọn màn hình quan sát mặt đường (bánh sau) không thể hoạt động được cho đến khi hiển thị được màn hình tiếp theo.
- Khi đường bị phủ tuyết
- Khi có bóng do nguồn ánh sáng như mặt trời hoặc độ sáng
- Khi lái trên đường trơn trượt hoặc bánh xe đang quay
- Khi ống kính camera bị bẩn hoặc bị có dị vật
- Khi có nước ở phía trước xe (sông, nước biển, vũng nước…)
- Khi lắp thiết bị tùy chọn
- Khi camera bị che khuất hoặc có một vật thể cản phạm vi chụp hình
- Khi đã thay lốp
- Khi cửa sau thùng xe đang mở
- Khi đánh lái nhiều hơn góc lái chỉ định
- Trên đường không bằng phẳng, như lên dốc

l Khi tầm nhìn được ghi lại trong quá khứ được hiển thị, màn hình và tình huống thực tế có thể khác nhau trong các trường hợp sau:
- Một chướng ngại vật xuất hiện hoặc di chuyển sau khi tầm nhìn được ghi lại.
- Cát hoặc tuyết bay ra hoặc di chuyển sau khi tầm nhìn được ghi lại.
- Bùn hoặc vũng nước nằm trong phạm vi hiển thị.
- Khi xe bị trượt.

CẢNH BÁO

n **Các đường chỉ dẫn**

Các đường dẫn chỉ báo vị trí lốp và vị trí xe có thể khác so với vị trí xe thực tế tùy theo số lượng hành khách, hành lý, cấp đường, điều kiện mặt đường, độ sáng của môi trường xung quanh, xe có được trang bị lốp hoặc các chi tiết của hệ thống treo hay không, vv....
Luôn luôn lái xe cẩn thận đồng thời xác nhận an toàn xung quanh xe.

n **Hiển thị màn hình quan sát mặt đường (bánh sau)**

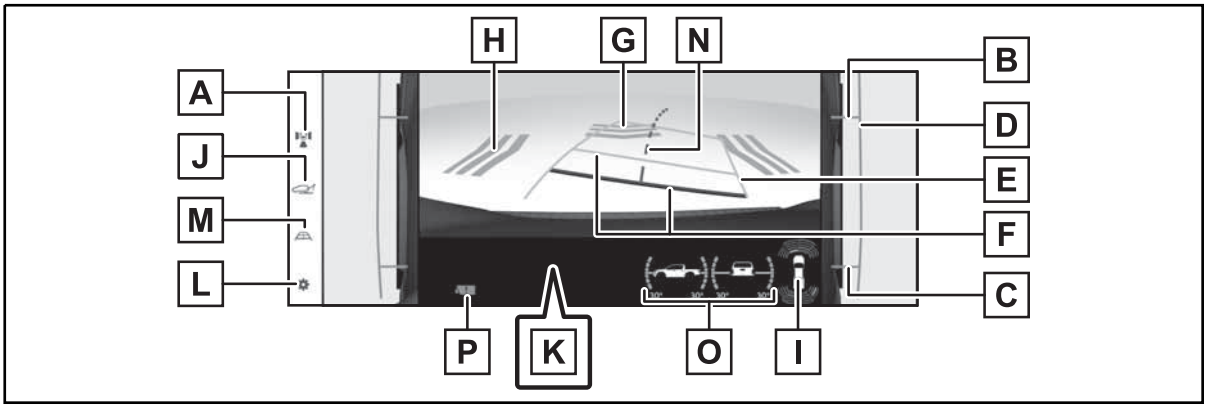
Hình ảnh được hiển thị được chụp trước đó tại vị trí cách phía sau vị trí hiện tại của xe. Trong trường hợp như khi các vật thể di chuyển sau khi chụp hình ảnh, ảnh được hiển thị trên màn hình có thể khác với tình trạng thực tế. Hơn nữa, khi lái xe dưới trời tối như ban đêm trong một số trường hợp không thể xác nhận được hình ảnh của các vật thể.

Màn hình quan sát phía sau & màn hình quan sát hai bên hông xe/màn hình quan sát góc rộng phía sau & màn hình quan sát hai bên hông xe

Màn hình quan sát phía sau và màn hình quan sát hai bên hông xe, màn hình góc rộng phía sau và góc nhìn hai bên sẽ hỗ trợ người lái kiểm tra khu vực phía sau xe và xung quanh xe khi lùi xe, ví dụ như trong khi đang đỗ xe.

Màn hình sẽ hiển thị khi vị trí số ở R.

Màn hình hiển thị



A Nút chuyển chế độ hiển thị

Sẽ thay đổi chế độ hiển thị mỗi khi bạn chạm vào nút này.

B Đường tiếp xúc với lốp trước (màu xanh dương)

C Đường tiếp xúc với lốp sau (màu xanh dương)

Hạng mục số B và C chỉ ra vị trí lốp ước tính trên màn hình.

D Đường chỉ dẫn bề rộng kéo dài của xe (màu xanh dương)

Cho biết chiều rộng ước tính của xe bao gồm gương chiếu hậu bên ngoài xe.

E Các đường đi dự kiến (màu vàng)

Cho biết đường đi dự kiến của xe theo vị trí của vô lăng.

F Đường chỉ dẫn khoảng cách

Chỉ ra khoảng cách phía sau xe khi xoay vô lăng.

- Đường chỉ dẫn khoảng cách được liên kết với các đường đi dự kiến của xe.
- Hiển thị cách điểm chính giữa của mép cản sau khoảng 0,5 m (màu đỏ) và 1 m (màu vàng).

G Chức năng phát hiện bằng camera phía sau (RCD)

Tự động hiển thị khi phát hiện được người đi bộ.

H Hệ thống RCTA (Cảnh báo có phương tiện chạy cắt ngang phía sau)/Hệ thống RCD (Phát hiện bằng camera phía sau)

Chỉ báo sẽ được hiển thị trên màn hình trong các trường hợp sau.

- Khi radar phía sau phát hiện thấy có một xe đang tiến đến gần hoặc có một chướng ngại vật từ phía sau
- Khi camera phía sau phát hiện thấy có người đi bộ ở phía sau xe

I Hiển thị cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota

Chỉ báo việc lốp trượt bằng cách thay đổi màu sắc và nhấp nháy hình ảnh lốp. Nếu cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota phát hiện một vật cố định khi hệ thống được kích hoạt, chỉ báo sẽ được hiển thị trên màn hình. (→P.322)

J Nút chọn màn hình quan sát mặt đường (phía sau)

Chuyển chế độ màn hình quan sát mặt đường (phía sau) và màn hình hai bên hông xe. (→P.333)

K Phanh hỗ trợ đỗ xe (PKSB)

Nếu phát hiện vật cản có khả năng va chạm, một thông điệp (ví dụ: "BRAKE!") sẽ được hiển thị trên màn hình.

L Tùy chọn cá nhân nút cài đặt

Thay đổi các cài đặt, chẳng hạn như tự động hiển thị chế độ quan sát khi vào cua, màu của thân xe, khoảng cách phát hiện của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota. (→P.357)

M Nút chuyển đường chỉ dẫn

Chuyển chế độ hiển thị các đường chỉ dẫn mỗi khi bạn chạm vào nút này.

N Đường đi dự kiến của tâm xe

Hiển thị đường đi dự kiến tâm xe khi xoay vô lăng.

O Hiển thị góc nghiêng và lật (Hiển thị đồng hồ đo độ nghiêng)

Hiển thị độ nghiêng dự kiến của xe. (→P.321)

P Biểu tượng phát hiện bụi bẩn của camera

Biểu tượng này sẽ xuất hiện khi hệ thống phát hiện thấy có bụi bẩn trên camera.

---

n **Màn hình quan sát phía sau & màn hình quan sát hai bên hông xe/màn hình quan sát góc rộng phía sau & màn hình quan sát hai bên hông xe**

l Chức năng theo dõi sẽ bị hủy khi vị trí cần số được chuyển tới một vị trí bất kỳ ngoài vị trí R.

l Vị trí hiển thị của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota và vị trí của các vật thể được hiển thị trên camera không khớp nhau.

n **Các đường chỉ dẫn**

Nếu cửa hậu không được đóng, các đường chỉ dẫn sẽ không xuất hiện. Nếu các đường chỉ dẫn vẫn không xuất hiện ngay cả khi cửa hậu đã được đóng, hãy đưa xe đến đại lý Toyota để kiểm tra.

CẢNH BÁO

n **Màn hình của cảm biến hỗ trợ đỗ xe**

Khi đèn chỉ báo cảm biến trên màn hình cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota sáng màu đỏ hoặc chuông báo kêu liên tục, hãy kiểm tra ngay xung quanh xe, không tiếp tục lùi xe cho đến khi đảm bảo an toàn, nếu không tai nạn có thể xảy ra.

n **Màn hình quan sát phía sau & màn hình quan sát hai bên hông xe/màn hình quan sát góc rộng phía sau & màn hình quan sát hai bên hông xe**

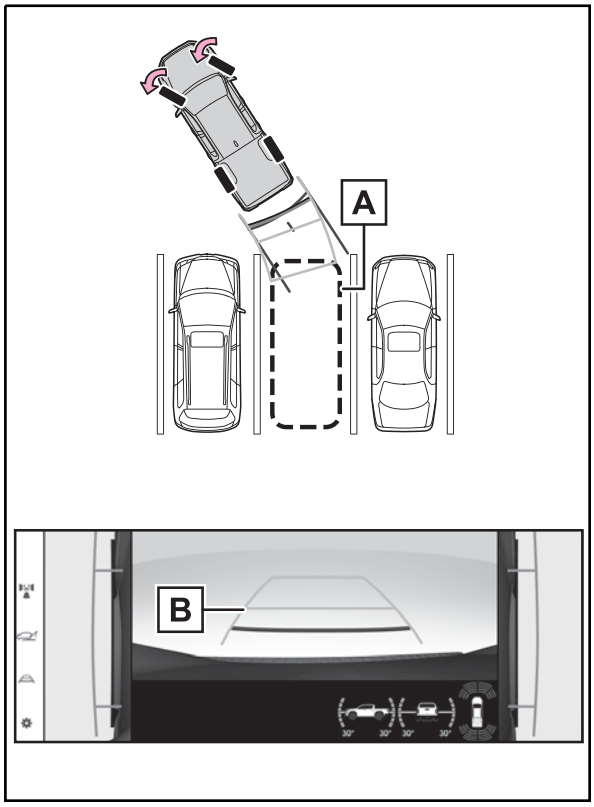
Khi màn hình cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota và màn hình RCTA (Rear Cross Traffic Alert) được hiển thị trên màn hình quan sát của camera, có thể khó xem được màn hình cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota và màn hình RCTA (Rear Cross Traffic Alert) do màu sắc và độ sáng của khu vực xung quanh.

Đỗ xe

Khi đỗ xe, hãy lùi xe vào khoang đỗ như trong hình minh họa, hướng của vô lăng sẽ được đảo lại.

1 Chuyển cần số sang vị trí R.

2 Xoay vô lăng để đường đi dự kiến nằm trong khoang đỗ xe, và lùi từ từ.

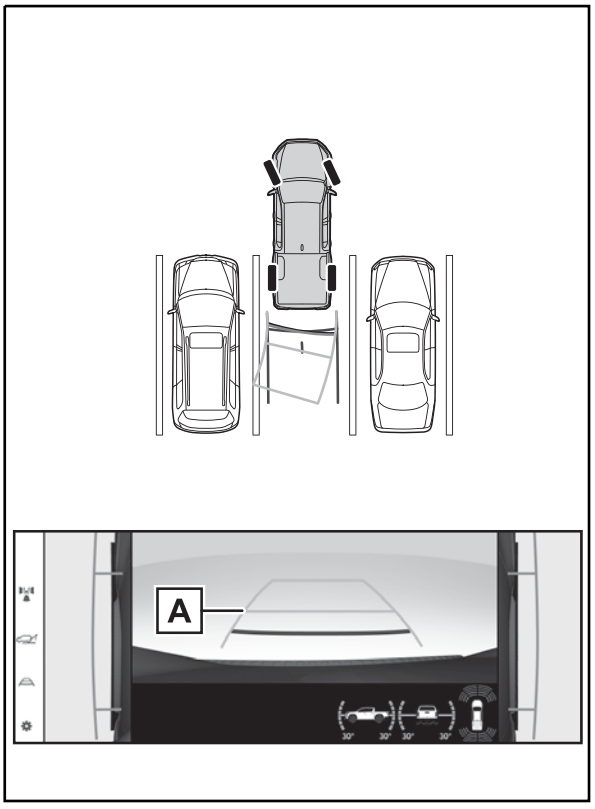


A Khoang đỗ xe

B Đường đi dự kiến

3 Khi vị trí phía sau của xe đã vào khoang đỗ xe, hãy xoay vô lăng để đường chỉ dẫn bề rộng của xe nằm trong vạch

chia khoang bên trái và bên phải của khoang đỗ xe.



A Đường đi dự kiến

4 Khi đường chỉ dẫn ước tính và vạch chia khoang đỗ xe song song với nhau, hãy đánh lái thẳng và lùi xe từ từ cho đến khi xe đã vào hẳn khoang đỗ xe.

5 Dừng xe ở một vị trí phù hợp và kết thúc việc đỗ xe.

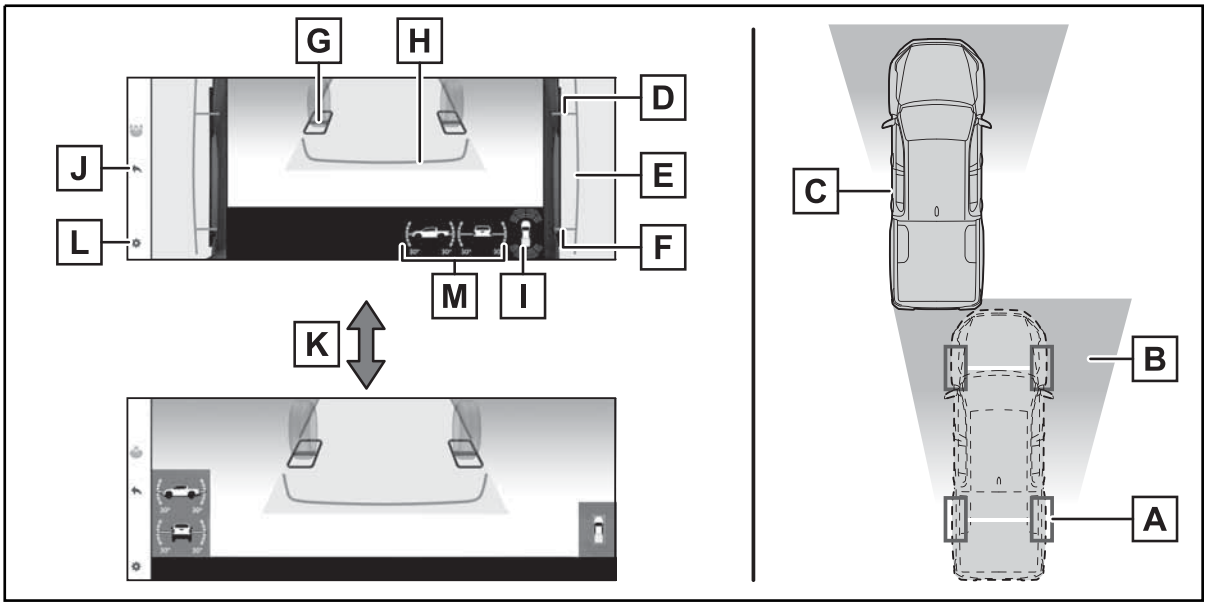
Màn hình quan sát mặt đường (phía sau) và hai bên hông xe

Các đường chỉ dẫn chỉ ra vị trí xe và bánh xe hiện tại được hiển thị trên chế độ xe tổng hợp trên hình ảnh chụp từ phía trước của vị trí xe hiện tại để hỗ trợ cho người lái biết tình trạng phía dưới xe hoặc xác định vị trí của các bánh sau.

Để hiển thị màn hình, khi vị trí cần số ở R, chọn công tắc bật màn hình quan sát mặt đường (phía sau).

- Cần lái xe trong quãng đường nhất định hoặc xa hơn để hình ảnh được hiển thị.
- Nếu màn hình hiển thị được chạm vào, thì màn hình hiển thị bình thường sẽ chuyển sang màn hình hiển thị phóng to. (Chạm vào màn hình lần nữa sẽ đưa màn hình trở về hiển thị bình thường)

Màn hình hiển thị



A Vị trí hiện tại của xe

B Hình ảnh được hiển thị trên màn hình quan sát mặt đường (phía sau) (hình ảnh được chụp từ phía trước của vị trí xe hiện tại)

C Vị trí xe ở thời điểm chụp hình ảnh (phía trước của vị trí hiện tại)

D Đường tiếp xúc với lốp trước (màu xanh dương)

Chỉ ra vị trí các lốp dự kiến trên hình.

E Đường xác định bề rộng xe (màu xanh dương)

Chỉ ra bề rộng xe, bao gồm cả gương chiếu hậu bên ngoài.

F Đường tiếp xúc với lốp sau (màu xanh dương)

Chỉ ra vị trí các lốp dự kiến trên hình.

G Các đường chỉ báo vị trí lốp (màu đen, màu trắng)

Chỉ ra vị trí dự kiến của các bánh xe phía sau.

H Đường chỉ báo vị trí xe (màu xanh dương)

Chỉ ra vị trí ước tính của xe.

I Hiển thị cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota

Chỉ báo việc lốp trượt bằng cách thay đổi màu sắc và nhấp nháy hình ảnh lốp. Nếu cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota phát hiện một vật cố định khi hệ thống được kích hoạt, chỉ báo sẽ được hiển thị trên màn hình. (→P.322)

J Nút quay lại

Trở về màn hình trước đó

K Chạm vào màn hình hiển thị

L Tùy chọn cá nhân nút cài đặt

Thay đổi các cài đặt, chẳng hạn như tự động hiển thị chế độ quan sát khi vào cua, màu của thân xe, khoảng cách phát hiện của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota. (→P.357)

M Hiển thị góc nghiêng và lật (Hiển thị đồng hồ đo độ nghiêng)

Hiển thị độ nghiêng dự kiến của xe. (→P.321)

---

n **Màn hình quan sát mặt đường (phía sau)**

l Màn hình có thể được hiển thị khi vị trí số ở R.

l Khi màn hình quan sát mặt đường (phía sau) được hiện thị, nếu tốc độ xe từ xấp xỉ 5 km/h trở lên, màn hình sẽ tự động trở về hiển thị trước đó.

l Trong các tình huống sau đây, hiển thị của màn hình quan sát mặt đường (phía sau) kết thúc và màn hình sẽ tự động trở về màn hình hiển thị camera hiện tại. Hơn nữa, công tắc chọn màn hình quan sát mặt đường (bánh sau) không thể hoạt động được cho đến khi hiển thị được màn hình tiếp theo.
- Khi lốp xe bị trượt hoặc bị quay trơn
- Hệ thống ABS được kích hoạt
- Khi hệ thống bị trục trặc
- RCTA (Cảnh báo phương tiện chạy cắt ngang phía sau), RCD (Phát hiện của Camera phía sau) hoặc PKSB (Phanh hỗ trợ đỗ xe) được kích hoạt
- Khi cửa sau thùng xe đang mở

l Nếu gập các gương chiếu hậu bên ngoài trong khi màn hình quan sát mặt đường (phía sau) đang được hiển thị, nó sẽ hiển thị màn hình phân tách.

l Nếu xe được lái với vô lăng quay đến một góc nhất định hoặc lớn hơn, thì một phần của màn hình có thể biến mất. Tuy nhiên, đó là hiện tượng bình thường.

l Trong các tình huống sau đây, hệ thống không thể hoạt động được bình thường hoặc không thể chuyển sang được màn hình quan sát mặt đường (phía sau). Hơn nữa, công tắc chọn màn hình quan sát mặt đường (bánh sau) không thể hoạt động được cho đến khi hiển thị được màn hình tiếp theo.
- Khi đường bị phủ tuyết
- Khi có bóng do nguồn ánh sáng như mặt trời hoặc độ sáng
- Khi lái trên đường trơn trượt hoặc bánh xe đang quay
- Khi ống kính camera bị bẩn hoặc bị có dị vật
- Khi có nước ở phía trước xe (sông, nước biển, vũng nước…)
- Khi lắp thiết bị tùy chọn
- Khi camera bị che khuất hoặc có một vật thể cản phạm vi chụp hình
- Khi đã thay lốp
- Khi cửa sau thùng xe đang mở
- Khi đánh lái nhiều hơn góc lái chỉ định
- Trên đường không bằng phẳng, như lên dốc

l Khi tầm nhìn được ghi lại trong quá khứ được hiển thị, màn hình và tình huống thực tế có thể khác nhau trong các trường hợp sau:
- Một chướng ngại vật xuất hiện hoặc di chuyển sau khi tầm nhìn được ghi lại.
- Cát hoặc tuyết bay ra hoặc di chuyển sau khi tầm nhìn được ghi lại.
- Bùn hoặc vũng nước nằm trong phạm vi hiển thị.
- Khi xe bị trượt.

⚠ CẢNH BÁO

n **Các đường chỉ dẫn**

Các đường dẫn chỉ báo vị trí lốp và vị trí xe có thể khác so với vị trí xe thực tế tùy theo số lượng hành khách, hành lý, cấp đường, điều kiện mặt đường, độ sáng của môi trường xung quanh, xe có được trang bị lốp hoặc các chi tiết của hệ thống treo hay không, vv....
Luôn luôn lái xe cẩn thận đồng thời xác nhận an toàn xung quanh xe.

n **Hiển thị màn hình quan sát mặt đường (phía sau)**

- Hình ảnh hiển thị là một hình ảnh đã được chụp trước đó tại vị trí ở phía trước của vị trí xe hiện tại. Trong trường hợp như khi các vật thể di chuyển sau khi chụp hình ảnh, ảnh được hiện thị trên màn hình có thể khác với tình trạng thực tế Hơn nữa, khi lái xe dưới trời tối như ban đêm, sẽ có những trường hợp không thể xác nhận được các vật cản từ hình ảnh.
- Góc quan sát của camera bị hạn chế. Khi lái xe, hãy kiểm tra kỹ xung quanh xe bằng mắt thường và các gương của xe.

Hiển thị màn hình và chức năng (công tắc điều khiển cầu trước ở 2H hoặc 4H và hệ thống chọn đa địa hình tắt)

Các màn hình khác nhau hiển thị thông tin để hỗ trợ nhiều tình huống lái xe khác nhau, chẳng hạn như khi kiểm tra chướng ngại vật khi di chuyển về phía trước.

Chế độ hiển thị khi cần số ở vị trí P

Đây là chế độ hiển thị hình ảnh được kết hợp từ các camera giúp bạn có thể kiểm tra các vật cản xung quanh xe. Hình ảnh được hiển thị dưới dạng góc quan sát từ ghế lái và ở một góc từ phía trên xe.

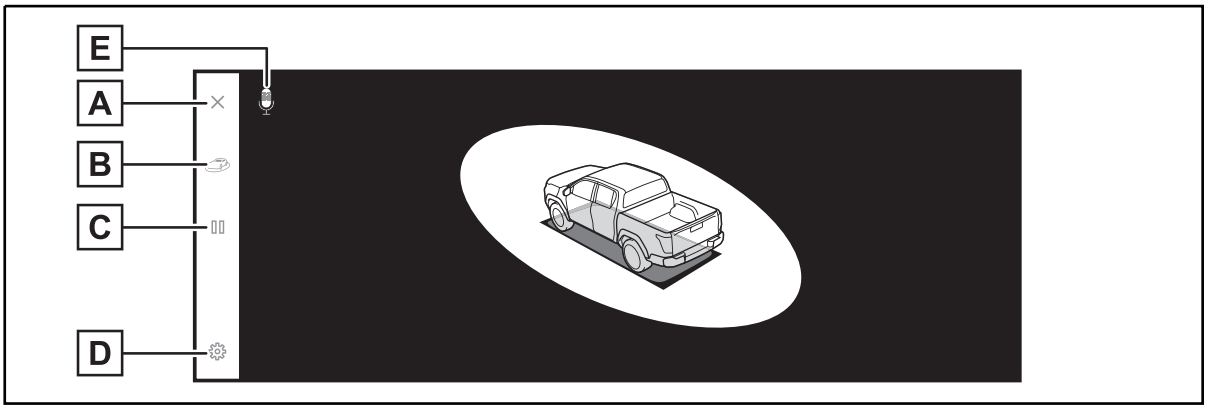
Màn hình hiển thị

1 Chuyển cần số đến vị trí P.

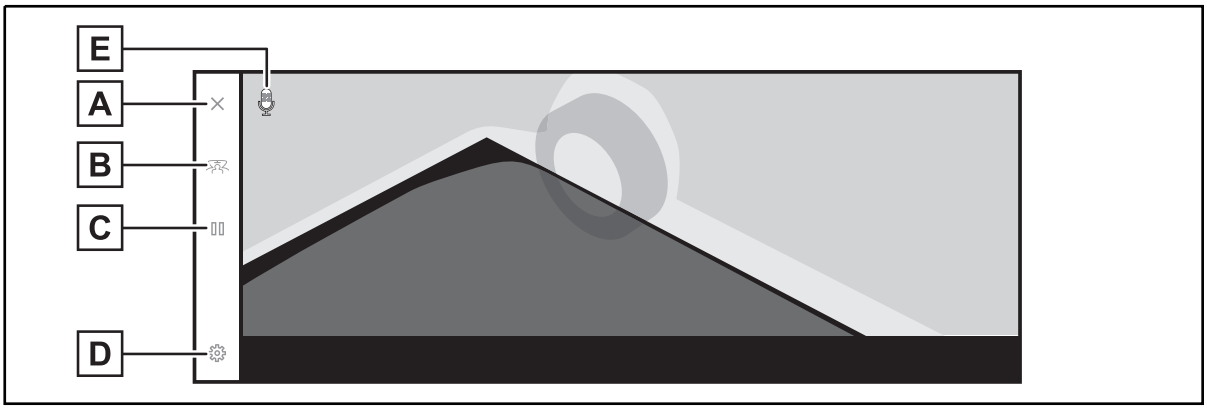
2 Hãy ấn công tắc camera.

- Chế độ thay đổi mỗi khi chạm vào nút chuyển chế độ hiển thị.
- Nhấn lại công tắc camera sẽ đưa màn hình trở về màn hình trước đó, chẳng hạn như màn hình dẫn đường.

▶ Màn hình quan sát khi di chuyển của xe



▶ Màn hình góc nhìn xuyên



A Nút tắt màn hình

Tắt màn hình camera và quay lại màn hình trước đó, chẳng hạn như màn hình của hệ thống âm thanh.

B Nút chuyển chế độ hiển thị

Chuyển giữa màn hình góc nhìn xuyên và màn hình khi di chuyển.

C Nút tạm dừng/tiếp tục xoay

Tạm dừng và tiếp tục quay màn hình.

D Tùy chọn cá nhân nút cài đặt

Thay đổi các cài đặt, chẳng hạn như tự động hiển thị chế độ quan sát khi vào cua, màu của thân xe, khoảng cách phát hiện của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota. (→P.357)

E Biểu tượng nhận diện giọng nói

Biểu tượng này sẽ xuất hiện khi hệ thống điều khiển bằng giọng nói đang hoạt

động.

Những chức năng này không khả dụng ở một vài nước hoặc khu vực.

- Khi cảm biến hỗ trợ đỗ xe của Toyota (→P.283) được bật, bạn có thể hiển thị chế độ nhìn xuyên hoặc chế độ di chuyển.
- Bạn cũng có thể tạm dừng và tiếp tục xoay màn hình góc nhìn xuyên và màn hình quan sát khi di chuyển bằng cách chạm vào bất kỳ điểm nào trên màn hình.

Chế độ hiển thị khi cần số ở vị trí D hoặc N

Bạn có thể kiểm tra xem có các người đi bộ, xe đạp và phương tiện ở gần tại các giao lộ và ngã 3 có tầm nhìn kém bằng cách hiển thị hình ảnh của môi trường xung quanh xe trên màn hình. Chế độ này cũng hỗ trợ kiểm tra an toàn ở hai bên hông xe, giúp tránh va chạm trên đường hẹp hoặc đỗ xe sát lề đường.

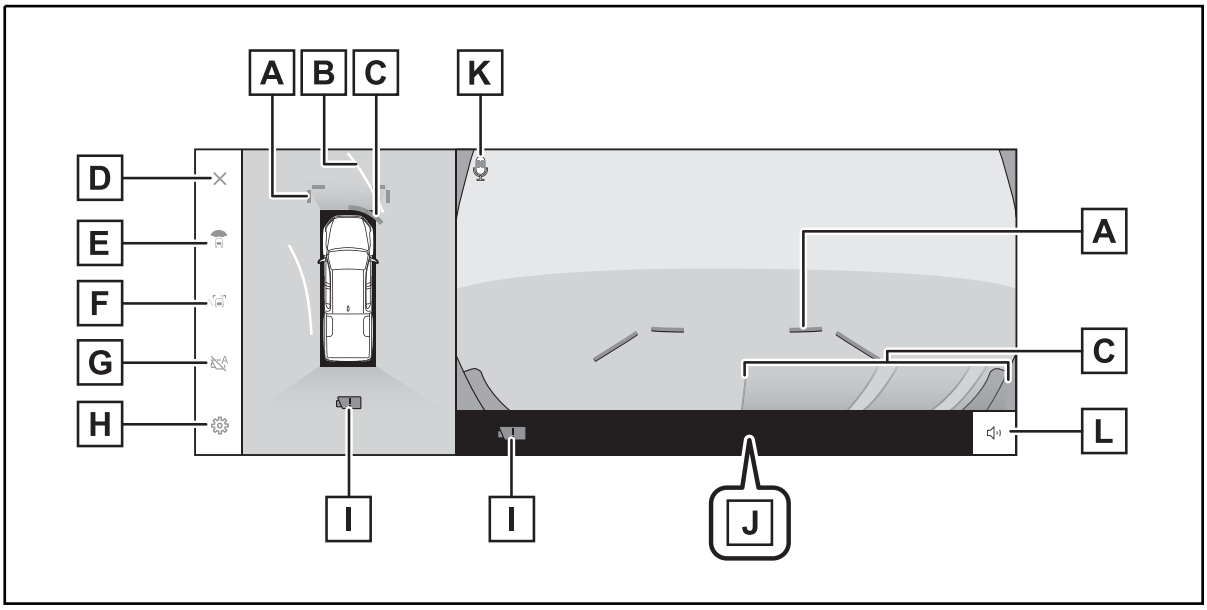
Màn hình hiển thị

1 Chuyển cần số sang vị trí D hoặc N.

2 Hãy ấn công tắc camera.

- Chế độ quan sát sẽ thay đổi mỗi khi bạn ấn công tắc camera.
- Nếu chế độ quan sát khi vào cua đang được bật và bạn xoay vô lăng một góc trên 180 độ tính từ vị trí thẳng lái, màn hình sẽ thay đổi từ chế độ theo dõi khoảng cách bên & chế độ quan sát toàn cảnh sang chế độ quan sát khi vào cua & chế độ quan sát toàn cảnh.

▶ Màn hình góc nhìn toàn cảnh và màn hình góc rộng phía trước



A Đường chỉ dẫn khoảng cách phía trước

Hiển thị phía trước xe khoảng 1 m.

B Các đường đi dự kiến phía trước xe

Hiển thị các đường đi được liên kết với điều khiển vô lăng. (Các đường màu vàng)

Các đường này sẽ được hiển thị khi xoay vô lăng một góc trên 90 độ so với vị trí thẳng lái.

C Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota

Hiển thị chỉ báo trên màn hình và phát ra âm thanh chuông khi cảm biến phát hiện được vật thể.

D Nút tắt màn hình

Tắt màn hình camera và quay lại màn hình trước đó, chẳng hạn như màn hình dẫn đường.

E Nút chuyển chế độ hiển thị

Sẽ thay đổi chế độ hiển thị mỗi khi bạn chạm vào nút này.

F Nút chuyển đường chỉ dẫn

Chuyển chế độ hiển thị các đường chỉ dẫn mỗi khi bạn chạm vào nút này. (→P.342)

G Nút hiển thị tự động

Bật hoặc tắt chế độ hiển thị tự động. Khi vị trí số ở D hoặc N, chế độ quan sát góc rộng phía trước & chế độ quan sát toàn cảnh hoặc chế độ quan sát bên/chế độ quan sát khi vào cua & chế độ quan sát toàn cảnh sẽ tự động hiển thị theo tốc độ xe. (→P.342)

H Tùy chọn cá nhân nút cài đặt

Thay đổi các cài đặt, chẳng hạn như tự động hiển thị chế độ quan sát khi vào cua, màu của thân xe, khoảng cách phát hiện của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota. (→P.357)

I Biểu tượng phát hiện bụi bẩn của camera

Biểu tượng này sẽ xuất hiện khi hệ thống phát hiện thấy có bụi bẩn trên camera.

J Phanh hỗ trợ đỗ xe (PKSB)

Nếu phát hiện vật cản có khả năng va chạm, một thông điệp (ví dụ: "BRAKE!") sẽ được hiển thị trên màn hình.

K Biểu tượng nhận diện giọng nói

Biểu tượng này sẽ xuất hiện khi hệ thống điều khiển bằng giọng nói đang hoạt

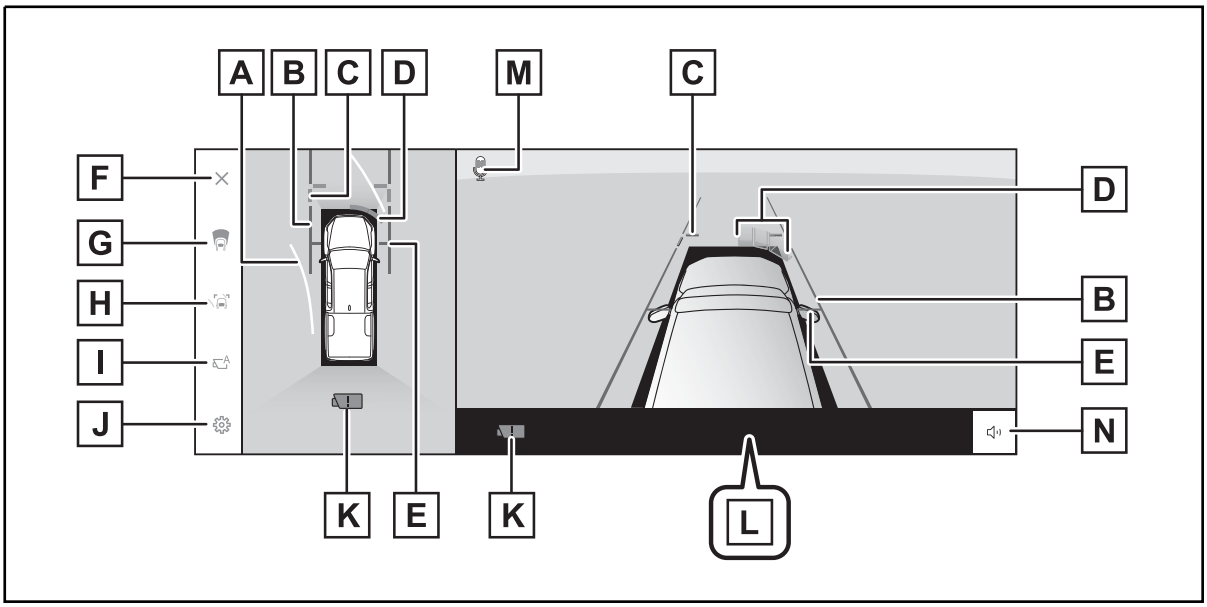
động.

Những chức năng này không khả dụng ở một vài nước hoặc khu vực.

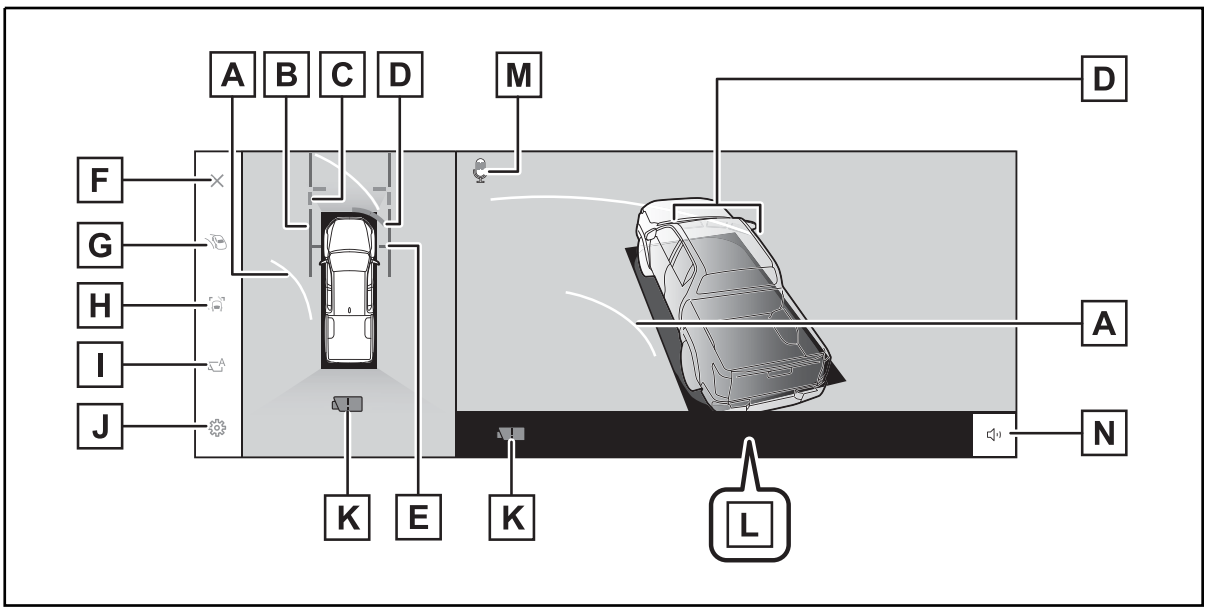
L Nút tắt tiếng của hệ thống hỗ trợ đỗ xe Toyota

Nút này tắt tiếng tạm thời của hệ thống hỗ trợ đỗ xe Toyota.

▶ Quan sát khoảng cách hai bên hông xe & góc nhìn toàn cảnh



▶ Chế độ góc nhìn khi vào cua & góc nhìn toàn cảnh



A Các đường đi dự kiến phía trước xe

Hiển thị các đường đi được liên kết với điều khiển vô lăng. (Các đường màu vàng)

Các đường này sẽ được hiển thị khi xoay vô lăng một góc trên 90 độ so với vị trí thẳng lái.

B Các đường chỉ dẫn bề rộng xe

Chỉ ra đường xác định bề rộng xe, bao gồm cả gương chiếu hậu phía ngoài.

C Đường chỉ dẫn khoảng cách phía trước

Hiển thị phía trước xe khoảng 1 m.

D Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota

Hiển thị chỉ báo trên màn hình và phát ra âm thanh chuông khi cảm biến phát hiện được vật thể.

E Đường chỉ dẫn lốp trước

Hiển thị vị trí của lốp trước.

F Nút tắt màn hình

Tắt màn hình camera và quay lại màn hình trước đó, chẳng hạn như màn hình dẫn đường.

G Nút chuyển chế độ hiển thị

Sẽ thay đổi chế độ hiển thị mỗi khi bạn chạm vào nút này.

H Nút chuyển đường chỉ dẫn

Chuyển chế độ hiển thị các đường chỉ dẫn mỗi khi bạn chạm vào nút này. (→P.342)

I Nút hiển thị tự động

Bật hoặc tắt chế độ hiển thị tự động. Khi vị trí số ở D hoặc N, chế độ quan sát góc rộng phía trước & chế độ quan sát toàn cảnh hoặc chế độ quan sát bên/chế độ quan sát khi vào cua & chế độ quan sát toàn cảnh sẽ tự động hiển thị theo tốc độ xe. (→P.342)

J Tùy chọn cá nhân nút cài đặt

Thay đổi các cài đặt, chẳng hạn như tự động hiển thị chế độ quan sát khi vào cua, màu của thân xe, khoảng cách phát hiện của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota. (→P.357)

K Biểu tượng phát hiện bụi bẩn của camera

Biểu tượng này sẽ xuất hiện khi hệ thống phát hiện thấy có bụi bẩn trên camera.

L Phanh hỗ trợ đỗ xe (PKSB)

Nếu phát hiện vật cản có khả năng va chạm, một thông điệp (ví dụ: "BRAKE!") sẽ được hiển thị trên màn hình.

M Biểu tượng nhận diện giọng nói

Biểu tượng này sẽ xuất hiện khi hệ thống điều khiển bằng giọng nói đang hoạt động.

Những chức năng này không khả dụng ở một vài nước hoặc khu vực.

N Nút tắt tiếng của hệ thống hỗ trợ đỗ xe Toyota

Nút này tắt tiếng tạm thời của hệ thống hỗ trợ đỗ xe Toyota.

n **Góc nhìn bên & màn hình góc nhìn toàn cảnh/màn hình góc nhìn khi vào cua & màn hình góc nhìn toàn cảnh**

- Khi cảm biến hỗ trợ đỗ xe của Toyota (→P.283) được bật, bạn có thể hiển thị chế độ xem khoảng cách bên & chế độ xem toàn cảnh/vào cua.
- Vị trí hiển thị của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota và vị trí của vật cản được hiển thị trên hình ảnh của camera có thể không khớp nhau.

CẢNH BÁO

n **Đường chỉ dẫn**

Vị trí của các đường chỉ dẫn được hiển thị trên màn hình có thể sẽ thay đổi do các yếu tố như số lượng hành khách, trọng lượng chất tải và độ dốc của đường. Luôn đảm bảo kiểm tra trực quan khu vực phía sau và xung quanh xe bạn trong khi lái xe.

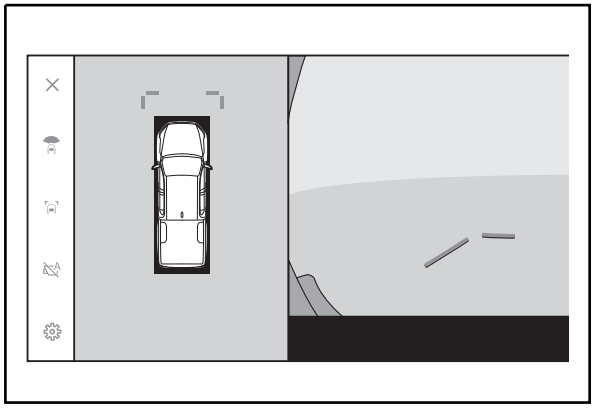
n **Màn hình của cảm biến hỗ trợ đỗ xe**

Hiển thị của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota được chồng lên nhau trên hình ảnh của camera, do đó có thể sẽ khó quan sát tùy thuộc vào độ sáng và màu sắc của môi trường xung quanh.

Thay đổi chế độ hiển thị đường chỉ dẫn

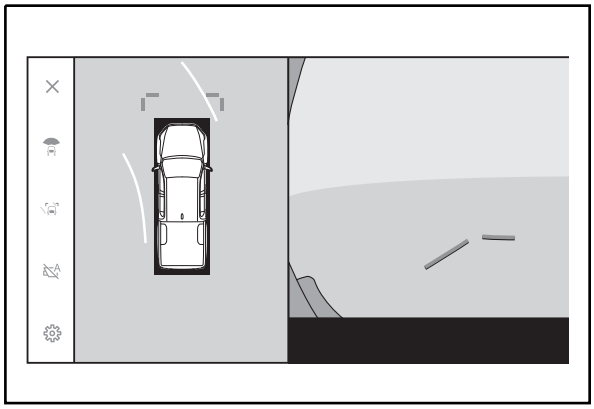
Chế độ hiển thị đường chỉ dẫn sẽ thay đổi mỗi khi người dùng chạm vào nút chế độ hiển thị đường chỉ dẫn.

▶ Chế độ hiển thị đường chỉ dẫn khoảng cách



Được hiển thị phía trước xe khoảng 1 m . (Màu xanh dương)

▶ Chế độ hiển thị các đường đi dự kiến



Hiển thị các đường đi dự kiến được liên kết với điều khiển vô lăng. (Màu vàng) Các vạch này sẽ được hiển thị khi xoay vô lăng một góc hơn 90 độ so với vị trí thẳng lái.

Chế độ hiển thị tự động

Ngoài cách hiển thị góc nhìn rộng và toàn cảnh phía trước và chế độ xem khoảng cách bên & chế độ quan sát toàn cảnh/chế độ

quan sát khi vào cua bằng cách ấn công tắc camera, bạn cũng có thể cài đặt chế độ hiển thị tự động để hiển thị các góc nhìn tự động phù hợp với tốc độ của xe.

- Khi chạm vào nút hiển thị tự động , chế độ hiển thị tự động sẽ được bật.
- Bật chế độ hiển thị tự động sẽ tự động hiển thị các chế độ quan sát trong các trường hợp sau:

• Khi cần số ở vị trí D hoặc N
• Xe giảm tốc xuống dưới 10 km/h (6mph) (vị trí cần số ở bất kỳ vị trí nào khác R)

Hiển thị tự động chế độ quan sát khi vào cua

Bạn có thể cài đặt chế độ hiển thị tự động để tự động hiển thị chế độ quan sát khi vào cua & chế độ góc nhìn toàn cảnh tương ứng với vận hành của vô lăng.

- Bật chế độ hiển thị tự động sẽ tự động hiển thị chế độ quan sát khi vào cua trong các trường hợp sau:

• Khi cần số ở vị trí D hoặc N
• Xe giảm tốc xuống dưới 12 km/h
• Khi người lái xoay vô lăng một góc từ 180 độ trở lên so với vị trí trung tâm (thẳng lái)

n Hiển thị tự động chế độ quan sát khi vào cua

Bạn có thể thay đổi chế độ tự động quan sát khi vào cua trong mục cài đặt tùy chọn cá nhân.

Màn hình liên kết với hệ thống cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota

Tùy thuộc vào trạng thái hoạt động của hệ thống cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota, chế độ màn hình góc rộng phía trước & chế độ góc nhìn toàn cảnh/Chế độ góc nhìn khoảng cách bên hông xe/Chế độ quan sát khi vào cua & chế độ góc nhìn toàn cảnh sẽ xuất hiện.

- Các góc nhìn sẽ được hiển thị một cách tự động khi hệ thống cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota phát hiện thấy một chướng ngại vật (khi cần số ở vị trí D hoặc N).
- Màn hình sẽ tự động trở về màn hình trước đó khi hệ thống cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota không phát hiện thấy chướng ngại vật nữa.

n Màn hình liên kết với hệ thống cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota

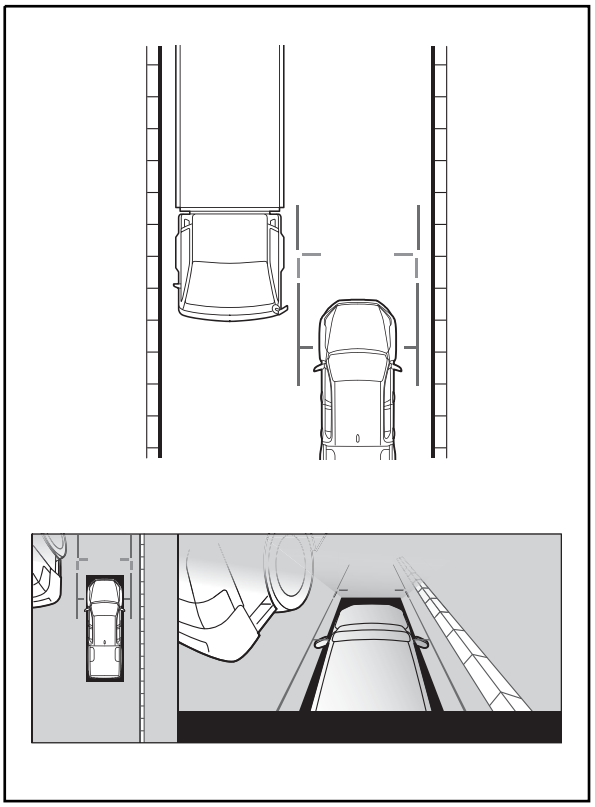
l Bạn cũng có thể quay lại màn hình trước đó bằng cách ấn vào nút camera được hiển thị trên màn hình.

l Nếu đã tắt màn hình của Màn hình Đa địa hình khi phát hiện có vật cản, thì có thể hiển thị lại màn hình của Màn hình Đa địa hình bằng cách chạm vào ký hiệu của hệ thống cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota được hiển thị trên màn hình của hệ thống đa phương tiện.

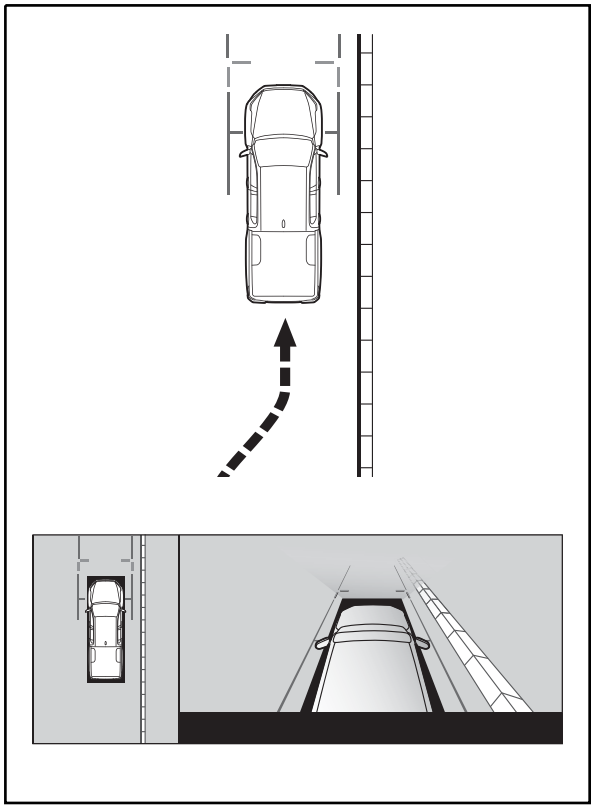
Sử dụng các đường chỉ dẫn bề rộng xe

n Màn hình hai bên hông xe và màn hình toàn cảnh

- Kiểm tra vị trí giữa các đường chỉ dẫn bề rộng xe và vật thể.
- Hãy xoay vô lăng và lái xe về phía trước để các đường chỉ dẫn bề rộng xe không đè lên vật thể thực tế.



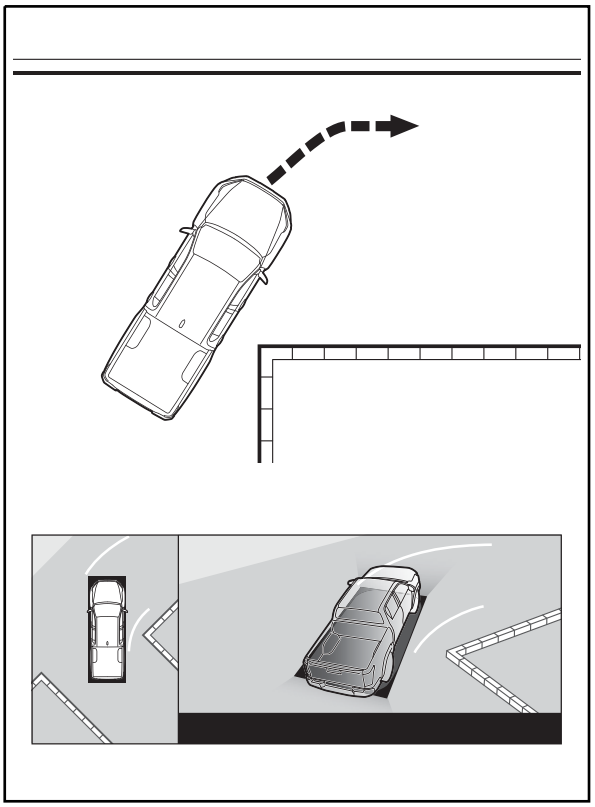
- Kiểm tra vị trí giữa các đường chỉ dẫn bề rộng xe và vật thể như các vỉa hè ở bên đường.
- Hãy điều khiển xe để các đường chỉ dẫn bề rộng xe không đè lên vật thể như trong hình.
- Bằng cách lái xe với các đường chỉ dẫn bề rộng xe nằm song song với một mục tiêu, bạn có thể đỗ xe dọc theo mục tiêu đó.



Sử dụng các đường đi dự kiến phía trước

n Màn hình khi vào cua và màn hình toàn cảnh

- Kiểm tra vị trí giữa các đường đi dự kiến phía trước và chướng ngại vật.
- Hãy xoay vô lăng và lái xe về phía trước để các đường đi dự kiến phía trước không đè lên chướng ngại vật thực tế.



Chế độ hiển thị khi cần số ở vị trí R

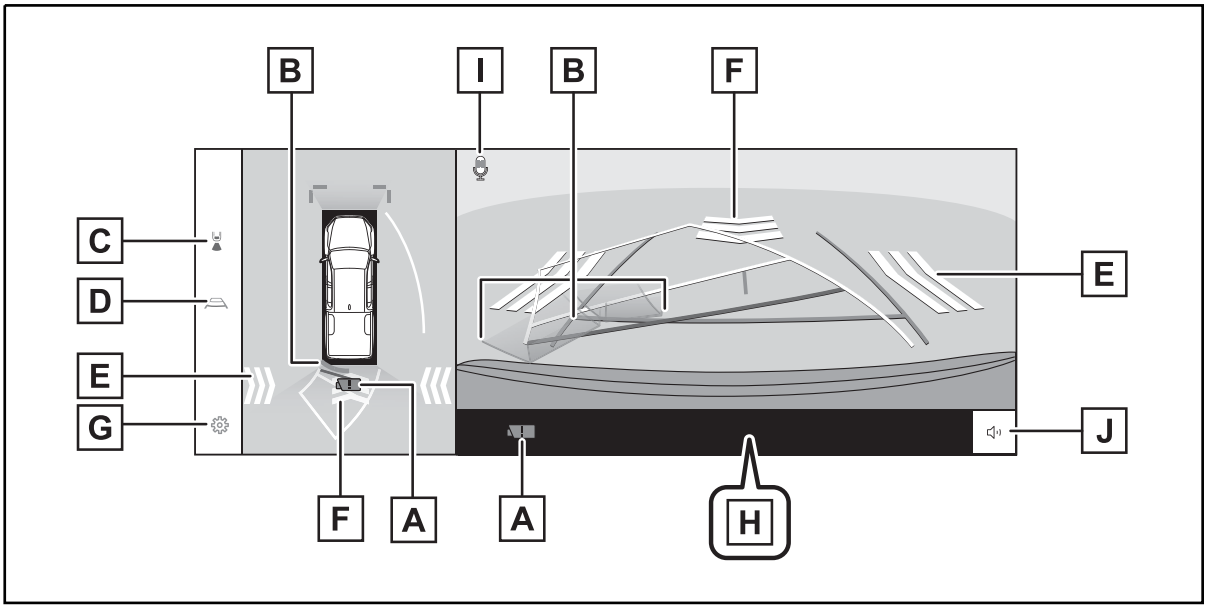
Để kiểm tra an toàn khi đỗ xe, một hình ảnh từ phía trên của xe và từ camera phía sau sẽ được hiển thị.

Màn hình hiển thị

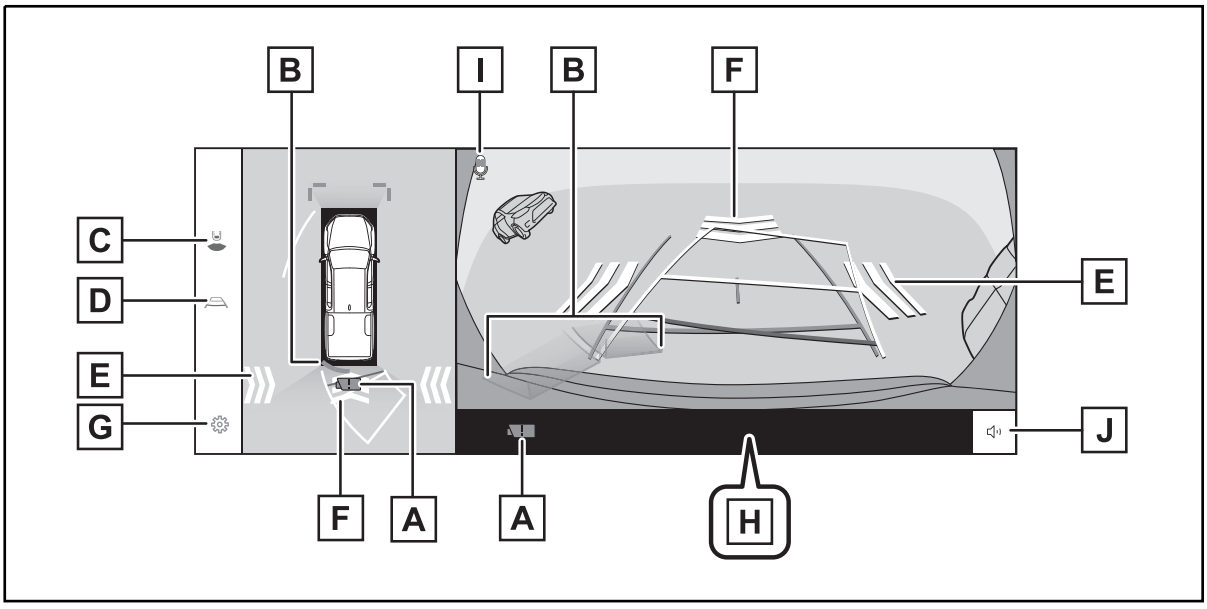
1 Chuyển cần số sang vị trí R.

Chế độ quan sát sẽ thay đổi mỗi khi người dùng chạm vào nút chuyển chế độ hiển thị.

▶ Màn hình góc nhìn phía sau và màn hình toàn cảnh



▶ Màn hình góc rộng phía sau và màn hình toàn cảnh



A Biểu tượng phát hiện bụi bẩn của camera

Biểu tượng này sẽ xuất hiện khi hệ thống phát hiện thấy có bụi bẩn trên camera.

B Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota

Hiển thị chỉ báo trên màn hình và phát ra âm thanh chuông khi cảm biến phát hiện được vật thể.

C Nút chuyển chế độ hiển thị

Sẽ thay đổi chế độ hiển thị mỗi khi bạn chạm vào nút này.

D Nút chuyển đường chỉ dẫn

Chuyển chế độ hiển thị các đường chỉ dẫn mỗi khi bạn chạm vào nút này.

(→P.348)

E Hệ thống RCTA (Cảnh báo có phương tiện chạy cắt ngang phía sau)/Hệ thống RCD (Phát hiện bằng camera phía sau)

Chỉ báo sẽ được hiển thị trên màn hình trong các trường hợp sau.

- Khi hệ thống camera phía sau phát hiện có người đi bộ ở phía sau.
- Khi camera phía sau phát hiện thấy có người đi bộ ở phía sau xe

F Chức năng phát hiện bằng camera phía sau (RCD)

Nếu camera phía sau phát hiện có người đi bộ phía sau xe, trên màn hình sẽ hiển thị một chỉ báo.

G Tùy chọn cá nhân nút cài đặt

Thay đổi các cài đặt, chẳng hạn như tự động hiển thị chế độ quan sát khi vào cua, màu của thân xe, khoảng cách phát hiện của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota. (→P.357)

H Phanh hỗ trợ đỗ xe (PKSB)

Nếu phát hiện vật cản có khả năng va chạm, một thông điệp (ví dụ: "BRAKE!") sẽ được hiển thị trên màn hình.

I Biểu tượng nhận diện giọng nói

Biểu tượng này sẽ xuất hiện khi hệ thống điều khiển bằng giọng nói đang hoạt động.

Những chức năng này không khả dụng ở một vài nước hoặc khu vực.

J Nút tắt tiếng của hệ thống cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota/RCTA (Cảnh báo phương tiện chạy cắt ngang phía sau)/RCD (Phát hiện camera phía sau)

Nút này sẽ tạm thời tắt âm thanh của hệ thống hỗ trợ đỗ xe Toyota, hệ thống RCTA (Cảnh báo có xe chạy cắt ngang phía sau) và hệ thống RCD (Phát hiện bằng camera phía sau).

n **Màn hình góc nhìn phía sau & màn hình góc nhìn toàn cảnh /màn hình quan sát góc rộng phía sau & màn hình góc nhìn toàn cảnh**

- Khi ấn nút camera với vị trí số R sẽ cho phép bạn chuyển sang chế độ quan sát toàn cảnh & chế độ quan sát phía trước ở góc rộng.
- Vị trí hiển thị của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota (→P.283) có thể không khớp với vị trí của vật cản được hiển thị trên hình ảnh của camera.

⚠ CẢNH BÁO

n **Đường chỉ dẫn**

- Vị trí của các đường chỉ dẫn được hiển thị trên màn hình có thể sẽ thay đổi do các yếu tố như số lượng hành khách, trọng lượng chất tải và độ dốc của đường. Luôn đảm bảo kiểm tra trực quan khu vực phía sau và xung quanh xe bạn trong khi lái xe.

⚠ CẢNH BÁO

n **Hiển thị của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota, RCTA (Cảnh báo phương tiện chạy cắt ngang phía sau) và RCD (Phát hiện camera phía sau)**

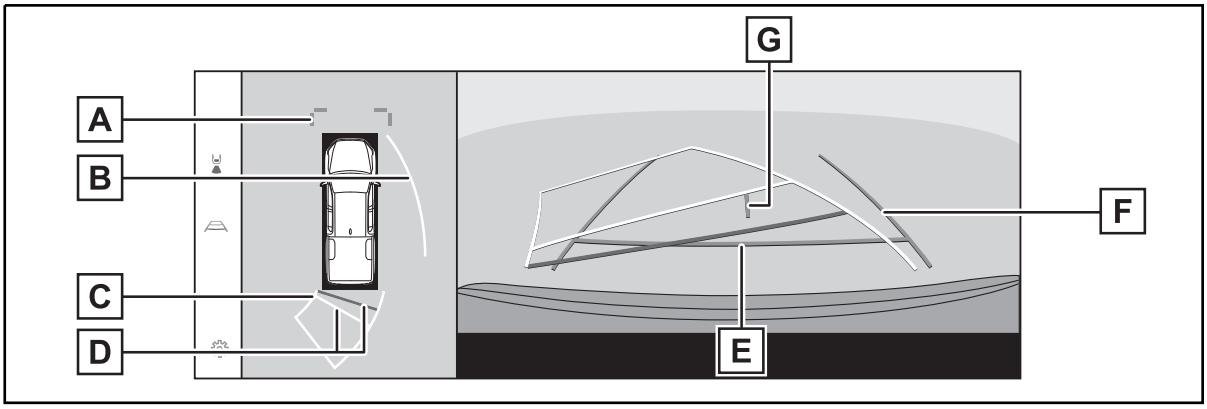
Các màn hình của các hệ thống cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota, RCTA (Cảnh báo phương tiện chạy cắt ngang phía sau), RCD (Camera phát hiện phía sau) được xếp chồng lên nhau và hiển thị trên nền hình ảnh do camera thu được, vì vậy chúng có thể sẽ khó quan sát, tùy thuộc vào độ sáng và màu sắc của môi trường xung quanh.

Thay đổi chế độ hiển thị đường chỉ dẫn

Chế độ hiển thị đường chỉ dẫn sẽ thay đổi mỗi khi bạn chạm vào nút chuyển chế độ đường chỉ dẫn.

▶ Chế độ hiển thị các đường đi dự kiến

Chế độ này sẽ hiển thị các đường đi dự kiến, các đường này sẽ di chuyển theo thao tác với của người lái với vô lăng.



A Đường chỉ dẫn khoảng cách phía trước

Được hiển thị cách đầu xe khoảng 1 m (màu xanh da trời).

B Các đường đi dự kiến hai bên

Hiển thị các đường đi (màu vàng), các đường này liên kết với vận hành của vô lăng.

C Các đường đi dự kiến khi lùi xe

Hiển thị các đường đi (màu vàng), các đường này liên kết với vận hành của vô

lăng.

D Đường chỉ dẫn khoảng cách phía sau xe

Hiển thị khoảng cách ở phía sau xe.

- Đường chỉ dẫn khoảng cách được liên kết với các đường đi dự kiến của xe.
- Hiển thị cách điểm chính giữa của mép cản sau khoảng 0,5 m (màu đỏ) và 1 m (màu vàng).

E Đường chỉ dẫn khoảng cách phía sau

Hiển thị cách mép cản sau khoảng 0,5 m (màu xanh da trời).

F Các đường chỉ dẫn bề rộng xe

Hiển thị các đường đi của xe khi lùi xe trên một đường thẳng.

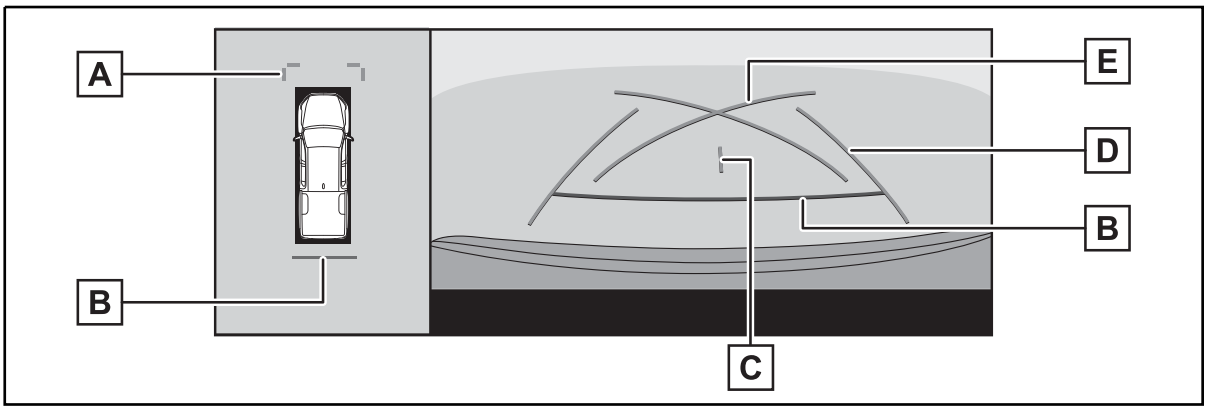
- Các đường này sẽ rộng hơn so với chiều rộng thực tế của xe.
- Khi xe chạy thẳng, các đường chỉ dẫn bề rộng xe sẽ trùng với các đường đi dự kiến.

G Đường chỉ dẫn tâm xe

Hiển thị tâm của các đường chỉ dẫn bề rộng xe.

▶ Chế độ hiển thị các đường chỉ dẫn để hỗ trợ đỗ xe

Chế độ này sẽ hiển thị các điểm trả lái (đường chỉ dẫn để hỗ trợ đỗ xe). Chế độ này được khuyến cáo sử dụng cho những người có kỹ năng cảm giác lái tốt và có thể đỗ xe mà không cần tới sự hỗ trợ của các đường đi dự kiến.



A Đường chỉ dẫn khoảng cách phía trước

Được hiển thị cách đầu xe khoảng 1 m (màu xanh da trời).

B Đường chỉ dẫn khoảng cách phía sau xe

Hiển thị khoảng cách ở phía sau xe.

- Hiển thị khoảng cách xấp xỉ 0,5 m (1,5 ft.) (vạch màu đỏ) tính từ điểm giữa của cản sau.

C Đường chỉ dẫn tâm xe

Hiển thị tâm của các đường chỉ dẫn bề rộng xe.

D Các đường chỉ dẫn bề rộng xe

Hiển thị các đường đi của xe khi lùi xe trên một đường thẳng.

- Các đường này sẽ rộng hơn so với chiều rộng thực tế của xe.

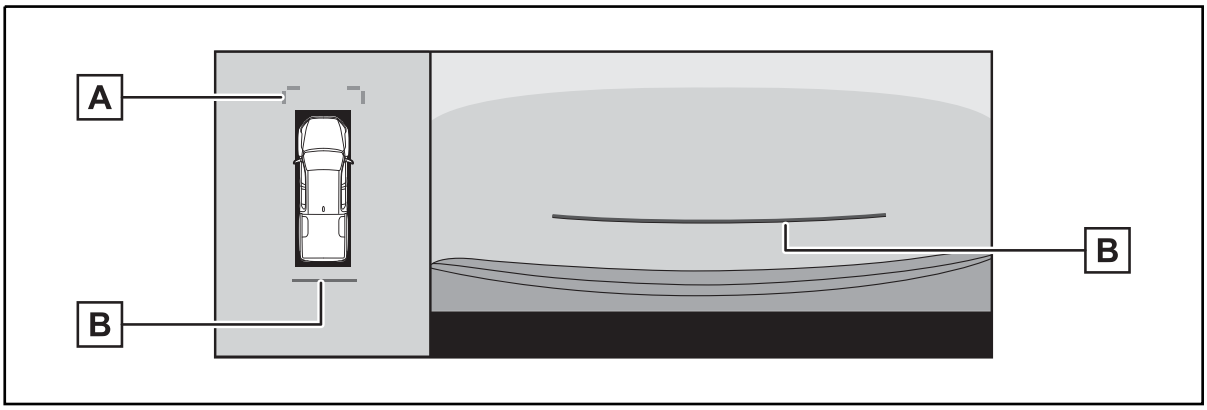
E Đường chỉ dẫn hỗ trợ đỗ xe

Hiển thị các đường đi của góc cua hẹp nhất có thể thực hiện ở phía sau xe.

- Hãy sử dụng vị trí điều khiển vô lăng khi đỗ xe như một gợi ý chỉ dẫn.

▶ Chế độ hiển thị đường chỉ dẫn khoảng cách

Chế độ này chỉ hiển thị các đường chỉ dẫn khoảng cách. Nó được khuyến cáo sử dụng cho những người có kỹ năng lái xe tốt và không cần tới các đường chỉ dẫn.



A Đường chỉ dẫn khoảng cách phía trước

Được hiển thị cách đầu xe khoảng 1 m (màu xanh da trời).

B Đường chỉ dẫn khoảng cách phía sau xe

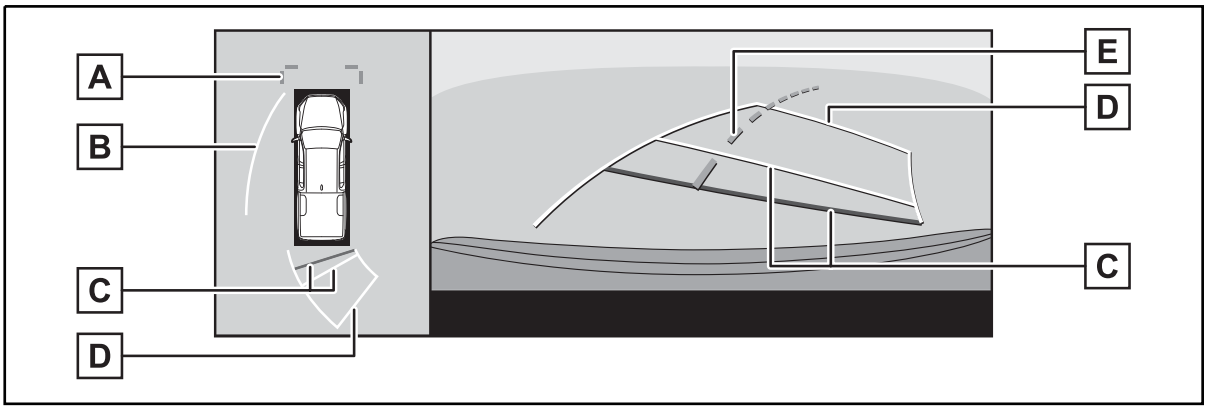
Hiển thị khoảng cách ở phía sau xe.

- Hiển thị khoảng cách xấp xỉ 0,5 m (1,5 ft.) (vạch màu đỏ) tính từ điểm giữa của cản sau.

▶ Chế độ đường tâm của đường đi dự kiến

Chế độ này hiển thị các đường đi dự kiến và đường chỉ dẫn tâm xe, các đường này sẽ di chuyển theo vận hành vô lăng.

Hãy sử dụng chế độ này khi cần tiến đến gần một biển chỉ dẫn hoặc cột nằm thẳng hàng với tâm của cản sau.



A Đường chỉ dẫn khoảng cách phía trước

Được hiển thị cách đầu xe khoảng 1 m (màu xanh da trời).

B Các đường đi dự kiến hai bên

Hiển thị các đường đi (màu vàng), các đường này liên kết với vận hành của vô lăng.

C Đường chỉ dẫn khoảng cách phía sau xe

Hiển thị khoảng cách ở phía sau xe.

- Đường chỉ dẫn khoảng cách được liên kết với các đường đi dự kiến của xe.
- Hiển thị cách điểm chính giữa của mép cản sau khoảng 0,5 m (màu đỏ) và 1 m (màu vàng).

D Các đường đi dự kiến khi lùi xe

Hiển thị các đường đi (màu vàng), các đường này liên kết với vận hành của vô lăng.

E Đường tâm của đường đi dự kiến

Hiển thị đường chỉ dẫn tâm xe (màu xanh lá cây) được liên kết với vận hành của vô lăng.

n **Chế độ hiển thị đường chỉ dẫn**

Các đường chỉ dẫn sẽ không xuất hiện nếu cửa hậu chưa được đóng lại. Nếu cửa hậu đã được đóng lại nhưng các đường chỉ dẫn vẫn không xuất hiện, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

⚠ CẢNH BÁO

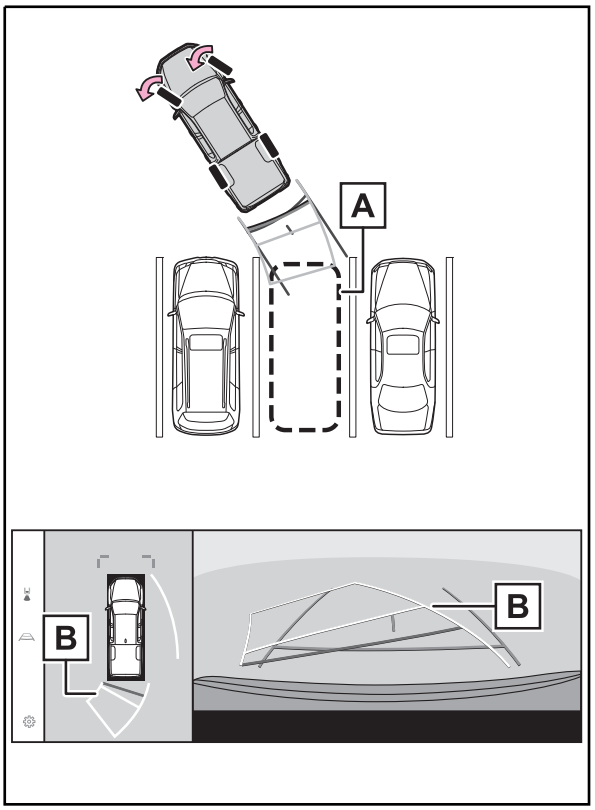
n **Chế độ hiển thị đường chỉ dẫn**

Các đường chỉ dẫn bề rộng phía sau xe sẽ rộng hơn chiều rộng thực tế của xe. Hãy luôn đảm bảo kiểm tra bằng cách quan sát phía sau và môi trường xung quanh xe khi bạn đang lùi xe.

Đỗ xe sử dụng chế độ hiển thị đường đi dự kiến

1 Chuyển cần số sang vị trí R.

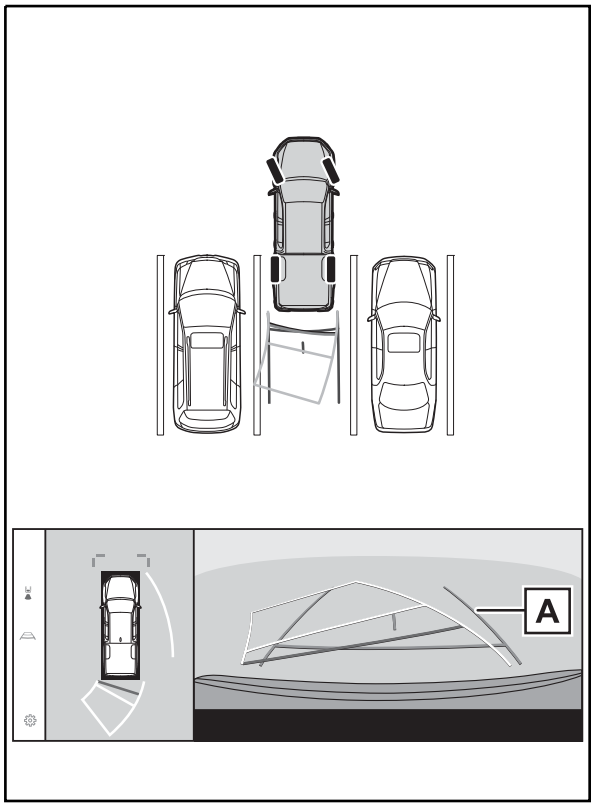
2 Hãy xoay vô lăng sao cho các đường đi dự kiến nằm bên trong khoang đỗ xe rồi từ từ lùi lại.



A Khoang đỗ xe

B Đường đi dự kiến

3 Khi phía đuôi xe đã vào được khoang đỗ xe, hãy đánh lái để các đường chỉ dẫn chiều rộng xe nằm bên trong vạch kẻ bên trái và bên phải của khoang đỗ xe.



A Các đường chỉ dẫn bề rộng xe

4 Khi các đường chỉ dẫn chiều rộng xe và các vạch kẻ của khoang đỗ xe nằm song song với nhau, hãy trả thẳng tay lái và lùi từ từ cho đến khi xe đã vào hết khoang đỗ xe.

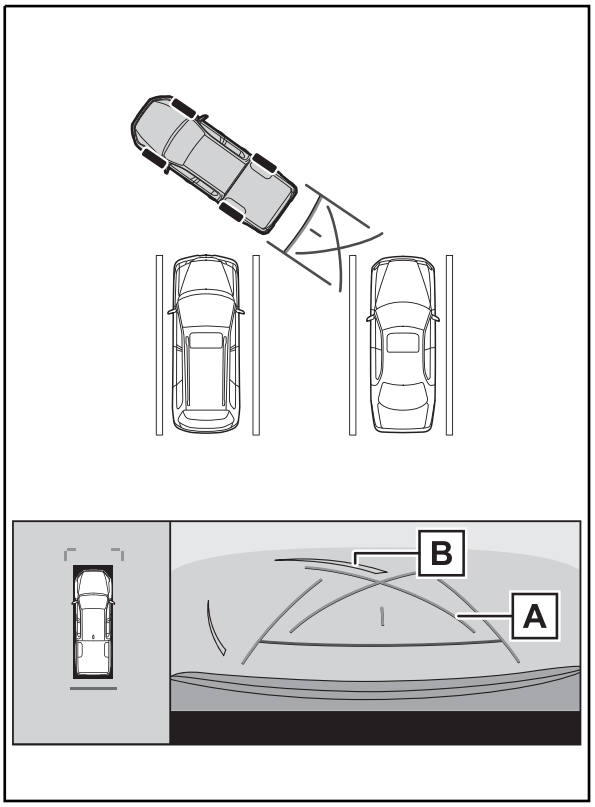
5 Hãy dừng xe ở vị trí thích hợp để kết thúc quá trình đỗ xe.

Đỗ xe sử dụng chế độ hiển thị các đường chỉ dẫn hỗ trợ đỗ xe

1 Chuyển cần số sang vị trí R.

2 Hãy lùi xe lại cho đến khi các đường chỉ dẫn hỗ trợ đỗ xe thẳng hàng với các vạch phân

cách bên trái của khoang đỗ xe.



A Đường chỉ dẫn hỗ trợ đỗ xe

B Vạch chia khoảng đỗ xe

3 Xoay vô lăng hết cỡ sang bên trái và từ từ lùi xe lại.

4 Khi xe đã nằm song song với khoang đỗ xe, hãy đánh thẳng vô lăng và lùi xe từ từ cho đến khi xe đã vào hết khoang đỗ xe.

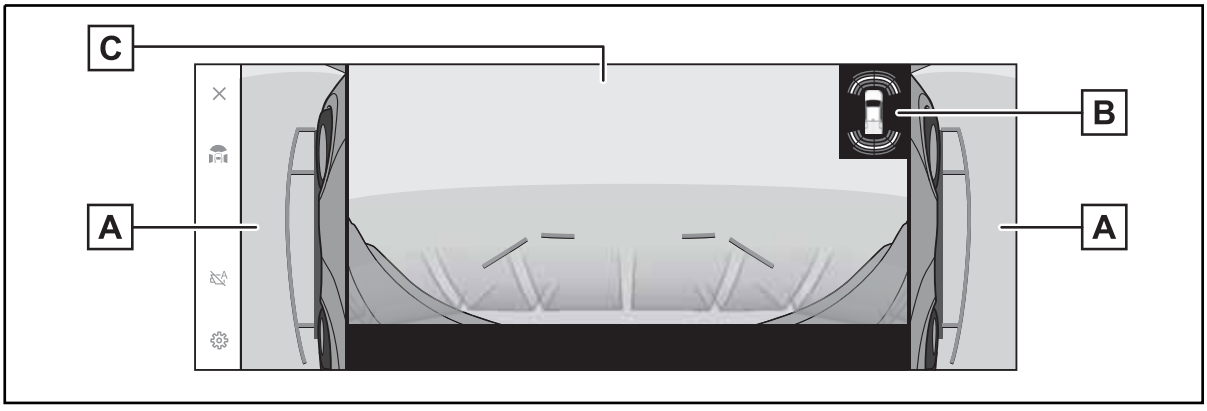
5 Hãy dừng xe ở vị trí thích hợp để kết thúc quá trình đỗ xe.

Màn hình khi gập gương chiếu hậu bên ngoài xe

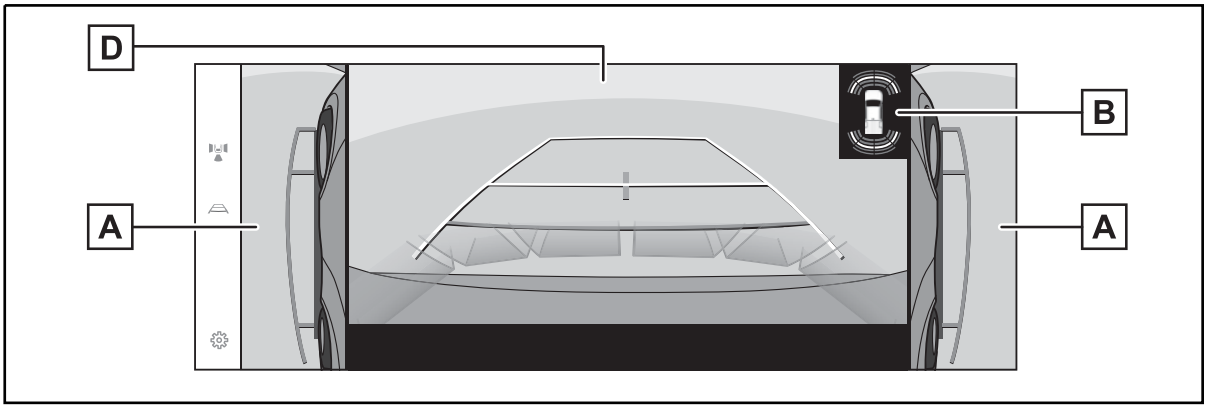
Khi gương chiếu hậu bên ngoài xe được gập lại, một hình ảnh từ các camera bên sẽ được hiển thị thay vì chế độ quan sát toàn cảnh. Chức năng này có thể giúp người lái xác nhận rằng xung quanh xe đã an toàn khi đang đỗ xe ở một vị trí chật hẹp.

Màn hình hiển thị

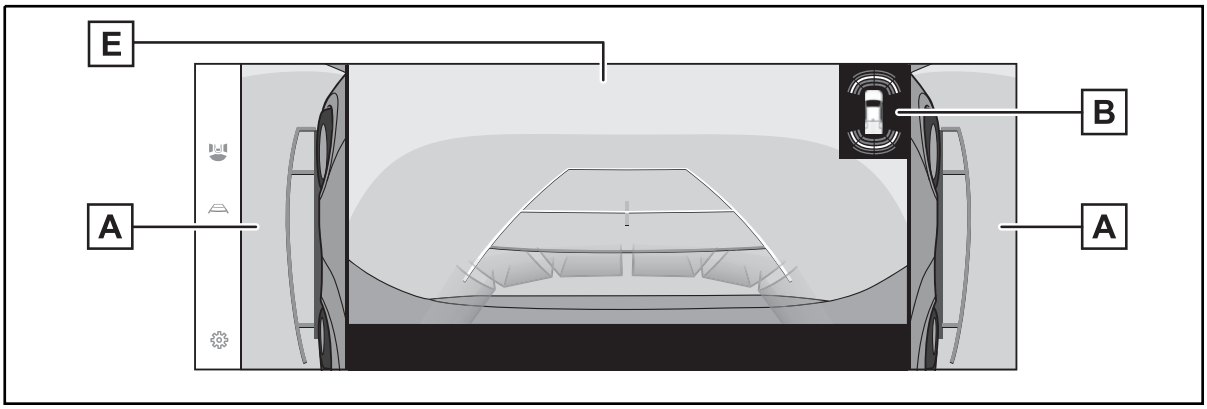
▶ Màn hình góc nhìn bên & Màn hình góc rộng phía trước



▶ Chế độ quan sát hai bên hông xe và góc nhìn phía sau



▶ Màn hình góc nhìn bên & góc nhìn ở góc rộng phía sau



A Màn hình hai bên hông xe

B Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota

Hiển thị chỉ báo trên màn hình và phát ra âm thanh chuông khi cảm biến phát hiện được vật thể.

C Màn hình góc rộng phía trước

D Màn hình góc nhìn phía sau

E Màn hình góc rộng phía sau

n **Màn hình của cảm biến hỗ trợ đỗ xe**

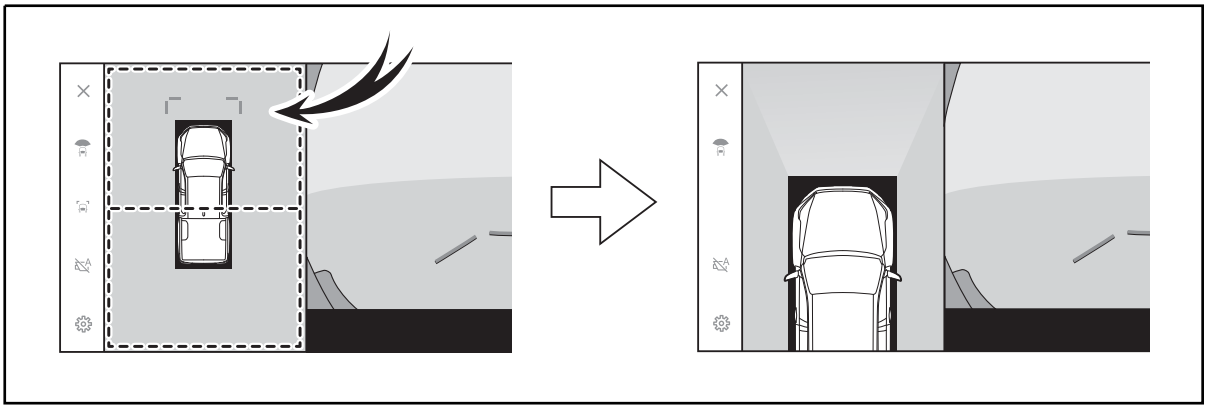
Vị trí hiển thị của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota (→P.283) có thể không khớp với vị trí của vật cản được hiển thị trên hình ảnh của camera.

Phóng to màn hình (chế độ xem toàn cảnh)

Có thể sử dụng chức năng phóng to màn hình nếu hình ảnh trên màn hình quá nhỏ và khó quan sát.

Hãy chạm vào khu vực mà bạn muốn phóng to khi đang ở chế độ màn hình góc nhìn toàn cảnh.

Màn hình hiển thị



- Khu vực đã chọn được phóng to.
- Bạn có thể phóng to khu vực phía trước hoặc phía sau xe khi ở chế độ góc nhìn toàn cảnh.
- Để hủy chế độ phóng to, hãy chạm lại vào màn hình.

n **Phóng to màn hình**

l Chỉ có thể bật chức năng phóng to/thu nhỏ khi đáp ứng được tất cả các điều kiện sau:
- Tốc độ của xe dưới 12 km/h.
- Chức năng cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota (→P.283) đã được bật

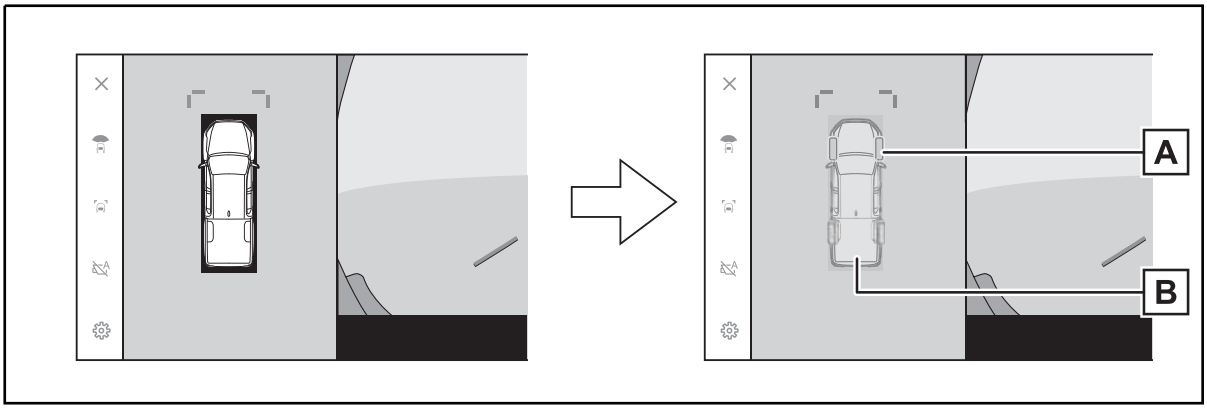
l Trong bất kỳ trường hợp nào sau đây, chức năng phóng to/thu nhỏ hình ảnh sẽ tự động bị hủy:
- Tốc độ xe trên 12 km/h.
- Tắt chức năng cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota

l Các đường chỉ dẫn sẽ không xuất hiện khi đã phóng to hình ảnh ở chế độ góc nhìn toàn cảnh.

Hiển thị góc nhìn bên dưới gầm xe (chế độ xem toàn cảnh)

Hệ thống sẽ hiển thị hình ảnh tổng hợp do camera ghi lại trong quá khứ ở vị trí xe hiện tại để hỗ trợ người lái quan sát bên dưới gầm xe, vị trí các lốp trước... Góc nhìn này được hiển thị ở chế độ quan sát toàn cảnh, góc nhìn khoảng cách hai bên hông xe hoặc chế độ quan sát khi vào cua.

Màn hình hiển thị



A Vết bánh xe

Hiển thị các đường chỉ dẫn vị trí lốp được liên kết với vị trí vô lăng.

B Các đường chỉ dẫn xe

Hiển thị phía bên ngoài của xe.

n **Góc nhìn bên dưới gầm xe trong suốt.**

l Góc nhìn bên dưới gầm xe sẽ được hiển thị khi đã bật cài đặt trên màn hình cài đặt tùy chọn cá nhân và xe đang chạy tiến hoặc lùi.

l Góc nhìn bên dưới gầm xe sẽ không được hiển thị trong các trường hợp sau:

- Tốc độ xe là lớn hơn 20 km/h.
- Xe đỗ lại sau một khoảng thời gian nhất định.
- Nếu xe chưa di chuyển được quãng đường nhất định sau khi khởi động.
- Các gương chiếu hậu bên ngoài xe được gập lại.
- Hệ thống ABS đang hoạt động.
- Hệ thống có thể sẽ hoạt động không chính xác.

l Hệ thống có thể sẽ không hoạt động chính xác trong các trường hợp sau:

- Trên đường bị phủ tuyết.
- Có bóng đổ từ các đèn…
- Có bụi bẩn hoặc vật thể lạ trên kính của camera.
- Nước (sông, biển, vv...).
- Đã lắp các thiết bị lựa chọn.
- Khi có vật thể ở phía trước camera.
- Đã thay các lốp xe.
- Cửa hậu bị hở và camera nằm không đúng vị trí.
- Mặt đường trơn trượt hoặc bánh xe bị trượt.
- Khi xe đang được đỗ xe trên đồi dốc hoặc trên đường không bằng phẳng.

l Khi tầm nhìn được ghi lại trong quá khứ được hiển thị, màn hình và tình huống thực tế có thể khác nhau trong các trường hợp sau:

- Một chướng ngại vật xuất hiện hoặc di chuyển sau khi tầm nhìn được ghi lại.
- Cát hoặc tuyết bay ra hoặc di chuyển sau khi tầm nhìn được ghi lại.
- Bùn hoặc vũng nước nằm trong phạm vi hiển thị.
- Khi xe bị trượt.

l Một phần hoặc toàn bộ khung hình bên dưới gầm xe có thể sẽ có màu đen trong các trường hợp sau:

- Xe bắt đầu di chuyển mà không ghi lại hình ảnh nào.
- Vô lăng được đánh lái nhiều hơn góc lái nhất định.
- Xe đỗ lại sau một khoảng thời gian nhất định.

⚠ CẢNH BÁO

n **Góc nhìn bên dưới gầm xe trong suốt.**

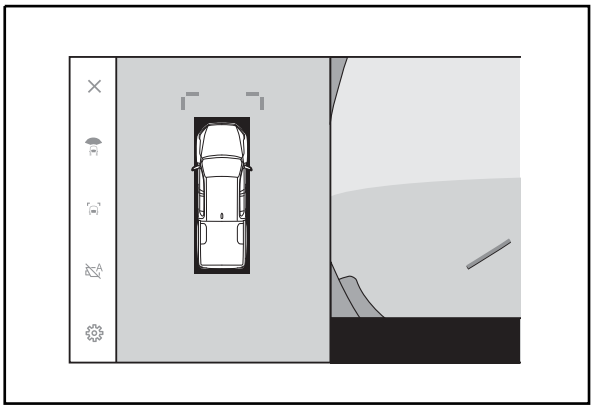
l Các đường chỉ dẫn vị trí lốp và của xe có thể sẽ không khớp với vị trí thực tế của xe do số lượng hành khách, tải trọng trên xe, độ dốc của đường, tình trạng mặt đường, độ sáng của môi trường xung quanh, các thiết bị lắp thêm, thay thế lốp và các lý do khác. Hãy luôn chú ý kiểm tra xung quanh khi đang lái xe.

l Hình ảnh được hiển thị là những hình ảnh đã được ghi lại trước đó. Do đó, nếu các chướng ngại vật và các vật thể khác di chuyển sau khi ghi hình, thì hình ảnh được hiển thị và trên thực tế có thể sẽ không khớp nhau.

Thay đổi cài đặt màn hình đa địa hình

Có thể thay đổi được các cài đặt liên quan đến màn hình đa địa hình, chẳng hạn như chế độ hiển thị tự động khi vào cua và màu sắc của thân xe.

1 Chạm vào ⚙.



2 Chọn hạng mục mong muốn.

● Góc nhìn khi vào cua

Tự động hiển thị chế độ quan sát khi vào cua.

● Quan sát dưới gầm xe

Bật hoặc tắt chế độ quan sát bên dưới gầm xe. Khi người dùng bật chức năng này và lái xe về phía trước hoặc phía sau thì hệ thống sẽ hiển thị hình ảnh tổng hợp do camera ghi lại trong quá khứ ở vị trí xe hiện tại để hỗ trợ người lái quan sát bên dưới gầm xe, vị trí các lốp trước... Góc nhìn được hiển thị ở chế độ quan sát toàn cảnh, góc nhìn khoảng cách hai bên hông xe hoặc chế độ quan sát khi vào cua.

● Hiển thị 3D Toyota Park Assist

Hiển thị hoặc ẩn màn hình 3D của hệ thống cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota.

● Khoảng cách Toyota Park Assist

Thay đổi khoảng cách mà cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota bắt đầu phát hiện được các vật cản.

● Màu thân xe

Thay đổi màu sắc của thân xe được hiển thị trên màn hình.

n **Tình trạng treo của màn hình cài đặt**

Để đảm bảo an toàn, bạn sẽ không thể hiển thị màn hình cài đặt tùy chọn cá nhân khi xe đang chạy.

Khi sử dụng hệ thống theo dõi đa địa hình

Hãy tuân theo các lưu ý sau. Nếu không có thể dẫn tới tai nạn bất ngờ. Đồng thời, khi lái xe hãy trực tiếp quan sát xung quanh và khu vực phía sau xe để đảm bảo an toàn.

CẢNH BÁO

n **Những trường hợp không nên sử dụng hệ thống theo dõi đa địa hình**

Không sử dụng hệ thống theo dõi đa địa hình trong các trường hợp dưới đây. Do khi đó hệ thống có thể không hoạt động chính xác, dẫn đến tai nạn bất ngờ.

- Khi mặt đường có tuyết, băng hoặc trơn trượt
- Khi sử dụng xích quấn lốp hoặc lốp dự phòng loại khẩn cấp
- Khi (các) cửa trước hoặc cửa sau thùng xe không đóng chặt
- Trên những con đường không bằng phẳng, chẳng hạn như đường đồi
- Nếu lắp các lốp có kích thước khác với tiêu chuẩn của Toyota
- Nếu đã chỉnh sửa hệ thống treo
- Nếu một sản phẩm không chính hãng của Toyota được lắp ở vị trí được hiển thị trên màn hình

n **Các đường chỉ dẫn**

Các đường chỉ báo vị trí lốp và đường chỉ báo vị trí xe có thể khác so với vị trí xe thực tế tùy vào số lượng hành khách, trọng lượng hàng hóa, điều kiện bề mặt đường, độ sáng của khu vực xung quanh… Luôn lái xe trong khi xác nhận an toàn xung quanh.

CHÚ Ý

n **Màn hình toàn cảnh**

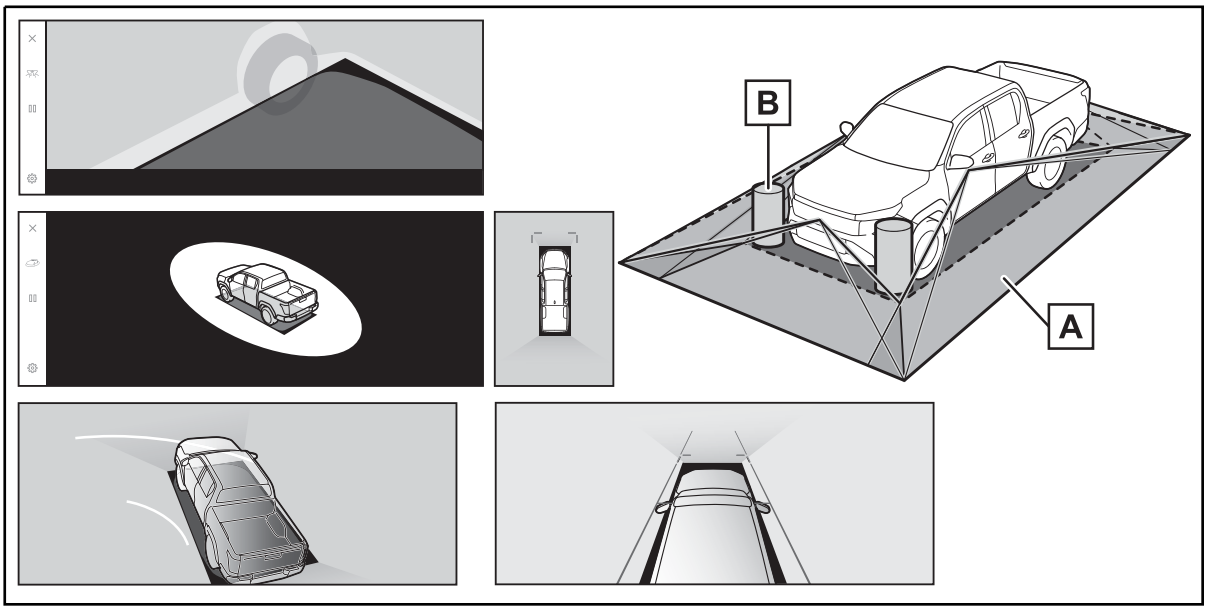
- Chế độ nhìn xuyên, chế độ quan sát di chuyển, chế độ quan sát toàn cảnh, chế độ quan sát khoảng cách hai bên hông xe và chế độ quan sát khi vào cua sẽ tạo ra hình ảnh bằng cách kết hợp của các hình ảnh được ghi lại bởi camera trước, camera sau và camera bên. Vì phạm vi và nội dung có thể hiển thị là có giới hạn, hãy đảm bảo rằng bạn đã nắm bắt đầy đủ các tính năng của Multi-terrain Monitor trước khi sử dụng nó.
- Bốn góc của chế độ góc nhìn xuyên, chế độ quan sát khi di chuyển, chế độ quan sát toàn cảnh, góc nhìn khoảng cách hai bên hông xe và chế độ quan sát khi vào cua có vùng xử lý nối ghép hình ảnh tập trung vào phía mép của các camera và độ rõ nét của hình ảnh có thể sẽ bị giảm đi. Tuy nhiên đó là hiện tượng bình thường.
- Tùy thuộc vào điều kiện ánh sáng gần các camera, mà các mảng sáng và tối có thể sẽ xuất hiện ở chế độ góc nhìn xuyên, chế độ quan sát khi di chuyển, chế độ quan sát toàn cảnh, góc nhìn khoảng cách hai bên hông xe và chế độ quan sát khi vào cua.
- Chế độ quan sát nhìn xuyên, chế độ góc quan sát khi di chuyển, chế độ góc nhìn toàn cảnh, góc nhìn khoảng cách hai bên hông xe và chế độ quan sát khi vào cua không thể mở rộng cao hơn vị trí lắp đặt và phạm vi thu hình của mỗi camera.

CHÚ Ý

- Có những điểm mù xung quanh xe và do đó sẽ có những vùng không được hiển thị trên màn hình Multi-terrain Monitor.
- Các vật thể ba chiều được hiển thị ở chế độ quan sát góc rộng phía trước, chế độ quan sát phía sau, chế độ quan sát góc rộng phía sau hoặc chế độ quan sát hông xe có thể sẽ không được hiển thị ở chế độ góc nhìn xuyên, chế độ quan sát khi di chuyển, chế độ quan sát toàn cảnh, góc nhìn khoảng cách hai bên hông xe và chế độ quan sát khi vào cua.
- Con người và các vật thể ba chiều khác có thể sẽ xuất hiện khác biệt khi được hiển thị trên màn hình Đa địa hình. (Những khác biệt này bao gồm các trường hợp trong đó các đối tượng được hiển thị dường như bị nghiêng xuống, biến mất gần các vùng xử lý hình ảnh, xuất hiện từ các vùng xử lý ghép nối hình ảnh hoặc khoảng cách thực tế đến một đối tượng khác với vị trí được hiển thị.)
- Khi cửa sau thùng xe được lắp camera quan sát phía sau hoặc các cửa trước được trang bị gương chiếu hậu bên có tích hợp camera bên, đang ở trạng thái mở, thì hình ảnh trên Màn hình đa địa hình sẽ không được hiển thị một cách chính xác.
- Biểu tượng xe được hiển thị ở chế độ góc nhìn xuyên, chế độ góc nhìn khi di chuyển, chế độ góc nhìn toàn cảnh, góc nhìn khoảng cách hai bên hông xe và chế độ quan sát khi vào cua là hình ảnh do máy tính tạo ra, vì vậy màu sắc, hình dạng và kích thước sẽ không giống với xe thực tế. Do đó, các vật thể ba chiều ở gần đó có thể đang chạm vào xe và khoảng cách thực tế đến các vật thể ba chiều có thể sẽ khác so với khoảng cách được hiển thị trên màn hình.

Khu vực được hiển thị trên màn hình

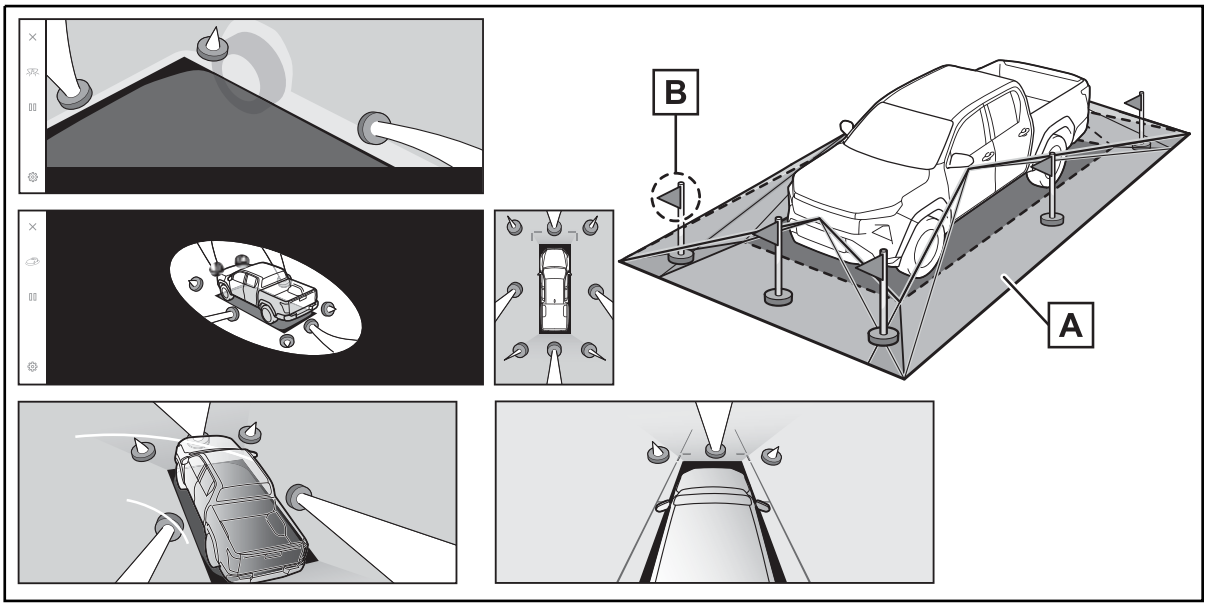
Có những điểm mù xung quanh xe và do đó sẽ có những vùng không hiển thị trên màn hình. Ngay cả khi không có gì xung quanh xe được hiển thị trên màn hình, thực tế có thể vẫn có các chướng ngại vật trên đường mà xe bạn có thể sẽ va chạm. Luôn đảm bảo kiểm tra bằng cách quan sát môi trường xung quanh bạn.



A Khu vực được hiển thị trên màn hình

B Các đối tượng không được hiển thị trên màn hình

Các chướng ngại vật trong các vùng màu đen sẽ không xuất hiện trên màn hình.



A Khu vực được hiển thị trên màn hình

B Các phần của các vật thể không được hiển thị trên màn hình

Các chi tiết nằm cao hơn đường sẽ không xuất hiện trên màn hình.

n **Khu vực xuất hiện trên màn hình**

l Camera sẽ không hiển thị các phần màu đen xung quanh biểu tượng xe. Hãy kiểm tra bằng cách quan sát trực tiếp các khu vực đó.

l Khi hình ảnh thu được từ bốn camera sẽ được xử lý và hiển thị trên cơ sở là một mặt đường bằng phẳng, chế độ góc nhìn nhìn xuyên, chế độ quan sát khi di chuyển, chế độ quan sát toàn cảnh (bao gồm cả màn hình đã được phóng to), chế độ quan sát khoảng cách hai bên và chế độ quan sát khi vào cua có thể sẽ được hiển thị như sau:

- Hình ảnh có thể sẽ bị biến dạng, mỏng hơn hoặc lớn hơn so với thông thường.
- Những vật thể nằm ở vị trí cao hơn mặt đường có thể trông sẽ nằm xa hơn thực tế hoặc có thể sẽ hoàn toàn không xuất hiện trên hình.
- Các vật thể cao nhô lên trên khu vực không được hiển thị trên hình ảnh.

l Sự thay đổi về độ sáng của hình ảnh có thể sẽ xuất hiện với tất cả các camera do điều kiện ánh sáng.

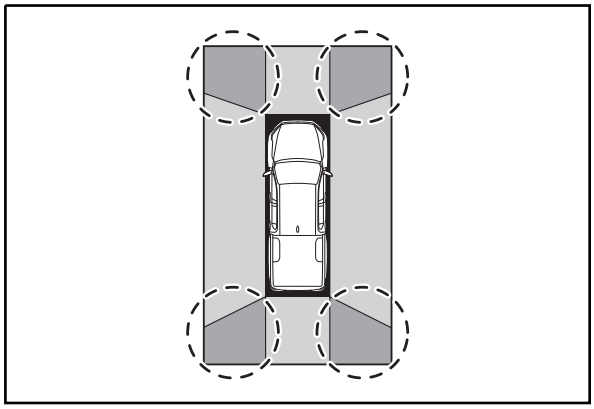
l Hình ảnh được hiển thị có thể sẽ bị lệch do thân xe bị nghiêng hoặc thay đổi chiều cao bởi số lượng hành khách ngồi trên xe, tải trọng của xe và lượng nhiên liệu trong bình.

l Nếu các cửa xe không được đóng chặt, hình ảnh và các đường chỉ dẫn có thể sẽ không được hiển thị một cách chính xác.

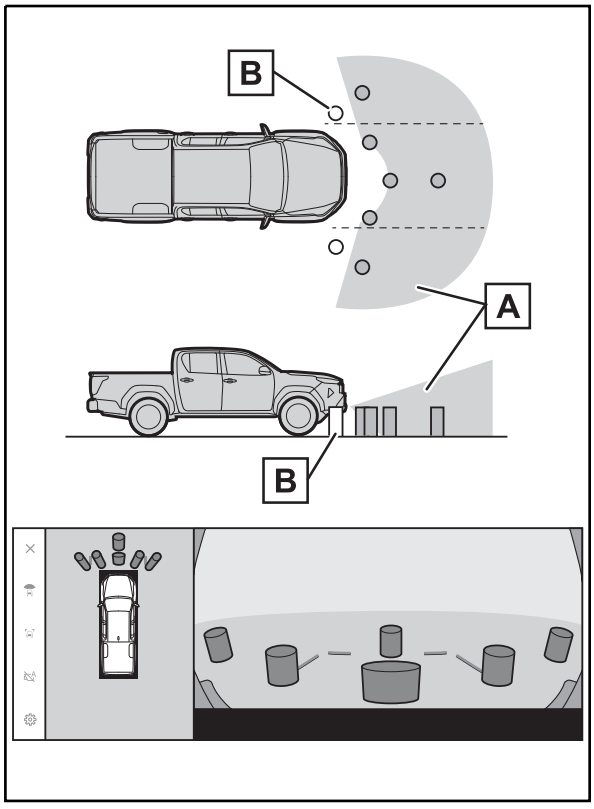
l Mối quan hệ vị trí của mặt đường và các vật thể với biểu tượng xe được hiển thị ở chế độ góc nhìn xuyên, chế độ quan sát khi di chuyển, chế độ quan sát toàn cảnh (bao gồm cả màn hình đã được phóng to), góc nhìn khoảng cách hai bên hông xe và chế độ quan sát khi vào cua có thể sẽ khác so với các vị trí thực tế.

l Ánh sáng từ đèn soi biển số xe có thể sẽ xuất hiện trên màn hình.

l Các hình ảnh được biểu thị bởi ◌ trong hình là những hình ảnh tổng hợp, do đó có thể sẽ khó quan sát ở một số khu vực.



n **Màn hình góc rộng phía trước**



A Khu vực được hiển thị trên màn hình

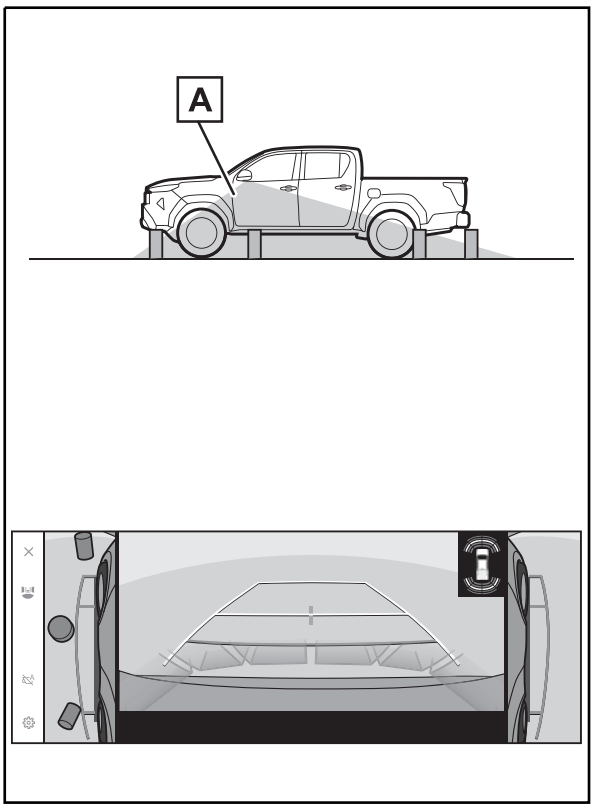
B Các đối tượng không được hiển thị trên màn hình

Các khu vực gần cả hai góc của các cản xe sẽ không xuất hiện trên màn hình.

n **Khu vực hiển thị**

- Phạm vi thu hình của camera là có giới hạn. Các vật nằm ở gần một trong hai góc của cản xe hoặc bên dưới cản xe sẽ không xuất hiện trên màn hình.
- Nhận thức về độ sâu của hình ảnh được hiển thị trên màn hình sẽ khác so với khoảng cách thực tế.
- Camera góc rộng phía trước sử dụng một ống kính đặc biệt, do đó độ sâu của hình ảnh được hiển thị trên màn hình sẽ khác so với khoảng cách thực tế.

▶ Chế độ góc nhìn bên và Chế độ góc nhìn phía sau (khi gập gương chiếu hậu ngoài)

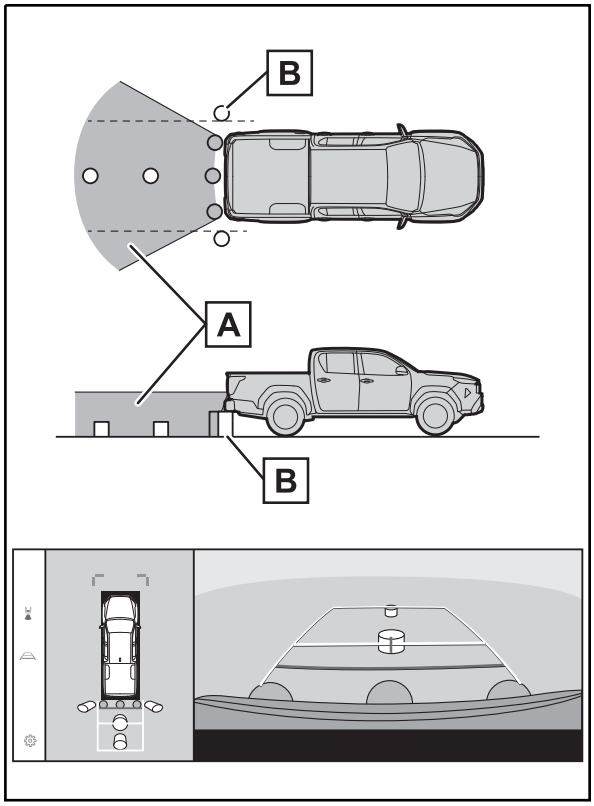


A Khu vực được hiển thị trên màn hình

n **Khu vực hiển thị**

- Phạm vi hiển thị trên màn hình có thể sẽ khác nhau theo trạng thái của xe và mặt đường.
- Phạm vi thu hình của camera là có giới hạn. Các vật nằm ở gần cản xe bên phía hành khách hoặc bên dưới cản sẽ không xuất hiện trên màn hình.
- Nhận thức về độ sâu của hình ảnh được hiển thị trên màn hình sẽ khác so với khoảng cách thực tế.
- Các camera ở phía bên và phía sau sử dụng một ống kính đặc biệt, do đó, độ sâu của hình ảnh được hiển thị trên màn hình sẽ khác so với khoảng cách thực tế.

▶ Màn hình góc nhìn phía sau

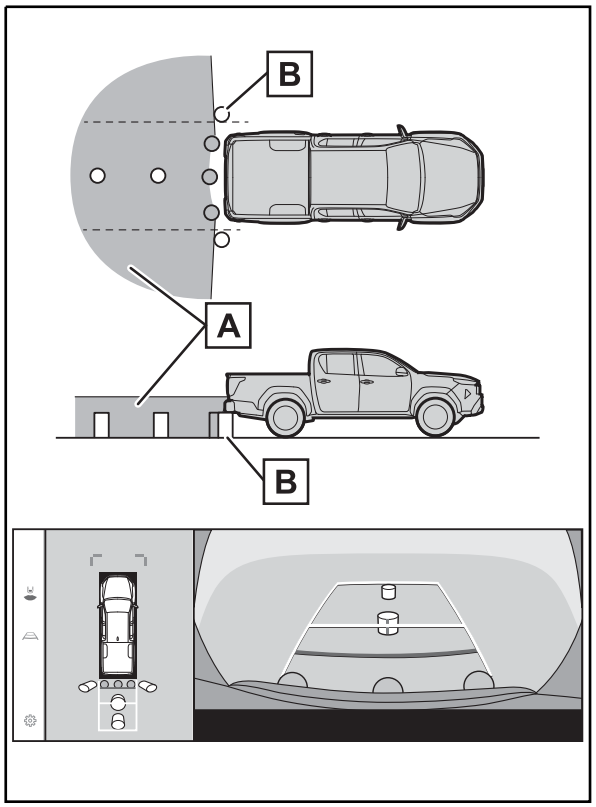


A Khu vực được hiển thị trên màn hình

B Các vật thể không được hiển thị trên màn hình

Các khu vực gần cả hai góc của các cản xe sẽ không xuất hiện trên màn hình.

▶ Màn hình góc rộng phía sau



A Khu vực được hiển thị trên màn hình

B Các vật thể không được hiển thị trên màn hình

Các khu vực gần cả hai góc của các cản xe sẽ không xuất hiện trên màn hình.

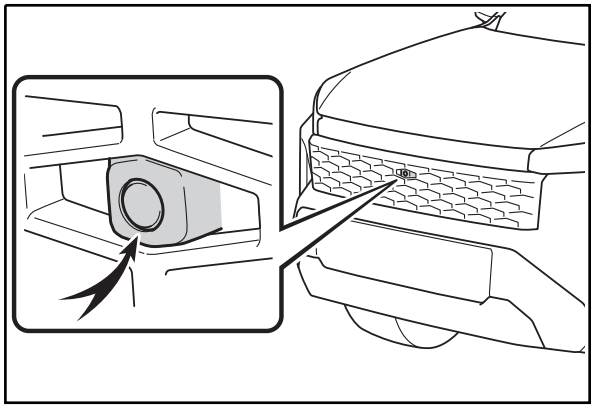
n Khu vực hiển thị

- Phạm vi hiển thị trên màn hình có thể sẽ khác nhau theo trạng thái của xe và mặt đường.
- Phạm vi thu hình của camera là có giới hạn. Các vật nằm ở gần một trong hai góc của cản xe hoặc bên dưới cản xe sẽ không xuất hiện trên màn hình.
- Nhận thức về độ sâu của hình ảnh được hiển thị trên màn hình sẽ khác so với khoảng cách thực tế.
- Camera quan sát góc nhìn phía sau và camera quan sát góc rộng phía sau sử dụng các ống kính đặc biệt, do đó độ sâu của hình ảnh được hiển thị trên màn hình sẽ khác so với khoảng cách thực tế.
- Các vật nằm cao hơn camera sau có thể sẽ không xuất hiện trong màn hình.
- Ánh sáng từ đèn soi biển số xe có thể sẽ xuất hiện trên màn hình.

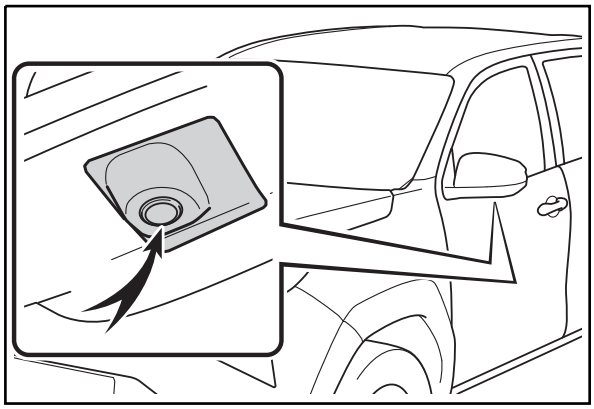
Vị trí camera

Các camera của màn hình theo dõi đa địa hình được đặt ở các vị trí như trong hình vẽ.

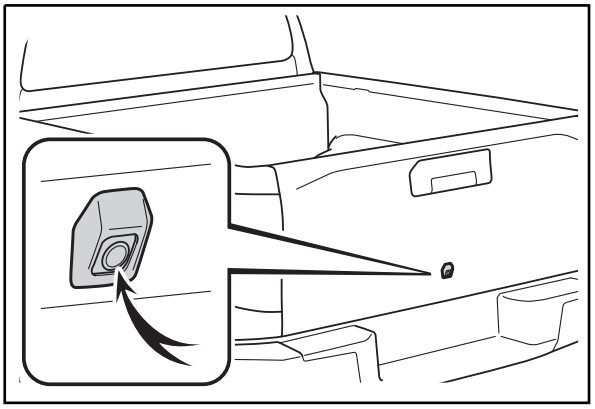
n Camera phía trước



n Các camera bên



n Camera sau



Vệ sinh camera

Nếu bụi bẩn hoặc vật lạ, chẳng hạn như nước, tuyết hoặc bùn, dính vào camera, bạn sẽ không thể nhìn rõ hình ảnh. Nếu tình trạng đó xảy ra, hãy xả một lượng lớn nước vào camera và sau đó lau sạch ống kính camera bằng khăn mềm và ẩm.

⚠ CHÚ Ý

n **Cách sử dụng camera**

l Màn hình ghi dấu đa môi trường có thể hoạt động bất thường. Hãy lưu ý các mục sau:

- Không gõ hoặc tác động mạnh lên camera. Nếu không có thể sẽ làm thay đổi vị trí và góc lắp của camera.
- Camera được thiết kế để chống thấm nước. Không tháo, tháo rời hoặc sửa đổi nó.
- Khi rửa ống kính camera, hãy xả một lượng lớn nước vào camera và sau đó lau sạch ống kính camera bằng khăn mềm và ẩm. Nếu cọ mạnh ống kính camera có thể sẽ làm xước ống kính camera và bạn có thể sẽ không còn nhìn rõ hình ảnh nữa.
- Vỏ camera được làm bằng nhựa. Không để các dung môi hữu cơ, sáp đánh bóng xe, nước rửa kính hoặc lớp phủ kính dính vào camera. Nếu tình trạng này xảy ra, hãy lau sạch nó ngay lập tức.
- Không đổ nước nóng lên xe khi trời lạnh hoặc làm cho nhiệt độ xe bị thay đổi quá nhanh.
- Nếu bạn rửa xe bằng máy rửa xe cao áp, không được hướng vòi rửa thẳng vào camera hoặc khu vực gắn camera. Áp lực nước quá mạnh có thể sẽ khiến camera bị trục trặc.

l Nếu camera bị va chạm, nó có thể sẽ làm hỏng camera. Nếu tình trạng này đã xảy ra, hãy đưa xe đến đại lý Toyota để kiểm tra xe càng sớm càng tốt.

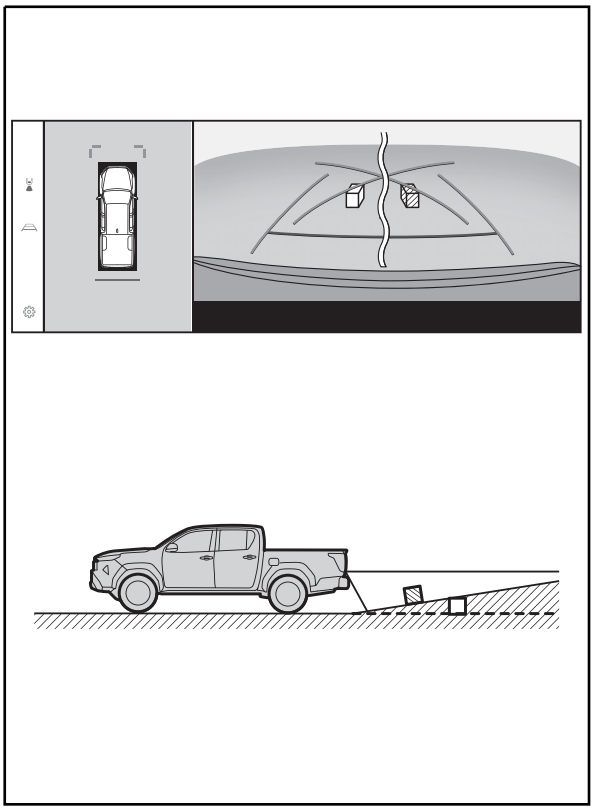
Sự khác biệt giữa màn hình và đường thực tế

Các hình ảnh tổng hợp trên màn hình theo dõi đa địa hình và các đường chỉ dẫn sẽ cung cấp các chỉ dẫn khoảng cách trên các bề mặt đường phẳng. Do đó, sẽ có một sai số nhất định giữa các đường chỉ dẫn trên màn hình và khoảng cách và quỹ đạo di chuyển thực tế trên đường.

Khi mặt đường phía sau xe dốc lên

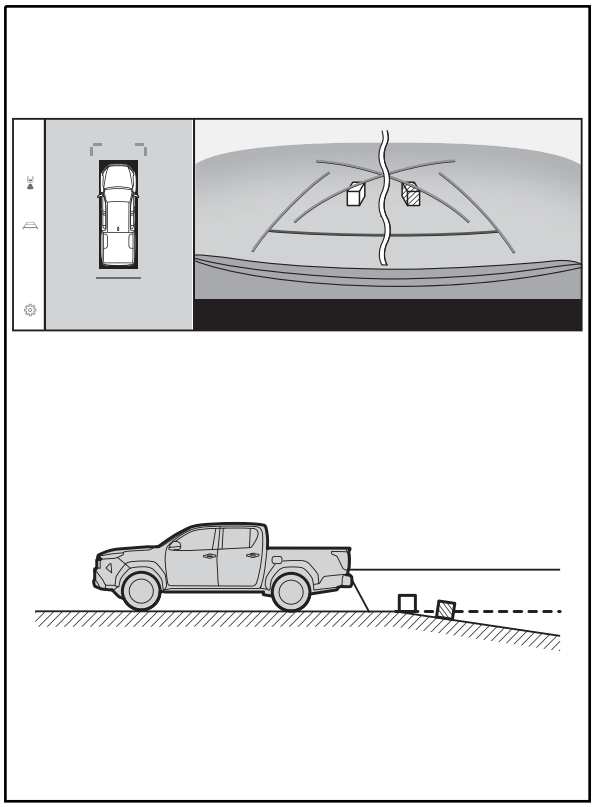
Các đường chỉ dẫn khoảng cách sẽ có vẻ như nằm gần với xe hơn so với khoảng cách thực tế. Do đó, các vật thể nằm trên đường dốc lên sẽ có vẻ sẽ nằm xa hơn so với thực tế. Cũng tương tự, sẽ

có sai số giữa các đường chỉ dẫn với khoảng cách và đường di chuyển thực tế của xe trên đường.



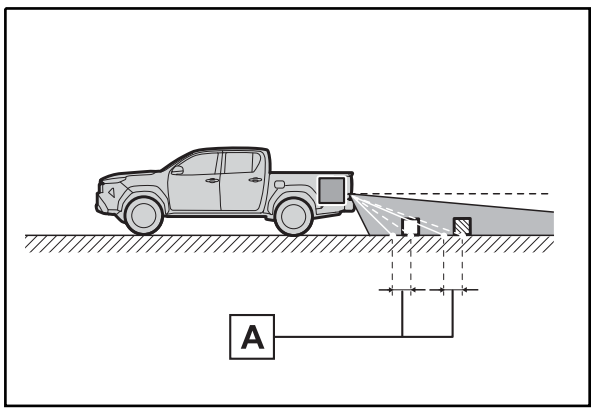
Khi mặt đường phía sau xe dốc xuống

Các đường chỉ dẫn khoảng cách được hiển thị xa hơn so với khoảng cách thực tế. Do đó, các vật thể sẽ hiển thị gần hơn so với thực tế. Lúc này, sẽ có sai số giữa đường chỉ dẫn và khoảng cách thực tế trên đường.



Khi một phần bất kỳ của xe bị lún xuống

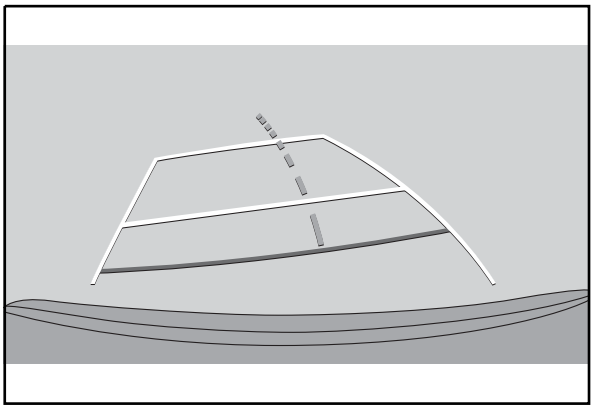
Khi có bất kỳ phần nào của xe bị thấp xuống do số lượng khách hàng hoặc phân bố tải trọng, thì sẽ có sai số giữa các đường chỉ dẫn trên màn hình với khoảng cách và quỹ đạo di chuyển thực tế của xe trên đường.



A Sai số

Đường tâm của đường đi dự kiến

Vì các đường chỉ dẫn được hiển thị nằm lơ lửng giữa không trung gần cản sau, nên đôi khi chúng có thể sẽ trông như bị lệch tâm.



Sự khác biệt giữa hình ảnh trên màn hình và các vật thể 3D thực tế

Vì các đường chỉ dẫn và hình ảnh trên màn hình được hiển thị cho một bề mặt phẳng nên sẽ không thể xác định được vị trí của các vật thể ba chiều. Khi tiến tới gần một vật thể ba chiều có hình dạng loe rộng ra bên ngoài (chẳng hạn như sàn phẳng của xe tải), hãy lưu ý tới những lưu ý sau.

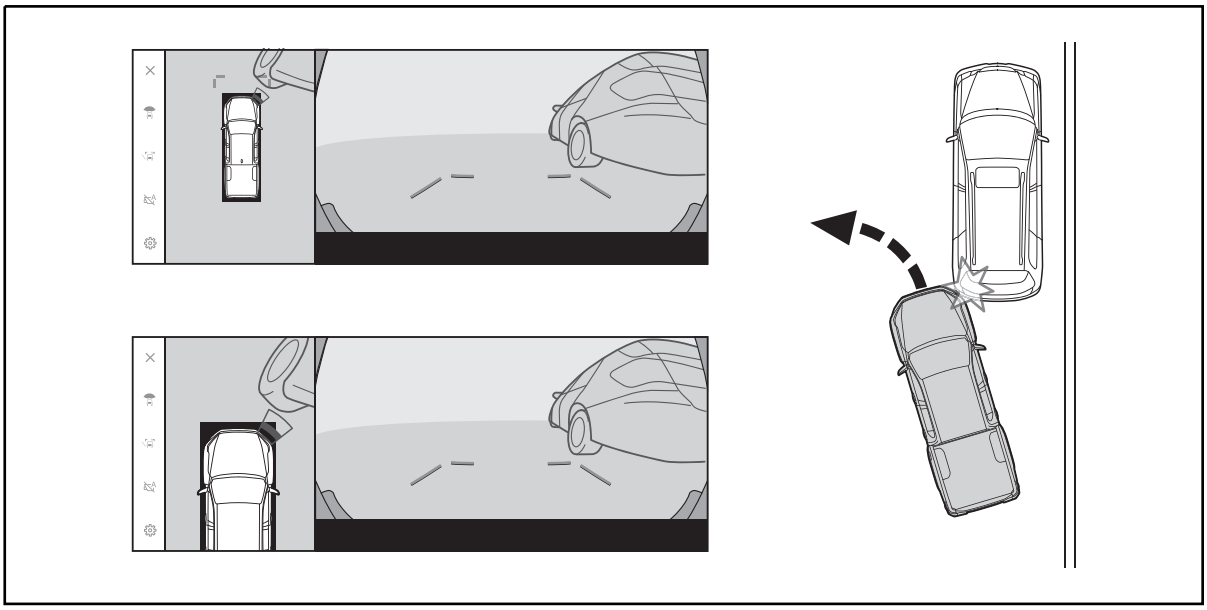
CẢNH BÁO

n **Màn hình pop-up của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota**

Khi màn hình của hệ thống hỗ trợ đỗ xe bằng hình ảnh có màu đỏ, hãy kiểm tra cẩn thận bằng cách trực quan trước khi lái xe. Đang có nguy cơ bị va chạm với xe khác hoặc bị tai nạn bất ngờ.

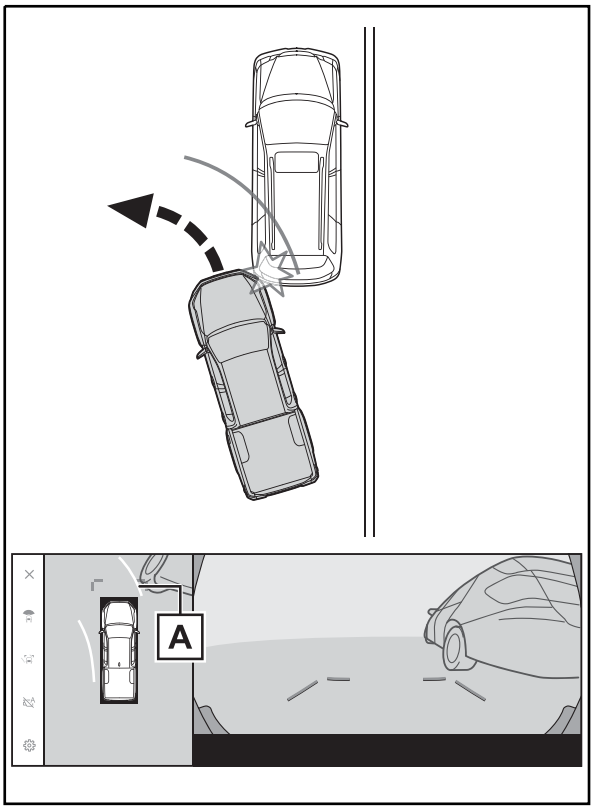
Hiển thị chế độ góc nhìn toàn cảnh (bao gồm cả màn hình phóng to)

Trên màn hình, có vẻ như vẫn có khoảng cách giữa cản xe và vật thể hoặc phương tiện khác, và dường như không có khả năng bị va chạm với vật thể hoặc phương tiện đó. Tuy nhiên, xe đã vượt quá các đường đi nên nó có thể sẽ va chạm với vật thể hoặc phương tiện đó. Hãy đảm bảo kiểm tra kỹ môi trường xung quanh bạn bằng cách quan sát một cách trực quan.



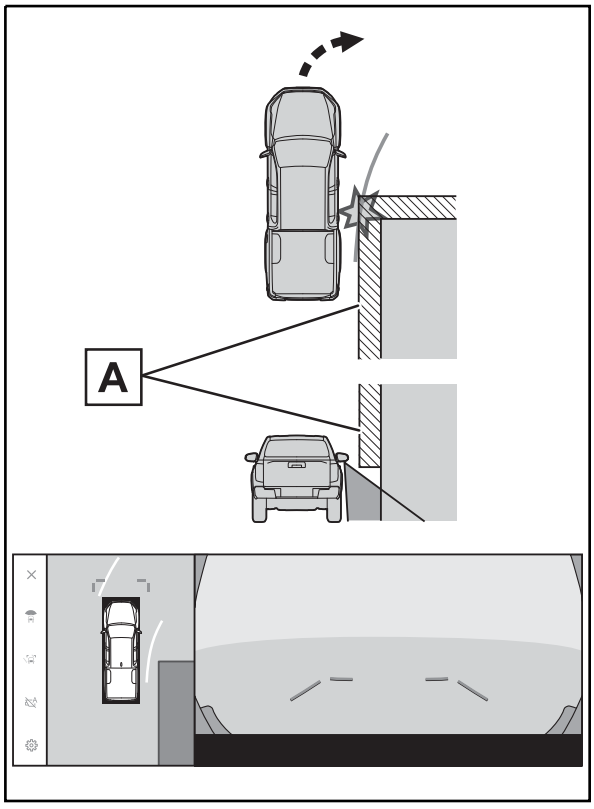
Đường đi dự kiến

- Trên màn hình, có vẻ như cản xe đã nằm ngoài các đường đi dự kiến và dường như xe sẽ không va chạm với vật thể hoặc phương tiện. Tuy nhiên, xe đã vượt quá các đường đi nên nó có thể sẽ va chạm với vật thể hoặc phương tiện đó. Hãy đảm bảo kiểm tra kỹ môi trường xung quanh bạn bằng cách quan sát một cách trực quan.



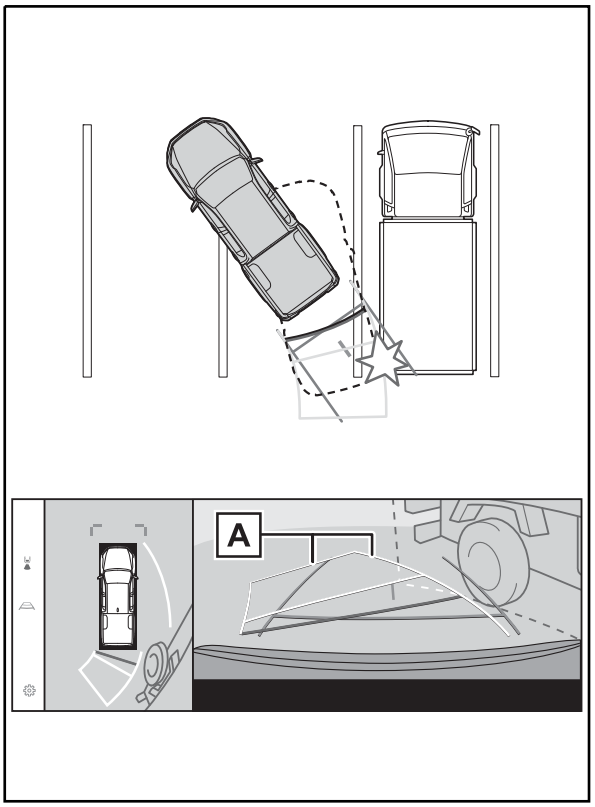
A Đường đi dự kiến

- Các vật thể ba chiều nằm ở vị trí cao (chẳng hạn như phần chìa ra của bức tường hoặc phần sàn chở hàng của xe tải) có thể sẽ không xuất hiện trên màn hình. Hãy đảm bảo kiểm tra kỹ môi trường xung quanh bạn bằng cách quan sát một cách trực quan.



A Phần nhô ra của một bức tường

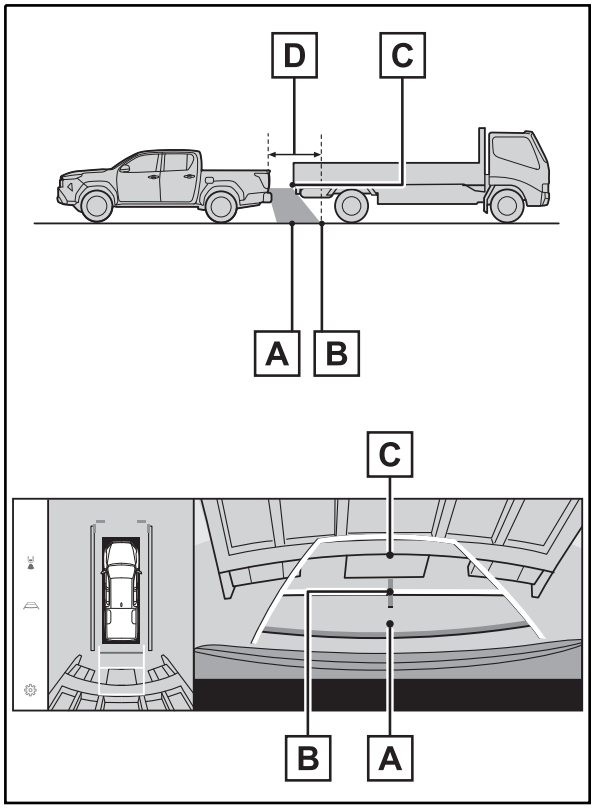
- Trên màn hình, phần sàn của thùng xe tải có thể nằm ngoài các đường đi dự kiến và dường như xe sẽ không va chạm với xe tải. Tuy nhiên, trên thực thế phần sàn của thùng xe tải có thể đã trùng với các đường đi dự kiến và nếu bạn lùi theo chỉ dẫn của các đường đi dự kiến, xe có thể sẽ bị va chạm với xe tải. Hãy đảm bảo kiểm tra kỹ môi trường xung quanh bạn bằng cách quan sát một cách trực quan.



A Đường đi dự kiến

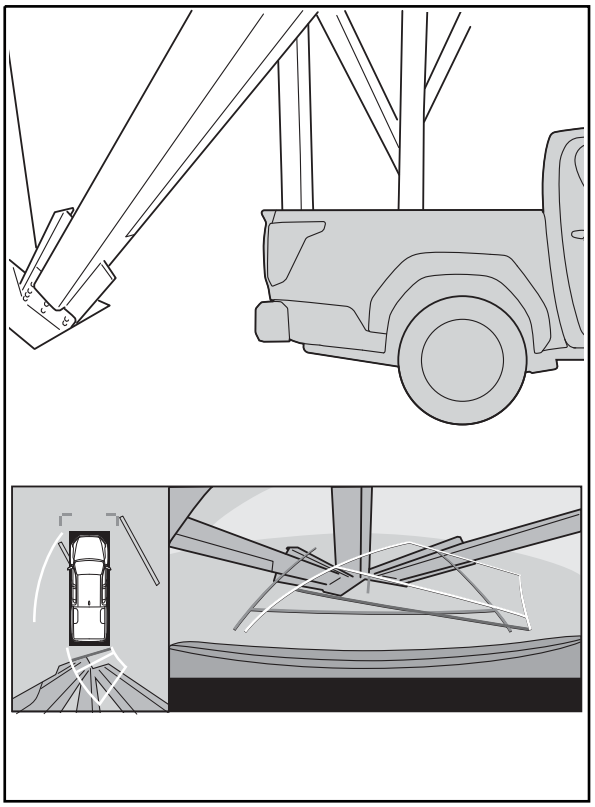
Các đường chỉ dẫn khoảng cách

Trên màn hình, các đường chỉ dẫn khoảng cách cho thấy xe tải đang đỗ tại điểm B. Tuy nhiên, trong thực tế, nếu bạn lùi xe đến điểm A, xe bạn sẽ va chạm với xe tải. Trên màn hình, có vẻ như điểm A nằm gần hơn so với điểm B và điểm C. Tuy nhiên, trên thực tế, khoảng cách đến điểm A và điểm C là như nhau và điểm B nằm xa hơn điểm A và điểm C. Hãy đảm bảo kiểm tra một cách trực quan môi trường phía sau và xung quanh xe bạn. Khoảng cách đến điểm D là khoảng 1 m (3 ft.).



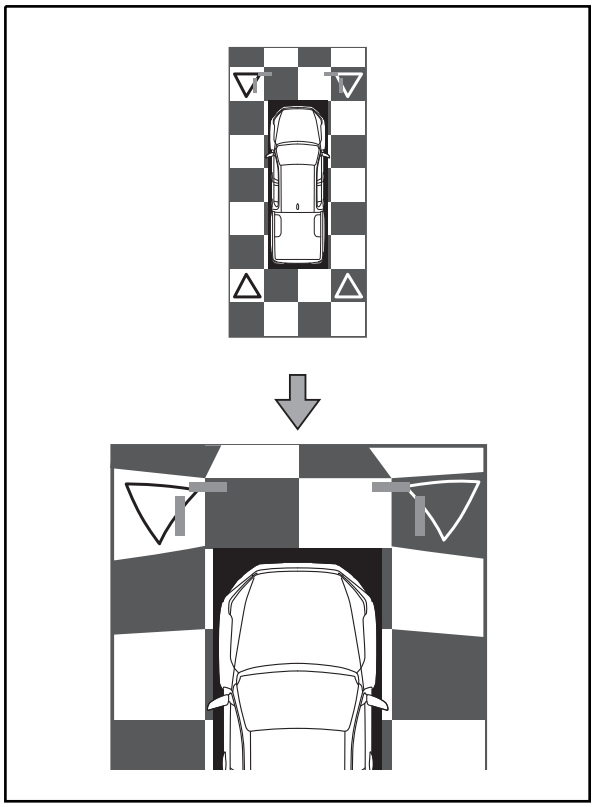
Phần chìa ra của dầm chéo

Ở góc nhìn toàn cảnh, một dầm chéo có thể sẽ xuất hiện thẳng và có vẻ như sẽ không có nguy cơ bị va chạm, tuy nhiên, vì phần trên của dầm thực tế nằm chìa ra nên xe có thể sẽ va chạm với nó. Chắc chắn phải kiểm tra một cách trực quan các khu vực phía sau và xung quanh.



Chức năng phóng to hình ảnh

Khác với chế độ góc nhìn toàn cảnh thông thường, chức năng phóng to màn hình quan sát góc nhìn toàn cảnh sẽ phóng to biểu tượng xe lên. Do đó, các vạch kẻ trên mặt đường, các bức tường và các vật thể khác có thể sẽ bị cong.



Màn hình quan sát mặt đường

Các đường dẫn chỉ báo vị trí lốp và vị trí xe có thể khác so với vị trí xe thực tế tùy theo số lượng hành khách, hành lý, cấp đường, điều kiện mặt đường, độ sáng của môi trường xung quanh, vv.... Luôn luôn lái xe cẩn thận đồng thời xác nhận an toàn xung quanh xe.

n Sử dụng màn hình quan sát mặt đường

l Các hình ảnh được hiển thị đã được chụp trước đó tại ở phía sau vị trí xe hiện tại.
Do đó, điều kiện thực tế có thể khác so với xuất hiện trên màn hình trong các trường hợp sau.

- Khi các điều kiện thay đổi như khi có một vật đã di chuyển ra hoặc vào khung sau khi đã lấy hình ảnh.
- Khi tuyết hoặc cát có thể bị vỡ vụn hoặc tan ra
- Khi vật thể đã di chuyển
- Khi có vũng nước, vũng bùn… nằm

trong vùng hiển thị
- Khi xe bị trượt

l Trong các trường hợp sau, các vị trí lốp thực tế và vị trí xe sẽ khác so với các đường chỉ báo vị trí lốp và đường chỉ báo vị trí xe.
- Khi đã thay lốp
- Khi lắp thiết bị tùy chọn

CẢNH BÁO

n **Các đường chỉ dẫn**

Các đường chỉ dẫn được hiển thị trên hình ảnh được chụp trước đó và có thể khác so với tình trạng thực tế. Luôn lái đảm bảo an toàn xung quanh xe trong khi lái xe.

Những điều mà bạn nên biết

Nếu bạn cảm thấy có điều gì đó bất thường

Nếu bạn nhận thấy hoặc gặp các sự cố với các triệu chứng dưới đây, hãy kiểm tra lại vấn đề và tham khảo nguyên nhân có thể gây ra sự cố và giải pháp để xử lý.

Nếu triệu chứng vẫn tồn tại sau khi đã thử xử lý theo các hướng dẫn, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

Triệu chứng	Nguyên nhân	Giải pháp
Hình ảnh khó quan sát	• Xe đang ở trong khu vực tối hoặc đang vào ban đêm. • Nhiệt độ xung quanh ống kính quá cao hoặc quá thấp • Nhiệt độ bên ngoài xe thấp • Có nước đọng trên camera • Trời mưa hoặc ẩm ướt • Có các tạp chất (bùn, v.v.) bám vào camera • Ánh nắng mặt trời hoặc đèn pha chiếu trực tiếp vào camera • Khi sử dụng xe ở dưới ánh đèn huỳnh quang, đèn nat-tri hoặc đèn thủy ngân...	Hãy chú ý kiểm tra bằng cách quan sát một cách trực quan môi trường xung quanh xe khi bạn đang lái xe. Sử dụng lại Màn hình đa địa hình sau khi camera và điều kiện đã cải thiện. Quy trình điều chỉnh chất lượng hình ảnh cho hệ thống Màn hình đa địa hình giống với quy trình điều chỉnh màn hình. Hãy tham khảo "Hướng dẫn sử dụng đa phương tiện".
Hình ảnh bị mờ	Bụi bẩn hoặc tạp chất, chẳng hạn như nước, tuyết hoặc bùn, đã dính vào ống kính camera.	Hãy xả một lượng lớn nước vào camera và sau đó lau sạch ống kính camera bằng khăn mềm và ẩm.
Màn hình bị lệch	Camera đã bị va chạm mạnh.	Hãy kiểm tra xe ở Đại lý Toyota.
Các đường chỉ dẫn bị lệch đáng kể	Vị trí của camera bị lệch.	Hãy kiểm tra xe ở Đại lý Toyota.
	• Khi xe bị nghiêng (xe có tải nặng, áp suất lốp thấp do lốp bị xịt hơi …) • Xe đang trên dốc.	Hãy chú ý kiểm tra bằng cách quan sát một cách trực quan môi trường xung quanh xe khi bạn đang lái xe.
Đường đi dự kiến của xe dịch chuyển ngay cả khi giữ thẳng tay lái (đường chỉ dẫn bề rộng xe và đường đi dự kiến không thẳng hàng).	Có lỗi trong các tín hiệu đầu ra của cảm biến vô lăng.	Hãy kiểm tra xe ở Đại lý Toyota.

Triệu chứng	Nguyên nhân	Giải pháp
Các đường chỉ dẫn không được hiển thị	Cửa sau thùng xe đang mở.	Đóng chặt nắp thùng sau. Nếu triệu chứng này chưa được giải quyết, hãy yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.
Không thể phóng to hình ảnh của góc nhìn toàn cảnh. Màn hình góc nhìn xuyên / Góc nhìn khi di chuyển, góc nhìn bên và góc nhìn khi vào cua không thể hiển thị.	Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota có thể bị hư hỏng hoặc bị dính bẩn.	Hãy tuân theo các quy trình hiệu chỉnh để khắc phục lỗi của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota. (→P.283)
Khó quan sát hình ảnh của camera sau.	Các tạp chất (như nước, tuyết, bùn…) đọng trên ống kính camera.	Rửa sạch camera bằng một lượng nước lớn, rồi lau lại bằng một miếng giẻ mềm có thấm nước.
	Vật thể lạ (như băng, tuyết hay bùn) bám vào các chi tiết xung quanh ống kính của camera.	Lấy vật thể lạ ra.

Thông tin về phần mềm mã nguồn mở/phần mềm miễn phí

About Free / Open-Source Software Information

This product includes the free / open-source software.
You can obtain the licensing information of the free / open-source software from the following URL.

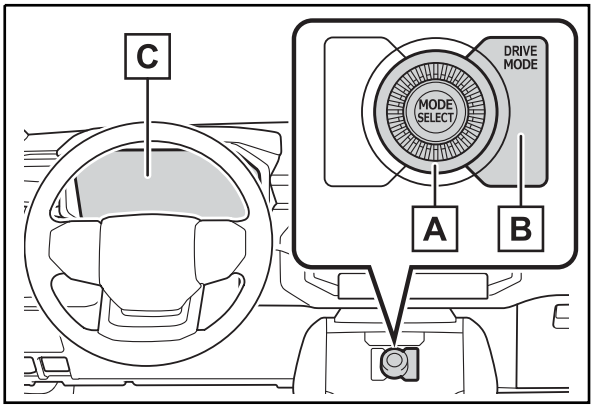
https://www.denso.com/global/en/opensource/svss/toyota/

Công tắc chọn chế độ lái xe*

*: Nếu có

Có thể chọn các chế độ lái xe phù hợp với điều kiện lái xe thực tế.

Các thành phần hệ thống (động cơ diesel với hệ thống chọn chế độ đa địa hình)



A Công tắc MODE SELECT

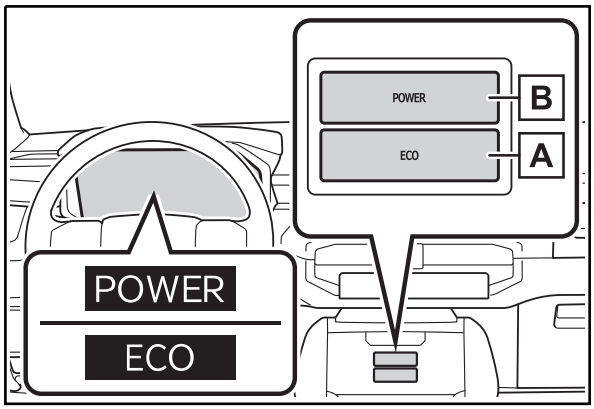
B Công tắc DRIVE MODE

C Màn hình đa thông tin (→P.106, 116)

Chọn chế độ lái xe

▶ Động cơ xăng

Có thể chọn các chế độ lái xe cho phù hợp với điều kiện lái xe.



A Chế độ lái Eco

Hãy sử dụng chế độ lái Eco để giảm mức tiêu hao nhiên liệu trong suốt hành trình khi phải tăng tốc thường xuyên.

Ấn công tắc "ECO" để chọn chế độ lái Eco. Đèn chỉ báo "ECO" sẽ sáng lên.

Ấn công tắc này một lần nữa để hủy chế độ lái tiết kiệm nhiên liệu, và sau đó chế độ lái sẽ chuyển thành chế độ bình thường để lái xe bình thường.

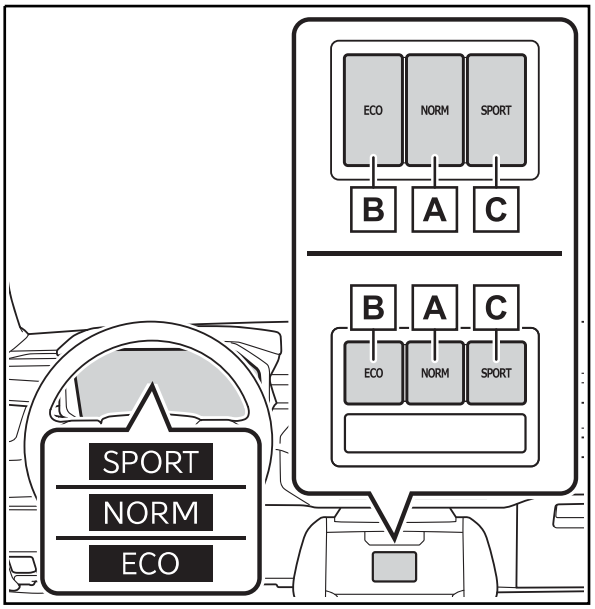
B Chế độ Power

Khi cần tốc độ đáp ứng nhanh và cảm giác lái tốt, như khi lái xe trên vùng đồi núi hoặc khi cần vượt xe khác.

Ấn công tắc "POWER" để chọn chế độ Power. Đèn chỉ báo "POWER" sẽ sáng.

Ấn công tắc này một lần nữa để hủy chế độ Power, và sau đó chế độ lái sẽ chuyển thành chế độ bình thường để lái xe bình thường.

▶ Động cơ diesel không có Multi-terrain Select



A Chế độ normal (bình thường)

Cung cấp mức cân bằng tối ưu của tính tiết kiệm nhiên liệu, độ êm và tính năng động lực học của xe. Phù hợp với chế độ lái xe trong thành phố.

B Chế độ lái Eco

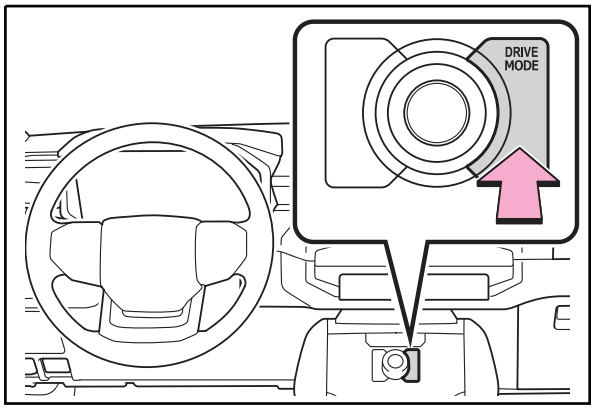
Giúp cho quá trình tăng tốc xe diễn ra phù hợp để giảm thiểu ô nhiễm môi trường và cải thiện mức tiêu hao nhiên liệu thông qua việc điều tiết hoạt động của bướm ga và điều khiển hoạt động của hệ thống điều hòa (sưởi ấm/làm mát). Đèn chỉ báo "ECO" sẽ sáng.

C Chế độ Sport (thể thao)

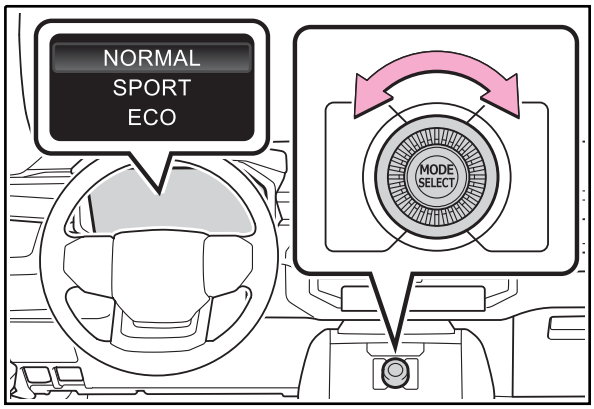
Hỗ trợ đáp ứng tăng tốc bằng cách điều khiển hộp số, động cơ và hệ thống lái. Phù hợp với việc xử lý điều khiển chính xác, ví dụ khi lái xe trên đường trên núi. Đèn chỉ báo "SPORT" sẽ sáng.

▶ Động cơ diesel với hệ thống chọn chế độ đa địa hình

1 Ấn công tắc DRIVE MODE.



2 Chọn các chế độ lái trên màn hình đa thông tin trong khi xoay nút MODE SELECT sang trái và sang phải.



• Chế độ normal (bình thường)

Cung cấp mức cân bằng tối ưu của tính tiết kiệm nhiên liệu, độ êm và tính năng động lực học của xe. Phù hợp với chế độ lái xe trong thành phố.

• Chế độ lái Eco

Giúp cho quá trình tăng tốc xe diễn ra phù hợp để giảm thiểu ô nhiễm môi trường và cải thiện mức tiêu hao nhiên liệu thông qua việc điều tiết hoạt động của bướm ga và điều khiển hoạt động của hệ thống điều hòa (sưởi ấm/làm mát). Đèn chỉ báo "ECO" sẽ sáng.

• Chế độ Sport (thể thao)

Hỗ trợ đáp ứng tăng tốc bằng cách điều khiển hộp số, động cơ và hệ thống lái. Phù hợp với việc xử lý điều khiển chính xác, ví dụ khi lái xe trên đường trên núi. Đèn chỉ báo “SPORT” sẽ sáng.

---

n **Có thể sử dụng công tắc chọn chế độ lái xe khi (mẫu xe 4WD*)**

*: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P.11)

Công tắc điều khiển dẫn động bánh trước đang ở vị trí 2H hoặc 4H.

n **Sử dụng hệ thống điều hòa ở chế độ lái tiết kiệm nhiên liệu (xe có hệ thống điều hòa không khí tự động)**

Chế độ lái Eco điều khiển vận hành sưởi ấm/làm mát và tốc độ quạt của hệ thống điều hòa không khí để nâng cao hiệu quả nhiên liệu. Để cải thiện tính năng hoạt động của điều hòa không khí, hãy thực hiện các hoạt động sau:

• Tắt chế độ điều hòa không khí Eco (nếu có) (→P.420)

• Điều chỉnh tốc độ quạt (→P.418)

• Tắt chế độ lái Eco (→P.374)

n **Tự động hủy chế độ lái**

Chế độ lái được kích hoạt lại và sẽ được thay đổi về chế độ bình thường trong các điều kiện sau đây:

▶ Khi chế độ công suất hoặc chế độ thể thao được lựa chọn

l Sau khi tắt công tắc động cơ, sau đó bật ON.

l Kiểu xe 4WD*: Khi công tắc điều khiển dẫn động bánh trước đang ở vị trí 4L

l Khi bật chế độ chọn đa địa hình (nếu có)

▶ Khi chọn chế độ lái Eco.

l Kiểu xe 4WD*: Khi công tắc điều khiển dẫn động bánh trước đang ở vị trí 4L

l Khi bật chế độ chọn đa địa hình (nếu có)

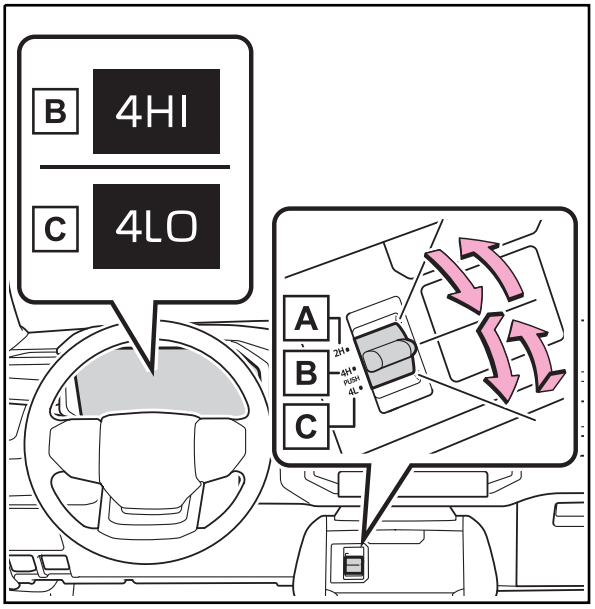
*: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P.11)

Hệ thống bốn bánh chủ động*

*: Nếu có

Sử dụng công tắc điều khiển dẫn động bánh trước để chọn chế độ hoạt động của hộp số phụ như sau.

Công tắc điều khiển dẫn động bánh trước



A 2H (vị trí tốc độ cao, hai bánh chủ động)

Hãy sử dụng chế độ này khi lái xe bình thường trên đường cứng và khô ráo. Chế độ này sẽ giúp tiết kiệm nhiên liệu, lái xe êm và ít bị mài mòn.

B 4H (vị trí tốc độ cao, bốn bánh chủ động)

Chỉ sử dụng chế độ này khi lái xe trên đường có thể bị trượt bánh, như khi lái xe địa hình phức tạp, trên đường đóng băng hoặc đường bị tuyết phủ. Vị trí này sẽ giúp tăng khả năng bám đường hơn so với chế độ hai bánh chủ động.

Đèn chỉ báo chế độ bốn bánh chủ động tốc độ cao sẽ sáng lên.

C 4L (vị trí tốc độ thấp, bốn bánh chủ động)

Sử dụng chế độ này để có công suất và lực kéo tối đa. Dùng 4L để leo hoặc xuống dốc cao, lái xe địa hình khó, và kéo tải nặng trên cát, bùn hoặc tuyết dày.

Đèn chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ cao và bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp sẽ sáng lên.

Hệ thống A.D.D (Vi sai ngắt tự động) (nếu có)

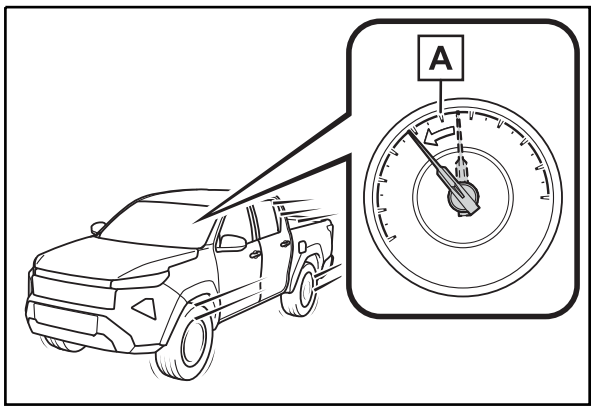
Có thể gài hoặc nhả hệ thống A.D.D bằng thao tác điều khiển chuyển được miêu tả dưới đây.

Chuyển đổi giữa 2H và 4H

▶ Chuyển từ 2H sang 4H

1 Giảm tốc độ xe xuống dưới 100 km/h.

Sẽ không thể chuyển được chế độ của hộp số phụ khi tốc độ xe lớn hơn 100 km/h.



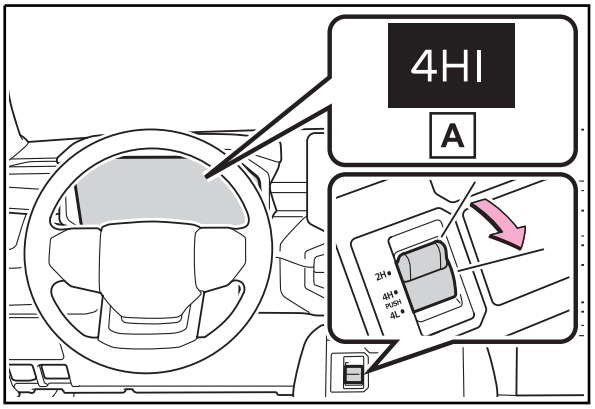
A 100 km/h

2 Chuyển công tắc điều khiển cầu trước đến chế độ 4H.

Đèn chỉ báo tốc độ cao bốn bánh chủ động sẽ nháy trong khi hệ thống đang chuyển chế độ.

Nếu chuyển công tắc điều khiển dẫn động bánh trước khi tốc độ của xe lớn hơn 100 km/h, đèn chỉ báo bốn bánh dẫn động tốc độ cao sẽ nhấp nháy và chuông sẽ kêu.

Giảm tốc độ xe xuống dưới 100 km/h, hoặc chuyển công tắc điều khiển dẫn động bánh trước sang vị trí 2H và thử lại bước số 1.



A (Nháy)

3 Kiểm tra rằng đèn chỉ báo bốn bánh chủ động tốc độ cao đã sáng lên.

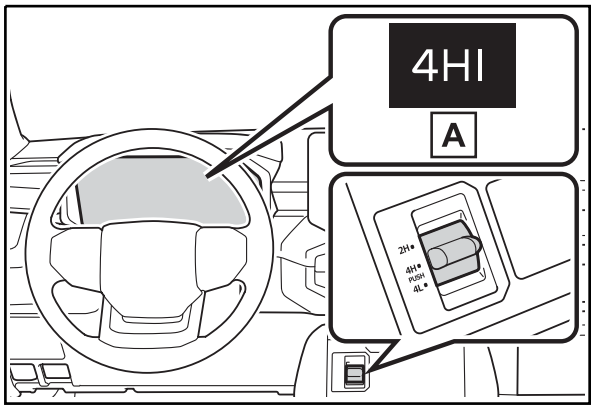
Đèn chỉ báo bốn bánh chủ động tốc độ cao sẽ sáng lên khi hoàn thành quá trình chuyển chế độ của hộp số phụ.

Nếu đèn chỉ báo bốn bánh chủ động tốc độ cao không ngừng nhấp nháy sau khi đã chuyển công tắc điều khiển dẫn động bánh trước từ vị trí 2H tới vị trí 4H, hãy thực hiện một trong các thao tác sau trong khi giữ thẳng lái.

- Tăng tốc
- Giảm tốc
- Lùi xe

Đèn chỉ báo dẫn động bốn bánh tốc độ cao có thể sẽ không ngừng nhấp nháy nếu vặn công tắc điều khiển dẫn động bánh trước từ vị trí 2H tới vị trí 4H trong khi xe đang dừng. Trong trường hợp đó, hãy thực hiện một trong các thao tác sau.

- Tiến xe
- Lùi xe

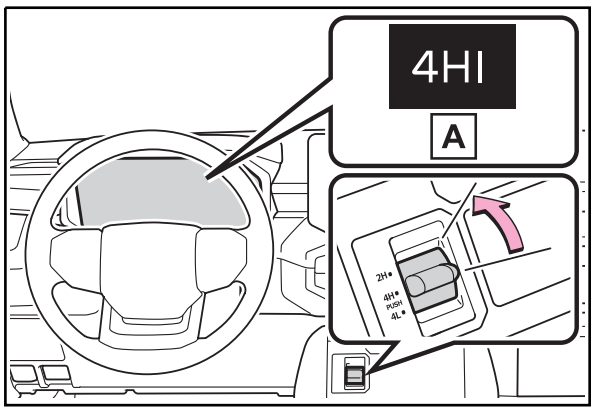


A (Sáng lên)

▶ Chuyển từ 4H sang 2H

1 Đẩy công tắc điều khiển dẫn động bánh trước đến vị trí 2H.

Đèn chỉ báo tốc độ cao bốn bánh chủ động sẽ nháy trong khi hệ thống đang chuyển chế độ.



A (Nháy)

2 Kiểm tra rằng đèn chỉ báo tốc độ cao bốn bánh chủ động tắt đi.

Đèn chỉ báo bốn bánh chủ động tốc độ cao sẽ tắt đi khi hoàn thành quá trình chuyển chế độ của hộp số phụ.

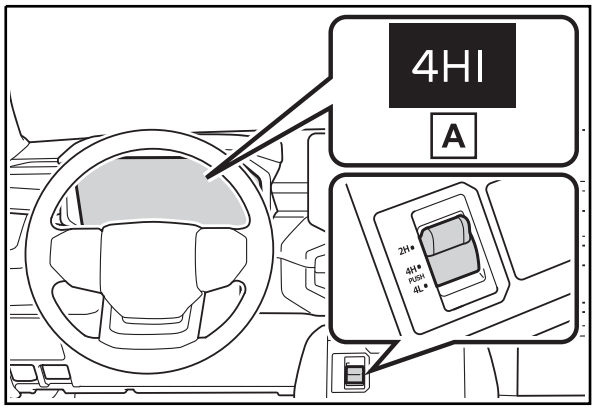
Nếu đèn chỉ báo bốn bánh chủ động

tốc độ cao không ngừng nhấp nháy sau khi đã vặn chuyển công tắc điều khiển dẫn động bánh trước từ vị trí 4H tới vị trí 2H, hãy thực hiện một trong các thao tác sau trong khi giữ thẳng lái.

- Tăng tốc
- Giảm tốc
- Lùi xe

Nếu đèn chỉ báo bốn bánh chủ động tốc độ cao vẫn liên tục nhấp nháy, hãy thực hiện các thao tác trên trong khi đánh vô lăng sang phải và sang trái.

Thân xe và tay lái có thể bị rung. Tuy nhiên, đó không phải là dấu hiệu trục trặc.



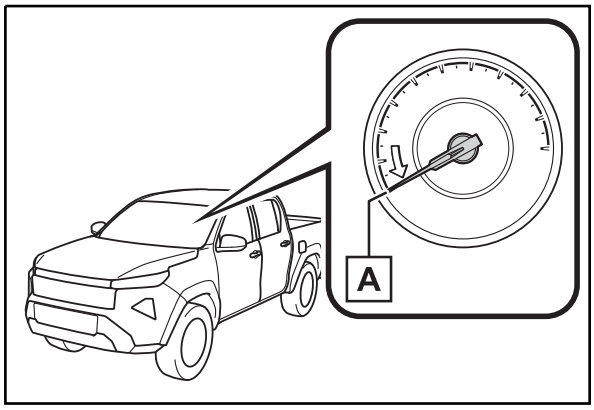
A (Tắt đi)

Chuyển giữa chế độ 4H và 4L (hộp số tự động)

▶ Chuyển từ chế độ 4H sang 4L

1 Dừng xe lại.

Hộp số phụ sẽ không thể chuyển được sang chế độ này nếu xe vẫn đang di chuyển.

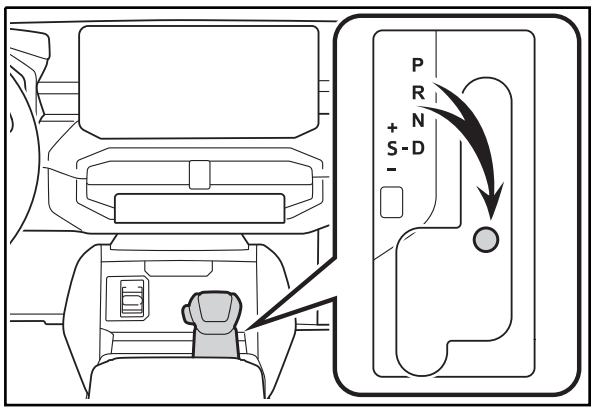


A 0 km/h

2 Chuyển cần số sang vị trí N.

Hãy giữ cần số ở vị trí N cho tới khi hoàn tất quá trình chuyển chế độ của hộp số phụ (đèn chỉ báo sáng lên).

Hộp số phụ sẽ không thể chuyển được sang chế độ này nếu cần số nằm ngoài vị trí N.



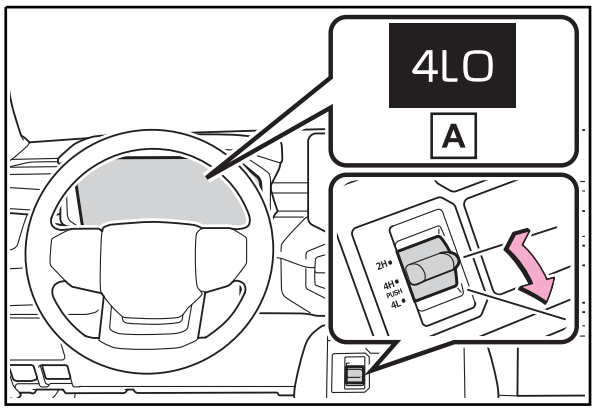
3 Đẩy và chuyển công tắc điều khiển dẫn động bánh trước đến chế độ 4L.

Đèn chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp sẽ nháy trong khi chuyển chế độ.

Nếu chuyển công tắc điều khiển dẫn động bánh trước mà không thực hiện bước số 1 và bước số 2, đèn chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp sẽ nhấp nháy và chuông sẽ kêu. Hãy chuyển công tắc điều khiển dẫn động bánh trước sang vị trí 4H và thử lại bước số 1 và bước số 2 một lần nữa.

Nếu chuyển cần số tới một vị trí bất

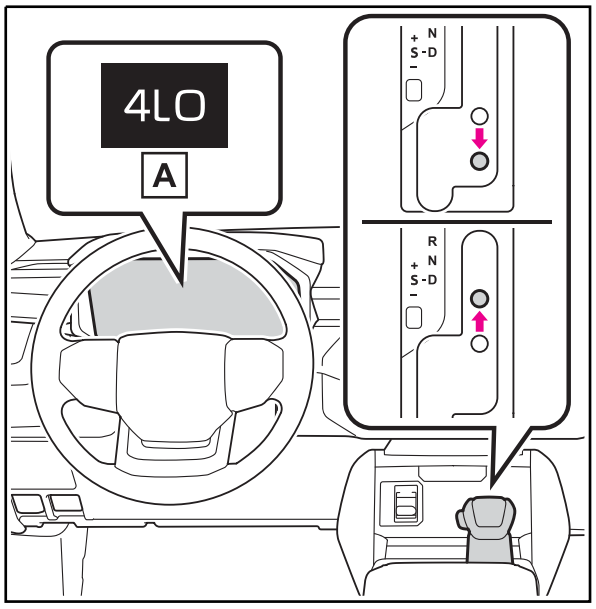
kỳ ngoài vị trí N trong khi đèn chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp đang nhấp nháy có thể sẽ gây ra tiếng ồn bánh răng. Hãy ngay lập tức chuyển cần số tới vị trí N và đợi cho tới khi quá trình chuyển chế độ của hộp số phụ được hoàn tất.



A (Nháy)

4 Kiểm tra rằng đèn chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp đã sáng lên.

Đèn chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp sẽ sáng lên khi quá trình chuyển chế độ của hộp số phụ được hoàn tất.
Chuyển cần số từ vị trí N tới vị trí D hoặc R để lái xe.

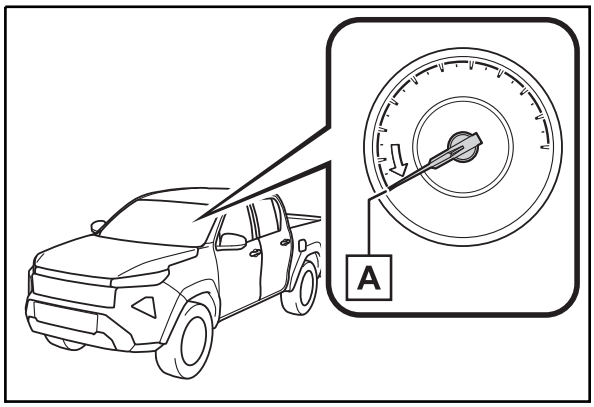


A (Sáng lên)

▶ Chuyển từ chế độ 4L sang 4H

1 Dừng xe lại.

Hộp số phụ sẽ không thể chuyển được sang chế độ này nếu xe vẫn đang di chuyển.

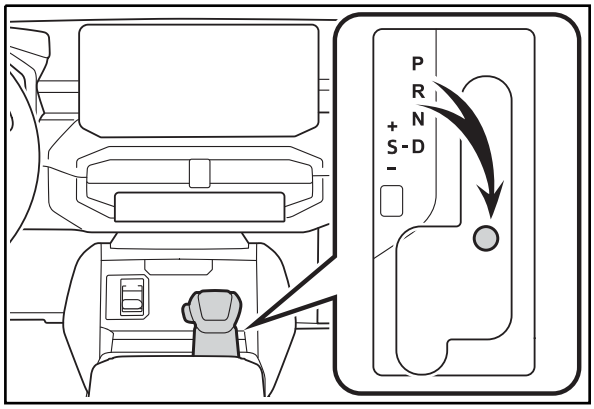


A 0 km/h

2 Chuyển cần số sang vị trí N.

Hãy giữ cần số ở vị trí N cho tới khi quá trình chuyển chế độ của hộp số phụ được hoàn tất (đèn chỉ báo tắt).

Hộp số phụ sẽ không thể chuyển được sang chế độ này nếu cần số nằm ngoài vị trí N.



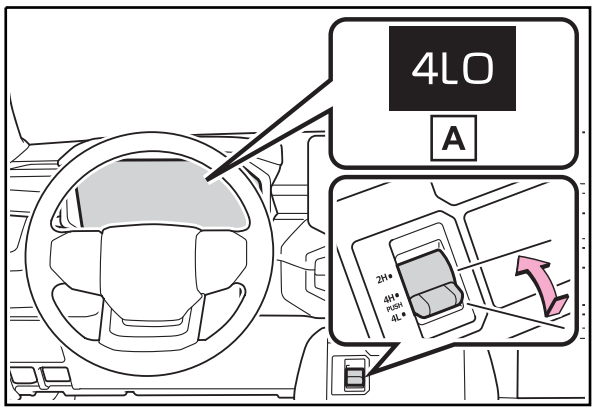
3 Chuyển công tắc điều khiển cầu trước đến chế độ 4H.

Đèn chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp sẽ nháy trong khi chuyển chế độ.

Nếu chuyển sang công tắc điều khiển dẫn động bánh trước mà không thực hiện bước số 1 và bước số 2, đèn chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp sẽ nhấp nháy và chuông kêu. Hãy chuyển công tắc điều khiển

dẫn động bánh trước sang vị trí 4L và thử lại bước số 1 và bước số 2 một lần nữa.

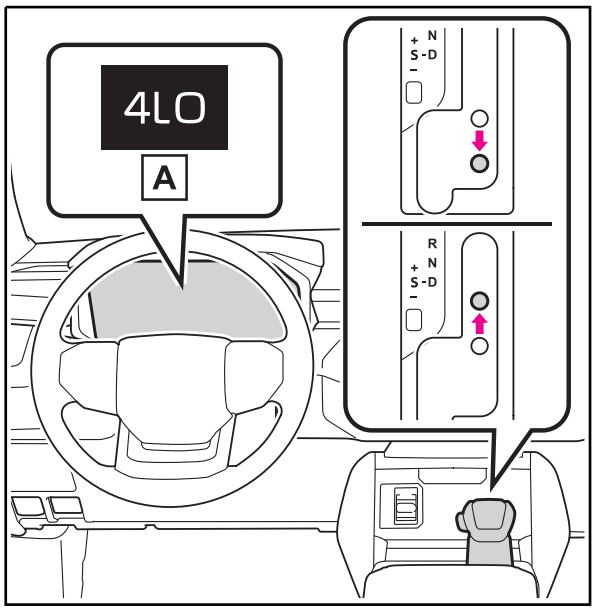
Nếu chuyển cần số tới một vị trí bất kỳ ngoài vị trí N trong khi đèn chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp đang nhấp nháy có thể sẽ gây ra tiếng ồn bánh răng. Hãy ngay lập tức chuyển cần số tới vị trí N và đợi cho tới khi quá trình chuyển chế độ của hộp số phụ được hoàn tất.



A (Nháy)

4 Hãy kiểm tra rằng đèn chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp đã tắt đi.

Đèn chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp sẽ tắt đi khi quá trình chuyển chế độ của hộp số phụ được hoàn tất.
Chuyển cần số từ vị trí N tới vị trí D hoặc R để lái xe.



A (Tắt đi)

CHÚ Ý

n **Chuyển giữa 4H và 4L.**

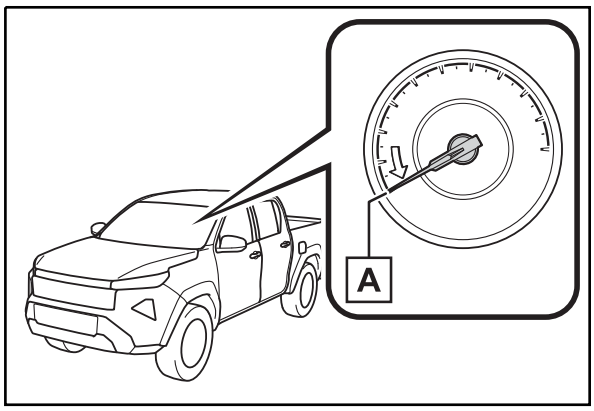
Không được chuyển cần số đến vị trị khác ngoài N hoặc đạp chân ga khi đèn chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp đang nhấp nháy. Nếu không có thể sẽ gây ra tiếng ồn bánh răng và gây ra trục trặc.

Chuyển giữa chế độ 4H và 4L (hộp số thường)

▶ Chuyển từ chế độ 4H sang 4L

1 Dừng xe lại.

Hộp số phụ sẽ không thể chuyển được sang chế độ này nếu xe vẫn đang di chuyển.



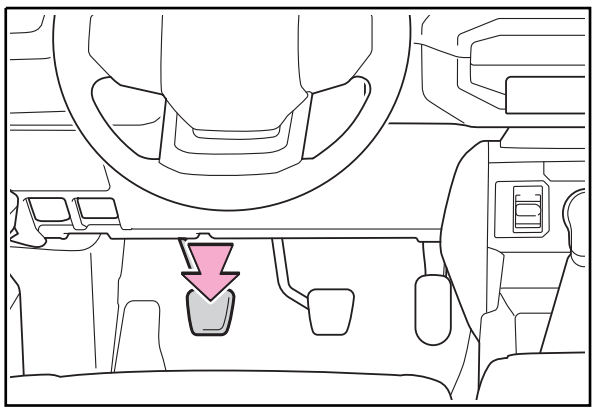
A 0 km/h

2 Đạp chắc bàn đạp ly hợp.

Hãy giữ bàn đạp ly hợp cho tới khi quá trình chuyển chế độ của hộp số phụ được hoàn tất (đèn chỉ báo tắt đi).

Hộp số phụ sẽ không thể chuyển được sang chế độ này nếu không

đạp hết cỡ bàn đạp ly hợp.

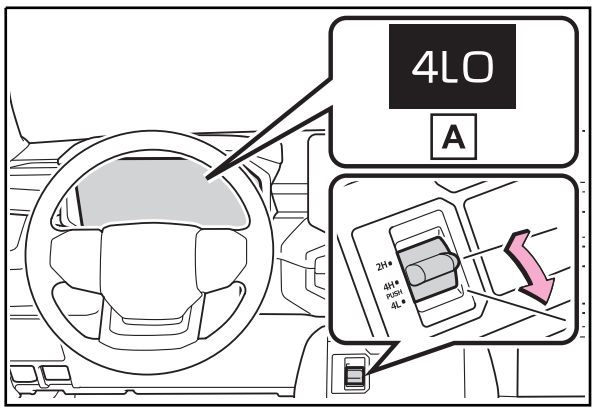


3 Đẩy và chuyển công tắc điều khiển dẫn động bánh trước đến chế độ 4L.

Đèn chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp sẽ nháy trong khi chuyển chế độ.

Nếu chuyển công tắc điều khiển dẫn động bánh trước mà không thực hiện bước số 1 và bước số 2, đèn chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp sẽ nhấp nháy và chuông sẽ kêu. Hãy chuyển công tắc điều khiển dẫn động bánh trước sang vị trí 4H và thử lại bước số 1 và bước số 2 một lần nữa.

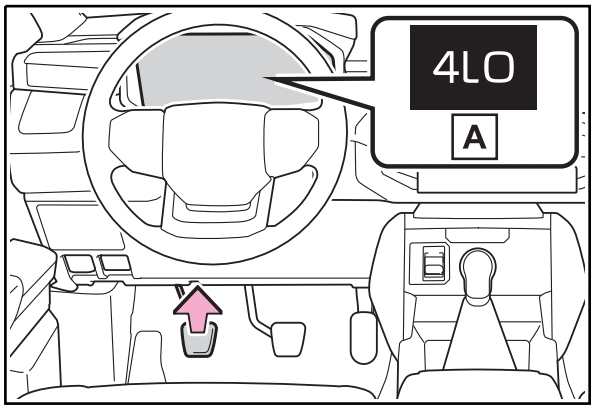
Nếu nhả bàn đạp ly hợp trong khi đèn chỉ báo chế độ bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp đang nhấp nháy có thể sẽ gây ra tiếng ồn bánh răng. Hãy ngay lập tức đạp chắc bàn đạp ly hợp và đợi cho tới khi quá trình chuyển chế độ của hộp số phụ được hoàn tất.



A (Nháy)

4 Kiểm tra rằng đèn chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp đã sáng lên.

Đèn chỉ báo dẫn động 4 bánh tốc độ thấp sẽ sáng lên khi chuyển chế độ hộp số phụ đã hoàn thành.
Nhả bàn đạp ly hợp để dẫn động xe.

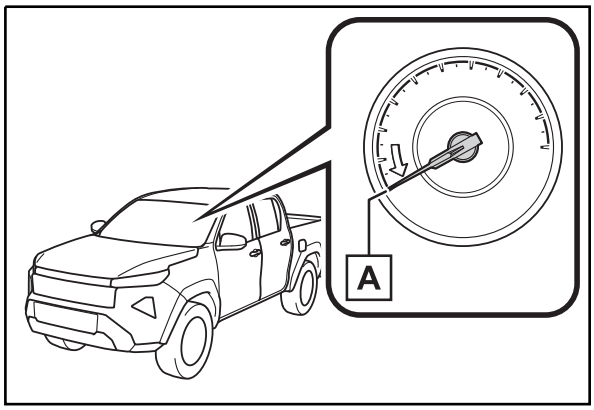


A (Sáng lên)

▶ Chuyển từ chế độ 4L sang 4H

1 Dừng xe lại.

Hộp số phụ sẽ không thể chuyển được sang chế độ này nếu xe vẫn đang di chuyển.



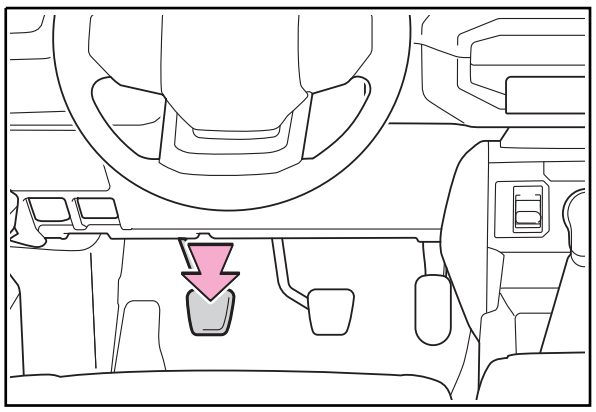
A 0 km/h

2 Đạp chắc bàn đạp ly hợp.

Hãy giữ bàn đạp ly hợp cho tới khi quá trình chuyển chế độ của hộp số phụ được hoàn tất (đèn chỉ báo tắt).

Hộp số phụ sẽ không thể chuyển được sang chế độ này nếu không

đạp hết cỡ bàn đạp ly hợp.

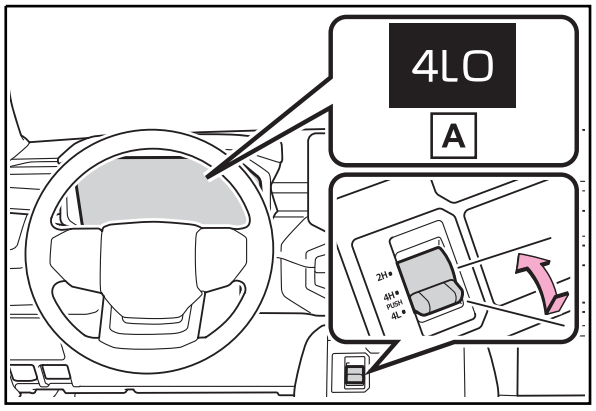


3 Chuyển công tắc điều khiển cầu trước đến chế độ 4H.

Đèn chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp sẽ nháy trong khi chuyển chế độ.

Nếu chuyển sang công tắc điều khiển dẫn động bánh trước mà không thực hiện bước số 1 và bước số 2, đèn chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp sẽ nhấp nháy và chuông kêu. Hãy chuyển công tắc điều khiển dẫn động bánh trước sang vị trí 4L và thử lại bước số 1 và bước số 2 một lần nữa.

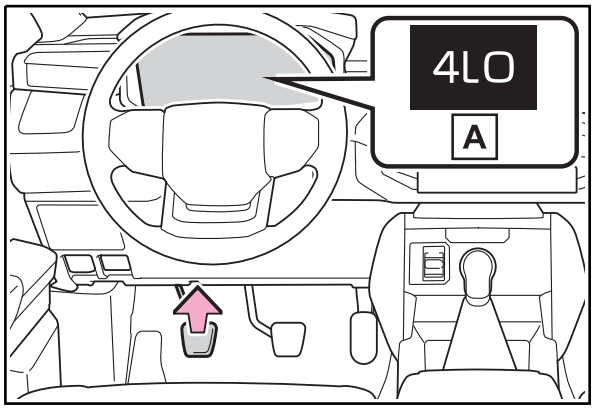
Nếu nhả bàn đạp ly hợp trong khi đèn chỉ báo chế độ bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp đang nhấp nháy có thể sẽ gây ra tiếng ồn bánh răng. Hãy ngay lập tức đạp chắc bàn đạp ly hợp và đợi cho tới khi quá trình chuyển chế độ của hộp số phụ được hoàn tất.



A (Nháy)

4 Hãy kiểm tra rằng đèn chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp đã tắt đi.

Đèn chỉ báo dẫn động 4 bánh tốc độ thấp sẽ tắt khi chuyển chế độ hộp số phụ đã hoàn thành.
Nhả bàn đạp ly hợp để dẫn động xe.



A (Tắt đi)

CHÚ Ý

n **Chuyển giữa 4H và 4L.**

Không nhả bàn đạp ly hợp hoặc đạp chân ga khi đèn chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp đang nhấp nháy. Nếu không có thể sẽ gây ra tiếng ồn bánh răng và gây ra trục trặc.

n **Tần suất sử dụng dẫn động 4 bánh chủ động (xe có A.D.D.)**

Bạn nên lái xe ở chế độ bốn bánh chủ động tối thiểu 16 km (10 miles) mỗi tháng. Việc này nhằm đảm bảo rằng các chi tiết của hệ thống dẫn động cầu trước được bôi trơn thường xuyên.

n **Chuyển đổi giữa 2H và 4H**

Nếu bạn gặp phải khó khăn khi chuyển số trong điều kiện thời tiết lạnh giá, hãy giảm tốc độ hoặc dừng xe và chuyển số lại.

n **Chuyển sang chế độ 4L**

VSC sẽ tự động tắt.

n Khi lái xe trên đường rải đá khô hoặc trên đường cao tốc

Sử dụng vị trí 2H. Nếu xe được lái ở vị trí 4H hoặc 4L trong một thời gian dài, còi cảnh báo sẽ kêu và đèn chỉ báo 4 bánh chủ động sẽ nháy nhanh hoặc thông điệp cảnh báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin. Nếu thông điệp cảnh báo được hiển thị trên màn hình đa thông tin, hãy tuân theo thông điệp.

⚠ CẢNH BÁO

n Trong khi lái xe

- Không được chuyển công tắc điều khiển dẫn động bánh trước từ vị trí 2H tới vị trí 4H nếu bánh xe đang bị quay trơn hoặc đảo hướng. Hãy đợi cho bánh xe ngừng trượt hoặc quay tròn trước khi chuyển số.
- Khi lái xe trên đường cứng và khô ráo, hãy để hộp số ở vị trí 2H. Nếu lái xe với hộp số ở vị trí 4H hoặc 4L trên đường cứng và khô ráo có thể gây rò rỉ dầu, bó máy, hoặc những trục trặc khác và có thể dẫn đến tai nạn. Ngoài ra còn có thể gây mòn lốp và tăng lượng tiêu thụ nhiên liệu.
- Tránh chuyển số đột ngột về vị trí 4H hoặc 4L. Nếu chuyển số đột ngột, tốc độ chênh lệch khi quay vòng của bánh xe trước và sau có thể có tác dụng như phanh, làm cho việc điều khiển xe trở nên khó khăn.

⚠ CHÚ Ý

n Chuyển giữa 4H và 4L.

- Xe được trang bị hộp số tự động: Không được chuyển cần số đến vị trí khác ngoài N hoặc đạp chân ga khi đèn chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp đang nhấp nháy. Nếu không có thể sẽ gây ra tiếng ồn bánh răng và gây ra trục trặc.
- Xe có hộp số sàn: Không nhả bàn đạp ly hợp hoặc đạp chân ga khi đèn chỉ báo bốn bánh chủ động ở tốc độ thấp đang nhấp nháy. Nếu không có thể sẽ gây ra tiếng ồn bánh răng và gây ra trục trặc.

Hệ thống khóa vi sai sau*

*: Nếu có

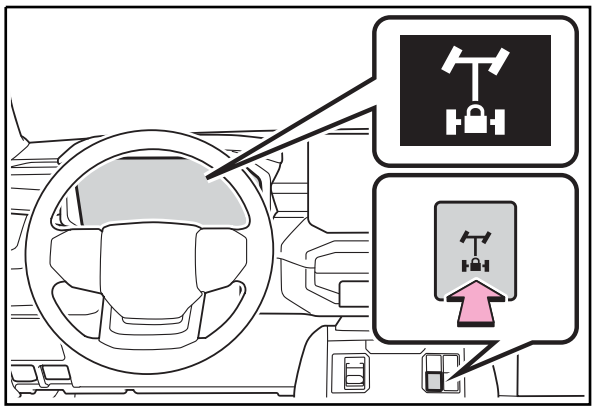
Hệ thống khóa vi sai sau được cung cấp để sử dụng chỉ khi bánh xe bị quay tròn do sa vào rãnh hoặc lái xe trên bề mặt trơn trượt hoặc gồ ghề. Hệ thống khóa vi sai này sẽ rất có hiệu quả khi một trong hai bánh sau bị quay tròn.

Công tắc khóa vi sai sau

Hãy ấn nút khóa vi sai sau để khóa cụm vi sai sau.

Đèn chỉ báo khóa vi sai sau sẽ sáng lên.

Để mở khóa vi sai sau, hãy ấn nút một lần nữa.

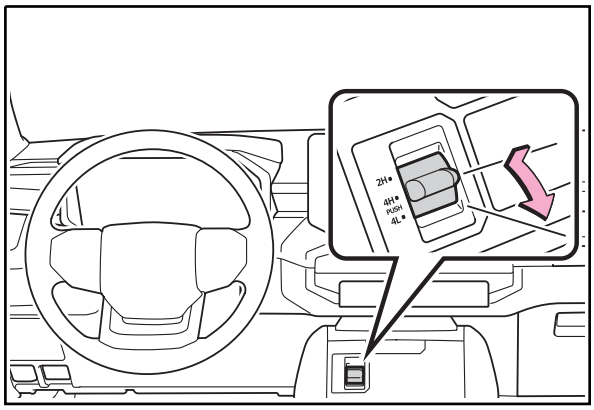


Sử dụng hệ thống khóa vi sai sau

1 Chỉ cho xe 4WD*: Trước khi sử dụng hệ thống khóa vi sai sau, hãy chuyển công tắc điều khiển dẫn động bánh trước tới vị trí 4L và thử lái xe đi. (→P.379, 381)

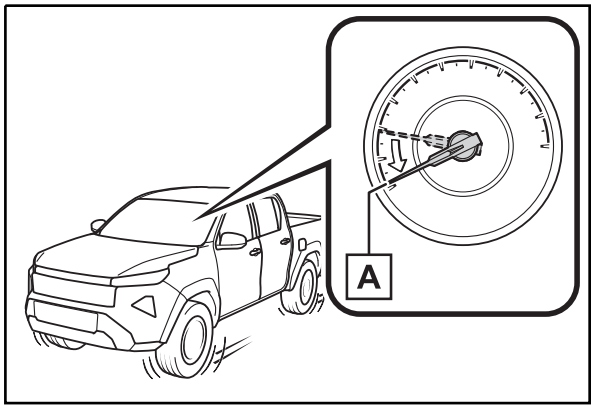
Nếu vẫn không được, hãy sử dụng thêm hệ thống khóa vi sai sau.

*: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P.11)



2 Giảm tốc xuống dưới 8 km/h.

Hãy đảm bảo rằng các bánh xe không bị quay trơn.



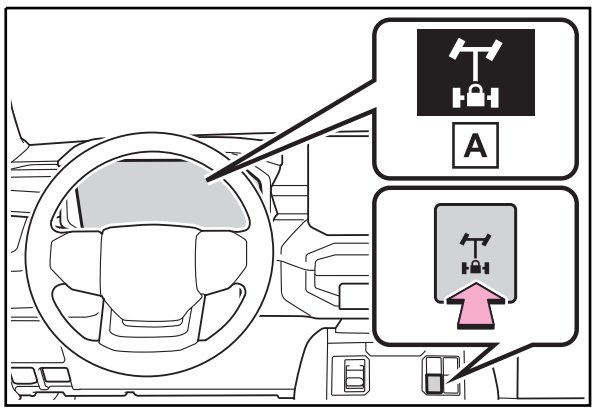
A 8 km/h

3 Ấn nút khóa vi sai sau.

Đèn chỉ báo khóa vi sai sau sẽ nháy trong khi cụm vi sai sau đang bị khóa.

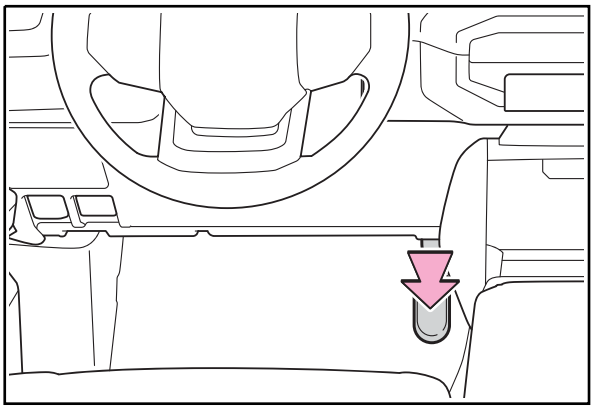
Nếu ấn công tắc khóa vi sai sau mà không thực hiện các bước số 1 và 2, đèn chỉ báo khóa vi sai sau sẽ nháy ba lần và chuông sẽ kêu ba lần, và cụm vi sai sau sẽ không khóa được. Hãy làm lại bước số 1 và 2 một lần

nữa.



A (Nháy)

4 Đạp nhẹ bàn đạp ga.



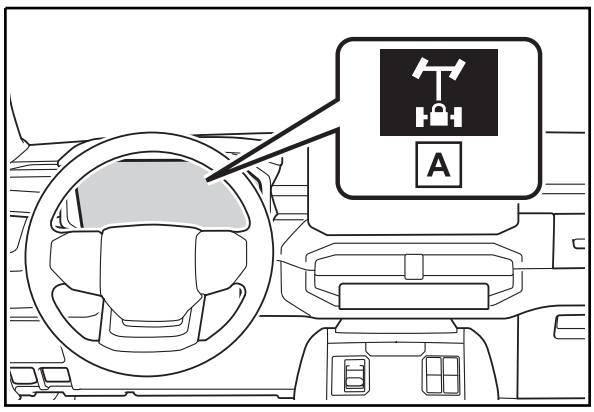
5 Kiểm tra rằng đèn chỉ báo khóa vi sai sau sẽ sáng lên.

Kiểm tra rằng đèn chỉ báo khóa vi sai sau sẽ sáng lên khi quá trình khóa cụm vi sai sau được hoàn thành.

Nếu đèn chỉ báo khóa vi sai sau vẫn tiếp tục không ngừng nhấp nháy sau khi ấn công tắc khóa vi sai sau, hãy thực hiện một trong các thao tác sau trong khi xoay vô lăng sang phải và sang trái.

- Tăng tốc
- Giảm tốc

Hãy mở khóa cho cụm vi sai sau ngay sau khi xe có thể di chuyển được. Để mở khóa vi sai sau, hãy ấn công tắc này một lần nữa.



A (Sáng lên)

n Mở khóa cho cụm vi sai sau

Nếu đèn chỉ báo khóa vi sai sau vẫn nháy kể cả sau khi đã mở khóa cụm vi sai sau, hãy kiểm tra xung quanh để đảm bảo an toàn rồi đánh lái nhẹ sang cả 2 phía trong khi xe đang chạy.

n Tự động mở khóa cho hệ thống khóa vi sai sau

Hệ thống khóa vi sai sau cũng sẽ được mở khóa trong các trường hợp sau:

- Công tắc động cơ được chuyển đến ACC hoặc OFF.
- Khi chuyển công tắc điều khiển dẫn động bánh trước đến vị trí 2H hoặc 4H (kiểu xe 4WD*)

*: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P.11)

n Sau khi mở khóa vi sai sau

Kiểm tra rằng đèn chỉ báo tắt đi.

n Khóa vi sai sau

Những hệ thống sau sẽ không hoạt động khi khóa vi sai sau. Đèn cảnh báo hệ thống ABS, đèn chỉ báo VSC OFF và đèn chỉ báo 'TRC OFF" (nếu có) bật sáng hoặc thông báo 'TRC TURNED OFF' xuất hiện trên màn hình đa thông tin là hiện tượng bình thường.

- Hệ thống ABS

- Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp
- Hệ thống điều khiển ổn định xe (VSC)
- Hệ thống TRC/A-TRC
- Hệ thống kiểm soát lắc rơ moóc (nếu có)
- Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc
- Hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc (nếu có)

CẢNH BÁO

n **Để tránh bị tai nạn**

Nếu không tuân thủ theo các lưu ý sau thì có thể sẽ gây ra tai nạn.

- Không sử dụng hệ thống khóa vi sai sau trừ khi bánh xe bị quay trơn do bị sa vào rãnh hoặc trên mặt đường trơn trượt hay nhấp nhô. Bạn sẽ phải đánh lái mạnh hơn và phải hết sức cẩn thận khi vào cua.
- Không khóa vi sai sau cho đến khi các bánh xe ngừng quay. Nếu không, xe có thể sẽ chuyển động theo hướng bất ngờ khi gài khóa vi sai, dẫn đến tai nạn. Việc này cũng có thể làm hỏng các chi tiết của cơ cấu khóa vi sai sau.
- Không lái xe với tốc độ vượt quá 8 km/h khi đang khóa vi sai.
- Không tiếp tục lái xe khi đang bật công tắc khóa vi sai sau.

Hệ thống chọn chế độ đa địa hình*

*: Nếu có

Hệ thống chọn đa địa hình là một hệ thống cho phép cải thiện khả năng lái xe trên địa hình phức tạp.

Hệ thống sẽ hoạt động khi chế độ hộp số phụ ở 4L hoặc 4H.

Chọn một chế độ từ một số chế độ lái địa hình để phù hợp điều kiện đang lái xe.
Có thể tối ưu hóa được việc điều khiển phanh, điều khiển lực dẫn động, điều khiển hệ thống treo theo từng chế độ được chọn.

Khi chọn chế độ AUTO, sẽ tự động tối ưu hóa được việc điều khiển phanh, điều khiển lực dẫn động, điều khiển hệ thống treo theo các điều kiện đường sá.

CẢNH BÁO

n **Khi sử dụng hệ thống chọn chế độ đa địa hình**

Hãy tuân thủ theo các lưu ý sau để tránh gây ra tai nạn dẫn đến tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng:

- Kiểm tra rằng các đèn chỉ báo chế độ đã chọn sẽ sáng trước khi lái xe. Không thể sử dụng được hệ thống chọn đa địa hình khi các đèn chỉ báo đang tắt.

l Các điều kiện đường sá được liệt kê trong trang (→P.388) chỉ để mục đích tham khảo. Có một trường hợp mà chức năng không thể phù hợp nhất với điều kiện đường sá như độ cao, độ trơn trượt, độ mấp mô, vv... Hãy kiểm tra kỹ các điều kiện đường sá trước khi lái xe.

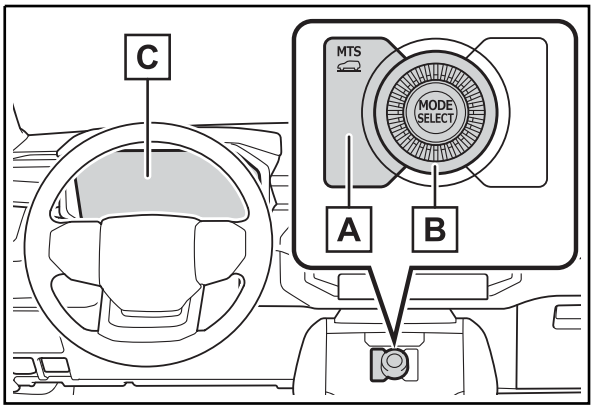
l Hệ thống chọn chế độ đa địa hình không được thiết kế để vượt quá giới hạn làm việc của xe. Hãy kiểm tra kỹ điều kiện đường sá trước và lái xe thật cẩn thận.

⚠ CHÚ Ý

n **Chú ý khi sử dụng**

Hệ thống chọn chế độ đa địa hình được thiết kế để sử dụng trên địa hình phức tạp. Không sử dụng hệ thống này khi lái xe ở bất kỳ điều kiện nào khác.

Các chi tiết của hệ thống



A Công tắc MTS

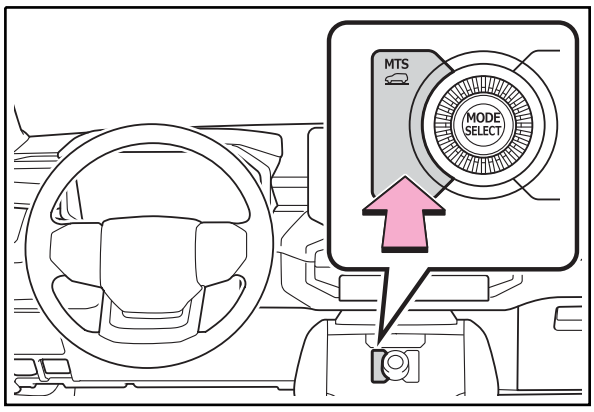
B Công tắc MODE SELECT

C Màn hình đa thông tin

Chế độ đang chọn sẽ được hiển thị.

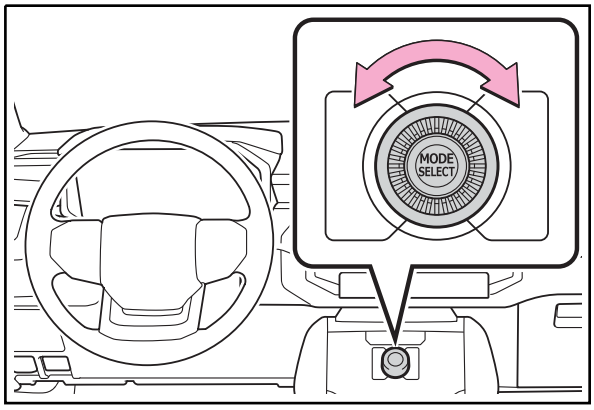
Chuyển chế độ

1 Ấn công tắc MTS.



2 Chọn các chế độ lái trên màn hình đa thông tin trong khi xoay nút MODE SELECT sang trái và sang phải.

Tùy thuộc vào các vị trí của công tắc điều khiển bánh trước chủ động, có thể chọn được một chế độ trong các chế độ sau.



▶ Khi công tắc điều khiển dẫn động bánh trước ở vị trí 4L

Chế độ		Điều kiện đường sá
	AUTO	Phù hợp với các điều kiện đường sá
	SAND	Phù hợp với đường có nhiều cát

Chế độ		Điều kiện đường sá
	MUD	Phù hợp với đường có nhiều bùn đất
	"ROCK"	Phù hợp khi lái xe trên địa hình nhiều đá

Nếu hệ thống điều khiển phanh được kích hoạt, các đèn chỉ báo trượt sẽ nháy.

▶ Công tắc điều khiển cầu trước đang ở chế độ 4H

Chế độ		Điều kiện đường sá
	AUTO	Phù hợp với các điều kiện đường sá
	DIRT	Phù hợp với đường bẩn
	SAND	Phù hợp với đường có nhiều cát
	MUD	Phù hợp với đường có nhiều bùn đất
	DEEP SNOW	Phù hợp với đường có tuyết dày

Nếu hệ thống điều khiển phanh được kích hoạt, các đèn chỉ báo trượt sẽ nháy.
Khi xe đang ở chế độ SAND, MUD hoặc DEEP SNOW, VSC sẽ tự động tắt. (Đèn chỉ báo OFF hệ thống VSC sẽ sáng lên.)

n Hệ thống chọn chế độ đa địa hình

Chọn chế độ đa địa hình điều khiển xe sao cho có thể tối đa hóa được lực dẫn động và cải thiện được khả năng lái trên đường gồ ghề. Vì vậy, có thể cải thiện được việc tiết kiệm nhiên liệu khi so sánh với chế độ bình thường.

n Tắt hệ thống chọn chế độ đa địa hình

Hãy tắt hệ thống chọn đa địa hình, và sau đó hiển thị trên màn hình đa thông tin sẽ biến mất.

▶ Khi công tắc điều khiển dẫn động bánh trước ở vị trí 4L

Ấn công tắc MTS.

▶ Công tắc điều khiển cầu trước đang ở chế độ 4H

Ấn công tắc MTS hoặc công tắc DRIVE MODE.

n Tự động hủy hoạt động của hệ thống

Trong các tình huống sau đây, hệ thống chọn đa địa hình sẽ tự động bị hủy.

- Khi công tắc DRIVE MODE được ấn trong khi công tắc điều khiển dẫn động bánh trước ở 4H.
- Khi tắt công tắc động cơ

n Chế độ AUTO

Phán đoán các điều kiện đường sá mà xe sẽ đi và tối ưu hóa được sự điều khiển phanh, điều khiển lực dẫn động và điều khiển hệ thống treo.
Khả năng phán đoán các điều kiện đường sá bị hạn chế và trường hợp mà chức năng không thể phù hợp nhất với điều kiện đường sá như độ cao, độ trơn trượt, độ mấp mô, vv...
Trong trường hợp này, hãy chọn một chế độ phù hợp với các điều kiện đường sá trước khi lái xe.

n Khi xe bị sa lầy

Hãy chuyển chế độ của hộp số phụ và vi sai
Để biết cách sử dụng các chức năng sau, hãy đọc các trang sau

- Hệ thống bốn bánh chủ động (→P.377)
- Khóa vi sai sau (→P.385)

n **Lái xe với hệ thống chọn chế độ đa địa hình**

Các tình huống sau đây xuất hiện, nhưng đây không phải là dấu hiệu hư hỏng.

l Có thể cảm nhận được thân xe và vô lăng bị rung.

l Có thể nghe thấy tiếng ồn hoạt động từ khoang động cơ

n **Khi cần kiểm tra xe tại Đại lý Toyota**

Trong các trường hợp sau, hệ thống sẽ không hoạt động đúng chức năng. Hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe ngay lập tức.

l Khi đèn chỉ báo trượt sáng.

l Khi đèn chỉ báo của mỗi chế độ không sáng lên trên màn hình đa thông tin, kể cả khi đã chọn hệ thống chọn đa địa hình.

Hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc*

*: Nếu có

Hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc có tác dụng giúp cho xe không bị chạy quá nhanh khi xuống dốc.
Hệ thống này sẽ hoạt động khi tốc độ xe dưới 30 km/h (18 mph) và hộp số phụ được chuyển đến chế độ 4L hoặc 4H.

CẢNH BÁO

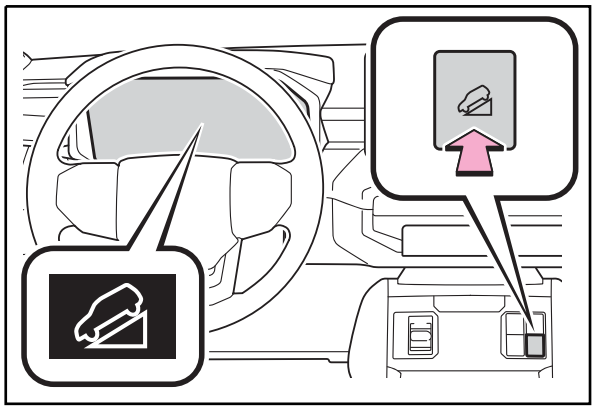
n **Khi sử dụng hệ thống hỗ trợ điều khiển hỗ trợ xuống dốc**

l Không được quá tin tưởng vào hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc. Hệ thống này không thể giúp mở rộng giới hạn tính năng của xe. Do vậy hãy luôn luôn kiểm tra thật kỹ càng điều kiện đường sá và an toàn lái xe.

Hoạt động của hệ thống

Ấn công tắc "DAC". Đèn chỉ báo hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc sẽ sáng lên và hệ thống sẽ hoạt động.

Khi hệ thống đang hoạt động, đèn chỉ báo trượt sẽ nhấp nháy, và đèn phanh/đèn phanh lắp cao sẽ được bật sáng. Sẽ xuất hiện chuông báo khi đang hoạt động. Đó không phải là dấu hiệu của hư hỏng.



Tắt hệ thống

Hãy ấn công tắc "DAC" trong khi hệ thống đang hoạt động. Đèn chỉ báo hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc sẽ nháy khi hệ thống dần ngừng hoạt động và sẽ tắt đi khi hệ thống ngừng hoạt động hoàn toàn.

Hãy ấn nút "DAC" trong khi đèn chỉ báo hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc nhấp nháy để khởi động lại hệ thống.

n Lưu ý khi vận hành (xe có hộp số tự động)

Hệ thống sẽ hoạt động khi cần số được đặt tại vị trí khác "P", tuy nhiên để đạt hiệu quả cao khi sử dụng hệ thống, bạn nên để cần số trong dải số thấp.

n Lưu ý khi vận hành (xe có hộp số sàn)

Hệ thống sẽ hoạt động khi cần số được đặt tại vị trí khác "N", tuy nhiên để đạt hiệu quả cao khi sử dụng hệ thống, bạn nên để cần số trong dải số thấp.

n Hệ thống sẽ không hoạt động khi

l Khi hộp số phụ đang ở chế độ 2H.

l Bộ vi sai sau bị khóa.

n Nếu đèn chỉ báo của hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc nhấp nháy

l Trong các tình huống sau, đèn chỉ báo sẽ nháy và hệ thống sẽ không hoạt động:

- Bộ vi sai sau bị khóa.
- Khi cần số ở vị trí P. (Xe có hộp số tự động)
- Khi người lái đạp phanh hoặc đạp ga.
- Khi tốc độ xe lớn hơn 30 km/h.
- Khi hệ thống phanh quá nhiệt.

l Trong các tình huống sau, đèn chỉ báo sẽ nháy để cảnh báo cho người lái, nhưng hệ thống vẫn hoạt động:

- Khi cần số ở vị trí N. (xe có hộp số tự động)
- Khi nhấn bàn đạp ly hợp (xe có hộp số thường)
- Khi tắt công tắc "DAC" trong khi hệ thống đang hoạt động.
  Hệ thống sẽ từ từ ngừng hoạt động. Đèn chỉ báo sẽ nháy trong khi hoạt động sau đó tắt đi khi hệ thống đã tắt hẳn.

n Khi hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc hoạt động liên tục

Thao tác này có thể sẽ làm cho bộ chấp hành phanh bị quá nhiệt. Trong trường hợp này, hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc sẽ ngừng hoạt động, chuông báo sẽ kêu và đèn chỉ báo của hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc sẽ bắt đầu nhấp nháy, và thông báo "Traction Control Turned OFF" sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin. Không sử dụng hệ thống cho đến khi đèn chỉ báo của hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc sáng liên tục và thông báo "Traction Control Turned OFF" tắt đi. (Lúc này bạn vẫn có thể lái xe một cách bình thường.)

n Tiếng kêu và rung động bởi hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc

l Bạn có thể sẽ nghe thấy tiếng động phát ra từ khoang động cơ khi khởi động động cơ hoặc ngay sau khi xe bắt đầu chuyển động. Những tiếng

động đó không có nghĩa là hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc bị trục trặc.

l Những hiện tượng sau có thể sẽ xuất hiện khi hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc hoạt động. Những hiện tượng đó là bình thường.
- Thân xe và tay lái có thể bị rung.
- Có thể nghe thấy tiếng mô tơ phát ra sau khi dừng xe.

n **Trục trặc hệ thống**

Trong các trường hợp sau đây, hãy đem xe tới Đại lý Toyota của bạn để kiểm tra.

l Đèn chỉ báo của hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc không sáng khi công tắc động cơ được chuyển đến ON.

l Đèn chỉ báo hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc không bật sáng khi ấn công tắc "DAC".

l Nếu đèn chỉ báo trượt sáng lên.

CẢNH BÁO

n **Hệ thống có thể sẽ không hoạt động trên những điều kiện đường sá sau, và có thể gây ra tai nạn dẫn tới tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng**

l Các bề mặt trơn trượt như là đường bị ướt hoặc dính bùn đất

l Mặt đường bị đóng băng

l Những đường không được trải nhựa

AUTO LSD*

*: Nếu có

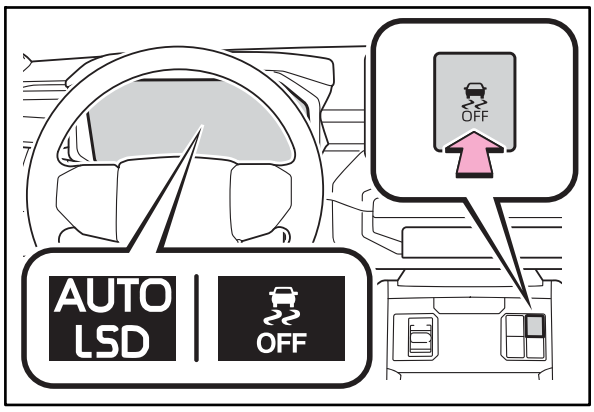
Hệ thống AUTO LSD sẽ giúp tăng lực kéo bằng cách sử dụng hệ thống kiểm soát lực kéo để điều khiển công suất của động cơ và phanh khi một trong các bánh xe bắt đầu quay trơn. Hệ thống chỉ nên được sử dụng khi một trong các bánh xe bị trượt do bị lọt xuống mương hoặc trên các bề mặt gồ ghề.

Hoạt động của hệ thống

Có thể sử dụng hệ thống này trên xe Pre Runner (Gầm cao) và ở chế độ 2WD trên các xe 4WD*.

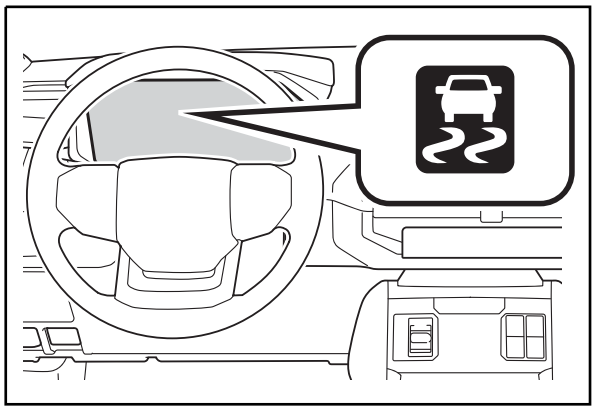
Để bật hệ thống AUTO LSD, hãy ấn nhanh và nhả nút OFF. Đèn chỉ báo “AUTO LSD” và đèn chỉ báo OFF hệ thống VSC sẽ sáng lên. Hãy ấn nút OFF một lần nữa để tắt hệ thống.

*: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P.11)



Khi hệ thống AUTO LSD đang hoạt động

Nếu bánh xe dẫn động bị quay trơn, đèn báo trượt sẽ nhấp nháy để cho biết hệ thống AUTO LSD đã kiểm soát chuyển động quay của bánh xe dẫn động.



n Nếu tắt động cơ rồi khởi động lại

Hệ thống AUTO LSD và các đèn chỉ báo sẽ tự động tắt đi.

n Kích hoạt lại hệ thống VSC liên kết với tốc độ xe

Khi bật hệ thống AUTO LSD, hệ thống VSC và TRC sẽ tự động được bật khi tốc độ xe tăng lên.

n Nếu hệ thống phanh quá nóng

Hệ thống sẽ ngừng làm việc và chuông sẽ kêu để thông báo với người lái. Tại thời điểm này, đèn chỉ báo "AUTO LSD" sẽ nháy và đèn chỉ báo "TRC OFF" sẽ sáng (xe không có màn hình đa thông tin) hoặc thông điệp "Traction Control Turned OFF" được hiển thị trên màn hình hiển thị đa thông tin (xe có màn hình đa thông tin). Hãy dừng xe tại một địa điểm an toàn. (Đây không phải là trục trặc, bạn vẫn có thể tiếp tục lái xe bình thường.) Hệ thống sẽ tự động phục hồi sau một thời gian ngắn.

CẢNH BÁO

n Để tránh bị tai nạn

Nếu không, lực đánh lái sẽ phải lớn hơn rất nhiều và người lái sẽ phải hết sức cẩn thận khi vào cua.

- Hạn chế sử dụng hệ thống AUTO LSD, trừ trường hợp một trong các bánh xe truyền động bị quay trơn do lọt xuống mương hoặc lái xe trên mặt đường gồ ghề.
- Không lái xe với hệ thống AUTO LSD bật liên tục.

CHÚ Ý

n Kích hoạt trong khi lái xe

Không kích hoạt hệ thống AUTO LSD nếu bánh xe vẫn đang bị quay trơn. Hãy để bánh xe dừng quay trơn trước khi kích hoạt hệ thống này.

Hệ thống lọc bụi khí xả diesel (DPF)*

*: Nếu có

Khi lượng muội than tích tụ trong bộ lọc đến một ngưỡng nhất định, bộ lọc sẽ được tái tạo một cách tự động.

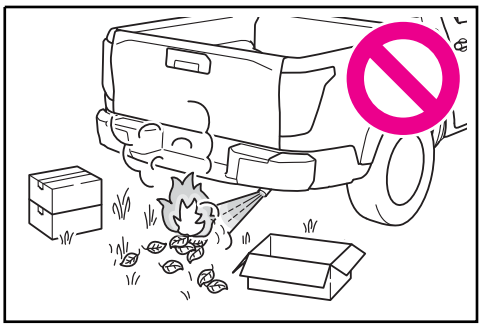
CẢNH BÁO

n **Trong khi tái tạo**

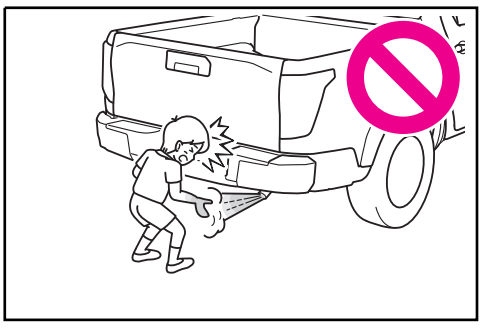
Hãy tuân theo các chú ý sau.

Nếu không có thể sẽ gây ra các tổn thương do các ống xả và khí xả nóng có thể gây bỏng hoặc hỏa hoạn.

- Không đỗ xe tại các khu vực có các vật liệu dễ cháy, như bãi cỏ khô, gần ống xả.



- Hãy chắc chắn rằng không có người nào ở gần ống xả.



- Không tiến hành tái tạo khi xe của bạn đang ở khu vực kín, chẳng hạn như trong gara.
- Không chạm vào đường ống xả và khí xả khi đang tái tạo.

CHÚ Ý

n **Để tránh làm hỏng hệ thống DPF**

- Không lái xe quá lâu trong khi đèn cảnh báo của hệ thống DPF đang nháy (xe không có màn hình đa thông tin) hoặc thông điệp cảnh báo “DPF full Visit your dealer” đang xuất hiện trên màn hình đa thông tin (xe có màn hình đa thông tin) và chuông báo kêu (đèn chỉ báo hư hỏng sáng)
- Không sử dụng loại nhiên liệu khác với tiêu chuẩn
- Không sử dụng dầu động cơ khác với loại được khuyến nghị.
- Không chỉnh sửa đường ống xả

Quy trình tái tạo

- Trong khi lái xe bình thường, bộ lọc tự động tái tạo lại sau mỗi vài trăm km*. Trong quá trình tái tạo lại, đèn cảnh báo hệ thống DPF sáng lên (xe không có màn hình đa thông tin) hoặc thông điệp cảnh báo của hệ thống DPF “DPF regeneration in progress” xuất hiện trên màn hình đa thông tin (xe có màn hình đa thông tin).
- Khi lượng cặn được tích lũy đạt đến một mức nhất định, hệ thống có thể thực hiện tái tạo lại. (→P.395)

*: Tình trạng thực tế sẽ thay đổi phụ thuộc vào thời tiết, điều kiện lái xe…

Đặc điểm của hệ thống

Hệ thống DPF có những đặc

điểm sau:

- Tốc độ chạy không tải sẽ tăng lên trong khi tái tạo
- Mùi của khí xả sẽ khác so với mùi của xe sử dụng động cơ diesel thông thường
- Khói trắng có thể sẽ thoát ra từ đường ống xả trong khi hệ thống đang tái tạo. Tuy nhiên, đó là hiện tượng bình thường.

Trình trạng đóng cặn trong DPF

▶ Xe không có màn hình đa thông tin

Lượng bụi được tích lũy trong hệ thống DPF có thể xác định được trên hiển thị trên đồng hồ công tơ mét/đồng hồ đo hành trình.

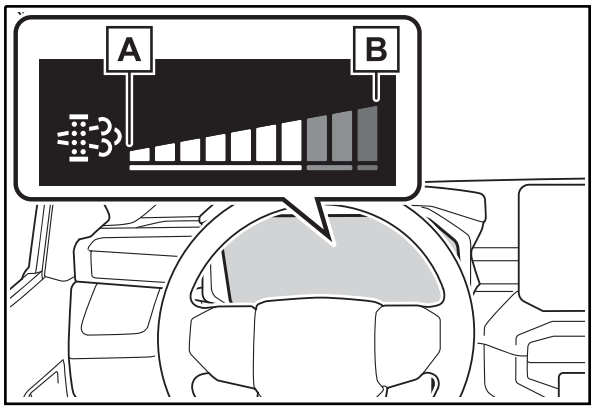
Tình trạng đóng cặn DPF sẽ xuất hiện khi ấn nút thay đổi hiển thị của đồng hồ công tơ mét/đồng hồ đo hành trình. (→P.95)

Lượng cặn được tích lũy trong hệ thống DPF có thể xác định được trên hiển thị thành 11 mức.

▶ Xe có màn hình đa thông tin

Lượng cặn tích lũy trong hệ thống DPF có thể xác định được trên màn hình đa thông tin.

Tình trạng đóng cặn trong DPF xuất hiện khi ấn công tắc hệ thống DPF hoặc thông điệp cảnh báo được hiển thị. Sử dụng tình trạng cặn DPF được hiển thị này để tham khảo.



A Thấp

B Đầy đủ

Đèn cảnh báo lỗi trong hệ thống DPF

n **Nếu đèn cảnh báo hệ thống DPF nháy (xe không có màn hình đa thông tin) hoặc thông điệp cảnh báo của hệ thống DPF "DPF full See owner's manual" xuất hiện trên màn hình (xe có màn hình đa thông tin), tuân theo quy trình dưới đây để tái tạo.**

- Khi tái tạo lại bộ lọc trong khi lái xe

Để tái tạo bộ lọc, hãy thực hiện các phương pháp lái xe sau đây.[*1]

- Bằng cách lái xe một cách liên tục (ví dụ, lái xe ở tốc độ khoảng từ 60 km/h trong khoảng từ 20 đến 30 phút).
- Tránh lái xe với nhiều hành trình ngắn, hoặc lái xe liên tục quá dài (để động cơ hoạt động trong thời gian dài).

Kiểm tra xem động cơ đã được hâm nóng trước khi lái xe để tái tạo bộ lọc hay chưa. Nếu động cơ đã nguội, hãy hâm nóng động cơ bằng cách lái xe

ở số thấp và tăng tốc độ động cơ.[*2]

Xe không có màn hình đa thông tin: Đèn cảnh báo sẽ tắt khi quá trình tái tạo đã hoàn thành. Tuy nhiên, tùy vào điều kiện lái xe như tắc đường, lượng muội than tích tụ sẽ tăng và đèn cảnh báo có thể không tắt. Nếu đèn cảnh báo nháy, hãy ấn công tắc DPF để tái tạo bộ lọc bằng cách thủ công.

Xe có màn hình đa thông tin: Thông điệp cảnh báo sẽ biến mất trên màn hình đa thông tin khi quá trình tái tạo đã hoàn thành. Tuy nhiên, tùy vào điều kiện lái xe như tắc đường, lượng muội than tích tụ sẽ tăng và thông điệp cảnh báo sẽ không biến mất trên màn hình đa thông tin. Nếu thông điệp cảnh báo không biến mất trên màn hình đa thông tin sau khi lái xe, hãy ấn công tắc hệ thống DPF để tái tạo bộ lọc bằng cách thủ công.

Sự tái tạo trong khi lái xe không thể thực hiện được khi xe hoạt động ở địa hình cao trên 4000 m so với mực nước biển.

[*1]: Khi lái xe, hãy để ý đến điều kiện thời tiết, đường sá, địa hình và điều kiện giao thông, và lái xe tuân theo luật giao thông.

[*2]: Tùy thuộc vào tình hình thực tế, có thể cần phải xuống số thấp cho đến khi tốc độ động cơ tăng lên tới 3000 vòng/phút. Nếu nhiệt độ nước làm mát động cơ hoặc nhiệt độ khí xả thấp, quá trình tái tạo có thể sẽ diễn ra lâu hơn, hoặc không thể thực hiện được.

- Khi tái tạo lại bộ lọc bằng cách ấn công tắc hệ thống DPF

1 Hãy dừng xe tại một vị trí an toàn.

2 Chuyển cần số về vị trí P (hộp số tự động) hoặc vị trí N (hộp số thường) và gài chắc phanh đỗ.

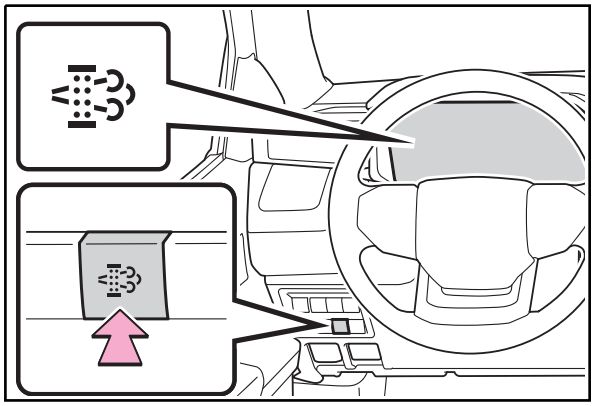
Không tắt động cơ. Ngoài ra, hãy đảm bảo không có vật liệu dễ cháy ở gần ống xả. (→P.394)

Kiểm tra xem động cơ đã được hâm nóng chưa. Nếu động cơ đang nguội, hãy hâm nóng động cơ bằng cách đạp ga.[*1]

3 Ấn công tắc của hệ thống DPF.

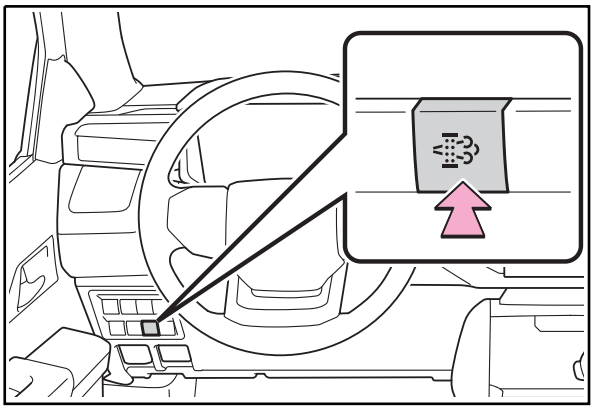
▶ Xe không có màn hình đa thông tin

Đèn cảnh báo hệ thống DPF sẽ sáng, và tốc độ không tải của động cơ sẽ tăng lên.



▶ Xe có màn hình đa thông tin

Thông điệp “Đang tiến hành phục hồi thủ công Giữ xe cách xa các chất dễ cháy” xuất hiện trên màn hình đa thông tin và tốc độ không tải của động cơ sẽ tăng lên.



Quá trình tái tạo sẽ diễn ra trong khoảng từ 15 đến 40 phút.*2

Nếu đèn cảnh báo hệ thống DPF (xe có màn hình đa thông tin) tắt hoặc thông điệp cảnh báo hệ thống DPF biến mất trên màn hình đa thông tin (xe có màn hình đa thông tin), hãy thực hiện quy trình chạy động cơ không tải để cho nó trở về bình thường.

Công tắc của hệ thống DPF có thể không hoạt động khi xe hoạt động ở địa hình cao trên 4000 m so với mực nước biển.

*1: Tùy thuộc vào tình hình thực tế, có thể người lái sẽ phải đạp chân ga cho tới khi tốc độ động cơ tăng lên tới 3000 vòng/phút. Nếu nhiệt độ nước làm mát động cơ hoặc nhiệt độ khí xả thấp, quá trình tái tạo có thể sẽ diễn ra lâu hơn, hoặc không thực hiện được.

*2: Thời gian để tiến hành tái tạo sẽ phụ thuộc vào nhiệt độ bên ngoài. Đồng thời, nếu tốc độ động cơ vẫn ở mức xấp xỉ 2000 vòng/phút trong 10 phút sau khi ấn công tắc hệ thống DPF, nhiệt độ khí xả có thể quá thấp. Trong trường hợp này, hãy đạp ga để tăng tốc độ động cơ lên xấp xỉ 3000 vòng/phút trong một lúc. Khi nhấn bàn đạp ga, quá trình tái tạo sẽ dừng lại. Trong trường hợp này, hãy khởi động lại quá trình tái tạo.

- Xe có màn hình đa thông tin: Nếu thông điệp cảnh báo “Cần phục hồi toàn bộ DPF bằng tay Xem hướng dẫn sử dụng” xuất hiện trên màn hình đa thông tin, hãy ấn công tắc DPF để tái tạo lại bộ lọc.
- Nếu khi đèn cảnh báo của hệ thống DPF nháy (xe không có màn hình đa thông tin) hoặc thông điệp cảnh báo “DPF full Visit your dealer” đang xuất hiện trên màn hình đa thông tin (xe có màn hình đa thông tin) và chuông báo kêu (đèn chỉ báo hư hỏng sáng), hãy yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

n Tái tạo bằng công tắc của hệ thống DPF

l Sau khi ấn công tắc hệ thống DPF, hệ thống sẽ ngừng tái tạo nếu bạn đạp chân ga hoặc ly hợp (xe có hộp số thường). Nếu quá trình tái tạo của hệ thống bị dừng lại, hãy khởi động lại quá trình này càng sớm càng tốt.

l Sau khi quá trình tái tạo được hoàn tất, hãy tăng tốc động cơ vài lần để làm sạch hệ thống xả.

l Nếu tiến hành tái tạo trong khi ống xả quá nóng (chẳng hạn như sau khi lái xe), bạn phải chờ một lúc cho đến khi động cơ nguội.

n Thay dầu động cơ

Hãy đảm bảo sử dụng loại dầu khuyên dùng hoặc có chất lượng phù hợp. (→P.591)

n **Đèn cảnh báo hệ thống DPF**

Dưới quy định sau kiện lái tạo lại, đèn cảnh báo hệ thống DPF sáng lên (xe không có màn hình đa thông tin) hoặc thông điệp cảnh báo của hệ thống DPF có thể xuất hiện trên màn hình đa thông tin (xe có màn hình đa thông tin) sớm hơn bình thường.*

- Chỉ khi lái xe ở tốc độ thấp (chẳng hạn như 20 km/h trở xuống)
- Nếu bật và tắt động cơ thường xuyên (nếu động cơ không làm việc trong hơn 10 phút liên tục)

*: Tình trạng thực tế sẽ thay đổi phụ thuộc vào thời tiết, điều kiện lái xe…

⚠ CHÚ Ý

n **Nếu đèn chỉ báo lỗi sáng (chuông cảnh báo)**

Đèn cảnh báo hư hỏng sẽ sáng lên nếu bạn tiếp tục lái xe trong khi đèn cảnh báo hệ thống DPF đang nháy (xe không có màn hình đa thông tin) hoặc thông điệp cảnh báo của hệ thống DPF xuất hiện trên màn hình đa thông tin (xe có màn hình đa thông tin). Trong tình huống này, xe có thể bị hư hỏng hoặc tai nạn có thể xảy ra. Hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn ngay lập tức.

Các hệ thống hỗ trợ lái xe

Để duy trì mức độ an toàn và hiệu năng khi lái xe, những hệ thống sau sẽ được tự động kích hoạt tương ứng với những điều kiện lái khác nhau. Tuy nhiên, hãy chú ý rằng những hệ thống này chỉ là những hệ thống hỗ trợ và không nên quá phụ thuộc vào chúng trong khi điều khiển xe.

Các lưu ý liên quan đến hệ thống hỗ trợ lái xe

n **Hệ thống ABS (Hệ thống chống bó cứng phanh)**

Hệ thống này sẽ giúp tránh khóa cứng bánh xe khi đạp phanh gấp, hoặc khi nhấn phanh trên đường trơn trượt.

n **Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp**

Hệ thống này sẽ hỗ trợ tăng lực phanh sau khi đạp phanh khi nó phát hiện được tình huống cần phải dừng xe khẩn cấp

n **VSC (Hệ thống điều khiển ổn định xe)**

Hệ thống này giúp cho người lái kiểm soát được tình trạng trượt xe khi vào cua gấp hoặc đánh lái trên mặt đường trơn trượt.

Trên một số mẫu xe: Kết hợp điều khiển của các hệ thống

ABS, TRC, VSC và EPS (nếu có).

Giúp duy trì hướng khi lái xe ổn định trên mặt đường trơn trượt bằng cách kiểm soát tính năng lái xe.

n Hệ thống kiểm soát lắc rơ moóc (nếu có)

Hệ thống giúp người lái điều khiển rung lắc bằng cách tác dụng lực phanh một cách có chọn lọc lên từng bánh xe và giảm mô men của động cơ khi phát hiện rung lắc.

n Hệ thống TRC (Kiểm soát lực kéo) cho xe Pre Runner (Gầm cao) và vị trí 2H trên các xe 4WD*

Hệ thống này sẽ giúp duy trì lực bám đường và tránh cho bánh dẫn động không bị trượt khi khởi hành hoặc tăng tốc xe trên đường trơn trượt

n Hệ thống A-TRC (Kiểm soát lực kéo chủ động) cho vị trí 4H và 4L trên các xe 4WD*

Hệ thống này sẽ giúp duy trì lực bám đường và tránh cho bốn bánh xe không bị trượt khi khởi hành hoặc tăng tốc xe trên đường trơn trượt

n Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc

Giúp hạn chế chuyển động về phía sau của xe khi khởi hành lên dốc

n EPS (Hệ thống lái trợ lực điện) (nếu có)

Sử dụng mô tơ điện để giảm lực xoay vô lăng.

n Tín hiệu phanh khẩn cấp

Khi đạp phanh gấp, các đèn nháy khẩn cấp sẽ tự động nháy để cảnh báo cho xe chạy phía sau.

n Phanh giảm va chạm thứ cấp (nếu có)

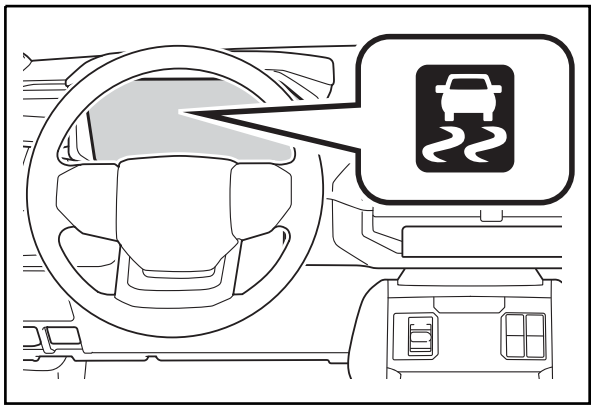
Khi cảm biến túi khí phát hiện xe bị va chạm, hệ thống phanh và đèn phanh sẽ được tự động kích hoạt để giảm tốc độ xe và giúp giảm thiệt hại do va chạm thứ cấp gây ra.

*: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P.11)

---

n Khi hệ thống TRC/A-TRC/VSC/Kiểm soát lắc rơ moóc đang hoạt động

Đèn chỉ báo trượt sẽ nhấp nháy khi hệ thống TRC/A-TRC/VSC/hệ thống kiểm soát lắc rơ moóc đang hoạt động.



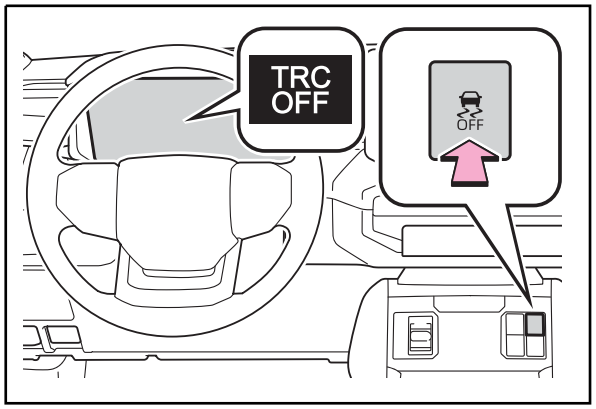
n Vô hiệu hóa hệ thống TRC/A-TRC

Nếu xe bị sa lầy trong tuyết hoặc bùn, hệ thống TRC/A-TRC có thể sẽ cắt giảm công suất từ động cơ đến các

bánh xe. Việc ấn OFF để tắt hệ thống có thể sẽ giúp bạn đưa xe thoát khỏi sa lầy một cách dễ dàng hơn.

▶ Xe không có hệ thống AUTO LSD (xe không có màn hình đa thông tin)

Để tắt hệ thống TRC/A-TRC, hãy ấn và nhả nhanh công tắc OFF.

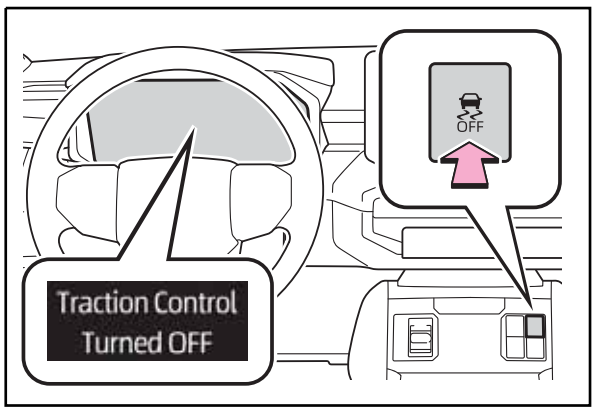


Đèn chỉ báo "TRC OFF" sẽ sáng lên.

Hãy ấn nút OFF một lần nữa để bật lại hệ thống.

▶ Xe không có hệ thống AUTO LSD (xe có màn hình đa thông tin)

Để tắt hệ thống TRC/A-TRC, hãy ấn và nhả nhanh công tắc OFF.

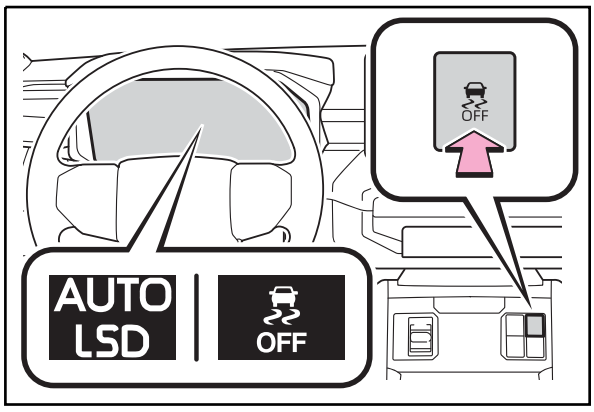


Thông báo “Tắt điều khiển lực kéo” sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

Hãy ấn nút OFF một lần nữa để bật lại hệ thống.

▶ Xe có hệ thống AUTO LSD:

Để tắt hệ thống TRC/A-TRC, hãy ấn và nhả nhanh công tắc OFF. (Khi hệ thống AUTO LSD đã được bật.[*1])



Đèn chỉ báo “AUTO LSD” va VSC OFF sẽ sáng lên.

Hãy ấn nút OFF một lần nữa để bật lại hệ thống.

[*1]: Chỉ đối với xe Pre Runner (Gầm cao) và ở chế độ 2WD trên các xe 4WD[*2]

[*2]: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P.11)

n Tắt các hệ thống TRC/A-TRC, VSC và điều khiển rung lắc rơ moóc.

▶ Xe không có màn hình đa thông tin

Để tắt hệ thống TRC/A-TRC, VSC và kiểm soát lắc rơ moóc, hãy ấn và giữ OFF từ 3 giây trở lên khi xe được đỗ lại.

Đèn chỉ báo “TRC OFF” và đèn chỉ báo tắt hệ thống VSC OFF sẽ sáng lên.

Hãy ấn nút OFF một lần nữa để bật lại hệ thống.

▶ Xe có màn hình đa thông tin

Để tắt hệ thống TRC/A-TRC, VSC và kiểm soát lắc rơ moóc, hãy ấn và giữ OFF từ 3 giây trở lên khi xe được đỗ lại.

Đèn chỉ báo OFF hệ thống VSC sẽ sáng lên và thông điệp “Tắt điều khiển lực kéo” sẽ xuất hiện trên màn

hình đa thông tin.*

Hãy ấn nút OFF một lần nữa để bật lại hệ thống.

*: Trên xe có PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm), hệ thống hỗ trợ lái khẩn cấp cũng sẽ bị vô hiệu hóa. Đèn cảnh báo của PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm) sẽ sáng lên.

n Khi đèn chỉ báo "TRC OFF" sáng hoặc thông điệp được hiển thị trên màn hình đa thông tin chỉ ra rằng TRC/A-TRC đã bị vô hiệu hóa ngay cả khi không ấn OFF

Hệ thống TRC/A-TRC đã tạm thời bị vô hiệu hóa. Nếu đèn báo vẫn tiếp tục sáng hoặc thông báo vẫn xuất hiện, thì hãy liên hệ với Đại lý Toyota.

n Điều kiện hoạt động của hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc

Khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây, hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc sẽ hoạt động:

- Xe sử dụng hộp số tự động: Cần số ở vị trí D hoặc ở vị trí số tiến khác khi khởi hành tiến về phía trước trên dốc lên, hoặc cần số ở vị trí R khi bắt đầu lùi xe trên dốc lên.
- Xe sử dụng hộp số sàn: Cần số nằm ở vị trí số 1 hoặc vị trí số tiến khác, hoặc vị trí N khi khởi hành trên đường dốc lên, hoặc cần số ở vị trí R khi bắt đầu lùi xe trên đường dốc lên.
- Khi dừng xe
- Khi không đạp bàn đạp ga
- Khi phanh đỗ không được gài
- Công tắc động cơ ở ON

n Tự động hủy hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc

Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc sẽ tắt trong bất kỳ trường hợp sau:

- Xe có hộp số tự động: Cần số ở vị trí khác D khi khởi hành tiến xe lên dốc, hoặc ở vị trí khác R khi lùi xe lên dốc.
- Xe có hộp số thường:
  Cần số ở vị trí khác N hoặc ở vị trí số tiến như vị trí số 1, khi khởi hành tiến lên dốc, hoặc cần số ở vị trí khác R khi khởi hành lùi lên dốc.
- Khi nhấn bàn đạp ga
- Người lái đạp giữ bàn đạp phanh và gài phanh đỗ
- Tối đa 2 giây sau khi nhả bàn đạp phanh
- Công tắc động cơ được tắt OFF

n Âm thanh và rung động gây ra bởi hệ thống ABS, hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp, hệ thống VSC, hệ thống kiểm soát lắc rơ moóc, hệ thống TRC/A-TRC và hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc

- Bạn có thể sẽ nghe thấy tiếng động phát ra từ khoang động cơ khi đạp phanh nhiều lần lặp đi lặp lại, khi khởi động động cơ hoặc ngay sau khi xe bắt đầu khởi hành. Những tiếng động đó không phải là dấu hiệu hư hỏng của các hệ thống trên.
- Những hiện tượng sau có thể sẽ xuất hiện khi những hệ thống trên đang hoạt động. Những hiện tượng đó là hoàn toàn bình thường.
  - Thân xe và tay lái có thể bị rung.
  - Bạn có thấy nghe thấy tiếng mô tơ kêu sau khi dừng xe.
  - Bàn đạp phanh có thể sẽ rung nhẹ sau khi hệ thống ABS được kích hoạt.
  - Bàn đạp phanh có thể sẽ bị tụt nhẹ xuống sau khi hệ thống ABS được kích hoạt.

n Kích hoạt tự động hệ thống TRC/A-TRC, VSC và kiểm soát lắc rơ moóc

Sau khi tắt hệ thống TRC/A-TRC, VSC và kiểm soát lắc rơ moóc, hệ thống sẽ tự động kích hoạt lại trong các trường hợp sau:

- Khi tắt công tắc động cơ
- Nếu chỉ tắt hệ thống TRC/A-TRC, thì TRC/A-TRC sáng khi khi tốc độ xe tăng lên.
  Nếu các hệ thống TRC và VSC và điều khiển trượt ngang đều đã được tắt, thì kể cả khi tăng tốc xe chúng cũng không tự động phục hồi tự động được.

Hạn chế hiệu quả của hệ thống EPS (nếu có)

Hiệu quả của hệ thống lái trợ lực điện EPS sẽ bị hạn chế để tránh cho hệ thống không bị quá nhiệt khi thường xuyên đánh lái trong một thời gian dài. Kết quả là tay lái có thể sẽ trở nên nặng hơn. Khi đó bạn nên hạn chế đánh lái quá nhiều hoặc hãy dừng xe lại và tắt động cơ.
Hệ thống EPS sẽ trở lại bình thường trong khoảng 10 phút.

Điều kiện hoạt động của chức năng phát tín hiệu phanh khẩn cấp

Khi thỏa mãn được các điều kiện sau, chức năng phát tín hiệu phanh khẩn cấp sẽ hoạt động:

- Khi đèn nháy khẩn cấp tắt.
- Khi tốc độ thực tế của xe lớn hơn 55 km/h.
- Hệ thống sẽ phán đoán từ việc giảm tốc độ của xe và coi đây là hoạt động phanh khẩn cấp.

Tự động dừng kích hoạt chức năng phát tín hiệu phanh khẩn cấp

Chức năng phát tín hiệu phanh khẩn cấp sẽ bị hủy trong bất kỳ trường hợp sau:

- Khi các đèn nháy khẩn cấp đang bật.
- Khi hệ thống phán đoán rằng xe đang giảm tốc và đây không phải là hoạt động phanh gấp.

Điều kiện hoạt động của phanh giảm va chạm thứ cấp (nếu có)

Hệ thống hoạt động khi cảm biến túi khí phát hiện được va chạm, khi xe đang chuyển động.

Tuy nhiên, hệ thống không thể hoạt động khi các bộ phận đã bị hư hỏng.

Hủy tự động hoạt động của phanh giảm va chạm thứ cấp (nếu có)

Hệ thống này sẽ tự động bị hủy trong bất kỳ các tình huống sau.

- Tốc độ của xe giảm xuống tới xấp xỉ 0 km/h
- Khi đã hoạt động được một khoảng thời gian nhất định
- Nhấn mạnh bàn đạp ga

CẢNH BÁO

Hệ thống chống bó cứng phanh ABS sẽ không hoạt động hiệu quả khi

- Khi khả năng bám đường của lốp không đạt tiêu chuẩn (ví dụ như khi sử dụng các lốp đã bị mòn quá mức trên đường phủ tuyết).
- Khi xe bị lướt trên mặt nước trong khi lái xe với tốc độ cao trên đường ướt và trơn trượt.

Quãng đường phanh khi hệ thống ABS được kích hoạt có thể sẽ lớn hơn so với điều kiện bình thường

Hệ thống ABS không được thiết kế để giảm quãng đường phanh của xe. Hãy giữ khoảng cách an toàn với xe đi trước trong các tình huống sau:

- Khi lái xe trên đường đất, bùn hoặc bị tuyết phủ
- Khi lái xe có lắp xích quấn lốp
- Khi lái xe qua các đoạn đường gập ghềnh
- Khi lái xe trên đường có nhiều ổ gà hoặc trên đường không bằng phẳng

⚠ CẢNH BÁO

n **Hệ thống TRC/A-TRC/VSC có thể sẽ không làm việc hiệu quả khi**

Khi lái xe trên đường trơn trượt có thể sẽ không điều khiển được hướng lái của xe và lực bám kể cả khi hệ thống TRC/A-TRC/VSC đang kích hoạt.
Hãy lái xe thật cẩn thận trong điều kiện xe có thể bị mất tính ổn định và khả năng bám đường.

n **Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc không hoạt động hiệu quả khi**

l Không được quá tin tưởng vào điều khiển hỗ trợ khởi hành ngang dốc. Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc có thể sẽ không làm việc hiệu quả trên đường dốc đứng và trên đường bị băng tuyết bao phủ.

l Không giống như phanh đỗ, điều khiển khởi hành ngang dốc không chủ định để giữ xe cố định trong thời gian dài. Không được lạm dụng điều khiển hỗ trợ khởi hành ngang dốc để đỗ xe trên đường dốc, nếu không sẽ dẫn đến bị tai nạn.

n **Khi hệ thống TRC/A-TRC/VSC/kiểm soát lắc rơ moóc được kích hoạt**

Đèn chỉ báo trượt nhấp nháy. Hãy lái xe thật cẩn thận.
Tai nạn có thể xảy ra nếu bạn thiếu thận trọng khi lái xe. Hãy đặc biệt cẩn thận khi đèn chỉ báo nhấp nháy.

n **Khi tắt hệ thống TRC/hệ thống A-TRC/hệ thống VSC/hệ thống kiểm soát lắc rơ moóc**

Hãy hết sức cẩn thận và lái xe ở tốc độ phù hợp với tình trạng mặt đường. Do các hệ thống này được sử dụng để đảm bảo sự ổn định và lực kéo phù hợp cho xe, do vậy chỉ tắt hệ thống TRC/hệ thống A-TRC/hệ thống VSC/hệ thống kiểm soát lắc rơ moóc khi thật sự cần thiết.

Kiểm soát rung lắc là một phần của hệ thống VSC và nó sẽ không hoạt động nếu hệ thống VSC tắt hoặc hệ thống có lỗi.

n **Thay lốp**

Hãy đảm bảo rằng tất cả các lốp đều có cùng kích cỡ, nhãn hiệu, kiểu hoa lốp và tải trọng chung. Ngoài ra còn phải đảm bảo rằng các lốp đều đã được bơm tới áp suất tiêu chuẩn.

Hệ thống ABS, TRC/A-TRC, kiểm soát lắc rơ moóc và VSC sẽ không làm việc chính xác nếu các lốp trên xe là loại khác.
Hãy liên hệ với Đại lý Toyota để biết thêm thông tin chi tiết khi thay lốp hoặc vành xe.

n **Khi sửa chữa lốp xe và hệ thống treo**

Sử dụng các lốp hỏng hoặc chỉnh sửa hệ thống treo sẽ làm ảnh hưởng tới hệ thống hỗ trợ lái xe, và có thể làm cho hệ thống trục trặc.

n **Các lưu ý với hệ thống kiểm soát lắc rơ moóc**

Hệ thống kiểm soát lắc rơ moóc sẽ không thể giảm lắc rơ moóc trong tất cả các trường hợp. Tùy thuộc vào nhiều yếu tố như điều kiện xe, rơ moóc, đường sá, điều kiện lái xe, mà hệ thống này có thể sẽ không hoạt động hiệu quả. Hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng rơ móc để biết cách kéo moóc chính xác.

n **Nếu rơ moóc bị lắc (xe có hệ thống kiểm soát lắc rơ moóc)**

Hãy tuân thủ theo các chú ý sau. Nếu không có thể sẽ dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Hãy nắm chắc vô lăng. Giữ thẳng lái.
  Không thử kiểm tra hệ thống kiểm soát rung lắc rơ moóc bằng cách đánh lái.
- Hãy bắt đầu nhả chân ga ngay lập tức nhưng nhả từ từ để giảm tốc độ.
  Không tăng tốc độ. Không gài phanh.

Nếu bạn không đánh lái hoặc phanh gấp, xe và rơ móc cần phải ở trạng thái ổn định.

n **Phanh giảm va chạm thứ cấp (nếu có)**

Không phụ thuộc quá nhiều vào hệ thống phanh hạn chế va chạm thứ cấp. Hệ thống được thiết kế để giúp giảm thiệt hại do va chạm thứ cấp, tuy nhiên, hiệu quả hoạt động của hệ thống sẽ phụ thuộc vào các điều kiện khác nhau. Quá phụ thuộc vào hệ thống này có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

Lời khuyên khi lái xe trong mùa đông

Hãy tiến hành chuẩn bị và kiểm tra cần thiết trước khi lái xe trong mùa đông. Luôn luôn lái xe theo cách phù hợp với điều kiện thời tiết chung.

Chuẩn bị trước khi lái xe trong mùa đông

- Sử dụng các loại dung dịch phù hợp với nhiệt độ chung bên ngoài xe.
  - Dầu động cơ
  - Nước làm mát động cơ
  - Nước làm mát cho bộ làm mát trung gian (nếu có)
  - Nước rửa kính
- Hãy yêu cầu kỹ thuật viên kiểm tra tình trạng của ắc quy.
- Lắp đặt lốp đi tuyết cho cả bốn bánh xe hoặc mua một bộ xích quấn lốp cho các lốp sau.

Đảm bảo rằng tất cả các lốp có cùng kích thước, cùng nhà sản xuất và kích cỡ của xích quấn lốp phù hợp với kích cỡ của lốp.

n Nhiên liệu cho động cơ diesel hoạt động ở nhiệt độ thấp

Sử dụng dầu diesel cho mùa đông khi nhiệt độ thấp. Việc sử dụng dầu diesel cho mùa hè khi hoạt động ở điều kiện nhiệt độ thấp có thể làm cho hệ thống nhiên liệu hoạt động không chính xác và gây hư hỏng động cơ. Hãy giảm đến mức tối thiểu lượng dầu diesel mùa hè trong bình nhiên liệu khi ở điều kiện sử dụng nhiệt độ thấp, hãy nạp dầu diesel cho mùa đông càng sớm càng tốt. Hãy kiểm tra thông tin về chủng loại và tính năng sử dụng của dầu diesel ở trạm nhiên liệu.

⚠ CẢNH BÁO

n Lái xe có lắp lốp đi tuyết

Hãy tuân theo các lưu ý sau để giảm thiểu nguy cơ gây ra tai nạn. Nếu không có thể sẽ gây mất lái dẫn đến tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

- Hãy sử dụng các loại lốp có kích thước tiêu chuẩn.
- Hãy đảm bảo duy trì áp suất lốp theo quy định.
- Không lái xe với tốc độ vượt quá tốc độ giới hạn của đường hoặc tốc độ giới hạn tiêu chuẩn của lốp khi sử dụng lốp đi tuyết.
- Hãy lắp tất cả các bánh xe bằng lốp đi tuyết, không phải chỉ với một vài lốp.

n Lái xe với xích quấn lốp

Hãy tuân theo các lưu ý sau để giảm thiểu nguy cơ gây ra tai nạn. Nếu không có thể dẫn tới tình trạng lái xe không an toàn có thể gây ra tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

- Không lái xe với tốc độ vượt quá tốc độ giới hạn của xích quấn lốp đã được lắp đặt hoặc không quá 50km/h, tùy theo chỉ số nào thấp hơn.
- Tránh lái xe trên đường gồ ghề hoặc qua các ổ gà.

- Tránh tăng tốc và đánh lái đột ngột, cũng như tránh phanh gấp và xuống số do có thể làm lực phanh động cơ bị thay đổi đột ngột.
- Hãy giảm tốc độ trước khi vào cua để đảm bảo khả năng điều khiển xe.
- Không sử dụng hệ thống LTA (Hỗ trợ bám làn đường) (nếu có).
- Không được sử dụng hệ thống LDA (hệ thống cảnh báo lệch làn) (nếu có).

CHÚ Ý

Sửa chữa hoặc thay các lốp đi tuyết (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)

Hãy yêu cầu đại lý Toyota hoặc một cửa hàng bán lốp có uy tín sửa chữa hoặc thay lốp đi tuyết.
Bởi việc tháo và lắp các lốp đi tuyết sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của các van và cảm biến áp suất lốp.

Trước khi lái xe

Tùy theo tình hình thực tế, hãy thực hiện các biện pháp xử lý sau tùy vào điều kiện lái xe:

- Không cố dùng sức để mở các cửa sổ hoặc cho di chuyển cần gạt kính đã bị đóng băng. Hãy đổ nước ấm lên vùng bị đóng băng để làm tan băng. Hãy gạt nước ngay sau đó để tránh cho nước không bị đóng băng lại.
- Để đảm bảo hệ thống quạt làm việc tốt theo mùa, hãy dọn hết tuyết bị đọng trong đường ống thông hơi nằm ở phía trước của kính chắn gió.
- Kiểm tra và bóc hết lớp băng hoặc tuyết đọng trên các đèn bên ngoài xe, gương chiếu hậu bên ngoài xe, các cửa sổ, nóc xe, khung gầm, xung quanh các lốp xe hoặc phanh.
- Hãy gạt hết tuyết hoặc bùn dính dưới đế giày trước khi vào xe.

Khi lái xe

Từ từ tăng tốc xe, giữ khoảng cách an toàn với xe chạy phía trước và lái xe ở tốc độ thấp phù hợp với điều kiện mặt đường.

Khi đỗ xe

- Xe có phanh đỗ (loại công tắc): Hãy tắt chế độ tự động của phanh đỗ.
  Nếu không, hệ thống phanh đỗ có thể bị đóng băng và không thể tự động nhả ra được.
  Ngoài ra, hãy tránh sử dụng những chức năng sau vì phanh đỗ có thể hoạt động một cách tự động, ngay cả khi đã tắt chế độ tự động.

• Hệ thống giữ phanh

- Đỗ xe và chuyển cần số đến vị trí P (hộp số tự động) hoặc 1 hoặc R (hộp số thường) mà không gài phanh đỗ. Cụm phanh đỗ có thể sẽ bị đóng băng và không nhả ra được. Nếu đỗ xe mà không gài

phanh đỗ, chắc chắn rằng phải chèn các bánh xe. Nếu không, có thể sẽ rất nguy hiểm do xe có thể bất ngờ dịch chuyển và dẫn tới tai nạn.

- Xe có phanh đỗ (loại công tắc): Khi phanh đỗ đang ở chế độ tự động, hãy nhả phanh đỗ sau khi chuyển cần số đến P. (→P.192)
  Tắt công tắc động cơ trong khi nhấn công tắc phanh đỗ.
- Xe có hộp số tự động: Nếu đỗ xe mà không gài phanh đỗ, hãy đảm bảo rằng cần số không bị trượt ra khỏi vị trí P*.
- Xe với hộp số thường: Đỗ xe và chuyển cần số đến vị trí 1 hoặc R mà không gài phanh đỗ.
  Khi đỗ xe mà không gài phanh đỗ, chắc chắn rằng phải chèn các bánh xe. Nếu không, có thể sẽ rất nguy hiểm do xe có thể bất ngờ dịch chuyển và dẫn tới tai nạn.
- Nếu xe được đỗ lại trong thời tiết lạnh, có thể phanh sẽ bị đóng băng.

*: Cần số sẽ bị khóa lại nếu vẫn cố gắng chuyển số từ số P đến các vị trí số khác mà không nhấn bàn đạp phanh. Nếu có thể chuyển được cần số ra khỏi vị trí P, thì có thể hệ thống khóa chuyển số đã bị trục trặc. Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

⚠ CẢNH BÁO

n **Khi đỗ xe**

Khi đỗ xe mà không gài phanh đỗ, hãy chèn các bánh xe. Nếu bạn không chèn các bánh xe, xe có thể bất ngờ di chuyển, dẫn đến tai nạn.

Lựa chọn xích quấn lốp

Sử dụng xích quấn lốp phù hợp với kích thước lốp cần gắn. Mỗi cỡ xích chỉ được sử dụng cho một cỡ lốp.

Các quy định về việc sử dụng xích quấn lốp

Có rất nhiều các quy định khác nhau khi sử dụng xích quấn lốp ở các quốc gia và trên các loại đường khác nhau. Hãy tìm hiểu và kiểm tra kỹ các quy định tại địa phương trước khi lắp xích quấn lốp.

n **Lắp xích quấn lốp**

Hãy tuân theo các chú ý sau khi lắp đặt và tháo xích quấn lốp:

- Hãy lắp đặt và tháo xích quấn lốp ở vị trí an toàn.
- Chỉ lắp xích quấn lốp vào các bánh sau. Không lắp xích quấn lốp vào các lốp trước.
- Hãy lắp xích quấn lốp trên các lốp sau càng chặt càng tốt. Hãy xiết chặt lại xích sau khi lái xe từ 0.5 đến 1.0 km.
- Hãy lắp xích quấn lốp theo các hướng dẫn kèm theo sản phẩm.

CHÚ Ý

n **Lắp lốp đi tuyết (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)**

Van cảm biến áp suất lốp có thể không hoạt động chính xác khi lắp xích quấn lốp.

Lời khuyên khi lái xe ở chế độ Eco

Để cải thiện mức tiết kiệm nhiên liệu và giảm khí thải CO_2, hãy đặc biệt chú ý tới các điểm sau:

Sử dụng chế độ lái Eco (nếu có)

Khi sử dụng chế độ lái Eco, mômen tương ứng với lực đạp ga sẽ được tạo ra êm dịu hơn so với ở điều kiện lái xe bình thường. Đồng thời, công suất của hệ thống điều hòa không khí (làm mát/sưởi ấm) sẽ được giảm thiểu, để cải thiện mức tiêu hao nhiên liệu. (→P.374)

Sử dụng đèn chỉ báo lái Eco (nếu có)

▶ Xe không có màn hình đa thông tin

Có thể lái xe ở chế độ tiết kiệm nhiên liệu bằng cách duy trì chỉ báo lái Eco sáng. (→P.93)

▶ Xe có màn hình đa thông tin

Có thể lái tiết kiệm nhiên liệu bằng cách lái xe sao cho đèn chỉ báo lái Eco sáng và thanh hiển thị của đèn chỉ báo lái Eco xuất hiện trên màn hình đa thông tin nằm trong vùng lái tiết kiệm nhiên liệu. (→P.108, 119)

Sử dụng bàn đạp phanh/bàn đạp ga

Hãy lái xe từ tốn. Tránh tăng tốc và giảm tốc đột ngột. Tăng tốc và giảm tốc từ từ sẽ giúp giảm mức tiêu hao nhiên liệu hơn.

Khi phanh xe

Hãy quan sát phía trước và xung quanh xe và ước tính khoảng cách phanh. Nhả sớm bàn đạp ga và tiếp tục chạy xe. Hãy sử dụng bàn đạp phanh để điều chỉnh vị trí dừng. Hãy đạp nhẹ bàn đạp phanh.

Độ trễ

Việc tăng tốc hoặc giảm tốc liên tục cũng như đợi đèn giao thông quá lâu sẽ tiêu hao nhiều nhiên liệu. Hãy kiểm tra các bản tin giao thông trước khi lái xe và tránh đường tắc càng nhiều càng tốt.

Lái xe trên đường cao tốc

Hãy kiểm soát tốc độ và duy trì ở một tốc độ ổn định. Ngoài ra, trước khi dừng xe ở trạm thu phí hoặc các trường hợp tương tự, hãy nhả bàn đạp ga và đạp nhẹ bàn đạp phanh.

Điều hoà không khí

Chỉ sử dụng hệ thống điều hòa khi cần. Việc này sẽ giúp giảm lượng nhiên liệu tiêu hao.

Vào mùa hè: Khi nhiệt độ bên ngoài cao, hãy sử dụng chế độ tuần hoàn khí trong xe. Việc này giảm tình trạng quá tải cho hệ thống điều hòa và giảm lượng tiêu hao nhiên liệu.

Trong mùa đông: Chỉ bật nút A/C khi cần cả chức năng sưởi và hút ẩm, và nếu chỉ cần chức năng sưởi, hãy tắt nút A/C. Bật công tắc A/C khi không cần thiết sẽ làm tăng mức tiêu hao nhiên liệu.

Dừng chạy không tải

- Tránh để động cơ chạy không tải khi không cần thiết. Hãy tắt máy khi đỗ xe để giảm lượng nhiên liệu tiêu hao, ngay cả trong một thời gian ngắn.
- Ngoại trừ trong một số điều kiện thời tiết khắc nghiệt, như trong điều kiện nhiệt độ bên ngoài quá thấp, thì việc hâm nóng động cơ trước khi lái xe là không cần thiết. Trong điều kiện khác không tải, sẽ hiệu quả hơn nếu lái xe để hâm nóng từng phần, đồng thời tránh tăng tốc độ động cơ không cần thiết và tăng hoặc giảm tốc bất ngờ.
- Hệ thống Dừng và Khởi động (nếu có) sẽ giúp tiết kiệm nhiên liệu. (→P.267)
- Hãy thực hiện các biện pháp

sau để duy trì hiệu quả của các chức năng, không chạy không tải khi không cần thiết.

- Vệ sinh hệ thống kiểm soát khí xả (nếu có)
- Thời gian chạy không tải trước khi tắt động cơ có turbo tăng áp (nếu có) (→P.175)

Hành lý

Mang theo hành lý nặng sẽ dẫn đến tiêu hao nhiều nhiên liệu. Tránh mang hành lý không cần thiết. Lắp giá để hành lý quá lớn trên trần xe cũng làm tiêu hao nhiều nhiên liệu.

Bảo dưỡng định kỳ

- Hãy đảm bảo việc duy trì áp suất lốp phù hợp. Áp suất lốp không chính xác có thể dẫn đến tiêu hao nhiều nhiên liệu. Hơn nữa, vì lốp đi tuyết có thể gây ra lực ma sát lớn, nếu sử dụng nó trên đường khô sẽ làm tiêu hao nhiên liệu nhiều. Hãy sử dụng lốp phù hợp đối với từng mùa và điều kiện đường sá.
- Hãy sử dụng dầu và các dung dịch có chất lượng tốt, bởi việc này có ảnh hưởng đến lượng nhiên liệu tiêu hao và tuổi thọ của xe. Do đó, hãy kiểm tra dầu và dung dịch định kỳ. (→P.462)

Trang bị nội thất 5

5-1. Sử dụng hệ thống điều hòa không khí và bộ sấy

Hệ thống điều hoà không khí thường 412

Hệ thống điều hòa không khí tự động.....417

Bộ sưởi vô lăng/bộ sưởi ghế/bộ thông gió cho ghế 425

5-2. Sử dụng các đèn chiếu sáng bên trong xe

Danh sách các đèn trong xe 427

5-3. Sử dụng các ngăn đựng đồ

Danh sách các ngăn đựng đồ 429

Đặc điểm của khoang để hành lý 436

5-4. Sử dụng các trang bị nội thất khác

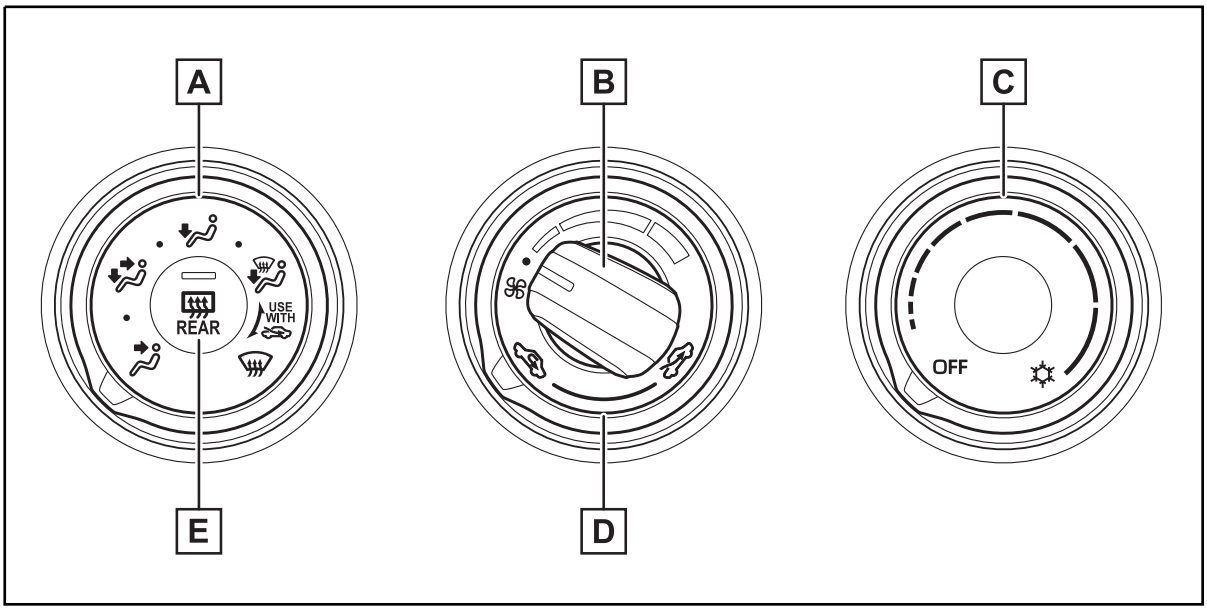
Các trang bị nội thất khác 437

Hệ thống điều hoà không khí thường*

*: Nếu có

Điều khiển điều hòa

▶ Xe không có bộ sưởi



A Núm điều chỉnh chế độ luồng khí

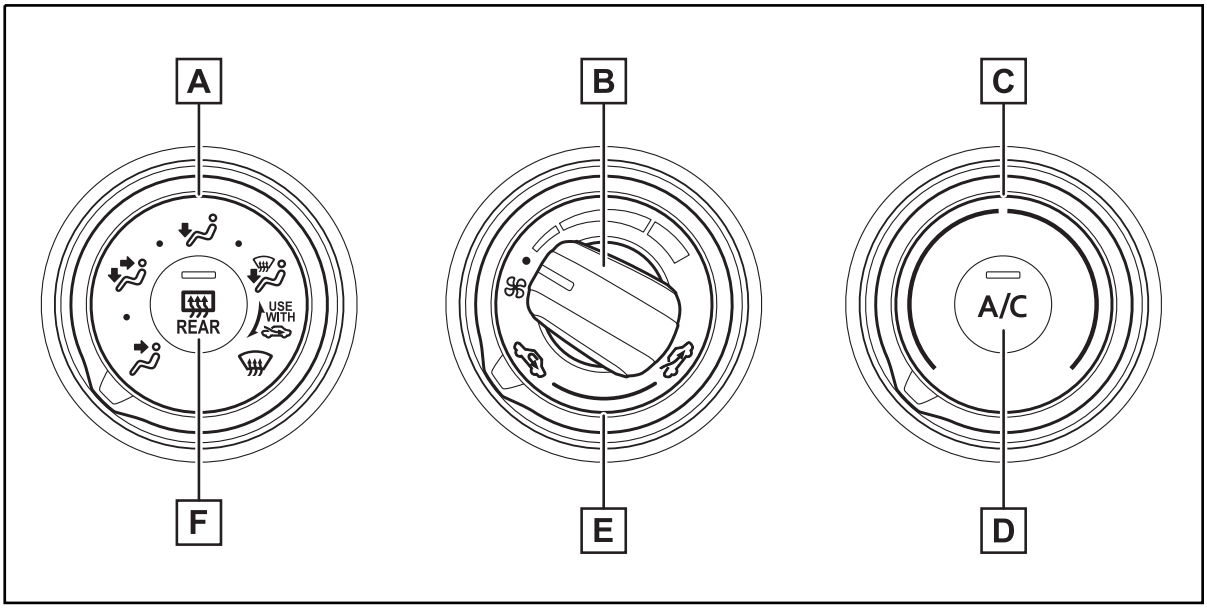
B Núm điều chỉnh tốc độ quạt

C Núm điều chỉnh nhiệt độ

D Núm chọn chế độ lấy khí ngoài/tuần hoàn khí bên trong

E Bộ sấy kính cửa hậu (nếu có)

▶ Xe có bộ sưởi



Hình minh họa này dành cho xe tay lái bên trái. Vị trí và hình dạng của các nút sẽ khác nhau đối với xe tay lái bên phải.

A Núm điều chỉnh chế độ luồng khí

B Núm điều chỉnh tốc độ quạt

C Núm điều chỉnh nhiệt độ

D Nút "A/C"

E Núm chọn chế độ lấy khí ngoài/tuần hoàn khí bên trong

F Bộ sấy kính cửa hậu (nếu có)

n **Điều chỉnh cài đặt nhiệt độ**

▶ Xe không có bộ sưởi

Xoay núm điều chỉnh nhiệt độ cùng chiều kim đồng hồ (làm mát).

Dịch chuyển núm đến “OFF” để tắt điều hòa, hệ thống sẽ thổi ra không khí ở nhiệt độ thường.

▶ Xe có bộ sưởi

Xoay núm điều chỉnh nhiệt độ cùng chiều kim đồng hồ (làm ấm) hoặc xoay ngược chiều kim đồng hồ (làm mát).

Nếu không ấn nút "A/C", hệ thống sẽ thổi ra không khí ở nhiệt độ môi trường hoặc khí nóng.

n **Điều chỉnh cài đặt tốc độ quạt**

Xoay núm điều chỉnh tốc độ quạt cùng chiều kim đồng hồ (tăng) hoặc ngược chiều kim đồng hồ (giảm)

Xoay núm sang bên trái và tắt quạt.

n **Thay đổi chế độ luồng khí**

Xoay núm điều chỉnh chế độ

luồng khí đến vị trí mong muốn.

Bạn có thể chọn các vị trí ở giữa các vị trí chọn cửa gió để điều chỉnh một cách chính xác hơn.

n **Chuyển giữa chế độ lấy khí ngoài và tuần hoàn khí trong xe**

Xoay núm chỉnh chế độ lấy khí bên ngoài/tuần hoàn khí bên trong.

Chuyển chế độ lấy khí từ bên ngoài vào và chế độ tuần hoàn khí trong xe sẽ được thực hiện bởi mỗi lần xoay núm.

n **Đặt chức năng làm mát và chức năng hút ẩm (xe có bộ sưởi)**

Hãy ấn nút "A/C".

Khi chức năng đang bật, đèn báo trên nút "A/C" sẽ sáng lên.

n **Sấy kính chắn gió**

Bộ sấy được sử dụng để làm trong kính chắn gió và kính cửa trước.

Xoay núm điều chỉnh chế độ luồng khí đến vị trí sấy kính chắn gió.

Xoay núm chế độ lấy gió ngoài/tuần hoàn khí đến chế độ lấy gió ngoài nếu đang sử dụng chế độ tuần hoàn khí trong xe.

Để sấy kính chắn gió và các kính cửa sổ hai bên nhanh hơn, hãy bật các cửa gió và tăng nhiệt độ lên.

Xe có bộ sưởi: Nếu chức năng hút ẩm không hoạt động, hãy ấn nút để vận hành chức năng hút ẩm.

n **Sấy kính cửa hậu (nếu có)**

Bộ sấy được sử dụng để sấy kính cửa hậu.

Ấn nút sấy kính cửa hậu.

Khi chức năng được bật, chỉ báo trên công tắc sáng lên.

---

n **Làm trong kính cửa sổ**

l Xe có bộ sưởi: Các cửa sổ sẽ dễ bị bám sương mờ khi độ ẩm trong xe cao. Bật công tắc “A/C” sẽ hút ẩm không khí từ các cửa thổi gió và giúp làm trong kính chắn gió hơn.

l Xe có bộ sưởi: Nếu bạn tắt nút “A/C”, các cửa sổ có thể sẽ dễ bị bám mờ sương hơn.

l Các cửa sổ có thể sẽ bị mờ sương nếu chọn chế độ tuần hoàn khí trong xe.

n **Khi lái xe trên đường bụi bẩn**

Hãy đóng tất cả các cửa. Nếu bụi bay lên khi xe chạy qua bị cuốn vào bên trong xe sau khi đóng cửa sổ thì chúng tôi khuyên bạn đặt chế độ lấy khí ngoài và không tắt quạt gió.

n **Chế độ không khí bên ngoài/tuần hoàn khí (xe có bộ sưởi)**

Chúng tôi khuyên bạn đặt tạm thời ở chế độ tuần hoàn khí bên trong để tránh cho bụi bẩn không bị lọt vào bên trong xe và giúp làm mát xe nhanh khi nhiệt độ ngoài xe là cao.

n **Khi nhiệt độ bên ngoài hạ xuống gần 0 ● C**

Chức năng hút ẩm có thể sẽ không hoạt động kể cả khi đã ấn nút "A/C".

n **Thông gió và mùi điều hòa**

l Để lấy không khí trong lành, hãy đặt hệ thống điều hòa ở chế độ lấy khí ngoài.

- Trong khi sử dụng, có rất nhiều loại khí từ bên trong và bên ngoài xe có thể sẽ lọt vào và tích tụ trong hệ thống điều hòa. Nó có thể sẽ gây ra mùi hôi thoát ra từ các chớp thông gió.
- Để giảm mùi có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị rằng hệ thống điều hòa nên được đặt ở chế độ lấy khí từ bên ngoài trước khi tắt xe.

n Bộ lọc điều hòa

→P.511

CẢNH BÁO

n Để tránh cho kính chắn gió khỏi bị mờ sương

Không được đặt nút điều khiển chế độ thổi khí đến trong điều kiện thời tiết cực kỳ ẩm ướt. Sự chênh lệch nhiệt độ bên ngoài xe và nhiệt độ của kính chắn gió có thể làm cho bề mặt của kính bị mờ đi, làm giảm tầm nhìn của bạn.

CHÚ Ý

n Để tránh làm hết điện của ắc quy

Không được bật hệ thống điều hòa không khí quá lâu trong khi động cơ tắt máy.

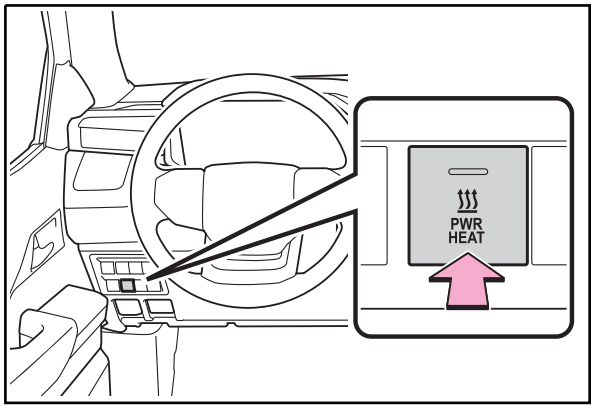
Bộ sưởi tăng cường (nếu có)

Tính năng này giúp sưởi ấm nhanh nước làm mát động cơ, tăng tốc độ sưởi ấm khoang xe trong điều kiện thời tiết lạnh và giữ cho khoang xe luôn ấm áp.

Hãy ấn nút này để bật/tắt bộ sưởi tăng cường.

Khi chức năng được bật, chỉ báo trên công tắc sáng lên.

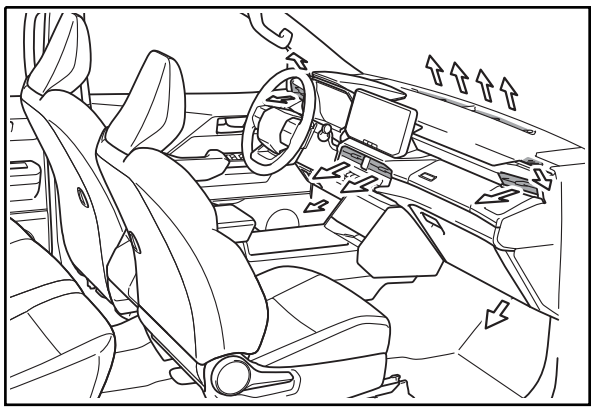
Nếu bạn không tắt công tắc này, tốc độ động cơ sẽ tăng lên cao mỗi khi khởi động động cơ.



Bố trí các cửa gió và hoạt động

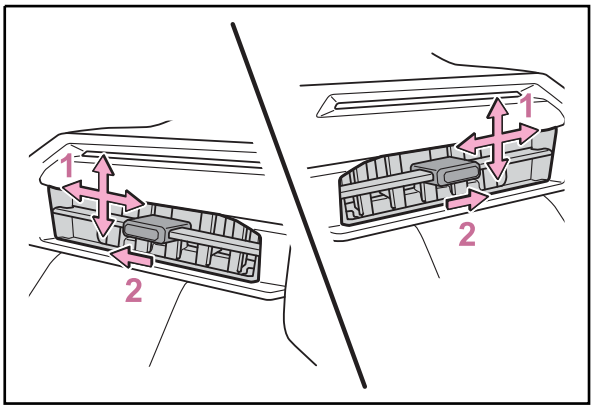
n Vị trí của các cửa gió

Các cửa thổi gió và lưu lượng gió sẽ thay đổi theo chế độ luồng khí đã chọn.



n Điều chỉnh hướng luồng khí thổi, đóng/mở cửa gió

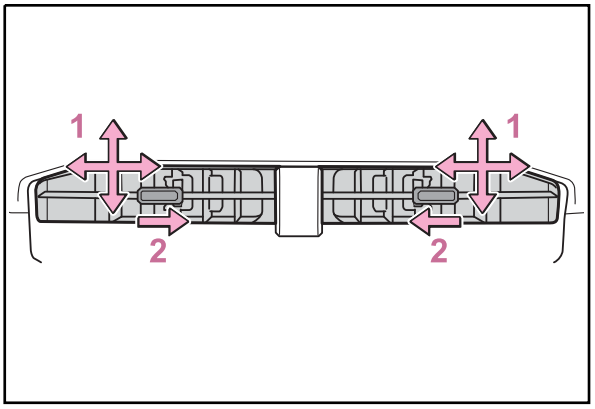
▶ Phía trước



1 Chỉnh hướng gió thổi sang trái hoặc phải, lên trên hoặc xuống dưới

2 Xoay núm hết cỡ ra phía ngoài để đóng chớp thông gió.

▶ Ở giữa phía trước



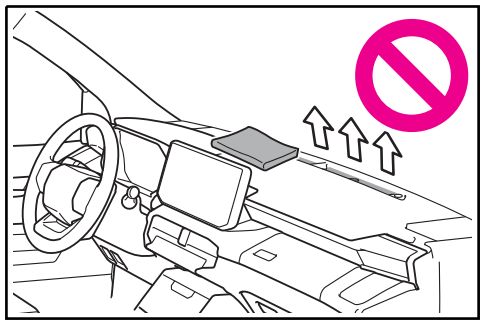
1 Chỉnh hướng gió thổi sang trái hoặc phải, lên trên hoặc xuống dưới

2 Xoay núm hết cỡ vào phía trong để đóng chớp thông gió.

⚠ CẢNH BÁO

n Để tránh làm gián đoạn vận hành bộ sấy kính chắn gió

Không đặt các đồ vật lên bảng táp lô bởi chúng có thể che khuất các cửa gió. Nếu không, luồng khí thổi có thể bị chặn lại, và bộ sấy kính chắn gió sẽ không sấy kính được.



Hệ thống điều hòa không khí tự động*

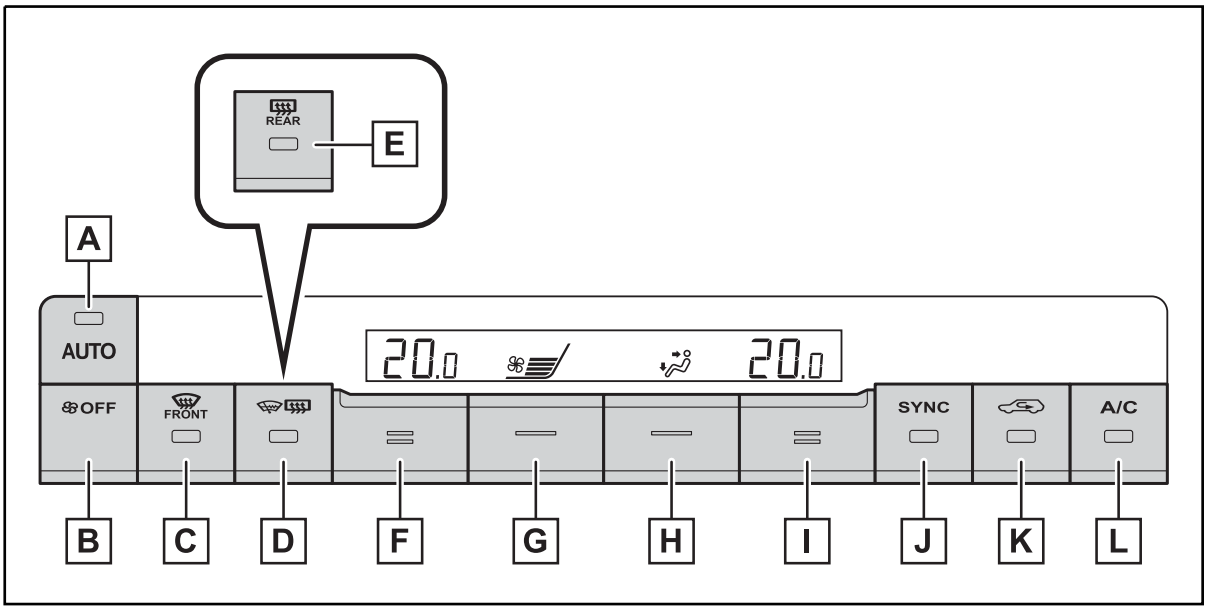
*: Nếu có

Luồng khí thổi ra và tốc độ quạt sẽ tự động điều chỉnh theo cài đặt nhiệt độ.

Hình minh họa dưới đây dành cho xe tay lái thuận.

Vị trí và hình dạng của các nút có thể khác một chút trên xe tay lái nghịch.

Điều khiển điều hòa



A Nút chế độ tự động

B Nút "OFF"

C Công tắc bộ sấy kính chắn gió

D Công tắc bộ sấy kính cửa hậu/bộ sấy gương chiếu hậu bên ngoài (nếu có)/bộ sấy gạt nước kính chắn gió (nếu có)

E Bộ sấy kính cửa hậu (nếu có)

F Nút điều chỉnh nhiệt độ phía bên trái

G Nút điều khiển tốc độ quạt

H Nút điều khiển chế độ luồng khí

I Nút điều chỉnh nhiệt độ bên phải

J Nút “SYNC”

K Nút chế độ lấy nguồn khí ngoài/tuần hoàn khí bên trong

L Nút "A/C"

n Điều chỉnh cài đặt nhiệt độ

Vận hành công tắc điều chỉnh nhiệt độ lên trên để tăng nhiệt độ và xuống dưới để giảm nhiệt độ.

Nếu không ấn nút “A/C”, hệ thống sẽ thổi ra khí giống như nhiệt độ môi trường hoặc khí nóng.

n Đặt tốc độ quạt

Điều chỉnh tốc độ quạt về phía lên để tăng tốc độ quạt và xuống để giảm tốc độ quạt.

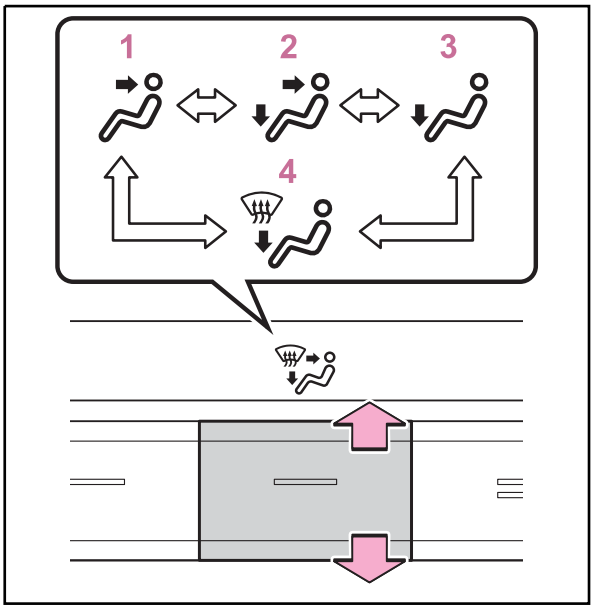
Tốc độ quạt sẽ xuất hiện trên màn hình. (7 mức độ)

Ấn nút "OFF" để tắt quạt.

n Thay đổi chế độ luồng khí

Vận hành nút điều khiển chế độ luồng khí lên hoặc xuống để thay đổi chế độ luồng khí.

Chế độ thay đổi như sau mỗi lần nhấn công tắc.



1 Luồng khí thổi lên phần thân trên

2 Luồng khí thổi lên phần thân trên và chân

3 Luồng khí thổi vào chân

4 Luồng khí thổi vào chân và bộ sấy kính chắn gió hoạt động

n Chuyển giữa chế độ lấy khí ngoài và tuần hoàn khí trong xe

Ấn nút chọn chế độ lấy khí bên ngoài/tuần hoàn khí bên trong.

Chế độ sẽ chuyển giữa chế độ lấy khí bên ngoài và chế độ tuần hoàn khí bên trong sau mỗi lần nhấn nút.

Khi chọn chế độ tuần hoàn khí bên trong, đèn chỉ báo trên công tắc chọn lấy khí ngoài/tuần hoàn khí bên trong sẽ sáng lên.

n Đặt chức năng làm mát và hút ẩm

Hãy ấn nút "A/C".

Khi chức năng đang bật, đèn báo trên nút "A/C" sẽ sáng lên.

n Sấy kính chắn gió

Bộ sấy được sử dụng để làm trong kính chắn gió và kính cửa trước.

Ấn công tắc bộ sấy kính chắn gió.

Hãy đặt chế độ lấy khí ngoài/tuần hoàn khí trong xe ở chế độ lấy khí

ngoài nếu đang sử dụng chế độ tuần hoàn khí trong xe. (Nó có thể chuyển đổi tự động.)

Để sấy kính chắn gió và các kính cửa phía hai bên dễ dàng hơn, hãy bật thổi gió và tăng nhiệt độ lên.

Để trở về chế độ trước đó, hãy ấn công tắc bộ sấy kính chắn gió một lần nữa khi kính chắn gió đã được sấy khô.

Khi chức năng được bật, đèn báo trên nút của bộ sấy kính chắn gió sẽ sáng.

n Bộ sấy kính cửa hậu (nếu có) và bộ sấy gương chiếu hậu bên ngoài xe (nếu có), và bộ chống đóng băng cần gạt nước kính chắn gió (nếu có)

Sử dụng bộ sấy để làm trong kính cửa hậu và có tác dụng sấy khô nước mưa, hơi nước đọng trên gương chiếu hậu bên ngoài xe.

Bộ chống đóng băng cần gạt nước kính chắn gió được sử dụng để ngăn băng bám trên kính chắn gió và cần gạt nước.

Hãy ấn vào công tắc bộ sấy kính cửa hậu, bộ sấy gương chiếu hậu bên ngoài và bộ sấy cho cần gạt nước kính chắn gió.

Khi chức năng được bật, chỉ báo trên công tắc sáng lên.

Bộ sấy kính cửa hậu và gương chiếu hậu, và cần gạt nước rã đông kính chắn gió sẽ tự động tắt sau khoảng 60 phút. Tuy nhiên, bộ sấy kính cửa hậu và gương chiếu hậu có thể tự động tắt sau khoảng 15 phút tùy thuộc vào các điều kiện như nhiệt độ bên ngoài và tình trạng của hệ thống nạp.

n Hệ thống loại bỏ PM2.5 (nếu có)

Nhấn nút hệ thống loại bỏ PM2.5 trên màn hình điều khiển hệ thống loại bỏ PM2.5. (→P.423)

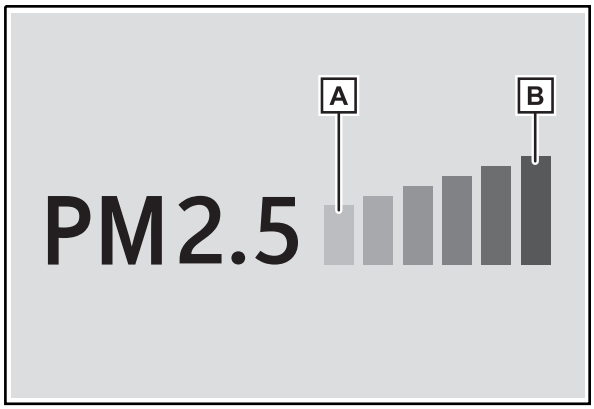
Khi chức năng được bật, chỉ báo trên công tắc sáng lên.

Chế độ không khí tuần hoàn được bật và tốc độ quạt tăng lên theo nồng độ PM2.5.

PM2.5 trong cabin được loại bỏ bởi bộ lọc.

n Hiển thị mức độ tập trung PM2.5 (nếu có)

Mức độ tập trung PM2.5 có thể được xác nhận trên màn hình đa phương tiện 12.3-inch.



A Thấp

B Cao

n Khi nhiệt độ bên ngoài vượt quá 24°C và hệ thống điều hòa không khí đang hoạt động (dành cho các nước GCC*, Iraq, Jordan, Lebanon và Yemen)

l Để giảm tiêu hao điện điều hòa, hệ thống điều hòa không khí có thể tự động chuyển sang chế độ lấy khí

bên trong xe. Điều này cũng làm giảm được tiêu hao nhiên liệu.

- Chế độ tuần hòa khí trong được chọn làm chế độ mặc định khi bật công tắc động cơ sang ON.
- Có thể chuyển sang chế độ lấy gió ngoài bất kỳ lúc nào bằng cách nhấn công tắc chế độ gió trong (đối với xe không có công tắc chế độ lấy gió ngoài) hoặc công tắc chế độ lấy gió ngoài (đối với xe có công tắc chế độ lấy gió ngoài).

*: Arập Saudi, Oman, Baren, Các tiểu vương quốc Arập thống nhất, Qatar, Côoét

n Làm trong kính cửa sổ

- Các cửa sổ sẽ dễ bị bám sương mờ khi độ ẩm trong xe cao. Việc bật chức năng làm mát và chức năng hút ẩm sẽ hút ẩm không khí thổi ra từ các cửa gió và sấy kính chắn gió một cách hiệu quả.
- Nếu bạn tắt chức năng làm mát và hút ẩm, các cửa sổ có thể dễ bị bám mờ sương hơn.
- Các cửa sổ có thể sẽ bị mờ sương nếu chọn chế độ tuần hoàn khí trong xe.

n Khi lái xe trên đường bụi bẩn

Hãy đóng tất cả các cửa. Nếu bụi bay lên khi xe chạy qua bị cuốn vào bên trong xe sau khi đóng cửa sổ thì chúng tôi khuyên bạn đặt chế độ lấy khí ngoài và không tắt quạt gió.

n Chế độ lấy khí ngoài/tuần hoàn khí trong xe

- Chúng tôi khuyên bạn đặt tạm thời ở chế độ tuần hoàn khí bên trong để tránh cho bụi bẩn không bị lọt vào bên trong xe và giúp làm mát xe nhanh khi nhiệt độ ngoài xe là cao.
- Hệ thống có thể sẽ tự động chuyển giữa chế độ lấy khí từ bên ngoài xe/tuần hoàn khí bên trong theo nhiệt độ cài đặt hoặc nhiệt độ bên trong xe.

n Hệ thống loại bỏ PM2.5 (nếu có)

- Để đảm bảo hệ thống có thể hoạt động đúng cách, hãy sử dụng bộ lọc điều hòa không khí chính hãng Toyota được thiết kế cho xe của bạn.
- Nếu chế độ lấy khí ngoài được chuyển đổi trong khi chức năng hệ thống loại bỏ PM2.5 đang hoạt động, hệ thống sẽ tạm thời tắt và đèn chỉ báo trên công tắc cũng sẽ tắt.

Khi chế độ tuần hoàn khí bên trong được chuyển lại, hệ thống sẽ tự động bật lại và đèn chỉ báo sẽ sáng lên.

n Hiển thị mức độ tập trung PM2.5 (nếu có)

- Mức nồng độ PM2.5 chỉ là một giá trị xấp xỉ và có thể thay đổi nhẹ so với điều kiện thực tế.
- Nếu không khí trong cabin sạch, mức nồng độ PM2.5 được hiển thị có thể không thay đổi thường xuyên.
- Nếu tốc độ quạt thay đổi thường xuyên, màn hình hiển thị mức nồng độ PM2.5 cũng có thể thay đổi cùng với tốc độ quạt.

n Khi nhiệt độ bên ngoài hạ xuống gần 0°C

Chức năng hút ẩm có thể sẽ không hoạt động ngay cả khi ấn nút "A/C".

n Sử dụng hệ thống điều hòa không khí ở chế độ điều hòa nhiên liệu Eco (nếu có)

- Trong chế độ điều hòa không khí Eco, hệ thống điều hòa không khí được điều khiển như sau để ưu tiên hiệu suất nhiên liệu.
  - Tốc độ động cơ và hoạt động của máy nén sẽ được điều khiển để hạn chế công suất sưởi ấm/làm mát
  - Tốc độ quạt được hạn chế khi chọn chế độ tự động
- Khi chuyển sang chế độ lái Eco, chế độ điều hòa không khí Eco sẽ tự động được bật. (→P.374)

l Khi chế độ điều hòa không khí ECO được bật, "ECO" sẽ được hiển thị trên màn hình điều khiển điều hòa không khí.

l Để cải thiện tính năng hoạt động của điều hòa không khí, hãy thực hiện các hoạt động sau:
- Điều chỉnh tốc độ quạt
- Hủy kích hoạt chế độ lái Eco (→P.374)

n **Thông gió và mùi điều hòa**

l Để lấy không khí trong lành, hãy đặt hệ thống điều hòa ở chế độ lấy khí ngoài.

l Trong khi sử dụng, có rất nhiều loại khí từ bên trong và bên ngoài xe có thể sẽ lọt vào và tích tụ trong hệ thống điều hòa. Nó có thể sẽ gây ra mùi hôi thoát ra từ các chớp thông gió.

l Trên một số mẫu xe: Để khử mùi xuất hiện khi hệ thống điều hòa bắt đầu, chế độ luồng khí có thể thay đổi để thổi gió xuống chân hoặc gió có thể ngừng thổi trong một thời gian ngắn ngay sau khi hệ thống điều hòa không khí bắt đầu hoạt động chế độ tự động.

l Để giảm mùi có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị rằng hệ thống điều hòa nên được đặt ở chế độ lấy khí từ bên ngoài trước khi tắt xe.

l Trừ các nước dùng chung GCC*, Iraq, Jordan, Lebanon và Yemen: Khi đỗ xe, hệ thống tự động chuyển sang chế độ lấy khí ngoài nhằm tạo được tuần hoàn không khí tốt hơn trong toàn bộ xe, giúp giảm được mùi hôi có thể xuất hiện khi khởi động xe.

*: Arập Saudi, Oman, Baren, Các tiểu vương quốc Arập thống nhất, Qatar, Côoét

n **Sử dụng hệ thống điều khiển bằng giọng nói (nếu có)**

Hệ thống điều hòa không khí có thể được vận hành bằng hệ thống điều khiển bằng giọng nói.

Để biết thêm chi tiết về hệ thống điều khiển bằng giọng nói, hãy tham khảo "Hướng dẫn sử dụng hệ thống đa phương tiện".

n **Bộ lọc điều hòa**

→P.511

n **Tùy chọn**

Một vài chức năng có thể đặt tuỳ chọn cá nhân được.
(Tính năng tùy chọn cá nhân: →P.609)

CẢNH BÁO

n **Để tránh cho kính chắn gió khỏi bị mờ sương**

Không được sử dụng công tắc bộ sấy kính chắn gió khi sử dụng điều hòa với không khí có độ ẩm cao.
Sự chênh lệch nhiệt độ bên ngoài xe và nhiệt độ của kính chắn gió có thể làm cho bề mặt của kính bị mờ đi, làm cản trở tầm nhìn của bạn.

n **Khi bộ sấy gương chiếu hậu bên ngoài xe (nếu có) và bộ chống đóng băng cần gạt nước kính chắn gió (nếu có) đang hoạt động**

Không được chạm vào bề mặt gương chiếu hậu, kính ở phần dưới của kính chắn gió hoặc hai bên của các trụ khi hệ thống đang bật.

CHÚ Ý

n **Để tránh làm hết điện của ắc quy**

Không bật hệ thống điều hòa lâu quá mức cần thiết khi động cơ đang không hoạt động.

Sử dụng chế độ tự động

1 Hãy ấn nút "AUTO".

2 Điều chỉnh cài đặt nhiệt độ.

3 Để tắt, hãy ấn nút "OFF".

Nếu bạn tiến hành điều chỉnh tốc độ quạt hoặc chế độ luồng khí thổi, chỉ báo chế độ tự động sẽ tắt đi. Tuy nhiên, chế độ tự động cho các chức năng khác vẫn được duy trì.

n **Sử dụng chế độ tự động**

Tốc độ quạt được điều chỉnh tự động theo cài đặt nhiệt độ và điều kiện môi trường.

Do đó, quạt có thể ngừng quay một lúc cho đến khi luồng khí ấm hoặc mát thổi ra sau khi ấn công tắc chế độ tự động.

Khí mát có thể thổi ra xung quanh thân trên kể cả khi bộ sưởi được bật do ánh sáng mặt trời.

Điều chỉnh nhiệt độ cho ghế người lái và ghế hành khách đồng thời (chế độ “SYNC”)

Ấn công tắc "SYNC" để bật chế độ "SYNC".

Có thể sử dụng các nút điều khiển điều hòa phía người lái để điều chỉnh nhiệt độ cho cả phía người lái và phía hành khách phía trước. Để vào chế độ cá nhân, vận hành các công tắc điều khiển nhiệt độ phía hành khách phía trước hoặc chọn nút “SYNC” lần nữa.

Khi chế độ "SYNC" được bật, đèn chỉ báo trên nút "SYNC" sẽ sáng.

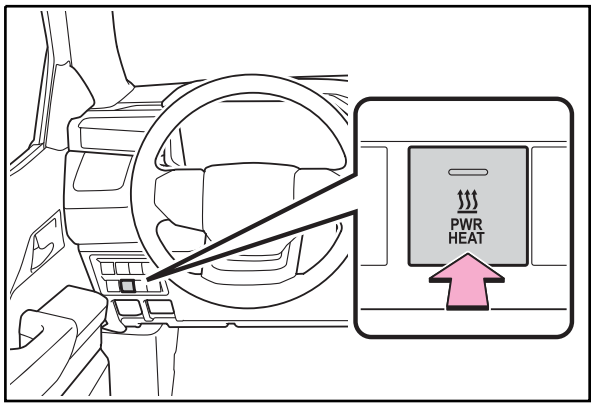
Bộ sưởi tăng cường (nếu có)

Tính năng này giúp sưởi ấm nhanh nước làm mát động cơ, tăng tốc độ sưởi ấm khoang xe trong điều kiện thời tiết lạnh và giữ cho khoang xe luôn ấm áp.

Hãy ấn nút này để bật/tắt bộ sưởi tăng cường.

Khi chức năng được bật, chỉ báo trên công tắc sáng lên.

Nếu bạn không tắt công tắc này, tốc độ động cơ sẽ tăng lên cao mỗi khi khởi động động cơ.



Màn hình điều khiển điều hòa không khí (xe có màn hình đa phương tiện 12.3-inch)

Để biết thông tin chi tiết về màn hình đa phương tiện, tham khảo "Hướng dẫn sử dụng hệ thống đa phương tiện".

n **Quy trình hiển thị**

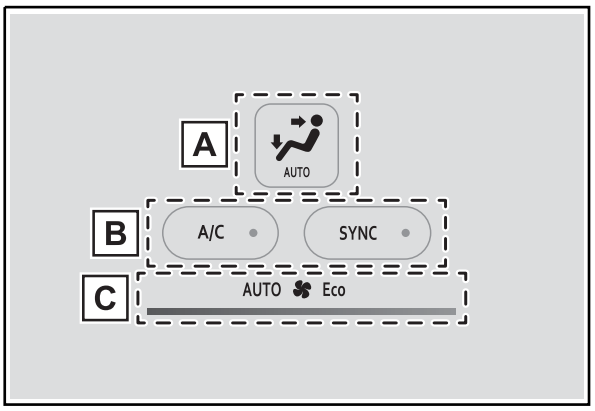
1 Chạm vào nút trên menu chính trên màn hình đa phương tiện.

2 Chạm vào "Điều hòa" trên màn hình phụ.

3 Chọn bất kỳ màn hình nào.

n Màn hình điều khiển điều hòa không khí

Nếu một màn hình khác ngoài màn hình điều khiển điều hòa đang được hiển thị, nhấn "Front".



A Chọn chế độ luồng khí thổi

Mỗi khi cảm ứng nút này, chế độ thông gió sẽ thay đổi.

: Luồng khí thổi vào phần thân trên

: Luồng khí thổi vào phần thân trên và chân

: Luồng khí thổi vào chân

: Luồng khí thổi vào chân và bộ sấy kính chắn gió hoạt động

B Bật/tắt từng chức năng

Mỗi lần công tắc được chạm, chức năng sẽ bật/tắt.

Khi chức năng được bật, chỉ báo trên công tắc sáng lên.

"A/C": Chức năng làm mát và hút ẩm (→P.418)

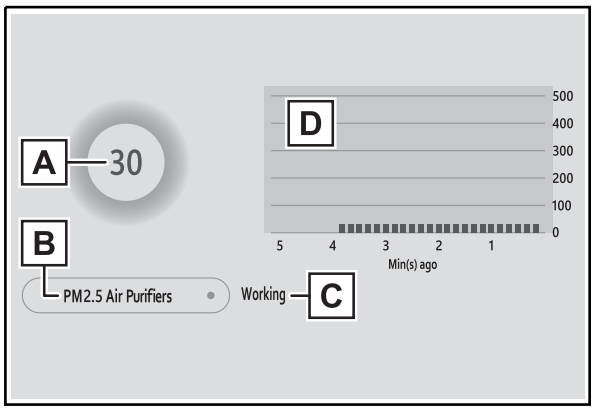
"SYNC": Chế độ "SYNC" (→P.422)

C Hiển thị tốc độ quạt

Tốc độ quạt được hiển thị.

n Màn hình điều khiển hệ thống loại bỏ PM2.5

Nếu màn hình khác ngoài màn hình điều khiển hệ thống điều hòa được hiển thị, nhấn "PM2.5".



A Hiển thị nồng độ PM2.5

Giá trị tập trung PM2.5 được biểu thị bằng một con số, và mức độ tập trung được biểu thị bằng một màu động. Có 6 mức độ tập trung.

B Công tắc hệ thống loại bỏ PM2.5

Mỗi lần công tắc được chạm, chức năng sẽ bật/tắt.

Khi chức năng được bật, chỉ báo trên công tắc sáng lên.

C Hiển thị tình trạng hệ thống

Tình trạng hoạt động của hệ thống PM2.5 được hiển thị.

Giám sát: hệ thống PM2.5 tắt hoặc đang quan sát nồng độ PM2.5

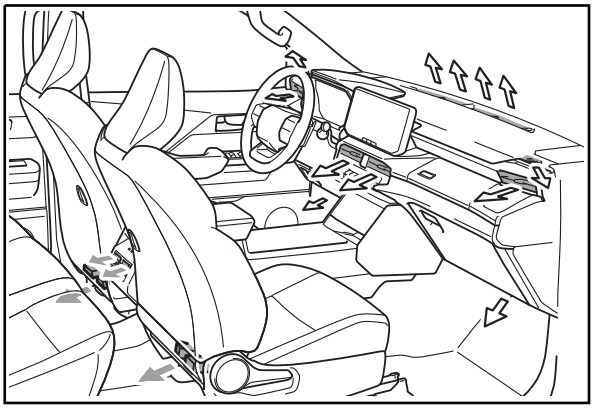
Hoạt động: Hệ thống PM2.5 đang bật

D Giá trị nồng độ PM2.5 trong 5 phút vừa qua

Bố trí các cửa gió và hoạt động

n Vị trí của các cửa gió

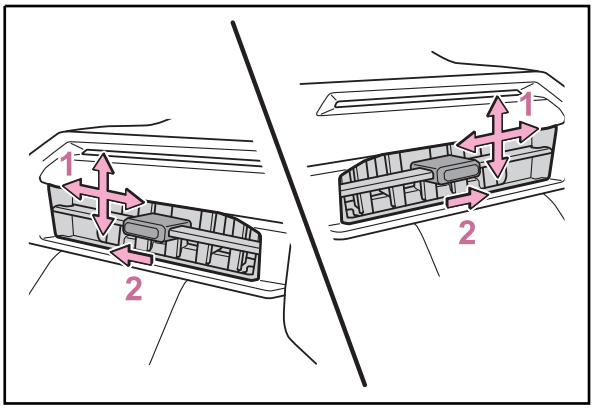
Các cửa gió và lưu lượng khí sẽ thay đổi theo chế độ luồng khí đã được chọn.



⬅: nếu có

n Điều chỉnh hướng luồng khí thổi, đóng/mở cửa gió

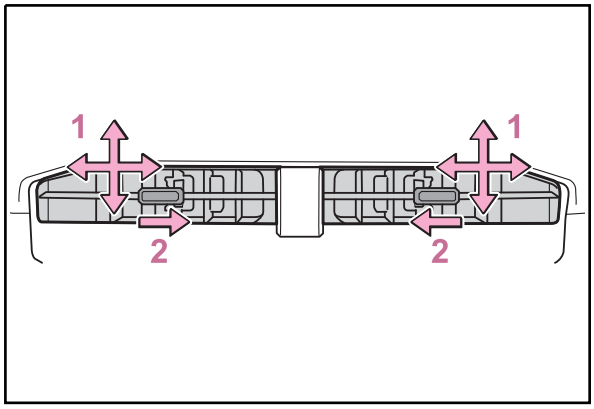
▶ Phía trước



1 Chỉnh hướng gió thổi sang trái hoặc phải, lên trên hoặc xuống dưới

2 Xoay núm hết cỡ ra phía ngoài để đóng chớp thông gió.

▶ Ở giữa phía trước



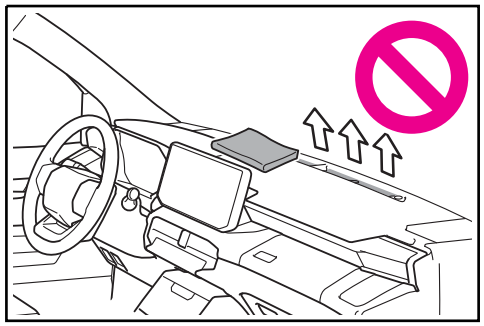
1 Chỉnh hướng gió thổi sang trái hoặc phải, lên trên hoặc xuống dưới

2 Xoay núm hết cỡ vào phía trong để đóng chớp thông gió.

⚠ CẢNH BÁO

n Để tránh làm gián đoạn vận hành bộ sấy kính chắn gió

Không đặt các đồ vật lên bảng táp lô bởi chúng có thể che khuất các cửa gió. Nếu không, luồng khí thổi có thể bị chặn lại, và bộ sấy kính chắn gió sẽ không sấy kính được.



Bộ sưởi vô lăng*/bộ sưởi ghế*/bộ thông gió cho ghế*

*: Nếu có

● Bộ sưởi vô lăng

Sấy nóng tay cầm của vô lăng

● Bộ sưởi ghế

Sưởi ấm bọc ghế

● Bộ thông gió cho ghế

Đảm bảo thông thoáng tốt bằng cách hút không khí vào các ghế

CẢNH BÁO

n **Để tránh bị bỏng hoặc bị chấn thương**

Cần cẩn thận để tránh bị thương nếu một trong số các đối tượng sau tiếp xúc với vô lăng và các ghế khi bộ sưởi bật:

- Trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ, người già, người ốm và người khuyết tật
- Người có làn da nhạy cảm
- Người bị ốm, mệt mỏi
- Những người đã sử dụng rượu bia hoặc thuốc gây buồn ngủ (thuốc ngủ, thuốc cảm…)

CHÚ Ý

n **Để tránh làm hỏng bộ sưởi ghế và bộ thông gió cho ghế**

Không để các vật nặng có bề mặt gồ ghề lên ghế và không để các vật sắc nhọn (kim, đinh...) đâm vào ghế.

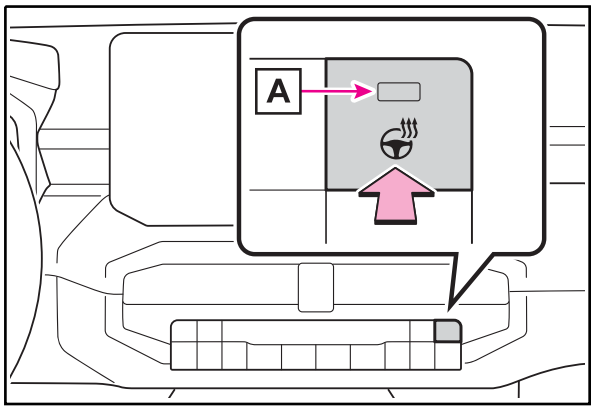
n **Để tránh làm hết điện của ắc quy**

Không được sử dụng các chức năng này khi động cơ không hoạt động.

Vận hành bộ sưởi vô lăng

Nhấn công tắc để bật/tắt bộ sưởi vô lăng.

Đèn chỉ báo A sẽ sáng trong quá trình vận hành.



n **Điều kiện hoạt động**

Công tắc động cơ ở ON.

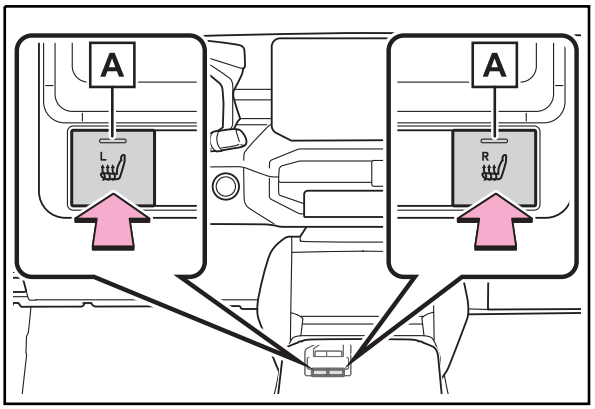
n **Nếu đèn chỉ báo nhấp nháy**

Ấn nút để tắt bộ sưởi vô lăng và sau đó bật lại. Nếu đèn chỉ báo vẫn nhấp nháy, có thể đã xảy ra hư hỏng. Tắt bộ sưởi vô lăng và yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

Vận hành bộ sưởi ghế (cho ghế trước)

Hãy ấn nút này để bật/tắt bộ sưởi ghế.

Đèn chỉ báo A sẽ sáng trong quá trình vận hành.



n **Có thể sử dụng bộ sưởi ghế khi**

Công tắc động cơ ở ON.

CẢNH BÁO

n **Để tránh bị bỏng hoặc bị chấn thương**

Hãy tuân thủ theo các lưu ý sau khi sử dụng bộ sưởi ghế

- Không được dùng bất kỳ vật gì để che phủ lên ghế khi sử dụng bộ sưởi ghế.
- Không sử dụng bộ sưởi ghế khi không cần thiết.

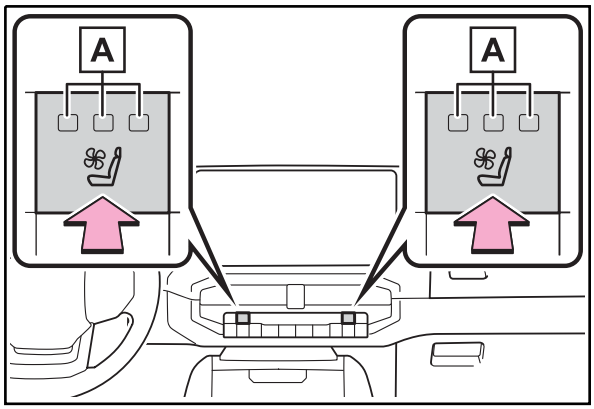
Vận hành bộ thông gió cho ghế (phía trước)

Ấn công tắc để để bật hoặc tắt bộ thông gió ghế.

Các đèn chỉ báo A sáng trong khi hoạt động.

Mỗi lần ấn nút, điều kiện hoạt động thay đổi như sau.

Hi (3 vạch sáng) → Mid (2 vạch sáng) → Lo (1 vạch sáng) → Tắt



n **Có thể sử dụng bộ thông gió cho ghế khi**

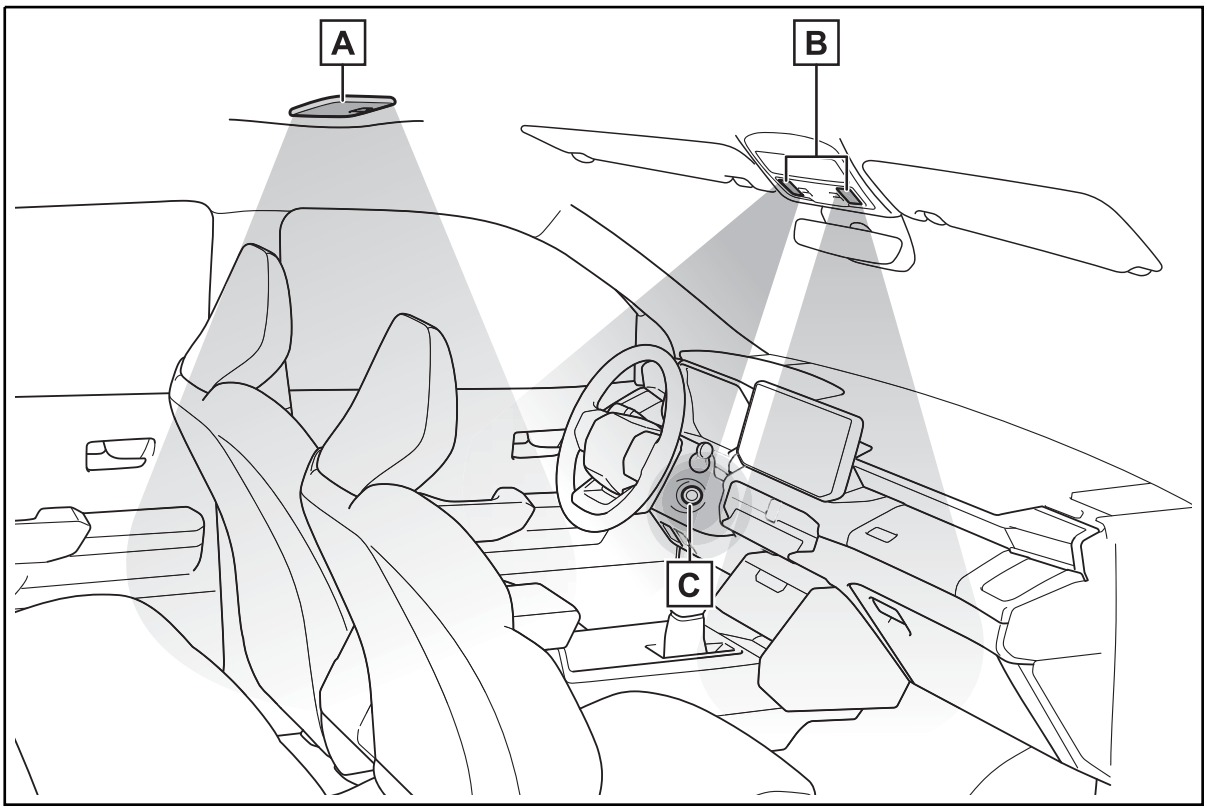
Công tắc động cơ ở ON.

n **Chế độ điều khiển liên kết với hệ thống điều hòa không khí**

Khi tốc độ quạt của bộ thông gió cho ghế ở mức cao Hi, tốc độ quạt sẽ tăng lên theo tốc độ quạt của hệ thống điều hòa không khí.

Danh sách các đèn trong xe

Vị trí của các đèn trong xe



A Đèn bên trong xe (nếu có) (→P.428)

B Đèn cá nhân/đèn nội thất (→P.428)

C Đèn chiếu sáng công tắc động cơ

n Hệ thống chiếu sáng lối vào

Các đèn tự động bật/ tắt theo chế độ của công tắc động cơ, chìa khóa điện tử có gần xe, các cửa xe khóa/ mở khóa, các cửa xe mở/ đóng.

n Để tránh làm hết điện của ắc quy

Nếu các đèn sau vẫn sáng khi công tắc động cơ được vặn đến vị trí OFF, các đèn sẽ tắt sau 20 phút.

- Đèn cá nhân/đèn nội thất
- Đèn bên trong xe (nếu có)
- Đèn chiếu sáng công tắc động cơ

n Các đèn nội thất tự động bật sáng

Nếu có bất kỳ túi khí nào bị nổ hoặc trong trường hợp va chạm mạnh từ phía sau, các đèn các đèn trong xe sẽ bật tự động. Các đèn trong xe sẽ tự động tắt sau khoảng 20 phút.

Có thể tắt được các đèn nội thất bằng tay. Tuy nhiên, để tránh gây ra va chạm khác, chúng tôi khuyên rằng nên để chúng sáng cho đến khi đã đảm bảo an toàn. (Các đèn trong xe có thể không bật tự động tùy vào lực tác động và tình trạng va chạm.)

n Tùy chọn

Có thể thay đổi các cài đặt (ví dụ thời gian trước khi các đèn tắt). (Tính năng tùy chọn: →P.609)

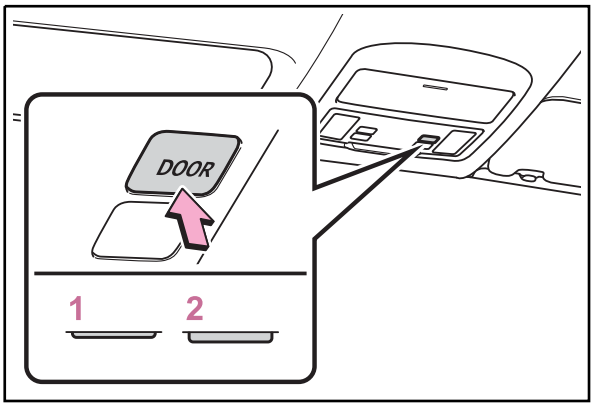
CHÚ Ý

n **Để tránh làm hết điện của ắc quy**

Khi động cơ không hoạt động, không bật đèn trong thời gian quá lâu nếu không cần thiết.

Sử dụng các đèn trần

n **Bật/tắt đèn nội thất phía trước**

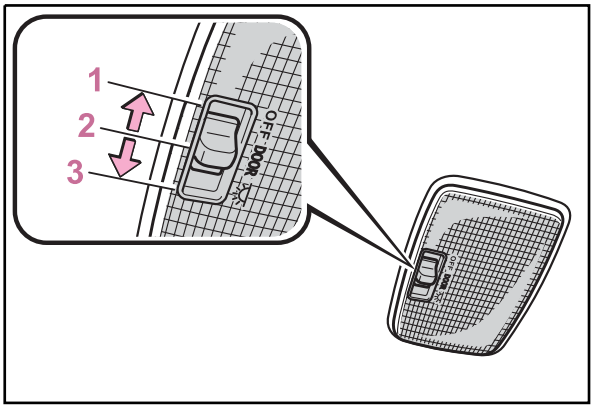


1 Bật

Đèn nội thất phía trước sẽ sáng lên khi mở cửa xe. Chúng sẽ tắt đi khi các cửa được đóng.

2 Tắt

n **Bật/tắt đèn nội thất phía sau (nếu được trang bị)**



1 Tắt

2 Vị trí liên kết với cửa xe

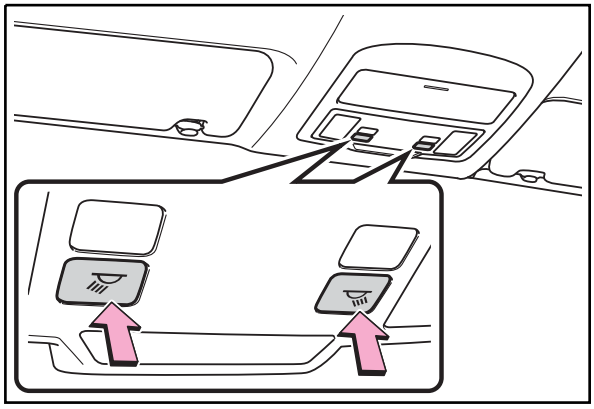
Đèn trần sẽ sáng lên khi mở cửa xe.

Các đèn sẽ tắt đi khi đóng cửa lại.

3 Bật

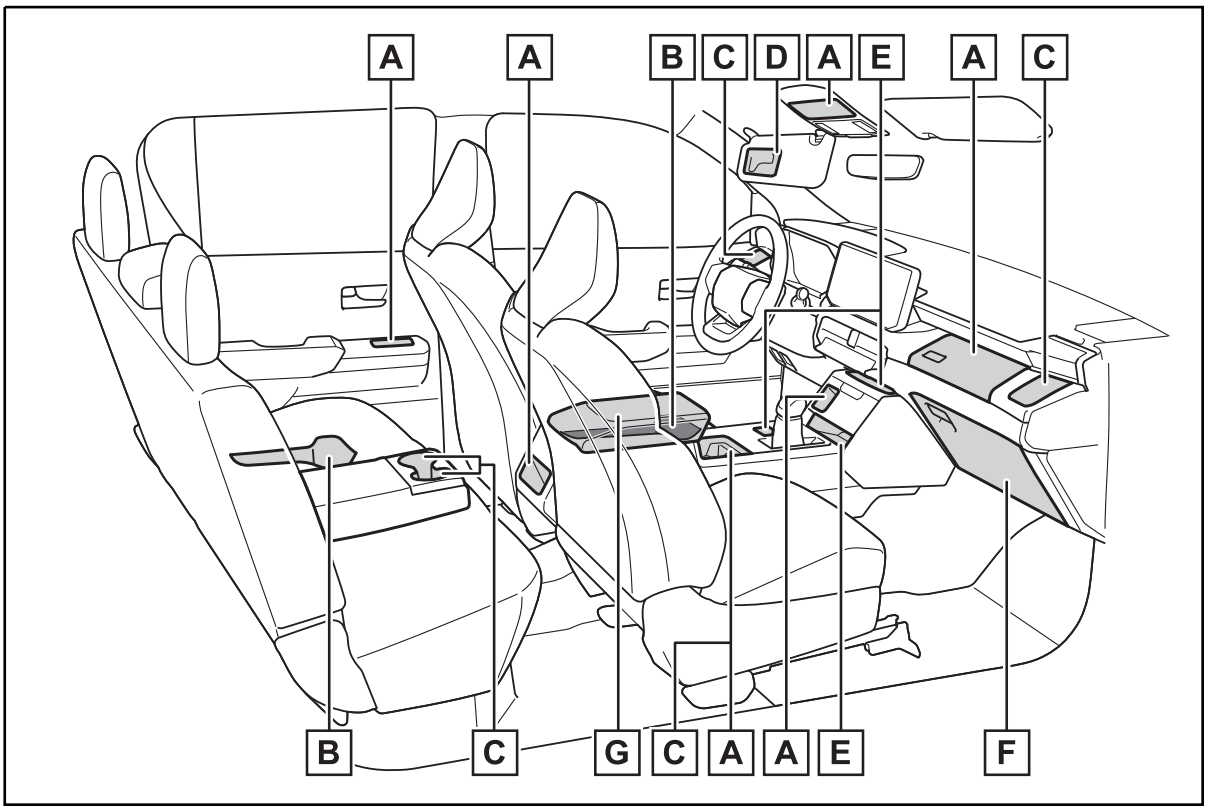
Vận hành các đèn cá nhân

Bật/tắt các đèn



Danh sách các ngăn đựng đồ

Vị trí của các ngăn đựng đồ



A Hộp đựng đồ vặt (→P.432)

B Ngăn để chai (→P.432)

C Ngăn để cốc (→P.430)

D Ngăn để vé (→P.434)

E Các khay mở (→P.434)

F Ngăn đựng găng tay (→P.430)

G Hộp dầm (→P.430)

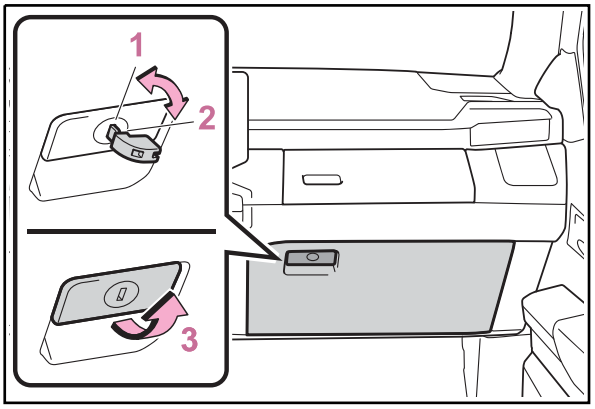
CẢNH BÁO

n **Những đồ vật không nên để trong các ngăn đựng đồ**

Không để kính mắt, bật lửa, bình xịt ở trong ngăn đựng đồ, khi nhiệt độ trong cabin tăng cao, có thể gây ra những vấn đề sau:

- Kính mắt có thể bị biến dạng do nhiệt độ cao hoặc bị nứt nếu bị các đồ vật khác đè phải.
- Bật lửa hoặc các bình xịt có thể bị nổ. Nếu bị các đồ vật khác đè phải, bật lửa có thể sẽ bắt lửa hoặc bình xịt có thể xì khí và gây ra hỏa hoạn.

Ngăn đựng găng tay



1 Mở khóa bằng chìa khóa chính hoặc chìa khóa cơ.

2 Khóa bằng chìa khóa chính hoặc chìa khóa cơ.

3 Mở (kéo lẫy lên)

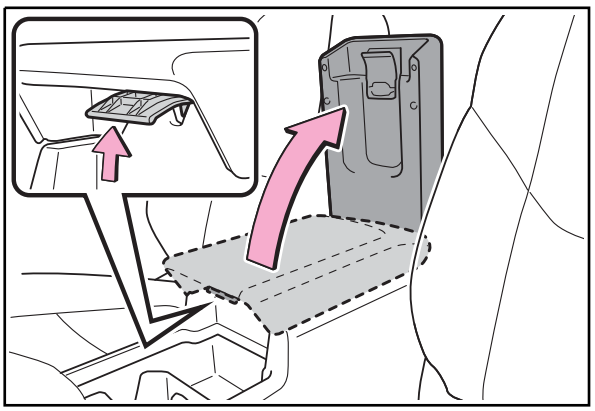
CẢNH BÁO

n **Chú ý khi lái xe**

Hãy đóng ngăn đựng găng tay lại. Nếu không khi phanh gấp hoặc đánh lái gấp, hành khách có thể sẽ bị va phải ngăn đựng găng tay hoặc các đồ vật để trong hộp có thể sẽ bắn văng ra ngoài và gây ra tai nạn.

Hộp dầm (nếu có)

Hãy nhấc nắp hộp dầm lên trong khi kéo lẫy lên để nhả khóa nắp hộp dầm.



CẢNH BÁO

n **Chú ý khi lái xe**

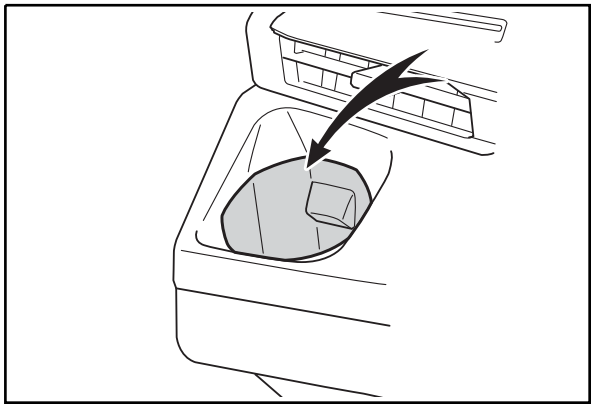
Luôn đóng nắp hộp dầm.

Có thể sẽ gây ra chấn thương trong trường hợp gặp tai nạn hay phanh gấp.

Ngăn để cốc

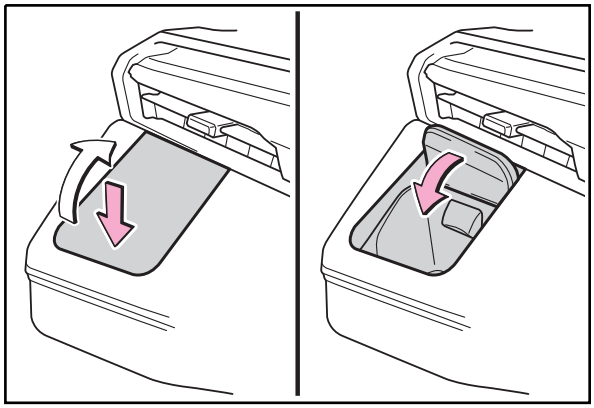
n **Ghế trước**

▶ Kiểu A (nếu có)

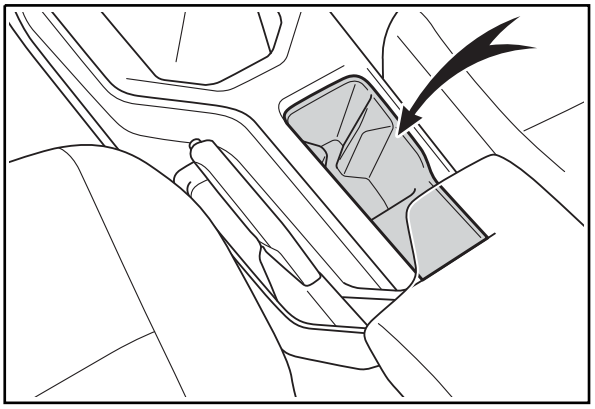


▶ Kiểu B (nếu có)

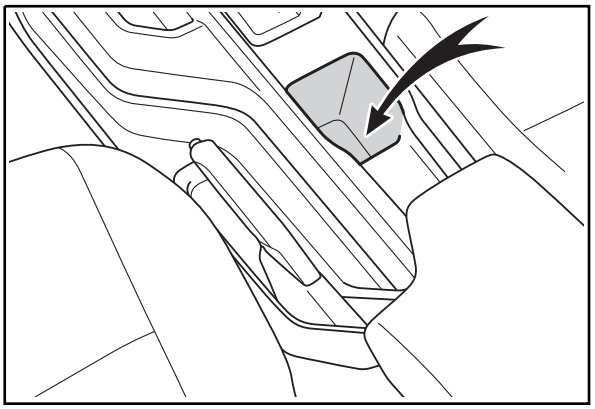
Ấn vào nắp hộp.



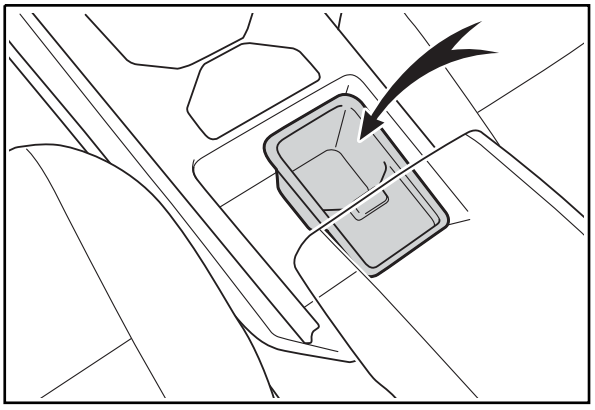
▶ Kiểu C (nếu có)



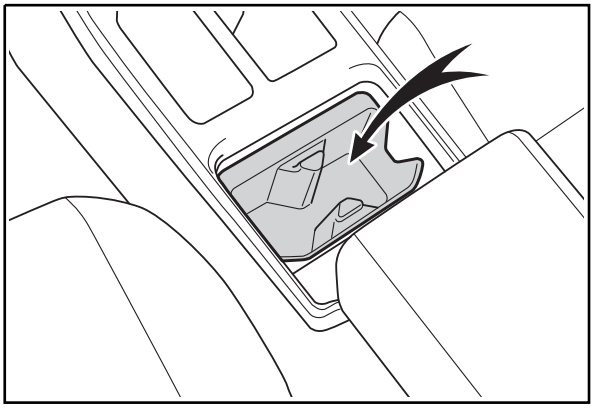
▶ Kiểu D (nếu có)



▶ Kiểu E (nếu có)

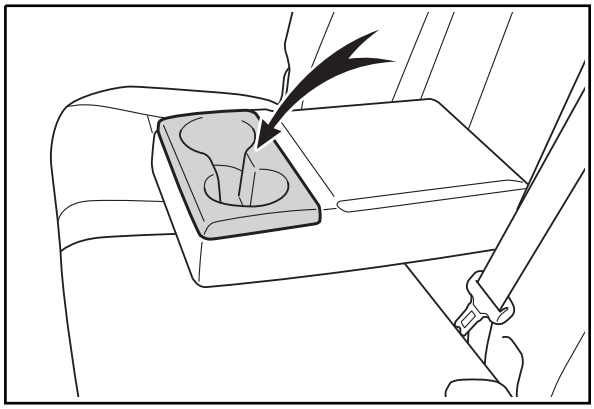


▶ Kiểu F (nếu có)



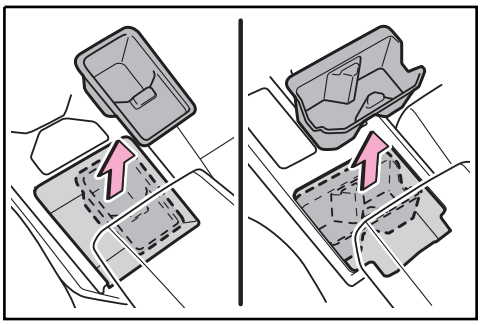
n Các ghế sau (nếu có)

Ngả tựa tay xuống.



n Ngăn để cốc trong hộp đựng đồ vặt (loại E và F)

Có thể tháo giá để cốc trong hộp chứa phụ.



⚠ CẢNH BÁO

n Những đồ vật không nên đặt trong ngăn để cốc

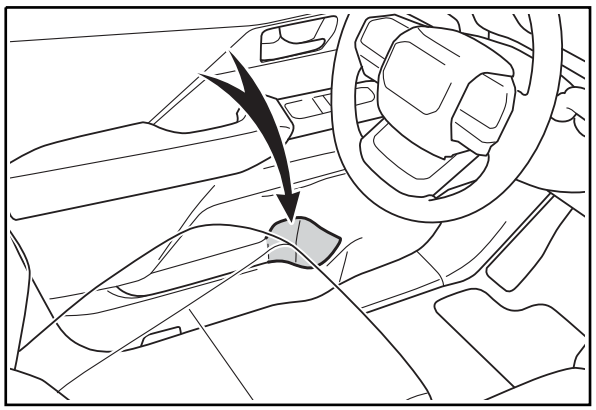
Không được để bất kỳ thứ gì khác ngoài cốc, lon đồ uống hoặc chai vào ngăn đựng cốc.

Những đồ vật đó có thể sẽ bị văng ra khỏi giá khi xe bị tai nạn hoặc phanh gấp và dẫn tới chấn thương.

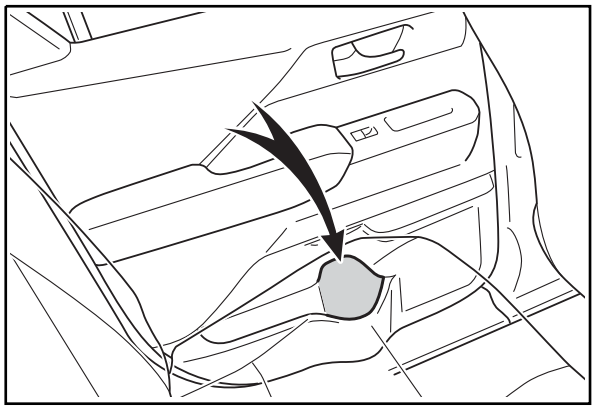
Nếu có thể, hãy đậy nắp cho cốc đựng nước nóng để tránh bị bỏng.

Ngăn để chai

n **Cửa trước**



n **Cửa sau (nếu có)**



n **Ngăn để chai**

l Khi để chai trong ngăn, hãy đóng nắp chai lại.

l Ngăn để chai có thể sẽ không giữ được một số loại chai do kích thước và hình dạng của chai.

CẢNH BÁO

n **Những đồ vật không nên đặt trong ngăn để chai**

Không được để bất kỳ thứ gì khác ngoài chai đựng trong ngăn để chai.

Những đồ vật đó có thể sẽ bị văng ra khỏi giá khi xe bị tai nạn hoặc phanh gấp và dẫn tới chấn thương.

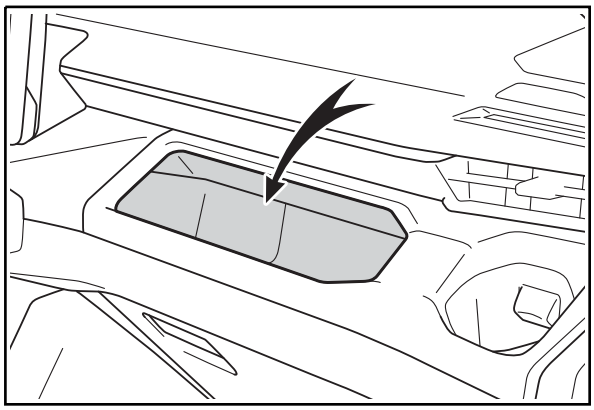
CHÚ Ý

n **Những đồ vật không nên để trong ngăn đựng chai**

Không để các chai mở nắp hoặc cốc giấy và cốc thủy tinh có chứa chất lỏng trong ngăn đựng chai. Nước đựng trong cốc/chai có thể sẽ văng ra ngoài hoặc cốc/chai thủy tinh có thể sẽ bị vỡ.

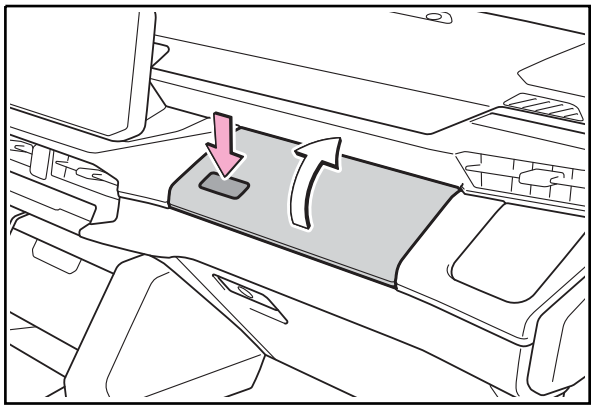
Hộp đựng đồ vặt

n **Kiểu A (nếu có)**



n **Kiểu B (nếu có)**

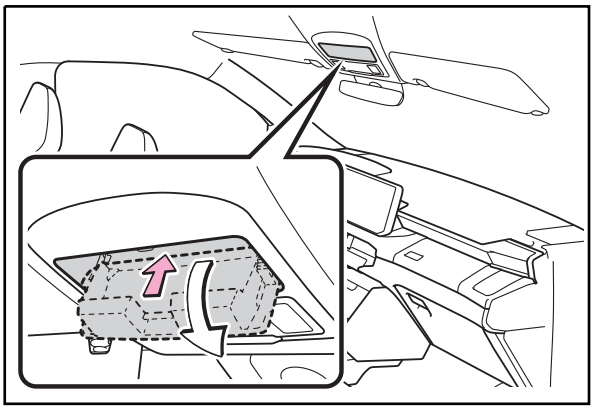
Hãy ấn nút này.



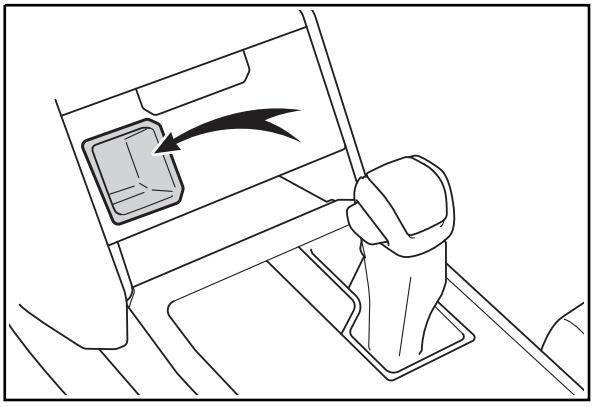
n **Kiểu C**

Ấn vào nắp hộp.

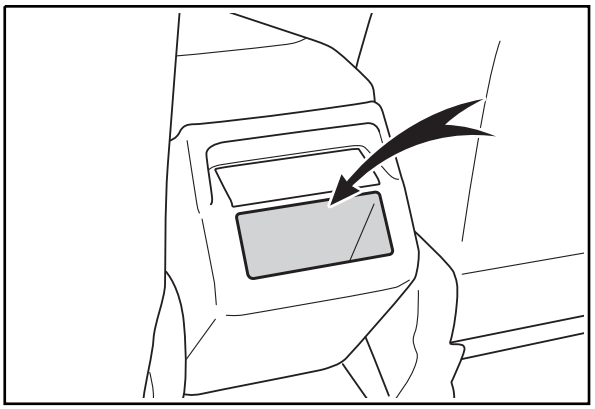
Hộp đựng đồ vặt rất hữu dụng để cất tạm kính râm và những đồ vật nhỏ.



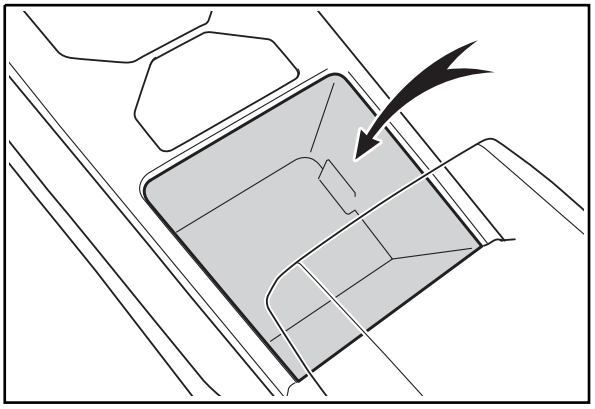
n **Kiểu D (nếu có)**



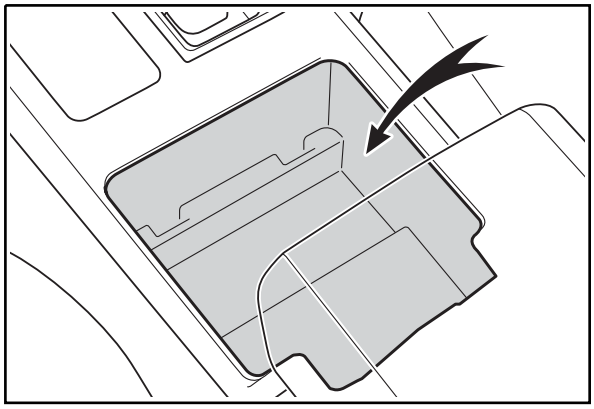
n **Kiểu E (nếu có)**



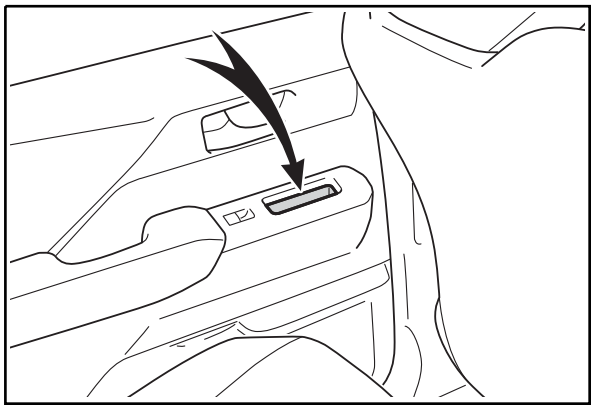
n **Kiểu F (nếu có)**



n **Kiểu G (nếu có)**



n **Kiểu H (nếu có)**



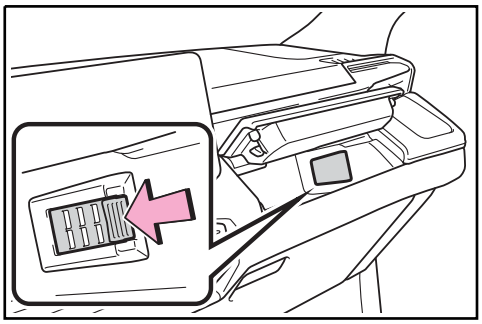
n Chức năng điều chỉnh nhiệt độ liên kết với hệ thống điều hòa không khí (kiểu B) (nếu có)

Bằng cách thổi không khí từ hệ thống điều hòa không khí vào ngăn chứa đồ vặt, mà có thể giữ cho các lon đựng đồ uống... nóng hoặc lạnh. Tuy nhiên, do nhiệt độ bên trong ngăn chứa đồ vặt sẽ bằng với nhiệt độ của không khí thổi ra từ hệ thống điều hòa, nên sẽ không thể tạo ra nhiệt độ quá nóng hoặc quá lạnh được. Khi độ ẩm không khí cao, hãy cẩn thận với các đồ vật bên trong ngăn đựng đồ vặt do có thể sẽ bị đọng nước.

l Sử dụng chức năng điều chỉnh nhiệt độ liên kết với hệ thống điều hòa không khí

1 Mở nắp lấy gió ở bên trong hộp phụ.

Để cho phép nhiều không khí thổi vào trong ngăn đựng đồ ăn vặt, hãy đóng cửa gió phía hành khách lại. (→P.424)



2 Bật hệ thống điều hòa không khí, và sử dụng công tắc điều khiển chế độ phân phối khí để chọn chế độ hoặc . (→P.418)

3 Điều chỉnh nhiệt độ. (→P.418)

l Sử dụng bình thường

Hãy đóng nắp dẫn khí vào bên trong ngăn đựng đồ vặt.

l Những đồ vật không nên để trong hộp phụ.
- Các đồ uống để trong hộp đựng hở
- Những đồ vật dễ vỡ, đồ bị ôi thiu hoặc các thức ăn nặng mùi

CẢNH BÁO

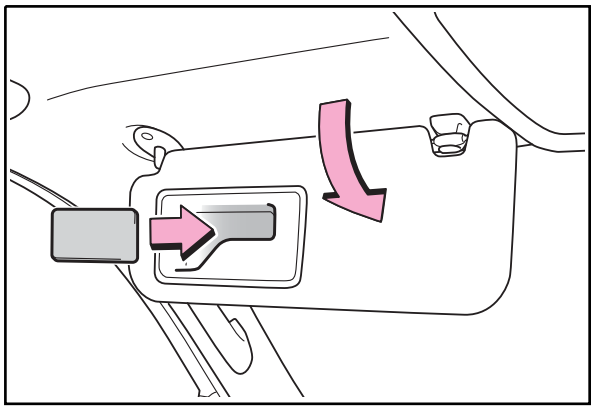
n **Những đồ vật không nên để trong hộp đồ (Kiểu C)**

Không được để vật nặng quá 0.2 kg trong ngăn.

Nếu không có thể làm cho ngăn đựng đồ vặt mở ra và các đồ vật bên trong sẽ rơi ra ngoài, và gây ra tai nạn.

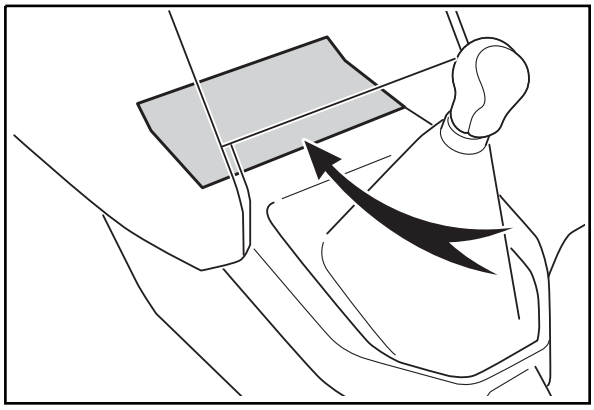
Ngăn để vé

Lật tấm chắn nắng xuống để sử dụng.



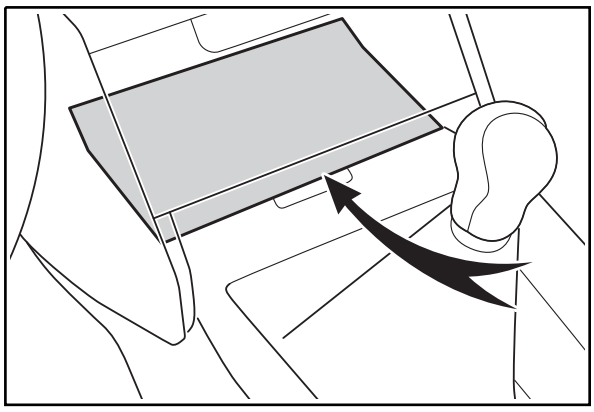
Các khay mở

n **Kiểu A (nếu có)**



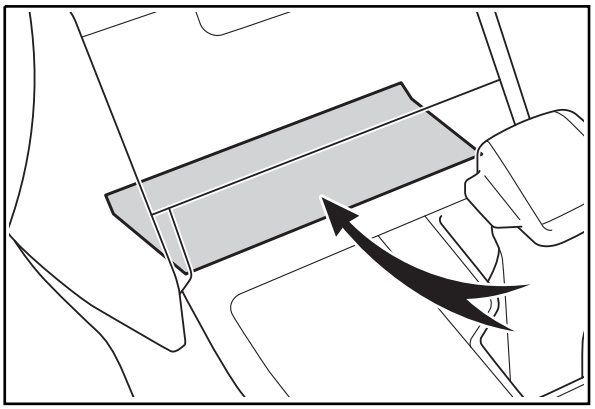
n **Kiểu B (nếu có)**

Xe có bộ sạc không dây: →P.443

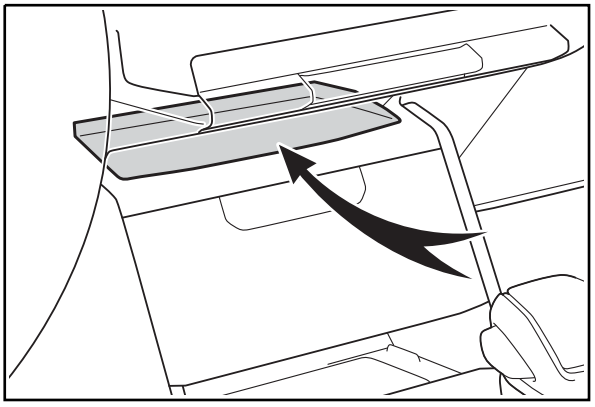


n **Kiểu C (nếu có)**

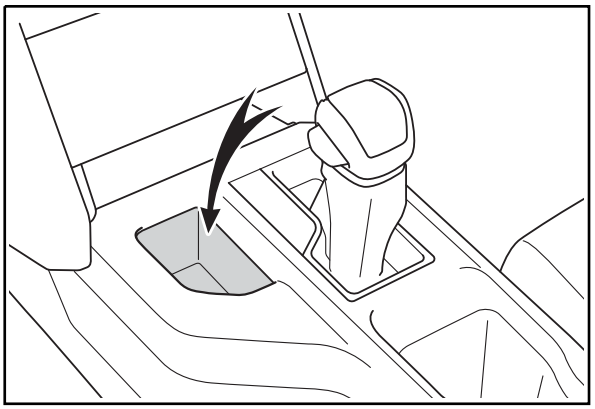
Xe có bộ sạc không dây: →P.443



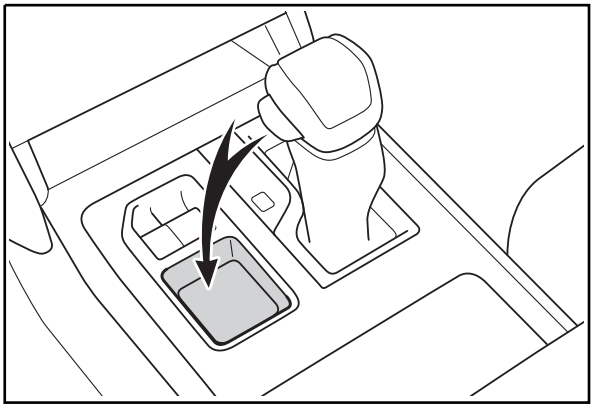
n **Kiểu D (nếu có)**



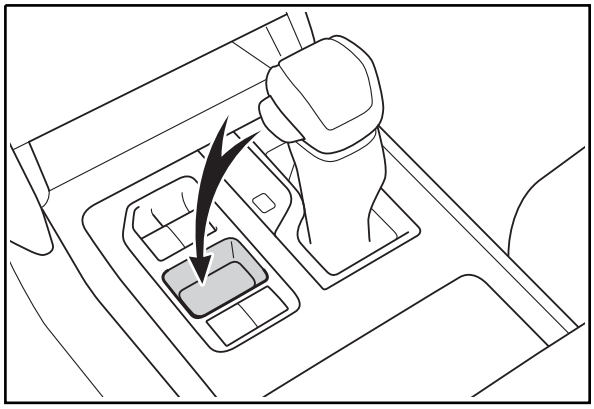
n **Kiểu E (nếu có)**



n **Kiểu F (nếu có)**



n **Kiểu G (nếu có)**



CẢNH BÁO

n **Những đồ vật không nên đặt trong khay mở**

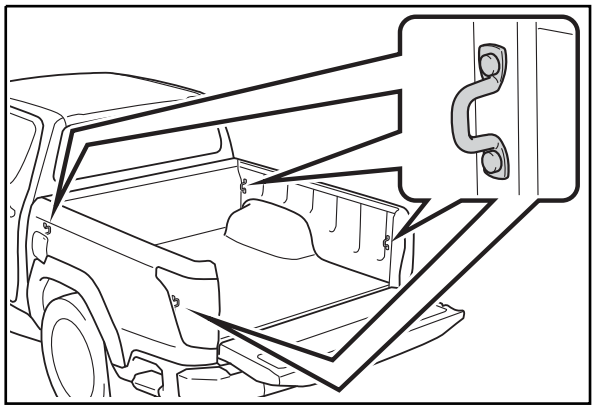
Hãy tuân theo các lưu ý sau khi để các đồ vật trong khay mở. Nếu không, những đồ vật có thể sẽ bị văng ra ngoài khay khi xe phanh gấp hoặc cua gấp. Trong những trường hợp đó, những đồ vật này có thể sẽ cản trở tới việc vận hành bàn đạp.. hoặc làm cho người lái bị sao nhãng, dẫn đến tai nạn.

- Không được để những đồ vật dễ bị dịch chuyển hoặc bị lật ra khỏi khay.
- Không được để đồ vật trong khay cao hơn thành của khay.
- Không để các đồ vật trong khay mà một phần của đồ vật nhô ra khỏi mép khay.

Đặc điểm của khoang để hành lý

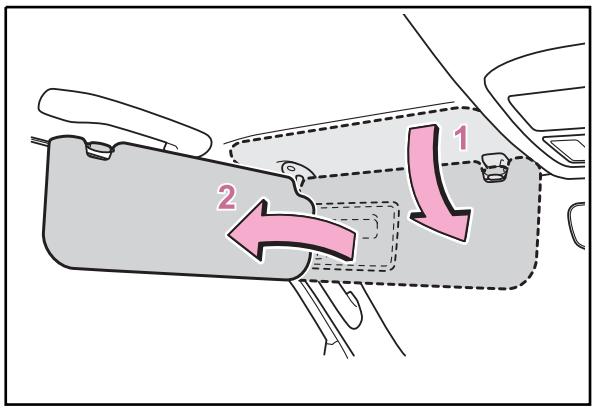
Các móc (nếu có)

Các móc được sử dụng để cố định hàng hóa.



Các trang bị nội thất khác

Tấm chắn nắng

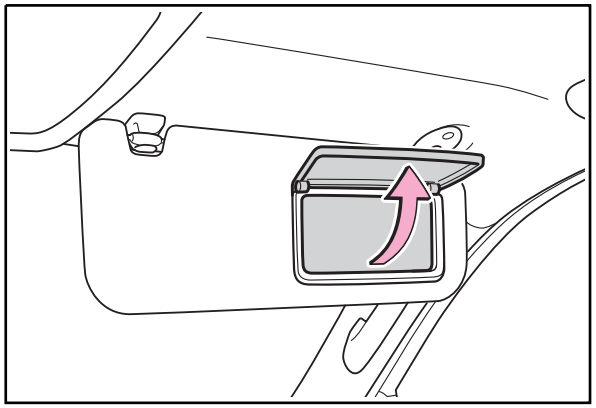


1 Để chắn nắng ở phía trước, hãy lật tấm chắn nắng xuống.

2 Để chắn nắng ở phía bên, hãy lật tấm chắn nắng xuống, tháo móc và xoay tấm chắn nắng sang phía bên.

Gương trang điểm (nếu có)

Hãy mở nắp để sử dụng.



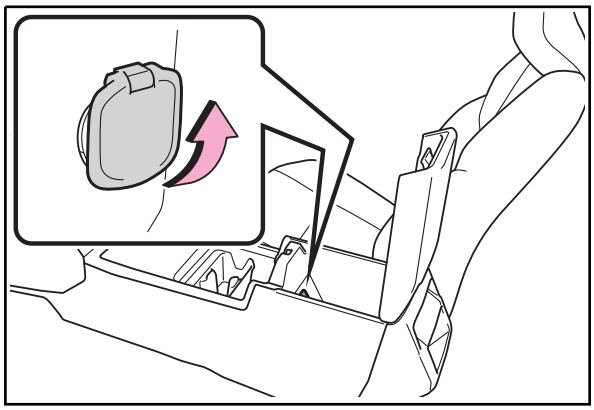
Ổ cắm điện (nguồn điện 1 chiều 12 V)

Hãy sử dụng ổ điện để cấp điện cho các thiết bị điện dùng dòng một chiều nhỏ hơn 12V/10 A (công suất tiêu thụ điện 120W).

Khi kết nối nhiều thiết bị, hãy đảm bảo rằng tổng công suất tiêu thụ của tất cả các thiết bị đã được kết nối là nhỏ hơn 120 W.

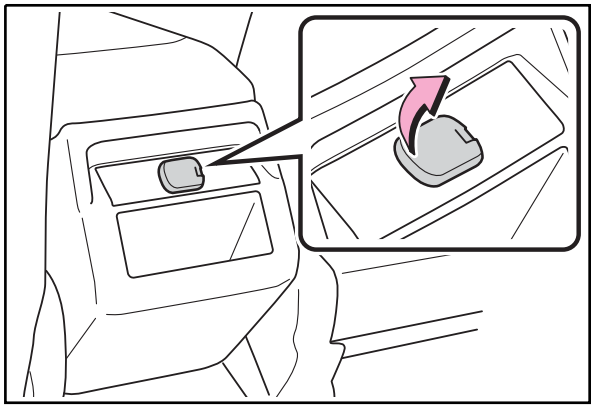
n **Kiểu A (nếu có)**

Mở nắp che.



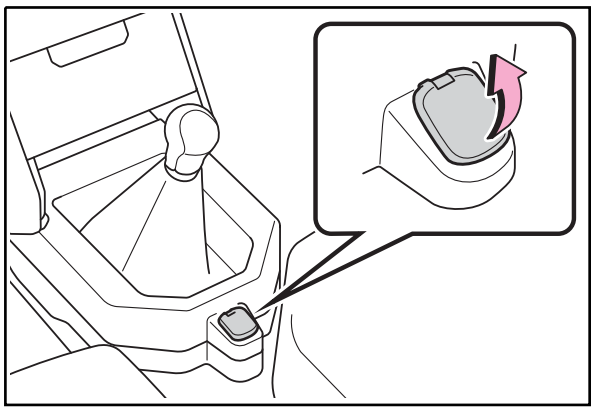
n **Kiểu B (nếu có)**

Mở nắp che.



n **Kiểu C (nếu có)**

Mở nắp che.



n **Có thể sử dụng ổ điện khi**

Công tắc động cơ ở ACC hoặc ON, hoặc hệ thống đa phương tiện đang bật.

n **Ổ điện**

Không sử dụng các phụ kiện có điện áp trên 12 V và cường độ dòng điện trên 10 A.

n **Khi tắt công tắc động cơ**

Hãy ngắt các thiết bị điện có chức năng sạc ra, ví dụ như pin của điện thoại di động.
Nếu các thiết bị nói trên vẫn được kết nối, thì công tắc động cơ không thể tắt bình thường được.

⚠ CHÚ Ý

n **Để tránh làm hỏng ổ điện**

Đóng nắp khi ổ điện không được sử dụng.

Nếu chất lỏng hoặc dị vật lọt vào ổ điện có thể sẽ gây ra tình trạng ngắn mạch.

n **Để tránh làm hết điện của ắc quy**

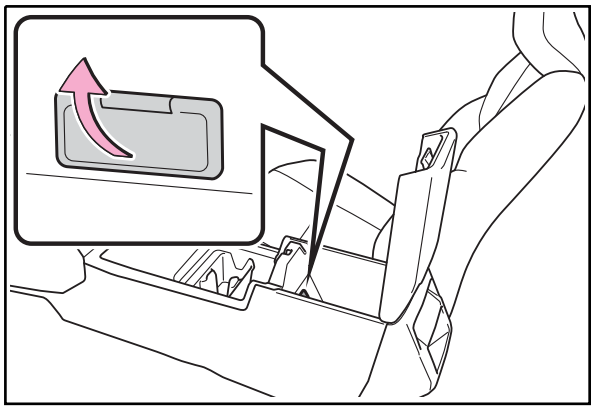
Không sử dụng ổ điện quá lâu khi động cơ không hoạt động.

Ổ cắm điện (220 VAC) (nếu có)

Hãy sử dụng nguồn điện cấp điện cho các thiết bị điện tử dùng dòng xoay chiều nhỏ hơn 220 VAC.

n **Dùng các ổ điện**

Mở nắp che.

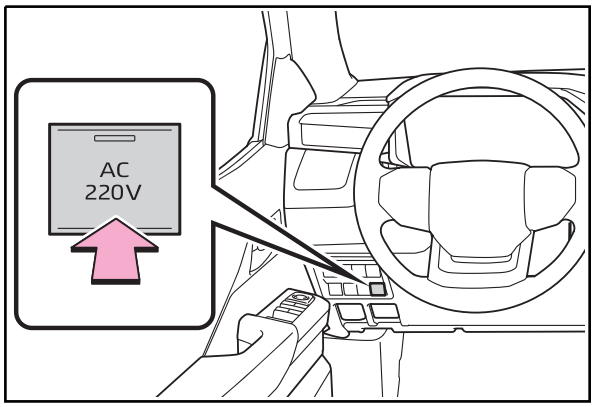


n **Khi bật nguồn cho các ổ điện**

Ấn công tắc "AC220V".

Có thể sử dụng ổ điện khi đèn chỉ báo trên công tắc "AC220V" sáng.

Ổ điện sẽ được tắt/bật mỗi lần công tắc "AC220V" được ấn.



n **Dung tích tối đa khả dụng của ổ cắm điện**

● Khi đang lái xe

Công suất tối đa của ổ điện luôn là 220 V AC/100 W.

● Khi xe đang đứng yên

- Công suất tối đa bị giới hạn ở mức 220 V AC/100 W khi cần số được chuyển sang bất kỳ vị trí nào khác ngoài P (xe hộp số tự động) hoặc N.
- Dung lượng tối đa là 220 V AC/300 W khi cần số ở vị trí P (hộp số tự động) hoặc N.

Nếu cần số ở vị trí khác P (hộp số tự động) hoặc N, công suất tối đa bị giới hạn ở mức 220 V AC/100 W. Để trả lại công suất tối đa 300 W, vui lòng tắt công tắc "AC220V" và sau đó bật lại.

n Khi kết nối một thiết bị

Mở nắp, và cắm phích cắm của thiết bị vào ổ điện một cách chắc chắn.

n Khi tắt các ổ điện

1 Tắt các thiết bị kết nối.

2 Ấn công tắc "AC220V" để tắt các ổ điện.

3 Ngắt từng phích cắm ra khỏi các ổ điện.

4 Đóng nắp mỗi ổ điện.

---

n Có thể sử dụng ổ điện khi

Khi động cơ đang chạy.

n Các thiết bị điện tử có thể được kết nối với các ổ điện

Sử dụng các thiết bị điện tử có thể được kết nối với ổ điện 220 VAC. Tùy thuộc vào các thiết bị được sử dụng, dòng điện có thể trở nên cao và công suất điện trong một thời điểm có thể vượt quá công suất quy định. Nếu công suất quy định bị vượt quá bởi các thiết bị điện tử đang được sử dụng, chức năng bảo vệ của ổ điện có thể hoạt động và ổ điện có thể không sử dụng được, nhưng đây không phải là sự cố. Tuy nhiên, hãy tuân theo các biện pháp phòng ngừa sau đây:

- Tùy thuộc vào thiết bị đang sử dụng, nó có thể gây nhiễu cho các chương trình phát sóng TV và radiô.
- Tuân theo các biện pháp phòng ngừa như được nêu trong hướng dẫn sử dụng của từng thiết bị điện tử.
- Người ta cho rằng nhiều thiết bị điện tử thông dụng sẽ không được sử dụng trong xe. Các vấn đề sau có thể xảy ra khi sử dụng thiết bị điện tử trong xe.
  - Thiết bị điện tử bị lỗi do rung động khi lái xe.
  - Thiết bị điện tử gặp trục trặc hoặc hoạt động kém hiệu quả do thay đổi nhiệt độ* bên trong xe.
  - Việc lắp đặt không ổn định và có thể không hoạt động bình thường do khoang bên trong xe không bằng phẳng.

*: Tùy thuộc vào thời tiết, mùa, môi trường sử dụng, v.v., khoang xe có thể chịu nhiệt độ cực cao hoặc cực thấp.

n Ổ điện

Ổ cắm điện trên hộp điều khiển là một thiết bị để sử dụng các thiết bị điện tử trong xe.

n Các thiết bị có thể sẽ không hoạt động đúng cách

Các thiết bị 220 VAC sau đây có thể không hoạt động chính xác:

- Những thiết bị có công suất cực đại ban đầu cao
- Những thiết bị đo lường phải xử lý các dữ liệu chính xác
- Những thiết bị yêu cầu nguồn cấp cực kỳ ổn định
- Các thiết bị cần cấp nguồn giá trị không đổi từ ổ điện, như thiết bị có bộ định thời gian.

n Sử dụng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh (nếu được trang bị)

Khi động cơ được khởi động lại từ trạng thái tắt do hoạt động của hệ thống dừng và khởi động động cơ, ổ cắm phụ kiện có thể sẽ tạm thời không hoạt động, tuy nhiên đây không phải là sự cố. Nhấn nút "AC220V" một lần nữa sẽ cho phép sử dụng ổ cắm phụ kiện.

n Khi chức năng nguồn điện không thể sử dụng được

Nếu công tắc "AC220V" được nhấn nhưng chỉ báo công tắc không sáng, mạch bảo vệ có thể đã hoạt động.
Trong trường hợp này, thực hiện các quy trình phù hợp như sau.

- Rút phích cắm của mỗi thiết bị khỏi ổ cắm điện, kiểm tra tổng mức tiêu thụ điện năng của tất cả các thiết bị sẽ được kết nối với ổ cắm điện, kết nối lại các thiết bị và sau đó nhấn công tắc "AC220V" một lần nữa.
- Ngắt phích cắm của từng thiết bị ra khỏi ổ điện, kiểm tra xem các thiết bị có bị lỗi không, sau đó kết nối lại các thiết bị và ấn công tắc "AC220V" một lần nữa.
- Nếu nhiệt độ bên trong xe cao, chẳng hạn sau khi xe đã đậu dưới ánh nắng mặt trời, hãy di chuyển xe đến khu vực có bóng râm, sử dụng hệ thống điều hòa không khí để làm mát đủ bên trong xe, sau đó nhấn công tắc "AC220V" một lần nữa.

Nếu không thể sử dụng được các ổ điện kể cả khi đã thực hiện các quy trình thích hợp trên, hãy yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

- Nếu bất kỳ thiết bị điện nào bị trục trặc, hãy đỗ xe ở một vị trí an toàn và tắt công tắc "AC220V".
- Nếu chức năng bảo vệ kích hoạt và nguồn điện bị cắt, hãy thực hiện theo quy trình sau đây.

1. Dừng xe ở nơi an toàn và gài phanh đỗ.
2. Đảm bảo rằng cần số ở vị trí P (hộp số tự động) hoặc N.
3. Kiểm tra rằng công suất tiêu thụ của các thiết bị điện nằm trong giới hạn 300 W và không có thiết bị nào gặp trục trặc.
4. Ấn công tắc "AC220V".

Nếu bên trong xe nóng, hãy mở cửa sổ để giảm nhiệt độ và bật công tắc lại khi bên trong xe đạt nhiệt độ bình thường. Nếu làm theo quy trình trên mà vẫn không khôi phục được nguồn điện, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

⚠ CẢNH BÁO

n Để lái xe an toàn

Hãy tuân theo các lưu ý sau đây. Nếu không, có thể dẫn đến tai nạn và gây ra chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Không được sử dụng các thiết bị như sau khi lái xe:

- Các thiết bị không thể được đảm bảo cố định đúng cách trong xe.
- Các thiết bị có thể gây mất tập trung cho người lái và trở thành một cản trở cho lái xe an toàn, chẳng hạn như TV, đầu DVD, v.v.
- Các thiết bị không được cố định sinh nhiệt, chẳng hạn như lò nướng bánh mì, lò vi sóng, bộ sưởi điện, ấm đun nước điện, máy pha cà phê, v.v., vì chúng có thể gây bỏng hoặc cháy trong trường hợp phanh gấp hoặc tai nạn.
- Các thiết bị có thể rơi xuống dưới các bàn đạp và cản trở đạp bàn đạp phanh.

- Không được sử dụng các thiết bị mà tạo ra hơi nước khi đóng các cửa sổ. Nếu không, có thể làm cho cửa sổ bị sương mờ, giảm tầm nhìn và gây ra khó lái xe an toàn. Ngoài ra, hơi nước có thể làm hỏng hoặc gây ảnh hưởng xấu đến các thiết bị khác. Nếu cần phải sử dụng thiết bị, hãy dừng xe và mở các cửa sổ trước khi sử dụng.
- Không sử dụng các thiết bị điện tử bị hỏng. Chức năng cung cấp điện có thể không hoạt động.

l Không được ngắt phích của thiết bị trong khi tay bạn đang bị ướt hoặc cắm ghim hoặc vật thể khác vào ổ nguồn. Hơn nữa, nếu ổ điện có chất lỏng hoặc tuyết bám, hãy sấy khô nó trước khi sử dụng.

⚠ CẢNH BÁO

l Không cố lắp đặt, sửa đổi hoặc sửa chữa ổ điện. Để có thông tin liên quan đến việc sửa chữa, hãy liên hệ với Đại lý Toyota.

l Không để trẻ chạm vào ổ điện.

l Luôn giữ cho các ổ điện sạch không bám bẩn và các tạp chất bên ngoài. Hơn nữa, thường xuyên vệ sinh ổ điện.

l Nếu phích cắm của thiết bị cắm không chắc vào ổ điện, kể cả khi đã cắm hết cỡ, hãy thay thế ổ điện. Để có thông tin liên quan đến việc thay thế, hãy liên hệ với Đại lý Toyota.

n **Sử dụng các ổ cắm điện trong khi xe đang đỗ hoặc dừng**

Hãy tuân theo các lưu ý sau đây. Nếu không, có thể dẫn đến tai nạn và có khả năng gây ra chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

l Không rời khỏi xe khi không có ai trông coi xe trong khi động cơ đang chạy và thiết bị đang kết nối với ổ điện.

l Không được để hành lý hoặc tiến vào gần khu vực ống xả.

l Chắc chắn rằng đã đóng nắp capô. Không được để đầu hoặc tay ở bất kỳ vị trí nào trong khoang động cơ, do quạt làm mát có thể hoạt động bất ngờ. Nếu quá gần, tay và quần áo (đặc biệt là cà vạt và khăn choàng) có thể bị kẹp bởi quạt.

l Không được đỗ xe gần các vật dễ cháy.

l Lắp đặt và sử dụng các thiết bị liên quan phù hợp để cung cấp không khí và thông gió xả thải ở những nơi thông khí kém, chẳng hạn như trong các gara, và những nơi xe bị bao quanh (những nơi tuyết tích tụ).

l Không sử dụng trong các khu vực có thông gió kém, chẳng hạn như trong nhà để xe không có thiết bị cung cấp và thông gió xả, và những nơi xe bị bao quanh (những nơi tuyết tích tụ, v.v.).

l Không được sử dụng các ổ điện nếu xe đang được bọc che.

l Không ngủ trong xe khi đang sử dụng các thiết bị như lò sưởi điện.

n **Các thiết bị được kết nối.**

l Đọc hướng dẫn sử dụng đi kèm với thiết bị điện tử đang được sử dụng và tuân theo các lưu ý được ghi rõ liên quan đến sản phẩm.

l Không được sử dụng khi phích cắm điện hoặc thiết bị điện tử bị hỏng.

l Có thể xảy ra hư hỏng hoặc hoạt động kém khi nhiệt độ bên ngoài đặc biệt cao hoặc thấp.

l Các thiết bị điện tử yêu cầu lắp đặt trên một bề mặt bằng phẳng có thể không thực hiện được hoạt động bình thường.

l Ngoại trừ những thiết bị điện tử có thông số kỹ thuật không thấm nước, không sử dụng ở những nơi có thể bị mưa hoặc nước gập vào, hoặc những nơi có độ ẩm cao.

l Không sử dụng thiết bị y tế vì chức năng cấp nguồn có thể dừng tạm thời tùy thuộc vào điều kiện của xe.

CHÚ Ý

Hãy tuân theo các lưu ý sau đây. Nếu không, có thể sẽ làm cho các ổ điện hoạt động không chính xác hoặc bị hư hỏng cho xe hoặc cho thiết bị đang kết nối.

CHÚ Ý

n **Để tránh chập điện hoặc trục trặc**

- Không đặt thiết bị sinh ra nhiệt ở gần các chi tiết nội thất hoặc trên ghế. Nhiệt có thể làm cho những chi tiết bị tan chảy hoặc bị cháy.
- Không được sử dụng những thiết bị điện mà dễ bị gây ảnh hưởng bởi rung động hoặc nhiệt bên trong xe. Những thiết bị này có thể bị trục trặc do sự rung động khi lái xe hoặc sinh nhiệt trong xe đỗ dưới trời nắng.
- Khi không sử dụng ổ cắm điện, hãy chắc chắn phải đóng nắp. Nếu vật thể lạ hoặc chất lỏng lọt vào ổ điện có thể sẽ gây ra trục trặc hoặc ngắn mạch.
- Không được sử dụng bộ điều hợp ổ cắm đa điểm vì có thể làm quá tải ổ cắm điện.
- Dừng sử dụng ngay lập tức nếu cảm thấy có một lượng nhiệt bất thường từ ổ điện.

n **Khi nhiệt độ môi trường cao**

Nếu nhiệt độ bên trong xe cao, chẳng hạn sau khi xe đã đậu dưới ánh nắng mặt trời, hãy di chuyển xe đến khu vực có bóng râm, sử dụng hệ thống điều hòa không khí để làm mát đủ bên trong xe, sau đó nhấn công tắc "AC220V" một lần nữa.

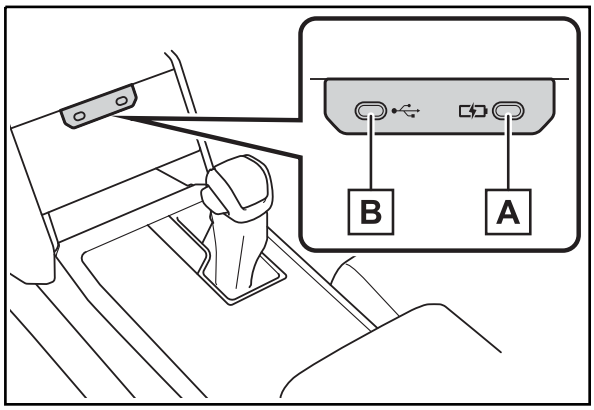
Các cổng USB kiểu C

Cổng USB kiểu C được sử dụng để cung cấp dòng điện 3 A tại 5 V (công suất tiêu thụ 15 W) cho các thiết bị ngoại vi.

Chỉ sử dụng các cổng USB kiểu C để sạc điện. Chúng không được thiết kế cho truyền dữ liệu hoặc các mục đích khác.

Tùy vào loại thiết bị ngoại vi, nó có thể không sạc được. Hãy tham khảo tài liệu đi kèm với thiết bị trước khi sử dụng cổng USB.

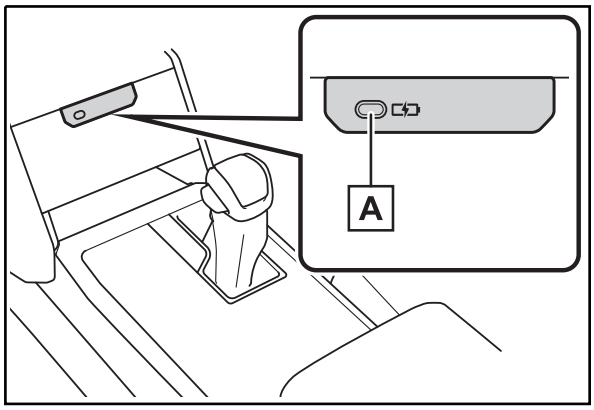
n **Kiểu A (nếu có)**



A Cổng sạc USB kiểu C

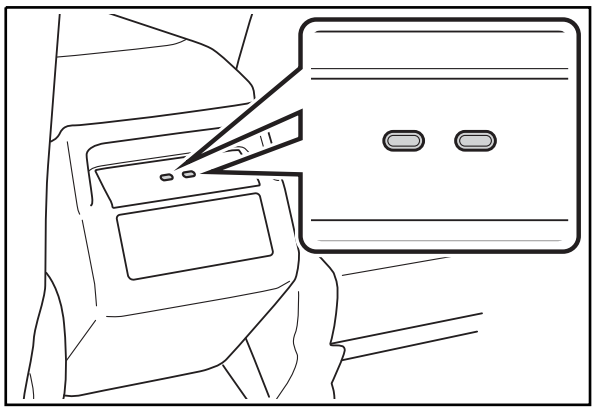
B Cổng USB (tham khảo "Hướng dẫn sử dụng hệ thống đa phương tiện".)

n **Kiểu B (nếu có)**



A Cổng sạc USB kiểu C

n Kiểu C (nếu có)



n Có thể sử dụng các cổng USB kiểu C khi

Công tắc động cơ ở ACC hoặc ON, hoặc hệ thống đa phương tiện đang bật.

n Cổng sạc USB kiểu C có thể hoạt động không chính xác trong những trường hợp sau

- Nếu một thiết bị tiêu thụ dòng lớn hơn 3 A ở điện áp 5 V (công suất tiêu thụ 15 W) được kết nối
- Nếu thiết bị được thiết kế để nối với máy tính cá nhân, như USB.
- Nếu thiết bị ngoại vi được kết nối đang tắt (tùy vào thiết bị)
- Nếu nhiệt độ trong xe là cao, như khi đỗ xe dưới trời nắng

n Khái quát về thiết bị kết nối ngoại vi

Tùy vào thiết bị ngoại vi, thi thoảng quá trình sạc điện có thể bị treo và sau đó khởi động lại. Điều này không phải là dấu hiệu của hư hỏng.

CHÚ Ý

n Để tránh làm hỏng các cổng sạc USB kiểu C

- Không được nhét các dị vật vào cổng USB.
- Không được để bắn nước hay chất lỏng vào các cổng.
- Không tác dụng lực quá mạnh hoặc va đập vào cổng sạc USB kiểu C.
- Không được tháo hoặc sửa chữa cổng sạc USB.

n Để tránh làm hỏng các thiết bị ngoại vi

- Không được để các thiết bị ngoại vi ở trong xe. Nhiệt độ trong xe có thể sẽ rất cao, và làm hỏng các thiết bị ngoại vi.
- Không ấn hoặc tác dụng lực quá mạnh lên các thiết bị hoặc dây cáp của các thiết bị ngoại vi trong khi chúng đang kết nối.

n Để tránh làm hết điện của ắc quy

Không sử dụng cổng USB trong thời gian dài khi động cơ đã tắt máy.

Sạc không dây (nếu có)

Bạn có thể sạc các thiết bị di động bằng cách đặt các thiết bị di động tương thích với tiêu chuẩn sạc không dây Qi của Hiệp hội công nghệ không dây, như điện thoại thông minh và pin điện thoại… trên khu vực sạc.

Có thể tìm được các thiết bị di động tương thích trên trang web của Consortium Power Consortium như sau.

https://www.wirelesspowerconsortium.com/

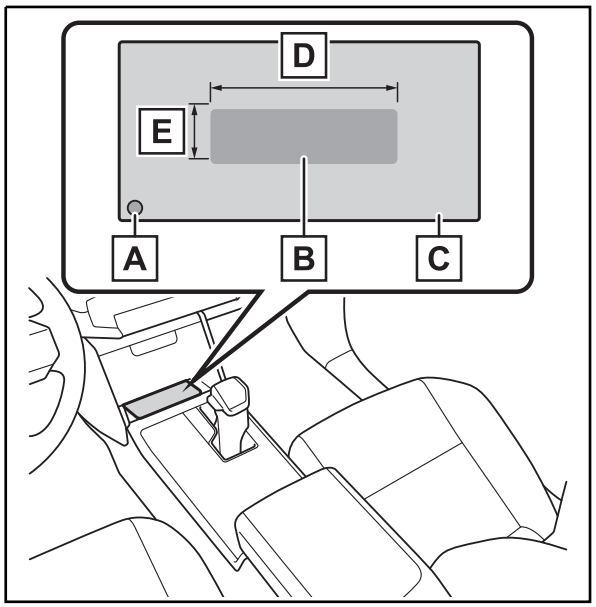
Chức năng này sẽ không sử dụng được khi thiết bị di động mà không thể đặt được trên bộ sạc không dây. Đồng thời tùy vào thiết bị cầm tay, nó có thể không

hoạt động như bình thường. Hãy đọc hướng dẫn sử dụng thiết bị cầm tay.

n Biểu tượng "Qi"

Biểu tượng "Qi" là dấu hiệu thương mại của Hiệp hội công nghệ không dây.

n Tên của tất cả chi tiết



A Đèn chỉ báo hoạt động

B Khu vực nạp*

C Khay sạc

D Xấp xỉ 10 cm

E Xấp xỉ 2.5 cm

*: Có thể dịch chuyển cuộn dây sạc trong bộ sạc trong khu vực sạc tùy thuộc vào vị trí của cuộn dây bên trong thiết bị di động. Có thể sạc nếu tâm của cuộn dây thiết bị di động được đặt trong khu vực sạc. Nếu đặt từ 2 thiết bị di động trở lên trên bộ sạc không dây, cuộn dây sạc của chúng sẽ không thể được phát hiện chính xác và không sạc được.

n Dùng sạc không dây

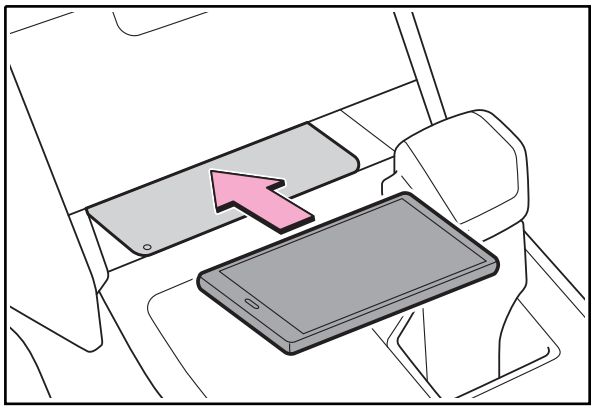
Đặt thiết bị di động trên bộ sạc không dây.

Hãy đặt mặt sạc điện của thiết bị di động xuống với tâm của thiết bị trùng với tâm của khu vực sạc.

Khi sạc, đèn chỉ báo hoạt động (màu cam) của bộ sạch không dây sẽ sáng lên.

Hãy tham khảo "Những tình huống có thể làm chức năng không hoạt động bình thường" (→P.448) khi không thực hiện sạc được.

Khi quá trình sạc hoàn tất, đèn chỉ báo hoạt động (màu xanh lá) trên bộ sạc không dây sẽ sáng lên.



n Chức năng sạc lại

- Khi quá trình sạc điện đã hoàn thành và sau một thời gian cố định ở trạng thái treo, nó sẽ bắt đầu sạc lại.
- Khi thiết bị di động bị dịch chuyển nhiều trong khu vực

sạc, cuộn dây sạc có thể sẽ bị mất kết nối và quá trình sạc có thể sẽ tạm thời dừng lại. Tuy nhiên, nếu phát hiện tâm của cuộn sạc ở trong khu vực sạc, thì cuộn dây bên trong bộ sạc không dây sẽ di chuyển về phía nó và bắt đầu sạc lại. 'Khi thiết bị di động bị dịch chuyển ra ngoài khu vực sạc, quá trình sạc sẽ dừng lại. Hãy đặt thiết bị di động gầm tâm của khu vực sạc.

n Chức năng sạc nhanh

- Thiết bị sau đây hỗ trợ việc sạc nhanh.

• Các thiết bị di động tương thích với WPC phiên bản 1.3.3 và tương thích với chức năng sạc nhanh

• Những máy iPhone có phiên bản iOS hỗ trợ sạc công suất 7.5 W (iPhone 8 hoặc mới hơn)

• Các thiết bị di động tương thích với tiêu chuẩn sạc nhanh Galaxy.

- Khi thiết bị di động có hỗ trợ sạc nhanh, việc sạc sẽ tự động chuyển sang chức năng sạc nhanh.

n Các điều kiện hoạt động của đèn chỉ báo hoạt động

Đèn chỉ báo hoạt động	Tình trạng
Đèn tắt	Khi nguồn cho hệ thống đa phương tiện tắt hoặc công tắc động cơ tắt
Màu xanh lá (sáng lên)	Trạng thái chờ (trạng thái không thể sạc)*1
	Trạng thái chờ (trạng thái có thể sạc)*2
	Khi sạc được hoàn thành*3
Màu cam (sáng lên)	Đang sạc
Màu cam (nhấp nháy hai lần sau đó bật sáng)	Thay đổi tần số sạc

*1: Các điều kiện để hệ thống mở khóa và khởi động thông minh phát hiện chìa khóa đã được đáp ứng.

*2: Dòng điện sạc sẽ không được phát ra khi ở chế độ chờ. Một vật bằng kim loại sẽ không bị nóng lên nếu bạn đặt nó trên bộ sạc không dây ở trạng thái này.

*3: Tùy vào thiết bị cầm tay, có những trường hợp mà đèn chỉ báo hoạt động màu cam sẽ sáng liên tục kể cả sau khi đã sạc xong.

n Nếu bộ sạc không dây không hoạt động chính xác

Khi bộ sạc không dây không hoạt động chính xác, hãy khắc phục nguyên nhân có thể dựa vào các bảng sau đây.

Đèn chỉ báo hoạt động	Nguyên nhân có thể/Phương pháp xử lý
Màu cam (nhấp nháy liên tục mỗi giây một lần) (xe có Hệ Thống vào xe & khởi động thông minh)	**Lỗi liên lạc giữa xe và bộ sạc không dây** → **Nếu động cơ đang nổ máy, hãy dừng và khởi động lại động cơ.** Nếu công tắc động cơ ở vị trí ACC, hãy khởi động động cơ. (→P.186)
Xanh lá cây (nháy liên tục 1 lần/giây)	**Lỗi liên lạc giữa các bộ sạc không dây trong hệ thống hai đơn vị** → **Nếu động cơ đang nổ máy, hãy dừng và khởi động lại động cơ.** Nếu công tắc động cơ ở vị trí ACC, hãy khởi động động cơ. (→P.186)
Màu xanh lá (sáng lên)	**Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh đang phát hiện chìa khóa.** → **Hãy đợi cho đến khi hoàn thành việc phát hiện chìa khóa.**
Màu xanh lá (sáng lên)	**Phát hiện vật lạ:** ● Chức năng phòng tránh sinh nhiệt bất thường dành cho vật thể lạ đã hoạt động do có vật thể lạ bằng kim loại nằm trong khu vực sạc → **Hãy lấy vật bằng kim loại ra khỏi khu vực sạc.** ● Một ốp lưng với vòng kim loại cho MagSafe/Qi2 được lắp vào thiết bị di động và quá trình sạc đã dừng lại. → **Tháo vỏ hộp.**
	Thiết bị di động đặt lệch / cách xa với bề mặt sạc: **Cuộn dây sạc bên trong thiết bị di động bị dịch chuyển ra ngoài khu vực sạc, hoặc ống kính lồi là lớn, hoặc vỏ là dày nên chức năng tránh sinh nhiệt bất thường hoạt động** → **Hãy bỏ thiết bị di động ra khỏi bộ sạc không dây, sau 5 giây, sau đó đặt thiết bị di động gần tâm của bộ sạc không dây. Ngoài ra, thiết bị di động đang lắp vỏ hoặc bọc bảo vệ thì hãy tháo nó ra.**

Đèn chỉ báo hoạt động	Nguyên nhân có thể/Phương pháp xử lý
Màu xanh lá (sáng lên)	**Chức năng bảo vệ pin của thiết bị di động:** **Trước khi sạc đầy, chức năng bảo vệ pin của thiết bị di động sẽ hoạt động** **→ Xác nhận lại cài đặt của thiết bị di động.**
	Tiếp tục phát hiện chìa khóa điện tử: **Khi sử dụng chức năng đa phương tiện thông qua cài đặt tùy chọn, chìa khóa điện tử tiếp tục được phát hiện mà không cần xác nhận.** **→ Trong trường hợp này, bật công tắc nguồn ACC hoặc ON để xác nhận chìa khoá.**
	Lỗi trong cơ chế di chuyển: **Cuộn dây đã ngừng di chuyển do lỗi trong cơ chế di chuyển.** **→ Nếu không nghe thấy âm thanh hoạt động của cuộn dây ngay cả sau khi tháo và đặt lại thiết bị di động vào vị trí đúng, hãy liên hệ với Đại lý Toyota.**
	Thiết bị di động không tương thích với Qi: **Đèn sẽ vẫn sáng màu xanh lá ngay cả khi thiết bị di động đã được đặt vào.** **→ Kiểm tra trang web WPC để xem thiết bị có hỗ trợ Qi BPP hoặc EPP hay không.**
Màu cam (nháy 4 lần liên tục)	**Tắt để đảm bảo an toàn khi nhiệt độ của bộ sạc không dây vượt quá giá trị đặt trước.** **→ Hãy ngừng sạc, bỏ thiết bị di động ra khỏi bộ sạc không dây, đợi cho nhiệt độ giảm đi rồi bắt đầu sạc lại.**

n Bộ sạc không dây có thể hoạt động khi

Công tắc động cơ ở ACC hoặc ON, hoặc hệ thống đa phương tiện đang bật.

n Các thiết bị di động có thể sử dụng được

l Các thiết bị tương thích với các tiêu chuẩn sạc Qi (ngoại trừ đặc điểm kỹ thuật MPP của Qi2) có thể được sử dụng. Tuy nhiên, không thể đảm bảo khả năng tương thích của các thiết bị di động đạt chuẩn Qi từ phiên bản 1.0, 2.0.0 trở lên.

l Hãy ưu tiên sử dụng cho điện thoại di động và điện thoại thông minh, là những thiết bị có công suất nhỏ hơn 5W.

l Tuy nhiên, có thể hỗ trợ sạc với công suất lớn hơn 5 W cho các thiết bị di động sau.

- Hỗ trợ sạc công suất từ 7.5 W trở xuống bởi iPhone hỗ trợ sạc 7.5 W.
- Sạc công suất từ 10 W trở xuống được hỗ trợ bởi thiết bị Galaxy hỗ trợ sạc 10 W theo tiêu chuẩn ban

đầu.
- Hỗ trợ sạc công suất từ 15 W trở xuống bởi các thiết bị di động tương thích với đầu ra EPP như tiêu chuẩn WPC phiên bản 1.3.3.

n Vận hành ưu tiên của hệ thống mở khoá và khởi động thông minh

Chức năng này tạm dừng sạc để ưu tiên việc phát hiện chìa khóa và khởi động, tắt động cơ.

l Nếu không thể phát hiện được chìa khóa điện tử bên trong xe, thì không thực hiện việc sạc.

l Nếu hệ thống mở khóa & khởi động thông minh phát hiện bất kỳ điều nào sau đây trong khi sạc, việc sạc điện sẽ tạm thời bị dừng lại.
- Khi rời khỏi xe và mang theo chìa khóa điện tử
- Khi cửa đang mở

n Khi lắp ốp và lắp các phụ kiện lên thiết bị cầm tay

Không được sạc điện trong các trường hợp ốp và phụ kiện của thiết bị di động không cho phép gắn bộ sạc không dây Qi trên thiết bị cầm tay. Tùy thuộc vào kiểu ốp (bao gồm cả linh kiện chính hiệu của nhà sản xuất) và phụ kiện, có thể không sạc được. Khi không thực hiện việc sạc được kể cả khi thiết bị di động đã được đặt trên khu vực sạc, hãy tháo ốp và phụ kiện.

n Nếu tiếng ồn xuất hiện khi nghe đài radiô AM trong khi đang sạc

Thực hiện theo quy trình dưới đây để thay đổi tần số sạc.

1 Tháo thiết bị di động ra khỏi khay sạc.

2 Kiểm tra xem đèn chỉ báo hoạt động (màu xanh lá) trên bộ sạc không dây có sáng lên và tiếng ồn đã biến mất hay chưa.

3 Đặt lại thiết bị di động lên khay sạc.

4 Kiểm tra rằng đèn chỉ báo hoạt động (màu xanh) trên bộ sạc không dây nháy hai lần và sau đó bật sáng.

Nếu tiếng ồn biến mất, tần số sạc đã được chuyển đổi. Nếu đèn báo hiệu hoạt động (màu cam) không nhấp nháy hai lần, mà vẫn sáng và tiếng ồn không biến mất, hãy thực hiện lại quy trình từ đầu.

n Các lưu ý liên quan sạc không dây

l Khi sạc, thiết bị sạc không dây và thiết bị di động có thể nóng lên, tuy nhiên, đây không phải là lỗi.
Khi thiết bị di động nóng lên trong khi sạc, quá trình sạc có thể ngừng lại do chức năng bảo vệ của thiết bị cầm tay. Trong trường hợp đó, khi nhiệt độ của thiết bị di động giảm xuống, quá trình sạc sẽ được tiếp tục.

Quạt có thể bắt đầu hoạt động để hạ thấp nhiệt độ bên trong bộ sạc không dây, tuy nhiên đây là hiện tượng bình thường.

n Tiếng kêu hoạt động

Có thể nghe thấy tiếng chuông báo khi ấn công tắc để chuyển đến ACC hoặc ON hoặc khi phát hiện được một thiết bị không dây. Tuy nhiên, đó không phải là trục trặc.

n Vệ sinh bộ sạc không dây

→P.458

n Những tình huống sau có thể làm chức năng không hoạt động bình thường

Thiết bị không thể sạc được bình thường trong các trường hợp sau.

l Khi thiết bị di động đã được sạc đầy

l Thiết bị cầm tay đang được sạc bằng cách cắm dây cáp

l Khi có dị vật nằm giữa khu vực sạc và thiết bị cầm tay

l Thiết bị sạc nóng lên khi sạc

l Nhiệt độ xung quanh của bộ sạc không dây là từ 35°C trở lên, nhiệt độ rất nóng

- Khi đặt thiết bị di động với bề mặt sạc hướng lên trên
- Khi thiết bị di động nhỏ như loại có thể gập được đặt ở vị trí lệch so với khu vực sạc
- Khi thiết bị di động lớn hơn khay sạc
- Xe ở trong khu vực có sóng điện mạnh hoặc tiếng ồn lớn, như ở gần trạm phát tivi, nhà máy điện, trạm xăng, đài phát sóng, màn hình lớn, sân bay,...
- Khi có bất kỳ vật nào bị kẹp hoặc được để ở giữa cạnh sạc của thiết bị di động và khu vực sạc.
  - Các vỏ bảo vệ hoặc ốp dày
  - Vỏ hoặc ốp đang được gắn bị lệch hoặc nghiêng, sao cho phía sạc không được phẳng.
  - Các đồ vật trang trí dày
  - Các phụ kiện, chẳng hạn như nhẫn, dây chun...
  - Một bọc bảo vệ ống kính
  - Một tấm thảm chống trượt
- Khi có khoảng cách giữa mặt sạc của thiết bị di động và khu vực sạc do phần nhô ra chẳng hạn như camera trên mặt sạc của thiết bị di động.
- Khi thiết bị di động chạm vào hoặc bị che bởi những đồ vật bằng kim loại sau:
  - Thẻ bằng bằng kim loại ở trên nó, như bằng vật liệu nhôm, vv...
  - Gói thuốc là có lớp giấy nhôm
  - Ví hoặc túi được làm bằng kim loại
  - Tiền xu
  - Tấm nhiệt
  - CD, DVD hoặc thiết bị khác
  - Phụ kiện bằng kim loại (bao gồm nhãn dán vòng kim loại cho MagSafe/Qi2)
  - Ốp hoặc bọc được làm bằng kim loại (bao gồm cả loại có vòng kim loại cho MagSafe/Qi2)
  - Ốp kiểu gập được có một nam châm trên cạnh sạc của thiết bị di động
- Có điều khiển từ xa sử dụng kiểu sóng điện đang được sử dụng ở gần
- Từ 2 thiết bị di động trở lên được đặt trên bộ sạc không dây cùng một thời điểm
- Nếu bạn sử dụng một thiết bị có S-pen tích hợp (Dòng Galaxy Note, v.v.) và thiết bị có S-PEN được cho vào khay.

Nếu việc sạc là bất thường hoặc đèn chỉ báo bật liên tục nháy vì bất kỳ lý do nào khác, bộ sạc không dây có thể bị hư hỏng. Hãy liên hệ với đại lý Toyota.

n Nếu hệ điều hành OS của điện thoại thông minh đã được cập nhật

Nếu hệ điều hành OS của điện thoại thông minh đã được cập nhật phiên bản mới nhất, thông số sạc của nó có thể thay đổi đáng kể. Để biết thông tin chi tiết, hãy kiểm tra thông tin trang web của nhà sản xuất.

n Thông tin thương mại

- iPhone là thương hiệu của Công ty Apple, đã được đăng ký tại Hoa Kỳ và các quốc gia khác.
- MagSafe là thương hiệu của Apple Inc., đã đăng ký tại Hoa Kỳ và các nước khác.
- Galaxy là một thương hiệu hoặc thương hiệu đã đăng ký của Công ty Samsung Electronics Co., Ltd.

⚠ CẢNH BÁO

n Chú ý khi lái xe

Khi sạc điện cho thiết bị cầm tay, vì lý do an toàn, người lái không nên sử dụng thiết bị di động khi đang lái xe.

n **Lưu ý liên quan đến hoạt động của các thiết bị điện tử**

Những hành khách phải sử dụng máy điều hòa nhịp tim hoặc máy khử rung tim, cũng như các thiết bị y tế nào khác, nên tham khảo ý kiến bác sỹ liên quan đến việc sử dụng sạc không dây.

n **Để tránh hư hỏng hoặc hỏa hoạn**

Hãy tuân theo các chú ý sau đây. Nếu không, có thể dẫn hỏng thiết bị, gây hỏa hoạn, bỏng do quá nhiệt hoặc bị chập điện.

- Không để bất kỳ đồ vật bằng kim loại nào ở giữa khu vực sạc và thiết bị di động trong khi sạc.
- Không được dán miếng dán bằng nhôm hoặc vật bằng kim loại khác lên khu vực sạc.
- Không gắn miếng dán nhôm hoặc vật bằng kim loại khác lên cạnh của thiết bị di động (hoặc lên vỏ hoặc bọc) mà chạm vào khu vực sạc.
  Tránh sử dụng vòng kim loại đã được tùy chỉnh cho MagSafe/Qi2 và ốp lưng không chính hãng, vì chúng có thể sinh nhiệt.
- Không để các đồ vật trên bộ sạc không dây, hãy để chúng trong hộp đựng đồ vặt.
- Không được tác dụng lực mạnh
- Không tháo rời, sửa hoặc tháo ra
- Không được sạc các thiết bị khác thiết bị di động tiêu chuẩn
- Để các vật có từ tính ở xa
- Không tiến hành sạc nếu khu vực sạc đang bị bẩn
- Không che phủ thiết bị bằng giẻ hoặc vật liệu tương đương

CHÚ Ý

n **Để tránh hư hỏng trong thiết bị di động và hỏng hóc dữ liệu**

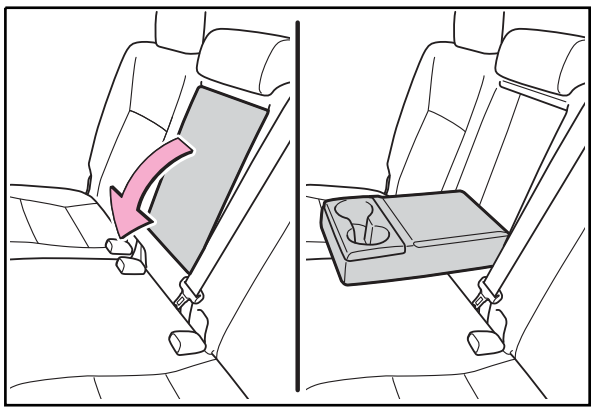
- Không sạc khi có thẻ từ, chẳng hạn như thẻ tín dụng hoặc thẻ ETC, thẻ IC phi tiếp xúc như thẻ IC hệ thống giao thông, hoặc phương tiện lưu trữ từ tính, được gắn vào mặt sau của điện thoại thông minh.
- Trong khi sạc, không mang đồng hồ đeo tay hoặc thiết bị có độ chính xác cao khác tới gần khu vực sạc vì làm như vậy có thể khiến thiết bị bị hỏng.
- Không được để thiết bị di động ở trong xe. Trong xe có thể trở nên rất nóng, có thể gây ra hư hỏng.

n **Để tránh làm hết điện của ắc quy**

Khi đã tắt động cơ, không được sử dụng bộ sạc không dây trong thời gian dài.

Tựa tay (nếu có)

Hãy hạ tựa tay xuống khi sử dụng.



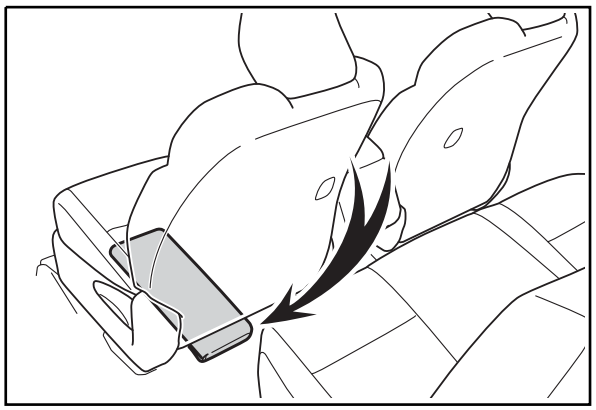
CHÚ Ý

n **Để tránh làm hỏng tựa tay**

Không đè quá mạnh lên tựa tay.

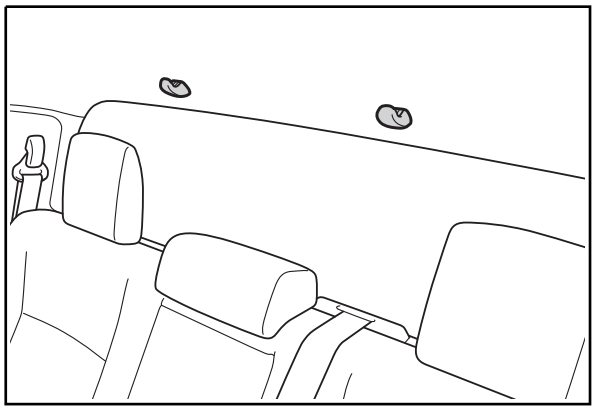
Biển tín hiệu cảnh báo (nếu có)

Tấm phản quang cảnh báo được để ở phía dưới của ghế hành khách phía trước.

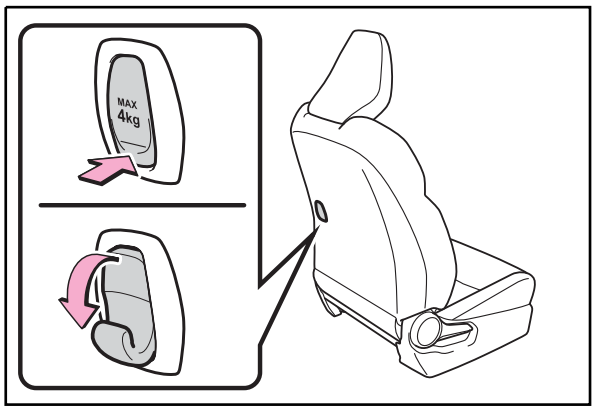


Móc treo áo khoác (nếu có)

Móc treo áo khoác được để ở phía trên kính cửa hậu.



Móc treo túi để đồ (nếu có)



CẢNH BÁO

n **Móc treo túi để đồ**

Hãy để các móc đúng vị trí như khi không sử dụng.

CHÚ Ý

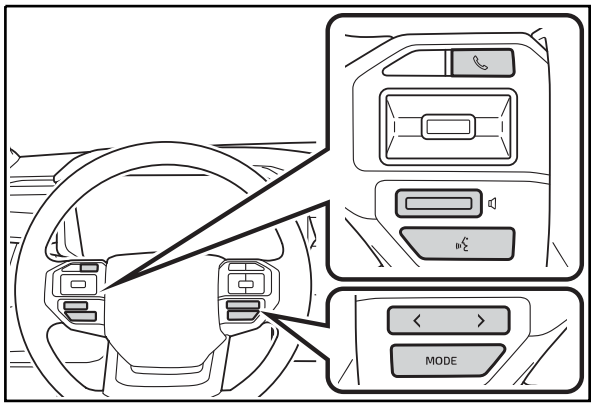
n **Để tránh gây hư hại các móc treo túi để đồ**

Không được treo những đồ vật nặng hơn 4 kg trên móc treo đồ.

Sử dụng các nút điều khiển hệ thống âm thanh trên vô lăng (nếu có)

Bạn có thể điều khiển một số chức năng của hệ thống âm thanh (điều chỉnh âm lượng, radiô, đầu CD...) bằng các nút điều khiển trên vô lăng.

Việc điều khiển có thể hiển thị khác nhau tùy vào từng hệ thống âm thanh hoặc hệ thống dẫn đường. Để biết thông tin chi tiết, hãy tham khảo hướng dẫn sử dụng đi kèm theo hệ thống âm thanh hoặc hệ thống dẫn đường.



CẢNH BÁO

n **Để tránh bị tai nạn**

Hãy hết sức cẩn thận khi sử dụng các nút điều khiển hệ thống âm thanh trên vô lăng khi đang lái xe.

Bảo dưỡng và chăm sóc xe

6

6-1. Bảo dưỡng và chăm sóc xe

Vệ sinh và bảo vệ bên ngoài xe 454

Vệ sinh và bảo vệ bên trong xe 457

6-2. Bảo dưỡng

Các yêu cầu bảo dưỡng..460

Lịch bảo dưỡng 462

6-3. Tự bảo dưỡng

Các lưu ý khi tự bảo dưỡng 471

Nắp capô.....473

Khoang động cơ.....475

Lốp xe 496

Áp suất lốp.....508

Vành xe.....509

Bộ lọc điều hòa.....511

Pin điều khiển từ xa/chìa khóa điện tử 513

Kiểm tra và thay cầu chì .515

Bóng đèn 518

Vệ sinh và bảo vệ bên ngoài xe

Hãy thực hiện các bước sau để bảo vệ và duy trì xe ở tình trạng tốt nhất:

Hướng dẫn vệ sinh

- Hãy tiến hành rửa xe từ trên xuống dưới, phun nước vào thân xe, vành và gầm xe để rửa trôi toàn bộ bụi và bẩn.
- Hãy rửa sạch thân xe bằng một miếng mút hoặc vải mềm.
- Để rửa những vết bẩn khó lau chùi, hãy sử dụng xà phòng và rửa lại thật kỹ bằng nước.
- Lau sạch nước còn đọng trên xe.
- Hãy đánh bóng xe khi khả năng chống đọng nước của lớp sơn bề mặt bị kém đi.

Nếu nước không đọng lại thành hạt trên một bề mặt phẳng, hãy đánh bóng bằng xi khi thân xe đã nguội.

---

n **Khi rửa xe trong trạm rửa xe tự động**

l Gập các gương chiếu hậu và tháo ăngten (xe có ăngten trụ ngắn) trước khi rửa xe. Bắt đầu rửa từ phần phía trước của xe. Chắc chắn phải lắp ăng ten và mở gương ra trước khi lái xe.

l Các chổi rửa được sử dụng trong các trạm rửa xe tự động có thể sẽ làm xước thân xe, các bộ phận (vành xe,...) và làm hỏng lớp sơn của xe.

l Xe có hộp số tự động trang bị phanh đỗ (loại công tắc): Nếu bạn cần nhả phanh đỗ, hãy tắt hệ thống giữ phanh, chuyển cần số đến N, sau đó nhả phanh đỗ và đặt công tắc động cơ đến ACC. (→P.200)

l Xe có hộp số sàn được trang bị phanh đỗ (loại công tắc): Nếu bạn cần nhả phanh đỗ, hãy tắt hệ thống giữ phanh, chuyển cần số đến N, tắt chế độ tự động, và sau đó nhả phanh đỗ. (→P.201)

n **Rửa xe bằng vòi rửa cao áp**

l Vì nước có thể lọt vào trong khoang hành khách, không được đưa vòi rửa đến gần các khe hở quanh các cửa hoặc xung quanh cửa sổ, hoặc không phun nước liên tục vào những khu vực này.

l Không dùng máy rửa áp lực cao để sát vào các vòng bi và các phớt chắn dầu của các chi tiết trong hệ thống truyền động (như cụm vi sai).

Nếu sử dụng quá gần các chi tiết như vậy, áp lực nước quá cao có thể làm cho nước lọt vào các chi tiết và rửa trôi mỡ bôi trơn, làm cho hiệu suất hệ thống bị suy giảm.

n **Vành xe và ốp vành xe (xe không có vành sơn mờ)**

l Hãy loại bỏ ngay các chất bẩn bằng chất tẩy rửa trung tính.

l Hãy rửa sạch chất tẩy rửa bằng nước ngay sau khi sử dụng.

l Để lớp sơn khỏi bị hư hỏng, hãy tuân theo các chú ý sau.

- Không sử dụng chất tẩy có chứa a-xít và kiềm hoặc dung dịch có tính ăn mòn mạnh.
- Không được dùng bàn chải cứng.
- Không được dùng chất tẩy rửa để rửa các bánh xe khi chúng đang nóng, ví dụ sau khi lái xe trên một đoạn đường dài dưới thời tiết nóng.

n **Vành xe và ốp vành xe (xe có vành sơn mờ)**

Cần có sự chăm sóc đặc biệt đối với

vành sơn mờ và ốp vành xe.
Liên hệ với Đại lý Toyota của bạn để biết thêm thông tin chi tiết.

- Làm sạch bụi bẩn bằng nước ngay lập tức.
  Nếu vành xe quá bẩn, sử dụng chất tẩy trung tính đã pha loãng.
- Khi sử dụng chất tẩy rửa, chắc chắn phải rửa sạch bằng nước ngay lập tức.
  Sau đó sử dụng giẻ mềm để lau khô nước.
- Hãy sử dụng một miếng mút hoặc giẻ mềm để làm sạch bụi bằng tay.
- Để tránh cho lớp sơn mờ khỏi bị hỏng hoặc sáng bóng, hãy tuân theo các lưu ý sau đây.

• Không được bôi bất cứ lớp sơn phủ hoặc sáp nào.
• Không sử dụng chất tẩy có chứa a-xít và kiềm có tính ăn mòn mạnh.
• Khi sử dụng chất làm sạch lốp hoặc sáp làm sạch lốp, không được để chúng dính vào các vành xe.
• Không được kỳ cọ hoặc đánh bóng các vành xe bằng cách sử dụng bàn chải hoặc giẻ khô, vv..
• Khi sử dụng máy rửa xe tự động, không được chọn chức năng chải vành xe.
• Không được sử dụng nước rửa áp suất cao hoặc bộ rửa hơi nước.
• Không được dùng chất tẩy rửa để rửa các bánh xe khi chúng đang nóng, ví dụ sau khi lái xe trên một đoạn đường dài dưới thời tiết nóng.

n Các má phanh và càng phanh

Gỉ sét có thể hình thành nếu xe được đỗ trong thời gian dài không sử dụng với má phanh và các rôto phanh bị ướt, sẽ gây dính phanh. Trước khi đỗ xe sau khi rửa, hãy lái xe chậm và nhấn phanh vài lần để làm khô phanh.

n Cản xe

Không cọ rửa bằng chất tẩy rửa có tính ăn mòn.

n Các vị trí được mạ

Nếu không tẩy sạch được chất bẩn, hãy làm sạch các bộ phận sau:

- Sử dụng giẻ mềm được nhúng dung dịch 5% chất tẩy trung tính và nước để làm sạch bụi bẩn.
- Lau bề mặt bằng giẻ khô, mềm để làm sạch hơi nước đọng lại.
- Để làm sạch vết bám dầu, hãy dùng khăn thấm cồn hoặc sản phẩm tương đương.

n Lưu ý cho hệ thống mở khóa và khởi động thông minh (nếu có)

Nếu tay nắm cửa bị ướt khi rửa xe và chìa khóa điện tử đang trong phạm vi hiệu quả, cửa xe có thể khóa hoặc mở khóa nhiều lần. Trong trường hợp đó, hãy xử lý như sau để có thể rửa xe được:

- Hãy để chìa khóa điện tử cách xa xe 2 m trở lên khi rửa xe. (Hãy chú ý để tránh bị mất trộm chìa.)
- Nếu chìa khóa điện tử nằm ở trong xe và tay nắm cửa bị ướt trong khi rửa xe, một thông báo có thể sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin và chuông bên ngoài xe sẽ kêu. Để tắt báo động, hãy khóa tất cả các cửa xe lại.

⚠ CẢNH BÁO

n Khi rửa xe

Không xịt nước vào trong khoang động cơ. Nếu không, có thể sẽ làm cho các thiết bị điện bị chập cháy.

n Lưu ý liên quan tới đường ống xả

Khí xả sẽ làm cho ống xả trở nên khá nóng.

Khi rửa xe, cẩn thận không được chạm vào ống xả cho tới khi nó đã đủ nguội, nếu chạm vào ống xả nóng có thể làm cho bạn bị bỏng.

CẢNH BÁO

n **Các lưu ý liên quan đến cản trước và cản sau**

Nếu lớp sơn của cản trước hoặc cản sau bị sứt mẻ hoặc trầy xước, các hệ thống sau có thể hoạt động không chính xác. Nếu tình trạng này xảy ra, hãy tham khảo ý kiến Đại lý Toyota của bạn.

l Hệ thống cảm nhận an toàn Toyota*

l BSM*

l RCTA*

l SEA*

l PKSB*

l Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota*

*: Nếu có

CHÚ Ý

n **Để tránh cho lớp sơn xe khỏi bị biến màu và gây ăn mòn trên thân xe và các chi tiết của xe (như vành nhôm...)**

l Hãy rửa xe ngay lập tức trong các trường hợp sau:

- Sau khi lái xe gần khu vực bờ biển
- Sau khi lái xe trên đường có nhiều muối
- Khi nhựa đường hoặc nhựa cây bám trên lớp sơn xe
- Khi bề mặt sơn xe bị dính xác côn trùng, phân côn trùng hoặc phân chim
- Sau khi lái xe ở vùng có nhiều khói, hơi dầu, bụi quặng, bụi kim loại hoặc hóa chất
- Khi xe bạn quá bẩn do bụi và bùn
- Khi các dung dịch lỏng như benzen hoặc xăng bị đổ lên lớp sơn của xe

l Khi lớp sơn xe bị xước hay bong tróc, hãy sửa chữa ngay lập tức.

l Để tránh cho vành xe khỏi bị ăn mòn, hãy loại bỏ bụi bẩn và để ở nơi khô ráo khi lưu kho các vành xe.

n **Vệ sinh đèn chiếu sáng bên ngoài xe**

l Hãy lau rửa cẩn thận. Không sử dụng chất tẩy rửa hữu cơ hoặc cọ rửa đèn bằng bàn chải cứng. Nếu không có thể sẽ làm hỏng bề mặt đèn.

l Không bôi xi đánh bóng lên bề mặt của đèn. Xi đánh bóng có thể sẽ làm hỏng mặt kính của đèn.

n **Lưu ý khi lắp và tháo ăng ten (ăng ten dạng trụ ngắn)**

l Trước khi lái xe, hãy đảm bảo rằng ăng ten đã được lắp lại.

l Nếu phải tháo ăng ten ra, như khi rửa xe trong máy rửa xe tự động, hãy cất ăng ten ở vị trí phù hợp, tránh để bị mất. Đồng thời chú ý lắp lại ăng ten về vị trí ban đầu trước khi lái xe.

n **Khi rửa xe bằng vòi rửa áp suất cao**

l Khi rửa xe, không phun trực tiếp lên camera hoặc khu vực xung quanh với áp suất cao. Phun nước áp lực cao có thể làm cho thiết bị không hoạt động bình thường.

l Xe có hệ thống cảm nhận an toàn Toyota: Không được phun nước trực tiếp lên vùng có ra đa được lắp ở phía sau biểu tượng. Nếu không, có thể gây hỏng thiết bị.

CHÚ Ý

- Không để đầu vòi phun nước quá gần các chi tiết bằng cao su (cao su hoặc nắp bằng nhựa), các giắc nối hoặc các chi tiết sau. Các chi tiết đó có thể bị hư hỏng khi tiếp xúc với nước có áp suất cao.
  - Các chi tiết liên quan đến truyền lực
  - Các chi tiết của hệ thống lái
  - Các chi tiết của hệ thống treo
  - Các chi tiết của hệ thống phanh
- Hãy giữ vòi rửa cách thân xe ít nhất 30 cm. Nếu không, phần chi tiết bằng nhựa như nẹp và cản xe có thể bị biến dạng và bị hư hỏng. Ngoài ra, không được phun nước liên tục vào một vị trí quá lâu.
- Không được phun nước liên tục vào phần phía dưới của kính chắn gió. Nếu nước lọt vào đường khí vào của hệ thống điều hòa nằm ở phần phía dưới của kính chắn gió, hệ thống điều hòa có thể hoạt động không chính xác.
- Không được rửa phía dưới xe bằng thiết bị rửa áp suất cao.

Vệ sinh và bảo vệ bên trong xe

Hãy thực hiện vệ sinh theo cách phù hợp với từng thiết bị và chất liệu của nó.

Bảo vệ nội thất xe

- Sử dụng máy hút bụi để hút hết bụi bẩn. Lau sạch bề mặt bị bám bẩn bằng giẻ mềm có thấm nước ấm.
- Nếu không thể vệ sinh sạch bụi bẩn, hãy lau bằng chất tẩy rửa trung tính được pha loãng với tỷ lệ khoảng 1%.
  Vắt khô giẻ lau và lau sạch hoàn toàn các vết chất tẩy và nước đọng.

n **Lau chùi tấm lót sàn xe**

Có rất nhiều loại chất tẩy rửa tạo bọt được bán trên thị trường. Hãy sử dụng một miếng mút hoặc bàn chải để dấp bọt. Hãy chải thảm theo các đường tròn. Không sử dụng nước. Lau sạch các bề mặt bẩn và để nó khô. Hãy giữ cho tấm lót sàn xe càng khô ráo càng tốt.

n **Sử dụng đai an toàn**

Hãy vệ sinh đai an toàn bằng giẻ mềm hoặc miếng mút có thấm xà phòng loãng và nước ấm. Đồng thời hãy tiến hành kiểm tra định kỳ để xem đai có bị sờn, tước sợi hay bị đứt không.

CẢNH BÁO

n **Tránh để nước xâm nhập vào xe**

l Không phun hoặc làm tràn nước vào xe.
Nếu không có thể sẽ làm các chi tiết điện của xe bị hư hỏng hoặc cháy chập.

l Không để các chi tiết của hệ thống túi khí SRS hoặc dây điện ở bên trong xe bị ướt. (→P.36)
Nếu hệ thống điện bị trục trặc có thể sẽ làm nổ túi khí hoặc túi khí hoạt động không chính xác, dẫn tới tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

l Xe có bộ sạc không dây:
Không được để bộ sạc không dây bị ướt (→P.443). Nếu không, sẽ làm cho bộ sạc bị nóng và có thể gây ra bỏng hoặc bị giật điện dẫn đến bị thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Vệ sinh nội thất xe (đặc biệt với bảng táp lô)**

Không sử dụng xi đánh bóng hoặc chất tẩy đánh bóng. Nếu không bảng táp lô có thể sẽ phản xạ ánh sáng lên kính chắn gió, làm ảnh hưởng tới khả năng quan sát của người lái và dẫn tới tai nạn, gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

CHÚ Ý

n **Dung môi tẩy rửa**

l Không sử dụng các loại chất tẩy sau, do chúng có thể sẽ làm mất màu của các chi tiết nội thất xe hoặc làm hỏng bề mặt sơn xe:

- Những vị trí ngoài ghế xe: Các dung môi hữu cơ như benzen hoặc xăng, kiềm hoặc các dung dịch axít, thuốc nhuộm và chất tẩy trắng
- Ghế xe: Các dung dịch kiềm hoặc dung dịch axít như xăng pha, benzen hoặc cồn

l Không sử dụng xi đánh bóng hoặc chất tẩy đánh bóng. Nếu không lớp sơn của các chi tiết nội thất xe hay bảng táp lô có thể sẽ bị hỏng.

n **Để tránh làm hỏng bề mặt của chi tiết bọc da**

Hãy tuân theo các lưu ý sau để tránh làm biến chất và làm hỏng các bề mặt của chi tiết bọc da:

l Hãy lau sạch bụi bẩn bám trên bề mặt da ngay.

l Không để xe trực tiếp dưới ánh nắng mặt trời trong một thời gian dài. Hãy đỗ xe ở những vị trí râm mát, đặc biệt là trong mùa hè.

l Không để những đồ vật được làm bằng chất dẻo, nhựa hoặc các đồ vật có chứa sáp trên bề mặt da, do chúng có thể sẽ dính vào bề mặt da nếu như nhiệt độ trong xe tăng lên cao.

n **Nước trên sàn xe**

Không được rửa sàn xe bằng nước. Các thiết bị trên xe, như hệ thống âm thanh, có thể sẽ bị hỏng nếu như nước ngấm vào các chi tiết điện phía trên hoặc phía dưới sàn xe. Nước có thể làm cho thân xe bị gỉ sét.

n **Khi vệ sinh mặt bên trong của kính chắn gió (xe có hệ thống cảm nhận an toàn Toyota)**

Không để dung dịch rửa kính tiếp xúc với kính. Đồng thời không chạm vào kính. (→P.220)

⚠ CHÚ Ý

n **Vệ sinh mặt trong của kính cửa hậu (Xe có bộ sấy kính cửa hậu)**

l Không sử dụng chất tẩy rửa kính để vệ sinh kính cửa phía sau, do nó có thể sẽ làm hỏng dây sấy kính trên cửa sau. Hãy sử dụng giẻ mềm có thấm nước ấm để lau sạch cửa sổ. Hãy lau cửa sổ theo phương song song với dây sấy.

l Hãy cẩn thận để tránh làm xước hoặc làm hỏng các dây sấy.

Vệ sinh các chi tiết bọc da

- Hãy sử dụng máy hút bụi để hút hết bụi bẩn.
- Lau sạch các vết bẩn khó chùi bằng giẻ mềm có thấm dung dịch tẩy rửa pha loãng.

Hãy sử dụng dung dịch tẩy rửa được pha loãng với nồng độ vào khoảng 5% nồng độ chất tẩy rửa trung tính dành cho len.

- Vắt sạch nước khỏi giẻ và cẩn thận lau sạch hết chất tẩy rửa còn đọng lại.
- Lau bề mặt bằng giẻ khô, mềm để lau sạch hết lớp nước còn đọng lại. Để các chi tiết bọc da khô tự nhiên trong bóng râm và ở vị trí thông thoáng.

n **Chăm sóc các chi tiết bọc da**

Chúng tôi khuyên bạn nên cho vệ sinh nội thất xe tối thiểu một năm hai lần để duy trì chất lượng của nội thất xe.

Vệ sinh các chi tiết giả da

- Hãy sử dụng máy hút bụi để hút hết bụi bẩn.
- Hãy lau bằng giẻ có chất tẩy rửa trung tính được pha loãng với tỷ lệ khoảng 1%.
- Vắt khô giẻ lau và lau sạch hoàn toàn các vết chất tẩy và nước đọng.

Các yêu cầu bảo dưỡng

Để đảm bảo lái xe tiết kiệm và an toàn, tiến hành kiểm tra hàng ngày và bảo dưỡng định kỳ là việc làm hết sức cần thiết. Toyota khuyến nghị hãy thực hiện các công việc bảo dưỡng sau:

⚠ CẢNH BÁO

n **Nếu bảo dưỡng xe không đúng cách**

Bảo dưỡng xe không đúng cách có thể sẽ làm cho xe bị hỏng nghiêm trọng dẫn đến tai nạn, gây chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Các lưu ý khi làm việc với ắc quy**

Các cực, điện cực của ắc quy và các phụ kiện liên quan có chứa chì và hợp chất của chì, những chất này có thể gây tổn thương cho não người. Hãy rửa tay sau khi thao tác (→P.484)

Lịch bảo dưỡng

- Nên thực hiện việc bảo dưỡng xe sau một quá trình sử dụng xe theo lịch bảo dưỡng.

Chu kỳ bảo dưỡng được xác định dựa trên thời gian sử dụng xe hoặc quãng đường đi được của xe trên đồng hồ công tơ mét, tùy theo điều kiện nào đến trước, được thể hiện trong lịch bảo dưỡng của xe.

Các công việc bảo dưỡng ở kì bảo dưỡng gần nhất nên được thực hiện ở các chu kỳ bảo dưỡng tương tự tiếp theo.

- Nên bảo dưỡng xe ở đâu?

Tốt nhất là bạn nên mang xe tới đại lý Toyota ở địa phương để bảo dưỡng cũng như thực hiện những công việc kiểm tra và sửa chữa khác.

Các kỹ thuật viên của Toyota là những chuyên gia được đào tạo kỹ càng. Họ thường xuyên được cập nhật những thông tin bảo dưỡng mới nhất thông qua các bản tin kỹ thuật, những bí quyết bảo dưỡng bổ ích và những chương trình đào tạo ngay trong nội bộ đại lý. Họ đã được đào tạo kỹ càng trên xe Toyota trước khi phục vụ xe của bạn.

Các đại lý Toyota đã đầu tư rất nhiều tiền của để mua sắm các dụng cụ và các thiết bị bảo dưỡng đặc biệt của Toyota. Việc này sẽ giúp cho việc bảo dưỡng xe của bạn sẽ hiệu quả hơn với chi phí thấp hơn.

Bộ phận dịch vụ của đại lý Toyota sẽ thực hiện tất cả các công việc bảo dưỡng định kỳ cho xe bạn một cách tin cậy và kinh tế nhất.

Bạn nên yêu cầu các kỹ thuật viên có chuyên môn kiểm tra kỹ các ống dẫn bằng cao su (sử dụng trong hệ thống sưởi và làm mát, hệ thống phanh và nhiên liệu) theo lịch bảo dưỡng của Toyota.

Hãy hết sức chú ý kiểm tra các ống dẫn cao su khi bảo dưỡng xe. Hãy thay thế hoặc sửa chữa ngay bất kỳ ống dẫn cao su đã bị hỏng. Hãy chú ý rằng các ống dẫn cao su sẽ bị lão hoá theo thời gian dẫn đến bị cứng, phồng lên hoặc nứt vỡ.

Tự bảo dưỡng

Tự bảo dưỡng là gì?

Có rất nhiều hạng mục bảo dưỡng

mà bạn có thể dễ dàng tự thực hiện được nếu như bạn có một chút kỹ năng về sửa chữa cơ khí và có những dụng cụ sửa chữa ôtô cơ bản.

Hãy làm theo những chỉ dẫn sau để tiến hành tự bảo dưỡng cho xe của bạn.

Tuy nhiên, có một số hạng mục bảo dưỡng đòi hỏi phải có những kỹ năng và dụng cụ đặc biệt để có thể thực hiện được. Những kỹ thuật viên có trình độ là những người có thể thực hiện tốt nhất các công việc đó. Kể cả khi bạn là một thợ cơ khí có nhiều kinh nghiệm, chúng tôi cũng khuyên bạn nên sửa chữa và bảo dưỡng xe tại đại lý Toyota, đồng thời họ cũng sẽ ghi lại lịch sử bảo dưỡng của xe bạn. Những ghi chép này có thể sẽ hữu ích khi bạn yêu cầu dịch vụ bảo hành cho xe.

n Xe của bạn có cần phải sửa chữa không?

Hãy chú ý tới sự thay đổi tính năng làm việc của xe và âm thanh phát ra và quan sát các hiện tượng để sớm phát hiện các bất thường trên xe. Một số dấu hiệu quan trọng như:

- Động cơ bị bỏ máy, có hiện tượng rung và giật
- Công suất động cơ giảm rõ rệt
- Tiếng ồn lạ phát ra từ động cơ
- Có dung dịch bị rò rỉ dưới gầm xe (Tuy nhiên, nước nhỏ ra từ điều hòa nhiệt độ sau khi sử dụng là hiện tượng bình thường)
- Có tiếng động bất thường phát ra từ hệ thống xả (đó có thể là dấu hiệu của tình trạng rò rỉ khí cácbon môônxít rất độc hại. Hãy mở tất cả các cửa sổ khi lái xe và kiểm tra hệ thống khí xả ngay lập tức.)
- Lốp có vẻ bị non, rít mạnh khi vào cua, lốp mòn không đều
- Xe bị lệch về một phía khi lái thẳng trên đường bằng phẳng
- Có tiếng ồn lạ liên quan tới chuyển động của hệ thống treo
- Phanh mất hiệu quả, cảm giác chân phanh hoặc bàn đạp ly hợp quá nhẹ, bàn đạp gần như chạm vào sàn xe, xe bị lạng về một phía khi phanh
- Nhiệt độ nước làm mát động cơ liên tục cao hơn bình thường (→P.97, 101)
- Động cơ nóng liên tục, đồng hồ đo áp suất dầu động cơ ở mức thấp

Nếu bạn phát hiện ra một trong các dấu hiệu trên, hãy đem xe tới đại lý Toyota càng sớm càng tốt vì có thể xe của bạn sẽ cần phải điều chỉnh hoặc sửa chữa.

Lịch bảo dưỡng

Hãy tiến hành bảo dưỡng theo lịch sau:

Các yêu cầu bảo dưỡng

Bạn nên bảo dưỡng xe theo lịch bảo dưỡng định kỳ. (Hãy xem mục "Lịch bảo dưỡng" [→P.462].)

Nếu bạn thường xuyên phải lái xe dưới một trong các điều kiện đặc biệt dưới đây, thì một số hạng mục bảo dưỡng sẽ cần phải được thực hiện thường xuyên hơn (Hãy xem mục "Lịch bảo dưỡng bổ sung" [→P.466].)

A. Điều kiện đường sá 1. Hoạt động trên đường gồ ghề, lầy lội hoặc đường có nhiều tuyết tan hoặc đường bị ngập nước. 2. Hoạt động trên đường nhiều bụi bẩn. (Đường ở những khu vực trải nhựa đường ít hoặc nhiều bụi và không khí rất khô) 3. Hoạt động trên đường có rải muối 4. Chỉ với động cơ diesel: Thường xuyên hoạt động ở địa hình cao trên 2000 m so với mực nước biển.	B. Điều kiện sử dụng 1. Xe chất tải nặng. (Ví dụ: Kéo rơ moóc [xe có móc kéo], sử dụng làm xe cắm trại hoặc chở hàng trên nóc xe, vv...) 2. Liên tục di chuyển trên những quãng đường ngắn dưới 8 km và nhiệt độ bên ngoài xe dưới nhiệt độ đóng băng. (Nhiệt độ động cơ sẽ không đạt tới nhiệt độ làm việc bình thường.) 3. Chạy không tải quá lâu và/hoặc chạy với tốc độ thấp trên quãng đường dài, như trường hợp xe cảnh sát, xe taxi, hay xe giao hàng. 4. Liên tục lái xe với tốc độ cao (80% trở lên so với tốc độ tối đa của xe) trong hơn 2 giờ.

Lịch bảo dưỡng

Hoạt động bảo dưỡng:

I = Kiểm tra, hiệu chỉnh, vệ sinh hoặc thay thế khi cần

R = Thay thế, thay đổi hoặc bôi trơn

L = Bôi trơn;

T = Xiết chặt đến mômen tiêu chuẩn

KỲ BẢO DƯỠNG:			SỐ ĐO CÔNG TƠ MÉT								SỐ THÁNG
(Số đo công tơ mét hoặc số tháng, tùy theo điều kiện nào đến trước)			x1000 km	10	20	30	40	50	60	70	80	
CÁC CHI TIẾT CƠ BẢN CỦA ĐỘNG CƠ												
1	Khe hở xu páp (Động cơ 1GR-FE)										I	96
2	Đai dẫn động	Động cơ xăng			I		I		I		I	24
		Động cơ diesel	Kiểm tra lần đầu sau 100,000 km hoặc 72 tháng, sau 100,000 km thì cứ 20,000 km hoặc 12 tháng sẽ kiểm tra một lần									
3	Dầu động cơ	Động cơ xăng		R	R	R	R	R	R	R	R	12
		Động cơ diesel			Thay sau mỗi 5,000 km							
4	Lọc dầu động cơ			R	R	R	R	R	R	R	R	12
5	Hệ thống làm mát và sưởi ấm <<Xem chú ý 1.>>						I				I	24
6	Nước làm mát động cơ (bao gồm nước làm mát của bộ làm mát trung gian) <<Xem chú ý 2.>>						I				I	–
7	Các ống mềm của bộ làm mát dầu động cơ và cút nối (Động cơ 1GR-FE) <<Xem chú ý 1.>>						I				I	24
8	Đường ống xả và tai treo ống xả				I		I		I		I	12
HỆ THỐNG ĐÁNH LỬA												
9	Bugi (động cơ xăng)	Động cơ 1GR-FE					R				R	48
		Động cơ 2TR-FE	Thay sau mỗi 100,000 km									–
10	Ắc quy			I	I	I	I	I	I	I	I	12
HỆ THỐNG NHIÊN LIỆU VÀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT KHÍ XẢ												
11	Bộ lọc nhiên liệu (động cơ xăng)										R	96

KỲ BẢO DƯỠNG:			SỐ ĐO CÔNG TƠ MÉT								SỐ THÁNG
(Số đo công tơ mét hoặc số tháng, tùy theo điều kiện nào đến trước)			x1000 km	10	20	30	40	50	60	70	80	
12	Bộ lắng đọng nước (động cơ diesel)			I	I	I	I	I	I	I	I	12
13	Bộ lọc gió (bao gồm bộ lọc gió sơ bộ, nếu có)	Động cơ xăng			I		R		I		R	I: 24 R: 48
		Động cơ diesel		Kiểm tra sau mỗi 5,000 km Thay thế sau mỗi 30,000 km								I: 6 R: 36
14	Khói diesel (động cơ diesel)						I				I	48
15	Nắp bình nhiên liệu, ống nhiên liệu, cút nối và van điều khiển bay hơi nhiên liệu (nếu có) <<Xem chú ý 1.>>						I				I	24
16	Bộ lọc than hoạt tính (động cơ xăng)						I				I	24
GẦM VÀ THÂN XE												
17	Bàn đạp phanh và phanh đỗ <<Xem chú ý 3.>>			I	I	I	I	I	I	I	I	6
18	Các guốc phanh và trống phanh (Bao gồm cả các guốc phanh đỗ và trống phanh) (nếu được trang bị)				I		I		I		I	12
19	Các má phanh và đĩa phanh			I	I	I	I	I	I	I	I	6
20	Dầu phanh			I	I	I	R	I	I	I	R	I: 6 R: 24
21	Dầu ly hợp			I	I	I	I	I	I	I	I	6
22	Các đường ống dẫn của hệ thống phanh				I		I		I		I	12

KỲ BẢO DƯỠNG:			SỐ ĐO CÔNG TƠ MÉT								SỐ THÁNG
(Số đo công tơ mét hoặc số tháng, tùy theo điều kiện nào đến trước)			x1000 km	10	20	30	40	50	60	70	80	
23	Bơm chân không cho bộ trợ lực phanh (động cơ diesel)	Trừ các dòng xe có mã thị trường X*	Kiểm tra sau mỗi 200,000 km									–
		Các dòng xe có mã thị trường X*	Thay sau mỗi 300,000 km									
24	Dầu trợ lực lái (nếu có)		I	I	I	I	I	I	I	I	6	
25	Vô lăng, thước lái và hộp cơ cấu lái			I		I		I		I	12	
26	Mỡ bôi trơn trục các đăng <<Xem chú ý 4 và 5.>>		L	L	L	L	L	L	L	L	6	
27	Bu lông của trục các đăng		T	T	T	T	T	T	T	T	6	
28	Các cao su chắn bụi bán trục (xe 4WD*)			I		I		I		I	24	
29	Các khớp cầu của hệ thống treo và các nắp chắn bụi		I	I	I	I	I	I	I	I	6	
30	Dầu hộp số tự động					I				I	24	
31	Đường ống dẫn và cút nối của bộ làm mát dầu hộp số tự động					I				I	24	
32	Dầu hộp số thường					I				I	48	
33	Dầu hộp số phụ (xe 4WD*)					I				I	48	
34	Dầu vi sai trước (xe 4WD*)			I		R		I		R	I: 12 R: 48	
35	Dầu vi sai sau			I		R		I		R	I: 12 R: 48	
36	Hệ thống treo trước và sau			I		I		I		I	12	
37	Lốp và áp suất lốp		I	I	I	I	I	I	I	I	6	
38	Các đèn, còi, cần gạt nước và phun nước rửa kính		I	I	I	I	I	I	I	I	6	

KỲ BẢO DƯỠNG:		SỐ ĐO CÔNG TƠ MÉT								SỐ THÁNG
(Số đo công tơ mét hoặc số tháng, tùy theo điều kiện nào đến trước)		x1000 km	10	20	30	40	50	60	70	80	
39	Bộ lọc điều hòa			R		R		R		R	–
40	Lượng ga điều hòa			I		I		I		I	12

*: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P.11)

CHÚ Ý:

1. Kiểm tra lần đầu tại 80,000 km hoặc 48 tháng, sau đó kiểm tra sau mỗi 20,000 km hoặc 12 tháng.

2. Thay thế lần đầu sau 160,000 km, sau đó thay thế sau mỗi 80,000 km.

3. Đối với những xe trang bị phanh đỗ (loại công tắc), việc kiểm tra phanh đỗ là không cần thiết.

4. Sau khi xe bị ngập nước, hãy tiến hành bôi trơn cho xe trong vòng 24 giờ.

5. Chỉ với các khớp nối được bôi trơn bằng mỡ.

Lịch bảo dưỡng bổ sung

Hãy tham khảo bảng dưới đây để biết các hạng mục phải được bảo dưỡng thường xuyên hơn khi xe hoạt động dưới các điều kiện đặc biệt. (Để biết thông tin khái quát về bảo dưỡng xe, hãy xem mục "Các yêu cầu bảo dưỡng" [→P.462].)

A-1: Hoạt động trên đường gồ ghề, lầy lội hoặc đường có nhiều tuyết tan hoặc đường bị ngập nước	
Kiểm tra*1 guốc phanh và trống phanh (bao gồm cả các guốc phanh và trống phanh đỗ) (nếu có)	Sau mỗi 10,000 km hoặc 6 tháng
Kiểm tra*1 má phanh và đĩa phanh	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
Mỡ bôi trơn càng cắt ly hợp	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
Kiểm tra*1 đường ống dẫn của hệ thống phanh	Sau mỗi 10,000 km hoặc 6 tháng

A-1: Hoạt động trên đường gồ ghề, lầy lội hoặc đường có nhiều tuyết tan hoặc đường bị ngập nước	
Thay dầu hộp số phụ (xe 4WD[*2])	Sau mỗi 40,000 km hoặc 48 tháng
Kiểm tra[*1] vô lăng, thước lái và hộp cơ cấu lái	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
Tình trạng của mỡ bôi trơn trục các đăng <<Xem chú ý 1 và 2.>>	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
Tình trạng xiết của các bu lông trục các đăng	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
Kiểm tra[*1] cao su chắn bụi bán trục (xe 4WD[*2])	Sau mỗi 10,000 km hoặc 12 tháng
Kiểm tra[*1] hệ thống treo trước và sau	Sau mỗi 10,000 km hoặc 6 tháng
Xiết chặt các bu lông và đai ốc ở gầm và thân xe <<Xem chú ý 3.>>	Sau mỗi 10,000 km hoặc 6 tháng

[*1]: Thực hiện hiệu chỉnh, vệ sinh hoặc thay thế khi cần

[*2]: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P.11)

A-2: Hoạt động trên đường nhiều bụi bẩn (Đường ở những khu vực trải nhựa đường ít hoặc nhiều bụi và không khí rất khô).	
Thay dầu động cơ (động cơ xăng)	Sau mỗi 5,000 km hoặc 6 tháng
Thay dầu động cơ (động cơ diesel)	Sau mỗi 2,500 km hoặc 3 tháng
Thay lọc dầu động cơ	Sau mỗi 5,000 km hoặc 6 tháng
Kiểm tra[*1] hoặc thay thế lọc gió (bao gồm kiểm tra lọc gió sơ cấp nếu có trang bị)	▶ Động cơ xăng I: Sau mỗi 10,000 km hoặc 12 tháng R: Sau mỗi 40,000 km hoặc 48 tháng ▶ Động cơ Diesel (trừ thị trường Nam Phi) I: Sau mỗi 2,500 km hoặc 3 tháng R: Sau mỗi 30,000 km hoặc 36 tháng ▶ Động cơ Diesel (cho thị trường Nam Phi) I: Sau mỗi 5,000 km hoặc 6 tháng R: Sau mỗi 30,000 km hoặc 36 tháng

A-2: Hoạt động trên đường nhiều bụi bẩn (Đường ở những khu vực trải nhựa đường ít hoặc nhiều bụi và không khí rất khô).	
Kiểm tra[*1] guốc phanh và trống phanh (bao gồm cả các guốc phanh và trống phanh đỗ) (nếu có)	Sau mỗi 10,000 km hoặc 6 tháng
Kiểm tra[*1] má phanh và đĩa phanh	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
Thay dầu hộp số phụ (xe 4WD[*2])	Sau mỗi 40,000 km hoặc 48 tháng
Tình trạng của mỡ bôi trơn trục các đăng <<Xem chú ý 1 và 2.>>	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
Tình trạng xiết của các bu lông trục các đăng	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
Thay bộ lọc điều hòa	Sau mỗi 15,000 km

[*1]: Thực hiện hiệu chỉnh, vệ sinh hoặc thay thế khi cần

[*2]: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P.11)

A-3. Hoạt động trên đường có rải muối	
Tình trạng của mỡ bôi trơn trục các đăng <<Xem chú ý 1 và 2.>>	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
Tình trạng xiết của các bu lông trục các đăng	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng

A-4: Chỉ cho động cơ diesel: Thường xuyên hoạt động ở địa hình cao trên 2,000 m so với mực nước biển.	
Thay dầu động cơ	Sau mỗi 2,500 km hoặc 3 tháng

B-1: Xe chất tải nặng. (Ví dụ: Kéo rơ moóc [xe có móc kéo], sử dụng làm xe cắm trại hoặc chở hàng trên nóc xe, vv...)	
Thay dầu động cơ (động cơ xăng)	Sau mỗi 5,000 km hoặc 6 tháng
Thay dầu động cơ (động cơ diesel)	Sau mỗi 2,500 km hoặc 3 tháng
Thay lọc dầu động cơ	Sau mỗi 5,000 km hoặc 6 tháng
Kiểm tra[*1] guốc phanh và trống phanh (bao gồm cả các guốc phanh và trống phanh đỗ) (nếu có)	Sau mỗi 10,000 km hoặc 6 tháng
Kiểm tra[*1] má phanh và đĩa phanh	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng

B-1: Xe chất tải nặng. (Ví dụ: Kéo rơ moóc [xe có móc kéo], sử dụng làm xe cắm trại hoặc chở hàng trên nóc xe, vv...)	
Tình trạng của mỡ bôi trơn trục các đăng <<Xem chú ý 1 và 2.>>	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
Tình trạng xiết của các bu lông trục các đăng	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
Thay dầu hộp số thường	Sau mỗi 40,000 km hoặc 48 tháng
Kiểm tra[*1] hoặc thay dầu hộp số tự động	I: Sau mỗi 40,000 km hoặc 24 tháng R: Sau mỗi 80,000 km hoặc 48 tháng
Thay dầu hộp số phụ (xe 4WD[*2])	Sau mỗi 40,000 km hoặc 48 tháng
Thay dầu vi sai trước (xe 4WD[*2])	Sau mỗi 20,000 km hoặc 24 tháng
Thay dầu vi sai sau	Sau mỗi 20,000 km hoặc 24 tháng
Kiểm tra[*1] hệ thống treo trước và sau	Sau mỗi 10,000 km hoặc 6 tháng
Xiết chặt các bu lông và đai ốc ở gầm và thân xe <<Xem chú ý 3.>>	Sau mỗi 10,000 km hoặc 6 tháng

[*1]: Thực hiện hiệu chỉnh, vệ sinh hoặc thay thế khi cần

[*2]: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P.11)

B-2. Liên tục di chuyển trên những quãng đường ngắn dưới 8 km và nhiệt độ bên ngoài xe dưới nhiệt độ đóng băng. (Nhiệt độ động cơ sẽ không đạt tới nhiệt độ làm việc bình thường.)	
Thay dầu động cơ (động cơ xăng)	Sau mỗi 5,000 km hoặc 6 tháng
Thay dầu động cơ (động cơ diesel)	Sau mỗi 2,500 km hoặc 3 tháng
Thay lọc dầu động cơ	Sau mỗi 5,000 km hoặc 6 tháng

B-3: Chạy không tải quá lâu và/hoặc chạy với tốc độ thấp trên quãng đường dài, như trường hợp xe cảnh sát, xe taxi, hay xe giao hàng.	
Thay dầu động cơ (động cơ xăng)	Sau mỗi 5,000 km hoặc 6 tháng
Thay dầu động cơ (động cơ diesel)	Sau mỗi 2,500 km hoặc 3 tháng
Thay lọc dầu động cơ	Sau mỗi 5,000 km hoặc 6 tháng
Kiểm tra[*] các guốc phanh và trống phanh (Bao gồm cả các guốc phanh và trống phanh đỗ) (nếu có)	Sau mỗi 10,000 km hoặc 6 tháng

B-3: Chạy không tải quá lâu và/hoặc chạy với tốc độ thấp trên quãng đường dài, như trường hợp xe cảnh sát, xe taxi, hay xe giao hàng.	
Kiểm tra* má phanh và đĩa phanh	Sau mỗi 5,000 km hoặc 3 tháng
Kiểm tra* hoặc thay dầu hộp số tự động	I: Sau mỗi 40,000 km hoặc 24 tháng R: Sau mỗi 80,000 km hoặc 48 tháng

*: Thực hiện hiệu chỉnh, vệ sinh hoặc thay thế khi cần

B-4: Liên tục lái xe với tốc độ cao (80% hoặc lớn hơn của tốc độ tối đa của xe) trong hơn 2 giờ.	
Thay dầu hộp số thường	Sau mỗi 40,000 km hoặc 48 tháng
Kiểm tra*1 hoặc thay dầu hộp số tự động	I: Sau mỗi 40,000 km hoặc 24 tháng R: Sau mỗi 80,000 km hoặc 48 tháng
Thay dầu hộp số phụ (xe 4WD*2)	Sau mỗi 40,000 km hoặc 48 tháng
Thay dầu vi sai trước (xe 4WD*2)	Sau mỗi 20,000 km hoặc 24 tháng
Thay dầu vi sai sau	Sau mỗi 20,000 km hoặc 24 tháng

*1: Thực hiện hiệu chỉnh, vệ sinh hoặc thay thế khi cần

*2: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P.11)

CHÚ Ý:

1. Sau khi xe bị ngập nước, hãy tiến hành bôi trơn cho xe trong vòng 24 giờ.

2. Chỉ bôi trơn bằng mỡ.

3. Đối với các bu lông bắt ghế, bu lông bắt hệ thống treo và bu lông chữ U giữ nhíp.

Các lưu ý khi tự bảo dưỡng

Nếu bạn tự bảo dưỡng, hãy tuân theo các quy trình chuẩn được mô tả trong các phần sau.

Bảo dưỡng

Các hạng mục	Các dụng cụ và phụ tùng
Tình trạng ắc quy (→P.484)	• Nước ấm • Baking soda • Mỡ bôi trơn • Cờ lê thường (để tháo lắp bu lông kẹp cực ắc quy) • Nước cất
Mức nước làm mát động cơ/nước làm mát của bộ làm mát trung gian (nếu có) (→P.482)	• "Nước làm mát siêu bền của Toyota" hoặc loại tương đương gốc etylen glycol không chứa silic, amin, nitrit và borat với công nghệ axit hữu cơ tích hợp tuổi thọ cao Nước làm mát siêu bền của Toyota là hỗn hợp gồm 50% nước làm mát và 50% nước không ion hóa. • Phễu rót (chỉ sử dụng khi cần bổ sung thêm nước làm mát)
Mức dầu động cơ (→P.479)	• "Dầu động cơ chính hiệu Toyota" hoặc loại tương đương • Giẻ lau hoặc giấy lau • Phễu rót (chỉ sử dụng khi cần bổ sung thêm dầu động cơ)
Cầu chì (→P.515)	• Các cầu chì có cùng cường độ dòng với các cầu chì nguyên bản
Bóng đèn (→P.518)	• Bóng đèn có cùng ký hiệu và công suất với bóng đèn nguyên bản • Tô vít 4 cạnh • Tô vít đầu dẹt • Cờ lê
Két nước động cơ, dàn nóng điều hòa và bộ làm mát trung gian (nếu có) (→P.484)	—

Các hạng mục	Các dụng cụ và phụ tùng
Áp suất lốp (→P.508)	• Đồng hồ đo áp suất lốp • Nguồn cấp khí nén
Nước rửa kính (→P.488)	• Nước hoặc nước rửa kính có chứa chất chống đóng băng (để sử dụng trong mùa đông) • Phễu rót (chỉ sử dụng khi cần bổ sung thêm nước hoặc nước rửa kính)

CẢNH BÁO

Trong khoang động cơ có rất nhiều chi tiết cơ khí và dung dịch, chúng có thể đang rất nóng hoặc có thể chuyển động bất ngờ hay có khả năng dẫn điện. Hãy tuân theo những lưu ý sau để đề phòng nguy cơ bị tai nạn dẫn tới tử vong hoặc bị thương nghiêm trọng.

n **Khi làm việc trong khoang động cơ**

l Hãy giữ tay, quần áo và các dụng cụ cách xa quạt làm mát và các đai dẫn động của động cơ.

l Lưu ý không được chạm vào động cơ, két nước, đường ống xả… ngay sau khi lái xe do chúng có thể sẽ rất nóng. Dầu và các dung dịch khác cũng có thể nóng.

l Không để các vật liệu dễ cháy, như vải hoặc giấy trong khoang động cơ.

l Không hút thuốc hoặc gây ra tia lửa điện hoặc để nguồn lửa gần nhiên liệu hoặc ắc quy. Hơi ắc quy hoặc nhiên liệu rất dễ cháy.

l Hãy hết sức thận trọng khi làm việc cùng với ắc quy. Bởi axit trong ắc quy rất độc và có khả năng ăn mòn mạnh.

l Dầu phanh có thể ăn mòn da tay hoặc mắt bạn và làm hư hỏng bề mặt sơn xe. Nếu dầu phanh bắn vào da hoặc mắt bạn, hãy rửa sạch vùng bị dính dầu bằng nước sạch ngay lập tức. Nếu bạn vẫn cảm thấy khó chịu, hãy tới bác sỹ để khám.

n **Khi làm việc gần quạt làm mát hoặc lưới che két nước**

Chắc chắn rằng công tắc động cơ đã tắt. Khi công tắc động cơ ở ON, các quạt làm mát có thể tự động quay nếu hệ thống điều hòa đang bật và/hoặc nhiệt độ nước làm mát cao. (→P.484)

n **Khi làm việc trên hoặc dưới gầm xe**

Không đứng dưới gầm xe nếu như xe chỉ được đỡ bởi kích. Hãy sử dụng mễ kê hoặc vật cứng khác để đỡ xe.

n **Kính bảo hộ lao động**

Sử dụng kính bảo hộ để bảo vệ mắt bạn khỏi bị các mạt kim loại, các dung dịch... văng hoặc rớt vào.

CHÚ Ý

n **Khi tháo bộ lọc gió**

Nếu lái xe khi đã tháo bộ lọc gió có thể sẽ làm cho động cơ bị mài mòn nghiêm trọng do những chất bẩn có trong không khí.

n **Nếu mức dung dịch quá thấp hoặc quá cao**

Nếu mức dầu phanh giảm nhẹ do má phanh bị mòn hoặc nếu mức dầu phanh trong bộ tích năng cao là bình thường.
Nếu thường xuyên phải bổ sung thêm dung dịch thì có thể là hệ thống đó đang bị lỗi nghiêm trọng.

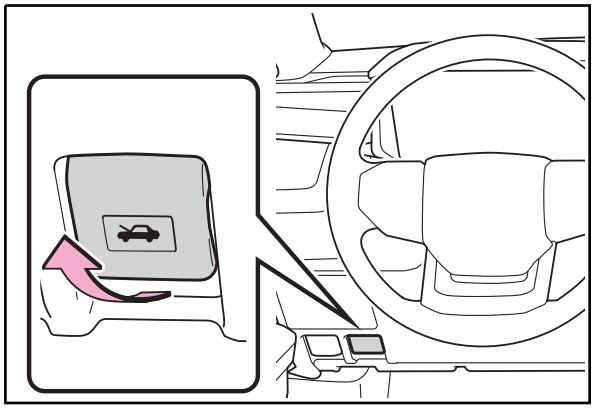
Nắp capô

Nhả khóa ở trong xe để mở nắp capô.

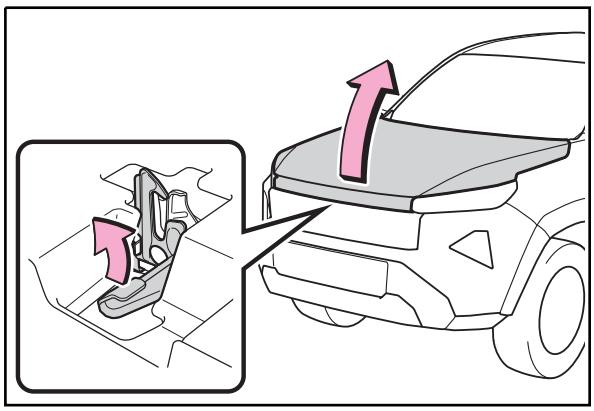
Mở nắp capô

1 Kéo lẫy nhả khóa nắp capô.

Nắp capô sẽ bật lên một chút.



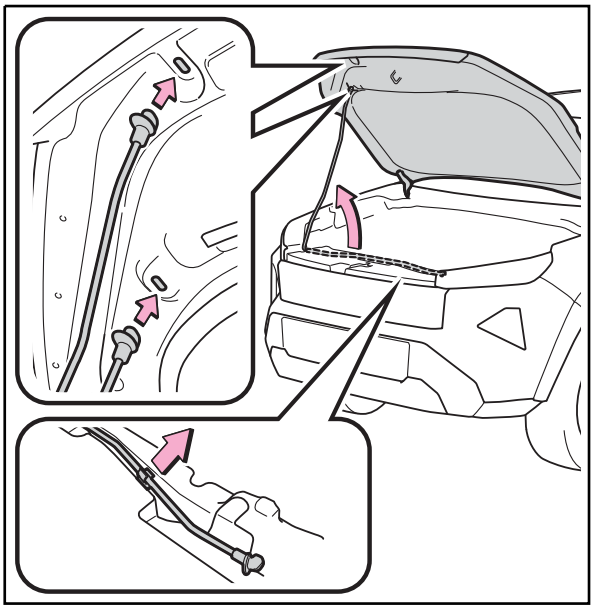
2 Đẩy lẫy khóa phụ của nắp capô lên và nâng nắp capô lên.



3 Giữ nắp capô ở vị trí mở bằng cách chống thanh chống vào rãnh trên nắp capô.

Sử dụng các rãnh phía trên để mở nắp ca pô hoặc sử dụng các rãnh phía dưới khi nắp capô cần được mở

rộng hơn.



CẢNH BÁO

n **Kiểm tra trước khi khởi hành**

Hãy kiểm tra để đảm bảo rằng nắp capô đã được đóng chặt và khóa chắc chắn.
Nếu nắp capô chưa được khóa chắc chắn, nó có thể sẽ bị mở ra trong khi xe chạy và gây ra tai nạn, dẫn đến tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

n **Để tránh chấn thương**

Cần cẩn thận khi sử dụng, thanh chống cần có thể nóng sau khi lái xe. Chạm vào thanh chống nóng có thể gây bỏng hoặc tổn thương nghiêm trọng khác.

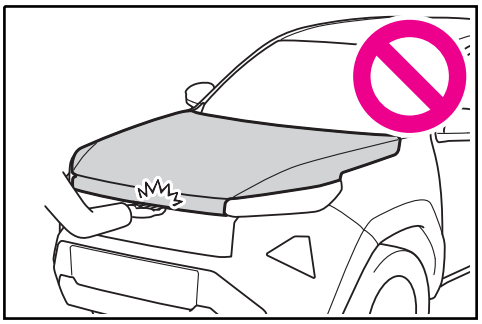
n **Sau khi gài thanh chống vào rãnh**

Đảm bảo rằng thanh chống đã giữ nắp capô chắc chắn, không để nắp capô rơi vào đầu hoặc người bạn.

CẢNH BÁO

n **Khi đóng nắp capô**

Khi đóng nắp capô, hãy hết sức chú ý để tránh cho các ngón tay của bạn khỏi bị kẹp.



CHÚ Ý

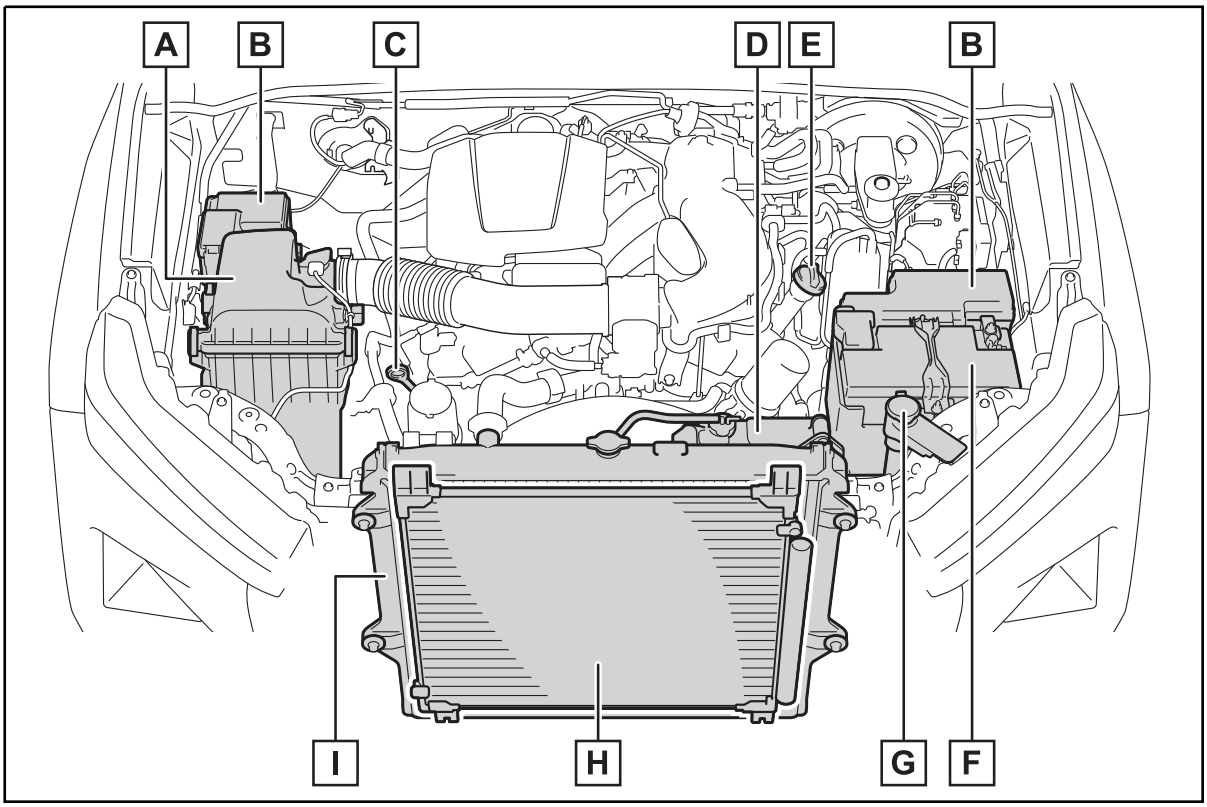
n **Khi đóng nắp capô**

Hãy đảm bảo rằng bạn đã cố định thanh chống vào kẹp trước khi đóng nắp capô. Đóng nắp capô trong khi vẫn dựng thanh chống sẽ làm cong nắp capô.

Khoang động cơ

Các chi tiết

▶ Động cơ 1GR-FE



A Bộ lọc gió (→P.488)

B Hộp cầu chì (→P.515)

C Que thăm dầu động cơ (→P.479)

D Bình chứa nước làm mát động cơ (→P.482)

E Nắp lỗ nạp dầu động cơ (→P.480)

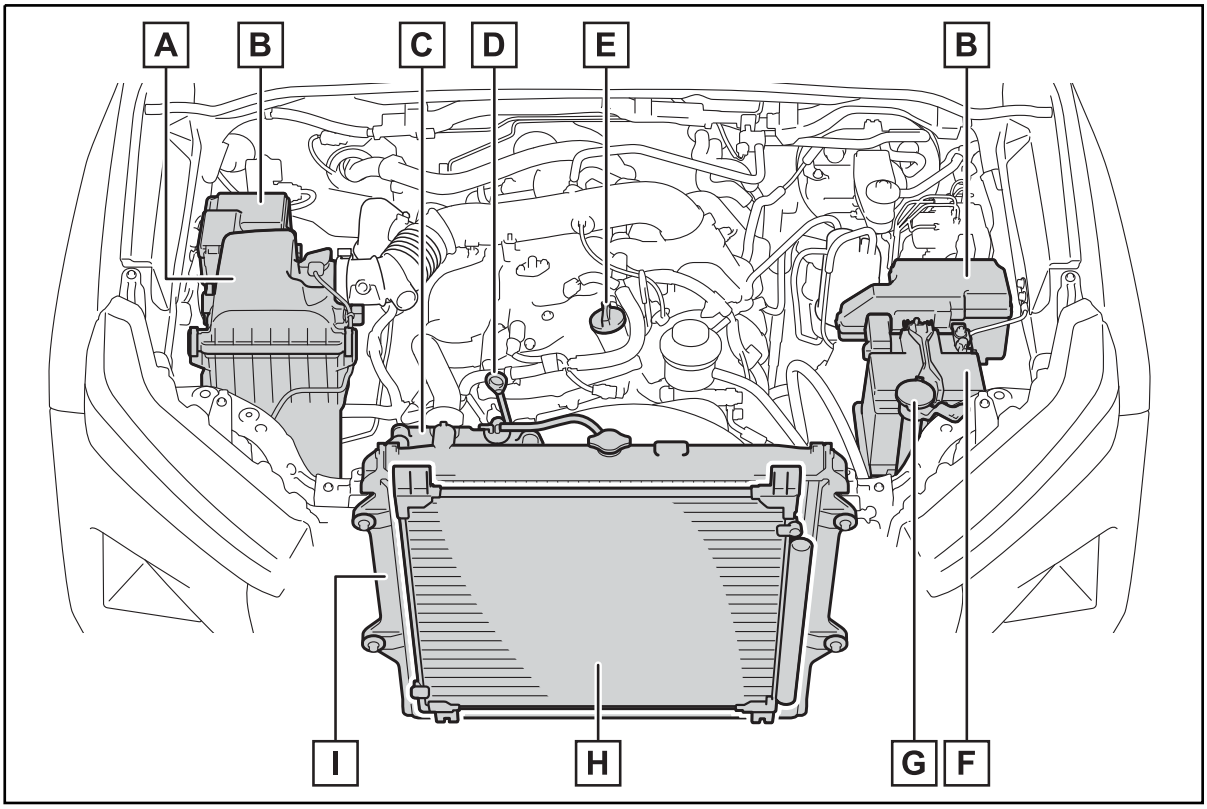
F Ắc quy (→P.484)

G Bình chứa nước rửa kính (→P.488)

H Giàn nóng điều hòa (→P.484)

I Két nước làm mát động cơ (→P.484)

▶ Động cơ 2TR-FE



A Bộ lọc gió (→P.488)

B Hộp cầu chì (→P.515)

C Bình chứa nước làm mát động cơ (→P.482)

D Que thăm dầu động cơ (→P.479)

E Nắp lỗ nạp dầu động cơ (→P.480)

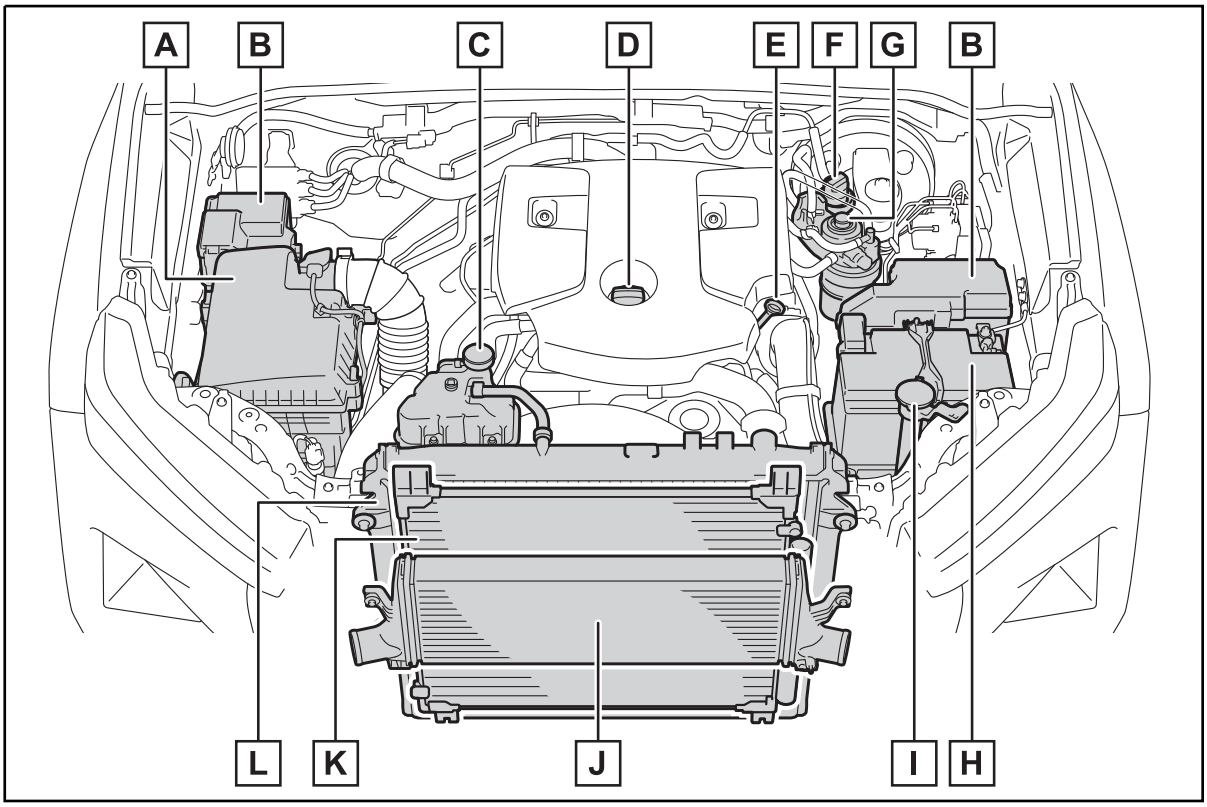
F Ắc quy (→P.484)

G Bình chứa nước rửa kính (→P.488)

H Giàn nóng điều hòa (→P.484)

I Két nước làm mát động cơ (→P.484)

▶ Động cơ 1GD-FTV (xe không có hệ thống làm mát khí nạp bằng nước)



A Bộ lọc gió (→P.488)

B Hộp cầu chì (→P.515)

C Bình chứa nước làm mát động cơ (→P.482)

D Nắp lỗ nạp dầu động cơ (→P.480)

E Que thăm dầu động cơ (→P.479)

F Nắp bình nhiên liệu AdBlue™ (nếu có) (→P.491)

G Bộ lọc nhiên liệu (→P.490)

H Ắc quy (→P.484)

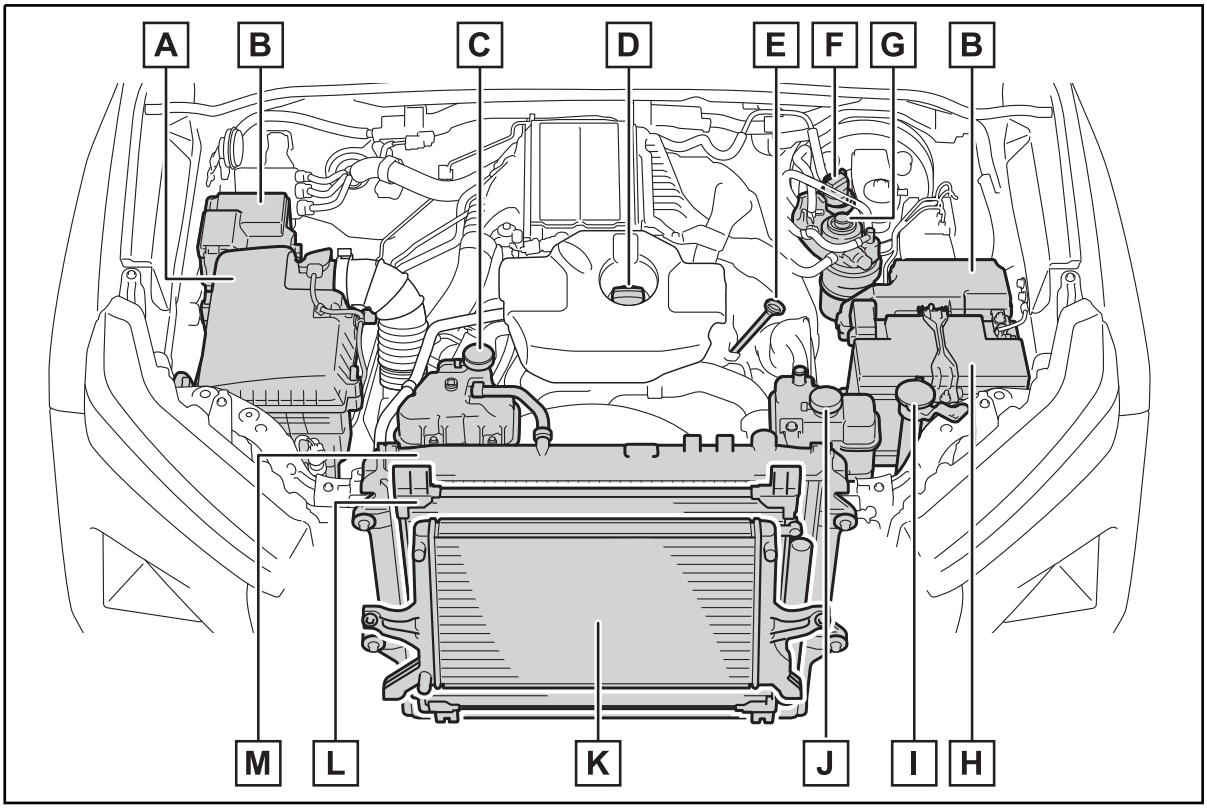
I Bình chứa nước rửa kính (→P.488)

J Bộ làm mát trung gian (→P.484)

K Giàn nóng điều hòa (→P.484)

L Két nước làm mát động cơ (→P.484)

▶ Động cơ 1GD-FTV (xe có hệ thống làm mát khí nạp bằng nước)



A Bộ lọc gió (→P.490)

B Hộp cầu chì (→P.515)

C Bình chứa nước làm mát động cơ (→P.482)

D Nắp lỗ nạp dầu động cơ (→P.480)

E Que thăm dầu động cơ (→P.479)

F Nắp bình đựng dung dịch AdBlue™ (→P.491)

G Bộ lọc nhiên liệu (→P.490)

H Ắc quy (→P.484)

I Bình chứa nước rửa kính (→P.488)

J Bình chứa nước làm mát của bộ làm mát trung gian (→P.482)

K Két nước làm mát trung gian (→P.484)

L Giàn nóng điều hòa (→P.484)

M Két nước làm mát động cơ (→P.484)

Kiểm tra dầu động cơ

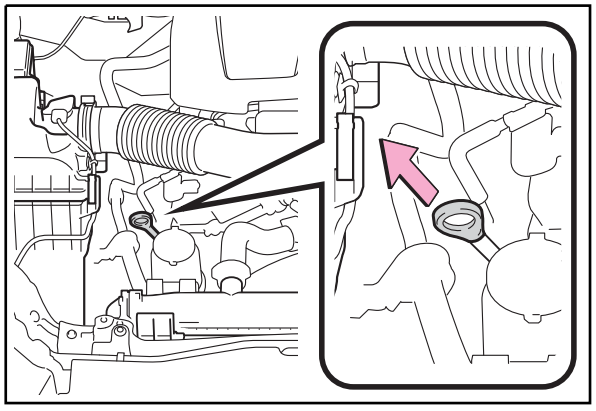
Hâm nóng động cơ tới nhiệt độ làm việc rồi tắt máy, sau đó hãy sử dụng que thăm dầu để xác định mức dầu trong động cơ.

1 Hãy đỗ xe trên mặt bằng. Sau khi hâm nóng và tắt động cơ, hãy đợi khoảng 5 phút để dầu hồi về đáy động cơ.

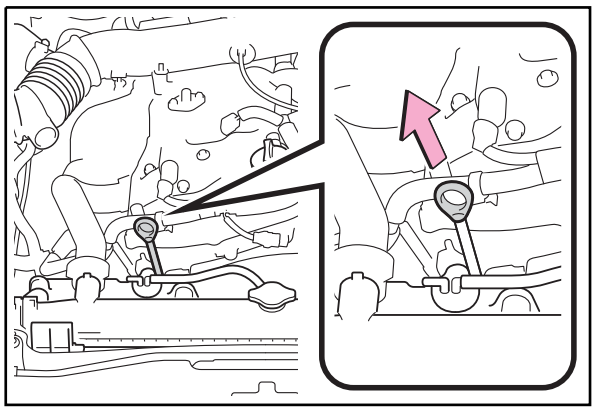
2 Lau sạch cát và bụi bám trên que thăm dầu.

3 Đỡ giẻ ở phía dưới que thăm dầu và rút que thăm dầu ra.

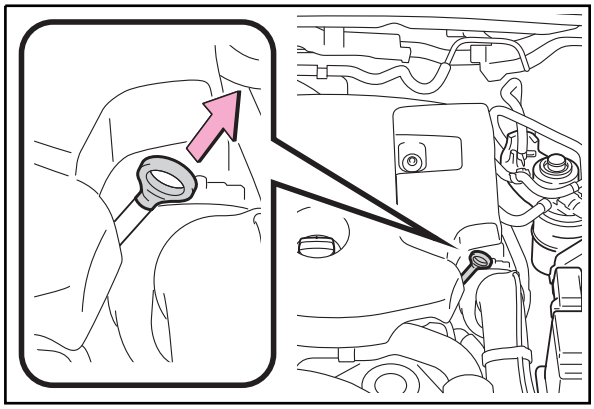
▶ Động cơ 1GR-FE



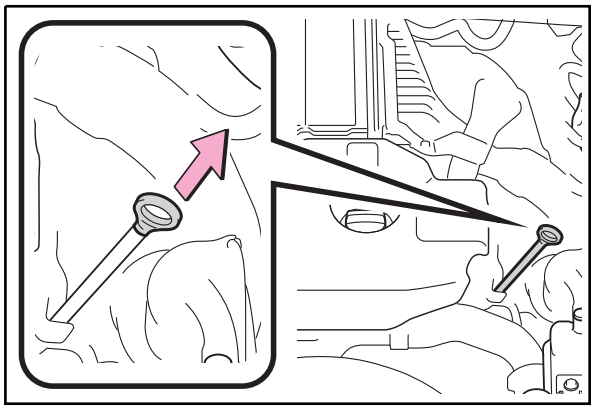
▶ Động cơ 2TR-FE



▶ Động cơ 1GD-FTV (xe không có hệ thống làm mát khí nạp bằng nước)



▶ Động cơ 1GD-FTV (xe có hệ thống làm mát khí nạp bằng nước)



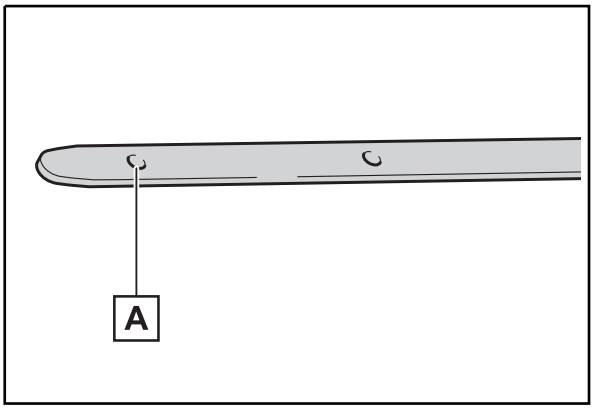
4 Lau sạch que thăm dầu.

Chắc chắn rằng đầu vào của ống dẫn hướng que thăm dầu và gioăng chữ O của que thăm dầu không bị dính cát hoặc bụi. Nếu gioăng chữ O bị hỏng, hãy thay nó bằng chiếc mới.

5 Cắm que thăm dầu xuống hết cỡ.

6 Hãy kê một miếng giẻ ở bên dưới, kéo que thăm dầu ra và kiểm tra xem mức dầu có nằm

cao hơn dấu mức dầu thấp hay không.



A Dấu mức dầu thấp

Hình dạng que thăm dầu động cơ có thể khác nhau tùy vào loại xe hoặc loại động cơ.

7 Lau sạch rồi cắm hết cỡ que thăm dầu trở lại.

CHÚ Ý

n **Để tránh làm hư hỏng nghiêm trọng động cơ**

Thường xuyên kiểm tra mức dầu động cơ theo đúng quy cách.

n **Mức tiêu hao dầu động cơ**

Dầu động cơ sẽ tiêu hao một lượng nhất định trong khi lái. Trong các trường hợp sau, mức tiêu hao dầu có thể tăng và cần phải bổ sung dầu động cơ giữa các kỳ bảo dưỡng dầu.

- Khi động cơ còn mới, chẳng hạn như sau khi mua xe hoặc sau khi thay động cơ
- Khi sử dụng dầu chất lượng thấp hoặc dầu có độ nhớt không phù hợp
- Khi lái xe với tốc độ động cơ cao hoặc trong điều kiện tải nặng, khi kéo rơ moóc (xe có móc kéo) hoặc lái xe trong khi tăng tốc hoặc giảm tốc thường xuyên
- Khi để động cơ chạy không tải trong một thời gian dài hoặc khi lái xe liên tục trong điều kiện đường đông

n **Mức dầu động cơ tăng lên**

Nếu thường xuyên lái xe trong điều kiện động cơ chưa được hâm nóng, hơi ẩm được gây ra do đọng sương bên trong động cơ hoặc nhiên liệu chưa cháy sẽ hòa trộn vào dầu động cơ, dẫn đến mức dầu động cơ tăng lên.
Ví dụ, động cơ sẽ khó được hâm nóng trong các tình huống sau.

- Khi lái xe trên những quãng đường ngắn
- Khi lái xe ở tốc độ thấp
- Khi nhiệt độ bên ngoài thấp

Khi kiểm tra dầu động cơ, chắc chắn rằng động cơ đã được hâm nóng. Nếu mức dầu động cơ cao hơn dấu mức dầu cao, hãy liên hệ với Đại lý Toyota của bạn.

Bổ sung dầu động cơ

n **Hãy kiểm tra lại loại dầu và chuẩn bị những hạng mục cần thiết**

Hãy kiểm tra lại loại dầu và chuẩn bị những hạng mục cần thiết trước khi bổ sung dầu động cơ.

- Chọn dầu động cơ

→P.591

- Lượng dầu (Dấu mức dầu thấp → Dấu mức dầu cao)

1.5 L

- Các hạng mục

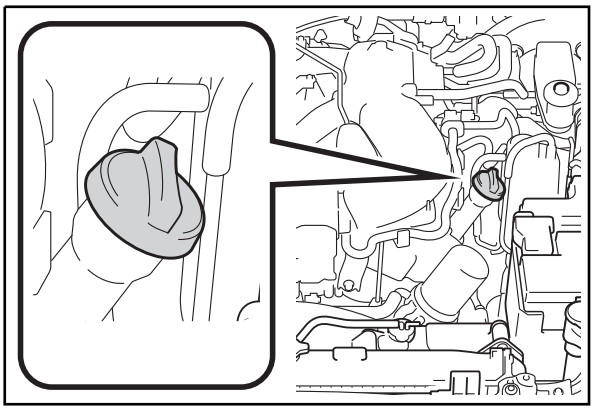
Phễu rót dầu sạch

n **Bổ sung dầu động cơ**

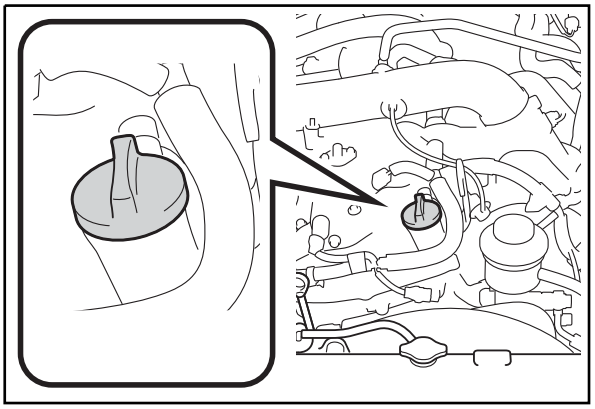
Nếu mức dầu động cơ thấp hơn hoặc gần chạm tới dấu mức dầu

thấp, hãy bổ sung thêm dầu động cơ cùng loại với dầu đang được sử dụng.

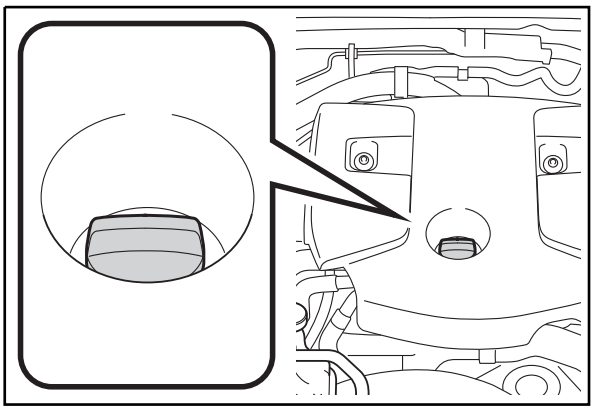
▶ Động cơ 1GR-FE



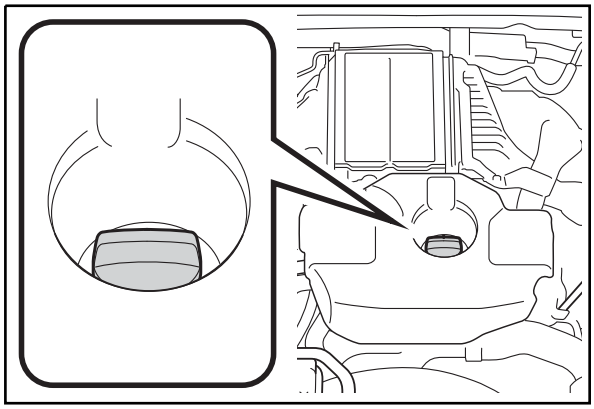
▶ Động cơ 2TR-FE



▶ Động cơ 1GD-FTV (xe không có hệ thống làm mát khí nạp bằng nước)



▶ Động cơ 1GD-FTV (xe có hệ thống làm mát khí nạp bằng nước)

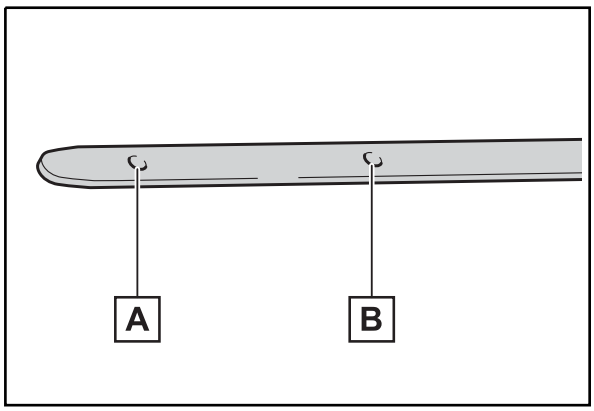


1 Loại bỏ hết bụi bẩn ra khỏi nắp lỗ nạp dầu động cơ.

2 Tháo nắp lỗ đổ dầu động cơ bằng cách xoay nắp ngược chiều kim đồng hồ.

3 Bổ sung dầu động cơ thật từ từ, kiểm tra que thăm dầu.

Đảm bảo rằng mức dầu không vượt quá dấu mức dầu cao và nằm giữa dấu mức dầu thấp và dấu mức dầu cao.



A Dấu mức dầu thấp

B Dấu mức dầu cao

Hình dạng que thăm dầu động cơ có thể khác nhau tùy vào loại xe hoặc loại động cơ.

4 Lắp nắp lỗ nạp dầu bằng cách vặn nắp theo chiều kim đồng hồ.

CẢNH BÁO

n **Dầu động cơ đã qua sử dụng**

l Dầu động cơ đã qua sử dụng có chứa rất nhiều chất ô nhiễm rất độc hại, có thể gây bệnh viêm da hoặc ung thư da. Vì vậy cần phải chú ý tránh tiếp xúc lâu và liên tục với dầu động cơ. Hãy chú ý bảo vệ da bạn bằng cách rửa tay thật kỹ với xà phòng và nước.

l Hãy tiêu hủy dầu động cơ và lọc dầu tại nơi an toàn và theo cách thức phù hợp. Không được đổ dầu động cơ đã qua sử dụng và lọc dầu xuống rãnh thoát nước, xuống cống hoặc đổ ra đất. Hãy liên hệ với đại lý Toyota, trạm dịch vụ hoặc kho phụ tùng để có thêm thông tin liên quan tới việc tái chế hoặc tiêu hủy dầu động cơ.

l Không để dầu động cơ đã qua sử dụng trong tầm với của trẻ nhỏ.

CHÚ Ý

n **Khi thay dầu động cơ**

l Hãy thận trọng không để dầu động cơ tràn ra các thiết bị của xe.

l Tránh đổ dầu quá đầy nếu không động cơ có thể sẽ bị hỏng.

l Kiểm tra mức dầu động cơ bằng que thăm dầu mỗi khi bổ sung dầu cho xe.

l Đảm bảo rằng nắp lỗ đổ dầu đã được vặn chặt đúng cách.

n **Sau khi thay dầu động cơ**

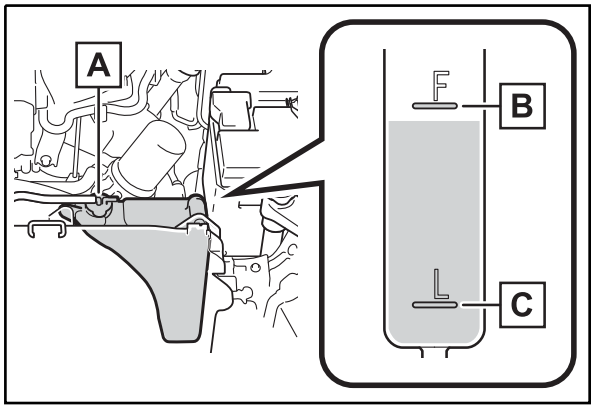
Đảm bảo đặt lại dữ liệu bảo dưỡng dầu động cơ. Nếu không đặt lại, thời điểm bảo dưỡng dầu tiếp theo sẽ không được hiển thị chính xác.

Kiểm tra mức nước làm mát

n **Bình chứa nước làm mát động cơ**

▶ Động cơ 1GR-FE

Mức nước làm mát động cơ phải nằm giữa vạch "F" và "L" trên bình chứa khi động cơ nguội.



A Nắp bình chứa nước làm mát

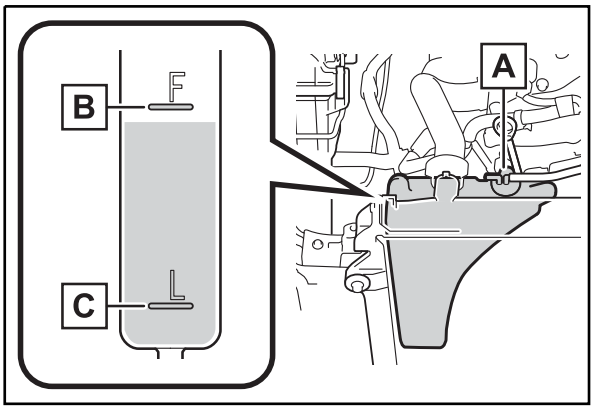
B Vạch "F"

C Vạch "L"

Nếu mức nước làm mát thấp hơn vạch "L", hãy bổ sung thêm nước làm mát tới vạch "F". (→P.579)

▶ Động cơ 2TR-FE

Mức nước làm mát động cơ phải nằm giữa vạch "F" và "L" trên bình chứa khi động cơ nguội.



A Nắp bình chứa nước làm mát

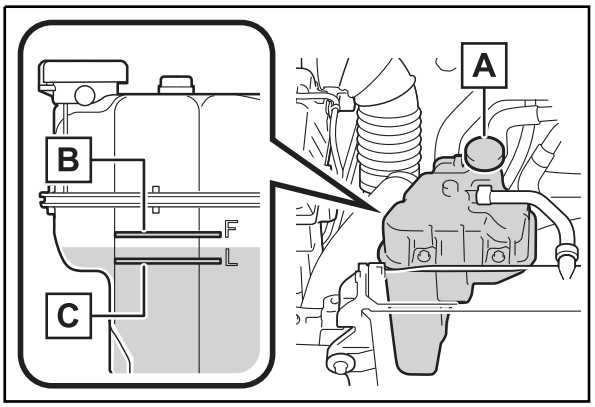
B Vạch "F"

C Vạch "L"

Nếu mức nước làm mát thấp hơn vạch "L", hãy bổ sung thêm nước làm mát tới vạch "F". (→P.579)

▶ Động cơ 1GD-FTV

Mức nước làm mát động cơ phải nằm giữa vạch "F" và "L" trên bình chứa khi động cơ nguội.



A Nắp bình chứa nước làm mát

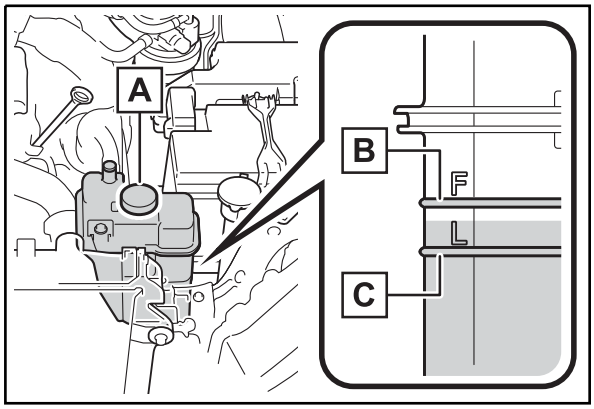
B Vạch "F"

C Vạch "L"

Nếu mức nước bằng hoặc dưới mức "L", hãy bổ sung thêm nước làm mát tới mức "F".
(→P.579)

n Bình chứa nước làm mát của bộ làm mát trung gian (nếu có)

Mức nước làm mát động cơ phải nằm giữa vạch "F" và "L" trên bình chứa khi động cơ nguội.



A Nắp bình chứa nước làm mát

B Vạch "F"

C Vạch "L"

Nếu mức nước làm mát thấp hơn vạch "L", hãy bổ sung thêm nước làm mát tới vạch "F". (→P.579)

n Lựa chọn nước làm mát

Chỉ sử dụng "Nước làm mát siêu bền của Toyota" hoặc loại tương đương gốc etylen glycol không chứa silic, amin, nitrit và borat với công nghệ axít hữu cơ tuổi thọ cao.
"Nước làm mát siêu bền của Toyota" là hỗn hợp gồm 50 % nước làm mát và 50 % nước không ion hóa. (Nhiệt độ tối thiểu: -35°C
Để biết thêm thông tin chi tiết về nước làm mát động cơ, hãy liên hệ với Đại lý Toyota.

n Nếu mức nước làm mát bị hao hụt trong một thời gian ngắn sau khi đã được nạp đầy

Hãy kiểm tra bằng cách quan sát két nước, các đường ống dẫn, nắp két nước động cơ, nắp che két nước làm mát hệ thống làm mát khí nạp (nếu

có), nút xả và bơm nước.

Nếu bạn không tìm thấy điểm rò rỉ nào, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra nắp két nước và kiểm tra tình trạng rò rỉ trong hệ thống làm mát.

CẢNH BÁO

n **Khi động cơ đang nóng**

Không được tháo nắp két nước (nếu có), nắp bình chứa nước làm mát hoặc nắp bình chứa bộ làm mát trung gian (nếu có).
Nước làm mát có thể đang ở áp suất cao, nếu mở nắp két nước, nước nóng có thể sẽ phun ra gây ra bỏng hoặc những tổn thương khác.

CHÚ Ý

n **Khi bổ sung nước làm mát**

Nước làm mát không chỉ đơn giản là nước hoặc chất chống đóng băng. Việc sử dụng hỗn hợp phù hợp giữa nước và chất chống đóng băng sẽ cung cấp khả năng bôi trơn, chống ăn mòn và làm mát hiệu quả. Hãy đọc kỹ nhãn hiệu của nước làm mát hoặc chất chống đóng băng.

n **Nếu bạn làm tràn nước làm mát**

Hãy rửa sạch bằng nước để tránh làm hỏng các thiết bị hoặc lớp sơn xe.

n **Lưu ý về chất lượng của nước làm mát**

Không dùng sai loại nước làm mát. Nếu không, hệ thống làm mát động cơ có thể bị hỏng.

Kiểm tra két nước, dàn nóng điều hòa và két nước làm mát cho bộ làm mát trung gian (nếu có)

Kiểm tra két nước, giàn nóng và bộ làm mát trung gian/két nước của bộ làm mát trung gian (nếu có) và làm sạch các vật lạ bám trên chúng. Nếu một trong các chi tiết trên quá bẩn hoặc nếu bạn không rõ lắm về tình trạng của chúng, hãy yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

CẢNH BÁO

n **Khi động cơ đang nóng**

Không chạm vào két nước, giàn nóng điều hòa và bộ làm mát trung gian/két nước làm mát trung gian (nếu được trang bị) vì chúng có thể đang nóng và có thể gây ra chấn thương nghiêm trọng, như bỏng.

Kiểm tra ắc quy

Hãy kiểm tra ắc quy như sau.

n **Các ký hiệu cảnh báo**

Ý nghĩa của các ký hiệu cảnh báo trên nắp ắc quy như sau:

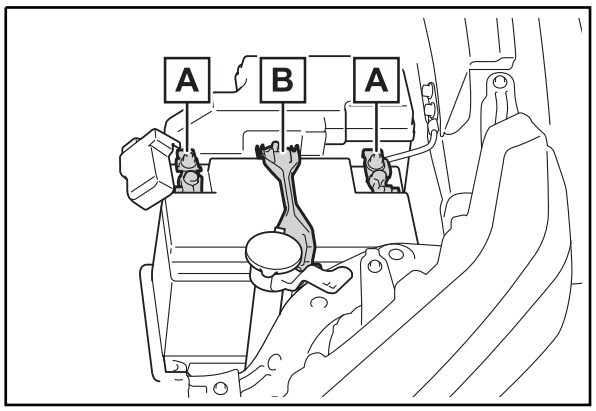
	Không hút thuốc, không gây tia lửa điện, không bật lửa
	Đeo kính bảo hộ
	Không để trẻ nhỏ tới gần

	Axít ắc quy
	Hướng dẫn khi thao tác
	Khí gây nổ
	Không bị hỏng điện cực
	Không bị ngắn mạch

Thiết kế và số lượng các biểu tượng lưu ý có thể khác nhau tùy vào từng kiểu ắc quy. Kiểm tra ắc quy trên xe.

n **Bên ngoài của ắc quy**

Hãy chắc chắn rằng các cực của ắc quy không bị ăn mòn và các chỗ nối không bị lỏng, nút hoặc lỏng kẹp.

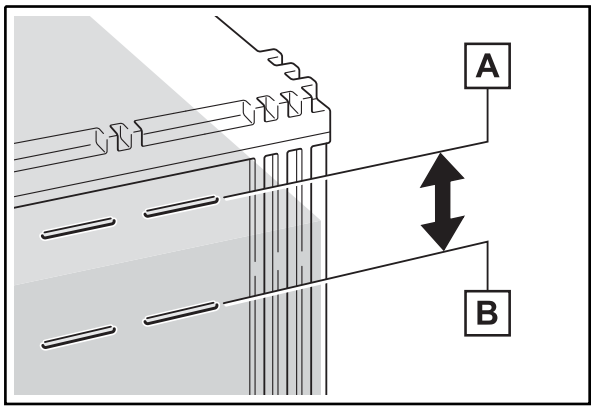


A Các điện cực

B Kẹp giữ

n **Kiểm tra dung dịch ắc quy (xe có ắc quy kiểu cần bảo dưỡng)**

Nếu có các vạch ở trên thành của ắc quy: Kiểm tra rằng mức dung dịch đang nằm giữa vạch cao và vạch thấp.



A Vạch cao

B Vạch thấp

Nếu mức dung dịch nằm dưới hoặc ngang bằng vạch thấp, hãy bổ sung thêm nước cất.

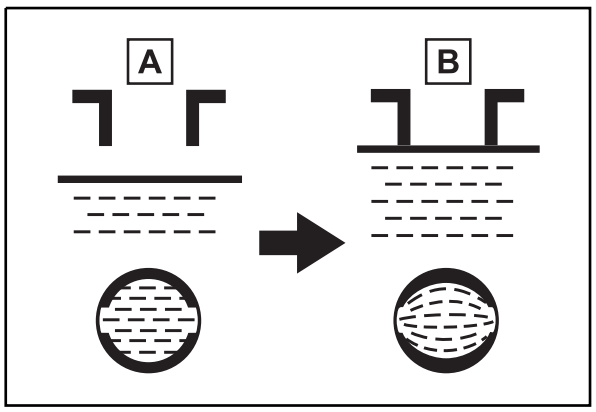
Nếu không có các vạch chỉ báo ở phía bên của ắc quy: Hãy kiểm tra mức dung dịch ắc quy như sau.

1 Tháo nút thông hơi.

2 Hãy kiểm tra mức dung dịch ắc quy bằng cách nhìn trực tiếp vào các ngăn.

Nếu mức dung dịch ắc quy thấp, hãy

bổ sung thêm nước cất.



A THẤP

B ĐỦ

n Bổ sung nước cất (xe có ắc quy kiểu cần bảo dưỡng)

1 Tháo nút thông hơi.

2 Bổ sung nước cất.

3 Đậy lại nút thông hơi, đóng nó một cách chắc chắn.

---

n Trước khi nạp lại ắc quy

Khi nạp, ắc quy sẽ sinh ra khí hyđrô rất dễ bắt cháy và nổ. Do vậy, hãy tuân theo các lưu lý sau trước khi nạp lại ắc quy:

- Nếu tiến hành nạp khi ắc quy vẫn lắp ở trên xe, hãy đảm bảo rằng bạn đã ngắt cáp âm ắc quy.
- Đảm bảo rằng công tắc nguồn của máy nạp ắc quy đã được tắt khi tháo hoặc nối cáp nạp vào ắc quy.

n Sau khi nạp/nối lại ắc quy (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

Động cơ có thể sẽ không khởi động được. Hãy tuân theo các quy trình sau để khởi tạo cho hệ thống.

▶ Xe có hộp số tự động

- Chức năng mở khóa các cửa bằng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh có thể sẽ không hoạt động được ngay sau khi nối lại ắc quy. Nếu điều này xảy ra, hãy sử dụng điều khiển từ xa hoặc chìa khóa cơ để khóa/mở khóa các cửa.
- Khởi động động cơ với công tắc động cơ ở chế độ ACC. Động cơ có thể sẽ không khởi động được với công tắc động cơ đang ở trạng thái tắt. Tuy nhiên, động cơ sẽ hoạt động bình thường từ lần khởi động thứ hai.
- Chế độ của công tắc động cơ sẽ được lưu lại. Nếu nối lại ắc quy, công tắc động cơ sẽ trở về trạng thái hoạt động của nó trước khi tháo ắc quy. Hãy tắt động cơ trước khi ngắt kết nối ắc quy. Hãy hết sức cẩn thận khi nối ắc quy nếu như không biết chế độ của công tắc động cơ trước khi ắc quy bị hết điện.

Nếu sau nhiều lần thử mà bạn vẫn không thể khởi động hệ thống được, hãy liên hệ với Đại lý Toyota.

▶ Xe có hộp số thường

1 Chuyển cần số tới vị trí P.

2 Mở và đóng một cửa bất kỳ.

3 Khởi động lại động cơ.

- Chức năng mở khóa các cửa bằng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh có thể sẽ không hoạt động được ngay sau khi nối lại ắc quy. Nếu điều này xảy ra, hãy sử dụng điều khiển từ xa hoặc chìa khóa cơ để khóa/mở khóa các cửa.
- Khởi động động cơ với công tắc động cơ ở chế độ ACC. Động cơ có thể sẽ không khởi động được với công tắc động cơ đang ở trạng thái tắt. Tuy nhiên, động cơ sẽ hoạt động bình thường từ lần khởi động thứ hai.
- Chế độ của công tắc động cơ sẽ được lưu lại. Nếu nối lại ắc quy, công tắc động cơ sẽ trở về trạng thái hoạt động của nó trước khi tháo ắc quy. Hãy tắt động cơ trước khi ngắt kết nối ắc quy. Hãy hết sức cẩn thận khi nối ắc quy nếu như không biết chế độ của công tắc động cơ trước khi ắc quy bị hết điện.

Nếu sau nhiều lần thử mà bạn vẫn không thể khởi động hệ thống được, hãy liên hệ với Đại lý Toyota.

n Nếu biểu tượng ắc quy xuất hiện trên màn hình đa thông tin

Hệ thống nạp điện của xe đang bị trục trặc. Hãy dừng xe ngay lập tức tại một địa điểm an toàn và liên lạc với đại lý Toyota để yêu cầu giúp đỡ. Sẽ rất nguy hiểm nếu vẫn tiếp tục lái xe.

CẢNH BÁO

n Các hóa chất có trong ắc quy

Ắc quy có chứa axit sunfuric độc và có khả năng ăn mòn rất mạnh và ắc quy có thể tạo ra khí hyđrô rất dễ cháy và nổ. Để giảm nguy cơ bị chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong, hãy tuân thủ theo các chú ý sau khi ở gần hoặc làm việc với ắc quy:

- Không để các dụng cụ chạm vào các điện cực ắc quy làm sinh ra tia lửa điện.
- Không được hút thuốc hoặc bật diêm gần ắc quy.
- Tránh để dung dịch axit bắn vào mắt, da hoặc quần áo.
- Không hít hay nuốt dung dịch điện phân.
- Luôn đeo kính bảo hộ lao động khi làm việc gần ắc quy.
- Không để trẻ em tới gần ắc quy.

n Địa điểm an toàn để nạp ắc quy

Hãy nạp ắc quy tại một địa điểm thông thoáng. Không nạp ắc quy trong nhà để xe hoặc phòng kín không đủ thông thoáng.

n Các biện pháp khẩn cấp liên quan tới dung dịch điện phân của ắc quy

- Nếu dung dịch điện phân bắn vào mắt bạn
  Hãy rửa mắt bằng nước sạch trong ít nhất 15 phút và đi kiểm tra y tế ngay lập tức. Nếu có thể, bạn hãy liên tục dấp nước vào mắt bằng một miếng gạc hoặc tấm vải khi đang trên đường đến cơ sở y tế gần nhất.
- Nếu dung dịch điện phân bắn vào da bạn
  Hãy rửa kỹ phần da bị dính axit. Nếu cảm thấy đau hoặc bỏng rát, hãy đi khám ngay.
- Nếu dung dịch điện phân bắn vào quần áo bạn
  Dung dịch điện phân có thể sẽ ngấm qua quần áo vào tới da bạn. Hãy cởi ngay quần áo ra và hãy làm theo các bước trên nếu cần thiết.
- Nếu bạn vô tình nuốt phải dung dịch điện phân
  Hãy uống thật nhiều nước hoặc sữa. Hãy đi bác sĩ khám ngay lập tức.

n Khi thiếu dung dịch ắc quy

Không sử dụng ắc quy đang bị thiếu dung dịch ắc quy. Nếu không, có thể bị nguy hiểm do ắc quy có thể bị nổ.

n Khi tháo ắc quy

Không tháo cực âm (-) ra khỏi xe. Nếu tháo cực âm (-) ra thì nó có thể chạm vào cực dương (+), có thể dẫn đến ngắn mạch và gây ra tổn hại nghiêm trọng tới sức khỏe hoặc tử vong.

CHÚ Ý

n **Khi nạp lại ắc quy**

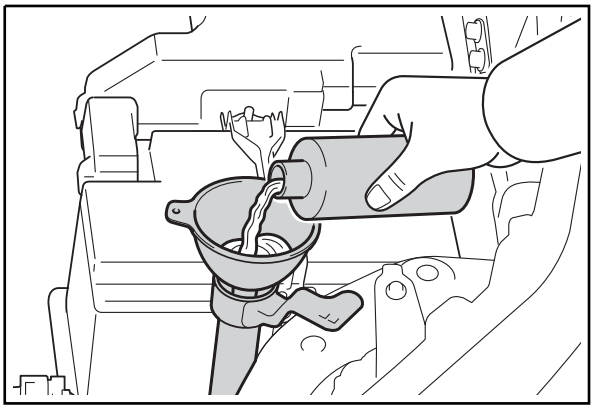
Không được nạp ắc quy khi động cơ đang làm việc. Đồng thời, phải đảm bảo tắt hết tất cả các trang bị phụ trên xe.

n **Khi bổ sung nước cất**

Tránh đổ quá đầy nước cất. Nước tràn ra trong quá trình nạp ắc quy có thể gây ăn mòn xe.

Bổ sung nước rửa kính

Nếu không có bộ phun nước rửa kính nào hoạt động, có thể bình chứa nước rửa kính đã bị cạn. Hãy bổ sung nước rửa kính.



CẢNH BÁO

n **Khi bổ sung thêm nước rửa kính**

Không bổ sung nước rửa kính khi động cơ đang nóng hoặc đang nổ máy, do nước rửa kính có chứa cồn và có thể bắt lửa nếu như nó bị tràn ra động cơ…

CHÚ Ý

n **Không sử dụng dung dịch nào khác ngoài nước rửa kính**

Không sử dụng nước xà phòng hoặc dung dịch chống đóng băng của nước làm mát động cơ để làm nước rửa kính.
Nếu không, có thể tạo vết trên bề mặt sơn xe, cũng như làm hỏng bơm dẫn đến việc phun nước rửa kính trục trặc.

n **Dung dịch nước rửa kính**

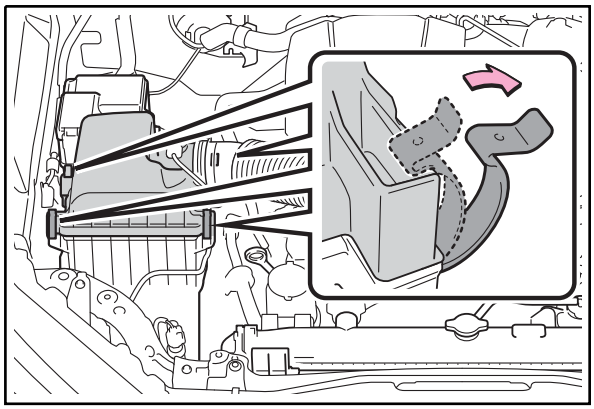
Hãy pha loãng nước rửa kính với một lượng nước cần thiết.
Hãy tham khảo nhiệt độ đóng băng được in trên chai đựng nước rửa kính.

Kiểm tra bộ lọc gió

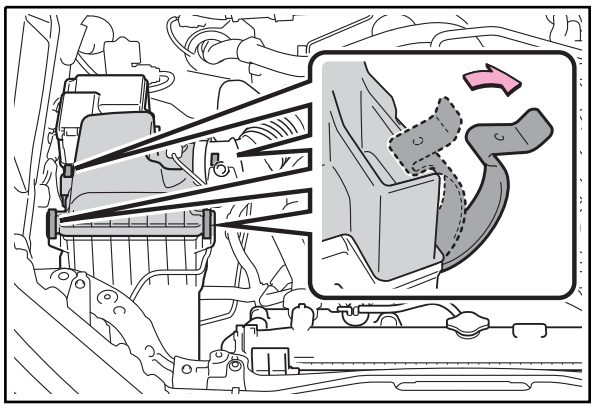
Hãy kiểm tra bộ lọc gió như sau:

1 Nhả các kẹp.

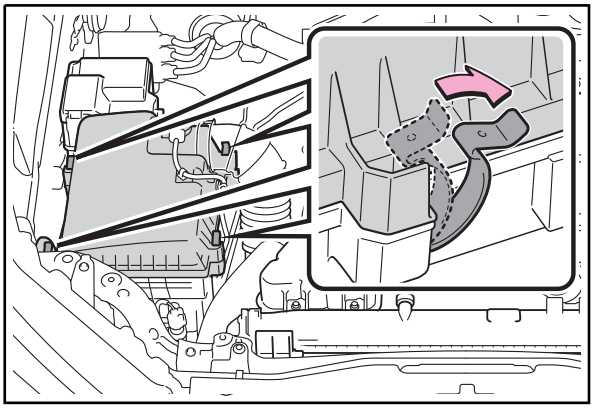
▶ Động cơ 1GR-FE



▶ Động cơ 2TR-FE



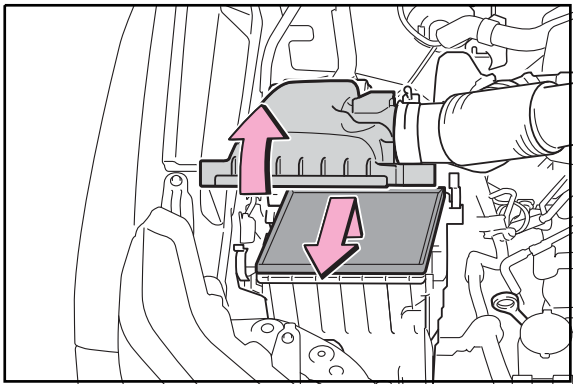
▶ Động cơ 1GD-FTV



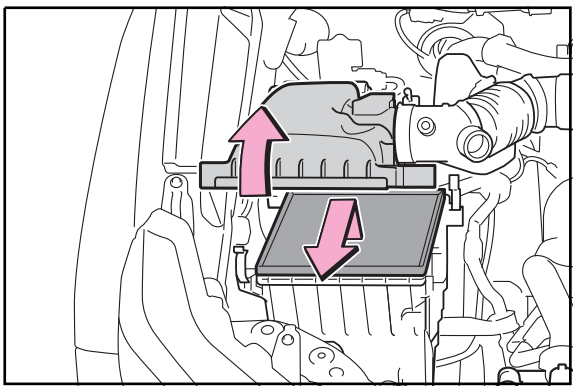
2 Nhấc nắp của bộ lọc gió lên và lấy bộ lọc ra.

Kiểm tra bề mặt ngoài của bộ lọc, và thay thế phin lọc nếu như nó quá bẩn.

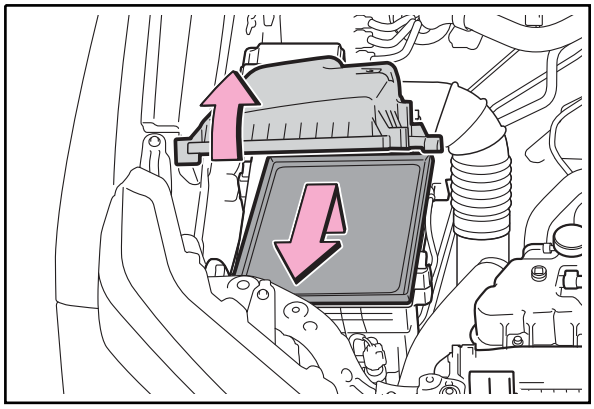
▶ Động cơ 1GR-FE



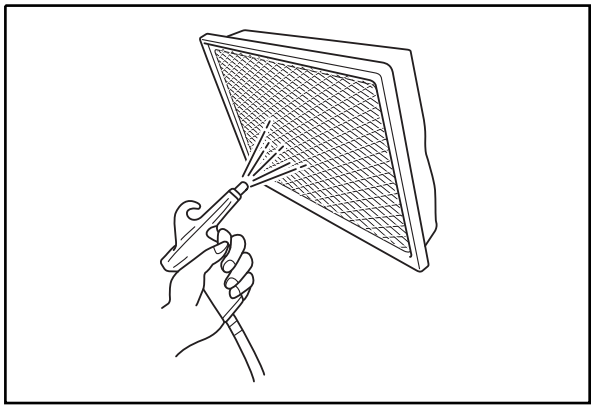
▶ Động cơ 2TR-FE



▶ Động cơ 1GD-FTV



3 Nếu lọc gió chỉ hơi bẩn một chút, hãy thổi sạch bụi bẩn ra khỏi lọc gió từ phía mặt trên của bộ lọc bằng khí nén.



⚠ CẢNH BÁO

n **Để tránh hít phải bụi**

Hãy đeo khẩu trang khi sử dụng khí nén để thổi bụi trên bộ lọc gió.

⚠ CHÚ Ý

n **Để tránh làm hỏng động cơ**

l Không được lái xe với bộ lọc gió đã bị tháo ra. Nếu không động cơ sẽ bị mài mòn nghiêm trọng.

n **Để tránh làm hỏng hệ thống điều hòa**

Không vệ sinh lọc gió bằng nước.

n **Khi đóng nắp capô**

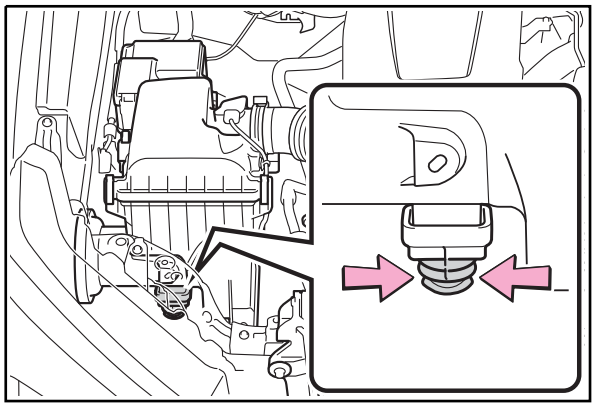
Hãy lắp lại nắp che lọc gió một cách chắc chắn trước khi đóng nắp ca pô. Nếu không nắp ca pô có thể sẽ vướng vào nắp của bộ lọc gió và làm hỏng nắp của bộ lọc gió.

Van xả bụi (nếu có)

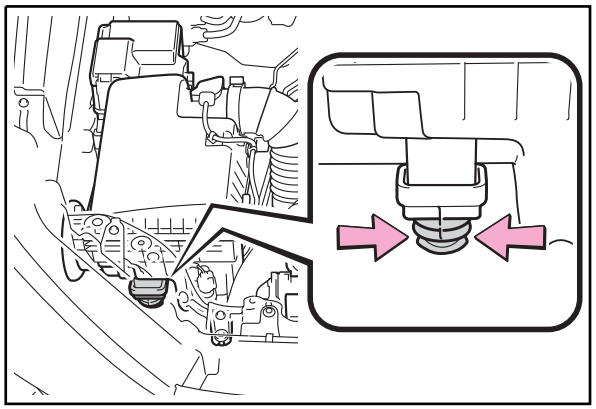
Hãy bóp đầu cao su để xả hết bụi bẩn ra khỏi van xả bụi nếu nó đã bị bẩn.

Tùy thuộc vào từng loại động cơ mà hình dạng của van này có thể sẽ không giống như trên hình minh họa.

▶ Động cơ 1GR-FE



▶ Động cơ 1GD-FTV



Xả nước bộ lọc nhiên liệu (chỉ với động cơ diesel)

Bạn có thể tự xả nước trong bộ lọc nhiên liệu. Tuy nhiên, vì việc này rất khó, chúng tôi khuyến nghị hãy yêu cầu đại lý Toyota xả nước trong bộ lọc nhiên liệu giúp bạn. Ngay cả khi bạn quyết định sẽ tự xả nước, hãy liên lạc với đại lý Toyota.

Cần phải xả nước trong bộ lọc nhiên liệu nếu xuất hiện một trong các triệu chứng sau đây:

▶ Xe không có màn hình đa thông tin

Khi đèn cảnh báo của hệ thống nhiên liệu nháy và chuông cảnh báo kêu. (→P.540)

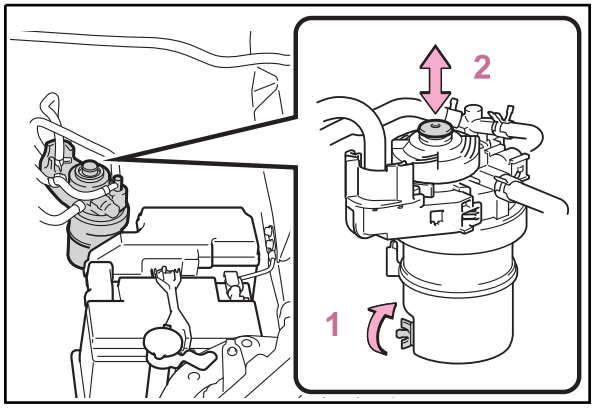
▶ Xe có màn hình đa thông tin

Khi thông báo “Tích tụ nước trong bộ lọc nhiên liệu Tham khảo Hướng dẫn sử dụng” xuất hiện trên màn hình đa thông tin và chuông kêu.

1 Tắt công tắc động cơ.

2 Hãy để một khay đựng nhỏ ở dưới nút xả hoặc ống xả nước để hứng nước xả ra.

3 Tiến hành xả nước như trong hình vẽ.



1 Vặn nút xả nước ngược chiều kim đồng hồ từ 2 đến 2.5

vòng.

Nếu nới lỏng nút xả quá mức sẽ làm cho nước bị trào ra xung quanh nút xả.

2 Tiến hành bơm mồi cho tới khi nhiên liệu bắt đầu chảy ra.

4 Sau khi xả, hãy dùng tay vặn lại nút xả nước.

AdBlue™ (nếu có)

AdBlue™ được sử dụng để làm giảm lượng khí NOx (nitơ ôxít) có trong khí xả. Hãy tuân thủ theo những chú ý sau liên quan tới dung dịch AdBlue™.

- Dung dịch AdBlue™ sẽ bị tiêu hao dần trong quá trình lái xe.
- Khi AdBlue™ bị hết, động cơ không thể khởi động lại được.
- Khi cần nạp dung dịch AdBlue™, hãy yêu cầu đại lý Toyota nạp giúp bạn.

Có thể phạm pháp khi sử dụng xe mà không sử dụng bất kỳ chất phụ gia theo yêu cầu để giảm nồng độ khí thải.

n Quãng đường xe có thể chạy được

Lượng dung dịch AdBlue™ tiêu thụ trong khi lái xe sẽ phụ thuộc vào điều kiện lái xe và môi trường lái xe. Khi mức tiêu thụ dung dịch AdBlue™ tăng lên, quãng đường xe có thể đi được cho đến khi cần phải bổ sung dung dịch AdBlue™ sẽ giảm xuống.

Quãng đường xe có thể chạy được		
Ngắn*1		Dài
[Lái xe với mức tải lớn] • Khi xe bạn đang ké rơ moóc (xe có móc kéo) • Khi đạp mạnh bàn đạp ga • Khi lái xe trên những con dốc dài • Khi hệ thống DPF đang hoạt động	[Lái xe thông thường]*2	[Lái xe với mức tải nhỏ] • Khi lái xe trên những quãng đường ngắn • Khi tắc đường

*1: Khi xe được sử dụng ở độ cao lớn và nhiệt độ thấp, mức tiêu thụ dung dịch AdBlue™ sẽ tăng lên.

*2: Trong điều kiện lái xe bình thường, xấp xỉ mỗi 600 km sử dụng hết 1.0 L dung dịch AdBlue™. Ngoài ra, sau khi đã đổ đầy, xe có thể chạy được quãng đường xấp xỉ 10,000 km trước khi dung dịch AdBlue™ bị cạn hết.

n Đồng hồ đo AdBlue™

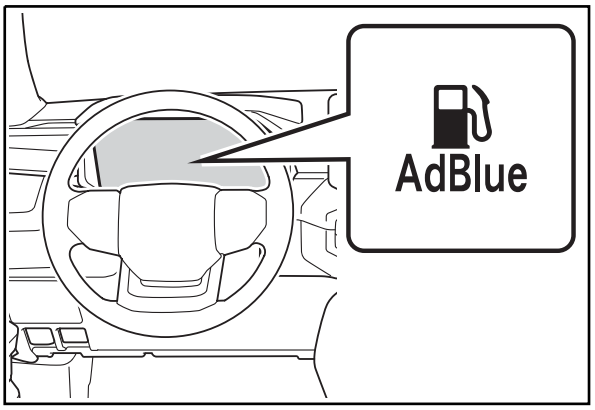
Lượng AdBlue™ còn lại trong bình được hiển thị trên màn hình đa thông tin. (→P.111, 122)

n Đèn cảnh báo AdBlue™ và thông điệp cảnh báo

Khi mức dung dịch AdBlue™ thấp, đèn cảnh báo mức dung dịch AdBlue™ thấp sẽ sáng lên và một cảnh báo sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin. (→P.492)

Khi phạm vi lái xe dựa trên số dung dịch AdBlue™ còn lại vào khoảng 2.400 km, đèn báo mức AdBlue ™ thấp sẽ bật sáng và một cảnh báo sẽ xuất hiện.

Khi bạn tự bổ sung dung dịch AdBlue™ trong trường hợp khẩn cấp, hãy đảm bảo tuân thủ theo quy trình bổ sung tiêu chuẩn. (→P.493)



n Thông điệp cảnh báo

Khi thông điệp cảnh báo được hiển thị trên màn hình đa thông tin, hãy tuân theo các hướng dẫn để xử lý.

Thông điệp cảnh báo	Chi tiết/Hành động
“Mức AdBlue thấp Đổ đầy AdBlue ở 2400km Xem Hướng dẫn sử dụng”*1	**Khi cần nạp AdBlue™** **→ Hãy nạp đầy dung dịch AdBlue™ tại Đại lý của Toyota.**
"Mức AdBlue thấp Không khởi động trong 800km Đổ đầy AdBlue Xem Hướng dẫn sử dụng" *1, 2	**Khi cần nạp AdBlue™** **Nếu vượt quá quãng đường hiển thị, thì động cơ không thể khởi động lại được.** **→ Xe nạp đầy dung dịch AdBlue™ tại Đại lý của Toyota ngay lập tức.**
“AdBlue cạn không thể khởi động lại động cơ Đổ đầy AdBlue Xem Hướng dẫn sử dụng"*2	**Khi cần nạp AdBlue™** **→ Nếu động cơ bị tắt, không thể khởi động lại được. Không tắt động cơ, hãy liên hệ với Đại lý Toyota của bạn ngay lập tức và yêu cầu nạp đầy dung dịch AdBlue™.**

*1: Chỉ số quãng đường có thể đi được chỉ có tính chất tham khảo. Chỉ số quãng đường có thể đi được có thể sẽ khác với thực tế tùy thuộc vào phương pháp nạp dung dịch, các điều kiện lái xe và môi trường lái xe. (→P.491)

*2: Chuông cảnh báo sẽ kêu tương ứng với thông điệp cảnh báo.

CHÚ Ý

n **Khi mức AdBlue™ thấp**

Khi AdBlue™ bị hết, động cơ không thể khởi động lại được.

Hãy chắc chắn nạp dung dịch AdBlue™ đầy đủ tại Đại lý Toyota của bạn trước khi nó hoàn toàn hết.

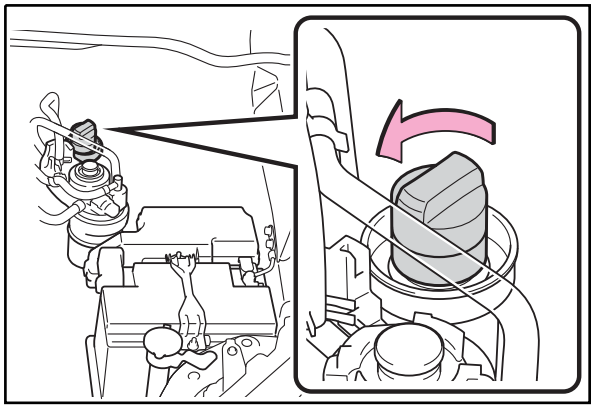
n Nạp AdBlue™ trong trường hợp khẩn cấp

Khi động cơ không thể khởi động được do hết dung dịch AdBlue™, hãy bổ sung khoảng từ 11.0 L trở lên dung dịch AdBlue™ sẽ có thể khởi động lại động cơ. Thực hiện các quy trình sau đây để nạp dung dịch AdBlue™. (Bình AdBlue™ có dung tích 17.0 L.)

▶ Nạp vào bằng thiết bị nạp

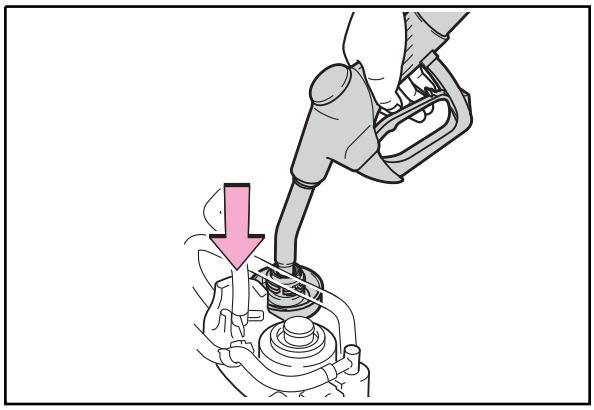
1 Đỗ xe trên bề mặt phẳng, tắt công tắc động cơ, và mở nắp capô. (→P.473)

2 Mở nắp bình AdBlue™.



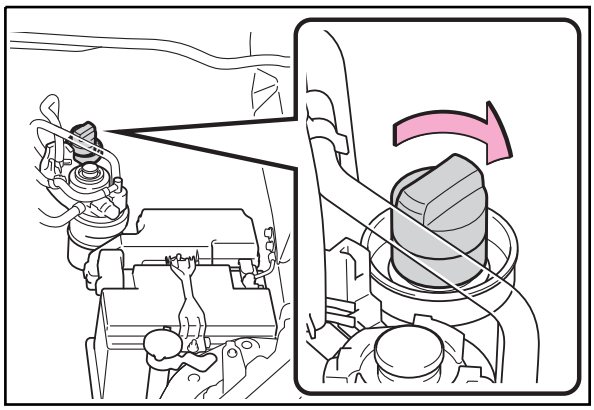
3 Cắm vòi và nạp AdBlue™.

Hãy nạp từ từ dung dịch AdBlue™ để không bị tràn ra ngoài.



4 Đóng nắp bình AdBlue™.

Xoay nắp cho đến khi nghe thấy tiếng tách.



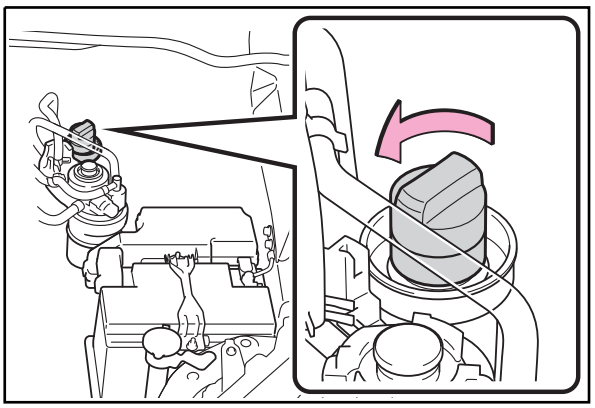
5 Kiểm tra rằng động cơ khởi động được.

Hãy nạp đầy dung dịch AdBlue™ tại Đại lý của Toyota.

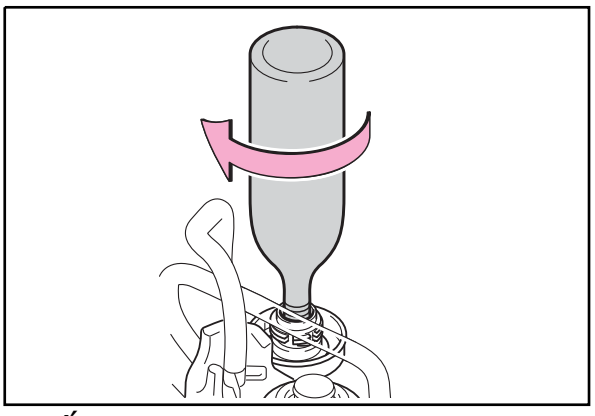
▶ Nạp dung dịch bằng chai

1 Đỗ xe trên bề mặt phẳng, tắt công tắc động cơ, và mở nắp capô. (→P.473)

2 Mở nắp bình AdBlue™.

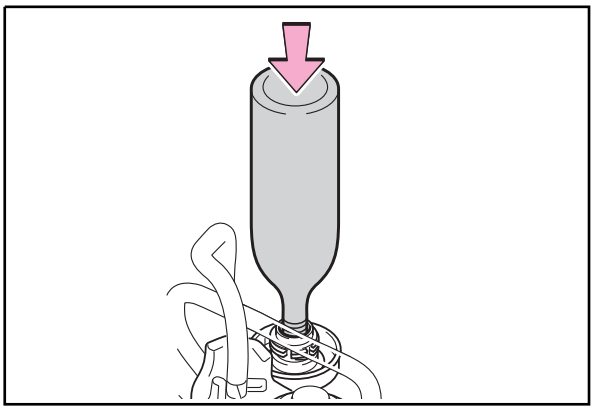


3 Cho chai AdBlue™ và xiết chặt chai hoàn toàn.



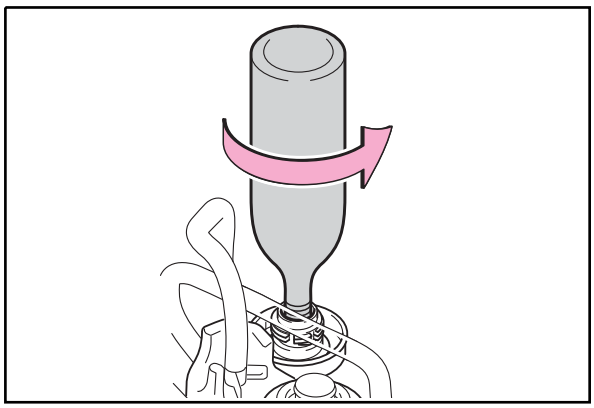
4 Ấn chai xuống

AdBlue™ sẽ bắt đầu được nạp vào. Nạp AdBlue™ một cách chậm rãi để đảm bảo nó không tràn ra ngoài. Không được tháo chai trước khi nó hết hoàn toàn.



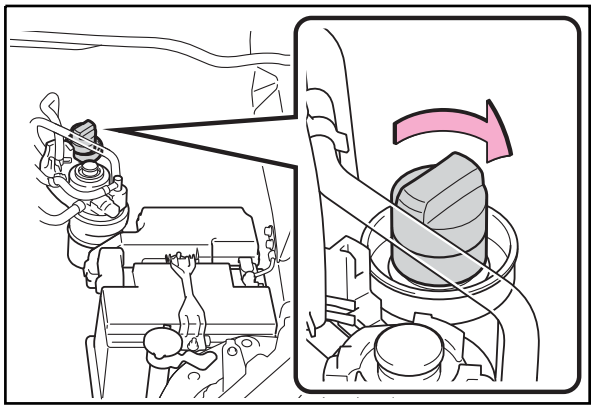
5 Xác nhận rằng không còn AdBlue™ trong chai, và tháo nó ra.

Lặp lại các bước từ 3 đến 5 cho đến khi đổ được AdBlue™ đạt xấp xỉ 11.0 L (11.6 qt., 9.7 Imp.qt.) trở lên.



6 Đóng nắp bình AdBlue™.

Xoay nắp cho đến khi nghe thấy tiếng tách.



7 Kiểm tra rằng động cơ khởi động được.

Cách nạp có thể hơi khác so với hình ảnh minh họa.

Hãy nạp đầy dung dịch AdBlue™ tại Đại lý của Toyota.

n **Nạp dung dịch AdBlue™**

l Sử dụng dung dịch AdBlue™ (đáp ứng tiêu chuẩn ISO 22241-1). AdBlue™ là nhãn hiệu của liên hiệp công nghiệp ôtô Đức (VDA).

l Trước chạy xe trong một thời gian dài mà ở khu vực đó không thể nạp

AdBlue™, hãy xin tư vấn Đại lý của Toyota.

n **Khi nạp AdBlue™**

Sau khi nạp AdBlue™, động cơ có thể cần thời gian khởi động hơn vài giây so với khi bình thường.

CHÚ Ý

n **Khi nạp AdBlue™**

Hãy tuân thủ theo các chú ý sau. Nếu không, nó có thể sẽ làm hỏng các phụ tùng xe, lớp sơn xe...

- Không được sử dụng dung dịch urê nào khác ngoài AdBlue™.
- Nếu chất AdBlue™ dính vào bất kỳ lớp sơn nào trên xe, ngay lập tức rửa sạch bằng nước và lau khô.

CHÚ Ý

- Nếu dung dịch AdBlue™ bị đổ ra khoang động cơ, ngay lập tức lau sạch nó bằng khăn ướt.

n **Khi nạp chất AdBlue™ với thiết bị nạp chuyên dụng**

Hãy tuân thủ theo các chú ý sau đây để tránh làm cho dung dịch AdBlue™ bị tràn ra khỏi bình đựng dung dịch AdBlue™:

- Hãy cắm hẳn vòi bơm vào trong lỗ nạp AdBlue™.
- Hãy ngừng nạp dung dịch sau khi vòi tự động ngắt.
- Không bơm đầy tới miệng bình AdBlue™.

n **Khi cất các bình chứa AdBlue™**

Hãy tuân thủ theo các chú ý sau. Nếu không, nó sẽ làm hỏng các phụ tùng, lớp sơn xe... và làm thay đổi thành phần hóa học của dung dịch AdBlue™, có thể gây ra các mùi khó chịu.

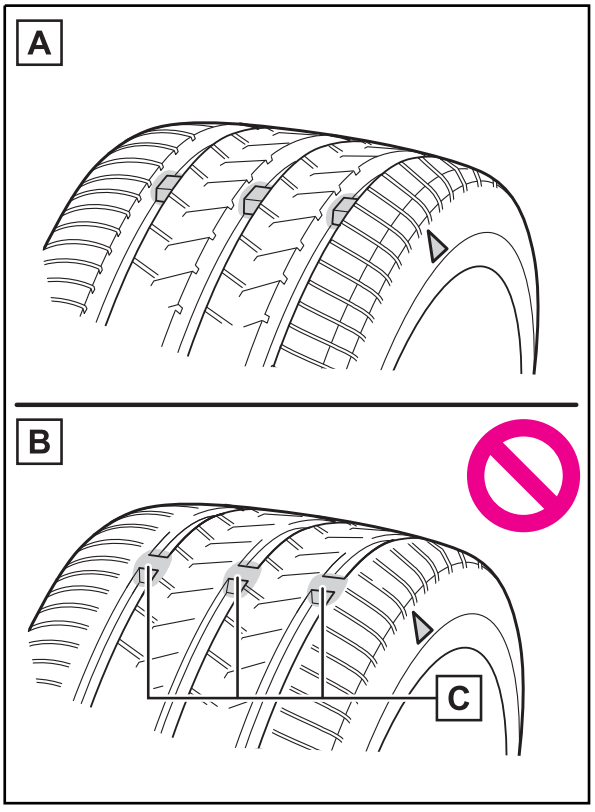
- Không được để chai AdBlue™ ở trong xe.
- Hãy bắt chặt nắp chai AdBlue™ và để nó ở vị trí mát, khô, thoáng khí, không có ánh sáng mặt trời chiếu trực tiếp.

Lốp xe

Hãy thay thế hoặc đảo lốp theo lịch bảo dưỡng và theo độ mòn của lốp xe.

Kiểm tra lốp xe

Hãy kiểm tra bề mặt của lốp xem có các vạch báo mòn lốp xe hay không. Hãy kiểm tra các lốp có mòn đều không, ví dụ lốp bị mòn nghiêm trọng ở một bên lốp.
Hãy kiểm tra tình trạng của lốp dự phòng và áp suất lốp nếu chưa đảo lốp.



A Hoa lốp mới

B Hoa lốp mòn

C Vạch báo mòn lốp xe

Vị trí của vạch báo mòn lốp xe được chỉ ra bởi ký hiệu "TWI" hoặc dấu " △ "... được đúc trên thành bên của lốp.
Hãy thay lốp nếu các chỉ báo mòn lốp xuất hiện trên lốp.

n Thời điểm thay lốp

Nên thay lốp khi:

- Vạch báo mòn lốp xe xuất hiện trên lốp.
- Lốp xe đã bị hư hỏng như bị rách, rạn, nứt sâu tới mức làm lộ lớp gân vải hoặc lớp bị phồng lên cho thấy đã có hư hỏng bên trong lốp.
- Lốp thường xuyên bị hết hơi hoặc không thể sửa chữa triệt để được do kích thước hay vị trí của vết cắt hoặc các hư hỏng khác.

Nếu bạn không chắc chắn lắm, hãy hỏi ý kiến đại lý Toyota.

n Tuổi thọ của lốp

Bạn nên yêu cầu kỹ thuật viên có tay nghề kiểm tra các lốp xe đã sản xuất trên 6 năm, kể cả khi chúng ít khi hoặc chưa được dùng tới, cũng như chưa thấy có hư hỏng gì cả.

n Nếu chiều cao hoa lốp của lốp đi tuyết chỉ còn 4mm trở xuống

Hiệu quả đi tuyết của lốp sẽ bị mất.

⚠ CẢNH BÁO

n Khi kiểm tra hoặc thay lốp

Hãy tuân theo các lưu ý sau để tránh xảy ra tai nạn.
Nếu không có thể gây hư hỏng cho các chi tiết của hệ thống truyền lực, cũng như các đặc tính sử dụng, dẫn đến nguy hiểm, có thể gây tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

- Không sử dụng lẫn các lốp có nhãn hiệu, chủng loại, kiểu và dạng hoa lốp khác nhau.
  Ngoài ra, không dùng lẫn các lốp có độ mòn khác nhau quá nhiều.

- Không được sử dụng các lốp có kích cỡ khác với yêu cầu của Toyota.
- Không sử dụng lẫn các lốp có kết cấu khác nhau (bố ngang, bố chéo hay bố dọc).
- Không được sử dụng lẫn giữa các lốp đi trong mùa hè, lốp đi tuyết hoặc lốp sử dụng cho tất cả các mùa.
- Không sử dụng lại các lốp đã được dùng trên xe khác.
  Không sử dụng lại các lốp mà bạn không biết nó đã từng được sử dụng như thế nào.

⚠ CHÚ Ý

n **Khi lái xe trên đường gồ ghề**

Hãy cẩn thận khi lái xe trên đường trơn trượt hoặc có nhiều ổ gà.
Khi lái xe trên những điều kiện như vậy sẽ làm mất áp suất của lốp, làm giảm khả năng tải của lốp. Ngoài ra lái xe trên các đường gồ ghề cũng có thể làm bản thân lốp bị hư hỏng, cũng như làm hỏng vành và thân xe.

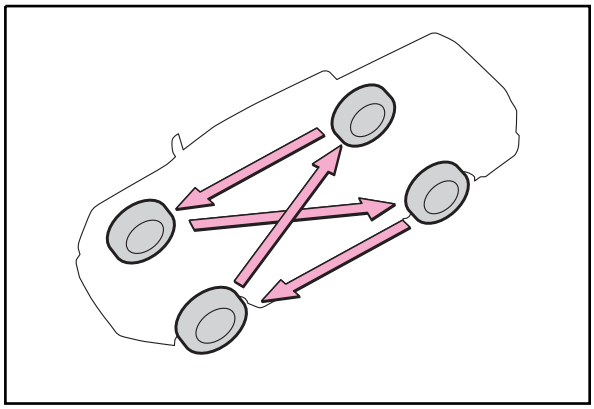
n **Nếu áp suất lốp thấp trong khi lái xe**

Không tiếp tục lái xe, nếu không lốp và/hoặc bánh xe có thể sẽ bị hỏng nặng.

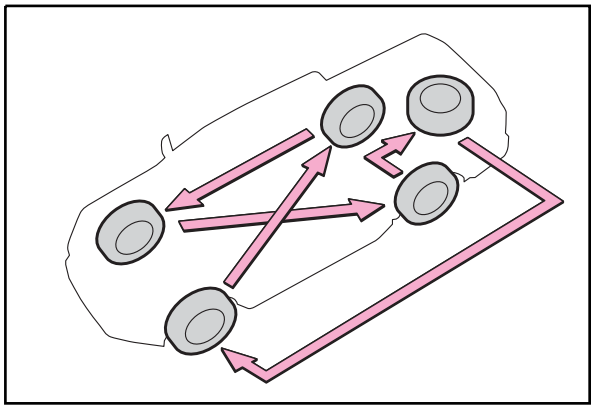
Đảo lốp

Hãy đảo lốp theo thứ tự như trên hình vẽ.

▶ Xe có lốp dự phòng khác loại với các lốp dùng trên xe



▶ Xe có lốp dự phòng cùng loại với các lốp dùng trên xe



Để các lốp được mòn đều và giúp kéo dài tuổi thọ của lốp, chúng tôi khuyên bạn nên đảo lốp sau mỗi 10,000 km.

Xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp: Phải khởi tạo cho hệ thống cảnh báo áp suất lốp sau khi đảo lốp.

n **Khi đảo lốp (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)**

Chắc chắn rằng công tắc động cơ tắt. Nếu quay bánh xe khi công tắc nguồn ở chế độ ON, thì thông tin vị trí lốp sẽ không được cập nhật.

Nếu vô tình xuất hiện việc này, hãy tắt công tắc động cơ sau đó bật lại chế độ ON hoặc khởi tạo lại hệ thống sau khi kiểm tra áp suất lốp đã được điều chỉnh chính xác.

Hệ thống cảnh báo áp suất lốp (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)

Xe của bạn được trang bị hệ thống cảnh báo áp suất lốp, hệ thống này sử dụng các van cảm biến để phát hiện tình trạng áp suất lốp thấp trước khi có vấn đề phát sinh.

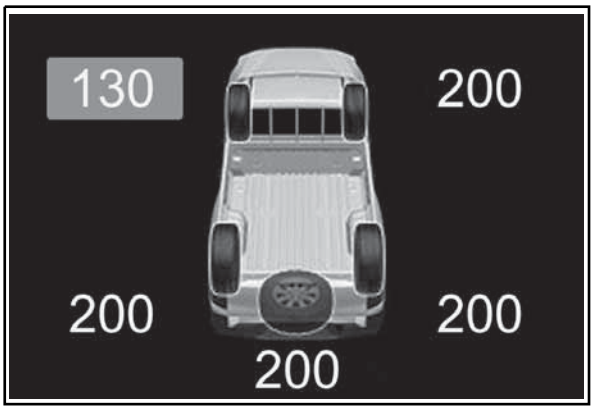
▶ Xe không có màn hình đa thông tin

Nếu áp suất lốp thấp hơn mức định trước, đèn cảnh báo sẽ cảnh báo người lái. (→P.545)

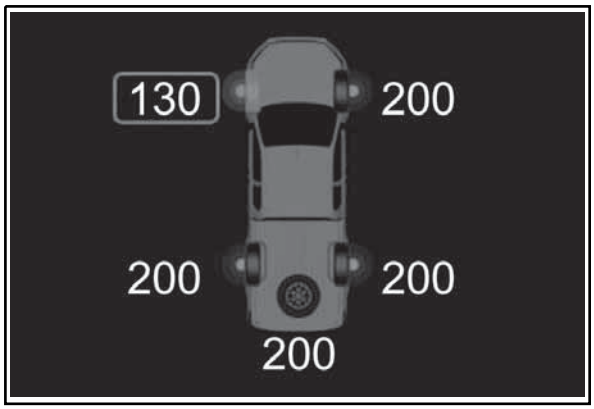
▶ Xe có màn hình đa thông tin

Hệ thống cảnh báo áp suất lốp của xe sử dụng hệ thống cảnh báo kiểu 2. (→P.545)

Màn hình đa thông tin 7-inch:



Màn hình đa thông tin 12.3-inch:



- Khi xuất hiện thông báo "Adjust Pressure" trên màn hình đa thông tin (Cảnh báo thông thường)

Cảnh báo bằng đèn cảnh báo áp suất lốp và chuông cảnh báo khi áp suất lốp thấp đến mức không nhìn rõ là do tình trạng rò khí tự nhiên của lốp cũng như tình trạng giảm áp do nhiệt độ môi trường thay đổi.

- Khi xuất hiện thông báo "Kiểm tra ngay lốp khi an toàn" trên màn hình đa thông tin (Cảnh báo khẩn cấp)

Cảnh báo bằng đèn cảnh báo áp suất lốp và chuông cảnh báo khi áp suất bị giảm đột ngột.
Tuy nhiên, hệ thống có thể không phát hiện được tình trạng lốp xe bị thủng đột ngột (nổ lốp...).

- Áp suất lốp được phát hiện bởi hệ thống cảnh báo áp suất lốp và được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

---

n **Kiểm tra áp suất lốp hàng ngày**

Hệ thống cảnh báo áp suất lốp sẽ không thay thế cho việc kiểm tra áp suất lốp hàng ngày. Hãy xem việc kiểm tra áp suất lốp như là một phần của công việc kiểm tra xe hàng ngày.

n **Áp suất bơm lốp (xe có màn hình hiển thị đa thông tin)**

l Có thể mất vài phút để hiển thị áp suất lốp sau khi bật công tắc động cơ đến ON. Và cũng có thể mất khoảng vài phút để hiển thị áp suất lốp sau khi điều chỉnh áp suất.

l Áp suất lốp thay đổi cùng với nhiệt độ. Giá trị hiển thị có thể khác với các giá trị được đo bằng đồng hồ áp suất lốp.

n **Hệ thống cảnh báo áp suất lốp có thể không hoạt động chính xác trong các trường hợp sau**

l Trong các trường hợp sau, hệ thống cảnh báo áp suất lốp có thể không hoạt động chính xác.

- Khi sử dụng vành xe không chính hiệu của Toyota.
- Khi lốp được thay không phải lốp OE (lốp được trang bị ban đầu của xe).
- Khi lốp được thay thế không có kích cỡ như tiêu chuẩn.
- Trang bị xích quấn lốp…
- Khi lắp lớp cách nhiệt lên kính có thể làm ảnh hưởng đến tín hiệu sóng radiô.
- Khi có nhiều tuyết hoặc băng đọng trên xe, đặc biệt là phần xung quanh bánh xe hoặc hốc bánh xe.
- Khi áp suất lốp quá cao so với tiêu chuẩn.
- Khi các lốp không được trang bị van cảm biến áp suất lốp.
- Khi mã ID trên van cảm biến áp suất lốp chưa được đăng ký trên ECU cảnh báo áp suất lốp.
- Khi bánh xe dự phòng được đặt ở vị trí làm việc nhận tín hiệu thu sóng radiô kém.
- Khi có vật thể bằng kim loại lớn được đặt gần bánh xe dự phòng sẽ làm nhiễu sóng.

l Một số tính năng có thể bị ảnh hưởng trong các trường hợp sau.

- Khi gần đài phát sóng vô tuyến, trạm điện, trạm xăng, trạm phát sóng radiô, màn hình lớn, sân bay hay những thiết bị có thể phát ra sóng radiô mạnh hoặc nhiễu điện
- Khi mang theo radiô di động, điện thoại di động, điện thoại không dây hoặc một thiết bị liên lạc không dây khác

l Xe có màn hình đa thông tin: Nếu thông tin vị trí lốp bị hiển thị sai do tình trạng sóng radiô, hiển thị có thể được chỉnh sửa bằng cách thay đổi vị trí của xe khi tình trạng sóng radiô có thể thay đổi.

l Khi đỗ xe, thời gian để bật hoặc tắt cảnh báo có thể sẽ bị kéo dài.

l Khi áp suất lốp xe giảm nhanh, chẳng hạn như khi lốp xe bị nổ, thì cảnh báo có thể sẽ không hoạt động.

Lắp các van cảm biến áp suất lốp (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)

Khi thay mới vành xe hoặc lốp xe, cần phải lắp van cảm biến.

▶ Xe không có màn hình đa thông tin

Khi lắp van cảm biến áp suất lốp mới, sẽ phải tiến hành đăng ký mã ID mới với ECU cảnh báo áp suất lốp và hệ thống cảnh báo áp suất lốp cần được khởi tạo. Hãy yêu cầu đại lý Toyota đăng ký mã ID của van cảm biến áp suất lốp giúp bạn. (→P.501)

▶ Xe có màn hình đa thông tin

Khi lắp các van cảm biến áp suất lốp mới, thì phải đăng ký mã ID mới với máy tính của hệ thống cảnh báo áp suất lốp. (→P.505)

n **Thay vành và lốp xe**

Nếu không đăng ký mã ID của van cảm biến áp suất lốp mới, thì hệ

thống cảnh báo áp suất lốp sẽ không hoạt động một cách chính xác. Trong trường hợp này, sau khi lái xe khoảng 10 phút, đèn cảnh báo áp suất lốp sẽ nhấp nháy trong 1 phút và sáng liên tục để cho biết hệ thống đã bị trục trặc.

CHÚ Ý

n **Sửa chữa hoặc thay các lốp, vành xe, van cảm biến áp suất lốp, nắp van lốp**

l Khi tháo hoặc lắp các bánh xe, lốp xe, các van cảm biến áp suất lốp, hãy liên hệ với đại lý Toyota bởi van cảm biến áp suất lốp có thể bị hỏng nếu không thao tác đúng cách.

l Hãy đảm bảo đã lắp các nắp van lốp. Nếu không lắp các nắp van, nước có thể lọt vào van cảm biến áp suất lốp và van cảm biến áp suất lốp có thể bị kẹt và gây rò khí.

l Khi thay nắp van mới, không sử dụng nắp van nào khác ngoài nắp van tiêu chuẩn. Nếu không, nắp van có thể bị kẹt.

n **Để tránh làm hỏng van cảm biến**

Khi sửa lốp xe bằng keo làm kín, van cảm biến áp suất lốp có thể sẽ không hoạt động chính xác. Nếu sử dụng keo, hãy liên hệ với đại lý Toyota hoặc trạm dịch vụ ủy quyền sớm nhất có thể. Sau khi sử dụng keo, hãy thay mới van cảm biến áp suất lốp khi thay thế hoặc sửa chữa lốp. (→P.499)

Khởi tạo cho hệ thống cảnh báo áp suất lốp (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)*

*: Xe không có màn hình đa thông tin

n **Hệ thống cảnh báo áp suất lốp sẽ cần được khởi tạo trong các trường hợp sau:**

- Khi áp suất lốp thay đổi, như khi thay tốc độ hành trình hoặc tải trọng.
- Khi cần thay đổi áp suất lốp như khi thay đổi kích cỡ lốp.
- Khi thay đổi cỡ lốp.

Khi khởi tạo cho hệ thống cảnh báo áp suất lốp, áp suất lốp hiện tại sẽ được đặt làm mức áp suất tiêu chuẩn.

n **Cách khởi tạo cho hệ thống cảnh báo áp suất lốp**

1 Hãy dừng xe tại một vị trí an toàn và tắt công tắc động cơ.

Sẽ không thể thực hiện được quy trình khởi tạo khi xe đang chạy.

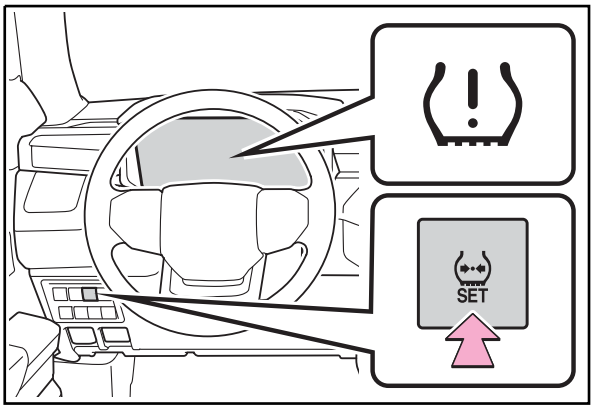
2 Điều chỉnh áp suất lốp về mức áp suất lốp tiêu chuẩn khi nguội. (→P.603)

Hãy đảm bảo việc điều chỉnh áp suất lốp đến mức áp suất lốp tiêu chuẩn khi lốp nguội. Hệ thống cảnh báo áp suất lốp sẽ hoạt động dựa trên mức áp suất này.

3 Bật công tắc động cơ tới vị trí ON.

4 Hãy ấn và giữ vào công tắc đặt lại cảnh báo áp suất lốp

cho đến khi đèn cảnh báo áp suất lốp nháy chậm 3 lần.



5 Hãy đợi khoảng vài phút với công tắc động cơ ở ON, sau đó tắt công tắc động cơ.

n Khởi tạo cho hệ thống cảnh báo áp suất lốp

Khởi tạo cho hệ thống với áp suất lốp được điều chỉnh đến mức tiêu chuẩn.

n Nếu vô tình ấn vào nút đặt lại cảnh báo áp suất lốp

Nếu quá trình khởi tạo được thực hiện, hãy điều chỉnh áp suất lốp đến ngưỡng tiêu chuẩn và khởi tạo hệ thống cảnh báo áp suất lốp.

n Quy trình khởi tạo

- Hãy tiến hành khởi tạo sau khi điều chỉnh áp suất lốp.
  Hãy đảm bảo lốp xe đã nguội trước khi tiến hành khởi tạo hoặc điều chỉnh áp suất lốp.
- Nếu bạn vô tình tắt công tắc động cơ trong khi tiến hành khởi tạo, bạn không cần ấn công tắc đặt lại do quá trình thiết lập sẽ tự động được khởi động lại khi bật công tắc động cơ trong lần tiếp theo.
- Nếu bạn vô tình ấn vào công tắc đặt lại khi khởi tạo là không cần thiết, hãy điều chỉnh áp suất lốp đến mức tiêu chuẩn khi lốp đã nguội và tiến hành khởi tạo một lần nữa.

n Khi việc khởi tạo hệ thống cảnh báo áp suất lốp không thành công

Quá trình khởi tạo có thể hoàn thành trong ít phút. Tuy nhiên, trong các trường hợp sau, các cài đặt có thể không được ghi lại và hệ thống sẽ không hoạt động chính xác. Nếu bạn đã cố lưu lại các cài đặt hệ thống áp suất lốp nhiều lần nhưng chưa thành công, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

- Khi điều chỉnh công tắc đặt lại cảnh báo áp suất lốp, đèn cảnh báo áp suất lốp sẽ không nháy 3 lần.
- Sau khi lái xe một lúc từ khi hoàn thành quy trình khởi tạo, đèn cảnh báo áp suất lốp sẽ sáng liên tục sau khi nháy khoảng 1 phút.

n Tính năng cảnh báo của hệ thống cảnh báo áp suất lốp

Cảnh báo của hệ thống cảnh báo áp suất lốp sẽ thay đổi theo như các điều kiện khi tiến hành khởi tạo. Hệ thống có thể sẽ cảnh báo ngay cả khi áp suất lốp vẫn chưa xuống thấp, hoặc khi áp suất lốp cao hơn mức áp suất lốp khi tiến hành khởi tạo cho hệ thống.

⚠ CẢNH BÁO

n Khi khởi tạo hệ thống cảnh báo áp suất lốp

Không ấn công tắc đặt lại cảnh báo áp suất lốp mà không điều chỉnh áp suất lốp đến ngưỡng tiêu chuẩn. Nếu không, đèn cảnh báo áp suất lốp có thể không sáng ngay cả khi áp suất lốp thấp, hoặc đèn sáng lên khi áp suất lốp đang bình thường.

Đăng ký các mã ID (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)*

*: Xe không có màn hình đa thông tin

Van cảm biến áp suất lốp được cung cấp một mã ID riêng. Khi thay van cảm biến áp suất lốp, bạn cần đăng ký mã ID. Hãy yêu cầu đại lý Toyota đăng ký mã ID giúp bạn.

Đăng ký vị trí của mỗi bánh xe (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)*

*: Xe có màn hình đa thông tin

n Khi nào cần đăng ký vị trí của các bánh xe

Cần đăng ký vị trí của các bánh xe sau khi đảo lốp.

Bạn có thể tự thực hiện quy trình đăng ký vị trí của các bánh xe. Quy trình đăng ký vị trí của các bánh xe được thực hiện bằng cách lái xe tiến về phía trước với số lần rẽ trái và rẽ phải nhất định. Tuy nhiên, tùy thuộc vào điều kiện lái xe và môi trường lái xe, quá trình đăng ký có thể sẽ mất một khoảng thời gian nhất định để hoàn thành.

n Đăng ký vị trí của các bánh xe

1 Đỗ xe ở vị trí an toàn, tắt công tắc động cơ và đợi từ 15 phút trở lên.

2 Khởi động động cơ.

Không thể thực hiện quy trình đăng ký vị trí của các bánh xe khi xe đang chuyển động.

3 Chọn ⚙ trên màn hình đa thông tin.

4 Chọn "Cài đặt Xe".

5 Chọn "Cài đặt TPWS".

6 Chọn "Xoay lốp".

7 Chọn "Có".

Một thông báo cho biết đang thực hiện quy trình đăng ký vị trí bánh xe sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin. Ký hiệu "---" sẽ xuất hiện ở vị trí báo áp suất của từng lốp xe và quá trình đăng ký vị trí bánh xe sẽ được bắt đầu.

8 Lái xe thẳng (đôi khi rẽ trái và rẽ phải) với tốc độ 40 km/h trở lên trong khoảng 10 đến 30 phút.

Khi quá trình đăng ký vị trí bánh xe đã hoàn tất, một thông báo cho biết đã hoàn tất quy trình đăng ký và áp suất của từng lốp xe sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

Ngay cả khi không thể lái xe liên tục ở tốc độ từ khoảng 40 km/h trở lên, bạn vẫn có thể hoàn thành quy trình đăng ký bằng cách lái xe trong một thời gian dài. Tuy nhiên, nếu quá trình đăng ký không được hoàn tất sau khi lái xe từ 1 giờ trở lên, hãy đỗ xe ở vị trí an toàn và để công tắc động cơ ở ON trong khoảng từ 15 phút trở lên, sau đó thực hiện lại quy trình lái xe.

n Khi thực hiện quy trình đăng ký vị trí bánh xe

- Thông thường, quá trình đăng ký vị trí bánh xe có thể được hoàn thành trong vòng khoảng 30 phút.
- Quy trình đăng ký vị trí bánh xe được thực hiện khi đang lái xe ở tốc độ khoảng từ 40 km/h trở lên.

n Quy trình đăng ký vị trí bánh xe

l Nếu tắt công tắc động cơ trong khi đang đăng ký vị trí bánh xe, khi công tắc động cơ được bật lại ON, quy trình đăng ký vị trí bánh xe sẽ được tiếp tục mà không cần phải khởi động lại quy trình từ đầu.

l Trong khi vị trí của các bánh xe đang được xác định và áp suất lốp không được hiển thị, nếu áp suất lốp xe giảm đi, thì đèn cảnh báo áp suất lốp sẽ bật sáng.

n Nếu không thể dễ dàng đăng ký vị trí bánh xe

l Trong các trường hợp sau, quy trình đăng ký vị trí bánh xe có thể sẽ mất nhiều thời gian hơn bình thường hoặc có thể sẽ không thực hiện được.

- Xe không được lái ở tốc độ từ 40 km/h trở lên.
- Khi lái xe trên đường không rải nhựa

l Nếu quy trình đăng ký vị trí bánh xe không được hoàn tất sau khi lái xe từ 1 giờ trở lên, hãy đỗ xe ở vị trí an toàn trong khoảng 15 phút rồi lái xe trở lại.

l Nếu lùi xe trong quá trình đăng ký vị trí bánh xe, thì tất cả các dữ liệu đã thu thập được cho đến thời điểm đó sẽ bị xóa. Hãy thực hiện lại quy trình lái xe một lần nữa.

Cài đặt áp suất lốp (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)*

*: Xe có màn hình đa thông tin

n Khi bạn cần cài đặt áp suất lốp

Trong các trường hợp sau, cần phải thực hiện quy trình cài đặt áp suất lốp của hệ thống cảnh báo áp suất lốp.

- Khi áp suất lốp tiêu chuẩn thay đổi, chẳng hạn như khi thay đổi mức tải trọng...
- Khi cần thay đổi áp suất lốp như khi thay đổi kích cỡ lốp.

Nếu áp suất bơm lốp đã được điều chỉnh đến mức đã quy định, thực hiện quy trình cài đặt áp suất bơm lốp bằng cách chọn áp suất bơm lốp quy định trên màn hình đa phương tiện. (→P.503)

Khi áp suất lốp khác với tiêu chuẩn, chẳng hạn như khi sử dụng lốp khác với kích thước tiêu chuẩn... hãy cài đặt áp suất lốp bằng cách sử dụng mức áp suất hiện tại. Hãy đảm bảo điều chỉnh áp suất của các lốp xe ở mức thích hợp trước khi thực hiện quy trình cài đặt áp suất lốp. Hệ thống cảnh báo áp suất lốp sẽ hoạt động dựa trên mức áp suất lốp này. (→P.504)

n Cài đặt bằng cách chọn áp suất lốp tiêu chuẩn

1 Khởi động động cơ.

Không thể đặt áp suất lốp khi xe đang chạy.

2 Chọn ⚙ trên màn hình đa thông tin.

3 Chọn "Cài đặt Xe".

4 Chọn "Cài đặt TPWS".

5 Chọn "Thiết lập Áp suất lốp".

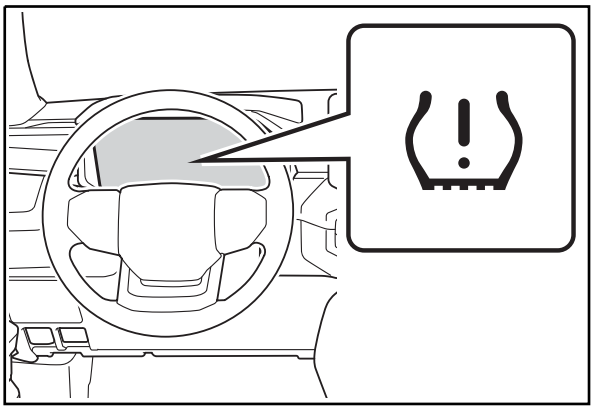
6 Chọn "Thiết lập theo áp suất được quy định" và sau đó

chọn áp suất lốp phía trước và phía sau mong muốn.

7 Chọn "Có".

Đèn cảnh báo áp suất lốp sẽ nháy chậm 3 lần.

Sau khi cài đặt áp suất lốp, một thông báo cho biết đã hoàn tất quá trình cài đặt sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin.



n Cài đặt theo áp suất lốp hiện tại

1 Hãy điều chỉnh áp suất của từng lốp xe ở mức phù hợp.

Hãy đảm bảo điều chỉnh áp suất lốp khi lốp đang nguội.

2 Khởi động động cơ.

Không thể đặt áp suất lốp khi xe đang chạy.

3 Chọn ⚙ trên màn hình đa thông tin.

4 Chọn "Cài đặt Xe".

5 Chọn "Cài đặt TPWS".

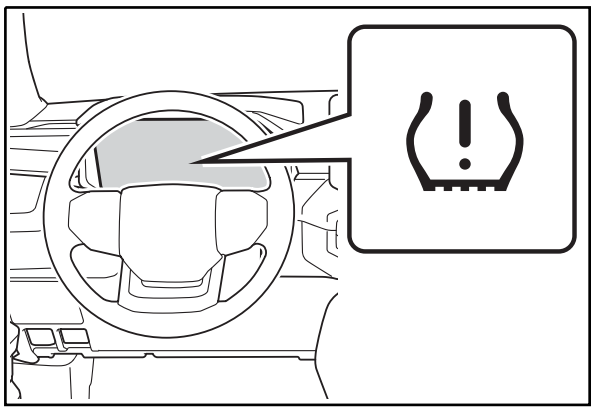
6 Chọn "Thiết lập Áp suất lốp".

7 Chọn "Thiết lập theo Áp suất Hiện tại".

8 Chọn "Có".

Đèn cảnh báo áp suất lốp sẽ nháy chậm 3 lần và một thông báo cho biết rằng áp suất lốp đang được đặt sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin.

Sau khi cài đặt áp suất lốp, một thông báo cho biết đã hoàn tất quá trình cài đặt sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin.



n Cảnh báo của hệ thống cảnh báo áp suất lốp (Cài đặt bằng mức áp suất lốp hiện tại)

- Khi tiến hành cài đặt áp suất lốp theo áp suất lốp hiện tại, thời gian cảnh báo của hệ thống cảnh báo áp suất lốp sẽ thay đổi tùy theo điều kiện thực hiện quy trình cài đặt áp suất lốp. Do đó, một cảnh báo có thể sẽ xuất hiện ngay cả khi áp suất lốp xe giảm một chút hoặc nếu áp suất lốp xe tăng cao hơn mức áp suất lốp đã được đặt.
- Hãy đảm bảo thực hiện quy trình cài đặt áp suất lốp sau khi đã điều chỉnh áp suất lốp. Ngoài ra, hãy đảm bảo rằng lốp xe đã nguội trước khi thực hiện quy trình cài đặt áp suất lốp hoặc điều chỉnh áp suất lốp.

n Quy trình cài đặt áp suất lốp (Cài đặt bằng mức áp suất lốp hiện tại)

- Nếu tắt công tắc động cơ trong khi đang cài đặt áp suất lốp, khi bật lại công tắc động cơ sang ON, quy trình cài đặt sẽ được tiếp tục và không cần phải khởi động lại quy trình này.
- Nếu quy trình cài đặt áp suất lốp được bắt đầu một cách không cần

thiết, hãy điều chỉnh áp suất lốp đến mức tiêu chuẩn khi lốp nguội và sau đó tiến hành cài đặt bằng cách chọn áp suất lốp tiêu chuẩn hoặc thực hiện quy trình cài đặt áp suất lốp với mức áp suất lốp hiện tại.

n **Nếu không thể đặt áp suất lốp xe một cách dễ dàng**

- Thông thường sẽ mất khoảng 3 phút để hoàn thành quy trình cài đặt bằng mức áp suất lốp xe hiện tại.
- Nếu đèn cảnh báo áp suất lốp không nhấp nháy 3 lần khi bắt đầu quy trình cài đặt áp suất lốp, thì quy trình này có thể chưa được bắt đầu. Hãy thực hiện lại quy trình từ đầu.
- Nếu không thể hoàn thành quy trình cài đặt áp suất lốp sau khi thực hiện quy trình nói trên, hãy liên hệ với Đại lý Toyota của bạn.

CẢNH BÁO

n **Khi cài đặt bằng mức áp suất lốp xe hiện tại**

Hãy đảm bảo điều chỉnh áp suất của các lốp ở mức thích hợp trước khi tiến hành cài đặt áp suất lốp. Nếu không, đèn cảnh báo áp suất lốp có thể sẽ không sáng lên ngay cả khi áp suất lốp đã bị giảm đi hoặc có thể sẽ sáng lên mặc dù áp suất lốp là bình thường.

Đăng ký các mã ID (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)*

*: Xe có màn hình đa thông tin

n **Thời điểm cần đăng ký mã ID**

Mỗi van cảm biến áp suất lốp có một mã ID duy nhất. Khi lắp các van cảm biến áp suất lốp mới, thì phải đăng ký mã ID mới với máy tính của hệ thống cảnh báo áp suất lốp.

n **Cách đăng ký mã ID**

Trước khi tiến hành đăng ký mã ID, chắc chắn rằng không có lốp có cảm biến áp suất lốp nào ở gần xe bạn.

1. Đỗ xe ở vị trí an toàn, tắt công tắc động cơ và đợi từ 15 phút trở lên.
2. Khởi động động cơ.

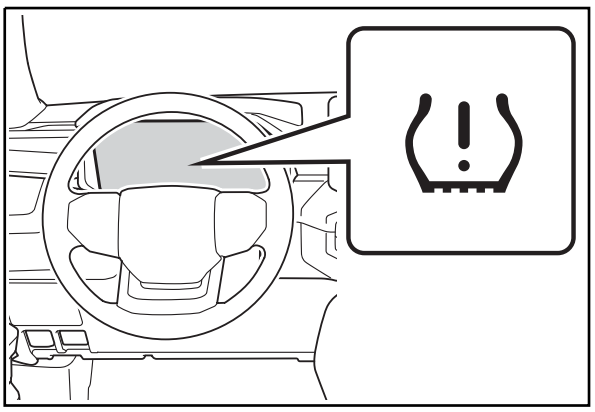
Không thể thực hiện quy trình đăng ký mã ID khi xe đang chạy.

3. Chọn trên màn hình đa thông tin.
4. Chọn "Cài đặt Xe".
5. Chọn "Cài đặt TPWS".
6. Chọn "Chuyển cài đặt lốp".
7. Chọn "Đăng ký Van Mới/ID".
8. Hãy chọn bộ bánh xe ("Bộ lốp 1" hoặc "Bộ lốp 2") bạn muốn đăng ký.
9. Chọn "Có".

Đèn cảnh báo áp suất lốp sẽ nháy chậm 3 lần và một thông báo cho biết đang thực hiện quá trình đăng ký mã ID sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin. Quá trình thay đổi bộ bánh xe sẽ bị hủy và quá trình đăng ký sẽ được bắt đầu.

Khi tiến hành việc đăng ký, đèn cảnh báo áp suất lốp sẽ nháy trong 1 phút sau đó sáng và "--" sẽ được hiển thị áp suất của từng lốp trên màn hình

đa thông tin.



10 Lái xe thẳng (đôi khi rẽ trái và rẽ phải) với tốc độ 40 km/h trở lên trong khoảng 10 đến 30 phút.

Khi hoàn tất quá trình đăng ký, đèn cảnh báo áp suất lốp sẽ tắt đi và một thông báo cho biết đã hoàn thành quá trình đăng ký sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

Việc đăng ký có thể cần nhiều thời gian hơn bình thường nếu trong điều kiện xe không thể chạy ổn định trong thời gian xấp xỉ 40 km/h trở lên. Nếu thời gian đăng ký dài hơn 1 giờ trong tình huống nhất định, hãy tiến hành quy trình đăng ký lại từ đầu.

11 Nếu áp suất lốp của bộ bánh xe đang được lắp trên xe khác với áp suất của bộ bánh xe trước đó, thì cần phải thực hiện quy trình cài đặt áp suất lốp cho hệ thống cảnh báo áp suất lốp. (→P.503)

Nếu áp suất lốp tiêu chuẩn là giống nhau, thì sẽ không cần thực hiện quy trình cài đặt áp suất lốp.

n Đăng ký mã nhận dạng ID

- Thông thường, quá trình đăng ký vị trí bánh xe có thể được hoàn thành trong vòng khoảng 30 phút.
- Tiến hành đăng ký mã nhận dạng ID khi lái xe với tốc độ từ 40 km/h trở lên.
- Bạn có thể tự đăng ký mã ID, nhưng tùy vào điều kiện và môi trường lái xe, có thể việc đăng ký cần thêm thời gian.
- Khi sử dụng một bộ bánh xe mà tất cả các mã ID đã được đăng ký, thì có thể thay đổi bộ bánh xe trong một khoảng thời gian ngắn. (→P.507)

n Nếu đăng ký mã ID không dễ dàng

- Trong các trường hợp sau, quá trình đăng ký mã ID có thể sẽ mất nhiều thời gian hơn so với bình thường hoặc cũng có thể sẽ không thực hiện được.
  - Khi không đỗ xe trong khoảng từ 15 phút trở lên trước khi lái xe
  - Xe không được lái ở tốc độ từ 40 km/h trở lên.
  - Khi lái xe trên đường không rải nhựa
  - Khi lái xe ở gần các xe khác và hệ thống không thể nhận ra cảm biến áp suất lốp của xe bạn do có cảm biến của xe khác.
  - Khi lốp có cảm biến áp suất lốp được lắp ở bên trong hoặc ở phía sau xe.
- Nếu lùi xe trong quá trình đăng ký, tất cả các dữ liệu đã thu được cho đến thời điểm đó sẽ bị xóa đi. Hãy thực hiện lại quy trình lái xe.
- Nếu thời gian đăng ký dài hơn 1 giờ, hãy tiến hành quy trình đăng ký lại từ đầu.
- Nếu đèn cảnh báo áp suất lốp không nháy 3 lần khi bắt đầu quy trình đăng ký mã ID thì có thể là quy trình này chưa được bắt đầu. Hãy thực hiện lại quy trình từ đầu.
- Nếu không thể thực hiện được việc đăng ký mã ID sau khi tiến hành quy trình nói trên, hãy liên hệ với Đại lý Toyota.

Huỷ đăng ký mã ID (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)*

*: Xe có màn hình đa thông tin

Van cảm biến áp suất lốp được cung cấp một mã ID riêng. Khi thay van cảm biến áp suất lốp, bạn cần đăng ký mã ID. Hãy yêu cầu đại lý Toyota đăng ký mã ID giúp bạn.

Để hủy đăng ký mã ID sau khi đã bắt đầu đăng ký, chọn lại mục "Đ.ký Van Mới/ID" trên màn hình đa thông tin.

Nếu việc đăng ký mã ID đã bị hủy, thì đèn cảnh báo áp suất lốp sẽ tắt.

Nếu đèn cảnh báo không tắt, thì việc đăng ký mã ID có thể không thực hiện hủy được hoàn toàn. Để hủy đăng ký, hãy chọn lại mục "Đ.ký Van Mới/ID" trên màn hình đa thông tin.

Chọn bộ vành xe (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)*

*: Xe có màn hình đa thông tin

Van cảm biến áp suất lốp được cung cấp một mã ID riêng. Khi thay van cảm biến áp suất lốp, bạn cần đăng ký mã ID. Hãy yêu cầu đại lý Toyota đăng ký mã ID giúp bạn.

Xe của bạn được trang bị hệ thống cảnh báo áp suất lốp có chức năng đăng ký hai bộ mã ID. Chức năng này cho phép đăng ký thêm một bộ bánh xe thứ hai, ví dụ như một bộ lốp xe mùa đông.

- Bộ bánh xe chỉ có thể được thay đổi nếu một bộ bánh xe thứ hai đã được đăng ký vào hệ thống.

Bạn có thể tự đăng ký các mã ID. (→P.505)

- Chỉ có một thay đổi giữa bộ bánh đã đăng ký, sẽ không hỗ trợ việc đăng ký lẫn giữa các bộ bánh này.
- Trong khi đăng ký mã ID, có thể sẽ không thể thay đổi giữa các bộ bánh xe một cách bình thường được. Hãy hủy đăng ký trước khi thay đổi giữa các bộ bánh xe.

n Thay đổi mã ID giữa các bộ bánh xe khác nhau

1. Hãy lắp bộ bánh xe mong muốn.
2. Chọn ⚙ trên màn hình đa thông tin.
3. Chọn "Cài đặt Xe".
4. Chọn "Cài đặt TPWS".
5. Chọn "Chuyển cài đặt lốp".
6. Chọn "Đăng ký van/ID".
7. Hãy chọn bộ bánh xe ("Bộ lốp 1" hoặc "Bộ lốp 2") bạn muốn đăng ký.
8. Chọn "Có".

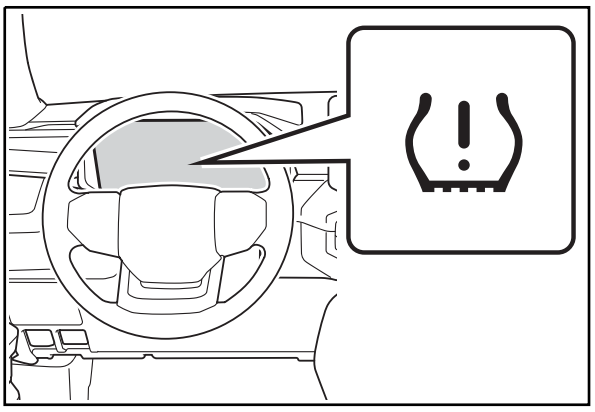
Đèn cảnh báo áp suất lốp sẽ nháy chậm 3 lần, một thông báo cho biết

sự thay đổi đang diễn ra sẽ xuất hiện và quá trình thay đổi bộ bánh xe sẽ bắt đầu.

Quá trình thay đổi bộ bánh xe sẽ bắt đầu và đèn cảnh báo áp suất lốp sẽ nhấp nháy trong 1 phút rồi sáng liên tục. Ngoài ra, trong khi tiến hành thay đổi, ký hiệu "---" sẽ hiển thị ở phần áp suất của từng lốp trên màn hình đa thông tin.

Sau khoảng 2 phút, quá trình thay đổi bộ bánh xe sẽ hoàn tất, đèn cảnh báo áp suất lốp sẽ tắt và một thông báo hoàn tất quá trình sẽ được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

Nếu không hoàn tất được quy trình thay đổi trong khoảng 4 phút, một thông báo cho biết rằng không thể hoàn thành quá trình thay đổi sẽ xuất hiện.
Hãy kiểm tra xem bộ bánh xe nào được đã lắp và thực hiện lại quy trình đổi bộ bánh xe từ đầu quy trình.



9 Nếu áp suất tiêu chuẩn của bộ lốp xe đã được lắp khác với áp suất của bộ lốp trước đó, thì sẽ phải thực hiện quy trình cài đặt áp suất lốp của hệ thống cảnh báo áp suất lốp. (→P.503)

Nếu áp suất lốp tiêu chuẩn là giống nhau, thì sẽ không cần thực hiện quy trình cài đặt áp suất lốp.

10 Đăng ký vị trí của từng bánh xe. (→P.502)

Áp suất lốp

Hãy đảm bảo duy trì áp suất phù hợp của lốp. Nên kiểm tra áp suất lốp ít nhất một tháng một lần. Tuy nhiên, Toyota khuyến nghị cứ hai tuần bạn nên cho kiểm tra áp suất lốp một lần.

n Những hậu quả khi chạy xe với áp suất lốp không phù hợp

Lái xe với áp suất lốp không phù hợp có thể sẽ gây ra những hậu quả sau:

- Tăng mức tiêu hao nhiên liệu
- Giảm tính tiện nghi trên xe và tính năng điều khiển kém
- Giảm tuổi thọ của lốp do mòn lốp
- Làm giảm độ an toàn
- Làm hỏng hệ thống truyền lực

Nếu một lốp nào đó thường xuyên phải bơm lại, hãy yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra giúp bạn.

n Hướng dẫn kiểm tra áp suất lốp

Khi kiểm tra áp suất lốp, hãy tuân theo các hướng dẫn sau:

- Chỉ kiểm tra áp suất khi lốp đã nguội.
  Nếu xe bạn đã được đỗ lại ít nhất 3 tiếng và quãng đường xe chạy là không quá 1.5 km, thì bạn có thể đo được chính xác áp suất của lốp xe.
- Luôn sử dụng đồng hồ để đo áp suất.
  Sẽ rất khó để phán đoán xem áp suất lốp phù hợp chưa bằng cách quan sát.
- Sẽ là bình thường nếu áp suất lốp cao hơn sau khi lái xe do nhiệt được sinh ra trong lốp. Không giảm áp suất lốp ngay sau khi lái xe.
- Trọng lượng của người ngồi và hàng hóa phải được phân bổ sao

cho xe được cân bằng.

CẢNH BÁO

n **Duy trì áp suất lốp chuẩn là yêu cầu quan trọng để đảm bảo hoạt động an toàn của lốp**

Hãy giữ lốp luôn ở áp suất chuẩn. Nếu không, các tình trạng sau sẽ có thể xuất hiện và gây ra tai nạn dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong:

- Lốp bị mòn nhiều
- Lốp mòn không đều
- Khó điều khiển xe
- Có thể dẫn tới nổ lốp do lốp xe bị quá nhiệt
- Rò khí giữa lốp và vành
- Vành bị biến dạng và/hoặc hỏng lốp
- Lốp xe rất dễ bị hư hỏng khi lái xe (do đường xấu, do các chỗ nối bị giãn, do các cạnh sắc trên đường...)

CHÚ Ý

n **Khi kiểm tra và điều chỉnh áp suất lốp**

Hãy chú ý lắp lại nắp van khí của lốp.
Nếu nắp van chưa được lắp, bụi bẩn và hơi ẩm có thể lọt vào bên trong van, gây ra rò khí, dẫn đến giảm áp suất lốp.

Vành xe

Nếu một vành xe đã bị cong, nứt hoặc bị ăn mòn nặng, thì vành xe đó nên được thay thế. Nếu không lốp xe có thể sẽ bị long ra khỏi vành và dẫn đến mất lái.

Chọn loại vành xe

Khi thay thế vành xe, hãy đặc biệt chú ý chọn loại vành xe có cùng tải trọng, đường kính, chiều rộng và khoảng cách bù với vành xe cũ.*.

Hãy yêu cầu đại lý Toyota thay vành xe giúp bạn.

*: Thuật ngữ hay dùng là "offset".

Chúng tôi khuyên bạn không nên sử dụng:

- Các vành xe không cùng kích cỡ hoặc chủng loại
- Các vành xe đã qua sử dụng
- Các vành xe bị cong đã được nắn lại

n **Khi thay vành xe (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)**

Vành xe được trang bị các van cảm biến áp suất lốp, chúng cho phép hệ thống đưa ra những cảnh báo kịp thời trong trường hợp áp suất lốp thấp. Khi thay vành xe, van cảm biến áp suất lốp cần được lắp lại. (→P.499)

CẢNH BÁO

n **Khi thay vành xe**

l Không sử dụng các vành xe có kích cỡ khác với các tiêu chuẩn được ghi trong cuốn hướng dẫn sử dụng này, nếu không có thể sẽ dẫn tới bị mất lái.

l Không được sử dụng lốp có săm để khắc phục tình trạng vành xe bị hở bởi loại vành này được thiết kế riêng cho loại lốp không săm. Nếu không có thể sẽ gây ra tai nạn, dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Khi lắp đai ốc lốp**

l Hãy đảm bảo rằng phía đầu côn của đai ốc lốp hướng vào phía trong khi lắp ốc lốp. (→P.565) Nếu bạn lắp đai ốc lốp với phía mặt côn hướng ra ngoài có thể sẽ làm vỡ bánh xe và có thể làm cho bánh xe bị tuột ra khi lái xe, dẫn đến tai nạn gây ra chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

l Không bao giờ được bôi dầu hoặc mỡ lên trên bulông hoặc đai ốc lốp. Dầu và mỡ có thể làm cho đai ốc lốp bị siết quá chặt, dẫn đến làm hỏng bu lông hoặc vành xe. Hơn nữa, dầu mỡ có thể làm đai ốc lốp bị lỏng và làm bánh xe rơi ra, dẫn đến tai nạn gây ra chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong. Hãy lau sạch dầu, mỡ ra khỏi các bu lông hoặc đai ốc lốp khi lắp.

n **Không sử dụng các vành hỏng**

Không sử dụng các lốp bị nứt hoặc biến dạng.

Nếu không, các lốp có thể bị rò rỉ khí trong khi lái xe và dẫn đến tai nạn.

CHÚ Ý

n **Thay van cảm biến (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)**

l Do việc sửa hoặc thay lốp có thể ảnh hưởng đến van cảm biến áp suất lốp, hãy yêu cầu đại lý Toyota hoặc trạm dịch vụ có uy tín sửa chữa lốp giúp bạn. Ngoài ra, hãy mua van cảm biến áp suất lốp tại đại lý Toyota để đảm bảo nguồn gốc sản phẩm.

l Hãy đảm bảo rằng xe của bạn sử dụng vành xe chính hiệu Toyota. Van cảm biến áp suất lốp có thể không làm việc chính xác với các vành không chính hiệu.

Các chú ý với vành nhôm (nếu có)

- Chỉ sử dụng các đai ốc lốp của Toyota và cờ lê được thiết kế riêng cho vành nhôm.
- Khi đảo lốp, sửa chữa hoặc thay lốp, hãy kiểm tra các đai ốc lốp để đảm bảo chúng vẫn được bắt chặt sau khi đi được 1600km.
- Hãy cẩn thận không làm hỏng các vành nhôm khi sử dụng xích quấn lốp.
- Chỉ sử dụng đối trọng cân bằng chính hiệu của Toyota hoặc loại tương đương và búa nhựa hoặc búa cao su khi cân bằng bánh xe.

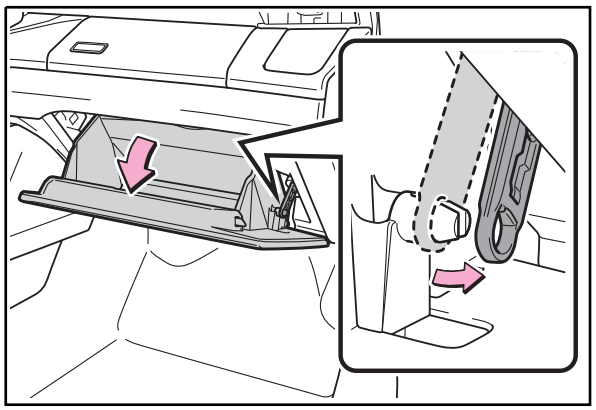
Bộ lọc điều hòa

Bộ lọc điều hòa phải được kiểm tra và vệ sinh theo định kỳ để duy trì hiệu quả của điều hòa.

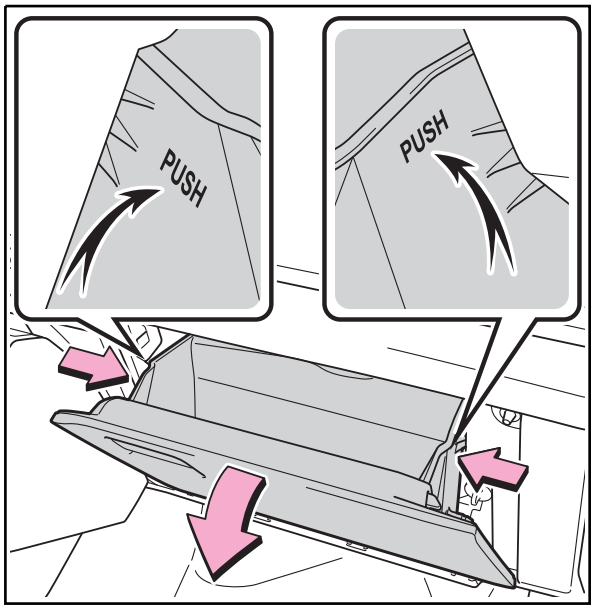
Phương pháp tháo

1 Tắt công tắc động cơ.

2 Mở ngăn đựng găng tay ra. Trượt để tháo thanh chống (nếu có).

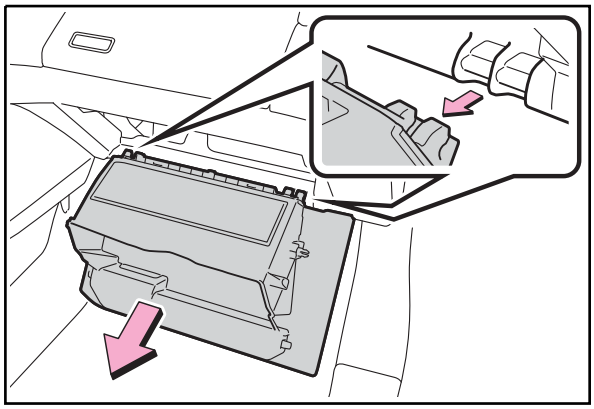


3 Hãy ấn vào một bên của ngăn đựng găng tay để tháo các vấu, và sau đó từ từ mở hoàn toàn ngăn đựng găng tay đồng thời đỡ nó.



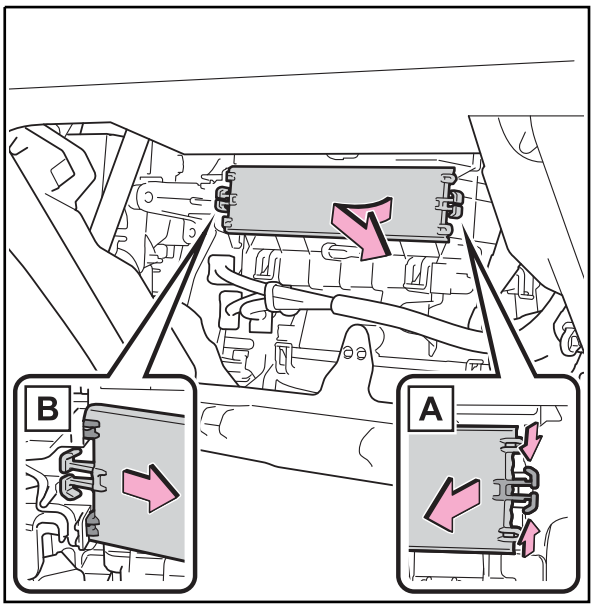
4 Với ngăn đựng găng tay mở hoàn toàn, nâng nhẹ ngăn đựng găng tay lên và kéo ra phía ghế để tháo ở phía dưới ngăn đựng găng tay.

Không được tác dụng lực quá mạnh nếu ngăn đựng găng tay chưa được tháo ra khi kéo nhẹ. Thay vào đó, hãy kéo về phía ghế trong khi điều chỉnh chiều cao của ngăn đựng găng tay.



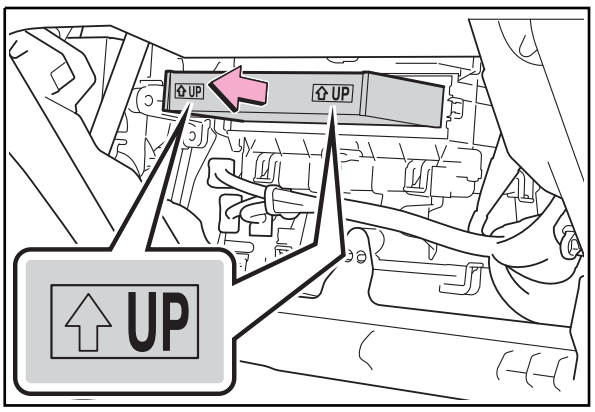
5 Mở khóa nắp lọc điều hòa (A), kéo nắp của bộ lọc ra

khỏi các vấu (B) và tháo nắp bộ lọc.



6 Tháo bộ lọc điều hòa ra và thay bộ lọc mới.

Dấu " ⇧UP" trên phin lọc phải được đặt hướng lên trên.



n Kiểm tra định kỳ

- Kiểm tra và thay bộ lọc điều hoà theo lịch bảo dưỡng. Nếu xe sử dụng trong khu vực có nhiều bụi hoặc khu vực có lưu lượng giao thông cao, có thể cần phải thay bộ lọc sớm hơn. (→P.462)
- Các xe có hệ thống loại bỏ PM2.5: Thay bộ lọc điều hòa không khí bằng bộ lọc chính hãng chuyên dụng của Toyota. Nếu sử dụng bộ lọc khác không phải bộ phận chính hãng chuyên dụng của Toyota, hệ thống loại bỏ PM2.5 sẽ không hoạt động hiệu quả ngay cả khi hệ thống được bật lên.

n Nếu khí thổi ra từ cửa gió bị suy giảm đáng kể

Bộ lọc có thể đã bị tắc. Hãy kiểm tra bộ lọc và thay thế chúng nếu cần thiết.

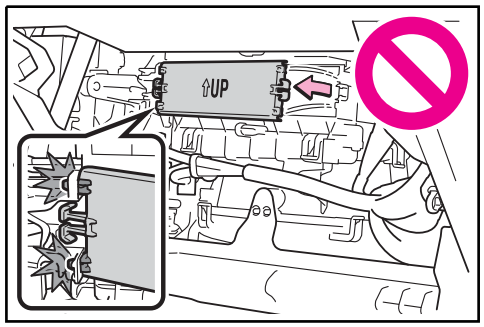
CHÚ Ý

n Khi sử dụng hệ thống điều hòa

Hãy đảm bảo rằng bộ lọc đã được lắp lại. Sử dụng hệ thống điều hòa mà không có bộ lọc điều hòa có thể gây hỏng hệ thống.

n Để tránh làm hỏng nắp của bộ lọc

Khi tháo nắp bộ lọc theo hướng theo mũi tên, hãy chú ý không được tác dụng lực quá mạnh lên các vấu hãm. Nếu không, các vấu có thể sẽ bị hỏng.



Pin điều khiển từ xa/chìa khóa điện tử*

*: Nếu có

Hãy thay pin mới nếu nó đã bị hết điện.
Vì chìa khóa có thể bị hư hỏng nếu tiến hành quy trình sau đây không chuẩn xác, chúng tôi khuyến nghị rằng việc thay thế pin chìa khóa nên được thực hiện bởi Đại lý Toyota.

n Khi chìa khóa điện tử bị hết điện

Những hiện tượng sau sẽ có thể xuất hiện:

- Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh (nếu có) và hệ thống điều khiển từ xa sẽ không hoạt động chính xác.
- Phạm vi điều khiển sẽ bị thu hẹp lại.

Những hạng mục cần chuẩn bị

Hãy chuẩn bị các việc sau trước khi thay pin:

- Tô vít đầu dẹt
- Tô vít đầu dẹt loại nhỏ
- Pin lithium
  Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: CR1620
  Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: CR2032

n Sử dụng pin Lithium CR1620 hoặc CR2032 hoặc CR2450

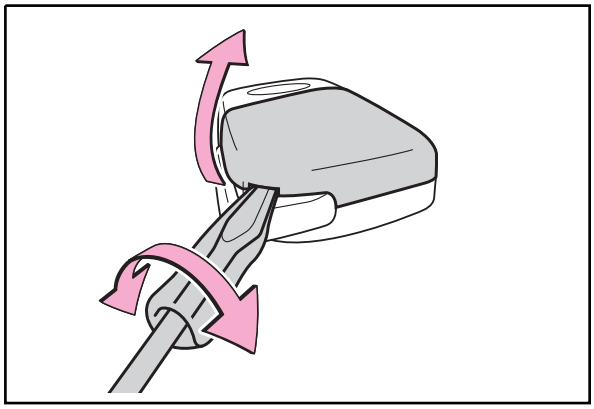
- Bạn có thể mua pin tại đại lý Toyota, các cửa hàng đồng hồ hoặc cửa hàng bán máy ảnh.
- Hãy sử dụng loại pin theo hướng dẫn của nhà sản xuất.
- Việc tiêu hủy pin phải tiến hành theo quy định của địa phương.

Thay pin

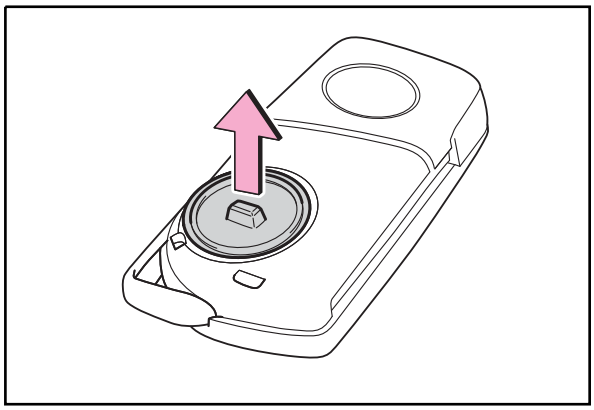
▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

1 Tháo nắp che.

Để tránh làm hỏng chìa, hãy dùng giẻ để bọc vào đầu tô vít.



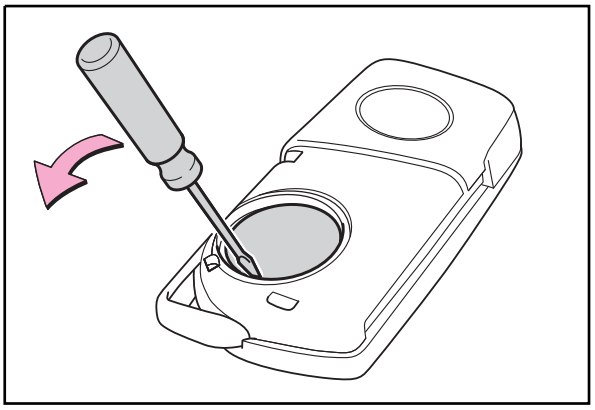
2 Tháo nắp che pin.



3 Tháo pin đã bị hết điện ra.

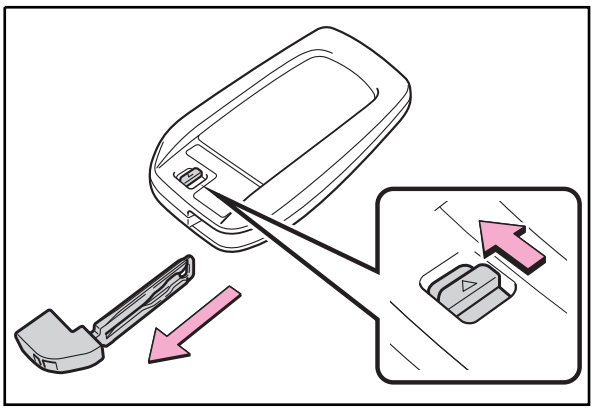
Lắp pin mới vào với cực "+" hướng

lên trên.



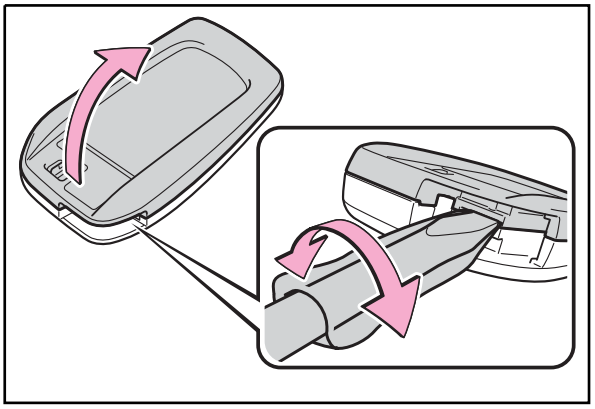
▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

1 Nhả khóa và tháo chìa khóa cơ ra.



2 Tháo nắp che.

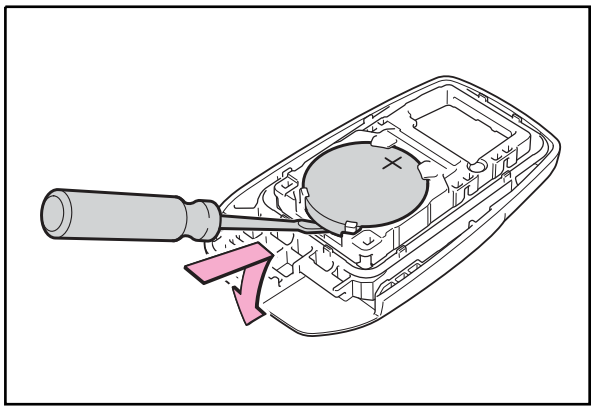
Để tránh làm hỏng chìa khóa, hãy dùng giẻ để bọc vào đầu tô vít.



3 Sử dụng tô vít đầu dẹt để tháo pin đã hết điện ra.

Khi tháo nắp che, mô đun chìa khóa điện tử có thể bị kẹt vào nắp che và bạn không thể nhìn thấy pin chìa khóa. Trong trường hợp đó, hãy tháo mô đun chìa khóa điện tử ra để tháo pin.

Lắp pin mới vào với cực "+" hướng lên trên.



4 Khi lắp, hãy làm ngược lại với các bước kể trên.

CẢNH BÁO

n **Lưu ý đối với ắc quy**

Hãy tuân theo các lưu ý sau. Nếu không có thể dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Không được nuốt pin. Nếu không, có thể sẽ gây bỏng.
- Pin kiểu đồng xu hoặc kiểu nút được sử dụng trong chìa khóa điện tử. Nếu nuốt phải pin, pin có thể gây bỏng hóa chất nghiêm trọng trong ít nhất 2 giờ, có thể dẫn đến tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.
- Hãy để pin mới hoặc pin đã tháo ra khỏi tầm tay của trẻ em.
- Nếu không thể đóng nắp chắc chắn, không được sử dụng chìa khóa điện tử và cất chìa khóa ở nơi mà trẻ em không thể với tới được, sau đó liên hệ với đại lý của Toyota.
- Nếu vô tình nuốt phải pin hoặc để pin lọt vào trong cơ thể người, hãy đi khám bác sỹ ngay lập tức.

CẢNH BÁO

n **Để tránh gây nổ ắc quy hoặc rò rỉ dung dịch hoặc khí có thể gây cháy**

l Hãy thay pin mới cùng loại. Nếu sử dụng sai loại pin, có thể gây nổ.

l Không được để pin ở những nơi có áp suất rất thấp do độ cao hoặc nhiệt độ rất cao.

l Không được đốt, đập vỡ hoặc cắt pin.

CHÚ Ý

n **Khi thay ắc quy**

Sử dụng tô vít đầu dẹt có cỡ phù hợp. Tác dụng lực quá lớn sẽ làm biến dạng hoặc làm hỏng nắp.

n **Để hệ thống làm việc bình thường sau khi thay pin**

Hãy tuân theo các lưu ý sau để tránh xảy ra tai nạn:

l Luôn luôn giữ tay khô ráo khi làm việc.
Hơi ẩm có thể làm cho pin bị han rỉ.

l Không chạm vào hoặc thay đổi vị trí của các chi tiết bên trong điều khiển từ xa.

l Không được bẻ cong các điện cực pin.

Kiểm tra và thay cầu chì

Nếu một trong các thiết bị điện không làm việc thì có thể đã có một cầu chì nào đó bị cháy. Trong trường hợp này, hãy kiểm tra và thay thế cầu chì nếu cần thiết.

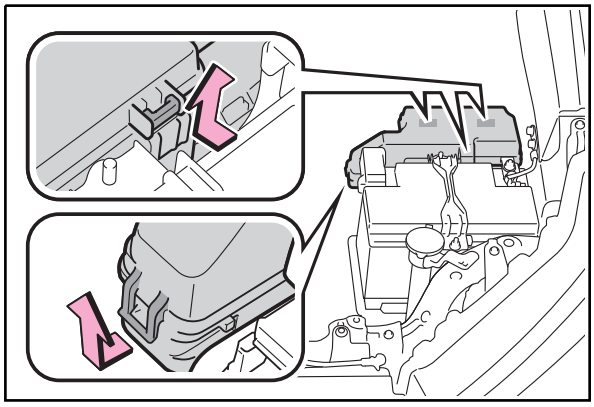
Kiểm tra và thay cầu chì

1 Tắt công tắc động cơ.

2 Mở nắp hộp cầu chì.

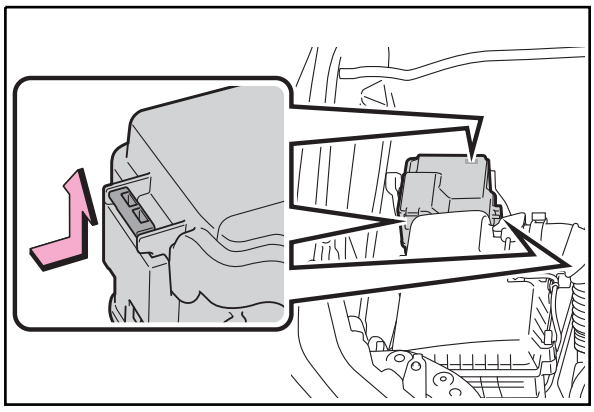
▶ Trong khoang động cơ (kiểu A)

Hãy kéo tai hãm ra và kéo móc hãm rồi tháo nắp hộp cầu chì.



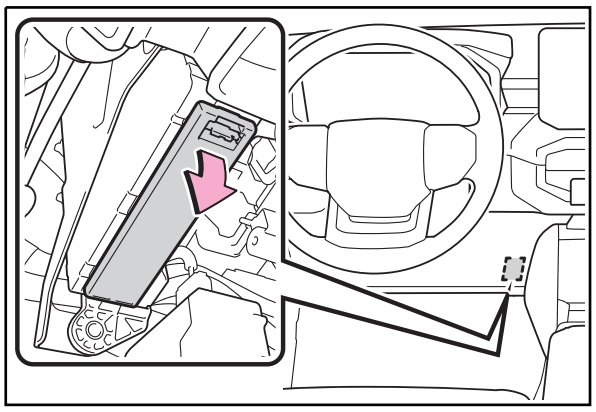
▶ Trong khoang động cơ (kiểu B)

Hãy kéo tai hãm ra và kéo móc hãm rồi tháo nắp hộp cầu chì.



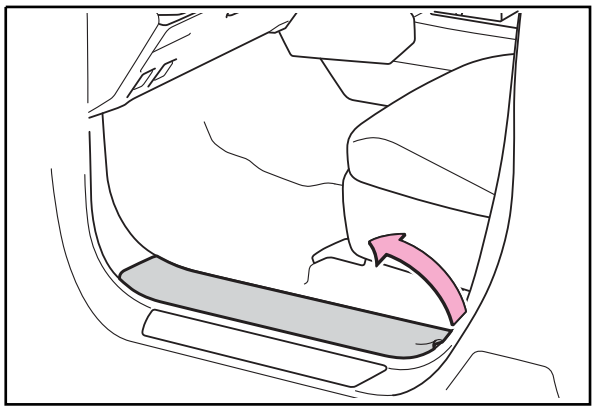
▶ Phía dưới bảng táp lô

Tháo nắp che.

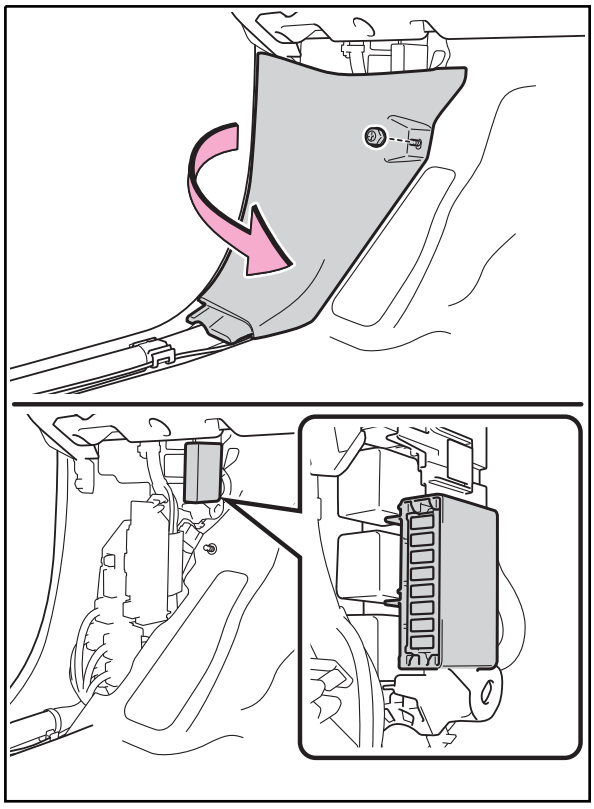


▶ Phía sau tấm ốp bên của tấm vách ngăn

Tháo tấm ốp bậu cửa phía người lái.

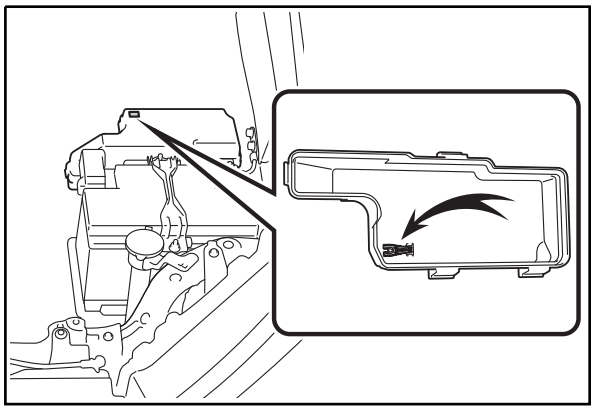


Tháo đai ốc và tháo tấm ốp bên của tấm vách ngăn.



3 Tháo cầu chì bằng dụng cụ tháo cầu chì.

Chỉ có thể tháo cầu chì kiểu A bằng dụng cụ tháo cầu chì.

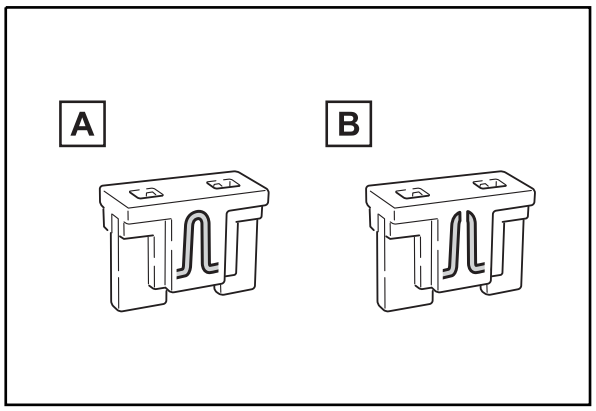


4 Hãy kiểm tra xem cầu chì có bị cháy không.

Kiểu A, B, C và D:
Hãy thay cầu chì bị cháy bằng cầu chì mới có cường độ dòng phù hợp. Bạn có thể tìm thấy chỉ số dòng của cầu chì trên nắp hộp cầu chì.

Kiểu E:
Hãy liên hệ với đại lý Toyota.

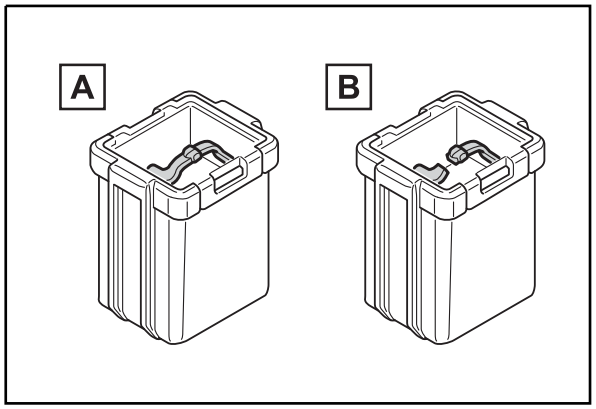
▶ Kiểu A



A Cầu chì bình thường

B Cầu chì bị cháy

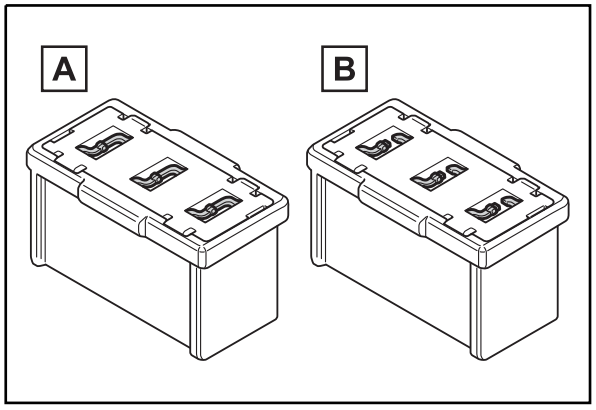
▶ Kiểu B



A Cầu chì bình thường

B Cầu chì bị cháy

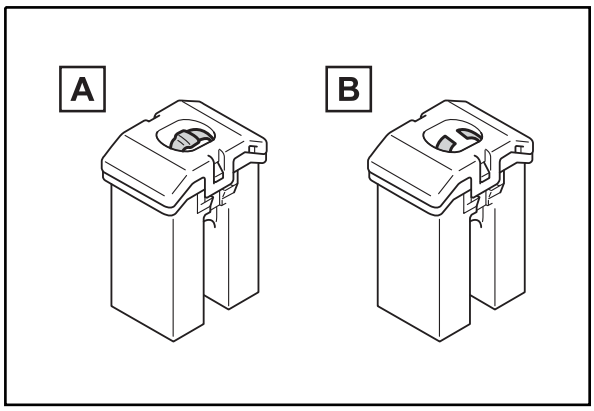
▶ Kiểu C



A Cầu chì bình thường

B Cầu chì bị cháy

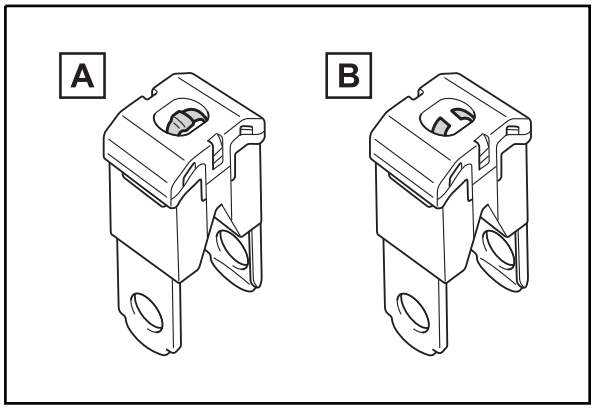
▶ Kiểu D



A Cầu chì bình thường

B Cầu chì bị cháy

▶ Kiểu E



A Cầu chì bình thường

B Cầu chì bị cháy

n Sau khi thay cầu chì

- Khi lắp nắp, chắc chắn rằng tai hãm đã được lắp chính xác.
- Nếu các đèn không sáng sau khi thay cầu chì, thì có thể một bóng đèn nào đó cần phải thay thế. (→P.518)
- Nếu cầu chì lại bị cháy, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

n Nếu mạch điện bị quá tải

Các cầu chì được thiết kế để bị cháy để bảo vệ các dây điện bên trong khỏi bị hỏng.

n **Khi thay bóng đèn**

Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng các sản phẩm chính hiệu của Toyota trên xe này. Trên xe có một số bóng đèn được nối với mạch được thiết kế để chống quá tải, nên có thể sẽ không sử dụng được các bóng đèn không phải là sản phẩm chính hiệu hoặc các sản phẩm không được thiết kế cho xe này.

CẢNH BÁO

n **Để tránh làm hư hỏng hệ thống và gây ra cháy xe**

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không có thể hư hỏng cho xe, dẫn đến hỏa hoạn hoặc bị thương.

- Không bao giờ sử dụng cầu chì có cường độ dòng lớn hơn quy định, hoặc sử dụng các vật khác thay cho cầu chì.
- Luôn luôn sử dụng cầu chì chính hiệu của Toyota hoặc tương đương.
  Không bao giờ được thay thế cầu chì bằng dây điện, kể cả trong trường hợp thay tạm.
- Không sửa đổi các cầu chì hoặc hộp cầu chì.

CHÚ Ý

n **Trước khi thay cầu chì**

Hãy xác định nguyên nhân hư hỏng và tiến hành sửa chữa tại đại lý Toyota càng sớm càng tốt.

Bóng đèn

Bạn có thể tự thay thế một số loại bóng đèn sau. Tùy thuộc vào loại bóng đèn mà thao tác có thể sẽ khó khăn hoặc đơn giản. Để tránh làm hỏng các thiết bị, chúng tôi khuyên bạn nên cho thay bóng đèn ở đại lý Toyota.

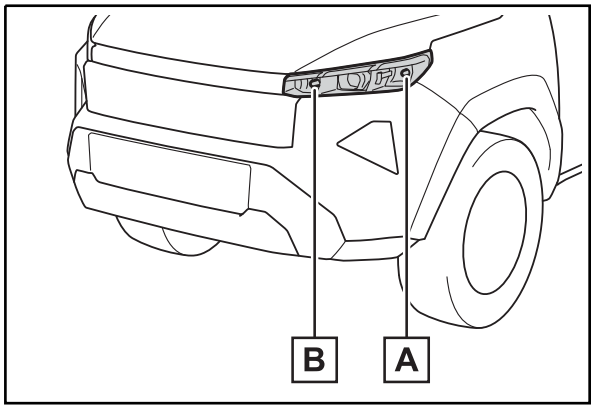
Chuẩn bị để thay thế bóng đèn

Kiểm tra công suất của bóng đèn cần thay. (→P.605)

Vị trí bóng đèn

Thiết kế và vị trí của các đèn bên ngoài có thể sẽ thay đổi theo cấp độ của xe, vv...

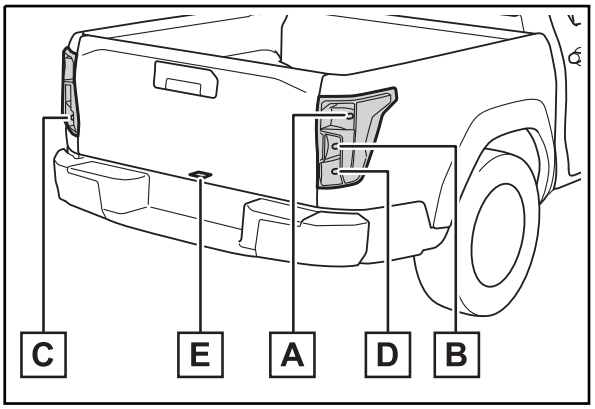
▶ Phía trước (kiểu bóng)



A Đèn vị trí phía trước/đèn chiếu sáng ban ngày (nếu có)

B Đèn xi nhan trước

▶ Phía sau (không có đèn dừng LED)



A Đèn phanh/đèn hậu

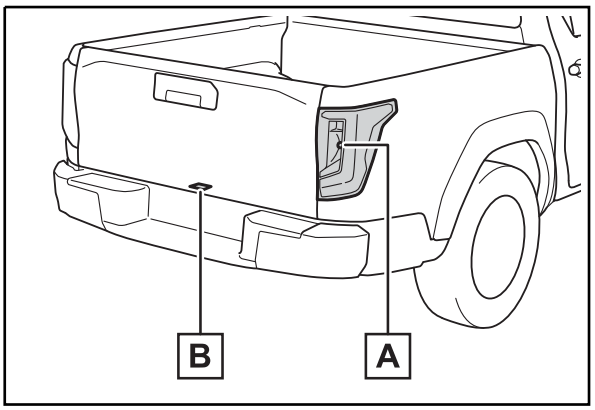
B Đèn xi nhan sau

C Đèn sương mù phía sau (nếu có) hoặc đèn lùi (nếu có)

D Đèn sương mù phía sau (nếu có) (xe có tay lái nghịch) hoặc đèn lùi (nếu có)

E Đèn soi biển số

▶ Phía sau (xe có đèn phanh LED)



A Đèn xi nhan sau

B Đèn soi biển số

n **Những bóng đèn cần phải được thay thế tại Đại lý Toyota**

Nếu một trong các bóng đèn dưới đây bị cháy, hãy yêu cầu đại lý Toyota thay bóng đèn giúp bạn.

- Đèn pha (chiếu xa/chiếu gần)
- Đèn vị trí phía trước/đèn chiếu sáng ban ngày (kiểu đèn LED)
- Đèn xi nhan trước (kiểu đèn LED)
- Đèn xi nhan bên
- Đèn sương mù phía trước (nếu có)
- Đèn phanh LED
- Đèn hậu (với đèn phanh LED)
- Đèn mù phía sau (nếu có) hoặc đèn lùi (với đèn phanh kiểu LED)
- Đèn phanh trên cao

n **Đèn LED**

Các đèn gồm có một số đèn LED. Nếu một bóng đèn LED bất kỳ bị cháy, hãy mang xe đến đại lý Toyota để thay đèn khác.

- Đèn pha (chiếu xa/chiếu gần)
- Đèn vị trí phía trước/đèn chiếu sáng ban ngày (kiểu đèn LED)
- Đèn xi nhan trước (kiểu đèn LED)
- Đèn xi nhan bên
- Đèn sương mù phía trước (nếu có)
- Đèn phanh LED
- Đèn hậu (với đèn phanh LED)
- Đèn mù phía sau (nếu có) hoặc đèn lùi (với đèn phanh kiểu LED)
- Đèn phanh trên cao

n **Khi có nước đọng bên trong kính đèn**

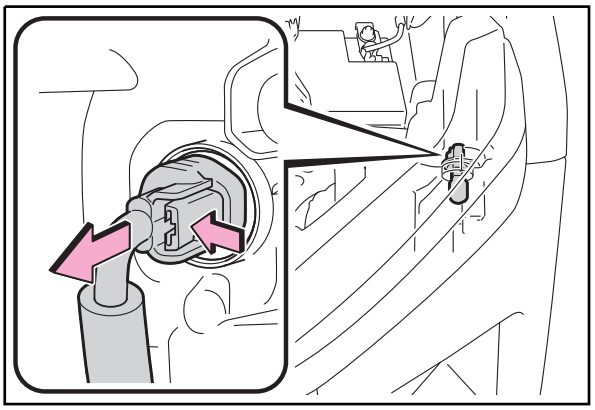
Nếu hơi nước chỉ đọng tạm thời bên trong kính đèn pha thì đó là hiện tượng bình thường. Hãy liên hệ với đại lý Toyota để có thêm thông tin khi gặp các tình trạng sau:

- Khi có giọt nước lớn đọng lại bên trong kính đèn.
- Nước đọng lại bên trong đèn.

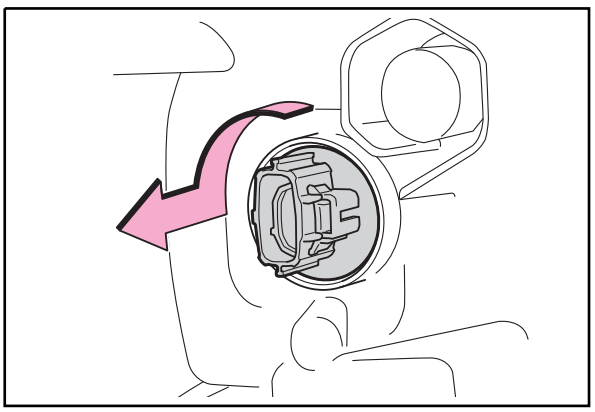
Thay thế bóng đèn

n **Đèn vị trí phía trước/đèn chiếu sáng ban ngày (nếu có) (loại bóng đèn)**

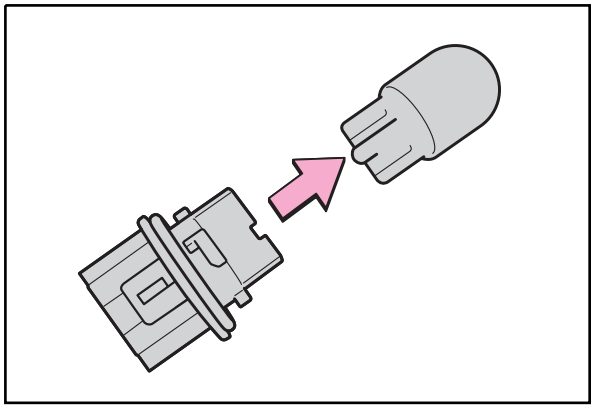
1 Rút giắc trong khi ấn vào lẫy nhả khóa giắc.



2 Xoay đui đèn ngược chiều kim đồng hồ.



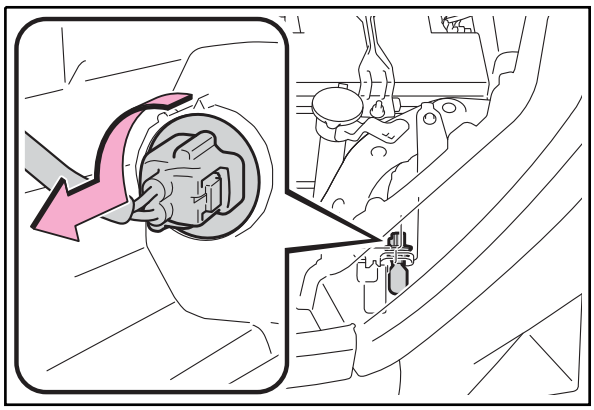
3 Tháo bóng đèn.



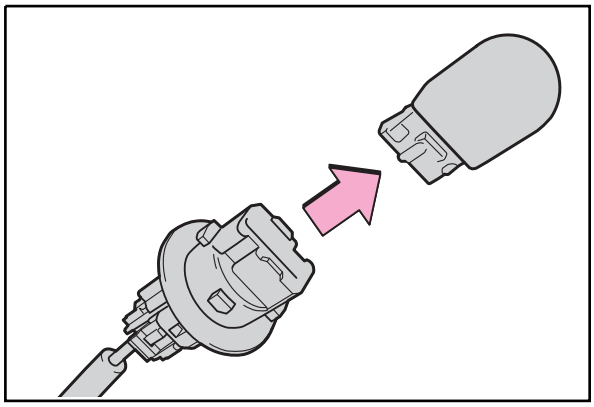
4 Khi lắp, hãy làm ngược lại với các bước kể trên.

n **Đèn xi nhan phía trước (kiểu bóng)**

1 Xoay đui đèn ngược chiều kim đồng hồ.



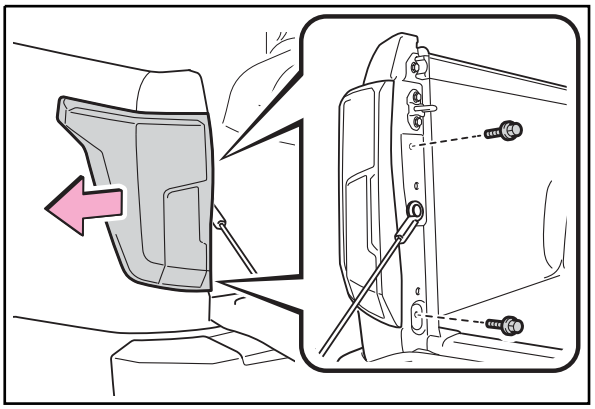
2 Tháo bóng đèn.



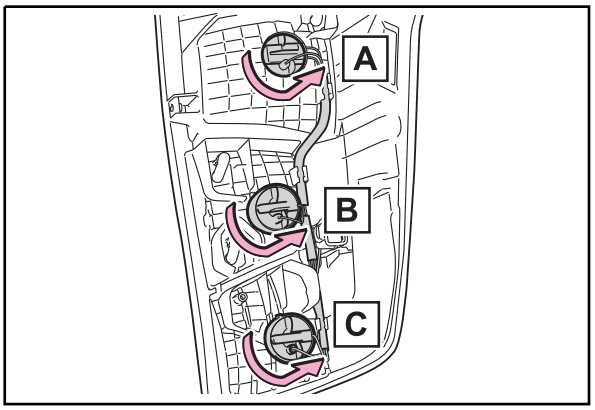
3 Khi lắp, hãy làm ngược lại với các bước kể trên.

n **Đèn phanh/đèn hậu, đèn xi nhan sau, đèn lùi và đèn sương mù phía sau (nếu có) (không có đèn phanh LED)**

1 Tháo các bu lông bắt và kéo cụm đèn sang một bên để tháo.



2 Xoay đui đèn ngược chiều kim đồng hồ.

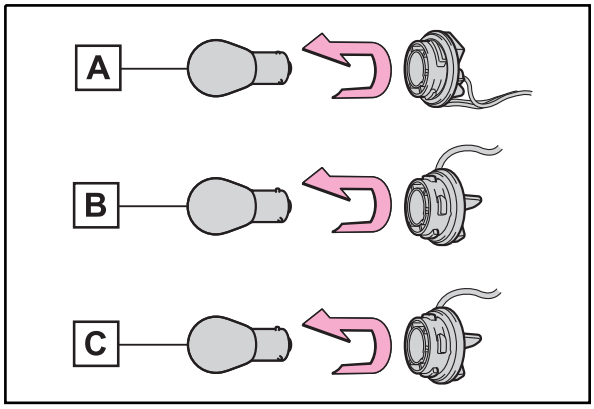


A Đèn phanh/đèn hậu

B Đèn xi nhan sau

C Đèn lùi hoặc đèn sương mù phía sau

3 Tháo bóng đèn.



A Đèn phanh/đèn hậu

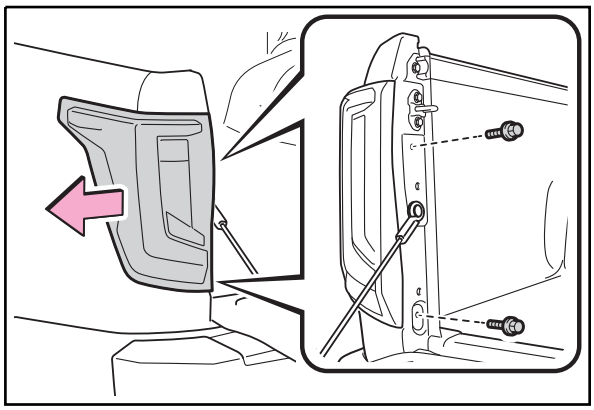
B Đèn xi nhan sau

C Đèn lùi hoặc đèn sương mù phía sau

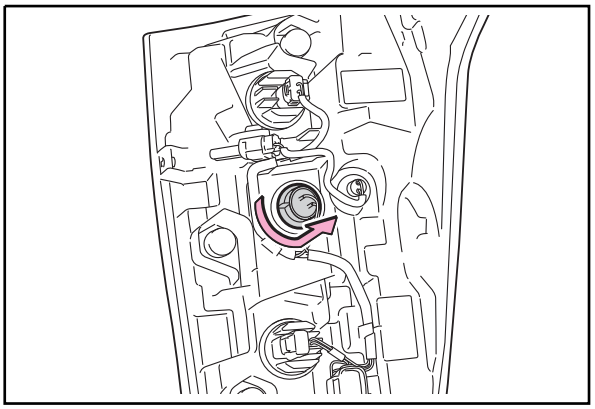
4 Khi lắp, hãy làm ngược lại với các bước kể trên.

n **Đèn xin nhanh sau (có đèn phanh kiểu LED)**

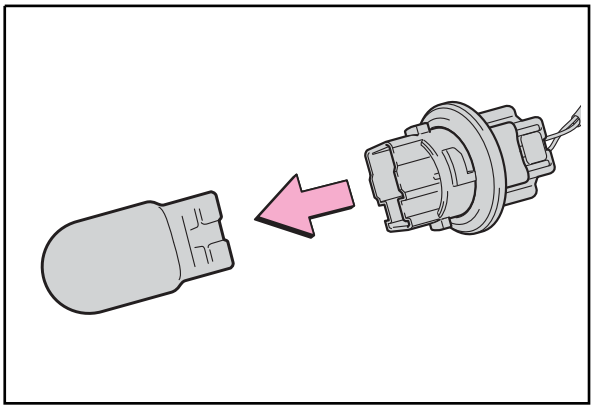
1 Tháo các bu lông bắt và kéo cụm đèn sang một bên để tháo.



2 Xoay đui đèn ngược chiều kim đồng hồ.



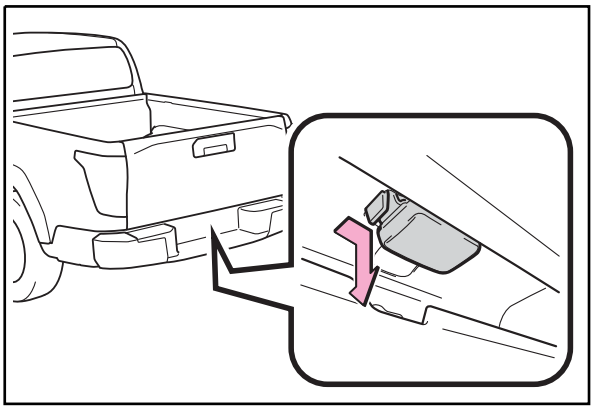
3 Tháo bóng đèn.



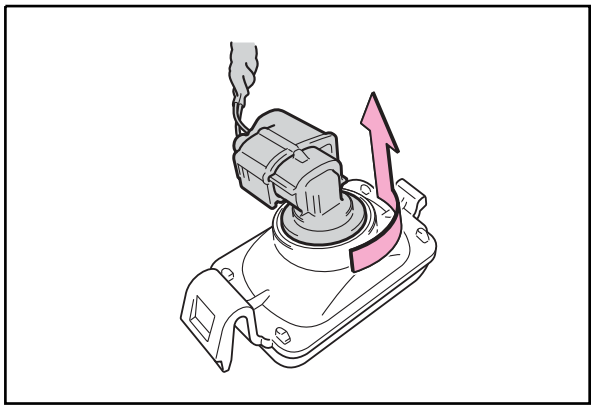
4 Khi lắp, hãy làm ngược lại với các bước kể trên.

n **Đèn soi biển số**

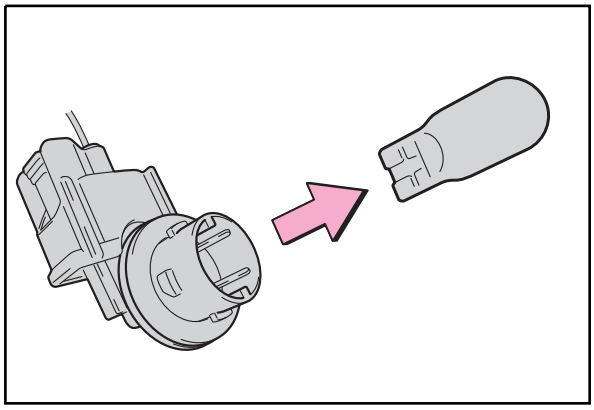
1 Tháo cụm đèn.



2 Xoay đui đèn ngược chiều kim đồng hồ.



3 Tháo bóng đèn.



4 Khi lắp, hãy làm ngược lại với các bước kể trên.

⚠ CẢNH BÁO

n **Thay bóng đèn**

l Hãy tắt đèn. Không cố gắng thay bóng đèn ngay sau khi tắt đèn. Các bóng đèn có thể rất nóng và có thể làm bạn bị bỏng.

l Không chạm vào phần vỏ kính của bóng đèn bằng cách thủ công. Khi bắt buộc phải giữ vào phần kính của bóng đèn, hãy sử dụng và giữ bằng một khăn khô sạch để tránh hơi ẩm và dầu dính lên bóng đèn.
Nếu bóng đèn bị trầy xước hoặc bị đánh rơi, nó có thể sẽ bị cháy hoặc nứt.

- Hãy lắp chắc chắn các bóng đèn và các chi tiết đi kèm để đảm bảo rằng chúng đã được lắp một cách chắc chắn. Nếu không, có thể sẽ gây ra hư hỏng do nhiệt độ cao, hỏa hoạn hoặc do nước lọt vào bộ phận đèn. Điều này có thể sẽ làm hỏng đèn hoặc gây ra tình trạng ngưng tụ hơi nước trên kính.
- Không cố sửa chữa hoặc tháo các bóng đèn, giắc nối, mạch điện hoặc các chi tiết liên quan. Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong do điện giật.

Để tránh hư hỏng hoặc hỏa hoạn

- Hãy đảm bảo rằng các bóng đèn đã được gài hết cỡ và được khóa chắc lại.
- Hãy kiểm tra công suất của bóng đèn trước khi lắp để tránh gây ra hỏng hóc.

Khi phát sinh sự cố

7

7-1. Những thông tin thiết yếu

Đèn nháy khẩn cấp.....526

Nếu cần dừng xe trong trường hợp khẩn cấp 526

Nếu xe bị ngập nước hoặc nước trên đường đang dâng lên 528

7-2. Các bước xử lý khi gặp trường hợp khẩn cấp

Nếu xe cần được kéo.....529

Nếu có điều gì đó bất thường 533

Hệ thống cắt bơm nhiên liệu (chỉ động cơ xăng) 534

Nếu đèn cảnh báo sáng hoặc chuông báo kêu ...535

Nếu một thông điệp cảnh báo được hiển thị 550

Nếu xe bị xịt lốp 557

Nếu động cơ không khởi động được 568

Nếu bạn đánh mất chìa khóa 570

Nếu chìa khóa điện tử hoạt động không chính xác (Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) ..570

Nếu ắc quy bị hết điện....573

Nếu xe quá nhiệt.....579

Nếu xe bị hết nhiên liệu và động cơ ngừng hoạt động (chỉ với động cơ diesel) .582

Nếu xe bị sa lầy 583

Đèn nháy khẩn cấp

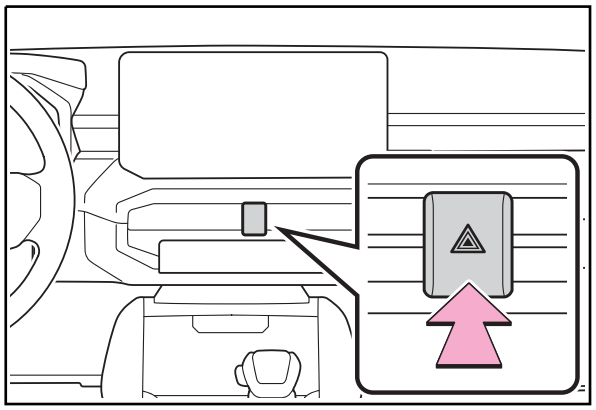
Các đèn nháy khẩn cấp được sử dụng để cảnh báo các lái xe khác khi xe bạn đang dừng trên đường do hư hỏng...

Hướng dẫn thao tác

Hãy ấn công tắc này.

Tất cả các đèn xi nhan sẽ nháy.

Để tắt đèn nháy khẩn cấp, hãy ấn công tắc này một lần nữa.



n **Đèn nháy khẩn cấp**

l Nếu sử dụng các đèn nháy khẩn cấp trong một thời gian dài khi động cơ không hoạt động, ắc quy có thể bị hết điện.

l Nếu có bất kỳ túi khí nào bị nổ hoặc trong trường hợp va chạm mạnh từ phía sau, các đèn nháy khẩn cấp sẽ bật tự động.
Các đèn nháy khẩn cấp sẽ tự động tắt sau khoảng 20 phút. Để tắt đèn nháy khẩn cấp bằng tay, hãy ấn lên công tắc 2 lần. (Các đèn nháy khẩn cấp có thể không bật tự động tùy vào lực tác động và tình trạng va chạm.)

Nếu phải dừng xe trong trường hợp khẩn cấp

Chỉ trong trường hợp khẩn cấp, khi không thể dừng xe theo cách thông thường, hãy dừng xe theo quy trình sau:

Dừng xe

1 Bình tĩnh đặt cả hai chân lên bàn đạp phanh và đạp mạnh bàn đạp phanh xuống.

Không nhấp phanh nhiều lần vì nó sẽ làm tăng lực đạp phanh cần thiết để giảm tốc độ xe.

2 Chuyển cần số sang vị trí N.

▶ Nếu chuyển được cần số đến vị trí N

3 Sau khi giảm tốc, hãy dừng xe ở vị trí an toàn trên đường.

4 Tắt động cơ.

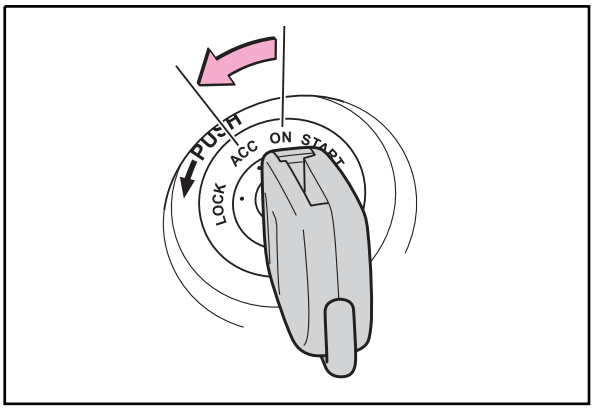
▶ Nếu không chuyển được cần số đến vị trí N

3 Hãy đạp bàn đạp phanh bằng cả hai chân để giảm tốc độ xe càng nhiều càng tốt.

4 Thực hiện theo thủ tục sau để tắt động cơ:

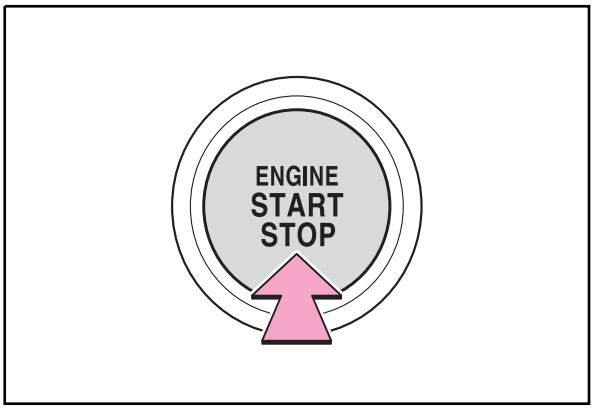
▶ Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Chuyển công tắc động cơ tới vị trí ACC.



▶ Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh

Ấn và giữ công tắc động cơ trong 2 giây liên tiếp trở lên, hoặc ấn nhanh 3 lần trở lên liên tiếp.



5 Hãy dừng xe ở vị trí an toàn trên đường.

n Nếu dừng khẩn cấp

Có thể hạn chế chức năng của điều hòa không khí vv.. để giảm tiêu hao điện ắc quy.

⚠ CẢNH BÁO

n Nếu cần phải tắt động cơ trong khi lái xe

- Việc tắt động cơ trong khi lái xe sẽ không làm mất điều khiển lái và điều khiển phanh. Tuy nhiên, trợ lực cho các hệ thống này có thể bị mất khi đánh lái hoặc phanh trước khi dừng xe tùy thuộc vào lượng điện năng còn lại của ắc quy hoặc các điều kiện sử dụng. Hãy giảm tốc độ xe càng nhiều càng tốt trước khi tắt động cơ.
- Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Không được rút chìa khóa ra khỏi ổ khóa, nếu không vô lăng sẽ bị khóa lại.

Nếu xe bị ngập nước hoặc nước trên đường đang dâng lên

Xe này không được thiết kế để lái trên đường bị ngập nước sâu. Không được lái xe trên đường đang bị ngập nước hoặc nước đang dâng lên. Sẽ rất nguy hiểm khi vẫn ngồi trên xe, nếu biết trước rằng xe sẽ bị ngập nước hoặc sẽ bị trôi xe. Hãy bình tĩnh và tuân theo hướng dẫn sau.

- Nếu trường hợp có thể mở được cửa, hãy mở cửa và rời khỏi xe.
- Nếu trường hợp không có thể mở được cửa, hãy mở cửa sổ bằng cách sử dụng công tắc cửa sổ điện và ra khỏi xe qua đường cửa sổ.
- Nếu có thể mở được cửa sổ, hãy rời khỏi xe qua cửa sổ.
- Nếu không thể mở được cửa và cửa sổ do nước đang dâng lên, hãy bình tĩnh, hãy đợi đến khi nước trong xe dâng lên đến điểm có áp lực nước bên trong bằng với áp lực nước từ bên ngoài, sau đó mở cửa và rời khỏi xe. Nếu mức nước bên ngoài vượt quá nửa chiều cao của cửa, cửa sẽ không thể mở ra được từ bên trong do áp lực của nước.

n Nếu mức nước vượt quá chiều cao sàn xe

Nếu mức nước vượt quá sàn xe, theo thời gian các thiết bị điện sẽ bị hỏng, và không thể điều khiển được cửa sổ điện, động cơ sẽ dừng hoạt động và xe có thể không di chuyển được.

n Sử dụng búa thoát hiểm khẩn cấp*

Kính nhiều lớp được sử dụng cho kính chắn gió trên xe. Kính nhiều lớp này không thể đập vỡ được bằng búa thoát hiểm*. Kính an toàn được sử dụng cho các cửa sổ trên xe.

*: Hãy liên hệ với Đại lý Toyota hoặc nhà sản xuất phụ kiện để tìm hiểu thêm thông tin về búa thoát hiểm.

⚠ CẢNH BÁO

n Chú ý khi lái xe

Không được lái xe trên đường đang bị ngập nước hoặc nước đang dâng lên. Nếu không, xe có thể bị hư hỏng và không thể lái đi được, cũng như có thể bị ngập nước và bị trôi xe, dẫn đến tử vong.

Nếu xe cần được kéo

Nếu xe bạn cần được kéo, chúng tôi khuyến nghị nên yêu cầu đại lý Toyota hoặc dịch vụ cứu hộ, sử dụng xe tải có giá nâng bánh hoặc xe tải sàn phẳng để kéo.
Hãy sử dụng hệ thống cáp kéo đảm bảo an toàn, phù hợp với các quy định của quốc gia và địa phương.

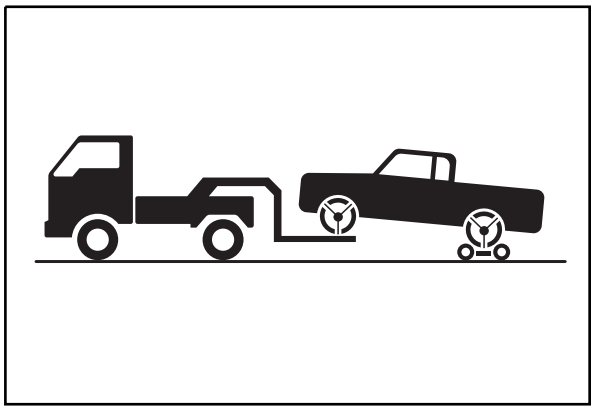
Những trường hợp cần liên hệ với đại lý trước khi kéo xe

Những triệu chứng sau báo hiệu đã có sự cố trong hộp số của xe bạn. Hãy liên hệ với đại lý Toyota trước khi tiến hành kéo xe.

- Khi động cơ đang hoạt động, nhưng xe không di chuyển được.
- Khi có tiếng ồn bất thường phát ra từ xe.

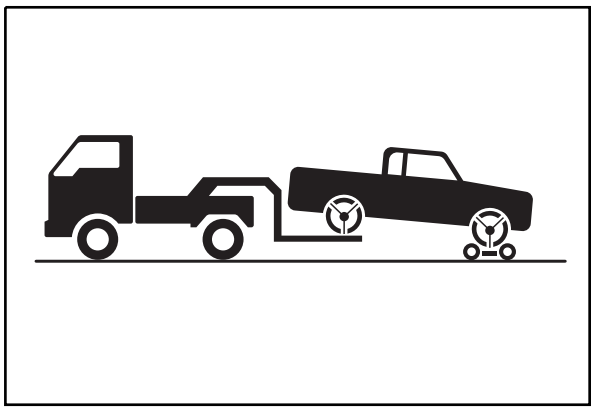
Kéo bằng xe kéo kiểu có giá nâng bánh xe

▶ Kéo từ phía trước



Sử dụng con lăn để đỡ dưới các bánh sau.

▶ Kéo từ phía sau



Sử dụng con lăn để đỡ phía dưới các bánh trước.

⚠ CẢNH BÁO

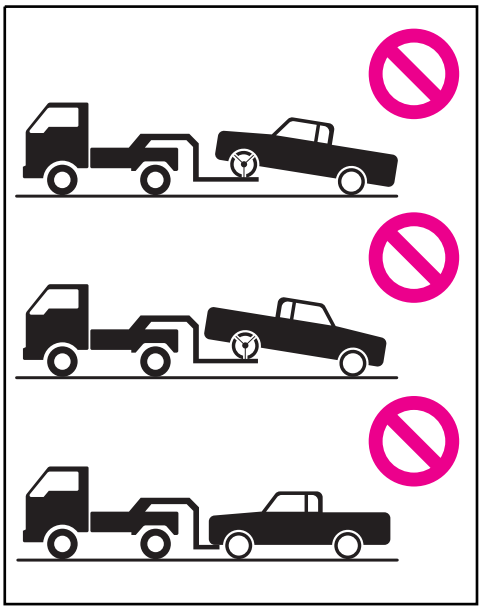
Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

CẢNH BÁO

n **Khi kéo xe**

Xe Pre Runner (Gầm cao)*: Hãy vận chuyển xe với cả 4 bánh xe được nâng lên khỏi mặt đất. Nếu kéo xe với các bánh tiếp đất, hệ thống truyền lực hoặc các chi tiết liên quan có thể bị hỏng hoặc tai nạn có thể xảy ra do thay đổi hướng chạy của xe.

Kiểu xe 4WD*: Chắc chắn vận chuyển xe với cả 4 bánh xe được nâng lên khỏi mặt đất. Nếu kéo xe mà các lốp chạm đất, thì hệ thống truyền lực hoặc các bộ phận liên quan có thể bị hư hỏng, xe có thể bị văng ra khỏi xe tải.



*: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P.11)

CHÚ Ý

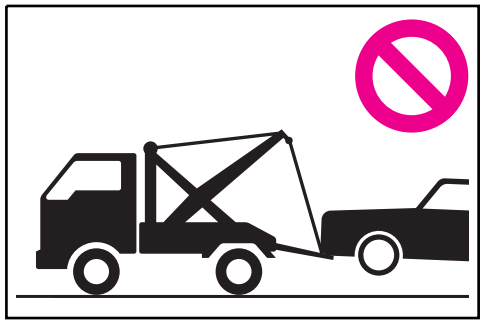
n **Để tránh làm hỏng xe khi kéo xe bằng xe kéo kiểu có giá nâng bánh xe**

l Không được kéo xe từ phía sau khi công tắc động cơ đang ở vị trí OFF. Cơ cấu khóa vô lăng (nếu được trang bị) không đủ chắc chắn để giữ cho các bánh trước hướng thẳng.

l Khi nâng xe lên, hãy đảm bảo khoảng sáng gầm xe ở đầu đối diện với đầu được nâng lên. Nếu khoảng sáng gầm xe không đủ, xe có thể sẽ bị hư hỏng trong khi kéo.

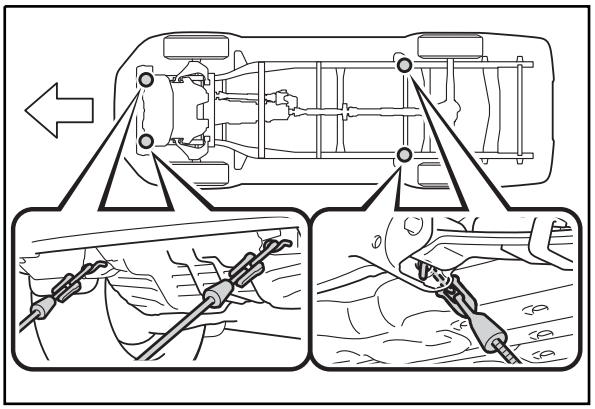
n **Kéo xe bằng xe kéo có móc treo**

Không kéo xe bằng xe kéo có móc treo để tránh làm hỏng thân xe.



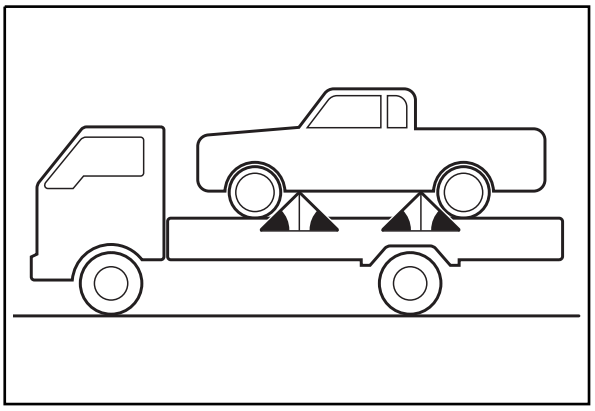
Sử dụng xe tải sàn phẳng để kéo

Nếu vận chuyển xe bằng xe tải sàn phẳng, thì nó phải được cố định chắc chắn tại những vị trí như trên hình vẽ.



Nếu bạn sử dụng xích hoặc cáp để cố định xe, thì góc nghiêng của cáp hoặc xích so với sàn phải là 45°.

Khi lắp các móc kéo vào phía sau xe, phải lắp chúng vào bên trong của xe.



Nếu bạn không thể buộc xe bằng phương pháp trên, hãy dùng đai buộc lốp xe.

> ⚠ CHÚ Ý
>
> n **Sử dụng xe tải sàn phẳng để kéo**
>
> l Không buộc xe chặt quá mức hoặc xe sẽ có thể bị hư hỏng.

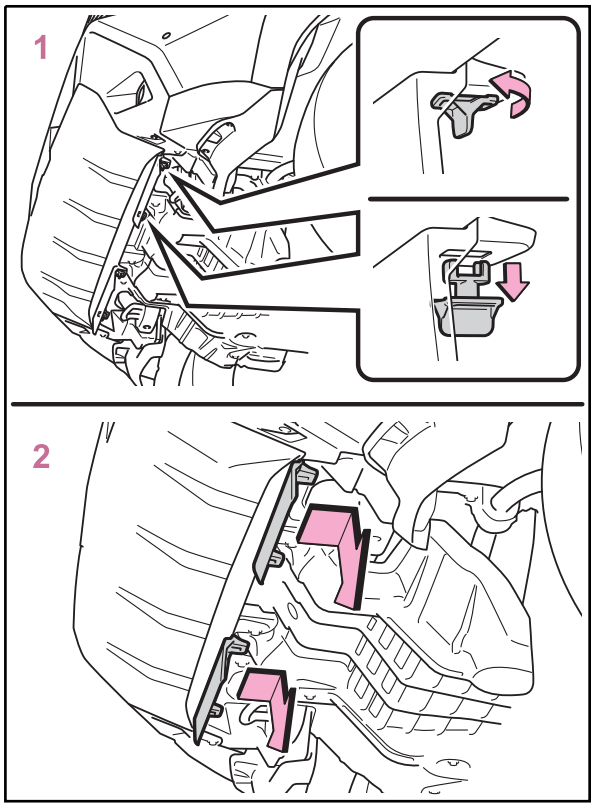
Kéo xe khẩn cấp

Trong trường hợp khẩn cấp mà không có dịch vụ cứu hộ, bạn có thể tạm thời cho kéo xe bằng dây cáp hoặc xích bằng cách gắn vào móc kéo xe khẩn cấp. Chỉ được thực hiện biện pháp kéo này trên mặt đường cứng, với một quãng đường ngắn khoảng 80 km ở tốc độ dưới 30 km/h.

Người lái phải ở bên trong xe để điều khiển vô lăng và điều khiển phanh. Các bánh xe, hệ thống truyền lực, cầu xe, hệ thống lái và hệ thống phanh phải ở tình trạng tốt.

Quy trình kéo xe khẩn cấp

1 Xe có cánh gió phía trước: Hãy tháo các cánh gió phía trước.

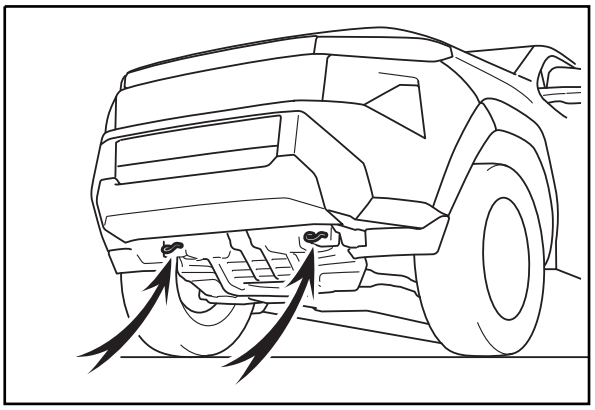


1 Hãy xoay và kéo các kẹp ra.

2 Hãy lựa các cánh gió phía trước theo hướng mũi tên, sau đó tháo chúng ra.

2 Gắn chắc các dây cáp hoặc xích với móc kéo.

Hãy cẩn thận để tránh làm hỏng thân xe.



3 Vào xe đang được kéo và khởi động động cơ.

Nếu động cơ không khởi động được, hãy bật công tắc động cơ.

Xe có hệ thống dừng và khởi động động cơ:
Trước khi kéo xe, hãy chuyển công tắc động cơ về vị trí tắt một lần, sau đó khởi động động cơ.

4 Xe 4WD*: Vặn công tắc điều khiển dẫn động bánh trước tới vị trí 2H. (→P.377)

5 Hãy chuyển cần số đến vị trí N và nhả phanh đỗ.

Xe có phanh đỗ (loại công tắc): Tắt chế độ tự động. (→P.201)

Khi không chuyển được cần số (xe có hộp số tự động): →P.192

*: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P.11)

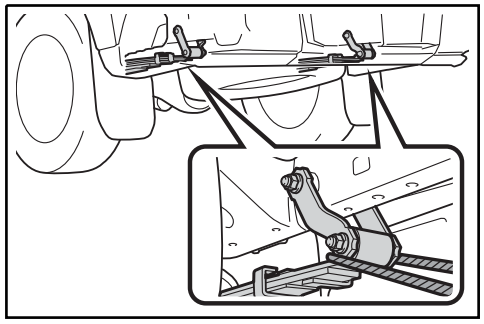
n Khi kéo xe

Khi động cơ không hoạt động, hệ thống trợ lực phanh và trợ lực lái cũng sẽ không hoạt động, vì vậy các thao tác phanh và lái sẽ thực hiện khó khăn hơn bình thường.

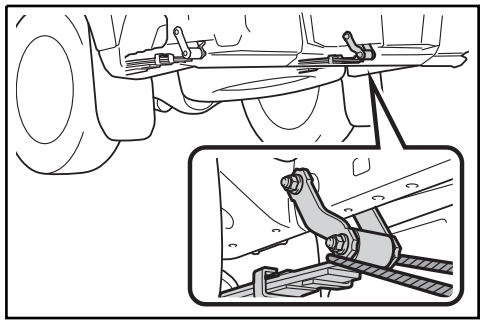
n Lá nhíp (chỉ áp dụng cho Indonesia)

Lá nhíp có thể được sử dụng trong trường hợp bạn cần kéo một chiếc xe nhẹ hơn xe của bạn bằng dây thừng trên đường thông thường. Gắn dây thừng tại vị trí được chỉ ra trong hình minh họa.

▶ Xe không có hệ thống điều chỉnh cân bằng đèn pha tự động



▶ Xe có hệ thống cân bằng đèn pha tự động



⚠ CẢNH BÁO

Hãy tuân theo các chú ý sau.
Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n Khi kéo xe

- Khi kéo xe bằng cáp hoặc xích, tránh khởi hành đột ngột… và tác dụng lực quá mạnh lên móc kéo, cáp hoặc xích. Các móc kéo, cáp hoặc xích có thể bị hỏng, đứt và va vào người, dẫn đến tai nạn nghiêm trọng.
- Xe có khóa vô lăng: Không xoay công tắc động cơ đến vị trí "OFF". Có thể vô lăng sẽ bị khóa lại và không thể điều khiển được.

CHÚ Ý

n **Để tránh làm hỏng xe trong khi kéo xe khẩn cấp**

Không cố định cáp hoặc xích vào các chi tiết của hệ thống treo.

CHÚ Ý

n **Khi kéo xe có hệ thống Dừng và Khởi động (nếu có)**

Nếu cần phải kéo xe với cả bốn bánh tiếp xúc với mặt đất, hãy tiến hành quy trình sau trước khi kéo xe để bảo vệ hệ thống.

Tắt công tắc động cơ sau đó khởi động động cơ hoặc bật công tắc động cơ đến ON.

Nếu có điều gì đó bất thường

Nếu bạn phát hiện ra một trong các triệu chứng sau, thì rất có thể xe của bạn sẽ cần phải điều chỉnh hoặc sửa chữa. Hãy liên lạc với đại lý Toyota của bạn càng sớm càng tốt.

Những triệu chứng có thể quan sát được

- Có dung dịch rò rỉ dưới gầm xe (Nước rỉ ra từ hệ thống điều hòa sau khi sử dụng là bình thường.)
- Lốp xe bị xịt hoặc mòn không đều
- Kim đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát động cơ liên lục chỉ báo cao hơn mức bình thường.

Những triệu chứng có thể nghe thấy được

- Tiếng khí xả khác thường
- Lốp xe rít lên khi vào cua
- Có tiếng ồn lạ liên quan tới hệ thống treo
- Tiếng gõ hoặc tiếng ồn khác có liên quan tới động cơ

Các triệu chứng khi lái xe

- Bỏ máy, động cơ rung hoặc giật

- Công suất động cơ giảm rõ rệt
- Xe bị lệch hẳn về một phía khi phanh
- Xe bị lệch hẳn về một phía khi lái xe trên đường phẳng
- Hiệu quả phanh giảm, có cảm giác hẫng, bàn đạp gần như chạm vào sàn xe

Hệ thống cắt bơm nhiên liệu (chỉ động cơ xăng)

Để giảm thiểu nguy cơ bị rò rỉ nhiên liệu khi động cơ bỏ máy hoặc khi túi khí nổ do va chạm, hệ thống cắt bơm nhiên liệu sẽ ngừng cấp nhiên liệu tới động cơ.

Khởi động lại động cơ

Hãy thực hiện theo quy trình sau để khởi động lại động cơ sau khi hệ thống cắt bơm nhiên liệu đã được kích hoạt.

1 Chuyển công tắc động cơ tới vị trí ACC hoặc OFF.

2 Khởi động lại động cơ.

⚠ CHÚ Ý

n **Trước khi khởi động động cơ**

Hãy kiểm tra phía dưới gầm xe.

Nếu bạn phát hiện ra có nhiên liệu rò rỉ, hệ thống nhiên liệu đã bị hư hỏng và cần phải sửa chữa. Không được khởi động lại động cơ.

Nếu đèn cảnh báo sáng hoặc chuông báo kêu

Hãy bình tĩnh thực hiện các thao tác sau nếu một trong các đèn cảnh báo sáng lên hoặc nhấp nháy. Nếu một đèn cảnh báo sáng lên hoặc nhấp nháy, nhưng sau đó tắt đi, thì đó có thể không phải là dấu hiệu hư hỏng của hệ thống. Tuy nhiên, nếu tình trạng này vẫn xảy ra, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

Đặt đèn cảnh báo hoặc chuông cảnh báo

n **Đèn cảnh báo hệ thống phanh (chuông cảnh báo)**

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Màu đỏ)	Chỉ ra rằng: ● Mức dầu phanh thấp; ● Hệ thống phanh đang bị hư hỏng ● Áp suất chân không trong bình chân không thấp (động cơ diesel) → **Hãy dừng xe ngay lập tức tại một địa điểm an toàn và liên lạc với đại lý Toyota để yêu cầu giúp đỡ. Sẽ rất nguy hiểm nếu tiếp tục lái xe trong điều kiện này.**

n **Đèn cảnh báo hệ thống phanh (chuông cảnh báo)**

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Màu vàng)	Thông báo có lỗi trong: ● Hệ thống phanh đỗ; hoặc ● Hệ thống phanh điều khiển điện tử → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.**

n **Đèn cảnh báo hệ thống nạp* (chuông cảnh báo)**

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
	Chỉ báo rằng đã có hư hỏng trong hệ thống nạp của xe → **Hãy dừng xe ngay lập tức tại một địa điểm an toàn và liên lạc với đại lý Toyota để yêu cầu giúp đỡ.**

*: Xe có màn hình đa thông tin: Đèn này sẽ sáng lên trên màn hình đa thông tin kèm theo một thông báo.

n Đèn cảnh báo áp suất dầu động cơ thấp* (chuông cảnh báo)

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
	Chỉ ra rằng mức áp suất dầu động cơ là rất thấp. → **Hãy dừng xe ngay lập tức tại một địa điểm an toàn và liên lạc với đại lý Toyota để yêu cầu giúp đỡ.**

*: Xe có màn hình đa thông tin: Đèn này sẽ sáng lên trên màn hình đa thông tin kèm theo một thông báo.

n Đèn cảnh báo nhiệt độ nước làm mát cao* (chuông cảnh báo)

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (nếu có)	Chỉ ra rằng động cơ đang quá nhiệt → **Hãy dừng xe tại một địa điểm an toàn.** **Phương pháp xử lý (→P.579)**

*: Xe có màn hình đa thông tin: Đèn này sẽ sáng lên trên màn hình đa thông tin kèm theo một thông báo.

n Đèn chỉ báo hư hỏng

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
	Thông báo có lỗi trong: ● Hệ thống điều khiển động cơ điện tử; ● Hệ thống điều khiển bướm ga điện tử; ● Hệ thống kiểm soát khí xả (nếu có); ● Hệ thống hộp số tự động điều khiển điện tử; ● Áp suất tăng áp trong turbo tăng áp.* (động cơ diesel); hoặc ● Hệ thống DRS (nếu có) → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.**

*: Hãy giảm tốc độ cho tới khi đèn này tắt đi.

n Đèn cảnh báo túi khí

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
	Thông báo có lỗi trong: ● Hệ thống túi khí; hoặc ● Hệ thống căng đai khẩn cấp → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.**

n Đèn cảnh báo ABS

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
	Thông báo có lỗi trong: ● Hệ thống ABS hoặc ● Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.**

n Đèn cảnh báo hệ thống lái trợ lực điện (chuông cảnh báo)

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Màu đỏ) (nếu có)  (Màu vàng) (nếu có)	Chỉ ra rằng có lỗi trong hệ thống EPS (hệ thống lái trợ lực điện) → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.**

n Đèn cảnh báo PCS (chuông cảnh báo)

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (nếu có)	Chỉ ra đã có trục trặc trong hệ thống PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm) → **Tuân thủ theo các hướng dẫn được hiển thị trên màn hình đa thông tin.** Nếu PCS (hệ thống cảnh báo tiền va chạm) hoặc VSC (hệ thống điều khiển ổn định xe) bị vô hiệu hóa, đèn cảnh báo PCS sẽ sáng.

n Đèn chỉ báo LTA (chuông cảnh báo)

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Màu vàng) (nếu có)	Chỉ ra rằng đã có hư hỏng trong LTA (Hỗ trợ bám làn đường) → **Tuân thủ theo các hướng dẫn được hiển thị trên màn hình đa thông tin.**

n Đèn chỉ báo LDA (chuông cảnh báo)

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Màu vàng) (nếu có)	Chỉ ra rằng đã có hư hỏng trong hệ thống LDA (Cảnh báo đi lệch làn đường) → **Tuân thủ theo các hướng dẫn được hiển thị trên màn hình đa thông tin.**

n Đèn chỉ báo hệ thống điều khiển chạy tự động (chuông cảnh báo)

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Màu vàng) (nếu có)	Chỉ ra đã có trục trặc trong hệ thống điều khiển chạy tự động. → **Tuân thủ theo các hướng dẫn được hiển thị trên màn hình đa thông tin.**

n Chỉ báo điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa(chuông cảnh báo)

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Màu vàng) (nếu có)	Chỉ ra đã có trục trặc trong hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa. → **Tuân thủ theo các hướng dẫn được hiển thị trên màn hình đa thông tin.**

n Chỉ báo thông tin hỗ trợ lái xe

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (nếu có)	Chỉ ra một trong hai hệ thống sau có thể đã bị trục trặc. ● PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm) (nếu có) ● LDA (Hệ thống cảnh báo lệch làn) (nếu có) → **Tuân thủ theo các hướng dẫn được hiển thị trên màn hình đa thông tin.** Chỉ ra bất kỳ hệ thống nào sau đây đang bị trục trặc, bị vô hiệu hóa, hoặc bị tắt. ● PKSB (Phanh hỗ trợ đỗ xe) (nếu có) ● Chức năng RCD (phát hiện bằng camera phía sau) (nếu có) ● BSM (Theo dõi điểm mù) (nếu có) ● Hệ thống RCTA (Cảnh báo phương tiện chạy cắt ngang phía sau) (nếu có) ● Hỗ trợ rời xuống xe an toàn (nếu có) → **Tuân thủ theo các hướng dẫn được hiển thị trên màn hình đa thông tin.**

n Đèn chỉ báo OFF cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota (chuông cảnh báo)

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (nếu có)	Khi chuông báo cũng kêu: Chỉ ra rằng có lỗi trong hệ thống cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.** Khi chuông cảnh báo không kêu: Chỉ ra rằng hệ thống tạm thời không khả dụng, có thể do cảm biến đang bị bẩn hoặc bị che phủ bởi băng,… → **Tuân thủ theo các hướng dẫn được hiển thị trên màn hình đa thông tin. (→P.554)**

n Đèn cảnh báo hệ thống nhiên liệu[*1] (chuông cảnh báo)[*2]

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Nhấp nháy hoặc sáng) (nếu có)	Lượng nước tích tụ trong bộ lọc nhiên liệu đã đạt tới giới hạn khi đèn nháy. → **P.490** Bộ lọc nhiên liệu cần được thay thế nếu đèn cảnh báo sáng. Nếu động cơ sử dụng nhiên liệu dầu diesel sinh học có tỷ lệ FAME (B5) lớn hơn 5%, thì kỳ thay thế bộ lọc nhiên liệu sẽ ngắn hơn. → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.**

[*1]: Xe có màn hình đa thông tin: Đèn này sẽ sáng lên trên màn hình đa thông tin kèm theo một thông báo.

[*2]: Chuông báo sẽ kêu cùng thời điểm với đèn cảnh báo nháy.

n Đèn cảnh báo hệ thống DPF[*]

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Nháy) (nếu có)	Khi chuông không kêu: Chỉ ra rằng một lượng nước tích tụ trong bộ lọc DPF đã đạt đến mức quy định. Việc tái tạo bộ lọc là cần thiết. → **Tham khảo P.395** Khi chuông báo kêu (đèn chỉ báo hư hỏng bật sáng): Thông báo có lỗi trong hệ thống DPF. → **Hãy yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra xe ngay lập tức.**

[*]: Xe có màn hình đa thông tin: Đèn này sẽ sáng lên trên màn hình đa thông tin kèm theo một thông báo.

n Đèn cảnh báo hoạt động bàn đạp không phù hợp* (chuông cảnh báo) (Xe có màn hình đa thông tin)

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
	Khi chuông báo cũng kêu: ● Hệ thống kiểm soát tăng ga ngoài ý muốn đang bị trục trặc ● Điều khiển dẫn động-khởi động đang bị hư hỏng (nếu có) ● Điều khiển dẫn động khởi động đang hoạt động (nếu có) → **Tuân thủ theo các hướng dẫn được hiển thị trên màn hình đa thông tin.** Khi chuông báo không kêu: Hệ thống kiểm soát tăng tốc ngoài ý muốn đang hoạt động. → **Nhả bàn đạp ga và đạp bàn đạp phanh.**

*: Đèn này sẽ sáng lên trên màn hình đa thông tin.

n Đèn cảnh báo hoạt động bàn đạp không phù hợp (Xe không có màn hình đa thông tin)

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
	Khi đèn cảnh báo nháy: ● Hệ thống kiểm soát tăng ga ngoài ý muốn đang bị trục trặc ● Điều khiển dẫn động-khởi động đang bị hư hỏng (nếu có) → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.** Khi đèn cảnh báo sáng: ● Hệ thống kiểm soát tăng ga ngoài ý muốn đang hoạt động. ● Điều khiển dẫn động khởi động đang hoạt động (nếu có) → **Nhả bàn đạp ga và đạp bàn đạp phanh.**

n Đèn chỉ báo tắt hệ thống dừng và khởi động động cơ

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Nháy) (nếu có)	Chỉ ra có trục trặc trong hệ thống Dừng và Khởi động (đèn chỉ báo hủy hệ thống Dừng và Khởi động sáng lên khi hệ thống được vô hiệu hóa: →P.268) → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.**

n Đèn chỉ báo trượt

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
	Thông báo có lỗi trong: ● Hệ thống VSC; ● Hệ thống kiểm soát lắc rơ moóc (nếu có); ● Hệ thống TRC/A-TRC; ● Hệ thống AUTO LSD (nếu có); ● Hệ thống điều khiển hỗ trợ khởi hành ngang dốc; ● Hệ thống điều khiển hỗ trợ xuống dốc (nếu có); hoặc ● Hệ thống chọn đa địa hình (nếu có) → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.**

n Đèn chỉ báo bốn bánh chủ động tốc độ cao

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Màu vàng) (nếu có)	Chỉ ra rằng đã có lỗi trong hệ thống bốn bánh chủ động khi đèn nháy nhanh. → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.**

n Đèn chỉ báo bốn bánh chủ động tốc độ thấp

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Nháy) (nếu có)	Chỉ ra rằng đã có lỗi trong hệ thống bốn bánh chủ động khi đèn nháy nhanh. → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.**

n Đèn chỉ báo khóa vi sai sau

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Nháy) (nếu có)	Chỉ ra rằng hệ thống khóa vi sai sau đã bị lỗi khi đèn này nháy nhanh. → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.**

n Đèn cảnh báo nhiệt độ dầu hộp số tự động*

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Nhấp nháy hoặc sáng) (nếu có)	Chỉ ra rằng nhiệt độ dầu hộp số tự động quá cao khi đèn này sáng lên. → **Dừng ngay xe tại một địa điểm an toàn, chuyển cần số đến P và chờ cho đến khi đèn tắt đi. Nếu đèn không tắt, bạn có thể khởi động lại động cơ. Nếu đèn cảnh báo không tắt, hãy liên hệ với Đại lý Toyota.** Chỉ ra rằng có lỗi trong hệ thống hộp số tự động nếu đèn nháy. → **Hãy dừng xe ngay lập tức tại một địa điểm an toàn và liên lạc với đại lý Toyota để yêu cầu giúp đỡ.**

*: Xe có màn hình đa thông tin: Đèn này sẽ sáng lên trên màn hình đa thông tin kèm theo một thông báo.

n Chỉ báo phanh đỗ*

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Nháy)	Có thể là do phanh đỗ chưa được gài hoặc nhả hoàn toàn. → **Thao tác với công tắc phanh đỗ một lần nữa.** Đèn cảnh báo này cũng sẽ sáng lên khi không nhả phanh đỗ. Nếu đèn cảnh báo tắt đi sau khi phanh đỗ được nhả ra hoàn toàn thì điều đó có nghĩa là hệ thống vẫn làm việc bình thường.

*: Xe có phanh đỗ (loại công tắc)

n Đèn chỉ báo phanh đỗ*1 (chuông cảnh báo)*2

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
	Nhắc nhở người lái nhả phanh đỗ. → **Nhả phanh đỗ.**

*1: Xe được trang bị phanh đỗ (loại cần)

*2: Chuông cảnh báo gài phanh đỗ sẽ kêu nếu tốc độ xe đạt từ 5 km/h trở lên.

n Đèn chỉ báo hoạt động giữ phanh (Chuông cảnh báo)

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Nháy) (nếu có)	Chỉ ra rằng có lỗi trong hệ thống giữ phanh → **Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.**

n Đèn cảnh báo tốc độ*1 (chuông báo)*2

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (nếu có)	Chỉ ra rằng tốc độ của xe đã vượt quá 120 km/h. → **Hãy giảm tốc độ xe.**

*1: Xe có màn hình đa thông tin: Đèn này sẽ sáng lên trên màn hình đa thông tin kèm theo một thông báo.

*2: Chuông cảnh báo tốc độ sẽ kêu nếu tốc độ xe đạt từ 120 km/h trở lên và sẽ ngừng kêu sau 6 giây hoặc nếu bạn giảm tốc độ xe xuống dưới 120 km/h.

n Đèn cảnh báo dừng lại

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (Nháy) (nếu có)	Chỉ ra sự cố trong xe. → **Hãy dừng xe ngay lập tức tại một địa điểm an toàn và liên lạc với đại lý Toyota để yêu cầu giúp đỡ.**

n Đèn cảnh báo nhắc bảo dưỡng* (chuông cảnh báo)

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (nếu có)	Chỉ báo rằng hệ thống điều khiển động cơ hoặc hệ thống điều khiển bướm ga điện tử đã bị trục trặc. → **Hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn**

*: Xe có màn hình đa thông tin: Đèn này sẽ sáng lên trên màn hình đa thông tin kèm theo một thông báo.

n Đèn cảnh báo mức nhiên liệu thấp

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
	Chỉ ra lượng nhiên liệu còn lại chỉ khoảng 12.0 L trở xuống. → **Hãy nạp nhiên liệu cho xe.**

n Đèn cảnh báo mức dung dịch AdBlue™ thấp (chuông cảnh báo)

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (nếu có)	Chỉ ra rằng động cơ không thể khởi động lại được do mức dung dịch AdBlue™ thấp. → **Hãy nạp lại AdBlue™ tại Đại lý Toyota.**

n Đèn cảnh báo mức dầu động cơ thấp*

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (nếu có)	Chỉ báo rằng áp suất dầu động cơ quá thấp (Đèn này có thể sẽ sáng lên khi dừng xe trên đường dốc. Hãy di chuyển xe tới vị trí bằng phẳng và kiểm tra xem đèn có tắt đi không.) → **Kiểm tra mức dầu động cơ hoặc bổ sung dầu động cơ nếu cần thiết. (→P.480)**

*: Xe có màn hình đa thông tin: Đèn này sẽ sáng lên trên màn hình đa thông tin kèm theo một thông báo.

n Đèn cảnh báo áp suất lốp

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (nếu có)	Khi đèn cảnh báo sáng lên (chuông báo kêu): ● Giảm áp suất lốp do nguyên nhân tự nhiên → **Sau khi lốp xe đã đủ nguội, hãy kiểm tra áp suất của từng lốp và điều chỉnh tới giá trị tiêu chuẩn.** ● Áp suất lốp thấp do lốp bị xịt → **Hãy ngay lập tức dừng xe ở vị trí an toàn và thực hiện các hành động xử lý cần thiết.** Khi đèn sáng lên sau khi nhấp nháy khoảng 1 phút (không có tiếng bíp): Có lỗi trong hệ thống cảnh báo áp suất lốp → **Hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.**

n Đèn chỉ báo "AUTO LSD"

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
AUTO LSD (Nháy) (nếu có)	Chỉ ra rằng hệ thống đang tạm thời không khả dụng, do hệ thống phanh quá nóng. → **P.393**

n Đèn cảnh báo mở cửa[*1] (chuông cảnh báo)[*2]

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (nếu có)	Chỉ ra rằng cửa xe chưa đóng chặt. → **Kiểm tra rằng tất cả các cửa xe đều đã đóng lại.**

[*1]: Xe có màn hình đa thông tin: Đèn này sẽ sáng lên trên màn hình đa thông tin kèm theo một thông báo.

[*2]: Chuông cảnh báo cửa mở sẽ kêu nếu tốc độ xe đạt từ 5 km/h trở lên.

n Đèn nhắc người lái và hành khách phía trước thắt đai an toàn (chuông cảnh báo)[*1]

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
	Cảnh báo cho người lái và/hoặc hành khách phía trước thắt đai an toàn → **Thắt đai an toàn. Nếu có người ngồi trên ghế hành khách phía trước, đai an toàn trên ghế hành khách phía trước cần được thắt để tắt đèn cảnh báo (chuông cảnh báo).**

[*1]: Chuông nhắc nhở người lái và hành khách thắt đai an toàn:
Chuông nhắc người lái và hành khách phía trước thắt đai an toàn sẽ kêu để cảnh báo người lái và hành khách phía trước rằng đai an toàn chưa được thắt. Nếu chưa thắt đai an toàn, chuông báo sẽ kêu gián đoạn trong một thời gian sau khi xe đạt đến tốc độ nhất định.

n Đèn nhắc nhở người ngồi phía sau thắt đai an toàn (chuông cảnh báo kêu)[*1]

Đèn cảnh báo	Chi tiết/Hành động
 (nếu có) hoặc  (nếu có)	Cảnh báo cho hành khách phía sau thắt đai an toàn của mình → **Thắt đai an toàn.**

[*1]: Chuông cảnh báo thắt đai an toàn trên ghế hành khách phía sau (ngoại trừ các mẫu xe GUN226L-CTFMX[*2]):
Chuông nhắc nhở hành khách phía sau thắt đai an toàn kêu để báo cho hành khách phía sau biết rằng đai chưa được thắt. Nếu chưa thắt đai an toàn, chuông báo sẽ kêu gián đoạn trong một thời gian, sau khi đai an toàn được thắt và chưa được thắt và xe đạt đến tốc độ nhất định.
Chuông cảnh báo thắt đai an toàn trên ghế hành khách phía sau (cho các mẫu xe GUN226L-CTFMX[*2]):
Chuông nhắc nhở hành khách phía sau thắt đai an toàn kêu để báo cho hành khách phía sau biết rằng đai chưa được thắt. Nếu chưa thắt đai an toàn, chuông báo sẽ kêu gián đoạn trong một thời gian sau khi xe đạt đến tốc độ nhất định.

[*2]: Mã kiểu xe được in trên nhãn của nhà sản xuất. (→P.586)

---

n Chuông cảnh báo

Trong một số trường hợp, bạn sẽ không thể nghe thấy tiếng chuông cảnh báo do khu vực sử dụng xe quá ồn hoặc hệ thống âm thanh phát ra quá lớn.

n Cảm biến phát hiện hành khách, chuông cảnh báo và nhắc nhở thắt đai an toàn

- Nếu hành lý được đặt trên ghế hành khách, một cảm biến phát hiện hành khách phía trước hoặc cảm biến phát hiện hành khách phía sau (nếu có) có thể làm đèn cảnh báo nhấp nháy và chuông cảnh báo kêu ngay cả khi hành khách không ngồi trên ghế.
- Nếu đặt tấm đệm lót ghế lên ghế, cảm biến sẽ không xác định được là có người ngồi trên ghế hay không và đèn cảnh báo có thể không làm việc chính xác được.

n Chuông cảnh báo tốc độ (xe có mã thị trường X[*])

Chuông báo sẽ kêu khi tốc độ xe bằng hoặc vượt quá 80 km/h. Sau đó, chuông báo sẽ kêu với tiếng có âm báo khác khi tốc độ xe bằng hoặc vượt quá 120 km/h.

[*]: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P.11)

n Nếu đèn chỉ báo lỗi sáng lên trong khi lái xe

Với một vài kiểu xe, đèn chỉ báo hư hỏng sẽ sáng lên nếu bình nhiên liệu

bị cạn hoàn toàn. Nếu bình nhiên liệu đã cạn hoàn toàn, thì hãy nạp nhiên liệu ngay lập tức. Đèn chỉ báo hư hỏng sẽ tắt sau khi xe chạy được một vài hành trình.

Nếu đèn chỉ báo không tắt, hãy liên lạc với đại lý Toyota.

n Đèn cảnh báo hệ thống lái trợ lực điện (chuông cảnh báo) (nếu được trang bị)

Khi nạp ắc quy không đủ, điệp áp tạm thời bị sụt xuống, đèn cảnh báo hệ thống lái trợ lực điện có thể sáng lên và chuông cảnh báo có thể kêu.

n Khi đèn cảnh báo áp suất lốp sáng lên (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)

Kiểm tra lốp xe xem có bị thủng lốp không.

Nếu lốp xe bị thủng: →P.557

Nếu lốp xe không bị thủng:

Công tắc động cơ được tắt sau đó bật ON. Kiểm tra rằng đèn cảnh báo áp suất lốp sáng lên hoặc nháy.

▶ Nếu đèn cảnh báo áp suất lốp sáng lên sau khi nhấp nháy khoảng 1 phút

Có thể đã có lỗi trong hệ thống cảnh báo áp suất lốp. Hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn ngay lập tức.

▶ Nếu đèn cảnh báo áp suất lốp sáng lên

Sau khi lốp xe đã đủ nguội, hãy kiểm tra áp suất của từng lốp và điều chỉnh tới giá trị tiêu chuẩn.

Nếu sau vài phút mà đèn cảnh báo vẫn không tắt, hãy kiểm tra xem áp suất của các lốp xe có ở mức tiêu chuẩn hay không và thực hiện quy trình cài đặt áp suất lốp. (→P.503)

Nếu đèn cảnh báo vẫn không tắt đi sau vài phút kể từ khi thực hiện quy trình cài đặt áp suất lốp, hãy đưa xe đến đại lý Toyota của bạn để kiểm tra ngay lập tức.

n Đèn cảnh báo áp suất lốp có thể sáng lên do một số nguyên nhân tự nhiên (xe có hệ thống cảnh báp áp suất lốp)

Đèn cảnh báo áp suất lốp có thể sáng do các nguyên nhân như lốp bị non hơi tự nhiên hoặc thay đổi áp suất lốp do nhiệt độ. Trong trường hợp này, đèn cảnh báo sẽ tắt sau khi điều chỉnh lại áp suất lốp (sau một vài phút).

n Khi thay lốp xe bằng lốp dự phòng (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)

Lốp dự phòng được trang bị van cảm biến áp suất lốp. Đèn cảnh báo áp suất lốp sẽ sáng lên nếu áp suất của lốp dự phòng thấp. Nếu lốp bị xịt hơi, đèn cảnh báo áp suất lốp sẽ không tắt ngay cả khi thay lốp bị xịt bằng lốp dự phòng. Hãy thay lốp dự phòng bằng lốp đã được sửa chữa và điều chỉnh áp suất lốp đến mức tiêu chuẩn. Đèn cảnh báo áp suất lốp sẽ tắt đi sau vài phút.

n Hệ thống cảnh báo áp suất lốp sẽ không hoạt động chính xác trong các điều kiện sau

→P.499

⚠ CẢNH BÁO

n Nếu đèn cảnh báo sáng lên hoặc chuông báo kêu khi một thông điệp cảnh báo xuất hiện trên màn hình đa thông tin (xe có màn hình đa thông tin)

Hãy kiểm tra và làm theo thông báo trên màn hình đa thông tin.

Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Khi đèn cảnh báo hệ thống lái trợ lực điện sáng (nếu có)**

Khi đèn sáng màu vàng, thì hoạt động trợ lực lái sẽ bị hạn chế. Khi đèn sáng màu đỏ, trợ lực lái bị mất và hoạt động điều khiển vô lăng sẽ trở nên rất nặng.

Nếu vô lăng trở nên nặng hơn trong khi lái xe, hãy giữ chắc vô lăng và dùng lực mạnh hơn bình thường.

n **Nếu đèn cảnh báo áp suất lốp sáng (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)**

Hãy tuân theo các lưu ý sau. Nếu không có thể dẫn đến mất lái và gây ra chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

- Hãy dừng xe tại vị trí an toàn càng sớm càng tốt. Hãy điều chỉnh áp suất lốp ngay lập tức.
- Nếu đèn cảnh báo áp suất lốp sáng lên sau khi đã điều chỉnh áp suất lốp, lốp xe có thể đã bị xịt hơi. Hãy kiểm tra các lốp. Nếu lốp bị xịt hơi, hãy thay bằng lốp dự phòng và sửa lốp bị thủng tại đại lý Toyota gần nhất.

⚠ CẢNH BÁO

- Tránh đánh lái đột ngột và phanh gấp. Nếu lốp xe bị xịt hơi, bạn có thể mất khả năng kiểm soát vô lăng hoặc phanh.

n **Nếu xe bị nổ lốp hoặc áp suất lốp giảm đột ngột (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)**

Hệ thống cảnh báo áp suất lốp có thể không được kích hoạt ngay lập tức.

⚠ CHÚ Ý

n **Nếu đèn chỉ báo lỗi sáng lên trong khi áp suất tăng áp của turbo tăng áp cao bất thường (động cơ diesel)**

Không lái xe ở tốc độ cao hoặc rồ ga động cơ kể cả khi đèn báo đã tắt đi.

n **Nếu đèn cảnh báo hệ thống nhiên liệu nháy (động cơ diesel)**

Không được lái xe khi đèn cảnh báo này đang nháy. Nếu tiếp tục lái xe khi nước đang tích tụ trong bộ lọc nhiên liệu có thể làm hỏng bơm nhiên liệu.

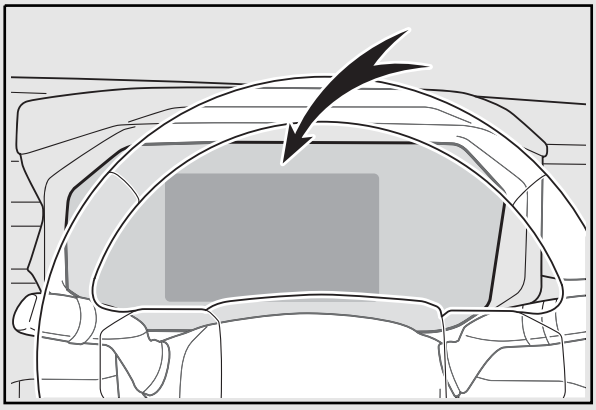
n **Để đảm bảo hệ thống cảnh báo áp suất lốp hoạt động chính xác (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)**

Không lắp các lốp có thông số kỹ thuật hoặc nhà sản xuất khác, vì khi đó hệ thống cảnh báo áp suất lốp sẽ không hoạt động chính xác.

Nếu xuất hiện một thông điệp cảnh báo*

*: Nếu có

Màn hình đa thông tin sẽ cho biết các cảnh báo lỗi của hệ thống, thông báo về các thao tác sử dụng sai và cho biết xe cần bảo dưỡng. Khi xuất hiện một thông báo, hãy làm theo các hướng dẫn của thông báo đó.



Nếu thông điệp cảnh báo lại xuất hiện lại sau khi đã thực hiện các biện pháp xử lý theo chỉ dẫn, hãy liên hệ với đại lý Toyota.

Các thông báo và cảnh báo

Các đèn cảnh báo và chuông cảnh báo sẽ hoạt động như sau tùy vào nội dung của thông báo. Nếu một thông báo yêu cầu phải kiểm tra xe, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn ngay lập tức.

Đèn cảnh báo	Chuông cảnh báo*	Nội dung cảnh báo
—	Kêu	• Chỉ ra một tình huống quan trọng, như khi một hệ thống liên quan đến khả năng điều khiển xe đã bị lỗi hoặc cảnh báo nguy hiểm có thể xuất hiện do chưa thực hiện đúng quy trình chuẩn. • Chỉ ra về một tình huống, như khi có thể dẫn tới hư hỏng xe hoặc bị nguy hiểm
Sáng lên hoặc nhấp nháy	Kêu	Chỉ ra một tình huống quan trọng, như hệ thống đang xuất hiện trên màn hình đa thông tin có thể đã bị lỗi
—	Không kêu	• Chỉ ra về một tình huống, như khi có lỗi trong các thiết bị điện, tình trạng của các thiết bị điện hoặc thông báo nhu cầu bảo dưỡng • Chỉ ra về một tình huống, như khi thao tác không chính xác hoặc chỉ ra cách thao tác chính xác

*: Chuông báo sẽ kêu khi một thông điệp xuất hiện lần đầu trên màn hình đa thông tin.

n Các thông điệp cảnh báo

Những thông điệp cảnh báo được giải thích dưới đây có thể khác với thông điệp thực tế tùy theo các điều kiện hoạt động và các thông số kỹ thuật của xe.

n Chuông cảnh báo

Trong một số trường hợp, bạn sẽ không thể nghe thấy tiếng chuông cảnh báo do khu vực sử dụng xe quá ồn hoặc hệ thống âm thanh phát ra quá lớn.

n Nếu thông điệp chỉ ra cần đến Đại lý Toyota xuất hiện

Hệ thống hoặc chi tiết xuất hiện trên màn hình đa thông tin đã bị lỗi. Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra ngay xe giúp bạn.

n Nếu xuất hiện một thông báo về một thao tác

l Nếu xuất hiện một thông báo về thao tác với bàn đạp ga hoặc bàn đạp phanh như sau

Một thông điệp cảnh báo về hoạt động của bàn đạp phanh xuất hiện trong khi các hệ thống hỗ trợ lái như PCS (hệ thống cảnh báo tiền va chạm) (nếu có), hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra đa (nếu có) đang hoạt động. Nếu một cảnh

báo được hiển thị, hãy giảm tốc độ của xe hoặc làm theo hướng dẫn trên màn hình đa thông tin.

l Một thông điệp cảnh báo xuất hiện khi hệ thống kiểm soát tăng tốc ngoài ý muốn đang hoạt động. (→P.174)

l Một thông điệp cảnh báo xuất hiện khi hệ thống điều khiển Dẫn động-Khởi động (nếu có) hoặc phanh hỗ trợ đỗ xe (nếu có) (→P.181, 299) hoạt động. Hãy làm theo các hướng dẫn trên màn hình đa thông tin.

l Nếu xuất hiện một thông báo về thao tác của công tắc động cơ như sau

Một hướng dẫn về thao tác với công tắc động cơ sẽ xuất hiện khi người lái thực hiện sai quy trình khởi động động cơ hoặc thao tác công tắc động cơ không chính xác. Hãy làm theo các hướng dẫn trên màn hình đa thông tin để thao tác lại với công tắc động cơ.

l Nếu xuất hiện một thông báo về thao tác với cần số như sau

Để tránh thao tác sai với cần số hoặc xe di chuyển bất ngờ, một thông báo yêu cầu thao tác với cần chuyển số có thể sẽ xuất hiện trên màn hình đa thông tin. Trong trường hợp này, hãy làm theo hướng dẫn và chuyển cần số.

l Nếu xuất hiện một thông báo hoặc hình ảnh về trạng thái mở/đóng của chi tiết hoặc bổ sung tiêu hao như sau

Hãy xác nhận chi tiết được chỉ ra trên màn hình đa thông tin hoặc đèn cảnh báo, sau đó thực hiện thao tác xử lý như đóng lại hoặc bổ sung tiêu hao.

n **Nếu thông điệp chỉ ra cần tham khảo Hướng dẫn sử dụng xuất hiện**

l Nếu các thông báo sau xuất hiện, hãy làm theo các hướng dẫn tương ứng.

- "Nhiệt độ nước làm mát động cơ cao Dừng lại ở vị trí an toàn Xem Hướng dẫn sử dụng" (→P.579)
- “Tích tụ nước trong bộ lọc nhiên liệu” (→P.490)
- “Mức AdBlue thấp Đổ đầy AdBlue Ở 2400km” (→P.492)
- "Mức AdBlue thấp Không khởi động trong 800km Đổ đầy" (→P.492)
- "AdBlue cạn không thể khởi động lại động cơ Đổ đầy AdBlue" (→P.492)
- “DPF full" (→P.395)

l Nếu các thông điệp sau đây được hiển thị, thì có thể có lỗi trong hệ thống.
Hãy dừng xe ngay lập tức tại một địa điểm an toàn và liên lạc với đại lý Toyota để yêu cầu giúp đỡ. Sẽ rất nguy hiểm nếu vẫn tiếp tục lái xe.

- "Nhiệt độ dầu hộp số cao Dừng lại ở vị trí an toàn Xem Hướng dẫn sử dụng"
- “Lỗi hệ thống mở khóa và khởi động thông minh”
- “Không thể giữ phanh” (→P.205)

l Nếu thông điệp sau xuất hiện, thì có thể có lỗi trong hệ thống.
Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

- "Áp suất dầu thấp"
- "Lực phanh thấp"

l Nếu xuất hiện thông báo "Lỗi hệ thống sạc ắc-quy 12 Volt Dừng ở nơi an toàn Xem Hướng dẫn Sử dụng"

Cho biết rằng đã có hư hỏng trong hệ thống nạp của xe. Dừng xe lại càng sớm càng tốt khi có thể ở địa điểm an toàn. Khi thông điệp được hiển thị, có thể hạn chế chức năng của điều hòa không khí vv.. để giảm hao điện ắc quy.

n **Nếu thông điệp "Động cơ dừng Trợ lực lái thấp" được hiển thị**

Thông điệp này xuất hiện khi tắt động cơ trong khi lái xe.

Nếu vô lăng trở nên nặng hơn trong khi lái xe, hãy giữ chắc vô lăng và dùng lực mạnh hơn bình thường.

n Nếu "Chuyển sang P trước khi ra khỏi xe" được hiển thị

Thông báo này sẽ xuất hiện khi cửa người lái được mở ra mà không tắt công tắc động cơ với cần số đang ở vị trí khác P.

Chuyển cần số tới vị trí P.

n Nếu "Tự động tắt nguồn để tiết kiệm ắc quy" xuất hiện

Xe đã được tắt nguồn nhờ chức năng tắt nguồn tự động.

Khi khởi động động cơ trong lần tiếp theo, hãy tăng nhẹ tốc độ động cơ và duy trì tốc độ đó khoảng 5 phút để nạp điện cho ắc quy.

n Nếu thông điệp "Mức dầu động cơ thấp Bổ sung hoặc thay thế" hiển thị

Mức dầu động cơ thấp. Hãy kiểm tra mức dầu động cơ và bổ sung nếu cần. (→P.480) Thông điệp cảnh báo này có thể xuất hiện nếu xe được đỗ trên đường dốc. Lái xe đến địa điểm bằng phẳng và kiểm tra xem thông điệp có tắt không.

n Nếu "Vô lăng sẽ rung để tránh đóng băng, lái xe cẩn thận" được hiển thị

Khi hệ thống xác định có khả năng cao nước trong hệ thống lái bị đóng băng, vô lăng sẽ rung để ngăn ngừa đóng băng. Lái xe ở tốc độ an toàn và ngay lập tức đưa xe đến đại lý Toyota của bạn để kiểm tra.

n Nếu xuất hiện thông báo "Hệ thống lái bị đóng băng Không lái xe Liên hệ đại lý của bạn"

Nước tích tụ trong hệ thống lái có thể bị đóng băng. Không bao giờ đi xe và ngay lập tức dừng xe ở nơi an toàn và liên hệ với đại lý Toyota của bạn.

Dừng xe một lúc với động cơ đang chạy để băng tan chảy và thông báo thay đổi. (Thời gian dừng cần thiết thay đổi tùy thuộc vào nhiệt độ.)

Vô lăng bắt đầu rung và thông báo sẽ thay đổi thành "Vô lăng sẽ rung để ngăn ngừa sự đông cứng Lái xe cẩn thận." (→P.553)

n Nếu "CẦN PHỤC HỒI TOÀN BỘ DPF BẰNG TAY XEM HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG" được hiển thị

Lượng muội than tích tụ trong bộ lọc cần được tái tạo. (→P.395)

n Nếu thông điệp "Đang tiến hành Phục hồi DPF" được hiển thị

Sự tái tạo đang thực hiện tự động bởi hệ thống DPF. (→P.395)

n Nếu thông báo "Không có Hỗ trợ Đỗ xe Cảm biến Bị chặn" xuất hiện trên màn hình đa thông tin

Cảm biến bị che phủ bởi nước, đá, tuyết, bụi bẩn,... Hãy làm sạch chúng khỏi cảm biến, thì hệ thống sẽ trở về bình thường.

Ngoài ra, do băng đã bám lên cảm biến với nhiệt độ thấp, thông điệp cảnh báo có thể được hiển thị hoặc cảm biến không thể phát hiện được vật thể. Sau khi băng tan, hệ thống sẽ trở về bình thường.

Nếu cảm biến bị bẩn, vị trí của cảm biến đang bị bẩn sẽ được hiển thị trên màn hình.

Nếu một hiện tượng bất thường xuất hiện ngay cả khi không có nước, đá, tuyết hoặc bụi bẩn, có thể cảm biến đang hoạt động bất thường. Hãy yêu cầu Đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

n Nếu xuất hiện thông báo "Hỗ trợ Đỗ xe Không khả dụng Tầm nhìn Kém Xem Hướng dẫn Sử dụng"

Chỉ ra một trong các hệ thống sau đây bị vô hiệu hóa.

-  RCD (Phát hiện bằng camera phía sau) (nếu có)
-  PKSB (Hệ thống phanh hỗ trợ đỗ xe) (nếu có)

Hãy lau sạch bụi bẩn hoặc tạp chất ra khỏi các camera sau.

n Nếu xuất hiện thông báo "Lỗi Hệ thống Đến đại lý của bạn"

Chỉ ra một trong các hệ thống sau đây bị vô hiệu hóa.

- Hệ thống cảnh báo tiền va chạm (PCS) (nếu có)
- LDA (Cảnh báo lệch làn) (nếu có)
- LTA (Hỗ trợ bám làn đường) (nếu có)
- AHB (Chiếu xa tự động) (nếu có)
- Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng rađa (nếu có)
- RSA (Hỗ trợ nhận diện biển báo) (nếu có)
- BSM (Theo dõi điểm mù) (nếu có)
- RCTA (cảnh báo có phương tiện chạy cắt ngang phía sau) (nếu có)
- Hỗ trợ rời khỏi xe an toàn (nếu có)
- Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota (nếu có)
- PKSB (Hệ thống phanh hỗ trợ đỗ xe) (nếu có)
- RCD (Phát hiện bằng camera phía sau) (nếu có)

Hãy ngay lập tức yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

n Nếu xuất hiện thông báo "Đã dừng Hệ thốngXem Hướng dẫn Sử dụng"

Chỉ ra một trong các hệ thống sau đây bị vô hiệu hóa.

Kiểm tra biểu tượng hiển thị, và hãy làm theo các giải pháp khắc phục sau đây.

- Hệ thống cảnh báo tiền va chạm (PCS) (nếu có)
- LDA (Cảnh báo lệch làn) (nếu có)
- LTA (Hỗ trợ bám làn đường) (nếu có)
- AHB (Chiếu xa tự động) (nếu có)
- Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng rađa (nếu có)
- RSA (Hỗ trợ nhận diện biển báo) (nếu có)
- BSM (Theo dõi điểm mù) (nếu có)
- RCTA (cảnh báo có phương tiện chạy cắt ngang phía sau) (nếu có)
- Hỗ trợ rời khỏi xe an toàn (nếu có)
- Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota (nếu có)
- PKSB (Hệ thống phanh hỗ trợ đỗ xe) (nếu có)
- RCD (Phát hiện bằng camera phía sau) (nếu có)

• Kiểm tra các cảm biến của hệ thống cảm nhận an toàn của Toyota xem có bị tạp chất che khuất không. Hãy loại bỏ tạp chất nếu có. (→P.222)
• Kiểm tra những tình huống có thể làm cho các cảm biến hoạt động không chính xác, và cải thiện tình huống nếu có thể. (→P.278, 282, 286, 293, 297)

- Kiểm tra các cảm biến, bao gồm cả các cảm biến camera để xem có bị tạp chất che khuất không. Hãy loại bỏ tạp chất nếu có. (→P.275, 283)
- Hãy kiểm tra xem có tạp chất nào dính trên cản sau gần cảm biến ra đa hay không và loại bỏ chúng nếu có. (→P.275)
- Khi đã xử lý xong các vấn đề và các cảm biến đã hoạt động trở lại, thì chỉ báo này có thể sẽ tự biến mất.

n **Nếu xuất hiện thông báo "Đã dừng Hệ thống Camera trước có tầm nhìn kém Xem Hướng dẫn Sử dụng"**

Chỉ ra một trong các hệ thống sau đây bị vô hiệu hóa.

l Hệ thống cảnh báo tiền va chạm (PCS) (nếu có)

l LDA (Cảnh báo lệch làn) (nếu có)

l LTA (Hỗ trợ bám làn đường) (nếu có)

l AHB (Chiếu xa tự động) (nếu có)

l Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng rađa (nếu có)

l RSA (Hỗ trợ nhận diện biển báo) (nếu có)

Hãy làm theo các giải pháp khắc phục sau đây.

- Sử dụng cần gạt nước kính chắn gió, gạt sạch hết bụi bẩn bám trên kính chắn gió.
- Sử dụng hệ thống điều hòa không khí, sấy khô kính chắn gió.
- Đóng nắp ca pô, bóc hết các sticker... để loại bỏ hết các vật cản phía trước camera phía trước.

n **Nếu thông điệp "Đã dừng Hệ thống Hệ thống cam trước Nằm ngoài dải nhiệt độ Chờ đến khi nhiệt độ bình thường" được hiển thị.**

Chỉ ra một trong các hệ thống sau đây bị vô hiệu hóa.

l Hệ thống cảnh báo tiền va chạm (PCS) (nếu có)

l LDA (Cảnh báo lệch làn) (nếu có)

l LTA (Hỗ trợ bám làn đường) (nếu có)

l AHB (Chiếu xa tự động) (nếu có)

l Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng rađa (nếu có)

l RSA (Hỗ trợ nhận diện biển báo) (nếu có)

Hãy làm theo các giải pháp khắc phục sau đây.

- Nếu camera phía trước bị nóng, chẳng hạn như sau khi xe đỗ dưới trời nắng, hãy sử dụng hệ thống điều hòa để làm giảm nhiệt độ xung quanh camera phía trước
- Nếu sử dụng tấm chắn nắng khi đỗ xe, tùy thuộc vào kiểu tấm chắn nắng, mà ánh sáng mặt trời phản chiếu từ bề mặt tấm chắn nắng có thể sẽ khiến cho nhiệt độ của camera phía trước tăng cao quá mức.
- Nếu camera phía trước bị lạnh, chẳng hạn như sau khi đỗ xe ở nơi có nhiệt độ quá thấp, hãy sử dụng hệ thống điều hòa để tăng nhiệt độ xung quanh camera phía trước

n **Nếu xuất hiện thông báo "Đã dừng Hệ thốngCảm biến Ra-đa Trước bị chặn Vệ sinh Cảm biến Ra-đa"**

Chỉ ra một trong các hệ thống sau đây bị vô hiệu hóa.

l Hệ thống cảnh báo tiền va chạm (PCS) (nếu có)

l LTA (Hỗ trợ bám làn đường) (nếu có)

l Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng rađa (nếu có)

Hãy làm theo các giải pháp khắc phục sau đây.

- Hãy kiểm tra xem có tạp chất nào dính trên cảm biến ra đa hoặc nắp che cảm biến ra đa hay không và vệ sinh chúng nếu cần thiết. (→P.275)
- Thông báo này có thể sẽ xuất hiện khi lái xe trong khu vực thông thoáng với ít xe cộ hoặc công trình gần đó, chẳng hạn như trên sa mạc, đồng cỏ, vùng ngoại ô, vv…
  Có thể tắt thông báo này bằng cách điều khiển xe ở khu vực có công trình, xe cộ… ở gần.

n **Nếu thông điệp "Đã dừng Hệ thống C.biến Ra-đa Trước ngoài dải n.độ Chờ đến khi nhiệt độ bình thường" được hiển thị.**

Chỉ ra một trong các hệ thống sau đây bị vô hiệu hóa.

l Hệ thống cảnh báo tiền va chạm (PCS) (nếu có)

l LTA (Hỗ trợ bám làn đường) (nếu có)

l Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng rađa (nếu có)

Nhiệt độ của cảm biến ra đa nằm ngoài phạm vi hoạt động. Hãy đợi cho đến khi nhiệt độ trở lại giá trị thích hợp.

n **Nếu xuất hiện thông báo "Đã dừng Hệ thống Ra-đa Trước Đang tự hiệu chuẩn Xem Hướng dẫn Sử dụng"**

Chỉ ra một trong các hệ thống sau đây bị vô hiệu hóa.

l Hệ thống cảnh báo tiền va chạm (PCS) (nếu có)

l LTA (Hỗ trợ bám làn đường) (nếu có)

l Hệ thống điều khiển chạy tự động theo dõi bằng rađa (nếu có)

Hãy làm theo các giải pháp khắc phục sau đây.

- Hãy kiểm tra xem có tạp chất nào dính trên cảm biến ra đa hoặc nắp che cảm biến ra đa hay không và vệ sinh chúng nếu cần thiết. (→P.275)
- Cảm biến ra đa có thể đã bị lệch và sẽ được điều chỉnh tự động khi lái xe. Hãy tiếp tục lái xe thêm một lúc.

n **Nếu xuất hiện thông báo "Điều khiển Ga tự độngKhông khả dụngXem HDSD"**

Chỉ ra một trong các hệ thống sau đây bị vô hiệu hóa.

l Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng rađa (nếu có)

l Hệ thống điều khiển chạy tự động

Một thông điệp được khiển thị khi ấn lặp đi lặp lại công tắc hỗ trợ lái.

Ấn nhanh và dứt khoát công tắc hỗ trợ lái.

n **Nếu xuất hiện thông báo "Vượt quá giới hạn tốc độ"**

Tốc độ xe đã đạt hoặc vượt quá 120km/h. Tại thời điểm này, chuông báo sẽ kêu. Chuông sẽ ngừng kêu sau 6 giây hoặc nếu bạn giảm tốc xuống dưới 120 km/h. Hãy giảm tốc độ của xe.

n **Nếu một thông báo sau được hiển thị, hãy thực hiện các bước xử lý tương ứng và đảm bảo rằng thông báo sẽ không hiển thị nữa.**

l “Drive Mode Select không khả dụng Xem Hướng dẫn sử dụng” (→P.374)

l "MTS không khả dụng Xem Hướng dẫn sử dụng" (→P.387)

CẢNH BÁO

n **Nếu đèn cảnh báo sáng lên hoặc chuông cảnh báo kêu khi một thông điệp cảnh báo xuất hiện trên màn hình đa thông tin**

Hãy kiểm tra và làm theo thông báo trên màn hình đa thông tin. Nếu không, có thể dẫn tới chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

CHÚ Ý

n **Khi xuất hiện cảnh báo mức dầu động cơ thấp**

Tiếp tục cho động cơ hoạt động khi mức dầu động cơ thấp sẽ làm hỏng động cơ.

CHÚ Ý

n **Nếu "Tích tụ nước trong bộ lọc nhiên liệu Tham khảo Hướng dẫn sử dụng" được hiển thị**

Không tiếp tục lái xe nếu xuất hiện thông báo trên. Nếu tiếp tục lái xe khi nước đang tích tụ trong bộ lọc nhiên liệu có thể làm hỏng bơm nhiên liệu.

Nếu xe bị xịt lốp

Xe có trang bị lốp dự phòng. Hãy thay lốp bị xịt hơi bằng lốp dự phòng.
Để biết thêm thông tin chi tiết về lốp: →P.496

CẢNH BÁO

n **Nếu xe bị xịt lốp**

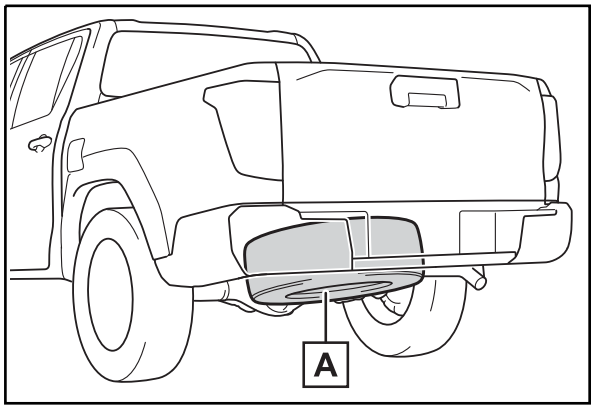
Không được tiếp tục lái xe với lốp bị xịt.

Lái xe với lốp xịt kể cả chỉ trên một đoạn đường ngắn cũng có thể sẽ làm cho lốp xe và vành xe bị hỏng nặng tới mức không sửa chữa được.

Trước khi kích xe lên

- Hãy dừng xe tại vị trí an toàn, trên bề mặt cứng và phẳng.
- Gài phanh đỗ.
- Chuyển cần số tới vị trí P (hộp số tự động) hoặc vị trí R (hộp số thường).
- Tắt động cơ.
- Bật các đèn nháy khẩn cấp. (→P.526)

Vị trí của lốp dự phòng

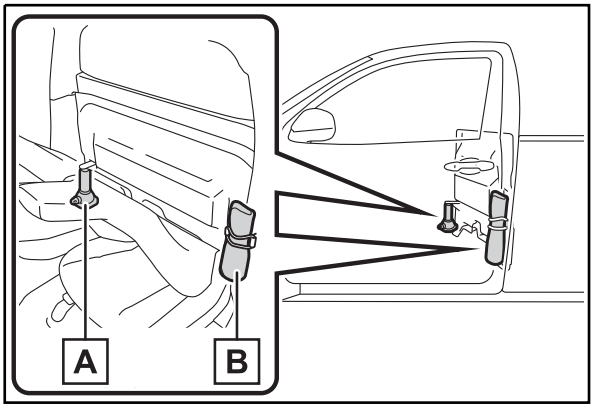


A Lốp dự phòng

Vị trí của kích và các dụng cụ

▶ Xe cabin đơn

Kích và các dụng cụ được để ở phía dưới ghế.

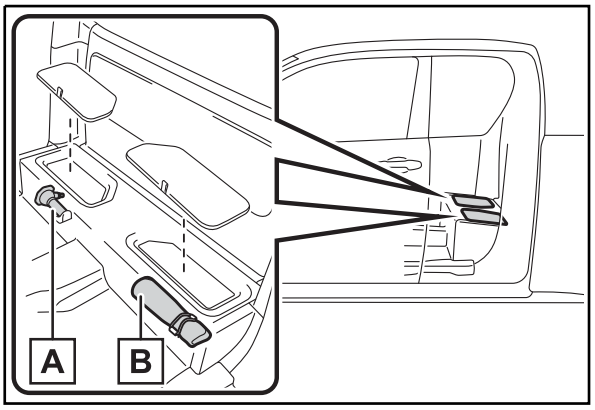


A Kích

B Túi dụng cụ

▶ Các mẫu xe cabin thông minh (loại A)

Kích và các dụng cụ được để ở phía dưới nắp.

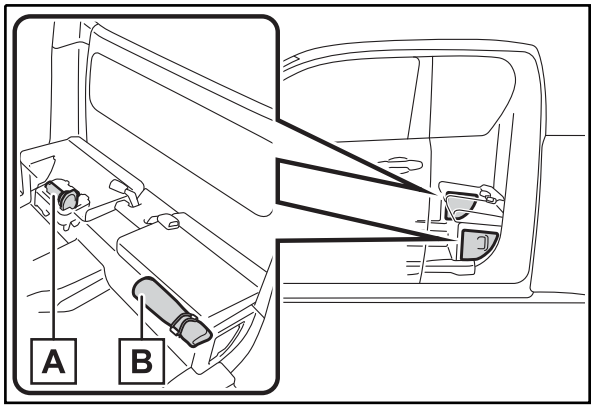


A Kích

B Túi dụng cụ

▶ Xe cabin thông minh (loại B)

Kích và các dụng cụ được để bên trong tấm ốp bên ghế sau.

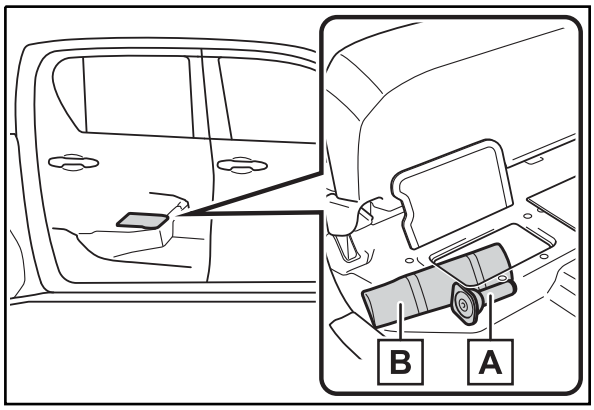


A Kích

B Túi dụng cụ

▶ Kiểu xe có cabin kép

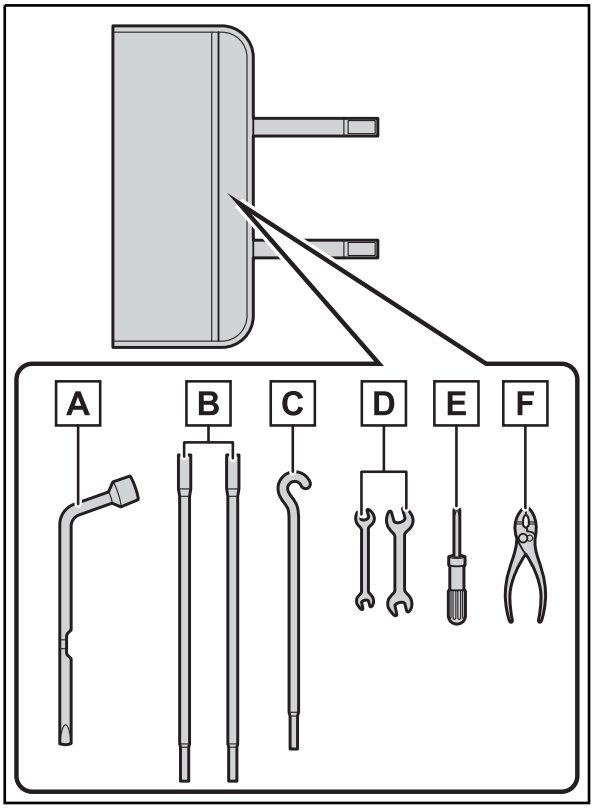
Kích và các dụng cụ được để ở phía dưới nệm phía dưới.



A Kích

B Túi dụng cụ

Dụng cụ



A Cờ lê đai ốc lốp

B Thanh nối tay quay kích

C Tay quay kích

D Cờ lê

E Tô vít

F Kìm*

*: Nếu có

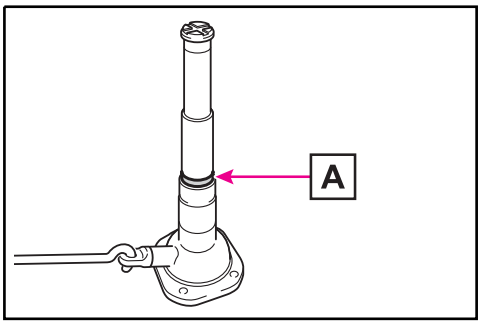
CẢNH BÁO

n **Sử dụng kích lốp**

Hãy tuân theo các chú ý sau.

Sử dụng kích không đúng cách có thể gây tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng do xe bất ngờ rơi khỏi kích.

- Không được sử dụng kích vào mục đích nào khác ngoài việc dùng để thay lốp hoặc để lắp và tháo xích quấn lốp.
- Chỉ dùng kích của chính xe bị xịt lốp để thay lốp bị xịt.
  Không dùng kích này trên bất kỳ xe nào khác và cũng không được sử dụng kích của xe khác trên xe này.
- Hãy đảm bảo rằng kích có thể dịch chuyển bình thường.
- Hãy đặt kích vào đúng vị trí kích.
- Không để bất kỳ phần cơ thể nào dưới xe đang được đỡ bởi kích.
- Không khởi động động cơ hoặc lái xe trong khi xe đang được đỡ bởi kích.
- Không nâng xe lên khi đang có người bên trong xe.
- Khi đang nâng xe lên, không được để vật gì bên trên hoặc bên dưới kích.
- Không được nâng xe lên cao quá mức cần thiết để thay thế lốp.
- Khi nâng xe từ phía sau, không được kích xe lên thêm khi vạch cảnh báo màu vàng A xuất hiện.



- Nếu cần thiết, hãy sử dụng giá đỡ để kê dưới gầm xe.

Hãy hết sức chú ý khi hạ xe xuống để đảm bảo không làm bị thương người đang làm việc trên hoặc gần xe.

CẢNH BÁO

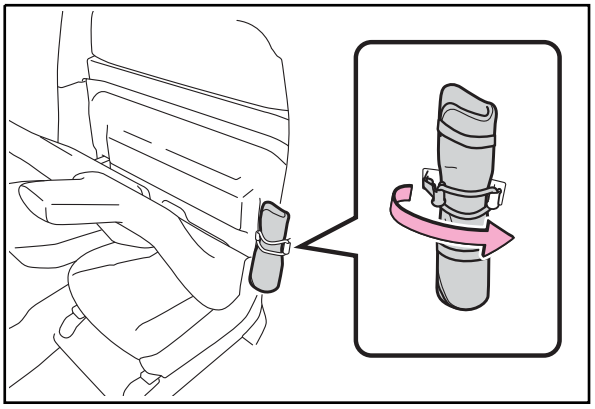
n **Sử dụng tay quay kích**

Hãy cắm đầu vuông vào một cách chắc chắn cho tới khi bạn nghe thấy một tiếng tách để tránh làm phần tay nối dài bị bất ngờ tuột ra.

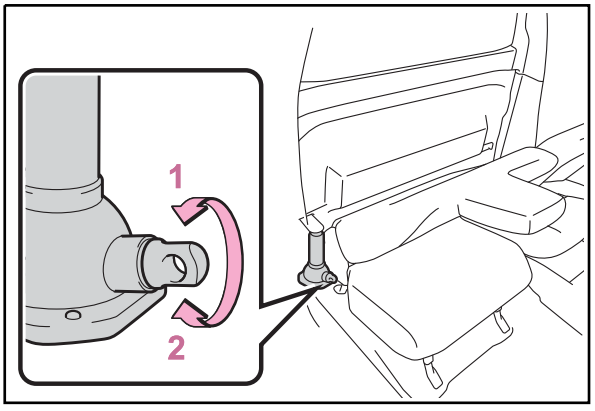
Lấy kích và túi dụng cụ ra

▶ Xe cabin đơn

1 Nhả móc hãm và lấy túi đựng dụng cụ ra.



2 Lấy kích ra.



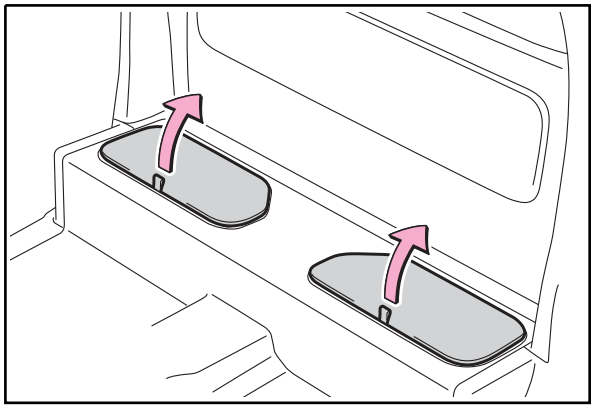
1 Nới lỏng

2 Siết chặt

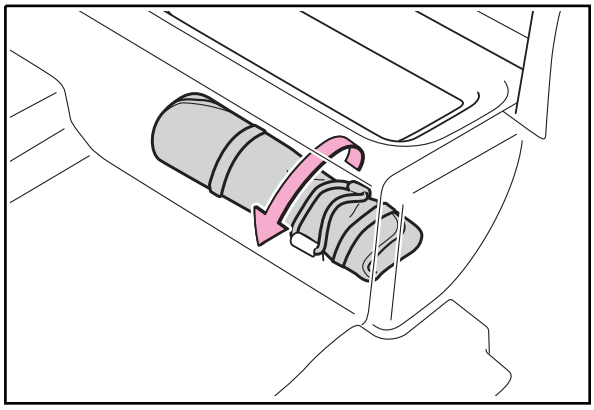
▶ Các mẫu xe cabin thông minh (loại A)

1 Xe có các nệm ghế sau: Tháo các đệm ghế sau. (→P.153)

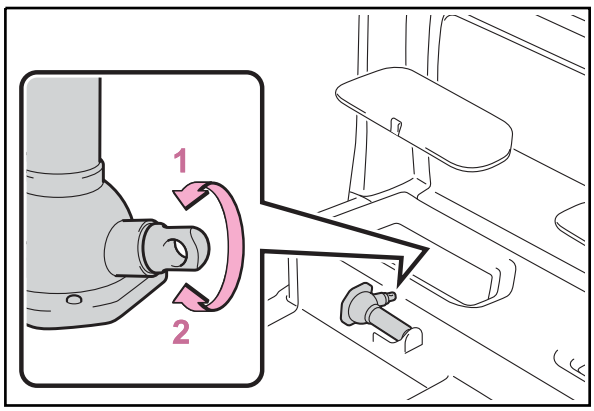
2 Kéo nhãn và mở nắp.



3 Nhả móc hãm và lấy túi đựng dụng cụ ra.



4 Lấy kích ra.



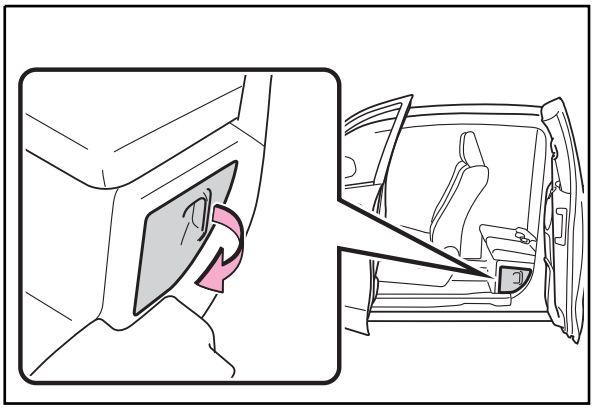
1 Nới lỏng

2 Siết chặt

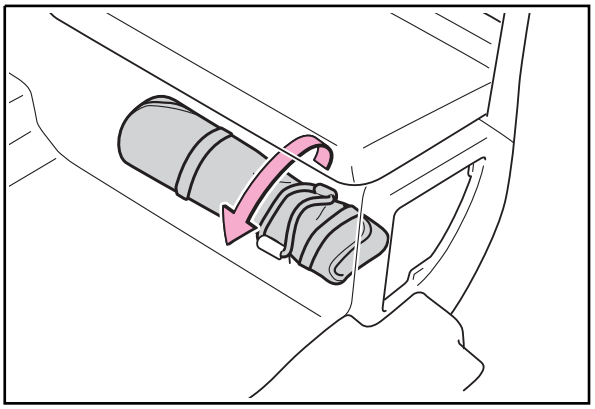
▶ Xe cabin thông minh (loại B)

1 Mở các cửa trượt. (→P.143)

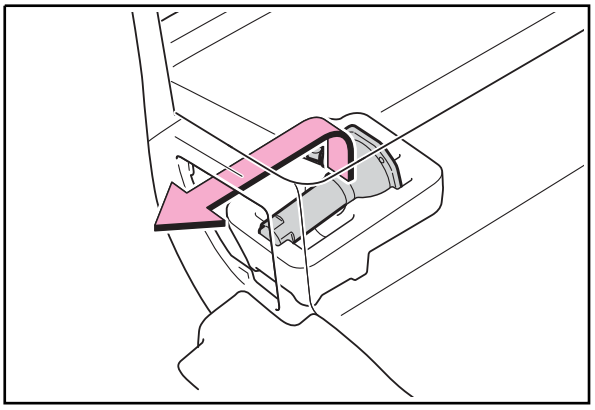
2 Tháo nắp che bên hông của ghế sau.



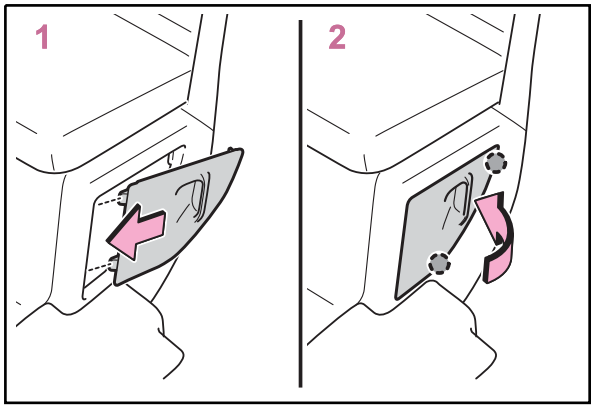
3 Nhả móc hãm và lấy túi đựng dụng cụ ra.



4 Lấy kích ra.



5 Lắp bọc bên hông ghế sau.



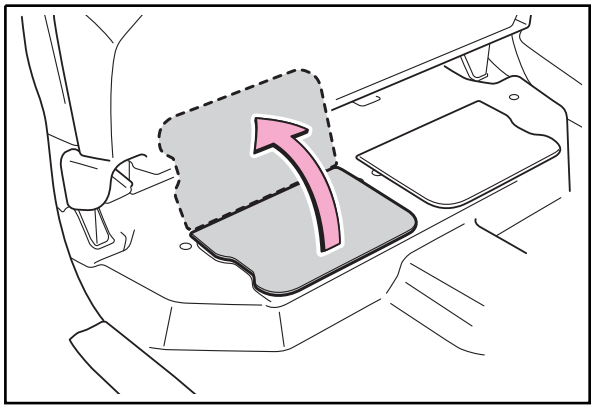
1 Gài các tai của nắp che như trong hình minh họa.

2 Đẩy nắp để cài khớp 2 vấu hãm.

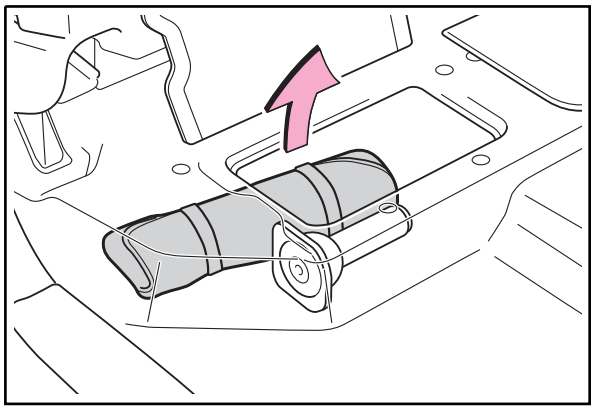
▶ Kiểu xe có cabin kép

1 Nâng nệm phía dưới (→P.153)

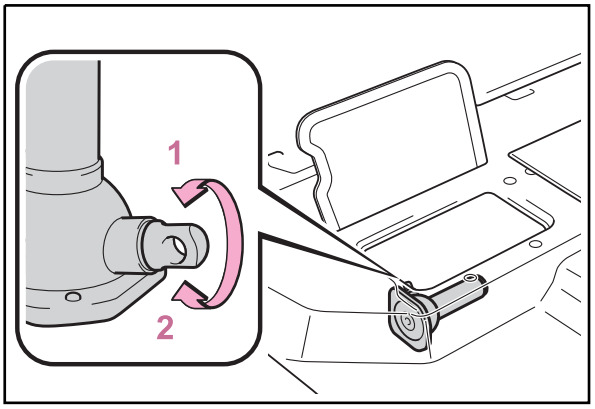
2 Mở nắp che.



3 Lấy túi đựng dụng cụ ra.



4 Lấy kích ra.

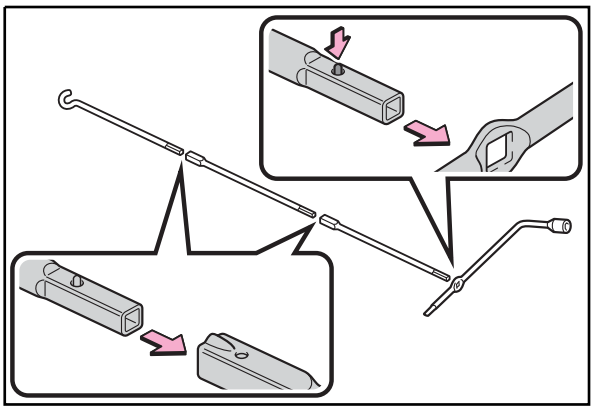


1 Nới lỏng
2 Siết chặt

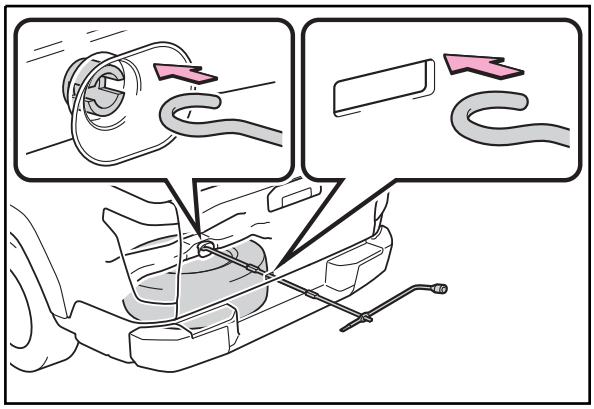
Lấy lốp dự phòng ra

1 Nối đầu tay nối kích, tay quay kích kéo dài và cờ lê đai ốc lốp.

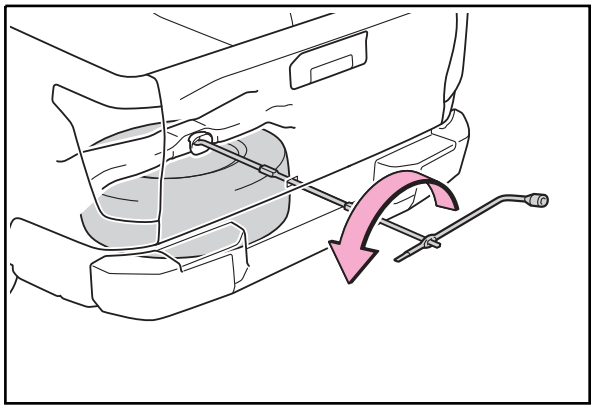
Để lắp tay quay kích kéo dài và cờ lê tháo ốc lốp, hãy ấn phần lồi lên vào tay quay kích kéo dài.



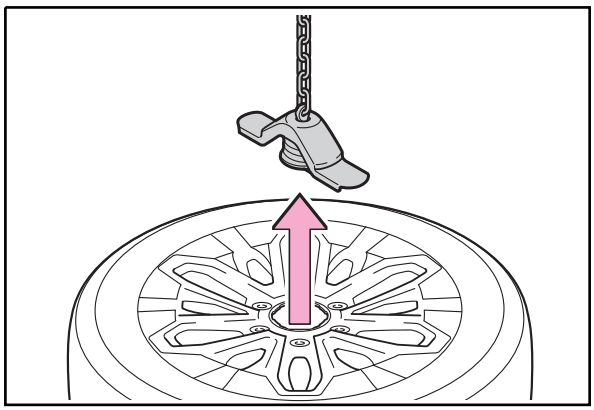
2 Cắm đầu tay quay kích vào vít hạ lốp.



3 Hạ hẳn bánh xe dự phòng xuống đất.

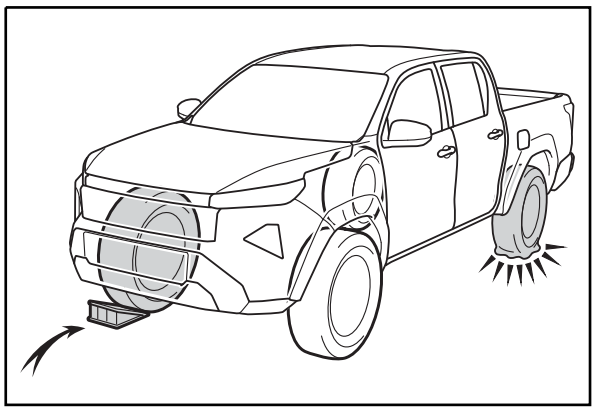


4 Kéo bánh xe dự phòng ra khỏi gầm xe và tháo giá giữ bánh xe dự phòng.



Thay lốp bị xịt hơi

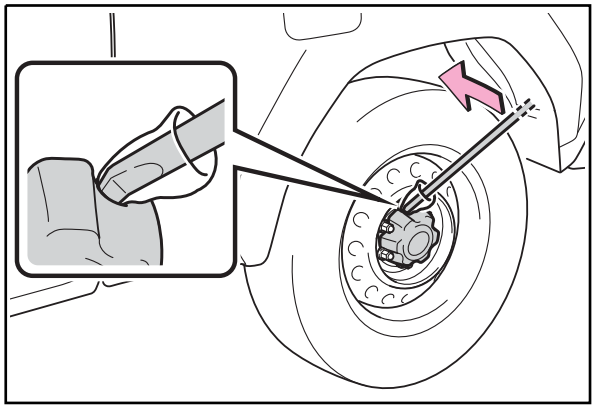
1 Chèn các lốp xe



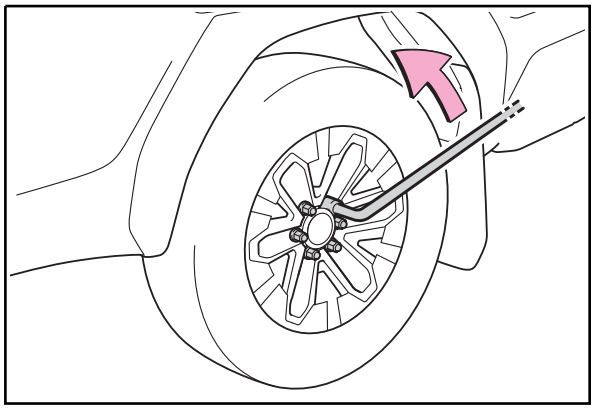
Lốp bị xịt hơi	Vị trí chèn bánh xe
Phía trước bên trái	Phía sau lốp sau bên phải
Phía trước bên phải	Phía sau lốp sau bên trái
Phía sau bên trái	Phía trước lốp trước bên phải
Phía sau bên phải	Phía trước lốp trước bên trái

2 Xe có nắp chụp bánh xe: Tháo nắp chụp bánh xe ra bằng đầu dẹt của cờ lê tháo đai ốc lốp như trên hình vẽ.

Để bảo vệ nắp chụp bánh xe, hãy lót một miếng giẻ giữa cờ lê đai ốc lốp và nắp chụp bánh xe.

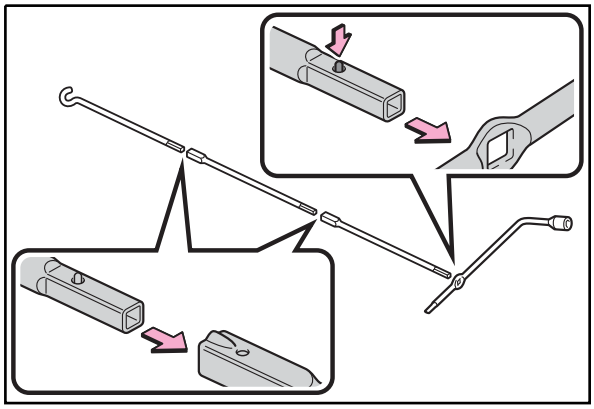


3 Nới lỏng nhẹ các đai ốc lốp (một vòng).



4 Nối đầu tay nối kích, tay quay kích kéo dài và cờ lê đai ốc lốp.

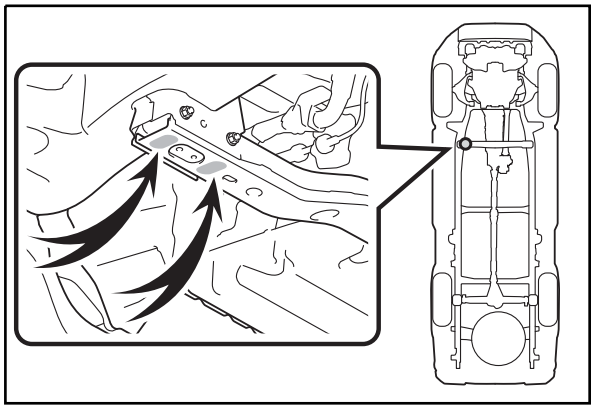
Lấy tay quay kích, thanh nối tay quay kích và cờlê đai ốc lốp ra khỏi túi đựng dụng cụ và lắp theo các bước sau.



5 Đặt kích tại vị trí như trong hình minh họa.

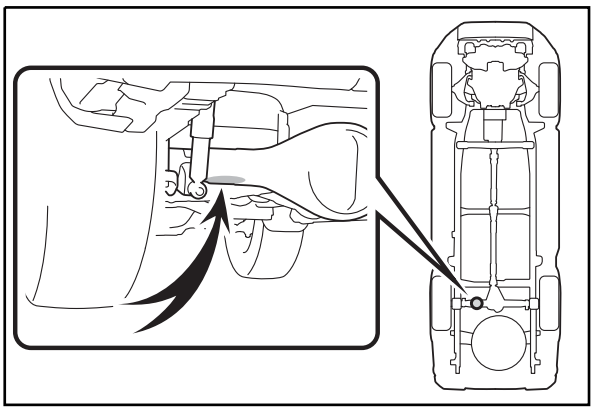
▶ Phía trước

Phía dưới dầm ngang



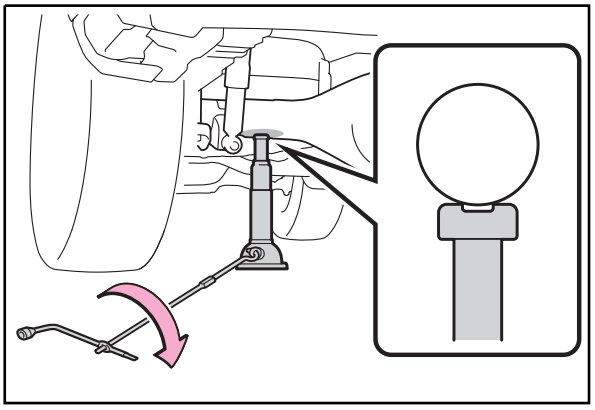
▶ Phía sau

Phía dưới vỏ cầu sau



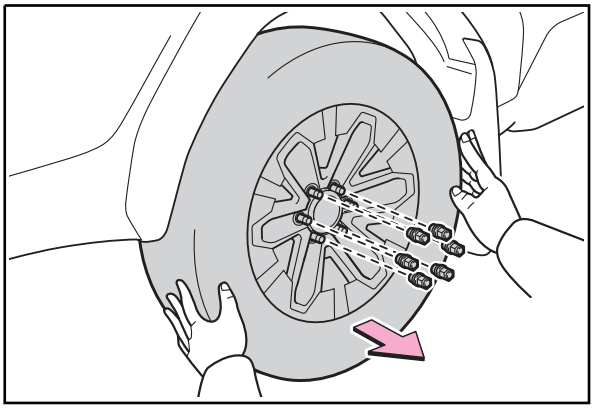
6 Hãy nâng xe lên cho tới khi bánh xe hơi nhấc lên khỏi mặt đất.

Khi đặt kích phía dưới vỏ cầu xe, hãy đảm bảo rằng các rãnh trên mặt đỡ của kích khớp với vỏ cầu sau.

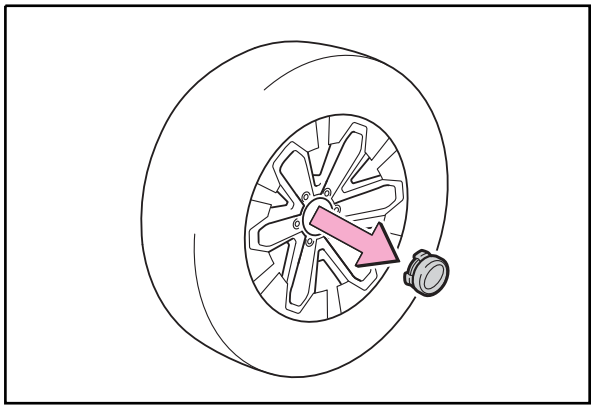


7 Tháo tất cả các đai ốc lốp và tháo lốp.

Khi đặt bánh xe xuống đất, hãy đặt sao cho mặt ngoài của bánh xe được hướng lên trên nhằm tránh làm xước bề mặt vành xe.



8 Với một số kiểu xe, có thể tháo nắp chụp bánh xe bằng cách đẩy nó từ phía trong ra.



⚠ CẢNH BÁO

n **Thay lốp bị xịt hơi**

l Không chạm vào đĩa phanh hoặc khu vực xung quanh phanh ngay sau khi lái xe.
Sau khi lái xe, các đĩa phanh và khu vực xung quanh của hệ thống phanh sẽ rất nóng. Bạn có thể sẽ bị bỏng nếu chạm tay trần, chân hoặc các phần cơ thể khác vào các vị trí đó khi thay lốp…

l Hãy tuân theo các chú ý sau đây. Nếu không, có thể sẽ gây chấn thương nghiêm trọng:

- Hạ hoàn toàn lốp dự phòng xuống đất trước khi kéo nó ra khỏi xe.
- Không cố tháo nắp chụp bánh xe bằng tay. Hãy cẩn thận khi thao tác với nắp chụp bánh xe để tránh bị thương.

l Nếu không tuân theo các lưu ý trên có thể làm cho các đai ốc lốp bị lỏng và bánh xe có thể sẽ bị rơi ra, dẫn tới tai nạn gây ra chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

CẢNH BÁO

- Sau khi thay lốp, kiểm tra lực siết càng sớm càng tốt.

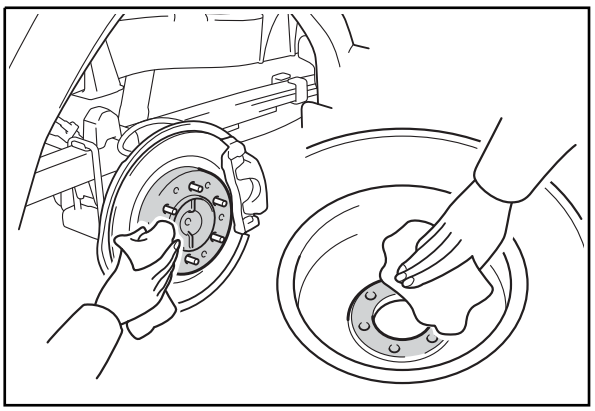
Lực xiết đai ốc lốp: 105 N m (10.7 kgf m, 77 ft lbf)

- Khi lắp lốp, chỉ sử dụng đai ốc lốp được thiết kế đặc biệt cho loại lốp đó.
- Nếu bu lông moay ơ, đai ốc hoặc các lỗ bu lông của vành xe bị nứt hoặc biến dạng, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.
- Không gắn tấm ốp vành xe đã bị hỏng nặng do nó có thể sẽ bị văng ra ngoài khi xe đang di chuyển.
- Khi lắp đai ốc lốp, hãy đảm bảo rằng đầu vát của đai ốc lốp hướng về phía trong khi lắp đai ốc lốp.

Lắp lốp dự phòng

1 Lau sạch toàn bộ bụi bẩn bám trên bề mặt tiếp xúc của vành và moay ơ.

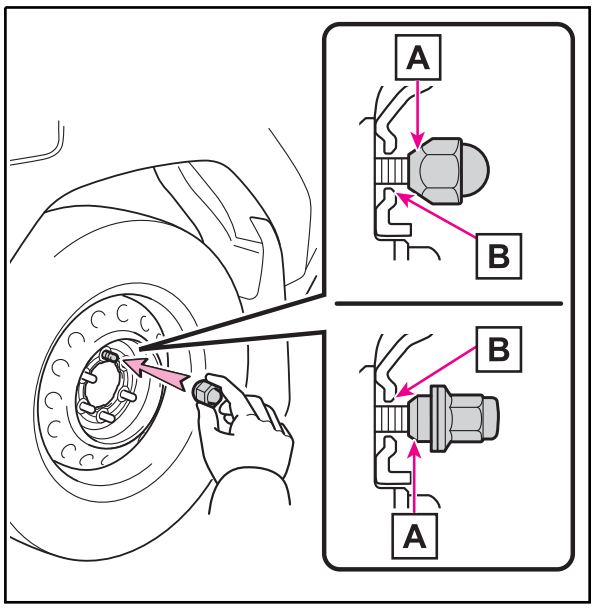
Nếu có bụi bẩn bám trên bề mặt tiếp xúc của vành xe, thì các đai ốc lốp có thể sẽ bị lỏng ra khi xe chuyển động, và lốp có thể bị rơi ra khỏi xe.



2 Lắp bánh xe lên và dùng tay lắp lại tất cả các ốc lốp với lực xiết đều nhau.

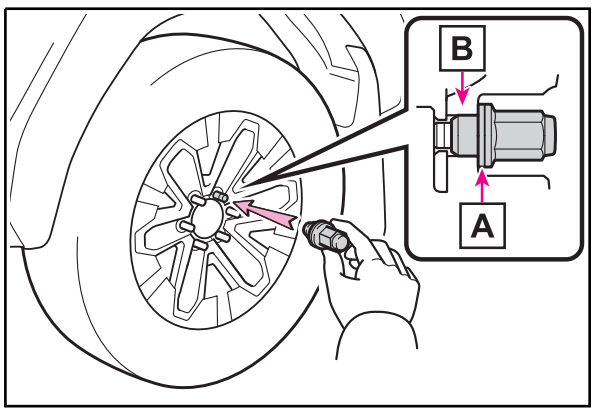
▶ Vành thép

Hãy xiết chặt các đai ốc lốp cho đến khi phần mặt côn **A** tiếp xúc với vành xe **B**.

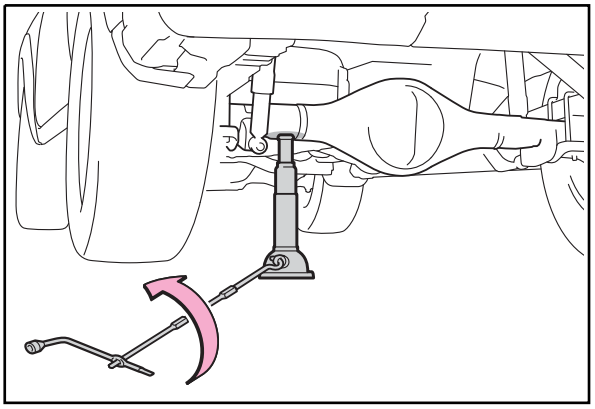


▶ Vành nhôm

Siết chặt các đai ốc lốp cho đến khi các vòng đệm **A** tiếp xúc với vành xe **B**.

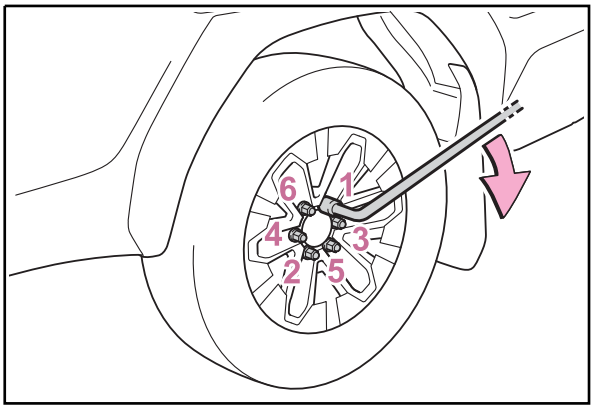


3 Hạ xe xuống.



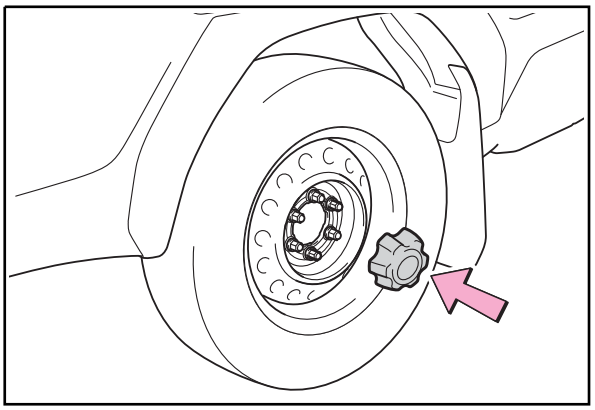
4 Xiết chặt hoàn toàn các đai ốc lốp từ hai tới ba lần theo thứ tự như trên hình vẽ bằng cờ lê bắt ốc lốp.

Mômen xiết:
105 N m (10.7 kgf m, 77 ft lbf)

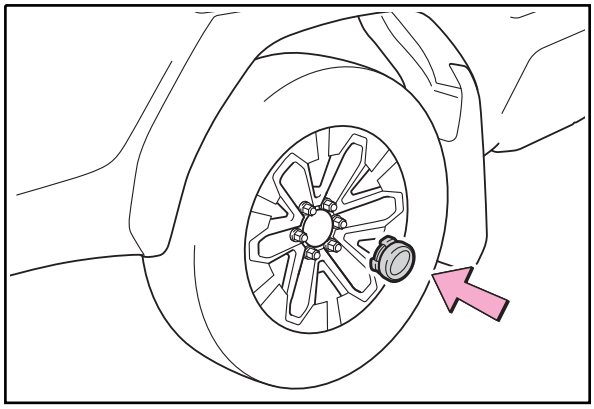


5 Xe có lốp dự phòng cùng loại với các lốp dùng trên xe: Lắp lại nắp chụp bánh xe.

▶ Kiểu A



▶ Kiểu B

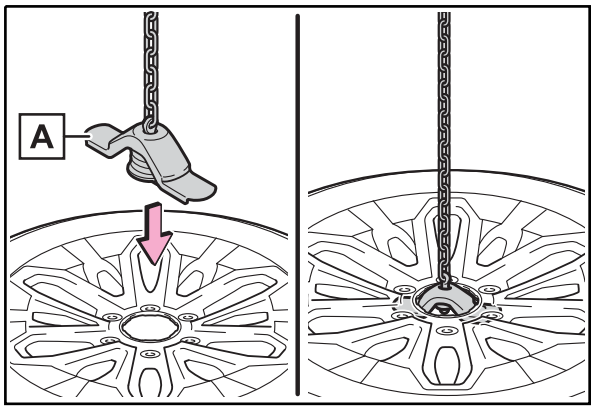


Cất lốp bị xịt hơi, kích và tất cả các dụng cụ

1 Đặt lốp nằm xuống với thân van lốp hướng lên trên.

2 Lắp giá bắt A.
Xoay tay quay kích nối dài theo chiều kim đồng hồ để cuốn xích lại.

Sau đó, hãy kiểm tra để đảm bảo rằng vấu hãm đã nằm trong lỗ của đai ốc lốp và giá bắt lốp dự phòng đã nằm ở tâm của moayơ bánh xe.



3 Nâng lốp lên.

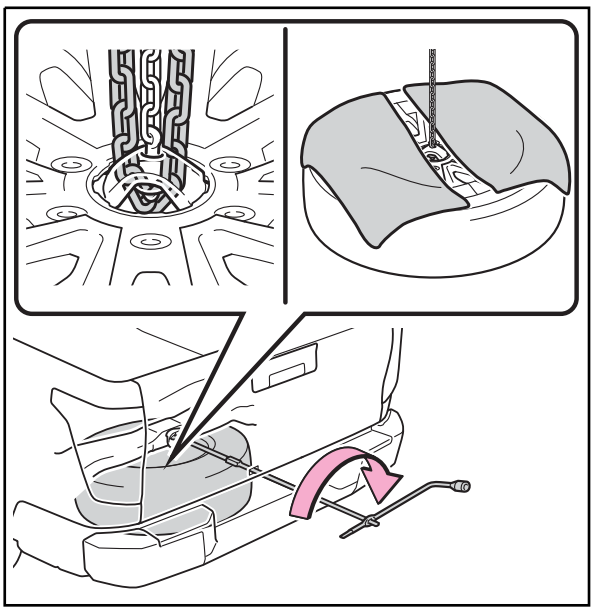
Để bảo vệ nắp chụp bánh xe, hãy lót một miếng giẻ giữa cờ lê và nắp chụp bánh xe.

Trong khi kéo lốp lên, hãy cố định lốp dưới gầm xe, hãy đảm bảo rằng lốp xe được nhấc thẳng lên và không bị vướng vào các chi tiết xung quanh để tránh làm cho lốp bị văng về phía

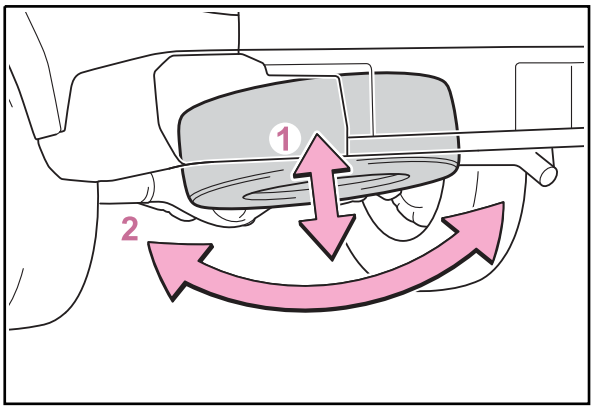
trước khi xe bị tai nạn hoặc phanh gấp.

Sau khi nâng lốp lên nửa chừng, hãy kiểm tra rằng bạn có thể luồn xích treo lốp vào lỗ lốp, để cất gọn phù hợp.

Mômen siết:
37.0 N m (3.8 kgf m, 27.3 ft lbf)



4 Hãy xác nhận rằng lốp xe đã được cố định chắc chắn sau khi xiết:



1 Đẩy và kéo lốp

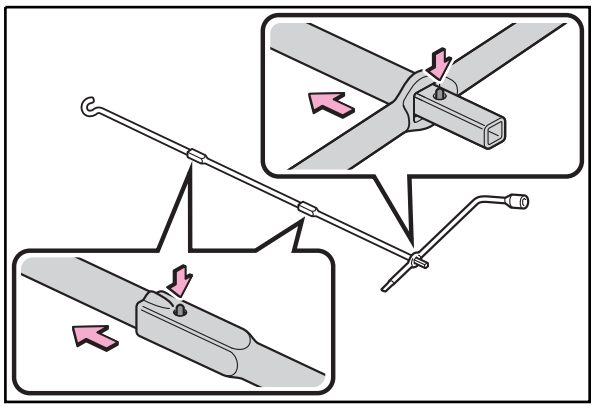
2 Thử xoay lốp

Hãy kiểm tra bằng cách quan sát để đảm bảo rằng lốp xe không bị vướng vào các chi tiết xung quanh.

Nếu lốp xe bị lỏng hoặc bị lệch, hãy làm lại bước số 3 và bước số 4.

5 Hãy làm lại bước 4 mỗi khi điều chỉnh hoặc hạ lốp xuống.

6 Hãy ấn phần lồi lên trên tay quay kích và tháo đầu tay quay kích, tay quay kích nối dài và cờ lê đai ốc lốp ra.



7 Hãy cất túi dụng cụ và kích một cách chắc chắn.

---

n **Lốp bị xịt hơi**

Vá hoặc thay thế lốp bị xịt càng sớm càng tốt.

Khi cất lốp được vá hoặc được sửa chữa trên giá đỡ, hãy bóc giẻ bảo vệ mặt vành.

n **Sau khi thay lốp xong (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)**

Hệ thống cảnh báo áp suất lốp phải được cài đặt lại. (→P.503)

CẢNH BÁO

n **Cất lốp bị xịt hơi**

Nếu không tuân thủ theo các bước sau để cất lốp bị xịt hơi, thì có thể sẽ làm hỏng giá bắt lốp dự phòng và làm mất lốp, dẫn đến chấn thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n **Sau khi sử dụng các dụng cụ và kích**

Trước khi lái xe, hãy đảm bảo rằng tất cả các dụng cụ và kích đã được cố định chắc chắn để tránh bị chấn thương khi xe bị va chạm hay phanh gấp.

⚠ CHÚ Ý

n **Khi cất lốp bị xịt hơi**

Hãy đảm bảo rằng không có vật nào giữa lốp và gầm xe (trừ giẻ được sử dụng khi cất lốp bị xịt).

n **Khi lắp tay quay kích nối dài**

Hãy ấn đầu nối hình vuông vào cho tới khi nghe thấy một tiếng tách. Nếu không tay nối dài có thể sẽ bị tuột ra và làm hỏng lớp sơn hay thân xe.

n **Khi thay các lốp (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)**

Khi tháo hoặc lắp các vành xe, lốp hoặc van cảm biến áp suất lốp, hãy liên hệ với đại lý Toyota bởi van cảm biến có thể bị hỏng nếu thao tác không chính xác.

n **Để tránh làm hỏng van cảm biến (xe có hệ thống cảnh báo áp suất lốp)**

Khi sửa lốp xe bằng keo làm kín, van cảm biến áp suất lốp có thể sẽ không hoạt động chính xác. Nếu sử dụng keo, hãy liên hệ với đại lý Toyota hoặc trạm dịch vụ ủy quyền sớm nhất có thể. Hãy thay mới van cảm biến áp suất lốp khi thay thế lốp. (→P.499)

Nếu động cơ không khởi động được

Nếu động cơ không khởi động được ngay cả khi đã thực hiện đúng các quy trình khởi động chuẩn (→P.186), hãy xem xét từng trường hợp sau:

Động cơ không khởi động được kể cả khi môtơ khởi động vẫn làm việc bình thường

Một trong những nguyên nhân sau có thể dẫn đến trục trặc:

- Có thể trong bình nhiên liệu đang bị thiếu nhiên liệu.
  Động cơ xăng:
  Hãy nạp nhiên liệu cho xe.
  Động cơ Diesel: →P.582
- Động cơ có thể đã bị sặc xăng. Hãy thử khởi động lại động cơ một lần nữa theo quy trình chuẩn. (→P.186)
- Có thể đã có trục trặc trong hệ thống mã hóa khóa động cơ. (→P.78)

Môtơ máy khởi động quay chậm, các đèn trong xe và đèn pha bị tối hoặc còi xe không kêu hay kêu bé

Một trong những nguyên nhân sau có thể dẫn đến trục trặc:

- Ắc quy bị hết điện. (→P.573)
- Cáp nối ắc quy bị lỏng hoặc bị ăn mòn.

Môtơ máy khởi động không quay được (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

Một trong những nguyên nhân sau có thể dẫn đến trục trặc:

Hệ thống khởi động động cơ có thể đã bị hư hỏng do một vấn đề về điện như hở mạch hoặc cháy cầu chì. Tuy nhiên, bạn vẫn có thể sử dụng các biện pháp tình thế để khởi động động cơ. (→P.569)

Mô tơ máy khởi động không quay, các đèn trong xe và đèn pha không sáng hoặc còi xe không kêu

Một trong những nguyên nhân sau có thể dẫn đến trục trặc:

- Ắc quy bị hết điện. (→P.573)
- Một hoặc cả hai cực của ắc quy có thể đã bị ngắt kết nối.
- Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Có thể có lỗi trong hệ thống khóa vô lăng (nếu có).

Hãy liên hệ với đại lý Toyota nếu bạn không thể xử lý được sự cố hoặc nếu bạn không nắm rõ quy trình sửa chữa đó.

Chức năng khởi động khẩn cấp (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

Khi động cơ không khởi động được, có thể sử dụng các bước sau như là giải pháp tạm thời để khởi động động cơ nếu như công tắc động cơ vẫn hoạt động bình thường:

1 Xác nhận rằng phanh đỗ đã được gài.

Các xe có phanh đỗ (loại công tắc): Kéo công tắc phanh đỗ để kiểm tra rằng phanh đỗ đã được gài. (→P.200)

Đèn chỉ báo phanh đỗ sẽ sáng lên.

2 Chuyển cần số tới vị trí P (hộp số tự động) hoặc vị trí N (hộp số thường).

3 Chuyển công tắc động cơ tới vị trí ACC.

4 Ấn và giữ công tắc động cơ trong khoảng 15 giây trong khi đạp chắc bàn đạp phanh (hộp số tự động) hoặc bàn đạp phanh và bàn đạp ly hợp (hộp số thường).

Ngay cả khi khởi động động cơ bằng cách bước nêu trên, hệ thống vẫn có thể có trục trặc. Hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

Nếu bạn đánh mất chìa khóa

Đại lý Toyota có thể tạo cho bạn các chìa khóa mới chính hiệu từ chìa khóa chính (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) hoặc chìa khóa khác cùng loại (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh) và mã số chìa được dập trên tấm ghi số hiệu chìa khoá. Hãy giữ tấm ghi số hiệu chìa khóa tại nơi an toàn ví dụ như trong ví của bạn, không nên để trong xe.

⚠ CHÚ Ý

n **Khi bị mất chìa khóa điện tử (nếu có)**

Nếu bạn đánh mất chìa khóa điện tử, nguy cơ bị trộm xe sẽ tăng lên. Hãy ngay lập tức mang xe tới đại lý Toyota cùng với tất cả các chìa khóa điện tử còn lại đã được cung cấp theo xe.

Nếu chìa khóa điện tử hoạt động không chính xác (Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

Nếu liên lạc giữa chìa khóa điện tử và xe bị gián đoạn (→P.147) hoặc không thể dùng được chìa khóa điện tử do pin của chìa khóa bị hết điện, hệ thống mở khóa và khởi động thông minh và điều khiển từ xa sẽ không thể sử dụng được. Trong các trường hợp như vậy, bạn vẫn có thể mở các cửa hoặc khởi động động cơ bằng cách làm theo quy trình sau.

n **Khi chìa khóa điện tử không hoạt động chính xác**

- Hãy đảm bảo rằng hệ thống mở khóa và khởi động thông minh chưa bị vô hiệu hóa bằng chức năng tùy chọn. Nếu nó đã bị vô hiệu hóa, hãy kích hoạt lại.
  (Tính năng tùy chọn cá nhân: →P.615)
- Hãy kiểm tra xem chế độ tiết kiệm pin có được đặt không. Nếu đã đặt, hãy hủy chức năng này. (→P.147)
- Chức năng điều khiển của chìa khóa điện tử có thể sẽ bị tạm dừng hoạt động. (→P.147)

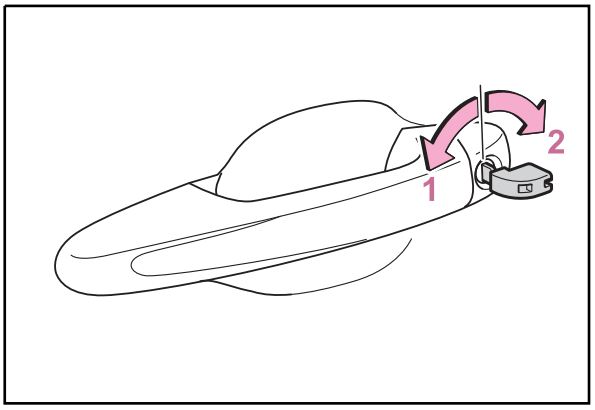
CHÚ Ý

n **Trong trường hợp hệ thống mở khóa và khởi động thông minh đang bị lỗi hoặc có vấn đề liên quan đến chìa khóa**

Hãy mang tất cả các chìa khóa điện tử và xe đến đại lý Toyota để kiểm tra.

Khóa và mở khóa các cửa

Hãy sử dụng chìa khóa cơ (→P.134) để thực hiện các thao tác sau.

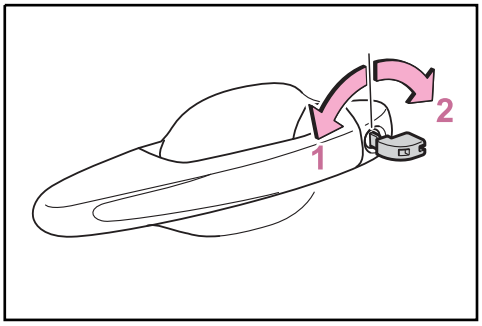


1 Khóa tất cả các cửa

2 Mở khóa tất cả các cửa

Một số kiểu xe: Hãy xoay chìa ra phía sau để mở khóa cửa người lái. Xoay chìa khóa một lần nữa trong vòng 5 giây sẽ mở khóa các cửa khác.

n **Chức năng liên kết với chìa khoá**



1 Đóng kính cửa sổ (xoay và giữ)

2 Mở các kính cửa sổ (xoay và giữ)

Chỉ có thể thực hiện được những chức năng tùy chọn này tại đại lý Toyota.

CẢNH BÁO

n **Khi sử dụng chìa khóa cơ và điều khiển các cửa sổ điện**

Vận hành cửa sổ điện sau khi kiểm tra để xác nhận rằng không có hành khách nào bị kẹt tại cửa sổ. Hơn nữa, không để trẻ nhỏ điều khiển chìa khóa cơ. Nếu không có thể làm cho trẻ hoặc các hành khách khác bị kẹt trong cửa sổ điện.

Khởi động động cơ

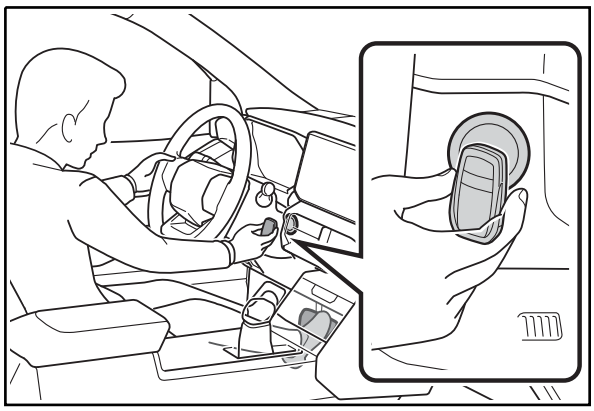
▶ Hộp số tự động

1 Hãy đảm bảo rằng cần số đã ở vị trí P và đạp bàn đạp phanh.

2 Chạm mặt sau của các nút trên chìa khóa điện tử vào công tắc động cơ.

Khi phát hiện được chìa khóa điện tử, chuông báo sẽ kêu và công tắc động cơ sẽ chuyển sang ON.

Khi hệ thống mở khóa và khởi động thông minh đã bị vô hiệu hóa bằng cài đặt tùy chọn cá nhân, công tắc động cơ sẽ chuyển sang ACC.



3 Đạp chắc chân phanh và kiểm tra rằng và một thông

báo được hiển thị trên màn hình đa thông tin.

4 Ấn công tắc động cơ nhanh và dứt khoát.

Trong trường hợp động cơ vẫn không khởi động được, hãy liên hệ với đại lý Toyota.

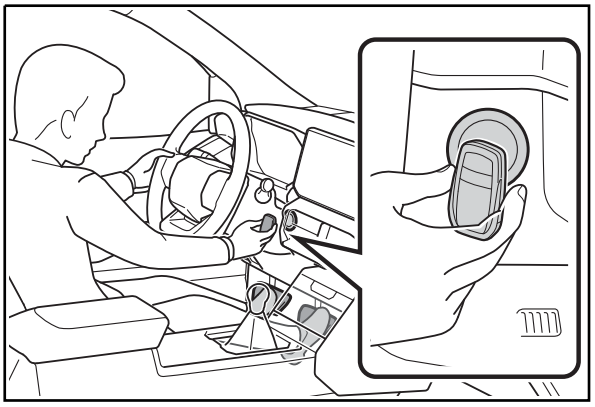
▶ Hộp số thường

1 Hãy đảm bảo rằng cần số đang ở vị trí N và đạp chắc bàn đạp ly hợp.

2 Hãy chạm biểu tượng Toyota trên chìa khóa điện tử vào công tắc động cơ.

Khi phát hiện được chìa khóa điện tử, chuông báo sẽ kêu và công tắc động cơ sẽ chuyển sang ON.

Khi hệ thống mở khóa và khởi động thông minh đã bị vô hiệu hóa bằng cài đặt tùy chọn cá nhân, công tắc động cơ sẽ chuyển sang ACC.



3 Đạp chắc bàn đạp phanh, bàn đạp côn và kiểm tra rằng chỉ báo hiển thị trên màn hình đa thông tin.

4 Ấn công tắc động cơ nhanh và dứt khoát.

Trong trường hợp động cơ vẫn không khởi động được, hãy liên hệ với đại lý Toyota.

n Tắt động cơ

Chuyển cần số về vị trí P (hộp số tự động) hoặc vị trí N (hộp số thường), gài phanh đỗ và nhấn công tắc động cơ như bạn thường làm khi tắt động cơ.

n Thay pin chìa khóa

Vì quy trình xử lý trên chỉ là giải pháp tạm thời, hãy thay pin của chìa khóa điện tử ngay khi nó bị hết điện. (→P.513)

n Chuông báo động (nếu có)

Với thị trường Ma-rốc, Singapore, Nam Phi, Lesotho, Botswana, Namibia, Swaziland: Sử dụng chìa khóa cơ để khóa cửa xe sẽ không thiết lập hệ thống báo động.

Nếu một cửa được mở khóa bằng chìa khóa cơ khi hệ thống báo động đã được đặt, hệ thống báo động có thể sẽ kích hoạt. (→P.80)

n Thay đổi các chế độ của công tắc động cơ

Nhả bàn đạp phanh và ấn công tắc đọng cơ trong bước **3** nói trên.

Động cơ sẽ không khởi động và các chế độ của công tắc động cơ sẽ thay đổi sau mỗi lần ấn công tắc động cơ. (→P.189)

Nếu ắc quy bị hết điện

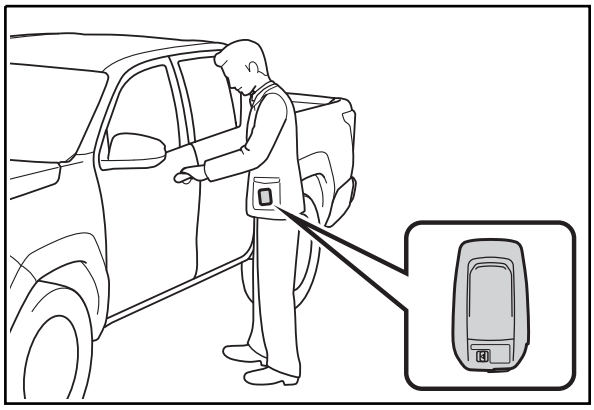
Có thể sử dụng quy trình sau để khởi động động cơ nếu ắc quy đã bị hết điện.
Bạn có thể gọi cho đại lý Toyota hoặc xưởng sửa chữa có uy tín để yêu cầu giúp đỡ.

Khởi động lại động cơ

Nếu bạn có một bộ cáp nối điện ngoài (hoặc ắc quy tăng cường) và có sẵn một xe thứ 2 với ắc quy 12 V, bạn có thể khởi động bằng cách nối điện ngoài theo các bước sau.

1 Xe có hệ thống báo động: Xác nhận rằng chìa khóa đang được mang theo.

Khi nối cáp nối điện ngoài (tăng cường), tùy vào tình huống, báo động có thể bị kích hoạt và các cửa có thể khóa. (→P.81)



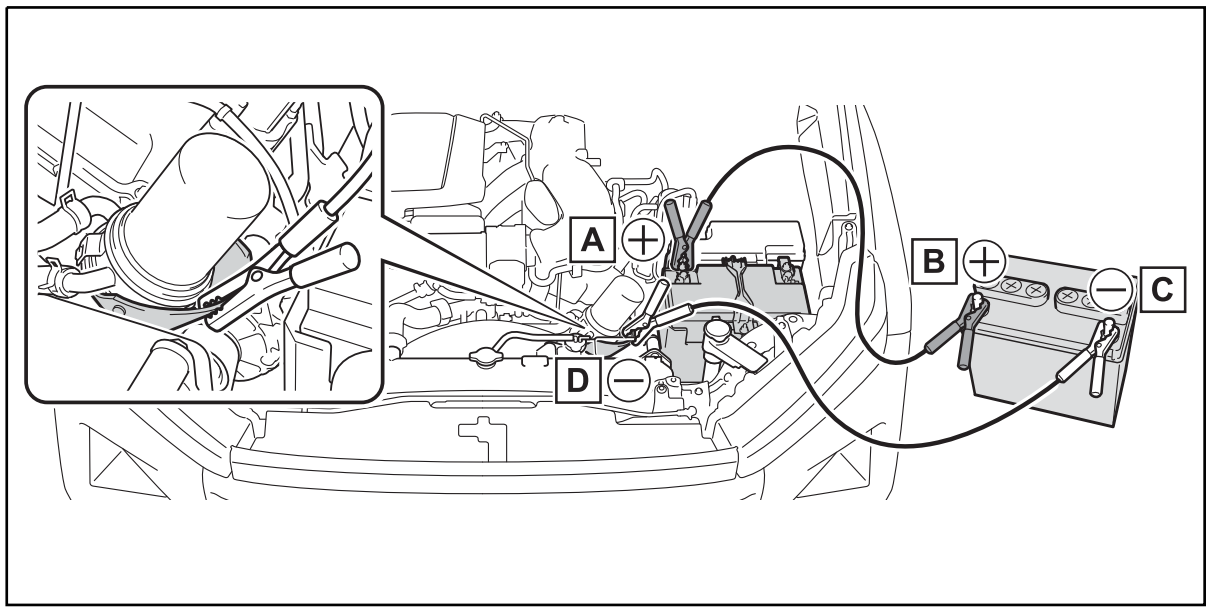
2 Mở nắp capô (→P.473).

3 Mở nắp cực dương (+) của ắc quy.

4 Nối kẹp dương của cáp nối điện ngoài với A trên xe của bạn và nối kẹp với đầu còn lại của cáp dương với B trên xe thứ 2. Sau đó nối kẹp của cáp âm với C trên xe thứ 2 và nối kẹp ở đầu còn lại của cáp âm với D.

Sử dụng cáp nối điện ngoài có thể tiếp cận được các cực và điểm nối.

▶ Động cơ 1GR-FE



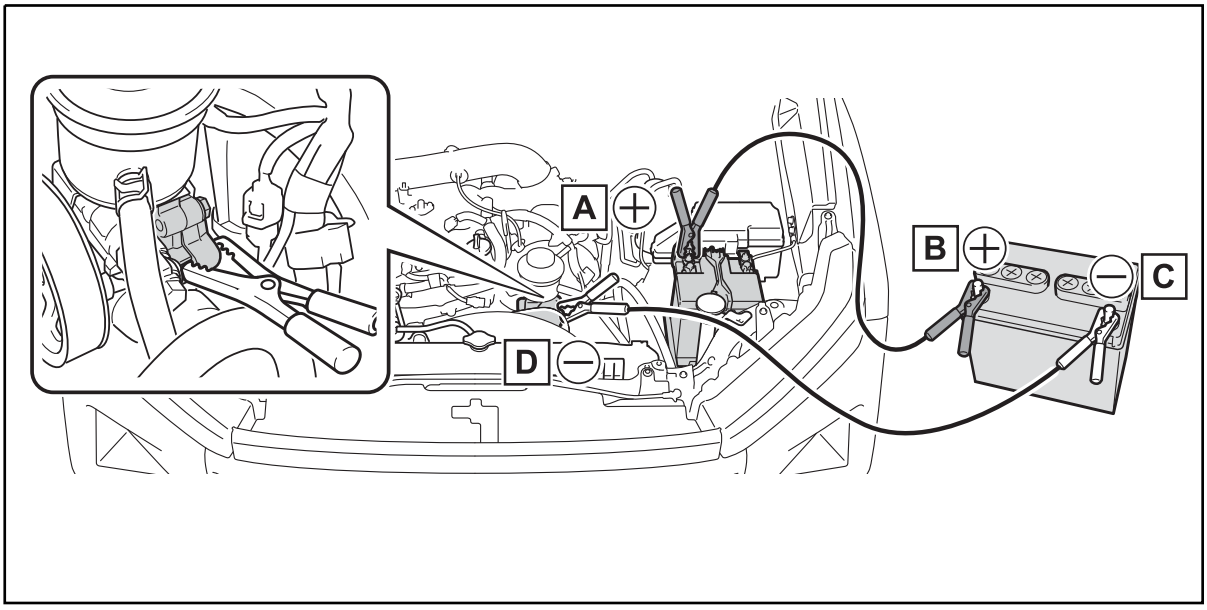
A Cực dương (+) của ắc quy trên xe của bạn.

B Cực dương (+) của ắc quy (xe thứ 2)

C Cực âm (-) của ắc quy (xe thứ 2)

D Điểm bằng kim loại như trong hình vẽ

▶ Động cơ 2TR-FE



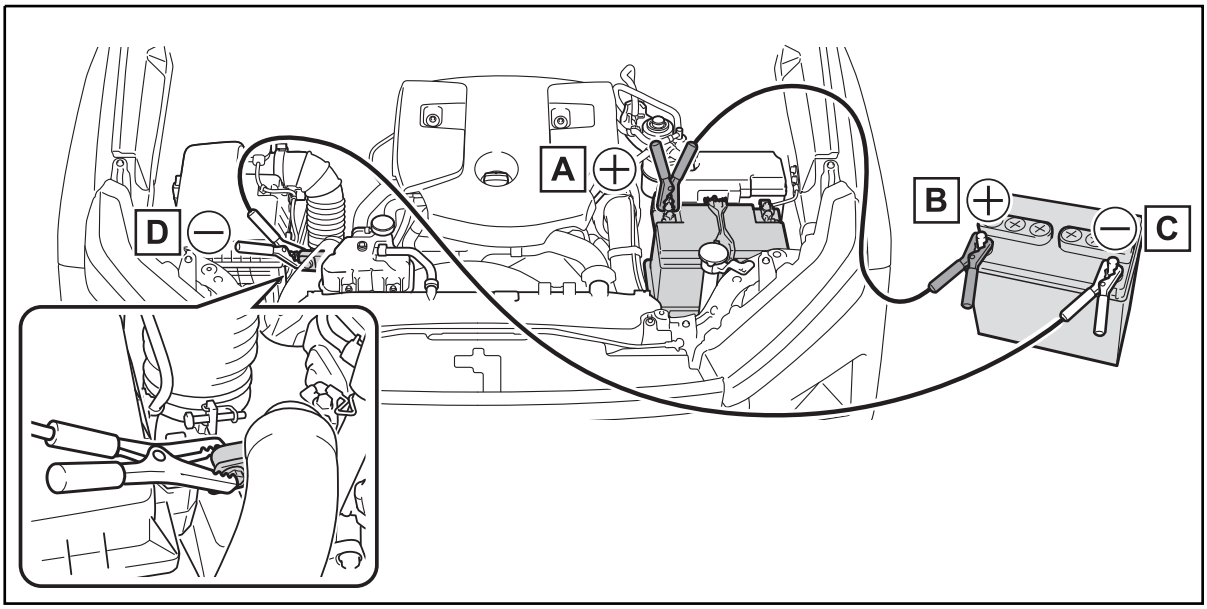
A Cực dương (+) của ắc quy trên xe của bạn.

B Cực dương (+) của ắc quy (xe thứ 2)

C Cực âm (-) của ắc quy (xe thứ 2)

D Điểm bằng kim loại như trong hình vẽ

▶ Động cơ 1GD-FTV (xe không có hệ thống làm mát khí nạp bằng nước)



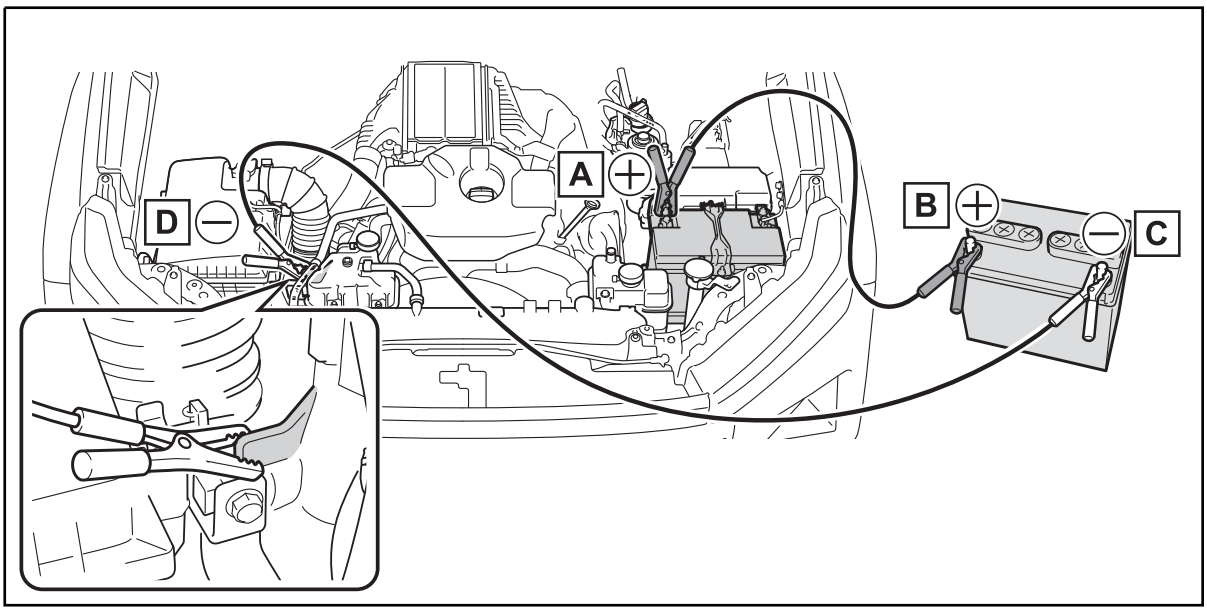
A Cực dương (+) của ắc quy trên xe của bạn.

B Cực dương (+) của ắc quy (xe thứ 2)

C Cực âm (-) của ắc quy (xe thứ 2)

D Điểm bằng kim loại như trong hình vẽ

▶ Động cơ 1GD-FTV (xe có hệ thống làm mát khí nạp bằng nước)



A Cực dương (+) của ắc quy trên xe của bạn.

B Cực dương (+) của ắc quy (xe thứ 2)

C Cực âm (-) của ắc quy (xe thứ 2)

D Điểm bằng kim loại như trong hình vẽ

5 Khởi động động cơ của xe thứ hai. Tăng nhẹ tốc độ động cơ và duy trì tốc độ đó trong khoảng 5 phút để nạp điện cho ắc quy trên xe của bạn.

6 Xe có chức năng khóa vô lăng: Mở và đóng bất kỳ cửa nào trên xe của bạn khi công tắc động cơ TẮT.

7 Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Giữ động cơ trên xe thứ hai ở tốc độ đó và khởi động động cơ của xe bạn.
Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Giữ động cơ trên xe thứ hai ở tốc độ đó và khởi động động cơ của xe bạn bằng cách xoay công tắc động cơ sang vị trí ON.

8 Khi động cơ của xe bạn đã khởi động được, hãy tháo các cáp nối điện ngoài theo trình tự ngược lại với các bước nối cáp ở trên.

Khi động cơ đã khởi động được, hãy đem xe tới kiểm tra tại đại lý Toyota càng sớm càng tốt.

---

n **Khởi động động cơ khi ắc quy đã bị hết điện (xe có hộp số tự động)**

Không thể đẩy khởi động được loại động cơ này.

n **Để tránh làm hết điện của ắc quy**

l Tắt các đèn pha và hệ thống âm thanh (nếu được trang bị) trong khi động cơ đã ngừng hoạt động. (Xe có hệ thống Dừng và khởi động: Trừ khi động cơ dừng do hệ thống Dừng và Khởi động.)

l Hãy tắt toàn bộ các trang thiết bị điện không cần thiết khi động cơ chạy ở tốc độ thấp trong một thời gian dài, ví dụ như khi bị tắc đường.

n **Khi ắc quy bị ngắt kết nối hoặc bị hết điện**

l Những thông tin được lưu trong ECU sẽ bị xóa. Khi ắc quy bị hết điện, hãy yêu cầu đại lý Toyota kiểm tra xe giúp bạn.

l Một số hệ thống có thể sẽ phải được khởi tạo. (→P.624)

n **Khi tháo các cực của ắc quy**

Khi các cực ắc quy được tháo ra, thông tin trong ECU sẽ bị xóa. Trước khi tháo cực ắc quy, hãy liên lạc với đại lý Toyota.

n **Nạp ắc quy**

Năng lượng điện được tích trong ắc quy sẽ hết dần ngay cả khi bạn không sử dụng xe, do hiện tượng phóng điện tự nhiên và do tình trạng tiêu thụ điện của một số thiết bị điện trên xe. Nếu xe của bạn không sử dụng trong một thời gian dài, ắc quy có thể hết điện và động cơ không khởi động được. (Ắc quy sẽ tự động được nạp lại trong quá trình lái xe.)

n **Khi nạp lại hoặc thay ắc quy (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)**

l Trong một số trường hợp, bạn sẽ không thể mở khóa cửa xe bằng chức năng mở khóa và khởi động thông minh khi ắc quy bị hết điện. Hãy sử dụng điều khiển từ xa hoặc chìa khóa cơ để khóa hoặc mở khóa cửa.

l Động cơ có thể sẽ không khởi động ngay lần đầu tiên sau khi nạp lại ắc quy được, sau đó bạn có thể khởi động bình thường được. Đó là hiện

tượng bình thường.

- Chế độ của công tắc động cơ sẽ được lưu lại trên xe. Khi nối lại ắc quy, hệ thống sẽ chuyển về chế độ trước khi ắc quy hết điện. Trước khi ngắt ắc quy, hãy tắt công tắc động cơ. Nếu bạn không chắc về chế độ của công tắc động cơ trước khi ắc quy hết điện, hãy đặc biệt thận trọng khi nối lại ắc quy.

n Khi nạp lại hoặc thay thế ắc quy

Xe có hệ thống Dừng và Khởi động: Khi sạc lại hoặc thay thế ắc quy, hệ thống Dừng và Khởi động có thể sẽ không tự động tắt động cơ trong thời gian lên đến 1 giờ.

n Khi thay ắc quy

- Hãy sử dụng ắc quy tuân theo tiêu chuẩn Châu Âu.
- Xe có hệ thống Dừng và Khởi động: Sử dụng ắc quy chính hiệu được thiết kế chuyên cho hệ thống Dừng và Khởi động hoặc ắc quy chính hiệu tương đương.
- Hãy sử dụng ắc quy có cùng kích cỡ với ắc quy trước đó và dung lượng ắc quy tương đương 20 HR trở lên.

• Nếu sử dụng ắc quy khác cỡ, ắc quy sẽ không thể cố định chính xác được.
• Nếu sử dụng ắc quy có dung lượng 20HR thấp, ngay cả khi không sử dụng xe trong một thời gian ngắn thì ắc quy cũng có thể sẽ bị hết điện và không khởi động được động cơ.
• Xe không có hệ thống dừng & khởi động thông minh: Nếu sử dụng ắc quy không đúng, tính năng của ắc quy có thể giảm đi và động cơ không thể khởi động lại được.
• Xe có hệ thống Dừng & Khởi động: Nếu sử dụng ắc quy không được hỗ trợ, các chức năng của hệ thống Dừng & Khởi động có thể bị hạn chế để bảo vệ ắc quy. Ngoài ra, tính năng của ắc quy có thể sẽ bị giảm và động cơ có thể sẽ không khởi động được.

- Để biết thêm chi tiết, hãy tham khảo ý kiến đại lý Toyota.

⚠ CẢNH BÁO

n Khi tháo các cực của ắc quy

Luôn tháo cực âm (-) trước. Nếu cực dương (+) chạm vào các chi tiết kim loại ở khu vực xung quanh khi tháo cực dương (+), có thể sẽ làm xuất hiện tia lửa điện, dẫn đến hỏa hoạn, điện giật và dẫn đến bị thương nghiêm trọng hoặc tử vong.

n Để tránh làm cháy hoặc nổ ắc quy

Hãy tuân theo các chú ý sau để tránh xảy ra tai nạn do khí thoát ra từ ắc quy có thể bị bắt lửa:

- Hãy đảm bảo rằng các cáp nối điện ngoài đã được nối vào đúng điện cực và chúng không được chạm vào các điện cực khác.
- Không để đầu còn lại của cáp nối điện ngoài nối vào cực dương (+) chạm vào các chi tiết khác hoặc bề mặt kim loại các như giá bắt hoặc bề mặt kim loại không phủ sơn.
- Không để kẹp dương (+) và kẹp âm (-) của cáp nối điện ngoài chạm vào nhau.
- Không hút thuốc, bật diêm, bật lửa hoặc để nguồn lửa gần nhiên liệu hoặc ắc quy.

n Lưu ý đối với ắc quy

Trong ắc quy có chứa các dung dịch axit độc hại và có khả năng ăn mòn mạnh, đồng thời trong ắc quy còn có các chi tiết làm bằng chì và dung dịch của chì. Do vậy hãy tuân theo các chú ý sau khi làm việc với ắc quy:

- Khi làm việc với ắc quy, luôn luôn phải đeo kính bảo hộ và phải thận trọng không để dung dịch điện phân (axit) dính vào da, quần áo hoặc thân xe.

CẢNH BÁO

- Không để nghiêng ắc quy.
- Nếu chẳng may để dung dịch ắc quy (axít) bắn vào da hay mắt, hãy rửa sạch vùng bị dính axít bằng nước và đi khám ngay lập tức.
  Hãy dùng một miếng mút hay vải ướt đắp lên vùng bị tổn thương cho tới khi có các biện pháp xử lý y tế khác.
- Luôn luôn nhớ rửa tay sau khi làm việc với các giá đựng ắc quy, các điện cực và các chi tiết khác có liên quan tới ắc quy.
- Không để trẻ nhỏ tới gần ắc quy.

n **Để tránh làm hỏng xe (xe có hộp số thường)**

Không được đẩy hoặc kéo để khởi động xe bạn, do bộ trung hòa khí xả 3 thành phần hoặc bộ trung hòa khí xả có thể sẽ bị quá nhiệt và gây ra hỏa hoạn.

n **Khi tháo ắc quy**

Không tháo cực âm (-) ở phía thân xe. Nếu tháo cực âm (-) ra thì nó có thể chạm vào cực dương (+), có thể dẫn đến ngắn mạch và gây ra tổn hại nghiêm trọng tới sức khỏe hoặc tử vong.

CHÚ Ý

n **Khi làm việc với dây cáp nối điện ngoài**

Khi nối cáp nối ngoài, hãy đảm bảo rằng chúng sẽ không bị vướng vào quạt làm mát hoặc đai dẫn động của động cơ.

n **Khi kết nối các cáp nối điện ngoài**

Chắc chắn phải kết nối các cáp nối điện ngoài với các cực và các điểm nối chỉ định. Nếu không, có thể ảnh hưởng xấu đến các thiết bị điện tử hoặc làm hỏng chúng.

Nếu xe quá nhiệt

Các dấu hiệu sau có thể cho thấy rằng xe của bạn đang bị quá nhiệt.

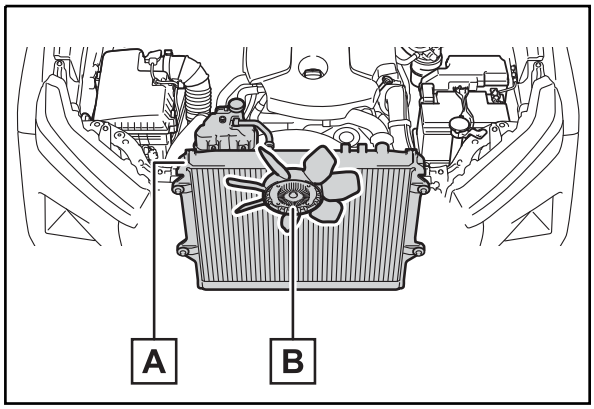
- Kim của đồng hồ báo nhiệt độ nước làm mát động cơ (→P.94, 97, 101) chỉ vào vùng màu đỏ hoặc động cơ bị giảm công suất. (Ví dụ như tốc độ xe không tăng.)
- Xe có màn hình đa thông tin: Thông điệp “Nhiệt độ nước làm mát động cơ cao Dừng lại ở vị trí an toàn Xem hướng dẫn sử dụng” được hiển thị trên màn hình đa thông tin.
- Hơi nước thoát ra ở dưới nắp capô.

Các quy trình hiệu chỉnh

1 Hãy dừng xe tại một vị trí an toàn và tắt hệ thống điều hòa không khí, sau đó tắt động cơ.

2 Nếu có hơi nước thoát ra:
Hãy cẩn thận nâng nắp capô lên sau khi hơi nước giảm đi.
Nếu không có hơi nước thoát ra:
Hãy cẩn thận nâng nắp capô lên.

3 Sau khi động cơ đã đủ nguội, hãy kiểm tra các ống dẫn và két nước xem có bị rò rỉ ở đâu không.



A Két nước làm mát động cơ

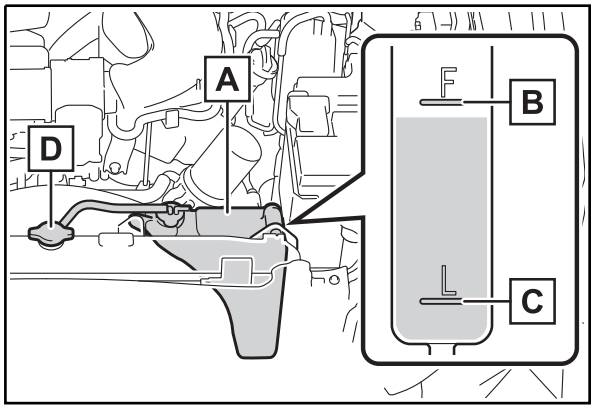
B Quạt làm mát

Nếu có lượng lớn nước làm mát bị rò rỉ, hãy liên hệ ngay với đại lý Toyota.

4 Mức nước làm mát phải nằm giữa vạch thấp "L" và vạch cao "F" trên bình chứa.

▶ Nước làm mát động cơ

Động cơ 1GR-FE:



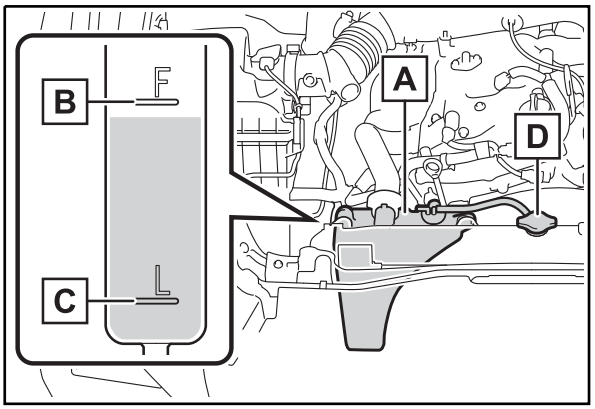
A Bình chứa nước làm mát

B Vạch "F"

C Vạch "L"

D Nắp két nước

Động cơ 2TR-FE:



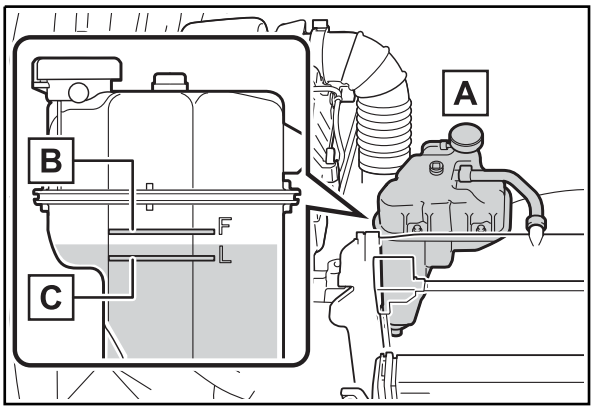
A Bình chứa nước làm mát

B Vạch "F"

C Vạch "L"

D Nắp két nước

Động cơ 1GD-FTV:

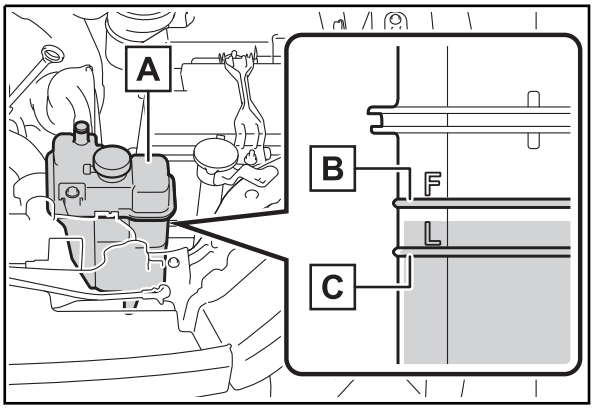


A Bình chứa nước làm mát

B Vạch "F"

C Vạch "L"

▶ Nước làm mát cho bộ làm mát trung gian (nếu có)



A Bình chứa nước làm mát

B Vạch "F"

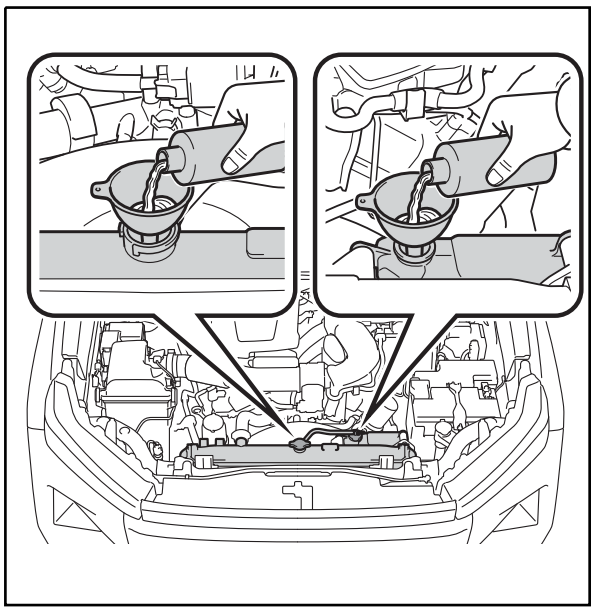
C Vạch "L"

5 Hãy bổ sung nước làm mát nếu cần. (→P.596)

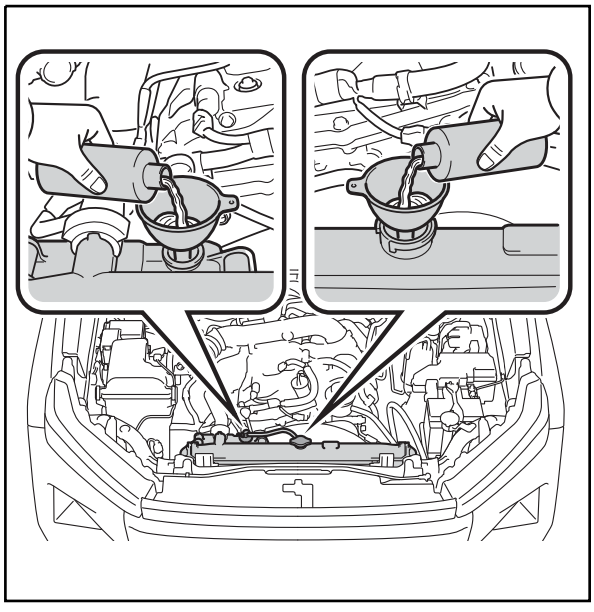
Trong trường hợp khẩn cấp khi không có nước làm mát, thì có thể dùng nước thường như một giải pháp tình thế.

▶ Nước làm mát động cơ

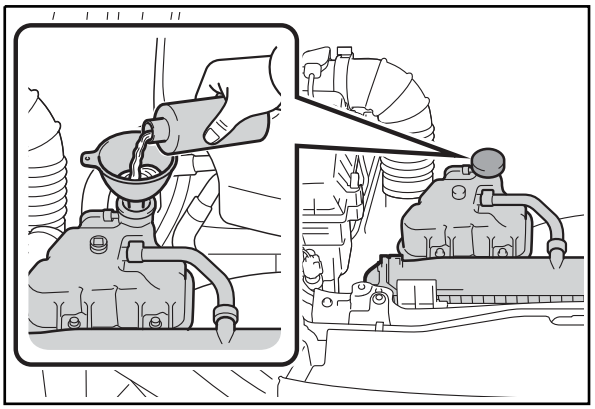
Động cơ 1GR-FE:



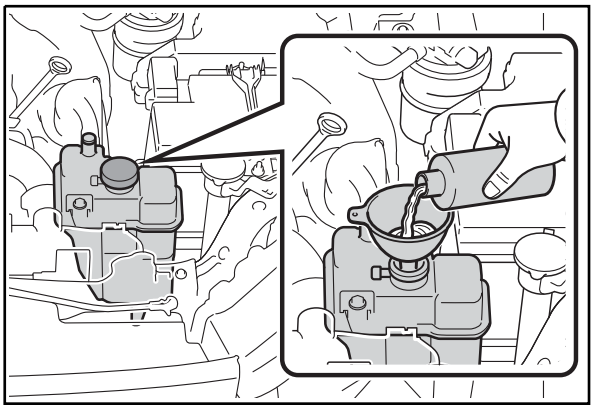
Động cơ 2TR-FE:



Động cơ 1GD-FTV:



▶ Nước làm mát cho bộ làm mát trung gian (nếu có)



6 Hãy khởi động động cơ để kiểm tra xem quạt làm mát két nước có hoạt động không và kiểm tra xem két nước hay các đường ống có bị rò rỉ nước làm mát hay không.

7 Nếu quạt không hoạt động:
Tắt ngay động cơ và liên hệ với Đại lý Toyota.
Nếu quạt vẫn hoạt động:
Hãy yêu cầu Đại lý Toyota gần nhất kiểm tra xe giúp bạn.

⚠ CẢNH BÁO

n **Khi kiểm tra các chi tiết dưới nắp capô**

Hãy tuân theo các chú ý sau.

Nếu không có thể dẫn đến các tổn thương nghiêm trọng như bỏng.

l Nếu hơi nước vẫn còn bay ra từ dưới nắp capô, thì không được mở nắp ca pô cho đến khi hơi nước giảm hẳn. Khoang động cơ có thể đang rất nóng.

⚠ CẢNH BÁO

l Hãy giữ tay và quần áo (đặc biệt là cà vạt và khăn choàng) tránh xa các cánh quạt và các đai dẫn động. Nếu không, tay hoặc quần áo có thể bị kẹt, gây chấn thương nghiêm trọng.

l Không được nới lỏng nắp két nước (nếu có), nắp bình chứa nước làm mát hoặc nắp bộ làm mát trung gian khi động cơ và két nước đang nóng. Hơi nước có nhiệt độ cao hoặc nước làm mát bị phun ra.

⚠ CHÚ Ý

n **Khi bổ sung nước làm mát động cơ**

Hãy bổ sung từ từ nước làm mát sau khi động cơ đã đủ nguội. Nếu đổ nước làm mát quá nhanh vào động cơ đang nóng thì có thể sẽ làm hỏng động cơ.

n **Để tránh làm hỏng hệ thống làm mát**

Hãy tuân theo các chú ý sau:

l Tránh để các tạp chất (cát hoặc bụi..) lẫn vào nước làm mát.

l Không sử dụng nước làm mát có pha lẫn tạp chất.

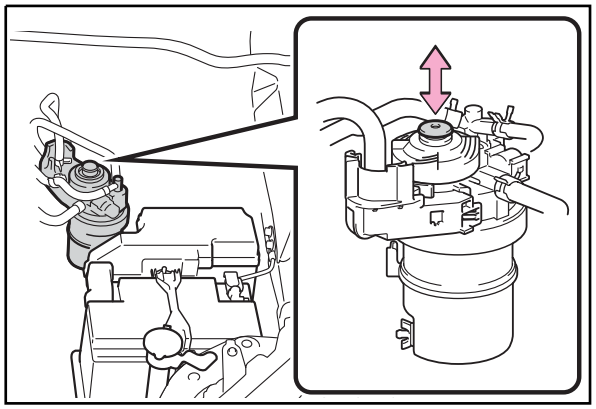
Nếu xe bị hết nhiên liệu và động cơ ngừng hoạt động (chỉ với động cơ diesel)

Quy trình vận hành

Nếu xe bị hết nhiên liệu và động cơ chết máy:

1 Hãy nạp lại nhiên liệu.

2 Để xả khí cho hệ thống nhiên liệu, hãy tiến hành bơm mồi bằng tay cho tới khi cảm thấy có lực cản.



3 Khởi động động cơ. (→P.186)

Nếu động cơ vẫn không khởi động được sau khi đã thực hiện theo các bước trên, hãy đợi khoảng 10 giây và thử lại bước số 2 và bước số 3 . Nếu động cơ vẫn không khởi động được, hãy liên hệ với đại lý Toyota.

Sau khi khởi động động cơ, hãy đạp nhẹ bàn đạp ga cho tới khi động cơ chạy êm.

CHÚ Ý

n **Khi khởi động lại động cơ**

l Không quay khởi động động cơ trước khi nạp lại nhiên liệu và tiến hành bơm mồi. Nếu không có thể sẽ làm hỏng động cơ và hệ thống nhiên liệu.

l Không quay khởi động động cơ liên tục quá 30 giây. Nếu không máy khởi động và hệ thống dây điện có thể sẽ bị quá nhiệt.

Nếu xe bị sa lầy

Hãy thực hiện các quy trình sau nếu bánh xe của bạn bị quay trơn do không bám đường hoặc xe bị sa lầy trong bùn, lầy hoặc tuyết:

Quy trình đưa xe thoát khỏi sa lầy

1 Hãy tắt động cơ. Gài phanh đỗ và chuyển cần số về vị trí P (hộp số tự động) hoặc vị trí N (hộp số thường).

Không được ấn nút nhả chuyển số sau khi chuyển cần đến P.

2 Dọn sạch bùn, tuyết hoặc cát bám xung quanh các bánh sau.

3 Chèn gỗ, đá hoặc các loại vật liệu khác vào dưới bánh sau bị sa lầy để tăng lực bám.

4 Khởi động lại động cơ.

5 Chuyển cần số tới vị trí D hoặc R (hộp số tự động) hoặc vị trí 1 hay R (hộp số thường) và từ từ đạp bàn đạp ga để đưa xe thoát khỏi sa lầy.

n **Khi khó đưa xe thoát khỏi sa lầy**

Hãy thử lại như sau.

- Tắt TRC/A-TRC (→P.399)
- Chuyển công tắc điều khiển cầu trước (→P.377)
- Sử dụng khóa vi sai sau* (→P.385)
- Sử dụng hệ thống chọn chế độ đa địa hình* (→P.387)

*: Nếu có

CẢNH BÁO

n **Khi cố gắng đưa xe thoát khỏi sa lầy**

Nếu bạn dùng cách giật xe về đằng trước và đằng sau để đưa xe thoát khỏi sa lầy thì hãy đảm bảo rằng các khu vực xung quanh không bị vướng các vật thể, để tránh bị va chạm với người, vật hoặc các xe khác. Xe có thể sẽ bất ngờ bị nhào tới hoặc lùi khi nó thoát ra khỏi sa lầy. Do vậy hãy đặc biệt cẩn thận.

n **Khi chuyển cần số**

Hãy hết sức cẩn thận, không được chuyển cần số khi đang đạp bàn đạp ga.

Nếu không có thể sẽ làm cho xe bị tăng tốc đột ngột và có thể gây ra tai nạn dẫn tới tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

CHÚ Ý

n **Để tránh làm hư hỏng hộp số và các thiết bị khác**

- Tránh để bánh xe quay trơn và tránh đạp ga quá mức.
- Nếu xe vẫn bị sa lầy sau khi đã thực hiện các quy trình trên, xe của bạn có thể sẽ cần sử dụng tới dịch vụ cứu hộ để thoát ra.

CHÚ Ý

- Xe có hộp số tự động: Nếu đèn cảnh báo nhiệt độ dầu hộp số sáng (xe không có màn hình đa thông tin) hoặc thông điệp cảnh báo cho dầu hộp số tự động được hiển thị (xe có màn hình đa thông tin) trong khi cố đưa xe thoát khỏi ra sa lấy, hãy giảm tốc độ bằng cách nhả bàn đạp ga và đợi cho đến khi đèn cảnh báo tắt (xe không có màn hình đa thông tin) hoặc thông điệp cảnh báo biến mất (xe có màn hình đa thông tin). Nếu không, hộp số có thể bị hỏng. (→P.550)

Thông số kỹ thuật 8

8-1. Thông số kỹ thuật

Dữ liệu bảo dưỡng (mức nhiên liệu, mức dầu…) ...586

Thông tin về nhiên liệu ...607

8-2. Tùy chọn

Tính năng tùy chọn cá nhân 609

8-3. Khởi tạo

Các hạng mục cần khởi tạo 624

Dữ liệu bảo dưỡng (mức nhiên liệu, mức dầu...)

Kích thước

Chiều dài tổng thể		5,325 mm
Chiều rộng tổng thể	Không có tấm ốp mở rộng khoang hốc lốp	1,855 mm
	Có tấm ốp mở rộng khoang hốc lốp	1,885 mm
Chiều cao tổng thể*1	Xe cabin đơn	1,855 mm*2 1,795 mm*3
	Xe cabin thông minh	1,860 mm*2 1,810 mm*3
	Kiểu xe có cabin kép	1,865 mm*2 1,815 mm*3
Chiều dài cơ sở		3,090 mm
Khoảng cách vệt bánh xe	Phía trước	1,490 mm*4 1,530 mm*5
	Phía sau	1,510 mm*4 1,550 mm*5, 6 1,555 mm*5, 7

*1: Xe không tải

*2: Với ăng ten dạng vây cá

*3: Với ăng ten cột ngắn

*4: Có lốp 225/70R17C

*5: Với lốp 265/65R17 hoặc 265/60R18

*6: Không có phanh đĩa sau

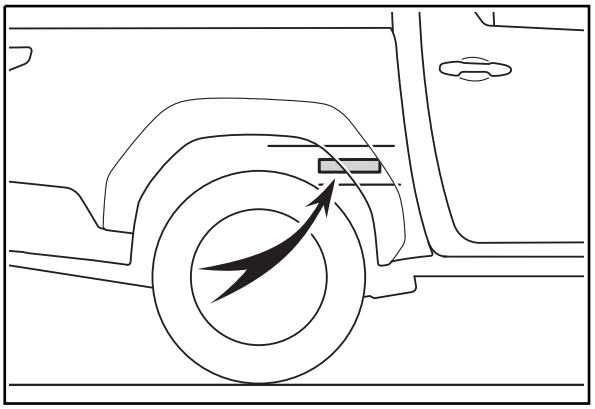
*7: Với phanh đĩa phía sau

Nhận dạng xe

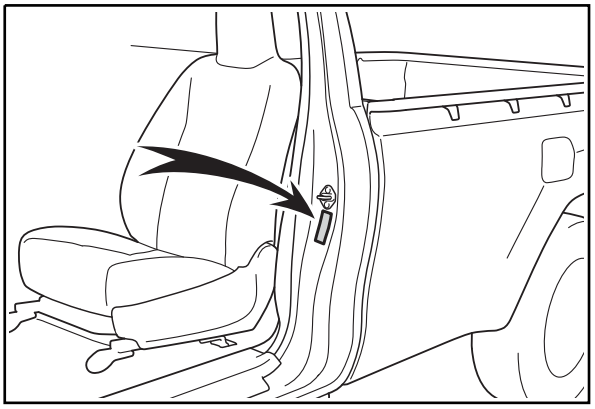
n Số nhận dạng xe (VIN)

Số nhận dạng xe (số VIN) là dấu hiệu nhận biết hợp pháp cho xe của bạn. Đây là số hiệu nhận biết chính cho xe Toyota. Nó được dùng để đăng ký xe.

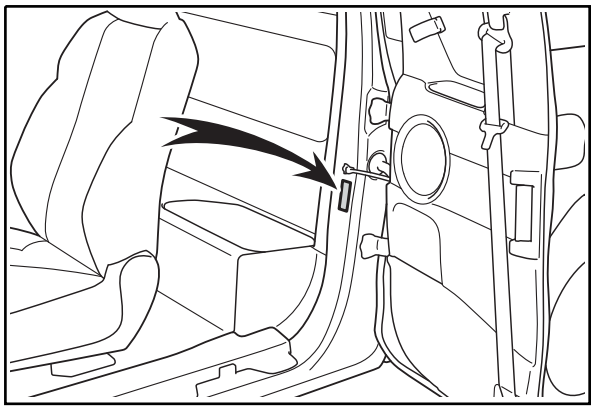
Số này được dập trên khung xe phía sau bên phải.



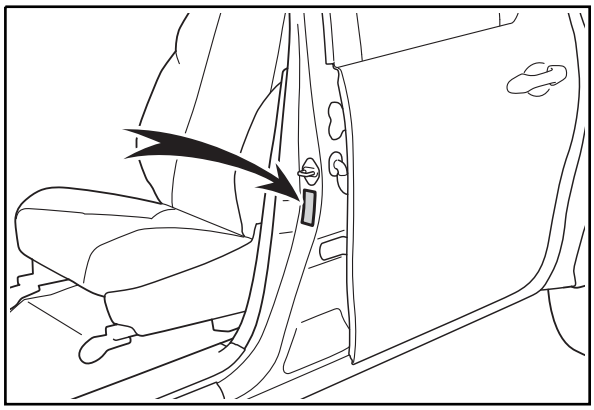
Các kiểu xe cabin đơn (xe được sản xuất tại Thái Lan, Nam Phi và Kenya[*1]): Số này cũng được in trên nhãn chứng nhận (xe được sản xuất tại Thái Lan[*1] dành cho các quốc gia GCC[*2], Jordan[*3], Yemen, Iraq và Lebanon) hoặc nhãn của nhà sản xuất (trừ các mẫu xe được sản xuất tại Thái Lan[*1] dành cho các quốc gia GCC[*2], Jordan[*3], Yemen, Iraq và Lebanon).



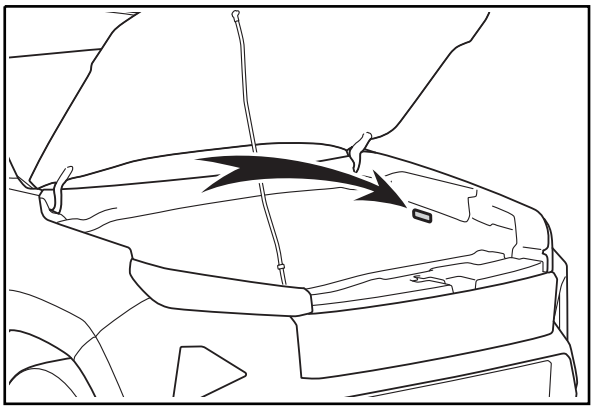
Xe cabin kiểu gọn (cho thị trường Thái Lan và Nam Phi[*1]): Số này cũng ở trên nhãn của nhà sản xuất.



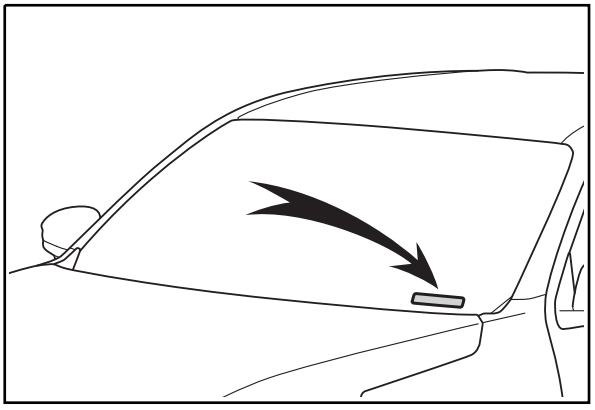
Các kiểu xe có cabin kép (xe sản xuất tại Thái Lan, Nam Phi, Kenya và Ghana[*1]): Số này cũng có trên nhãn chứng nhận quy định (các mẫu xe sản xuất tại Thái Lan[*1] dành cho các quốc gia Cộng đồng các quốc gia Ả Rập[*2], Jordan[*3], Yemen, Iraq và Libanon) hoặc nhãn của nhà sản xuất (trừ các xe sản xuất tại Thái Lan[*1] dành cho các quốc gia Cộng đồng các quốc gia Ả Rập[*2], Jordan[*3], Yemen, Iraq và Libanon).



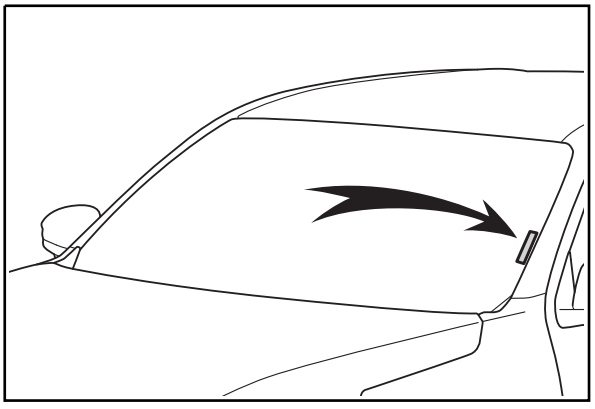
Trừ kiểu xe sản xuất tại Thái Lan, Nam Phi, Kenya và Ghana[*1]: Số này cũng được in trên nhãn của nhà sản xuất.



Cho thị trường các nước GCC[*2], Jordan[*3], Yemen, Iraq và Lebanon: Số này cũng được gắn ở phía trên bên trái bảng táp lô.



Các kiểu xe được sản xuất tại Nam Phi (ngoại trừ Algeria), Kenya và Ghana[*1] Con số này cũng nằm ở phía bên trái của kính chắn gió.



[*1]: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P.11)

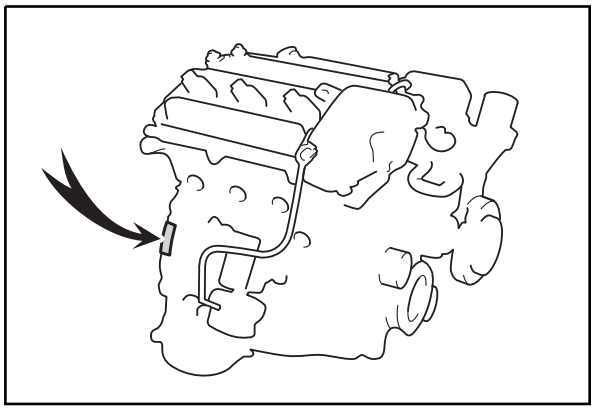
[*2]: Arập Saudi, Oman, Baren, Các tiểu vương quốc Arập thống nhất, Qatar, Côoét

[*3]: Động cơ xăng

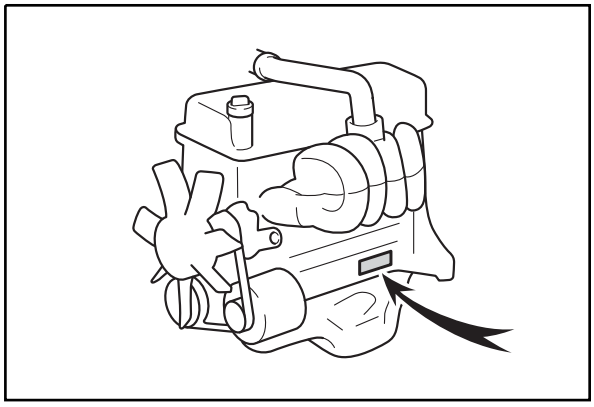
n Số máy

Số máy được dập trên thân động cơ như trên hình vẽ.

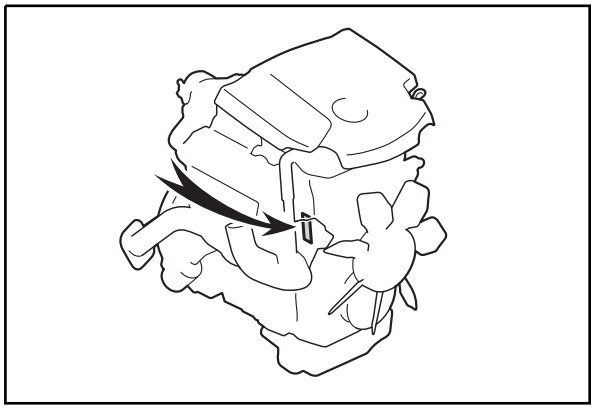
▶ Động cơ 1GR-FE



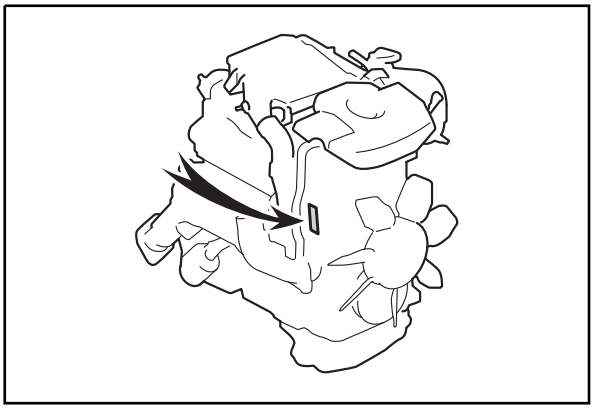
▶ Động cơ 2TR-FE



▶ Động cơ 1GD-FTV (xe không có hệ thống làm mát khí nạp bằng nước)



▶ Động cơ 1GD-FTV (xe có hệ thống làm mát khí nạp bằng nước)



Động cơ

▶ Động cơ 1GR-FE

Kiểu động cơ	1GR-FE
Loại	Động cơ xăng, 4 kỳ, 6 xylanh bố trí hình chữ V
Đường kính và hành trình pittông	94.0 × 95.0 mm
Dung tích xylanh	3,956 cm^3
Khe hở xu páp (Động cơ nguội)	Xu páp nạp: 0.15 — 0.25 mm Xu páp xả: 0.29 — 0.39 mm
Bộ căng đai dẫn động	Tự động điều chỉnh
Tốc độ tối đa của xe[*1]	161 km/h
Mô men tối đa (NET)[*1]	376 Nm ở tốc độ 3800 vòng/phút
Công suất tối đa (NET)[*1]	175 kW ở tốc độ 5200 vòng/phút

[*1]: Xe cho thị trường các nước Trung Đông...[*2]

[*2]: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P.11)

▶ Động cơ 2TR-FE

Kiểu động cơ	2TR-FE
Loại	Động cơ xăng, 4 kỳ, 4 xi lanh thẳng hàng

Đường kính và hành trình pittông		95.0 × 95.0 mm (3.74 × 3.74 in.)
Dung tích xylanh		2,694 cm^3
Khe hở xu páp		Tự động điều chỉnh
Bộ căng đai dẫn động		Tự động điều chỉnh
Tốc độ tối đa của xe*1	Xe có hộp số tự động	160 km/h
	Xe có hộp số thường	163 km/h
Mô men tối đa (NET)*1		245 N.m ở tốc độ 4000 vòng/phút
Công suất tối đa (NET)*1		122 kW ở tốc độ 5,200 vòng/phút

*1: Xe cho thị trường các nước Trung Đông...*2

*2: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P.11)

▶ Động cơ 1GD-FTV

Kiểu động cơ		1GD-FTV
Loại		Động cơ diesel 4 kỳ, 4 xi-lanh thẳng hàng (có turbo tăng áp)
Đường kính và hành trình pittông		92.0 × 103.6 mm
Dung tích xylanh		2,755 cm^3
Khe hở xu páp		Tự động điều chỉnh
Bộ căng đai dẫn động		Tự động điều chỉnh
Tốc độ tối đa của xe*1		176 km/h
Mô men tối đa (NET)*1	Xe có hộp số tự động	500 N m ở 1,600 - 2,800 vòng/phút
	Xe có hộp số thường	420 N m @1400 - 3400 vòng/phút
Công suất tối đa (NET)*1	Xe có hộp số tự động	150 kW ở 3,000 - 3,400 vòng/phút
	Xe có hộp số thường	150 kW @3400 vòng/phút

*1: Xe cho thị trường các nước Trung Đông...*2

*2: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P.11)

Nhiên liệu

▶ Động cơ xăng

Loại nhiên liệu		Chỉ sử dụng xăng không pha chì
Chỉ số Ốc tan	Động cơ 1GR-FE	95 trở lên
	Động cơ 2TR-FE	91 trở lên
Dung tích bình nhiên liệu (Tham khảo)		80 L

▶ Động cơ diesel

Loại nhiên liệu	▶ Xe không có hệ thống DPF: Chỉ nhiên liệu dầu diesel Xe có hệ thống DPF: Dầu diesel có hàm lượng lưu huỳnh từ 10 ppm trở xuống
Chỉ số Xê tan	48 trở lên
Dung tích bình nhiên liệu (Tham khảo)	80 L

Hệ thống bôi trơn

▶ Động cơ 1GR-FE

n **Dung tích dầu (Xả và nạp lại — tham khảo*)**

Có thay lọc dầu	5.5 L
Không thay lọc dầu	5.2 L

*: Dung tích dầu động cơ là chỉ số tham khảo được sử dụng khi thay dầu động cơ. Khi bổ sung thực tế dầu động cơ, hãy đảm bảo rằng mức dầu nằm giữa dấu mức dầu thấp và dấu mức dầu cao (→P.480). Hâm nóng rồi tắt động cơ, đợi khoảng 5 phút rồi kiểm tra mức dầu trên que thăm dầu.

n **Chọn dầu động cơ**

Dầu động cơ chính hiệu Toyota đã được sử dụng trên xe Toyota của bạn. Hãy dùng "Dầu động cơ chính hiệu của Toyota" hay loại tương đương đáp ứng được các yêu cầu sau về cấp độ và độ nhớt của dầu.

Cấp độ dầu:

5W-30 và 10W-30:

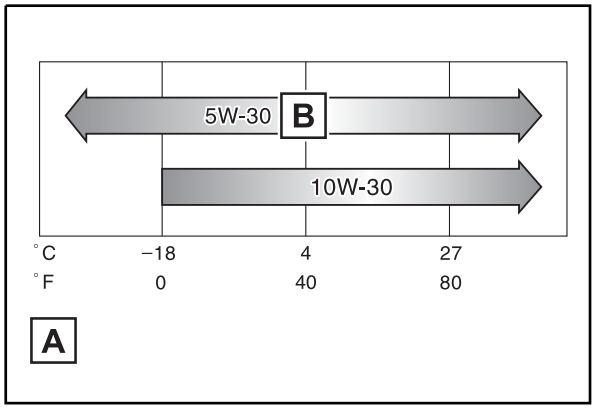
Dầu động cơ API cấp độ SL “Energy-Conserving”, SM “Energy-Conserving” hoặc SN

"Resource-Conserving" hoặc SN PLUS "Resource-Conserving" hoặc SP "Resource-Conserving"; hoặc dầu động cơ đa cấp ILSAC GF-6A

Độ nhớt của dầu nên dùng (theo tiêu chuẩn SAE):

Dầu động cơ SAE 5W-30 đã được đổ vào xe bạn tại nhà máy, và là loại dầu tốt nhất đảm bảo tính kinh tế nhiên liệu và khởi động tốt trong điều kiện thời tiết lạnh.

Nếu bạn sử dụng dầu động cơ SAE 10W-30 hoặc loại có độ nhớt cao hơn trong điều kiện nhiệt độ môi trường cực thấp thì động cơ sẽ khó khởi động, do đó nên sử dụng dầu động cơ SAE 5W-30.



A Dải nhiệt độ tham khảo trước khi thay dầu lần tiếp theo

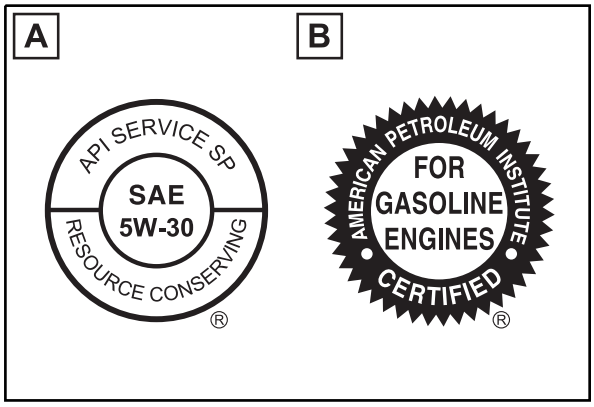
B Tham khảo

Độ nhớt của dầu (5W-30 được giải thích ở đây là một ví dụ):

- Chỉ số 5W ghi trên nhãn độ nhớt 5W-30 của dầu cho biết rằng đặc tính của dầu cho phép động cơ có thể khởi động trong điều kiện nhiệt độ thấp. Các loại dầu có giá trị của chỉ số đứng trước ký tự W càng thấp thì động cơ càng dễ khởi động trong điều kiện nhiệt độ thấp.
- Chỉ số 30 trên nhãn độ nhớt 5W-30 thể hiện độ nhớt của dầu khi ở điều kiện nhiệt độ làm việc cao.

Cách đọc nhãn chứng chỉ trên thùng dầu:

Một trong hai hoặc cả hai nhãn hiệu API sẽ được gắn vào thùng dầu để giúp bạn lựa chọn loại dầu nên dùng.



A Biểu tượng dịch vụ API

Phần trên của nhãn: "API SERVICE SP" cho biết chất lượng của dầu theo các quy định của API (Viện dầu mỏ Hoa Kỳ).
Phần giữa của nhãn: "SAE 5W-30" cho biết cấp độ nhớt của dầu theo tiêu chuẩn SAE.

Phần bên dưới nhãn: "Resource-Conserving" có nghĩa rằng dầu này có khả năng giúp tiết kiệm nhiên liệu và bảo vệ môi trường.

B Dấu chứng nhận của ILSAC

Dấu chứng nhận của ILSAC (Ủy ban phê chuẩn và chuẩn hóa dầu nhớt quốc tế) được dán trên mặt trước của thùng dầu.

▶ Động cơ 2TR-FE

n Dung tích dầu (Xả và nạp lại [Tham khảo*])

Có thay lọc dầu	5.6 L
Không thay lọc dầu	5.3 L

*: Dung tích dầu động cơ là chỉ số tham khảo được sử dụng khi thay dầu động cơ. Khi bổ sung thực tế dầu động cơ, hãy đảm bảo rằng mức dầu nằm giữa dấu mức dầu thấp và dấu mức dầu cao (→P.480). Hâm nóng rồi tắt động cơ, đợi khoảng 5 phút rồi kiểm tra mức dầu trên que thăm dầu.

n Chọn dầu động cơ

Dầu động cơ chính hiệu Toyota đã được sử dụng trên xe Toyota của bạn. Hãy dùng "Dầu động cơ chính hiệu của Toyota" hay loại tương đương đáp ứng được các yêu cầu sau về cấp độ và độ nhớt của dầu.

Cấp độ dầu:

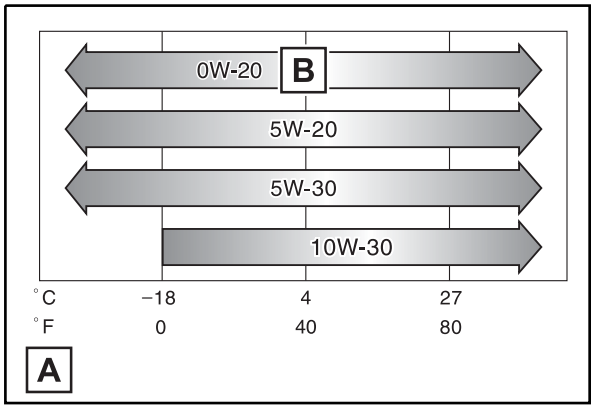
0W-20, 5W-20, 5W-30 và 10W-30:

Dầu động cơ API cấp độ SL "Energy-Conserving", SM "Energy-Conserving" hoặc SN "Resource-Conserving" hoặc SN PLUS "Resource-Conserving" hoặc SP "Resource-Conserving"; hoặc dầu động cơ đa cấp ILSAC GF-6A

Độ nhớt của dầu nên dùng (theo tiêu chuẩn SAE):

Dầu động cơ SAE 0W-20 đã được đổ vào xe bạn tại nhà máy, và là loại dầu tốt nhất đảm bảo tính kinh tế nhiên liệu và khởi động tốt trong điều kiện thời tiết lạnh.

Nếu bạn sử dụng dầu động cơ SAE 10W-30 hoặc loại có độ nhớt cao hơn trong điều kiện nhiệt độ môi trường cực thấp thì động cơ sẽ khó khởi động, do đó nên sử dụng dầu động cơ SAE 0W-20, 5W-20 hoặc 5W-30.



A Dải nhiệt độ tham khảo trước khi thay dầu lần tiếp theo

B Tham khảo

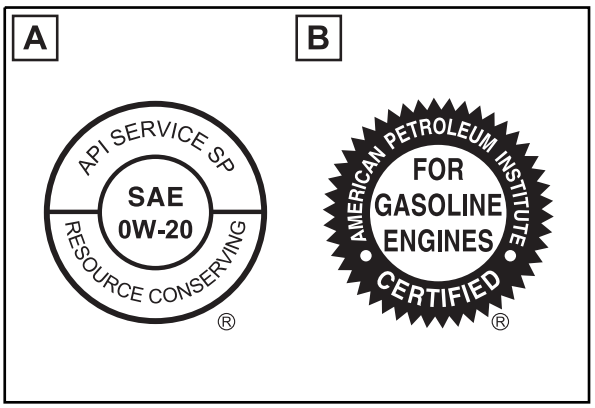
Độ nhớt (Mã 0W-20 được giải thích ở đây là một ví dụ):

- Chỉ số 0W ghi trên nhãn độ nhớt 0W-20 của dầu cho biết rằng đặc tính của dầu cho phép động cơ có thể khởi động trong điều kiện nhiệt độ thấp. Các loại dầu có giá trị của chỉ số đứng trước ký tự W càng thấp thì động cơ càng dễ khởi động trong thời tiết lạnh.

- Số 20 trong 0W-20 thể hiện đặc tính độ nhớt của dầu khi dầu ở nhiệt độ cao.

Cách đọc nhãn chứng chỉ trên thùng dầu:

Một trong hai hoặc cả hai nhãn hiệu API sẽ được gắn vào thùng dầu để giúp bạn lựa chọn loại dầu nên dùng.



A Biểu tượng dịch vụ API

Phần trên của nhãn: “API SERVICE SP” cho biết chất lượng của dầu theo các quy định của API (Viện dầu mỏ Hoa Kỳ).

Phần giữa của nhãn: "SAE 0W-20" cho biết cấp độ nhớt của dầu theo tiêu chuẩn SAE.

Phần bên dưới nhãn: "Resource-Conserving" có nghĩa rằng dầu này có khả năng giúp tiết kiệm nhiên liệu và bảo vệ môi trường.

B Dấu chứng nhận của ILSAC

Dấu chứng nhận của ILSAC (Ủy ban phê chuẩn và chuẩn hóa dầu nhớt quốc tế) được dán trên mặt trước của thùng dầu.

▶ Động cơ 1GD-FTV

n **Dung tích dầu (Xả và nạp lại [Tham khảo*])**

Có thay lọc dầu	7.5 L
Không thay lọc dầu	7.0 L

*: Dung tích dầu động cơ là chỉ số tham khảo được sử dụng khi thay dầu động cơ. Khi bổ sung thực tế dầu động cơ, hãy đảm bảo rằng mức dầu nằm giữa dấu mức dầu thấp và dấu mức dầu cao (→P.480). Hâm nóng rồi tắt động cơ, đợi khoảng 5 phút rồi kiểm tra mức dầu trên que thăm dầu.

n **Chọn dầu động cơ (xe không có hệ thống DPF)**

Dầu động cơ chính hiệu Toyota đã được sử dụng trên xe Toyota của bạn. Hãy dùng "Dầu động cơ chính hiệu của Toyota" hay loại tương đương đáp ứng được các yêu cầu sau về cấp độ và độ nhớt của dầu.

Cấp độ dầu:

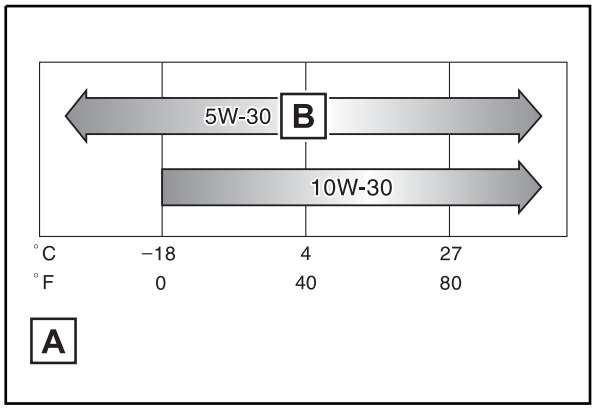
API CF-4, CF hay ACEA B3, B4, B5 hoặc JASO DL-0

Độ nhớt của dầu nên dùng (theo tiêu chuẩn SAE):

Dầu động cơ SAE 5W-30 là sự lựa chọn tốt nhất đảm bảo khả năng tiết kiệm nhiên liệu và khởi động tốt trong điều kiện thời tiết lạnh.

Nếu bạn sử dụng dầu động cơ SAE 10W-30 hoặc loại có độ nhớt cao hơn trong điều kiện nhiệt độ môi trường cực thấp thì động cơ sẽ khó khởi động, do đó

nên sử dụng dầu động cơ SAE 5W-30.

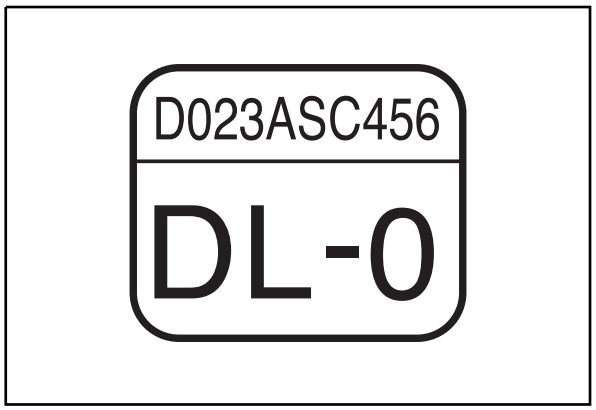


A Dải nhiệt độ tham khảo trước khi thay dầu lần tiếp theo

B Tham khảo

Cách đọc nhãn trên thùng dầu:

Nhãn DL-0 của tổ chức tiêu chuẩn Ôtô Nhật Bản (JASO) được gắn vào một số thùng dầu để giúp bạn lựa chọn loại dầu nên dùng.



Độ nhớt của dầu (5W-30 được giải thích ở đây là một ví dụ):

- Chỉ số 5W ghi trên nhãn độ nhớt 5W-30 của dầu cho biết rằng đặc tính của dầu cho phép động cơ có thể khởi động trong điều kiện nhiệt độ thấp. Các loại dầu có giá trị của chỉ số đứng trước ký tự W càng thấp thì động cơ càng dễ khởi động trong điều kiện nhiệt độ thấp.
- Chỉ số 30 trên nhãn độ nhớt 5W-30 thể hiện độ nhớt của dầu khi ở điều kiện nhiệt độ làm việc cao.

n Chọn dầu động cơ (xe có hệ thống DPF)

"Dầu động cơ chính hiệu Toyota" đã được sử dụng trên xe Toyota của bạn. Toyota khuyên dùng dầu động cơ "Toyota Genuine Motor Oil". Có thể sử dụng dầu khác nếu thỏa mãn chất lượng

Cấp độ dầu:

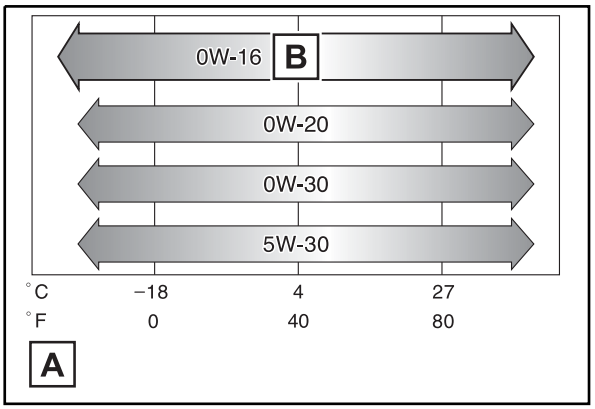
0W-16: ACEA C7
0W-20: ACEA C6, C5
0W-30 và 5W-30: ACEA C2 hoặc JASO DL-1

CHÚ Ý

Sử dụng dầu động cơ khác ngoài ACEA C7, C6, C5, C2 hoặc JASO DL-1 có thể gây hỏng bộ trung hòa khí xả.

Độ nhớt của dầu nên dùng (theo tiêu chuẩn SAE):

Dầu động cơ SAE 0W-16 được đổ vào xe bạn tại nhà máy, và là loại dầu tốt nhất đảm bảo tính kinh tế nhiên liệu và khởi động tốt trong điều kiện thời tiết lạnh.

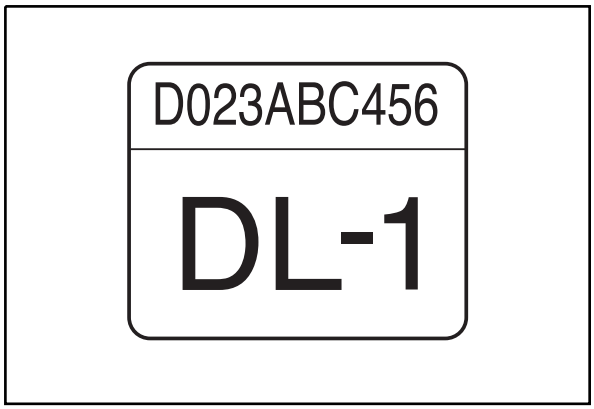


A Dải nhiệt độ tham khảo trước khi thay dầu lần tiếp theo

B Tham khảo

Cách đọc nhãn trên thùng dầu:

Nhãn DL-1 của tổ chức tiêu chuẩn Ôtô Nhật Bản (JASO) được gắn vào một số thùng dầu để giúp bạn lựa chọn loại dầu nên dùng.



Độ nhớt (Mã 0W-16 được giải thích ở đây là một ví dụ):

- Chỉ số 0W ghi trên nhãn độ nhớt của dầu 0W-16 chỉ ra rằng đặc tính của dầu cho phép động cơ có thể khởi động trong điều kiện nhiệt độ thấp. Các loại dầu có giá trị của chỉ số đứng trước ký tự W càng thấp thì động cơ càng dễ khởi động trong điều kiện nhiệt độ thấp.
- Số 16 trong 0W-16 thể hiện độ nhớt của dầu khi ở điều kiện nhiệt độ làm việc cao.

Hệ thống làm mát

▶ Động cơ 1GR-FE

Dung tích*	9.8 L
Loại nước làm mát	Hãy sử dụng một trong các loại nước làm mát sau: • "Nước làm mát siêu bền của Toyota" • Nước làm mát chất lượng cao gốc etylen glycol không chứa silic, amin, nitrit và borat với công nghệ axit hữu cơ tích hợp tuổi thọ cao Không sử dụng nước thường để làm nước làm mát động cơ.

*: Dung tích nước làm mát là số liệu tham khảo. Nếu cần phải thay thế, hãy liên

lạc với đại lý Toyota.

▶ Động cơ 2TR-FE

Dung tích*	▶Xe có hộp số tự động 8.1 L ▶Xe có hộp số thường 7.8 L
Loại nước làm mát	Hãy sử dụng một trong các loại nước làm mát sau: • "Nước làm mát siêu bền của Toyota" • Nước làm mát chất lượng cao gốc etylen glycol không chứa silic, amin, nitrit và borat với công nghệ axit hữu cơ tích hợp tuổi thọ cao Không sử dụng nước thường để làm nước làm mát động cơ.

*: Dung tích nước làm mát là số liệu tham khảo. Nếu cần phải thay thế, hãy liên lạc với đại lý Toyota.

▶ Động cơ 1GD-FTV

Dung tích nước làm mát động cơ*1	Trừ các xe theo tiêu chuẩn EURO IV, V và VI*2	▶Xe có hộp số tự động 8.1 L*3, 6 8.8 L*4, 6 8.5 L*7 ▶Xe có hộp số thường 8.2 L
	Cho các xe theo tiêu chuẩn EURO IV, V và VI*2	▶Xe có hộp số tự động 8.7 L*3 9.4 L*4 ▶Xe có hộp số thường 8.2 L*8 8.8 L*9

Dung tích nước làm mát của bộ làm mát trung gian (nếu có)	3.0 L
Loại nước làm mát	Hãy sử dụng một trong các loại nước làm mát sau: • "Nước làm mát siêu bền của Toyota" • Nước làm mát chất lượng cao gốc etylen glycol không chứa silic, amin, nitrit và borat với công nghệ axit hữu cơ tích hợp tuổi thọ cao Không sử dụng nước thường để làm nước làm mát động cơ.

*1: Dung tích nước làm mát là số liệu tham khảo. Nếu cần phải thay thế, hãy liên lạc với đại lý Toyota.

*2: EURO IV, V và VI là các tiêu chuẩn khí xả. Nếu bạn chưa biết rõ xe bạn ở tiêu chuẩn khí xả nào, hãy liên hệ với Đại lý của Toyota.

*3: Xe có kiểu két nước A*5

*4: Xe có kiểu két nước B*5

*5: Hãy xem mục “Cách xác định kiểu két nước” để kiểm tra kiểu két nước trên xe bạn. (→P.598)

*6: Xe không có bộ sưởi tăng cường

*7: Xe có bộ sưởi tăng cường

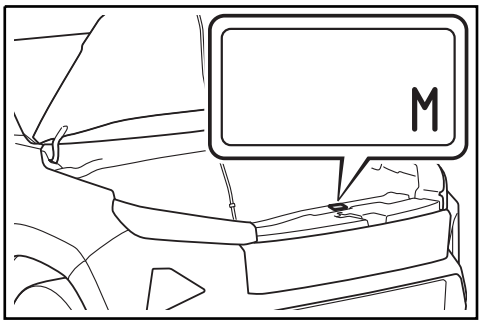
*8: Xe không có bộ sưởi

*9: Xe có bộ sưởi

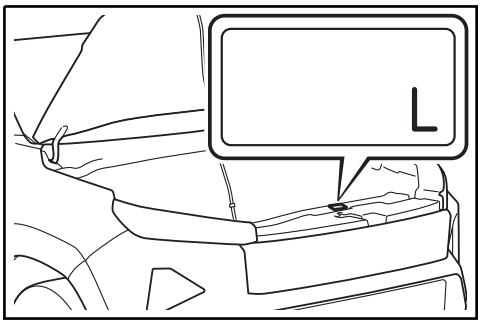
n Cách xác định kiểu két nước

Kiểm tra rằng dấu nhận dạng két nước là khác nhau tùy vào kiểu két nước.

▶ Kiểu A



▶ Kiểu B



Hệ thống đánh lửa (chỉ với động cơ xăng)

n Bugi

▶ Động cơ 1GR-FE

Nhà sản xuất	DENSO K20HR-U11 NGK LFR6C11
Khe hở bugi	1.1 mm

▶ Động cơ 2TR-FE

Nhà sản xuất	DENSO FK20HR-A8
Khe hở bugi	0.8 mm

CHÚ Ý

n **Bugi đầu Iridium (động cơ 2TR-FE)**

Chỉ sử dụng bugi có đầu hợp kim Iriđium. Không điều chỉnh khe hở của bugi khi đại tu hay sửa chữa động cơ.

Hệ thống điện

▶ Các xe có ắc quy kiểu cần bảo dưỡng

Tỷ trọng riêng tại 20°C	1.25 trở lên Nếu tỷ trọng riêng thấp hơn giá trị tiêu chuẩn, hãy sạc ắc quy.
Tốc độ nạp:	Tối đa 5 A

▶ Các xe có ắc quy kiểu không cần bảo dưỡng

Điện áp ở 20°C:	12.3 V trở lên Nếu điện áp thấp hơn giá trị tiêu chuẩn, hãy nạp lại ắc quy. (Sau khi nạp điện ắc quy, bật đèn pha chiếu xa trong 30 giây với công tắc động cơ ở vị trí "LOCK" [xe không có hệ thống vào và khởi động thông minh] hoặc tắt [xe có hệ thống vào và khởi động thông minh], và tắt đèn pha.)
Tốc độ nạp:	Tối đa 5 A

Hộp số tự động

Dung tích dầu*	Động cơ 2TR-FE	8.4 L
	Động cơ 1GR-FE và 1GD-FTV	9.5 L
Loại dầu		Dầu hộp số tự động chính hiệu của Toyota loại WS

*: Dung tích dầu nêu trên là giá trị tham khảo. Nếu cần thiết phải thay dầu hộp số tự động, hãy liên hệ với đại lý Toyota.

CHÚ Ý

n **Loại dầu hộp số tự động**

Sử dụng dầu hộp số khác với loại dầu nói trên có thể gây ra tiếng kêu hoạt động hoặc rung giật bất thường, hoặc làm hỏng hộp số của xe bạn.

Hộp số phụ (xe 4WD*1)

Dung tích dầu	1.2 L
Loại dầu*2	Dầu hộp số phụ chính hiệu Toyota loại LF hoặc tương đương
Độ nhớt khuyên dùng	SAE 75W

*1: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P.11)

*2: Xe của bạn đã được nạp "Dầu hộp số phụ chính hiệu của Toyota loại LF" tại nhà máy. Hãy sử dụng "Dầu hộp số phụ chính hiệu của Toyota loại LF" hoặc loại tương đương thỏa mãn được thông số nói trên. Hãy liên lạc với đại lý Toyota để biết thêm chi tiết.

Vi sai

Dung tích dầu	Phía trước (kiểu xe 4WD*1)	Không có A.D.D.	1.45 L
		Có A.D.D. (vi sai tự động ngắt)	1.60 L
	Phía sau	Không có khóa vi sai sau	3.65 L
		Có khóa vi sai sau	3.60 L
Loại dầu*2 và độ nhớt			Dầu vi sai chính hiệu của Toyota loại LT 75W-85 GL-5 hoặc tương đương

*1: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P.11)

*2: Xe của bạn đã được nạp "Dầu vi sai chính hiệu Toyota" tại nhà máy. Hãy sử dụng "Dầu vi sai chính hiệu Toyota" hoặc loại dầu có chất lượng tương đương để đảm bảo các thông số kể trên. Hãy liên lạc với đại lý Toyota để biết thêm chi tiết.

Hộp số thường

Dung tích dầu	Kiểu hộp số 5 cấp tốc độ	Xe Pre Runner (Gầm cao)*	2.6 L
		Xe 4WD*	2.2 L
	Kiểu hộp số 6 cấp tốc độ	Xe Pre Runner (Gầm cao)*	2.7 L
		Xe 4WD*	2.5 L
Loại dầu			Dầu hộp số thường chính hiệu Toyota API GL-3 (GL-4) hoặc tương đương
Độ nhớt khuyên dùng			SAE 75W-90

*: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P.11)

CHÚ Ý

n **Dầu hộp số thường**

Tùy vào đặc tính của loại dầu được sử dụng cho từng điều kiện hoạt động khác nhau, âm thanh khi chạy không tải, cảm giác chuyển số hoặc mức tiêu hao nhiên liệu có thể khác nhau hoặc bị ảnh hưởng. Chúng tôi khuyên bạn nên sử dụng "Dầu hộp số thường chính hiệu của Toyota" để đạt hiệu suất tối ưu.

Ly hợp (xe có hộp số thường)

Hành trình tự do của bàn đạp ly hợp	5 — 15 mm
Loại dầu	SAE J1703 hoặc FMVSS No.116 DOT 3 hoặc SAE J1704 hoặc FMVSS No.116 DOT 4

Hệ thống phanh

Chiều cao bàn đạp phanh*1, 2	85 mm*5 87 mm*6 86 mm*7
Hành trình tự do của bàn đạp ly hợp	1.0 — 6.0 mm
Hành trình của cần phanh đỗ (với phanh đỗ [loại cần])*3	7 — 9 tiếng tách
Chỉ báo phanh đỗ (với phanh đỗ [loại công tắc])*4	Khi đẩy công tắc phanh đỗ trong 1 đến 2 giây:Tắt Khi kéo công tắc phanh đỗ trong 1 giây đến 2 giây: sáng lên
Loại dầu	SAE J1703 hoặc FMVSS No.116 DOT 3 hoặc SAE J1704 hoặc FMVSS No.116 DOT 4

*1: Chiều cao tối thiểu của bàn đạp khi đạp bàn đạp với lực 300 N trong khi động cơ đang hoạt động.

*2: Với phanh đỗ (loại công tắc): Khi thực hiện kiểm tra bàn đạp phanh, cũng hãy chắc chắn rằng đèn cảnh báo hệ thống phanh không sáng khi động cơ đang chạy. (Nếu đèn cảnh báo hệ thống phanh sáng, tham khảo P.535)

*3: Hành trình của cần phanh đỗ khi kéo với lực 200 N

*4: Xác nhận rằng đèn cảnh báo phanh (màu vàng) không sáng lên. (Nếu đèn cảnh báo hệ thống phanh sáng, hãy tham khảo P.535)

*5: Với phanh trước có đường kính 16 inch*8

*6: Với phanh trước 17 inch (LOW)*8

*7: Với phanh trước có đường kính 17 inch*8

*8: Hãy liên hệ với Đại lý của Toyota, nếu bạn không biết chắc xe có những thông số kỹ thuật nào.

Bôi trơn gầm xe

n Trục các đăng

▶ Phía trước (kiểu xe 4WD*1)

Trục chữ thập	Mỡ bôi trơn gầm xe gốc lithium, NLGI No. 2
Khớp trượt	Mỡ bôi trơn gầm xe gốc lithium disunphua môlípđen, NLGI No.2 hoặc mỡ bôi trơn gầm xe gốc lithium, NLGI No.2

▶ Phía sau

Spider*2	Mỡ bôi trơn gầm xe gốc lithium, NLGI No. 2

*1: Hãy xem mục "Kiểm tra kiểu xe của bạn" nếu bạn không chắc kiểu xe của mình. (→P.11)

*2: Chỉ với các khớp nối được bôi trơn bằng mỡ

Hệ thống lái

Độ rơ của vô lăng	30 mm
Kiểu dầu trợ lực lái (không có hệ thống EPS [trợ lực lái điện])	Dầu hộp số tự động DEXRON® II hoặc III

Lốp và vành xe

▶ Lốp 17 inch

Cỡ lốp	225/70R17C 108/106S		
Áp suất lốp (Áp suất tiêu chuẩn của lốp xe khi nguội)	Bánh trước kPa(kgf/cm^2 hoặc bar, psi)'	Bánh sau (không tải) kPa (kgf/cm^2 hoặc bar, psi)	Bánh sau (đầy tải) kPa (kgf/cm^2 hoặc bar, psi)
	240 (2.4, 35)	240 (2.4, 35)	300 (3.0, 44)

Cỡ vành	17 × 6J
Lực xiết đai ốc lốp	105 Nm

▶ Lốp 17 inch

Cỡ lốp	265/65R17 112S			
Áp suất lốp (Áp suất tiêu chuẩn của lốp xe khi nguội)	Bánh trước (không tải) kPa (kgf/cm^2 hoặc bar, psi)	Bánh trước (tải trọng đầy[*1]/ chất đầy [50 % hoặc hơn của trọng tải tối đa][*2]) kPa (kgf/cm^2 hoặc bar, psi)	Bánh sau (không tải) kPa (kgf/cm^2 hoặc bar, psi)	Bánh sau (đầy tải) kPa (kgf/cm^2 hoặc bar, psi)
	220 (2.2, 32)	230 (2.3, 33)	220 (2.2, 32)	250 (2.5, 36)
Cỡ vành	17 × 7 1/2J			
Lực xiết đai ốc lốp	105 Nm			

▶ Loại lốp 18 inch

Cỡ lốp	265/60R18 110H			
Áp suất lốp (Áp suất tiêu chuẩn của lốp xe khi nguội)	Bánh trước (không tải) kPa (kgf/cm^2 hoặc bar, psi)	Bánh trước (tải trọng đầy[*1]/ chất đầy [50 % hoặc hơn của trọng tải tối đa][*2]) kPa (kgf/cm^2 hoặc bar, psi)	Bánh sau (không tải) kPa (kgf/cm^2 hoặc bar, psi)	Bánh sau (đầy tải) kPa (kgf/cm^2 hoặc bar, psi)
	220 (2.2, 32)	230 (2.3, 33)	220 (2.2, 32)	250 (2.5, 36)
Cỡ vành	18 × 7 1/2J			
Lực xiết đai ốc lốp	105 Nm			

n **Khi tải trọng là 50% hoặc nhiều hơn tải trọng tối đa (dành cho Nam Phi)**

Điều chỉnh áp suất lốp đến mức khi tải trọng trong bảng bên trên. Tải trọng tối đa khác nhau tùy thuộc vào từng xe.

Bóng đèn

	Bóng đèn	W	Loại
Bên ngoài xe	Đèn vị trí phía trước (kiểu bóng) Không có đèn chiếu sáng ban ngày	5	A
	Có đèn chiếu sáng ban ngày	21/5	A
	Đèn xi nhan phía trước (kiểu bóng)	21	B
	Các đèn xi nhan phía sau (không có đèn báo dừng kiểu đèn LED)	21	C
	Đèn xin nhanh sau (có đèn phanh kiểu LED)	21	B
	Đèn lùi (không có đèn phanh LED)	21	D
	Đèn mù phía sau (không có đèn phanh LED)*	21	D
	Đèn phanh/đèn hậu (không có đèn phanh kiểu LED)	21/5	D
	Đèn soi biển số	5	A
Bên trong xe	Đèn trần*	8	E

A: Bóng đèn đui hình nêm (màu trong)

B: Bóng đèn đui hình nêm (màu hổ phách)

C: Bóng đèn đui đơn (màu hổ phách)

D: Bóng đèn đui đơn (trong suốt)

E: Bóng đèn đui kép

*: Nếu có

Thông tin về nhiên liệu

▶ Động cơ xăng

Động cơ 1GR-FE:

Chỉ được sử dụng xăng không pha chì. Để tối ưu hóa công suất của động cơ, hãy chọn xăng không pha chì cao cấp có chỉ số ốc tan từ 95 trở lên. Nếu không có loại xăng cao cấp, bạn có thể sử dụng tạm loại xăng không pha chì có chỉ số ốc tan từ 91 trở lên.

Nếu không có loại xăng cao cấp, bạn có thể sử dụng tạm loại xăng không pha chì có chỉ số ốc tan từ 91 trở lên. Trong trường hợp này, hiệu suất động cơ có thể bị giảm.

Động cơ 2TR-FE:

Chỉ được sử dụng xăng không pha chì. Để tối ưu hóa công suất động cơ, hãy sử dụng xăng không pha chì có trị số ốc tan từ 91 trở lên (đánh giá ốc tan 87) hoặc cao hơn.

▶ Động cơ diesel

Xe không có hệ thống DPF:

Chỉ được sử dụng dầu diesel có chỉ số xê tan từ 48 trở lên.

Xe có hệ thống DPF:

Chỉ được sử dụng dầu diesel có chứa lưu huỳnh ít hơn 10 ppm và chỉ số xê tan từ 48 trở lên.

n Sử dụng xăng pha cồn cho động cơ xăng

Loại động cơ này có thể sử dụng xăng pha ethanon với hàm lượng ethanon tối đa 10%. Hãy đảm bảo rằng xăng pha ethanon được sử dụng có chỉ số ốc tan phù hợp với các thông số ở trên.

n Nếu bạn dự định sử dụng xe ở nước khác (xe có hệ thống DPF)

Có thể bạn sẽ không tìm được loại dầu diesel có hàm lượng lưu huỳnh thấp phù hợp với xe, do vậy hãy xác nhận loại nhiên liệu này với nhà phân phối xe trước.

n Nếu động cơ phát ra tiếng gõ

- Hãy hỏi ý kiến đại lý Toyota.
- Xe của bạn có thể sẽ phát ra tiếng gõ máy nhẹ trong thời gian ngắn khi tăng tốc hoặc leo lên đồi dốc. Triệu chứng này là hoàn toàn bình thường và bạn không cần phải bận tâm về điều đó.

CHÚ Ý

n Chú ý về chất lượng xăng

- Không được dùng sai loại nhiên liệu. Nếu sử dụng sai loại nhiên liệu sẽ làm hỏng động cơ.
- Không được sử dụng động cơ có phụ gia kim loại, ví dụ như mangan, sắt hoặc chì, nếu không, có thể làm hỏng động cơ hoặc hệ thống kiểm soát khí xả.

CHÚ Ý

- Không được sử dụng các chất phụ gia bằng kim loại được bán trên thị trường.
- Không sử dụng xăng pha methanol như xăng M15, M85, M100. Sử dụng xăng pha methanol có thể sẽ làm hỏng động cơ.

n **Chú ý về chất lượng dầu diesel**

- Không được dùng sai loại nhiên liệu. Nếu sử dụng sai loại nhiên liệu sẽ làm hỏng động cơ.
- Xe có hệ thống DPF: Không sử dụng dầu diesel với hàm lượng lưu huỳnh lớn hơn 10 ppm. Nếu sử dụng liên tục dầu diesel có pha lưu huỳnh với hàm lượng lớn hơn 10 ppm có thể sẽ làm hỏng động cơ và hệ thống khí xả của xe và ảnh hưởng tới độ bền của xe.
- Không nên sử dụng loại nhiên liệu FAME (Fatty Acid Methyl Ester) được bán dưới tên gọi “B40” hoặc “B100” và loại nhiên liệu có một lượng lớn chất FAME, nếu không hệ thống nhiên liệu có thể bị hỏng. Xe của bạn có thể sử dụng nhiên liệu diesel pha với tối đa 5% biodiesel FAME (B5). Nếu động cơ sử dụng nhiên liệu dầu diesel sinh học có tỷ lệ FAME (B5) lớn hơn 5%, thì kỳ thay thế bộ lọc nhiên liệu sẽ ngắn hơn. Chỉ nên tiến hành nạp nhiên liệu từ một nguồn nhiên liệu đảm bảo các thông số kỹ thuật và chất lượng. Nếu bạn vẫn chưa nắm rõ, hãy liên hệ với đại lý Toyota.

Tính năng tùy chọn cá nhân

Xe của bạn bao gồm một loạt các tính năng điện tử có thể được tùy chỉnh theo sở thích của bạn. Các cài đặt của những tính năng này có thể được thay đổi bằng cách sử dụng màn hình đa thông tin (nếu có), màn hình đa phương tiện (trên một số kiểu xe) hoặc tại đại lý Toyota của bạn.

Một số tính năng tùy chỉnh có thể được thay đổi kèm theo cài đặt của Cài đặt của tôi (nếu có). (→P.167)

Tùy chọn các đặc tính trên xe

n Thay đổi bằng cách sử dụng màn hình đa phương tiện (trên một số kiểu xe)

1 Chọn trên menu chính.

2 Hãy chọn “Tùy chỉnh”.

3 Hãy chọn hạng mục để thay đổi các cài đặt từ danh sách.

n Thay đổi bằng cách sử dụng màn hình đa thông tin (nếu được trang bị)

Sử dụng các nút điều khiển đồng hồ táp lô để thay đổi các cài đặt. (→P.107, 117)

1 Vận hành công tắc điều khiển đồng hồ táp lô để chọn . (→P.111, 122)

2 Vận hành các công tắc điều khiển đồng hồ để chọn cài đặt hạng mục cần tùy chọn.

3 Theo hiển thị, hãy chọn cài đặt mong muốn.

Để trở về màn hình trước đó hoặc thoát khỏi chế độ tùy chọn cá nhân, hãy ấn nút .

n Trong khi tiến hành cài đặt tùy chọn

Đỗ xe ở địa điểm an toàn, gài phanh đỗ, chuyển cần số đến vị trí P. Ngoài ra, hệ thống cũng tránh cho ắc quy khỏi phóng hết điện, hãy để động cơ nổ máy trong khi tùy chọn các tính năng.

⚠ CẢNH BÁO

n Trong khi tiến hành cài đặt tùy chọn

Vì động cơ cần phải được để nổ máy trong khi tiến hành tùy chọn, do vậy hãy đảm bảo rằng xe đã được đỗ ở vị trí thông gió tốt. Trong khu vực kín, như ở gara, khí xả có chứa khí CO (cácbon môônxít) độc hại có thể ngưng tụ và xâm nhập vào trong xe. Điều này có thể gây tổn hại nghiêm trọng tới sức khỏe hoặc tử vong.

⚠ CHÚ Ý

n Trong khi tiến hành cài đặt tùy chọn

Để tránh làm hết điện của ắc quy, hãy đảm bảo rằng động cơ đang chạy trong khi tiến hành tùy chọn cá nhân cho các tính năng.

Tính năng tùy chọn cá nhân

Việc thay đổi cài đặt cho một số chức năng sẽ làm cho chức năng khác thay đổi theo. Hãy liên hệ với đại lý Toyota để biết thêm thông tin.

A Cài đặt có thể được thay đổi bằng cách sử dụng màn hình đa phương tiện (trên một số kiểu xe)

B Các cài đặt có thể thay đổi bằng màn hình đa thông tin (nếu được trang bị)

C Các cài đặt có thể thay đổi tại Đại lý Toyota

Diễn giải: O = Khả dụng, — = Không khả dụng

n Các đồng hồ báo, đồng hồ đo và màn hình đa thông tin (với màn hình 7 inch)*1 (→P.97, 106)

Chức năng*2	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Ngôn ngữ*3	• Vietnamese • Trừ tiếng Anh*4	O	O	—
Đơn vị đo	• (L/100 km) • km/L	—	O	—
Kiểu đồng hồ *3	• "Thông minh" • "Chắc chắn" • "Thể thao (Sporty)"	—	O	—
Kiểu mặt đồng hồ*3	• Đồng hồ tốc độ động cơ • Đồng hồ tốc độ xe • Đơn giản (không có đồng hồ)	—	O	—
Đèn chỉ báo lái Eco*3	• Bật • Tắt	—	O	—
Tiết kiệm nhiên liệu	• Mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình sau khi khởi động • Mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình từ khi chức năng được đặt lại • Mức tiêu hao nhiên liệu trung bình sau khi nạp lại	—	O	—
Màn hình liên kết của hệ thống âm thanh*1, 3	• Bật • Tắt	—	O	—

Chức năng[*2]	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Hạng mục thông tin lái xe (hạng mục thứ nhất)[*3]	• Khoảng cách • Tốc độ trung bình • Tổng thời gian	—	O	—
Hạng mục thông tin lái xe (hạng mục thứ 2)[*3]	• Khoảng cách • Tốc độ trung bình • Tổng thời gian	—	O	—
Các hạng mục HÀNH TRÌNH A (hạng mục thứ nhất)[*3]	• Khoảng cách • Tốc độ trung bình • Tổng thời gian	—	O	—
Các hạng mục HÀNH TRÌNH A (hạng mục thứ hai)[*3]	• Khoảng cách • Tốc độ trung bình • Tổng thời gian	—	O	—
Các hạng mục HÀNH TRÌNH B (hạng mục thứ nhất)[*3]	• Khoảng cách • Tốc độ trung bình • Tổng thời gian	—	O	—
Các hạng mục HÀNH TRÌNH B (hạng mục thứ hai)[*3]	• Khoảng cách • Tốc độ trung bình • Tổng thời gian	—	O	—
Màn hình Pop-Up[*3]	• Bật • Tắt	—	O	—
Đồng hồ báo giờ (điều chỉnh thời gian)[*5]	• —	—	O	—
Đồng hồ (kiểu hiển thị)[*5]	• Hiển thị 12 giờ • Hiển thị 24 giờ	—	O	—
Chức năng gợi ý[*3]	• Bật • Bật (khi dừng xe) • Tắt	—	—	O
Đèn chỉ báo đèn phanh	• Bật • Tắt	—	O	—

[*1]: Nếu có

[*2]: Để biết chi tiết cho từng chức năng: →P.111

[*3]: Cài đặt mặc định sẽ thay đổi kèm theo cài đặt của Cài đặt của tôi (nếu có).

[*4]: Những ngôn ngữ khả dụng có thể khác nhau tùy thuộc vào thị trường mục tiêu của xe.

[*5]: Xe không có hệ thống đa phương tiện

n Đồng hồ báo, đồng hồ đo và màn hình thông tin đa dạng (màn hình 12.3-inch)*1 (→P.101, 116)

Chức năng*2	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Ngôn ngữ*3	• Vietnamese • Trừ tiếng Anh*4	O	O	—
Đơn vị đo	• (L/100 km) • km/L	—	O	—
Kiểu đồng hồ táp lô*3	•  *5 •  *5 •  *5	—	O	—
Kiểu đồng hồ *3	• "Thông minh" • "Bình thường" • "Chắc chắn" • "Thể thao (Sporty)"	—	O	—
Kiểu mặt đồng hồ*3	• Đồng hồ tốc độ động cơ*6 • Màn hình đồng hồ tốc độ*6	—	O	—
Đèn chỉ báo lái Eco*3	• Bật • Tắt	—	O	—
Tiết kiệm nhiên liệu	• Mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình sau khi khởi động • Mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình từ khi chức năng được đặt lại	—	O	—
Hạng mục thông tin lái xe (hạng mục thứ nhất)*3	• Khoảng cách • Tốc độ trung bình • Tổng thời gian	—	O	—
Hạng mục thông tin lái xe (hạng mục thứ 2)*3	• Khoảng cách • Tốc độ trung bình • Tổng thời gian	—	O	—
Các hạng mục HÀNH TRÌNH A (hạng mục thứ nhất)*3	• Khoảng cách • Tốc độ trung bình • Tổng thời gian	—	O	—
Các hạng mục HÀNH TRÌNH A (hạng mục thứ hai)*3	• Khoảng cách • Tốc độ trung bình • Tổng thời gian	—	O	—

Chức năng[*2]	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Các hạng mục HÀNH TRÌNH B (hạng mục thứ nhất)[*3]	• Khoảng cách • Tốc độ trung bình • Tổng thời gian	—	O	—
Các hạng mục HÀNH TRÌNH B (hạng mục thứ hai)[*3]	• Khoảng cách • Tốc độ trung bình • Tổng thời gian	—	O	—
Màn hình Pop-Up[*3]	• Bật • Tắt	—	O	—
Đồng hồ báo giờ (điều chỉnh thời gian)[*7]	• —	—	O	—
Đồng hồ báo giờ (kiểu hiển thị)[*7]	• Hiển thị 12 giờ • Hiển thị 24 giờ	—	O	—
Chức năng gợi ý[*3]	• Bật • Bật (khi dừng xe) • Tắt	—	—	O
Đèn chỉ báo đèn phanh	• Bật • Tắt	—	O	—

[*1]: Nếu có

[*2]: Để biết chi tiết cho từng chức năng: →P.122

[*3]: Cài đặt mặc định sẽ thay đổi kèm theo cài đặt của Cài đặt của tôi (nếu có).

[*4]: Những ngôn ngữ khả dụng có thể khác nhau tùy thuộc vào thị trường mục tiêu của xe.

[*5]: Có thể thay đổi hoạt động bật/tắt của widget.

[*6]: Các mục cài đặt có thể không được hiển thị tùy thuộc vào loại đồng hồ đo.

[*7]: Xe không có hệ thống đa phương tiện

n Khóa cửa (→P.136, 570)

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Mở khóa bằng chìa khóa cơ*1	• Tất cả các cửa được mở khóa bằng một thao tác • Cửa người lái được mở khóa bằng một thao tác, tất cả các cửa được mở khóa bằng hai thao tác	—	—	O
Chức năng khóa cửa liên kết với tốc độ*1, 2	• Bật • Tắt	—	—	O
Chức năng khóa cửa liên kết với vị trí chuyển số*1, 2	• Bật • Tắt	—	—	O
Chức năng mở khóa cửa liên kết với vị trí cần số*2	• Bật • Tắt	—	—	O
Chức năng mở khóa cửa liên kết với cửa người lái*2	• Bật • Tắt	—	—	O

*1: Trên một số kiểu xe

*2: Cài đặt mặc định sẽ thay đổi kèm theo cài đặt của Cài đặt của tôi (nếu có).

n Nhắc nhở ghế sau (→P.139)

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Chức năng nhắc nhở ghế sau*	• Bật • Tắt	—	O	O

*: Cài đặt mặc định sẽ thay đổi kèm theo cài đặt của Cài đặt của tôi (nếu có).

n Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh*1 và điều khiển từ xa (→P.132, 146)

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Tín hiệu hoạt động (Chuông báo)*2, 3	• Mức 0 (tắt) đến Mức 7	—	—	O
Tín hiệu hoạt động (Đèn nháy khẩn cấp)*2, 3	• Bật • Tắt	—	—	O

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Thời gian chờ trước khi chức năng khóa cửa tự động được kích hoạt nếu cửa xe không được mở ra sau khi mở khóa*2, 3	• Tắt • 30 giây • 60 giây • 120 giây	—	—	O
Chuông cảnh báo cửa mở (Khi khóa xe)*2	• Bật • Tắt	—	—	O

*1: Nếu có

*2: Trên một số kiểu xe

*3: Cài đặt mặc định sẽ thay đổi kèm theo cài đặt của Cài đặt của tôi (nếu có).

n Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh*1 (→P.146)

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh	• Bật • Tắt	O*2	—	O
Mở khóa cửa thông minh*3	• Tất cả các cửa • Cửa người lái	—	—	O
Chiếu sáng công tắc động cơ	• Bật • Tắt	—	—	O

*1: Nếu có

*2: Cho thị trường Nam Phi

*3: Trên một số kiểu xe

n Điều khiển từ xa (→P.132)

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Điều khiển mở khóa*1, 2	• Tất cả các cửa được mở khóa bằng một thao tác • Cửa người lái được mở khóa bằng một thao tác, tất cả các cửa được mở khóa bằng hai thao tác	—	—	O
Chế độ báo động của hệ thống chống trộm*3	• Bật • Tắt	—	—	O

*1: Cài đặt mặc định sẽ thay đổi kèm theo cài đặt của Cài đặt của tôi (nếu có).

*2: Trên một số kiểu xe

*3: Nếu có

n Gương chiếu hậu bên ngoài xe (→P.160)

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Hoạt động gập gương và mở gương tự động	• Liên kết với chức năng khóa /mở khóa của cửa xe • Liên kết với hoạt động của công tắc động cơ • Tắt	—	—	O

n Cửa sổ điện (→P.162)

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Hoạt động liên kết với hoạt động của chìa khóa cơ	• Bật • Tắt	—	—	O
Hoạt động liên kết với điều khiển từ xa*	• Bật • Tắt	—	—	O
Tín hiệu hoạt động liên kết với điều khiển từ xa (chuông báo)*	• Bật • Tắt	—	—	O

*: Trên một số kiểu xe

n Các cài đặt của tôi* (→P.167)

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Chức năng Cài đặt của tôi	• Bật • Tắt	—	O	—
Chuyển đổi người lái	• Người lái 1 • Người lái2 • Người lái3 • Khách	—	O	—

*: Nếu có

n Hệ thống điều khiển đèn tự động (→P.207)

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Độ nhạy của cảm biến đèn*1	• Tối hơn • Tối • Bình thường • Sáng • Sáng hơn	—	—	O
Thời gian trôi qua trước khi đèn pha tự động tắt (hệ thống kéo dài thời gian sáng đèn pha)*2	• 30 giây • 60 giây • 90 giây • 120 giây	—	—	O
Khoảng thời gian trước khi đèn pha tự động sáng*2	• Tiêu chuẩn • Dài	—	—	O

*1: Cài đặt mặc định sẽ thay đổi kèm theo cài đặt của Cài đặt của tôi (nếu có).

*2: Trên một số kiểu xe

n Đèn (→P.207)

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Đèn chào đón*	• Bật • Tắt	—	—	O

*: Trên một số kiểu xe

n Hệ thống cảnh báo tiền va chạm*1 (→P.227)

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Hệ thống cảnh báo tiền va chạm	• BẬT • TẮT	—	O	—
Thời điểm cảnh báo*2	• Muộn hơn • Mặc định • Sớm hơn	—	O	—

*1: Nếu có

*2: Cài đặt này thay đổi theo My Settings (nếu có).

n Hệ thống cảnh báo đi lệch làn đường (LDA)*1 (→P.241)

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Hệ thống cảnh báo đi lệch làn đường (LDA)*2	• BẬT • TẮT	—	O	—
Thời điểm cảnh báo*2	• Mặc định • Sớm hơn	—	O	—
Cài đặt cảnh báo*2	• Rung • Có thể nghe thấy được	—	O	—

*1: Nếu có

*2: Cài đặt này thay đổi theo My Settings (nếu có).

n Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng rađa (DRCC)*1 (→P.248)

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Cài đặt điều khiển tăng tốc*2	• Thấp • Trung bình • Cao	—	O	—
Cài đặt tốc độ (ấn nhanh)*2	• 1 km/h • 5 km/h • 10 km/h (10 mph)	—	O	—
Cài đặt tốc độ (ấn giữ)*2	• 1 km/h • 5 km/h • 10 km/h (10 mph)	—	O	—
DRCC(RSA)*1, 2	• BẬT • TẮT	—	O	—
Thông báo chỉ dẫn*2	• BẬT • TẮT	—	O	—
Giảm tốc độ tại khúc cua*2	• Thấp • Trung bình • Cao • TẮT	—	O	—

*1: Nếu có

*2: Cài đặt này thay đổi theo My Settings (nếu có).

n Hỗ trợ nhận diện biển báo giao thông*1 (→P.246)

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Hỗ trợ nhận diện biển báo giao thông*2	• BẬT • TẮT	—	O	—
Phương thức thông báo đi quá tốc độ*2	• Không • Hiển thị • Có thể nhìn & nghe	—	O	—
Mức thông báo đi quá tốc độ*2	• 10 km/h • 5 km/h • 2 km/h	—	O	—

*1: Nếu có

*2: Cài đặt này thay đổi theo My Settings (nếu có).

n Gợi ý tài xế nghỉ* (→P.244)

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Gợi ý tài xế nghỉ	• BẬT • TẮT	—	O	—

*: Nếu có

n Hệ thống Dừng và Khởi động* (→P.267)

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Thay đổi khoảng thời gian của hệ thống Dừng và Khởi động khi A/C bật	• Tiêu chuẩn • Kéo dài	—	O	—

*: Nếu có

n BSM (Theo dõi điểm mù)*1 (→P.274)

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Hệ thống BSM (Theo dõi điểm mù)	• Bật • Tắt	—	O	—

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Độ sáng của đèn chỉ báo trên gương chiếu hậu bên ngoài xe*2	• Mờ • Sáng	—	O	—
Thời điểm cảnh báo sự có mặt của xe đang tiếp cận (độ nhạy)*2	• Muộn hơn • Mặc định • Sớm hơn	—	O	—

*1: Nếu có

*2: Cài đặt này thay đổi theo My Settings (nếu có).

n Hỗ trợ xuống xe an toàn*1 (→P.279)

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Hỗ trợ xuống xe an toàn	• Bật • Tắt	—	O	—
Gương chiếu hậu bên ngoài xe*2	• Bật • Tắt	—	O	—
Độ nhạy phát hiện*2	• Thấp • Trung bình • Cao	—	O	—

*1: Nếu có

*2: Cài đặt này thay đổi theo My Settings (nếu có).

n Cảm biến hỗ trợ đỗ xe của Toyota*1 (→P.283)

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Cảm biến hỗ trợ đỗ xe của Toyota*2	• Bật • Tắt	—	O	—
Âm lượng chuông báo của cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota khi hoạt động*2, 3	• Mềm • Bình thường • Lớn	—	O	—
Khoảng cách mà cảm biến giữa phía trước bắt đầu phát hiện*4	• Gần • Tiêu chuẩn	O	—	—
Khoảng cách mà cảm biến giữa phía sau bắt đầu phát hiện*4	• Gần • Tiêu chuẩn	O	—	—

*1: Nếu có

*2: Cài đặt này thay đổi theo My Settings (nếu có).

*3: Âm lượng được liên kết giữa các hệ thống cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota, hệ thống RCTA*1 và hệ thống RCD*1.

*4: Đối với các xe có một số loại màn hình quan sát toàn cảnh, cài đặt có thể được thay đổi trên màn hình cài đặt của màn hình quan sát toàn cảnh. Để biết chi tiết, hãy tham khảo "Hướng dẫn sử dụng đa phương tiện".

n Chức năng cảnh báo phương tiện chạy cắt ngang phía sau (RCTA)*1 (→P.290)

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Công tắc RCTA (cảnh báo có phương tiện chạy cắt ngang phía sau)	• Bật • Tắt	—	O	—
Âm lượng chuông báo của hệ thống RCTA khi hoạt động*2, 3	• Mềm • Bình thường • Lớn	—	O	—

*1: Nếu có

*2: Cài đặt này thay đổi theo My Settings (nếu có).

*3: Âm lượng được liên kết giữa các hệ thống cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota, hệ thống RCTA*1 và hệ thống RCD*1.

n Hệ thống RCD (Phát hiện bằng camera phía sau)* (→P.295)

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Chức năng phát hiện bằng camera phía sau (RCD)	• BẬT • TẮT	—	O	—

*: Nếu có

n PKSB (Phanh hỗ trợ đỗ xe)*1 (→P.299)

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Chức năng PKSB (Phanh hỗ trợ đỗ xe) *2	• BẬT • TẮT	—	O	—

*1: Nếu có

*2: Cài đặt này thay đổi theo My Settings (nếu có).

n Theo dõi đa địa hình[*1] (→P.387)

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Góc trong khi vào cua[*2]	• Bật • Tắt	O	—	—
Nhìn dưới xe[*2]	• Bật • Tắt	O	—	—
Màn hình 3D hỗ trợ đỗ xe TOYOTA[*2]	• Bật • Tắt	O	—	—
Khoảng cách hỗ trợ đỗ xe TOYOTA[*2]	• Gần • Tắt	O	—	—
Màu thân xe[*2]	• Màu 1 đến 5	O	—	—

[*1]: Nếu có

[*2]: Cài đặt mặc định sẽ thay đổi kèm theo cài đặt của Cài đặt của tôi (nếu có).

n Hệ thống điều hòa không khí tự động (→P.417)

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Chuyển giữa chế độ lấy khí từ bên ngoài và tuần hoàn khí trong xe liên kết hoạt động của công tắc "AUTO".[*]	• Bật • Tắt	—	—	O

[*]: Cài đặt mặc định sẽ thay đổi kèm theo cài đặt của Cài đặt của tôi (nếu có).

n Hệ thống đèn chiếu sáng (→P.427)

Chức năng	Cài đặt tùy chọn	A	B	C
Thời gian trôi qua trước khi các đèn nội thất tắt[*]	• 7.5 giây • 15 giây • 30 giây • Tắt	—	—	O
Hoạt động sau khi tắt công tắc động cơ	• Bật • Tắt	—	—	O
Hoạt động khi bạn đến gần xe và mang theo chìa khóa điện tử	• Bật • Tắt	—	—	O
Hoạt động khi các cửa được mở khóa	• Bật • Tắt	—	—	O

*: Cài đặt mặc định sẽ thay đổi kèm theo cài đặt của Cài đặt của tôi (nếu có).

n Tùy chọn cá nhân trên xe

l Khi chức năng khóa cửa liên kết với tốc độ xe và khóa cửa liên kết với vị trí cần số đều bật, khóa cửa sẽ hoạt động như sau

- Khi chuyển cần số tới bất kỳ vị trí nào khác ngoài vị trí P, thì tất cả các cửa sẽ được khóa lại.
- Nếu xe được khởi động với tất cả các cửa đã khóa lại, chức năng khóa cửa có liên hệ với tốc độ sẽ không hoạt động.
- Nếu khởi động xe khi có bất kỳ cửa xe nào đang mở khóa, thì chức năng khóa cửa liên kết với tốc độ sẽ hoạt động.

l Khi tắt hệ thống mở khóa và khởi động thông minh, thì không thể tùy chọn được chức năng mở khoá cửa.

l Khi các cửa xe đang đóng sau khi mở khóa các cửa và chức năng khóa cửa tự động kích hoạt, thì các tín hiệu sẽ được phát ra theo các cài đặt chức năng của âm lượng chuông và tín hiệu hoạt động (đèn nháy khẩn cấp).

l Một số cài đặt có thể được thay đổi bằng cách sử dụng công tắc hoặc màn hình đa phương tiện. Nếu cài đặt được thay đổi bằng công tắc, cài đặt đã thay đổi sẽ không được phản ánh trên màn hình đa phương tiện cho đến khi công tắc động cơ được tắt và sau đó bật lại sang chế độ ON.

Các hạng mục cần khởi tạo

Hạng mục sau phải được tiến hành khởi tạo để hệ thống hoạt động bình thường sau khi nối lại ắc quy hoặc sau khi tiến hành bảo dưỡng xe:

Danh sách những hạng mục cần khởi tạo

Hạng mục	Tiến hành khởi tạo	Tham khảo
Hệ thống cảnh báo áp suất lốp*	• Khi đảo các lốp • Nếu áp suất lốp được thay đổi như khi thay đổi cỡ lốp. (Khi có nhiều áp suất khác nhau) • Sau khi đăng ký mã nhận dạng ID	P.498
Cửa sổ điện	• Khi cửa hoạt động bất thường	P.162

*: Nếu có

Mục lục

Phải làm gì nếu… (Cách xử lý) ……626
Bảng danh mục theo thứ tự bảng chữ cái ……629

Phải làm gì nếu... (Cách xử lý)

Nếu xe của bạn có vấn đề, hãy kiểm tra như sau trước khi liên hệ với đại lý Toyota.

Không thể khóa, mở khóa, mở hoặc đóng các cửa xe



Mất chìa khóa

- Nếu bạn đánh mất chìa khóa cơ hoặc chìa khóa khác, đại lý Toyota sẽ cung cấp chìa khóa cơ mới chính hiệu cho bạn. (→P.570)
- Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Nếu bạn mất chìa khóa điện tử, nguy cơ mất trộm xe sẽ tăng đáng kể. Hãy liên hệ với đại lý Toyota ngay lập tức. (→P.570)



Không thể khóa hoặc mở khóa các cửa xe

- Pin chìa khóa có yếu hay hết điện không? (→P.513)
- Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Công tắc động cơ có ở chế độ ON không?
  Khi khóa các cửa, hãy tắt công tắc động cơ. (→P.189)
- Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh: Chìa khóa điện tử có đang ở trong xe không?'
  Khi khóa cửa, hãy đảm bảo rằng bạn mang theo chìa khóa điện tử.
- Chức năng này có thể không hoạt động chính xác do điều kiện thu/phát sóng radiô. (→P.147)



Không thể mở được cửa sau (xe có khóa bảo vệ trẻ em trên cửa sau)

- Khóa bảo vệ trẻ em trên cửa sau có được gài không?
  Bạn sẽ không thể mở cửa sau từ bên trong xe khi đang đặt khóa bảo vệ trẻ em trên cửa sau. Hãy mở cửa sau từ bên ngoài và mở khóa cho cơ cấu khóa bảo vệ trẻ em trên cửa sau. (→P.141)

Nếu có điều gì đó bất thường



Động cơ không khởi động được (xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

- Xe có hộp số thường:
  Bạn có xoay chìa khóa trong khi đạp chắc bàn đạp ly hợp không? (→P.184)
- Xe có hộp số tự động:
  Cần số có đang ở vị trí P không? (→P.184)
- Ắc quy có bị hết điện không?

(→P.573)



Động cơ không khởi động (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

- Bạn có ấn công tắc động cơ trong khi đã đạp chắc phanh chưa? (→P.186)
- Xe có hộp số tự động:
  Cần số có đang ở vị trí P không? (→P.186)
- Chìa khóa điện tử có được phát hiện ở bất cứ vị trí nào trong xe không? (→P.146)
- Pin chìa khóa điện tử có bị yếu hay hết điện không?
  Trong trường hợp này, có thể khởi động động cơ bằng biện pháp tình thế. (→P.571)
- Ắc quy có bị hết điện không? (→P.573)



Không thể chuyển cần số ra khỏi vị trí P mặc dù đã đạp phanh (xe có hộp số tự động)

- Công tắc động cơ đã được bật ON chưa? Nếu bạn không thể nhả cần số khi đã đạp phanh với công tắc động cơ ở chế độ bật ON. (→P.192)



Không thể xoay vô lăng sau khi tắt động cơ

- Xe không có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh:
  Các cửa có thể khóa lại để đề phòng trộm nếu rút chìa khóa khỏi công tắc động cơ. (→P.184)
- Xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh và hộp số tay:
  Cửa sẽ tự động khóa lại để đề phòng trộm. (→P.184)



Không thể mở hoặc đóng các cửa sổ bằng các công tắc cửa sổ điều khiển điện

- Bạn có ấn công tắc khóa cửa sổ không?
  Các cửa sổ điện, ngoại trừ cửa người lái, sẽ không thể hoạt động được nếu đã ấn công tắc khóa cửa sổ. (→P.164)



Công tắc động cơ tự động tắt (xe có hệ thống mở cửa và khởi động thông minh)

- Chức năng tự động tắt nguồn sẽ hoạt động nếu để xe ở ACC hoặc ON (động cơ không hoạt động) trong một thời gian nhất định. (→P.189)



Chuông cảnh báo kêu trong khi lái xe

- Đèn nhắc nhở thắt đai an toàn đang nhấp nháy

Người lái và các hành khách đã thắt đai an toàn chưa? (→P.546)

- Đèn chỉ báo phanh đỗ bật sáng

Phanh đỗ đã được nhả chưa?

(→P.200)

Tùy vào từng trường hợp, những chuông cảnh báo khác có thể cũng kêu. (→P.535, 550)



Hệ thống báo động được kích hoạt và còi kêu (nếu có)

- Có người ở trong xe mở cửa khi đã đặt hệ thống báo động không?
  Cảm biến phát hiện ra và chuông báo kêu. (→P.80)

Để tắt báo động, hãy bật công tắc động cơ tới vị trí ON hoặc khởi động động cơ.



Chuông cảnh báo kêu khi rời khỏi xe (xe có hệ thống mở khóa và khởi động thông minh)

- Trên màn hình đa thông tin có xuất hiện thông báo nào không?
  Kiểm tra các thông báo trên màn hình đa thông tin. (→P.550)



Đèn cảnh báo sáng lên hoặc một thông điệp cảnh báo xuất hiện

- Khi đèn cảnh báo sáng lên hoặc thông báo xuất hiện trên màn hình, hãy tham khảo trang P.535, 550.

Khi xe gặp vấn đề



Nếu xe bị xịt lốp

- Hãy dừng xe ở một vị trí an toàn trên đường và thay lốp bị xịt hơi bằng lốp dự phòng. (→P.557)



Nếu xe bị sa lầy

- Hãy thực hiện theo quy trình khi xe bị sa lầy trong bùn, lầy hoặc tuyết. (→P.583)

Bảng danh mục theo thứ tự bảng chữ cái

A

AdBlue™ 491
Đồng hồ đo AdBlue™ 111, 122
Dung tích 493
Đèn cảnh báo mức nhiên liệu AdBlue™ thấp 545
Nạp lại 493
Thông điệp cảnh báo 492
Ắc quy
Kiểm tra 484
Nếu ắc quy bị hết điện 573
Chuẩn bị và kiểm tra xe trước mùa đông 405
Thay thế 577
Đèn cảnh báo 535
Ăng ten
Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh 146
AHB (Chiếu xa tự động).....210
Thông điệp cảnh báo 550
An toàn cho trẻ em 45
Các lưu ý với túi khí.....39
Lưu ý đối với ắc quy 487, 577
Lưu ý đối với bộ sưởi vô lăng..425
Cách thắt đai an toàn cho trẻ em 32
Công tắc khóa cửa sổ điện.....164
Các lưu ý với cửa sổ điện 163
Cơ cấu khóa cửa bảo vệ trẻ em trên cửa sau 141
Các lưu ý với đai an toàn 31
Các lưu ý với bộ sưởi ghế 425
Áp suất lốp
Chức năng hiển thị áp suất lốp498
Đèn cảnh báo 545
AUTO LSD.....392

B

Bậc lên xuống bên sàn xe 145
Bảo dưỡng
Tự bảo dưỡng.....471
Dữ liệu bảo dưỡng.....586
Các yêu cầu bảo dưỡng.....460
Bộ lọc điều hòa 511
Bộ mở
Cửa nạp nhiên liệu 218
Nắp capô.....473
Bộ sấy
Gương chiếu hậu bên ngoài xe 419
Kính cửa hậu 414, 419
Kính chắn gió 414, 418
Bộ sấy kính chắn gió.....418
Bộ sấy kính cửa hậu 414, 419
Bộ sưởi
Hệ thống điều hòa không khí tự động 417
Bộ sưởi vô lăng 425
Hệ thống điều hoà không khí thường 412
Gương chiếu hậu bên ngoài xe 419
Bộ sưởi ghế 425
Bộ sưởi ghế 425
Bộ sưởi vô lăng.....425
Bộ thông gió
Bộ thông gió cho ghế 426
Bộ thông gió cho ghế 426
Bóng đèn
Thay thế 518
Công suất.....605
Bugi.....599

C

Cần chuyển số 191, 194
Hộp số tự động 191
Nếu không thể chuyển số khỏi vị trí P 192
Hộp số thường 194
Cần gạt nước rửa kính chắn gió
Cần gạt nước kính chắn gió kiểu

gạt gián đoạn.....215
Cầu chì.....515
Cài đặt của tôi.....167
Các cảm biến hỗ trợ đỗ xe (Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota).....283
Các công tắc
Công tắc "iMT".....197
Nút "SOS".....69, 72
Công tắc hệ thống chiếu xa tự động.....210
Công tắc giữ phanh.....204
Công tắc Camera.....314
Công tắc điều khiển chạy tự động.....251, 259, 263
DAC.....390
Các công tắc khóa cửa.....140
Công tắc hệ thống DPF.....395
Công tắc DRIVE MODE.....374
Công tắc chọn chế độ lái xe.....374
Công tắc đèn nháy khẩn cấp.....526
Công tắc động cơ.....184, 186
Công tắc đèn sương mù.....213
Công tắc điều khiển dẫn động bánh trước.....377
Công tắc đèn pha.....207
Công tắc bộ sưởi vô lăng.....425
Khóa điện.....184, 186
Công tắc điều khiển độ sáng bảng táp lô.....99, 104
Công tắc điều khiển.....207
Các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô.....107, 117
Công tắc MODE SELECT374, 388
Công tắc MTS.....388
Công tắc điều khiển gương chiếu hậu bên ngoài.....160
Công tắc phanh đỗ.....200
Công tắc PKSB (Phanh hỗ trợ đỗ xe).....300
Công tắc cửa sổ điều khiển điện.....162
Công tắc khóa vi sai sau.....385
Công tắc bộ sấy kính cửa hậu và gương chiếu hậu bên ngoài xe.....419
Công tắc bộ sấy kính cửa hậu 414
Các công tắc điều chỉnh ghế..151
Công tắc bộ sưởi ghế.....425
Công tắc bộ thông gió cho ghế.....426
Công tắc điều chỉnh vị trí vô lăng.....158
Công tắc đặt lại cảnh báo áp suất lốp.....500
Công tắc "VIEW".....314
Công tắc VSC OFF.....399
Công tắc khóa cửa sổ.....164
Công tắc bộ sấy kính chắn gió418
Cần gạt nước và phun nước rửa kính chắn gió.....215
Các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô.....107, 117
Các cổng USB kiểu C.....442
Các cửa kính tai xe sau.....165
Các cửa trượt.....143
Các lưu ý khi cất đồ.....429
Các móc.....436
Các móc
Móc treo áo.....451
Các móc.....436
Móc treo túi để đồ.....451
Móc hãm (thảm trải sàn xe).....28
Các đèn cảnh báo
Hệ thống ABS.....537
Đèn chỉ báo hoạt động của chức năng giữ phanh.....544
Hệ thống kiểm soát tăng ga ngoài ý muốn.....541
Hệ thống phanh.....535
Hệ thống nạp.....535
Đèn chỉ báo điều khiển chạy tự động.....538

Điều khiển dẫn động - khởi động 541
Chỉ báo thông tin hỗ trợ lái xe .539
Đèn chỉ báo điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa.....538
Nhiệt độ nước làm mát cao 536
Chỉ báo LDA (Hệ thống cảnh báo lệch làn).....538
Mức dung dịch AdBlue™ thấp.545
Áp suất dầu động cơ thấp 536
Mức nhiên liệu thấp 545
Đèn chỉ báo chế độ bốn bánh chủ động tốc độ thấp.....542
LTA (Hỗ trợ bám làn đường) ...537
Đèn chỉ báo hư hỏng.....536
Đèn chỉ báo phanh đỗ 543
PCS.....537
Phanh hỗ trợ đỗ xe (PKSB) 541
Trợ lực lái 537
Đèn chỉ báo khóa vi sai sau 543
Đèn nhắc thắt đai an toàn 546
Đèn chỉ báo trượt 542
Hệ thống túi khí.....536
Áp suất lốp.....545
Đèn chỉ báo OFF cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota 539
Các đèn lùi
Thay bóng đèn 518
Công suất.....605
Các thông điệp cảnh báo.....550
Cảm biến
AHB (Chiếu xa tự động).....210
Hệ thống chiếu xa tự động.....208
Hệ thống BSM (Theo dõi điểm mù).....275
Gương chiếu hậu bên trong xe159
LDA (Hệ thống cảnh báo lệch làn) 241
LTA (Hỗ trợ bám làn đường) ...236
Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (xe đang di chuyển ở phía sau xe bạn).....275
Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (Vật thể cố định phía trước và phía sau của xe).....283
Công tắc RCTA (cảnh báo có phương tiện chạy cắt ngang phía sau).....275
Hỗ trợ xuống xe an toàn 275
Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota 283
Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota ..283
Cản sau loại có bậc lên xuống .145
Cảnh báo có phương tiện chạy cắt ngang phía sau (RCTA) 290
Chăm sóc xe
Vành nhôm.....454
Bên ngoài xe 454
Bên trong xe.....457
Đai an toàn.....457
Chế độ "SYNC" 422
Chế độ Sport (thể thao).....374
Chìa khóa 130
Chức năng tiết kiệm điện 147
Chìa khóa điện tử.....130
Công tắc động cơ.....184, 186
Nếu chìa khóa điện tử không hoạt động chính xác.....570
Nếu bạn đánh mất chìa khóa..570
Tấm ghi số hiệu chìa 130
Hệ thống mở khóa thông minh 132, 146
Chìa khóa cơ 134
Thay pin 513
Chuông cảnh báo.....146
Chìa điều khiển từ xa 132
Chìa khóa điện tử.....130
Chức năng tiết kiệm điện 147
Nếu chìa khóa điện tử không hoạt động chính xác.....570
Thay pin 513
Chìa khóa phụ 130
Chức năng chống kẹt khi lên kính

Cửa sổ điện.....162
Chức năng chống kẹt khi xuống kính
Cửa sổ điện.....162
Chức năng ghi dữ liệu (EDR) 9
Chức năng ghi dữ liệu sự kiện (EDR) 9
Chức năng ghi dữ liệu xe 7, 8
Chức năng giữ phanh 204
Chức năng gợi ý 115, 126
Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (người đi bộ ở phía sau xe bạn) 307
Chức năng.....307
Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (vật thể cố định ở phía trước và phía sau của xe) 299, 303
Chức năng.....303
Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (xe đang di chuyển ở phía sau xe bạn).....299, 306
Chức năng.....306
Chức năng phát hiện bằng camera phía sau (RCD) 295
Chức năng.....295
Chức năng phát hiện bằng camera phía sau (RCD) 295
Chuông cảnh báo
Chức năng giữ phanh.....544
Hệ thống kiểm soát tăng ga ngoài ý muốn.....541
Hệ thống phanh 535
Đèn chỉ báo điều khiển chạy tự động.....538
Xuống số.....194
Điều khiển dẫn động - khởi động 541
Đèn chỉ báo điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa.....538
Nhiệt độ nước làm mát cao.....536
Nhắc rút chìa khóa 185
Chỉ báo LDA (Hệ thống cảnh báo lệch làn) 538
Áp suất dầu động cơ thấp 536
LTA (Hỗ trợ bám làn đường) ...537
LTA (Hỗ trợ bám làn đường) .236, 537
Cửa mở 141
Mở nắp capô 141
RSA (Hỗ trợ nhận diện biển báo) 246
Nhắc thắt đai an toàn.....546
Công tắc chọn chế độ lái xe.....374
Công tắc khóa cửa điện 140
Công tắc khóa cửa sổ.....164
Công tắc động cơ 184, 186
Chức năng tự động tắt nguồn .189
Thay đổi chế độ của công tắc động cơ 189
Thay đổi vị trí công tắc động cơ 185
Nếu phải dừng xe trong trường hợp khẩn cấp 526
Khởi động động cơ.....184, 186
Công tắc RCTA (cảnh báo có phương tiện chạy cắt ngang phía sau) 290
Chức năng cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau (RCTA) ..291
Còi.....158
Cửa bên 136
Cửa nạp nhiên liệu 218
Nạp nhiên liệu.....217
Cửa sau thùng xe.....143
Cửa sổ
Cửa sổ điện.....162
Bộ sấy kính cửa hậu 414, 419
Vòng đệm.....215
Cửa sổ bên 162
Cửa sổ điện 162
Chức năng chống kẹt khi xuống kính 162

Chức năng chống kẹt khi lên kính 162
Hoạt động 162
Công tắc khóa cửa sổ 164
Cửa xe
Các cửa trượt 143
Hệ thống khóa và mở khóa cửa tự động.....141
Kính cửa 162
Chuông báo khóa cửa 138
Khóa cửa.....136
Gương chiếu hậu bên ngoài xe 160
Cơ cấu khóa cửa bảo vệ trẻ em trên cửa sau.....141
Cửa bên 136
Cuộc gọi khẩn cấp.....75

D

Dầu
Dầu vi sai 601
Dầu động cơ.....591
Dầu hộp số thường 601
Dầu hộp số phụ 600
Dầu động cơ
Dung tích.....591
Kiểm tra.....479
Chuẩn bị và kiểm tra xe trước mùa đông.....405
Đèn cảnh báo 536
Danh sách các đèn trong xe.....427
Dịch vụ kết nối của Toyota 72
DSC (Điều khiển dẫn động - khởi động)
Điều khiển hạn chế khởi hành bất ngờ.....181
Dụng cụ 558
Dung dịch
Hộp số tự động 600
Phanh.....602
Ly hợp 602
Hệ thống lái.....603
Hộp số phụ 600
Vòng đệm.....488

Đ

Đai an toàn 31
Điều chỉnh chiều cao móc treo đai vai lên. 33
Vệ sinh và bảo dưỡng đai an toàn 457
Bộ cuốn khóa đai khẩn cấp 33
Cách thắt đai an toàn 32
Cách thắt đai an toàn cho trẻ em 32
Cách sử dụng đai an toàn cho phụ nữ có thai 31
Chuông và đèn nhắc thắt đai an toàn 546
Bộ căng đai khẩn cấp 34
Đèn cảnh báo túi khí 536
Đèn
AHB (Chiếu xa tự động).....210
Đèn chiếu sáng công tắc động cơ 427
Hệ thống kéo dài thời gian sáng đèn pha 209
Công tắc đèn sương mù 213
Công tắc đèn pha.....207
Hệ thống chiếu sáng lối vào ...427
Đèn nội thất 428
Danh sách các đèn trong xe ...427
Đèn cá nhân 428
Đèn nội thất phía sau 428
Công tắc xi nhan 198
Công suất.....605
Đèn cá nhân 428
Đèn chỉ báo 86
Đèn chỉ báo chế độ chạy tự động bằng ra đa
Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa.....248

Đèn chỉ báo hư hỏng 536
Đèn chỉ báo lái Eco.....108, 119
Đèn chỉ báo lái Eco.....108, 119
Đèn hậu
Thay bóng đèn 518
Công tắc.....207
Công suất.....605
Đèn nhắc hành khách phía trước thắt đai an toàn.....546
Đèn nhắc người lái thắt đai an toàn 546
Đèn nhắc thắt đai an toàn.....546
Đèn nhắc thắt đai an toàn của hành khách phía sau.....547
Đèn nháy khẩn cấp.....526
Đèn nội thất.....428
Công suất.....605
Đèn pha 207
AHB (Chiếu xa tự động).....210
Hệ thống cân bằng đèn pha tự động.....208
Thay bóng đèn 518
Công tắc.....207
Đèn phanh
Thay bóng đèn 518
Công suất.....605
Đèn phanh trên cao
Thay bóng đèn 519
Đèn soi biển số
Thay bóng đèn 518
Công tắc.....207
Công suất.....605
Đèn sương mù
Thay bóng đèn 519
Công tắc.....213
Công suất.....605
Đèn sương mù phía sau
Thay bóng đèn 518
Công tắc.....213
Công suất.....605
Đèn sương mù phía trước
Thay bóng đèn 518
Công tắc.....213
Đèn vị trí phía trước
Thay bóng đèn 518
Công tắc.....207
Công suất.....605
Đèn xi nhan
Thay bóng đèn 518
Công tắc xi nhan 198
Công suất.....605
Đèn xi nhan bên
Thay bóng đèn 518
Công tắc xi nhan 198
Đèn xi nhan sau
Thay bóng đèn 518
Công tắc xi nhan 198
Công suất.....605
Đèn xi nhan trước
Thay bóng đèn 518
Công tắc xi nhan 198
Công suất.....605
Điều chỉnh đèn chiếu sáng bảng táp lô.....99, 104
Điều chỉnh độ sáng
Điều chỉnh đèn chiếu sáng bảng táp lô 99, 104
Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa
Chức năng.....248
Thông điệp cảnh báo 550
Điều khiển dẫn động - khởi động
Điều khiển hạn chế khởi hành bất ngờ 181
Điều khiển ổn định xe (VSC).....398
Điều khiển từ xa 132
Chức năng tiết kiệm điện 147
Khóa/mở khóa 132
Thay pin 513
Động cơ
Vị trí "ACC".....185
ACC.....189

Khoang động cơ 475
Công tắc động cơ.....184, 186
Hệ thống cắt bơm nhiên liệu...534
Nắp capô.....473
Cách khởi động động cơ.184, 186
Số nhận dạng xe.....588
Nếu động cơ không khởi động được.....568
Nếu xe bị hết nhiên liệu và động cơ chết máy 582
Nếu phải dừng xe trong trường hợp khẩn cấp.....526
Khóa điện (công tắc động cơ)184, 186
Động cơ bị quá nhiệt.....579
Đồng hồ tốc độ động cơ 94, 97, 101
Động cơ bị quá nhiệt 579
Đồng hồ 99, 105
Đồng hồ công tơ mét..... 94, 97, 101
Đồng hồ đo..... 97, 101
Đồng hồ đo nhiên liệu... 94, 97, 101
Đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát động cơ 94, 97, 101
Đồng hồ táp lô
Đồng hồ 99, 105
Đèn chỉ báo.....86
Điều chỉnh đèn chiếu sáng bảng táp lô.....99, 104
Các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô.....107, 117
Đồng hồ táp lô 97, 101
Màn hình đa thông tin 106, 116
Cài đặt.....111, 122
Đơn vị đo.....113, 125
Các đèn cảnh báo.....535
Các thông điệp cảnh báo.....550
Đồng hồ tốc độ động cơ94, 97, 101
Đồng hồ tốc độ xe 94, 97, 101

E

eCall 69
EPS (Hệ thống lái trợ lực điện)
Chức năng.....399
Đèn cảnh báo 537

G

Ghế ngồi.....151, 153
Các lưu ý khi điều chỉnh ghế...152
Điều chỉnh 151
Vệ sinh 457
Tựa đầu.....155
Tư thế ngồi đúng 29
Bộ sưởi ghế.....425
Bộ thông gió cho ghế.....426
Ghế sau 153
Tựa đầu.....155
Nâng các nệm phía dưới 153
Chức năng nhắc nhở ghế sau.139
Bộ sưởi ghế.....425
Bộ thông gió cho ghế.....426
Ghế trước.....151
Điều chỉnh 151
Vệ sinh 457
Tư thế lái xe đúng 29
Tựa đầu.....155
Bộ sưởi ghế.....425
Bộ thông gió cho ghế.....426
Giàn nóng điều hòa 484
Gương
Gương chiếu hậu bên trong xe159
Bộ sấy gương chiếu hậu bên ngoài xe 419
Gương chiếu hậu bên ngoài xe 160
Gương trang điểm 437
Gương chiếu hậu
Gương chiếu hậu bên trong xe159
Gương chiếu hậu bên ngoài xe 160

Gương chiếu hậu bên ngoài xe.160
Adjusting 160
Hệ thống BSM (Theo dõi điểm mù).....276
Gập và mở 161
Bộ sưởi.....419
Chức năng tự động chỉnh gương khi lùi xe.....161
Bộ sấy gương chiếu hậu bên ngoài xe 419
Công tắc RCTA (cảnh báo có phương tiện chạy cắt ngang phía sau).....291
Hỗ trợ xuống xe an toàn 280
Gương chiếu hậu bên ngoài xe.160
Adjusting 160
Hệ thống BSM (Theo dõi điểm mù).....276
Gập và mở 161
Bộ sưởi.....419
Chức năng tự động chỉnh gương khi lùi xe.....161
Công tắc RCTA (cảnh báo có phương tiện chạy cắt ngang phía sau).....290
Hỗ trợ xuống xe an toàn 280
Gương chiếu hậu bên trong xe .159
Gương trang điểm 437

H

Hệ thống ABS (Hệ thống chống bó cứng phanh)
Chức năng.....398
Đèn cảnh báo 537
Hệ thống A-TRC (Điều khiển lực kéo chủ động).....399
Hệ thống bật-tắt túi khí bằng tay44
Hệ thống báo động
Chuông cảnh báo.....535, 551
Hệ thống bốn bánh chủ động
Công tắc điều khiển dẫn động bánh trước.....377
Khóa/mở khóa hệ thống vi sai sau 385
Đèn cảnh báo 542
Hệ thống BSM (Theo dõi điểm mù) 274
Chức năng theo dõi điểm mù..276
Hệ thống cân bằng đèn pha tự động.....208
Hệ thống cắt bơm nhiên liệu 534
Hệ thống cảm nhận an toàn Toyota 220
AHB (Chiếu xa tự động).....210
Hệ thống điều khiển chạy tự động 259, 263
Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa.....248
LDA (Hệ thống cảnh báo lệch làn) 241
LTA (Hỗ trợ bám làn đường) ...236
PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm) 227
RSA (Hỗ trợ nhận diện biển báo) 246
Hệ thống cảnh báo áp suất lốp 498
Chức năng.....498
Đang khởi tạo 500
Lắp van cảm biến áp suất lốp.499
Đăng ký mã ID 501, 505
Đăng ký vị trí của các bánh xe 502
Chọn bộ bánh xe.....507
Cài đặt áp suất lốp 503
Công tắc đặt lại cảnh báo áp suất lốp 500
Đèn cảnh báo 545
Hệ thống cảnh báo tiền va chạm (PCS)
Chức năng.....227
Đèn cảnh báo 537
Hệ thống chiếu sáng lối vào.....427
Hệ thống chiếu xa tự động (AHB)

.....210
Hệ thống chống trộm
Hệ thống báo động 80
Hệ thống khóa kép.....79
Hệ thống mã hoá khóa động cơ78
Hệ thống chọn chế độ đa địa hình 387
Hệ thống Dừng và Khởi động ...267
Hệ thống DPF (Hệ thống lọc bụi khí xả diesel) 394
Thông điệp cảnh báo 395
Hệ thống ghế cho trẻ em
Lái xe khi có trẻ em ở trên xe ...45
Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp 398
Hệ thống kéo dài thời gian sáng đèn pha 209
Hệ thống khóa chuyển số.....192
Hệ thống khóa kép 79
Hệ thống khóa vi sai sau.....385
Hệ thống làm mát 596
Động cơ bị quá nhiệt.....579
Hệ thống mã hoá khóa động cơ.78
Hệ thống mở khóa thông minh
Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh 146
Điều khiển từ xa 132
Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh 146
Vị trí đặt ăng ten 146
Chức năng vào xe 136
Khởi động động cơ 186
Thông điệp cảnh báo 550
Hệ thống đèn chiếu sáng ban ngày 207
Thay bóng đèn 518
Công suất.....605
Hệ thống điều hoà không khí thường 412
Bộ lọc điều hòa 511
Hệ thống điều hòa 412, 417
Chế độ "SYNC".....422
Bộ lọc điều hòa 511
Chế độ Eco của điều hòa không khí 420
Hệ thống loại bỏ PM2.5 419
Hệ thống điều hòa không khí 412, 417
Chế độ "SYNC".....422
Bộ lọc điều hòa 511
Chế độ Eco của điều hòa không khí 420
Hệ thống điều hòa không khí tự động.....417
Bộ lọc điều hòa 511
Chế độ Eco của điều hòa không khí 420
Hệ thống điều khiển chạy tự động
Hệ thống điều khiển chạy tự động 259, 263
Điều khiển chạy tự động theo dõi bằng ra-đa.....248
Hệ thống điều khiển lực kéo (TRC) 399
Hệ thống điều khiển lực kéo chủ động (TRC chủ động - A-TRC) 399
Hệ thống điều khiển đèn tự động 208
Hệ thống phanh chống bó cứng (ABS)
Chức năng.....398
Đèn cảnh báo 537
Hệ thống theo dõi điểm mù (BSM) 274
Chức năng theo dõi điểm mù ..276
Hiển thị áp suất lốp 498
Hiển thị thông tin hệ thống hỗ trợ lái xe 109, 120
Hiển thị thông tin lái 108, 120
Hỗ trợ bám làn đường (LTA) 236
Hoạt động 236
Hỗ trợ nhận diện biển báo (RSA)

.....246
Hỗ trợ xuống xe an toàn.....279
Hốc để đồ trên cửa xe 429
Hộp dầm 430
Hộp đựng đồ 429
Hộp đựng đồ trên trần xe.....432
Hộp đựng đồ vặt 432
Hộp số
Hộp số tự động 191
Nếu không thể chuyển số khỏi vị trí P.....192
Hộp số thường 194
Chế độ S.....193
Hộp số thường 194
Hộp số tự động 191
Nếu không thể chuyển số khỏi vị trí P.....192
Chế độ S.....193
Hướng dẫn chạy rà 175

K

Két nước 484
Khay mở 434
Khóa bảo vệ trẻ em 141
Khóa cửa
Cửa bên 136
Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh.....136
Điều khiển từ xa 132
Khóa điện (công tắc động cơ) 184, 186
Chức năng tự động tắt nguồn .189
Thay đổi chế độ của công tắc động cơ.....189
Thay đổi vị trí công tắc động cơ 185
Nếu phải dừng xe trong trường hợp khẩn cấp.....526
Khởi động động cơ.....184, 186
Khóa tay lái 184, 187
Khóa vô lăng
Nút nhả khóa 184, 187
Thông điệp cảnh báo của hệ thống thống khóa vô lăng 187
Khởi tạo
Các hạng mục cần khởi tạo....624
Cửa sổ điện.....162
Hệ thống cảnh báo áp suất lốp 498
Kích
Kích trên xe.....558
Kích thước 586
Kính cửa sổ
Cửa sổ điện.....162

L

Lẫy/cần
Lẫy khóa phụ 473
Lẫy nhả khóa nắp capô 473
Cần chuyển số 191, 194
Lẫy nhả khóa vô lăng.....158
Công tắc xi nhan 198
Cần gạt nước 215
Lái xe
Hướng dẫn chạy rà 175
Tư thế lái xe đúng 29
Công tắc chọn chế độ lái xe ...374
Lời khuyên khi lái xe ở chế độ Eco 408
Quy trình lái xe 173
Lời khuyên khi lái xe trong mùa đông.....405
LDA (Hệ thống cảnh báo lệch làn) 241
Hoạt động 241
Lốp bị xịt hơi 557
Hệ thống cảnh báo áp suất lốp 498
Lốp dự phòng
Vị trí cất lốp 558
Lốp đi tuyết 405
Lốp xe 496

Xích quấn lốp 407
Kiểm tra.....496
Nếu xe bị xịt lốp 557
Áp suất lốp.....508, 603
Thay thế 557
Đảo lốp.....497
Cỡ lốp 603
Lốp đi tuyết 405
Lốp dự phòng.....557
Chức năng hiển thị áp suất lốp498
Hệ thống cảnh báo áp suất lốp 498
Đèn cảnh báo 545
Lời khuyên khi lái xe ở chế độ Eco 408
Lời khuyên khi lái xe trong mùa đông.....405
LTA (Hỗ trợ bám làn đường) 236
Hoạt động 236

M

Màn hình
Hệ thống BSM (Theo dõi điểm mù).....275
Màn hình hiển thị mức tiêu hao nhiên liệu.....127
Hệ thống điều khiển chạy tự động 259, 263
Thông tin lái xe.....108, 120
Màn hình đa thông tin 106, 116
Chức năng phanh hỗ trợ đỗ xe (người đi bộ ở phía sau xe bạn) 307
Chức năng phát hiện bằng camera phía sau (RCD).....296
Chức năng cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau (RCTA) ..290
Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota 283
Các thông điệp cảnh báo.....550
Màn hình hiển thị mức tiêu hao nhiên liệu 127
Màn hình liên kết với hệ thống âm thanh.....109
Màn hình đa thông tin 106, 116
Màn hình liên kết với hệ thống âm thanh 109, 120
Thay đổi nội dung hiển thị.....107, 118
Hệ thống điều khiển chạy tự động 259, 263
Nội dung hiển thị.....106, 116
Hiển thị thông tin lái 108, 120
Hiển thị thông tin hệ thống hỗ trợ lái xe 109, 120
Đèn chỉ báo lái Eco.....108, 119
Ngôn ngữ 113, 125
LDA (Hệ thống cảnh báo lệch làn) 241
Các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô 107, 117
PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm).....227
Màn hình pop-up 113, 125
RSA (Hỗ trợ nhận diện biển báo) 246
Cài đặt.....111, 122
Chức năng gợi ý.....115, 126
Áp suất lốp.....498
Cảm biến hỗ trợ đỗ xe Toyota 283
Đơn vị đo.....113, 125
Hiển thị thông tin xe 109
Các thông điệp cảnh báo.....550
Mức tiết kiệm nhiên liệu hiện tại 108, 119
Mức tiết kiệm nhiên liệu trung bình 108, 119
Móc treo áo.....451
Móc treo túi để đồ.....451

N

Nắp capô
Nắp capô.....473

Mở 473
Nạp nhiên liệu 217
Dung tích 591
Loại nhiên liệu 591
Mở nắp bình nhiên liệu 218
Ngăn để chai 432
Ngăn để cốc 430
Ngăn để vé 434
Ngăn đựng găng tay 430
Ngôn ngữ (Màn hình đa thông tin) 113, 125
Nhiên liệu
Đồng hồ đo nhiên liệu .94, 97, 101
Hệ thống cắt bơm nhiên liệu ...534
Nếu xe bị hết nhiên liệu và động cơ chết máy 582
Thông tin về nhiên liệu 607
Nạp nhiên liệu 217
Đèn cảnh báo 545
Nhiệt độ bên ngoài xe ... 94, 97, 101
Những điều mà bạn nên biết
Nếu bạn cảm thấy có điều gì đó bất thường.....371
Nước làm mát
Dung tích 596
Kiểm tra.....482
Chuẩn bị và kiểm tra xe trước mùa đông.....405
Đèn cảnh báo 536
Nước làm mát động cơ
Dung tích 596
Kiểm tra.....482
Chuẩn bị và kiểm tra xe trước mùa đông.....405
Đèn cảnh báo 536
Núm điều chỉnh cân bằng đèn pha loại thường 209
Nút "SOS" 69, 72, 75

O

Ổ cắm điện (220 VAC) 438
Ổ điện (12 VDC) 437

P

PCS (Hệ thống cảnh báo tiền va chạm)
Chức năng.....227
Đèn cảnh báo 537
Phanh
Chức năng giữ phanh.....204
Dung dịch 602
Phanh đỗ.....199, 200
Đèn cảnh báo 535
Phanh giảm va chạm thứ cấp ...399
Phanh hỗ trợ đỗ xe (PKSB).....299
Phanh đỗ
Hoạt động 199, 200
Chuông cảnh báo gài phanh đỗ 203
Đèn cảnh báo 543
Thông điệp cảnh báo 202

R

Rửa và đánh bóng xe 454
Rửa kính
Kiểm tra.....488
Thông điệp cảnh báo mức nước rửa kính thấp 488, 550
Chuẩn bị và kiểm tra xe trước mùa đông.....405
Công tắc.....215
RSA (Hỗ trợ nhận diện biển báo) 246

S

Sa lầy
Nếu xe bị sa lầy 583
Sạc không dây 443
Số nhận dạng
Động cơ.....588

Số xe 586
Số nhận dạng xe (VIN) 586

T

Tấm chắn nắng 437
Tay quay kích 558
Thảm trải sàn xe 28
Thay thế
Pin chìa khóa điện tử 513
Cầu chì.....515
Bóng đèn.....518
Lốp xe 557
Pin của điều khiển từ xa 513
Theo dõi đa địa hình 309
Cách bật màn hình.....314
Nếu bạn cảm thấy có điều gì đó bất thường.....371
Màn hình hiển thị.....310
Thông số kỹ thuật.....586
Thông tin hành trình.....109, 120
Thời gian trôi qua.....109, 120
Tín hiệu phanh khẩn cấp 399
Tính năng tùy chọn cá nhân.....609
Tốc độ trung bình của xe ..109, 120
Tự bảo dưỡng 471
Tựa đầu.....155
Tựa tay 450
TRC (Hệ thống điều khiển lực kéo) 399
Trợ lực lái
Đèn cảnh báo 537
Trợ lực lái bằng điện (EPS)
Chức năng.....399
Đèn cảnh báo 537
Trong trường hợp khẩn cấp
Nếu chuông cảnh báo kêu.....535
Nếu đèn cảnh báo sáng lên....535
Nếu một thông điệp cảnh báo được hiển thị 550
Nếu chìa khóa điện tử không hoạt động chính xác.....570
Nếu động cơ không khởi động được 568
Nếu ắc quy bị hết điện 573
Nếu xe bị ngập nước hoặc nước trên đường đang dâng lên.....528
Nếu xe bị xịt lốp 557
Nếu bạn đánh mất chìa khóa..570
Nếu xe bị hết nhiên liệu và động cơ chết máy 582
Nếu có điều gì đó bất thường..533
Nếu xe bị sa lầy 583
Nếu phải dừng xe trong trường hợp khẩn cấp 526
Nếu xe cần được kéo 529
Nếu xe quá nhiệt.....579
Túi khí.....36
Hệ thống bật-tắt túi khí bằng tay 44
Các điều kiện kích hoạt túi khí ..37
Các lưu ý về túi khí đối với trẻ em 39
Đèn cảnh báo hệ thống túi khí536
Tư thế lái xe đúng 29
Các điều kiện kích hoạt túi khí rèm 38
Các lưu ý với túi khí rèm 39
Các lưu ý chung với túi khí.....39
Vị trí lắp túi khí 36
Sửa đổi và tiêu hủy túi khí 42
Các điều kiện kích hoạt túi khí bên 38
Các lưu ý với túi khí bên.....39
Các điều kiện kích hoạt túi khí bên và túi khí rèm 38
Các lưu ý với túi khí bên và túi khí rèm.....39
Túi khí 36
Đèn cảnh báo túi khí.....536
Túi khí bảo vệ đầu gối 36
Túi khí bên 36
Túi khí rèm 36

V

Vành xe.....509
Thay vành 557
Vệ sinh.....454, 457
Vành nhôm.....454
Bên ngoài xe.....454
Bên trong xe.....457
Cảm biến ra đa 275
Đai an toàn.....457
Vi sai
Dầu 601
Vi sai ngắt tự động 377
Vô lăng 158
Điều chỉnh 158
Bộ sưởi vô lăng 425
Các công tắc điều khiển đồng hồ táp lô.....107, 117
VSC (Hệ thống điều khiển ổn định xe) 398

X

Xích quấn lốp 407

Để biết thông tin liên quan đến thiết bị được liệt kê bên dưới, hãy tham khảo tài liệu "Hướng dẫn sử dụng hệ thống đa phương tiện".

Hệ thống điều khiển bằng giọng nói
Hệ thống âm thanh
Hệ thống camera quan sát phía sau
Màn hình góc nhìn toàn cảnh

Chứng nhận

Khóa cửa từ xa



Hệ thống mở khóa và khởi động thông minh



Cảm biến sóng ra đa sóng ngắn



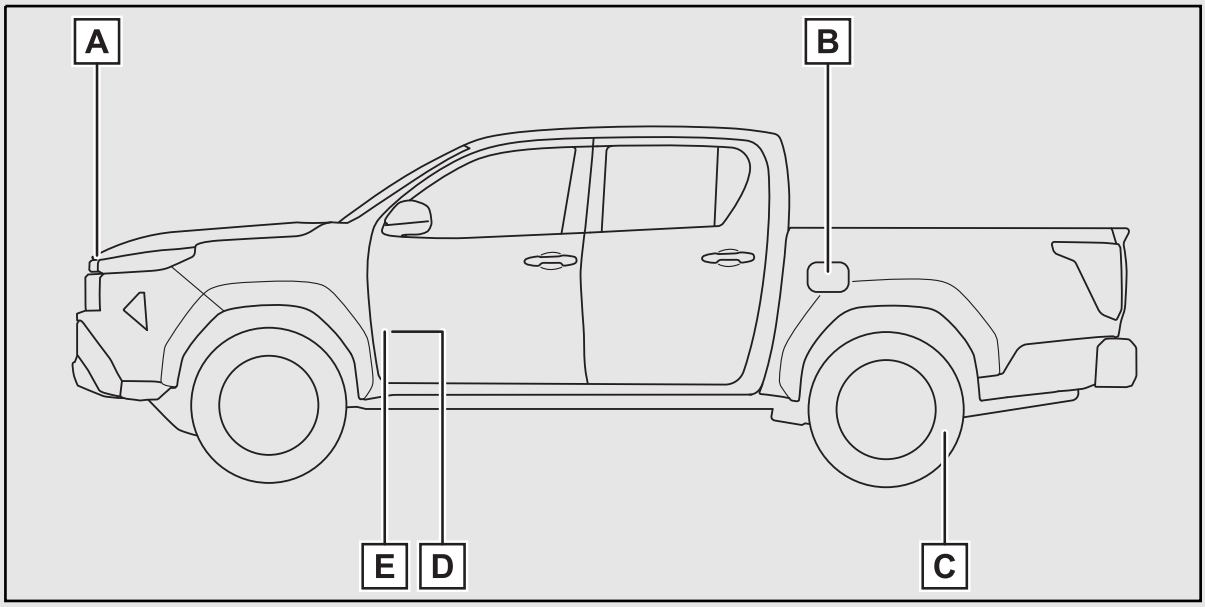
VN 03

Hệ thống BSM (Theo dõi điểm mù)



C3-715-1

THÔNG TIN TRẠM NHIÊN LIỆU



A Lẫy khóa phụ (→P.473)

B Cửa nạp nhiên liệu (→P.218)

C Áp suất lốp (→P.603)

D Bộ mở cửa nạp nhiên liệu (→P.218)

E Lẫy nhả khóa nắp capô (→P.473)

Dung tích bình nhiên liệu (Tham khảo)	80 L
Loại nhiên liệu	P.591
Áp suất lốp khi nguội	P.603
Dung tích dầu động cơ (xả ra và nạp lại — tham khảo)	P.591
Loại dầu động cơ	P.591